# C.MÁC
# VÀ
# H.ĂNG-GHE
## TOÀN TẬP
# 8

TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN XUẤT BẢN
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 3 K1
CTQG-2004

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

| | |
|---|---|
| GS. Nguyễn Đức Bình | Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng |
| GS. Đặng Xuân Kỳ | Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng |
| GS.PTS. Trần Ngọc Hiên | Phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, ủy viên |
| PGS. Hà Học Hợi | Phó trưởng ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, ủy viên |
| GS.PTS. Phạm Xuân Nam | Phó Viện trưởng Viện khoa học xã hội Việt Nam, ủy viên |
| GS. Trần Nhâm | Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản chính trị quốc gia, ủy viên |
| GS. Trần Xuân Trường | Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị – quân sự, ủy viên |


# C. MÁC

VÀ

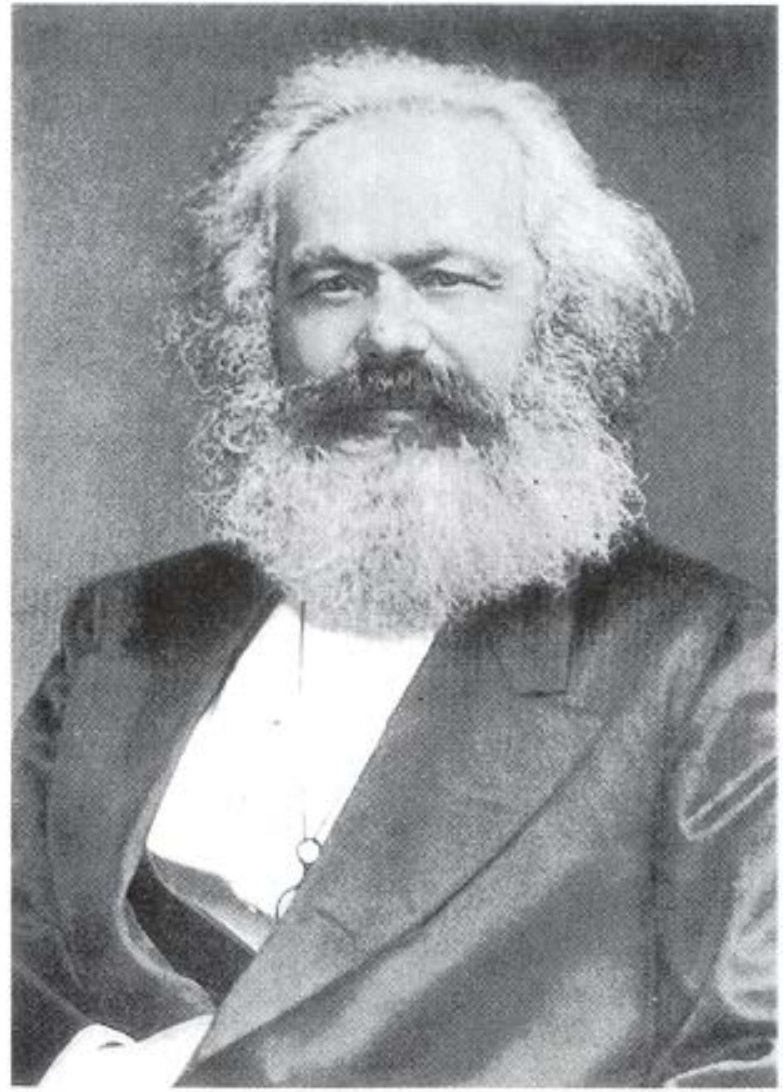
# PH. ĂNG-GHEN

## TOÀN TẬP

## TẬP 8

## (THÁNG TÁM 1851 – THÁNG BA 1853)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2004



Karl Marx



F. Engels

# LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 8 của bộ Toàn tập C.Mác về Ph.Ăng-ghen bao gồm các tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong thời gian từ tháng Tám 1851 đến tháng Ba 1853. Đó là thời kỳ cách mạng thoái trào và các thế lực phản động hoành hành. Chúng tiến hành các cuộc chính biến, đàn áp những người cách mạng, xóa bỏ dần những thành quả dân chủ của thời kỳ 1848 - 1849.

Vượt qua những khó khăn và phức tạp của tình hình, hai nhà kinh điển tiếp tục kết hợp công tác lý luận với hoạt động chính trị, lấy lý luận chỉ đạo thực tiễn nhằm bảo toàn và tích lũy lực lượng cách mạng, đồng thời dựa vào tổng kết thực tiễn để bổ sung và phát triển lý luận.

Trong các tác phẩm viết vào thời kỳ này, đặc biệt là tác phẩm "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" của Ph.Ăng-ghen, "Ngày mười tám tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" của C.Mác, các tác giả đã phân tích rõ tính chất, động lực của cách mạng ở Đức và ở Pháp, đã phản ánh nhiệt tình cách mạng của quần chúng công nông, tính dao động và hèn nhát của các lãnh tụ phái dân chủ tiểu tư sản, sự bất lực cũng như sự phản bội của giai cấp tư sản, bản chất phản động của nhà nước Phổ v.v. qua đó hoàn thiện thêm một bước học thuyết về liên minh công nông và về nhà nước cũng như một loạt vấn đề lý luận quan trọng khác của chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Cùng với những hoạt động quan trọng vừa nêu trên, từ cuối năm 1850, C.Mác tiếp tục những công trình nghiên cứu về phê phán khoa kinh tế chính trị tư sản mà ông đã bắt đầu từ những năm 40.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, tập 8, do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1957. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 6 – 1993

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

## PH.ĂNG-GHEN

# CÁCH MẠNG VÀ PHẢN CÁCH MẠNG Ở ĐỨC[1]

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Tám 1851 - tháng Chín 1852*
*Đã đăng trên báo "New – York Daily Tribune" ngày 25 và 28 tháng Mười, ngày 6,7,12 và 28 tháng Mười một 1851; ngày 27 tháng Hai, ngày 5,15,18 và 19 tháng Ba, ngày 9,17 và 24 tháng Tư, 27 tháng Bảy, 19 tháng Tám, 18 tháng Chín, ngày 2 và 23 tháng Mười 1852*
*Ký tên: C á c  M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

# I
# NƯỚC ĐỨC VÀO ĐÊM TRƯỚC CÁCH MẠNG

Màn đầu của tấn kịch cách mạng trên lục địa châu Âu đã chấm dứt. "Những quyền lực cũ", tồn tại trước cơn bão tập năm 1848, lại trở thành "những quyền lực ngày nay", còn những kẻ làm chủ một giờ ít nhiều nổi tiếng, những quan nhiếp chính lâm thời, những bộ ba chấp chính, những nhà độc tài, cùng với nguyên cả đám tùy tùng của họ như các nghị sĩ, ủy viên dân chính và quân sự, quận trưởng, thẩm phán, tướng lĩnh, sĩ quan và binh lính, tất cả đều bị ném sang các bờ biển nước ngoài và "chở qua bên kia các đại dương", đến nước Anh hay nước Mỹ. Ở đó, họ bắt đầu thành lập những chính phủ mới "in partibus infidelium"[1], những ủy ban châu Âu, những ủy ban trung ương, những ủy ban dân tộc, rồi tuyên bố việc thành lập những tổ chức ấy bằng những tuyên ngôn trang trọng không kém gì tuyên ngôn của những kẻ cầm quyền ít huyền hoặc hơn.

Thật khó có thể tưởng tượng được một thất bại nào nặng nề hơn là thất bại của đảng cách mạng, hay nói cho đúng hơn là của các đảng cách mạng ở trên lục địa, trên khắp mọi nơi của trận tuyến. Nhưng như vậy là thế nào? Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản Anh để giành quyền thống trị về xã hội và chính trị há

1* - Ở ngoài thực tại, ở nước ngoài (nguyên văn: "ở đất nước của những người dị giáo" - phần viết thêm vào chức danh của các giám mục Thiên chúa giáo được cử giữ chức vụ hoàn toàn có tính chất danh nghĩa của các giám mục ở các nước không theo đạo Cơ Đốc).

chẳng đã diễn ra suốt 48 năm và cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản Pháp há chẳng đã diễn ra suốt 40 năm chiến đấu phi thường đó sao? Liệu có lúc nào giai cấp tư sản lại tiến đến gần thắng lợi bằng lúc mà nền quân chủ phục tích đã tưởng được xác lập vững chắc hơn bao giờ hết? Những thời đại trong đó quan điểm mê tín đã coi những cuộc cách mạng là ác ý của một dúm những nhà cổ động, đã qua hẳn rồi. Ngày nay, ai cũng biết rằng đằng sau bất cứ một biến động cách mạng nào cũng nhất thiết phải có một nhu cầu xã hội nào đó mà những thiết chế lỗi thời ngăn trở không cho được thỏa mãn. Có thể là nhu cầu ấy chưa được người ta cảm thấy một cách khá sâu sắc, khá phổ biến để đảm bảo cho thắng lợi ngay tức khắc; nhưng bất cứ mưu toan nào định đàn áp nó bằng bạo lực cũng chỉ làm cho nó lại nảy sinh ra càng mạnh mẽ hơn, cho đến khi cuối cùng, nó bứt tung được xiềng xích trói buộc nó. Vì vậy, nếu chúng ta có bị đánh bại thì chúng ta không có cách nào khác là làm lại từ đầu. Và may mắn là ở giữa cuối màn thứ nhất và đầu màn thứ hai của phong trào, lại có một thời gian nghỉ ngơi, chắc chắn là rất ngắn, để cho chúng ta có thể làm được một công việc hết sức cần thiết: nghiên cứu những nguyên nhân đã làm cho phong trào vừa qua tất yếu phải nổ ra, cũng như đã làm cho nó thất bại; những nguyên nhân mà người ta không nên tìm ở những cố gắng, ưu điểm, khuyết điểm, sai lầm hay sự phản bội ngẫu nhiên của một vài lãnh tụ, mà phải tìm trong xã hội chung và trong những điều kiện tồn tại của mỗi một nước đã kinh qua sự biến động. Ai nấy đều thừa nhận rằng những phong trào nổ ra đột ngột vào tháng Hai và tháng Ba 1848 không phải là công trình của những cá nhân riêng lẻ, mà là những biểu hiện tự phát, không cưỡng lại được của những yêu cầu và nhu cầu dân tộc mà đông đảo các giai cấp trong tất cả các nước hiểu được nhiều hay ít, nhưng lại cảm thấy rất rõ ràng; song khi tìm hiểu những nguyên nhân thành công của phe phản cách mạng thì ở khắp mọi nơi, các bạn đều nghe thấy một câu trả lời đã có sẵn rằng hình như đó là một ông A hay một công dân B đã "phản bội" nhân dân. Câu trả lời ấy có thể đúng hoặc sai, tùy từng trường hợp; nhưng không bao giờ nó giải thích được điều gì và cũng không làm cho chúng ta hiểu vì sao "nhân dân" lại để cho người ta phản bội như vậy. Nếu như cả cái vốn liếng chính trị của một chính đảng chỉ là ở chỗ biết mỗi một điều là người này hoặc người kia không đáng tin cậy thì mọi tương lai của nó sẽ mờ mịt biết bao.



Ngoài ra, việc nghiên cứu và trình bày những nguyên nhân của sự bùng nổ cách mạng cũng như của sự trấn áp nó, lại còn có ý nghĩa trọng đại về phương diện lịch sử nữa. Tất cả những cuộc cãi lộn và xỉ vả lẫn nhau một cách nhỏ nhen và cá nhân, tất cả những lời khẳng định trái ngược nhau cho rằng Ma-ra-xtơ hay Lơ-đruy-Rô-lanh, hay Lu-i Blăng, hay một thành viên nào khác của chính phủ lâm thời, hay tất cả bọn họ đã đưa cách mạng vào giữa những ghềnh đá làm cho nó đắm chìm thì có ích lợi gì, có đem lại ánh sáng gì cho một người Mỹ hoặc một người Anh đã quan sát các phong trào khác nhau ấy từ quá xa nên không thể phân biệt được một chi tiết nào cả của những biến cố? Không một người nào biết phải trái lại có thể tin được rằng chỉ có 11 người[1*], phần lớn đều là những nhân vật rất tầm thường và rất ít có tài làm những việc đại thiện cũng như đại ác, lại có thể, trong vòng ba tháng, làm phá sản được một dân tộc 36 triệu người, trừ phi là cả 36 triệu người đó cũng lầm lạc như 11 người kia. Làm sao mà cả 36 triệu người ấy, dù có một bộ phận còn lẩn mò trong bóng tối, bỗng nhiên lại có nhiệm vụ tự mình quyết định con đường mình phải theo, và làm sao mà sau đó, họ lại lầm lạc và làm sao mà những kẻ cầm quyền cũ của họ lại tạm thời trở lại nắm được quyền lãnh đạo, - vấn đề là ở chính chỗ đó.

Vậy nếu chúng tôi muốn thử trình bày với các bạn đọc của tờ "Tribune"[2] những nguyên nhân đã tất yếu gây nên cuộc cách mạng Đức năm 1848, cũng như tất yếu dẫn tới việc nó nhất thời bị đàn áp vào những năm 1849 và 1850 thì các bạn cũng đừng mong rằng chúng tôi sẽ miêu tả toàn bộ những sự kiện đã diễn ra ở

1* - các thành viên của Chính phủ lâm thời Pháp

nước Đức. Những biến cố sau đó và sự xét đoán của các thế hệ tương lai sẽ cho phép quyết định xem chính bộ phận nào trong cái đống những sự kiện có vẻ ngẫu nhiên, không có liên hệ với nhau và mâu thuẫn nhau ấy, phải được ghi vào lịch sử toàn thế giới như một bộ phận cấu thành. Hiện giờ chưa phải là lúc làm một việc như vậy; chúng tôi phải đứng trong phạm vi có thể làm được và lấy làm mãn nguyện nếu tìm ra được những nguyên nhân hợp lý dựa trên những sự kiện không chối cãi được, để giải thích những biến cố chủ yếu nhất và những bước ngoặt quyết định của phong trào ấy và rút ra được một sự chỉ dẫn về phương hướng mà cuộc bùng nổ sắp tới, có lẽ cũng chẳng còn xa nữa, sẽ buộc dân tộc Đức phải đi theo.

Vậy trước hết, tình hình nước Đức ngay trước lúc nổ ra cách mạng, là như thế nào ?

Lúc bấy giờ, thành phần các giai cấp khác nhau trong nhân dân tạo thành nền tảng của mọi tổ chức chính trị ở Đức thì phức tạp hơn ở mọi nước khác. Trong khi ở Anh và ở Pháp, chế độ phong kiến đã bị giai cấp tư sản giàu và mạnh, tập trung trong các thành thị lớn và đặc biệt là ở thủ đô, xóa bỏ hoàn toàn hoặc ít ra, như ở Anh, cũng chỉ còn là một số tàn tích không đáng kể, thì ở Đức, giai cấp quý tộc phong kiến vẫn còn giữ được phần lớn những đặc quyền cũ của nó. Chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến còn thống trị ở hầu khắp mọi nơi. Các lãnh chúa phong kiến còn giữ được cả quyền xét xử những nông dân phụ thuộc của họ. Tuy mất đặc quyền chính trị, - tức là quyền kiểm soát các quốc vương, -nhưng họ vẫn giữ được hầu hết mọi quyền thống trị trung cổ của họ đối với nông dân ở trong lãnh địa của họ, và cả quyền được miễn thuế nữa. Trong một số miền, chế độ phong kiến có mạnh hơn ở trong một số miền khác, nhưng trừ tả ngạn sông Ranh ra thì chưa ở đâu, chế độ ấy bị hoàn toàn tiêu diệt. Giai cấp quý tộc phong kiến ấy, lúc bấy giờ rất đông đảo và có khi rất giàu có, được chính thức xem là "đẳng cấp" đứng đầu trong nước. Nó cung cấp những quan lại cao cấp cho nhà nước và chiếm hầu hết những chức vụ sĩ quan trong quân đội.



Giai cấp tư sản Đức không giàu có và thống nhất bằng giai cấp tư sản Pháp hoặc Anh. Những ngành công nghiệp cũ của Đức đã bị việc du nhập máy hơi nước và ưu thế đang phát triển nhanh chóng của công nghiệp Anh làm cho phá sản. Những ngành công nghiệp hiện đại hơn được xây dựng ở những miền khác trong nước nhờ chính sách phong tỏa của lục địa của Na-pô-lê-ông[3] vẫn không bù đắp được những mất mát của các ngành công nghiệp cũ và không đủ làm cho công nghiệp được chú ý đến mức khả dĩ bắt buộc các chính phủ vốn thù ghét mọi sự tích lũy của cải và quyền lực của các tầng lớp không phải là quý tộc, phải tính đến nhu cầu của nó. Nếu nước Pháp đã đưa nền công nghiệp tơ lụa của mình vượt qua được một cách thắng lợi tất cả những thử thách của năm mươi năm cách mạng và chiến tranh, thì nước Đức, cũng trong khoảng thời gian ấy, lại đã mất hầu như gần hết công nghiệp bông vải sợi cũ của mình. Ngoài ra, những khu công nghiệp thì không nhiều, lại ở rải rác xa nhau. Do nằm sâu trong nội địa, những khu công nghiệp ấy lại chủ yếu sử dụng những hải cảng nước ngoài như của Hà Lan hay của Bỉ để nhập khẩu và xuất khẩu, nên chúng có ít hoặc không có những lợi ích chung với các hải cảng lớn ở miền biển Ban-tích và ở biển Bắc; nhưng cái chính là những khu công nghiệp ấy đã không có khả năng tạo nên được những trung tâm công nghiệp và thương mại lớn như Pa-ri và Li-ông, Luân Đôn và Man-se-xtơ. Tình trạng lạc hậu đó của công nghiệp Đức có nhiều nguyên nhân, nhưng để giải thích tình trạng lạc hậu đó chỉ cần vạch ra hai nguyên nhân là đủ: vị trí địa lý không thuận lợi của nước Đức, nó ở xa Đại Tây Dương - một con đường lớn của thương mại quốc tế, - và những cuộc chiến tranh liên miên mà nước Đức đã bị lôi cuốn vào ở ngay trên lãnh thổ của mình suốt từ thế kỷ XVI đến nay. Số lượng ít ỏi và nhất là tình trạng không tập trung của giai cấp tư sản Đức đã cản trở nó giành được bá quyền chính trị mà giai cấp tư sản Anh đã có từ năm 1688 và giai cấp tư sản Pháp đã đoạt được vào năm 1789. Mặc dầu thế, từ năm 1815, của cải và cùng với của cải là ảnh hưởng chính trị của giai cấp tư sản Đức vẫn không ngừng tăng

lên. Các chính phủ, dù không muốn, cũng bắt buộc ít ra là phải tính đến những lợi ích vật chất trực tiếp của giai cấp tư sản. Thậm chí có thể nói thẳng ra rằng từng mẩu ảnh hưởng chính trị nhượng cho giai cấp tư sản trong các hiến pháp của các tiểu bang, đều đã bị tước đoạt trở lại trong những thời kỳ phản động chính trị từ năm 1815 đến năm 1830 và từ năm 1832 đến năm 1840, và từng mẩu ảnh hưởng ấy lại được đền bù bằng một sự nhượng lại một lợi ích thiết thực hơn. Mỗi một thất bại chính trị của giai cấp tư sản đều dẫn đến một thắng lợi trong lĩnh vực pháp chế thương mại. Và dĩ nhiên là đối với các nhà thương mại và công nghiệp Đức, biểu thuế quan bảo hộ của nước Phổ năm 1818 và sự thành lập Liên minh thuế quan[4] còn có nhiều giá trị hơn là cái quyền hạn không rành rọt là có thể phát biểu ở những nghị viện của một công quốc nhỏ nào đó sự không tín nhiệm của họ đối với những bộ trưởng chẳng thèm đếm xỉa gì đến những biểu quyết của họ cả. Như vậy là với của cải tăng thêm và hoạt động thương mại ngày càng mở rộng, giai cấp tư sản chẳng bao lâu đã bước vào thời kỳ mà nó nhận thấy rằng sự phát triển của những lợi ích quan trọng nhất của nó bị cản trở bởi cơ cấu chính trị của đất nước, bởi tình trạng chia năm, xẻ bảy của đất nước giữa ba mươi sáu vương hầu có những nguyện vọng và sở thích đối lập nhau, bởi những xiềng xích phong kiến trói buộc nông nghiệp và trói buộc nền thương nghiệp gắn liền với nông nghiệp, bởi sự kiểm soát xoi mói mà một bộ máy quan liêu ngu dốt và hống hách thi hành đối với tất cả những giao dịch của nó. Đồng thời, việc mở rộng và củng cố Liên minh thuế quan, việc áp dụng phổ biến máy hơi nước vào những phương tiện vận tải, sự cạnh tranh ngày càng tăng ở thị trường nội địa, - tất cả những cái đó đã làm cho các giai cấp thương nhân và công nghiệp của các bang và tỉnh khác nhau gần gũi nhau, đã làm cho quyền lợi của họ trở thành nhất trí và lực lượng của họ tập trung lại. Một hậu quả tự nhiên của điều đó là cả bọn họ đã chạy sang phe đối lập tự do chủ nghĩa và giai cấp tư sản Đức đã thu được thắng lợi trong cuộc đấu tranh quan trọng đầu tiên để giành quyền chính trị. Có thể coi sự biến



chuyển đó là bắt đầu vào năm 1840, khi mà giai cấp tư sản Phổ nắm được quyền lãnh đạo phong trào tư sản ở Đức. Sau này, chúng tôi sẽ còn bàn về phong trào ấy của phái đối lập - tự do chủ nghĩa vào những năm 1840 - 1847.

Bộ phận quần chúng cơ bản của dân tộc, những người không thuộc tầng lớp quý tộc, cũng không thuộc giai cấp tư sản, là gồm giai cấp tiểu thủ công, tiểu thương và công nhân, ở thành thị, và gồm nông dân, ở nông thôn.

Ở Đức, giai cấp tiểu thủ công và tiểu thương thì rất đông vì sự phát triển của giai cấp đại tư bản và đại công nghiệp ở đó yếu. Trong những thành thị lớn hơn, giai cấp ấy hầu như chiếm đại đa số trong dân cư, trong những thành thị nhỏ, nó chiếm ưu thế tuyệt đối vì không có kẻ cạnh tranh có thế lực hơn và giàu có hơn. Đóng một vai trò hết sức quan trọng trong tất cả các quốc gia hiện đại và trong tất cả mọi cuộc cách mạng hiện đại, giai cấp ấy lại đặc biệt quan trọng ở Đức, nơi mà nó thường đóng vai trò quyết định trong cuộc đấu tranh gần đây. Địa vị trung gian của nó ở giữa giai cấp tư sản lớn hơn, - những nhà công thương nghiệp, giai cấp tư sản theo nghĩa riêng của từ này, - và giai cấp vô sản hay giai cấp công nhân công nghiệp, quyết định tính chất riêng của nó. Nó thêm ngoi lên địa vị của giai cấp tư sản, nhưng chỉ một rủi ro nhỏ cũng đẩy những cá nhân trong giai cấp tiểu tư sản ấy vào hàng ngũ của giai cấp vô sản. Trong những nước quân chủ và phong kiến, giai cấp tiểu thủ công và tiểu thương sở dĩ tồn tại được là nhờ những khách hàng trong triều đình và trong giai cấp quý tộc; mất mối khách hàng này thì một bộ phận lớn của giai cấp ấy sẽ bị phá sản. Trong những thành thị nhỏ hơn thì một đơn vị đồn trú, một cơ quan chính quyền địa phương, một toà án với đám tuỳ tùng của nó, thường là nền tảng của sự phồn thịnh của giai cấp ấy, xoá bỏ những thiết chế ấy đi thì cũng đi đời những chủ hiệu nhỏ, thợ may, thợ đóng giày, thợ mộc. Vì vậy nó luôn luôn ngả nghiêng giữa hy vọng vươn lên hàng ngũ giai cấp giàu có hơn và nỗi lo sợ bị rơi xuống địa vị của giai cấp vô sản hoặc thậm chí xuống thành những người cùng khổ, giữa hy

vọng đảm bảo lợi ích của mình bằng cách giành lấy một phần quyền lãnh đạo công việc nhà nước và nỗi kinh sợ là nếu đối lập không đúng lúc sẽ gây nên sự tức giận của cái chính phủ quyết định sinh mệnh của mình vì chính phủ có thể tước mất những khách hàng quý nhất của mình. Nó có một tài sản rất nhỏ bé, mà số lượng của tài sản này là tỷ lệ nghịch với tính không bền vững của nó. Hậu quả của tất cả những điều đó là những quan điểm của giai cấp này rất bấp bênh. Khúm núm và phục tùng hèn hạ trước một chính quyền phong kiến hay quân chủ mạnh, giai cấp ấy nghiêng về chủ nghĩa tự do khi giai cấp tư sản đang đi lên; nó có nhiều cơn bột phát dân chủ chủ nghĩa ngay khi giai cấp tư sản nắm được quyền thống trị, nhưng khi giai cấp vô sản, tức là giai cấp bên dưới nó, triển khai một phong trào độc lập thì nó lại rơi vào chính tình trạng hèn hạ thảm hại. Trong quá trình trình bày, chúng ta sẽ thấy giai cấp ấy ở Đức lần lượt chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác như thế nào.

Giai cấp công nhân ở Đức, trong quá trình phát triển xã hội và chính trị của mình, cũng lạc hậu so với giai cấp công nhân Anh, Pháp, giống như giai cấp tư sản Đức so với giai cấp tư sản của các nước ấy. Thấy nào thì tó ấy. Sự tiến triển của những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của một giai cấp vô sản đông đúc, mạnh mẽ, tập trung và giác ngộ thì đi song song với sự tiến triển của những điều kiện tồn tại của một giai cấp tư sản đông đúc, giàu có, tập trung và mạnh mẽ. Bản thân phong trào công nhân không bao giờ trở thành một phong trào độc lập, không bao giờ mang tính chất triệt để vô sản, chừng nào các bộ phận khác nhau của giai cấp tư sản, nhất là bộ phận tiến bộ nhất của nó là các nhà đại công nghiệp, chưa giành được chính quyền và cải biến nhà nước theo nhu cầu của họ. Chính lúc ấy là lúc mà sự xung đột tất yếu giữa chủ và thợ mới trở nên không tránh khỏi và không thể trì hoãn được, lúc ấy người ta không thể tiếp tục nuôi những hy vọng hão huyền trong công nhân và đưa ra những lời hứa hẹn chẳng bao giờ được thực hiện; mà cuối cùng, vấn đề lớn của thế kỷ XIX, vấn đề xóa bỏ giai cấp vô sản, mới được đưa ra, một cách



hoàn toàn đầy đủ, rõ ràng. Nhưng ở Đức, đại đa số giai cấp công nhân không làm thuê cho những vua chúa hiện đại của công nghiệp mà nước Anh đã cung cấp những kiểu mẫu tuyệt vời, song lại làm thuê cho các người tiểu thủ công mà tất cả lề lối sản xuất chỉ là tàn dư của thời trung cổ. Và giữa ông vua bông vải sợi lớn và người chủ hiệu giày nhỏ hay bác phó may có sự khác biệt nhau to lớn thế nào thì giữa người công nhân công xưởng rất giác ngộ của những Ba-bi-lon công nghiệp hiện đại với bác thợ may rụt rè hay bác thợ mộc của một thị trấn nhỏ quê mùa, mà điều kiện sinh hoạt và phương thức làm việc không khác mấy những thợ bạn các phường hội cách đây năm thế kỷ, cũng có sự khác biệt như vậy. Không có những điều kiện sinh hoạt hiện đại ấy, những phương thức sản xuất công nghiệp hiện đại ấy, nên dương nhiên là cũng hầu như không có luôn cả những tư tưởng hiện đại. Chính vì thế mà không lấy làm lạ là khi cách mạng nổ ra, một phần lớn công nhân lại lớn tiếng đòi khôi phục ngay những hàng hội và những phường hội có đặc quyền của thời trung cổ. Mặc dù vậy, nhờ ảnh hưởng của các khu công nghiệp, nơi mà hệ thống sản xuất hiện đại chiếm ưu thế và nhờ những khả năng tiếp xúc qua lại dễ dàng và việc mở mang trí tuệ mà lối sống lưu động của một số dông thợ thuyền thúc đẩy, nên giữa họ đã hình thành một hạt nhân mạnh mẽ gồm những phần tử mà những tư tưởng về vấn đề giải phóng giai cấp của họ đều hết sức rành mạch và phù hợp hơn với những sự kiện hiện tại và những nhu cầu lịch sử. Nhưng đó chỉ là một thiểu số. Nếu có thể xem như phong trào tích cực của giai cấp tư sản là bắt đầu từ năm 1840 thì phong trào của giai cấp vô sản lại bắt đầu từ những cuộc khởi nghĩa của công nhân Xi-lê-di và Bô-hêm[1*] năm 1844[3]. Lát nữa, chúng ta sẽ có dịp điểm qua những giai đoạn khác nhau của phong trào ấy.

Sau cùng, còn có giai cấp đông đảo gồm những phéc-mi-ê nhỏ, có nông dân, với đám công nhân nông nghiệp phụ thuộc của mình, là giai cấp chiếm đại đa số trong toàn thể dân tộc. Nhưng bản

1* - Sác

thân giai cấp này lại chia thành nhiều nhóm khác nhau. Trước hết chúng ta thấy đây là những nông dân khá giả - Gross - và Mittelbauern[1*], như ở Đức người ta gọi, họ là chủ nhân của những trang trại ít nhiều rộng lớn và sử dụng sức lao động của một số công nhân nông nghiệp. Đối với giai cấp này, giai cấp nằm giữa một bên là những đại địa chủ phong kiến được miễn thuế với một bên là những nông dân nghèo và công nhân nông nghiệp thì vì những lý do hoàn toàn dễ hiểu, đường lối chính trị tự nhiên nhất của họ là liên minh với giai cấp tư sản chống phong kiến ở các thành thị. Thứ hai, là những người tiểu nông tự do chiếm ưu thế ở vùng Ranh, ở đó chế độ phong kiến đã bị sụp đổ dưới những đòn mãnh liệt của cách mạng Pháp. Rải rác ở các vùng khác, có những tiểu nông tự do, họ đã chuộc lại được các dảm phụ phong kiến xưa kia đè nặng lên đất đai của họ. Nhưng giai cấp này cũng chỉ là nông dân tự do trên danh nghĩa mà thôi, vì tài sản của họ thường đã bị cầm cố đến mức độ và với những điều kiện nặng nề đến nỗi chủ nhân thực sự của ruộng đất không phải là người nông dân tự do nữa, mà kẻ cho vay nặng lãi đã ứng tiền trước cho họ. Thứ ba, là những nông dân phụ thuộc của lãnh chúa phong kiến mà người ta khó lòng đuổi được ra khỏi ruộng đất của họ, nhưng họ phải nộp địa tô vĩnh viễn cho địa chủ hoặc vĩnh viễn làm một công việc nào đó cho địa chủ. Cuối cùng là những công nhân nông nghiệp, thân phận của họ trong nhiều điền trang lớn rất giống thân phận của giai cấp ấy ở Anh, họ bao giờ cũng sống nghèo và chết khổ, thiếu ăn và làm nô lệ cho chủ . Ba tầng lớp sau ấy của dân cư nông nghiệp - những tiểu nông tự do, những nông dân phụ thuộc của lãnh chúa phong kiến và những công nhân nông nghiệp, - trước cách mạng, không bao giờ quan tâm tới chính trị; nhưng rất rõ ràng là cách mạng phải mở ra cho họ một con đường làm ăn mới với những triển vọng rực rỡ nhất. Cách mạng sẽ mang lại cho mỗi giai cấp ấy những lợi ích, cho nên có thể tin rằng tất cả họ sẽ lần lượt tham gia phong trào một khi phong trào đã hoàn

1* - những đại nông và trung nông



toàn triển khai. Nhưng đồng thời điều cũng không kém phần rõ rệt và cũng được lịch sử tất cả các nước tiên tiến chứng minh là dân cư nông nghiệp, vì họ ở rải rác trên một diện tích rất rộng và vì rất khó gây được một sự nhất trí trong một bộ phận đông đảo của họ, nên không bao giờ có thể tiến hành thắng lợi một phong trào độc lập. Họ cần có một sự thúc đẩy ban đầu của những người dân thành thị, sống tập trung hơn, sáng suốt hơn và hoạt động hơn.

Sự phác họa sơ lược ấy về những giai cấp quan trọng nhất hợp thành dân tộc Đức trong lúc nổ ra những phong trào gần đây nhất, cũng đủ để giải thích một phần lớn tính thiếu triệt để và thiếu thống nhất nội bộ cũng như những mâu thuẫn hiển nhiên của những phong trào ấy. Khi những lợi ích khác nhau, đối lập với nhau và chằng chịt với nhau một cách lạ lùng như vậy đi đến chỗ va chạm nhau mãnh liệt; khi những lợi ích chống đối lẫn nhau ấy ở mỗi khu, mỗi tỉnh đã xen lẫn nhau theo những tỷ lệ khác nhau, và nhất là khi trong nước không có một trung tâm lớn như Luân Đôn, như Pa-ri là những trung tâm mà bằng những quyết định có trọng lượng của mình, có thể tránh cho nhân dân khỏi phải luôn luôn dùng đến đấu tranh để giải quyết đi, giải quyết lại cũng vẫn cùng một sự tranh chấp xảy ra ở các địa phương khác nhau - với tất cả những cái đó thì người ta không thể chờ đợi cái gì khác hơn là cuộc đấu tranh sẽ tách rời thành vô số những trận chiến đấu lẻ tẻ và không có liên hệ với nhau, làm tiêu hao biết bao nhiêu máu, bao nhiêu sinh lực và của cải mà vẫn không đem lại được một kết quả quyết định nào.

Cũng có thể giải thích được sự phân chia chính trị của nước Đức thành ba tá quốc gia lớn nhỏ, bằng tình trạng hỗn tạp và phức tạp của những thành phần cấu thành nên dân tộc Đức và những thành phần này, ở mỗi vùng, cá biệt của đất nước, đến lượt mình, cũng lại có đặc điểm đặc biệt. Ở đâu không có lợi ích chung thì ở đó không thể có sự thống nhất về mục đích và càng không thể có sự thống nhất về hành động được. Quả thực Hiệp bang Đức

đã được tuyên bố là vĩnh viễn không bao giờ bị chia sẻ nữa, nhưng mặc dù vậy, Hiệp bang ấy và cơ quan của nó là Quốc hội hiệp bang[6] không hề bao giờ đại biểu cho sự thống nhất của nước Đức. Mức độ tập trung hóa cao nhất đã đạt được ở Đức là sự thành lập Liên minh thuế quan; do đó, các bang ở biển Bắc đã buộc phải thành lập tổ chức liên minh thuế quan riêng của mình[7], còn Áo thì vẫn tiếp tục nấp sau hàng rào thuế quan riêng của nó. Như vậy, về tất cả những mục đích thực tiễn, nước Đức giờ đây lấy làm hài lòng vì chỉ bị chia cắt giữa ba thế lực độc lập với nhau, chứ không phải giữa ba mươi sáu thế lực như trước đây nữa. Đương nhiên là không vì thế mà uy quyền tối cao của Nga hoàng được thiết lập từ năm 1814, bị thay đổi.

Sau khi đã rút ra những kết luận sơ bộ ấy từ những tiền đề của chúng ta, trước hết, chúng ta sẽ nghiên cứu xem các giai cấp khác nhau ấy của nhân dân Đức đã lần lượt bước vào phong trào như thế nào và phong trào đã mang tính chất gì sau khi nổ ra cuộc cách mạng Pháp năm 1848.

Luân Đôn, tháng Chín 1851



# II
# QUỐC GIA PHỔ

Phong trào chính trị của giai cấp trung đẳng hay giai cấp tư sản ở Đức có thể coi là bắt đầu từ năm 1 840. Những triệu chứng báo hiệu đã chỉ ra rằng giai cấp nắm tài chính và công nghiệp nước này đã đạt tới một độ trưởng thành không còn cho phép nó thờ ơ và thụ động trước sự áp bức của một nền quân chủ nửa phong kiến, nửa quan liêu nữa. Những vương hầu nhỏ Đức, một phần vì muốn trở nên độc lập hơn đối với bá quyền của Áo và Phổ hay đối với ảnh hưởng của giai cấp quý tộc trong chính ngay quốc gia của họ, một phần nhằm mục đích tập hợp thành một khối những tỉnh tách rời nhau mà Đại hội Viên[8] đã thống nhất lại dưới quyền thống trị của họ, nên đã lần lượt ban bố những hiến pháp ít nhiều có tính chất tự do chủ nghĩa. Họ có thể làm như thế mà không nguy hiểm gì cho họ: nếu Quốc hội hiệp bang, một con rối đơn thuần nằm trong tay Áo và Phổ, định xâm phạm đến chủ quyền độc lập của họ thì họ biết chắc rằng việc họ chống những mệnh lệnh của Quốc hội hiệp bang sẽ được dư luận quần chúng và các nghị viện bang ủng hộ, còn nếu trái lại, các nghị viện quá mạnh thì họ lại có thể dễ dàng sử dụng quyền lực của Quốc hội hiệp bang để dập tan phái đối lập. Trong những trường hợp đó, những thiết chế hiến pháp của Ba-vi-e, Vuyếc-tem-béc, Ba-đen hay Han-nô-vơ không thể gây ra một cuộc đấu tranh quan trọng để giành chính quyền. Vì vậy, đại bộ phận của giai cấp tư sản Đức nói chung thường đứng ngoài những cuộc tranh chấp nhỏ nhặt trong các nghị viện lập pháp của các tiểu bang, và biết rõ rằng nếu không có một sự thay đổi căn bản trong chính sách và trong chế độ nhà nước của hai cường quốc ở Đức thì mọi nỗ lực

và thắng lợi có tầm quan trọng thứ yếu sẽ không có hiệu quả gì. Nhưng, cũng vào thời kỳ này, ở các nghị viện nhỏ ấy cũng nảy sinh ra một loạt luật sư tự do chủ nghĩa, chuyên làm nghề đối lập, những Rốt-tếch, những Ven-cơ, những Ruê-mơ, những I-oóc-đan, những Stuy-vơ và những Ai-den-man, những "danh nhân" (Volksmänner) vĩ đại ấy sau khi đã chống đối ít nhiều ầm ĩ trong suốt hai mươi năm trời, song luôn luôn vô hiệu, đã được sóng thần cách mạng năm 1848 đưa lên đỉnh cao của quyền lực, nhưng rồi trong một khoảnh khắc lại bị lật nhào, sau khi đã tỏ ra là hoàn toàn bất lực và vô vị. Đó là những hình mẫu đầu tiên về các nhà chính trị chuyên nghiệp và phái đối lập trên đất Đức. Bằng những bài diễn văn và văn chương của mình, họ đã làm cho tai người Đức quen với ngôn ngữ của chủ nghĩa lập hiến và bằng chính sự tồn tại của mình, đã báo hiệu là sắp tới cái thời gian mà giai cấp tư sản sẽ nắm lấy những ngôn từ chính trị, và mang lại cho chúng cái ý nghĩa chân chính, những ngôn từ mà bọn luật sư và giáo sư ba hoa kia đã quen dùng, nhưng đặc biệt không hiểu ý nghĩa thực sự của chúng.

Cả nền văn học Đức cũng chịu ảnh hưởng của cơn phấn kích chính trị đang bao trùm châu Âu, sau những sự biến năm 1830[9]. Hầu hết các nhà văn lúc ấy đều truyền bá một thứ chủ nghĩa lập hiến chưa chín muồi, hoặc một thứ chủ nghĩa cộng hòa chưa chín muồi hơn nữa. Các tác gia, đặc biệt là các tác gia cỡ nhỏ, ngày càng có thói quen dùng những câu bóng gió chính trị vốn thường dễ thu hút sự chú ý của công chúng, để lấp những chỗ trống về mặt trí tuệ trong những tác phẩm văn chương của họ. Thi ca, tiểu thuyết, phê bình, bi hài kịch, tóm lại tất cả những tác phẩm văn học đều chứa đầy cái mà người ta gọi là "khuynh hướng" tức là những biểu hiện ít nhiều rụt rè của cái tinh thần chống đối. Để làm cho tình trạng hỗn độn về tư tưởng đang ngự trị ở Đức sau năm 1830 lên đến tột bậc, người ta đem trộn lẫn vào những yếu tố đối lập chính trị ấy những điều đã được học ở nhà trường về triết học Đức chưa được hiểu rõ và những mẩu của chủ nghĩa xã hội Pháp bị hiểu sai, đặc biệt là của chủ nghĩa Xanh Xi-mông. Cái



bọn nhà văn truyền bá cái món hầu lốn những tư tưởng phức tạp ấy lại dám lên mặt tự xưng là "Nước Đức trẻ" hay "Trường phái hiện đại"[10]. Về sau này, họ đã ăn năn về những lỗi lầm hồi thiếu thời, nhưng họ vẫn chưa cải thiện được văn phong của họ.

Và sau cùng, cả triết học Đức, cái thước đo phức tạp nhất nhưng cũng chuẩn xác nhất ấy về sự phát triển của tư tưởng Đức, cũng đứng về phía giai cấp tư sản, khi Hê-ghen trong cuốn "Nguyên lý triết học pháp quyền"[11] của mình, đã tuyên bố rằng chế độ quân chủ lập hiến là hình thức chính quyền cao nhất và hoàn thiện nhất. Nói cách khác, ông đã báo trước việc giai cấp tư sản Đức sắp lên nắm chính quyền. Sau khi ông chết, trường phái của ông không dừng lại ở đó. Những phần tử cấp tiến hơn trong số môn đồ của ông, một mặt, nghiêm khắc phê phán từng tín ngưỡng tôn giáo và làm rung chuyển đến tận nền móng của cái lâu đài Cơ Đốc giáo cổ kính, mặt khác trình bày những nguyên lý chính trị mạnh bạo hơn mà cho đến bây giờ chưa có người Đức nào được nghe thấy, và tìm cách khôi phục lại vinh quang của những anh hùng của cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất. Quả thực, nếu ngôn ngữ triết học khó hiểu mà những tư tưởng ấy dùng đã làm mờ trí óc của cả tác giả lẫn của độc giả thì đồng thời nó cũng che mắt các nhà kiểm duyệt, và chính nhờ vậy mà các nhà văn - phái "Hê-ghen trẻ" được hưởng một quyền tự do báo chí chưa từng thấy so với các ngành xuất bản phẩm khác.

Như vậy, hiển nhiên là đã có một sự biến chuyển lớn trong dư luận xã hội ở Đức. Dần dần đại bộ phận những giai cấp mà trình độ học vấn hay địa vị đã cho phép có được một ít kiến thức chính trị và tự tạo cho mình một chính kiến ít nhiều độc lập, ngay ở dưới chế độ quân chủ chuyên chế, đã liên hiệp lại thành một đoàn thể đối lập mạnh mẽ chống lại chế độ hiện hành. Nếu nhận xét tốc độ chậm chạp của sự phát triển chính trị ở Đức thì không ai nên quên rằng trong một nước mà ở đó tất cả những nguồn tin tức đều bị đặt dưới sự kiểm soát của chính phủ, không một lĩnh vực nào, - từ trường học cho những người nghèo hay trường học chủ nhật cho đến báo chí và trường đại học, - không có cái gì

chưa được chính phủ đồng ý mà lại được đem nói, đem dạy, đem in hoặc đem công bố, trong một đất nước như vậy thì khó mà có thể hiểu biết được một cách đúng đắn bất cứ vấn đề gì. Ví dụ Viên chẳng hạn. Nhân dân thành Viên, về khả năng lao động và sản xuất công nghiệp có lẽ không thua kém nhân dân một vùng nào khác ở nước Đức, còn về tinh thần hăng hái, lòng dũng cảm và nghị lực cách mạng lại còn tỏ ra cao hơn tất cả, nhưng lại không hiểu gì về những lợi ích chân chính của mình và lại phạm sai lầm, trong cách mạng, nhiều hơn mọi người khác. Tình hình ấy, phần rất lớn, là do chính phủ Mét-téc-ních đã giam hãm họ trong tình trạng hầu như dốt nát về những vấn đề chính trị sơ đẳng nhất.

Cũng không cần phải giải thích thêm nữa mới hiểu được rằng vì sao, dưới một chế độ như vậy, những tri thức chính trị hầu như trở thành độc quyền của những giai cấp xã hội có phương tiện tài chính để lén lút đưa những tri thức ấy vào trong nước, đặc biệt là của những giai cấp mà lợi ích bị chế độ hiện hành dụng đến nhiều nhất, tức là của những giai cấp công thương nghiệp. Do đó, những giai cấp này là những giai cấp đầu tiên đã đoàn kết nhau lại để chống lại việc tiếp tục duy trì một chế độ chuyên chế được ngụy trang ít nhiều; và phải coi ngày họ bước vào hàng ngũ phe chống đối là ngày bắt đầu của phong trào cách mạng chân chính ở Đức.

Có thể coi sự phản kháng công khai của giai cấp tư sản Đức là bắt đầu từ năm 1840, năm qua đời của ông vua cuối cùng của Phổ[1*], đại biểu cuối cùng của những người sáng lập ra Liên minh thần thánh năm 1815. Như mọi người đều biết, ông vua mới không phải là người tán thành chế độ quân chủ tối quan liêu và quân phiệt của cha mình. Điều mà giai cấp tư sản Pháp chờ đợi khi Lu-i XVI lên ngôi vua thì giai cấp tư sản Đức, trong một chừng mực nào đó, cũng hy vọng ở Phri-đrích - Vin-hem IV của nước Phổ. Khắp nơi, mọi người đều công nhận rằng chế độ cũ đã lỗi

1* - Phri-đrích - Vin-hem III



thời và đã phá sản, rằng phải loại bỏ nó đi; điều mà dưới triều vua trước người ta lặng lẽ cam chịu thì đến nay, người ta lớn tiếng tuyên bố là không thể chịu đựng được.

Nhưng nếu Lu-i XVI, "Lu-i được hoan nghênh", là một kẻ ngốc nghếch thông thường và không có tham vọng, một kẻ có ý thức phần nào về sự bất tài của mình, không có một ý kiến dứt khoát nào và hành động theo những thói quen do sự giáo dục rèn nên thì "Phri-đrích - Vin-hem được hoan nghênh" lại thuộc một loại khác hẳn. Vượt hình mẫu Pháp của mình về tính nhu nhược, hắn vừa không phải không có tham vọng vừa không phải không có ý kiến riêng. Hắn đã học được một cách tài tử những điều cơ bản của phần lớn những khoa học, do đó tự cho mình là đủ am hiểu để nhận định dứt khoát về mọi vấn đề. Hắn tin chắc mình là một diễn giả hạng nhất, và quả là không có một người rao hàng nào ở Béc-lin có thể vượt được hắn về cái tài nói những điều tầm thường, nhưng lại cho là hóm hỉnh, và về cái tài thao thao bất tuyệt. Nhưng điều quan trọng hơn cả là hắn lại có những ý kiến riêng của mình. Hắn căm ghét và khinh bỉ chủ nghĩa quan liêu trong nền quân chủ Phổ chỉ vì tất cả cảm tình của hắn đều dành cho chủ nghĩa phong kiến. Bản thân hắn là một trong những người sáng lập và hoạt động chính của "Berliner Politisches Wochenblatt", của cái gọi là trường phái lịch sử (một trường phái được nuôi dưỡng bằng những tư tưởng của Bô-nan, của Đờ Me-xtơ-rơ và của các nhà văn khác thuộc thế hệ đầu của phái chính thống Pháp)[12], hắn cố gắng khôi phục một cách đầy đủ nhất địa vị thống trị của giai cấp quý tộc trong xã hội. Nhà vua là nhà quý tộc đứng đầu vương quốc của mình; ông ta được bao quanh trước hết bởi một triều đình rực rỡ gồm những chư hầu hùng mạnh, những vương, công, hầu, bá và thứ nữa là lớp quý tộc hạng dưới, giàu có và đông đảo; ông ta trị vì một cách độc đoán đám thần dân gồm thị dân và nông dân trung thành của mình như là thủ lĩnh của một hệ thống đầy đủ những cấp bậc hay đẳng cấp xã hội, trong ấy mỗi một cấp bậc hay đẳng cấp được hưởng những đặc quyền riêng

và cách biệt với các cấp bậc và đẳng cấp khác bằng những hàng rào hầu như không thể vượt qua về dòng dõi hay địa vị xã hội cố định và bất biến; đồng thời quyền lực và ảnh hưởng của tất cả các đẳng cấp ấy, hay là của "các đẳng cấp của vương quốc" phải cân bằng nhau một cách hoàn hảo sao cho nhà vua có thể hoàn toàn hành động độc lập - đó là beau idéal[1*] mà Phri-đrích - Vin-hem IV đã mưu thực hiện và giờ đây, lại đang tìm cách thực hiện.

Giai cấp tư sản Phổ vốn không thông thạo lắm về các vấn đề lý luận, nên cần phải có một thời gian nhất định mới khám phá ra ý nghĩa thực sự của những ý đồ của nhà vua của mình. Nhưng điều nó nhận ra ngay là nhà vua thiết tha với những điều hoàn toàn trái ngược với điều nó mong muốn. Ngay sau khi cái chết của vua cha làm cho vua mới "được quyền ăn nói" thì nhà vua mới liền vội vã tuyên bố những ý định của mình trong những diễn văn nhiều không kể xiết; và mỗi một bài diễn văn, mỗi một hành vi của hắn, chỉ làm cho hắn mất thêm cảm tình của giai cấp tư sản. Có lẽ điều ấy cũng chẳng hề làm hắn băn khoăn, nếu những sự kiện khắc nghiệt và đáng lo ngại không đến làm đứt quãng những giấc mơ thơ mộng của hắn. Than ôi ! Chủ nghĩa lãng mạn sao lại dốt tính toán đến thế, còn chủ nghĩa phong kiến, kể từ thời Đông Ki-sốt thì luôn luôn tính nhẩm! Phri-đrích - Vin-hem IV quá ưa cái thói khinh tiền mặt vốn là truyền thống cao quý của con cái những thập tự quân. Lúc lên ngôi, hắn đã thấy có một hệ thống cai trị tốn kém tuy đã được tổ chức một cách tiết kiệm và một quốc khố chẳng đầy dặn gì. Sau hai năm, tất cả món tiền dư ra đều đã bị chi vào những yến tiệc ở triều đình, những quà tặng xa hoa, những cuộc du hành phô trương, những phụ cấp cho bọn quý tộc đói khát và tham lam v.v.. Những khoản thuế má bình thường không còn đủ cho những nhu cầu của triều đình và của nhà nước nữa. Thành thử là chẳng bao lâu, nhà vua thấy mình mắc kẹt giữa một bên là sự thiếu hụt ghê gớm, và một bên là pháp lệnh năm 1820, cái pháp lệnh coi là bất hợp pháp mọi công

1* - lý tưởng đẹp



trái mới hoặc mọi sự tăng thêm thuế má hiện hành mà không có sự đồng ý của "cơ quan dân biểu tương lai". Cơ quan này chưa có; nhà vua mới còn ít muốn sáng lập nó hơn bố, và dù cho rằng ông ta có muốn, ông ta cũng không thể không biết rằng dư luận công chúng đã thay đổi nhiều từ ngày ông lên ngôi.

Trên thực tế, giai cấp tư sản, trong một chừng mực nào đó, đã hy vọng rằng nhà vua mới tức khắc ban bố một hiến pháp, tuyên bố quyền tự do xuất bản, thiết lập những tòa án bồi thẩm, v.v. và v. v. - tóm lại là nhà vua mới sẽ dích thân lãnh đạo cuộc cách mạng hòa bình mà giai cấp tư sản đang cần đến để nắm quyền lực chính trị - giai cấp tư sản ấy đã nhận ra sai lầm của mình và tức giận, quay ra chống nhà vua. Ở tỉnh Ranh và ít nhiều phổ biến trong toàn nước Phổ, nó đã tức giận đến mức liên minh với phái triết học cực đoan mà chúng tôi đã nói ở trên, khi thấy không có đủ người có thể đại diện cho nó trên báo chí. Kết quả của cuộc liên minh ấy là việc thành lập tờ báo "Rheinische Zeitung"[13] ở Khuên. Mặc dầu báo đã bị đóng cửa sau mười lăm tháng hoạt động, nhưng nó đã đánh dấu bước mở đầu của báo chí định kỳ hiện đại ở Đức. Lúc đó là năm 1842.

Ông vua đáng thương mà những khó khăn tiền tệ của ông ta đã nhạo báng những khuynh hướng trung cổ của ông ta, cũng đã nhanh chóng nhận thấy rằng nếu không nhân nhượng chút ít cái yêu sách chung đòi thành lập "cơ quan dân biểu" được ghi trong đạo luật 1820 như một vết tích cuối cùng của những lời hứa năm 1813 và năm 1815 và đã bị lãng quên từ lâu, thì ông ta sẽ không thể tiếp tục trị vì được nữa. Ông cho rằng cái cách thức ít bực mình nhất để áp dụng đạo luật khó chịu ấy là triệu tập những ủy ban thường trực của các nghị viện hàng tỉnh. Những nghị viện hàng tỉnh đã được thiết lập từ năm 1823. Các nghị viện ấy, trong mỗi tỉnh của tám tỉnh của vương quốc, đều gồm có: 1) tầng lớp đại quý tộc, những hoàng tộc xưa kia đã trị vì trong Đế chế Đức mà những tộc trưởng là nghị viên cha truyền con nối; 2) những đại biểu của giới hiệp sĩ hay của tầng lớp tiểu quý tộc; 3) những

đại biểu của các thành thị; 4) những đại biểu của nông dân hay của tiểu nông. Tất cả đều được tổ chức sao cho ở mỗi tỉnh, hai bộ phận trên của giai cấp quý tộc bao giờ cũng chiếm đa số trong nghị viện. Mỗi nghị viện trong tám nghị viện hàng tỉnh ấy bầu ra một ủy ban, rồi tám ủy ban ấy giờ đây được triệu tập đến Béc-lin để thành lập một hội nghị dân biểu để biểu quyết món công trái đang được hết sức mong muốn. Người ta tuyên bố rằng quốc khố vẫn còn đầy, còn công trái không phải là để dùng vào những nhu cầu hàng ngày mà là để xây dựng một đường sắt quốc gia. Nhưng các ủy ban liên hợp cương quyết cự tuyệt dề nghị của nhà vua; họ tuyên bố không có thẩm quyền hành động như những đại biểu của nhân dân và đòi nhà vua phải thực hiện lời hứa của vua cha là ban hành hiến pháp đại nghị, khi ông ta cần đến sự giúp đỡ của nhân dân để chống lại Na-pô-lê-ông.

Phiên họp của các ủy ban liên hợp chứng tỏ rằng tinh thần chống đối không phải chỉ có trong giai cấp tư sản. Một bộ phận của nông dân đã liên kết với giai cấp tư sản; nhiều nhà quý tộc tiến hành canh tác lớn trên đất đai của mình và buôn bán lúa mì, len, rượu, gai, đều cũng cần những đảm bảo để chống lại chế độ chuyên chế, chế độ quan liêu và sự phục tích chế độ phong kiến, nên cũng đã lên tiếng chống chính phủ và ủng hộ yêu sách đòi hỏi một hiến pháp đại nghị. Kế hoạch của nhà vua đã thất bại hoàn toàn. Ông ta không thu được một xu nào mà còn làm tăng thêm sức mạnh của phe chống đối. Các phiên họp ngay sau đó của các nghị viện hàng tỉnh còn bất lợi cho nhà vua hơn nữa. Tất cả đều đòi cải cách và đòi thực hiện những lời hứa năm 1813 và năm 1815, đòi thi hành hiến pháp và quyền tự do báo chí. Những nghị quyết tương ứng của một vài nghị viện được thảo ra với một giọng có phần bất kính, và những câu trả lời gay gắt của nhà vua còn làm cho tình thế thêm nghiêm trọng hơn nữa.

Trong khi đó, những khó khăn về tài chính của chính phủ ngày càng tăng. Khả năng thanh toán của nhà nước được cứu vãn bề ngoài nhờ việc rút bớt những số tiền chi cho các cơ quan công



cộng khác nhau, và sự giao dịch ám muội với "Seehandlung"[14] - một cơ quan thương mại đầu cơ và kinh doanh cho nhà nước, lỗ lãi do nhà nước chịu và từ lâu đã làm môi giới cho nhà nước; việc nhà nước tăng cường phát hành tín phiếu cũng cung cấp được một ít của cải, và nói chung, tình hình tài chính được giữ bí mật khá tốt. Nhưng tất cả mọi mưu kế ấy chẳng bao lâu rồi cũng cạn. Khi ấy, người ta thử một kế hoạch khác: thành lập một ngân hàng mà vốn của nó thì do một bên là nhà nước và một bên do những cổ đông tư nhân bỏ ra; nhà nước nắm quyền lãnh đạo chủ yếu, tức là nó được tổ chức sao cho chính phủ có thể rút từ vốn của ngân hàng ra những món tiền lớn và có thể lại tiếp tục những việc giao dịch gian lận mà nó không thể tiếp tục tiến hành với "Seehandlung" được nữa. Nhưng đương nhiên là người ta không tìm ra được một nhà tư bản nào sẵn sàng bỏ tiền ra với những điều kiện như vậy. Đành phải thay đổi điều lệ của ngân hàng và bảo đảm cho quyền sở hữu của các cổ đông khỏi bị ngân khố quốc gia xâm phạm trước khi tiến hành làm giấy đặt mua ít nhất là một cổ phần. Vì vậy, một khi kế hoạch ấy thất bại, thì chỉ còn lại một kế là phát hành công trái, - dĩ nhiên là với điều kiện có thể tìm ra được những nhà tư bản sẵn sàng cho vay mà không đòi phải có sự đồng ý và sự bảo đảm của cái "cơ quan dân biểu tương lai" bí hiểm ấy. Người ta nhờ đến Rốt-sin, nhưng ông này tuyên bố rằng sẽ tức khắc đảm đương việc ấy nếu công trái được "cơ quan dân biểu" bảo đảm, bằng không thì ông ta chẳng muốn dính vào việc ấy làm gì.

Thế là mọi hy vọng kiếm tiền đều tiêu tan và không còn cách nào khác nếu không có cái "cơ quan dân biểu" rầy rà ấy. Mùa thu năm 1846, người ta biết tin Rốt-sin cự tuyệt, và đến tháng Hai năm sau, nhà vua triệu tập ở Béc-lin tất cả tám nghị viện hàng tỉnh và hợp chúng lại thành "Nghị viện liên hợp" thống nhất. Nghị viện này, khi cần đến, phải làm cho được cái công việc do đạo luật năm 1820 yêu cầu, mà cụ thể là phải biểu quyết những công trái và những thuế mới, nhưng ngoài quyền hạn ấy nó không có quyền nào khác. Nó chỉ có quyền tư vấn thuần túy trong vấn

để lập pháp chung; nó phải họp theo ý muốn của nhà vua chứ không phải theo những kỳ hạn nhất định; nó cũng chỉ được thảo luận những vấn đề mà chính phủ tùy ý đề ra cho nó. Các nghị viên tất nhiên là không hài lòng mấy về vai trò mà nhà vua muốn gán cho họ. Họ nhắc lại những nguyện vọng mà họ đã phát biểu trong các nghị viện hàng tỉnh, mối quan hệ giữa họ và chính phủ chẳng bao lâu trở nên gay gắt, và khi người ta yêu cầu họ thông qua khoản công trái, - vẫn lại dựa vào cái gọi là sự cần thiết phải xây dựng đường sắt, - thì họ lại cũng từ chối một lần nữa.

Việc biểu quyết ấy nhanh chóng kết thúc ngay kỳ họp. Nhà vua ngày càng bực bội, đã khiển trách và giải tán nghị viện, nhưng trước sau ngài vẫn không có tiền. Thực ra nhà vua có nhiều lý do rất chính đáng để lo ngại cho địa vị của mình, vì ông ta thấy rằng đảng tự do chủ nghĩa do giai cấp tư sản lãnh đạo, bao gồm một phần lớn tầng lớp tiểu quý tộc và tất cả những phần tử bất mãn trong những bộ phận khác nhau của các tầng lớp dưới, đang quyết đạt cho được yêu cầu của nó. Trong diễn văn khai mạc ở nghị viện, nhà vua đã uổng công tuyên bố rằng vô luận thế nào, ông ta cũng không bao giờ ban hành một hiến pháp theo ý nghĩa hiện đại của danh từ đó. Đảng tự do chủ nghĩa vẫn cứ đòi một hiến pháp đại nghị hiện đại và chống phong kiến, cùng với toàn bộ những kết quả của nó như quyền tự do báo chí, tòa án bồi thẩm, v.v., cho biết là sẽ không bỏ ra một xu nhỏ nào trước khi giành được hiến pháp ấy. Một điều hiển nhiên là: tình trạng ấy không thể kéo dài lâu được nữa, và nếu một trong hai phe không chịu nhượng bộ thì nhất thiết phải đi tới chỗ tan vỡ, đi tới đấu tranh đổ máu. Mà giai cấp tư sản thì biết rằng nó đang đứng trước ngưỡng cửa của một cuộc cách mạng và đang chuẩn bị cho tình hình đó. Nó tìm đủ mọi cách để có được sự ủng hộ của giai cấp công nhân thành thị và của nông dân ở các vùng nông nghiệp. Mọi người đều biết là khoảng cuối năm 1847, không một nhân vật chính trị nổi bật nào trong giai cấp tư sản lại không tự nhận mình là "xã hội chủ nghĩa" để tranh thủ cảm tình của giai cấp vô sản. Sau đây, chúng ta sẽ thấy "các nhà xã hội chủ nghĩa" ấy trong hành động thực tế.



Việc giai cấp tư sản lãnh đạo vội vã trưng lên ít ra là cái bề ngoài của chủ nghĩa xã hội là bắt nguồn từ một sự thay đổi sâu sắc diễn ra trong giai cấp công nhân Đức. Một số công nhân Đức, từ năm 1840 đã qua Pháp và Thụy Sĩ, đã thấm nhuần ít nhiều những khái niệm xã hội chủ nghĩa hoặc cộng sản chủ nghĩa còn thô sơ, mà lúc đó đã phổ biến trong công nhân Pháp. Cái hứng thú ngày càng tăng mà những tư tưởng ấy ngay từ năm 1840 đã gây nên ở Pháp cũng làm cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trở thành một cái mốt cả ở Đức và ngay từ năm 1843, tất cả các trang báo đều đầy dẫy những bài thảo luận về các vấn đề xã hội. Chỉ ít lâu sau, đã hình thành một môn phái những nhà xã hội chủ nghĩa ở Đức mà tư tưởng nổi bật là ở tính mơ hồ hơn là tư tưởng mới. Hoạt động chủ yếu của nó là dịch từ tiếng Pháp những học thuyết của Phu-ri-ê, của Xanh-xi-mông và của những người khác ra cái ngôn ngữ khó hiểu của triết học Đức[15]. Môn phái cộng sản chủ nghĩa của Đức, một môn phái khác về căn bản với môn phái trên đây, cũng được thành lập vào khoảng thời gian ấy.

Năm 1844, những cuộc bạo động của thợ dệt ở Xi-lê-di đã nổ ra, tiếp theo là cuộc khởi nghĩa của thợ in vải hoa ở Pra-ha. Những cuộc bạo động ấy, bị đàn áp tàn nhẫn, - những cuộc nổi dậy của công nhân không phải để chống chính phủ mà là để chống bọn chủ, - đã gây nên một ấn tượng sâu sắc và càng thúc đẩy thêm công cuộc tuyên truyền xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trong giai cấp công nhân. Những cuộc nổi dậy đòi bánh mì vào vụ đói năm 1847 cũng thúc đẩy công cuộc tuyên truyền ấy. Tóm lại, cũng giống như phe đối lập đòi hiến pháp đã tập hợp đại bộ phận các giai cấp hữu sản (trừ bọn địa chủ phong kiến) xung quanh lá cờ của mình, giai cấp công nhân các thành thị lớn cũng đặt hy vọng tự giải phóng mình vào các học thuyết xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, mặc dầu do những luật lệ báo chí hiện hành, người ta chỉ có thể làm cho giai cấp này hiểu biết được rất ít về những học thuyết ấy. Tất nhiên là không nên mong chờ công nhân có được một ý niệm thật rõ về những đòi hỏi của họ:

họ chỉ biết rằng cương lĩnh của giai cấp tư sản đòi hiến pháp không chứa đựng những điều cần thiết cho họ và do đó những nguyện vọng của họ không hề được đếm xỉa tới trong các bản dự thảo hiến pháp.

Lúc bấy giờ, không có đảng cộng hòa riêng biệt ở Đức. Người Đức hoặc là theo phái quân chủ lập hiến, hoặc là theo phái xã hội chủ nghĩa hay cộng sản chủ nghĩa ít nhiều công khai.

Trong những điều kiện đó thì một cuộc xung đột hết sức nhỏ tất sẽ dẫn đến một cuộc cách mạng lớn. Trong khi mà tầng lớp đại quý tộc, những công chức và các sĩ quan cao cấp là chỗ dựa duy nhất chắc chắn của chế độ hiện hành; trong khi mà tầng lớp tiểu quý tộc, giai cấp tư sản công thương nghiệp, các giới đại học, những giáo viên trung học các loại và thậm chí cả một bộ phận các tầng lớp dưới của công chức và sĩ quan đều liên minh với nhau để chống chính phủ; trong khi đằng sau những người này, có những khối quần chúng bất mãn gồm nông dân và những người vô sản các thành thị lớn giờ đây còn ủng hộ phe đối lập tự do chủ nghĩa, nhưng đã để lộ ra ý định muốn tự nắm lấy công việc; trong khi mà giai cấp tư sản đang sẵn sàng lật đổ chính phủ và những người vô sản đến lượt họ cũng đang chuẩn bị quật ngã giai cấp tư sản, thì chính phủ vẫn ngoan cố đi theo con đường tất yếu dẫn tới một cuộc xung đột. Vào đầu năm 1848, nước Đức đã đứng trước ngưỡng cửa của một cuộc cách mạng và cuộc cách mạng ấy chắc chắn sẽ nổ ra, dù cho là cách mạng tháng Hai của Pháp không thúc đẩy nó nhanh chóng nổ ra thì cũng vậy.

Trong bài tiếp theo, chúng ta sẽ xem cuộc cách mạng ở Pa-ri ấy đã có ảnh hưởng như thế nào đến nước Đức.

Luân Đôn, tháng Chín 1851



# III
# NHỮNG QUỐC GIA KHÁC CỦA ĐỨC

Trong bài báo trước, chúng tôi hầu như chỉ hoàn toàn nói tới cái quốc gia đóng vai trò quan trọng nhất trong phong trào ở Đức từ năm 1840 đến năm 1848, tức là nước Phổ. Nhưng bây giờ, chúng ta cần xét qua những quốc gia khác của Đức trong cùng thời gian ấy.

Từ phong trào cách mạng năm 1830, những quốc gia nhỏ đã hoàn toàn đặt dưới quyền chuyên chính của Quốc hội hiệp bang, nghĩa là của Áo và của Phổ. Những hiến pháp khác nhau được ban hành một mặt làm phương tiện để chống lại những mệnh lệnh độc đoán của các quốc gia lớn, mặt khác để bảo đảm uy tín cho những vương hầu đã ban hành những hiến pháp ấy và đem lại một sự thống nhất cho các tỉnh được Hội nghị Viên tập hợp lại một cách hỗn tạp không theo một nguyên tắc chỉ đạo nào - những hiến pháp ấy, mặc dầu chỉ là hão huyền, vẫn tỏ ra là một mối nguy cho uy quyền của bản thân các vương hầu nhỏ trong thời kỳ giông tố 1830 - 1831. Vì vậy, những hiến pháp ấy đã bị hủy bỏ gần hết. Cái mà người ta còn giữ lại thì hữu danh vô thực và cần phải có một thái độ tự mãn huênh hoang như một Ven-cơ, một Rốt-tếch, một Đan-man mới tưởng tượng được rằng sự chống đối khúm núm xen lẫn những lời tán tụng hèn hạ mà người ta cho phép chúng biểu lộ ở trong các nghị viện bất lực của các quốc gia nhỏ có thể đem lại những kết quả nào đó.

Hầu như ngay sau năm 1840, bộ phận kiên quyết hơn của giai cấp tư sản ở các quốc gia nhỏ ấy đã từ bỏ hoàn toàn mọi hy vọng

mà trước kia nó đặt vào sự phát triển của một chính thể đại nghị ở những quốc gia phụ thuộc vào Áo và Phổ. Giai cấp tư sản Phổ và các giai cấp liên minh với nó vừa mới tỏ ra quyết tâm thực sự đấu tranh cho một chính thể đại nghị ở Phổ thì người ta đã để cho nó nắm quyền lãnh đạo phong trào lập hiến trong toàn nước Đức, trừ nước Áo. Một sự kiện ngày nay không còn ai phủ nhận nữa, đó là việc những phần tử trung kiên trong phong trào lập hiến của miền trung nước Đức, sau ngày thoát ly khỏi Quốc hội Phran-phuốc và tự mệnh danh là phái Gô-ta theo tên gọi của địa phương, họ đã tiến hành những cuộc họp riêng rẽ của họ, đã ấn định từ lâu trước năm 1848 cái kế hoạch mà năm 1849 họ chỉ sửa đổi chút ít để đề xuất với các đại biểu của toàn Đức. Họ chủ trương hoàn toàn gạt nước Áo ra khỏi Hiệp bang Đức và thành lập một liên bang mới với một hiến pháp mới, và một nghị viện liên bang mới dưới sự bảo hộ của Phổ, và chủ trương sáp nhập các quốc gia nhỏ vào quốc gia lớn hơn. Tất cả những điều ấy phải được thực hiện khi nước Phổ đứng vào hàng ngũ các nước quân chủ lập hiến, ban hành quyền tự do báo chí và theo đuổi một chính sách độc lập đối với Nga và Áo, và do đó sẽ đem lại cho các phần tử lập hiến của các quốc gia nhỏ quyền kiểm soát thực sự các chính phủ của họ. Người vạch ra kế hoạch ấy là giáo sư Ghéc-vi-nút ở Hai-đen-béc (Ba-den). Như vậy, sự giải phóng của giai cấp tư sản Phổ sẽ đánh dấu sự giải phóng của giai cấp tư sản trên toàn nước Đức và sự ra đời một liên minh tấn công và phòng thủ nhằm chống lại Nga cũng như Áo, vì nước Áo, như chúng ta sẽ thấy, bị coi là một nước hoàn toàn man rợ, một nước mà người ta biết rất ít về nó và điều ít ỏi mà người ta biết được về nó lại cũng không hay ho gì cho nhân dân nó cả. Vì vậy, Áo không được coi là một bộ phận cấu thành chủ yếu của Đức.

Còn các giai cấp xã hội khác ở trong các quốc gia nhỏ thì họ đều hoặc nhanh hoặc chậm tiến theo vết chân của các giai cấp tương tự ở Phổ. Những người tiểu tư sản ngày càng trở nên bất mãn với chính phủ, bất mãn về việc tăng thuế, về sự xâm phạm



đến những quyền chính trị hữu danh vô thực mà họ thường vẫn tự hào khi tự so sánh với những "nô lệ của chế độ chuyên chế" ở Áo và Phổ. Nhưng cho đến nay, trong thái độ chống đối của họ, vẫn chưa có gì rõ ràng để có thể xem họ là một đảng độc lập, khác biệt với đảng lập hiến của bọn đại tư sản. Sự bất mãn cũng tăng thêm trong nông dân, nhưng mọi người đều biết rằng vào những thời kỳ yên tĩnh và hòa bình, tầng lớp dân chúng này không bao giờ đề ra những lợi ích của mình và cũng không có tham vọng đóng vai trò của một giai cấp độc lập, trừ ở những nước có quyền đầu phiếu phổ thông. Những công nhân công nghiệp ở thành thị đã bắt đầu bị nhiễm phải "nọc độc" của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nhưng vì ngoài nước Phổ ra thì không có mấy thành thị quan trọng và lại càng có ít khu vực công nghiệp, nên phong trào của giai cấp ấy, ở trong các quốc gia nhỏ, tiến triển một cách hết sức chậm chạp vì thiếu những trung tâm hoạt động và tuyên truyền.

Những trở ngại đang cản trở sự phát triển của phái đối lập chính trị đã tạo ra ở Phổ cũng như ở các quốc gia nhỏ một kiểu chống đối có tính chất tôn giáo, dưới hình thức các phong trào phát triển song song là đạo Thiên chúa Đức và các Giáo đoàn tự do[16]. Lịch sử cung cấp cho chúng ta nhiều thí dụ nói lên rằng trong những nước được hưởng sự chúc phúc của một quốc giáo và bị ngăn cản không được thảo luận về chính trị, thì sự đối lập phàm tục và nguy hiểm chống lại quyền lực thế tục được che giấu bằng một cuộc đấu tranh thần thánh hơn và có vẻ vô tư hơn đối với những lợi ích trần thế chống lại nền chuyên chế tinh thần. Nhiều chính phủ không chịu nổi sự bàn luận về bất cứ một hành động nào của họ, đều cố tránh tạo nên những người tuẫn giáo và tránh kích thích sự cuồng tín tôn giáo trong quần chúng. Chính vì thế nên ở Đức, vào năm 1845, trong mỗi quốc gia đạo Thiên chúa La Mã hoặc đạo Tin lành, hay cả hai, cùng một lúc đều được coi là bộ phận cấu thành không thể tách rời của chế độ nhà nước. Trong tất cả các quốc gia ấy, giới tăng lữ của một trong hai giáo phái ấy, hoặc của cả hai, đều là bộ phận chủ yếu của bộ máy cai

trị quan liêu của chính phủ. Vì vậy công kích đạo Thiên chúa chính thống hay Tin lành chính thống, công kích giới tăng lữ, cũng chính là ngấm ngầm công kích chính ngay chính phủ. Còn về những người Thiên chúa giáo Đức thì chỉ riêng sự tồn tại của họ cũng đủ là một sự công kích các chính phủ Thiên chúa giáo ở Đức, đặc biệt là Chính phủ Áo và Chính phủ Ba-vi-e. Chính các chính phủ ấy cũng hiểu như vậy. Những tín đồ của các Giáo đoàn tự do, những tín đồ đạo Tin lành phản đối quốc giáo, - họ hơi giống những tín đồ nhất thần luận ở Anh và ở Mỹ[17] - đều công khai chống đối những khuynh hướng giáo quyền chủ nghĩa và chính thống nghiêm ngặt của vua Phổ và của vị bộ trưởng được nhà vua yêu mến, Bộ trưởng giáo dục và tôn giáo, ông Ai-sơ-hoóc. Hai giáo phái mới ấy - trong một thời gian đã lan truyền nhanh chóng, giáo phái thứ nhất trong các quốc gia Thiên chúa giáo, giáo phái thứ hai trong các quốc gia theo đạo Tin lành - chỉ khác nhau ở nguồn gốc, còn giáo thuyết của cả hai đều hoàn toàn nhất trí với nhau về cái điểm quan trọng nhất là: tất cả mọi giáo điều đã được xác định đều chẳng có căn cứ gì. Sự thiếu tính không xác định đủ loại ấy chính là thực chất của hai giáo phái ấy. Theo lời họ, họ có tham vọng dựng ngôi đền lớn, dưới vòm đền đó, tất cả mọi người Đức đều có thể đoàn kết nhau lại được. Do đó, dưới hình thức tôn giáo, các giáo phái ấy đại biểu cho một tư tưởng chính trị khác của thời đại ấy, tức là tư tưởng thống nhất của nước Đức. Tuy nhiên họ lại không bao giờ nhất trí được với nhau.

Tư tưởng thống nhất nước Đức mà các giáo phái nói trên đã cố gắng thực hiện, ít ra là trên cơ sở tôn giáo, bằng cách sáng tạo ra một tôn giáo chung cho mọi người Đức, thích ứng đặc biệt với nhu cầu, tập quán và sở thích của mọi người Đức, - tư tưởng ấy thực ra là rất phổ biến, nhất là trong các bang nhỏ. Từ ngày Đế chế Đức bị Na-pô-lê-ông phá tan[18], lời kêu gọi hợp nhất các disjecta membra[1*] của cơ thể Đức thành một thể thống nhất đã biến thành biểu hiện chung nhất của nỗi bất bình đối với trật tự

1* - chi rời rạc



hiện hành, và trước hết là ở các quốc gia nhỏ mà ở đó những chi phí cho triều đình, cho công việc hành chính, cho quân đội, tóm lại là tất cả cái gánh nặng ghê gớm của thuế má, đã tăng lên theo tỉ lệ thuận với khuôn khổ bé nhỏ và sự bất lực của quốc gia. Nhưng về vấn đề một khi đã được thực hiện thì sự thống nhất nước Đức là như thế nào thì các đảng phái lại bất đồng ý kiến. Giai cấp tư sản không muốn có biến động cách mạng sâu sắc, thì lấy làm thỏa mãn với cái giải pháp mà như chúng ta đã biết, nó cho là "có thể thực hiện được", tức là thành lập một liên minh toàn Đức, trừ Áo ra, dưới bá quyền của một Chính phủ lập hiến Phổ và chắc chắn rằng vào lúc ấy, người ta không thể làm được cái gì hơn thế mà không gây nên những cơn giông tố nguy hiểm. Nhưng người tiểu tư sản và nông dân, trong chừng mực mà nông dân quan tâm đến những điều như vậy, cũng không bao giờ đi đến chỗ đề ra một định nghĩa nào đó về sự thống nhất của Đức mà về sau họ yêu sách rất ầm ỹ; một số ít những kẻ mơ mộng, phần nhiều là những phần tử phong kiến phản động, vẫn hy vọng khôi phục Đế chế Đức; một nhúm người ngu dốt, những kẻ soi-disant[1*] phái cấp tiến, khâm phục những thiết chế của Thụy Sĩ mà họ chưa kịp đem ra thực nghiệm trong thực tế, một sự thực nghiệm, sau này, đã làm cho họ thất vọng một cách rất lố bịch - thì tán thành một chế độ cộng hòa liên bang. Chỉ có đảng cực đoan nhất lúc ấy là đám chủ trương một nước Cộng hòa Đức, thống nhất và không thể chia cắt[19]. Cho nên bản thân việc thống nhất dân tộc Đức là một vấn đề mang nặng mầm mống chia rẽ, bất hòa, thậm chí trong một số trường hợp, cả nội chiến nữa.

Nói tóm lại, tình hình nước Phổ và các bang nhỏ của Đức vào cuối năm 1847 là như sau. Giai cấp tư sản, nhận rõ sức mạnh của mình, đã quyết định không chịu đựng lâu hơn nữa những trở ngại mà chế độ chuyên chế phong kiến và quan liêu đã gây ra cho hoạt động kinh doanh thương mại của nó, cho hoạt động sản

1* - gọi là

xuất công nghiệp của nó, cho hành động chung của nó với tính cách là một giai cấp; một bộ phận của tầng lớp địa chủ quý tộc đã biến thành những người sản xuất hàng hóa đến mức họ cũng có những lợi ích giống như giai cấp tư sản và đã liên minh với giai cấp tư sản; những tiểu thủ công và tiểu thương bất mãn thì kêu ca về thuế má, về những trở ngại gặp phải trong công việc buôn bán, nhưng họ không có một chương trình cải cách cụ thể có khả năng bảo đảm cho họ có được địa vị trong xã hội và trong quốc gia; nông dân thì bị áp bức ở chỗ này, bởi những đảm phụ phong kiến, ở chỗ kia, bởi những bọn chủ nợ, bọn cho vay nặng lãi và bọn luật sư; công nhân thành thị bị lôi cuốn vào tình trạng bất mãn chung, cũng cảm thù chính phủ như cảm thù bọn đại tư bản công nghiệp và ngày càng tiêm nhiễm tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; tóm lại, có cả một khối lớn dông dảo gồm những phần tử chống đối không thuần nhất, xuất phát từ những lợi ích khác nhau, nhưng đều ít nhiều chịu sự lãnh đạo của giai cấp tư sản mà đứng đầu lại chính là giai cấp tư sản Phổ, đặc biệt là giai cấp tư sản tỉnh Ranh. Mặt khác, những chính phủ các bang, bất đồng ý kiến với nhau trên nhiều điểm, đều nghi kỵ lẫn nhau, nhất là nghi kỵ Phổ, mặc dầu họ vẫn không thể không dựa vào sự che chở của Phổ. Ở Phổ, chính phủ đã bị dư luận công chúng từ bỏ, bị cả một bộ phận quý tộc từ bỏ, thì dựa vào một quân đội và một bộ máy quan liêu ngày càng nhiễm phải những tư tưởng của giai cấp tư sản đối lập và ngày càng chịu ảnh hưởng của giai cấp đó; hơn nữa đó là một chính phủ không có một xu dính túi theo nghĩa đen của từ này, và không có cách gì kiếm ra một đồng kẽm để trang trải sự thiếu hụt công quỹ càng ngày càng tăng thêm, nếu không dầu hàng vô điều kiện phái tư sản đối lập. Liệu có bao giờ giai cấp tư sản của một nước nào khác lại có được một vị trí tốt đẹp hơn thế trong cuộc chiến đấu giành chính quyền, chống một chính phủ đương quyền, hay không?

Luân Đôn, tháng Chín 1851



# IV
# NƯỚC ÁO

Bây giờ, chúng ta cần xét đến nước Áo, một nước mà cho đến tháng Ba 1848, các nước ngoài hầu như vẫn không hiểu biết chút gì, giống như Trung Quốc trước cuộc chiến tranh vừa dây với nước Anh[20].

Tất nhiên là ở đây, chúng tôi chỉ có thể xét đến bộ phận người Đức ở Áo. Còn người Ba Lan, Hung-ga-ri, I-ta-li-a ở Áo thì không nằm trong chủ đề của chúng tôi; sau này, chúng tôi buộc phải nói tới họ trong chừng mực từ năm 1848 họ có ảnh hưởng tới vận mệnh của những người Đức gốc Áo.

Chính phủ của hoàng thân Mét-téc-ních dựa vào hai nguyên tắc: thứ nhất, nó gắng sức làm cho từng dân tộc đặt dưới bá quyền của Áo bị kiềm chế bởi toàn bộ các dân tộc khác cùng chung một số phận như vậy; thứ hai - và điều này bao giờ cũng là nguyên tắc căn bản của các nền quân chủ chuyên chế, - nó dựa vào hai giai cấp: bọn địa chủ phong kiến và bọn tài phiệt; đồng thời nó lại giữ cho ảnh hưởng và thế lực của cả hai giai cấp thăng bằng nhau để cho chính phủ có thể hành động hoàn toàn tự do. Giai cấp địa chủ quý tộc mà toàn bộ thu nhập bao gồm mọi loại khoản thu nhập phong kiến, bắt buộc phải ủng hộ chính phủ là kẻ duy nhất bảo vệ nó chống lại giai cấp nông nô, giai cấp phải chịu gánh nặng của cái ách bóc lột nuôi sống nó, và mỗi khi cái bộ phận kém giàu có hơn của bọn quý tộc ấy chống lại chính phủ, như ở Ga-li-xi hồi năm 1846, thì lập tức Mét-téc-ních xua ngay chính những nông nô ấy chống lại họ, mà các nông nô này thì cố gắng lợi dụng mọi cơ hội để trả thù khốc liệt những kẻ áp bức họ một

cách trực tiếp nhất[21]. Mặt khác, những nhà tư bản lớn đầu cơ trên thị trường chứng khoán cũng bị cột chặt vào chính phủ Mét-tét-ních bởi những khoản tiền kếch xù mà chính phủ nợ chúng. Sau khi đã khôi phục được tất cả quyền lực của nó vào năm 1815, sau khi đã khôi phục và duy trì nền quân chủ chuyên chế ở I-ta-li-a từ năm 1820, sau khi đã trút bỏ được một phần những món nợ của mình nhờ cuộc vỡ nợ năm 1810, sau khi ký kết hòa bình, nước Áo đã khôi phục được ngay sự tín nhiệm của nó trên các thị trường tiền tệ lớn ở châu Âu và sự tín nhiệm này càng tăng lên thì nó lại vay được những khoản nợ mới. Bởi vậy tất cả những tên trùm tài phiệt ở châu Âu đã đem phần lớn tư bản của chúng đầu tư vào công trái Áo; tất cả bọn họ đều quan tâm đến việc giữ vững tín dụng của Áo; nhưng việc duy trì tín dụng quốc gia của áo lại thường xuyên đòi hỏi những khoản vay mới nên họ bắt buộc phải thỉnh thoảng ứng ra những tư bản mới để giữ vững thị giá của những công trái mà họ đã mua. Nền hòa bình lâu dài từ sau năm 1815 và cái thế có vẻ không thể lật đổ được của một nền quân chủ ngàn năm như Áo, lại làm cho sự tín nhiệm của chính phủ Mét-tét-ních tăng lên theo những quy mô kỳ lạ và làm cho nó trở nên độc lập đối với tất cả những chủ ngân hàng và bọn đầu cơ chứng khoán ở Viên, bởi vì chừng nào mà Mét-tét-ních còn có thể kiếm ra đủ tiền ở Phran-phuốc và Am-xtét-đam thì tất nhiên hắn còn hài lòng thấy bọn tư bản Áo quỳ mọp dưới chân hắn. Hơn nữa, bọn này bị phụ thuộc vào hắn về mọi phương diện. Những món lợi nhuận lớn mà bọn chủ ngân hàng, bọn đầu cơ chứng khoán và bọn bao thầu cho nhà nước luôn luôn biết cách bòn rút của một nền quân chủ chuyên chế, được bù lại bằng quyền uy hầu như vô hạn của chính phủ đối với bản thân chúng và tài sản của chúng. Vì thế chính phủ không còn phải sợ một bóng dáng nào của sự chống đối từ phía họ cả. Như vậy là Mét-tét-ních đã chắc chắn được sự ủng hộ của hai giai cấp có thế lực nhất và có ảnh hưởng nhất trong đế chế; ngoài ra hắn còn có một quân đội và một bộ máy quan liêu được tổ chức hết sức chu đáo để phục vụ cho chế độ chuyên chế. Bọn viên chức và sĩ quan phục vụ cho



nước Áo là một loại riêng biệt; ông cha họ đã phục vụ hoàng đế và con cháu họ cũng sẽ phục vụ như thế. Họ không thuộc một dân tộc nào trong nhiều dân tộc tập hợp dưới cánh của con chim ưng hai đầu; họ thường xuyên được thuyên chuyển từ đầu này đến đầu kia của đế chế, từ Ba Lan đến I-ta-li-a, từ các tỉnh của Đức đến Tơ-ran-xin-va-ni; người Hung-ga-ri, người Ba Lan, người Đức, người Ru-ma-ni, người I-ta-li-a, người Crô-a-xi, bất cứ người nào không mang cái dấu ấn của "đế quyền và vương quyền" mà lại mang một đặc điểm dân tộc riêng biệt, đều bị bọn họ khinh bỉ. Bọn họ không có một đặc tính dân tộc nào, hay đúng hơn là chỉ có bọn họ mới là dân tộc Áo thực sự. Rõ ràng là một hệ thống đẳng cấp dân sự và quân sự như vậy mà nằm trong tay một vị quốc trưởng thông minh và kiên quyết thì phải là một công cụ vừa mềm dẻo vừa mạnh mẽ đến chừng nào.

Còn về các giai cấp khác trong nhân dân thì Mét-tét-ních với tư cách là một chính khách chân chính của ancien régime[1*], ít chú ý đến sự ủng hộ của họ. Đối với họ, hắn chỉ có một chính sách: càng bòn rút họ được nhiều tiền dưới dạng thuế càng hay, đồng thời giữ yên họ. Giai cấp tư sản công thương nghiệp ở Áo phát triển rất chậm. Thương mại trên sông Đa-nuýp không đáng kể; cả nước chỉ có một hải cảng duy nhất là Tơ-ri-e-xtơ, chu chuyển thương mại ở đó cũng rất hạn chế. Các nhà công nghiệp được hưởng chế độ bảo hộ rộng rãi và trong nhiều trường hợp, thậm chí đi tới loại trừ tất cả mọi sự cạnh tranh của nước ngoài. Nhưng cái ưu thế mà người ta dành cho họ ấy thì chủ yếu là nhằm tăng thêm khả năng thanh toán của họ với tư cách là những người đóng thuế, và trong một mức độ lớn ưu thế đó đã trở thành con số không do những hạn chế đối với công nghiệp trong nước, do những đặc quyền của các công xưởng và những phường hội phong kiến khác mà người ta đã duy trì cẩn thận chừng nào những đặc quyền ấy không cản trở những mục đích và ý định của chính phủ. Những người tiểu thủ công đều bị buộc chặt trong giới hạn chật

1* - chế độ cũ

hẹp của các công xưởng trung cổ; những công xưởng ấy duy trì các nghề nghiệp ở tình trạng chống đối nhau thường xuyên để giành giật đặc quyền, đồng thời tạo ra cho các thành viên của những tổ chức cưỡng bách ấy một thế ổn định cha truyền con nối bằng cách làm cho những đại biểu của giai cấp công nhân hầu như không có khả năng vươn lên trên những bậc thang xã hội cao hơn. Sau cùng, nông dân và công nhân chỉ được coi là đối tượng đơn thuần để đánh thuế; và người ta chỉ lo làm sao cố giữ cho họ ở mãi trong những điều kiện sinh hoạt họ đang sống và trước kia ông cha họ đã từng sống. Để đạt mục đích ấy, mọi quyền uy cũ, được thiết lập vững chắc, cha truyền con nối, đều được bảo tồn giống như quyền uy của nhà nước. Ở khắp nơi, chính phủ đều duy trì nghiêm ngặt quyền uy của địa chủ đối với tá điền, quyền uy của chủ nhà máy đối với công nhân xí nghiệp, quyền uy của người thợ cả đối với thợ bạn và thợ học nghề, quyền uy của cha đối với con, và mọi hình thức không chịu phục tùng đều bị trừng phạt như tội phạm pháp, bằng cái công cụ vạn năng của luật pháp Áo là chiếc gậy.

Sau cùng, để tập hợp thành một hệ thống chung tất cả những mưu toan nhằm tạo ra một sự ổn định giả tạo, cái món ăn tinh thần mà dân tộc được phép hưởng, đã được chọn lọc vô cùng cẩn thận và được phân phát hết sức dè xẻn. Việc giáo dục, ở khắp mọi nơi, đều nằm trong tay giới tăng lữ Thiên chúa giáo mà những thủ lĩnh của họ, cũng như bọn địa chủ phong kiến, đều hết sức quan tâm đến việc duy trì hệ thống hiện hành. Các trường đại học được tổ chức sao cho chỉ có thể đào tạo ra những chuyên gia có khả năng, trong trường hợp tốt nhất, giành được những thắng lợi lớn hơn hoặc nhỏ hơn trong các ngành tri thức đủ mọi loại, nhưng dù sao những trường học đó cũng không cung cấp được một nền học vấn tổng hợp, tự do mà các trường đại học khác có nhiệm vụ phải mang lại. Tuyệt đối không ở đâu được có báo chí định kỳ, trừ Hung-ga-ri, nhưng báo chí Hung-ga-ri thì bị cấm ở khắp các miền còn lại của nhà nước quân chủ. Từ một thế kỷ nay, lĩnh vực văn học nói chung không được mở rộng ra chút nào,



thậm chí nó còn bị thu hẹp lại, sau khi I-ô-dép II chết. Và suốt dọc biên giới, bất cứ chỗ nào mà các bang Áo tiếp giáp với một nước văn minh, thì cùng với một hàng rào nhân viên thuế quan, người ta lại bố trí một hàng rào nhân viên kiểm duyệt văn học, để ngăn cản không cho một quyển sách, một tờ báo nước ngoài nào có thể đột nhập vào Áo trước khi nội dung của chúng được xem xét tỉ mỉ hai ba lần và được công nhận là không bị nhiễm một chút tinh thần xấu nào của thời đại.

Trong gần 30 năm, kể từ năm 1815, chế độ ấy đã hoạt động thành công một cách kỳ lạ. Nước Áo hầu như không được châu Âu biết tới, cũng như nước Áo chẳng biết gì về châu Âu. Tình trạng xã hội của mỗi giai cấp trong dân cư và của dân cư nói chung hình như chẳng thay đổi gì. Dù cho giữa các giai cấp có thể có quan hệ thù địch như thế nào, - chính sự tồn tại của quan hệ thù địch ấy lại là một điều kiện chủ yếu cho Mét-téc-ních thống trị được, thậm chí hắn còn khuyến khích thái độ thù địch ấy bằng cách biến các giai cấp bên trên thành công cụ của mọi hành động hà lạm của chính phủ và hướng mọi nỗi oán ghét của nhân dân vào những giai cấp ấy, - dù cho nhân dân có căm hờn bọn công chức cấp thấp của nhà nước đến như thế nào thì nói chung hầu như hoặc hoàn toàn không có sự bất bình đối với chính phủ trung ương. Hoàng đế được sùng bái, và những sự kiện thực tế hình như đã xác nhận lời của lão Phran-txơ I, khi tỏ ý nghi ngờ sự vững chắc của chế độ ấy, còn khoan khoái nói thêm rằng: "Dù sao chế độ đó vẫn tồn tại chừng nào Mét-téc-ních và tôi còn sống".

Nhưng ở trong nước lại có một phong trào chậm chạp vẫn ngấm ngầm phát triển, làm thất bại mọi cố gắng của Mét-téc-ních. Của cải và ảnh hưởng của giai cấp tư sản công thương nghiệp tăng lên. Việc áp dụng máy móc và hơi nước trong công nghiệp làm đảo lộn hoàn toàn ở Áo, cũng như ở khắp các nơi khác, những mối quan hệ và những điều kiện sinh hoạt trước đây của toàn bộ các giai cấp trong xã hội. Nó biến nông nô thành người tự do, biến tiểu nông thành công nhân công nghiệp; nó phá hoại những phường hội phong kiến cũ và xóa bỏ những phương tiện sinh sống

của một số đông các phường hội ấy. Ở khắp nơi, dân cư công thương nghiệp mới đều xung đột với các thiết chế phong kiến cũ. Giai cấp tư sản, do công việc kinh doanh thường phải đi ra nước ngoài ngày càng nhiều, đã đem về một vài tin tức có tính chất thần thoại về các nước văn minh ở bên kia hàng rào thuế quan của đế chế, sau cùng, việc xây dựng đường sắt lại đồng thời đẩy nhanh sự phát triển công nghiệp cũng như tư tưởng của đất nước. Thêm vào đó, trong cái lâu dài nhà nước Áo, còn có một bộ phận cấu thành nguy hiểm, mà cụ thể là bản hiến pháp phong kiến của Hung-ga-ri với những cuộc tranh cãi ở nghị viện và những cuộc đấu tranh của các khối quý tộc phá sản chống lại chính phủ và những đồng minh của chính phủ, tức bọn đại tư bản. Prê-xbuốc[1*], trụ sở của Quốc hội, nằm sát cửa ô thành Viên. Tất cả những nhân tố ấy góp phần tạo ra trong giai cấp tư sản thành thị một tinh thần nếu không phải là chống đối theo nghĩa đen của từ ấy, - vì chống đối còn là điều chưa thể làm được, - thì ít ra cũng là một tinh thần bất mãn, một nguyện vọng chung đòi cải cách, một thứ cải cách có tính chất hành chính nhiều hơn là lập hiến. Và cũng như ở Phổ, ở đây một bộ phận quan lại liên minh với giai cấp tư sản. Trong đẳng cấp quan lại thế tập ấy, người ta chưa quên những truyền thống của I-ô-dép II. Bản thân những quan lại có học thức hơn của nhà nước bấy giờ từng mơ tưởng đến đủ mọi thứ cải cách tưởng tượng, còn thích cái nền chuyên chế tiến bộ và sáng suốt của I-ô-dép II hơn lối chuyên chế "gia trưởng" của Mét-téc-ních. Một bộ phận giai cấp quý tộc nghèo hơn cũng đứng về phía giai cấp tư sản, còn các giai cấp hạ đẳng trong dân cư là những giai cấp luôn luôn có đủ lý do để bất mãn với những giai cấp ở bên trên họ, nếu không phải là với chính phủ thì trong nhiều trường hợp, không thể không ủng hộ những nguyện vọng cải cách của giai cấp tư sản.

Chính vào khoảng thời gian ấy, vào năm 1843 hay 1844, đã xuất hiện ở Đức một ngành văn học đặc biệt tương ứng với sự

1* - Tên gọi bằng tiếng Xlô-va-ki là Brư-ti-xla-va



thay đổi ấy. Một số ít tác giả, nhà viết tiểu thuyết, nhà phê bình văn học, thi sĩ tồi của Áo, tất cả đều là những tài năng tầm thường, nhưng lại tháo vát khác thường, đặc tính riêng của chủng tộc Do Thái, đã đến sinh sống ở Lai-pxích và nhiều thành thị Đức khác ở ngoài nước Áo; và tại đó, ngoài vòng kiểm soát của Mét-téc-ních, họ đã xuất bản hàng loạt cuốn sách và sách mỏng nói về những sự việc ở Áo. Họ và các nhà xuất bản của họ đã "vơ tiền như rác". Toàn thể nước Đức đều thèm biết những bí mật chính trị của cái nước Trung Quốc Âu châu ấy; bản thân những người Áo lại còn tò mò hơn nữa, họ nhận được những cuốn sách ấy bằng con đường buôn lậu rất thịnh hành ở biên giới Bô-hêm[1*]. Những điều bí mật do các cuốn sách ấy đưa ra cố nhiên là không quan trọng gì lắm, và những dự án cải cách do các tác giả có thiện ý ấy khó nhọc thảo ra, đều đặc biệt vô hại, gần như là trinh bạch về chính trị. Hiến pháp và tự do báo chí đều được coi là không thể đạt được ở Áo. Những cải cách về hành chính, mở rộng quyền hạn cho các nghị viện đẳng cấp hàng tỉnh, cho phép du nhập các sách báo ngoại quốc và giảm nhẹ chế độ kiểm duyệt, - đó là tất cả những nguyện vọng trung thực và khiêm tốn của những người Áo lương thiện ấy.

Tuy nhiên, việc ngày càng không thể ngăn nổi sự giao lưu văn học giữa Áo với các bộ phận còn lại của Đức và qua nước Đức, với toàn thế giới, đã giúp nhiều vào việc hình thành một dư luận chống đối chính phủ và nhờ đó ít ra cũng đem đến cho một bộ phận nhân dân Áo một ít tin tức chính trị. Chính vì thế mà vào cuối năm 1847, dù ở mức độ còn tương đối yếu, cả Áo cũng bị lôi cuốn vào một cuộc vận động chính trị và tôn giáo - chính trị đang lan tràn khắp nước Đức lúc bấy giờ, và tuy những kết quả của cuộc vận động ấy ở Áo có ít ỏi hơn, nhưng không phải là không có những phần tử cách mạng để tác động. Ở Áo có nông dân, nông nô hay tá điền phong kiến, bị đè nén bởi những thứ thuế của lãnh chúa hay của chính phủ; có người công nhân công

1* - Séc

xưởng bị dùi cui của cảnh sát bắt phải làm việc dưới bất kỳ điều kiện nào mà các chủ xưởng tùy ý định ra; có người thợ bạn mà những quy chế phường hội đã tước mất mọi hy vọng tạo cho mình một địa vị độc lập trong nghề nghiệp của mình; có anh nhà buôn khi kinh doanh luôn luôn vấp phải những quy chế phi lý; có những chủ xưởng luôn luôn xung đột với các phường hội bo bo giữ độc quyền của chúng hoặc xung đột với những quan lại tham nhũng xoi mói khắp nơi; cuối cùng có những giáo viên, bác học, công chức cao cấp có học thức cao hơn, đang hoài công vô ích chống lại giới tăng lữ ngu dốt và kiêu căng hay những cấp trên ngu xuẩn và độc đoán. Tóm lại, không có một giai cấp nào là thỏa mãn, bởi vì rằng những nhân nhượng nhỏ mà đôi lúc chính phủ bắt buộc phải thực hiện đối với họ không phải là dựa vào chi phí của bản thân chính phủ - quốc khố không thể chịu nổi việc đó - mà lại đổ vào dấu bọn đại quý tộc và tăng lữ. Cuối cùng, đối với những chủ ngân hàng lớn và những người có phiếu công trái thì những sự biến mới đây ở I-ta-li-a, tình hình chống đối ngày một tăng của Quốc hội Hung-ga-ri, thái độ bất mãn không bình thường, những yêu sách đòi cải cách vang lên khắp đế chế, tất cả những điều ấy không thể củng cố được lòng tin của họ vào sự bền vững và khả năng trả nợ của đế chế Áo.

Như vậy là nước Áo cũng dần dà, nhưng chắc chắn, tiến tới một chuyển biến sâu sắc, khi mà ở Pháp đột nhiên nổ ra một sự biến, nó làm nổi dậy tức khắc một cơn giông tố đáng sợ và bác bỏ lời của lão Phran-txơ nói rằng lâu dài ấy vẫn sẽ tồn tại chừng nào Mét-téc-ních và hắn còn sống.

Luân Đôn, tháng Chín 1851



# V
# CUỘC KHỞI NGHĨA Ở VIÊN

Ngày 24 tháng Hai 1848, Lu-i - Phi-líp bị đuổi ra khỏi Pa-ri và nước Cộng hòa Pháp được thành lập. Tiếp đó, ngày 13 tháng Ba, nhân dân Viên lật đổ chính phủ của hoàng thân Mét-téc-ních và buộc hắn phải trốn khỏi đất nước một cách nhục nhã. Ngày 18 tháng Ba, nhân dân Béc-lin cầm vũ khí nổi dậy và sau 18 giờ chiến đấu kiên cường, họ sung sướng được thấy nhà vua phải hàng phục mình. Cùng lúc đó, ở các thủ đô các tiểu bang của Đức, đều nổ ra những cuộc khởi nghĩa ít nhiều mãnh liệt và tất cả đều thành công như vậy. Nếu nhân dân Đức chưa đưa được cuộc cách mạng đầu tiên của mình đến cuối cùng thì dù sao họ cũng đã công khai lao vào con đường cách mạng.

Ở đây, chúng tôi không thể nói tỉ mỉ về việc các cuộc khởi nghĩa khác nhau ấy đã phát sinh như thế nào; chúng tôi chỉ có ý định giải thích tính chất của các cuộc khởi nghĩa ấy và thái độ của các giai cấp khác nhau trong dân chúng đối với các cuộc khởi nghĩa ấy.

Có thể nói rằng cuộc cách mạng ở Viên là do nhân dân hầu như nhất trí thực hiện. Giai cấp tư sản, trừ bọn chủ ngân hàng và bọn đầu cơ chứng khoán, tầng lớp tiểu thủ công và tiểu thương, công nhân, tất cả đều nổi dậy, muôn người như một, chống lại một chính phủ đã bị mọi người khinh ghét, một chính phủ bị khắp nơi căm thù đến nỗi ngay từ trận tiến công đầu, bọn thiểu số quý tộc và bọn trùm tài phiệt vẫn ủng hộ nó đã phải lẩn mất. Giai cấp tư sản đã bị Mét-téc-ních giam hãm trong một tình trạng ngu dốt về chính trị đến nỗi nó hoàn toàn không hiểu gì về những tin

tức từ Pa-ri báo cho biết về sự thống trị của tình trạng vô chính phủ, của chủ nghĩa xã hội và của sự khủng bố, về cuộc chiến đấu sắp tới giữa giai cấp các nhà tư sản và giai cấp những người lao động. Với sự ngây thơ về chính trị của mình, giai cấp tư sản hoặc thấy những tin tức ấy là không có ý nghĩa gì, hoặc coi đó là những điều bịa đặt quỷ quái của Mét-téc-ních nhằm buộc mình phải vì sợ hãi mà vâng lời. Vả lại, chưa bao giờ nó thấy công nhân hành động với tư cách là giai cấp, hay nổi dậy bảo vệ lợi ích giai cấp riêng biệt của mình. Với kinh nghiệm từ trước đến nay của nó, nó không thể tưởng tượng được rằng lại có thể xảy ra sự tranh chấp giữa những giai cấp mới đây vẫn còn liên hiệp rất thân thiết với nhau để lật đổ một chính phủ bị tất cả mọi người căm ghét. Nó thấy dân chúng lao động đồng ý với nó về mọi điểm: hiến pháp, tòa án bồi thẩm, tự do báo chí, v.v.. Bởi vậy, ít ra là trong tháng Ba 1848, nó vẫn toàn tâm toàn ý đi với phong trào; mặt khác, phong trào (ít nhất là về phương diện lý luận) cũng đưa ngay tức khắc giai cấp tư sản lên thành giai cấp thống trị của nhà nước.

Nhưng số phận mà tất cả các cuộc cách mạng đều gặp phải, là sự liên minh giữa các giai cấp khác nhau, - một sự liên minh mà trong một chừng mực nào đó, luôn luôn là điều kiện cần thiết của mọi cuộc cách mạng, - lại không tồn tại lâu dài được. Kẻ thù chung vừa bị đánh bại thì những kẻ chiến thắng đã chia thành những phe đối lập và chĩa vũ khí vào nhau. Trong cơ cấu xã hội già cỗi và phức tạp, chính sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ ấy của mâu thuẫn đối kháng giai cấp đã làm cho cách mạng trở thành một nhân tố mạnh mẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội và tiến bộ chính trị; chính sự nảy sinh không ngừng và sự trưởng thành nhanh chóng ấy của các đảng mới thay nhau lên nắm chính quyền đã làm cho một dân tộc, trong những cuộc biến động dữ dội đó, chỉ trong 5 năm mà vượt qua được một chặng đường dài phải mất hàng trăm năm mới vượt được trong những điều kiện bình thường.

Cuộc cách mạng ở Viên đã khiến cho về mặt lý luận, giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị. Điều đó có nghĩa là những



nhượng bộ giành được từ tay chính phủ nếu được thực hiện và duy trì trong một thời gian nào đó thì nhất định sẽ đảm bảo quyền thống trị cho giai cấp tư sản. Nhưng trong thực tế, quyền thống trị của giai cấp ấy còn xa mới được thiết lập vững chắc. Thực ra thì nhờ việc thành lập đội cận vệ quốc gia khiến cho giai cấp tư sản và những người tiểu chủ có được vũ khí, nên giai cấp tư sản đã có thêm lực lượng và ảnh hưởng; nhờ việc thành lập một "Ủy ban an ninh", tức là một thứ chính phủ cách mạng không có trách nhiệm trước ai, trong đó giai cấp tư sản chiếm ưu thế, nên giai cấp ấy đã được đứng đầu chính quyền. Nhưng đồng thời một bộ phận giai cấp công nhân cũng được vũ trang; họ và sinh viên đã phải chịu tất cả cái gánh nặng của cuộc chiến đấu, ở nơi nào có chiến đấu; và sinh viên, khoảng chừng 4000 người, được vũ trang tốt và có kỷ luật hơn đội cận vệ quốc gia nhiều, là hạt nhân, là lực lượng thực sự của quân đội cách mạng, và họ tuyệt nhiên không muốn làm một công cụ đơn giản của Ủy ban an ninh. Mặc dầu họ thừa nhận Ủy ban này và còn là những người bảo vệ nó một cách nhiệt tình nhất, nhưng không vì thế mà họ không phải là một tổ chức độc lập và khá ương ngạnh; họ họp hội nghị riêng ở Giảng đường chính, giữ một lập trường trung gian giữa giai cấp tư sản và công nhân, ngăn cản, bằng hoạt động liên tục của mình, không cho tình hình lại rơi trở lại vào nề nếp cổ hủ thường ngày, và nhiều lần họ còn buộc Ủy ban an ninh phải tuân theo nghị quyết của họ. Ngoài ra còn phải dùng công nhân, hầu hết đã thất nghiệp, vào những công trình công cộng do nhà nước đài thọ, và khoản tiền dùng vào việc đó tất nhiên phải lấy từ túi những người đóng thuế hoặc trong ngân quỹ của thành phố Viên. Tất cả những điều đó nhất định là rất khó chịu đối với thương nhân và tiểu thủ công ở Viên. Dĩ nhiên là những xí nghiệp công nghiệp của thành phố, được xây dựng nhằm phục vụ nhu cầu của những triều đình giàu có và quý tộc của một nước lớn, đều do cách mạng, do tầng lớp quý tộc và triều đình đã bỏ chạy cả mà bị tê liệt; thương mại đình đốn; sự bất bình và sự phẫn nộ liên tục của sinh viên và công nhân tất nhiên là không thể giúp vào việc "khôi phục lại tín

nhiệm", như người ta thường nói lúc bấy giờ. Vì thế chẳng bao lâu, đã phát triển một mối quan hệ lạnh nhạt nào đó giữa một bên là giai cấp tư sản với một bên là sinh viên và công nhân phấn nộ; và nếu trong một thời gian dài, sự lạnh nhạt ấy không biến thành sự thù địch công khai thì chính là vì nội các, đặc biệt là triều đình, trong khi nóng lòng khôi phục lại trật tự cũ, đã không ngừng biện hộ cho những mối nghi ngại và hành động náo nhiệt của các đảng cách mạng hơn và đã không ngừng trưng ra thậm chí cả trước giai cấp tư sản cái bóng ma khủng khiếp của nền chuyên chế cũ kiểu Mét-téc-ních. Vì chính phủ đã toan hạn chế hoặc thủ tiêu một vài quyền tự do vừa giành được nên ngày 15 và 26 tháng Năm, ở Viên, lại bùng nổ những cuộc nổi dậy mới của tất cả các giai cấp. Trong cả hai dịp ấy, khối liên minh giữa đội cận vệ quốc gia, tức là giai cấp tư sản được vũ trang, với những sinh viên và công nhân lại được củng cố một thời gian.

Còn các giai cấp khác trong dân cư thì giai cấp quý tộc và bọn quả đầu tài chính đã biến mất, và nông dân thì ở khắp nơi, họ đang tích cực phá hủy cả những tàn dư cuối cùng của chế độ phong kiến. Do cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a[22] và do những nỗi lo lắng của triều đình về tình hình ở Viên và ở Hung-ga-ri, người ta đã để cho nông dân hoàn toàn tự do hành động; và ở Áo, nông dân đã đạt được thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng của họ hơn là ở bất cứ nơi nào khác ở Đức. Quốc hội Áo, ngay sau đó một chút, chỉ còn có việc là phê chuẩn những biện pháp mà nông dân đã thực hiện trong thực tế; và dù chính phủ của hoàng thân Svác-xen-béc có khôi phục được cái gì đi nữa thì cũng không bao giờ có thể khôi phục được ách nô dịch phong kiến mà nông dân đã phải chịu. Và nếu lúc này, nước Áo, một lần nữa, còn tương đối yên ổn và thậm chí còn mạnh mẽ nữa thì chủ yếu là vì đại đa số nhân dân, tức nông dân, đã thực tế có lợi trong cách mạng, và mặc dầu chính phủ phục tích có xóa bỏ những gì đi chăng nữa, nhưng cho đến bây giờ, những lợi ích vật chất cụ thể nói trên mà nông dân giành được, vẫn còn nguyên vẹn.

Luân Đôn, tháng Mười 1851



# VI
# CUỘC KHỞI NGHĨA Ở BÉC-LIN

Béc-lin là trung tâm thứ hai của phong trào cách mạng. Theo những điều đã nói trong các bài báo trước, chúng ta có thể dễ hiểu tại sao ở Béc-lin, những hoạt động cách mạng còn xa mới có được sự ủng hộ nhất trí của hầu hết các giai cấp, như đã diễn ra ở Viên. Ở Phổ, giai cấp tư sản đã bị lôi cuốn vào những cuộc đấu tranh thực sự với chính phủ. Kết quả khoá họp của "Nghị viện liên hợp" là sự tuyệt giao; một cuộc cách mạng tư sản đang đến gần, và ít nhất là vào lúc bắt đầu nổ ra, lẽ ra trong cuộc cách mạng ấy cũng có thể có được tính nhất trí như cuộc cách mạng ở Viên, nếu cuộc cách mạng tháng Hai ở Pa-ri không nổ ra. Cuộc cách mạng này đẩy nhanh mọi việc mặc dầu nó được tiến hành dưới một lá cờ hoàn toàn khác với lá cờ mà giai cấp tư sản Phổ đang dùng để sửa soạn đương đầu với chính phủ của mình. Cuộc cách mạng tháng Hai ở Pháp đã lật đổ chính cái loại chính phủ mà giai cấp tư sản Phổ đang định thiết lập ở nước mình. Cuộc cách mạng tháng Hai tỏ ra là một cuộc cách mạng của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản; nó tuyên bố lật đổ chính phủ tư sản và giải phóng công nhân. Nhưng trong thời gian gần đây, giai cấp tư sản Phổ cũng đã gặp quá nhiều sự biến động của giai cấp công nhân ở chính nước họ. Sau khi nỗi khủng khiếp đầu tiên do những cuộc nổi dậy ở Xi-lê-di gây ra đã tiêu tan thì giai cấp tư sản Phổ thậm chí còn mưu toan lái phong trào công nhân theo hướng có lợi cho nó. Nhưng tuy vậy nó vẫn cảnh giác ghê sợ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản cách mạng; bởi thế, khi nó thấy đứng đầu chính phủ ở Pa-ri là những con người

mà nó coi là những kẻ thù nguy hiểm nhất của chế độ sở hữu, của trật tự, của tôn giáo, của gia đình và của mọi điều thiêng liêng khác của giới tư sản hiện đại, thì lập tức nó cảm thấy nhiệt tình cách mạng của nó nguội lạnh hẳn đi. Nó biết rằng phải nắm lấy cơ hội và nếu không có sự ủng hộ của quần chúng công nhân thì nó sẽ bị đánh bại; nhưng mặc dầu thế, nó vẫn không có gan làm như vậy. Thành thử trong những cuộc nổi dậy lẻ tẻ đầu tiên ở địa phương, nó đều đứng về phía chính phủ và tìm cách trấn an nhân dân Béc-lin khi họ tập hợp đông đảo trước cung vua trong năm ngày liền để thảo luận về những tin tức và đòi cải tổ chính phủ. Cuối cùng, khi nghe tin Mét-téc-ních bị đổ, nhà vua phải nhượng bộ ít nhiều thì giai cấp tư sản cho là cuộc cách mạng đã chấm dứt và vội vàng cảm ơn nhà vua đã sẵn sàng thỏa mãn mọi nguyện vọng của nhân dân. Nhưng ngay sau đó là việc binh lính nổ súng vào quần chúng, việc xây dựng những chiến lũy, cuộc chiến đấu và sự thất bại của vương quyền. Thế là tất cả đều thay đổi. Chính giai cấp công nhân mà giai cấp tư sản đã cố gắng kìm lại ở hậu trường, đã được đẩy lên phía trước. Công nhân đã chiến đấu và chiến thắng, và lập tức giác ngộ về sức mạnh của mình. Chấp nhận việc hạn chế quyền đầu phiếu, quyền tự do báo chí, quyền được làm bồi thẩm, quyền hội họp – những sự hạn chế mà giai cấp tư sản sẽ rất lấy làm hài lòng vì những sự hạn chế ấy chỉ đánh vào các giai cấp ở bên dưới nó - giờ đây không còn là điều có thể có được nữa. Nguy cơ tái diễn những cảnh "vô chính phủ" của Pa-ri đã rất gần. Trước nguy cơ đó, tất cả những tranh chấp cũ đều biến mất. Để chống lại công nhân chiến thắng, mặc dầu công nhân chưa để ra yêu sách riêng nào cho bản thân họ, những bạn và thù cũ đã liên hiệp với nhau; và sự liên minh giữa giai cấp tư sản với những người ủng hộ chế độ đã bị lật đổ được ký kết ngay trên những lũy chướng ngại ở Béc-lin. Người ta ký những nhượng bộ cần thiết nhưng chỉ trong chừng mực đó là những nhượng bộ không thể tránh được; người ta sẽ lập ra một nội các gồm những thủ lĩnh của phe đối lập trong Nghị viện liên hợp, và để trả công cứu giá, nội các này sẽ được sự ủng hộ



của tất cả những trụ cột của chính phủ cũ: của giai cấp quý tộc phong kiến, của bộ máy quan lại, của quân đội. Chính với những điều kiện đó mà các ngài Cam-pơ-hau-den và Han-dơ-man đứng ra lập nội các.

Các bộ trưởng mới hoảng sợ sự phấn kích của quần chúng đến nỗi họ coi mọi phương tiện đều là tốt, miễn là những phương tiện ấy nhằm củng cố những nền móng đã hết sức lung lay của quyền uy. Những kẻ lầm lẫn đáng thương ấy tưởng rằng mọi nguy cơ phục tích chế độ cũ đã được loại trừ; và họ huy động tất cả bộ máy nhà nước cũ để khôi phục lại "trật tự". Không một viên quan lại hay sĩ quan nào bị sa thải; không có một sự thay đổi nhỏ nào được tiến hành trong hệ thống hành chính quan liêu cũ. Các vị bộ trưởng lập hiến kiểu mẫu và có trách nhiệm ấy đã phục chức cho cả những viên chức mà nhân dân, trong nhiệt tình cách mạng buổi đầu, đã đuổi đi vì những thói hống hách quan liêu cũ của họ. Ở Phổ, không có một sự thay đổi nào ngoài sự thay đổi những nhân vật giữ chức bộ trưởng; người ta không động đến cả những nhân viên chủ quản của các bộ; còn đối với tất cả bọn lập hiến cầu xin các chức vụ và đang vây quanh những kẻ thống trị mới và hy vọng được chia phần quyền hành và chức vụ thì người ta đã trả lời là phải chờ cho tình thế ổn định trở lại mới có thể có sự thay đổi nhân sự trong bộ máy quan lại, song hiện nay mà thay đổi thì nguy hiểm.

Nhà vua, hoàn toàn mất tinh thần từ sau cuộc khởi nghĩa ngày 18 tháng Ba, chẳng bao lâu đã nhận ra rằng những vị bộ trưởng "tự do chủ nghĩa" ấy cũng cần đến ông ta, chẳng khác gì ông ta cần đến họ. Ngại vàng không bị động chạm tới trong cuộc khởi nghĩa; ngại vàng là vật chướng ngại cuối cùng để đối phó với tình trạng "vô chính phủ"; vì vậy, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và những lãnh tụ của nó, hiện ở trong nội các, có mọi lý do để giữ những quan hệ tốt nhất với nhà vua. Nhà vua và bầy cận thần phản động cũng sớm nhận thấy điều ấy và chúng đã lợi dụng cơ hội để ngăn trở nội các thi hành ngay cả những cải cách chẳng có nghĩa lý gì mà đôi khi nội các muốn thực hiện.

Điều quan tâm đầu tiên của nội các là mang lại cho những thay đổi vừa đạt được bằng bạo lực một bộ mặt hợp pháp nào đó. Nghị viện liên hợp được triệu tập, bất chấp mọi sự phản đối của quần chúng nhân dân, để phê chuẩn, - với danh nghĩa là cơ quan hợp pháp và lập hiến của nhân dân, - một đạo luật tuyển cử mới nhằm bầu ra một nghị viện để nghị viện này thỏa thuận với nhà vua về một hiến pháp mới. Cuộc bầu cử phải được tiến hành một cách gián tiếp, nghĩa là quần chúng cử tri bầu ra một số lượng nhất định đại biểu cử tri, sau đó số này bầu ra các đại biểu. Bất chấp mọi sự phản đối, chế độ bầu cử hai vòng này vẫn được thông qua. Sau đó, người ta yêu cầu Nghị viện liên hợp chấp nhận một công trái 25 triệu đô-la; khoản công trái đó đã được nghị viện chấp nhận bất chấp sự phản đối của đảng nhân dân.

Những hành động ấy của nội các làm cho đảng nhân dân, hay là đảng dân chủ, như đảng này giờ đây tự xưng là như vậy, phát triển nhanh chóng. Đảng này - một đảng được lãnh đạo bởi tầng lớp tiểu thủ công và tiểu thương, và hồi đầu cách mạng đã tập hợp được đại đa số công nhân dưới ngọn cờ của nó, - đòi có chế độ đầu phiếu trực tiếp và phổ thông như ở Pháp, một nghị viện lập pháp duy nhất và đòi hoàn toàn thừa nhận cuộc cách mạng ngày 18 tháng Ba là nền tảng của chính thể mới. Cánh ôn hòa nhất của đảng này lấy làm mãn nguyện với một chế độ quân chủ "dân chủ hóa" theo phương thức như vậy; bộ phận tiên tiến hơn thì đòi hỏi mục đích cuối cùng phải là thiết lập chế độ cộng hòa. Hai bộ phận ấy nhất trí với nhau ở một điểm là thừa nhận Quốc hội Đức ở Phran-phuốc là quyền lực tối cao của đất nước, trong khi bọn lập hiến và bọn phản động lại hết sức ghê sợ cái quyền tối cao của cơ quan ấy mà chúng xem là hết sức cách mạng.

Phong trào độc lập của giai cấp công nhân đã bị cuộc cách mạng làm cho ngừng lại một thời gian. Những nhu cầu và điều kiện trực tiếp của phong trào không cho phép đưa lên hàng đầu



một yêu sách riêng biệt nào của đảng vô sản. Thực vậy, chừng nào mảnh đất hoạt động độc lập của giai cấp công nhân còn chưa được chuẩn bị, chừng nào quyền đầu phiếu trực tiếp và phổ thông chưa được thiết lập, chừng nào ba mươi sáu bang lớn nhỏ còn tiếp tục chia cắt nước Đức ra thành nhiều mảnh như cũ, thì đảng vô sản có thể làm được gì nếu không phải là nói theo phong trào của Pa-ri, một phong trào có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với nó, và cùng với giai cấp tiểu tư sản, chiến đấu để đoạt lấy những quyền khiến cho nó sau này có thể tiến hành cuộc chiến đấu riêng của nó?

Trong hoạt động chính trị của mình thì đảng vô sản lúc ấy khác với giai cấp tiểu thủ công và tiểu thương, hay đúng hơn là với đảng gọi là dân chủ, chủ yếu ở ba điểm. Thứ nhất là ở sự đánh giá của nó về phong trào Pháp: những người dân chủ công kích đảng cực đoan ở Pa-ri, còn những nhà cách mạng vô sản lại bênh đảng ấy. Thứ hai là ở chỗ những nhà cách mạng vô sản tuyên bố cần phải thiết lập một nước cộng hòa Đức thống nhất và không phân chia trong khi những phần tử cực đoan nhất trong phái dân chủ chỉ dám ước mong một nước cộng hòa liên bang. Thứ ba là ở Đức tính dũng cảm cách mạng và quyết tâm cách mạng trong hành động mà những nhà cách mạng vô sản đều chứng tỏ trong mọi trường hợp, đức tính mà những đảng do những người tiểu tư sản lãnh đạo và chủ yếu gồm những người tiểu tư sản, đều hoàn toàn không có.

Đảng vô sản, một đảng thực sự cách mạng, chỉ có thể dần dần làm cho quần chúng công nhân thoát khỏi ảnh hưởng của phái dân chủ mà buổi đầu của cách mạng, công nhân chỉ là một bộ phận phụ thuộc mà thôi. Nhưng đến một lúc nhất định, thái độ do dự, yếu đuối và hèn nhát của bọn cầm đầu đảng dân chủ sẽ hoàn thành việc ấy; và ngày nay có thể nói rằng một trong những kết quả quan trọng nhất của những biến động trong mấy năm gần đây là ở chỗ giai cấp công nhân, bất cứ ở đâu nó được tập trung thành một khối ít nhiều đông đảo, đều đã hoàn toàn thoát khỏi

cái ảnh hưởng của phái dân chủ đã khiến cho nó phạm phải một loạt sai lầm và thất bại vào những năm 1848 và 1849. Nhưng tốt hơn là không nên nói trước: những sự biến của hai năm ấy sẽ cho chúng ta nhiều dịp để thấy các ngài trong phái dân chủ hành động trong thực tế như thế nào.

Cũng như nông dân Áo, nông dân Phổ đã lợi dụng cuộc cách mạng để trút bỏ ngay tất cả những xiềng xích phong kiến, mặc dầu họ hành động kém kiên quyết hơn, vì nói chung họ bị chế độ phong kiến áp bức nhẹ hơn ở Áo một chút. Nhưng ở đây, vì những lý do đã trình bày trên kia, giai cấp tư sản liền tức khắc quay lại chống nông dân, người bạn đồng minh lâu đời nhất và cần thiết nhất của nó; phái dân chủ, cũng như giai cấp tư sản, cũng sợ cái mà người ta gọi là xâm phạm đến quyền tư hữu, nên cũng không chịu ủng hộ nông dân; và như vậy là sau ba tháng được giải phóng, sau những trận chiến đấu đổ máu và những cuộc xử bắn của quân đội, đặc biệt là ở Xi-lê-di, chế độ phong kiến lại được phục hồi bởi chính bàn tay của giai cấp tư sản mới hôm qua còn chống phong kiến. Với việc làm đó, giai cấp tư sản đã tự lên án nó một cách gay gắt nhất. Trong lịch sử, chưa bao giờ có một đảng nào lại có hành động phản bội như vậy đối với người đồng minh tốt nhất của mình, đối với chính bản thân mình; và trong tương lai, dù đảng tư sản đó có bị sỉ nhục, bị trừng phạt như thế nào chăng nữa thì chỉ riêng hành động đó cũng đủ khiến cho nó đáng phải chịu như vậy rồi.

Luân Đôn, tháng Mười 1851



# VII
# QUỐC HỘI PHRAN-PHUỐC

Có lẽ bạn đọc sẽ nhớ lại rằng trong sáu bài báo trước, chúng ta đã theo dõi phong trào cách mạng ở Đức cho đến hai cuộc chiến thắng lớn của nhân dân vào ngày 13 tháng Ba ở Viên và ngày 18 tháng Ba ở Béc-lin. Ở Áo cũng như ở Phổ, chúng ta đã thấy thành lập những chính phủ lập hiến, tuyên bố những nguyên tắc tự do chủ nghĩa, tức là những nguyên tắc tư sản, coi đó là phương châm chỉ đạo toàn bộ chính sách sau này; sự khác nhau rõ ràng và duy nhất giữa hai trung tâm hoạt động lớn ấy là: ở Phổ, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, do hai nhà buôn giàu có Cam-pơ-hau-den và Han-dơ-man đại biểu, đã trực tiếp đoạt lấy chính quyền, còn ở Áo, vì giai cấp tư sản ít được tôi luyện về chính trị hơn nên ở đấy, bọn quan liêu tự do chủ nghĩa đã nhận chức và tuyên bố nắm chính quyền theo sự ủy nhiệm của giai cấp tư sản. Ngoài ra, chúng ta cũng thấy rằng các đảng và các giai cấp xã hội, cho đến bây giờ vẫn liên hiệp với nhau để chống chính phủ cũ, lại chia rẽ nhau như thế nào sau khi chiến thắng, hoặc thậm chí trong quá trình chiến đấu; chúng ta cũng thấy chính giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa ấy, kẻ duy nhất được hưởng chiến quả, đã tức khắc quay lại chống bạn đồng minh hôm qua của nó như thế nào, đã có thái độ thù địch như thế nào với mọi giai cấp hay đảng phái, tiến bộ hơn nó, và đã ký kết liên minh như thế nào với các thế lực phong kiến và quan liêu đã bị đánh bại. Thực ra thì ngay từ lúc bắt đầu tấn kịch cách mạng, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa chỉ có thể chống lại các đảng phong kiến và quan liêu đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt, bằng cách dựa vào các đảng nhân dân tiến bộ

hơn, và đồng thời nó cũng cần đến sự giúp đỡ của giai cấp quý tộc phong kiến và bộ máy quan liêu để chống lại sự tiến công của những quần chúng cấp tiến hơn ấy. Như vậy, cũng khá rõ ràng là giai cấp tư sản ở Áo và ở Phổ không đủ lực lượng để giữ vững chính quyền của nó và để làm cho những thiết chế nhà nước thích ứng với nhu cầu và tư tưởng của nó. Nội các tư sản - tự do chủ nghĩa chỉ là giai đoạn quá độ từ đó, tùy theo sự phát triển của tình hình, đất nước phải hoặc tiến lên mức cao hơn thành nước cộng hòa thống nhất, hoặc lại rớt xuống chế độ tăng lữ phong kiến và quan liêu như cũ. Dù sao, trận chiến đấu thực sự và quyết định vẫn chưa tới; những sự biến tháng Ba mới chỉ là bước đầu của cuộc chiến đấu mà thôi.

Vì Áo và Phổ là hai quốc gia dẫn đầu nước Đức, cho nên mọi chiến thắng cách mạng quyết định ở Viên hay ở Béc-lin cũng sẽ có tính chất quyết định đối với toàn bộ nước Đức. Và đúng như vậy, mức phát triển của những sự biến tháng Ba năm 1848 ở hai thành phố ấy đã quyết định diễn biến của tình hình ở toàn nước Đức. Do đó, cũng không cần phải đi sâu vào phong trào xảy ra ở các bang nhỏ, và thực ra, chúng ta chỉ cần bàn đến những vấn đề ở Áo và ở Phổ, nếu sự tồn tại của các bang nhỏ ấy đã không làm nảy sinh ra một cơ quan mà chỉ riêng sự tồn tại của nó cũng đã là bằng chứng hùng hồn nhất về tình trạng bất bình thường của nước Đức và về tính chất dở dang của cuộc cách mạng vừa qua, - một cơ quan quái đản, lố bịch do chính ngay vị trí của nó, và lại tự cho mình là quan trọng đến mức mà chắc chắn là lịch sử sẽ không bao giờ tạo ra được một cơ quan tương tự như thế nữa. Cơ quan ấy được gọi là *Quốc hội Đức* ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ.

Sau những chiến thắng của nhân dân ở Viên và ở Béc-lin thì việc triệu tập một đại hội đại biểu toàn Đức là điều đương nhiên. Thế là Quốc hội đã được bầu ra và họp ở Phran-phuốc bên cạnh Quốc hội hiệp bang cũ. Nhân dân hy vọng rằng Quốc hội Đức sẽ có thể giải quyết tất cả mọi công việc còn đang tranh chấp và sẽ



hành động với tư cách là cơ quan quyền lực lập pháp tối cao của toàn bộ Hiệp bang Đức. Song Quốc hội hiệp bang đã triệu tập Quốc hội lại và không hề quy định quyền hạn cho nó. Không biết những quyết nghị của nó liệu có hiệu lực như pháp luật hay không hay chúng phải được Quốc hội hiệp bang hoặc các chính phủ riêng thông qua. Trong tình trạng mơ hồ ấy, nếu Quốc hội có chút ít nghị lực thì nó đã phải tức khắc giải tán Quốc hội hiệp bang, một tổ chức không được lòng dân nhất ở Đức lúc bấy giờ và thay nó bằng một chính phủ Hiệp bang chọn trong các thành viên của nó. Nó sẽ tuyên bố rằng nó là cơ quan duy nhất hợp pháp thể hiện ý chí tối cao của nhân dân Đức và do đó sẽ làm cho mỗi quyết nghị của nó có hiệu lực của pháp luật. Nhưng trước hết nó sẽ phải tự tạo cho mình một lực lượng có tổ chức và vũ trang ở trong nước đủ mạnh để đập tan mọi sự chống đối của các chính phủ bang. Tất cả những việc đó là dễ làm, rất dễ làm trong thời kỳ đầu ấy của cách mạng. Nhưng yêu cầu Quốc hội Phran-phuốc làm những việc như vậy là trông chờ quá nhiều vào một Quốc hội mà đa số gồm những luật sư tự do chủ nghĩa và những giáo sư khoa luận, - vào một Quốc hội có tham vọng thể hiện sự tinh túy của tư tưởng và của khoa học Đức, nhưng thực ra chỉ là cái sân khấu trên đó các nhân vật chính trị già cỗi và lỗi thời, biểu diễn trước toàn thể nước Đức sự lố lăng vô ý thức của họ và sự bất lực của họ trong suy nghĩ và hành động. Cái Quốc hội của các mụ già đó, ngay từ những ngày đầu của cuộc đời của nó, đã tỏ ra sợ bất cứ một phong trào quần chúng nhỏ nào hơn là sợ tất cả các âm mưu phản động của tất cả các chính phủ Đức cộng lại. Quốc hội thảo luận dưới sự giám thị của Quốc hội hiệp bang, có thể nói là nó hầu như van xin Quốc hội hiệp bang phê chuẩn những quyết nghị của nó, vì những nghị quyết đầu tiên của nó phải được cái cơ quan ghê tởm ấy công bố. Đáng lẽ phải khẳng định chủ quyền của nó thì nó lại cố ý lẩn tránh không thảo luận những vấn đề nguy hiểm như vậy. Đáng lẽ phải tập hợp quanh nó một lực lượng quần chúng vũ trang thì nó lại chuyển sang thảo luận những vấn đề trước mắt, bỏ qua mọi hành vi bạo lực của

các chính phủ. Ngay trước mắt nó, thành phố Ma-in-xơ bị thiết quân luật và nhân dân thành phố bị tước vũ khí, vậy mà Quốc hội vẫn không hành động gì. Sau đó, nó cử đại công tước Áo I-ô-han làm nhiếp chính của đế chế và tuyên bố mọi quyết nghị của Quốc hội đều có hiệu lực của pháp luật; nhưng đại công tước I-ô-han lại chỉ được nhận chức mới khi đã có sự đồng ý của tất cả các chính phủ, và lại do Quốc hội hiệp bang chứ không phải là do Quốc hội bổ nhiệm; còn về hiệu lực pháp luật của các sắc lệnh của Quốc hội thì đó là một điểm mà chính phủ các quốc gia lớn chưa bao giờ công nhận và chính bản thân Quốc hội cũng không bao giờ tìm cách đề cao, do đó vấn đề vẫn còn chưa được giải quyết dứt khoát. Rốt cuộc là chúng ta được chứng kiến một cảnh tượng lạ lùng là một Quốc hội, trong khi tự cho mình là kẻ đại diện duy nhất hợp pháp của một dân tộc lớn có chủ quyền thì lại hoàn toàn không có ý chí và lực lượng để làm cho yêu cầu của mình được công nhận. Những cuộc thảo luận của Quốc hội ấy không mang lại một kết quả thực tiễn nào, cũng không có cả giá trị lý luận nữa, vì ở đó, người ta chỉ nhai đi nhai lại những sáo ngữ của các môn phái triết học và luật học đã lỗi thời; ở đó, người ta chỉ nói hay đúng hơn là chỉ nói ấp a ấp úng những câu đã được in ra từ lâu hàng nghìn lần và trên nghìn lần.

Như vậy, cái gọi là cơ cấu chính quyền trung ương mới của Đức vẫn để tình hình y nguyên như cũ. Không thực hiện được sự thống nhất biết bao mong đợi của nước Đức, nó cũng không truất được ngôi của những vương hầu tồi tệ nhất đang thống trị nước Đức; nó chẳng làm gì để thắt chặt hơn nữa những mối liên hệ giữa các tỉnh tản mạn; nó hoàn toàn chẳng thêm làm một việc gì để phá bỏ những hàng rào thuế quan chia cắt Han-nô-vơ với Phổ và Phổ với Áo; nó cũng không hề bỏ ra một công sức nào để thủ tiêu những khoản thuế đáng ghét đang ngăn trở ở khắp nơi việc đi lại trên sông ở Phổ. Nhưng càng ít làm việc bao nhiêu thì cái Quốc hội ấy lại càng huênh hoang bấy nhiêu. Nó lập ra một đội hải quân Đức trên giấy; nó sáp nhập Ba Lan và Slê-đơ-vích; nó cho phép Áo thuộc Đức tiến hành chiến tranh chống I-ta-li-a, nhưng



lại cấm người I-ta-li-a truy kích người Áo đến tận nơi ẩn nấp chắc chắn của họ là nước Đức; nó vỗ tay chào mừng nước Cộng hòa Pháp và tiếp các sứ giả Hung-ga-ri làm cho những sứ giả ấy khi trở về, chắc chắn sẽ có những ý niệm mơ hồ về nước Đức hơn nhiều so với khi mới đến.

Vào buổi đầu của cách mạng, Quốc hội ấy là mối lo của tất cả các chính phủ ở Đức. Các chính phủ ấy tính rằng nó sẽ hành động hết sức độc tài và cách mạng, chính vì cái tình trạng không có quyền hạn minh bạch mà lúc đó người ta thấy lại cần thiết phải để như vậy. Vì vậy, các chính phủ ấy đã giăng một mạng lưới âm mưu hết sức rộng rãi nhằm giảm bớt ảnh hưởng của cái cơ quan đáng sợ ấy; nhưng tình hình chứng tỏ rằng họ may hơn khôn, vì thực ra Quốc hội ấy đã giúp cho các chính phủ ấy làm việc nhiều hơn là bản thân các chính phủ ấy có thể làm được. Âm mưu chủ chốt của các chính phủ là triệu tập những hội nghị lập pháp địa phương; do đó, không những các bang nhỏ đã triệu tập các hội nghị lập pháp của họ, mà ở Phổ và Áo cũng triệu tập hội nghị lập hiến của mình. Trong những hội nghị lập hiến này, cũng như trong Quốc hội Phran-phuốc, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa hay những đồng minh của nó là bọn luật sư tự do chủ nghĩa và bọn quan lại đều chiếm đa số, và ở trong mỗi hội nghị ấy, tình hình công việc cũng gần giống như thế. Điểm khác nhau duy nhất chỉ là ở chỗ Quốc hội Đức là một nghị viện của một đất nước tưởng tượng, vì nó khước từ nhiệm vụ thành lập một nước Đức thống nhất, tức là khước từ chính việc thực hiện điều kiện tiên quyết của sự tồn tại của nó; vì nó thảo luận những biện pháp tưởng tượng và không bao giờ có cơ hội thực hiện của một chính phủ do nó tưởng tượng ra, và nó thông qua những nghị quyết tưởng tượng mà không ai thèm chú ý tới. Ngược lại, ở Áo và ở Phổ thì những cơ quan lập hiến ít ra cũng là những nghị viện thực sự; chúng đã lật đổ và bổ nhiệm những bộ trưởng thực sự, và ít ra cũng trong một thời gian nào đó, đã buộc được các vương hầu, là đối tượng đấu tranh của chúng, phải thi hành những nghị quyết của chúng. Chúng nổi tiếng là hèn nhát và cũng chẳng có được

sự hiểu biết rộng rãi về những biện pháp cách mạng; chúng cũng phản bội nhân dân và trao trả lại chính quyền cho bọn chuyên chế phong kiến, quan liêu và quân phiệt. Nhưng ít ra, tình hình đã buộc họ phải thảo luận những vấn đề thực tiễn, có ích lợi trực tiếp, và cũng đã sống trên mặt đất cùng với những người khác, còn bọn ba hoa ở Phran-phuốc thì lại chỉ lấy làm sung sướng hơn bao giờ hết, khi có thể lang thang trong "cõi mộng", "im Luftreich des Traums"[23]. Vì vậy mà những cuộc thảo luận của các hội nghị lập hiến ở Béc-lin và ở Viên là một bộ phận quan trọng của lịch sử cách mạng Đức, còn những bài diễn văn cóp nhặt của những tên hề ở Phran-phuốc thì chỉ gây hứng thú cho những kẻ sưu tầm văn chương và đồ cổ kỳ lạ mà thôi.

Nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải chấm dứt tình trạng chia cắt lãnh thổ đáng ghét làm phân tán và hủy diệt lực lượng tập thể của toàn dân tộc trong suốt một thời gian, nhân dân Đức đôi lúc đã mong mỏi rằng Quốc hội Phran-phuốc sẽ mở ra một kỷ nguyên mới. Nhưng hành động con nít của cuộc vận động này của những nhà thông thái đã làm nguội lạnh nhanh chóng nhiệt tình của toàn dân. Hành động vô sỉ của họ trong việc ký kết đình chiến ở Man-mi-ô (tháng Chín 1848)[24] đã làm bùng nổ cơn bão táp bất bình của nhân dân đối với cái Quốc hội mà người ta hy vọng là sẽ đảm bảo cho dân tộc một trường hoạt động tự do, nhưng ngược lại, do lòng hèn nhát vô hạn độ, nó chỉ làm cho nền tảng của chế độ phản cách mạng hiện thời lại trở lại vững chắc như trước mà thôi.

Luân Đôn, tháng Giêng 1852



# VIII
# NGƯỜI BA LAN, NGƯỜI SÉC VÀ NGƯỜI ĐỨC[25]

Do những điều đã nói trong các bài trước, chúng ta đã thấy rõ rằng nếu không có một cuộc cách mạng mới, kế tiếp cuộc cách mạng tháng Ba 1848 thì tình hình ở Đức nhất định sẽ trở lại như trước khi chưa có sự biến ấy. Nhưng vấn đề lịch sử mà chúng tôi cố gắng làm sáng tỏ đôi chút, lại phức tạp đến nỗi nếu không tính đến cái có thể gọi là những quan hệ đối ngoại của cuộc cách mạng Đức thì sẽ không hiểu được rõ ràng những sự kiện tiếp sau, mà những quan hệ đối ngoại ấy thì cũng phức tạp như tình hình xứ bộ vậy.

Ai nấy đều biết rằng cả nửa phần phía đông nước Đức cho đến sông En-bơ, sông Da-le và miền Rừng Bô-hêm[1*] đã được giành lại trong khoảng một nghìn năm gần đây từ tay các bộ lạc Xla-vơ đã xâm chiếm vùng ấy. Từ bao nhiêu thế kỷ trước đây, đại bộ phận những lãnh thổ ấy đã được Giéc-manh hóa đến mức tính dân tộc và ngôn ngữ của người Xla-vơ đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Và nếu chúng ta trừ ra mấy mảnh đất còn sót lại và hoàn toàn biệt lập, tất cả không đến mười vạn người (người Ca-su-bơ ở Pô-mê-ra-ni, người Ven-đi hay người Xoóc-bơ ở Lu-i-sơ), thì dân cư của vùng này, xét về mọi phương diện, đều là người Đức. Nhưng tình hình suốt dọc biên giới của Ba Lan cũ và trong các vùng thuộc ngôn ngữ Séc, ở Bô-hêm và Mô-ra-vi, thì lại không như thế. Ở đây, hai dân tộc đã sống xen lẫn nhau ở khắp mọi vùng; nói chung

1* - Rừng Séc

ở thành thị, dân cư đều ít nhiều là dân Đức, còn dân Xla-vơ thường chiếm số đông ở nông thôn, nhưng ở đó dân Xla-vơ cũng dần dần bị phân giải và bị sức bành trướng không ngừng của dân Đức đẩy lùi.

Nguyên nhân của tình trạng ấy là như sau: từ thời Sác-lơ-ma-nhơ Đại đế, người Đức đã hết sức cố gắng và kiên trì chinh phục và khai thác, hay ít ra là khai hóa miền Đông Âu. Những cuộc chinh phục của bọn quý tộc phong kiến ở vùng giữa sông En-bơ và sông Ô-đe và những thực dân địa phong kiến của tầng lớp kỵ sĩ ở Phổ và ở Li-vơ-ni chẳng qua chỉ là dọn đường cho việc Giéc-manh hóa một cách có hệ thống rộng lớn hơn và hữu hiệu hơn của giai cấp tư sản công thương nghiệp, giai cấp này, ở Đức cũng như ở phần còn lại của Tây Âu, đã trở thành quan trọng về mặt xã hội và chính trị ngay từ thế kỷ XV. Người Xla-vơ, đặc biệt là người Xla-vơ miền tây - người Ba Lan và người Séc - thì chủ yếu là dân nông nghiệp; họ chưa bao giờ để ý đến công nghiệp và thương nghiệp. Nhờ thế mà cùng với sự tăng thêm dân số và sự xuất hiện của các thành phố nên việc sản xuất toàn bộ các mặt hàng công nghiệp trong các miền ấy đều rơi vào tay những người di cư Đức, và việc trao đổi hàng hóa ấy lấy nông phẩm trở thành độc quyền riêng của người Do Thái, là những người dù mang quốc tịch nào đi nữa ở các nước này thì cũng chắc chắn là thuộc dân Đức hơn là thuộc dân Xla-vơ. Tình hình ở toàn bộ Đông Âu cũng như vậy, tuy là ở mức độ kém hơn. Ở Pê-téc-bua, Pét, Giát-xi và ngay cả ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, thợ thủ công tiểu thương, tiểu nghiệp chủ, cho đến nay, vẫn là người Đức, còn người cho vay lãi, chủ quán rượu, người bán hàng rong - một hạng người rất quan trọng ở các xứ thưa dân này - thì hầu như bao giờ cũng là người Do Thái mà tiếng mẹ đẻ là một thứ tiếng Đức đã biến đổi đến nỗi không nhận ra được nữa. Tầm quan trọng của người Đức trong các vùng thuộc biên giới Xla-vơ tăng lên cùng với sự phát triển của thành thị, của công thương nghiệp và lại càng tăng lên hơn nữa khi cần phải du nhập từ Đức hầu hết tất cả mọi yếu tố của nền văn hóa tinh thần. Sau người lái buôn và người thợ thủ công Đức thì giáo sĩ



Đức, giáo viên Đức, bác học Đức, cũng bắt đầu đến lập nghiệp trên lãnh thổ Xla-vơ. Và sau cùng, gót sắt của các đoàn quân xâm lược, hay sự chiếm đoạt khôn ngoan và được tính toán trước của nền ngoại giao, đều không phải chỉ được tiến hành tiếp sau, mà nhiều khi trước cả quá trình phi dân tộc hóa chậm chạp, nhưng chắc chắn, do sự phát triển xã hội dẫn tới. Sau cuộc phân chia Ba Lan lần thứ nhất thì nhiều bộ phận lớn của miền tây Phổ và của Pô-dơ-nan đã bị Giéc-manh hóa như vậy bằng việc bán và nhượng lại những đất công cho những người di cư Đức, bằng việc khuyến khích các nhà tư bản Đức thiết lập công xưởng, v.v., ở các miền ấy, và cũng thường thường là bằng những phương sách hết sức chuyên chế đối với những cư dân Ba Lan.

Bảy mươi năm qua, đường ranh giới giữa dân tộc Đức và dân tộc Ba Lan đã hoàn toàn xê dịch đi như vậy. Cuộc cách mạng 1848 đã làm cho tất cả các dân tộc bị áp bức đều lập tức đòi quyền tồn tại độc lập và quyền tự quyết định công việc của mình, nên lẽ tự nhiên là người Ba lan cũng lập tức đòi khôi phục đất nước họ theo đường biên giới của nước Cộng hòa Ba Lan cũ từ trước năm 1772. Thực ra thì ngay cả lúc ấy nữa, đường biên giới ấy cũng đã trở nên không thích hợp để phân ranh giới giữa dân tộc Đức và Ba Lan nữa rồi, sau đó, quá trình Giéc-manh hóa càng tiến tới thì hàng năm nó càng trở nên không thích hợp hơn. Nhưng một khi người Đức đã biểu thị một nhiệt tình lớn đến thế đối với việc khôi phục nước Ba Lan thì họ cũng phải nghĩ đến việc người ta sẽ yêu cầu họ từ bỏ phần chiến lợi phẩm *của họ*, coi đó là một bằng chứng đầu tiên chứng tỏ rằng nhiệt tình của mình là chân thành. Nhưng mặt khác, liệu người ta có thể nhượng những vùng rộng lớn mà phần lớn dân cư là người Đức và những thành thị lớn hoàn toàn Đức cho một dân tộc cho đến nay chưa chứng tỏ là có khả năng thoát khỏi chế độ phong kiến dựa trên nền tảng chế độ nông nô, hay không? Vấn đề khá phức tạp. Chiến tranh với nước Nga là giải pháp duy nhất. Trong trường hợp ấy, vấn đề phân ranh giới giữa các dân tộc cách mạng sẽ trở thành vấn đề thứ yếu so với vấn đề chính là thiết lập một biên giới vững chắc

chống kẻ thù chung. Người Ba Lan, được những đất đai rộng lớn ở miền đông sẽ có thái độ ôn hòa và hợp lý hơn trong những yêu sách của mình về miền tây; và rốt cuộc họ cũng có thể cho rằng Ri-ga và Mi-tau-vơ[1*] cũng quan trọng như Đan-txích và En-bin-gơ[2*]. Vì vậy, chính đảng tiến bộ ở Đức cho rằng một cuộc chiến tranh với nước Nga là cần thiết để duy trì phong trào ở lục địa, và tin chắc rằng việc khôi phục độc lập dân tộc dù chỉ là của một bộ phận Ba Lan cũng nhất định làm nổ ra cuộc chiến tranh ấy, nên nó đã ủng hộ người Ba Lan; trái lại, đảng tư sản tự do chủ nghĩa cầm quyền thì thấy trước rất rõ là một cuộc chiến tranh dân tộc chống nước Nga sẽ đưa nó đến chỗ sụp đổ, vì cuộc chiến tranh ấy sẽ đưa những người tích cực và kiên quyết hơn lên nắm chính quyền, và do đó nó giả vờ vui mừng về sự bành trướng của dân tộc Đức và tuyên bố: Ba Lan thuộc Phổ, trung tâm của hoạt động cách mạng Ba Lan, phải là bộ phận khăng khít của đế quốc Đức tương lai. Những lời hứa với người Ba Lan trong những ngày đầu của phong trào đã bị phản bội một cách vô sỉ. Những đội quân vũ trang Ba Lan, được chính phủ cho phép thành lập, đã bị pháo binh Phổ đánh tan tác và sát hại; và ngay vào tháng Tư 1848, chưa đầy sáu tuần lễ sau cuộc cách mạng Béc-lin, phong trào Ba Lan đã bị dẹp bẹp và hận thù dân tộc xưa kia giữa người Đức và người Ba Lan lại sống trở lại. Chính những tên bộ trưởng - thương nhân tự do chủ nghĩa, Cam-pơ-hau-den và Han-dơ-man, đã có cái công lao lớn, vô giá đó đối với chế độ chuyên chế Nga. Cần phải nói thêm rằng chiến dịch Ba Lan, đó là cái bước thứ nhất để cải tổ và cổ vũ quân đội Phổ. Quân đội này, về sau, đã đuổi cổ đảng tự do và bóp chết phong trào mà các ngài Cam-pơ-hau-den và Han-dơ-man đã tốn biết bao công phu mới xây dựng lên được. "Ác giả ác báo". Đó là số phận của tất cả những kẻ bột phát năm 1848 và 1849, từ Lơ-druy Rô-lanh đến Săng-gác-ni-ê, và từ Cam-pơ-hau-den xuống đến Hay- nau.

1* Tên gọi bằng tiếng Lát-vi-a là En-ga-va

2* Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Gơ-đan-xcơ và En-blôn-gơ.



Vấn đề dân tộc còn gây nên một cuộc đấu tranh khác cả ở Bô-hêm. Ở đây, có hai triệu người Đức và ba triệu người Xla-vơ sinh sống, nói tiếng Séc và có những sự tích lịch sử vĩ đại hầu hết là có liên quan tới địa vị thống trị xưa kia của người Séc. Nhưng sau đó, ngay từ cuộc chiến tranh của Hu-xơ vào thế kỷ XV[26], lực lượng của ngành họ Xla-vơ đó đã bị xóa bỏ. Những tỉnh nói tiếng Séc bị phân chia; một bộ phận thành vương quốc Bô-hêm, một bộ phận khác thành công quốc Mô-ra-vi;. bộ phận thứ ba tức là miền núi Các-pát do người Xlô-va-ki ở, lại thuộc về Hung-ga-ri. Từ bấy giờ trở đi, người Mô-ra-vi và người Xlô-va-ki đã mất hết mọi vết tích của ý thức dân tộc và sức sống dân tộc, mặc dầu trong một mức độ lớn họ vẫn còn giữ được ngôn ngữ của mình. Xứ Bô-hêm thì ba mặt bị những vùng hoàn toàn Đức bao quanh. Yếu tố Đức đã có nhiều thắng lợi lớn ở trên lãnh thổ của nó; thậm chí ở ngay thủ đô là Pra-ha, hai dân tộc cũng gần ngang nhau về dân số nhưng ở khắp vùng thì tư bản, thương nghiệp, công nghiệp và văn hóa tinh thần đều nằm trong tay người Đức. Bản thân giáo sư Pa-lát-xki, người chiến sĩ chủ chốt bảo vệ dân tộc Séc cũng chỉ là một nhà bác học Đức loạn óc, hiện nay cũng chưa biết nói tiếng Séc cho đúng mà không pha giọng nước ngoài. Nhưng như vẫn thường xảy ra, dân tộc Séc đang hấp hối, như tất cả các sự kiện lịch sử trong bốn trăm năm gần đây đã chứng tỏ, đã cố gắng một lần cuối cùng vào năm 1848 nhằm khôi phục lại sức sống trước kia của mình; nhưng nếu không kể đến phương diện cách mạng thì sự thất bại của những cố gắng ấy đã chứng minh rằng Bô-hêm từ nay chỉ có thể tồn tại như một bộ phận cấu thành của nước Đức, mặc dầu trong mấy thế kỷ nữa, một bộ phận dân cư của họ vẫn còn tiếp tục nói một thứ tiếng không phải là tiếng Đức.

Luân Đôn, tháng Hai 1852

# IX
# CHỦ NGHĨA ĐẠI XLA-VƠ. CUỘC CHIẾN TRANH SLÊ-DƠ-VÍCH-HÔN-STAI-NƠ

Xứ Bô-hêm và Crô-a-xi (một thành viên khác bị tách ra của chủng tộc Xla-vơ, chịu ảnh hưởng của người Hung-ga-ri cũng như xứ Bô-hêm chịu ảnh hưởng của người Đức) là quê hương của phong trào mà người trên lục địa châu Âu gọi là "chủ nghĩa đại Xla-vơ". Cả Bô-hêm lẫn Crô-a-xi đều không đủ mạnh để tồn tại như những dân tộc độc lập. Cả hai dân tộc này, bị mòn mỏi dần đi do sự tác động của những nguyên nhân lịch sử, những nguyên nhân đã làm cho họ không tránh khỏi bị các dân tộc hùng mạnh hơn nuốt mất, nên chỉ có thể hy vọng khôi phục lại được một nền độc lập nào đó với điều kiện liên minh với các dân tộc Xla-vơ khác. Có 22 triệu người Ba Lan, 45 triệu người Nga, 8 triệu người Xéc-bi và người Bun-ga-ri; vậy tại sao người ta lại không thành lập một liên bang mạnh mẽ bao gồm toàn thể 80 triệu người Xla-vơ để đẩy lui hoặc tiêu diệt những kẻ xâm nhập vào lãnh thổ Xla-vơ thiêng liêng như người Thổ Nhĩ Kỳ, người Hung-ga-ri và trước hết là tên Niemetz đáng ghét nhưng lại rất cần thiết, tức người Đức? Chính vì vậy mà ở trong phòng làm việc của mấy nhà khoa học lịch sử nghiệp dư người Xla-vơ, đã nảy sinh ra cái phong trào vô lý và phản lịch sử không nhằm mục đích gì hơn là bắt phương tây văn minh phải khuất phục phương đông dã man, bắt thành thị phải khuất phục nông thôn, bắt thương nghiệp, công nghiệp, văn hóa phải khuất phục nông nghiệp nguyên thuỷ của người nông nô Xla-vơ. Nhưng



đứng sừng sững đằng sau cái thuyết lố bịch ấy, có cái hiện thực đáng sợ là *đế chế Nga*, cái đế chế mà mỗi một cử động đều bộc lộ tham vọng coi toàn thể châu Âu là sở hữu của bộ tộc Xla-vơ và đặc biệt là của bộ phận kiên quyết duy nhất của bộ tộc ấy là người Nga; cái đế chế, với hai thủ đô là Pê-tec-bua và Mát-xcơ-va, vẫn chưa có được trọng tâm của nó chừng nào mà *"thành phố của Nga hoàng"* (tức Công-xtăng-ti-nô-plơ, tiếng Nga là Xa-rơ-grát, tức thành phố của nhà vua), mà bất cứ người nông dân Nga nào cũng coi là thủ đô chân chính của tôn giáo và của dân tộc mình, chưa thực sự là nơi đóng đô của hoàng đế Nga; cái đế chế, trong 150 năm qua, chưa bao giờ mất mà lại còn luôn luôn được thêm lãnh thổ trong tất cả những cuộc chiến tranh mà nó đã tiến hành. Và ở Trung Âu, người ta biết rõ chính sách của Nga đã dùng những quỷ kế như thế nào để ủng hộ cái thuyết đại Xla-vơ vừa mới được phát minh ra, một thuyết phù hợp với mục đích của nó hơn bất cứ thuyết nào khác mà người ta có thể bịa ra được. Như vậy là những người theo chủ nghĩa đại Xla-vơ ở Bô-hêm và Crô-a-xi, kẻ thì cố tình, người thì vô ý thức, đều hành động vì lợi ích trực tiếp của nước Nga; họ đều phản bội sự nghiệp cách mạng để theo đuổi cái bóng ma dân tộc mà số phận của nó, trong trường hợp tốt nhất, cũng sẽ giống như số phận của dân tộc Ba Lan dưới ách thống trị của người Nga. Tuy nhiên, vì vinh dự của người Ba Lan chúng ta phải thấy rằng họ chưa bao giờ thực sự mắc phải cái bẫy chủ nghĩa đại Xla-vơ ấy; và nếu có một số ít bọn quý tộc thành những kẻ đại Xla-vơ điên cuồng thì chính là vì chúng biết rằng dưới ách của nước Nga, chúng ít mất mát hơn là khi những nông dân lệ thuộc của chúng nổi dậy.

Lúc bấy giờ, người Séc và người Crô-a-xi triệu tập ở Pra-ha một đại hội Xla-vơ[27] với mục đích chuẩn bị một liên minh toàn thể những người Xla-vơ. Dù không có sự can thiệp của lực lượng vũ trang Áo thì đại hội ấy cũng cứ thất bại. Những ngôn ngữ Xla-vơ riêng cũng khác nhau như tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Thụy Điển khác nhau, và khi bắt đầu thảo luận, người ta mới thấy rằng không có một thứ tiếng Xla-vơ chung để cho các diễn giả có thể

hiểu được nhau. Người ta thử dùng tiếng Pháp, nhưng đa số cũng không hiểu được; và những người Xla-vơ nhiệt tâm đáng thương ấy mà tình cảm chung duy nhất giữa họ với nhau vốn chỉ là lòng căm thù chung đối với người Đức, cuối cùng buộc phải dùng cái thứ tiếng Đức đáng ghét vì đó là thứ tiếng duy nhất mà mọi người đều hiểu! Nhưng cũng lúc ấy, một hội nghị Xla-vơ khác lại họp ở Pra-ha dưới hình thức những thương ky binh Ga-li-xi, lính phóng lựu Crô-a-xi và Xlô-va-ki, pháo binh và giáp sĩ người Séc; và chưa đầy 24 tiếng đồng hồ, cái đại hội vũ trang thực sự Xla-vơ này, dưới quyền chỉ huy của Vin-đi-sơ-grét-xơ đã tống cổ những vị sáng lập nền bá chủ Xla-vơ tưởng tượng ra khỏi thành phố và đuổi họ tan tác đi khắp nơi.

Những nghị viên người Bô-hêm, Mô-ra-vi, Đan-ma-xi và một bộ phận những nghị viên Ba Lan (thuộc tầng lớp quý tộc) ở Quốc hội lập hiến Áo đã tiến hành đấu tranh có hệ thống trong nghị viện ấy chống các đại biểu Đức. Những người Đức và một bộ phận người Ba Lan khác (thuộc tầng lớp quý tộc đã bị phá sản) trong nghị viện ấy là những đại biểu chủ yếu đấu tranh cho tiến bộ cách mạng. Cái khối đông đảo những đại biểu Xla-vơ chống lại họ, không chỉ bộc lộ công khai những khuynh hướng phản động của toàn bộ phong trào của họ nói chung, mà lại còn hèn hạ đến mức cấu kết và âm mưu với chính cái chính phủ Áo đã giải tán đại hội của họ ở Pra-ha. Họ cũng được người ta trả công về hành vi đốn mạt ấy; sau khi các đại biểu Xla-vơ đã ủng hộ chính phủ trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười 1848, một cuộc khởi nghĩa đã đảm bảo cho họ chiếm một đa số trong Quốc hội, thì Quốc hội này, từ đó, gần như hoàn toàn chỉ gồm có người Xla-vơ, cũng bị binh lính Áo giải tán như đại hội ở Pra-ha, và những phần tử đại Xla-vơ bị dọa bỏ tù nếu họ còn khuấy động một lần nữa. Tất cả cái mà họ thu được chỉ là dân tộc Xla-vơ hiện nay bị chính chế độ trung ương tập quyền của Áo làm cho suy yếu ở khắp nơi, một kết quả mà họ phải nhận lấy chỉ vì lòng cuồng tín và sự mê muội của bản thân họ.



Nếu như biên giới của Hung-ga-ri và Đức còn chỗ nào đó chưa rõ ràng thì nhất định lại sẽ có tranh chấp. Nhưng may thay, không hề có lý do gì gây tranh chấp và những lợi ích của hai dân tộc gắn bó mật thiết với nhau, nên hai dân tộc cùng chiến đấu chống kẻ thù chung, nghĩa là chống Chính phủ Áo và chủ nghĩa cuồng tín đại Xla-vơ. Sự hòa hợp tốt đẹp giữa hai dân tộc không một lúc nào bị phá vỡ. Nhưng do cuộc cách mạng I-ta-li-a nên ít ra là một phần nước Đức sẽ bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn; và để chứng minh rằng chế độ của Mét-téc-ních đã ngăn chặn được sự phát triển của ý thức xã hội đến mức nào thì ở đây, cần nhận thấy rằng trong sáu tháng đầu năm 1848, chính những người đã tham gia chiến đấu trên những lũy chướng ngại ở Viên, lại hăm hở tham gia đội quân đang đánh những người I-ta-li-a yêu nước. Nhưng tình trạng tư tưởng mơ hồ đáng tiếc ấy không kéo dài.

Sau cùng, còn có cuộc chiến tranh với Đan Mạch về vấn đề Slê-đơ-vích và Hôn-stai-nơ. Những vùng này - về phương diện dân tộc, ngôn ngữ và tình cảm thì rõ ràng mang tính chất Đức, - cũng rất cần cho Đức về phương diện quân sự, hàng hải và thương nghiệp. Từ ba năm nay, nhân dân các vùng ấy đã chiến đấu gian khổ chống sự xâm nhập của Đan Mạch. Hơn nữa căn cứ vào những hiệp ước, họ có quyền lợi đó. Cuộc cách mạng tháng Ba đã dẫn họ đến chỗ xung đột công khai với người Đan Mạch, và nước Đức ủng hộ họ. Nhưng trong khi ở Ba Lan, ở I-ta-li-a, ở Bô-hêm và sau này ở Hung-ga-ri, các cuộc tác chiến đã diễn ra hết sức ác liệt thì trong cuộc chiến tranh này, cuộc chiến tranh duy nhất có tính chất nhân dân và cách mạng, ít ra là trong một bộ phận, người ta đã áp dụng một chiến lược tiến công và thoái lui vô hiệu, để rồi chịu nhận sự can thiệp ngoại giao của nước ngoài, thành thử sau nhiều cuộc giao chiến anh dũng, người ta đã đi đến một kết cục thảm hại. Trong thời gian chiến tranh, Chính phủ Đức hễ có dịp thuận lợi là phản bội quân đội cách mạng của Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ và chính nó cố ý cho phép người Đan Mạch tiêu diệt

quân đội ấy khi quân đội ấy bị phân tán hay chia cắt. Quân đoàn tình nguyện người Đức cũng bị đối xử như vậy.

Nhưng trong khi cái danh hiệu Đức, trong những hoàn cảnh như vậy, bị khắp nơi căm thù thì các chính phủ lập hiến và tự do chủ nghĩa Đức lại lấy làm hả lòng hả dạ. Chúng đã đè bẹp được các phong trào Ba Lan và Bô-hêm. Khắp nơi, chúng đã nhen lại được những mối hận thù dân tộc từ trước đến nay vẫn ngăn trở mọi sự hòa hợp và mọi hành động chung giữa người Đức, người Ba Lan và người I-ta-li-a. Chúng đã làm cho dân chúng quen với những cảnh nội chiến và những biện pháp đàn áp bằng quân đội. Quân đội Phổ ở Ba Lan và quân đội Áo ở Pra-ha đã khôi phục lại được lòng tự tin và trong khi người ta dấy lớp thanh niên dấy lòng yêu nước ("die patriotische Uberkraft" - theo lời của Hai-nơ[28]) có tinh thần cách mạng nhưng thiển cận vào Slê-đơ-vích và Lôm-bác-đi để cho súng máy của kẻ thù giết họ, thì người ta tạo điều kiện cho quân đội chính quy, công cụ hành động thực sự của nước Phổ cũng như của Áo, giành lại cảm tình của quần chúng bằng những chiến thắng của nó ở nước ngoài. Nhưng chúng tôi xin nhắc lại rằng những quân đội ấy, quân đội đã được phái tự do chủ nghĩa củng cố để dùng làm công cụ chống chính đảng tiến bộ hơn, đã khôi phục lại được trong chừng mực nào đó lòng tự tin vào sức mạnh và kỷ luật của mình thì chúng đã quay vũ khí lại chống ngay chính phái tự do chủ nghĩa và trả lại chính quyền cho đại diện của chế độ cũ. Khi Ra-đét-xki, ở trong doanh trại của ông ta bên kia sông A-đi-đơ, nhận những mệnh lệnh đầu tiên của các vị "bộ trưởng có trách nhiệm" ở Viên thì ông ta đã kêu lên rằng: "Những bộ trưởng ấy là ai ? Đây không phải là chính phủ Áo; lúc này, nước Áo không tồn tại ở ngoài doanh trại của ta; ta và quân đội của ta là nước Áo; và khi nào đánh bại bọn I-ta-li-a, chúng ta sẽ chinh phục lại đế chế cho hoàng đế!". Ông già Ra-đét-xki nói có lý, nhưng ở Viên, bọn bộ trưởng ngu xuẩn "có trách nhiệm" lại không chú ý đến ông ta.

Luân Đôn, tháng Hai 1852



# X
# CUỘC KHỞI NGHĨA Ở PA-RI. QUỐC HỘI PHRAN-PHUỐC

Ngay từ đầu tháng Tư 1848, dòng thác cách mạng đã bị chặn đứng ở trên khắp lục địa châu Âu, vì các giai cấp xã hội được lợi từ những thắng lợi đầu tiên, đã ký kết liên minh ngay với những kẻ chiến bại. Ở Pháp, giai cấp tiểu tư sản và bộ phận cộng hòa trong giai cấp tư sản đã liên minh với phái tư sản bảo hoàng để chống lại những người vô sản; ở Đức và ở I-ta-li-a, giai cấp tư sản chiến thắng đã vội vã tìm kiếm sự ủng hộ của bọn quý tộc phong kiến, của bộ máy quan liêu nhà nước và của quân đội để chống lại quần chúng nhân dân và những người tiểu tư sản. Chẳng bao lâu, các đảng bảo thủ và phản cách mạng liên hiệp với nhau đã chiếm được ưu thế trở lại. Ở Anh, một cuộc biểu tình của nhân dân diễn ra không đúng lúc và không được chuẩn bị chu đáo (ngày 10 tháng Tư) đã kết thúc bằng thất bại hoàn toàn và quyết định của đảng của phong trào[29]. Ở Pháp, hai cuộc vận động tương tự (ngày 16 tháng Tư và ngày 15 tháng Năm) cũng thất bại[30]. Ở I-ta-li-a, ngày 15 tháng Năm, chỉ bằng một đòn đánh, vua Bom[1*] đã khôi phục lại ngay quyền lực của mình[31]. Ở Đức, nhiều chính phủ tư sản mới và các hội nghị lập hiến của họ được củng cố, và nếu ngày 15 tháng Năm, một ngày có nhiều sự biến đến thế, đã đem lại thắng lợi cho quần chúng ở Viên, thì sự kiện này cũng chỉ là một sự kiện thứ yếu và có thể coi đó là ngọn lửa thắng lợi cuối cùng của nghị lực nhân dân. Ở Hung-ga-ri, phong trào hình

1* - Phe-đi-năng II

như đã được hưởng vào những con đường hòa bình hoàn toàn hợp pháp, và phong trào Ba Lan, như chúng ta đã nói đến trong một bài báo trước, đã bị lưỡi lê của Phổ dập tắt tử trong trứng nước. Nhưng cuối cùng tình hình sẽ xoay chuyển ra sao thì chưa có gì rõ ràng, và mỗi tấc đất mà các đảng cách mạng ở các nước đã mất đi chỉ khiến cho họ càng ngày càng siết chặt hàng ngũ lại để chuẩn bị trận chiến đấu quyết định.

Những trận chiến đấu quyết định ấy đang đến gần. Nó chỉ có thể được tiến hành ở Pháp; và chừng nào nước Anh chưa tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng và nước Đức còn bị chia cắt, thì nước Pháp, do nền độc lập dân tộc của nó, do nền văn minh và chế độ trung ương tập quyền của nó, là nước duy nhất có thể thúc đẩy một sự biến động mạnh mẽ tại các nước xung quanh. Vì vậy khi cuộc chiến đấu đổ máu đã bắt đầu nổ ra ở Pa-ri vào ngày 23 tháng Sáu 1848, khi mỗi bức điện mới, mỗi chuyến bưu kiện mới đều làm cho châu Âu thấy rõ hơn rằng cuộc đấu tranh ấy đã được tiến hành giữa một bên là toàn bộ quần chúng công nhân, với bên kia là tất cả các giai cấp khác của dân cư Pa-ri được quân đội ủng hộ; khi những trận chiến đấu đã kéo dài nhiều ngày với một mức độ khốc liệt chưa từng thấy trong lịch sử nội chiến hiện đại nhưng không bên nào có ưu thế rõ ràng, thì lúc đó mọi người đã nhận thấy rõ ràng rằng trận chiến đấu lớn quyết định ấy, nếu cuộc khởi nghĩa thành công, sẽ làm cho làn sóng cách mạng mới lan tràn khắp lục địa, còn nếu cuộc khởi nghĩa thất bại, thì sẽ khôi phục lại chế độ phản cách mạng, ít ra là trong một thời gian.

Những người vô sản Pa-ri đã bị đánh bại, bị tàn sát, đè bẹp đến mức đến tận bây giờ, họ vẫn chưa hồi phục. Và lập tức, khắp châu Âu, những phần tử bảo thủ và phản cách mạng mới và cũ lại ngóc đầu dậy, với một thái độ láo xược chứng tỏ rằng chúng đã hiểu rõ như thế nào ý nghĩa của sự biến ấy. Khắp nơi, báo chí bị truy nã, quyền hội họp và lập hội bị hạn chế; chỉ một sự biến nhỏ xảy ra trong bất cứ một thành phố nhỏ nào cũng là một cái cớ để tước vũ khí của quần chúng, để tuyên bố thiết quân luật



và tập dượt quân đội theo những cách và chiến thuật mới do Ca-ve-nhắc đã huấn luyện. Ngoài ra, lần đầu tiên kể từ tháng Hai đến giờ, tính vô địch của một cuộc khởi nghĩa nhân dân trong một thành phố lớn đã được chứng minh là một ảo tưởng; quân đội đã phục hồi lại được danh dự của mình; những đội quân, cho đến bấy giờ, vẫn bị đánh bại trong bất cứ một trận chiến đấu đường phố quan trọng nào, đã lấy lại được lòng tự tin và tin rằng mình có thể đảm nhiệm được kiểu chiến tranh ấy.

Có thể nói rằng thất bại đó của những công nhân Pa-ri đánh dấu những hành động tích cực đầu tiên, những kế hoạch cụ thể đầu tiên của đảng phong kiến và quan liêu cũ ở Đức nhằm trút bỏ được ngay cả người bạn đồng minh tạm thời của mình, tức giai cấp tư sản, và nhằm kéo nước Đức lui về tình trạng trước những sự biến tháng Ba. Quân đội lại trở thành lực lượng quyết định của nhà nước, nó không thuộc về giai cấp tư sản mà là thuộc về đảng này. Ngay cả ở Phổ, nơi mà trước năm 1848, người ta đã nhận thấy rằng một bộ phận hạ sĩ quan ngả mạnh theo hướng tán thành một chính phủ lập hiến thì tình trạng lộn xộn do cách mạng gây ra trong quân đội, đã kéo những thanh niên hay biện luận ấy trở lại phục tùng nghiêm ngặt; chỉ cần một người lính bình thường có một cử chỉ đôi chút tùy tiện đối với sĩ quan thì sĩ quan lập tức thấy rõ rằng kỷ luật và sự phục tùng thụ động là điều cần thiết. Bọn quý tộc và quan lại bị đánh bại bắt đầu nhận thấy rằng chúng cần phải làm gì; người ta chỉ cần thường xuyên lôi cuốn quân đội vào những cuộc xung đột nhỏ với nhân dân, - cái quân đội đã đoàn kết hơn bao giờ hết, kiêu căng về những chiến thắng trong những cuộc đàn áp khởi nghĩa nhỏ và trong những cuộc chiến tranh với nước ngoài, cái quân đội mong muốn có được những chiến thắng lớn như những chiến thắng mà quân đội Pháp vừa giành được, - quân đội ấy, sẽ có thể, trong giờ phút quyết định và chỉ bằng một cú đánh mạnh, đè bẹp những người cách mạng và chấm dứt những tham vọng của bọn nghị viên tư sản. Và thời cơ thuận lợi để đánh cái đòn quyết định như vậy cũng chẳng còn lâu nữa.

Chúng tôi không nói tới những cuộc tranh cãi ở nghị trường và những cuộc đấu tranh ở địa phương - đôi khi cũng lý thú nhưng thường thường là chán ngấy - đã xảy ra giữa những đảng phái ở Đức trong suốt mùa hè. Chỉ cần nói rằng đa số những kẻ bảo vệ lợi ích tư sản, mặc dầu đạt được nhiều thắng lợi ở nghị trường trong đó không một thắng lợi nào có lấy một chút kết quả thực tiễn, nói chung người ta cảm thấy rằng ngày càng không duy trì được vị trí của họ giữa các đảng cực đoan cho nên hôm nay, họ phải tìm kiếm sự liên minh với bọn phản động để rồi ngày mai lại bợ đỡ các đảng dân chủ hơn trong việc tìm kiếm sự rộng lòng của họ. Thái độ do dự thường xuyên ấy đã hạ uy tín của họ trước dư luận xã hội, và do tình hình xoay chuyển như vậy, việc chúng bị khinh bỉ lại tạm thời có lợi chủ yếu cho bọn quan lại và phong kiến.

Vào đầu mùa thu, quan hệ giữa các đảng đã trở nên cực kỳ căng thẳng và gay gắt đến nỗi khó lòng tránh khỏi một cuộc đấu tranh quyết định. Trận đầu tiên của cuộc chiến tranh ấy giữa quần chúng dân chủ và cách mạng với quân đội đã xảy ra ở Phran-phuốc. Mặc dù chỉ là thứ yếu, trận ấy cũng là thắng lợi đáng kể đầu tiên của quân đội đối với cuộc khởi nghĩa, và đã có tác dụng lớn về mặt tinh thần. Với những lý do rất hiển nhiên, nước Phổ đã cho phép cái chính phủ hữu danh vô thực do Quốc hội Phran-phuốc lập nên, ký kết hiệp nghị đình chiến với Đan Mạch, một hiệp nghị không những chỉ nộp những người Đức ở Slê-đơ-vích cho người Đan Mạch tàn sát, mà còn hoàn toàn phủ nhận những nguyên tắc ít nhiều cách mạng mà dư luận chung coi là cơ sở của cuộc chiến tranh Đan Mạch. Hiệp nghị đình chiến ấy bị Quốc hội Phran-phuốc bác bỏ với đa số hơn hai hay ba phiếu. Sau cuộc bỏ phiếu ấy là vở hài kịch của một cuộc khủng hoảng nội các, nhưng ba ngày sau, Quốc hội xét lại biểu quyết của mình và trên thực tế đã đi đến chỗ thủ tiêu quyết nghị cũ và phê chuẩn cuộc đình chiến. Hành động ô nhục ấy đã gây căm phẫn trong nhân dân. Người ta dựng chiến lũy, nhưng quân đội đã được tập trung khá đủ ở Phran-phuốc và chỉ sau sáu giờ chiến đấu, cuộc khởi nghĩa đã bị



dập tắt. Do sự kiện ấy, những phong trào tương tự, dù kém phần quan trọng hơn, đã nổ ra ở các vùng khác của nước Đức (ở Ba-đen, Khuên), nhưng cũng đều bị dập tắt như vậy.

Trận chiến đấu sơ bộ ấy đã mang lại cho đảng phản cách mạng mối lợi lớn là từ nay, cái chính phủ duy nhất và ít ra là có vẻ được nhân dân bầu ra, cái chính phủ đế chế Phran-phuốc, cũng như cái Quốc hội ở đấy, đều mất hết uy tín đối với nhân dân. Chính phủ và Quốc hội ấy đã buộc phải nhờ đến lưỡi lê của quân đội để chống lại những sự biểu hiện của ý chí nhân dân. Như vậy là chúng đã mất uy tín, và trước lúc đó nếu chúng còn được kính trọng chút nào thì việc lìa bỏ nguồn gốc của mình, sự lệ thuộc của chúng vào các chính phủ phản nhân dân và vào quân đội của những chính phủ ấy, cũng đã làm cho, từ nay trở đi, viên nhiếp chính của đế chế, các bộ trưởng và các nghị viên của hắn biến thành những con số không hoàn toàn. Rồi đây chúng ta sẽ thấy rằng trước hết là Áo, sau là Phổ, rồi đến các bang nhỏ, coi khinh như thế nào mỗi một mệnh lệnh, mỗi một yêu cầu, mỗi một phái đoàn mà họ tiếp nhận của cái Quốc hội gồm những kẻ mơ mộng bất lực ấy.

Bây giờ, chúng ta nói đến cái tiếng vang lớn mà cuộc chiến đấu tháng Sáu ở Pháp đã dội vào nước Đức, đến cái sự biến cũng có tính quyết định đối với nước Đức giống như cuộc chiến đấu của giai cấp vô sản Pa-ri đối với nước Pháp; đó là cuộc khởi nghĩa ở Viên và tiếp theo sau là cuộc tấn công thành phố này vào tháng Mười 1848. Nhưng trận chiến đấu này có một ý nghĩa lớn lao và việc giải thích những hoàn cảnh khác nhau đã tác động trực tiếp hơn vào kết cục của nó cần phải chiếm trên tờ "Tribune" một vị trí đến mức khiến chúng tôi phải dành một bài riêng để nói về nó.

Luân Đôn, tháng Hai 1852

# XI
# CUỘC KHỞI NGHĨA Ở VIÊN

Bây giờ chúng ta nói tới những sự biến có tính quyết định mà ở Đức nó cũng có ý nghĩa cách mạng như cuộc khởi nghĩa tháng Sáu ở Pa-ri, và bằng một cú đánh, sự biến đã lập tức làm nghiêng cán cân có lợi cho đảng phản cách mạng, - tức là tới cuộc khởi nghĩa tháng Mười 1848 ở Viên.

Chúng ta đã biết lập trường của các giai cấp khác nhau ở Viên sau chiến thắng ngày 13 tháng Ba. Ngoài ra, chúng ta còn thấy phong trào của miền Áo thuộc Đức là gắn liền với những sự biến của các miền Áo không thuộc Đức và bị những sự biến này kìm hãm như thế nào. Bởi vậy chúng ta chỉ còn phải xét qua xem những nguyên nhân nào đã dẫn tới cuộc nổi dậy mạnh mẽ vừa rồi ở miền Áo thuộc Đức.

Ngay cả sau những sự biến tháng Ba, giai cấp đại quý tộc và giai cấp tư sản tài chính, tức là những trụ cột chủ yếu không chính thức của chính phủ Mét-téc-ních, vẫn có thể duy trì được một ảnh hưởng quyết định đối với chính phủ, không những nhờ triều đình, quân đội và bộ máy quan liêu, mà hơn nữa, còn nhờ vào nỗi hoảng sợ đã lan tràn nhanh chóng trong giai cấp tư sản đối với "tình trạng vô chính phủ". Các giai cấp ấy liền thử thả mấy quả bóng thăm dò dưới hình thức một đạo luật về báo chí, một bản hiến pháp có tính chất quý tộc hết chỗ nói và một đạo luật tuyển cử dựa trên sự phân chia "đẳng cấp"[32] cũ. Ngày 18 tháng Năm, cái nội các gọi là lập hiến, gồm bọn quan lại nửa tự do chủ nghĩa, nhút nhát và bất lực, đã dám liều một trận tấn công trực tiếp vào các tổ chức cách mạng của quần chúng bằng



cách giải tán Ủy ban trung ương gồm các đại biểu của đội cận vệ quốc gia và của Quân đoàn sinh viên, một cơ quan được thành lập nhằm mục đích chỉ là để kiểm soát chính phủ và khi cần thì kêu gọi các lực lượng nhân dân chống lại chính phủ. Nhưng hành động ấy chỉ gây ra cuộc khởi nghĩa ngày 15 tháng Năm khiến cho chính phủ buộc phải công nhận Ủy ban ấy, hủy bỏ hiến pháp và luật tuyển cử, và giao cho Quốc hội lập hiến được bầu ra bằng đầu phiếu phổ thông được toàn quyền thảo ra một đạo luật cơ bản mới. Tất cả những điều ấy được một bản tuyên ngôn của hoàng đế xác nhận vào ngày hôm sau. Nhưng dáng phản động mà đại biểu của nó cũng nằm trong nội các, liền thúc đẩy ngay các bạn đồng sự "tự do chủ nghĩa" của nó tiến hành một cuộc tấn công mới vào những thành quả của quần chúng. Quân đoàn sinh viên là thành trì của đảng của phong trào, trung tâm của một cuộc cổ động liên tục, và chính vì thế mà nó bị bọn thị dân ôn hòa nhất ở Viên căm ghét. Ngày 26 tháng Năm, nó đã bị một sắc lệnh của nội các giải tán. Lẽ ra việc giải tán ấy đã thành công nếu người ta chỉ giao trách nhiệm ấy cho một đơn vị quân cận vệ quốc gia, nhưng chính phủ không tin đội cận vệ quốc gia, đã điều động quân đội; thế là quân cận vệ quốc gia liền quay ngay lại chống chính phủ, liên hiệp với Quân đoàn sinh viên và phá vỡ kế hoạch của nội các.

Nhưng ngày 16 tháng Năm, hoàng đế[1*] và triều đình đã bỏ thành Viên và trốn đến In-xbrúc, chính ở đó, ở giữa những người Ti-rôn cuồng tín mà lòng trung thành lại trỗi dậy mạnh mẽ trước nguy cơ đất nước bị quân đội Xác-đi-ni - Lôm-bác-đi xâm lăng, và được ủng hộ bởi quân đội của Ra-đét-xki đóng sát nách, vì In-xbrúc nằm trong tầm pháo của quân đội này; chính ở đó mà phái phản cách mạng có thể tránh được mọi sự kiểm soát và giám sát, và hoàn toàn được an toàn trong việc tập hợp và khôi phục những lực lượng tản mát của mình để rồi sẽ lại trùm lên khắp đất nước mạng lưới âm mưu của nó. Người ta lại tiếp xúc với Ra-đét-xki,

1* - Phéc-đi-năng I

I-ê-la-sích và Vin-đi-sơ-grét-xơ cũng như với những người đáng tin cậy khác trong hệ thống hành chính ở các tỉnh; người ta lại âm mưu với những thủ lĩnh của người Xla-vơ. Theo cách thức như vậy, người ta đã tạo nên một lực lượng thực sự thuộc quyền sử dụng của bọn quần thần phản cách mạng, trong khi đó người ta mặc cho các bộ trưởng bất lực ở Viên tha hồ tiêu hao cái uy tín ngắn ngủi và mỏng manh của họ bằng những cuộc xung đột liên miên với quần chúng cách mạng và những cuộc tranh cãi ở Quốc hội lập hiến sắp họp nay mai. Như vậy chính sách tạm thời để mặc cho phong trào ở thủ đô diễn biến, nếu như ở một nước trung ương tập quyền và thuần nhất như nước Pháp thì chính sách đó đã có thể làm cho đảng của phong trào trở thành mạnh mẽ vô song, nhưng ở nước Áo này, trong một tập hợp chính trị không thuần nhất, chính sách ấy lại là một trong những phương pháp chắc chắn nhất để tổ chức lại lực lượng cho phe phản cách mạng.

Ở Viên, giai cấp tư sản tin chắc rằng sau ba lần thất bại liên tiếp và đứng trước một Quốc hội lập hiến do dầu phiếu phổ thông bầu ra thì triều đình không còn là một kẻ địch đáng sợ nữa, nên nó ngày càng buông mình rơi vào tình trạng mệt mỏi, tình trạng thờ ơ, tình trạng luôn miệng kêu gọi trật tự và yên bình, một tình trạng mà giai cấp tư sản ở bất cứ đâu cũng đều mong muốn sau những cơn chấn động kịch liệt làm rối loạn hoạt động kinh doanh. Công nghiệp ở thủ đô Áo hầu như hoàn toàn chỉ sản xuất những xa xỉ phẩm, mà từ ngày cách mạng nổ ra và triều đình bỏ trốn thì tất nhiên nhu cầu về những sản phẩm ấy giảm đi một cách đột ngột. Những lời kêu gọi khôi phục lại một chế độ cai trị có quy củ và triều đình trở về, những điều mà người ta hy vọng là sẽ làm cho thương mại trở lại phồn vinh như xưa, bây giờ đã trở thành phổ biến trong giai cấp tư sản. Người ta vui vẻ chào mừng cuộc họp của Quốc hội lập hiến vào tháng Bảy, coi đó là sự kết thúc của thời đại cách mạng; người ta cũng phấn khởi chào đón triều đình trở về; mà triều đình này thì sau những chiến thắng của Ra-dét-xki ở I-ta-li-a và sau việc thành lập nội các phản động Đô-blơ-hốp, đã tự cho là mình đã đủ mạnh để đương đầu với



sự tấn công của nhân dân và thấy cần thiết phải có mặt ở Viên để có thể tiến hành đến cùng những âm mưu của mình với cái đa số Xla-vơ trong Quốc hội. Trong khi Quốc hội lập hiến thảo luận những đạo luật về việc giải phóng nông dân khỏi sự lệ thuộc phong kiến và khỏi chế độ lao dịch bắt buộc cho quý tộc, thì triều đình đã tiến hành thắng lợi một mưu kế khôn khéo. Ngày 19 tháng Tám, người ta mời hoàng đế đi duyệt đội cận vệ quốc gia; hoàng gia, triều đình và các tướng tá thi nhau tán dương bọn thị dân vũ trang, là bọn đã say sưa trong niềm kiêu hãnh thấy mình được công khai thừa nhận là một trong những lực lượng quyết định của nhà nước; và ngay lập tức sau đó, một sắc lệnh ký tên ông Svác-txơ, vị bộ trưởng duy nhất được nhân dân biết tiếng trong nội các, được ban bố nhằm xóa bỏ khoản tiền cứu tế mà từ trước đến nay, chính phủ vẫn cấp cho công nhân thất nghiệp. Quỷ kế đã thành công; giai cấp công nhân biểu tình; bọn tư sản trong đội cận vệ quốc gia ủng hộ sắc lệnh của vị bộ trưởng của chúng; chúng đàn áp "những người vô chính phủ", ngày 23 tháng Tám, chúng lăn xả như cọp vào những công nhân không có vũ khí và không hề chống cự lại, chúng đã tàn sát nhiều người. Như vậy là sự đoàn kết và sức mạnh của lực lượng cách mạng đã bị phá tan. Ở Viên, cuộc đấu tranh giai cấp giữa tư sản và vô sản cũng dẫn đến một cuộc đổ máu và bọn quần thần phản cách mạng thấy rằng cái ngày mà chúng có thể đánh một đòn ác liệt, đã sắp đến.

Tình hình ở Hung-ga-ri đã nhanh chóng tạo điều kiện cho chúng tuyên bố công khai những nguyên tắc hành động của chúng. Ngày 5 tháng Mười, tờ "Wiener Zeitung" đăng một sắc lệnh của hoàng đế - không có một bộ trưởng có trách nhiệm nào của Hung-ga-ri ký cả - tuyên bố giải tán Quốc hội Hung-ga-ri và cử tên thái thú ở Crô-a-xi là I-ê-la-sích, một thủ lĩnh của bọn phản động miền Nam Xla-vơ và là người thực sự chống đối các nhà cầm quyền hợp pháp của Hung-ga-ri, lên làm thống đốc dân sự và quân sự của Hung-ga-ri. Đồng thời, quân đội ở Viên được lệnh lên đường và hợp nhất với đội quân sẽ phải trở thành chỗ dựa của chính quyền I-ê-la-sích. Nhưng làm như vậy là đã để lộ quá rõ âm mưu đen

tối; mọi người ở Viên đều cảm thấy rằng chiến tranh với Hung-ga-ri là chiến tranh chống nguyên tắc của chính phủ lập hiến. Nguyên tắc này đã bị chà đạp ngay một trong sắc lệnh trong đó hoàng đế mưu toan làm cho các lệnh của mình có hiệu lực của pháp luật mà không cần có chữ ký của bộ trưởng phụ trách. Nhân dân, Quân đoàn sinh viên, đội cận vệ quốc gia ở Viên nhất tề nổi dậy vào ngày 6 tháng Mười và chống lại cuộc xuất phát của quân đội; vài người lính phóng lựu đạn chạy sang hàng ngũ nhân dân, một cuộc xung đột ngắn xảy ra giữa lực lượng nhân dân vũ trang và quân đội; Bộ trưởng chiến tranh La-tua bị nhân dân giết chết, đến buổi chiều, nhân dân đã chiến thắng. Trong khi ấy thì ở Stun-vai-sen-buốc[1*], thái thú I-ê-la-sích đã bị Péc-txen đánh bại phải chạy trốn vào vùng lãnh thổ Áo thuộc Đức, gần Viên. Quân đội Viên có nhiệm vụ đi cứu hắn thì lại không cứu hắn mà lại có thái độ chống đối hắn rõ ràng và sẵn sàng phòng vệ; hoàng đế và triều đình một lần nữa lại phải chạy trốn đến Ôn-muýt-xơ[2*], một lãnh thổ nửa Xla-vơ.

Nhưng ở Ôn-muýt-xơ, triều đình lại ở vào một hoàn cảnh khác hẳn với khi ở In-xbrúc. Lúc này triều đình đã có khả năng trực tiếp bắt đầu cuộc hành quân chống cách mạng. Xung quanh nó là bọn nghị viên người Xla-vơ của Quốc hội lập hiến, bọn này đã lũ lượt chạy về Ôn-muýt-xơ và bọn người Xla-vơ cuồng nhiệt từ bốn phía của vương quốc kéo đến. Theo bọn họ hình dung thì cuộc chiến tranh này phải biến thành chiến tranh để khôi phục bá quyền Xla-vơ và tiêu diệt hai kẻ ngoại lai xâm nhập vào lãnh thổ mà bọn họ coi là lãnh thổ Xla-vơ, tức là chiến tranh chống người Đức và người Hung-ga-ri. Vin-đi-sơ-grét-xơ, kẻ chinh phục Pra-ha, giờ đây là tư lệnh của quân đội tập trung xung quanh thành Viên, bỗng nhiên trở thành anh hùng dân tộc Xla-vơ. Đội quân của y được tăng cường mau chóng bằng cách huy động người ở khắp nơi về. Hết trung đoàn này đến trung đoàn khác, từ Bô-hêm, Mô-ra-vi,

1* Tên gọi bằng tiếng Hung-ga-ri là Xê-kê-sphơ-khuê-va
2* Tên gọi bằng tiếng Séc là Ô-lô-mu-xơ



Xtê-ria, từ miền Thượng Áo và từ I-ta-li-a, kéo về Viên, để sáp nhập với quân đội của I-ê-la-sích, và đội quân trước kia bảo vệ thủ đô. Như vậy là vào cuối tháng Mười, hơn 6 vạn người đã tập hợp và họ liền bắt đầu bao vây từ phía thủ đô của đế chế, và cuối cùng, đến ngày 30 tháng Mười, họ đã tiến đến chỗ có thể mở một trận tấn công quyết định.

Trong lúc ấy thì Viên đang ở trong tình trạng rất hỗn loạn và bối rối. Vừa mới giành được thắng lợi, giai cấp tư sản đã lại trở lại nghi kỵ giai cấp công nhân "vô chính phủ"; công nhân vẫn còn nhớ cách đối xử của bọn tư sản võ trang đối với họ cách đây sáu tuần lễ và chính sách do dự, hay thay đổi của giai cấp tư sản nói chung, nên không muốn giao nhiệm vụ bảo vệ thủ đô cho chúng, bèn đòi được trao vũ khí và lập một tổ chức quân sự riêng của mình. Quân đoàn sinh viên, nóng lòng muốn chiến đấu chống ách chuyên chế của hoàng đế, lại hoàn toàn không hiểu nổi nguyên nhân sâu xa của sự cách biệt giữa hai giai cấp, cũng không hiểu nổi những yêu cầu của tình hình. Dân chúng và cả các giới lãnh đạo đều mơ hồ. Trừ một số ít nghị viên Ba Lan có tinh thần cách mạng hơn, số còn lại trong Quốc hội: các nghị viên người Đức và một vài nghị viên người Xla-vơ, đóng vai trò gián điệp cho các bạn hữu của chúng ở Ôn-muýt-xơ, lại thường xuyên hội họp. Song, lẽ ra phải hành động cương quyết thì chúng lại mất thì giờ để cãi vã nhau một cách vô bổ xem có khả năng chống lại quân đội đế chế mà không vượt quá giới hạn của những truyền thống lập hiến hay không. Thực ra, Ủy ban an ninh gồm các đại biểu của hầu hết các tổ chức nhân dân ở Viên, tuy đã quyết tâm chống cự lại, nhưng lại bị chi phối bởi một đa số gồm những thị dân, tiểu thủ công và những tiểu thương là những kẻ không bao giờ cho phép nó được hành động triệt để, kiên quyết và mạnh mẽ. Hội đồng của Quân đoàn sinh viên biểu quyết những quyết nghị dũng cảm, nhưng lại hoàn toàn không có năng lực lãnh đạo. Giai cấp công nhân, bị nghi ngờ, không có vũ khí, không có tổ chức, vừa mới thoát khỏi tư tưởng nô lệ của chế độ cũ, vừa mới tỉnh ngộ, nhưng chưa phải là đã ý thức được mà mới chỉ là hiểu được một cách

hoàn toàn theo bản năng, vị trí xã hội của mình và thái độ chính trị mà vị trí ấy buộc phải có, cho nên cũng chỉ có thể biểu lộ ý chí của mình bằng những cuộc biểu tình rầm rộ và không có gì lạ rằng giai cấp ấy không có khả năng ứng phó được với những khó khăn của tình hình. Nhưng cũng như ở khắp nơi trong nước Đức, trong thời gian cách mạng, công nhân vẫn sẵn sàng chiến đấu đến cùng, một khi có vũ khí trong tay.

Tình hình ở Viên là như vậy. Ở ngoài Viên là quân đội Áo được cải tổ và say sưa với những chiến thắng của Ra-dét-xki ở I-ta-li-a; sáu, bảy vạn người được vũ trang tốt, tổ chức tốt và nếu không phải là được chỉ huy tốt thì ít ra cũng có những người chỉ huy. Ở bên trong Viên là tình hình hỗn độn, mâu thuẫn giai cấp, tình trạng không có tổ chức: đội cận vệ quốc gia có một bộ phận quyết không chiến đấu, một bộ phận khác thì do dự và chỉ có bộ phận nhỏ nhất là sẵn sàng hành động; quần chúng vô sản mạnh về số lượng, nhưng không có lãnh tụ, không được giáo dục về chính trị, dễ hốt hoảng mà cũng dễ nổi giận hầu như vô cớ, dễ tin vào những điều đồn bậy mà người ta gieo rắc, hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu, nhưng lại không được vũ trang ít ra là vào lúc đầu, và vũ trang không được đầy đủ, chưa được tổ chức hẳn hoi khi được đưa đi chiến đấu; một Quốc hội bất lực, chỉ bàn lý thuyết suông trong khi nóc nhà gần như đã bốc cháy trên đầu; một ủy ban lãnh đạo không nhiệt tâm, không nghị lực. Tất cả đều đã thay đổi, sau những ngày tháng Ba và tháng Năm, khi mà trong phe phản cách mạng hoàn toàn chỉ là sự hỗn độn và chỉ có một lực lượng duy nhất có tổ chức, đó là lực lượng do cách mạng tạo nên. Kết cục của một cuộc chiến đấu như vậy thật là không có gì đáng phải nghi ngờ nữa. Và nếu một mối hồ nghi nào đó còn tồn tại thì nó cũng bị những sự biến những ngày 30 và 31 tháng Mười và ngày 1 tháng Mười một đánh tan.

Luân Đôn, tháng Ba 1852



# XII
# CUỘC TẤN CÔNG CHIẾM VIÊN. SỰ PHẢN BỘI VIÊN

Sau cùng, khi quân đội do Vin-đi-sơ-grét-xơ tập trung, bắt đầu tấn công Viên thì những lực lượng hiện có để làm nhiệm vụ phòng thủ lại hoàn toàn không đủ. Chỉ có một bộ phận của đội cận vệ quốc gia là có thể đưa ra chiến hào. Thực ra thì đến phút cuối cùng, một đội dân vệ vô sản cũng được thành lập vội vàng, nhưng vì người ta sử dụng quá muộn cái bộ phận cư dân đông đúc nhất, can đảm nhất, kiên quyết nhất ấy nên bộ phận ấy ít quen với việc sử dụng vũ khí và với những kỷ luật sơ đẳng nhất để có thể chống cự thắng lợi. Thành thử Quân đoàn sinh viên có chừng từ ba đến bốn nghìn người, được tập luyện kỹ và có kỷ luật trong một chừng mực nào đó, can đảm và hăng hái, nên về phương diện quân sự, là lực lượng duy nhất có khả năng hành động thắng lợi. Nhưng Quân đoàn đó, với một số người lính cận vệ quốc gia đáng tin cậy và quần chúng vô sản vũ trang hỗn độn, thì có đáng kể gì, nó có đáng kể gì so với những binh lính chính quy của Vin-đi-sơ-grét-xơ, đông hơn rất nhiều, không kể những bọn cướp của I-ê-la-sích, là những bọn do tính chất của thói quen của chúng nên rất thành thạo trong cuộc chiến đấu từ nhà nọ sang nhà kia, từ phố này sang phố khác. Và quân khởi nghĩa có gì khác ngoài mấy khẩu pháo cũ mòn, lắp ráp không đúng quy cách và được sử dụng vụng về để chống với rất nhiều đại pháo hoàn hảo mà Vin-đi-sơ-grét-xơ sử dụng một cách bừa bãi như vậy?

Mối nguy càng tới gần thì tình trạng hỗn loạn ở Viên lại càng tăng lên. Cho đến phút cuối cùng, Quốc hội cũng còn chưa có đủ

nghị lực để quyết định cầu cứu quân đội Hung-ga-ri của Péc-txen đóng cách thủ đô chỉ có mấy dặm. Ủy ban an ninh cũng hoang mang như quần chúng nhân dân vũ trang trước những tin đồn trái ngược nhau, nên đã thông qua những nghị quyết mâu thuẫn nhau. Chỉ có một điểm mà tất cả đều thống nhất ý kiến: tôn trọng quyền tư hữu tài sản; tôn trọng đến mức gần như nực cười trong tình huống như vậy. Người ta làm rất ít để xây dựng dứt khoát một phương án phòng thủ. Người duy nhất và hiện có mặt tại đấy, có thể cứu nổi Viên, nếu quả là có một người như thế, là Bem, vốn là người Xla-vơ, là một người ngoại quốc hầu như không ai biết tới; ông ta quyết định không nhận nhiệm vụ đó vì bị mọi người nghi kỵ. Nếu ông cứ tiếp tục làm nhiệm vụ thì có thể bị giết chết như một tên phản bội. Mét-xen-hau-đơ, tư lệnh các lực lượng nghĩa quân, là nhà viết tiểu thuyết lãng mạn hơn là võ quan, dù là võ quan hạ cấp, thì lại hoàn toàn ở dưới tầm của nhiệm vụ; tuy vậy, sau 8 tháng chiến đấu cách mạng, đảng nhân dân vẫn không tạo ra được và cũng không tranh thủ được một người chỉ huy nào có khả năng hơn ông ta. Cuộc chiến đấu được tiến hành chính trong những điều kiện như vậy. Nếu xét những phương tiện phòng thủ hoàn toàn thiếu thốn của họ, xét tình trạng hoàn toàn thiếu hiểu biết và thiếu tổ chức về quân sự, thì những người dân thành Viên đã kháng cự rất anh dũng. Ở nhiều nơi, mệnh lệnh "giữ vững trận địa đến người cuối cùng" của Bem, khi ông còn nắm quyền chỉ huy, đã được chấp hành rất nghiêm chỉnh. Nhưng sức mạnh đã thắng. Pháo binh của hoàng đế trên những đại lộ rộng và dài, tức là những mạch máu giao thông chính của khu ngoại ô, đã quét sạch hết chiến lũy này đến chiến lũy khác; và đến chiều ngày thứ hai của cuộc chiến đấu, lính Crô-a-xi đã chiếm dãy nhà đối diện với Thành cũ. Một cuộc tấn công hỗn độn yếu ớt của quân đội Hung-ga-ri đã hoàn toàn thất bại. Và trong một khoảng thời gian ngừng bắn nhau, khi mà một vài đơn vị trong Thành cũ đã đầu hàng, các đơn vị khác dao động và do đó tình thế càng trở lên hỗn loạn, khi tàn quân của Quân đoàn sinh viên đang chuẩn bị những công sự mới thì quân của hoàng đế đã



mở được một đột phá khẩu, rồi nhân tình hình hỗn độn khắp nơi, đã chiếm được Thành cũ.

Hậu quả trực tiếp của chiến thắng ấy là những hành động tàn bạo và những vụ xử tử theo luật thời chiến, những hành động hung ác bỉ ổi chưa từng thấy mà những bầy quân Xla-vơ đã điên cuồng tiến hành ở Viên, - tất cả những cái đó thì ai nấy đều biết nên không cần phải nói kỹ. Còn về những hậu quả sau này, về sự chuyển biến hoàn toàn mới của tình hình Đức do thất bại của cách mạng ở Viên thì chúng ta sẽ nghiên cứu ở dưới đây. Liên quan đến cuộc tấn công thành Viên, còn phải xét hai điểm. Nhân dân thủ đô này có hai bạn đồng minh là người Hung-ga-ri và nhân dân Đức. Trong giờ phút thử thách ấy thì họ ở đâu?

Chúng ta đã thấy rằng dân thành Viên, với tất cả tấm lòng khí khái của một dân tộc vừa mới được giải phóng, đã nổi dậy vì một sự nghiệp, tuy xét cho cùng là sự nghiệp của bản thân họ, nhưng trước hết và chủ yếu là sự nghiệp của người Hung-ga-ri. Dân thành Viên thà chịu đau khổ chứ không chịu để cho quân đội Áo tiến vào Hung-ga-ri nên đã đưa thân mình ra chịu sự tấn công đầu tiên và ghê gớm nhất của quân đội Áo. Và trong khi họ xông lên một cách cao quý như vậy để ủng hộ bạn đồng minh của họ thì người Hung-ga-ri đã đánh bại I-ê-la-sích, dồn hắn tới Viên và do thắng lợi đó, người Hung-ga-ri lại làm cho những đội quân có nhiệm vụ tấn công Viên được tăng cường. Trong những điều kiện ấy, nhiệm vụ hiển nhiên của Hung-ga-ri là phải ủng hộ không chậm trễ và bằng tất cả lực lượng sẵn có của mình, không phải Quốc hội Viên, không phải Ủy ban an ninh hoặc bất cứ một cơ quan chính quyền nào ở Viên, mà là *cuộc cách mạng ở Viên*. Và ngay cả nếu như Hung-ga-ri có quên rằng nhân dân Viên đã đánh trận đầu tiên vì Hung-ga-ri, thì Hung-ga-ri cũng phải vì sự an toàn của bản thân mình mà không được quên rằng Viên là tiền đồn duy nhất bảo vệ nền độc lập của Hung-ga-ri, và thành phố ấy mà bị mất thì không có gì ngăn cản được quân đội của hoàng đế tiến sang Hung-ga-ri. Giờ đây, chúng ta đã biết rất rõ tất cả

những lý do mà người Hung-ga-ri có thể viện ra và đã viện ra để bào chữa cho thái độ tiêu cực của họ trong lúc Viên bị bao vây và tấn công: nào là lực lượng chiến đấu của bản thân họ không đủ, nào là Quốc hội và tất cả các cơ quan chính thức khác ở Viên không kêu gọi họ giúp đỡ, nào là sự cần thiết phải giữ vững nguyên tắc của hiến pháp và tránh những chuyện rắc rối với chính quyền trung ương Đức. Nói rằng quân đội Hung-ga-ri không đủ thì thật ra là trong những ngày đầu sau khi nổ ra cuộc cách mạng ở Viên và sau khi I-ê-la-sích chạy về thì chẳng cần đến quân đội chính quy, vì quân đội chính quy của Áo còn lâu mới tập trung được; chỉ cần dũng cảm và kiên quyết phát huy kết quả của trận đầu tiên đánh thắng I-ê-la-sích thậm chí bằng chỉ riêng lực lượng của đội quân trù bị đã chiến đấu ở Stun-vai-sen-buốc, là cũng đủ để tiếp hợp với nhân dân thành Viên và kìm hãm được trong sáu tháng mọi sự tập trung của quân đội Áo. Trong chiến tranh và đặc biệt là trong chiến tranh cách mạng, quy tắc cơ bản là hành động nhanh chóng cho đến lúc giành được một thắng lợi quyết định và chúng ta không ngần ngại gì mà không khẳng định rằng *vì những lý do thuần túy quân sự,* Péc-txen đáng lẽ không nên dừng lại, chừng nào chưa thực hiện được việc tiếp hợp với nhân dân thành Viên. Chắc chắn rằng có thể gặp đôi điều nguy hiểm; nhưng thử hỏi có ai đã bao giờ đánh thắng một trận nào mà lại không gặp nguy hiểm? Và nhân dân thành Viên, với dân số 40 vạn người, khi họ thu hút về phía mình những lực lượng được dùng để đè bẹp 12 triệu người Hung-ga-ri, chẳng lẽ lại không có gì nguy hiểm chăng? Sai lầm quân sự là ở chỗ người Hung-ga-ri đã giữ một quan điểm chờ thời khi quân Áo chưa tập hợp lực lượng, rồi tổ chức cuộc thị uy yếu ớt ở Sơ-ve-khát, một cuộc thị uy đã dẫn tới một kết quả tự nhiên là thất bại nhục nhã, - sai lầm quân sự ấy thực ra còn mạo hiểm hơn là một cuộc tiến quân kiên quyết vào Viên để đánh những bầy quân đã rã rời của I-ê-la-sích.

Nhưng người ta còn nói rằng một cuộc tiến quân như vậy của người Hung-ga-ri mà không được một cơ quan chính quyền nào



của Viên cho phép, sẽ có thể là một sự vi phạm lãnh thổ Đức và sẽ gây ra những rắc rối với chính quyền trung ương Phran-phuốc và như vậy là trước hết, sẽ có nghĩa là từ bỏ chính sách hợp pháp và hợp hiến, tức là cái chính sách làm thành sức mạnh phong trào của Hung-ga-ri. Nhưng những cơ quan chính quyền ở Viên không hơn gì con số không! Phải chăng Quốc hội hoặc các ủy ban dân chủ nào đó đã nổi dậy để bảo vệ nước Hung-ga-ri? Chẳng phải là chỉ có nhân dân thành Viên và duy nhất chỉ có họ là những người đã cầm vũ khí để chịu đựng cuộc tấn công đầu tiên trong cuộc đấu tranh vì nền độc lập của nước Hung-ga-ri đó sao? Vấn đề không phải là sự cần thiết phải giúp đỡ cơ quan chính quyền này hay cơ quan chính quyền khác ở Viên: tất cả những cơ quan ấy có thể và tất sẽ bị lật đổ nhanh chóng trong quá trình phát triển của cách mạng - không, vấn đề ở đây là sự phát triển của bản thân phong trào cách mạng và bước tiến không ngừng của phong trào quần chúng vì chỉ có những nhân tố ấy mới có thể cứu được nước Hung-ga-ri khỏi bị xâm lược. Còn về những hình thức sau này của phong trào cách mạng thì đó là công việc của chính dân thành Viên, chứ không phải là người Hung-ga-ri, chừng nào mà Viên và nói chung là miền Áo thuộc Đức còn tiếp tục là bạn đồng minh của Hung-ga-ri trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung. Nhưng người ta có thể hỏi rằng: phải chăng nên coi ý đồ của Chính phủ Hung-ga-ri muốn đạt được cái gọi là sự chuẩn y hợp pháp là một triệu chứng rõ ràng đầu tiên của mưu toan hòng nấp sau một tính hợp pháp đáng ngờ, một tính hợp pháp, nếu không cứu được Hung-ga-ri thì ít ra vào một thời điểm sau này, cũng gây được ấn tượng tốt đối với công chúng tư sản Anh?

Còn về cái lý do cho là có thể gây ra những mâu thuẫn với chính quyền trung ương của Đức ở Phran-phuốc thì hoàn toàn không xác đáng. Các nhà chức trách ở Phran-phuốc, trên thực tế, đã bị thắng lợi của phe phản cách mạng ở Viên lật đổ rồi; và nếu như ở Viên, cách mạng có được sự ủng hộ cần thiết để chiến thắng kẻ thù thì họ cũng bị lật đổ như thế rồi. Và sau cùng, cái lý do lớn cho rằng nước Hung-ga-ri không thể từ bỏ lập trường

hợp pháp và hợp hiến thì có thể thỏa mãn phái mậu dịch tự do của nước Anh, nhưng sẽ không bao giờ được lịch sử xem là thỏa đáng cả. Hãy giả dụ rằng ngày 13 tháng Ba và 6 tháng Mười, nhân dân thành Viên cứ kiên trì những "phương pháp hợp pháp và hợp hiến" thì lúc đó phong trào "hợp pháp và hợp hiến" và tất cả những trận chiến đấu vinh quang làm cho thế giới văn minh lần đầu tiên chú ý tới nước Hung-ga-ri sẽ ra sao? Ngay cái cơ sở hợp pháp và hợp hiến ấy mà người Hung-ga-ri tuyên bố là mình giữ vững trong những năm 1848 và 1849 thì cũng là do cuộc nổi dậy bất hợp pháp và bất hợp hiến ngày 13 tháng Ba của nhân dân thành Viên giành được cho Hung-ga-ri. Ở đây, chúng tôi không có ý định nghiên cứu lịch sử cách mạng của Hung-ga-ri, nhưng chúng tôi thấy cần nhận thấy rằng thật là hoàn toàn không thích đáng nếu chỉ dùng những phương tiện để kháng hợp pháp để đương đầu với một kẻ thù vẫn coi thường những hành động thận trọng như vậy, và chúng tôi cũng xin nói thêm rằng nếu không có cái ý muốn luôn luôn tôn trọng tính hợp pháp ấy mà Guếc-gây đã lợi dụng để chống lại Chính phủ Hung-ga-ri thì thái độ phục tùng của quân đội của Guếc-gây đối với chủ tướng của hắn và cái tai họa nhục nhã ở Vi-la-gốt[33] đã không thể có được. Và sau cùng khi để cứu vãn danh dự, người Hung-ga-ri đã vượt qua sông Lây-ta vào những ngày cuối tháng Mười 1848, thì việc đó há chẳng phải cũng là bất hợp pháp như một trận tấn công tức thời và kiên quyết hay sao?

Như người ta biết, chúng tôi không hề có những tình cảm không thân thiện với nước Hung-ga-ri. Chúng tôi đã ủng hộ Hung-ga-ri trong khi Hung-ga-ri đang chiến đấu; chúng tôi có thể nói một cách chính đáng rằng tờ báo của chúng tôi, tờ "Neue Rheinische Zeitung"[34] đã làm nhiều hơn mọi tờ báo khác để tuyên truyền trong nước Đức sự nghiệp của người Hung-ga-ri bằng một loạt bài, trong đó, chúng tôi đã giải thích tính chất của cuộc đấu tranh giữa các tộc Ma-gi-a và Xla-vơ và đã bình luận một cách có hệ thống cuộc chiến tranh của Hung-ga-ri, những bài báo ấy đã có vinh dự được người ta diễn dạt lại trong hầu hết những cuốn sách



xuất bản sau này về vấn đề đó, kể cả những sách của những người Hung-ga-ri chính cống và "những người được chứng kiến tận mắt". Ngày nay, chúng tôi vẫn coi Hung-ga-ri là bạn đồng minh cần thiết và tự nhiên của Đức trong bất cứ một cuộc biến động nào sẽ xảy ra trên lục địa Âu châu. Nhưng chúng tôi cũng khá nghiêm khắc đối với đồng bào của chúng tôi nên chúng tôi có quyền phát biểu thẳng thắn về những người láng giềng của chúng tôi. Hơn nữa, chúng tôi còn có nhiệm vụ phải ghi lại ở đây những sự kiện, với thái độ không thiên vị của sử gia và chúng tôi phải tuyên bố rằng trong trường hợp đặc biệt ấy, lòng dũng cảm khẳng khái của nhân dân thành Viên không những cao quý hơn mà cũng là sáng suốt hơn thái độ thận trọng dè dặt của Chính phủ Hung-ga-ri. Và với tư cách là người Đức, hãy cho phép chúng tôi nói thêm rằng chúng tôi sẽ không đem cuộc khởi nghĩa tự phát và độc lực đó, cuộc kháng chiến anh hùng đó của nhân dân thành Viên, đồng bào chúng tôi, cuộc kháng chiến mà nhờ nó người Hung-ga-ri đã có thì giờ tổ chức được một quân đội có thể hoàn thành sự nghiệp vĩ đại, để đổi lấy tất cả những chiến thắng rực rỡ và tất cả những trận đánh vinh quang của chiến dịch Hung-ga-ri.

Người bạn đồng minh thứ hai của Viên là nhân dân Đức. Nhưng ở khắp nơi, nhân dân Đức cũng đều bị lôi cuốn vào cuộc chiến đấu như nhân dân thành Viên. Nhân dân Phran-phuốc, Ba-đen, Khuên vừa mới bị đánh bại và bị tước vũ khí. Ở Béc-lin và ở Brê-xláp[1*] nhân dân và quân đội đang gầm ghè nhau và ngày nào cũng có nguy cơ nổ ra xung đột công khai. Trong mỗi trung tâm địa phương của cuộc vận động, tình hình cũng như vậy. Khắp nơi, còn tồn tại nhiều vấn đề chỉ có thể giải quyết được bằng vũ lực; và lần đầu tiên, người ta cảm thấy một cách khắc nghiệt những hậu quả tai hại của tình trạng chia cắt và phân quyền đã kéo dài từ lâu của nước Đức. Thật ra thì những vấn đề nhiều vẻ khác nhau ở trong mỗi một bang, mỗi một tỉnh, mỗi một thành phố đều là một vấn đề như nhau, nhưng ở khắp nơi những vấn đề ấy

1* Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Vrốt-xláp

lại được đặt ra dưới những hình thức và những hoàn cảnh khác nhau và ở vào những độ chín muồi khác nhau. Đâu đâu người ta cũng đều cảm thấy tính quyết định của những sự biến ở Viên, nhưng không ở đâu, người ta có thể đánh được một trận lớn với hy vọng cứu được nhân dân thành Viên hoặc đánh lạc hướng để giúp họ; như vậy là không ai có thể giúp đỡ họ được, ngoài nghị viện và chính quyền trung ương ở Phran-phuốc; vì thế mà từ mọi phía, người ta yêu cầu sự viện trợ của nghị viện và chính quyền trung ương; nhưng nghị viện và chính quyền ấy đã làm gì lúc bấy giờ?

Nghị viện Phran-phuốc và đứa con hoang mà nó đã ra đời sau mối quan hệ loạn luân với Quốc hội hiệp bang cũ, tức cái mà người ta gọi là chính quyền trung ương, đã lợi dụng phong trào ở Viên để trưng bày tính chất hoàn toàn vô dụng của nó. Cái Quốc hội ti tiện đó, như chúng ta đã thấy, đã hy sinh trinh tiết của nó từ lâu, và mặc dù còn ở độ tuổi thanh xuân, nó đã bắt đầu có mái tóc hoa râm và đã thành thạo trong mọi mánh khóe kiểu gái đĩ huênh hoang và xã giao giả dối. Những mộng tưởng và ảo tưởng về thế lực, về sự phục hưng và sự thống nhất của nước Đức mà nó hằng mong mỏi trong buổi đầu, chỉ còn là một mớ những câu sáo ấm ĩ của người Tơ-tông hễ gặp dịp là được nhắc đi nhắc lại, và một lòng tin không gì lay chuyển nổi của mỗi nghị viên vào tầm quan trọng của cá nhân mình và vào tính cả tin khờ khạo của công chúng. Tính ngây thơ ban đầu đã mất; các đại biểu của nhân dân Đức đều đã trở thành những người có đầu óc thực tế; nghĩa là họ đã đi đến kết luận rằng họ càng ít hoạt động và càng ba hoa nhiều chừng nào thì địa vị trọng tài của họ đối với vận mệnh của nước Đức càng vững chắc chừng ấy. Điều đó không có nghĩa là họ cho rằng những cuộc họp hành của họ là thừa, mà hoàn toàn ngược lại. Nhưng họ đã phát hiện ra rằng tất cả những vấn đề thực sự lớn lao đều là lĩnh vực họ không được bén mảng đến, và tốt nhất là nên lẩn tránh đi; và thế là noi gương các nhà bác học ở Bi-dăng-xơ của Đế chế thời suy tàn, họ bắt đầu tranh luận, với một vẻ trịnh trọng và chuyên cần xứng đáng với số phận mà cuối cùng bọn họ phải gánh chịu, về những giáo điều



lý luận đã được xác định từ lâu ở khắp các nơi trong thế giới văn minh, hay về những vấn đề thực tiễn nhỏ tới mức không bao giờ dẫn tới một kết quả thực tế nào. Như vậy là Quốc hội đã trở thành một thứ trường học ở Lan-kê-xtơ[35] để cho các nghị viên dạy lẫn nhau và do đó mà thành rất quan trọng đối với họ, cho nên họ tin tưởng vững chắc rằng Quốc hội đã làm được nhiều hơn điều mà nhân dân Đức có quyền chờ đợi ở nó, và họ xem là phản quốc bất cứ ai dám trơ tráo đòi Quốc hội phải đạt được một kết quả nào đó.

Khi cuộc khởi nghĩa ở Viên nổ ra, thì những lời chất vấn, những cuộc thảo luận, những đề nghị và những điểm bổ sung tuôn ra như thác, song tất nhiên là chẳng đi tới đâu cả. Chính quyền trung ương phải can thiệp. Nó cử hai phái viên tới Viên, ông Ven-cơ, nguyên thuộc phái tự do chủ nghĩa, và ông Mô-xlê. So với những kỳ công anh dũng và những hành động mạo hiểm kỳ lạ của hai hiệp sĩ lang thang này của công cuộc thống nhất nước Đức thì cuộc du hành của Đông Ki-sốt và của Xăng-sô Păng-xa có thể coi là câu chuyện Ô-đi-xê thật sự. Không dám đi tới Viên, hai người bị Vin-đi-sơ-grét-xơ chửi mắng, được vị hoàng đế ngu xuẩn tiếp đón nhạt nhẽo và bị viên bộ trưởng Xta-đi-ôn lừa bịp một cách vô sỉ. Những điện tín và báo cáo của họ có lẽ là cái phần duy nhất trong các biên bản của Phran-phuốc sẽ có địa vị trong văn học Đức; đó là một bộ tiểu thuyết châm biếm tuyệt diệu và là một văn bia sỉ nhục muôn đời cho Quốc hội Phran-phuốc và cho chính phủ của nó.

Phái tả của Quốc hội cũng gửi tới Viên hai phái viên: Phruê-ben và Rô-bớc Bli-um, với mục đích khẳng định uy quyền của mình. Khi nguy cơ tới gần thì Bli-um nhận định rất đúng rằng chính ở đây sẽ xảy ra cuộc chiến đấu quyết định của cách mạng Đức, rồi không ngần ngại, ông quyết định hy sinh tính mạng cho sự nghiệp ấy. Trái lại, Phruê-ben cho rằng nghĩa vụ của hắn là phải bảo toàn tính mạng mình để hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại của chức vụ của hắn ở Phran-phuốc. Bli-um nổi tiếng là một

trong những diễn giả hùng biện nhất của Quốc hội Phran-phuốc, chắc chắn rằng ông ta là người nổi tiếng hơn cả. Tài hùng biện của ông có lẽ không đáp ứng được yêu cầu của một nghị viện có kinh nghiệm, ông quá thích những lời văn hoa trống rỗng theo kiểu của các thày giảng của giáo phái phân liệt ở Đức, còn lập luận của ông thì vừa thiếu tính triết lý sắc bén lại vừa thiếu kiến thức về thực tiễn. Về chính trị, ông thuộc "phái dân chủ ôn hòa" một phái mơ hồ, nhưng rất được tán thưởng, chính là vì thiếu tính dứt khoát trong những nguyên tắc của nó. Tuy vậy, Rô-bớc Bli-um, về bản chất, là một người bình dân chân chính, mặc dầu có hơi cao nhã, và trong những giờ phút quyết liệt, bản năng và nghị lực bình dân của ông đã thắng thái độ do dự và do đó thắng được những quan niệm và quan điểm chính trị mơ hồ của ông. Trong những lúc như vậy, ông vượt hẳn lên trên khả năng thường ngày của ông.

Vì thế cho nên khi tới Viên, ông hiểu ngay rằng vận mệnh của đất nước sẽ được quyết định ở đây, chứ không phải ở những cuộc thảo luận cao nhã ở Phran-phuốc. Ông lập tức hạ quyết tâm, từ bỏ mọi ý nghĩ rút lui, nhận một chức chỉ huy trong quân đội cách mạng và tỏ ra gan dạ và kiên quyết lạ thường. Chính ông đã làm cho thủ đô chậm bị thất thủ trong một thời gian đáng kể, và bằng cách dốt cầu Ta-bo trên sông Đa-núp, ông đã bảo vệ một bên sườn của thủ đô khỏi bị tấn công. Mọi người đều biết rằng sau cuộc tấn công Viên, ông đã bị bắt, bị tòa án quân sự xử và bị bắn như thế nào. Ông chết như một vị anh hùng. Còn Quốc hội Phran-phuốc mặc dù sợ chết khiếp, vẫn tiếp nhận sự sỉ nhục đẫm máu ấy với vẻ bình thản ra mặt. Nó biểu quyết một quyết nghị, và quyết nghị này, với giọng khoan hậu và khiêm nhường ngoại giao, là một sự sỉ nhục đối với nấm mồ của người liệt sĩ bị sát hại, hơn là một sự kết tội nước Áo. Song tất nhiên là không thể trông mong cái Quốc hội đáng khinh bỉ ấy nổi cơn phẫn nộ trước việc một thành viên của nó bị sát hại, nhất là khi thành viên ấy lại là một lãnh tụ của phái tả.

Luân Đôn, tháng Ba 1852



# XIII
# HỘI NGHỊ LẬP HIẾN PHỔ. QUỐC HỘI

Ngày 1 tháng Mười một, Viên thất thủ và ngày mồng 9 cùng tháng ấy, việc giải tán Quốc hội lập hiến ở Béc-lin đã chứng tỏ rằng sự biến ấy đã làm sống lại tinh thần và lực lượng của phái phản cách mạng trong toàn nước Đức đến thế nào.

Nếu kể lại những sự biến vào mùa hè năm 1848 ở Phổ thì chẳng có gì nhiều. Quốc hội lập hiến, hay nói cho đúng hơn, là "Quốc hội được bầu ra để thỏa thuận với nhà vua về một hiến pháp", và đa số của nó gồm những đại biểu của giai cấp tư sản, đã mất tín nhiệm từ lâu đối với xã hội, vì nó đã câu kết với triều đình để tiến hành mọi âm mưu, do sợ những phần tử kiên quyết hơn trong dân chúng. Nó đã xác nhận, hay nói cho đúng hơn, đã khôi phục những đặc quyền đáng ghét của chế độ phong kiến và như vậy đã phản bội lại nền tự do và lợi ích của nông dân. Nó đã tỏ ra không có khả năng xây dựng được một hiến pháp hoặc sửa đổi được một chút nào pháp chế chung. Hầu như nó chỉ chú ý tới những định nghĩa tế nhị về lý luận, những hình thức thuần túy và những vấn đề nghi thức hiến pháp. Thật ra nó là một trường học về savoir vivre[1*] ở nghị trường cho các thành viên của nó, hơn là một cơ quan có thể đáp ứng được, trong một chừng mực nào đó, lợi ích của nhân dân. Ngoài ra, trong Quốc hội không có một đa số đôi chút ổn định nào, mà ưu thế hầu như bao giờ

1* - cách ứng giao

cũng phụ thuộc vào phái *"trung tâm"* hay ngả nghiêng, tức là phái mà thái độ ngả nghiêng từ hữu sang tả hay từ tả sang hữu đã lật đổ trước hết nội các Cam-pơ-hau-den rồi đến nội các Au-ơ-xvan - Han-dơ-man. Nhưng trong khi phái tự do chủ nghĩa, ở đây cũng như ở khắp các nơi khác, đã bỏ lỡ thời cơ thì triều đình đã tổ chức lại lực lượng của mình bao gồm giai cấp quý tộc và bộ phận lạc hậu nhất của dân cư nông thôn, cũng như quân đội và bộ máy quan lại. Sau khi Han-dơ-man bị lật đổ, một nội các gồm những quan lại và võ quan được thành lập, tất cả đều là những tay phản động ngoan cố nhưng lại làm ra vẻ sẵn sàng coi trọng yêu sách của Quốc hội. Và Quốc hội trong khi áp dụng cái nguyên tắc tiện lợi là: "điều quan trọng là biện pháp chứ không phải là con người", thì đã mắc lừa đến mức đã hoan nghênh nội các ấy mà không chú ý gì đến việc chính nội các ấy đang tiến hành khá công khai việc tập trung và tổ chức những lực lượng phản cách mạng. Sau cùng, khi thấy Viên thất thủ, nhà vua liền đuổi các bộ trưởng đi và thay bằng những "con người hành động" dưới sự lãnh đạo của thủ tướng hiện thời là Man-toi-phen. Thế là cái Quốc hội mê ngủ ấy bỗng mở mắt ra đã thấy nguy cơ trước mắt. Nó biểu quyết không tín nhiệm nội các, nhưng nội các tức khắc trả lời bằng một sắc lệnh chuyển Quốc hội từ Béc-lin - vì ở Béc-lin, Quốc hội có thể trông vào sự ủng hộ của quần chúng một khi xảy ra xung đột - đến Bran-đen-buốc, một thành phố nhỏ hoàn toàn đặt dưới quyền lực của chính phủ. Nhưng Quốc hội lại tuyên bố rằng nó không thể bị đình chỉ, bị di chuyển hay bị giải tán nếu bản thân nó không đồng ý. Trong lúc đó, tướng Vran-ghen tiến vào Béc-lin với chừng 4 vạn quân. Trong một cuộc hội họp của các nhà chức trách của thành phố và các sĩ quan đội cận vệ quốc gia, người ta đã quyết định không kháng cự gì hết. Và giờ đây, sau khi Quốc hội và giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, kẻ đã sản sinh ra nó, đã cho phép các lực lượng liên minh của phe phản cách mạng chiếm mọi vị trí quan trọng và tước hầu hết mọi phương tiện phòng ngự, thì bắt đầu tấn đại hài kịch "kháng cự thụ động



trong khuôn khổ hợp pháp" mà trong tư tưởng, họ vẫn coi là một sự bắt chước một cách vinh quang tấm gương của Hem-pơ-đen và của những hành động đầu tiên của người Mỹ trong cuộc chiến tranh giành độc lập[31]. Béc-lin bị tuyên bố thiết quân luật, nhưng Béc-lin vẫn yên tĩnh; đội cận vệ quốc gia bị chính phủ giải tán và nó giao nộp vũ khí một cách rất đúng đắn. Trong vòng hai tuần, Quốc hội bị đuổi từ địa điểm hội họp này sang địa điểm hội họp khác và ở đâu cũng bị quân đội giải tán; thế nhưng các nghị viên vẫn kêu gọi nhân dân hãy giữ thái độ bình tĩnh. Sau cùng, khi chính phủ tuyên bố giải tán Quốc hội thì Quốc hội biểu quyết một nghị quyết tuyên bố việc đánh thuế là bất hợp pháp, và các nghị viên phân tán đi các nơi để tổ chức việc chống thuế. Nhưng chẳng bao lâu, họ thấy rằng họ đã lầm to khi lựa chọn phương sách hành động. Sau mấy tuần lễ xáo động và tiếp theo đó là những biện pháp nghiêm khắc của chính phủ chống phe đối lập, mọi người đều từ bỏ ý định chống thuế để làm vừa lòng một Quốc hội đã chết và thậm chí không có gan tự vệ.

Vào đầu tháng Mười một 1848, phải chăng đã quá muộn không thể tiến hành một cuộc kháng cự vũ trang? Hay là ngược lại, một bộ phận quân đội, khi gặp một sự phản kháng nghiêm trọng, liệu có đứng về phía Quốc hội và như vậy nó sẽ quyết định tình thế có lợi cho Quốc hội chăng? Vấn đề đó có lẽ sẽ không bao giờ có thể giải đáp được. Nhưng trong cách mạng cũng như trong chiến tranh, bao giờ cũng cần phải dũng cảm đương đầu với kẻ thù và kẻ tấn công thì bao giờ cũng chiếm được lợi thế hơn; trong cách mạng cũng như trong chiến tranh, điều hết sức tất yếu là dám hành động trong giờ phút quyết định, vô luận may rủi thế nào. Trong lịch sử, không có cuộc cách mạng thành công nào mà lại không chứng minh tính chân lý của những nguyên lý ấy. Đối với cuộc cách mạng Phổ, giờ phút quyết định là tháng Mười một 1848; Quốc hội lập hiến Phổ, kẻ chính thức đứng đầu toàn bộ phong trào cách mạng đã không đương đầu với kẻ thù mà lùi bước trước mỗi trận tấn công của kẻ thù; nó có khả năng ít tấn công hơn

nữa vì thậm chí nó còn cho rằng không cần phải phòng thủ; và khi đến giờ phút quyết định, khi mà Vran-ghen dẫn 4 vạn quân đến cửa ngõ Béc-lin thì không đúng như hắn và sĩ quan của hắn đã tính trước là nhất định sẽ thấy các phố xá lởm chởm những chướng lũy và các cửa sổ biến thành những lỗ châu mai, mà lại thấy cửa thành rộng mở và phố xá chỉ bị tắc nghẽn bởi những thị dân hòa bình của Béc-lin, họ lấy làm thích thú về cái trò đùa vừa mới chơi cho Vran-ghen, bằng cách tự trói tay chân nộp mình cho bọn lính sửng sốt. Thực ra nếu Quốc hội và nhân dân kháng cự thì họ có thể sẽ bị đánh bại, Béc-lin có thể bị bắn phá và hàng trăm người có thể chết mà vẫn không ngăn nổi chiến thắng cuối cùng của đảng bảo hoàng. Dù sao đây cũng không phải là lý do để cho họ hạ khí giới ngay tức khắc. Một thất bại sau một cuộc chiến đấu ngoan cường là một sự kiện có ý nghĩa cách mạng ngang với một thắng lợi dễ dàng. Những thất bại của Pa-ri trong tháng Sáu 1848 và của Viên trong tháng Mười 1848, dù sao, cũng đã cách mạng hoá tinh thần của nhân dân ở hai thành phố ấy hơn là những chiến thắng tháng Hai và tháng Ba. Quốc hội lập hiến và nhân dân Béc-lin có thể cũng đã phải chịu số phận như số phận của hai thành phố trên, nhưng họ sẽ ngã xuống một cách vẻ vang và để lại trong ký ức của những người còn sống một ý chí phục thù, mà vào những thời kỳ cách mạng nó sẽ là một trong những nhân tố mạnh mẽ nhất kích thích hoạt động kiên quyết và say sưa. Lẽ tự nhiên là trong mỗi cuộc chiến đấu, kẻ nhận ứng chiến có thể bị đánh bại; nhưng liệu đấy có phải là lý do để nhận thất bại ngay từ đầu và đầu hàng trước khi đọ kiếm hay không?

Trong cách mạng, kẻ nào chiếm lĩnh vị trí quyết định mà lại nộp nó cho kẻ thù chứ không buộc kẻ thù phải xung phong đánh chiếm thì kẻ đó luôn luôn đáng phải coi là kẻ phản bội.

Cũng chính cái sắc lệnh của vua Phổ giải tán Quốc hội lập hiến ấy đã công bố cả hiến pháp mới, dựa trên dự án do một uỷ ban của chính Quốc hội lập hiến ấy thảo ra. Nhưng bản hiến pháp này, trên một số điểm, mở rộng quyền hạn của nhà vua, và trên một số điểm khác, lại xét lại quyền lực của nghị viện. Hiến pháp này lập ra hai viện, hai viện này sẽ phải họp ngay sau đó để bàn và phê chuẩn hiến pháp.



Chúng ta chẳng cần hỏi xem Quốc hội Đức ở đâu trong thời gian cuộc đấu tranh "hợp pháp và hòa bình" của những phần tử lập hiến Phổ. Cũng như thường ngày, nó vẫn ở Phran-phuốc và còn mải biểu quyết những nghị quyết rất ngắn gọn chống những thủ đoạn của Chính phủ Phổ tán thưởng "cái quang cảnh hùng vĩ của sự kháng cự thụ động, hợp pháp và nhất trí của cả một dân tộc, chống lại bạo lực". Chính phủ trung ương cử phái viên đến Béc-lin để thương lượng giữa nội các và Quốc hội; nhưng họ cũng chịu chung số phận của những người đã đi trước họ ở Ôn-muýt-xơ và họ bị xua đi một cách lịch sự. Phái tả của Quốc hội, cái gọi là đảng cấp tiến, cũng cử những phái viên của nó đến; nhưng những phái viên này, sau khi đã thấy rõ sự bất lực hoàn toàn của Quốc hội của Béc-lin và thú nhận sự bất lực của bản thân mình, đã trở về Phran-phuốc để báo cáo kết quả và để làm nhân chứng cho thái độ hòa bình tuyệt diệu của dân cư Béc-lin. Hơn thế nữa, khi ngài Bát-xơ-man, một trong những phái viên của chính phủ trung ương, đã cho biết rằng những biện pháp nghiêm khắc mới đây của các bộ trưởng Phổ được thông qua không phải là không có căn cứ, vì thời gian gần đây người ta thường thấy có nhiều người mặt mũi hung dữ lảng vảng trong các phố ở Béc-lin, như vẫn thường thấy trước khi nổ ra những phong trào vô chính phủ (từ đó người ta gọi những người này là "những người kiểu Bát-xơ-man"), thì những nghị viên phái tả đáng kính ấy và những người kiên quyết bảo vệ cách mạng ấy, thấy cần phải đứng lên làm nhân chứng để thề rằng không có chuyện đó. Thế là trong vòng không đầy hai tháng, Quốc hội Phran-phuốc đã tỏ ra rõ ràng là hoàn toàn bất lực. Không còn bằng chứng nào rõ rệt hơn thế để chứng tỏ rằng cơ quan ấy là hoàn toàn không xứng với nhiệm vụ của nó mà thậm chí hoàn toàn không hiểu nhiệm vụ của mình là gì. Chỉ cái việc là ở Viên cũng như Béc-lin, người ta quyết định số phận của cách mạng, là ở hai thủ đô ấy, người ta giải quyết

những vấn đề quan trọng nhất, sinh tử nhất, mà không bao giờ thèm dếm xỉa đến Quốc hội Phran-phuốc, - chỉ một việc ấy cũng đủ khẳng định rằng cơ quan ấy chỉ đơn thuần là một câu lạc bộ tranh luận suông, gồm một đám những kẻ ngờ ngẩn đã tự để cho chính phủ sử dụng mình như những con rối ở nghị trường mà người ta biểu diễn để mua vui cho các ngài tiểu thương và thợ thủ công ở các bang nhỏ và các thành thị nhỏ, chừng nào các chính phủ còn thấy cần thiết phải đánh lạc hướng sự chú ý của những công chúng này. Sau đây, chúng ta sẽ thấy cái việc ấy được coi là hữu ích trong bao lâu. Nhưng có một điều đáng chú ý là trong tất cả những người "lỗi lạc" của Quốc hội ấy, không có lấy một ai biết chút gì về vai trò mà người ta bắt họ phải đóng, và cho đến tận bây giờ, những cựu hội viên của cái câu lạc bộ Phran-phuốc ấy vẫn có những cơ quan cảm giác riêng của họ để nhận thức những sự kiện lịch sử.

Luân Đôn, tháng Ba 1852



# XIV
# VIỆC KHÔI PHỤC LẠI TRẬT TỰ. QUỐC HỘI ĐỨC VÀ CÁC NGHỊ VIỆN

Những tháng đầu năm 1849 đã được các Chính phủ Áo và Phổ dùng để thu hoạch những kết quả của những thắng lợi đã giành được vào tháng Mười và Mười một 1848. Từ ngày Viên thất thủ, Quốc hội Áo chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa ở Crêm-gi-rơ[1*], một thị trấn nông thôn nhỏ ở Mô-ra-vi. Ở đấy, những nghị viên Xla-vơ, cùng với những cử tri của họ, là công cụ chủ yếu giúp cho Chính phủ Áo thoát khỏi tình trạng bất lực hoàn toàn, đã bị trừng phạt một cách khác thường về hành động phản bội của họ đối với cách mạng châu Âu. Vừa mới khôi phục được lực lượng của mình, chính phủ liền tỏ thái độ hoàn toàn khinh bỉ Quốc hội và đa số Xla-vơ của nó, và khi những thắng lợi đầu tiên của quân đội nhà vua đã làm cho người ta thấy rằng chiến tranh ở Hung-ga-ri sẽ kết thúc nhanh chóng thì ngày 4 tháng Ba, chính phủ giải tán Quốc hội và dùng vũ lực để giải tán các nghị viện. Lúc đó, những người Xla-vơ mới nhận thấy rằng họ đã bị lừa và họ tuyên bố: "Chúng ta hãy đi Phran-phuốc và ở đó, chúng ta tiếp tục hoạt động đối lập mà chúng ta không thể thực hiện được ở đây!". Nhưng đã quá muộn, và chỉ riêng việc họ không còn con đường nào khác hơn là chịu nằm yên hoặc tham gia cái Quốc hội bất lực ở Phran-phuốc, - chỉ riêng việc đó cũng đủ chứng tỏ rằng họ đã hoàn toàn bất lực.

Như vậy là từ nay và có lẽ là vĩnh viễn, đã chấm dứt những mưu đồ của những người Xla-vơ ở Đức nhằm khôi phục độc lập

1* Tên gọi bằng tiếng Séc là Crô-méc-gi-giơ

những vấn đề quan trọng nhất, sinh tử nhất, mà không bao giờ thèm dếm xỉa đến Quốc hội Phran-phuốc, - chỉ một việc ấy cũng đủ khẳng định rằng cơ quan ấy chỉ đơn thuần là một câu lạc bộ tranh luận suông, gồm một đám những kẻ ngờ ngẩn đã tự để cho chính phủ sử dụng mình như những con rối ở nghị trường mà người ta biểu diễn để mua vui cho các ngài tiểu thương và thợ thủ công ở các bang nhỏ và các thành thị nhỏ, chừng nào các chính phủ còn thấy cần thiết phải đánh lạc hướng sự chú ý của những công chúng này. Sau đây, chúng ta sẽ thấy cái việc ấy được coi là hữu ích trong bao lâu. Nhưng có một điều đáng chú ý là trong tất cả những người "lỗi lạc" của Quốc hội ấy, không có lấy một ai biết chút gì về vai trò mà người ta bắt họ phải đóng, và cho đến tận bây giờ, những cựu hội viên của cái câu lạc bộ Phran-phuốc ấy vẫn có những cơ quan cảm giác riêng của họ để nhận thức những sự kiện lịch sử.

Luân Đôn, tháng Ba 1852



# XIV
# VIỆC KHÔI PHỤC LẠI TRẬT TỰ. QUỐC HỘI ĐỨC VÀ CÁC NGHỊ VIỆN

Những tháng đầu năm 1849 đã được các Chính phủ Áo và Phổ dùng để thu hoạch những kết quả của những thắng lợi đã giành được vào tháng Mười và Mười một 1848. Từ ngày Viên thất thủ, Quốc hội Áo chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa ở Crêm-gi-rơ[1*], một thị trấn nông thôn nhỏ ở Mô-ra-vi. Ở đấy, những nghị viên Xla-vơ, cùng với những cử tri của họ, là công cụ chủ yếu giúp cho Chính phủ Áo thoát khỏi tình trạng bất lực hoàn toàn, đã bị trừng phạt một cách khác thường về hành động phản bội của họ đối với cách mạng châu Âu. Vừa mới khôi phục được lực lượng của mình, chính phủ liền tỏ thái độ hoàn toàn khinh bỉ Quốc hội và đa số Xla-vơ của nó, và khi những thắng lợi đầu tiên của quân đội nhà vua đã làm cho người ta thấy rằng chiến tranh ở Hung-ga-ri sẽ kết thúc nhanh chóng thì ngày 4 tháng Ba, chính phủ giải tán Quốc hội và dùng vũ lực để giải tán các nghị viện. Lúc đó, những người Xla-vơ mới nhận thấy rằng họ đã bị lừa và họ tuyên bố: "Chúng ta hãy đi Phran-phuốc và ở đó, chúng ta tiếp tục hoạt động đối lập mà chúng ta không thể thực hiện được ở đây!". Nhưng đã quá muộn, và chỉ riêng việc họ không còn con đường nào khác hơn là chịu nằm yên hoặc tham gia cái Quốc hội bất lực ở Phran-phuốc, - chỉ riêng việc đó cũng đủ chứng tỏ rằng họ đã hoàn toàn bất lực.

Như vậy là từ nay và có lẽ là vĩnh viễn, đã chấm dứt những mưu đồ của những người Xla-vơ ở Đức nhằm khôi phục độc lập

1* Tên gọi bằng tiếng Séc là Crô-méc-gi-giơ

bỏ. Ngay từ ngày 4 tháng Ba 1849, chế độ chuyên chế đã hoàn toàn được khôi phục về mọi phương diện ở Áo.

Ở Phổ, các nghị viện cũng họp vào tháng Hai để xét và phê chuẩn bản hiến pháp mới do nhà vua ban. Các nghị viện họp trong khoảng sáu tuần, tỏ ra khá hiền lành và dễ bảo đối với chính phủ, nhưng không hoàn toàn sẵn sàng làm theo mọi ý muốn của nhà vua và của các bộ trưởng. Bởi thế, gặp dịp thuận tiện đầu tiên, là các nghị viện ấy liền bị giải tán.

Thế là Áo và Đức tạm thời thoát khỏi những trở ngại gây ra bởi sự kiểm soát của nghị viện. Từ nay, các chính phủ ấy đều tập trung mọi quyền hành trong tay và có thể sử dụng quyền hành ấy ở bất cứ nơi nào cần thiết; Áo thì chống Hung-ga-ri và I-ta-li-a; Phổ thì chống Đức. Vì Phổ cũng chuẩn bị một chiến dịch để khôi phục "trật tự" ở các bang nhỏ.

Thế lực phản cách mạng đã thắng ở hai trung tâm lớn của phong trào cách mạng ở Đức, tức là Viên và Béc-lin, cho nên chỉ còn lại các bang nhỏ ở đó cuộc đấu tranh còn chưa ngã ngũ, mặc dầu ở đó, cán cân cũng ngày càng nghiêng về phía bất lợi cho cách mạng. Như chúng tôi đã nói, các bang nhỏ ấy đã có được một trung tâm chung là Quốc hội Phran-phuốc. Thế nhưng cái Quốc hội hữu danh vô thực ấy mặc dầu tính chất phản động của nó từ lâu đã biểu lộ ra rõ rệt đến nỗi chính nhân dân Phran-phuốc cũng đã đứng lên cầm vũ khí chống lại nó, cũng vẫn có một nguồn gốc ít nhiều cách mạng. Vào tháng Giêng, Quốc hội này đã có một thái độ cách mạng thật bất thường đối với nó. Quyền hạn của nó không bao giờ được xác định, nhưng cuối cùng nó đã quyết định, dành rằng quyết định ấy không bao giờ được các bang lớn công nhận, là mọi nghị quyết của nó đều có hiệu lực của pháp luật. Trong tình hình như vậy và do chỗ đảng quân chủ lập hiến thấy mình không còn vị trí cũ nữa vì các chế độ chuyên chế đã ngóc đầu dậy thì không có gì đáng ngạc nhiên rằng giai cấp tư sản quân chủ, tự do chủ nghĩa ở hầu khắp nước Đức



đã đặt hy vọng cuối cùng của nó vào đa số của Quốc hội ấy, đồng thời giai cấp tiểu tư sản, hạt nhân của đảng dân chủ, trước tai họa càng ngày càng tăng thêm đối với nó, cũng siết chặt hàng ngũ xung quanh thiểu số của Quốc hội ấy, cái thiểu số đã thực sự trở thành đội quân đại nghị cuối cùng và cố kết của phái dân chủ. Mặt khác, chính phủ các bang lớn hơn và đặc biệt là Chính phủ Phổ ngày càng nhận thấy rằng một cơ quan được bầu ra một cách không đúng quy tắc như vậy và chế độ quân chủ vừa được khôi phục lại ở Đức là không thể dung hòa được với nhau; và nếu các chính phủ ấy chưa dùng vũ lực để giải tán tức khắc cơ quan đó thì chỉ là vì thời cơ để làm việc đó chưa tới và vì nước Phổ còn muốn dùng nó để đẩy mạnh thêm những mưu đồ tham lam của mình.

Trong khi đó, cái Quốc hội đáng thương ấy rơi vào một tình trạng hỗn loạn ngày càng tăng. Ở Viên và ở Béc-lin, người ta đã đối xử với những đoàn đại biểu và những phái viên của nó một cách hết sức khinh bỉ; một trong những thành viên của nó[1*], mặc dầu có quyền bất khả xâm phạm của nghị viện, đã bị xử tử ở Viên như một kẻ phản nghịch đơn thuần. Không ở đâu người ta chú ý tới những sắc lệnh của nó. Và nếu các nước lớn hơn, nói chung có nhớ tới những sắc lệnh ấy thì cũng chỉ là trong các thông điệp phản kháng, trong đó không thừa nhận quyền của Quốc hội được biểu quyết những đạo luật và sắc lệnh trói buộc các chính phủ của họ. Cơ quan đại diện cho Quốc hội, tức quyền hành pháp trung ương, bị cuốn vào những cuộc tranh chấp ngoại giao với hầu hết các nội các ở Đức, và mặc dầu hết sức cố gắng, cả Quốc hội lẫn chính phủ trung ương cuối cùng đều không thể buộc được Áo và Phổ phải trình bày dứt khoát những ý định, những kế hoạch và những yêu sách của họ. Cuối cùng, Quốc hội ít ra cũng đã bắt đầu nhận thấy rằng nó đã để mọi quyền hành lọt khỏi tay mình,

1* - Rô-bớc Blum

đã hoàn toàn phụ thuộc vào Áo và Phổ và nhất là nếu nó thực sự có ý định tặng cho nước Đức một bản hiến pháp của cả hiệp bang, thì nó phải bắt tay hành động ngay tức khắc và thật nghiêm túc. Và rất nhiều nghị viên dao động của nó cũng đã nhận rõ rằng họ đã để cho các chính phủ lừa họ một cách rất tài tình. Nhưng dã bất lực thì liệu họ có khả năng làm được gì bây giờ? Điều duy nhất có thể cứu họ, là cương quyết và nhanh chóng đứng về phía nhân dân; nhưng như vậy cũng chắc gì đã thành công. Trong cái đám người bất lực ấy gồm những phần tử lừng chừng, thiển cận và tự phụ, hoàn toàn hoang mang trước sự huyên náo của những tin tức trái ngược nhau và của những thông điệp ngoại giao, chỉ biết lấy cái niềm tin luôn luôn được lặp lại rằng chính mình là những người ưu tú nhất, vĩ đại nhất, khôn ngoan nhất của dân tộc và là những người duy nhất có khả năng cứu được nước Đức làm niềm an ủi duy nhất và làm chỗ dựa của mình, thì liệu người ta có tìm được những người chân chính hay không? Và liệu trong cái đám người đáng thương ấy mà chỉ mới một năm đời sống nghị trường đã biến họ thành những kẻ hoàn toàn ngu xuẩn, thì người ta có thể tìm ra được những người có khả năng quyết định nhanh chóng và dứt khoát hay không, chứ chưa nói gì đến có hành động kiên quyết và bền bỉ?

Cuối cùng Chính phủ Áo đã vứt bỏ mặt nạ của mình đi. Trong hiến pháp ngày 4 tháng Ba của mình, nó tuyên bố Áo là một nước quân chủ không thể phân chia, có nền tài chính chung, chế độ thuế quan và những thiết chế quân sự thống nhất, do đó gạt bỏ mọi hàng rào ngăn cách và mọi sự phân biệt giữa các tỉnh Đức và các tỉnh không phải Đức. Lời tuyên bố ấy là trái hẳn với những nghị quyết và các điều khoản của bản hiến pháp hiệp bang mà Quốc hội Phran-phuốc đã thông qua. Áo đã thách thức nó, và cái Quốc hội đáng thương ấy không còn con đường nào khác là nhận sự thách thức ấy. Nó làm việc đó một cách rất ầm ĩ, nhưng nước Áo biết rõ lực lượng của mình, biết rõ Quốc hội là hoàn toàn bất



lực, nên cứ mặc kệ. Và cái cơ quan đại biểu quý báu ấy của nhân dân Đức, như nó tự xưng như vậy, không có cách nào khác để trả thù việc nước Áo làm nhục mình, là tự trói cả tay chân quỳ mọp trước Chính phủ Phổ. Thật rất khó tin, nhưng nó đã quỳ mọp trước những bộ trưởng mà chính nó đã chửi là phản lại hiến pháp và là kẻ thù của nhân dân, mà chính nó trước kia đã dòi tống cổ đi nhưng không được. Những chi tiết về sự hòa giải đáng xấu hổ ấy và những sự kiện bi hài tiếp sau đó, sẽ là đề tài của bài báo sắp tới của chúng tôi.

Luân Đôn, tháng Tư 1852

# XV
# THẮNG LỢI CỦA NƯỚC PHỔ

Bây giờ là đến chương cuối cùng của lịch sử cách mạng Đức: cuộc xung đột giữa Quốc hội với các chính phủ các bang, nhất là với Chính phủ Phổ; cuộc khởi nghĩa ở miền Nam và miền Tây nước Đức, và việc cuộc khởi nghĩa đó cuối cùng bị nước Phổ hoàn toàn đè bẹp.

Chúng ta đã thấy Quốc hội Phran-phuốc hành động. Chúng ta đã thấy nó bị Áo đá, bị Phổ chửi, bị các tiểu bang không phục tùng, bị ngay cái "chính phủ" trung ương bất lực của nó lừa, mà chính phủ này lại bị tất cả các quốc vương trong nước, không trừ một ai, nắm mũi dắt đi. Rốt cuộc, tình thế trở nên hoàn toàn nguy hiểm đối với cái cơ quan lập pháp yếu đuối, dao động và vô vị ấy. Nó buộc phải đi tới kết luận rằng: "Việc thực hiện cái tư tưởng cao cả là thống nhất nước Đức đã bị đe dọa"; điều ấy chẳng qua chỉ có nghĩa là Quốc hội Phran-phuốc và tất cả những gì nó đã làm và dự định làm sắp tan thành mây khói. Vì thế, nó nghiêm túc bắt tay vào việc để hoàn thành thật nhanh chóng cái công trình lớn lao của nó: bản "hiến pháp của đế chế".

Tuy nhiên còn có một khó khăn. Nên có một cơ quan hành pháp thuộc loại nào? Một ủy ban chấp hành chăng? Không được: với trí khôn ngoan tuyệt vời của họ thì như thế là làm cho nước Đức biến thành một nước cộng hòa. Một "tổng thống" chăng? Thì cũng lại là như thế. Vậy thì phải làm sống lại danh hiệu hoàng đế cũ. Nhưng một quốc vương sẽ lên làm hoàng đế, vậy thì ai? Chắc chắn không phải là một trong những dii minorum gentium[1*]

1* - nghĩa đen: thần nho; nghĩa bóng: những người ở cấp thứ hai



kể từ quốc vương Rây-xơ - Grây-xơ - Slây-xơ - Lô-ben-stanh - E-béc-sđốp cho đến quốc vương Ba-vi-e; không bao giờ Áo và Phổ lại dung thứ điều ấy. Như vậy chỉ có thể là Áo hoặc Phổ. Nhưng trong hai quốc vương ấy thì là ai? Chắc chắn là trong những hoàn cảnh thuận lợi hơn, cái Quốc hội đáng kính ấy có lẽ đến bây giờ vẫn còn họp để thảo luận vấn đề lưỡng nan quan trọng ấy vì nó không thể đi đến kết luận gì được, nếu Chính phủ Áo không gỡ cái mối bòng bong và giúp cho nó thoát khỏi lúng túng.

Nước Áo biết rõ rằng khi đã khuất phục được tất cả các tỉnh, nó lại có thể xuất hiện trước châu Âu như một cường quốc châu Âu hùng mạnh thì cái định luật của trọng lực chính trị tự nó sẽ thu hút phần còn lại của nước Đức vào quỹ đạo của nó, không cần phải có cái uy quyền của ngôi hoàng đế mà Quốc hội Phran-phuốc sẽ mang lại cho nó. Nước Áo đã mạnh hơn nhiều, tự do hành động hơn từ khi nó vứt bỏ được cái ngôi hoàng đế bất lực và mỏng manh của các hoàng đế Đức, cái ngôi đã làm trở ngại chính sách độc lập của riêng bản thân nó, mà không làm cho lực lượng của nó tăng thêm được chút nào ở trong cũng như ở ngoài nước Đức. Và giả sử rằng Áo bất lực không duy trì được vị trí của mình ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri, thì trong trường hợp ấy, nó cũng sẽ mất hết uy quyền của nó cả ở Đức và không bao giờ lại có thể đòi hỏi một lần nữa cái ngôi vua mà nó đã để tuột khỏi tay nó khi lực lượng của nó còn đang đầy đủ nhất. Vì vậy nước Áo đã tuyên bố dứt khoát chống lại mọi sự phục tích chế độ nhà vua; nó yêu cầu thẳng thừng là khôi phục lại Quốc hội hiệp bang, tức cái chính phủ trung ương duy nhất của Đức mà các hiệp ước 1815 nói tới và thừa nhận. Và ngày 4 tháng Ba 1849, nó ban hành một bản hiến pháp, nhằm tuyên bố nước Áo là một nước quân chủ không thể phân chia, theo chế độ trung ương tập quyền và độc lập, hoàn toàn tách biệt khỏi cái nước Đức mà Quốc hội Phran-phuốc cần phải cải tổ lại.

Trên thực tế, bản tuyên chiến công khai ấy đã khiến những nhà thông thái ở Phran-phuốc không còn sự lựa chọn nào khác là khai trừ nước Áo ra khỏi Đức và biến phần còn lại của Đức thành

một thứ Đế chế kiểu Đông La Mã, một "nước Đức nhỏ" mà chiếc áo hoàng đế, đã sờn, sẽ được khoác lên vai quốc vương Phổ. Chúng tôi xin nhắc lại rằng dấy chính là việc làm sống lại một dự án cũ mà sáu hoặc tám năm trước, một phái của những nhà khống luận tự do chủ nghĩa ở miền nam và miền trung Đức đã từng ấp ủ, họ coi những trường hợp nhục nhã giúp cho ý kiến riêng trước kia của họ lại một lần nữa được đưa lên hàng đầu thành "nước cờ mới nhất" để cứu vãn nước Đức, là của trời ban.

Bởi vậy, Quốc hội đã kết thúc thảo luận, vào tháng Hai và tháng Ba 1849, về hiến pháp của đế chế cũng như bản tuyên ngôn về quyền và luật tuyển cử của đế chế nhưng không phải là không buộc phải có những nhượng bộ mâu thuẫn nhau, về rất nhiều điều khoản, hôm nay thì với đảng thủ cựu, hay nói đúng hơn là đảng phản động, ngày mai thì với các bộ phận cấp tiến hơn của Quốc hội. Thực ra thì dĩ nhiên là quyền lãnh đạo Quốc hội, trước kia thuộc về phái hữu và phái giữa thiên hữu (phái bảo thủ và phái phản động) đã chuyển dần dần, tuy chậm chạp, sang tay phái tả, tức là những phần tử dân chủ của Quốc hội ấy. Tuy vậy, lập trường tương đối mập mờ của các nghị viên Áo ở trong cái Quốc hội đã tách đất nước họ ra khỏi Đức, cái Quốc hội trong đó họ vẫn có nhiệm vụ khai hội và biểu quyết, cũng tạo điều kiện thuận lợi cho sự mất cân bằng đó; và chính vì thế mà ngay từ cuối tháng Hai, phái giữa thiên tả và phái tả, nhờ sự ủng hộ của những lá phiếu Áo, đã chiếm được đa số rất nhiều lần, trong khi đó thì có nhiều lúc, bộ phận bảo thủ của người Áo lại bỗng nhiên hình như là đùa cợt mà biểu quyết cùng với phái hữu, làm cho cán cân lại nghiêng về phía ngược lại. Buộc Quốc hội có những sự biến đổi hết sức đột ngột ấy, họ muốn làm cho Quốc hội bị khinh bỉ, nhưng thật là hoàn toàn không cần thiết, vì quần chúng nhân dân đã từ lâu tin rằng tất cả những gì của Phran-phuốc đều là hoàn toàn trống rỗng và không có nghĩa lý gì. Có thể dễ dàng hình dung được rằng một bản hiến pháp ra đời trong một cảnh tượng chao đảo ngả nghiêng như vậy thì sẽ phải là một hiến pháp như thế nào.



NEW-YORK DAILY TRIBUNE, TUESDAY, JULY 27, 1852.

GERMANY.

We now come to the last chapter in the history of the German Revolution: the conflict of the National Assembly with the Governments of the different States, especially of Prussia, the connection of Southern and Western Germany, and its final overthrow by Prussia.

We have already seen the Frankfort National Assembly at work. We have seen it blinded at the Austria, assailed by Prussia, disdained by the lower States, loyal by its own Imperial Central Government, which never was the object of all and every power in the country. But, as long things began to look threatening for this work, the thing, except legislative body. It was forced to cause in the resolution that "the militia [illegible] of Germany shall be [illegible] of its national [illegible] which would [illegible] and [illegible] Frankfort Assembly, and all [illegible] and was about to disperse very hastily to [illegible]. Then [illegible] mark. In good earnest, in order to bring forth an open [illegible] the grand proclaim, the "Imperial Constitution."

[illegible] was, however, one difficulty. What Parliament [illegible] was there to be? An Executive Council? Yes. But could have both, they thought in their wisdom, entrusting Germany a Republic. A "President"? That would come to the same. Then they [illegible] the old expedient of royalty. But [illegible] a prince was [illegible] Everyone was afraid of her. Certainly none of the [illegible] princes, from [illegible] Guelfe Landwehr to Oberland up to Swabia, neither Austrian nor Prussia could [illegible]

Một phần trang báo "New-York Daily Tribune" đăng một bài rút ra từ tập "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức"

Phái tả của Quốc hội, cái phái tự cho mình là bộ phận ưu tú và niềm hãnh diện của nước Đức cách mạng đã hoàn toàn say sưa với vài thắng lợi nhỏ nhoi, giành được nhờ thiện ý, hay đúng hơn là nhờ ác ý của một vài chính trị gia Áo đã hành động theo sự xúi giục và vì lợi ích của chế độ chuyên chế Áo. Mỗi khi có một cái gì đó hơi giống một chút những nguyên tắc hết sức không rõ ràng của họ, được Quốc hội Phran-phuốc công nhận một cách rất đại khái, dưới một hình thức rất lơ mơ, theo liều lượng áng chừng, thì phái dân chủ ấy vội vã tuyên bố rằng họ đã cứu được Tổ quốc và nhân dân. Những kẻ ngu xuẩn đáng thương ấy, trong cuộc đời thường là tối tăm của chúng, rất ít quen với những cái giống như thắng lợi, cho nên quả thực chúng nghĩ rằng dường như mấy điều sửa đổi vô giá trị của chúng được thông qua với đa số hơn vài ba phiếu, sẽ làm thay đổi bộ mặt châu Âu. Ngay từ đầu sự nghiệp nghị trường của chúng, chúng bị nhiễm nặng hơn những nhóm khác của Quốc hội cái bệnh nan y này: *bệnh say mê nghị trường*, cái bệnh đã làm cho những nạn nhân rủi ro của nó tin một cách long trọng rằng toàn thể thế giới, lịch sử và tương lai của thế giới, đều bị chi phối và quyết định bởi đa số của cái cơ quan đại nghị đặc biệt ấy, cái cơ quan được vinh dự có chúng làm thành viên. Chúng tin rằng tất cả những việc xảy ra ở ngoài những bức tường của nghị viện của họ, như chiến tranh, cách mạng, xây dựng đường xe lửa, thực dân hóa toàn bộ những lục địa mới, phát hiện ra những mỏ vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a, những kênh đào ở Trung Mỹ, những đội quân Nga, tóm lại như tất cả những gì có thể gọi là có chút ảnh hưởng đến số mệnh của loài người, - tất cả những việc ấy là chẳng có nghĩa lý gì so với những sự biến vô cùng vĩ đại xoay quanh cái vấn đề hết sức quan trọng hiện đang làm bận tâm cái nghị viện đáng tôn kính của chúng. Chính do đó mà từ lúc ấy, phái dân chủ trong Quốc hội, vì đã lén đưa được vào "hiến pháp của đế chế" mấy phương thuốc của mình, buộc phải ủng hộ hiến pháp, mặc dầu, trong tất cả các điểm chủ yếu, hiến pháp ấy hiển nhiên là mâu thuẫn với những nguyên tắc mà phái đó đã tuyên bố nhiều lần. Và khi cuối cùng, đứa con hoang ấy đã bị

Giai cấp tư sản và nhất là giai cấp tiểu tư sản lập tức tuyên bố ủng hộ hiến pháp mới của Phran-phuốc. Họ không thể chờ đợi lâu hơn nữa cái giờ phút "kết thúc cách mạng". Lúc này, ở Áo và ở Phổ, cách mạng đã kết thúc bằng sự can thiệp của lực lượng vũ trang. Các giai cấp nói trên thích việc đó được thực hiện một cách ít bằng bạo lực hơn, nhưng họ không có khả năng lựa chọn; việc đã rồi và cần phải lợi dụng triệt để việc đó, họ quyết định lập tức như vậy và họ đã thi hành quyết định ấy một cách anh dũng nhất đời. Trong những tiểu bang mà tình hình tương đối trôi chảy thì từ lâu các giai cấp này chỉ lại cắm đầu vào công việc cổ động nghị trường phô trương nhưng hoàn toàn vô hiệu, vì không có thực lực, một công việc phù hợp nhất với tinh thần của họ. Như vậy là xét riêng từng bang ở Đức thì hình như các bang ấy đã có được một hình thức mới và dứt khoát khiến cho như người ta tưởng rằng từ nay các bang ấy sẽ bước vào một con đường phát triển hòa bình hợp hiến pháp. Chỉ còn một vấn đề là chưa được giải quyết: vấn đề tổ chức chính trị mới của Hiệp bang Đức. Và vấn đề ấy, vấn đề duy nhất hình như còn chứa đầy nguy hiểm, lại cần được giải quyết ngay tức khắc. Vì thế giai cấp tư sản đã gây áp lực với Quốc hội Phran-phuốc để thúc đẩy Quốc hội hoàn thành hiến pháp cho thật nhanh chóng; vì thế giai cấp tư sản lớn và trung bình quyết định công nhận và ủng hộ hiến pháp ấy, dù hiến pháp ấy là như thế nào chăng nữa, để có thể nhanh chóng thiết lập một tình hình ổn định. Như thế là ngay từ đầu, cuộc vận động cho hiến pháp của đế chế đã bắt nguồn từ một tình cảm phản động, và xuất phát từ các giai cấp đã chán ghét cách mạng từ lâu rồi.

Nhưng còn cần chú ý tới một khía cạnh khác nữa. Những nguyên tắc căn bản đầu tiên của hiến pháp tương lai của Đức đã được biểu quyết vào những tháng đầu mùa xuân và mùa hè năm 1848, lúc mà phong trào của quần chúng đang ở vào thời kỳ cao trào. Những nghị quyết đã được thông qua đó: mặc dầu *lúc bấy giờ* là hoàn toàn phản động, nhưng sau những hành động độc đoán của các Chính phủ Áo và Phổ thì bây giờ lại có vẻ là hết sức có



tính chất tự do và thậm chí là dân chủ nữa. Tiêu chuẩn để so sánh đã thay đổi. Quốc hội Phran-phuốc không thể xóa bỏ những nghị quyết đã được thông qua ấy và nhào nặn hiến pháp của đế chế theo khuôn mẫu những hiến pháp mà các Chính phủ Áo và Phổ đã tuốt gươm trần mà áp đặt, nếu nó không muốn tự sát về mặt tinh thần. Ngoài ra, như chúng ta đã thấy, đa số trong Quốc hội này đã thay đổi và ảnh hưởng của đảng tự do và đảng dân chủ đã tăng lên. Như vậy, hiến pháp của đế chế không những nổi bật lên do cái nguồn gốc trông bề ngoài có vẻ thuần túy dân chủ của nó, mà đồng thời nó còn là bản hiến pháp có tính chất tự do nhất trong toàn nước Đức, bất kể tất cả những mâu thuẫn của nó. Thiếu sót lớn nhất của bản hiến pháp đó là ở chỗ nó chỉ là một mảnh giấy lộn, không có một thực lực nào để thi hành những điều khoản của nó.

Trong tình hình đó, lẽ tự nhiên là cái gọi là đảng dân chủ, tức cái khối đông đảo những người tiểu tư sản, cố bám chặt lấy hiến pháp của đế chế. Giai cấp này bao giờ cũng có những yêu sách tiến tiến hơn giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, quân chủ - lập hiến; nó đã có những dáng điệu mạnh bạo hơn, đã nhiều lần dọa kháng cự bằng vũ trang, và không tiếc những lời hứa hẹn hy sinh xương máu và tính mạng để đấu tranh cho tự do; nhưng nhiều lần nó đã chứng tỏ rằng nó thường biến mất trong giờ phút nguy nan và thực ra, nó chỉ thấy dễ thở hơn bao giờ hết, sau một thất bại quyết định, khi mà tuy rằng nó đã mất hết tất cả, nhưng ít ra nó cũng có thể tự an ủi rằng thế là dù sao, công việc cũng *đã được* giải quyết xong xuôi, bằng cách này hay cách nọ. Vì vậy, trong lúc lòng trung thành với hiến pháp Phran-phuốc của bọn chủ ngân hàng lớn, bọn chủ xưởng và thương gia mang một tính chất dè dặt hơn và nói cho đúng hơn nó thuần túy biểu dương ý chí ủng hộ hiến pháp này thì giai cấp xã hội trực tiếp ở dưới bọn đó, tức các chàng tiểu tư sản dân chủ anh dũng của chúng ta, lại xuất đầu lộ diện một cách đường hoàng hơn và tuyên bố như thường lệ rằng họ thà hy sinh đến giọt máu cuối cùng chứ quyết không để cho hiến pháp của đế chế bị đổ vỡ.

Được sự ủng hộ của hai đảng ấy, tức là bọn tư sản chủ trương chế độ quân chủ lập hiến và bọn tiểu tư sản ít nhiều dân chủ, cuộc vận động ủng hộ việc thi hành ngay tức khắc hiến pháp của đế chế tiến triển nhanh chóng và được biểu hiện mạnh mẽ nhất trong nghị viện của các quốc gia. Các nghị viện của Phổ, của Han-nô-vơ, của Dắc-den, của Ba-đen, của Vuyếc-tem-béc đều lên tiếng ủng hộ hiến pháp. Cuộc đấu tranh giữa các chính phủ và Quốc hội Phran-phuốc trở nên nghiêm trọng.

Nhưng các chính phủ đã hành động nhanh chóng. Các nghị viện của Phổ bị giải tán một cách trái với hiến pháp, vì các nghị viện này có nhiệm vụ xem xét và phê chuẩn hiến pháp, nhiều cuộc nổi loạn do chính phủ cố ý gây nên đã nổ ra ở Béc-lin, và hôm sau, ngày 28 tháng Tư, nội các Phổ công bố một thông tư, trong đó hiến pháp của đế chế bị tố cáo là một văn kiện thuộc loại vô chính phủ và cách mạng ở mức cao nhất mà các chính phủ ở Đức cần phải sửa lại và tinh lọc. Như vậy là Phổ đã dứt khoát phủ nhận cái quyền lập hiến tối cao mà các nhà thông thái ở Phran-phuốc vẫn luôn luôn lấy làm hãnh diện, nhưng chưa bao giờ thực hiện nó một cách thực sự cả. Thế là một đại hội các quốc vương[38] - một hình thức đổi mới của Quốc hội hiệp bang cũ - đã được triệu tập để thảo luận về cái hiến pháp đã được công bố thành pháp luật ấy. Và cùng lúc ấy thì Phổ tập trung quân đội ở Croi-xnác cách Phran-phuốc ba ngày đường, và kêu gọi các tiểu bang nọi theo gương mình, và đồng thời hãy giải tán các nghị viện ngay khi các nghị viện ấy tán thành Quốc hội Phran-phuốc. Tấm gương ấy được các quốc gia Han-nô-vơ và Dắc-den nhanh chóng nọi theo.

Rõ ràng là chỉ có dùng bạo lực mới giải quyết được cuộc đấu tranh. Thái độ thù dịch của các chính phủ và sự biến động trong nhân dân ngày càng mang những hình thức quyết liệt hơn. Những công dân có tinh thần dân chủ vận động quân đội ở khắp nơi và thu được kết quả lớn ở miền Nam nước Đức. Đâu đâu cũng có những cuộc mít-tinh lớn của quần chúng, tại đó người ta đã quyết định ủng hộ hiến pháp của đế chế và Quốc hội, bằng vũ lực nếu cần. Ở Khuên, một cuộc hội nghị đại biểu của tất cả các hội đồng



thành phố Phổ thuộc miền Ranh đã được triệu tập nhằm mục đích đó. Ở Pphan-xơ, ở Béc-giơ, ở Phun-đa, ở Nu-rem-be, ở Ô-đen-van, nông dân tập hợp đông đảo và phấn khích đến cực độ. Cũng trong thời gian ấy, Quốc hội lập hiến của nước Pháp cũng bị giải tán và những cuộc tuyển cử mới đang được chuẩn bị trong bầu không khí kích động mãnh liệt; còn ở biên giới phía đông nước Đức thì người Hung-ga-ri, bằng nhiều chiến thắng rực rỡ liên tiếp, chỉ trong vòng một tháng, đã đẩy lui được cuộc xâm lược của người Áo từ sông Ti-đơ đến sông Lây-ta, và từng ngày người ta chờ đợi họ tiến công đánh chiếm Viên. Tóm lại khắp nơi, vì tinh thần của quần chúng được kích động đến cao độ, và chính sách thù địch của các chính phủ cũng mỗi ngày một bộc lộ rõ, cho nên một cuộc xung đột vũ trang nhất định sẽ nổ ra, và chỉ có kẻ ngu xuẩn nhút nhát mới tin chắc rằng cuộc đấu tranh sẽ kết thúc một cách hòa bình. Nhưng sự ngu xuẩn nhút nhát ấy lại bao trùm rộng rãi trong Quốc hội Phran-phuốc.

Luân Đôn, tháng Bảy 1852

# XVII
# CUỘC KHỞI NGHĨA

Cuối cùng, cuộc xung đột không tránh khỏi giữa Quốc hội Phran-phuốc và các chính phủ các bang Đức đã nổ ra thành sự đối địch công khai trong những ngày đầu tháng Năm 1849. Những nghị viên Áo, bị chính phủ của họ gọi về, đã bỏ Quốc hội ra về, trừ mấy người ở trong phái tả hoặc dân chủ. Đa số các nghị viên bảo thủ, cảm thấy rõ hướng xoay chuyển của tình hình, đã rút lui trước khi các chính phủ của họ ra lệnh. Như vậy, không kể những nguyên nhân đã tăng cường thế lực của phái tả, những nguyên nhân mà chúng tôi đã trình bày trong những bài trước đây, thì chỉ riêng cái việc phản bội của các nghị viên phái hữu cũng đủ để biến cái thiểu số trước đây thành đa số của Quốc hội. Những đại biểu của cái đa số mới này, trước kia chưa bao giờ dám mơ tưởng đến điều may mắn ấy, nay đã lợi dụng vị trí đối lập của mình, để điên cuồng mạt sát sự yếu đuối, tính do dự, sự ươn hèn của đa số cũ và của chính phủ đế chế của đa số ấy. Và giờ đây, *chính nó* bỗng nhiên có nhiệm vụ thay thế đa số cũ đó. Bây giờ, *nó* phải tỏ rõ là có khả năng làm được những gì. Đương nhiên là sự thống trị *của nó* phải cương quyết, kiên nghị và tích cực. *Nó*, bộ phận ưu tú của nước Đức, sẽ có thể nhanh chóng thúc đẩy được viên nhiếp chính đế chế già yếu và những viên bộ trưởng ngả nghiêng của hắn; còn trong trường hợp không thúc đẩy được thì không nghi ngờ gì nữa, nó sẽ nhân danh quyền tối cao của nhân dân mà hạ cái chính phủ bất lực ấy xuống bằng vũ lực và thay thế chính phủ ấy bằng một quyền hành pháp cương quyết, bền bỉ, đảm bảo cứu được nước Đức. Thật là những kẻ đáng thương! Chính quyền *của họ*, nếu có thể gọi cái mà không ai phục



tùng là một chính quyền, lại còn nực cười hơn cả cái chính quyền của những người trước họ.

Đa số mới tuyên bố rằng bất chấp mọi trở ngại, cần phải thi hành hiến pháp của đế chế và hơn nữa phải thi hành *ngay tức khắc*; rằng ngày 15 tháng Bảy sắp tới, nhân dân phải bầu đại biểu vào nghị viện mới, và nghị viện mới này phải họp ở Phran-phuốc vào ngày 22 tháng Tám sắp tới. Song đấy là lời tuyên chiến trực tiếp với những chính phủ không thừa nhận hiến pháp đế chế, trước hết là với Phổ, Áo và Ba-vi-e, bao gồm hơn ba phần tư dân số Đức; lời tuyên chiến mà các chính phủ này tiếp nhận ngay tức khắc. Phổ và Ba-vi-e cũng gọi những đại biểu của họ ở Phran-phuốc về và đẩy mạnh việc chuẩn bị quân sự để chống Quốc hội. Nhưng mặt khác, những cuộc thị uy của đảng dân chủ (ở ngoài nghị viện) để ủng hộ hiến pháp của đế chế và Quốc hội ngày càng mạnh mẽ hơn, càng kịch liệt hơn và quần chúng công nhân, do những người của đảng cực đoan nhất lãnh đạo, sẵn sàng cầm vũ khí để bảo vệ một sự nghiệp, nếu chưa phải là sự nghiệp riêng của họ nhưng ít ra cũng mở ra cho họ khả năng tiến đến gần việc thực hiện mục đích của họ hơn, bằng cách giải thoát nước Đức khỏi những xiềng xích quân chủ cũ. Như vậy là ở khắp nơi, nhân dân và chính phủ đã đối diện với nhau, sẵn sàng chiến đấu; cuộc bùng nổ là không tránh khỏi; trái mìn đã nạp thuốc, chỉ cần một tia lửa nhỏ là đủ làm cho nó nổ tung. Việc giải tán các nghị viện ở Dắc-den, việc huy động quân dự bị ở Phổ, việc các chính phủ công khai chống lại hiến pháp đế chế là những tia lửa ấy; chúng rơi xuống và chỉ trong chớp mắt là cả đất nước cháy rực. Ngày 4 tháng Năm, ở Đre-xđen, nhân dân chiến thắng chiếm được thành phố và đuổi vua[1*] đi, trong khi các quận ở xung quanh cũng gửi viện binh cho quân khởi nghĩa. Ở miền Ranh thuộc Phổ, ở miền Ve-xtơ-pha-li, đội quân dự bị từ chối không chịu hành quân, nó chiếm các kho vũ khí và tự vũ trang để bảo vệ hiến pháp đế chế. Ở Pphan-xơ, nhân dân bắt các quan lại của Chính phủ Ba-vi-e và chiếm các

1* - Phri-đrích - Au-gu-xtơ II

công quỹ, rồi thành lập một Ủy ban phòng thủ, Ủy ban này đặt toàn tỉnh dưới sự bảo vệ của Quốc hội. Ở Vuyếc-tem-béc, nhân dân bắt vua[1*] phải thừa nhận hiến pháp đế chế và ở Ba-đen, quân đội liên hiệp với nhân dân đã buộc viên đại công tước[2*] phải chạy trốn và thành lập một chính phủ lâm thời. Ở các địa phương khác của Đức, nhân dân chỉ chờ một hiệu lệnh quyết định của Quốc hội là vùng lên cầm vũ khí và tuân theo sự điều động của Quốc hội.

Vị trí của Quốc hội là thuận lợi hơn rất nhiều so với điều người ta có thể chờ đợi sau cái quá khứ không quang vinh chút nào của nó. Nửa phía tây của nước Đức đã cầm vũ khí ủng hộ nó: ở khắp nơi, quân đội có thái độ do dự; trong các bang nhỏ, rõ ràng là quân đội nghiêng về phía phong trào. Nước Áo bị cuộc tiến quân thắng lợi của người Hung-ga-ri làm cho tê liệt, và nước Nga, cái lực lượng dự bị ấy của các Chính phủ Đức, đang gắng hết sức mình để ủng hộ nước Áo chống lại quân đội Ma-gi-a. Chỉ còn phải khuất phục Phổ nữa thôi, và với những cảm tình cách mạng tồn tại trong nước ấy thì chắc chắn là có hy vọng đạt được mục đích đó. Vậy là tất cả chỉ còn tùy ở thái độ của Quốc hội.

Khởi nghĩa là một nghệ thuật, cũng y như chiến tranh hay bất cứ nghệ thuật nào khác; khởi nghĩa phải tuân theo một số quy tắc nhất định, đằng nào mà quên mất những quy tắc ấy sẽ không tránh khỏi bị tiêu vong. Những quy tắc ấy, được suy ra một cách lô-gích từ bản chất của các đảng và từ bản chất của những điều kiện phải tính đến trong trường hợp như thế, là hết sức rõ ràng và đơn giản, đến nỗi là chỉ kinh nghiệm ngắn ngủi năm 1848 cũng đã dạy cho người Đức biết khá rõ những quy tắc ấy. Thứ nhất, không bao giờ được đùa với khởi nghĩa, nếu không có quyết tâm tiến hành đến cùng. Khởi nghĩa là một bài toán có những đại lượng rất bất định mà giá trị có thể thay đổi hàng ngày; lực lượng

1* - Vin-hem I
2* - Lê-ô-pôn



chiến đấu của đối phương có đủ mọi ưu thế về tổ chức, về kỷ luật và về quyền uy vốn có từ lâu; nếu những người khởi nghĩa không có những lực lượng mạnh hơn hẳn để đối phó với đối phương thì chắc chắn là sẽ thua và sẽ bị tiêu diệt. Thứ hai là một khi đã bước vào con đường khởi nghĩa, phải hành động với một quyết tâm rất lớn và phải giành thế tấn công. Phòng ngự là sự diệt vong của mọi cuộc khởi nghĩa vũ trang; nếu phòng ngự, khởi nghĩa sẽ thất bại ngay trước khi đọ sức với kẻ thù. Phải tấn công đối phương một cách bất ngờ khi lực lượng của nó còn tản mạn; từng ngày, phải giành được những thắng lợi mới, dù nhỏ đi nữa; phải giữ vững ưu thế tinh thần do cuộc nổi dậy thắng lợi đầu tiên đem lại; phải tranh thủ những phần tử dao động bao giờ cũng đi theo lực lượng mạnh hơn và luôn luôn tìm đứng về phía vững chắc hơn; phải buộc kẻ thù rút lui trước khi nó có thể tập hợp được lực lượng chống lại mình, tóm lại là phải hành động theo lời của Đăng-tông, người thầy vĩ đại nhất từ trước đến nay về sách lược cách mạng: de l'audace, de l'audace, encore de l'audace! [1*].

Vậy thì Quốc hội Phran-phuốc phải làm gì để tránh khỏi sự tiêu vong chắc chắn đang đe dọa nó? Trước hết, nó phải nhận rõ tình thế và tin chắc rằng giờ đây nó không có sự lựa chọn nào khác: hoặc là phải đầu hàng vô điều kiện các chính phủ, hoặc là đi theo con đường vũ trang khởi nghĩa, không dè dặt và không do dự. Thứ hai là phải công khai thừa nhận mọi cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở các nơi và kêu gọi dân chúng khắp mọi nơi đứng lên cầm vũ khí để bảo vệ cơ quan đại biểu quốc dân, tuyên bố đặt ra ngoài vòng pháp luật mọi quốc vương, bộ trưởng và những kẻ nào dám chống lại nhân dân có quyền lực tối cao và do những nghị sĩ của họ thay mặt. Ba là phải hạ ngay viên nhiếp chính để chế xuống, thành lập một cơ quan hành pháp mạnh mẽ, tích cực và *không gì có thể làm cho dừng bước*, kêu gọi những lực lượng vũ trang

1* - dũng cảm, dũng cảm, dũng cảm nữa!

của đội quân khởi nghĩa tới Phran-phuốc để bảo vệ trực tiếp cơ quan ấy, do đó tạo ra một lý do hợp pháp để mở rộng cuộc khởi nghĩa; tổ chức mọi lực lượng có trong tay thành một chỉnh thể vững chắc, tóm lại là lợi dụng nhanh chóng và không do dự mọi phương tiện có thể sử dụng để củng cố vị trí của mình và làm yếu vị trí của đối phương.

Tất cả những điều đó, những người dân chủ đức độ của Quốc hội Phran-phuốc đã làm trái lại hẳn. Không những để mặc cho tình hình phát triển một cách tự nhiên, những nhân vật đáng kính ấy còn đi tới chỗ bóp nghẹt tất cả những phong trào khởi nghĩa đang được chuẩn bị, bằng hành vi chống đối của họ. Chẳng hạn như hành vi của Các Phô-gtơ ở Nu-rem-be. Họ đã để cho các cuộc khởi nghĩa ở Dắc-đen, ở vùng Ranh thuộc Phổ, ở Ve-xtơ-pha-li bị bóp chết mà chẳng giúp đỡ gì cả, ngoài việc đưa ra một lời phản đối tình cảm và quá muộn chống lại sự tàn bạo chưa từng thấy của Chính phủ Phổ. Họ có quan hệ ngoại giao bí mật với các cuộc khởi nghĩa ở miền nam nước Đức, nhưng lại không chịu ủng hộ bằng cách công khai thừa nhận các cuộc khởi nghĩa ấy. Họ biết viên nhiếp chính đế chế đứng về phía các chính phủ, thế mà họ kêu gọi *hắn* chống lại những âm mưu của các chính phủ ấy, nhưng hắn không hề nhúc nhích. Những bộ trưởng của đế chế, những tên bảo thủ kỳ cựu, cứ mỗi phiên họp, lại chế giễu cái Quốc hội bất lực ấy, thế mà Quốc hội vẫn cứ để mặc. Và khi Vin-hem Vôn-phơ, một nghị viên của vùng Xi-lê-di và là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" yêu cầu Quốc hội tuyên bố đặt viên nhiếp chính đế chế ra ngoài pháp luật vì tên này, theo lời ông nói rất đúng, là kẻ phản bội đầu tiên và lớn nhất đối với đế chế, thì những người dân chủ cách mạng ấy nổi giận một cách rất là đạo đức, nhất trí la ó ông. Tóm lại, họ tiếp tục bàn suông, phản đối, thông báo, tuyên bố, nhưng không bao giờ có đủ can đảm lẫn tinh thần để hành động. Trong khi ấy, kẻ địch, tức là quân đội của các chính phủ, đang ngày càng tiến gần



và chính cái quyền hành pháp của bản thân họ, tức là viên nhiếp chính đế chế, đang tích cực âm mưu với các quốc vương Đức để đẩy nhanh việc xóa bỏ họ. Vì vậy cái Quốc hội bỉ ổi ấy đã mất hết mọi uy tín; những người dân khởi nghĩa trước kia đã đứng lên bảo vệ nó thì từ nay không còn quan tâm gì đến nó nữa và rốt cuộc, khi nó phải chịu chết một cách nhục nhã, như chúng ta sẽ thấy, thì nó chết mà không một ai thèm để ý tới cái chết vô sỉ của nó.

Luân Đôn, tháng Tám 1852

# XVIII
# NHỮNG NGƯỜI TIỂU TƯ SẢN

Trong bài báo trước, chúng tôi đã chỉ ra rằng cuộc đấu tranh giữa một bên là các chính phủ Đức với một bên là Quốc hội Phran-phuốc, cuối cùng, đã đạt tới tột đỉnh đến nỗi trong những ngày đầu tháng Năm, một phần lớn nước Đức đã công khai nổi dậy; trước hết là Đre-xđen, sau là Pphan-xơ thuộc Ba-vi-e, nhiều bộ phận của miền sông Ranh thuộc Phổ và sau cùng là Ba-đen.

Trong tất cả các trường hợp, những lực lượng *chiến đấu thực sự* của quân khởi nghĩa, cái hạt nhân đó, cái hạt nhân gồm những người đầu tiên cầm vũ khí và chiến đấu với quân đội, là *những công nhân thành thị*. Một bộ phận những tầng lớp dân cư nghèo ở nông thôn, - những cố nông và những tiểu nông, - nói chung là đi theo công nhân, sau khi cuộc xung đột đã nổ ra. Đa số thanh niên của tất cả các giai cấp ở dưới giai cấp các nhà tư bản đều đứng trong hàng ngũ của quân khởi nghĩa, ít ra cũng là trong một thời gian, nhưng cái mớ chắp nhặt hỗn tạp gồm những đám thanh niên ấy đã nhanh chóng thưa dần đi khi tình thế càng trở nên nghiêm trọng hơn. Đặc biệt là những sinh viên, những "đại biểu của trí tuệ", như họ thích tự xưng như vậy, lại là những kẻ đào ngũ đầu tiên, trừ phi họ ở lại vì được để bạt lên chức vụ sĩ quan, cái chức vụ mà dĩ nhiên là hãn hữu lắm họ mới có được khả năng cần thiết để đảm đương.

Giai cấp công nhân tham gia cuộc khởi nghĩa này, cũng như nó đã tham gia bất cứ cuộc khởi nghĩa nào mang lại cho nó triển vọng hoặc là gạt bỏ được một vài trở ngại trên con đường tiến tới nắm chính quyền và tới cách mạng xã hội, hoặc ít ra là buộc



được những giai cấp xã hội có thế lực hơn, nhưng ít can đảm hơn, đi vào một con đường kiên quyết hơn và cách mạng hơn con đường từ trước đến nay họ vẫn đi theo. Giai cấp công nhân cầm vũ khí với ý thức hoàn toàn rõ rệt rằng cuộc đấu tranh này, xét những mục đích trực tiếp của nó, không phải là cuộc đấu tranh của mình; nhưng giai cấp công nhân tuân theo cái sách lược duy nhất đúng đắn của mình là: nó không cho phép bất cứ một giai cấp nào đã trèo lên vai mình (như giai cấp tư sản, vào năm 1848 đã làm), củng cố quyền thống trị giai cấp của nó, mà ít ra không mở ra cho giai cấp công nhân một địa bàn hoạt động thích đáng cho phép đấu tranh vì lợi ích của bản thân họ; và trong bất cứ trường hợp nào, giai cấp công nhân cũng cố gắng đẩy tình thế đi đến một cuộc khủng hoảng, cuộc khủng hoảng đó, hoặc là sẽ lôi cuốn dân tộc một cách kiên quyết và trực tiếp đi vào con đường cách mạng, hoặc là khôi phục lại hết sức đầy đủ cái status quo hồi trước cách mạng và do đó làm cho một cuộc cách mạng mới tất phải nổ ra. Trong cả hai trường hợp, giai cấp công nhân đều đại biểu cho lợi ích chân chính và đúng đắn của toàn thể dân tộc: nó ra sức thúc đẩy tiến trình cách mạng, cuộc cách mạng từ nay đã trở thành một tất yếu lịch sử đối với các xã hội cũ của châu Âu văn minh, và nếu không có cuộc cách mạng ấy thì không một xã hội nào lại có thể hy vọng tiếp tục phát triển được lực lượng của mình một cách yên tĩnh và đều đặn hơn.

Còn những người dân ở nông thôn tham gia cuộc khởi nghĩa, thì chủ yếu là họ bị gánh khá nặng những thuế má hoặc bị cái gánh nặng những đảm phụ phong kiến đẩy vào tay đảng cách mạng. Không có tính chủ động riêng của mình, họ hợp thành một bộ phận phụ thuộc vào các giai cấp khác trong cuộc khởi nghĩa, họ ngả nghiêng giữa một bên là giai cấp công nhân và một bên là giai cấp những người tiểu thủ công và tiểu thương. Hầu như bao giờ cũng vậy, chính địa vị xã hội đặc biệt của họ đã quyết định con đường họ đi theo. Người công nhân nông nghiệp, nói chung ủng hộ giai cấp công nhân thành thị; người tiểu nông có khuynh hướng liên minh với người tiểu tư sản.

Giai cấp những người tiểu tư sản ấy, mà nhiều lần chúng tôi đã nhấn mạnh tầm quan trọng và ảnh hưởng của nó, có thể được coi là giai cấp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849. Vì lần này, không có một thành phố lớn nào của Đức là trung tâm của phong trào cách mạng, cho nên giai cấp tiểu tư sản luôn luôn chiếm ưu thế trong những thành phố vừa và nhỏ, đã nắm được quyền lãnh đạo phong trào. Vả lại, chúng ta đã thấy rằng cuộc đấu tranh cho hiến pháp của đế chế và cho quyền hạn của nghị viện Đức, chính là có liên quan đến lợi ích của giai cấp ấy. Trong các chính phủ lâm thời thành lập ở tất cả các địa phương khởi nghĩa, đại biểu của tầng lớp ấy của nhân dân chiếm đa số, vì vậy xét quy mô hoạt động của họ ta có thể nhận định chung được khả năng của giai cấp tiểu tư sản Đức. Như chúng ta sẽ thấy, nó chỉ có mỗi khả năng phá hoại mọi phong trào tin cậy vào sự lãnh đạo của nó.

Giai cấp tiểu tư sản, vĩ đại về mặt khoe khoang, lại rất không có khả năng hành động và lẩn tránh một cách nhút nhát khi cần phải làm một cái gì nguy hiểm. Tính chất nhỏ nhen của những việc giao dịch buôn bán và những hoạt động tín dụng của nó đã ảnh hưởng sâu sắc tới tính cách riêng của nó khiến cho tính cách này mang dấu ấn của sự thiếu nghị lực và thiếu tinh thần tháo vát, vì vậy phải thấy trước rằng hoạt động chính trị của nó sẽ mang những đặc điểm ấy. Nên trên thực tế, giai cấp tiểu tư sản đã khuyến khích cuộc khởi nghĩa bằng những lời lẽ trống rỗng và những lời huênh hoang về những điều nó quyết định làm; khi hoàn toàn trái với ý muốn của nó, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra, thì nó vội đoạt lấy chính quyền; nhưng nó chỉ sử dụng chính quyền đó để thủ tiêu những kết quả của khởi nghĩa. Ở bất cứ nơi nào mà một cuộc xung đột vũ trang đã đưa tình hình đến một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng thì bọn tiểu tư sản đều khiếp sợ tình hình nguy hiểm đối với chúng; khiếp sợ thấy dân chúng coi trọng những lời kêu gọi chiến đấu huênh hoang của chúng, khiếp sợ thấy chính quyền rơi vào chính tay mình; và khiếp sợ nhất trước những hậu quả của chính sách mà chúng buộc phải thi hành, - những hậu quả sẽ đem lại không những cho bản thân chúng, mà còn cho địa



vị xã hội và cho tài sản của chúng. Há chẳng phải là người ta đang chờ chúng thực sự hy sinh "tính mạng và tài sản", như chúng thường quen nói, cho sự nghiệp khởi nghĩa đó sao? Há chẳng phải là chúng đã bị bắt buộc phải giữ những chức vụ chính thức trong cuộc khởi nghĩa, khiến cho chúng sẽ gặp phải mối nguy mất cơ nghiệp khi khởi nghĩa thất bại, đó sao? Và nếu khởi nghĩa thành công, há chẳng chắc chắn là những người vô sản chiến thắng, tức là chủ lực của lực lượng chiến đấu của chúng, sẽ vội vàng đuổi ngay chúng ra khỏi chức vụ và đảo lộn toàn bộ chính sách của chúng đó sao? Bị kẹt giữa hai nguy cơ như vậy, bị đe dọa từ phía, giai cấp tiểu tư sản không biết sử dụng quyền lực của nó bằng cách nào khác hơn là cứ để mặc cho tình hình phát triển tự nhiên, thành thử đương nhiên là nó làm tiêu tan cái chút ít khả năng thành công còn lại và làm cho cuộc khởi nghĩa hoàn toàn phá sản. Sách lược, hay nói cho đúng hơn là sự hoàn toàn thiếu sách lược của giai cấp tiểu tư sản thì ở nơi nào cũng giống nhau; vì thế mà những cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849 ở khắp nước Đức đều được rập theo một khuôn.

Ở Đre-xđen, cuộc chiến đấu ngoài đường phố kéo dài bốn ngày. Những người tiểu tư sản ở Đre-xđen, đội "cận vệ quốc gia" của thành phố không những không tham gia chiến đấu mà trong nhiều trường hợp, còn tạo thuận lợi cho hoạt động của quân đội chống quân khởi nghĩa. Một lần nữa, quân khởi nghĩa thì vẫn hầu như chỉ gồm toàn là công nhân của các khu công nghiệp xung quanh. Họ có được *một người chỉ huy có khả năng và dũng cảm là một người Nga lưu vong, Mi-kha-in Ba-cu-nin*, ông này, sau đó, bị cầm tù và hiện nay đang bị giam ở pháo đài Mun-ca-trơ[1*] ở Hung-ga-ri. Sự can thiệp của một lực lượng lớn quân đội Phổ đã đè bẹp cuộc khởi nghĩa ấy.

Ở vùng Ranh thuộc Phổ, những cuộc chiến đấu thực sự thì không lớn lắm. Vì tất cả các thành phố lớn đều là những pháo đài có thành trì che chở nên hoạt động của quân khởi nghĩa chỉ

1* Tên gọi bằng tiếng U-cra-i-na là Mu-ca-tre-vô

giới hạn ở một vài trận nhỏ. Khi quân đội được tập hợp với một số lượng đầy đủ thì cuộc chống cự vũ trang thất bại.

Trái lại, ở Pphan-xơ và ở Ba-đen thì một tỉnh giàu có và phì nhiêu và một bang nguyên vẹn rơi vào tay quần khởi nghĩa. Ở đây, có đủ mọi thứ: tiền bạc, vũ khí, quân lính, dự trữ chiến tranh. Ngay cả những binh sĩ của quân đội chính quy cũng đi theo quần khởi nghĩa; hơn thế nữa, ở Ba-đen, họ còn đứng ở hàng đầu. Nghĩa quân ở Dắc-đen và ở vùng Ranh thuộc Phổ đã hy sinh để tranh thủ thời gian cần thiết cho việc tổ chức một phong trào ở miền nam Đức. Chưa bao giờ một cuộc khởi nghĩa bộ phận ở địa phương lại ở vào một hoàn cảnh thuận lợi như cuộc khởi nghĩa này. Người ta chờ một cuộc cách mạng nổ ra ở Pa-ri; người Hung-ga-ri đã đến cửa ngõ thành Viên; trong tất cả các bang ở miền trung Đức, không những nhân dân mà cả quân đội cũng cương quyết ủng hộ khởi nghĩa và chỉ chờ cơ hội để công khai đi theo khởi nghĩa. Thế nhưng phong trào một khi rơi vào tay giai cấp tiểu tư sản, là bị thất bại ngay từ đầu. Các nhà cầm quyền tiểu tư sản, nhất là ở Ba-đen, đứng đầu là ông Bren-ta-nô, bao giờ cũng đinh ninh rằng tiếm đoạt địa vị và đặc quyền của vị chúa "hợp pháp", tức đại công tước, là phạm tội đại nghịch. Họ ngồi vào các ghế bộ trưởng của mình nhưng vẫn canh cánh trong lòng rằng như vậy là phạm tội. Người ta có thể trông mong gì ở những tên nhút nhát ấy? Không những chúng để mặc cho cuộc khởi nghĩa phát triển tự phát, không có sự lãnh đạo thống nhất và do đó không đem lại hiệu quả gì, mà thật ra chúng còn làm hết sức mình để làm nhụt nhuệ khí của phong trào, để làm cho nó yếu đi, để phá hoại nó. Và chúng đã thành công, nhờ sự ủng hộ sốt sắng của cái loại chính trị gia thâm thuý là các vị anh hùng theo phái "dân chủ" của giai cấp tiểu tư sản, bọn này đều tin tưởng chắc chắn rằng họ thực sự sẽ "cứu được Tổ quốc", trong khi họ để cho một nhúm đại bợm quỷ quyệt kiểu Bren-ta-nô xỏ mũi.

Về phần quân sự của cuộc khởi nghĩa thì chưa bao giờ các cuộc tác chiến lại được tiến hành một cách cẩu thả và ngu ngốc như



dưới sự chỉ huy của Di-ghen, viên tổng tư lệnh người Ba-đen, một trung úy cũ của quân đội chính quy. Người ta đã gây hỗn độn khắp nơi, người ta để mất mọi cơ hội tốt, người ta mất những giờ phút quý báu để xây dựng những dế án đồ sộ nhưng không thực hiện được, cho đến khi cuối cùng một người Ba Lan thông minh là Mi-e-rốt-xláp-xki nắm được quyền chỉ huy thì quân đội đã hỗn loạn, bị đánh bại, mất tinh thần, thiếu tiếp tế, trước một kẻ thù đông gấp bốn lần, thành thử viên chỉ huy mới chỉ còn có cách là đánh ở Vác-hoi-den một trận oanh liệt nhưng không mang lại kết quả, thực hiện một cuộc rút lui tài tình, đánh một trận cuối cùng và tuyệt vọng ở Ra-stát rồi từ chức. Cũng như trong bất cứ một cuộc chiến tranh khởi nghĩa nào trong đó quân đội là một hỗn hợp gồm những binh sĩ thiện chiến và những tân binh không được huấn luyện thì trong quân đội cách mạng có rất nhiều biểu hiện anh dũng nhưng đồng thời cũng có rất nhiều cảnh hoảng hốt không hợp với bản chất quân đội và nhiều khi khó hiểu; nhưng mặc dầu không tránh khỏi có những thiếu sót, quân đội cách mạng ít ra cũng có quyền tự hào rằng một lực lượng đông hơn gấp bốn lần vẫn không được coi là đủ để đánh bại nó, và 10 vạn quân chính quy, khi đánh với 2 vạn quân khởi nghĩa thì về mặt quân sự, cũng phải tỏ ra kính trọng quân khởi nghĩa ấy như đối với đội vệ binh già dặn của Na-pô-lê-ông.

Cuộc khởi nghĩa đã nổ ra vào tháng Năm; giữa tháng Bảy 1849, nó bị đánh bại hoàn toàn và cuộc cách mạng đầu tiên của nước Đức đã kết thúc.

# XIX
# KẾT CỤC CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA

Khi miền nam và miền tây nước Đức đang ở trong tình trạng khởi nghĩa công khai và khi các chính phủ, từ bước đầu của cuộc xung đột ở Đre-xđen cho đến ngày đầu hàng ở Ra-stát, đã bỏ ra hơn mười tuần lễ để dập tắt những ngọn lửa cuối cùng của cuộc cách mạng đầu tiên của Đức, thì Quốc hội cũng biến khỏi vũ đài chính trị mà không ai để ý đến.

Trên kia, chúng ta đã nói tới cái cơ quan tôn nghiêm ấy ở Phran-phuốc, nó ở trong tình trạng hoàn toàn hoang mang vì những cuộc công kích láo xược của các chính phủ vào uy phong của nó, vì sự bất lực và sự tiêu cực phản phúc của cái chính phủ trung ương do nó lập nên, vì những cuộc nổi dậy của giai cấp tiểu tư sản nhằm bảo vệ nó và vì cuộc nổi dậy của giai cấp công nhân nhằm mục đích cuối cùng có tính chất cách mạng hơn. Sự suy sụp hết sức sâu sắc về tinh thần và niềm thất vọng lan tràn trong các thành viên của nó; tình hình bỗng mang một hình thức rõ nét và quyết định đến nỗi chỉ trong ít ngày, những ảo tưởng của các nhà lập pháp thông thái ấy về quyền lực và ảnh hưởng thực sự của họ đã hoàn toàn sụp đổ. Các phần tử bảo thủ, theo hiệu lệnh của chính phủ, đã rút ra khỏi cái Quốc hội từ nay chỉ còn có thể tiếp tục tồn tại như một sự thách thức đối với chính quyền hợp pháp. Những phần tử tự do chủ nghĩa, hoàn toàn hoang mang, cho rằng sự nghiệp thế là đã tan vỡ và cũng từ bỏ chức nghị sĩ của mình. Những nhân vật đáng kính ấy bỏ đi cả hàng trăm. Từ 800 đến 900 người lúc đầu, bọn họ đã giảm đi nhanh chóng đến nỗi sau đó chỉ còn 150 người và ít ngày sau nữa chỉ còn 100 người mà vẫn tuyên bố là đủ số để biểu quyết. Thế mà cũng còn khó



khăn mới có đủ con số đó, mặc dầu toàn bộ các nghị sĩ của đảng dân chủ đều ở lại trong Quốc hội.

Con đường mà những tàn dư đó trong nghị viện phải đi theo thì đã mười phần rõ ràng. Họ phải công khai và kiên quyết đứng về phía khởi nghĩa, do đó mang lại cho cuộc khởi nghĩa tất cả sức mạnh của tính hợp pháp, đồng thời qua đó có được một quân đội để bảo vệ bản thân họ. Họ phải đòi chính quyền trung ương đình chỉ ngay tất cả những hành động quân sự và nếu đúng như dự đoán, cái chính quyền ấy không muốn mà cũng không thể làm như thế thì phải hạ nó xuống ngay tức khắc và thay thế nó bằng một chính quyền kiên quyết hơn. Nếu không thể đưa quân đội khởi nghĩa tới Phran-phuốc (điều này lúc đầu rất dễ thực hiện, trong khi chính phủ các bang còn chưa chuẩn bị để chiến đấu và còn do dự) thì Quốc hội có thể di chuyển ngay đến chính trung tâm vùng khởi nghĩa. Tất cả những điều ấy, nếu được thực hiện nhanh chóng và kiên quyết, chậm nhất là vào giữa hay cuối tháng Năm, thì cũng còn có hy vọng thắng lợi cho cả cuộc khởi nghĩa và Quốc hội.

Nhưng người ta không thể trông mong những đại biểu của giai cấp tiểu tư sản Đức có một hành động kiên quyết như vậy. Những chính khách hám danh đó vẫn không trút bỏ được những ảo tưởng của họ. Những thành viên nào đã mất cái lòng tin tai hại vào sức mạnh và quyền bất khả xâm phạm của Quốc hội thì đã chuồn rồi; những phần tử dân chủ còn ở lại thì vẫn không dễ dàng từ bỏ những ảo tưởng của họ về quyền lực và danh vọng mà họ đã ước mơ trong suốt mười hai tháng trời. Trung thành với đường lối họ vẫn theo đuổi từ trước đến nay, họ lẩn tránh bằng mọi cách bất cứ một hành động nào có tính chất quyết định cho đến lúc cuối cùng mất hết cả mọi cơ hội thắng lợi và ngay cả mọi cơ hội thất bại nhưng ít ra còn giữ được danh dự. Lúc đó, tiến hành một hoạt động giả tạo và huênh hoang, một hoạt động mà sự bất lực hiển nhiên cộng với những tham vọng cao xa của họ chỉ làm cho người ta thương hại và buồn cười, họ tiếp tục gửi những nghị quyết,

những lời thỉnh nguyện và những thư yêu cầu cho viên nhiếp chính đế chế, nhưng y chẳng thèm để ý tới, và cho các bộ trưởng đã công khai liên minh với kẻ thù. Và sau cùng, khi *Vin-hem Vôn-phơ*, một nghị viên miền Stơ-ri-gâu[1*], một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" và là người duy nhất thực sự cách mạng trong toàn thể Quốc hội, bảo họ rằng nếu họ coi trọng lời nói của họ thì tốt nhất là đừng bận suông nữa và hãy tức khắc tuyên bố đặt viên nhiếp chính đế chế, kẻ phản quốc đầu sỏ, ra ngoài vòng pháp luật – thì lúc đó tất cả nỗi tức giận đạo đức mà các ngài nghị sĩ vẫn cố kìm lại, bỗng nổ ra kịch liệt chưa từng thấy khi các chính phủ đổ lên đầu họ những lời chửi rủa và chế giễu. Điều đó là dĩ nhiên, vì đề nghị của *Vôn-phơ* là lời phát biểu có lý đầu tiên được nói trong nhà thờ Thánh Pôn[39]; đó là điều dĩ nhiên, vì điều mà Vôn-phơ yêu cầu họ chính là điều phải làm và một lời nói rõ ràng và nói thẳng vào vấn đề như vậy, chỉ có thể là một điều lăng mạ đối với cái đám người đa cảm đó, họ chỉ có thể kiên quyết có thái độ không kiên quyết và vì quá nhút nhát không dám hành động, họ đã tâm niệm dứt khoát rằng không làm gì tức là đã làm điều phải làm. Đương nhiên là mỗi lời nói như ánh chớp rọi sáng đám mây mù trong đầu óc họ, mỗi lời cảnh cáo có tính chất lôi kéo họ ra khỏi cái mê cung trong đó họ cố tình ẩn náu càng lâu càng tốt, mỗi quan niệm rõ rệt về tình hình thực tế, đều bị họ coi là một tội phạm thượng đối với cái Quốc hội có chủ quyền ấy.

Sau đó ít lâu, vì địa vị của các vị nghị sĩ đáng kính trở nên không thể duy trì được ở Phran-phuốc nữa, mặc dầu họ đưa ra những quyết nghị, những lời kêu gọi, lời chất vấn và lời tuyên bố, nên họ rút lui, nhưng không phải là về những vùng khởi nghĩa; nếu thế thì đã là kiên quyết quá. Họ rút về Stút-gát, ở đó chính phủ Vuyếc-tem-béc giữ một thái độ trung lập có tính chất chờ thời. Ở đây, rốt cuộc họ tuyên bố phế truất viên nhiếp chính đế chế

1* - Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Xtơ-sê-gôm



và bầu ra một hội đồng nhiếp chính gồm năm người chọn trong số họ. Hội đồng nhiếp chính đó lập tức đưa thông qua một đạo luật về đội dân cảnh, đạo luật này được thông tri dường hoàng và đúng thể thức cho các chính phủ ở Đức biết. Các chính phủ này, tức là những kẻ thù thực sự của Quốc hội, lại nhận được lệnh phải tuyển mộ những lực lượng để bảo vệ Quốc hội! Rồi người ta thành lập - cố nhiên là trên giấy - một đạo quân để bảo vệ Quốc hội! Những sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, khẩu đội, tất cả đều được quy định, sắp xếp. Không thiếu một cái gì hết, chỉ thiếu có hiện thực thôi, vì tất nhiên là đạo quân ấy không bao giờ xuất hiện trên đời này cả.

Quốc hội còn có một chỗ bấu víu cuối cùng nữa. Từ khắp các miền trong nước, dân cư dân chủ cử những đoàn đại biểu đến để cho Quốc hội sử dụng và để ép buộc Quốc hội phải hành động kiên quyết. Nhân dân thấy rõ ý định thực sự của chính phủ Vuyếc-tem-béc, đã thúc ép Quốc hội phải buộc chính phủ ấy công khai và tích cực tham gia phong trào khởi nghĩa ở những vùng lân cận. Nhưng vô ích. Chuyển về Stút-gát là Quốc hội đã nộp mình cho chính phủ Vuyếc-tem-béc. Các thành viên của Quốc hội đều biết thế và vì thế họ đã phản đối việc cổ động trong quần chúng. Bằng hành động ấy, họ đã mất nốt cái phần ảnh hưởng cuối cùng mà họ còn có thể giữ được. Như vậy là họ kiếm được một sự khinh bỉ xứng đáng và chính phủ Vuyếc-tem-béc, bị Phổ và viên nhiếp chính đế chế thúc ép, đã kết liễu cái trò hề dân chủ bằng cách đóng cửa phòng họp của Quốc hội vào ngày 18 tháng Sáu 1849 và ra lệnh cho các thành viên của hội đồng nhiếp chính phải rời khỏi xứ ấy.

Lần này, họ đi về Ba-đen, về với phe khởi nghĩa; nhưng bấy giờ ở đây, họ không còn có ích gì nữa. Không ai để ý tới họ nữa. Nhưng hội đồng nhiếp chính, nhân danh nhân dân Đức có chủ quyền, vẫn tiếp tục mang hết sức mình ra để cứu nước. Nó tìm cách làm cho các cường quốc công nhận nó nên nó đã phát *giấy hộ chiếu* cho tất cả những ai muốn nhận giấy đó. Nó tung ra

những lời tuyên bố và cử phái viên đi phát động cuộc khởi nghĩa của chính các quận ở Vuyếc-tem-béc, nơi mà nó đã từ chối không chịu giúp đỡ tích cực khi còn kịp thời; đương nhiên là cái đó không mang lại kết quả gì. Chúng tôi hiện có trước mặt một bản chính của báo cáo của một trong những phái viên ấy, ông Ruê-xlơ (nghị viên quận Ên-xơ[1*]), gửi cho hội đồng nhiếp chính; nội dung bản báo cáo ấy khá đặc biệt. Nó được đề: Stút-gát, ngày 30 tháng Sáu 1843. Sau khi đã miêu tả những cuộc phiêu lưu của nửa tá phái viên ấy phải chạy khắp nơi để kiếm tiền nhưng chẳng mò đâu ra được một đồng, ông Ruê-xlơ nêu một tràng lý do để xin lỗi về việc chưa tới được địa điểm công tác; sau đó ông đưa ra những nhận định rất là quan trọng về những cuộc tranh chấp có thể xảy ra giữa Phổ, Áo, Ba-vi-e và Vuyếc-tem-béc và về những hậu quả có thể xảy ra. Sau một cuộc nghiên cứu đầy đủ, ông đi tới kết luận rằng tình thế thật là tuyệt vọng. Tiếp đó, ông đề nghị chọn những người tin cậy để tổ chức trạm truyền tin và lập một hệ thống điệp viên để dò la những ý định của chính phủ Vuyếc-tem-béc và những cuộc chuyển quân. Bức thư ấy không bao giờ tới được địa chỉ của nó, vì khi nó được viết ra thì "hội đồng nhiếp chính" đã thành "bộ ngoại giao" rồi, nghĩa là nó đã đi ra nước ngoài, sang Thụy Sĩ và trong khi ngài Ruê-xlơ đáng thương đó còn đang nhức đầu nhức óc để khám phá những ý định của cái nội các ghê gớm của một vương quốc suy đồi thì mười vạn binh lính Phổ, Ba-vi-e và Hét-xen đã giải quyết xong mọi việc bằng một trận đánh cuối cùng ở Rát-stát.

Nghị viện Đức đã tiêu vong như vậy, và cùng tiêu vong với nó là cái sản phẩm đầu tiên và cuối cùng của cách mạng. Việc triệu tập nghị viện ấy là sự xác nhận pháp lý đầu tiên nói lên rằng cuộc cách mạng *đã* thực sự *xảy ra* ở Đức, và nghị viện ấy còn tồn tại chừng nào mà cuộc cách mạng này, cuộc cách mạng hiện đại đầu tiên của Đức, còn chưa kết thúc. Được bầu ra do ảnh hưởng của giai cấp tư sản, bởi một dân cư nông thôn phân tán,

1* Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Ô-lét-ni-xa



phân liệt và phần lớn mới thoát khỏi trạng thái mê muội phong kiến, cái nghị viện ấy đã được dùng để đưa lên sân khấu chính trị toàn bộ những nhân vật lớn, có tiếng tăm trong những năm 1820 - 1848, để rồi lại hoàn toàn thủ tiêu họ. Tất cả những nhân vật nổi tiếng của chủ nghĩa tự do tư sản đều tập hợp ở đây. Giai cấp tư sản mong chờ những chuyện thần kỳ; nhưng chỉ chuốc lấy nhục cho bản thân và cho những đại biểu của nó. Giai cấp những nhà tư sản công thương nghiệp đã bị thất bại ở Đức nặng nề hơn là ở các nước khác; trước hết, nó bị đánh bại và bị đuổi khỏi chính quyền từng bang của Đức, rồi bị đánh bại hoàn toàn, bị sỉ nhục, bị la ó ở nghị viện trung ương Đức. Chủ nghĩa tự do chính trị, sự thống trị của giai cấp tư sản, dù dưới hình thức chính phủ quân chủ hay chính phủ cộng hòa, gì gì đi nữa, đều vĩnh viễn không thể có được ở Đức nữa.

Trong thời kỳ cuối của nó, nghị viện Đức đã vĩnh viễn làm mất hết danh dự của cái tầng lớp đứng đầu phái đối lập chính thức từ tháng Ba 1848, tức là phái dân chủ, đại biểu cho lợi ích của giai cấp tiểu tư sản và một phần của giai cấp nông dân. Trong tháng Năm và tháng Sáu 1849, giai cấp ấy đã có dịp tỏ rõ khả năng của nó trong việc thành lập một chính phủ vững chắc ở Đức. Chúng ta đã thấy nó thất bại như thế nào: thất bại, phần ít là do những hoàn cảnh bất lợi mà phần lớn là do thái độ hoàn toàn hèn nhát mà nó luôn luôn thể hiện ra trong những bước ngoặt trọng yếu kể từ ngày nổ ra cách mạng, nó thất bại vì về phương diện chính trị, nó cũng tỏ ra thiển cận, bạc nhược và do dự như trong những hoạt động kinh doanh thương mại của nó. Do hành vi ấy, vào tháng Năm 1849, nó đã để mất tín nhiệm của đội quân chiến đấu thực sự của tất cả các cuộc khởi nghĩa ở châu Âu, của giai cấp công nhân. Nhưng mặc dầu thế, nó cũng còn có nhiều thời cơ thuận lợi. Nghị viện Đức nắm trọn trong tay nó, từ khi bọn phản động và bọn tự do chủ nghĩa bỏ đi. Dân cư nông thôn ủng hộ nó. Hai phần ba quân đội của các tiểu bang, một phần ba quân đội Phổ, đại bộ phận quân trú bị Phổ (lực lượng dự bị và dân

binh) sẵn sàng theo nó, miễn là nó hành động với một tinh thần kiên định và dũng cảm do chỗ nhận định rõ tình hình mà có được. Nhưng các chính trị gia lãnh đạo giai cấp ấy không sáng suốt gì hơn đám quần chúng tiểu tư sản đi theo họ. Họ còn mù quáng hơn nữa, còn ngoan cố bám lấy những ảo tưởng mà họ cố ý duy trì, còn ngây thơ hơn, còn bất lực hơn ngay cả những phần tử tự do chủ nghĩa trong việc kiên quyết đương đầu với các sự kiện. Tác dụng chính trị của họ cũng tụt xuống dưới con số không. Nhưng vì họ chưa thực sự thực hiện những nguyên tắc vô vị của họ, nên trong những trường hợp *rất* thuận lợi, họ cũng còn có thể hồi sinh lại trong một thời gian ngắn, nếu như cuộc đảo chính của *Lu-i Bô-na-pác-tơ* không cướp nốt cái hy vọng cuối cùng ấy của họ, giống như cướp của những đồng nghiệp của họ ở Pháp là "phái dân chủ thuần túy".

Lịch sử cuộc cách mạng đầu tiên của Đức kết thúc bằng sự thất bại của cuộc khởi nghĩa ở Tây-Nam nước Đức và bằng việc giải tán nghị viện Đức. Chúng ta chỉ còn phải nói qua đến những thành viên đắc thắng của liên minh phản cách mạng nữa mà thôi. Chúng tôi sẽ làm việc đó ở trong bài báo sau[40].

Luân Đôn, 24 tháng Chín 1852



# C. MÁC

# TUYÊN BỐ

Trong một bản tin đầy ý nghĩa của tờ "Allgemeine Zeitung"[41] ở Au-xbuốc có ghi: Khuên, 26 tháng Chín, người ta nhắc đến tên tôi kết hợp một cách kỳ quặc với tên của nam tước phu nhân Phôn Bếch và các cuộc bắt bớ ở Khuên[42]. Cụ thể là: dường như tôi cho nam tước phu nhân Phôn Bếch biết những điều bí mật chính trị nào đó mà sau đó bằng con đường này hay con đường khác đã đến tai chính phủ. Tôi được gặp nam tước phu nhân Phôn Bếch chỉ hai lần và hơn nữa cả hai lần đều có người chứng kiến. Trong cả hai lần gặp, câu chuyện *chỉ* bàn tới những đề xuất văn học mà tôi buộc phải khước từ vì những đề xuất đó dựa trên cơ sở một quan niệm hoàn toàn sai lầm, rằng tôi đang có những mối liên hệ nào đó với các tờ báo Đức. Sau khi chấm dứt câu chuyện đó, tôi không còn nghe nói gì về bà nam tước phu nhân nữa cho tới khi được biết về cái chết đột ngột của bà. Còn về những người lưu vong Đức hàng ngày gặp gỡ bà Phôn Bếch, thì bao giờ tôi cũng ít coi họ là những người bạn của mình cũng như đối với phóng viên ở Khuên của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc, hoặc đối với những vị người Đức "vĩ đại", ở Luân Đôn những vị này đang biến việc lưu vong thành một thứ nghề kinh doanh hoặc chức nghiệp của mình. Tôi không bao giờ cho rằng những điều thêu dệt đê tiện và kỳ quặc, giả dối một cách phi lý đủ mọi kiểu của các tờ báo Đức, hoặc là phát ra trực tiếp từ Luân Đôn, hoặc là được

gợi ý ra ở đó, là đáng để phải trả lời. Và nếu như lần này tôi làm một việc ngoại lệ thì cũng chỉ vì phóng viên ở Khuên của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc mưu toan xem thái độ không tự chủ được mà người ta bịa đặt ra cho tôi trong khi trò chuyện với nam tước phu nhân Phôn Bếch là *căn cứ* cho các vụ bắt bớ ở Khuên, Đre-xđen v.v...

Luân Đôn, ngày 4 tháng Mười 1851

**Các Mác**

*Đã đăng trên báo "Kölnische Zeitung" số 242, ngày 9 tháng Mười 1851*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Đức*

# C.MÁC

## NGÀY 18 THÁNG SƯƠNG MÙ CỦA LU-I BÔ-NA-PÁC-TƠ[43]

*Do C.Mác viết vào tháng Chạp 1851 - tháng Ba 1852*
*Đã đăng dưới hình thức số 1 của tạp chí "Die Revolution", New- York, 1852*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản in xuất bản năm 1869, có đối chiếu với bản in xuất bản năm 1852 và 1885*
*Nguyên văn là tiếng Đức*

# Die Revolution,

Eine Zeitschrift in zwanglosen Heften.

Herausgegeben von

J. Weydemeyer.

Erstes Heft.

## Der 18te Brumaire des Louis Napoleon

von

Karl Marx.

New-York.
Expedition: Deutsche Vereins-Buchhandlung von Schmidt und Heinrich.
Office: Nassau-Street Nr. 192.
1852.

Bìa phía của tạp chí "Die Revolution" đăng lần đầu tiên tác phẩm của C. Mác "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ"

# I

Hê-ghen có nhận xét ở đâu đó rằng tất cả những sự biến lớn và nhân vật lớn trong lịch sử thế giới đều xuất hiện có thể nói là hai lần. Ông ta đã quên nói thêm rằng: lần đầu như một bi kịch, lần thứ hai như một trò hề. Trước kia có Đăng-tông thì bây giờ có Cô-si-đi-e, trước kia có Rô-be-xpi-e thì bây giờ có Lu-i Blăng, trước kia có phái Núi 1793 - 1795 thì bây giờ có phái Núi 1848 - 1851, trước kia có người bác thì bây giờ có người cháu. Và cũng vẫn bức biếm họa ấy trong những hoàn cảnh trong đó tấn tuồng ngày 18 tháng Sương mù[44] được tái diễn!

Con người làm ra lịch sử của chính mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là trong những điều kiện trực tiếp có trước mắt, đã cho sẵn và do quá khứ để lại. Truyền thống của tất cả các thế hệ đã chết dè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống. Và ngay khi con người có vẻ như là đang ra sức tự cải tạo mình và cải tạo sự vật, ra sức sáng tạo ra một cái gì chưa từng có, thì chính trong những thời kỳ khủng hoảng cách mạng như thế, họ lại sợ sệt cầu viện đến những linh hồn của quá khứ, lại mượn tên tuổi, khẩu hiệu chiến đấu, y phục của những linh hồn đó, để rồi đội cái lốt đáng kính ấy của người xưa, và dùng những lời lẽ vay mượn đó, để trình diễn màn mới của lịch sử thế

giới. Ví dụ, Lu-the đã hóa trang làm Thánh Pôn, cuộc cách mạng 1789 - 1814 đã lần lượt khoác bộ y phục của Cộng hòa La Mã, rồi sau đó khoác y phục của Đế chế La Mã, còn cuộc cách mạng 1848 thì chẳng biết làm gì hơn là: khi thì học đòi theo năm 1789, khi thì học đòi theo những truyền thống cách mạng 1793 - 1795. Cũng giống như một người mới bắt đầu học một ngôn ngữ mới, bao giờ cũng dem dịch nhằm ngôn ngữ đó sang tiếng mẹ đẻ của mình, chỉ khi nào người đó sử dụng được ngôn ngữ đó mà không phải dịch nhằm và thậm chí còn quên cả tiếng mẹ đẻ của mình, thì người đó mới nắm chắc được tinh thần của ngôn ngữ mới đó, và mới nói được một cách trôi chảy.

Khi xem xét những việc cầu khẩn có tính chất lịch sử thế giới ấy đối với linh hồn những người đã quá cố thì người ta thấy ngay được sự khác nhau rất rõ rệt. Ca-mi-lơ, Đê-mu-lanh, Đăng-tông, Rô-be-xpi-e, Xanh - Giu-xtơ, Na-pô-lê-ông, các nhân vật cũng như các chính đảng và quần chúng trong cuộc cách mạng lần thứ nhất ở Pháp, đều khoác bộ áo quần La Mã và dùng những lời lẽ La Mã để thực hiện nhiệm vụ của thời đại mình - tức là việc giải phóng khỏi xiềng xích và thiết lập ra xã hội *tư sản* hiện đại. Một số người đã đập tan những cơ sở của chế độ phong kiến và chặt những cái đầu phong kiến mọc trên miếng đất của chế độ ấy. Còn người khác thì tạo ra trong lòng nước Pháp những điều kiện mà chỉ có chúng, người ta mới có thể phát triển sự cạnh tranh tự do, khai thác sở hữu ruộng đất manh mún, sử dụng những lực lượng sản xuất công nghiệp đã được giải phóng của đất nước, còn ở ngoài ranh giới nước Pháp thì đâu đâu người đó cũng quét sạch các hình thức phong kiến trong chừng mực điều đó là cần thiết để tạo ra cho xã hội tư sản ở Pháp một môi trường chung quanh thích hợp đáp ứng những yêu cầu của thời đại, ở trên lục địa châu Âu. Nhưng một khi hình thái xã hội mới đã được thiết lập rồi, thì những nhân vật khổng lồ thời thái cổ đều biến đi, và cùng với họ là cả La Mã đã sống lại trước đây, - tất cả những Bru-tút, Grắc-khơ, Pu-bli-cô-la, những người bảo hộ dân, những nguyên lão nghị viên và ngay cả Xê-da nữa cũng đều biến mất. Xã hội tư sản, với tinh



thần thực tiễn tỉnh táo của nó, đã tìm được những người giải thích và phát ngôn chân chính của nó ở những bọn Xây, Cu-đanh, Roay-ê - Cô-la, Ben-gia-manh Công-xtăng và Ghi-dô; những tướng lĩnh thực sự của nó ngồi sau các quầy hàng, Lu-i XVIII có cái đầu "béo ị" là thủ lĩnh chính trị của nó. Hoàn toàn mê mải vào việc sản xuất ra của cải và vào cuộc cạnh tranh hòa bình, xã hội tư sản không còn nhớ rằng những bóng ma của thời đại La Mã đã bảo vệ cái nôi của nó. Nhưng dẫu cho xã hội tư sản có ít anh hùng mấy chăng nữa, thì để cho nó ra đời, cũng cần phải có chủ nghĩa anh hùng, lòng hy sinh, sự khủng bố, nội chiến, và những trận chiến đấu của các dân tộc. Và các đấu sĩ của xã hội tư sản đã tìm thấy trong những truyền thống nghiệt ngã theo kiểu cổ điển của Cộng hòa La Mã những lý tưởng và những hình thức nghệ thuật, những ảo tưởng cần thiết cho họ, để tự che giấu mình cái nội dung tư sản hạn chế của cuộc đấu tranh của họ và để duy trì nhiệt tình của họ ở đỉnh cao của một tấn bi kịch lịch sử lớn. Cũng như vậy, trước đó một thế kỷ, ở một giai đoạn phát triển khác, Crôm-oen và nhân dân Anh đã mượn cho cuộc cách mạng tư sản của họ những lời lẽ, những nhiệt tình và những ảo tưởng lấy trong Cựu ước. Khi mục đích thật sự đã đạt rồi, khi việc cải tạo tư sản của xã hội Anh đã hoàn thành rồi, thì Lốc-cơ liền gạt bỏ nhà tiên tri A-ba-quých.

Như vậy, trong các cuộc cách mạng ấy, người ta làm sống lại những người đã chết để ca ngợi những cuộc đấu tranh mới, chứ không phải là để nhại lại những cuộc đấu tranh cũ, là để đề cao trong tưởng tượng một nhiệm vụ nhất định, chứ không phải là để trốn tránh việc giải quyết nhiệm vụ ấy trong thực tế, là để tìm lại cái tinh thần của cách mạng, chứ không phải là để buộc cái bóng ma của nó phải lang thang một lần nữa.

Trong những năm 1848 - 1851 chỉ có cái bóng ma của cuộc cách mạng cũ lang thang, kể từ Ma-ra-xtơ, một républicain en gants jaunes[1*] và mặc bộ quần áo của lão Bay-i cho đến cái anh

1* - phần tử cộng hòa đeo găng tay màu vàng

chàng phiêu lưu đã giấu bộ mặt tầm thường - ghê tởm của mình dưới chiếc mặt nạ bằng sắt của Na-pô-lê-ông đã chết. Cả một dân tộc, tưởng rằng nhờ cách mạng mà đã đẩy nhanh được sự vận động tiến lên của mình, thì bỗng nhiên thấy mình bị đưa lùi về một thời đã chết, và để cho không ai có thể nghi ngờ về bước thoái lui đó, người ta đã làm sống lại những ngày tháng cũ, kỷ niệm cũ, những tên tuổi cũ, những chỉ dụ cũ từ lâu đã trở thành tài sản của những người chơi đồ cổ thông thái, và tất cả những tên cảnh sát của chế độ cũ, dường như đã thối rữa từ lâu rồi. Cả nước cảm thấy mình giống như anh chàng người Anh loạn óc trong nhà thương điên Bét-lam[45], cứ tưởng như mình đang sống dưới thời các ông vua Ai Cập cổ xưa và ngày nào cũng than thở một cách cay đắng về công việc nặng nhọc của người thợ mỏ mà anh ta phải làm trong những mỏ vàng ở Ê-ti-ô-pi-a, trong cái nhà tù dưới đất đó, với một ngọn đèn tù mù gắn ở trên đầu, sau lưng là tên cai cầm cây roi dài canh gác những người nô lệ, và ở các cửa hầm là cả một bầy lính đánh thuê man rợ không hiểu cả những thợ mỏ khổ sai lẫn giữa chúng với nhau, vì họ không nói cùng một thứ tiếng. Anh chàng loạn óc người Anh than thở: "Thế mà tôi, một người Anh sinh ra vốn đã tự do, lại phải è cổ ra chịu tất cả những điều đó để kiếm vàng cho các ông vua Ai Cập thời cổ". Còn dân tộc Pháp thì than thở: "Để trả nợ cho gia đình Bô-na-pác-tơ". Khi người Anh đó đầu óc còn tỉnh táo, anh ta vẫn không thể bỏ được cái ý nghĩ ám ảnh anh ta là đi kiếm vàng. Còn người Pháp, chừng nào họ làm cách mạng thì họ vẫn không thể vứt bỏ được những hồi ức về Na-pô-lê-ông, như cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Chạp[46] đã cho thấy.Vì sợ những nguy cơ cách mạng, họ đã muốn quay về với những cái nồi thịt ở xứ Ai Cập[47], - và câu trả lời là sự kiện ngày 2 tháng Chạp 1851. Không những họ nhận được bức biếm họa về lão già Na-pô-lê-ông, mà họ có được bản thân lão già Na-pô-lê-ông dưới dạng biếm họa, với diện mạo mà lão ta phải có giữa thế kỷ XIX.

Cuộc cách mạng xã hội của thế kỷ XIX chỉ có thể tìm được thi hứng của mình ở tương lai, chứ không phải ở quá khứ. Nó



không thể bắt đầu thực hiện được nhiệm vụ của bản thân nó chừng nào nó chưa hoàn toàn tẩy trừ được hết mọi mê tín đối với quá khứ. Các cuộc cách mạng trước kia cần có những sự hồi tưởng đến những sự kiện lịch sử toàn thế giới của quá khứ để tự đánh lừa mình về cái nội dung của chính mình. Cách mạng của thế kỷ XIX phải để cho những người đã chết chôn cất những người chết của họ, để làm sáng tỏ cho mình cái nội dung của chính mình. Trước kia, lời nói cao hơn nội dung, còn bây giờ thì nội dung cao hơn lời nói.

Cách mạng tháng Hai là một *sự bất ngờ* đối với xã hội cũ, nó bắt chộp được xã hội cũ và nhân dân đã tuyên bố cái *đòn* bất ngờ ấy là một sự biến có ý nghĩa lịch sử thế giới, mở đầu cho một thời đại mới. Ngày 2 tháng Chạp, cuộc cách mạng tháng Hai đã biến mất vào tay một tên bịp bợm xảo quyệt, và kết quả là cái bị tiêu diệt không phải là chế độ quân chủ nữa mà là những nhượng bộ có tính chất tự do chủ nghĩa giành được trong tay chế độ quân chủ bằng một cuộc đấu tranh hàng thế kỷ. Đáng lẽ bản thân *xã hội* phải giành lấy cho mình một nội dung mới, thì chỉ có *nhà nước* là dường như quay trở về với hình thái cổ xưa nhất của nó, với sự thống trị thô sơ, vô liêm sỉ của thanh gươm và chiếc áo thầy tu. Coup de tête[1*] tháng Chạp 1851 đã trả lời lại coup de main[2*] tháng Hai 1848 như thế đấy. Kiếm được như thế nào thì xào như thế ấy. Nhưng giữa hai sự biến đó thời gian cũng không phải là đã trôi qua một cách vô ích. Trong vòng từ những năm 1848 đến 1851, xã hội Pháp đã thu được - bằng một phương pháp rút ngắn, vì đó là phương pháp cách mạng - những bài học và những kinh nghiệm mà trong một tiến trình phát triển đúng đắn, có thể nói là có quy củ, thì lẽ ra phải có trước cuộc cách mạng tháng Hai, dù cho cuộc cách mạng đó có một cái gì đó quan trọng hơn là sự rung chuyển giản đơn trên bề mặt. Giờ đây, xã hội Pháp có vẻ như đã quay trở lại đằng sau điểm xuất phát của

1* - hành động nông nổi
2* - độp táo bạo, hành động kiên quyết

nó; trên thực tế thì nó chỉ còn phải tạo cho mình cái điểm xuất phát cho cách mạng, tạo ra cái tình hình, những quan hệ và những điều kiện mà chỉ khi có chúng thì cuộc cách mạng hiện đại mới có thể có một tính chất nghiêm túc được.

Các cuộc cách mạng tư sản, ví dụ như những cuộc cách mạng trong thế kỷ XVIII, đã nhanh chóng đi từ thành công này đến thành công khác, trong những cuộc cách mạng ấy hiệu quả kịch tính sau lại còn lớn hơn hiệu quả trước, người và vật đều như được lửa pháo hoa chiếu rọi, ngày nào cũng ở trong trạng thái phấn chấn ngây ngất, nhưng những cuộc cách mạng tư sản ấy chỉ có tính chất nhất thời, nhanh chóng đạt tới đỉnh cao của chúng, và xã hội bị rơi vào một cơn say dài trước khi kịp lĩnh hội được một cách tỉnh táo những kết quả của thời kỳ phong ba bão táp của mình. Trái lại, những cuộc cách mạng vô sản, những cuộc cách mạng của thế kỷ XIX, thì thường xuyên tự phê phán, luôn luôn dừng lại trong sự vận động của mình, quay trở lại những cái hình như đã xong rồi để làm lại từ đầu, chế giễu thậm tệ tính chất nửa vời, những mặt yếu và sự vô dụng của những mưu toan đầu tiên của mình; những cuộc cách mạng đó dường như quật ngã kẻ địch của mình xuống chỉ là để cho kẻ địch đó lấy thêm những sức lực mới từ đất lên và lại đứng thẳng người lên trước mặt mình hùng mạnh hơn; những cuộc cách mạng đó luôn luôn lùi lại trước các mục tiêu bao la vô tận của mình, cho đến khi cuối cùng, một tình thế khiến không thể nào lùi được nữa được tạo ra, và chính ngay hoàn cảnh cũng thét lên:

Hic Rhodus, hic salta!

Hoa hồng ở đây rồi, ở đây hãy nhảy đi![48]

Vả lại, bất kỳ một người nào có ít nhiều đầu óc quan sát, dù không theo dõi từng bước sự tiến triển của các sự kiện ở Pháp, cũng không thể không cảm thấy trước rằng cuộc cách mạng ấy sẽ chịu một sự nhục nhã chưa từng thấy. Chỉ nghe những lời đắc thắng dấy tự mãn mà các ngài dân chủ chúc tụng lẫn nhau về



những kết quả thần kỳ mà họ chờ đợi ở ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852[49], cũng đủ. Trong đầu óc các ngài ấy, ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852 đã trở thành một ý nghĩ luôn luôn ám ảnh họ, thành một tín điều, giống như ngày giáng thế lần thứ hai của Chúa Ki-tô và triều đại ngàn năm ở trong đầu óc những người theo thuyết ngàn năm. Những con người yếu đuối bao giờ cũng tìm lối thoát trong lòng tin vào những phép lạ; họ tin rằng kẻ địch sẽ bị đánh bại, nếu như trong trí tưởng tượng của họ, họ dùng phù phép trù yểm được nó, và họ mất hết mọi cảm xúc về hiện tại, vì họ đề cao đến tận mây xanh cái tương lai đang chờ đón họ và những chiến công mà họ dự định làm, nhưng báo tin về những cái đó trong lúc này thì họ cho là hãy còn quá sớm. Ra sức bác bỏ cái ý kiến về sự vô tài rõ ràng của mình bằng cách bày tỏ mối thông cảm lẫn nhau và kết với nhau thành một khối, các vị yêng hùng ấy đã thu thập gia tư vật dụng, và sau khi chộp lấy những vòng hoa nguyệt quế ứng trước cho họ, họ chính đã chuẩn bị chiết khấu ở sở giao dịch những nước cộng hòa in partibus[1*] mà thành phần chính phủ đã được họ tổ chức một cách cẩn thận, lặng lẽ, với tính dễ dãi vốn có của họ. Ngày 2 tháng Chạp đã làm cho họ sửng sốt như tiếng sét giữa bầu trời quang đãng; và nhân dân - mà trong những thời kỳ tinh thần sút kém đã sẵn lòng để cho bọn hò hét to tiếng nhất nén những nỗi lo sợ trong lòng họ - lần này chắc sẽ thấy rõ ràng đã qua rồi cái thời buổi mà tiếng kêu của một đàn ngỗng có thể cứu nguy cho thành Ca-pi-tôn.

Hiến pháp, Quốc hội, các phe đảng bảo hoàng, các đảng viên cộng hòa xanh, đỏ, các tay anh hùng châu Phi, tiếng sấm của các diễn đàn, những tia chớp của báo chí, tất cả các sách báo, các nhân vật chính trị nổi tiếng, các nhà trí thức có danh vọng, bộ

1* - in partibus infidelium - ngoài thực tại (nghĩa đen là: "tại xứ sở của những kẻ vô đạo" - đây là mấy chữ bổ sung vào tước hiệu của các giám mục Thiên chúa giáo được bổ nhiệm giữ chức giám mục thuần túy trên danh nghĩa trong những nước không theo đạo Cơ Đốc)

dân luật và bộ hình luật, khẩu hiệu liberté, égalité, fraternité[1*] và ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852, - tất cả những thứ đó đều biến mất như một ảo ảnh trước câu thần chú của một người mà ngay cả những kẻ thù của hắn cũng không coi là một nhà phù thủy. Quyền đầu phiếu phổ thông hình như chỉ còn được sống sót trong khoảnh khắc để tự tay mình viết bản di chúc trước con mắt của toàn thế giới và nhân danh chính ngay nhân dân mà tuyên bố: "tất cả những gì đang xuất hiện đều đáng bị tiêu vong"[50].

Nói như người Pháp thường nói, rằng nước Pháp của họ đã bị bất ngờ, thì không đủ. Một nước, cũng như một người phụ nữ, sẽ không được tha thứ vì trong giây phút yếu đuối của mình đã để cho một tên phiêu lưu nào đó có thể cưỡng hiếp mình. Những lời lẽ như thế không giải đáp câu đố, mà chỉ nêu câu đố đó một cách khác đi mà thôi. Vì còn phải giải thích làm thế nào mà ba tên gian hùng lại có thể lung lạc được một nước 36 triệu con người và bắt họ làm tù binh mà không hề bị chống cự.

Chúng ta hãy tóm tắt lại, trên những nét đại cương, các giai đoạn mà cuộc cách mạng Pháp đã trải qua từ ngày 24 tháng Hai 1848 cho đến tháng Chạp 1851.

Đây là ba thời kỳ chính không chút nghi ngờ: *thời kỳ tháng hai;* từ 4 tháng Năm 1848 đến 28 tháng Năm 1849[51] - *thời kỳ thành lập nền cộng hòa* hay *Quốc hội lập hiến*; từ 28 tháng Năm 1849 đến 2 tháng Chạp 1851 - *thời kỳ cộng hòa lập hiến* hay *Quốc hội lập pháp*.

*Thời kỳ thứ nhất*, bắt đầu từ ngày 24 tháng Hai, tức là ngày Lu-i - Phi-líp bị đổ, đến ngày 4 tháng Năm 1848, tức là ngày khai mạc các phiên họp của Quốc hội lập hiến, - đó là *thời kỳ tháng Hai* theo đúng nghĩa của nó, - thời kỳ này có thể coi là *đoạn mở đầu* của cách mạng. Tính chất của thời kỳ này chính thức biểu hiện ở chỗ chính phủ do thời kỳ này tức hứng dựng lên tự tuyên bố là chính phủ *lâm thời*, và giống như chính phủ, tất cả những

1* - tự do, bình đẳng, bác ái



điều đã làm, thử làm, hoặc được nói ra trong thời kỳ này cũng đều mạo nhận là chỉ có tính cách *lâm thời*. Không có gì, và không có ai dám thừa nhận mình có quyền tồn tại thường xuyên và hành động thật sự. Tất cả những phần tử đã từng chuẩn bị hoặc đã quyết định cách mạng: phe đối lập của vương triều[52], phái tư sản cộng hòa, phái tiểu tư sản cộng hòa dân chủ, giai cấp công nhân dân chủ - xã hội chủ nghĩa - tất cả những phần tử ấy đều có một địa vị lâm thời trong *chính phủ* - tháng Hai.

Vả lại, cũng không thể nào khác thế được. Những ngày tháng Hai lúc ban đầu chỉ nhằm có mục đích cải cách tuyển cử để mở rộng phạm vi những kẻ được hưởng đặc quyền về mặt chính trị trong nội bộ các giai cấp hữu sản và để lật đổ quyền thống trị độc chiếm của bọn quý tộc tài chính. Nhưng khi sự việc đã đi đến chỗ xung đột thật sự, khi nhân dân đã đứng trên các chiến lũy, khi đội cận vệ quốc gia đã giữ một thái độ chờ đợi thụ động, quân đội không hề có một sự chống cự nào đáng kể, và nhà vua cũng đã chạy trốn, thì việc thành lập nền cộng hòa là lẽ dương nhiên. Mỗi đảng phái đã giải thích nền cộng hòa đó theo cách riêng của mình. Giai cấp vô sản, giành được nền cộng hoà với vũ khí trong tay, đã in dấu ấn của mình lên nó và gọi nó là *cộng hòa xã hội*. Như vậy là nội dung chung của cuộc cách mạng hiện đại đã được xác định; nội dung đó mâu thuẫn một cách hết sức lạ kỳ với tất cả những gì có thể thực hiện được ngay lập tức, một cách trực tiếp, bằng những vật liệu hiện có trong giai đoạn phát triển mà quần chúng đã đạt được, trong những tình huống và điều kiện hiện có. Mặt khác, những yêu sách của tất cả những phần tử khác góp phần làm cho cuộc cách mạng tháng Hai thắng lợi cũng đã được thỏa mãn bằng phần béo bở nhận được trong chính phủ. Vì vậy, không có một thời kỳ nào khác mà chúng ta lại có thể tìm thấy một sự hỗn hợp pha tạp hơn thế giữa những câu nói hoa mỹ với sự do dự và bất lực trong thực tế, giữa những cố gắng đầy nhiệt tình muốn thực hiện những cái mới với sự thống trị vững chắc hơn của lối thói thủ cựu cũ, với vẻ hòa hợp bề ngoài của toàn bộ xã hội và với sự xa lạ sâu sắc của các thành phần trong xã

hội. Trong khi giai cấp vô sản Pa-ri còn đang say sưa với những triển vọng vĩ đại mở ra trước mắt họ, và còn đang thật sự lao vào những cuộc bàn cãi nghiêm chỉnh về những vấn đề xã hội, thì những thế lực cũ của xã hội đã tụ tập nhau lại, câu kết với nhau, đã hồi tỉnh lại và tìm được một chỗ dựa bất ngờ trong quần chúng nhân dân trong nước - trong nông dân và những phần tử tiểu tư sản, những người này bỗng nhiên nhảy lên vũ đài chính trị sau khi những chướng ngại vật của nền Quân chủ tháng Bảy sụp đổ.

*Thời kỳ thứ* hai, từ ngày 4 tháng Năm 1848 cho đến cuối tháng Năm 1849, là thời kỳ *thành lập, xây dựng nền cộng hòa tư sản.* Lập tức sau những ngày tháng Hai, chẳng những phái đối lập bảo hoàng bị phái cộng hòa bất ngờ làm cho kinh hoàng sửng sốt, và phái cộng hòa bị phái xã hội chủ nghĩa làm cho bất ngờ, mà cả nước Pháp cũng bị Pa-ri làm cho bất ngờ. Quốc hội họp ngày 4 tháng Năm là do toàn thể quốc dân bầu ra, nó đại diện cho toàn thể quốc dân. Nó là một sự kháng nghị sinh động đối với những kỳ vọng của những ngày tháng Hai và có nhiệm vụ phải kéo những kết quả của cuộc cách mạng ấy xuống ngang với quy mô của tư sản. Giai cấp vô sản Pa-ri nắm ngay được tính chất của cái Quốc hội ấy, nên vài ngày sau khi nó khai mạc, tức là ngày 15 tháng Năm, đã mưu toan dùng vũ lực để chấm dứt sự tồn tại của nó, giải tán nó, phân giải một lần nữa cái hình thức cơ cấu trong đó tinh thần dân tộc đe dọa chống lại giai cấp vô sản, thành những bộ phận cấu thành, - những mưu toan đó đã không thành công. Như người ta đã biết, ngày 15 tháng Năm chẳng đem lại kết quả nào khác ngoài việc gạt Blăng-ki và các đồng chí của ông, tức là những lãnh tụ chân chính của đảng vô sản, ra khỏi vũ đài xã hội trong suốt thời kỳ mà chúng ta đang nghiên cứu.

Tiếp theo *chế độ quân chủ tư sản* của Lu-i - Phi-líp thì chỉ có thể là *chế độ cộng hòa tư sản*, nghĩa là nếu một bộ phận nhỏ giai cấp tư sản nắp dưới danh nghĩa nhà vua để thống trị, thì từ nay, toàn thể giai cấp tư sản nói chung lại sẽ nắp dưới danh nghĩa nhân dân để thống trị. Những yêu sách của giai cấp vô sản Pa-ri là những không tưởng nhảm nhí cần phải chấm dứt. Đáp lại lời tuyên bố đó của Quốc hội lập hiến, giai cấp vô sản Pa-ri đã trả lời bằng *cuộc khởi nghĩa tháng Sáu*, một sự biến to lớn nhất trong lịch sử nội chiến châu Âu. Nền cộng hòa tư sản đã chiến thắng. Đứng về phía nền cộng hòa này có tầng lớp quý tộc tài chính, giai cấp tư sản công nghiệp, các tầng lớp trung gian, giai cấp tiểu tư sản, quân đội, tầng lớp vô sản lưu manh được tổ chức thành đội cận vệ cơ động, trí thức, giáo sĩ và dân cư nông thôn. Giai cấp vô sản Pa-ri về phía nó chỉ có một mình. Sau khi họ bị đánh bại, hơn 3000 người khởi nghĩa bị giết và 15000 người bị đi đầy mà không xét xử. Với thất bại ấy, giai cấp vô sản lùi lại *phía sau* vũ đài cách mạng. Mỗi lần phong trào hình như có một dà tiến mới, thì giai cấp vô sản lại cố gắng xông lên phía trước nhưng những mưu toan đó ngày càng trở nên yếu hơn và đem lại những kết quả ngày càng ít ỏi hơn. Khi một tầng lớp nào đó trong số những tầng lớp xã hội trên giai cấp vô sản mà sôi sục cách mạng, thì giai cấp vô sản liền liên minh với họ, và do đó nó chia sẻ những sự thất bại mà các đảng khác nhau đã lần lượt chịu đựng. Nhưng những đòn liên tiếp ấy càng đánh vào toàn bộ bề mặt của xã hội thì càng yếu dần đi. Các lãnh tụ trọng yếu hơn của giai cấp vô sản trong Quốc hội và trong giới báo chí đều lần lượt trở thành nạn nhân của tòa án và thay thế họ là những nhân vật ngày càng mập mờ. Một bộ phận của giai cấp vô sản lại lao vào *những cuộc thực nghiệm giáo điều, vào việc thành lập những ngân hàng trao đổi và các hội công nhân, nghĩa là vào một cuộc vận động trong đó nó từ bỏ tư tưởng làm đảo lộn thế giới cũ bằng toàn bộ những phương tiện mạnh mẽ của bản thân thế giới cũ này, và trái lại, lại mưu toan thực hiện việc giải phóng mình ở đằng sau lưng xã hội, bằng con đường riêng tư, trong phạm vi những điều kiện tồn tại hạn chế của mình, do đó tất nhiên phải thất bại.* Hình như giai cấp vô sản không thể tìm lại được trong bản thân mình sự vĩ đại cách mạng trước đây, cũng như không thể

tìm được một nghị lực mới trong những liên minh mới ký kết, khi *tất cả các giai cấp* mà nó đã chiến đấu chống lại hồi tháng Sáu còn chưa bị đánh ngã như bản thân nó. Nhưng ít ra giai cấp vô sản cũng đã ngã xuống trong vinh dự, trong một cuộc đấu tranh vĩ đại có tính chất lịch sử thế giới; không chỉ nước Pháp, mà cả toàn châu Âu cũng đều rung chuyển vì trận động đất tháng Sáu, còn những thất bại sau này của các giai cấp bên trên thì được trả bằng một giá quá rẻ, đến nỗi phe chiến thắng phải dùng đến thủ đoạn thối phồng lên một cách vô liêm sỉ để nói chung, đem lại cho chúng tính chất những sự biến, hơn nữa đảng chiến bại càng đứng xa giai cấp vô sản bao nhiêu, thì những thất bại đó lại càng nhục nhã bấy nhiêu.

Quả thật sự thất bại của những người khởi nghĩa tháng Sáu đã chuẩn bị, đã dọn chỗ cho chế độ cộng hòa tư sản có thể được thiết lập; nhưng đồng thời, nó cũng chỉ ra rằng ở châu Âu, vấn đề là một cái gì khác, chứ không phải vấn đề "nền cộng hòa hay nền quân chủ". Nó đã chứng tỏ rằng nền *cộng hòa tư sản* ở đây có nghĩa là chế độ chuyên chế không hạn chế của một giai cấp này đối với các giai cấp khác. Nó đã chỉ ra rằng, trong những nước văn minh cũ, có sự phân chia giai cấp phát triển, những điều kiện sản xuất hiện đại, và một ý thức tinh thần mà tất cả những tư tưởng thừa kế được dã hun đúc thành, nhờ một lao động hàng thế kỷ, thì *nói chung, nền cộng hòa chỉ là một hình thái chính trị để cải biến xã hội tư sản*, chứ không phải là *hình thái tồn tại bảo thủ* của xã hội ấy, ví dụ như ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ chẳng hạn, nơi mà các giai cấp tuy đã có nhưng chưa được cố định lại, và trong một sự vận động không ngừng, thường xuyên đổi mới các bộ phận cấu thành của mình và chuyển những bộ phận ấy lẫn cho nhau; nơi mà các tư liệu sản xuất hiện đại không những không kết hợp với nạn nhân khẩu thừa kinh niên, mà ngược lại, được dùng để bổ sung cho tình trạng tương đối thiếu trí óc và bàn tay, và sau hết, là nơi mà sự vận động cuồng nhiệt, dầy sức trẻ trung của nền sản xuất vật chất đang còn phải chinh phục



cả một thế giới mới, nên không có thời giờ và cơ hội để chấm dứt cái thế giới cũ của các bóng ma.

Trong những ngày tháng Sáu, tất cả các giai cấp và đảng phái đều đã đoàn kết với nhau trong *đảng trật tự* chống lại giai cấp vô sản- tức là *đảng của phe vô chính phủ*, của chủ nghĩa xã hội, của chủ nghĩa cộng sản. Họ đã "cứu" xã hội khỏi tay *"những kẻ thù của xã hội"*. Họ đã lấy khẩu hiệu của xã hội cũ: *"Sở hữu, gia đình, tôn giáo, trật tự"* để làm khẩu lệnh cho các đội quân của họ và đã khích lệ đạo quân chữ thập phản cách mạng bằng những lời kêu gọi: "Dưới dấu hiệu này các ngươi sẽ thắng!". Từ đó, hễ một đảng phái nào - trong rất nhiều đảng phái trước đây đã tập hợp lại dưới dấu hiệu ấy để chống lại những người khởi nghĩa tháng Sáu, mưu toan chiếm giữ vũ đài cách mạng vì những lợi ích giai cấp của mình, thì nó liền bị đánh bại trước khẩu hiệu: "Sở hữu, gia đình, tôn giáo, trật tự!". Xã hội được cứu vãn mỗi khi tập đoàn những kẻ thống trị xã hội thu hẹp lại, mỗi khi lợi ích nhỏ hẹp hơn áp đảo lợi ích rộng lớn hơn. Mọi yêu cầu về một cuộc cải cách tài chính tư sản giản đơn nhất, của một chủ nghĩa tự do thông thường nhất, về một chủ nghĩa cộng hòa hình thức nhất, về một nền dân chủ tầm thường nhất, cũng đều vừa bị trừng phạt như một "hành vi mưu hại xã hội" và vừa bị lên án là "chủ nghĩa xã hội". Và, rốt cuộc lại, chính các đạo sĩ tối cao của "tôn giáo và trật tự" lại bị đá đít khỏi chiếc ghế ba chân của họ, đang đêm bị lôi cổ ra khỏi giường, bị nhét vào xe tù, ném vào ngục tối hoặc đưa đi đầy. Đền đài của họ bị san bằng, miệng họ bị khóa lại, ngòi bút của họ bị bẻ gẫy, luật pháp của họ bị xé tan, - nhân danh tôn giáo, sở hữu, gia đình và trật tự. Bầy lính say rượu bắn chết những người tư sản cuồng tín trật tự trên ban lơn của họ, làm ô uế nơi thiêng liêng của gia đình họ, bắn trọng pháo vào nhà cửa của họ để làm trò tiêu khiển, - nhân danh sở hữu, gia đình, tôn giáo và trật tự. Cuối cùng, cái tầng lớp cặn bã của xã hội tư sản lại họp thành *đạo quân thần thánh của trật tự*, và nhân vật Cra-pi-u-lin-xki[53] bước vào điện Tuyn-lơ-ri như một *"vị cứu tinh của xã hội"*.

# II

Chúng ta hãy quay trở lại sự trình bày đã bị gián đoạn.

Lịch sử *Quốc hội lập hiến* từ những ngày tháng Sáu trở đi là *lịch sử thống trị và tan rã của phái tư sản cộng hòa*, mà người ta vẫn quen gọi là phái cộng hoà tam tài, cộng hòa thuần túy, cộng hòa chính trị, cộng hòa hình thức, v.v..

Dưới thời quân chủ tư sản của Lu-i - Phi-líp, phái đó hợp thành *phái đối lập cộng hòa chính thức*, và bởi thế, nó là một bộ phận cấu thành được công nhận của chính giới thời bấy giờ. Nó có đại biểu trong các nghị viện và có ảnh hưởng lớn trong giới báo chí. Tờ "National"[54] cơ quan của nó ở Pa-ri, được coi là thuộc loại đáng kính như tờ "Journal des Débats"[55]. Địa vị đó của nó dưới thời quân chủ lập hiến càng hoàn toàn phù hợp với tính chất của nó. Đó không phải là một bộ phận của giai cấp tư sản câu kết với nhau vì cùng chung những lợi ích to tát nào đó và tách biệt với các bộ phận khác do những điều kiện sản xuất riêng biệt. Đó chỉ là một tập đoàn gồm những nhà tư sản, văn sĩ, luật sư, sĩ quan và công chức có xu hướng cộng hòa, mà ảnh hưởng dựa trên sự ác cảm của đất nước đối với cá nhân Lu-i- Phi-líp và trên sự hồi tưởng đến chính thể cộng hòa dệ nhất, trên niềm tin cộng hòa của một số người mơ mộng, và chủ yếu là dựa trên *chủ nghĩa dân tộc Pháp*, sự căm thù của chủ nghĩa dân tộc này đối với bản



hòa ước Viên và đối với sự liên minh với nước Anh đã được nó không ngừng nuôi dưỡng. Dưới thời Lu-i - Phi-líp, sở dĩ tờ "National" có được một số lớn người theo là nhờ vào thứ chủ nghĩa đế quốc giấu mặt, mà về sau này, dưới thời cộng hòa, chính vì thế mà đã có thể chống lại bản thân nó thông qua một địch thủ bất khả chiến thắng là Lu-i Bô-na-pác-tơ. Giống như tất cả mọi phe tư sản đối lập khác, nó chống lại bọn quý tộc tài chính. Những cuộc luận chiến của nó chống ngân sách, - ở Pháp hồi đó, những cuộc luận chiến chống ngân sách đều gắn liền với việc đấu tranh chống bọn quý tộc tài chính, - đã đem lại một sự nổi tiếng quá rẻ và đã cung cấp một đề tài quá phong phú cho những leading articles[1*] theo kiểu thanh giáo, khiến người ta không thể không lợi dụng nó. Giai cấp tư sản công nghiệp tỏ ra biết ơn tờ báo đó, vì nó đã bênh vực một cách hèn hạ chế độ thuế quan bảo hộ của Pháp, một sự bênh vực vì những lý do dân tộc hơn là vì những lý do kinh tế - chính trị, toàn thể giai cấp tư sản nói chung biết ơn nó về những lời tố cáo hằn học của nó đối với chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Vả lại, đảng của tờ "National" là *một đảng cộng hòa thuần túy*, nghĩa là nó đòi một hình thái cộng hòa chứ không phải là hình thái quân chủ cho sự thống trị của giai cấp tư sản, và trước hết là đòi chiếm phần béo bở nhất trong nền thống trị ấy. Về những điều kiện của sự biến đổi chính trị đó, nó hoàn toàn không rõ. Trái lại, điều mà nó đã trông thấy rõ như ban ngày, - và trong những bữa tiệc vận động đòi cải cách vào cuối triều Lu-i - Phi-líp, điều này đã bộc lộ ra một cách rõ ràng, - là việc nó đã không có uy tín trong đám người tiểu tư sản dân chủ và nhất là trong giai cấp vô sản cách mạng. Những người cộng hòa thuần túy ấy - dùng theo kiểu cách của những người cộng hòa thuần túy, - đã hoàn toàn sẵn sàng bước đầu tự bằng lòng với chế độ nhiếp chính của nữ công tước Oóc-lê-ăng, khi cuộc cách mạng tháng Hai nổ ra, đem lại cho những đại biểu có tên tuổi nhất của nó một vị trí trong chính phủ lâm thời. Dĩ nhiên,

1* - bài xã luận

ngay từ đầu, những đại biểu đó đã được giai cấp tư sản và đa số trong Quốc hội lập hiến tín nhiệm. Những phần tử *xã hội chủ nghĩa* trong chính phủ lâm thời lập tức bị gạt ra khỏi Ủy ban chấp hành do Quốc hội cử ra trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội; và đảng của báo "National" đã lợi dụng sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa tháng Sáu để giải tán luôn cả *Ủy ban chấp hành* và bằng cách đó gạt được những địch thủ sát sườn nhất của mình, như *phái cộng hòa tiểu tư sản* hay *phái cộng hòa dân chủ* (Lơ-druy - Rô-lanh, v.v.). Ca-ve-nhắc, viên tướng của đảng cộng hòa tư sản, người chỉ huy cuộc tàn sát hồi tháng Sáu, đã thay thế Ủy ban chấp hành và nắm trong tay một thứ quyền bính độc tài. Ma-ra-xtơ, nguyên chủ bút báo "National" đã trở thành chủ tịch vĩnh viễn của Quốc hội lập hiến; và các ghế bộ trưởng cũng như tất cả các chức vụ quan trọng khác đều lọt vào tay những người cộng hòa thuần túy.

Như vậy, tình hình thực tế đã vượt quá những mong đợi táo bạo nhất của phái cộng hòa tư sản là phái đã từ lâu vốn tự cho mình là kẻ thừa kế chính đáng của nền Quân chủ tháng Bảy, nhưng phái đó nắm được quyền thống trị không phải là do kết quả của một cuộc nổi dậy theo lối tự do chủ nghĩa của giai cấp tư sản để chống lại ngai vàng, như nó hằng mơ ước, khi còn ở dưới thời Lu-i - Phi-líp, mà lại là do kết quả của một cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản chống lại tư bản, bị đàn áp bằng đạn đại bác. Điều mà nó tưởng là một biến cố *cách mạng nhất*, thì trên thực tế lại là một biến cố *phản cách mạng nhất*. Trái cây đã rơi vào tay nó, nhưng trái ấy đã rơi xuống từ cây tri tuệ, chứ không phải từ cây cuộc sống.

Nền *thống trị* độc quyền *của phái cộng hòa tư sản* chỉ tồn tại từ ngày 24 tháng Sáu đến ngày 10 tháng Chạp 1848. Những kết quả của nền thống trị đó thu tóm lại trong việc *khởi thảo bản hiến pháp cộng hòa* và *việc tuyên bố thiết quân luật ở Pa-ri*.

Bản *hiến pháp* mới, về thực chất, chẳng qua chỉ là bản hiến chương lập hiến năm 1830[56] được tái bản dưới nhãn hiệu cộng



hòa mà thôi. Điều kiện tuyển cử cao dưới thời Quân chủ tháng Bảy, gạt ngay cả một bộ phận lớn trong bản thân giai cấp tư sản ra khỏi chính quyền, đã trở nên không thể dung hợp được với sự tồn tại của chế độ cộng hòa tư sản. Cách mạng tháng Hai lập tức ban bố chế độ đầu phiếu phổ thông trực tiếp thay cho điều kiện tuyển cử này. Phái cộng hòa tư sản không thể nào gạt bỏ sự kiện ấy. Họ phải tự bằng lòng với việc bổ sung thêm một điều khoản hạn chế, buộc cử tri phải ở đủ sáu tháng tại nơi họ bỏ phiếu. Tổ chức hành chính, thị chính, tư pháp, quân đội, v.v., vẫn được giữ nguyên như cũ; nếu hiến pháp có quy định một số sửa đổi nào đó thì chúng chỉ đụng đến mục lục chứ không đụng đến nội dung, đụng đến tên gọi chứ không đụng đến sự vật.

Cái bộ tổng tham mưu không thể thiếu được của những quyền tự do năm 1848 - tự do về thân thể, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do hội họp, tự do giáo dục, tự do tín ngưỡng, v.v. - được người ta khoác cho một chế phục hiến pháp khiến nó trở nên bất khả xâm phạm. Mỗi quyền tự do ấy đều được tuyên bố là quyền *tuyệt đối* của công dân Pháp, nhưng bao giờ cũng với một điều khoản kèm theo là các quyền ấy chỉ không có giới hạn chừng nào chúng không bị giới hạn bởi những *"quyền như thế của người khác* và *sự an ninh công cộng"*, hay bởi những "đạo luật" nhằm bảo đảm việc điều hòa những quyền tự do cá nhân ấy với nhau và với nền an ninh công cộng. Ví dụ: "Các công dân có quyền lập hội, quyền tụ họp một cách hòa bình và không mang vũ khí, quyền để đạt những thư thỉnh nguyện và quyền bày tỏ ý kiến của mình bằng báo chí hoặc bằng mọi phương tiện khác. *Việc hưởng dụng những quyền đó không có những giới hạn nào khác ngoài những quyền giống như thế của người khác* và *sự an ninh công cộng"*. (Chương II của Hiến pháp nước Pháp, §8) - "Việc giáo dục được tự do. Sự tự do giáo dục phải được *hưởng* trong những điều kiện đã được luật pháp ấn định, và dưới sự kiểm soát tối cao của nhà nước". (Như trên, §9.) - "Nhà ở của mọi công dân là bất khả xâm phạm, *trừ* những trường hợp đã được luật pháp định trước." (Chương II, §3.) v.v. và v.v.. - Vì vậy, hiến pháp luôn luôn viện

đến những đạo luật *tổ chức* trong tương lai, những đạo luật này phải cụ thể hóa những sự hạn chế ấy và điều tiết việc hưởng dụng những quyền tự do không hạn chế đó sao cho những quyền tự do đó không va chạm lẫn nhau, và cũng không chạm đến an ninh công cộng. Về sau, các đạo luật tổ chức ấy đã được những người bạn của trật tự soạn ra, và tất cả mọi quyền tự do ấy đều được điều tiết một cách khiến cho giai cấp tư sản có thể hưởng được chúng mà không gặp phải một trở ngại nào từ phía các quyền giống như thế của các giai cấp khác. Ở nơi nào mà giai cấp tư sản hoàn toàn từ chối không cho "những người khác" hưởng những quyền tự do ấy, hoặc chỉ cho họ hưởng với những điều kiện đồng thời cũng là những cạm bẫy của cảnh sát, thì đó bao giờ cũng chỉ vì lợi ích của nền *"an ninh công cộng"*, nói một cách khác, là vì lợi ích của nền an ninh của giai cấp tư sản, đúng như bản hiến pháp đã quy định. Bởi thế cho nên về sau, cả hai phía đều hoàn toàn có quyền viện vào hiến pháp: phía những người bạn của trật tự đòi xóa bỏ tất cả mọi quyền tự do ấy, cũng như phía những người dân chủ thì đòi trả lại tất cả mọi quyền tự do ấy. Mỗi điều khoản của hiến pháp đều chứa sẵn trong bản thân nó cái phản đề của bản thân nó, cái thượng viện và hạ viện của nó: tự do trong câu nói chung chung, và xoá bỏ tự do trong điều khoản kèm theo. Do đó, chừng nào *cái tên* tự do còn được tôn trọng và chỉ có việc thực hiện thật sự quyền tự do đó là bị cấm chỉ, - dĩ nhiên là bằng con đường luật pháp, - thì chừng ấy sự tồn tại của tự do trong hiến pháp vẫn nguyên vẹn, vẫn không bị dụng chạm đến, dầu cho sự tồn tại thực tế *thường ngày* của nó bị thủ tiêu triệt để như thế nào chăng nữa.

Nhưng bản hiến pháp đó, đã trở thành bất khả xâm phạm nhờ một cách thức tinh vi như thế, giống như thần A-si-lơ, vẫn có một chỗ dễ bị đả thương, chỉ có điều là nó không phải là ở gót chân, mà là ở trên đầu, hay nói cho đúng hơn, ở trên hai cái đầu kết thúc toàn bộ kiến trúc: *Quốc hội lập pháp* ở một bên, và bên kia là *tổng thống*. Cứ xem qua bản hiến pháp, là có thể sẽ thấy rằng chỉ ở những điều khoản ấn định những mối quan hệ giữa tổng



thống và Quốc hội lập pháp thì mới tuyệt đối, mang tính chất tích cực, không có mâu thuẫn, loại trừ mọi sự giải thích xuyên tạc. Vì rằng, đối với phái cộng hòa tư sản, vấn đề ở đây là phải tạo ra một vị trí chắc chắn cho bản thân họ. Các điều khoản 45 - 70 của hiến pháp đã được thảo ra sao cho Quốc hội có thể gạt bỏ được tổng thống bằng con đường hợp hiến, nhưng tổng thống lại chỉ có thể bãi bỏ Quốc hội bằng con đường không hợp hiến, bằng cách thủ tiêu luôn cả hiến pháp. Như thế là ở đây, bản thân hiến pháp lại đi thách thức thủ tiêu mình bằng bạo lực. Chẳng những nó thần thánh hóa chế độ phân quyền giống như bản hiến chương năm 1830, mà nó còn mở rộng chế độ phân quyền đến chỗ mâu thuẫn không sao chịu nổi. Cái *trò đánh bại giữa các quyền lực hiến pháp* - Ghi-dô đã gọi như vậy những cuộc phân tranh trong nghị viện giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp - theo bản hiến pháp năm 1848 thì bao giờ cũng chơi theo lối va banque[1*]. Một bên là 750 đại biểu nhân dân, do đầu phiếu phổ thông bầu ra và có quyền được tái cử, họp thành một Quốc hội không ai có quyền kiểm soát, không ai có thể giải tán, chia xẻ được, một Quốc hội có quyền lực lập pháp vô giới hạn, có quyền tối hậu quyết định trong việc tuyên chiến, ký hòa ước và thương ước, - duy nhất có quyền ân xá, và, do nó có những phiên họp đều đặn nên nó luôn luôn đứng ở phía trước vũ đài. Bên kia là tổng thống với tất cả những đặc tính của quyền lực nhà vua, với quyền bổ nhiệm và cách chức các bộ trưởng của mình mà không phụ thuộc vào Quốc hội, nắm trong tay tất cả mọi phương tiện của quyền hành pháp phân phối tất cả mọi chức vụ, và do đó nắm vận mệnh ít ra cũng hơn một triệu rưỡi con người ở Pháp, vì đó chính là con số những người phụ thuộc về mặt vật chất vào 500000 quan lại và sĩ quan đủ các cấp. Tổng thống nắm quyền chỉ huy tất cả các lực lượng vũ trang trong nước. Ông có đặc quyền ân xá cho một số tội phạm cá biệt, đình chỉ hoạt động của các đơn vị cận vệ quốc gia, và với sự đồng ý của Hội đồng nhà nước, giải tán các hội đồng hàng

1*- đặc túi, thua được một keo.

tỉnh, hàng tổng, hội đồng trung ương do chính các công dân đã bầu ra. Tổng thống nắm quyền để xướng và đóng vai trò lãnh đạo trong việc ký kết tất cả các hiệp ước với nước ngoài. Trong khi Quốc hội luôn luôn đứng trên diễn đài và trở thành đối tượng của sự phê phán hàng ngày của công chúng, thì tổng thống sống một cuộc đời kín đáo trong cung điện Ê-li-dê, nhưng thật ra thì lúc nào cũng thấy ám ảnh trước mắt và canh cánh bên lòng cái điều khoản 45 trong hiến pháp, ngày ngày nhắc nhở ông ta: "frère, il faut mourir!"[57]. Đến năm thứ tư nhiệm kỳ của anh, vào ngày chủ nhật thứ hai của cái tháng Năm tuyệt diệu, thì quyền lực của anh chấm dứt! Lúc đó, sự vĩ đại của anh sẽ kết thúc, màn kịch sẽ không tái diễn nữa, và nếu anh có nợ nần gì, thì anh cũng nên kịp thời lấy trong số 600000 phrăng tiền lương bổng mà hiến pháp đã quy định cho anh để thanh toán đi, nếu anh không muốn sang ngày thứ hai, tuần lễ thứ hai của cái tháng Năm tuyệt vời, anh sẽ phải lên đường đi Cli-si[58]! - Như vậy, nếu hiến pháp giao cho tổng thống quyền hành thực tế, thì nó lại cố gắng bảo đảm cho Quốc hội quyền lực tinh thần. Nhưng, chưa nói đến cái việc là không thể dùng các điều khoản của đạo luật để tạo ra một quyền lực tinh thần, ở đây bản hiến pháp lại còn tự mình phủ định mình một lần nữa khi nó quy định rằng tổng thống do toàn thể nhân dân Pháp bầu ra theo lối đầu phiếu trực tiếp. Trong khi các lá phiếu của nước Pháp phân tán ra cho 750 đại biểu Quốc hội, thì đằng này, trái lại, tất cả các lá phiếu đều tập trung vào *một* người duy nhất. Trong khi mỗi đại biểu nhân dân chỉ đại biểu cho một đảng phái, một thành phố, hay một địa điểm nào đó, hoặc thậm chí chỉ giản đơn đại biểu cho sự cần thiết phải bầu một trong số 750 đại biểu mà không cần đặc biệt chú ý đến thực chất của sự việc cũng như đến bản thân người được bầu, - thì *tổng thống* lại là người do cả nước bầu ra, và việc bầu tổng thống là con chủ bài lớn mà nhân dân có chủ quyền được bốn năm lại đưa ra một lần. Quốc hội được bầu ra chỉ gắn với quốc dân bằng một mối liên hệ siêu hình, nhưng tổng thống được bầu ra thì lại gắn với quốc dân bằng một mối liên hệ cá nhân. Quốc hội, thông qua



những thành viên khác nhau của nó quả là đại biểu cho các mặt nhiều vẻ của tinh thần quốc dân, nhưng chính tổng thống mới là hiện thân của tinh thần quốc dân ấy. So với Quốc hội, tổng thống có một thứ như là quyền lực thần thánh. Ông ta cầm quyền là do sự ân sủng của nhân dân.

Nữ hải thần Thê-tít đã tiên đoán cho A-si-lơ rằng chàng phải chết giữa tuổi thanh xuân. Bản hiến pháp, giống như A-si-lơ, cũng có một chỗ dễ bị đả thương và giống như A-si-lơ, cũng cảm thấy rằng thế nào nó cũng phải chết yểu. Từ trên trời mây u ám của nước cộng hòa lý tưởng của họ, những người cộng hòa thuần túy đang thành lập chế độ cộng hòa chỉ cần liếc mắt nhìn xuống phàm trần, cũng thấy được rằng họ càng gần hoàn thành cái công trình nghệ thuật lập pháp lớn lao của họ bao nhiêu, thì sự ngạo mạn của phái bảo hoàng, của phái Bô-na-pác-tơ, của những người dân chủ, của những người cộng sản, và sự mất uy tín của chính họ, lại ngày càng tăng lên bấy nhiêu; và vì vậy nữ thần Thê-tít chẳng cần phải từ giã biển khơi để tiết lộ thiên cơ với họ nữa. Họ toan đánh lừa định mệnh bằng cách dùng một mưu mẹo lập hiến, tức là dùng điều khoản 111 của hiến pháp, theo đó, mọi đề nghị *xét lại hiến pháp* đều phải được thảo luận trong ba phiên liên tiếp, mỗi phiên cách nhau một tháng, và phải được thông qua với ít nhất là ba phần tư số phiếu, hơn nữa, lại phải có ít nhất là 500 đại biểu Quốc hội tham gia bỏ phiếu. Đó chỉ là một mưu toan bất lực để đến khi xảy ra trường hợp mà họ đã tiên đoán tức là khi họ sẽ bị thiểu số trong Quốc hội, - thì sẽ đảm bảo cho mình cái quyền lực mà hiện nay, ngay trong lúc họ còn chiếm đa số trong Quốc hội và còn giữ được tất cả mọi phương tiện của quyền lực chính phủ, họ cũng đã thấy ngày càng tuột ra khỏi bàn tay yếu ớt của họ rồi.

Sau hết, trong một điều khoản đặc biệt lâm ly, bản hiến pháp tự phó thác mình cho "tinh thần cảnh giác và lòng yêu nước của toàn thể nhân dân Pháp và của mỗi người Pháp", sau khi ở một trong những điều khoản trước, nó đã phó thác những người Pháp

"có tinh thần cảnh giác" và "yêu nước" cho sự bảo trợ hình sự dịu dàng của "haute cour", tức của Tòa án tối cao, do nó dựng tâm lập ra vì mục đích ấy.

Bản hiến pháp 1848 là như thế đấy; nó đã bị lật đổ ngày 2 tháng Chạp 1851, không phải vì một cái đầu, mà chỉ vì một cái mũ đã khẽ chạm vào nó; thật thế, cái mũ đó chính là cái mũ ba góc của Na-pô-lê-ông.

Trong khi ở Quốc hội những người cộng hòa tư sản lo nặn ra, thảo luận và bỏ phiếu cho bản hiến pháp, thì ở ngoài Quốc hội, tướng Ca-ve-nhắc đặt *Pa-ri trong tình trạng giới nghiêm*. Tình trạng giới nghiêm ở Pa-ri đã là bà đỡ cho Quốc hội lập hiến trong những cơn đau đẻ của nó khi sinh ra nền cộng hòa. Nếu sau này hiến pháp bị đưa sang thế giới bên kia bằng lưỡi lê, thì chúng ta không được quên rằng người ta cũng đã dùng đến lưỡi lê - và cố nhiên là nhằm chống lại nhân dân, - để bảo vệ cho nó ngay khi nó còn ở trong bụng mẹ, và giúp nó ra đời. Tổ tiên của những "người cộng hòa chân thực" đã từng mang lá cờ tam tài, tượng trưng của hiến pháp, đi khắp châu Âu. Đến lượt mình, những "người cộng hòa chân thực" lại cũng có một phát minh tự tìm cho mình con đường đi khắp lục địa, nhưng nó lại quay trở về nước Pháp với một tình yêu luôn luôn say đắm, cho đến khi, giờ đây, nó có được quyền công dân trên một nửa số tỉnh ở Pháp. Phát minh đó, là *tình trạng giới nghiêm*. Một phát minh kỳ diệu, được áp dụng có tính chất chu kỳ trong mỗi cuộc khủng hoảng nối tiếp nhau xảy ra trong quá trình cách mạng Pháp. Nhưng nếu trại lính và nơi đóng quân mà gánh nặng cứ từng thời kỳ một lại đè lên xã hội Pháp, để trấn áp tư tưởng của nó và bắt nó phải đứng yên; nếu cứ từng thời kỳ một thanh gươm và khẩu súng lại được trao cho quyền xét xử và cai quản, bảo trợ và kiểm duyệt, làm nhiệm vụ của viên cảnh sát và người tuần canh; nếu cứ từng thời kỳ một bộ ria mép và bộ quân phục lại được ca tụng như là trí tuệ tuyệt đỉnh của xã hội, như là kẻ chi phối xã hội, - thế thì làm sao mà cái trại lính và nơi đóng quân, thanh gươm và khẩu súng, bộ ria mép và bộ quân phục kia rốt cuộc lại không đi đến kết



luận: ra tay một lần để cứu nguy vĩnh viễn cho xã hội, bằng cách tuyên bố lấy chế độ của mình làm chế độ tối cao, và giải phóng hoàn toàn xã hội tư sản khỏi phải chăm lo tự mình cai quản lấy mình, thì có hơn không. Cái trại lính và nơi đóng quân, thanh gươm và khẩu súng, bộ ria mép và bộ quân phục tất càng dễ đi đến cái ý nghĩ cho rằng trong trường hợp ấy, chúng có thể hy vọng được đền đáp hậu hĩ hơn về những công lao lớn hơn của chúng, còn nếu chỉ từng định kỳ tuyên bố thiết quân luật, chỉ cứu nguy xã hội trong từng lúc, theo mệnh lệnh của bộ phận này hay bộ phận kia trong giai cấp tư sản, thì họ chẳng thu được gì nhiều, ngoài một số người chết và bị thương và một vài nụ cười nhăn nhở của giai cấp tư sản. Vậy thì tại sao mà quân đội, rút cục lại không thử giới nghiêm để mưu lợi riêng cho họ và đồng thời bao vây luôn cả những két bạc của bọn tư sản? Vả lại, nhân tiện cũng nói qua để mọi người đừng quên rằng, *đại tá Béc-na*, chính viên chủ tịch ủy ban quân sự trước đây đã từng theo lệnh tướng Ca-ve-nhắc, đưa 15000 người khởi nghĩa đi đày mà không xét xử, thì bây giờ lại đứng đầu ủy ban quân sự hoạt động ở Pa-ri.

Nếu khi ban hành lệnh giới nghiêm ở Pa-ri, những người cộng hòa chân thực, tức là những người cộng hòa thuần túy, đã chuẩn bị cái vườn ươm để cho về sau này bọn vệ binh của ngày 2 tháng Chạp 1851 lớn mạnh lên, thì ngược lại, họ lại có một loại công lao khác; không thừa nhận rằng, đáng lẽ họ phải hun đúc tinh thần quốc gia như họ đã từng làm dưới thời Lu-i - Phi-líp, thì giờ đây, khi đã nắm được sức mạnh của quốc gia rồi, họ lại cúi rạp mình trước các cường quốc nước ngoài, và đáng lẽ phải giải phóng nước I-ta-li-a, thì họ lại để cho quân Áo và quân Na-plơ[59] chinh phục nước này một lần nữa. Việc Lu-i Bô-na-pác-tơ trúng cử tổng thống ngày 10 tháng Chạp 1848 đã chấm dứt nền độc tài của tướng Ca-ve-nhắc và chấm dứt cả Quốc hội lập hiến.

Điều khoản 44 của hiến pháp có nói rằng: "Tổng thống Cộng hòa Pháp phải là người chưa từng bị mất tư cách công dân Pháp". Ấy vậy mà tổng thống đầu tiên của Cộng hòa Pháp, Lu-i - Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ không những đã mất tư cách công dân Pháp, chẳng

đã từng làm cảnh sát tình nguyện ở nước Anh, mà thậm chí còn nhập quốc tịch Thụy Sĩ nữa[60].

Ở một chỗ khác, tôi đã nói rõ tầm quan trọng của cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Chạp[61]. Vậy tôi không nhắc lại điều đó nữa. Ở đây chỉ cần chú ý rằng cuộc tuyển cử ấy là một *sự phản ứng của nông dân*, những người đã phải gánh lấy những phí tổn của cuộc cách mạng tháng Hai chống lại tất cả các giai cấp khác trong nước, đó là một *sự phản ứng của nông thôn chống lại thành thị*. Cuộc tuyển cử này được quân đội hết sức hoan nghênh, mà những người cộng hòa của tờ "National" đã không mang lại cho quân đội này một chút vinh quang nào, đã không tăng được cho họ một đồng lương nào; nó được giai cấp đại tư sản hết sức hoan nghênh, giai cấp này đã chào mừng Bô-na-pác-tơ như là cái cẩu dẫn họ đến chế độ quân chủ; nó cũng được những người vô sản và tiểu tư sản hết sức hoan nghênh, vì họ coi Bô-na-pác-tơ là sự trừng trị đối với tướng Ca-ve-nhắc. Sau này, tôi sẽ có dịp nghiên cứu kỹ hơn thái độ của nông dân đối với cách mạng Pháp.

Thời kỳ từ 20 tháng Chạp 1848 cho đến lúc Quốc hội lập hiến bị giải tán vào tháng Năm 1849 là thời kỳ bao quát lịch sử thất bại của những người cộng hòa tư sản. Sau khi họ đã xây dựng lên một nền cộng hòa cho giai cấp tư sản, đã đuổi giai cấp vô sản cách mạng ra khỏi vũ đài, và đã bắt buộc giai cấp tiểu tư sản dân chủ phải tạm thời im tiếng, thì chính những người cộng hòa tư sản ấy lại bị cả cái khối đông giai cấp tư sản loại trừ ra, - khối đông này có đầy đủ quyền chiếm lấy nền cộng hòa ấy làm *tài sản riêng của mình*. Nhưng cái khối quần chúng tư sản này lại có xu hướng *bảo hoàng*. Một bộ phận quần chúng tư sản đó là những tên đại địa chủ đã từng thống trị dưới thời *phục tích* và vì vậy họ thuộc phái *chính thống*. Còn một bộ phận khác, tức là bọn quý tộc tài chính và bọn chủ công nghiệp lớn, thì đã từng thống trị dưới thời Quân chủ tháng Bảy, bởi vậy họ theo phái *Óc-lê-ăng*. Những quan chức cao cấp trong quân đội, trong trường đại học, trong nhà thờ, trong giới luật sư, trong viện hàn lâm và



trong giới báo chí đều phân ra theo hai phái ấy, tùy theo những tỷ lệ khác nhau. Cả hai bộ phận ấy của giai cấp tư sản đều coi nền cộng hòa tư sản không mang cái tên *Buốc-bông*, cũng không mang cái tên *Óc-lê-ăng*, mà lại mang cái tên *Tư bản*, là hình thức nhà nước mà trong đó họ đều có thể *cùng chung* thống trị được. Cuộc khởi nghĩa tháng Sáu đã thống nhất họ lại thành "đảng trật tự". Bây giờ đã đến lúc phải loại trừ cái tập đoàn cộng hòa tư sản đang còn chiếm giữ vị trí ở trong Quốc hội đi. Trước kia những người cộng hòa thuần túy ấy tỏ ra tàn bạo bao nhiêu trong việc lạm dụng bạo lực chống lại nhân dân, thì giờ đây, khi cần phải bảo vệ lý tưởng cộng hòa của mình và quyền lập pháp của mình chống lại quyền hành pháp và bọn bảo hoàng, thì họ lại thụt lùi và tỏ ra hèn nhát, rụt rè, bạc nhược, bất lực, không có năng lực chiến đấu bấy nhiêu. Ở đây tôi không kể lại làm gì lịch sử thảm hại của sự tan rã của họ. Đó là một sự biến mất, chứ không phải là một sự diệt vong. Họ đã đóng xong vĩnh viễn vai trò của họ, và trong thời kỳ sau đó, ở trong hay ở ngoài Quốc hội, họ chỉ còn là những chiếc bóng của quá khứ, - những chiếc bóng hình như có vẻ sống lại khi người ta lại nói đến cái tên cộng hòa và mỗi khi cuộc xung đột cách mạng có cơ sắp xẹp xuống mức thấp nhất. Nhân tiện tôi xin nhắc qua rằng tờ báo "National" mà cái tên đã được dùng để mệnh danh cho đảng đó, thì trong thời kỳ tiếp đó đã ngả sang phía chủ nghĩa xã hội.

Trước khi từ biệt thời kỳ này, chúng ta còn cần phải nhìn lại hai thế lực đã sống với nhau trong mối quan hệ vợ chồng từ ngày 20 tháng Chạp 1848 cho đến khi Quốc hội lập hiến bị giải tán, nhưng đến ngày 2 tháng Chạp 1851 thì thế lực nọ lại tiêu diệt thế lực kia. Chúng tôi muốn nói đến một bên là Lu-i Bô-na-pác-tơ, và một bên là phe những người bảo hoàng liên minh, tức là đảng trật tự, đảng của giai cấp đại tư sản. Khi bắt đầu nhận chức tổng thống, Bô-na-pác-tơ liền lập ngay một nội các thuộc đảng trật tự, đứng đầu nội các này là Ô-đi-lông Ba-rô-xin chú ý là Ô-đi-lông Ba-rô, nguyên thủ lĩnh bộ phận có xu hướng tự do chủ nghĩa nhất của giai cấp tư sản nghị trường. Thế là rốt cuộc, ông Ba-rô đã

tóm được cái ghế nội các đã ám ảnh hắn như một bóng ma từ hồi năm 1830, và hơn nữa, y lại còn tóm được cái ghế thủ tướng nội các đó, nhưng hắn đạt được điều đó không phải với tư cách là thủ lĩnh cấp tiến nhất của phe đối lập trong nghị viện như hắn đã từng mơ ước hồi còn ở dưới thời Lu-i - Phi-líp, mà với tư cách là đồng minh của những kẻ tử thù của hắn trước kia, tức là bọn dòng Tên và bọn bảo hoàng chính thống, và với nhiệm vụ giết chết một nghị viện. Cuối cùng, Ba-rô cũng đã dắt được cô vợ chưa cưới về nhà, nhưng chỉ sau khi cô ta đã bị thất trinh. Còn bản thân Bô-na-pác-tơ thì dường như hoàn toàn giấu mặt. Đã có phe trật tự hành động thay cho hắn.

Ngay trong phiên họp đầu tiên của hội đồng bộ trưởng, người ta đã quyết định cử một đội quân viễn chinh đến La Mã, nhưng người ta lại làm việc đó ở đằng sau lưng Quốc hội, và viện những lý do dối trá để bắt Quốc hội phải cấp kinh phí. Như thế là nội các đã mở đầu hoạt động của mình bằng việc lừa gạt Quốc hội và bí mật âm mưu với các cường quốc quân chủ chuyên chế khác chống lại nước Cộng hòa cách mạng La Mã. Chính cũng bằng cách ấy và cũng với những thủ đoạn ấy, Bô-na-pác-tơ đã chuẩn bị cuộc chính biến của hắn ngày 2 tháng Chạp chống lại cái Quốc hội lập pháp bảo hoàng và chế độ cộng hòa lập hiến của nó. Chúng ta chớ nên quên rằng chính cái đảng đã đứng ra lập nội các Bô-na-pác-tơ ngày 20 tháng Chạp 1848, là đảng chiếm đa số trong Quốc hội lập pháp vào ngày 2 tháng Chạp 1851.

Trong tháng Tám, Quốc hội lập hiến đã quyết định chỉ tự giải tán sau khi đã thảo xong và ban bố cả một loạt những đạo luật tổ chức nhằm bổ sung cho bản hiến pháp. Ngày 6 tháng Giêng 1849, đảng trật tự, thông qua đại biểu của mình là Ra-tô, đã đề nghị với Quốc hội hãy để yên các đạo luật tổ chức và quyết định *tự giải tán* thì tốt hơn. Chẳng những nội các do ông Ô-đi-lông Ba-rô cầm đầu, mà tất cả các đại biểu bảo hoàng trong Quốc hội giờ đây đều nói với Quốc hội bằng một giọng ra lệnh rằng việc giải tán Quốc hội là cần thiết để phục hồi sự tín nhiệm, để củng



cố trật tự, để chấm dứt tình trạng tạm bợ hiện thời và tạo ra một cái gì dứt khoát; rằng Quốc hội gây trở ngại cho công việc có hiệu quả của chính phủ mới, rằng nó muốn kéo dài sự tồn tại của nó chỉ vì ngoan cố, rằng cả nước đều đã chán ngấy Quốc hội lắm rồi. Bô-na-pác-tơ ghi nhớ cẩn thận tất cả những lời đả kích đó đối với quyền lập pháp và học thuộc lòng những lời ấy, rồi đến ngày 2 tháng Chạp 1851, hắn chứng tỏ cho bọn bảo hoàng trong nghị viện biết rằng hắn đã học được một cái gì đó của chúng. Bô-na-pác-tơ đã dùng chính ngay những khẩu hiệu của bọn bảo hoàng để đập lại bọn bảo hoàng.

Nội các Ba-rô và đảng trật tự còn đi xa hơn nữa. Họ xúi giục nhân dân khắp nước Pháp gửi những *thư thỉnh nguyện lên Quốc hội*, yêu cầu một cách rất thân ái Quốc hội nên tự giải tán đi. Như thế là họ đã dẫn dắt quần chúng vô tổ chức xông vào trận đánh chống lại Quốc hội, tức là chống lại biểu hiện có tổ chức đó của ý dân theo đúng hiến pháp. Họ đã dạy cho Bô-na-pác-tơ biết cách kêu gọi nhân dân chống lại các viện. Cuối cùng, ngày 29 tháng Giêng 1849 đã đến, ngày mà Quốc hội lập hiến phải quyết định vấn đề tự giải tán. Trụ sở Quốc hội bị quân đội chiếm đóng; tướng Săng-gác-ni-ê, thuộc đảng trật tự, người nắm cả trong tay quyền tổng chỉ huy đội cận vệ quốc gia lẫn quân đội thường trực, đi duyệt nhiều đạo quân ở Pa-ri làm như sắp có một cuộc đánh nhau đến nơi, còn bọn bảo hoàng hợp nhất thì đe dọa là sẽ dùng đến vũ lực nếu Quốc hội lập hiến không tỏ ra ngoan ngoãn. Quốc hội đã tỏ ra ngoan ngoãn, và chỉ có kẻ xin sống thêm một thời gian ngắn ngủi nữa thôi. Ngày 29 tháng Giêng là gì, nếu không phải coup d'état [1*] ngày 2 tháng Chạp 1851, chỉ có điều là do bọn bảo hoàng liên minh với Bô-na-pác-tơ thực hiện, để chống lại Quốc hội cộng hòa? Các ngài bảo hoàng đã không nhận thấy hay không muốn nhận thấy rằng Bô-na-pác-tơ đã lợi dụng ngày 29 tháng Giêng 1849 để bắt một bộ phận quân đội diễu qua trước mặt hắn tại điện Tuyn-lơ-ri, rằng hắn đã khao khát nắm lấy việc công khai

1* - cuộc đảo chính

sử dụng đến lực lượng quân đội lần đầu tiên đó nhằm chống lại quyền lực của nghị viện, để báo trước cho họ về cái điểm Ca-li-gu-la[62] xuất thế. Lẽ dĩ nhiên, các ngài bảo hoàng lúc đó chỉ thấy có Săng-gác-ni-ê của họ mà thôi.

Một trong những lý do đặc biệt thúc đẩy đảng trật tự dùng vũ lực để rút ngắn cuộc đời của Quốc hội lập hiến là những đạo luật *tổ chức* bổ sung cho bản hiến pháp - đạo luật về giáo dục, đạo luật về tín ngưỡng, v.v.. Điều cực kỳ quan trọng đối với bọn bảo hoàng hợp nhất là tự mình soạn ra những đạo luật ấy, chứ không để cho những người cộng hòa đã trở thành đa nghi ban hành những đạo luật đó. Vả lại, trong các đạo luật tổ chức ấy, có một đạo luật nói về trách nhiệm của tổng thống nước cộng hòa. Năm 1851, chính giữa lúc Quốc hội lập pháp đang lo thảo ra đạo luật ấy, thì Bô-na-pác-tơ đã tiến hành cái coup[1*] ngày 2 tháng Chạp của mình để ngăn ngừa coup đó. Trong thời gian chiến dịch mùa đông năm 1851 của họ ở nghị viện có cái gì mà bọn bảo hoàng hợp nhất lại không đem ra đổi lấy để có sẵn được một đạo luật về trách nhiệm của tổng thống, dù cho đạo luật ấy do một Quốc hội thuộc phái cộng hòa có thái độ nghi kỵ, thù địch soạn ra chăng nữa!

Ngày 29 tháng Giêng 1849, sau khi Quốc hội lập hiến đã tự mình bẻ gãy cái vũ khí cuối cùng của mình, thì nội các Ba-rô và những người bạn của trật tự đã dồn Quốc hội vào thế cùng; họ không bỏ qua một cơ hội nào để làm nhục Quốc hội, và buộc cái Quốc hội cùng đường và tuyệt vọng phải thông qua những đạo luật khiến cho nó mất nốt uy tín cuối cùng còn sót lại của nó trong nhân dân. Bô-na-pác-tơ bị ám ảnh bởi cái tư tưởng Na-pô-lê-ông của hắn, đã có đủ can đảm để công khai lợi dụng bước thất thế đó của quyền lực đại nghị. Cụ thể là, ngày 8 tháng Năm 1849, khi Quốc hội bỏ phiếu khiển trách nội các về việc tướng U-đi-nô chiếm Si-vi-ta Vê-ki-a, và ra lệnh phải đưa cuộc viễn chinh ở La Mã quay trở lại cái mục đích đã quy định cho nó[63], thì ngay tối

1* - đòn, hành động kiên quyết



hôm đó, Bô-na-pác-tơ công bố trên tờ "Moniteur" một bức thư gửi cho U-đi-nô, khen ngợi viên tướng này về những chiến công anh hùng của hắn, và trái ngược với bọn nghị sĩ chuyên vẽ vời trên giấy, hắn đã làm ra vẻ mình là kẻ bảo trợ hào hiệp của quân đội. Bọn bảo hoàng đã chế giễu việc đó; họ tin rằng Bô-na-pác-tơ đã mắc mưu họ. Cuối cùng, khi Ma-ra-xtơ, chủ tịch Quốc hội lập hiến trong một lúc nào đó cảm thấy sự an toàn của Quốc hội bị đe dọa, đã dựa vào hiến pháp để ra lệnh điều động một đại tá cùng với trung đoàn của y đến bảo vệ cho Quốc hội, thì viên đại tá này từ chối bằng cách viện vào kỷ luật quân đội và để nghị Ma-ra-xtơ đến gặp Săng-gác-ni-ê, tướng Săng-gác-ni-ê khước từ lệnh của Ma-ra-xtơ và nhận xét một cách mỉa mai rằng ông ta không thích những baionnettes intelligentes[1*]. Tháng Mười một 1851, khi bọn bảo hoàng liên minh chuẩn bị mở đầu một trận sống mái với Bô-na-pác-tơ, thì trong *bản dự luật nổi tiếng của các chủ nhân văn phòng Quốc hội*[64] của họ, họ mưu toan làm cho Quốc hội thông qua nguyên tắc chủ tịch Quốc hội có quyền trực tiếp điều động quân đội. Một viên tướng của họ là Lơ Phlô đã ký vào bản dự luật đó. Nhưng Săng-gác-ni-ê đã uổng công bỏ phiếu tán thành dự luật đó, và Chi-e đã uổng công tán dương sự khôn ngoan thận trọng của Quốc hội lập hiến cũ. *Xanh Ác-nô, Bộ trưởng chiến tranh* đã trả lời hắn cũng giống như trước kia Săng-gác-ni-ê đã trả lời Ma-ra-xtơ và câu trả lời đó đã được phái Núi vỗ tay tán thành!

Bản thân *đảng trật tự*, khi nó chỉ mới là nội các thôi chứ chưa phải là Quốc hội, đã làm sỉ nhục *chế độ đại nghị* như thế đó, và nó đã gào thét lên, khi cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 trục xuất chế độ đó ra khỏi nước Pháp;

Chúng ta chúc cho nó thượng lộ bình an!

1* - những lưỡi lê biết suy nghĩ

# III

Quốc hội lập pháp họp ngày 28 tháng Năm 1849. Nó bị giải tán ngày 2 tháng Chạp 1851. Thời kỳ này là thời kỳ *cộng hòa lập hiến hay cộng hòa đại nghị*.

Trong cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất, sau sự thống trị *của đảng lập hiến* là sự thống trị của *phái Gi-rông-đanh*, và sau sự thống trị của *phái Gi-rông-đanh* là sự thống trị của *phái Gia-cô-banh*. Mỗi đảng trên đều dựa vào đảng tiến bộ hơn. Một khi mỗi đảng trong các đảng đó đã đẩy cách mạng đi khá xa khiến nó không thể theo kịp cách mạng nữa, - chứ dừng nói gì lãnh đạo cách mạng, - thì liền bị bạn đồng minh dũng cảm hơn đi sau nó loại bỏ và đưa lên mấy chém. Như vậy, cách mạng vận động theo một con đường đi lên.

Trong cuộc cách mạng 1848, tình hình xảy ra ngược lại. Đảng vô sản hồi này chỉ là một vật phụ thuộc của đảng dân chủ tiểu tư sản. Đảng dân chủ tiểu tư sản đã phản bội nó và đẩy nó tới chỗ thất bại ngày 16 tháng Tư, ngày 15 tháng Năm và trong những ngày tháng Sáu. Đảng dân chủ, đến lượt mình, lại dựa vào vai đảng cộng hòa tư sản. Đảng cộng hòa tư sản mới vừa cảm thấy đứng vững được, thì đã vội từ bỏ người bạn đường phiền nhiễu của mình và tự mình dựa vào đảng trật tự. Đảng trật tự nghiêng vai hất đổ đảng cộng hòa tư sản và bản thân vội vàng ngồi lên



lực lượng vũ trang, đảng trật tự cứ tưởng là mình vẫn ngồi trên vai lực lượng ấy, cho đến một buổi sáng kia, nó mới nhận ra rằng những cái vai đó đã biến thành những lưỡi lê. Mỗi đảng đều đá hậu cái đảng muốn đẩy mình lên phía trước, đồng thời lại dựa vào lưng cái đảng đẩy lùi mình lại đằng sau. Không lấy gì làm lạ rằng, ở vào thế buồn cười như vậy thì mỗi đảng đều mất thăng bằng và đổ lăn kềnh ra, co giật nhăn nhó và làm những động tác kỳ lạ. Như vậy là cách mạng vận động theo một con đường đi xuống. Nó đã rơi vào sự vận động thụt lùi đó ngay cả trước khi chiến lũy cuối cùng của cuộc cách mạng tháng Hai bị dẹp đi và ngay cả trước lúc chính quyền cách mạng đầu tiên được thành lập.

Thời kỳ mà chúng ta đang nghiên cứu bao hàm một sự trộn lẫn hỗn tạp nhất những mâu thuẫn nổi bật: trước mắt chúng ta là phái lập hiến, nhưng lại công khai mưu đồ chống lại hiến pháp, phái cách mạng nhưng lại công khai tự nhận mình là những người ủng hộ những hành động lập hiến, một Quốc hội muốn có quyền lực vô hạn nhưng vẫn luôn luôn hành động trong khuôn khổ đại nghị; phái Núi, nhưng lại coi sứ mệnh của mình là nhẫn nại, và tự an ủi về những thất bại hiện tại của mình bằng cách tiên đoán thắng lợi trong tương lai; những người bảo hoàng, nhưng lại đóng vai những patres conscripti[1*] của chế độ cộng hòa, do vì tình thế bắt buộc phải duy trì ở nước ngoài những triều đình cừu địch nhau mà họ ủng hộ, và phải duy trì ở nước Pháp chế độ cộng hòa mà họ căm ghét; một quyền hành pháp coi sức mạnh của mình là ở trong sự hèn yếu của mình, và coi uy tín của mình nằm trong sự khinh miệt do mình gây ra, một chế độ cộng hòa, nhưng thực ra chỉ là sự kết hợp của những mặt đê tiện nhất của hai nền quân chủ - thời phục tích và nền Quân chủ tháng Bảy - với một nhãn hiệu đế chế, những cuộc liên minh mà cơ sở là sự chia rẽ; những cuộc đấu tranh mà luật lệ cơ bản là không đấu tranh đến cùng; một sự cổ động không có nội dung - nhân danh sự yên tĩnh; một sự tuyên truyền hết sức trịnh trọng cho sự yên tĩnh - nhân danh

1* - nguyên lão nghị viên thời cổ La Mã

cách mạng; những nhiệt tình không có chân lý; những chân lý không có nhiệt tình; những anh hùng không có chiến công; lịch sử không có sự biến; một sự phát triển mà động lực duy nhất hình như chỉ là cuốn lịch, gây mệt mỏi do lấp đi lấp lại một cách buồn tẻ cũng những trạng thái căng thẳng và hòa dịu ấy; những mâu thuẫn từng chu kỳ một đạt tới điểm cao nhất, nhưng hình như chỉ là để yếu dần đi và tự thủ tiêu mà không được giải quyết; những nỗ lực được đem ra phô trương một cách hợm hĩnh và nỗi lo sợ tiểu thị dân trước ngày tận thế, trong khi những vị cứu thế lại mải mê với những mưu kế nhỏ nhen nhất và những trò hề trong cung đình, mà với sự vô tư của mình làm cho người ta nghĩ tới thời kỳ Phrông-đơ hơn là nghĩ tới ngày phán xét cuối cùng; toàn bộ thiên tài chính thức của cả nước Pháp bị làm nhục bởi sự ngu ngốc xảo quyệt của một cá nhân; ý chí chung của dân tộc cứ mỗi khi thể hiện trong đầu phiếu phổ thông thì lại tìm cho mình một biểu hiện thích đáng trong những kẻ thù ngoan cố đối với lợi ích của quần chúng, cho đến khi, cuối cùng, nó tìm được biểu hiện ấy trong sự tùy tiện của một tên cướp biển. Nếu có một thời lịch sử nào đó được mô tả bằng những mâu xám xịt, thì đó là thời kỳ này. Người và sự biến hiện ra y như những anh chàng Slê-mi-lơ lộn ngược, y như những cái bóng đã mất hình[6]. Bản thân cách mạng lại làm tê liệt những đại biểu của chính nó, và chỉ đem lại bạo lực hăng say cho những kẻ thù của nó mà thôi. Nếu cái "bóng ma đỏ" mà lâu nay bọn phản cách mạng không ngớt gọi lên và cầu khẩn, cuối cùng đã hiện về, thì nó hiện về không phải với cái mũ phri-gi vô chính phủ ở trên đầu, mà lại mặc bộ đồng phục của trật tự, mặc *quần đỏ*.

Như chúng ta đã thấy: nội các do Bô-na-pác-tơ thành lập ngày 20 tháng Chạp 1848, ngày hắn thăng thiên là một nội các của đảng trật tự, nội các liên minh của phái bảo hoàng chính thống và bảo hoàng Oóc-lê-ăng. Nội các Ba-rô Phan-lu ấy - đã rút ngắn cuộc đời của Quốc hội lập hiến cộng hòa ít nhiều bằng bạo lực - vẫn còn sống sót và vẫn còn nắm chính quyền. Săng-gác-ni-ê, viên tướng của bọn bảo hoàng liên minh, vẫn tập trung trong tay mình



quyền tổng chỉ huy sư đoàn 1 và đội cận vệ quốc gia Pa-ri. Sau hết, cuộc tổng tuyển cử đã đảm bảo cho đảng trật tự chiếm được đa số lớn trong Quốc hội lập pháp. Tại đây, các nghị sĩ và các vị quý tộc của Lu-i-Phi-líp đã gặp một đạo quân thần thánh của phái chính thống, đối với bọn này thì vô số những lá phiếu bầu cử của quốc dân đã biến thành những giấy vào cửa để bước lên vũ đài chính trị. Số nghị sĩ thuộc cánh Bô-na-pác-tơ thì quá ít nên không thể lập thành một đảng độc lập ở nghị viện được. Bọn họ chỉ là Mauvaise queue[1*] của đảng trật tự mà thôi. Như vậy, là đảng trật tự đã nắm được quyền lực chính phủ, quân đội và cơ quan lập pháp - tóm lại là nắm được trong tay toàn bộ quyền lực nhà nước, quyền lực này được củng cố về mặt tinh thần bởi một cuộc tổng tuyển cử làm như thế sự thống trị của phe trật tự là biểu hiện của ý chí toàn dân, và bởi sự thắng lợi đồng thời của thế lực phản cách mạng trên toàn lục địa châu Âu.

Chưa bao giờ có một chính đảng bắt đầu cuộc vận động với những phương tiện mạnh mẽ hơn thế, và với những điềm lành hơn thế cả.

Trong số *những người cộng hòa thuần túy* bị đắm thuyền, tại Quốc hội lập pháp chỉ còn sống sót có một tập đoàn chừng năm chục người, đứng đầu là các tướng đã từng ở châu Phi: Ca-ve-nhắc, La-mô-ri-xi-e, Bê-đô. Nhưng đảng đối lập lớn nhất là *phái Núi*. Phái Núi là tên hiệu của đảng *dân chủ - xã hội* ở Quốc hội. Trong số 750 ghế ở Quốc hội, đảng này chiếm hơn 200 ghế và vì vậy ít ra nó cũng mạnh bằng bất cứ một phái nào trong ba phái của đảng trật tự tách riêng ra. Sự thiểu số tương đối của đảng dân chủ - xã hội so với toàn thể khối liên minh bảo hoàng hình như đã được cân bằng lại bởi nhiều hoàn cảnh đặc biệt. Chẳng riêng gì các cuộc tuyển cử ở tỉnh chứng tỏ rằng đảng này có một số đông người ủng hộ trong dân cư ở nông thôn. Hầu hết các nghị sĩ ở Pa-ri cũng đều ở trong hàng ngũ của nó; thông qua việc bầu ba hạ sĩ quan, quân đội đã biểu thị xu hướng dân chủ của họ, còn

1* - cái đuôi thảm hại

Lơ-đruy Rô-lanh, thủ lĩnh phái Núi, - khác với tất cả các đại biểu của đảng trật tự - thì đã được đưa lên cái chức vị cao quý là nghị viên Quốc hội do 5 tỉnh đã bỏ phiếu cho ông ta. Như vậy, ngày 28 tháng Năm 1849, với những sự xung đột không thể tránh khỏi giữa các phần tử bảo hoàng với nhau, cũng như giữa toàn thể đảng trật tự với Bô-na-pác-tơ, phái Núi hình như đã có được mọi yếu tố thành công. Thế nhưng, hai tuần sau, nó đã mất hết, kể cả danh dự nữa.

Trước khi trình bày tiếp lịch sử chế độ đại nghị, chúng ta cần phải nêu vài nhận xét để tránh khỏi những sai lầm thường hay phạm phải trong việc đánh giá tính chất chung của thời kỳ mà chúng ta đang nghiên cứu. Theo quan điểm của phái dân chủ, thì trong thời kỳ Quốc hội lập pháp, cũng như trong thời kỳ Quốc hội lập hiến, vấn đề chỉ là cuộc đấu tranh giữa phe cộng hòa và phe bảo hoàng. Còn bản thân phong trào ấy thì phái dân chủ tóm tắt bằng một từ: *"bọn phản động"* - đêm tối, lúc đó con mèo nào cũng xám và phái dân chủ có thể dễ dàng thốt ra những sáo ngữ tầm thường xứng đáng là của bọn tuần canh ban đêm. Dĩ nhiên, mới thoạt nhìn thì đảng trật tự có vẻ như là một đám hỗ lốn các phái bảo hoàng khác nhau, chúng chẳng những bầy mưu lập kế chống đối lẫn nhau, để đưa dòng vua của mình lên ngai vàng và gạt bỏ dòng vua của phía đối địch, mà tất cả còn liên kết nhau lại trong một mối căm thù chung đối với "chế độ cộng hòa" và trong cuộc tấn công chung chống chế độ này. Ngược lại với âm mưu đó của các phái bảo hoàng, phái Núi, về phía mình, lại có vẻ như là kẻ bảo vệ "chế độ cộng hòa". Đảng trật tự hình như lúc nào cũng mải lo công việc "phản động" - giống hệt như ở Phổ - nhằm chống lại báo chí, chống lại các hội, v.v. và - điều này cũng lại giống hệt như ở Phổ - được thực hiện dưới dạng một sự can thiệp thô bạo có tính chất cảnh sát của bộ máy quan liêu, của hiến binh và của tòa án. Phái "Núi", về phía mình, cũng mải lo đánh lui những sự tấn công ấy, mải lo bảo vệ những "quyền vĩnh cửu của con người", giống như mọi đảng gọi là đảng nhân dân ít nhiều đã từng làm trong vòng một thế kỷ rưỡi nay. Nhưng nếu phân tích tình



hình và các đảng phái kỹ hơn thì cái vẻ bề ngoài đang che đậy cuộc *đấu tranh giai cấp* và cái diện mạo đặc biệt của thời kỳ này, sẽ biến mất.

Như đã nói, phái bảo hoàng chính thống và phái bảo hoàng Oóc-lê-ăng là hai phái lớn trong đảng trật tự. Vậy thì cái gì đã gắn các phái ấy với những người có tham vọng lên ngôi báu và đã chia rẽ họ với nhau ? Phải chăng đó chỉ là những bông hoa huệ và lá cờ tam tài, là họ Buốc-bông và họ Oóc-lê-ăng, những màu sắc khác nhau của phái bảo hoàng là cái tín ngưỡng bảo hoàng nói chung? Dưới thời Buốc-bông thì *chế độ sở hữu ruộng đất lớn* đã thống trị với những giáo sĩ và những tôi tớ của nó; dưới thời Oóc-lê-ăng, thì bọn quý tộc tài chính, đại công nghiệp, đại thương nghiệp, nghĩa là *tư bản*, đã thống trị với đoàn tùy tòng của nó gồm những luật sư, giáo sư và những tay ăn nói giỏi. Nền quân chủ chính thống chẳng qua chỉ là biểu hiện chính trị của nền thống trị thế tập của những người sở hữu ruộng đất, cũng như nền Quân chủ tháng Bảy chỉ là biểu hiện chính trị của sự thống trị tiếm đoạt của bọn tư sản mới phất. Như vậy, những phái đó chia rẽ nhau hoàn toàn không phải do những cái gọi là nguyên tắc, mà là do những điều kiện tồn tại vật chất của họ, do hai loại sở hữu khác nhau, chúng bị chia rẽ bởi sự đối lập lâu đời giữa thành thị và nông thôn, bởi sự cạnh tranh giữa tư bản và sở hữu ruộng đất. Đồng thời còn có những hồi ức cũ, những tư thù tư oán, những lo âu và hy vọng, những thiên kiến và ảo tưởng, những thiện cảm và ác cảm, những tín niệm, tín điều và những nguyên tắc, đã gắn bó với họ với dòng vua này hay dòng vua kia, - điều đó có ai chối cãi đâu? Cả một kiến trúc thượng tầng những cảm giác, những ảo tưởng, những lối suy nghĩ và quan niệm sống khác nhau và độc đáo đã mọc lên trên những hình thức sở hữu khác nhau, trên các điều kiện sinh hoạt xã hội. Toàn thể giai cấp tạo ra và hình thành nên tất cả những cái đó trên cơ sở những điều kiện vật chất của mình và trên những quan hệ xã hội tương ứng. Một cá nhân, qua truyền thống hoặc do giáo dục mà tiếp thu được

những tình cảm và quan điểm ấy, có thể tưởng tượng rằng những cái ấy là những động cơ thực sự và là xuất phát điểm của sự hoạt động của mình. Nếu trước kia phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống, mỗi phái ra sức tự thuyết phục mình và những người khác rằng sở dĩ họ chia rẽ nhau chính là vì họ gắn bó với hai dòng vua khác nhau, thì về sau, các sự kiện đã chứng minh rằng, ngược lại, sự đối lập về lợi ích của họ đã khiến cho hai dòng vua không thể hợp nhất được với nhau. Cũng giống như trong đời sống thường ngày, người ta phân biệt những điều mà một người nào đó nói hay nghĩ về mình với nhân cách thực sự và việc làm thực sự của người đó, trong những cuộc đấu tranh lịch sử, người ta lại càng phải phân biệt những câu nói và những ảo tưởng của các đảng phái với cấu tạo thực sự của họ và những lợi ích thực sự của họ, phân biệt quan niệm của họ về bản thân họ và bản chất thực tế của họ. Trong chế độ cộng hòa, hai phái Oóc-lê-ăng và chính thống cùng đứng bên nhau, và có những tham vọng như nhau. Nếu mỗi phái đều có ý định *lập lại* triều đại *riêng* của mình đối lập với phái bảo hoàng kia, thì điều đó cũng chỉ có nghĩa là *hai lợi ích lớn* mà *giai cấp tư sản* đã phân thành - sở hữu ruộng đất và tư bản - lợi ích nào cũng cố sức tái lập ưu thế thống trị của mình và bắt lợi ích kia phải phục tùng. Chúng tôi nói hai phái tư sản, bởi vì sở hữu ruộng đất lớn, mặc dầu cái kiểu làm đỏm phong kiến của nó và sự kiêu hãnh về huyết thống của nó, cũng đã hoàn toàn tư sản hóa, do ảnh hưởng sự phát triển của xã hội hiện đại. Ví dụ, ở nước Anh phái bảo thủ từ lâu vẫn cứ tưởng mình là những người nhiệt tình gắn bó với nhà vua, giáo hội và những điều tốt đẹp của hiến pháp cổ của nước Anh, mãi cho đến cái ngày mà sự nguy hiểm buộc họ phải thú nhận rằng, họ chỉ là những người có nhiệt tình gắn bó với *địa tô* mà thôi.

Bọn bảo hoàng liên minh âm mưu chống nhau trên báo chí, ở Em-xơ, ở Clê-môn-tơ[66], bên ngoài nghị viện. Ở đằng sau sân khấu, chúng lại mặc lại bộ chế phục bảo hoàng Oóc-lê-ăng và chính thống cổ của chúng và phục hồi lại những trận đấu cổ của chúng. Nhưng



trên sân khấu công cộng, trong những hành động chủ yếu, có tầm quan trọng nhà nước của chúng, với tư cách là chính đảng lớn ở nghị trường, thì chúng đành tháo khỏi các triều đại của mình chỉ bằng những cái chào cung kính và hoãn việc phục hồi nền quân chủ lại in infinitum[1*]. Chúng làm những công việc thực sự của chúng với tư cách là *đảng trật tự*, nghĩa là dưới một danh hiệu *xã hội*, chứ không phải dưới một danh hiệu *chính trị*, với tư cách là những đại biểu của trật tự thế giới tư sản, chứ không phải với tư cách là những chàng hiệp sĩ của những nàng công chúa đi ngao du, với tư cách là giai cấp tư sản đối lập với các giai cấp khác, chứ không phải với tư cách phái bảo hoàng đối lập với phái cộng hòa. Và với tư cách là đảng trật tự, họ có một quyền lực không hạn chế hơn và cứng rắn hơn đối với các giai cấp khác trong xã hội, so với bất kỳ lúc nào trước kia, dưới thời phục tích hay dưới thời Quân chủ tháng Bảy; sự thống trị ấy nói chung chỉ có thể có được dưới hình thức cộng hòa đại nghị, vì chỉ có dưới hình thức đó, hai bộ phận lớn của giai cấp tư sản Pháp mới có thể liên hợp được với nhau và do đó, mới đặt được sự thống trị của giai cấp mình vào chương trình nghị sự, thay cho sự thống trị của phái có đặc quyền trong giai cấp ấy. Tuy thế, nếu với tư cách là đảng trật tự họ cũng thóa mạ chế độ cộng hoà và không che đậy sự ghê tởm của họ đối với chế độ ấy, thì đó không phải chỉ do những hồi ức bảo hoàng của họ. Bản năng của họ đã dạy cho họ thấy rằng chế độ cộng hòa tuy hoàn thành sự thống trị chính trị của họ, nhưng đồng thời nó cũng phá hủy những cơ sở xã hội của sự thống trị ấy, bởi vì giờ đây họ phải đối đầu với những giai cấp bị nô dịch, và phải đấu tranh với những giai cấp đó một cách trực tiếp, không còn dùng được ngai vàng làm chỗ ẩn nấp, cũng không đánh lạc được sự chú ý của cả nước bằng những cuộc xung đột nhỏ nhặt giữa bọn họ với nhau, và giữa bọn họ với quyền lực nhà vua. Chính cái cảm giác yếu đuối đã buộc họ phải rút lui trước những điều kiện thuần túy của sự thống trị giai cấp của chính

1* - cho đến một ngày vô định.

bọn họ và mong ước quay trở lại phía sau, quay trở lại những hình thức kém hoàn bị hơn, kém phát triển hơn, và do đó, ít nguy hiểm hơn của sự thống trị của họ. Ngược lại, mỗi lần phái bảo hoàng liên minh xung đột với kẻ lăm le lên ngôi báu thù địch với họ, tức là với Bô-na-pác-tơ, mỗi lần họ tưởng là quyền lực nghị trường toàn năng của họ bị quyền hành pháp đe dọa, do đó, mỗi khi họ buộc phải đưa lên hàng đầu sự hợp pháp về mặt chính trị của sự thống trị của họ thì họ lại hành động với tư cách là *những phần tử cộng hòa*, chứ không phải với tư cách là *những phần tử bảo hoàng*, - từ Chi-e, phần tử thuộc phái Óc-lê-ăng, là kẻ đã cam đoan với Quốc hội rằng vấn đề chế độ cộng hòa là vấn đề ít chia rẽ họ nhất, cho đến phần tử chính thống là Be-ri-ê, kẻ ngày 2 tháng Chạp 1851, đã khoác băng tam tài vào mình, và trong vai của một hộ dân quan, đã nhân danh nền cộng hòa diễn thuyết trước dân chúng lúc đó tập hợp trước nhà thị chính quận Mười. Thật ra mọi người đã đáp lại hắn một cách chế nhạo: Henri V! Henri V![1*].

Đối lập với khối liên minh tư sản đã hình thành khối liên minh giữa những người tiểu tư sản và công nhân, tức cái gọi là đảng *dân chủ - xã hội*. Sau những ngày tháng Sáu 1848, những người tiểu tư sản thấy mình bị đánh lừa, những lợi ích vật chất của họ bị đe dọa, còn những đảm bảo dân chủ cho phép họ bảo vệ những lợi ích vật chất đó thì bị phe phản cách mạng đặt thành vấn đề. Vì thế, họ dịch lại gần công nhân. Mặt khác, số đại biểu của giai cấp tiểu tư sản ở nghị viện, tức *phái Núi*, trước đây bị gạt ra rìa trong thời kỳ chuyên chính của phái cộng hòa tư sản, thì trong nửa sau thời kỳ Quốc hội lập hiến, đã lấy lại được uy tín đã mất nhờ cuộc đấu tranh của mình chống Bô-na-pác-tơ và những bộ trưởng bảo hoàng. Phái Núi đã liên minh với các lãnh tụ xã hội chủ nghĩa. Tháng Hai năm 1849, hai bên đã tổ chức những bữa tiệc hòa giải. Người ta đã thảo ra một cương lĩnh chung, thành lập những ban tuyển cử chung và đưa ra những người ứng cử

1* - Hăng-ri V! Hăng-ri V!



chung. Những yêu sách xã hội của giai cấp vô sản bị cắt mất cái mũi nhọn cách mạng của chúng và mang một màu sắc dân chủ, còn những yêu sách dân chủ của giai cấp tiểu tư sản thì mất cái hình thức thuần túy chính trị của chúng và mang màu sắc xã hội chủ nghĩa, *đảng dân chủ - xã hội* đã xuất hiện như vậy đó. *Phái Núi* mới, kết quả của sự thỏa hiệp trên, vẫn bao gồm - trừ một vài nhân vật không quan trọng xuất thân từ giai cấp công nhân và một vài phần tử bè phái xã hội chủ nghĩa - những phần tử của phái Núi cũ, chỉ có điều là số lượng đông hơn trước. Nhưng trong quá trình phát triển, phái Núi cũng thay đổi cùng với giai cấp mà nó đại diện. Tính chất độc đáo của đảng dân chủ - xã hội thể hiện ra ở chỗ nó đòi các thể chế cộng hòa dân chủ không phải để thủ tiêu hai cực - tức là tư bản và lao động làm thuê - mà để giảm nhẹ sự đối kháng giữa hai cực ấy và biến nó thành một sự hòa hợp. Dù người ta có đưa ra những biện pháp như thế nào chăng nữa để đạt mục đích đó, dù mục đích đó có khoác những quan điểm ít nhiều cách mạng chăng nữa, thì bản chất cũng vẫn thế; cải biến xã hội theo con đường dân chủ, nhưng là một sự cải biến trong khuôn khổ tiểu tư sản. Chỉ có điều là không nên rơi vào cái quan niệm thiển cận cho rằng dường như về nguyên tắc, giai cấp tiểu tư sản muốn thực hiện một thứ lợi ích giai cấp vị kỷ. Trái lại, giai cấp đó tin rằng những điều kiện *đặc thù* để giải phóng cho nó đồng thời cũng là những điều kiện *chung* mà chỉ có chúng thì mới có thể cứu vãn được xã hội hiện đại và xóa bỏ được đấu tranh giai cấp. Cũng không nên tưởng rằng tất cả các đại biểu dân chủ đều là những chủ hiệu hoặc là những kẻ sùng bái bọn này. Do trình độ văn hóa và địa vị cá nhân của họ, họ có thể cách xa bọn chủ hiệu một trời một vực. Điều làm cho họ trở thành đại biểu của giai cấp tiểu tư sản, chính là vì tư tưởng của họ không thể vượt quá được những giới hạn mà những người tiểu tư sản không vượt qua được, và vì vậy, về mặt lý luận, những đại biểu dân chủ cũng đi tới chính những vấn đề và những giải pháp mà trong thực tiễn lợi ích vật chất và địa vị xã hội của người tiểu tư sản đã dẫn họ tới. Nói chung, mối quan hệ giữa

*những đại biểu chính trị* và *văn học* của một giai cấp với giai cấp mà họ đại diện là như thế đó.

Sau những điều đã nói, rất dễ hiểu là khi phái Núi luôn luôn đấu tranh chống đảng trật tự để bảo vệ chế độ cộng hòa và những cái gọi là quyền của con người, thì mục đích cuối cùng của phái Núi chẳng phải là nền cộng hòa, cũng chẳng phải là quyền của con người, cũng ví như một đạo quân bị người ta muốn tước vũ khí và buộc phải chống cự lại, thì không phải chỉ vì để giữ vũ khí của mình mà họ giao chiến với kẻ địch.

Đảng trật tự khiêu khích phái Núi ngay từ khi Quốc hội khai mạc. Giờ đây giai cấp tư sản cảm thấy cần phải thanh toán giai cấp tiểu tư sản dân chủ, cũng như một năm trước đây, nó cảm thấy cần phải thanh toán giai cấp vô sản cách mạng. Duy có điều là tình hình đối phương lúc này có khác. Lực lượng của đảng vô sản là ở ngoài đường phố, lực lượng của giai cấp tiểu tư sản lại ở ngay trong Quốc hội. Bởi vậy, cần làm thế nào để nhử được lực lượng tiểu tư sản từ Quốc hội ra ngoài đường phố, và buộc bản thân nó phải phá vỡ cái lực lượng nghị trường của nó trước khi nó có thời giờ và cơ hội củng cố lực lượng đó. Phái Núi cứ cắm đầu mà xông vào bẫy.

Việc quân đội Pháp bắn phá La Mã là miếng mồi người ta nhử phái Núi vào cạm bẫy. Việc bắn phá đó vi phạm điều V trong hiến pháp[67], tức là điều cấm nước Cộng hòa Pháp không được dùng lực lượng quân sự của mình để chống các quyền tự do của một dân tộc khác. Hơn nữa, điều 54 cũng cấm quyền hành pháp tuyên chiến nếu không được Quốc hội thỏa thuận, và Quốc hội lập hiến đã lên án cuộc viễn chinh ở La Mã bằng nghị quyết ngày 8 tháng Năm. Trên cơ sở đó, ngày 11 tháng Sáu 1849, Lơ-đruy Rô-lanh đã đưa ra một bản cáo trạng chống Bô-na-pác-tơ và những bộ trưởng của hắn. Bị kích bởi những lời châm chọc của Chi-e, ông thậm chí đã dọa sẽ dùng đủ mọi biện pháp để bảo vệ hiến pháp, kể cả bằng vũ lực. Toàn thể phái Núi nhất tề đứng lên và lấp lại lời hiệu triệu dùng vũ lực đó. Ngày 12 tháng Sáu, Quốc hội bác bản cáo



trạng nói trên, và phái Núi liền bỏ nghị trường ra về. Mọi người đều biết những sự biến ngày 13 tháng Sáu; một bộ phận trong phái Núi tuyên bố đặt Bô-na-pác-tơ và các bộ trưởng của hắn "ra ngoài hiến pháp"; những binh sĩ dân chủ trong đội cận vệ quốc gia tuần hành thị uy ngoài đường phố không có vũ khí và đã bỏ chạy tán loạn khi đụng đầu với quân đội của Săng-gác-ni-ê, v.v.. Một bộ phận của phái Núi trốn ra nước ngoài, một bộ phận khác bị đưa ra truy tố trước Tòa án tối cao ở Buốc-giơ, số còn lại thì bị quy chế nghị viện đặt dưới sự giám sát nhỏ nhặt, kiểu thầy giáo đối với học trò của chủ tịch Quốc hội. Pa-ri lại bị đặt trong tình trạng thiết quân luật và bộ phận dân chủ trong đội cận vệ quốc gia bị giải tán. Thế là ảnh hưởng của phái Núi ở nghị viện và lực lượng của giai cấp tiểu tư sản ở Pa-ri đã bị đạp vỡ.

Thành phố Li-ông, nơi mà những sự biến ngày 13 tháng Sáu đã là hiệu lệnh bùng nổ một cuộc khởi nghĩa đẫm máu của công nhân, cũng bị thiết quân luật cùng với năm tỉnh chung quanh. Tình trạng giới nghiêm đó vẫn còn kéo dài mãi cho đến lúc này.

Đa số của phái Núi đã phản bội lại đội tiền phong của mình, khi không chịu ký tên vào bản tuyên bố. Báo chí cũng dào ngũ; chỉ có hai tờ báo là đã dám đưa tin về cuộc chính biến đó. Những người tiểu tư sản đã phản lại các đại biểu của họ: các đội cận vệ quốc gia đã vắng mặt hôm đó, còn ở chỗ nào mà họ có mặt, thì họ lại ngăn cản việc xây dựng chiến lũy. Các đại biểu đã lừa dối những người tiểu tư sản: những đồng minh tưởng tượng trong quân đội không thấy xuất hiện ở đâu cả. Sau hết, dáng lẽ thu hút thêm sức mạnh ở trong giai cấp vô sản, thì đảng dân chủ lại đem tính nhu nhược của mình truyền cho giai cấp vô sản, và như thường thấy, khi có những hành động lớn của phái dân chủ, là các lãnh tụ của họ được dịp tha hồ mà buộc tội "nhân dân" của họ là phản bội, còn nhân dân thì lại được dịp tha hồ mà buộc tội các lãnh tụ của mình là lừa gạt.

Ít khi có một hành động nào được báo trước một cách ầm ĩ như cuộc tiến quân sắp tới của phái Núi, và ít khi có một sự biến

nào được người ta đánh trống thổi kèn báo trước quá sớm và quá tin chắc như sự thắng lợi tất nhiên của phe dân chủ. Không còn nghi ngờ gì nữa, những người dân chủ tin vào sức mạnh của những tiếng kèn đã từng làm sụp đổ những bức thành ở Giê-ri-khôn. Và mỗi lần họ đứng trước những thành trì của chế độ chuyên chế, thì họ lại ra sức diễn lại cái phép lạ ấy. Nếu muốn chiến thắng ở nghị viện, thì phái Núi không nên kêu gọi dùng vũ lực. Nếu ở nghị viện phái Núi đã kêu gọi dùng vũ lực, thì ở ngoài đường phố nó không được xử sự theo lối nghị trường. Nếu nó thực sự có ý định biểu dương lực lượng một cách hòa bình, thì thật là ngu ngốc nếu không thấy trước rằng cuộc biểu dương ấy sẽ được tiếp đón bằng vũ lực. Nếu nó nghĩ đến một cuộc chiến đấu thực sự mà lại đi hạ vũ khí dùng để chiến đấu, thì quả thật là kỳ quặc. Nhưng vấn đề là ở chỗ những sự đe dọa có vẻ cách mạng của những người tiểu tư sản và của những đại biểu dân chủ của họ chẳng qua chỉ là những mưu toan đọa kẻ địch mà thôi. Và nếu họ bị dồn vào thế bí, họ đã đi quá xa đến mức buộc phải thực hiện những lời đe dọa của mình, thì họ lại hành động một cách mập mờ nước đôi, hết sức tránh những thủ đoạn có thể dẫn đến mục đích và ra công tìm kiếm lý do bào chữa cho sự thất bại. Khúc nhạc mở đầu inh ỏi báo trước cuộc chiến đấu, biến thành một tiếng càu nhàu sợ sệt một khi cuộc chiến đấu cần phải bắt đầu; các diễn viên hết làm ra vẻ quan trọng, và hồi kịch lắng xuống, xẹp đi như một cái bong bóng đầy hơi bị người ta lấy kim châm thủng.

Không một đảng phái nào lại phóng đại những phương tiện của mình như đảng dân chủ, không một đảng phái nào lại bị mắc lừa một cách nhẹ dạ như đảng dân chủ về tình thế lúc bấy giờ. Nếu một bộ phận quân đội bỏ phiếu cho phái Núi thì phái này đã tin rằng quân đội sẽ nổi dậy ủng hộ mình. Nhưng vì lý do gì? Vì một lý do mà xét theo quan điểm của quân đội, thì chỉ có một ý nghĩa - đó chính là việc những người cách mạng đã đứng về phía binh lính La Mã chống lại binh lính Pháp. Mặt khác, những ký ức về những ngày tháng Sáu 1848 đang còn quá sốt dẻo, khiến cho



giai cấp vô sản không thể không ghê tởm đội cận vệ quốc gia, và khiến cho những lãnh tụ của các hội bí mật không thể không có một mối ngờ vực sâu sắc đối với những lãnh tụ đảng dân chủ. Để xóa nhòa những mâu thuẫn ấy, thì cần phải có những lợi ích chung to lớn bị uy hiếp. Sự vi phạm một điều khoản trừu tượng nào đó trong hiến pháp không thể làm thức tỉnh thứ lợi ích đó. Như chính những người dân chủ đã nói, hiến pháp há chẳng đã từng bị vi phạm nhiều lần rồi đó sao? Những tờ báo có uy tín lớn nhất đã chẳng lên án hiến pháp là một mưu kế của bọn phản cách mạng đó sao? Nhưng người dân chủ, đại diện cho giai cấp tiểu tư sản, nghĩa là một *giai cấp trung gian*, trong đó lợi ích của hai giai cấp làm cho nhau cùn đi - vì vậy mà cứ tưởng rằng nói chung mình đứng trên sự đối kháng giai cấp. Những người dân chủ cho rằng đối lập với họ có một giai cấp được hưởng đặc quyền đặc lợi, nhưng cùng với bộ phận còn lại trong nước, họ cấu thành *nhân dân*. Cái mà họ bảo vệ là *quyền của nhân dân;* họ đại diện cho *lợi ích của nhân dân*. Cho nên trước cuộc chiến đấu sắp diễn ra, họ không cần phải nghiên cứu lợi ích và tình cảnh của các giai cấp khác nhau. Họ không cần phải cân nhắc quá tỉ mỉ những phương tiện của bản thân họ. Bởi vì họ chỉ cần ra hiệu một cái, là *dân chúng* tức khắc nhảy xổ vào *bọn áp bức* mình với tất cả những phương tiện vô tận của mình. Nhưng, nếu những lợi ích của họ hóa ra lại chẳng được ai quan tâm đến, và nếu lực lượng của họ lại hóa ra là sự bất lực, thì lỗi hoặc là tại những bọn ngụy biện tai hại đã chia rẽ *khối nhân dân thống nhất* thành nhiều phe đối địch; hoặc là tại quân đội đã trở nên quá tàn bạo, quá mù quáng nên không thấy những mục đích thuần túy của phe dân chủ là lợi ích của bản thân mình, hoặc là tất cả mọi việc đều sụp đổ do một chi tiết nào đó trong việc thực hiện; hoặc sau hết, là một sự ngẫu nhiên không dự kiến trước nào đó lần này đã gây nên thất bại. Dù sao đi nữa thì người dân chủ vẫn ra khỏi một sự thất bại nhục nhã nhất, mà vẫn trong trắng, vẫn ngây thơ như khi bước vào đấu tranh, họ ra khỏi với một niềm tin mới củng cố thêm là rồi đây họ nhất định sẽ chiến thắng, là không phải

bản thân họ và đảng của họ sẽ phải vứt bỏ cái quan điểm cũ của mình đi, mà trái lại, vì các điều kiện nhất định sẽ phát triển tới cái quan điểm ấy.

Bởi vậy, chúng ta đừng coi phái Núi bị thua thớt hẳn đi, bị đánh gục và bị quy chế mới của nghị viện làm nhục, và đã quá bất hạnh. Nếu ngày 13 tháng Sáu đã gạt những thủ lĩnh phái Núi ra, thì mặt khác ngày ấy cũng dọn chỗ cho những "tài năng" hàng thứ yếu mà địa vị mới đó làm cho rất khoái chí. Nếu trước kia sự bất lực của họ ở nghị viện là điều chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa, thì giờ đây họ có quyền giới hạn hoạt động của mình bằng những cuộc bùng nổ của cơn phẫn nộ đạo đức và bằng những lời tuyên bố khoa trương mà thôi. Nếu đảng trật tự mô tả họ như là những kẻ đại diện chính thức cuối cùng của cách mạng, là hiện thân của tất cả những sự khủng khiếp của trạng thái vô chính phủ, thì trên thực tế, họ lại càng có thể tỏ ra là tầm thường hơn và khiêm tốn hơn. Còn về sự thất bại ngày 13 tháng Sáu thì họ tự an ủi bằng cái luận điệu thâm thúy này: "Chỉ thử động đến chế độ dầu phiếu phổ thông mà xem! Lúc đó sẽ biết tay chúng ta. Nous verrons! 1*".

Về những người của phái Núi chạy trốn ra nước ngoài, ở đây chúng ta chỉ cần nhận xét rằng Lơ-đruy Rô-lanh, kẻ trong vòng chưa đầy hai tuần lễ đã hủy diệt không gì cứu vãn được một chính đảng mạnh do y đứng đầu, giờ đây lại tự coi mình là có sứ mệnh thành lập một chính phủ Pháp in partibus2*, rằng hình bóng của y ở chốn xa xôi ở bên ngoài trường hoạt động, dường như ngày càng to thêm, theo mức độ mà phong trào cách mạng ngày càng xẹp xuống và những nhân vật quan phương lỗi lạc của nước Pháp quan phương cứ ngày càng trở thành những chàng lùn; rằng y có thể trở thành người ứng cử của phe cộng hòa trong kỳ tuyển cử năm 1852 sắp tới; rằng y thỉnh thoảng vẫn gửi những bản thông cáo cho dân Va-la-ki và cho các dân tộc khác, trong đó y đe dọa

1* - Rồi sẽ biết!
2* - thuần túy danh nghĩa, lưu vong ở nước ngoài



những tên bạo chúa của lục địa bằng những chiến công của y và những chiến công của những đồng minh của y. Lẽ nào Pru-đông đã hoàn toàn sai, khi nói với các ngài đó rằng: "Vous n'êtes que des blagueurs! "1*?

Ngày 13 tháng Sáu, đảng trật tự chẳng những đã đánh ngã phái Núi, mà đồng thời còn thực hiện nguyên tắc *hiến pháp phải phục tùng những quyết nghị của đa số trong Quốc hội nữa*. Nó quan niệm chế độ cộng hoà như sau: trong chế độ cộng hòa, giai cấp tư sản thống trị dưới những hình thức đại nghị, nhưng nó không bị hạn chế bởi quyền phủ quyết của quyền hành pháp hay quyền giải tán nghị viện như dưới thời quân chủ nữa. Đó là chế độ *cộng hòa đại nghị*, như Chi-e từng gọi. Nhưng, nếu ngày 13 tháng Sáu giai cấp tư sản đã đảm bảo cho mình một quyền lực không hạn chế ở trong nghị viện, thì liệu nó có giáng một đòn chí tử vào chính ngay nghị viện hay không, khi làm cho nghị viện đó suy yếu đi một cách không thể cứu vãn nổi trước quyền hành pháp và nhân dân, bằng cách trục xuất những đại biểu có uy tín nhất ra khỏi nghị viện? Khi thẳng tay giao nhiều nghị sĩ cho tòa án xét xử, giai cấp tư sản đã xóa bỏ quyền bất khả xâm phạm của chính mình ở trong nghị trường. Quy chế nhục nhã mà nó buộc phái Núi phải phục tùng, càng hạ thấp mỗi đại biểu của nhân dân xuống bao nhiêu thì lại càng nâng cao tổng thống của nước cộng hoà lên bấy nhiêu. Khi lên án cuộc khởi nghĩa có mục đích bảo vệ hiến pháp là một hành động vô chính phủ nhằm lật đổ xã hội, giai cấp tư sản đã tự tước mất của mình khả năng kêu gọi khởi nghĩa trong trường hợp nếu quyền hành pháp vi phạm hiến pháp chống lại giai cấp ấy. Và lịch sử mới mỉa mai làm sao! Tướng *U-đi-nô*, người trước đây được sự ủy nhiệm của Bô-na-pác-tơ, đã bắn phá La Mã và do đó tạo cái cớ trực tiếp cho cuộc bạo động bảo vệ hiến pháp ngày 13 tháng Sáu, thì ngày 2 tháng Chạp 1851 lại được đảng trật tự khẩn thiết đưa ra giới thiệu - nhưng vô hiệu - với dân chúng là viên tướng bảo vệ hiến pháp chống lại Bô-na-pác-tơ.

1* - "Các anh chỉ là bọn nói khoác!"

Một nhân vật khác trong ngày 13 tháng Sáu, là *Vi-ây-ra* mà người ta đã khen ngợi từ trên diễn đàn Quốc hội về những hành động tàn bạo mà hắn đã thi thố trong khi hắn dẫn đầu một lũ cận vệ quốc gia thuộc bọn quý tộc tài chính đến phá phách trụ sở các báo dân chủ, - chính cái tên Vi-ây-ra ấy đã biết rõ cuộc âm mưu đảo chính của Bô-na-pác-tơ và đã góp phần rất lớn vào việc làm cho Quốc hội không thể nhận được sự cứu viện của dội cận vệ quốc gia trong giờ phút nguy kịch của nó.

Ngày 13 tháng Sáu còn có một ý nghĩa khác nữa. Phái Núi đòi truy tố Bô-na-pác-tơ trước tòa án. Vì thế, sự thất bại của phái Núi cũng là một thắng lợi trực tiếp của Bô-na-pác-tơ, là một thắng lợi lớn của cá nhân hắn đối với những kẻ thù dân chủ của hắn. Đảng trật tự giành được thắng lợi ấy, - còn Bô-na-pác-tơ thì chỉ còn có việc thu lấy thắng lợi ấy cho mình. Chính Bô-na-pác-tơ đã làm như thế. Ngày 14 tháng Sáu, trên các bức tường ở Pa-ri, người ta có thể đọc một bản tuyên cáo nói rằng, tổng thống, - làm như thể là không dính dáng gì đến tất cả những chuyện đó, làm như thể là bị bất đắc dĩ, chỉ vì sức ép của các sự kiện, - đã buộc phải rời khỏi cuộc sống tu hành đơn độc của mình, phàn nàn với cái giọng của một đạo đức chưa được thừa nhận, về những điều vu khống của những địch thủ của mình, và làm ra vẻ đồng nhất con người của mình với sự nghiệp của trật tự, nhưng trên thực tế thì lại đồng nhất sự nghiệp của trật tự với con người của mình. Thêm nữa, mặc dầu sau này Quốc hội cũng đã phê chuẩn cuộc viễn chinh La Mã, nhưng Bô-na-pác-tơ cũng đã là kẻ đã khởi xướng ra cuộc viễn chinh ấy. Sau khi đã đưa giáo chủ tối cao Xa-mu-in trở về Va-ti-căng, Bô-na-pác-tơ có thể hy vọng ngự trị ở điện Tuyn-lơ-ri như vua Đa-vít[68]. Hắn đã tranh thủ được các giáo sĩ đứng về phía mình.

Cuộc bạo động ngày 13 tháng Sáu chỉ thu hẹp trong cuộc biểu tình hòa bình ở ngoài đường phố, như chúng ta đã thấy. Vậy không thể nói đến những sự vinh quang về mặt quân sự trong việc chống lại nó. Thế nhưng, trong cái thời buổi hiếm anh hùng và ít biến



cố ấy, đảng trật tự đã biến trận đánh không đổ máu ấy thành một trận Ô-xtéc-lít thứ hai. Diễn đàn và báo chí đã đề cao quân đội như là sức mạnh của trật tự, đối lập lại với quần chúng nhân dân là biểu hiện của sự bất lực của trạng thái vô chính phủ, và đã ca ngợi Săng-gác-ni-ê như là "thành trì của xã hội" - một sự lừa bịp mà rồi cuối cùng chính Sáng-gác-ni-ê cũng tin là thật. Trong khi đó người ta ngấm ngầm đẩy những đơn vị có vẻ đáng ngờ ra khỏi Pa-ri; những trung đoàn nào bộc lộ những tình cảm dân chủ mạnh nhất trong cuộc bầu cử thì đều bị đẩy đi khỏi nước Pháp sang An-giê-ri; những phần tử đáng lo ngại trong quân đội thì bị đưa vào các đội phạm binh; sau hết, người ta ngăn không cho báo chí thâm nhập vào trại lính, và ngăn trại lính không cho liên hệ với xã hội công dân.

Giờ đây, chúng ta đã đi tới một bước ngoặt quyết định trong lịch sử đội cận vệ quốc gia Pháp. Năm 1830, đội cận vệ quốc gia đã quyết định số phận của thời phục tích. Dưới thời Lu-i-Phi-líp mỗi một cuộc bạo động đều thất bại nếu đội cận vệ quốc gia đứng về phía quân đội. Trong những ngày tháng Hai 1848, khi đội cận vệ quốc gia giữ một thái độ tiêu cực đối với cuộc khởi nghĩa và có một thái độ mập mờ đối với Lu-i-Phi-líp thì Lu-i-Phi-líp tự cho là mình đã bị tiêu diệt và quả thật đã bị tiêu diệt. Vì thế mà đã nảy sinh một niềm tin sâu sắc rằng nếu *không có* đội cận vệ quốc gia thì cách mạng không thể thắng lợi, và quân đội không thể thắng được, nếu đội cận vệ quốc gia *chống lại* nó. Đó là một quan niệm có tính cách mê tín của quân đội vào sức mạnh toàn năng của xã hội công dân. Những ngày tháng Sáu 1848, khi toàn thể đội cận vệ quốc gia cùng với quân đội chủ lực đánh tan cuộc khởi nghĩa, đã củng cố thêm sự mê tín ấy. Sau khi Bô-na-pác-tơ lên nắm chính quyền, vị trí của đội cận vệ quốc gia đã giảm sút chút ít do chỗ thống nhất một cách trái với hiến pháp việc chỉ huy đội cận vệ quốc gia với việc chỉ huy sư đoàn chính quy thứ nhất, vào trong tay Săng-gác-ni-ê.

Giống như việc chỉ huy đội cận vệ quốc gia bây giờ có vẻ chỉ là một thuộc tính của bộ tư lệnh quân sự tối cao, bản thân đội

cận vệ quốc gia cũng chỉ là một vật phụ thuộc của quân đội chính quy. Cuối cùng, ngày 13 tháng Sáu, đội cận vệ quốc gia ấy đã bị phá vỡ - không phải chỉ vì từ ngày đó nó dần dần bị giải tán từng phần một ở khắp mọi nơi trên nước Pháp cho đến khi nó chỉ còn lại những mảnh vụn mà thôi. Cuộc tuần hành thị uy ngày 13 tháng Sáu, trước hết, là một cuộc tuần hành thị uy của bộ phận dân chủ trong đội cận vệ quốc gia. Quả thật là họ đã chống lại quân đội không phải bằng vũ khí mà chỉ bằng bộ quân phục của họ; nhưng chính cái bùa hộ mệnh lại nằm trong bộ quân phục đó. Quân đội đã thấy rõ rằng bộ quân phục đó chẳng qua chỉ là một mảnh giẻ len như mọi bộ quân phục khác. Các phù phép đã tan biến mất. Trước kia, trong những ngày tháng Sáu 1848, giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản, mà đại biểu là đội cận vệ quốc gia, đã liên hợp với quân đội để chống lại giai cấp vô sản. Ngày 13 tháng Sáu 1849, giai cấp tư sản đã dùng quân đội để đánh tan đội cận vệ quốc gia tiểu tư sản, ngày 2 tháng Chạp 1851, chính đội cận vệ quốc gia của giai cấp tư sản cũng không còn nữa, và sau này khi Bô-na-pác-tơ ký sắc lệnh giải tán nó thì hắn cũng chỉ xác nhận một sự việc đã xảy ra mà thôi. Như vậy là bản thân giai cấp tư sản đã tự dập tan cái vũ khí cuối cùng của nó dùng để chống lại quân đội, nhưng nó đã phải làm điều đó từ khi giai cấp tiểu tư sản không còn đứng ở đằng sau lưng nó với tư cách là một chư hầu nữa, mà đã đứng lên chống lại nó với tư cách là một kẻ phản nghịch. Cũng như, nói chung, giai cấp tư sản đã buộc phải tự tay mình phá hoại tất cả những phương tiện bảo vệ của mình chống lại chế độ chuyên chế, một khi nó đã trở thành chuyên chế.

Trong khi ấy, đảng trật tự lại ăn mừng việc giành lại được một chính quyền - mà năm 1848 nó đã để mất đi, dường như là chỉ để đến năm 1849, lại thu hồi nó trở lại dưới cái dạng đã thoát khỏi mọi sự hạn chế - bằng cách thóa mạ chế độ cộng hòa và hiến pháp, nguyền rủa tất cả các cuộc cách mạng trước kia, hiện nay và về sau, kể cả những cuộc cách mạng do chính những kẻ cầm đầu đảng trật tự đã làm, và bằng cách ban bố những điều luật bịt mồm miệng báo chí, bãi bỏ quyền tự do lập hội, và thừa nhận việc thiết quân luật như là một thể chế bình thường. Rồi Quốc hội tuyên bố nghỉ họp từ giữa tháng Tám đến giữa tháng Mười, sau khi đã cử ra một ban thường trực làm việc suốt trong thời kỳ Quốc hội vắng mặt. Trong thời gian Quốc hội đi nghỉ đó, phái chính thống đã âm mưu với Em-xơ, phái Oóc-lê-ăng với Clê-môn-tơ, còn Bô-na-pác-tơ thì âm mưu bằng những chuyến đi theo kiểu đế vương, và các hội đồng hàng tỉnh cũng âm mưu trong các cuộc họp bàn về vấn đề xét lại hiến pháp. Đó là những việc xảy ra đều đặn trong các dịp nghỉ định kỳ của Quốc hội, và tôi sẽ chỉ bàn chi tiết đến chúng một khi chúng trở thành những biến cố. Ở đây, chỉ cần chú ý rằng Quốc hội đã hành động một cách vô chính trị, khi vắng mặt trên vũ đài trong một thời gian dài, và chỉ để lại đứng đầu nền cộng hòa có mỗi một nhân vật, dầu là một nhân vật thảm hại như Lu-i Bô-na-pác-tơ, trong khi đó thì đảng trật tự đã mất mặt trước công chúng do sự phân chia thành những cánh bảo hoàng khác nhau với những khát vọng phục hưng thù địch nhau. Trong những kỳ nghỉ như thế, cứ mỗi lần im tiếng tranh luận ồn ào ở *nghị viện*, và các nghị sĩ chia tay nhau về các nơi trong nước, thì người ta lại thấy rõ rằng chỉ còn thiếu có mỗi một điều để cho bộ mặt thật của chế độ cộng hòa đó lộ ra đầy đủ, đó là: làm cho những lần nghỉ của *nghị viện* trở thành liên tục, và thay thế khẩu hiệu: Liberté, égalité, fraternité![1*] *của nó* bằng những tiếng không chút mập mờ: Infanterie, Cavalerie, Artillerie![2*].



1* - Tự do, bình đẳng, bác ái
2* - Bộ binh, Kỵ binh, Pháo binh!

## IV

Quốc hội họp trở lại vào giữa tháng Mười 1849. Ngày 1 tháng Mười một, Bô-na-pác-tơ làm cho Quốc hội kinh ngạc bởi bức thông điệp trong đó hắn tuyên bố giải tán nội các Ba-rô-Phan-lu và thành lập một nội các mới. Chưa bao giờ người ta đuổi tôi tớ trong nhà một cách trắng trợn như Bô-na-pác-tơ đã đuổi các bộ trưởng của hắn. Những cái đá đít dành cho Quốc hội thì, trong khi chờ đợi, chính Ba-rô và bè lũ đã hứng lấy.

Như chúng ta đã thấy, nội các Ba-rô gồm những người của phe chính thống và phe Oóc-lê-ăng, đó là một nội các của đảng trật tự. Bô-na-pác-tơ đã cần đến nội các ấy để giải tán Quốc hội lập hiến cộng hòa, thực hiện cuộc viễn chinh đánh La Mã và dập tan lực lượng của đảng dân chủ. Lúc bấy giờ hình như hắn ẩn mình sau lưng nội các ấy, bỏ mặc quyền hành chính phủ cho đảng trật tự, và đeo cái mặt nạ khiêm tốn mà những viên quản lý chịu trách nhiệm của các báo dưới thời Lu-i Phi-líp vẫn đeo, cái mặt nạ của một homme de paille[1*]. Giờ đây Bô-na-pác-tơ đã trút bỏ cái mặt nạ đó ra rồi, vì từ một tấm voan mỏng cho phép che được bộ mặt của hắn, nó đã trở thành một cái mặt nạ bằng sắt cản trở hắn biểu lộ cái chân tướng của hắn ra. Bô-na-pác-tơ đã đưa

1* - bù nhìn.



nội các Ba-rô lên cầm quyền để nhân danh đảng trật tự thủ tiêu Quốc hội cộng hoà; và hắn bãi bỏ nội các ấy đi là để tỏ rõ rằng tên tuổi của hắn không lệ thuộc vào Quốc hội của đảng trật tự.

Chẳng thiếu gì lý do có vẻ chính đáng để làm việc đó. Nội các Ba-rô thậm chí đã không thèm chú ý đến những quy tắc xã giao mà người ta phải tuân thủ đối với tổng thống nước cộng hòa với tư cách là một quyền lực bên cạnh Quốc hội. Trong thời gian Quốc hội nghỉ họp, Bô-na-pác-tơ công bố một bức thư gửi cho Ét-ga Nây, trong đó hắn tỏ vẻ không tán thành những hành động không có tính chất tự do chủ nghĩa của giáo hoàng[1*], cũng như trước kia, ngược lại với Quốc hội lập hiến, hắn đã công bố một bức thư khen ngợi U-đi-nô về việc tấn công vào Cộng hòa La Mã. Và khi Quốc hội biểu quyết dự toán ngân sách cho cuộc viễn chinh La Mã, thì Vích-to Huy-gô, để tỏ ra mình là theo chủ nghĩa tự do, đã nêu bức thư đó lên thành vấn đề thảo luận. Bằng những tiếng la ó hoài nghi và khinh bỉ, đảng trật tự đã dập tắt ngay cả cái ý nghĩ cho rằng dường như những hành vi ngông cuồng của Bô-na-pác-tơ có thể có một ý nghĩa chính trị nào đấy và không có ai trong các bộ trưởng dám nhận lời thách thức của Bô-na-pác-tơ. Một lần khác, với những lời lẽ thống thiết trống rỗng vốn có của hắn, từ trên diễn đàn, Ba-rô đã tự cho phép mình công phẫn nói đến "những âm mưu ghê tởm", mà theo hắn nói thì đang được tiến hành trong giới thân cận nhất của tổng thống. Cuối cùng, trong khi nội các Ba-rô xin được Quốc hội cấp cho nữ công tước Oóc-lê-ăng một khoản trợ cấp quả phụ, thì nó lại bác bỏ mọi đề nghị tăng thêm khoản lương bổng của tổng thống. Mà, ở con người của Bô-na-pác-tơ, thì kẻ ôm ấp mộng làm vua kết hợp với kẻ phiêu lưu bị phá sản chặt chẽ tới mức là ở hắn, cái tư tưởng lớn tự cho mình có sứ mệnh phục hồi lại đế chế, luôn luôn được bổ sung bằng một tư tưởng lớn khác cho rằng nhân dân Pháp có sứ mệnh trả nợ cho hắn.

1* - Pi IX

Nội các Ba-rô - Phan-lu là một *nội các đại nghị* đầu tiên và cuối cùng do Bô-na-pác-tơ dựng lên. Bởi vậy, việc bãi bỏ nội các ấy là một bước ngoặt quyết định. Nội các đó mất đi, đảng trật tự cũng mất luôn mà không bao giờ lấy lại được nữa một thành trì không thể thiếu được để duy trì chế độ đại nghị - việc nắm quyền hành pháp. Mà ở một nước như nước Pháp, nơi mà quyền hành pháp chi phối cả một đạo quân quan chức hơn nửa triệu người, tức là thường xuyên bắt một số rất lớn lợi ích và sinh mệnh con người phải phụ thuộc vào nó một cách tuyệt đối nhất; nơi mà nhà nước nắm chặt, kiểm soát, chỉ huy, quản chế và bảo hộ xã hội công dân, từ những biểu hiện sinh hoạt rộng lớn nhất của họ cho đến những cử động nhỏ nhặt nhất của họ, từ những phương thức tồn tại chung nhất của nó, cho đến đời sống riêng tư của các cá nhân; nơi mà cái cơ thể ăn bám ấy, nhờ có sự tập trung hết sức phi thường, nên có mặt khắp mọi nơi và cái gì cũng biết, có được tính co giãn và tính cơ động cao, những điều này chỉ có thể đi song song với một tình trạng phụ thuộc bất lực, tình trạng rã rời không có hình thù của cơ cấu xã hội hiện thực, - ở một nước như thế, lẽ đĩ nhiên là khi mất quyền phân phối các ghế bộ trưởng, Quốc hội cũng mất mọi ảnh hưởng thực tế, nếu như nó không đồng thời đơn giản hóa bộ máy hành chính của nhà nước, giảm bớt tối mức tối đa đạo quân quan chức, và sau hết, không để cho xã hội công dân và công luận thành lập những cơ quan ngôn luận riêng của họ, độc lập đối với chính quyền. Nhưng *lợi ích vật chất* của giai cấp tư sản Pháp lại quyện rất chặt với việc duy trì cái bộ máy nhà nước rộng lớn và bao quát ấy. Chính đó là nơi mà giai cấp tư sản xếp số nhân khẩu thừa của nó vào và lấy hình thức lương bổng để bổ sung cho những cái mà giai cấp đó không thể thu được dưới hình thức lợi nhuận, lợi tức, địa tô và tiền thù lao. Mặt khác, *lợi ích chính trị* của giai cấp tư sản buộc họ ngày càng phải tăng cường đàn áp, nghĩa là phải tăng thêm phương tiện và nhân viên của chính quyền, đồng thời phải tiến hành một cuộc chiến đấu không ngừng chống lại công luận, và do không tìm mà phải làm què quặt, tê liệt những cơ quan độc lập của sự vận động



xã hội, nếu không thể hoàn toàn cắt bỏ chúng đi. Như vậy, địa vị giai cấp của giai cấp tư sản Pháp đã buộc nó, một mặt, phải thủ tiêu những điều kiện tồn tại của mọi quyền lực đại nghị, và, do đó, cả quyền lực đại nghị của mình và, mặt khác, phải làm cho quyền hành pháp đối địch với nó trở thành một quyền lực vô địch.

Nội các mới được gọi là nội các đ'Ô-pu-lơ. Điều này quyết không có nghĩa là tướng đ'Ô-pu-lơ được làm thủ tướng. Cùng với việc cách chức Ba-rô, Bô-na-pác-tơ thậm chí đã bãi bỏ cái chức ấy, cái chức vị trên thực tế đã làm cho tổng thống cộng hòa phải đóng vai trò hợp pháp nhỏ bé của một ông vua lập hiến, nhưng là của một ông vua lập hiến không có ngai vàng mũ ngọc, không có ấn kiếm, không có đặc quyền bất khả xâm phạm, không có quyền thế tập giữ chức vụ cao nhất của nhà nước, và điều tối tệ hơn cả là không có lương bổng của nhà vua. Nội các đ'Ô-pu-lơ chỉ có được một người có tiếng tăm ở nghị trường là gã cho vay nặng lãi *Phun-đơ*, một trong những thành viên nổi danh xấu nhất của giới quý tộc tài chính. Người ta đưa hắn lên làm Bộ trưởng tài chính. Chỉ cần xem biểu thị giá của sở giao dịch Pa-ri cũng thấy rõ rằng, kể từ ngày 1 tháng Mười một 1849, các chứng khoán Pháp lên xuống tùy theo sự lên xuống của những cổ phiếu của Bê-na-pác-tơ. Như vậy, khi đã tìm được những kẻ đồng minh ở sở giao dịch rồi, thì Bô-na-pác-tơ đồng thời cũng chiếm luôn cả sở cảnh sát, bằng cách cử Các-li-ê lên làm cục trưởng cảnh sát Pa-ri.

Tuy vậy, những hậu quả của việc thay đổi nội các chỉ bộc lộ ra trong tiến trình phát triển sau đó. Thoạt đầu, Bô-na-pác-tơ tiến lên một bước, chỉ là để bị đẩy lùi lại đằng sau một cách rõ ràng hơn. Sau khi gửi một thông điệp thô bạo cho Quốc hội, hắn lại tỏ ra phục tùng Quốc hội một cách hết sức dê hèn. Mỗi lần các bộ trưởng dám rụt rè mưu toan khoác cho những sở thích cá nhân kỳ quặc của hắn một hình thức dự luật, thì hình như chính các bộ trưởng ấy cũng chỉ vì địa vị mình mà phải miễn cưỡng thi hành những sự ủy thác khôi hài mà họ biết chắc trước là sẽ chẳng đi đến kết quả gì. Mỗi lần Bô-na-pác-tơ nấp sau lưng các bộ trưởng,

nói lên những ý định của hắn và ba hoa về các "idées napoléoniennes"[99] của hắn, thì chính những bộ trưởng của hắn lại phủ nhận hắn trên diễn đàn Quốc hội. Những khát vọng của hắn muốn tranh quyền tiếm vị hình như chỉ được đưa ra là để cho tiếng cười ác ý của những địch thủ của hắn vang lên không ngớt. Hắn làm ra vẻ hắn là một thiên tài không được thừa nhận, một thiên tài mà tất cả thiên hạ đều coi là một kẻ thộn. Chưa bao giờ Bô-na-pác-tơ trở thành đối tượng khinh bỉ sâu sắc của tất cả các giai cấp như trong thời kỳ này. Chưa bao giờ giai cấp tư sản từng thống trị một cách tuyệt đối như hồi đó, chưa bao giờ giai cấp này phô trương những dấu hiệu của sự thống trị của nó một cách kiêu căng như hồi đó.

Ở đây tôi không có nhiệm vụ viết lịch sử của sự hoạt động lập pháp của giai cấp tư sản, trong thời kỳ đó chỉ thu gọn trong hai đạo luật chính: đạo luật lập lại *thuế rượu vang*, và *đạo luật về giáo dục* xóa bỏ sự không tín ngưỡng. Khi gây khó khăn cho người Pháp trong việc dùng rượu vang, giai cấp tư sản lại thết họ một cách rộng rãi hơn bằng nước lã của cuộc sống thực tế. Nếu khi lập lại thuế rượu vang, giai cấp tư sản tuyên bố cái chế độ thuế khóa cũ đã bị chán ghét là bất khả xâm phạm, thì đồng thời nó lại ra sức dùng đạo luật về giáo dục để duy trì cái tâm trạng cũ của quần chúng khiến họ cam chịu chế độ thuế khóa đó. Người ta lấy làm ngạc nhiên khi thấy phái Oóc-lê-ăng, bọn tư sản tự do, vốn là những tín đồ cũ của chủ nghĩa Vôn-te và triết học chiết trung, lại phó thác việc cai quản tinh thần của người Pháp cho bọn dòng Tên là những kẻ thù truyền kiếp của những người tư sản. Nhưng, dù hai phe chính thống và Oóc-lê-ăng có bất đồng ý kiến với nhau như thế nào chăng nữa trong vấn đề nên đưa dòng vua nào lên ngai vàng, thì họ cũng đều hiểu rằng sự thống trị chung của họ đòi hỏi phải kết hợp những công cụ áp bức của cả hai thời đại, và cần phải lấy những thủ đoạn nô dịch của thời phục tích để bổ sung và tăng cường cho những thủ đoạn nô dịch của thời Quân chủ tháng Bảy.



Những người nông dân, bị đánh lừa trong tất cả những hy vọng của họ, bị đau khổ hơn bao giờ hết, một mặt, vì giá ngũ cốc thấp, mặt khác vì gánh nặng thuế khóa và nợ nần cầm cố cứ ngày một tăng thêm, nên đã rục rịch nổi dậy ở các tỉnh. Người ta đã trả lời họ bằng cách khủng bố các giáo viên, buộc họ phải phục tùng bọn giáo sĩ, và khủng bố các xã trưởng, buộc họ phải phục tùng các tỉnh trưởng, và cuối cùng bằng cách tổ chức cả một hệ thống mật vụ mà tất cả đều phải phục tùng. Ở Pa-ri và những thành phố lớn, bản thân thế lực phản động cũng mang dấu ấn của thời đại mình, và thách thức nhiều hơn là áp chế. Ở nông thôn, nó trở thành tầm thường, hèn hạ, nhỏ nhặt, nhũng nhiễu và phiền hà, nói tóm lại, đã trở thành tên hiến binh. Dễ hiểu rằng, ba năm dưới một chế độ hiến binh được chế độ giáo sĩ thừa nhận, tất phải làm cho quần chúng chưa trưởng thành bại hoại tinh thần đến thế nào.

Bất chấp tất cả sự hăng say và lời lẽ hoa mỹ mà đảng trật tự đã sử dụng từ trên diễn đàn Quốc hội, để chống lại phe thiểu số, những lời nói của họ vẫn cộc lốc như lời của người theo đạo Cơ Đốc mà lời lẽ phải là mấy tiếng: Có, có, không, không! Cộc lốc cả trên diễn đàn lẫn trên báo chí; vô vị như một trò đánh đố mà người ta đã biết trước lời giải rồi. Bất luận là bàn đến vấn đề quyền thỉnh nguyện hoặc thuế rượu vang, đến tự do báo chí hoặc tự do thương mại, đến những câu lạc bộ hoặc cơ cấu thị chính, đến vấn đề bảo vệ tự do thân thể hoặc vấn đề quy định ngân sách nhà nước, thì bao giờ cũng một khẩu lệnh ấy vang lên, bao giờ cũng một chủ đề, bao giờ cũng vẫn lời phán quyết đã có sẵn và y nguyên không thay đổi ấy: *"Chủ nghĩa xã hội!"*. Cả đến chủ nghĩa tự do tư sản, văn hóa tư sản, sự cải cách tài chính theo kiểu tư sản, cũng đều bị tuyên bố là *chủ nghĩa xã hội*. Làm một con đường sắt ở chỗ đã có sông đào rồi, đó là chủ nghĩa xã hội, dùng một cái gậy để tự vệ khi người ta cầm gươm đâm chém mình, đó cũng là chủ nghĩa xã hội.

Đây không phải chỉ là một câu nói suông, một cái mốt, một sách lược dấu tranh giữa các đảng phái. Giai cấp tư sản đã hiểu

một cách dứng đắn rằng tất cả những vũ khí mà nó đã tạo ra để chống lại chế độ phong kiến, bây giờ đang quay lại chống bản thân nó, tất cả những phương tiện giáo dục mà nó đã tạo nên, bây giờ đang nổi dậy chống ngay nền văn minh của nó, tất cả những vị thần mà nó đã tạo ra bây giờ lại bỏ rơi nó. Giai cấp tư sản hiểu rằng tất cả những cái gọi là tự do công dân và thiết chế tiến bộ đều tấn công và đe dọa *nền thống trị giai cấp* của nó, cả ở cơ sở xã hội của nó lẫn ở thượng tầng chính trị của nó, do đó đã trở thành *"xã hội chủ nghĩa"*. Giai cấp tư sản đã nhìn thấy rất đúng rằng cái bí quyết của chủ nghĩa xã hội là ở trong sự đe dọa và tấn công ấy, nó đánh giá ý nghĩa và xu hướng của chủ nghĩa xã hội đúng hơn cả chính ngay cái gọi là chủ nghĩa xã hội tự đánh giá mình, chủ nghĩa xã hội này không thể nào hiểu nổi tại sao giai cấp tư sản lại cứ khăng khăng quay lưng lại với nó, - không kể là nó than khóc một cách đa sầu đa cảm về những nỗi đau khổ của nhân loại, hay báo trước theo lối đạo Cơ Đốc về triều đại ngàn năm và về thời đại bác ái trên toàn thế giới, hoặc ba hoa theo kiểu nhân văn chủ nghĩa về tinh thần, học vấn và tự do, hoặc giả là bịa đặt ra một cách giáo điều một hệ thống điều hòa và thịnh vượng của tất cả giai cấp trong xã hội. Nhưng điều mà giai cấp tư sản không hiểu nổi, nếu suy luận một cách triệt để, là *cái chế độ đại nghị của bản thân nó, sự thống trị chính trị* của nó, nói chung, giờ đây cũng phải bị lên án chung như là một cái gì đó có tính chất *xã hội chủ nghĩa*. Chừng nào mà sự thống trị của giai cấp tư sản chưa được tổ chức đầy đủ, chưa có được biểu hiện chính trị thuần túy của nó, thì sự đối kháng của cái giai cấp khác chống giai cấp tư sản cũng không thể biểu hiện ra dưới một dạng thuần túy được, và ở chỗ nào mà sự đối kháng ấy biểu hiện ra thì nó cũng không thể mang hình thức một bước ngoặt nguy hiểm trong đó mọi cuộc đấu tranh chống quyền lực nhà nước biến thành một cuộc đấu tranh chống tư bản. Nếu giai cấp tư sản coi mọi biểu hiện của đời sống xã hội là một mối nguy cho sự "yên tĩnh", thì làm sao nó lại có thể muốn duy trì đứng đầu xã hội cái *chế độ không yên tĩnh*, cái chế độ của bản thân



nó, tức là *chế độ đại nghị*, cái chế độ mà theo như lời một diễn giả của giai cấp ấy thì chỉ có sống trong đấu tranh và nhờ có đấu tranh thôi ? Làm sao chế độ đại nghị, sống bằng những cuộc tranh luận, lại có thể cấm tranh luận được? Trong chế độ này, mỗi lợi ích, mỗi thiết chế xã hội đều biến thành một tư tưởng chung, và được luận giải như là một tư tưởng, - vậy thì làm thế nào một lợi ích nào đó, một thiết chế nào đó lại có thể vượt lên trên tư duy và buộc người ta phải tiếp nhận như một tín điều được? Cuộc khẩu chiến trên diễn dàn gây nên những cuộc bút chiến trên báo chí, câu lạc bộ tranh luận ở nghị trường nhất thiết phải được bổ sung bằng những câu lạc bộ tranh luận ở các phòng khách và các quán rượu; các nghị viện, thường xuyên viện đến ý kiến của nhân dân, đang đem lại cho ý kiến của nhân dân cái quyền nói lên ý kiến thực sự của mình trong các thư thỉnh nguyện. Chế độ đại nghị giao tất cả cho đa số quyết định, vậy thì lẽ nào đại đa số quần chúng ở ngoài nghị viện lại không muốn chính mình cũng quyết định? Nếu trên đỉnh cao của nhà nước, người ta chơi vĩ cầm, thì làm sao lại có thể ngạc nhiên khi thấy những người đứng bên dưới nhảy múa?

Như vậy, khi lên án là *"xã hội chủ nghĩa"* những cái trước kia nó ca tụng là *"tự do chủ nghĩa"*, giai cấp tư sản đồng thời cũng công nhận rằng lợi ích riêng của nó đòi hỏi nó phải tránh những nguy cơ của *chế độ tự quản;* rằng muốn lập lại sự yên tĩnh ở trong nước, thì trước hết phải làm cho nghị trường tư sản yên tĩnh đã; rằng muốn duy trì nguyên vẹn quyền lực xã hội của nó thì nó phải đập tan quyền lực chính trị của nó đi; rằng những người tư sản riêng biệt chỉ có thể tiếp tục bóc lột các giai cấp khác và yên hưởng những phúc lợi của tư hữu, gia đình, tôn giáo và trật tự, với điều kiện là giai cấp tư sản, bên cạnh các giai cấp khác, cũng phải ở vào địa vị không có chút quyền lực gì về chính trị; rằng muốn cứu vớt lấy túi bạc của mình thì nó nhất thiết phải vứt bỏ đai vàng mũ ngọc đi, và cái thanh gươm bảo vệ nó đồng thời cũng chẳng khác gì cái thanh gươm Đa-móc-lốp treo lủng lẳng trên đầu nó vậy.

Trong lĩnh vực những lợi ích chung của giai cấp tư sản, Quốc hội đã tỏ ra bất lực đến nỗi như những cuộc tranh luận về vấn đề xây dựng con đường sắt từ Pa-ri đến A-vi-nôn, chẳng hạn, đã bắt đầu từ mùa đông 1850, thế mà mãi đến ngày 2 tháng Chạp 1851 cũng vẫn chưa ngã ngũ. Ở đâu mà Quốc hội không áp bức và không hành động một cách phản động thì nó rơi vào tình trạng bất lực không thể nào chữa được.

Trong khi nội các của Bô-na-pác-tơ một mặt chủ động đặt ra những đạo luật theo tinh thần của đảng trật tự, và mặt khác áp dụng và thi hành những đạo luật ấy một cách khắc nghiệt hơn nữa, thì về phía mình, tổng thống lại mưu toan gây uy tín bằng cách đưa ra những dự thảo phi lý theo kiểu trẻ con, để tỏ ra là hắn đối lập với Quốc hội, và hắn nói bóng nói gió đến một dự trữ bí mật nào đó mà chỉ vì hoàn cảnh còn tạm thời cản trở nên hắn chưa mở ra được cho nhân dân Pháp những kho tàng cất giấu ở trong đó. Ví dụ như Bô-na-pác-tơ đề nghị tăng lương cho hạ sĩ quan thêm bốn xu một ngày, và dự án lập một "ngân hàng cho vay danh dự" cho công nhân. Tiến bố thí và tiền cho vay - đó là cái triển vọng mà Bô-na-pác-tơ dùng để hòng mê hoặc được quần chúng. Biếu và cho vay tiền - đó là tất cả cái nghệ thuật tài chính của giai cấp vô sản lưu manh, bất luận chúng ở địa vị cao quý hay bình thường. Bô-na-pác-tơ chỉ biết sử dụng có những đòn bẩy ấy mà thôi. Chưa bao giờ một kẻ mưu đồ bá vương lại đi đầu cơ một cách tầm thường như thế cái tâm lý tầm thường của quần chúng.

Quốc hội đã nhiều lần nổi điên lên vì những mưu toan lộ liễu của Bô-na-pác-tơ muốn gây uy tín trên lưng Quốc hội, trước cái nguy cơ ngày càng tăng là cái gã phiêu lưu ấy, bị nợ nần thúc bách và chẳng cần giữ tiếng tăm gì, sẽ dám giở một ngón táo tợn nào đó. Sự bất đồng giữa đảng trật tự và tổng thống đã mang một tính chất nguy hiểm, khi ấy một biến cố bất ngờ xảy đến lại buộc tổng thống hối hận ngả vào vòng tay của đảng trật tự. Chúng tôi muốn nói đến *cuộc tuyển cử bổ sung ngày 10 tháng Ba 1850.*



Cuộc tuyển cử này được tiến hành là để thay thế những nghị sĩ đã bị tù hay bị đi đày sau ngày 13 tháng Sáu. Pa-ri chỉ bầu cho những ứng cử viên của đảng dân chủ - xã hội. Thậm chí Pa-ri còn bỏ phiếu nhiều nhất cho Đơ Phlốt, một người đã tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848. Giai cấp tiểu tư sản Pa-ri, liên minh với giai cấp vô sản, đã trả thù lại cuộc thất bại ngày 13 tháng Sáu 1849 như vậy đó. Giai cấp tiểu tư sản dường như chỉ biến đi trong giây lát hiểm nguy khỏi vũ đài đấu tranh chỉ để rồi xuất hiện trở lại vào thời cơ thuận lợi, với những lực lượng chiến đấu đông hơn, và với một khẩu hiệu táo bạo hơn. Một tình hình nữa dường như làm cho thắng lợi của cuộc tuyển cử này càng thêm nguy hiểm; ở Pa-ri, quân đội bỏ phiếu cho một người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, mà không bỏ cho La Ít-tơ, một trong những bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ và ở các tỉnh, đa số quân đội đã bỏ phiếu cho phái Núi, phái này cũng đã thắng các địch thủ của họ cả ở đây nữa, mặc dù là không phải với một ưu thế quyết định như ở Pa-ri.

Bô-na-pác-tơ bỗng nhiên thấy mình mặt đối mặt với cách mạng. Ngày 10 tháng Ba 1850, - cũng như trước kia, ngày 29 tháng Giêng 1849 và ngày 13 tháng Sáu 1849 - hắn lại nấp sau lưng đảng trật tự. Hắn cúi mình khúm núm xin lỗi, tỏ ra sẵn sàng cử bất cứ nội các nào theo lệnh của đa số trong Quốc hội; thậm chí hắn còn van lơn bọn cầm đầu các phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng như bọn Chi-e, Be-ri-ê, Brôi, Mô-lê, tóm lại là những kẻ gọi là các tướng giữ thành[70], cầu khẩn chúng tự mình cầm lấy tay lái của con thuyền quốc gia. Đảng trật tự đã không biết nắm lấy cơ hội ngàn năm có một ấy. Chẳng những họ không biết mạnh dạn nắm lấy chính quyền mà người ta đã dâng cho họ, mà thậm chí cũng không biết buộc Bô-na-pác-tơ phải phục hồi cái nội các mà hắn đã bãi bỏ ngày 1 tháng Mười một; họ tự thỏa mãn với việc làm nhục Bô-na-pác-tơ bằng cách xá lỗi cho hắn và đưa ông *Ba-rô-sơ* vào nội các đỨ-pu-lơ. Chính ngài Ba-rô-sơ này, trước kia với tư cách là ủy viên công tố trong Pháp viện tối cao ở Buốc-giơ,

đã thẳng tay buộc tội, lần thứ nhất, những người cách mạng trong sự biến ngày 15 tháng Năm, và lần thứ hai, những người dân chủ trong sự biến ngày 13 tháng Sáu; cả hai lần, hắn đều buộc những người đó vào tội mưu hại Quốc hội. Ấy thế mà về sau này, không một bộ trưởng nào trong nội các của Bô-na-pác-tơ lại làm nhục Quốc hội hơn là Ba-rô-sơ, và, sau ngày 2 tháng Chạp 1851, chúng ta lại thấy tên ấy giữ cái chức vị cao và được trả lương hậu là chức vị phó chủ tịch thượng nghị viện. Ba-rô-sơ đã nhổ vào món xúp của những người cách mạng để cho Bô-na-pác-tơ có thể ăn món xúp đó.

Về phía đảng dân chủ - xã hội thì hình như họ chỉ tìm cơ hội để đem sự thắng lợi của họ ra đánh bài may rủi và làm giảm giá trị cuộc thắng lợi ấy. Vi-đan, một trong những nghị sĩ Pa-ri mới trúng cử, đồng thời cũng trúng cử ở Stơ-ra-xbua. Đảng này thuyết phục Vi-đan khước từ việc trúng cử ở Pa-ri để tiếp nhận việc trúng cử ở Stơ-ra-xbua. Như vậy, đáng lẽ phải làm cho thắng lợi của mình trong cuộc bầu cử có một tính chất quyết định và, do đó, buộc đảng trật tự phải tức khắc đấu tranh với mình trong nghị viện, đáng lẽ phải buộc địch thủ của mình phải giao chiến với mình trong lúc nhân dân đang đầy phấn khởi và tinh thần trong quân đội đang thuận lợi, thì đảng dân chủ lại làm cho nhân dân Pa-ri một mỏi vì một cuộc vận động tranh cử mới suốt trong tháng Ba và tháng Tư; nó đã để cho nhiệt tình đã được kích thích của nhân dân bị khô kiệt đi trong tấn trò tranh cử mới nhất thời đó đã làm cho nghị lực cách mạng bị dập tắt đi bởi những thành tựu hợp hiến, đã lãng phí nó vào những âm mưu nhỏ nhặt, vào những lời tuyên bố rỗng tuếch và vào một phong trào hư ảo; nó đã để cho giai cấp tư sản có thời giờ hồi tỉnh lại, và tìm cách đối phó; cuối cùng, nó đã làm giảm ý nghĩa của cuộc tuyển cử tháng Ba bằng sự bình luận đa cảm của cuộc tuyển cử bổ sung hồi tháng Tư, bằng việc bầu cho Ô-gien Xuy. Nói tóm lại, đảng dân chủ đã chơi cho ngày 10 tháng Ba một vố đánh lừa như trong tiết mồng một tháng Tư.



Phe-đa số ở Quốc hội đã biết rõ chỗ yếu của đối phương. Mười bảy vị tướng giữ thành của đảng trật tự - vì Bô-na-pác-tơ đã cho phép đảng này chỉ huy và chịu trách nhiệm về cuộc tấn công - liền thảo ra một đạo luật tuyển cử mới, và giao cho ông Phô-sê - người muốn được cái vinh dự này - đưa ra trước Quốc hội. Ngày 8 tháng Năm, hắn đệ trình dự luật bãi bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông, đòi cử tri phải cư trú đủ ba năm nơi bầu cử, hơn nữa lại đặt việc xác nhận thời gian cư trú của công nhân tùy thuộc vào giấy chứng nhận của những người chủ của họ.

Trong cuộc tranh cử theo khuôn khổ hiến pháp, đảng dân chủ càng xao xuyến và sôi sục cách mạng bao nhiêu, thì bây giờ đây, khi cần phải cầm vũ khí trong tay để chứng minh ý nghĩa trọng đại của thắng lợi của họ trong cuộc tuyển cử, họ lại tuyên truyền một cách hợp hiến bấy nhiêu cho trật tự, cho sự bình tĩnh trang nghiêm (calme majestueux), cho phương thức hành động hợp pháp, nghĩa là cho việc nhằm mắt phục tùng ý chí của bọn phản cách mạng đang tự gọi mình là pháp luật. Trong các cuộc tranh luận, phái Núi đã làm cho đảng trật tự phải xấu hổ bằng cách đem thái độ vô tư của một tiểu thị dân trung thực trên miếng đất luật pháp để đối lập lại với thái độ hăng say cách mạng của đảng trật tự, và đánh cho đảng đó một đòn thí mạng bằng cách trách cứ nó một cách đáng sợ là đã hành động theo kiểu cách mạng. Cả đến những nghị sĩ mới trúng cử cũng hết sức giữ một thái độ lịch sự và biết điều để chứng tỏ rằng thật là bất công biết bao nếu bêu giếu họ là những phần tử vô chính phủ và coi việc họ được tái cử vào Quốc hội là một thắng lợi của cách mạng. Ngày 31 tháng Năm, dự luật mới về chế độ tuyển cử được thông qua. Phái Núi tự thỏa mãn với việc lén lút nhét một bản kháng nghị vào túi áo chủ tịch Quốc hội. Tiếp theo đạo luật về chế độ tuyển cử, là một đạo luật mới về báo chí, thủ tiêu hoàn toàn mọi báo chí cách mạng[71]. Báo chí cách mạng thực đã đáng kiếp. Sau nạn hồng thủy này, còn lại hai tờ báo tư sản "National" và "Presse"[72] với tư cách là những tiền đồn xa nhất của cách mạng.

Chúng ta đã thấy, hồi tháng Ba và tháng Tư, các thủ lĩnh phái dân chủ đã làm tất cả để đưa nhân dân Pa-ri vào một cuộc đấu tranh giả tưởng cũng giống như sau ngày 8 tháng Năm họ đã làm tất cả để giữ không cho nhân dân Pa-ri đấu tranh thật sự. Hơn nữa, cũng không nên quên rằng năm 1850 là thời kỳ phồn vinh nhất về công nghiệp và thương nghiệp, vì thế giai cấp vô sản Pa-ri đã có việc làm đầy đủ. Nhưng đạo luật tuyển cử ngày 31 tháng Năm 1850 đã gạt giai cấp vô sản ra khỏi việc tham gia chính quyền. Thậm chí nó còn ngăn không để cho giai cấp vô sản đến trường đấu tranh. Đạo luật ấy đẩy lùi công nhân trở lại cái địa vị những người cùng khổ mà họ đã ở vào trước cuộc cách mạng tháng Hai. Đứng trước một sự kiện như vậy, khi tự để cho các lãnh tụ dân chủ điều khiển mình, và quên mất lợi ích cách mạng của giai cấp mình vì một phúc lợi nhất thời, công nhân đã khước từ cái vinh dự là một lực lượng chinh phục, họ đã chịu khuất phục số mệnh, đã chứng tỏ rằng cuộc thất bại hồi tháng Sáu 1848 đã làm cho họ mất khả năng chiến đấu trong nhiều năm, và tiến trình lịch sử trong thời gian tới một lần nữa lại phải *vượt qua* đầu họ mà tiếp tục tiến lên. Còn về phần phái dân chủ tiểu tư sản, những người đã kêu lên trong ngày 13 tháng Sáu: "Hãy cứ thử động đến chế độ đầu phiếu phổ thông xem, hãy cứ động đến xem!", thì bây giờ họ lại tự an ủi rằng miếng đòn mà bọn phản cách mạng đã đánh vào họ hoàn toàn không phải là một miếng đòn, và đạo luật ngày 31 tháng Năm hoàn toàn không phải là một đạo luật. Ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852, mỗi người dân Pháp sẽ đi đến nơi bỏ phiếu, một tay cầm lá phiếu, một tay cầm gươm. Phái dân chủ đã tự an ủi mình bằng lời tiên tri ấy. Sau hết, quân đội cũng bị cấp trên của họ trừng trị vì cuộc tuyển cử hồi tháng Ba và tháng Tư 1850, cũng như họ đã bị trừng trị vì những cuộc tuyển cử ngày 28 tháng Năm 1849. Nhưng lần này, quân đội dứt khoát tự bảo mình rằng: "Cách mạng sẽ không lừa dối chúng ta lần thứ ba nữa đâu!"

Đạo luật ngày 31 tháng Năm 1850 là một coup d'état của giai cấp tư sản. Tất cả những thắng lợi trước kia của giai cấp tư sản



đối với cách mạng chỉ có một tính chất tạm thời. Những thắng lợi ấy trở thành đáng nghi vấn, mỗi lần Quốc hội hiện tại bước ra khỏi diễn đài. Những thắng lợi ấy đều tùy thuộc ở những sự ngẫu nhiên của các cuộc tổng tuyển cử mới, và lịch sử những cuộc tuyển cử, từ năm 1848, đã chứng minh một cách không thể chối cãi được rằng sự thống trị thực tế của giai cấp tư sản càng củng cố bao nhiêu thì sự thống trị tinh thần của giai cấp này đối với quần chúng nhân dân lại càng giảm sút bấy nhiêu. Quyền đầu phiếu phổ thông ngày 10 tháng Ba đã biểu thị thái độ trực tiếp chống lại sự thống trị của giai cấp tư sản, - giai cấp tư sản bèn trả lời lại bằng cách xóa bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông. Do đó, đạo luật ngày 31 tháng Năm là một trong những biểu hiện tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp. Mặt khác, hiến pháp đã quy định rằng, muốn cho cuộc bầu cử tổng thống nước Cộng hòa được công nhận là có giá trị, thì tối thiểu phải có được 2 triệu phiếu. Trong trường hợp không có ai trong những người ứng cử tổng thống có đủ số phiếu tối thiểu ấy, thì Quốc hội được quyền lựa chọn một trong năm người được nhiều phiếu nhất làm tổng thống. Vào lúc Quốc hội lập hiến đưa ra đạo luật ấy, thì có 10 triệu người được ghi tên trong các danh sách cử tri. Do đó, theo tinh thần của đạo luật ấy chỉ cần một phần năm tổng số những người được quyền bỏ phiếu cho cũng đủ khiến việc bầu cử tổng thống có giá trị. Đạo luật ngày 31 tháng Năm đã gạt bỏ ít nhất là 3 triệu cử tri khỏi danh sách bầu cử, đã thu hẹp con số cử tri lại còn 7 triệu người, nhưng vẫn giữ con số tối thiểu hợp pháp là 2 triệu lá phiếu đối với việc bầu cử tổng thống. Như vậy, đạo luật ấy đã tăng con số tối thiểu hợp pháp từ một phần năm tổng số phiếu lên gần một phần ba tổng số phiếu, nghĩa là nó làm đủ mọi cách để lén lút chuyển việc bầu cử tổng thống từ tay nhân dân vào tay Quốc hội. Do vậy, đảng trật tự dường như đã nhờ đạo luật tuyển cử ngày 31 tháng Năm mà đã củng cố sự thống trị của mình được thêm gấp đôi, bằng cách giao phó việc tuyển cử Quốc hội và tuyển cử tổng thống nước cộng hòa cho bộ phận bảo thủ trong xã hội.

## V

Khi cuộc khủng hoảng cách mạng đã qua và chế độ đầu phiếu phổ thông đã bị bãi bỏ thì cuộc đấu tranh giữa Quốc hội và Bô-na-pác-tơ lại tiếp diễn ngay.

Hiến pháp đã ấn định số lương bổng của Bô-na-pác-tơ là 600000 phrăng. Sau khi giữ chức tổng thống chưa đầy sáu tháng, Bô-na-pác-tơ đã làm cho số tiền ấy tăng lên gấp đôi. Thực vậy, Ô-đi-lông Ba-rô đã bắt Quốc hội lập hiến phụ cấp thêm một số tiền hàng năm 600000 phrăng cho cái gọi là những chi phí tiếp tân. Sau ngày 13 tháng Sáu, Bô-na-pác-tơ lại đưa ra những yêu cầu như thế nữa, nhưng lần này Ba-rô không đồng tình. Giờ đây, sau ngày 31 tháng Năm, hắn lập tức lợi dụng cơ hội thuận lợi và ra lệnh cho các bộ trưởng của hắn đề nghị với Quốc hội chuẩn y số tiền lương 3 triệu phrăng trong một năm. Cuộc đời lang bạt lâu ngày của một kẻ phiêu lưu đã tạo ra cho hắn cái tài đánh hơi cực kỳ nhạy bén, khiến hắn có thể chớp được những thời điểm gay go để moi tiền của những tay tư sản. Hắn đã làm công việc tống tiền một cách hợp lệ. Quốc hội với sự giúp sức và đồng lõa của hắn đã xúc phạm đến chủ quyền của nhân dân. Hắn dọa sẽ tố giác tội ác đó trước tòa án nhân dân nếu Quốc hội không chịu mở túi tiền ra và mua lấy sự làm thinh của hắn bằng số tiền 3 triệu hàng năm. Quốc hội đã tước quyền bầu cử của 3 triệu người Pháp. Cứ mỗi người



Pháp bị mất giá trị về mặt chính trị, Bô-na-pác-tơ lại đòi phải trả một phrăng có đầy đủ giá trị, như vậy là vừa đúng 3 triệu phrăng. Hắn là người được 6 triệu nhân dân bầu lên, hắn đòi số tiền thưởng về những lá phiếu mà về sau người ta đã đánh cắp của hắn. Ủy ban thường trực Quốc hội đã khước từ con người hay quấy rầy ấy. Báo chí của phe Bô-na-pác-tơ liền đe dọa. Liệu Quốc hội có thể đoạn tuyệt với tổng thống nước cộng hòa được chăng, một khi chính Quốc hội đã đoạn tuyệt một cách cơ bản và dứt khoát với quần chúng trong nước? Quả thật là Quốc hội đã bác số lương bổng hàng năm, nhưng lại chuẩn y một số tiền phụ cấp một lần thôi là 2160000 phrăng. Như thế là Quốc hội đã phạm tội hai lần nhu nhược: một mặt đã đồng ý cấp tiền, và mặt khác bằng thái độ bực bội của mình, Quốc hội đã tỏ ra là chỉ đồng ý một cách bất đắc dĩ. Sau này, chúng ta sẽ biết Bô-na-pác-tô cần dùng số tiền kia để làm gì. Sau cái kết cục khó chịu đó, diễn ra ngay sau việc bãi bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông và trong đó Bô-na-pác-tơ đã thay cái thái độ quỵ lụy của hắn trong thời gian cuộc khủng hoảng hồi tháng Ba và tháng Tư bằng một thái độ thách thức ngạo mạn đối với nghị viện tiếm quyền, thì Quốc hội nghỉ họp 3 tháng, từ ngày 11 tháng Tám đến ngày 11 tháng Mười một. Quốc hội cử một ban thường trực để làm việc thay cho mình gồm 28 ủy viên, trong đó không có một người nào của cánh Bô-na-pác-tơ, nhưng lại có một số người thuộc phái cộng hòa ôn hòa. Ban thường trực Quốc hội năm 1849 chỉ gồm toàn những người của đảng trật tự và của cánh Bô-na-pác-tơ. Nhưng hồi đó, đảng trật tự tuyên bố thường xuyên chống lại cách mạng. Lần này thì chính cái chế độ cộng hòa đại nghị lại tuyên bố thường xuyên chống lại tổng thống. Sau khi đạo luật ngày 31 tháng Năm đã ban hành, đảng trật tự chỉ còn đương đầu với địch thủ duy nhất ấy nữa thôi.

Khi Quốc hội lại họp trở lại vào tháng Mười một 1850, thì thay cho những cuộc va chạm nhỏ trước kia giữa Quốc hội và tổng thống, giờ đây hình như không thể tránh khỏi một cuộc ác chiến, một cuộc đấu tranh một mất một còn giữa hai thế lực ấy.

Cũng như năm 1849, trong vụ nghỉ của nghị viện năm nay, đảng trật tự lại chia thành từng nhóm khác nhau, mỗi nhóm đều âm mưu lập lại dòng vua của mình, - những âm mưu đó lại có được một miếng đất nuôi dưỡng mới nhân cái chết của Lu-i - Phi-líp. Tên vua của phái chính thống, Hăng-ri V, thậm chí còn thành lập một nội các hẳn hoi đóng tại Pa-ri, trong đó có cả những ủy viên của ủy ban thường trực Quốc hội tham gia. Vì vậy, về phía mình, Bô-na-pác-tơ cũng có quyền tổ chức những cuộc đi kinh lý các tỉnh nước Pháp, và tùy theo tâm trạng dân chúng trong những thành phố được vinh dự đón tiếp hắn, khi thì kín đáo, khi thì công khai, thổ lộ kế hoạch phục tích của hắn và tranh thủ các lá phiếu cho bản thân. Trong những cuộc đi kinh lý như thế, - những cuộc kinh lý mà lẽ dĩ nhiên tờ báo lớn chính thức, tờ "Moniteur"[73], và những tờ báo nhỏ riêng của Bô-na-pác-tơ đã ca tụng như những cuộc diễu hành thắng lợi, - Bô-na-pác-tơ đã luôn luôn được bọn hội viên *Hội ngày 10 tháng Chạp* cùng đi theo. Hội này được thành lập năm 1849. Lấy cớ lập một hội từ thiện, người ta đã tổ chức bọn vô sản lưu manh ở Pa-ri thành những nhóm bí mật, mỗi nhóm do một tên tay sai của Bô-na-pác-tơ lãnh đạo, còn đứng đầu toàn hội đó là một viên tướng thuộc phái Bô-na-pác-tơ. Trong hội đó, bên cạnh những bọn ăn chơi đã sạt nghiệp, với nguồn sinh sống mập mờ và lai lịch cũng khả nghi, bên cạnh những tay du thủ du thực trong số những cặn bã thối nát của giai cấp tư sản, người ta thấy có những tên du đãng, những lính tráng bị thải hồi, những tù hình sự được tha, tù khổ sai vượt ngục, những tên bịp bợm, những tên hề, những lát-xa-rô-ni, những tên móc túi, những tên làm trò ảo thuật, những tay cờ bạc, những tên ma cô, những tên trùm nhà thổ, những phu khuân vác, những bọn bồi bút, những kẻ quay dàn hộp rong, những kẻ đi nhặt giẻ rách, những người mài dao kéo, những người hàn nồi, những người ăn mày, - nói tóm lại, là tất cả cái đám người vô định, ô hợp, bị hoàn cảnh xô đẩy từ chỗ này qua chỗ kia, mà người Pháp gọi là la bohème[1*]. Bằng những phần tử gần gũi với hắn như thế, Bô-na-pác-tơ đã tạo nên cái bộ phận trung kiên của Hội ngày 10 tháng Chạp, tức là "Hội từ thiện" bởi vì tất cả các hội viên, cũng hệt như Bô-na-pác-tơ, đều cảm thấy nhu cầu phải thỏa mãn bản thân bằng cách sống dựa trên lưng quần chúng lao động trong nước. Cái gã Bô-na-pác-tơ trở thành *kẻ đứng đầu giai cấp vô sản lưu manh*, chỉ trong giai cấp đó mới tìm thấy, dưới một hình thức đông đảo, những lợi ích mà chính bản thân hắn hằng theo đuổi; cái gã coi chính cái đám rác rưởi ấy, cái cặn bã ấy, của tất cả mọi giai cấp xã hội, là giai cấp duy nhất mà hắn có thể hoàn toàn dựa vào được, - chính gã đó mới là Bô-na-pác-tơ thật sự, Bô-na-pác-tơ sans phrase[2*].



Là một tên phóng đãng già bất trị, hắn coi cuộc sống lịch sử của các dân tộc và tất cả những tấn kịch của nó như là một tấn hài kịch theo cái nghĩa tầm thường nhất của danh từ này, như một vũ hội hóa trang, trong đó những bộ quần áo lộng lẫy, những câu nói, những cử chỉ chỉ dùng để che giấu những hành vi đê tiện nhất mà thôi. Ví dụ, trong cuộc đi của hắn đến Stơ-ra-xbua, con diều hâu Thụy Sĩ thuần dưỡng đã đóng vai con phượng hoàng Na-pô-lê-ông. Khi hắn đổ bộ lên Bu-lông, hắn đã cho mấy tên đầy tớ người Luân Đôn mặc binh phục Pháp, để đóng vai quân đội[74]. Trong cái Hội ngày 10 tháng Chạp của hắn, Bô-na-pác-tơ đã tập hợp được 10000 tên du thủ du thực, để đóng vai nhân dân, hệt như anh chàng thợ dệt O-xnô-va[75] định đóng vai sư tử vậy. Giữa lúc mà chính ngay giai cấp tư sản đang đóng một tấn hài kịch thuần túy, nhưng đóng một cách nghiêm chỉnh nhất, không vi phạm một quy tắc nào trong những quy tắc rườm đời nhất của kịch trường Pháp, giữa lúc mà bản thân giai cấp tư sản đang nửa bị lừa gạt, nửa bị thuyết phục bởi sự trịnh trọng trang nghiêm của những trò đóng kịch của họ, - giữa lúc như thế, thì đương nhiên

1* - dân lang thang, lưu đãng
2* - chính cống.

là tên phiêu lưu ấy phải thắng họ, vì hắn coi hài kịch hoàn toàn chỉ là hài kịch thôi. Chỉ sau khi hắn đã thanh toán được kẻ địch trịnh trọng của hắn, khi đến lượt mình hắn coi cái vai trò hoàng đế của hắn là một việc nghiêm chỉnh và tưởng rằng mình là Na-pô-lê-ông thật dưới cái mặt nạ Na-pô-lê-ông, - thì lúc đó chính hắn mới trở thành nạn nhân của thế giới quan của hắn, trở thành anh chàng hề nghiêm nghị không còn coi lịch sử toàn thế giới là một tấn hài kịch nữa, mà lại coi chính tấn hài kịch của hắn là lịch sử toàn thế giới. Những công xưởng quốc gia trước kia có ý nghĩa như thế nào đối với những công nhân xã hội chủ nghĩa, đội cận vệ cơ động trước kia có ý nghĩa như thế nào đối với bọn cộng hòa tư sản thì Hội ngày 10 tháng Chạp, lực lượng chiến đấu có tính chất đảng phái, riêng của Bô-na-pác-tơ, cũng có ý nghĩa như thế ấy đối với hắn. Trong những cuộc kinh lý của hắn, những hội viên của tổ chức đó được bố trí thành từng nhóm tại các ga xe lửa, phải đóng vai quần chúng không chuẩn bị từ trước, biểu hiện nhiệt tình của nhân dân, hò hét: "Vive l'Empereur!"[1*], sỉ nhục và đánh đập những người cộng hòa - dĩ nhiên là với sự che chở của cảnh sát.

Khi Bô-na-pác-tơ trở về Pa-ri, đám hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp lại có trách nhiệm làm đội tiền vệ, ngăn chặn hoặc giải tán những cuộc biểu tình thù địch. Hội ngày 10 tháng Chạp là của riêng của Bô-na-pác-tơ, là tác phẩm *của hắn*, là tư tưởng thật sự của hắn. Còn trong tất cả những cái khác thì những cái mà Bô-na-pác-tơ chiếm đoạt được đều là nhờ hoàn cảnh đưa đến cho hắn, những cái mà hắn làm được đều là nhờ hoàn cảnh làm hộ cho hắn, hoặc giả hắn chỉ làm cái việc là rập theo hành động của người khác mà thôi. Nhưng công khai tung ra trước bọn tư sản những câu nói chính thức về trật tự, tôn giáo, gia đình, sở hữu, và bí mật dựa vào cái hội của những tên Su-phtc-lơ và Spi-ghen-béc-gơ[76], vào cái hội của sự vô trật tự, đĩ điếm và trộm

1* - "Hoàng đế muôn năm!"



cắp, - thì ở đây Bô-na-pác-tơ là một kẻ độc đáo, và lịch sử của Hội ngày 10 tháng Chạp là lịch sử của chính hắn ta. Thậm chí đã có lần xảy ra một trường hợp đặc biệt: một số nghị sĩ của đảng trật tự được nếm gậy của những hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp. Hơn thế nữa, viên cảnh sát trưởng I-ông, người được ủy nhiệm bảo vệ sự an ninh của Quốc hội, đã căn cứ theo lời khai của một tên A-le nào đấy mà báo cáo với ủy ban thường trực Quốc hội rằng một chi hội của Hội ngày 10 tháng Chạp đã quyết định ám sát tướng Săng-gác-ni-ê và Đuy-panh, chủ tịch Quốc hội, và đã chỉ định những người để thi hành quyết định ấy. Có thể hình dung ông Đuy-panh đã hoảng sợ đến mức nào. Một cuộc điều tra của Quốc hội về Hội ngày 10 tháng Chạp, tức là việc vạch trần cái thế giới bí mật của Bô-na-pác-tơ, dường như không tránh khỏi. Lập tức ngay trước khi Quốc hội họp, Bô-na-pác-tơ liền thận trọng giải tán cái hội của hắn đi, nhưng cố nhiên là chỉ giải tán trên giấy tờ, vì mãi cho đến cuối năm 1851, viên cảnh sát trưởng Các-li-ê trong một bản báo cáo tỉ mỉ, vẫn còn ra sức - nhưng vô hiệu - khuyên Bô-na-pác-tơ giải tán thực sự cái hội ấy đi.

Hội ngày 10 tháng Chạp vẫn cứ là đội quân riêng của Bô-na-pác-tơ cho mãi đến khi hắn biến được quân đội quốc gia thành Hội ngày 10 tháng Chạp. Bô-na-pác-tơ thực hiện mưu toan đầu tiên theo hướng ấy sau khi Quốc hội vừa nghỉ được ít lâu, hơn nữa là bằng số tiền vừa bóp nặn được chính ngay của Quốc hội. Là một kẻ tin vào định mệnh, hắn cho rằng có những sức mạnh tối cao nào đó mà con người, nhất là người lính, không thể nào chống cự lại được. Trong số những sức mạnh tối cao ấy, cái mà hắn xếp vào hàng đầu là xì gà và rượu sâm banh, thịt gia cầm nguội, và xúc xích ướp tỏi. Bởi thế cho nên hắn khởi sự bằng cách đãi các sĩ quan và hạ sĩ quan các món thịt gia cầm nguội, và xúc xích ướp tỏi tại các phòng khách của điện Ê-li-dê. Ngày 3 tháng Mười, hắn giở lại cái trò ấy đối với quân đội trong cuộc duyệt binh ở Xanh - Mô-rê, và ngày 10 tháng Mười, trong cuộc duyệt binh ở Xa-tô-ri, hắn lại giở cái trò ấy ra một lần nữa với một quy mô còn rộng

lớn hơn. Trước kia người bác nhớ đến những cuộc hành quân của A-lếch-xan-đrơ ở châu Á, thì nay người cháu lại nhớ đến những cuộc chinh phạt Va-cu-xơ cũng ở đất nước ấy. Nhưng thật ra A-lếch-xan-đrơ chỉ là một á thần, chứ Va-cu-xơ lại là một vị thần chính cống và, hơn thế nữa, là vị thần bảo hộ Hội ngày 10 tháng Chạp.

Sau cuộc duyệt binh ngày 3 tháng Mười, ủy ban thường trực Quốc hội triệu tập Bộ trưởng chiến tranh đ'Ô-pu-lơ đến để chất vấn. Đ'Ô-pu-lơ hứa rằng những việc vi phạm kỷ luật như thế sẽ không xảy ra nữa. Mọi người đều biết là trong ngày 10 tháng Mười, Bô-na-pác-tơ đã giữ lời hứa của đ'Ô-pu-lơ như thế nào. Tướng Săng-gác-ni-ê, với tư cánh là tổng tư lệnh quân đội Pa-ri đã chỉ huy hai cuộc duyệt binh nói trên. Vừa là một ủy viên trong ủy ban thường trực Quốc hội, vừa là tư lệnh đội cận vệ quốc gia, là vị "cứu tinh" của ngày 29 tháng Giêng và 13 tháng Sáu, là "thành trì của xã hội", là người của đảng trật tự đưa ra ứng cử tổng thống, được coi là tướng Môn-cơ của hai triều đại quân chủ, Săng-gác-ni-ê từ trước tới nay chưa bao giờ thừa nhận là mình phải phục tùng Bộ trưởng chiến tranh, hắn luôn luôn ra mặt chế giễu hiến pháp cộng hoà và theo dõi Bô-na-pác-tơ với một thái độ bảo hộ kiêu ngạo và mập mờ nước đôi. Thế mà bấy giờ Săng-gác-ni-ê bỗng nhiệt tình bảo vệ kỷ luật chống lại Bộ trưởng chiến tranh, và bảo vệ hiến pháp chống lại Bô-na-pác-tơ. Ngày 10 tháng Mười, khi một đơn vị kỵ binh hô lên: "Vive Napoléon! Vivent les saucissons!"[1*], thì Săng-gác-ni-ê đã ra lệnh khiển cho ít ra là số bộ binh đang diễu hành dưới quyền chỉ huy của bạn mình là tướng Nơ-may-ơ, cũng phải im lặng như tờ. Để trừng phạt tướng Nơ-may-ơ, Bộ trưởng chiến tranh, theo lời xui giục của Bô-na-pác-tơ, đã cách chức của Nơ-may-ơ ở Pa-ri, lấy cớ là giao cho y việc chỉ huy sư đoàn 14 và sư đoàn 15. Nơ-may-ơ không chịu nhận sự thuyên chuyển ấy và do đó, đã buộc phải từ chức. Về phần Săng-gác-ni-ê

1* - "Na-pô-lê-ông muôn năm! Xúc-xích muôn năm!"



thì, ngày 2 tháng Mười một, hắn đã công bố một bản nhật lệnh cấm quân đội khi đứng trong hàng ngũ thì không được la ó và biểu tình chính trị. Các báo ủng hộ Ê-li-dê[77] liền công kích Săng-gác-ni-ê, các báo thuộc đảng trật tự lại công kích Bô-na-pác-tơ, ủy ban thường trực Quốc hội mở hết phiên họp kín này đến phiên họp kín khác, trong đó người ta đã nhiều lần đề nghị tuyên bố Tổ quốc lâm nguy; quân đội hình như chia thành hai phe đối địch nhau , với hai bộ tham mưu đối địch, một bộ tham mưu đóng ở điện Ê-li-dê là nơi ở của Bô-na-pác-tơ, còn bộ tham mưu khác thì đóng ở điện Tuyn-lơ-ri là nơi ở của Săng-gác-ni-ê. Hình như người ta chỉ còn chờ Quốc hội họp là ra hiệu lệnh chiến đấu. Công chúng Pháp đã đánh giá những sự va chạm giữa Bô-na-pác-tơ và Săng-gác-ni-ê giống như một ký giả Anh kia đã nhận định tính chất của những cuộc va chạm ấy như sau:

"Các con sen chính trị của nước Pháp dùng chổi cùn để quét phún thạch nóng bỏng của cách mạng, và cái lộn nhau om sòm trong khi làm công việc ấy".

Trong thời gian đó, Bô-na-pác-tơ vội vàng cách chức Bộ trưởng chiến tranh đ'Ô-pu-lơ và phái ngay đ'Ô-pu-lơ sang An-giê-ri, đồng thời cử tướng Sram giữ chức Bộ trưởng chiến tranh thay đ'Ô-pu-lơ. Ngày 12 tháng Mười một, Bô-na-pác-tơ gửi cho Quốc hội một bức thông điệp trường giang đại hải theo kiểu Mỹ, đầy những chuyện lật vặt, sặc mùi trật tự, khao khát điều hòa, ngoan ngoãn phục tùng hiến pháp, bàn đến tất cả mọi việc chỉ trừ những questions brulantes[1*] trước mắt. Trong bức thông điệp ấy, hắn tựa hồ nhân tiện mà nhận xét rằng, theo quy định rõ ràng của hiến pháp, thì chỉ một mình tổng thống là có quyền sử dụng quân đội. Bản thông điệp kết thúc bằng những lời tuyên bố trịnh trọng như sau:

*"Nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh... Riêng một mình ràng buộc bởi lời tuyên thệ, tôi sẽ giữ đúng giới hạn chật hẹp mà lời tuyên thệ đã vạch cho tôi...* Về phần tôi, được nhân dân bầu lên, và chỉ nhờ nhân dân tôi mới có quyền hành, tôi sẽ luôn luôn phục tùng ý chí của nhân dân biểu thị một cách hợp pháp. Nếu trong phiên họp này, quý ngài định

1* - những vấn đề nóng hổi

xét lại hiến pháp, thì một Quốc hội lập hiến sẽ được triệu tập để quy định vị trí của quyền hành pháp. Nếu không thì năm 1852, nhân dân sẽ trịnh trọng công bố quyết định của mình. Nhưng dù cho tương lai sẽ định đoạt như thế nào chăng nữa, chúng ta cũng hãy cứ đồng tâm nhất trí với nhau để đừng bao giờ lòng hăng say, sự bất ngờ hay bạo lực quyết định vận mệnh một dân tộc lớn... Điều khiển cho tôi quan tâm trước tiên, không phải là vấn đề ai sẽ lên cầm quyền ở Pháp năm 1852, mà là vấn đề dùng cái thời gian mà tôi chi phối được để làm cho từ nay tới đó sẽ không xảy ra một sự náo động và rối loạn nào. Tôi đã chân thành tỏ bày tâm sự với quý ngài, mong rằng quý ngài sẽ đáp lại sự chân thành của tôi bằng tấm lòng tin cậy của quý ngài, đáp lại thiện ý của tôi bằng sự hợp tác của quý ngài, còn thì sẽ do Thượng đế định đoạt".

Lời lẽ lương thiện, ôn hòa giả dối, đầy những sáo ngữ nhân từ của giai cấp tư sản, đã bộc lộ cái ý nghĩa hết sức sâu xa của nó trong cửa miệng của tên vua chuyên chế đó của Hội ngày 10 tháng Chạp, và của vị anh hùng của các cuộc cắm trại ở Xanh - Mô-re và Xa-tô-ri.

Các tướng giữ thành của đảng trật tự không một phút nào lầm lẫn về việc những lời giải bày tâm sự ấy đáng tin đến mức nào. Từ lâu họ đã chán tai với những lời thề thốt rồi, vì trong bọn họ có những tay kỳ cựu, tài hoa về nghề phản bội lời thề chính trị, còn những lời lẽ nói về quân đội cũng không lọt khỏi sự chú ý của bọn họ. Họ lấy làm phấn nộ nhận thấy bức thông điệp kể lể dài dòng những đạo luật vừa mới ban hành, nhưng lại cố tình làm ngơ không đả động đến đạo luật quan trọng nhất, tức là đạo luật bầu cử; hơn thế nữa: trong trường hợp không có việc xét lại hiến pháp, đạo luật ấy lại trao cho nhân dân quyền bầu cử tổng thống trong năm 1852. Luật bầu cử là một quả tạ nặng đeo vào chân đảng trật tự, cản trở bước đi của nó, và lại càng cản trở nó trong các trận xung kích! Thêm nữa, khi chính thức giải tán Hội ngày 10 tháng Chạp và cách chức Bộ trưởng chiến tranh của d'Ô-pu-lơ, Bô-na-pác-tơ cũng đã tự tay dâng những con vật tế thần lên bàn thờ tổ quốc. Hắn đã xóa bỏ điểm gay cấn nhất trong cuộc xung đột sẽ bùng nổ. Sau hết, chính ngay đảng trật tự cũng nhút nhát, tìm cách tránh né, giảm nhẹ, dập tắt mọi cuộc xung đột có tính chất quyết định với quyền hành pháp. Vì sợ mất những cái đã giành được trong cuộc đấu tranh chống cách mạng, nên đảng trật



tự đã để cho địch thủ chiếm lấy những kết quả ấy. "Nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh". Hồi tháng Hai[1*] đảng trật tự đã kêu gọi cách mạng như vậy, giờ đây trong bức thông điệp của hắn, Bô-na-pác-tơ cũng kêu gọi đảng trật tự như vậy. "Nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh". Bô-na-pác-tơ đã thực hiện những hành vi nhằm tiếm vị, nhưng đảng trật tự lại là kẻ phạm tội "gây rối" khi nó làm ầm ĩ về những hành vi ấy và giải thích những hành vi ấy một cách lo âu thái quá. Những khúc xúc xích ở Xa-tô-ri sẽ vẫn câm như hến nếu không có ai nhắc nhở đến chúng. "Nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh". Bởi lẽ đó, Bô-na-pác-tơ yêu cầu người ta cứ để yên cho hắn hành động, còn đảng nghị trường thì đã bị hai điều sợ sệt làm cho tê liệt: sợ gây nên một lần nữa những biến động cách mạng, và sợ trở thành kẻ phạm tội gây rối trước con mắt của giai cấp của mình, tức là giai cấp tư sản. Bởi vì nước Pháp cần trước hết được yên tĩnh, cho nên đảng trật tự không dám đáp lại tiếng "hòa bình" trong bức thông điệp của Bô-na-pác-tơ bằng hai tiếng "chiến tranh". Công chúng mong chờ những điều tai tiếng lớn khi Quốc hội họp lại, nhưng đã bị thất vọng. Yêu cầu của các nghị sĩ phái dồi lập đòi ủy ban thường trực trình bày những biên bản của mình về những biến cố hồi tháng Mười, đã bị đa số bác bỏ. Về nguyên tắc người ta tránh mọi cuộc tranh luận có thể gây kích động. Công việc của Quốc hội trong tháng Mười một và tháng Chạp 1850 chẳng có gì đáng chú ý cả.

Sau hết, vào cuối tháng Chạp, mới bắt đầu xảy ra những cuộc xung đột nhỏ chung quanh một vài vấn đề về quyền hạn của nghị viện. Từ khi giai cấp tư sản tự nó đã thanh toán cuộc đấu tranh giai cấp bằng cách xóa bỏ chế độ đầu phiếu phổ thông, thì cuộc vận động chỉ thu hẹp lại thành những vụ cãi lộn nhỏ nhặt về những quyền hạn của hai quyền lực.

Một nghị sĩ, tên là Mô-ganh, bị tòa kết án về tội mắc nợ. Theo lời yêu cầu của viên chánh án, Bộ trưởng tư pháp Ru-ê tuyên bố cứ

1* - năm 1848

việc thẳng thừng ra lệnh tống giam người mắc nợ, - và thế là Mô-ganh bị tống vào nhà tù giam các con nợ. Khi biết được vụ xúc phạm này vào quyền bất khả xâm phạm của các nghị sĩ, Quốc hội đã nổi trận lôi đình. Chẳng những Quốc hội ra lệnh thả ngay Mô-ganh, mà ngay buổi tối hôm đó, Quốc hội còn phái viên lục sự của mình dùng sức mạnh kéo Mô-ganh ra khỏi nhà tù Kli-si. Tuy nhiên, mặt khác, để chứng minh lòng tin của mình vào tính chất thiêng liêng của chế độ tư hữu, và với cái ẩn ý là trong trường hợp cần thiết, sẽ có sẵn một chỗ nương thân cho những thành viên phái Núi đã trở nên rầy rà khó chịu, nên Quốc hội tuyên bố có thể bắt những nghị sĩ mắc nợ, nhưng với điều kiện là phải được Quốc hội cho phép trước. Quốc hội đã quên không ra sắc lệnh nói rằng ngay đến tổng thống cũng có thể bị cầm tù vì mắc nợ. Nó đã thủ tiêu cái bóng dáng cuối cùng của quyền bất khả xâm phạm của các thành viên của nó.

Chúng ta còn nhớ là viên cảnh sát trưởng I-ông, căn cứ theo lời khai của một tên A-le nào đó, đã tố cáo việc một chi hội của Hội ngày 10 tháng Chạp mưu sát Đuy-panh và Săng-gác-ni-ê. Vì vậy, ngay trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội, các vị chủ nhiệm văn phòng của Quốc hội đã đề nghị thành lập một đội cảnh sát riêng của Quốc hội, do ngân quỹ riêng của Quốc hội đài thọ, và hoàn toàn độc lập đối với cục trưởng cảnh sát. Ba-rô-sơ, Bộ trưởng nội vụ, đã phản đối hành vi xâm phạm đó vào quyền hạn của mình. Thế là người ta đi đến một thỏa hiệp thảm hại, theo nó thì viên cảnh sát trưởng của Quốc hội tuy do ngân quỹ riêng của Quốc hội đài thọ và do các vị chủ nhiệm văn phòng của Quốc hội chỉ định và bãi miễn, nhưng chỉ sau khi được Bộ trưởng nội vụ đồng ý. Trong khi đó, A-le bị chính phủ đưa ra tòa, và ở đây chính phủ đã biến một cách dễ dàng những lời tố cáo của A-le thành một trò bày đặt của hắn, và thông qua cửa miệng của viên công tố đã đặt Đuy-panh, Săng-gác-ni-ê, I-ông và toàn thể Quốc hội vào một hoàn cảnh lố bịch. Sau đó, ngày 29 tháng Chạp, Bộ trưởng Ba-rô-sơ gửi cho Đuy-panh một bức thư đòi phải cách chức I-ông. Ban thường vụ Quốc hội quyết định để I-ông giữ nguyên chức cũ,



nhưng Quốc hội vốn hoảng sợ vì hành vi thô bạo của mình trong vụ Mô-ganh, và cứ mỗi lần Quốc hội đánh một đòn vào quyền hành pháp thì thường bị quyền hành pháp đánh trả lại hai đòn, cho nên Quốc hội không duyệt y quyết định đó. Quốc hội cách chức I-ông để thưởng công lao phục vụ mẫn cán của hắn và tự tước bỏ mất cái đặc quyền đại nghị hoàn toàn cần thiết, khi phải đối phó với một kẻ ban đêm không suy nghĩ điều hắn sẽ làm ban ngày, mà lại suy nghĩ ban ngày và thực hiện vào ban đêm những kế hoạch của mình.

Chúng ta đã thấy, trong thời gian tháng Mười một và tháng Chạp, trong những trường hợp quan trọng và cấp thiết, Quốc hội đã tránh né và nhịn không tiến hành đấu tranh với quyền hành pháp như thế nào. Bây giờ chúng ta lại thấy Quốc hội buộc phải nhận đấu tranh với quyền hành pháp vì những lý do nhỏ nhặt nhất. Trong vụ Mô-ganh, về nguyên tắc, Quốc hội đã cho phép được bắt những nghị sĩ mắc nợ, nhưng lại dành cho mình cái khả năng chỉ áp dụng nguyên tắc đó đối với những nghị viên mà Quốc hội không ưa thôi, và đã tranh chấp với bộ trưởng tư pháp vì cái đặc quyền bỉ ổi ấy. Đáng lẽ lợi dụng cái tin về vụ mưu sát để ra lệnh mở một cuộc điều tra những hoạt động của Hội ngày 10 tháng Chạp và thẳng tay vạch trần chân tướng của Bô-na-pác-tơ là một tên cầm đầu bọn vô sản lưu manh Pa-ri trước nước Pháp và trước toàn châu Âu, thì Quốc hội lại đi hạ thấp cuộc xung đột ấy xuống thành một cuộc tranh cãi giữa Quốc hội và Bộ trưởng nội vụ để xem quyền chỉ định và bãi miễn một viên cảnh sát trưởng thuộc về bên nào. Như vậy, chúng ta thấy suốt trong thời kỳ ấy, do vị trí không rõ ràng của nó, đảng trật tự đã buộc phải tiêu hao, phân tán cuộc đấu tranh của nó chống quyền hành pháp thành những chuyện xích mích nhỏ nhen về thẩm quyền, những vụ cãi cọ vụn vặt, những sự kiện tụng không ngừng, những cuộc tranh chấp về giới hạn, và biến những vấn đề hình thức vô vị nhất thành nội dung hoạt động của mình. Đảng trật tự không dám tiếp nhận cuộc chiến đấu vào lúc mà đấu tranh có ý nghĩa về nguyên tắc, vào lúc mà quyền hành pháp đã thực sự tự lột bỏ

mặt nạ rồi, vào lúc mà sự nghiệp của Quốc hội có thể trở thành sự nghiệp của quốc dân. Vì nếu như thế thì đảng trật tự sẽ ra hiệu lệnh cho quốc dân đứng lên đấu tranh, nhưng nó lại không sợ gì hơn là thấy quốc dân nổi dậy. Bởi vậy, trong những trường hợp như thế, nó bác bỏ những đề nghị của phái Núi và chuyển sang những vấn đề khác trong chương trình nghị sự. Sau khi đảng trật tự từ chối cuộc đấu tranh trên quy mô lớn, thì quyền hành pháp cứ việc bình tĩnh đợi thời cơ để có thể mở đầu trở lại cuộc đấu tranh ấy vì những lý do nhỏ nhặt, vô nghĩa lý, tức là khi vấn đề có thể nói là chỉ còn có tính chất nghị trường, cục bộ mà thôi. Lúc bấy giờ, cơn giận giữ của đảng trật tự, cố nén từ lâu, liền nổ bùng ra, khi đó nó liền xé toang tấm màn che khuất hậu trường, nó tố cáo tổng thống, tuyên bố nền cộng hòa lâm nguy, nhưng khi đó cả những lời thống thiết của nó cũng tỏ ra phi lý, lý do đấu tranh - là một cớ giả dối hoặc nói chung chẳng đáng để đấu tranh. Cơn bão táp nghị trường hóa ra là một cơn bão táp trong cốc nước, cuộc đấu tranh là một âm mưu, cuộc xung đột là một sự bê bối. Trong khi các giai cấp cách mạng vui mừng độc địa về sự nhục nhã của Quốc hội - vì họ cũng rất quan tâm đến các đặc quyền của nghị viện chẳng khác gì Quốc hội quan tâm đến các quyền tự do xã hội, - thì giai cấp tư sản ở ngoài nghị viện không hiểu tại sao giai cấp tư sản ở trong nghị viện lại có thể lãng phí thời giờ vào những cuộc cãi lộn nhỏ nhặt đến như thế, lại có thể quấy rối sự yên tĩnh bằng những sự kình địch thảm hại đến như thế với tổng thống. Giai cấp tư sản ở ngoài nghị viện bị rối trí vì một chiến lược trong đó hòa bình được ký kết vào lúc mọi người đều mong đợi chiến tranh và cuộc tấn công nổ ra vào lúc mọi người tưởng rằng hòa bình đã được ký kết.

Ngày 20 tháng Chạp, Pa-xcan Đuy-pra chất vấn Bộ trưởng nội vụ về cuộc xổ số lấy vàng thoi. Cuộc xổ số ấy là "con đẻ của điện Ê-li-dê[78]. Bô-na-pác-tơ và bọn tay chân của hắn đã cho nó ra đời, và cảnh sát trưởng Các-li-ê đã chính thức bảo trợ cho nó, mặc dầu luật pháp của nước Pháp cấm tất cả mọi cuộc xổ số, trừ những cuộc xổ số có mục đích từ thiện. Người ta đã in ra bảy



triệu số mỗi số một phrăng, còn tiền lời của cuộc xổ số ấy thì người ta bảo là dùng để đưa bọn du thủ du thực Pa-ri sang Ca-li-phoóc-ni-a. Một mặt, người ta muốn thay thế những ước mơ xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản Pa-ri bằng những giấc mộng vàng, và thay thế cái quyền lao động có tính chất lý thuyết bằng cái triển vọng hấp dẫn trúng số độc đắc. Lẽ cố nhiên là trong những thoi vàng Ca-li-phoóc-ni-a sáng lóa đó, công nhân Pa-ri đã không nhận ra được những đồng phrăng xấu xí mà người ta đã bòn rút ở túi họ ra. Nói chung, cuộc xổ số kia chỉ là một vụ lừa đảo thuần túy. Bọn du dãng muốn khai mỏ vàng Ca-li-phoóc-ni-a mà không phải rời khỏi Pa-ri, chính là Bô-na-pác-tơ và những thuộc hạ nợ nần như chúa Chổm của hắn. Số tiền ba triệu do Quốc hội chuẩn y đã bị tiêu sạch, và giờ đây, bằng cách này hay cách khác, lại phải bổ sung cho đầy đủ kết. Bô-na-pác-tơ đã hoài công mở một cuộc lạc quyên trong toàn quốc để xây những cái gọi là cités ouvrières[1*] và đứng ra ghi tên đầu tiên với một số tiền quyên lớn. Những tên tư sản lòng sắt dạ đá nghi ngờ chờ đợi Bô-na-pác-tơ đóng góp số tiền mà hắn ghi quyên, và vì lẽ dĩ nhiên là điều đó đã không diễn ra nên vụ đầu cơ việc xây dựng những lâu đài xã hội chủ nghĩa trên bãi cát đã bị sụp đổ tan tành. Những thoi vàng Ca-li-phoóc-ni-a thì thu được nhiều kết quả hơn. Bô-na-pác-tơ và bọn đồng loã đã không thỏa mãn với việc bỏ túi một phần trong số tiền lãi còn lại sau khi trừ giá trị của những thoi vàng phát hành trong cuộc xổ số vào số bảy triệu phrăng, chúng còn làm phiếu xổ số giả, phát hành mười, mười lăm cho đến hai mươi phiếu cùng một số, - thật là một thủ đoạn làm tiền hoàn toàn theo đúng tinh thần của Hội ngày 10 tháng Chạp! Ở đây, Quốc hội có trước mắt mình không phải một vị tổng thống cộng hòa trên danh nghĩa nữa, mà là Bô-na-pác-tơ chính cống, bằng thịt bằng xương. Ở đây, Quốc hội có thể bắt quả tang Bô-na-pác-tơ vi phạm Code pénale[2*] chứ không phải vi phạm hiến pháp nữa. Nếu Quốc hội đã đáp lại

1* - khu công nhân
2* - Bộ luật hình

lời chất vấn của Đuy-pra bằng cách chuyển sang những vấn đề khác của chương trình nghị sự, thì nó đã làm điều đó không phải chỉ vì lời đề nghị của Gi-rác-danh nên tuyên bố mình "hài lòng" đã nhắc nhở cho đảng trật tự nhớ đến tình trạng tham nhũng có hệ thống đang ngự trị trong hàng ngũ của chính nó. Con người tư sản, và trước hết là con người tư sản được nâng lên địa vị nhân vật quốc gia, thì thường đem lối khoa trương về lý luận để bổ sung cho sự đê tiện của hắn trong các công việc thực tiễn. Với tư cách là một nhân vật quốc gia, người tư sản, giống như chính quyền nhà nước đối địch với nó, trở thành một nhân vật tối cao mà người ta chỉ có thể đấu tranh chống lại bằng những phương pháp cao quý, trọng thể mà thôi.

Với tư cách là con một gã lang thang lưu đãng, một tên vô sản lưu manh vương giả, Bô-na-pác-tơ có được cái ưu thế so với kẻ tư sản bịp bợm là hắn có thể tiến hành đấu tranh bằng những thủ đoạn hèn hạ được; giờ đây, sau khi chính ngay Quốc hội đã giúp hắn đi qua được một cách bình an vô sự cái mảnh đất trơn tuột, tức là những buổi tiệc chiêu đãi binh sĩ, những cuộc duyệt binh, Hội ngày 10 tháng Chạp, và sau hết là Code pénal, thì hắn thấy đã đến lúc có thể chuyển từ thế phòng thủ bế ngoài sang thế tiến công. Hắn ít bận tâm tới những sự thất bại nhỏ mà các bộ trưởng tư pháp, chiến tranh, hải quân, tài chính đã vấp phải hồi đó, những sự thất bại trong đó Quốc hội biểu lộ sự bất bình cáu kỉnh của mình. Chẳng những hắn ngăn cản các bộ trưởng từ chức và do đó thừa nhận sự lệ thuộc của quyền hành pháp đối với nghị viện, giờ đây hắn còn có thể hoàn thành công cuộc mà hắn đã bắt đầu trong thời gian Quốc hội nghỉ, tức là tách quyền lực quân sự ra khỏi tay nghị viện: hắn *cách chức Săng-gác-ni-ê*.

Một tờ báo của điện Ê-li-dê công bố một bản nhật lệnh dường như là gửi cho sư đoàn thứ nhất hồi tháng Năm, do đó, là nhật lệnh của Săng-gác-ni-ê, - trong đó người ta khuyên các sĩ quan là trong trường hợp có phản loạn thì nhất thiết không được khoan hồng, với những kẻ phản bội trong hàng ngũ quân đội, phải xử



bắn chúng ngay tức khắc, và không điều quân đội theo yêu cầu của Quốc hội. Ngày 3 tháng Giêng 1851, nội các bị chất vấn về bản nhật lệnh đó. Lúc đầu nội các yêu cầu một thời hạn là ba tháng, sau đó là một tuần, và cuối cùng chỉ hai mươi bốn tiếng đồng hồ, để tìm hiểu vấn đề. Quốc hội khẩn thiết đòi nội các phải giải thích vấn đề ngay tức khắc. Săng-gác-ni-ê đứng dậy và tuyên bố rằng bản nhật lệnh kia không hề có bao giờ cả. Săng-gác-ni-ê còn nói thêm rằng mình luôn luôn sẵn sàng thực hiện yêu cầu của Quốc hội, và một khi có xảy ra xung đột, Quốc hội có thể trông cậy vào hắn. Quốc hội tiếp nhận lời tuyên bố đó của Săng-gác-ni-ê bằng những loạt vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt, và bỏ phiếu tín nhiệm hắn. Quốc hội đã vứt bỏ quyền lực của mình, đã tuyên bố sự bất lực của chính mình và thừa nhận quyền lực vạn năng của quân đội bằng cách tự đặt mình dưới sự bảo hộ riêng của một viên tướng. Nhưng viên tướng này đã nhầm khi hắn đem đặt dưới quyền sử dụng của Quốc hội một quyền lực mà hắn đã nhận được, cũng từ chính tay Bô-na-pác-tơ, để chống lại Bô-na-pác-tơ, khi hắn lại trông mong vào sự bảo hộ của nghị viện ấy, tức là của kẻ được bảo hộ đang cần đến sự bảo hộ của hắn. Nhưng Săng-gác-ni-ê đã tin vào sức mạnh huyền bí mà giai cấp tư sản đã ban cho hắn từ ngày 29 tháng Giêng 1849. Hắn tự xem mình là một quyền lực thứ ba bên cạnh hai quyền lực kia của nhà nước. Hắn cũng chịu chung một số phận với những vị anh hùng khác, hay nói cho đúng hơn, với những vị thánh của thời đại bấy giờ, mà sự vĩ đại chỉ là sự đánh giá cao một cách thiên lệch về họ, do đảng phái của họ tung ra, và một khi tình thế yêu cầu họ làm những kỳ tích thì hóa ra họ chỉ là những nhân vật tầm thường mà thôi. Nói chung, sự vô tín ngưỡng là kẻ tử thù của các anh hùng giả và các vị thánh thực ấy. Do đó nên họ mới có thái độ phẫn nộ có tính cách đạo đức và cao thượng đối với những kẻ hay châm chọc và những kẻ nhạo báng thiếu nhiệt tình.

Ngay buổi tối hôm đó, các bộ trưởng được triệu tập đến điện Ê-li-dê. Bô-na-pác-tơ dọa phải cách chức Săng-gác-ni-ê; năm bộ trưởng từ chối không ký. Tờ "Moniteur" báo tin cuộc khủng hoảng

nội các, và báo chí đảng trật tự hăm dọa thành lập một đạo quân của nghị viện dưới sự chỉ huy của Săng-gác-ni-ê. Theo hiến pháp thì đảng trật tự có quyền làm như thế. Đảng này chỉ cần cử Săng-gác-ni-ê lên làm chủ tịch Quốc hội và điều bao nhiêu quân đội đến cũng được để bảo đảm sự an toàn của Quốc hội. Đảng trật tự càng chắc chắn có thể làm được như vậy, vì Săng-gác-ni-ê vẫn còn thực sự đứng đầu quân đội và đội cận vệ quốc gia Pa-ri, chỉ còn chờ được điều động cùng với quân đội nữa mà thôi. Báo chí phe Bô-na-pác-tơ cũng còn chưa dám phủ nhận quyền của Quốc hội được trực tiếp điều động quân đội, - một sự nghi ngờ về mặt pháp lý như thế trong hoàn cảnh ấy thường không hứa hẹn một thành công nào cả. Có thể tin chắc là quân đội sẽ tuân theo mệnh lệnh của Quốc hội, nếu chú ý rằng Bô-na-pác-tơ đã phải mất cả tuần mới tìm kiếm khắp trong Pa-ri được hai viên tướng - là Ba-ra-ghê d'In-li-ê và Xanh-Giăng d'Ăng-giê-li - tuyên bố sẵn sàng tiếp ký vào lệnh cách chức Săng-gác-ni-ê. Nhưng trái lại, liệu đảng trật tự có kiếm được ngay trong hàng ngũ mình và trong nghị viện đủ số phiếu cần thiết để thông qua một quyết định như thế không, - điều đó rất đáng nghi, nếu ta chú ý rằng, một tuần lễ sau, 286 lá phiếu đã tách khỏi đảng đó và cả tháng Chạp 1851 phái Núi cũng đã bác một đề nghị tương tự như thế ngay cả trong giây phút quyết định cuối cùng. Tuy nhiên, lúc đó các "tướng giữ thành" có lẽ còn có thể vận động được đại đa số quần chúng đảng viên của họ đứng lên lập một chiến công anh hùng, tức là nấp vào sau một rừng lưỡi lê và nhận sự giúp đỡ của một đạo quân đã chạy sang phe mình. Đáng lẽ làm như vậy, thì tối mồng 6 tháng Giêng các vị tướng giữ thành lại đến điện Ê-li-dê, hòng dùng thủ đoạn và lý lẽ ngoại giao để thuyết phục Bô-na-pác-tơ đừng cách chức Săng-gác-ni-ê. Thuyết phục người nào là công nhận người đó làm chủ tình thế. Bô-na-pác-tơ, phấn chấn lên vì mưu toan đó của các vị tướng giữ thành, ngày 12 tháng Giêng đã cử ra một nội các mới, trong đó vẫn còn có những thủ lĩnh của nội các cũ là Phun-đơ và Ba-rô-sơ. Xanh-Giăng d'Ăng-giê-li được cử làm Bộ trưởng chiến tranh. Tờ "Moniteur" công bố sắc lệnh cách chức



Săng-gác-ni-ê. Quyền chỉ huy của Săng-gác-ni-ê được chia ra cho Ba-ra-ghê d'In-li-ê, chỉ huy sư đoàn thứ nhất, và cho Pe-rô chỉ huy đội cận vệ quốc gia. "Thành trì của xã hội" bị bãi chức, và nếu không có một viên đá nào rơi từ trên mái nhà xuống thì, trái lại, thị giá hối phiếu ở sở giao dịch lại lên cao.

Khước từ quân đội được trao vào tay mình mà Săng-gác-ni-ê là đại biểu, và bằng cách đó, đã vĩnh viễn trao quân đội lại cho tổng thống, đảng trật tự đã chứng minh rằng giai cấp tư sản đã mất hết khả năng thống trị. Nội các theo chế độ đại nghị không còn tồn tại nữa. Giờ đây, khi đảng trật tự đã mất mọi quyền lực đối với quân đội và đội cận vệ quốc gia, thì nó còn lại những phương tiện bạo lực nào để vừa bảo vệ được cái quyền lực có tính chất tiếm đoạt của nghị viện đối với nhân dân, lại vừa bảo vệ được cái quyền lực hiến chế của nghị viện chống lại tổng thống? Chẳng còn một phương tiện nào cả. Đảng trật tự chỉ còn một cách là kêu gọi đến những nguyên tắc vô hiệu lực, mà bản thân nó bao giờ cũng chỉ coi là những quy tắc chung dành cho những người khác, để bản thân mình được tự do hành động hơn. Với việc Săng-gác-ni-ê bị cách chức và việc chuyển quyền lực quân sự vào tay Bô-na-pác-tơ thì giai đoạn thứ nhất của thời kỳ mà chúng ta đang nghiên cứu, thời kỳ đấu tranh giữa đảng trật tự và quyền hành pháp, cũng kết thúc. Giờ đây cuộc chiến đấu giữa hai quyền lực ấy được công khai tuyên bố, công khai tiến hành, nhưng chỉ sau khi đảng trật tự đã mất cả vũ khí lẫn binh lính. Không có nội các, không có quân đội, không có nhân dân, không có công luận, không còn đại biểu của quốc dân có chủ quyền nữa kể từ khi ban bố đạo luật tuyển cử ngày 31 tháng Năm, không có mắt, không có tai, không có răng, không có gì cả, - Quốc hội đã dần dần biến thành một *Pháp viện kiểu cũ*[79], là nghị viện để cho chính phủ hành động, còn mình thì tự thỏa mãn với những kháng nghị bực dọc post festum[1*] mà thôi.

1* - sau ngày hội, sau khi việc đã rồi

Đảng trật tự đã đón tiếp nội các mới bằng một cơn giông tố phẫn nộ. Tướng Bê-đô đã nhắc đến cái thái độ dịu dàng của ủy ban thường trực Quốc hội trong thời gian Quốc hội nghỉ họp và đến việc nó đã tỏ ra quá tế nhị khi từ chối không chịu công bố những biên bản hội họp của mình. Lúc bấy giờ Bộ trưởng nội vụ tự mình cũng khẩn thiết yêu cầu công bố những biên bản ấy, những biên bản ngày nay dĩ nhiên đã trở nên vô vị khác nào nước ao tù, chẳng vạch trần được một sự thật nào mới và chẳng gây nên được một chút ấn tượng nào đối với đám quần chúng đã chán ngấy. Theo lời đề nghị của Rê-muy-đa, sau cuộc thảo luận trong các tiểu ban, Quốc hội chỉ định một "Ủy ban những biện pháp đặc biệt". Pa-ri vẫn không đi chệch khỏi quỹ đạo bình thường của nó, nhất là vì lúc bấy giờ thương nghiệp đang phồn thịnh, các công xưởng đang hoạt động, giá ngũ cốc hạ, lương thực dồi dào, và quỹ tiết kiệm ngày nào cũng nhận được thêm tiền gửi. Những "biện pháp đặc biệt" mà nghị viện đã báo trước một cách ẩm ỹ như thế, kết thúc bằng một cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm nội các ngày 18 tháng Giêng, hơn nữa trong đó người ta thậm chí không hề đả động gì tới tướng Săng-gác-ni-ê. Đảng trật tự buộc phải thảo bản nghị quyết không tín nhiệm của mình như vậy để đảm bảo cho mình số phiếu của những người cộng hòa: trong tất cả mọi biện pháp của nội các, những người này chỉ tán thành việc cách chức Săng-gác-ni-ê thôi, còn đảng trật tự thì thực ra không thể nào trách cứ được những biện pháp khác do chính họ đã ra lệnh cho nội các thực hiện.

Cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm ngày 18 tháng Giêng được thông qua với 415 phiếu thuận, 286 phiếu chống. Như vậy là nó được thông qua chỉ nhờ có sự *liên minh* của phái chính thống và phái Oóc lê-ăng cực đoan với những người cộng hòa thuần túy và phái Núi. Điều đó chứng tỏ rằng đảng trật tự chẳng những đã mất nội các, mất quân đội, mà trong những sự xung đột của họ với Bô-na-pác-tơ nó còn mất luôn cả đa số độc lập của mình trong nghị viện; rằng một số đại biểu đã đào ngũ khỏi phe mình vì có khuynh hướng thỏa hiệp đến mức cuồng nhiệt, vì sợ đấu tranh, vì mệt mỏi, vì sự gắn bó thân thiết với lương bổng của nhà nước, vì



mệt mỏi, vì sự gắn bó thân thiết với lương bổng của nhà nước, vì đấu cơ những ghế bộ trưởng còn khuyết (Ô-di-lông Ba-rô), vì tính vị kỷ đê tiện bao giờ cũng thúc đẩy con người tư sản tầm thường hy sinh lợi ích chung của giai cấp họ để mưu cầu một động cơ cá nhân này hay một động cơ cá nhân khác. Ngay từ đầu, các đại biểu thuộc phe Bô-na-pác-tơ chỉ liên kết với đảng trật tự trong cuộc đấu tranh chống lại cách mạng. Thủ lĩnh đảng Thiên chúa giáo Mông-ta-lăm-be, lúc bấy giờ cũng đã ném ảnh hưởng cá nhân mình vào đĩa cân phía Bô-na-pác-tơ, vì y không tin vào sức sống của đảng nghị trường. Sau hết, những thủ lĩnh các đảng đó, như Chi-e, một phần tử Oóc-lê-ăng, và Be-ri-ê, một phần tử chính thống, đều buộc lòng phải công khai tuyên bố mình là những người cộng hòa, phải thú nhận rằng mặc dầu lòng họ thuộc phái bảo hoàng nhưng đầu họ theo phái cộng hoà, rằng nền cộng hòa đại nghị của họ là hình thức thống trị duy nhất có thể có được của giai cấp tư sản nói chung. Tóm lại, họ buộc lòng phải lên án ngay trước con mắt của giai cấp tư sản, những kế hoạch phục tích mà họ tiếp tục theo đuổi một cách không mệt mỏi ở đằng sau lưng nghị viện, là những âm mưu vừa nguy hiểm vừa vô nghĩa.

Cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm ngày 18 tháng Giêng là một đòn đánh vào các bộ trưởng, chứ không phải vào tổng thống. Nhưng không phải là nội các, mà chính tổng thống đã cách chức Săng-gác-ni-ê. Liệu đảng trật tự có nên đem chính ngay Bô-na-pác-tơ ra truy tố không? Truy tố về những khát vọng phục tích của hắn ư? Nhưng những khát vọng phục tích đó chẳng qua chỉ bổ sung cho những khát vọng phục tích của chính đảng trật tự mà thôi. Về những hành động có tính chất âm mưu của hắn trong các cuộc duyệt binh và trong Hội ngày 10 tháng Chạp ư? Nhưng từ lâu đảng trật tự đã chôn sâu những vấn đề ấy dưới cái đống công việc cấp thiết hàng ngày rồi. Về việc cách chức vị anh hùng ngày 29 tháng Giêng và ngày 13 tháng Sáu, con người hồi tháng Năm 1850 đã từng đe dọa sẽ phóng hỏa đốt cháy Pa-ri từ bốn phía nếu xảy ra bạo động ư? Nhưng những đồng minh của đảng trật tự

trong phái Núi và Ca-ve-nhắc thậm chí đã không cho phép nó chính thức bày tỏ lời chia buồn với cái "thành trì của xã hội" đã sụp đổ. Bản thân đảng trật tự không thể phủ nhận cái quyền - do hiến pháp trao cho tổng thống - được cách chức các tướng lĩnh. Họ làm ầm lên chỉ vì tổng thống đã dùng cái quyền do hiến pháp trao cho đó để chống lại nghị viện. Nhưng chính họ há lại chẳng luôn luôn dùng những đặc quyền nghị viện của mình để phản lại hiến pháp, nhất là khi họ thủ tiêu chế độ đầu phiếu phổ thông đó sao? Do đó, đảng trật tự chẳng còn gì hơn là hành động đúng trong khuôn khổ nghị viện. Và chỉ có cái chứng bệnh đặc biệt đã lan tràn khắp lục địa châu Âu từ năm 1848, - tức là *bệnh mê tín chế độ nghị trường*, nó hãm những kẻ mắc phải bệnh đó vào một thế giới tưởng tượng và làm cho họ mất mọi lý trí, mọi trí nhớ, mọi hiểu biết về thế giới thô thiển bên ngoài, - chỉ có cái chứng bệnh mê tín chế độ nghị trường ấy mới giải thích được cái tình hình là đảng trật tự đã tự tay mình thủ tiêu tất cả mọi điều kiện của quyền lực của nghị viện và trong cuộc đấu tranh của nó chống lại các giai cấp khác tất phải thủ tiêu tất cả những điều kiện ấy, vẫn coi những thắng lợi của họ ở nghị trường là những thắng lợi thực sự và nghĩ rằng đánh vào các bộ trưởng của tổng thống là đánh bại tổng thống. Làm như thế, họ chỉ tạo cơ hội cho tổng thống làm nhục Quốc hội một lần nữa trước mắt quốc dân. Ngày 20 tháng Giêng, tờ "Moniteur" đăng tin là sự từ chức của toàn thể nội các đã được chấp nhận. Viện cớ là không một đảng nào chiếm được đa số trong nghị viện nữa, - như cuộc bỏ phiếu ngày 18 tháng Giêng, kết quả của sự liên minh giữa phái Núi và phe bảo hoàng, đã chứng tỏ, - và cần chờ cho một đa số mới hình thành, Bô-na-pác-tơ đã chỉ định cái gọi là nội các quá độ, trong đó không hề có một nghị sĩ Quốc hội nào mà chỉ gồm toàn những kẻ hoàn toàn vô danh tiểu tốt, một nội các gồm toàn những nhân viên chào hàng và thơ lại. Giờ đây đảng trật tự có thể tiêu phí sức lực của mình vào việc gây gổ với những con rối ấy, còn quyền hành



pháp thì coi việc được đại diện một cách nghiêm túc trước Quốc hội chẳng có ý nghĩa gì nữa. Các bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ càng là những tên ngồi làm vì, thì hắn lại càng công nhiên tập trung toàn bộ quyền hành pháp vào tay hắn, và càng dễ lợi dụng quyền lực ấy vào những mục đích riêng của hắn.

Đảng trật tự, liên minh với phái Núi, đã trả thù lại bằng cách bác bỏ đề nghị phụ cấp số tiền 1800000 phrăng cho tổng thống, đề nghị mà tên cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp đã ra lệnh cho những tên bộ trưởng chào hàng của hắn đưa ra nghị viện. Lần này, vấn đề được giải quyết bằng một đa số vẻn vẹn chỉ có 102 phiếu, do đó, từ ngày 18 tháng Giêng đến nay, đảng trật tự còn mất thêm 27 phiếu nữa: sự tan rã của nó đã tăng lên. Đồng thời, để cho thiên hạ khỏi có một sự hiểu lầm nào về ý nghĩa của sự liên minh của họ với phái Núi, đảng trật tự thậm chí đã không thèm đưa bản đề nghị đại xá các tù chính trị, do 189 đảng viên phái Núi ký tên, ra bàn luận. Chỉ cần viên Bộ trưởng nội vụ, một tên Va-ít-xơ nào đó, tuyên bố rằng sự yên tĩnh chỉ là cái vẻ bề ngoài thôi, rằng hiện nay người ta đang triển khai một cuộc cổ động bí mật mạnh mẽ, rằng nhiều hội kín đang được tổ chức khắp nơi, rằng nhiều tờ báo dân chủ đang sửa soạn tái bản, rằng đang nhận được những tin tức không thuận lợi từ các tỉnh gửi về, rằng những người tị nạn ở Giơ-ne-vơ đang đứng đầu một cuộc âm mưu lan khắp miền Nam nước Pháp thông qua Ly-ông, rằng nước Pháp đang đứng gần kề một cuộc khủng hoảng thương nghiệp và công nghiệp, rằng các chủ xưởng ở Ru-be đã rút ngắn ngày lao động, rằng các chủ xưởng ở Be-lơ-i-lơ[80] đã nổi dậy, v.v, - chỉ cần một tên Va-ít-xơ nào đó gợi lên cái bóng ma đỏ là đảng trật tự liền bác bỏ mà không thảo luận một đề nghị chắc chắn sẽ đem lại cho Quốc hội một uy tín rất lớn và buộc Bô-na-pác-tơ phải ngã vào trong vòng tay của nó một lần nữa. Đáng lẽ đảng trật tự không nên để cho mình bị đe dọa bởi cái viễn cảnh những vụ biến loạn mới do quyền hành pháp đưa ra, mà trái lại, nên mở thêm một

địa bàn nào đó, dẫu là nhỏ bé, cho cuộc đấu tranh giai cấp, để bắt quyền hành pháp phải lệ thuộc vào mình. Nhưng đảng trật tự đã cảm thấy mình không đủ sức chơi với lửa.

Trong khi đó, cái gọi là nội các quá độ kia vẫn sống vất vưởng cho mãi đến trung tuần tháng Tư. Bô-na-pác-tơ làm cho Quốc hội một mẻ, đánh lừa Quốc hội bằng các mưu kế luôn luôn thay đổi trong nội các. Khi thì hình như hắn muốn lập một nội các cộng hòa do La-mác-tin và Bi-ô đứng đầu; khi thì lại muốn lập một nội các đại nghị trong đó nhất định phải có Ô-đi-lông Ba-rô, mà tên tuổi không thể thiếu mỗi khi người ta cần đến một kẻ thộn; khi thì hắn muốn lập một nội các chính thống do Va-ti-mê-nin và Bơ-noa Đa-di đứng đầu; khi thì lại muốn lập một nội các Oóc-lê-ăng do Ma-lơ-vin đứng đầu . Trong khi hắn duy trì như vậy những mối quan hệ căng thẳng giữa các phe nhóm của đảng trật tự với nhau, và trong khi làm cho tất cả đảng này đều sợ hãi cái viễn cảnh là sẽ có một nội các cộng hòa và do đó sẽ có một sự phục hồi không thể tránh khỏi của chế độ đầu phiếu phổ thông, thì đồng thời Bô-na-pác-tơ cũng làm cho giai cấp tư sản tin rằng những cố gắng chân thành của hắn để tiến tới thành lập một nội các đại nghị bị tan vỡ do thái độ không nhân nhượng của các phe bảo hoàng. Nhưng cuộc tổng khủng hoảng thương nghiệp hình như càng sắp nổ ra và chiêu mộ tín đồ cho chủ nghĩa xã hội trong các đô thị, còn giá ngũ cốc thấp một cách tai hại chiêu mộ những tín đồ ấy ở nông thôn, thì giai cấp tư sản lại càng lớn tiếng đòi hỏi phải có một "chính phủ mạnh", và lại càng thấy không thể dung thứ được tình trạng để cho nước Pháp "không có quản lý". Thương nghiệp trở nên càng ngày càng tiêu điều, số người thất nghiệp tăng lên rõ ràng, ở Pa-ri, ít nhất cũng có 10000 công nhân không có bánh mì ăn, ở Ru-ăng, Muyn-hau-den[1*], Ly-ông, Ru-be, Tuốc-cu-en, Xanh Ê-chiên, En-bê-u-phơ, v.v., vô số công xưởng đã ngừng hoạt động. Trong những tình hình như thế, ngày 11 tháng Tư, Bô-na-pác-tơ đã dám lập lại nội các 18 tháng Giêng, với các ngài Ru-ê, Phun-đơ, Ba-rô-sơ, v.v., thêm vào đó còn có Lê-ông Phô-sơ, người mà trước

1* - Muyn-hu-đơ



kia Quốc hội lập hiến, trong những ngày cuối cùng của nó, đã nhất trí - chỉ trừ phiếu của năm bộ trưởng - lên án bằng cách bỏ phiếu không tín nhiệm, vì đã công bố những bức điện giả mạo. Như vậy là, ngày 18 tháng Giêng, Quốc hội đã thắng nội các và đã đấu tranh trong ba tháng với Bô-na-pác-tơ là để đến ngày 11 tháng Tư các ngài Phun-đơ và Ba-rô-sơ lại có thể dung nạp môn đồ thanh giáo Phô-sê làm nhân vật thứ ba trong cái đồng minh nội các của nó.

Tháng Mười một 1849, Bô-na-pác-tơ đã tự thỏa mãn với một nội các *phi đại nghị;* tháng Giêng 1851, hắn tự thỏa mãn với một nội các *siêu đại nghị,* còn ngày 11 tháng Tư thì hắn tự thấy mình đã đủ mạnh để lập một nội các *phản đại nghị,* nội các này đã kết hợp một cách hài hòa vào trong bản thân nó những cuộc bỏ phiếu không tín nhiệm của cả hai Quốc hội, Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, tức là Quốc hội của phái cộng hòa và Quốc hội của phái bảo hoàng. Cái thang bậc ấy của các nội các là một cái hàn thử biểu mà nghị viện có thể dùng để xem nhiệt độ sống của bản thân đã sụt xuống như thế nào. Cuối tháng Tư nhiệt độ ấy đã xuống thấp đến nỗi Péc-xi-nhi, trong một cuộc hội kiến riêng với Săng-gác-ni-ê đã dám mời Săng-gác-ni-ê chạy sang phe tổng thống. Péc-xi-nhi quả quyết với Săng-gác-ni-ê rằng Bô-na-pác-tơ coi ảnh hưởng của Quốc hội là đã bị thủ tiêu hoàn toàn rồi và đã có sẵn một bản tuyên ngôn sẽ được công bố sau một coup d'état mà người ta đã nhất quyết tiến hành nhưng đã phải hoãn lại chỉ vì một sự ngẫu nhiên. Săng-gác-ni-ê đã thông báo cho các thủ lĩnh của đảng trật tự biết cái lời kết án tử hình ấy. Nhưng có ai lại đi tin rằng rệp dốt có thể chết người ? Và nghị viện, mặc dầu ốm yếu như thế, rã rời như thế, hầu như sắp chết đến nơi như thế, nhưng vẫn không chịu coi cuộc đọ gươm của mình với tên đầu sỏ lố bịch của cái Hội ngày 10 tháng Chạp là một cái gì khác ngoài cuộc đọ gươm với một con rệp. Nhưng Bô-na-pác-tơ, đã trả lời cho đảng trật tự, cũng như xưa kia A-giê-di-lát đã trả lời cho vua A-gít: *"Ngươi coi ta như một con kiến, nhưng một ngày kia ta sẽ là một con sư tử"*[81].

## VI

Sự liên minh với phái Núi và với những phần tử cộng hòa thuần túy mà đảng trật tự phải thực hiện khi hoài công ra sức giữ lấy quyền lực quân sự và giành lại sự lãnh đạo tối cao đối với quyền hành pháp, - sự liên minh đó chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng đảng trật tự đã mất *đa số* độc lập *ở nghị trường*. Ngày 28 tháng Năm, sức mạnh giản đơn của cuốn lịch, chiếc kim đồng hồ đã báo hiệu sự tan rã hoàn toàn của đảng trật tự. Ngày 28 tháng Năm đã mở đầu cái năm cuối cùng của Quốc hội. Giờ đây Quốc hội phải giải quyết vấn đề: duy trì như cũ hay là xét lại hiến pháp. Nhưng xét lại hiến pháp không phải chỉ có nghĩa là chọn giữa sự thống trị của giai cấp tư sản và sự thống trị của phái dân chủ tiểu tư sản, giữa phái dân chủ và phái vô chính phủ vô sản, giữa phái cộng hòa đại nghị và Bô-na-pác-tơ: nó còn có nghĩa là sự lựa chọn giữa dòng họ Oóc-lê-ăng và dòng họ Buốc-bông nữa ! Như vậy là quả táo gây bất hòa đã rơi ngay vào giữa nghị viện, chung quanh nó tất nhiên phải công khai bùng lên ngọn lửa xung đột giữa những lợi ích chia rẽ đảng trật tự thành những phe cánh đối địch nhau. Đảng trật tự là một sự kết hợp những thành phần xã hội không đồng nhất. Vấn đề xét lại hiến pháp đã tạo ra một nhiệt độ chính trị khiến cho sự hòa hợp ấy phân giải thành những bộ phận cấu thành lúc ban đầu của nó.



Sự quan tâm của phe Bô-na-pác-tơ đối với việc xét lại biến pháp rất dễ hiểu . Trước hết, họ muốn xóa bỏ điều khoản 45 cấm việc bầu lại Bô-na-pác-tơ và việc kéo dài quyền lực của hắn. Lập trường của phe cộng hòa cũng không kém phần dễ hiểu. Phe này nhất thiết bác bỏ mọi sự xét lại hiến pháp, coi việc đó là một âm mưu chung chống lại chế độ cộng hòa. Vì bọn họ đã chiếm *trên một phần tư số phiếu* trong Quốc hội - mà theo hiến pháp thì phải có ba phần tư tổng số phiếu mới có thể quyết định một cách hợp pháp việc xét lại hiến pháp và mới có thể triệu tập một cuộc hội nghị tiến hành việc xét lại đó - nên bọn họ chỉ việc tính số phiếu của họ để tin chắc vào thắng lợi. Và bọn họ đã tin chắc vào thắng lợi.

Ngược lại với những lập trường rõ ràng ấy, đảng trật tự lại rơi vào những mâu thuẫn không có cách gì gỡ được. Nếu nó bác bỏ việc xét lại hiến pháp, thì nó sẽ làm cho hiện trạng bị uy hiếp bằng cách mở cho Bô-na-pác-tơ một lối thoát duy nhất, tức là lối thoát bằng bạo lực, và trong giờ phút quyết định, tức là ngày chủ nhật tuần lễ thứ hai của tháng Năm 1852, bỏ mặc nước Pháp cho tình trạng vô chính phủ cách mạng, với một tổng thống đã mất hết quyền uy, một quốc hội từ lâu chẳng còn quyền uy gì nữa và một nhân dân đang mưu toan giành lại quyền uy của mình. Nếu đảng trật tự bỏ phiếu tán thành việc xét lại hiến pháp, thì nó biết rằng có bỏ phiếu cũng chỉ là uổng công vô ích, và theo hiến pháp, nó nhất định sẽ vấp phải quyền phủ quyết của phe cộng hòa. Nếu nó tuyên bố, trái với hiến pháp, rằng chỉ cần đa số phiếu tán thành là đủ, thì nó chỉ có thể hy vọng ngăn chặn được cách mạng với điều kiện là nó phải hoàn toàn phục tùng quyền hành pháp; nhưng như thế thì nó lại để cho Bô-na-pác-tơ làm chủ hiến pháp, làm chủ việc xét lại hiến pháp, và làm chủ cả bản thân nó nữa. Nếu chỉ xét lại một phần bản hiến pháp nhằm kéo dài thêm quyền lực của tổng thống, thì như thế là dọn đường cho Bô-na-pác-tơ tiếm vị để lập nền đế chế. Nếu xét lại toàn bộ bản hiến pháp, nhằm rút ngắn sự tồn tại của nền cộng hòa, thì như thế tất nhiên sẽ dẫn đến sự xung đột giữa những tham vọng vương triều, vì

những điều kiện để phục hồi triều đại Buốc-bông và những điều kiện để phục hồi triều đại Oóc-lê-ăng chẳng những khác nhau mà lại còn bài trừ lẫn nhau nữa.

*Chế độ cộng hòa đại nghị* là một cái gì lớn hơn là một miếng đất trung lập trên đó hai phe cánh của giai cấp tư sản Pháp, - phe chính thống và phe Oóc-lê-ăng, giới sở hữu ruộng đất lớn và giới công nghiệp, - có thể hoành hành bên cạnh nhau, với những quyền ngang nhau. Nó là điều kiện tất yếu của sự thống trị *chung* của chúng, là hình thức nhà nước duy nhất trong đó lợi ích giai cấp chung của chúng chi phối những tham vọng của các phe phái riêng biệt của giai cấp tư sản, cũng như chi phối tất cả các giai cấp khác trong xã hội. Nhưng, với tư cách là những phần tử bảo hoàng, bọn họ lại rơi vào tình trạng đối kháng cũ của họ, vào cuộc đấu tranh giành bá quyền giữa sở hữu ruộng đất và tiền bạc, và biểu hiện tối cao của sự đối kháng ấy, hiện thân của nó, là các ông vua của họ, các triều đại của họ. Vì lẽ đó nên đảng trật tự đã chống lại việc gọi dòng vua *Buốc-bông trở về*.

Crê-tông, thuộc phái Oóc-lê-ăng, và là nghị sĩ, trong ba năm liền 1849, 1850 và 1851, đã đưa ra kiến nghị một cách đều kỳ việc xóa bỏ sắc lệnh trục xuất các hoàng gia. Và ở nghị viện cũng đều kỳ diễn ra quang cảnh một nghị viện của những phần tử bảo hoàng mà lại khăng khăng đóng cổng không cho những ông vua bị trục xuất của họ được trở về nước. Ngày xưa, khi giết Hen-ri VI, Ri-sớt III đã nhận xét rằng Hen-ri VI là một người quá tốt đối với thế giới này, địa vị của ông ta là ở trên thiên đường kia. Còn các phái bảo hoàng thì thừa nhận rằng nước Pháp là một nước quá xấu nên không đáng có vua trở lại. Sức mạnh của hoàn cảnh đã buộc những người bảo hoàng ấy trở thành những người cộng hòa, và nhiều lần phải phê chuẩn quyết định của nhân dân trục xuất những vị vua của chúng ra khỏi nước Pháp.

Việc xét lại hiến pháp - và hoàn cảnh buộc phải đưa vấn đề đó ra thảo luận - không những làm nguy hại đến nền cộng hòa mà còn làm nguy hại đến sự thống trị chung của hai phe trong giai



cấp tư sản; đi đôi với khả năng phục hồi chế độ quân chủ, nó còn làm thức tỉnh sự đối địch giữa những lợi ích mà chế độ quân chủ đã lần lượt là kẻ đại diện chủ yếu, và làm thức tỉnh cuộc đấu tranh giành bá quyền giữa hai phe của giai cấp tư sản. Những nhà ngoại giao của đảng trật tự hy vọng chấm dứt được cuộc đấu tranh bằng cách kết hợp hai triều đại lại, bằng cái gọi là sự *hợp nhất* các dảng bảo hoàng và các hoàng tộc của họ. Sự hợp nhất thực sự của triều Phục tích và triều Quân chủ tháng Bảy chính là chế độ cộng hòa đại nghị, trong đó các màu sắc Oóc-lê-ăng và chính thống đã bị xóa nhòa đi, và các loại tư sản khác nhau đã hòa tan trong con người tư sản nói chung, trong con người tư sản với tư cách là đại biểu của chủng loại. Nhưng giờ đây thì người theo phái Oóc-lê-ăng phải trở thành người theo phái chính thống, và người theo phái chính thống phải thành người theo phái Oóc-lê-ăng. Triều đại quân chủ, vốn là hiện thân của sự đối kháng giữa hai phe ấy, bây giờ phải là hiện thân của sự thống nhất của họ; biểu hiện của những lợi ích bè phái loại trừ lẫn nhau của họ phải trở thành lợi ích chung của giai cấp họ; chế độ quân chủ phải thực hiện cái mà chỉ có việc xóa bỏ cả hai triều quân chủ, chỉ có chế độ cộng hòa, mới có thể thực hiện được và đã thực hiện rồi. Đó là viên đá luyện vàng mà các nhà thuật sĩ của đảng trật tự đã phải nát óc mới tìm ra được. Làm như thể là một ngày nào đó, nền quân chủ chính thống có thể trở thành nền quân chủ của các nhà tư sản công nghiệp, hoặc nền quân chủ tư sản có thể trở thành nền quân chủ của giai cấp địa chủ quý tộc thế tập! Làm như thể là sở hữu ruộng đất và công nghiệp có thể kết nghĩa anh em với nhau dưới một chiếc vương miện *duy nhất*, trong khi chiếc vương miện đó chỉ có thể đội được cho một cái đầu thôi, hoặc là đầu của người anh, hoặc là đầu của người em. Làm như thể là công nghiệp, nói chung có thể hòa hoãn với sở hữu ruộng đất, trong khi sở hữu ruộng đất vẫn chưa quyết tâm tự mình trở thành công nghiệp. Nếu ngày mai dây Hăng-ri V có bằng hà đi nữa, thì bá tước Pa-ri cũng vẫn không trở thành ông vua của phái chính

thống, trừ phi bá tước đó không còn là ông vua của phái Oóc-lê-ăng nữa. Song, các nhà triết học của sự hợp nhất lại càng cất cao giọng khi mà vấn đề xét lại hiến pháp ngày càng được đặt lên hàng đầu, đã biến tờ báo "Assemblée nationale" thành một tờ nhật báo chính thức của mình, và thậm chí trong giây phút này (tháng Hai 1852), họ lại bắt tay vào việc một lần nữa, - các nhà triết học của sự hợp nhất ấy đã giải thích tất cả mọi khó khăn bằng sự chống đối và ganh đua nhau giữa hai triều đại. Những mưu toan hòa giải dòng Oóc-lê-ăng với Hăng-ri V, được tiến hành ngay từ khi Lu-i - Phi-líp chết, - nhưng cũng như những âm mưu khôi phục triều đại nói chung chúng chỉ được tiến hành trong những khi Quốc hội nghỉ họp trong những giờ giải lao, ở hậu trường và nói cho đúng ra là một sự ve vãn có tính chất tình cảm đối với một sự mê tín cũ hơn là một công việc nghiêm chỉnh, - những mưu toan ấy giờ đây đã trở thành một sự trình diễn trọng thể được dàng trật tự mang lên diễn trên sân khấu công cộng, chứ không phải chỉ diễn trên sân khấu tài tử như từ trước đến nay nữa. Công văn bay từ Pa-ri đến Vơ-ni-dơ[82], từ Vơ-ni-dơ đến Cle-rơ-mơn, từ Cle-rơ-mơn đến Pa-ri. Bá tước Sam-bo công bố một bản tuyên ngôn, trong đó không phải ông ta loan báo việc phục tích của bản thân ông ta, mà là loan báo việc phục tích "quốc gia", "với sự giúp đỡ của tất cả những người trong gia đình mình". Phần tử Oóc-lê-ăng Xan-văng-đi phủ phục dưới chân Hăng-ri V. Các thủ lĩnh phái chính thống là Be-ri-ê, Bơ-noa Đa-đi, Xanh - Pri-xtơ đến Cle-rơ-mơn để thuyết phục dòng Oóc-lê-ăng, nhưng vô hiệu. Những kẻ chủ trương hợp nhất đã nhận thấy một cách quá muộn rằng những lợi ích của cả hai phe trong giai cấp tư sản, trở nên sâu sắc hơn dưới hình thức những lợi ích của hai gia tộc, của hai triều đại, không vì thế mà kém phần loại trừ lẫn nhau, mà có thêm được tính thần nhân nhượng. Nếu Hăng-ri V thừa nhận bá tước Pa-ri làm người kế vị của mình - đó là kết quả duy nhất mà những người chủ trương hợp nhất có thể hy vọng đạt được trong trường hợp thuận lợi nhất - thì dòng Oóc-lê-ăng cũng không



thu thêm được một quyền nào ngoài những quyền mà sự tuyệt tự của Hăng-ri V đã đảm bảo cho họ, nhưng như thế thì họ lại mất tất cả các quyền mà họ đã thu được nhờ cách mạng tháng Bảy. Như thế thì dòng Oóc-lê-ăng sẽ từ bỏ những tham vọng lâu đời của họ, từ bỏ tất cả những quyền mà nó đã giành giật được trong tay ngành trưởng Buốc-bông qua cuộc đấu tranh gần một thế kỷ, nó sẽ đánh đổi cái đặc quyền lịch sử của mình, cái đặc quyền xây dựng nền quân chủ hiện đại, để lấy cái đặc quyền dựa trên hệ tộc. Do đó, sự hợp nhất chẳng qua chỉ là việc dòng Oóc-lê-ăng tự nguyện thoái vị, từ bỏ những quyền của mình cho phái quân chủ chính thống, ăn năn sám hối từ bỏ đạo Tin lành để quay trở lại đạo Thiên chúa, - một sự cải tạo thậm chí cũng không đem lại cho dòng Oóc-lê-ăng chiếc ngai vàng đã mất, mà sẽ chỉ đem lại cho họ một nấc của chiếc ngai vàng trên đó họ đã ra đời. Những viên bộ trưởng cũ thuộc phái Oóc-lê-ăng như Ghi-dô, Đuy-sa-ten,v.v., cũng vội vã chạy đến Clê-rơ-mơn để chuẩn bị trước công việc hợp nhất - thực ra chỉ đại biểu cho cái trạng thái nôn nao khó chịu sau cuộc cách mạng tháng Bảy, cho tâm trạng thất vọng đối với nền quân chủ tư sản và vào nền quân chủ của những người tư sản, cho sự mê tín vào dòng chính thống, coi đó là lá bùa cuối cùng để chống lại trạng thái vô chính phủ. Họ tưởng rằng mình là những người trung gian giữa dòng Oóc-lê-ăng và dòng Buốc-bông, nhưng thực ra họ chẳng qua chỉ là những phần tử Oóc-lê-ăng phản bội và chính hoàng thân Gioăng-vin đã tiếp họ với tư cách là những người như thế. Còn bộ phận có sức sống, chiến đấu trong phái Oóc-lê ăng, như Chi-e, Ba-dơ và đồng bọn, thì lại càng dễ thuyết phục cho gia tộc Lu-i - Phi-líp thấy rằng: nếu mọi việc phục tích quân chủ đều giả định phải hợp nhất hai dòng vua lại, mà mọi sự hợp nhất như thế đều đòi hỏi dòng Oóc-lê-ăng phải từ bỏ những quyền của mình, thì tạm thời thừa nhận chế độ cộng hòa và chờ đợi những biến cố cho phép biến cái ghế tổng thống thành một ngai vàng cũng là hoàn toàn phù hợp với truyền thống của tổ tiên dòng họ ấy. Thoạt tiên, người ta phao tin hoàng thân Gioăng-vin

sẽ ứng cử tổng thống, sự tò mò của công chúng được kích thích, thế rồi, mấy tháng sau, vào hồi tháng Chín, khi chủ trương đòi xét lại hiến pháp bị bác bỏ, thì việc ứng cử của hoàng thân Gioăng-vin được công bố công khai.

Như vậy, mưu toan hợp nhất hai phe bảo hoàng Oóc-lê-ăng và chính thống chẳng những đã thất bại, mà nó lại còn phá vỡ *sự hợp nhất* của họ *ở nghị trường*, phá vỡ hình thức cộng hòa chung của họ, và một lần nữa lại làm cho đảng trật tự phân hóa thành những bộ phận cấu thành ban đầu của nó. Nhưng, sự ghẻ lạnh giữa Cle-rơ-mơn và Vơ-ni-dơ càng tăng lên, mối hòa hảo giữa hai bên càng đổ vỡ thêm, sự cổ động cho Gioăng-vin càng được đẩy mạnh, thì những cuộc thương lượng giữa Phô-sê, bộ trưởng của Bô-na-pác-tơ, với phe bảo hoàng chính thống cũng trở nên rào riết hơn, nghiêm chỉnh hơn.

Sự tan rã của đảng trật tự không phải chỉ đừng lại ở sự phân giải của nó thành những bộ phận cấu thành. Mỗi phe trong hai phe lớn đó, đến lượt nó cũng lại phân nhỏ ra hơn nữa. Dường như tất cả những màu sắc cũ, trước kia đã từng dấu tranh với nhau và loại trừ lẫn nhau trong nội bộ của mỗi phe, chính thống cũng như Oóc-lê-ăng, thì bây giờ lại được phục hồi, chẳng khác gì những con thảo trùng chết khô nay gặp nước; những màu sắc cũ ấy dường như đã nhận được một nguồn sinh lực đủ để tạo thành những những nhóm riêng với những lợi ích đối lập độc lập. Phái bảo hoàng chính thống thì hồi tưởng lại thời kỳ tranh chấp giữa điện Tuyn-lơ-ri với lầu Mác-xanh, giữa Vi-len với Pô-li-nhắc[83]. Phái Oóc-lê-ăng thì nhớ lại thời đại hoàng kim của những cuộc đọ gươm giữa Ghi-dô, Mô-lê, Brôi, Chi-e và Ô-đi-lông Ba-rô.

Một bộ phận của đảng trật tự ủng hộ việc xét lại hiến pháp nhưng lại có quan điểm khác nhau về giới hạn của việc xét lại đó, bao gồm phái chính thống, một mặt, do Be-ri-ê và Phan-lu cầm đầu, và mặt khác do La-rô-sơ-giắc-cơ-lanh cầm đầu, và phái Oóc-lê-ăng đã mệt mỏi vì đấu tranh, do Mô-lê, Brôi, Mông-ta-lăm-be và Ô-đi-lông



Ba-rô cầm đầu, - bộ phận ấy đã liên kết với những đại biểu phái Bô-na-pác-tơ để đưa ra một đề nghị mơ hồ và bao quát như sau:

"Những đại biểu ký tên dưới đây đề nghị xét lại bản hiến pháp nhằm mục đích trao lại cho quốc dân việc thực hiện đầy đủ chủ quyền của mình".

Nhưng đồng thời, thông qua báo cáo viên của mình là Tốc-cơ-vin, các đại biểu này nhất trí tuyên bố rằng Quốc hội không có quyền đề nghị *bãi bỏ chế độ cộng hòa* và chỉ có một viện được triệu tập để xét lại hiến pháp, mới có quyền đó. Vả lại, theo họ thì hiến pháp chỉ có thể được xét lại *bằng con đường "hiến pháp"*, nghĩa là nếu được một đa số là ba phần tư tổng số phiếu tán thành như hiến pháp đã quy định. Sau sáu ngày tranh cãi ầm ỹ, đến ngày 19 tháng Bảy, đề nghị xét lại hiến pháp bị bác bỏ như mọi người đã dự đoán. Tán thành việc xét lại có 446 phiếu, phản đối – có 278 phiếu. Phái Oóc-lê-ăng cực đoan như Chi-e, Sâng-gác-ni-ê, v.v., cùng bỏ phiếu theo phái cộng hòa và phái Núi.

Như thế là đa số trong nghị viện đã tuyên bố chống lại hiến pháp, nhưng chính ngay hiến pháp ấy lại ủng hộ thiểu số trong nghị viện, và đã làm cho quyết định của thiểu số này mang tính chất bắt buộc. Nhưng ngày 31 tháng Năm 1850, ngày 13 tháng Sáu 1849, đảng trật tự chẳng đã đặt đa số trong nghị viện cao hơn hiến pháp đó sao? Toàn bộ cái chính sách trước đây của đảng trật tự há chẳng đã dựa trên cơ sở bắt các điều khoản của hiến pháp phải phục tùng những quyết định của đa số nghị viện đó sao? Đảng trật tự há chẳng đã để cho phái dân chủ mê tín kiểu như kinh Cựu ước đối với từng câu từng chữ của luật pháp, và chẳng đã trừng trị phái dân chủ về sự mê tín đó, hay sao? Nhưng, trong lúc này, việc xét lại hiến pháp không có nghĩa gì khác hơn là kéo dài thời hạn quyền lực của tổng thống, còn việc kéo dài thời hạn của hiến pháp không có nghĩa gì khác hơn là lật đổ Bô-na-pác-tơ. Nghị viện đã ủng hộ Bô-na-pác-tơ, nhưng hiến pháp lại chống lại nghị viện. Do đó Bô-na-pác-tơ đã hành động theo tinh thần của nghị viện khi xé bỏ hiến pháp và hắn đã hành động theo tinh thần của hiến pháp khi hắn giải tán nghị viện.

Nghị viện đã tuyên bố hiến pháp - và cùng với hiến pháp, sự thống trị của bản thân nghị viện - là "ở ngoài đa số" với quyết định của mình nghị viện đã thủ tiêu hiến pháp, kéo dài thời hạn quyền lực của tổng thống và đồng thời cũng tuyên bố rằng chừng nào mà bản thân nghị viện còn tồn tại, thì chừng ấy hiến pháp không thể chết được và quyền hành tổng thống cũng không thể sống được. Những kẻ trong tương lai sẽ đào huyệt chôn nghị viện đã đứng chực ở cửa nghị viện rồi. Trong khi nghị viện đang bận tranh luận vấn đề xét lại hiến pháp, thì Bô-na-pác-tơ đã cách chức Ba-ra-ghê đ' In-li-ê, tư lệnh sư đoàn một, vì tướng này đã tỏ ý lừng chừng, và cử tướng Ma-nhăng, kẻ đã chiến thắng ở Ly-ông, người anh hùng trong vụ biến động hồi tháng Chạp, một trong những tay sai của hắn, đã ít nhiều bị mất uy tín vì đã ủng hộ Bô-na-pác-tơ trong cuộc chinh phạt ở Bu-lông ngay dưới thời Lu-i - Phi-líp, - giữ chức vụ này.

Bằng quyết định của mình về vấn đề xét lại hiến pháp, đảng trật tự đã tỏ ra không biết thống trị mà cũng không biết phục tùng, không biết sống mà cũng không biết chết, không biết hòa hoãn với chế độ cộng hòa mà cũng không biết lật đổ chế độ ấy, không biết duy trì hiến pháp nguyên vẹn mà cũng không biết gạt bỏ nó, không biết cộng tác với tổng thống mà cũng không biết đoạn tuyệt với hắn. Vậy, đảng trật tự chờ ai giải quyết tất cả những mâu thuẫn ấy? Chờ thời điểm, chờ bước tiến triển của các biến cố. Đảng trật tự không còn gán cho mình cái quyền lực khống chế được các sự biến nữa. Do đó, nó đã tự để cho mình chịu sự chi phối của các sự kiện, nghĩa là chịu sự chi phối của một lực lượng mà trong cuộc đấu tranh của nó chống lại nhân dân, nó đã nhường lại hết thuộc tính này đến thuộc tính khác của quyền lực, cho đến khi chính bản thân nó bị mất hết quyền lực trước lực lượng ấy. Và để tạo cơ hội cho kẻ đứng đầu quyền hành pháp được tự do hơn trong việc vạch kế hoạch chiến đấu chống lại nó, tăng cường những phương tiện tấn công của hắn, lựa chọn vũ khí của hắn, củng cố vị trí của hắn, đảng trật tự đã quyết định rời bỏ vũ



đài chiến đấu và nghỉ họp nghị viện ba tháng, từ ngày 10 tháng Tám đến ngày 4 tháng Mười một, vào đúng cái thời điểm nguy kịch ấy.

Việc đảng nghị trường đã chia ra thành hai phái lớn, việc mỗi phái ấy đến lượt mình lại chia nhỏ ra, vẫn chưa đủ - đảng trật tự trong nghị viện còn phân kỳ với đảng trật tự *ở ngoài* nghị viện nữa. Những diễn giả và những nhà văn của giai cấp tư sản, diễn đàn và báo chí của nó, tóm lại, các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản và bản thân giai cấp ấy, những người đại biểu và những người được đại biểu, đã trở nên xa lạ nhau và không hiểu nhau nữa.

Những phần tử chính thống ở các tỉnh, với tầm mắt hạn chế và lòng hăng hái vô hạn của họ, đã buộc tội các thủ lĩnh của họ ở nghị viện, Be-ri-ê và Phan-lu là đã đào ngũ chạy sang phe Bô-na-pác-tơ và đã phản lại Hăng-ri V. Trí thông minh của những người ấy, trong trắng như hoa huệ dòng Buốc-bông, đã tin vào tội tổ tông chứ không tin vào ngoại giao.

Vô cùng nguy hại hơn và có tính quyết định hơn, là sự đoạn tuyệt giữa giai cấp tư sản thương nghiệp với những chính khách của họ. Trong khi các phần tử chính thống trách các đại biểu của họ là đã lìa bỏ nguyên tắc, thì giai cấp tư sản thương nghiệp, trái lại đã trách các đại biểu mình là trung thành mãi với những nguyên tắc đã trở nên vô dụng.

Trên đây tôi đã chỉ rõ rằng, từ khi Phun-đơ tham gia nội các, thì bộ phận của giai cấp tư sản thương nghiệp từng nắm phần lớn quyền lực dưới thời Lu-i - Phi-líp, tức là *bọn quý tộc tài chính*, đã trở thành những kẻ đi theo Bô-na-pác-tơ. Phun-đơ chẳng những bảo vệ lợi ích của Bô-na-pác-tơ ở sở giao dịch, - hắn còn bảo vệ lợi ích của sở giao dịch trước Bô-na-pác-tơ. Lập trường của bọn quý tộc tài chính đã được miêu tả hết sức rõ rệt trong một đoạn đăng ở cơ quan ngôn luận của chúng ở châu Âu, tức là tờ "Economist" [84] ở Luân Đôn. Trong số ra ngày 1 tháng Hai 1851, tạp chí đó đã đăng một bài từ Pa-ri gửi tới:

"Giờ đây chúng ta nhận được từ khắp mọi phía những lời tuyên bố nói rằng nước Pháp trước hết cần được yên tĩnh. Tổng thống tuyên bố điều đó trong bức thông điệp gửi cho Quốc hội lập pháp; điều đó cũng được nhắc lại như một tiếng vang từ diễn đàn Quốc hội, được xác nhận trên báo chí, được công bố tại giảng đàn nhà thờ: *sự nhạy cảm của các phiếu quốc trái đối với mỗi một nguy cơ nhỏ nhất đe dọa làm rối loạn sự yên tĩnh, và sự ổn định của chúng mỗi khi quyền hành pháp thắng thế, cũng chứng minh điều đó*".

Trong số ra ngày 29 tháng Mười một 1851, tờ "Economist" đã nhân danh nó tuyên bố:

*"Trong tất cả mọi sở giao dịch ở châu Âu, tổng thống hiện được công nhận là người lính canh giữ trật tự".*

Do đó, bọn quý tộc tài chính nguyền rủa cuộc đấu tranh nghị trường do đảng trật tự tiến hành chống lại quyền hành pháp, coi đó là một sự *vi phạm trật tự*, và họ chào mừng mỗi thắng lợi của tổng thống đối với những kẻ gọi là những đại biểu của bản thân chúng, như là một *thắng lợi của trật tự*. Ở đây, không nên hiểu rằng bọn quý tộc tài chính chỉ gồm có những kẻ trung gian lớn trong việc phát hành các trái khoản và những tay đầu cơ quốc trái mà lợi ích nhất trí với lợi ích của chính quyền nhà nước, vì những lý do hoàn toàn dễ hiểu. Tất cả giới tài chính hiện đại, tất cả giới ngân hàng đều gắn rất mật thiết với tín dụng quốc gia. Một phần tư bản ngân hàng của họ tất nhiên phải được bỏ vào các chứng khoán có lãi của nhà nước có thể chuyển thành tiền mặt một cách dễ dàng. Những khoản tiền gửi ngân hàng, tức là những tư bản gửi vào các ngân hàng và do các ngân hàng phân phối cho những nhà thương nghiệp và công nghiệp, một phần là do tiền lãi của những chủ nợ của nhà nước mà ra. Nếu trong mọi thời kỳ, sự ổn định của chính quyền nhà nước đều là thánh địa thiêng liêng cũ đối với toàn bộ thị trường tiền tệ và những pháp sư của thị trường ấy, thì ngày nay, - khi mà mỗi nạn hồng thủy đều đe dọa quét khỏi mặt đất những món nợ cũ của nhà nước cùng với những nhà nước cũ, - làm sao lại có thể khác thế được?

Cả *giai cấp tư sản công nghiệp*, đang cuồng tín khao khát trật tự, cũng bất bình về những mối phân tranh giữa đảng trật tự ở



nghị viện và quyền hành pháp. Chi-e, Ăng-glét, Xanh - Bơ-vơ, v.v., sau cuộc bỏ phiếu của họ ngày 18 tháng Giêng nhân việc cách chức Săng-gác-ni-ê đã bị những cử tri của họ ở ngay những tỉnh công nghiệp, công khai khiển trách, đặc biệt là sự liên minh của họ với phái Núi đã bị lên án như một sự phản bội nghiêm trọng đối với trật tự. Như chúng ta đã thấy, nếu những sự châm chọc khoác lác và những mưu mô nhỏ nhặt – cuộc đấu tranh của đảng trật tự chống lại tổng thống quy lại là như vậy, - không đáng được hoan nghênh hơn, thì mặt khác, bộ phận ấy của giai cấp tư sản, những kẻ đang đòi hỏi các đại biểu của họ phải ngoan ngoãn giao ngay quyền lực quân sự từ trong tay nghị viện của chính họ vào tay một tên phiêu lưu rắp tâm lên ngôi hoàng đế, thậm chí cũng không xứng đáng với những mưu mô đã được thực hiện vì lợi ích của họ nữa. Bộ phận ấy chỉ ra rằng cuộc đấu tranh cho lợi ích *công cộng* của họ, cho *lợi ích giai cấp* của chính họ, cho *quyền lực chính trị* của họ, là một trở ngại cho những công việc kinh doanh riêng của họ, chỉ đè nặng lên họ và làm cho họ khó chịu mà thôi.

Các thân hào tư sản ở các tỉnh lỵ, các ủy viên hội đồng thị chính, các viên thẩm phán tòa án thương mại v.v., hầu như không có ngoại lệ, đâu đâu cũng đều đón tiếp Bô-na-pác-tơ một cách hết sức nô lệ trong những cuộc kinh lý của hắn, - ngay cả ở Đi-giông, là nơi hắn đã công kích Quốc hội, đặc biệt là công kích đảng trật tự không chút nể nang.

Khi thương nghiệp phát đạt, - như điều đó còn diễn ra vào đầu năm 1851, - thì giai cấp tư sản thương nghiệp đả kích ầm ĩ bất kỳ cuộc đấu tranh nghị trường nào, sợ rằng nó sẽ làm hại đến công việc buôn bán của họ. Khi thương nghiệp bị đình đốn, - như tình hình vẫn thường xảy ra, bắt đầu từ cuối tháng Hai 1851, - thì giai cấp tư sản thương nghiệp lại phàn nàn về những cuộc đấu tranh ở nghị trường, cho rằng đó là nguyên nhân làm cho công việc làm ăn bị đình đốn, và họ kêu gào đòi chấm dứt những cuộc đấu tranh ấy để cho công việc buôn bán lại có thể tiếp tục. Các

cuộc tranh luận về vấn đề xét lại hiến pháp đã diễn ra đúng vào thời kỳ khó khăn này. Vì đây là vấn đề còn hay mất của hình thức nhà nước hiện tồn, cho nên giai cấp tư sản càng cho mình có quyền yêu cầu các đại biểu của họ chấm dứt cái tình trạng tạm thời đau khổ ấy và đồng thời cứ giữ nguyên tình trạng hiện tồn. Ở đây không có gì là mâu thuẫn cả. Giai cấp tư sản hiểu chấm dứt tình trạng tạm thời là kéo dài cái tình trạng tạm thời ấy, là hoãn cái giờ phút cần phải quyết định vấn đề đến một thời gian xa xăm mù mịt. Chỉ có thể giữ status quo bằng hai cách: hoặc là kéo dài thời hạn cầm quyền của Bô-na-pác-tơ, hoặc là cất quyền của Bô-na-pác-tơ đi theo đúng hiến pháp và bầu Ca-ve-nhắc. Một bộ phận trong giai cấp tư sản mong muốn cách giải quyết sau, nhưng bọ không biết khuyên các đại biểu của họ làm một cái gì tốt hơn là cứ lặng thinh và dừng đụng đến vấn đề nóng bỏng ấy. Họ nghĩ rằng nếu các đại biểu của họ không nói năng thì Bô-na-pác-tơ cũng sẽ không hành động gì. Họ muốn có một nghị viện đà điểu cứ giấu đầu đi để khỏi ai trông thấy mình. Một bộ phận khác của giai cấp tư sản lại muốn cứ để Bô-na-pác-tơ ở ghế tổng thống, một khi hắn đã ngồi dấy rồi, để cho mọi việc đều vẫn y nguyên như cũ. Họ nổi giận vì nghị viện của họ không công khai vi phạm hiến pháp và không chịu thẳng thừng từ bỏ quyền lực.

Các hội đồng hàng tỉnh, tức tổ chức đại diện ở tỉnh của giai cấp đại tư sản, nhóm họp trong khi Quốc hội nghỉ, từ ngày 25 tháng Tám, hầu như nhất trí tán thành việc xét lại hiến pháp, tức là chống lại nghị viện và ủng hộ Bô-na-pác-tơ.

Nhưng giai cấp tư sản còn bộc lộ sự tức giận của họ đối với các đại biểu của họ trong văn học, đối với báo chí của chính họ, một cách còn rõ ràng hơn là đối với *những đại biểu* của họ *trong nghị viện*. Không chỉ nước Pháp, mà cả châu Âu cũng đều kinh ngạc về những vụ phạt tiền quá nặng và những vụ phạt tù nhục nhã của các tòa án tư sản đối với bất kỳ nhà báo tư sản nào đã viết bài công kích những khát vọng tiếm vị của Bô-na-pác-tơ, đối



với bất kỳ báo chí nào đã mưu toan bảo vệ những quyền chính trị của giai cấp tư sản chống lại quyền hành pháp.

Như tôi đã chỉ rõ, nếu bằng những tiếng gào thét của nó đòi yên tĩnh, *đảng trật tự ở nghị viện* đã tự buộc mình phải về vườn; nếu trong cuộc đấu tranh của mình chống các giai cấp khác trong xã hội, tự tay mình thủ tiêu tất cả mọi điều kiện của chính cái chế độ của mình, tức là của chế độ đại nghị, đảng trật tự đã tuyên bố nền thống trị chính trị của giai cấp tư sản là không thể dung hợp được với sự an ninh và sự tồn tại của giai cấp ấy, thì trái lại, *khối đông giai cấp tư sản ở ngoài nghị trường*, - với thái độ nô lệ của họ đối với tổng thống, với những lời lăng mạ của họ đối với nghị viện, với thái độ tàn nhẫn của họ đối với báo chí của họ, - lại khích lệ Bô-na-pác-tơ đàn áp, tiêu diệt bộ phận nói năng và viết lách của họ, những nhà chính trị và những nhà trước tác của họ, diễn đàn và báo chí của họ, - tất cả là để cho họ có thể yên tâm lo công việc làm ăn riêng của họ dưới sự bảo vệ của một chính phủ mạnh và chuyên chế. Họ tuyên bố rõ ràng rằng họ tha thiết mong muốn thoát khỏi sự thống trị của chính họ để thoát khỏi những sự vất vả và những sự nguy hiểm gắn liền với sự thống trị đó.

Và chính cái giai cấp tư sản ngoài nghị trường ấy, trước kia đã từng nổi giận về sự đấu tranh thuần túy nghị trường và bằng sách báo nhằm bảo vệ sự thống trị của chính giai cấp họ, và đã phản bội những lãnh tụ cuộc đấu tranh ấy, - chính giai cấp ấy giờ đây, sau khi việc đã rồi, lại dám buộc tội giai cấp vô sản là đã không đứng lên đấu tranh vì họ, trong một cuộc đấu tranh đổ máu, một cuộc đấu tranh một mất một còn! Cái giai cấp tư sản ấy, lúc nào cũng hy sinh lợi ích chung của giai cấp mình, nghĩa là lợi ích chính trị của giai cấp mình, để bảo vệ những lợi ích riêng tư thiển cận nhất, bẩn thỉu nhất của họ, và đòi hỏi các đại biểu của họ cũng phải hy sinh như thế, giai cấp ấy giờ đây lại gào thét rằng giai cấp vô sản đã đem những lợi ích chính trị lý tưởng của nó hy sinh cho lợi ích của mình. Giai cấp tư sản ấy làm ra

về mình là kẻ có tâm hồn cao thượng mà không ai biết đến, và bị giai cấp vô sản bỏ rơi trong giờ phút quyết định, vì giai cấp này đã bị những người xã hội chủ nghĩa làm cho lầm đường lạc lối. Và những tiếng gào thét của nó đã được hưởng ứng khắp nơi trong thế giới tư sản. Dĩ nhiên, ở đây tôi không nói đến bọn chính khách quèn và bọn trí thức nửa mùa ở Đức. Ví dụ, tôi muốn nói đến cùng vẫn tờ tạp chí "Economist" ấy; tờ tạp chí này ngày 29 tháng Mười một 1851, nghĩa là chỉ bốn ngày trước cuộc chính biến, còn tuyên bố Bô-na-pác-tơ là "người lính canh giữ trật tự" và quy kết Chi-e và Be-ri-ê là "những phần tử vô chính phủ", và đến ngày 27 tháng Chạp 1851, khi Bô-na-pác-tơ đã dẹp yên được "những phần tử vô chính phủ" ấy, thì nó lại kêu tướng lên rằng "những quần chúng vô sản ngu dốt, vô giáo dục, dần độn" đã phản lại "những tài năng, sự hiểu biết, kỷ luật, ảnh hưởng tinh thần, những nguồn trí tuệ và uy tín đạo đức của các tầng lớp trung lưu và thượng lưu trong xã hội". Đám quần chúng dần độn, ngu dốt, và đê tiện ấy chẳng phải ai đâu khác, mà chính là đám quần chúng tư sản.

Năm 1851, quả thật nước Pháp đã trải qua một loại khủng hoảng nhỏ về thương nghiệp. Cuối tháng Hai, so với năm trước, xuất khẩu bị giảm sút so với năm 1850; trong tháng Ba, thương nghiệp sút kém và các công xưởng bắt đầu đóng cửa; trong tháng Tư, tình hình các tỉnh công nghiệp cơ hồ cũng nguy ngập chẳng khác gì những ngày sau sự biến tháng Hai; trong tháng Năm, tình hình vẫn chưa trở lại được như cũ; ngày 28 tháng Sáu, số tồn kho của Ngân hàng nước Pháp với sự tăng lên rất mạnh của các khoản tiền gửi ngân hàng và sự giảm xuống cũng mạnh như thế của công việc chiết khấu, đã chứng minh sự đình đốn trong sản xuất, và chỉ đến trung tuần tháng Mười, tình hình mới bắt đầu dần dần hồi phục. Giai cấp tư sản Pháp cho rằng sự đình trệ về thương nghiệp ấy là do những nguyên nhân thuần túy chính trị, là do cuộc đấu tranh giữa nghị viện và quyền hành pháp, là do sự không ổn định của một hình thức chính quyền nhà nước chỉ có tính chất



tạm thời, là do cái viễn ảnh khủng khiếp của ngày chủ nhật thứ hai trong tháng Năm 1852. Tôi không phủ nhận rằng tất cả những tình hình ấy đã ảnh hưởng đến sự giảm sút trong một số ngành công nghiệp ở Pa-ri và ở các tỉnh. Nhưng, dù sao, ảnh hưởng đó của tình hình chính trị chỉ có tính chất địa phương và không quan trọng. Chứng minh điều đó tốt hơn cả là cái sự kiện: đúng giữa lúc tình hình chính trị trở nên xấu hơn, chân trời chính trị bị mây đen bao phủ, giữa lúc mọi người đều luôn luôn chờ đợi một tia chớp lóe ra từ điện Ê-li-dê, tức là vào trung tuần tháng Mười, thì thương nghiệp lại bắt đầu phục hồi. Vả lại, trong suốt thời gian cuộc triển lãm công nghiệp ở Luân Đôn[85], con người tư sản Pháp mà "tài năng, sự hiểu biết, óc sáng suốt và nguồn trí tuệ" không vượt quá cái mũi của hắn, cũng đã có thể chạm mũi phải nguyên nhân thực sự của những tai họa thương nghiệp của hắn. Trong khi ở Pháp các công xưởng bị đóng cửa, thì ở Anh xảy ra nhiều vụ phá sản về thương nghiệp. Nếu như ở Pháp, sự hoảng loạn về công nghiệp lên đến cực điểm vào hồi tháng Tư và tháng Năm, thì ở Anh, hồi tháng Tư và tháng Năm, sự hoảng loạn về thương nghiệp lên tới cực điểm. Việc sản xuất len và công nghiệp tơ lụa ở Anh cũng bị thiệt hại chẳng khác gì ở Pháp. Mặc dầu các xưởng chế tạo bông sợi của Anh vẫn tiếp tục làm việc, nhưng chúng không còn thu được lợi nhuận như những năm 1849 và 1850 nữa. Điểm khác nhau duy nhất là ở Pháp thì khủng hoảng công nghiệp mà ở Anh thì khủng hoảng thương nghiệp, ở pháp các công xưởng ngừng hoạt động thì ở Anh các công xưởng lại mở rộng sản xuất, nhưng trong những điều kiện kém thuận lợi hơn những năm trước đây, ở Pháp bị thiệt hại nhiều nhất là xuất khẩu, còn ở Anh thì bị thiệt hại nhiều nhất là nhập khẩu. Cái nguyên nhân chung của tình hình ấy, - nguyên nhân mà lẽ dĩ nhiên người ta không nên tìm trong phạm vi tình hình chính trị nước Pháp, - đã rõ mồn một. Các năm 1849 và 1850 là những năm hết sức phồn thịnh về vật chất và sản xuất thừa, mà kết quả chỉ mãi đến năm 1851 mới bộc lộ. Vào đầu năm ấy nạn sản xuất thừa đặc biệt trở nên trầm

trọng, vì cuộc triển lãm công nghiệp sắp tới. Thêm vào đó, còn có những hoàn cảnh đặc biệt sau đây: lúc đầu là nạn mất mùa bông trong những năm 1850 và 1851, rồi sau đó là sự tin chắc được mùa bông to không ai ngờ tới; trước thì giá bông lên cao, kế đến thì giá bông lại hạ xuống đột ngột, tóm lại là những sự lên xuống trong giá bông. Thu hoạch về tơ sống, ít ra là ở nước Pháp, bị tụt xuống dưới mức trung bình. Sau hết, ngành công nghiệp len từ năm 1848 đã phát triển rộng đến nỗi việc sản xuất len đã không thể đi kịp nó, và so với giá hàng len thì giá len sống lên cao một cách quá mức. Như thế là ở đây, trong tình hình nguyên liệu của ba ngành công nghiệp sản xuất cho thị trường thế giới, chúng ta đã thấy ba nguyên nhân của sự đình trệ về thương nghiệp rồi. Nếu không nói tới những hoàn cảnh đặc biệt ấy thì cuộc khủng hoảng bế ngoài năm 1851 chẳng qua chỉ là một sự đình trệ thường xuyên diễn ra cùng với nạn sản xuất thừa và đầu cơ quá mức trong chu kỳ công nghiệp, trước khi chúng đem hết sức lực ra để hồi hả vượt qua giai đoạn cuối cùng của chu kỳ và trở về khởi điểm của chúng là cuộc *tổng khủng hoảng thương nghiệp*. Trong những khoảng thời gian như vậy của lịch sử thương nghiệp, nhiều cuộc phá sản về thương nghiệp xảy ra ở Anh, còn ở Pháp thì chính bản thân công nghiệp bị đình lại, một phần vì công nghiệp Pháp bắt buộc phải rút lui trên tất các thị trường trước sự cạnh tranh của Anh mà lúc bấy giờ Pháp không thể đương đầu nổi, còn phần khác thì vì với tư cách là một công nghiệp sản xuất hàng xa xỉ, nó đặc biệt nhạy cảm đối với mọi sự đình đốn trong thương nghiệp. Như vậy, ngoài những cuộc khủng hoảng chung, nước Pháp còn trải qua những cuộc khủng hoảng thương nghiệp quốc gia riêng của mình nữa, nhưng những cuộc khủng hoảng này do tình hình chung của thị trường quốc tế quyết định và chi phối nhiều hơn là do những ảnh hưởng địa phương của nước Pháp. Nếu chúng ta đem đối chiếu thiên kiến của người tư sản Pháp với sự phán đoán của người tư sản Anh tưởng cũng không phải là không có ích. Một trong những hãng buôn lớn ở Li-vớc-pun



đã viết những dòng sau đây trong bản tổng kết thương nghiệp hàng năm của nó về năm 1851:

"Ít có năm nào lại đánh lạc hướng những dự đoán hồi đầu năm, hơn là năm vừa qua. Dáng lẽ là một năm đại thịnh vượng như mọi người đều nhất trí hy vọng, thì lại là năm bi đát nhất chưa từng thấy từ một phần tư thế kỷ nay. Dĩ nhiên, điều đó chỉ đúng đối với các giai cấp thương nghiệp thôi, chứ không đúng đối với các giai cấp công nghiệp. Ấy thế mà, vào hồi đầu năm, người ta đều có lý do vững chắc để trù liệu tình hình ngược lại: dự trữ hàng hóa ít ỏi, số tư bản lại dồi dào, giá thực phẩm hạ, mùa màng lại chắc chắn được tốt; trên lục địa thì hòa bình yên ổn và trong nước thì không có những rối loạn về chính trị hay tài chính; thực vậy, có vẻ như là thương nghiệp có thể trải rộng đôi cánh hơn bao giờ hết... Vậy nên quy cái kết quả bất lợi ấy cho nguyên nhân nào? Chúng tôi nghĩ là nên quy cho *sự phát triển quá mức của thương nghiệp*, kể cả nhập khẩu lẫn xuất khẩu. Nếu bản thân các thương nhân chúng ta không đặt hoạt động của mình với những giới hạn chật hẹp hơn thì không có gì có thể giữ được cái thế quân bình cho chúng ta, ngoài cái nạn hoảng loạn cứ ba năm lại xảy ra một lần".

Bây giờ chúng ta hãy hình dung con người tư sản Pháp trong cơn hoảng loạn thương nghiệp đó, với cái đầu óc rỗ đại vì thương nghiệp của họ, cái đầu óc lúc nào cũng bị tra tấn, quấy nhiễu, choáng váng, vì những tin đồn chính biến và lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông, vì cuộc đấu tranh giữa nghị viện và quyền hành pháp, vì cuộc phân tranh giữa phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống, vì những âm mưu cộng sản ở miền nam nước Pháp, vì những cuộc nổi loạn giả tưởng của nông dân ở các tỉnh Ni-e-vrơ và Se-rơ, vì những sự quảng cáo của những người ra ứng cử tổng thống, những khẩu hiệu huênh hoang của các tờ báo, những lời đe dọa của phe cộng hòa sẽ cầm khí giới để bảo vệ hiến pháp và chế độ đầu phiếu phổ thông, những cuốn phúc âm của các tay anh hùng lưu vong in partibus tiên đoán ngày tận thế vào chủ nhật thứ hai trong tháng Năm 1852, - chúng ta hãy hình dung con người tư sản Pháp trong tình hình như thế, thì lúc đó chúng ta sẽ hiểu tại sao trong tình trạng hỗn độn inh tai váng óc không thể tưởng tượng được như thế do những việc hợp nhất, xét lại, kéo dài, bảo vệ, âm mưu, liên minh, lưu vong, tiếm quyền và cách mạng, người tư sản đã phát điên lên mà thét vào mặt chế độ cộng hòa đại nghị của mình: *"Một sự kết thúc khủng khiếp còn hơn là một sự khủng khiếp không bao giờ kết thúc!"*

Bô-na-pác-tơ đã hiểu được tiếng thét ấy. Trí thông minh của hắn đã tăng thêm do sự thôi thúc ngày càng dữ dội của các chủ nợ; những người này, cứ mỗi lần mặt trời lặn làm cho ngày mãn nhiệm kỳ tổng thống, tức ngày chủ nhật tuần lễ thứ hai của tháng Năm 1852, càng tới gần, thì lại cảm thấy sự vận động của các vì sao đang chống lại những kỳ phiếu của họ ở hạ giới. Bọn họ đã trở thành những nhà chiêm tinh thực sự. Quốc hội đã làm cho Bô-na-pác-tơ không còn hy vọng vào việc kéo dài một cách hợp hiến nhiệm kỳ của mình nữa, và việc hoàng thân Gioăng-vin ra ứng cử tổng thống không cho phép hắn được lưỡng lự lâu hơn nữa.

Nếu một khi nào đó có một biến cố mà bóng đen của nó xuất hiện trước rất lâu trước khi nó xảy đến, thì đó chính là cuộc đảo chính của Bô-na-pác-tơ. Ngay từ ngày 29 tháng Giêng 1849, nghĩa là chưa đầy một tháng sau khi trúng cử, Bô-na-pác-tơ đã đề nghị với Săng-gác-ni-ê làm đảo chính. Viên thủ tướng của hắn, Ô-đi-lông Ba-rô, trong mùa hạ 1849 đã nói đến chính sách làm đảo chính dưới một hình thức che đậy. Chi-e trong mùa đông 1850 thì đã nói đến một cách công khai. Tháng Năm 1851, Péc-xi-nhi một lần nữa cố tìm cách làm cho Săng-gác-ni-ê ủng hộ cuộc đảo chính và tờ "Messager de l'Assemblée"[36] đã công bố cuộc thương lượng ấy. Mỗi lần có bão táp ở nghị trường, báo chí phe Bô-na-pác-tơ lại hăm dọa làm đảo chính, và cuộc khủng hoảng càng đến gần, thì họ lại càng to tiếng. Trong những cuộc chè chén linh đình mà đêm nào Bô-na-pác-tơ cũng tổ chức cùng với bọn bịp bợm sang trọng cả nam lẫn nữ, cứ mỗi lần gần đến nửa đêm, men rượu nốc vào đã bốc ra lời và đốt nóng trí tưởng tượng thì bọn chúng lại quyết định thực hiện cuộc đảo chính vào sáng hôm sau. Gươm được tuốt ra khỏi vỏ, cốc chạm vào nhau, các đại biểu chuồn qua cửa sổ, và cái áo hoàng bào lại được khoác lên vai Bô-na-pác-tơ, cho đến khi ánh ban mai đến xua tan các bóng ma, và qua cửa miệng của những cô gái đồng trinh thờ thần lửa bép xép và của bọn kỵ sĩ ba hoa, Pa-ri kinh ngạc lại được biết là mình vừa qua một cơn nguy hiểm nữa. Trong tháng Chín và tháng Mười, tiếng



đồn về một coup d'état càng dồn dập. Bóng đen đã có màu sắc, hệt như một tấm kính ảnh mẫu. Chỉ cần hãy lật những trang nhật báo ở châu Âu xuất bản trong tháng Chín và tháng Mười, là người ta sẽ thấy nguyên văn những tin tức thuộc loại như sau: "Những tiếng đồn đảo chính lan tràn khắp Pa-ri. Người ta nói rằng đêm nay thủ đô sẽ đầy ngập quân đội và đến sáng mai sẽ có những sắc lệnh giải tán Quốc hội, tuyên bố thiết quân luật trong tỉnh Xen, lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông và hiệu triệu nhân dân. Người ta nói rằng Bô-na-pác-tơ hình như đang tìm kiếm những bộ trưởng để thực hiện các sắc lệnh bất hợp pháp ấy". Những bản tin viết về những chuyện đó khi nào cũng kết thúc bằng những tiếng không sao tránh khỏi: *"Hoãn lại"*. Đảo chính luôn luôn là tư tưởng ám ảnh Bô-na-pác-tơ. Chính hắn đã trở về Pháp với tư tưởng đó. Tư tưởng đó ám ảnh hắn đến nỗi hắn luôn luôn để lộ và nói hở ra. Nhưng hắn nhu nhược đến nỗi luôn luôn từ bỏ cái ý nghĩ ấy. Cái bóng đen của cuộc đảo chính đã trở thành rất quen thuộc đối với nhân dân Pa-ri như là một bóng ma, đến nỗi cuối cùng khi nó xuất hiện bằng xương bằng thịt thì họ cũng không muốn tin là có thực nữa. Bởi vậy, cuộc đảo chính đã thành công không phải vì sự kín đáo của tên cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp, cũng không phải vì Quốc hội bị đánh một đòn bất ngờ. Và nếu nó thành công thì thành công ấy đã xảy ra bất chấp tính bép xép của *Bô-na-pác-tơ và với sự biết rõ của Quốc hội* như đó là kết quả tất yếu, không thể tránh khỏi của tiến hình trước đó của các sự kiện.

Ngày 10 tháng Mười, Bô-na-pác-tơ báo cho nội các của hắn biết rằng hắn muốn lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông ngày 16, nội các tổ chức; ngày 26, Pa-ri được tin nội các Tô-ri-nhi thành lập. Đồng thời Mô-pa được cử lên thay Các-li-ê làm cảnh sát trưởng và Ma-nhăng, tư lệnh sư đoàn một, đã tập trung về thủ đô những trung đoàn đáng tin cậy nhất. Ngày 4 tháng Mười một, Quốc hội họp trở lại. Quốc hội chẳng còn cách gì nữa ngoài việc nhắc lại bài bọc đã qua một cách ngắn gọn và chứng tỏ rằng chỉ khi nào nó chết rồi thì người ta mới chôn nó.

Cái vị trí đầu tiên mà Quốc hội đã mất trong cuộc đấu tranh với quyền hành pháp, đó là nội các. Quốc hội phải trịnh trọng thừa nhận sự mất mát ấy bằng cách hoàn toàn công nhận nội các Tô-ri-nhi, một nội các chỉ thuần có hình thức bề ngoài thôi. Ban thường trực Quốc hội đã phá lên cười khi đón tiếp ông Gi-rô đến gặp nó nhân danh nội các mới. Một nội các yếu đuối đến thế mà lại được dùng để thi hành một biện pháp mạnh mẽ như việc lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông! Nhưng toàn bộ vấn đề lúc đó chính là không làm một việc gì *thông qua* nghị viện, mà lại làm tất cả mọi việc để *chống lại* nghị viện.

Ngay ngày họp lại đầu tiên, Quốc hội đã nhận được bức thông điệp của Bô-na-pác-tơ, trong đó, hắn yêu cầu lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông và bãi bỏ đạo luật ngày 31 tháng Năm 1850. Cũng ngày đó, các bộ trưởng của hắn đã đưa ra Quốc hội một sắc luật theo tinh thần ấy. Lập tức Quốc hội liền bác đề nghị của các bộ trưởng về tính chất khẩn cấp của sắc lệnh, còn bản thân đạo luật thì nó bác bỏ ngày 13 tháng Mười một với 355 phiếu chống và 348 phiếu thuận. Thế là một lần nữa, Quốc hội đã hủy bỏ sự ủy nhiệm của nhân dân giao cho mình; một lần nữa Quốc hội đã chứng thực rằng, từ một Quốc hội do nhân dân tự do bầu lên, nó đã biến thành một nghị viện tiếm vị của một giai cấp; một lần nữa, nó đã thừa nhận rằng nó đã tự mình chặt đứt những bắp thịt nối liền cái đầu là nghị viện với cái cơ thể là quốc dân.

Nếu quyền hành pháp dùng dề nghị của mình lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông để kháng cáo Quốc hội với nhân dân, thì quyền lập pháp lại dùng dự luật của các chủ nhiệm văn phòng Quốc hội của mình để kháng cáo nhân dân với quân đội. Với dự luật này, Quốc hội xác lập một cách vững chắc cái quyền của mình được trực tiếp điều động quân đội, được thành lập một đạo quân của nghị viện. Như vậy, khi chỉ định quân đội làm người trọng tài giữa nó và nhân dân, giữa nó và Bô-na-pác-tơ, khi thừa nhận quân đội là một lực lượng quyết định trong nước, thì mặt khác, Quốc hội cũng sẽ phải xác nhận rằng từ lâu nó đã từ bỏ cái tham



vọng thống trị lực lượng ấy rồi. Nó đã bộc lộ sự nghi ngờ đối với lực lượng của bản thân, khi đáng lẽ phải điều động quân đội ngay lập tức thì nó lại đi tranh cãi về quyền điều động ấy. Bác bỏ dự luật của các chủ nhiệm văn phòng Quốc hội, Quốc hội đã công khai thú nhận sự bất lực của mình. Dự luật ấy đã bị bác bỏ vì chỉ thu được có một thiểu số là 108 phiếu: phái Núi đã làm nghiêng cán cân. Như vậy, phái Núi đã lâm vào tình thế của con lừa Bu-ri-đăng cố nhiên không phải là ở giữa hai bó rạ, xem bó rạ nào ngon hơn, mà đúng là giữa hai bó gậy, xem bó gậy nào cứng hơn. Một mặt, sợ Săng-gác-ni-ê, mặt khác, sợ Bô-na-pác-tơ. Phải thú thực rằng tình thế đó chẳng có chút gì là anh hùng cả.

Ngày 18 tháng Mười một, thêm vào dự luật do đảng trật tự đưa ra về các cuộc tuyển cử hội đồng thành phố, người ta bổ sung một điểm, theo đó thì một cử tri ngụ tại địa phương một năm là được đi bầu, chứ không phải ba năm nữa. Điểm bổ sung ấy bị bác bởi một đa số chỉ trội hơn có một phiếu, nhưng sau đó, người ta nhận ngay ra rằng phiếu trội hơn ấy là do một sự nhầm lẫn. Từ lâu, đảng trật tự đã mất đa số độc lập của mình ở nghị viện, vì đã tự phân chia thành những phe cánh đối địch nhau. Bây giờ, đảng đó đã chứng tỏ rằng ở nghị viện không còn có phe đa số nào nữa. Quốc hội đã *mất năng lực thông qua các quyết định*. Những nguyên tử hình thành nên nó không còn gắn bó với nhau bằng một lực dính nào nữa, nó đã trút hơi thở cuối cùng của nó, nó đã chết.

Sau cùng, mấy ngày trước khi xảy ra tai họa, số đông thuộc giai cấp tư sản ở ngoài nghị viện lại trịnh trọng chứng minh thêm một lần nữa sự đoạn tuyệt giữa họ với giai cấp tư sản ở trong nghị viện. Chi-e, với tư cách là tay anh hùng hảo hán ở nghị viện, đặc biệt mắc cái bệnh nan y là bệnh mê tín nghị trường, - sau khi nghị viện chết đã cùng với Hội đồng nhà nước bày ra một âm mưu nghị trường mới, tức là khởi thảo một đạo luật về trách nhiệm để ràng buộc chặt tổng thống vào trong những giới hạn của hiến pháp. Cũng như ngày 15 tháng Chín, nhân dịp khởi công xây chợ mới ở

Pa-ri, Bô-na-pác-tơ giống như một chàng Ma-da-ni-en-lô thứ hai, đã dụ dỗ được các mụ bán hàng trong chợ, các mụ bán cá - thật ra, xét về thực lực thì một mụ hàng cá cũng bằng 17 vị tướng giữ thành, - cũng như sau khi có bản dự luật của các chủ nhiệm văn phòng Quốc hội, hắn đã làm cho các viên trung úy được hắn chiêu đãi ở điện Ê-li-dê hân hoan phấn khởi, ngày 25 tháng Mười một, hắn lại quyến rũ bọn tư sản công nghiệp tụ tập ở trường xiếc bằng cách tự tay gắn cho họ những tấm huy chương về cuộc triển lãm công nghiệp ở Luân Đôn. Tôi xin trích một đoạn đặc trưng trong bài diễn văn của Bô-na-pác-tơ đã đăng trên tờ "Journal des Débats":

"Đứng trước những kết quả không ngờ như thế, tôi có quyền tuyên bố một lần nữa rằng nền Cộng hoà Pháp sẽ lớn mạnh biết bao nếu nó được rảnh rang theo đuổi những lợi ích thực sự của nó và cải tổ các thiết chế của nó, chứ không phải luôn luôn bị rối ren, một mặt, vì bọn mị dân, mặt khác, vì những ảo ảnh quân chủ chủ nghĩa. (Vỗ tay vang dội, nhiệt liệt và kéo dài từ khắp mọi phía trong rạp.) Những ảo ảnh quân chủ chủ nghĩa cản trở mọi sự tiến bộ và mọi ngành công nghiệp quan trọng. Đáng lẽ có được sự tiến bộ, thì chỉ có đấu tranh. Chúng ta thấy nhiều người trước kia là những kẻ hết sức hăng hái ủng hộ quyền lực và những đặc quyền của nhà vua, thì nay lại hoạt động theo tinh thần Hội nghị quốc ước, chỉ nhằm mục đích duy nhất làm yếu cái quyền lực nảy sinh từ quyền đầu phiếu phổ thông. (Vỗ tay nhiệt liệt và kéo dài.) Chúng ta thấy nhiều người đã từng đau khổ nhiều nhất vì cách mạng và từng than phiền về cách mạng nhiều nhất, thì nay lại gây nên một cuộc cách mạng mới, và tất cả những cái đó chỉ là để trói buộc ý chí của quốc dân... Tôi xin hứa với các ngài rằng tương lai sẽ được yên tĩnh" v.v. và v.v. ("Hoan hô! Hoan hô!" Những tiếng hoan hô như sấm.)

Như thế là giai cấp tư sản công nghiệp đã hoan hô một cách tối đòi cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp, hoan hô việc thủ tiêu nghị viện, sự diệt vong của nền thống trị của chính họ, hoan hô chế độ độc tài của Bô-na-pác-tơ. Loạt vỗ tay như sấm ngày 25 tháng Mười một đã được tiếng sấm của súng đại bác ngày 4 tháng Chạp đáp lại, và ngôi nhà của ngài Xan-lăng-dru-đơ, một trong những người đã từng vỗ tay hăng hái nhất, cũng lại là nhà đã bị đạn đại bác phá hoại nặng nề nhất.

Crôm-oen, khi tiến hành việc giải tán Nghị viện trường kỳ, đã một mình đi tới Nghị viện, rút đồng hồ ra, để không cho Nghị viện được sống thêm nhột phút nào quá cái hạn mà ông ta đã quy định cho nó, và dùng những lời mỉa mai hài hước để đuổi từng ông nghị ra khỏi Nghị viện. Na-pô-lê-ông, tuy thấp kém hơn mẫu mực của ông ta, nhưng ngày 18 tháng Sương mù, ít ra cũng đã đi tới Đoàn lập pháp, và tuyên đọc, mặc dầu với một giọng nghẹn ngào, bản án tử hình của cơ quan lập pháp đó. Gã Bô-na-pác-tơ thứ hai này, đã có sẵn trong tay một quyển hành pháp khác hẳn với Crôm-oen hay Na-pô-lê-ông, lại đi tìm mẫu mực không phải trong những cuốn biên niên sử thế giới, mà là đi tìm trong những cuốn biên niên sử của Hội ngày 10 tháng Chạp, trong những cuốn biên niên sử của tòa án hình sự. Hắn đã đánh cắp của Ngân hàng nước Pháp 25 triệu phrăng, đã bỏ ra một triệu để mua tướng Ma-nhăng, đã mua lính tráng với 15 phrăng một đầu người, cộng thêm với rượu mạnh; giống như một tên trộm đêm, hắn đã bí mật tụ họp với các đồng dảng của hắn, ra lệnh xông vào nhà ở của những thủ lĩnh nguy hiểm nhất của nghị viện, lôi cổ ra khỏi giường ngủ và tống vào nhà giam Ca-ve-nhắc, La-mô-ri-xi-e, Lơ Phlô, Săng-gác-ni-ê, Sa-rát, Chi-e, Ba-đơ, v.v., và nhiều người khác nữa, dùng lực lượng quân sự chiếm đóng những địa điểm chủ yếu ở Pa-ri và trụ sở Quốc hội, và tảng sáng ngày hôm sau, cho dán đầy các tường những bản yết thị bịp bợm, trong đó hắn báo tin giải tán Quốc hội và Hội đồng nhà nước, lập lại chế độ đầu phiếu phổ thông và thiết quân luật trong tỉnh Xen. Ít hôm sau, hắn lại cho đăng trên tờ "Moniteur" một văn kiện giả mạo nói rằng một số nghị sĩ có thế lực đã tập hợp xung quanh hắn thành một Hội đồng nhà nước đặc biệt nào đó.



Những tàn dư của nghị viện, chủ yếu gồm những phần tử chính thống và Oóc-lê-ăng, tập họp lại tại thị sảnh quận 10, đã quyết định bãi chức Bô-na-pác-tơ, với những tiếng hò hét: "Chế độ cộng hòa muôn năm!", và hô hào một cách vô hiệu đám người vô công rồi nghề tập trung trước thị sảnh, cho đến lúc, cuối cùng, họ bị một toán lính châu Phi áp giải thoạt tiên đến trại lính Oóc-xê, và sau đó bị đẩy lên xe tù và bị chở đến các nhà lao ở Ma-dắc, Ha-mơ, Vanh-xen. Đảng trật tự, Quốc hội lập pháp và cách mạng tháng Hai đã kết thúc như vậy đó.

Trước khi bước mau sang phần kết luận, chúng ta hãy phác qua một bản sơ đồ tóm tắt lịch sử cuộc cách mạng tháng Hai:

I. *Thời kỳ thứ nhất.* Từ 24 tháng Hai đến ngày 4 tháng Năm 1848. Thời kỳ tháng Hai. Đoạn mở đầu. Tấn hài kịch thân thiện phổ biến.

II. *Thời kỳ thứ hai.* Thời kỳ thành lập chế độ cộng hòa và Quốc hội lập hiến.

1) Từ ngày 4 tháng Năm đến 25 tháng Sáu 1848. Tất cả các giai cấp đấu tranh chống giai cấp vô sản. Sự thất bại của giai cấp vô sản trong những ngày tháng Sáu.

2) Từ 25 tháng Sáu đến ngày 10 tháng Chạp 1848. Nền chuyên chính của phái cộng hòa tư sản thuần túy. Khởi thảo hiến pháp. Thiết quân luật ở Pa-ri. Nền chuyên chính của giai cấp tư sản bị xóa bỏ do Bô-na-pác-tơ trúng cử tổng thống ngày 10 tháng Chạp.

3) Từ 20 tháng Chạp 1848 đến 28 tháng Năm 1849. Cuộc đấu tranh của Quốc hội lập hiến chống Bô-na-pác-tơ và đảng trật tự liên minh với Bô-na-pác-tơ. Sự cáo chung của Quốc hội lập hiến. Sự thất bại của giai cấp tư sản cộng hòa.

III. *Thời kỳ thứ ba. Thời kỳ cộng hòa lập hiến và Quốc hội lập pháp.*

1) Từ 28 tháng Năm 1849 đến 13 tháng Sáu 1849. Cuộc đấu tranh của giai cấp tiểu tư sản chống giai cấp đại tư sản và Bô-na-pác-tơ. Sự thất bại của phe dân chủ tiểu tư sản.

2) Từ 13 tháng Sáu 1849 đến 31 tháng Năm 1850. Chuyên chính đại nghị của đảng trật tự. Đảng này hoàn thành sự thống trị của mình bằng việc thủ tiêu chế độ đầu phiếu phổ thông, nhưng lại để mất nội các đại nghị.

3) Từ 31 tháng Năm 1850 đến ngày 2 tháng Chạp 1851. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản nghị trường với Bô-na-pác-tơ.

a) Từ 31 tháng Năm 1850 đến 12 tháng Giêng 1851. Nghị viện mất quyền chỉ huy tối cao quân đội.



b) Từ 12 tháng Giêng đến 11 tháng Tư 1851. Nghị viện bị thất bại trong việc mưu toan bắt quyền hành chính phải phục tùng. Đảng trật tự mất đa số độc lập của mình ở Quốc hội. Đảng này liên minh với phái cộng hòa và phái Núi.

c) Từ 11 tháng Tư 1851 đến ngày 9 tháng Mười 1851. Những mưu toan xét lại hiến pháp, sự hợp nhất, việc kéo dài nhiệm kỳ của tổng thống. Đảng trật tự tan rã thành những bộ phận cấu thành của nó. Đoạn tuyệt giữa một bên là nghị viện tư sản và báo chí tư sản, và bên kia là quần chúng tư sản.

d) Từ ngày 9 tháng Mười đến ngày 2 tháng Chạp 1851. Sự đoạn tuyệt công khai giữa nghị viện và quyền hành pháp. Nghị viện thi hành bản khai tử của mình và sụp đổ, vì bị chính giai cấp của nó, quân đội và tất cả các giai cấp khác, ruồng bỏ. Chế độ đại nghị và nền thống trị của giai cấp tư sản bị sụp đổ. Chiến thắng của Bô-na-pác-tơ. Tấn tuồng nhại lại việc phục tích Đế chế.

## VII

*Chế độ cộng hòa xã hội* đã xuất hiện như một câu nói, một lời tiên tri ở ngưỡng cửa của cuộc cách mạng tháng Hai. Trong những ngày tháng sáu 1848, chế độ ấy bị bóp chết trong máu của *giai cấp vô sản Pa-ri*, nhưng nó vẫn lẳng vẳng như một bóng ma trong những màn tiếp sau đó của tấn kịch. *Chế độ cộng hòa dân chủ* xuất hiện trên sân khấu. Chế độ ấy đã biến mất vào ngày 13 tháng Sáu 1849 cùng với những *phần tử tiểu tư sản* của nó đang chạy trốn, nhưng trong khi chạy trốn, nó còn ném lại sau lưng nó những lời quảng cáo hết sức huênh hoang. *Chế độ cộng hòa đại nghị* cùng với giai cấp tư sản chiếm toàn bộ sân khấu, triển khai hết sức rộng rãi, nhưng ngày 2 tháng Chạp 1851 người ta đã chôn nó trong những tiếng hô kinh hoảng của bọn bảo hoàng liên minh: "Chế độ cộng hòa muôn năm!".

Giai cấp tư sản Pháp đã chống lại sự thống trị của giai cấp vô sản lao động, nhưng nó lại đưa tầng lớp vô sản lưu manh đo tên dầu sỏ của Hội ngày 10 tháng Chạp cầm đầu lên nắm chính quyền. Giai cấp tư sản đã làm cho nước Pháp sợ hãi đến đứt hơi trước những sự khủng khiếp tương lai của tình trạng vô chính phủ đỏ, nhưng chính Bô-na-pác-tơ lại là kẻ đã chiết khấu trước cho họ cái tương lai ấy, khi mà dạo quân của trật tự, phấn chấn vì rượu mạnh, ngày 4 tháng Chạp đã theo lệnh của hắn xả súng bắn vào những tay tư sản có danh vọng đang đứng trước cửa sổ nhà bọn họ ở đại lộ Mông-mác-tơ-rơ và đại lộ I-ta-li-a. Giai cấp tư sản đã thần thánh hóa thanh gươm, thì chính thanh gươm lại thống trị chúng. Giai cấp tư sản đã giết chết báo chí cách mạng, thì chính báo chí của chúng lại bị giết. Chúng đã đặt những cuộc hội họp của nhân dân dưới sự giám sát của cảnh sát, thì nay những



phòng khách của chúng lại bị cảnh sát giám sát. Giai cấp tư sản đã giải tán đội cận vệ quốc gia dân chủ, thì nay chính đội cận vệ quốc gia của chúng lại bị giải tán. Chúng đã ban hành chế độ thiết quân luật, thì nay người ta lại thiết quân luật đối với chúng. Chúng đã thay thế các tòa án bồi thẩm bằng những ban quân pháp, thì chính các tòa án bồi thẩm của chúng bị thay thế bằng những ban quân pháp. Chúng đã đặt nền giáo dục quốc dân dưới quyền lực của các thầy tu, thì các thầy tu lại thống trị chính nền giáo dục của chúng. Chúng đã đưa đi đầy mà không xét xử, thì chính chúng lại bị người ta đưa đi đầy mà không xét xử. Chúng đã dùng quyền lực nhà nước để đàn áp mọi phong trào của xã hội, thì quyền lực nhà nước lại đàn áp mọi phong trào của cái xã hội riêng của chúng. Vì say mê cái túi tiền của chúng, chúng đã nổi dậy chống những nhà chính trị và nhà văn của chúng, thì các nhà chính trị và nhà văn của chúng đã bị loại trừ, nhưng túi tiền của chúng lại bị người ta cướp bóc, sau khi khóa miệng chống lại và bẻ gãy ngòi bút của chúng. Giai cấp tư sản đã luôn luôn thét vào mặt cách mạng, như thánh Ác-xê-nhi đã từng thét vào mặt các tín đồ đạo Cơ Đốc: "Fuge, tace, quiesce! Cút đi, im đi, hãy yên lặng!", thì chính Bô-na-pác-tơ lại thét vào mặt giai cấp tư sản: "Fuge, tace, quiesce! Cút đi, im đi, hãy yên lặng!".

Giai cấp tư sản Pháp đã giải quyết xong từ lâu vấn đề lường nan của Na-pô-lê-ông: "Dans cinquante ans, l'Europe sera républicaine ou cosaque"[1*]. Giai cấp tư sản Pháp đã giải quyết vấn đề ấy theo hướng "république cosaque"[2*]. Chẳng cần phải có những phù phép độc ác của Xiếc-xây để biến cái kiệt tác cộng hòa tư sản thành một con quái vật kinh tởm. Chế độ cộng hòa ấy chẳng mất gì cả trừ cái vẻ đáng kính bề ngoài. Nước Pháp ngày nay[3*] đã bao hàm sẵn trong chế độ cộng hòa đại nghị rồi. Chỉ cần một mũi lê cũng đủ làm cho cái bong bóng vỡ toang và làm cho con quái vật hiện nguyên hình trước mắt thiên hạ.

1* - "50 năm nữa, châu Âu sẽ hoặc trở thành cộng hoà hoặc trở thành Cô-dắc".
2* - "Cộng hoà Cô-dắc".
3* - tức là nước Pháp sau cuộc đảo chính 1851.

Tại sao giai cấp vô sản Pa-ri lại không nổi dậy sau ngày 2 tháng Chạp?

Vì sự lật đổ của giai cấp tư sản chỉ mới có trong pháp lệnh thôi và pháp lệnh đó lại chưa được thi hành. Bất kỳ một cuộc khởi nghĩa trọng đại nào của giai cấp vô sản cũng đều có thể làm cho giai cấp tư sản sống lại ngay, sẽ làm cho nó hòa hoãn với quân đội và sẽ gây cho công nhân một thất bại tháng Sáu lần thứ hai nữa.

Ngày 4 tháng Chạp, bọn tư sản và chủ hiệu nhỏ đã xúi giục giai cấp vô sản đứng ra đấu tranh. Chiều hôm ấy, vài đơn vị đội cận vệ quốc gia hứa sẽ mang vũ khí và mặc quân phục để xuất hiện trên trường chiến đấu. Sở dĩ như vậy là vì bọn tư sản và chủ hiệu nhỏ quả đã biết được rằng, trong một sắc lệnh ra ngày 2 tháng Chạp, Bô-na-pác-tơ đã xóa bỏ chế độ bỏ phiếu kín và ra lệnh cho cử tri phải ghi vào các bảng danh sách chính thức: "tán thành" hoặc "phản đối" bên cạnh họ tên mình. Cuộc kháng cự ngày 4 tháng Chạp đã làm cho Bô-na-pác-tơ hoảng sợ. Trong đêm đó Bô-na-pác-tơ đã cho dán ở tất cả các ngã tư đường phố Pa-ri những áp phích tuyên bố phục hồi chế độ bỏ phiếu kín. Bọn tư sản và chủ hiệu nhỏ tưởng rằng chúng đã đạt được mục đích của chúng. Sáng sớm ngày hôm sau những kẻ nằm nhà không ló mặt ra, chính là bọn chủ hiệu nhỏ và tư sản.

Đêm mồng 1 rạng ngày mồng 2 tháng Chạp, bằng một cuộc tấn công bất ngờ Bô-na-pác-tơ đã làm cho giai cấp vô sản Pa-ri mất những lãnh tụ của nó, mất những người chỉ huy chiến đấu trên các chiến lũy. Là một đội quân không có sĩ quan, một đội quân mà những hồi ức về tháng Sáu 1848 và 1849, và tháng Năm 1850 đã làm cho không còn muốn chiến đấu dưới ngọn cờ của phái Núi nữa, giai cấp vô sản Pa-ri đã để cho đội tiền phong của mình, tức là các hội kín, đảm đương nhiệm vụ cứu vớt lấy danh dự khởi nghĩa của Pa-ri, cái danh dự mà giai cấp tư sản đã vứt bỏ lại không hề chống cự cho bọn lính tráng, đến mức là sau đó, Bô-na-pác-tơ đã có thể tước vũ khí của đội cận vệ quốc gia với



cái lý do thâm độc là: hắn sợ phái vô chính phủ dùng những vũ khí của chính ngay đội cận quốc gia để chống lại đội cận vệ quốc gia!

*"C'est le triomphe complet et définitif du socialisme!"*[1*] - Ghi-dô đã bình luận cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp như vậy. Nhưng nếu việc lật đổ chế độ cộng hòa đại nghị đã bao hàm trong bản thân nó mầm mống thắng lợi của cách mạng vô sản, thì kết quả rõ ràng đầu tiên của nó lại là *thắng lợi của Bô-na-pác-tơ đối với nghị viện, của quyền hành pháp đối với quyền lập pháp, của sức mạnh không che đậy bằng lời nói đối với sức mạnh của lời nói*. Tại nghị viện, quốc dân nâng ý chí phổ biến của mình lên thành pháp luật, nghĩa là làm cho pháp luật của giai cấp thống trị biến thành ý chí phổ biến của quốc dân. Trước quyền hành pháp, quốc dân từ bỏ mọi ý chí riêng của mình và phục từng mệnh lệnh của một ý chí bên ngoài, tức là của quyền uy. Trái với quyền lập pháp, quyền hành pháp biểu hiện sự dị trị của quốc dân, chứ không phải biểu hiện sự tự trị của nó. Như vậy, nước Pháp dường như thoát khỏi ách chuyên chế của một giai cấp chỉ là để rơi trở lại vào ách chuyên chế của một cá nhân, hơn nữa lại rơi vào quyền uy của một cá nhân không có một uy tín nào cả. Cuộc đấu tranh dường như đã kết thúc bằng cái sự kiện là tất cả các giai cấp đều cúi đầu bất lực và câm miệng như nhau trước báng súng.

Nhưng cách mạng thì lại rất vững vàng. Nó còn đang ở trên con đường đi qua luyện ngục mà thôi. Nó tiến hành công việc của nó một cách có phương pháp. Trước ngày 2 tháng Chạp 1851, nó chỉ mới làm được một nửa công việc chuẩn bị của nó, và bây giờ nó đang hoàn thành nốt nửa kia. Trước hết nó hoàn bị quyền lực nghị viện, để sau này lại có thể lật đổ quyền lực đó đi. Giờ đây, khi mục đích ấy đã đạt được thì cách mạng lại hoàn bị *quyền lực hành pháp*, quy quyền lực này thành biểu hiện đơn giản nhất của nó, cô lập nó, đem nó ra đối lập với bản thân nó với tư cách là một đối tượng duy nhất, để có thể tập trung tất cả những lực

1* - "Đó là thắng lợi hoàn toàn và triệt để của chủ nghĩa xã hội!"

lượng phá hoại của mình chống lại nó. Và khi cách mạng hoàn thành được nửa thứ hai ấy trong công tác chuẩn bị của mình, thì châu Âu sẽ nhảy lên và reo mừng: Chú chuột già ơi, chú đào khá đấy! [87]

Quyền lực hành pháp đó - với tổ chức quan liêu và quân sự rộng lớn của nó, với bộ máy nhà nước phức tạp và nhân tạo của nó, với cái đạo quân viên chức hàng nửa triệu người ấy bên cạnh một quân đội gồm năm mươi vạn binh lính nữa, cái cơ thể ăn bám đáng sợ ấy trùm lên như một tấm lưới trên mình xã hội Pháp và bịt kín hết tất cả mọi lỗ chân lông của xã hội ấy – quyền lực đó ra đời trong thời quân chủ chuyên chế, vào thời kỳ suy tàn của chế độ phong kiến, sự suy tàn mà cái cơ thể ấy đã góp phần đẩy nhanh hơn. Bao nhiêu đặc quyền phong kiến của các địa chủ và của các thành thị đều biến thành bấy nhiêu đặc trưng của quyền lực nhà nước, những quan đại thần phong kiến thì biến thành những viên chức ăn lương, còn tấm bản đồ màu sặc sỡ như một lô những kiểu mẫu về những chủ quyền trung cổ chồng chéo nhau thì trở thành bản sơ đồ có quy củ của một quyền lực nhà nước trong đó lao động được phân chia và tập trung như trong một nhà máy. Cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất, tự đặt ra cho mình nhiệm vụ phá vỡ tất cả những quyền lực riêng có tính chất địa phương, lãnh thổ, thành thị và tỉnh, để tạo ra sự thống nhất công dân của dân tộc, tất nhiên phải phát triển điều mà chế độ quân chủ chuyên chế đã bắt đầu - tức là chế độ tập trung, nhưng đồng thời nó cũng mở rộng cả quy mô, đặc trưng và con số thuộc hạ của quyền lực chính phủ nữa. Na-pô-lê-ông đã hoàn thiện bộ máy nhà nước đó. Nền quân chủ chính thống và nền quân chủ tháng Bảy chẳng thêm được một điều gì mới, ngoài một sự phân công rộng lớn hơn lao động, sự phân công này tăng dần lên theo mức độ mà sự phân công lao động trong nội bộ xã hội tư sản tạo thêm những tập đoàn lợi ích mới, do đó, tạo nên những đối tượng mới cho sự quản lý của nhà nước. Mỗi lợi ích *chung* liền tách ngay khỏi xã hội, đối lập lại xã hội với tư cách là lợi ích tối cao, *phổ biến*, tách ra khỏi lĩnh vực hoạt động độc lập của những thành viên của xã hội và biến thành đối tượng của hoạt động chính phủ, - kể từ cái cầu, nhà trường và tài sản chung của làng xóm nào đó, cho đến đường sắt, tài sản quốc gia và các trường đại học của nước Pháp. Cuối cùng, trong cuộc đấu tranh của mình chống lại cách mạng, chế độ cộng hòa đại nghị buộc phải tăng cường - bên cạnh những biện pháp đàn áp - những phương tiện và việc tập trung quyền lực chính phủ. Tất cả các cuộc cách mạng đã hoàn bị bộ máy đó chứ không đập tan nó. Các chính đảng nối gót nhau đấu tranh giành chính quyền, đều coi việc đoạt lấy tòa lâu đài nhà nước đồ sộ ấy là chiến lợi phẩm chủ yếu của thắng lợi của mình.



Nhưng dưới thời quân chủ chuyên chế, trong cuộc cách mạng lần thứ nhất, dưới thời Na-pô-lê-ông, bộ máy quan liêu chỉ là một phương tiện để chuẩn bị sự thống trị giai cấp của giai cấp tư sản. Dưới thời Phục tích, dưới triều Lu-i - Phi-líp, dưới chế độ cộng hòa đại nghị, thì bộ máy quan liêu đã là công cụ của giai cấp thống trị, dù cho nó có cố gắng đến đâu chăng nữa để trở thành một lực lượng độc lập.

Chỉ có dưới thời Bô-na-pác-tơ thứ hai, nhà nước dường như mới trở thành hoàn toàn độc lập. Bộ máy nhà nước đã củng cố vị trí của nó đối với xã hội công dân đến mức chỉ cần có một người cầm đầu như tên thủ lĩnh Hội ngày 10 tháng Chạp, một gã phiêu lưu từ nước ngoài đến, được suy tôn bởi một bọn lính say rượu, bị mua chuộc bằng rượu mạnh và xúc xích và luôn luôn phải được quẳng thêm cho rượu mạnh và xúc xích, - là cũng đủ rồi. Do đó mà có cái tình trạng tuyệt vọng nhu nhược, cái cảm giác tủi hổ và nhục nhã ghê gớm đang đè nặng lên ngực nước Pháp và làm cho nó khó thở. Nước Pháp cảm thấy tựa hồ như mình bị nhơ nhuốc.

Tuy nhiên, quyền lực nhà nước không phải là đứng lơ lửng trên không. Bô-na-pác-tơ là đại biểu của một giai cấp nhất định, hơn nữa là một giai cấp đông đảo nhất của xã hội Pháp, tức là giai cấp *tiểu nông*.

Cũng như dòng Buốc-bông trước kia là triều vua của bọn đại địa chủ và dòng Oóc-lê-ăng là triều vua của đồng tiền, ngày nay, dòng Bô-na-pác-tơ là triều vua của nông dân, nghĩa là của khối đông nhân dân Pháp. Người được nông dân chọn không phải là anh chàng Bô-na-pác-tơ đã phục tùng nghị viện tư sản, mà là anh chàng Bô-na-pác-tơ đã giải tán nghị viện đó. Trong ba năm, các thành thị đã làm sai lạc ý nghĩa của cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Chạp và đã đánh lừa được hy vọng của nông dân muốn phục hồi nền dế chế. Cuộc bầu cử ngày 10 tháng Chạp 1848 chỉ được thực hiện qua cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 mà thôi.

Tiểu nông là một khối quần chúng đông đảo mà tất cả các thành viên đều sống trong một hoàn cảnh như nhau, nhưng lại không nằm trong những mối quan hệ nhiều mặt đối với nhau. Phương thức sản xuất của họ không làm cho họ liên hệ với nhau mà lại làm cho họ cô lập với nhau. Tình trạng cô lập đó lại còn bị những phương tiện giao thông tồi tệ ở Pháp và cảnh nghèo khổ của nông dân làm cho trầm trọng thêm. Trường hoạt động sản xuất của họ, một miếng đất nhỏ bé, không cho phép áp dụng một sự phân công lao động nào cả, một sự ứng dụng khoa học nào cả, do đó, cũng không cho phép có một sự phát triển nhiều màu nhiều vẻ nào cả, một sự phân biệt tài năng nào cả, cũng không cho phép có một sự phong phú nào về các quan hệ xã hội. Mỗi gia đình nông dân gần như tự cấp tự túc hoàn toàn, sản xuất ra đại bộ phận những cái mình tiêu dùng và do đó kiếm tư liệu sinh hoạt cho mình bằng cách trao đổi với thiên nhiên nhiều hơn là giao tiếp với xã hội. Mảnh đất cỏn con, người nông dân và gia đình anh ta; cạnh đó lại một mảnh đất cỏn con khác, một nông dân khác và một gia đình khác. Một nhúm những đơn vị ấy họp thành một làng và một nhúm làng họp thành một tỉnh. Như vậy, cái khối to lớn dân tộc Pháp được hình thành bằng cách giản đơn cộng những đại lượng cùng tên lại, đại khái cũng giống như một cái bao tải đựng những củ khoai tây hình thành một bao tải khoai tây vậy. Trong chừng mực hàng triệu gia đình sống trong những



điều kiện kinh tế làm cho lối sống của họ, lợi ích của họ và trình độ giáo dục của họ tách riêng và đối lập với lối sống, lợi ích và trình độ giáo dục của các giai cấp khác, thì các gia đình ấy họp thành một giai cấp. Trong chừng mực giữa những người tiểu nông chỉ có một mối liên hệ địa phương thôi, trong chừng mực sự giống nhau về lợi ích của họ không tạo nên giữa họ một tính chất cộng đồng nào, một mối liên hệ toàn quốc nào, hay một tổ chức chính trị nào - thì họ không hình thành một giai cấp. Bởi vậy, họ không có khả năng nhân danh mình đứng ra bảo vệ lợi ích của giai cấp mình, không kể là bằng cách thông qua một nghị viện, hay bằng cách thông qua một Hội nghị quốc ước. Họ không thể tự đại biểu cho mình, những người khác phải đại biểu cho họ. Những đại biểu của họ đồng thời phải là chủ của họ, là một quyền uy đứng trên họ, là một quyền lực chính phủ không hạn chế bảo vệ họ chống lại các giai cấp khác và ban cho họ mưa thuận gió hòa. Do đó, quy cho đến cùng, thì ảnh hưởng chính trị của những người tiểu nông được biểu hiện ra ở chỗ quyền lực hành pháp khống chế xã hội.

Truyền thống lịch sử đã đẻ ra cái lòng tin thần bí của nông dân Pháp cho rằng một người mang tên là Na-pô-lê-ông sẽ đem lại cho họ tất cả phúc lợi đã mất. Và có một kẻ đã tự nhận mình là người đó, chỉ vì, căn cứ vào một điều khoản trong Code Napoléon: "La recherche de la paternité est interdite"[1*], hắn đã mang tên là Na-pô-lê-ông. Sau hai mươi năm lang thang và trải qua nhiều cuộc phiêu lưu lố bịch, câu chuyện truyền thuyết đó đã thành sự thật, và con người đó đã trở thành hoàng đế của người Pháp. Cái tư tưởng ám ảnh của người cháu đã được thực hiện vì nó phù hợp với tư tưởng ám ảnh của giai cấp đông đảo nhất trong xã hội Pháp.

Nhưng, ở đây người ta có thể bắt bẻ lại tôi: thế thì tại sao lại có những cuộc khởi nghĩa nông dân trong một nửa nước Pháp,

1* - Bộ luật Na-pô-lê-ông: "Cấm không được truy cứu xem ai là người cha"

những cuộc hành quân chinh phạt nông dân, việc bắt giam và phát vãng hàng loạt nông dân?

Từ thời Lu-i XIV, nước Pháp không hề thấy có những cuộc đàn áp như thế đối với nông dân "vì những âm mưu mị dân".

Nhưng xin hiểu ý tôi muốn nói. Triều Bô-na-pác-tơ không đại biểu cho người nông dân cách mạng, mà cho người nông dân bảo thủ; không đại biểu cho người nông dân muốn thoát khỏi những điều kiện tồn tại xã hội của mình do mảnh đất cỏn con quyết định, mà đại biểu cho người nông dân muốn củng cố những điều kiện đó; không đại biểu cho số dân cư nông thôn muốn liên kết với thành thị và dùng sức mạnh của nghị lực của mình lật đổ trật tự cũ, mà, trái lại, đại biểu cho số dân cư nông thôn tự giam mình một cách chặt chẽ trong trật tự cũ đó, mong chờ cái bóng ma dế chế cứu vớt mình và mảnh đất cỏn con của mình và đem lại cho mình một địa vị đặc quyền. Triều Bô-na-pác-tơ không đại biểu cho sự khai sáng của người nông dân, mà đại biểu cho lòng mê tín của họ, không đại biểu cho lý trí của người nông dân mà lại đại biểu cho thành kiến của họ, không đại biểu cho tương lai của họ, mà là đại biểu cho quá khứ của họ, không đại biểu cho những Xê-ven-nơ hiện đại của họ, mà lại đại biểu cho Van-đây[88] hiện đại của họ.

Ba năm thống trị khắc nghiệt của nền cộng hòa đại nghị đã làm cho một bộ phận nông dân Pháp thoát khỏi cái ảo tưởng về Na-pô-lê-ông và đã cách mạng hóa họ, tuy rằng chỉ mới cách mạng hóa trên bề mặt; nhưng mỗi khi họ chuyển mình thì giai cấp tư sản lại dùng bạo lực đẩy lùi họ lại. Dưới chế độ cộng hòa đại nghị, ý thức mới của nông dân Pháp xung đột với ý thức cổ truyền của họ. Quá trình đó diễn ra dưới hình thức một cuộc đấu tranh không ngừng giữa các giáo viên và bọn cha cố. Giai cấp tư sản đã đánh gục các giáo viên. Lần đầu tiên, nông dân cố giữ một thái độ độc lập đối với hành động của chính phủ. Điều đó thể hiện ra trong những cuộc xung đột liên miên giữa các viên thị trưởng và các tỉnh trưởng, - giai cấp tư sản đã cách chức các viên thị trưởng.



Cuối cùng, nông dân nhiều địa phương ở Pháp trong thời kỳ cộng hòa đại nghị đã nổi dậy chống lại chính đứa con đẻ của mình là quân đội. Giai cấp tư sản đã trừng phạt họ về tội đó, bằng cách thiết quân luật và bằng những vụ hành quyết. Và bây giờ đây, chính ngay giai cấp tư sản ấy lại kêu gào về sự ngu ngốc của quần chúng, của cái vile multitude[1*] ấy, cái đám đông đã phản lại họ bằng cách ủng hộ Bô-na-pác-tơ. Chính giai cấp tư sản đó đã dùng bạo lực để tăng cường cái lòng trung thành của giai cấp nông dân đối với đế chế, chính nó đã duy trì cái trạng thái sự vật tạo thành miếng đất đẻ ra thứ tôn giáo nông dân đó. Thật ra, giai cấp tư sản phải lo sợ sự ngu đốt của quần chúng khi quần chúng còn bảo thủ, chẳng khác gì lo sợ ý thức giác ngộ của quần chúng khi quần chúng trở thành cách mạng.

Trong các cuộc khởi nghĩa đã xảy ra ngay sau coup d'état một bộ phận nông dân Pháp đã cầm vũ khí nổi dậy để phản đối chính ngay cuộc bỏ phiếu của họ ngày 10 tháng Chạp 1848. Trường học mà họ đã trải qua từ 1848 đến nay đã làm cho họ khôn lên. Nhưng họ đã đem bán linh hồn của họ cho lũ quỷ sứ của lịch sử và lịch sử đã chộp được câu nói hớ của họ, còn đa số trong bọn họ vẫn còn bị mơ hồ đến nỗi chính trong những tỉnh đỏ nhất, dân cư nông thôn lại công khai bỏ phiếu cho Bô-na-pác-tơ. Họ cho rằng Quốc hội đã cản trở Bô-na-pác-tơ hành động. Giờ đây Bô-na-pác-tơ mới phá bỏ những xiềng xích mà thành thị dùng để trói buộc ý chí của nông thôn. Ở một vài địa phương, thậm chí họ còn nuôi cái tư tưởng lố bịch là đặt bên cạnh Na-pô-lê-ông một Hội nghị quốc ước.

Sau khi cách mạng lần thứ nhất biến những người nông dân nửa nông nô thành những người sở hữu ruộng đất tự do, Na-pô-lê-ông đã củng cố và điều chỉnh những điều kiện trong đó họ có thể yên ổn khai thác những ruộng đất họ vừa mới nhận được, và thỏa mãn lòng mê say trẻ trung của họ đối với sở hữu. Nhưng nguyên nhân

1* - đám đông đê tiện

của sự sa sút hiện nay của nông dân Pháp - đó chính là cái mảnh đất cỏn con của họ, việc chia nhỏ ruộng đất, cái hình thức sở hữu mà Na-pô-lê-ông đã củng cố ở Pháp. Đó chính là những điều kiện vật chất đã làm cho người nông dân Pháp thời phong kiến trở thành người sở hữu một mảnh đất nhỏ và làm cho Na-pô-lê-ông trở thành hoàng đế. Hai thế hệ cũng đã đủ để tạo ra cái kết quả không thể nào tránh khỏi là: tình hình nông nghiệp ngày càng trở nên xấu đi và nợ nần của người làm ruộng ngày càng chồng chất. Hình thức sở hữu "theo lối Na-pô-lê-ông", hồi đầu thế kỷ XIX đã là điều kiện để giải phóng và làm giàu cho dân cư nông thôn Pháp, thì suốt trong thế kỷ này, đã biến thành đạo luật chuẩn y sự nô lệ và bần cùng của họ. Và đạo luật đó chính là tư tưởng đầu tiên trong "idées napoléoniennes"[1*] mà Bô-na-pác-tơ thứ hai phải bảo vệ. Nếu hắn vẫn cùng với nông dân nuôi ảo tưởng rằng không nên tìm nguyên nhân sự phá sản của nông dân trong bản thân chế độ sở hữu tiểu nông, mà phải tìm ở bên ngoài chế độ đó, tức là trong ảnh hưởng của những hoàn cảnh hàng thứ yếu, thì tất cả những cuộc thí nghiệm của hắn nhất định sẽ tan vỡ như những bong bóng xà phòng khi đụng phải những quan hệ sản xuất.

Sự phát triển kinh tế của chế độ sở hữu manh mún đã đảo lộn đến tận gốc những quan hệ của nông dân với các giai cấp khác trong xã hội. Dưới thời Na-pô-lê-ông, việc phân nhỏ ruộng đất nông thôn được bổ sung bằng sự cạnh tranh tự do và nền công nghiệp lớn mới nảy sinh ở thành thị. Ở khắp mọi nơi, giai cấp nông dân đã là sự phản kháng chống lại giai cấp quý tộc ruộng đất vừa mới bị lật đổ. Những chiếc rễ của chế độ sở hữu tiểu nông cắm sâu xuống đất Pháp đã làm cho chế độ phong kiến mất hết mọi thức ăn. Những chiếc cột mốc phân ranh giới những mảnh đất cỏn con là cái thành lũy tự nhiên mà giai cấp tư sản dùng để chống lại mọi sự tấn công của bọn thống trị cũ của họ. Nhưng trong thế kỷ XIX, bọn cho vay nặng lãi ở thành thị đã thế chân bọn phong kiến, chế độ cắm cố đã thế chân các dâm phụ phong kiến, cố đè

1* - "những tư tưởng Na-pô-lê-ông"



nặng lên ruộng đất, tư bản của giai cấp tư sản đã thế chân ruộng đất của giai cấp quý tộc. Mảnh đất cỏn con của người nông dân chỉ là cái cớ cho phép nhà tư bản có thể rút từ ruộng đất ra lợi nhuận, lợi tức và địa tô và bỏ mặc cho người nông dân tự mình đi kiếm tiền công cho mình. Nợ cầm cố đè nặng trên ruộng đất Pháp buộc giai cấp nông dân Pháp phải chịu một khoản lợi tức lớn bằng tổng số lợi tức hàng năm của toàn bộ công trái nước Anh. Chế độ sở hữu ruộng đất manh mún, bị tư bản nô dịch như thế, - sự phát triển của chế độ ruộng đất ấy nhất định phải dẫn tới tình trạng nô dịch đó, - đã biến đại bộ phận dân cư Pháp thành những người ăn lông ở lỗ. Mười sáu triệu nông dân (kể cả phụ nữ và trẻ em) sống ở trong hang, phần lớn những hang này chỉ có một lỗ ra vào thôi, số còn lại có hai lỗ và trong trường hợp tốt nhất thì có ba lỗ. Mà cửa sổ đối với một ngôi nhà thì chẳng khác gì ngũ giác quan đối với cái đầu . Chế độ tư sản, đầu thế kỷ này, đã biến nhà nước thành một người lính canh bảo vệ mảnh đất con vừa xuất hiện và bón cho nó bằng những cành nguyệt quế, thì ngày nay chế độ tư sản đó lại trở thành một con quỷ hút máu và não của mảnh đất con đó và đem trút máu và não ấy vào cái bình cổ cong luyện vàng của tư bản. Code Napoléon giờ đây chẳng qua chỉ là bộ luật thi hành những quyết định của toà án và tiến hành việc niêm phong tài sản và cưỡng bức phát mại mà thôi. Ở Pháp, ngoài con số chính thức bốn triệu (kể cả trẻ em,v.v.) ăn mày, du thủ du thực, tội phạm và gái đĩ ra, thì còn có năm triệu người sống cheo leo trên bờ vực thẳm, sống ở nông thôn, hoặc luôn luôn phải lếch thếch khố rách áo ôm cùng con cái chạy từ nông thôn ra tỉnh, rồi lại từ tỉnh về nông thôn. Do đó, lợi ích của nông dân không còn hòa hợp với lợi ích của giai cấp tư sản, với tư bản, như dưới thời Na-pô-lê-ông nữa, mà lại mâu thuẫn với lợi ích của giai cấp tư sản, với tư bản. Vì thế người nông dân thấy rằng *giai cấp vô sản thành thị*, giai cấp có sự mệnh lật đổ chế độ tư sản là người bạn đồng minh, người lãnh đạo tự nhiên của mình. Nhưng cái *chính phủ mạnh mẽ và có quyền hành không hạn chế*, - và đây là "idée napoléonienne" thứ

hai mà Na-pô-lê-ông thứ hai phải thực hiện, - cái chính phủ ấy lại có sứ mệnh phải dùng sức mạnh để bảo vệ cái chế độ"vật chất" ấy. Và quả vậy, cái "ordre matériel"[1*] ấy là khẩu hiệu luôn luôn được nhắc đi nhắc lại trong tất cả các bản tuyên cáo của Bô-na-pác-tơ chống những nông dân khởi nghĩa.

Ngoài các khoản nợ cầm cố mà tư bản bắt mảnh đất con phải gánh, thì mảnh đất này cũng còn phải chịu gánh nặng *thuế khóa* nữa. Thuế khóa là nguồn sinh sống của bộ máy quan liêu, của quân đội, của bọn cha cố và của triều đình, tóm lại, của toàn bộ bộ máy của quyền hành pháp. Chính phủ mạnh và thuế khóa nặng nề là hai khái niệm đồng nhất. Do chính ngay bản chất của nó, chế độ sở hữu tiểu nông là cơ sở cho một bộ máy quan liêu có quyền hành vô hạn và đông vô kể. Chế độ tiểu nông tạo ra một trình độ quan hệ và con người giống nhau trên khắp cả nước. Do đó, nó tạo cái khả năng có thể tác động một cách đồng đều đến tất cả mọi bộ phận của cái khối đơn điệu ấy từ một trung tâm tối cao xuống. Nó tiêu diệt những nấc trung gian quý tộc nằm giữa quần chúng nhân dân và chính quyền nhà nước. Do đó, nó gây ra sự can thiệp trực tiếp từ mọi phía của chính quyền nhà nước đó, và sự xâm nhập vào khắp mọi nơi của những cơ quan trực tiếp của chính quyền ấy. Cuối cùng, nó tạo ra một nhân khẩu thừa không có việc làm, không tìm được chỗ đứng ở cả nông thôn lẫn thành thị, và vì vậy mà bám vào những chức vụ của nhà nước như là một loại của bố thí vinh dự và buộc phải lập ra những chức vụ như thế. Na-pô-lê-ông đã hoàn lại cả vốn lẫn lời những thuế khóa cưỡng bách do ông ta đặt ra bằng những thị trường mới mà ông ta đã dùng lưỡi lê để mở ra và bằng việc cướp bóc lục địa. Lúc đó, thuế khóa thời Na-pô-lê-ông là một sự kích thích để phát triển các nghề phụ của nông dân, còn giờ đây thì thuế khóa lại tước mất của những nghề ấy những nguồn dự trữ cuối cùng, khả năng cuối cùng, để chống lại cảnh bần cùng. Nhưng một tầng lớp quan liêu đông đảo, đeo đẩy lon và béo tốt - đó là cái: "idée napoléonienne" gần

1* - "chế độ vật chất"



gũi nhất đối với Bô-na-pác-tơ thứ hai. Vả lại, làm sao lại có thể khác thế được khi hắn buộc phải tạo ra, bên cạnh những giai cấp thực sự của xã hội, một đẳng cấp giả tạo coi việc duy trì chế độ của hắn là vấn đề sinh kế? Bởi vậy, một trong những hoạt động tài chính đầu tiên của hắn là nâng lương công chức lên cho bằng mức cũ và lập ra những chức vị béo bở.

Một "idée napoléonienne" khác là dùng sự thống trị của *cha cố* làm công cụ của chính phủ . Nhưng nếu cái mảnh đất nhỏ vừa mới xuất hiện, hòa hợp với xã hội, phụ thuộc vào những lực lượng tự nhiên và phục tùng một quyền lực đang bảo hộ nó từ bên trên xuống, dĩ nhiên là tin vào tôn giáo, thì cái mảnh đất bị nợ nần chồng chất, đoạn tuyệt với xã hội và với quyền lực bị buộc phải vượt ra khỏi những giới hạn của tính chất hạn chế của mảnh đất nhỏ, lẽ tự nhiên là trở thành chống tôn giáo. Trời là một khoản bổ sung rất tốt cho mảnh đất con vừa mới có được, nhất là trời lại làm ra mưa ra nắng; nhưng trời sẽ biến thành một sự lăng nhục một khi người ta áp đặt nó thay cho mảnh đất ấy. Lúc đó, cha cố chỉ là con chó săn đã được rẩy nước thánh của bọn cảnh sát trần gian mà thôi, - đó cũng là một "idée napoléonienne" nữa. Cuộc chinh phạt La Mã lần sau sẽ diễn ra chính ngay ở Pháp, nhưng theo một ý nghĩa ngược lại với điều mà ông Mông-ta-lăm-be suy nghĩ.

Sau hết, điểm cao nhất của "idées napoléonniennes" là ưu thế của *quân đội*. Quân đội đã là cái point d'honneur[1*] của người tiểu nông: quân đội đã biến họ thành những người anh hùng bảo vệ hình thức sở hữu mới khỏi kẻ địch bên ngoài; làm rạng rỡ sự thống nhất dân tộc mà họ vừa mới đạt được, cướp bóc và cách mạng hóa thế giới. Bộ quân phục chính là quốc phục của họ, chiến tranh là thơ ca của họ, mảnh đất con được mở rộng và khoanh tròn trong tưởng tượng là Tổ quốc của họ, và tinh thần yêu nước là hình thức lý tưởng của ý thức tư hữu. Nhưng những kẻ thù

1* - vinh dự

mà người nông dân Pháp bây giờ phải chống lại để bảo vệ tài sản của mình, thì không phải là những người lính Cô-dắc nữa, mà là những mõ tòa và những nhân viên thu thuế. Mảnh đất con không còn nằm trong cái gọi là Tổ quốc nữa, mà nằm trong sổ ghi những đồ cầm cố. Bản thân quân đội không còn là tinh hoa của thanh niên nông dân nữa, mà là hoa dại ở dấm lấy của giai cấp vô sản lưu manh nông thôn. Đại bộ phận quân đội đó là những tân binh giả mạo đi thay cho người khác, những kẻ thế chân, cũng như bản thân Bô-na-pác-tơ thứ hai chỉ là một tân binh giả mạo, một kẻ thay thế cho Na-pô-lê-ông mà thôi. Những chiến công anh hùng của quân đội đó bây giờ là ở những cuộc săn bắt, vây ráp nông dân, là ở sự thi hành chức vụ hiến binh, và nếu những mâu thuẫn nội tại trong hệ thống của tên cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp đẩy hắn ra khỏi biên giới nước Pháp, thì sau một vài hành vi ăn cướp quân đội đó sẽ thu được không phải là những vòng nguyệt quế mà là những trận đòn.

Vậy là chúng ta thấy rằng *tất cả* những "idées napoléoniennes" đều là *những tư tưởng của chế độ mảnh đất nhỏ còn chưa phát triển và đương độ thanh xuân*, chúng là một điều vô nghĩa đối với chế độ tiểu nông đã già lão. Những tư tưởng ấy chỉ là những ảo giác trong cơn hấp hối, là những từ đã biến thành những câu nói suông, là những thần linh đã biến thành những bóng ma. Những trò nhại lại đế chế là cần thiết để giải phóng khối đông trong dân tộc Pháp khỏi sự trói buộc của truyền thống và để làm cho sự đối lập chính quyền nhà nước và xã hội bộc lộ ra dưới hình thái thuần túy. Chế độ sở hữu những mảnh đất nhỏ ngày càng suy sụp thì cả cái lâu đài nhà nước xây dựng trên chế độ đó cũng sụp đổ theo. Sự tập trung của nhà nước, mà xã hội hiện đại đang cần đến, chỉ có thể nảy sinh trên những đống đổ nát của bộ máy chính phủ quan liêu - quân sự đã được rèn nên trước đây để đấu tranh chống chế độ phong kiến[89].

Tình cảnh của nông dân Pháp vạch cho chúng ta thấy rõ điều bí ẩn *của các cuộc tổng tuyển cử ngày 20 và 21 tháng Chạp*, những cuộc tổng tuyển cử này đã đưa Bô-na-pác-tơ thứ hai lên



đỉnh núi Xi-nai, nhưng không phải là để tiếp nhận luật pháp, mà là để ban hành luật pháp.

Giờ đây, giai cấp tư sản rõ ràng là không còn có một sự lựa chọn nào khác hơn là bầu Bô-na-pác-tơ. Khi tại hội nghị tôn giáo ở Công-xtăng-xơ[90] phái thanh giáo phàn nàn về cuộc sống hoang dâm của các giáo hoàng và rên rỉ đòi phải có một cuộc cải cách phong tục tập quán, thì hồng y giáo chủ Pi-e Đờ Ay-i đã thét lên như sấm với họ rằng: "Chỉ có đích thân quỷ sứ mới có thể cứu vãn nổi giáo hội Thiên chúa, thế mà các người lại đòi hỏi các vị thiên thần!". Giai cấp tư sản Pháp cũng thét lên như vậy sau cuộc đảo chính: Chỉ có vị cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp mới còn có thể cứu được xã hội tư sản thôi! Chỉ có trộm cắp mới còn có thể cứu vãn nổi sở hữu, chỉ có phản bội lời thề mới còn có thể cứu vãn nổi tôn giáo, chỉ có đẻ con hoang mới còn có thể cứu vãn nổi gia đình, chỉ có vô trật tự mới còn có thể cứu vãn nổi trật tự thôi!

Bô-na-pác-tơ, với tư cách là quyền lực hành pháp đã trở thành độc lập, coi mình có sứ mệnh bảo đảm "trật tự tư sản". Nhưng lực lượng của trật tự tư sản đó lại là giai cấp trung đẳng. Bởi vậy, hắn tự coi mình là đại biểu của giai cấp ấy và ban bố những sắc lệnh tương ứng. Nhưng, mặt khác, hắn sở dĩ là một cái gì đó, chỉ là vì hắn đã phá vỡ và hàng ngày vẫn còn đang phá vỡ ảnh hưởng chính trị của giai cấp trung đẳng ấy. Bởi vậy hắn tự coi mình là kẻ thù của lực lượng chính trị và lực lượng báo chí của giai cấp trung đẳng. Nhưng khi bảo hộ lực lượng vật chất của giai cấp đó, hắn lại tạo ra sức mạnh chính trị của giai cấp ấy. Bởi vậy, cần phải bảo tồn nguyên nhân và xóa sạch kết quả ở bất kỳ nơi nào mà nó biểu hiện ra. Nhưng công việc sẽ không trót lọt được nếu không có một sự lẫn lộn nào đó giữa nguyên nhân và kết quả, bởi vì trong sự tác động qua lại của chúng, cả nguyên nhân và kết quả đều mất những nét đặc trưng của chúng. Do đó mà có những sắc lệnh mới xóa bỏ đường ranh giới. Đồng thời, đối lập với giai cấp tư sản, Bô-na-pác-tơ lại cho mình là đại biểu của

nông dân và của nhân dân nói chung, muốn đưa lại hạnh phúc cho các giai cấp dưới trong phạm vi xã hội tư sản. Do đó mà có những sắc lệnh mới đánh cắp trước cái tài trí cầm quyền của "những người xã hội chủ nghĩa chân chính"[91]. Nhưng Bô-na-pác-tơ coi mình trước hết là người cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp, là đại biểu của tầng lớp vô sản lưu manh, mà bản thân hắn, những người thân cận của hắn, chính phủ của hắn và quân đội của hắn là thành viên, và đối với tầng lớp đó thì vấn đề trước hết là làm sao để sống phong lưu và rút được từ công quỹ những phiếu xổ số Ca-li-phoóc-ni-a trúng thưởng. Và hắn đã tỏ ra xứng đáng với cái danh hiệu thủ lĩnh Hội ngày 10 tháng Chạp với các sắc lệnh, không cần đến các sắc lệnh và bất chấp các sắc lệnh.

Sứ mệnh đầy mâu thuẫn ấy của con người đó giải thích những hành động mâu thuẫn của chính phủ hắn; hoạt động một cách may rủi, mò mẫm, chính phủ này đang ra sức khi thì lôi kéo, khi thì làm nhục giai cấp này hay giai cấp kia, và làm cho tất cả các giai cấp đều cùng vùng dậy chống lại nó một cách như nhau, - một chính phủ mà thái độ do dự trong hành động thực tiễn, mâu thuẫn một cách hết sức buồn cười với phong độ oai vệ, dứt khoát của những pháp lệnh chính phủ, học đòi một cách nô lệ những sắc lệnh của người bác.

Công nghiệp và thương nghiệp, tức là những việc kinh doanh của giai cấp trung đẳng, phải phồn vinh dưới một chính phủ mạnh như cây cối trong nhà kính ấm. Vì vậy, có việc nhường cho tư nhân khai thác vô số các đường sắt. Nhưng cũng phải làm giàu cho tầng lớp vô sản lưu manh ủng hộ Bô-na-pác-tơ. Vì vậy mà có sự đầu cơ gian lận ở sở giao dịch của những tay biết trước những vụ tô - nhượng làm đường sắt. Nhưng không hề có tư bản nào được bỏ ra để cung cấp cho việc xây dựng các đường sắt cả. Người ta buộc ngân hàng phải ứng trước tiền cho các cổ phần đường sắt. Nhưng Bô-na-pác-tơ cũng muốn đích thân lợi dụng ngân hàng, do đó, ngân hàng cần phải được vuốt ve. Ngân hàng không còn bị buộc phải công bố bản kết toán hàng tuần nữa, ngân hàng ký với



chính phủ những hợp đồng hết sức có lợi cho mình. Nhưng cần phải có công ăn việc làm cho nhân dân. Cho nên người ta tiến hành xây dựng các công trình công cộng. Nhưng các công trình công cộng lại làm tăng thêm gánh nặng thuế khóa của nhân dân. Vậy cần phải giảm thuế khóa bằng cách cướp bóc thu nhập của những kẻ thực lợi, bằng cách đổi lợi tức 5% thành lợi tức 4 1/2%. Nhưng lại phải bọc đường viên thuốc cho giai cấp tư sản; vì vậy mà phải tăng gấp đôi thuế rượu nho đối với số dân chúng mua rượu en détail[1*] và giảm một nửa thuế rượu đối với các giai cấp trung đẳng thường mua en gros[2*]. Các tổ chức công nhân hiện có bị giải tán, nhưng chính phủ lại hứa hẹn những chuyện thần kỳ về các tổ chức trong tương lai. Phải giúp đỡ nông dân. Vì vậy các ngân hàng địa ốc được thành lập, làm tăng gánh nợ nần của nông dân và đẩy nhanh việc tập trung tài sản. Nhưng những ngân hàng ấy phải được dùng để bóp nặn tiền từ những lãnh địa tịch thu của dòng Oóc-lê-ăng. Song không một nhà tư bản nào muốn nhận điều kiện ấy - điều kiện không được ghi vào sắc lệnh, - nên ngân hàng địa ốc cũng chỉ là một sắc lệnh trên giấy, v.v. và v.v..

Bô-na-pác-tơ muốn đóng vai trò người ân nhân kiểu gia trưởng của tất cả các giai cấp. Nhưng hắn không thể cho giai cấp này mà lại không tước của giai cấp khác. Cũng giống như công tước Ghi-đô, nổi tiếng trong thời nội chiến Phrông-đơ là người hào hiệp nhất nước Pháp, vì công tước đã đổi tất cả tài sản của mình thành những khế nợ đối với mình của những người cùng cánh, Bô-na-pác-tơ cũng muốn làm một người hào hiệp nhất nước Pháp và muốn đổi tất cả tài sản, tất cả lao động của nước Pháp thành một khế nợ đối với cá nhân hắn. Hắn muốn ăn cắp của cả nước Pháp để sau đó tặng lại của ăn cắp đó cho nước Pháp, hay nói cho đúng hơn là, để sau đó có thể dùng tiền của nước Pháp mua lại nước Pháp, vì với tư cách là kẻ cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp, hắn buộc phải mua những cái phải thuộc về hắn. Và tất cả mọi cơ quan

1* - lẻ
2* - sỉ

nhà nước, thượng nghị viện, Hội đồng nhà nước, cơ quan lập pháp, Bắc đẩu bội tinh, huy chương của binh sĩ, các hiệu giật, các công trình công cộng, đường sắt, bộ tham mưu của đội cận vệ quốc gia không có binh lính, các tài sản tịch thu của dòng Oóc-lê-ăng – trở thành đối tượng buôn bán. Mỗi chức vụ trong quân đội và trong bộ máy chính phủ đều trở thành đối tượng buôn bán. Nhưng điều quan trọng nhất trong quá trình vơ vét của nước Pháp để rồi lại biếu lại cho chính nước Pháp - đó là những lợi tức trong khi lưu thông đã rơi vào túi của người cầm đầu và của các hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp. "C'est le premier vol de l'aigle" ["Đây là lần bay đầu tiên của con phượng hoàng"][1*], câu nói hóm hỉnh ấy của nữ công tước L., tình nhân của Đờ Moóc-ni, nhân viên tịch thu tài sản của dòng Oóc-lê-ăng, có thể áp dụng vào tất cả các lần bay của con *phượng hoàng* ấy, giống *quạ* nhiều hơn là giống phượng hoàng. Chính bản thân hắn và bè đảng của hắn thường tự nhắc nhủ nhau hàng ngày điều mà một thầy tu dòng Đê-các ở I-ta-li-a đã nói với một kẻ hà tiện khi tên này khoe khoang đếm những của cải mà hắn có thể ăn xài trong nhiều năm: "Tu fai conto sopra i beni, bisogna prima far il conto sopra gli anni"[2*]. Để khỏi tính nhầm năm, chúng tính từng phút một ở triều đình, trong các bộ, tại các cơ quan cầm đầu bộ máy hành chính và quân đội, chen chúc nhau một lũ côn đồ, mà về tên khá nhất thì người ta phải nói là chẳng biết hắn từ đâu đến, - chen chúc nhau cả một lũ du đãng ồn ào, nổi tiếng xấu xa, tham tàn, mặc những bộ sắc phục dính đầy lon, dải lụa lòe loẹt với một vẻ trang nghiêm lố bịch như các vị đại thần của hoàng đế Xu-lu-cơ. Ta có thể hình dung được dễ dàng cái tầng lớp cao cấp ấy của Hội ngày 10 tháng Chạp, nếu ta chú ý rằng *Vê-rông - Crê-ven*[3*] là nhà bảo vệ đạo đức của nó và *Gra-ni-ê Đơ Cát-xa-nhắc* là nhà tư tưởng của nó. Ghi-dô,

1* - Từ "vol" có nghĩa là lần bay cũng có nghĩa là ăn cắp

2* - "Anh đếm của cải của anh, nhưng trước hết anh nên tính xem anh còn sống được bao năm".

3* - Trong tác phẩm "Cô em họ Bét-te", Ban-dắc miêu tả Crê-ven, người mà ông phác họa theo tiến sĩ Vê-rông, chủ tờ báo "Constitutionnel" là tên phi-li-xtanh Pari truy lạc.



hối còn làm thủ tướng nội các, trên một tờ báo nhỏ đã từng dùng tên Gra-ni-ê đó chống lại phái bảo hoàng đối lập, đã thường hay tán tụng tên này là: "C'est le roi des drôles", "Đó là vua của hề". Sẽ là không thỏa đáng khi đem so sánh triều đình và bè đảng Lu-i Bô-na-pác-tơ với triều đình thời phụ chính[92], hoặc thời Lu-i XV. Vì "...nước Pháp đã nhiều lần trải qua sự cai quản của các ái khanh nhưng chưa bao giờ trải qua sự cai quản của các tình lang cả"[1*].

Bị những yêu cầu trái ngược của địa vị của mình thôi thúc, đồng thời giống như một nhà ảo thuật, buộc phải làm những trò lạ mắt mỗi ngày mỗi khác để công chúng luôn luôn chú ý vào mình như là một kẻ thế chân Na-pô-lê-ông và, - nói một cách khác, mỗi ngày buộc phải làm một cuộc đảo chính thu nhỏ, Bô-na-pác-tơ làm đảo lộn toàn bộ nền kinh tế tư sản, xâm phạm đến tất cả những cái trước kia cuộc cách mạng 1848 coi là bất khả xâm phạm, làm cho số người này lãnh đạm với cách mạng và số người khác lại mong muốn cách mạng, hắn tạo ra trạng thái vô chính phủ nhân danh trật tự và đồng thời tước mất của bộ máy chính phủ cái vòng hào quang của nó, dung tục hóa bộ máy ấy làm cho nó trở nên vừa ghê tởm lại vừa nực cười. Bô-na-pác-tơ tổ chức ở Pa-ri tấn trò sùng bái chiếc áo thánh ở nhà thờ Tơ-ria[93], dưới hình thức tôn thờ chiếc áo choàng bào của Na-pô-lê-ông. Nhưng nếu như, cuối cùng, chiếc hoàng bào được khoác lên vai Lu-i Bô-na-pác-tơ, thì pho tượng đồng của Na-pô-lê-ông sẽ đổ nhào từ trên cột Văng-đôm xuống.

1* Lời của bà Gi-rác-đanh.

# PH. ĂNG-GHEN

## NƯỚC ANH[94]

## I

Những người thuộc đảng Vích Anh hoàn toàn không gặp may. Pan-mớc-xtơn chỉ vừa mới được bãi nhiệm vì ông ta "đã bỏ mặc cho nước Anh không có lấy một đồng minh duy nhất, không có lấy một người bạn duy nhất trên lục địa châu Âu", vụ bê bối dầu tiên do sự bãi nhiệm này gây nên chỉ vừa mới lắng xuống thì tất cả các báo chí đã làm ầm ĩ về chiến tranh và nhân đó lôi ra ánh sáng cả một mớ các thí dụ về việc quản lý tồi ngành quân sự và ngành hàng hải, những thí dụ hoàn toàn đủ để giết chết chỉ một mình nội các mà thôi.

Kể từ năm 1846, các nhà quân sự có uy tín đã lưu ý đất nước tới khả năng về một cuộc xâm nhập vào nước Anh trong trường hợp nổ ra chiến tranh với Pháp. Tuy nhiên vào lúc đó, nguy cơ về một cuộc chiến tranh như vậy vẫn là quá xa xôi, còn cách đấu tranh theo kiểu Đông Ki-sốt của những kẻ đầu tiên gieo rắc hoang mang này chỉ khiến người ta buồn cười. Đặc biệt nổi bật là tướng Hít-đơ, kẻ lúc bấy giờ đã tạo ra cho mình một vinh quang không lấy gì vẻ vang cho lắm bằng những lời kêu gọi thường xuyên đất nước phải tăng cường các phương tiện phòng thủ nước nhà. Song,



dĩ nhiên là ở đây không nên quên là ông già Oen-lin-tơn cũng cho rằng các công sự hiện có trên bờ biển còn quá thiếu.

Tuy nhiên, cuộc chính biến của Lu-i - Na-pô-lê-ông đã bất ngờ mang lại cho các cuộc thảo luận đó một ý nghĩa mới. Giôn Bun cũng tức thời hiểu ra rằng nền độc tài quân sự Pháp, sự mô phỏng chế độ tổng tài rất có thể sẽ lôi cuốn nước Pháp vào cuộc chiến, và trong tình hình đó, mưu toan phục thù trận Oa-téc-lô là hoàn toàn có khả năng. Các chiến công anh hùng gần đây của các lực lượng vũ trang Anh không phải là thật rạng rỡ: trên đất Cáp những người ca-phơ-rơ không ngừng giành thắng lợi và thậm chí trên bờ biển Nô Lệ, bất chấp chiến thuật và súng đại bác của châu Âu, mưu toan đổ bộ của người Anh đã bị những người da đen tay không vũ khí đẩy lùi, và giáng cho kẻ thù một đòn thật thấm thía [95]. Điều gì sẽ đến với quân đội Anh nếu như họ buộc phải chạm trán với "những người Phi" nguy hiểm hơn rất nhiều, những người đã trải qua trường học của An-giê-ri?[96] Và ai có thể cam đoan rằng một tên phiêu lưu trơ trẽn như Lu-i Bô-na-pác-tơ, một buổi sáng nào đó lại sẽ không xuất hiện trên bờ biển nước Anh với 10 - 12 chiếc tàu thủy chạy bằng hơi nước chở đầy quân lính, kèm theo một tá thiết giáp hạm và sẽ không hành quân tới Luân Đôn mà không dùng tới những nghi thức tuyên chiến buồn tẻ ?

Trong bất kỳ trường hợp nào, sự việc cũng đều nghiêm trọng. Chính phủ lập tức ra lệnh phải xây dựng các khẩu đội mới ở cửa vào các hải cảng lớn trên bờ biển phía nam và phía đông - nam. Nhưng cả công chúng cũng có thái độ nghiêm khắc đối với việc này và hơn nữa lại có thái độ dưới hình thức có nguy cơ cực kỳ khó chịu đối với chính phủ. Trước hết, người ta đã thăm dò về tình trạng các lực lượng vũ trang hiện có và thấy rằng, vào thời điểm đó, dù hoàn toàn bỏ trống Ai-rơ-len thì để bảo vệ nước Anh cũng chỉ có nhiều nhất là 25000 binh lính và 36 khẩu pháo có ngựa kéo; còn về hạm đội thì hiện nay ở các hải cảng không có lấy *một* chiếc tàu nào gọi là lớn sẵn sàng rời bến để ngăn cản cuộc đổ bộ. Người ta đã phát hiện ra rằng việc trang bị cho binh

lính Anh, như cuộc chiến tranh với người ca-phơ-rơ đã chứng minh, đã vô cùng hạn chế tính cơ động của họ và hoàn toàn không thiết thực, rằng vũ khí của họ hoàn toàn không thể so sánh được với vũ khí của các đội quân khác ở châu Âu, rằng không một người lính nào ở nước Anh có được khẩu súng có thể so sánh được, - dù là ở mức rất xa xôi với khẩu súng hình kim của Phổ hoặc với khẩu súng trường của các xạ thủ và thợ săn nhà nghề Pháp. Trong ngành quân nhu của hạm đội người ta đã phát hiện ra những vụ lạm dụng, thái độ lơ là vô trách nhiệm hết sức to lớn, ô nhục, và tất cả những việc đó lại được bọn chuyên gieo rắc hoang mang và những kẻ mưu cầu danh vọng đủ mọi loại phóng đại lên một cách không tưởng tượng nổi.

Dường như sự việc đó trước hết chỉ động chạm tới bọn quý tộc bọn thực lợi và tư sản Anh là những kẻ có lẽ sẽ bị thiệt hại trước tiên khi người Pháp xâm nhập và khi đất nước có thể bị chiếm. Nhưng không nên quên rằng sự phát triển độc lập của nước Anh, việc giải quyết một cách chậm chạp nhưng vững chắc mâu thuẫn đã phát triển tới mức độ đầy đủ ở đây giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản bằng con đường đấu tranh, là có ý nghĩa hàng đầu đối với toàn bộ sự phát triển của châu Âu. Dù rằng sự phát triển độc đáo và có hệ thống này của nước Anh đôi lúc cũng là trở ngại tạm thời đối với những nhà cách mạng trên lục địa đã từng chiến thắng ở từng thời kỳ như vào năm 1848 và trước đó vào năm 1793, nhưng cơ sở của nó vẫn có nội dung cách mạng lớn hơn rất nhiều so với tất cả các cuộc chấn động nhất thời ấy trên lục địa cộng lại. Trong khi sự chinh phục châu Âu đã dẫn tới sự sụp đổ của cuộc đại cách mạng Pháp thì nước Anh bằng máy hơi nước đã cách mạng hóa xã hội, chiếm đoạt thị trường thế giới, ngày càng gạt tất cả các giai cấp đã lỗi thời về mặt lịch sử ra khỏi chính quyền và chuẩn bị cơ sở cho cuộc chiến đấu vĩ đại có tính chất quyết định giữa bọn tư bản công nghiệp và những người công nhân công nghiệp. Đối với toàn bộ sự phát triển ở châu Âu thì điều có ý nghĩa vĩ đại nhất là việc Na-pô-lê-ông đã không chuyển được đạo quân gồm 150000 người từ Bu-lông tới Phoóc-xtơn



và dựa vào các cựu chiến binh của các đội quân cộng hòa mà không chiếm được nước Anh. Trong thời kỳ phục tích, khi mà lục địa bị phó mặc cho bọn vô danh tiểu tốt theo chủ nghĩa chính thống [97] mà Bê-răng-giê đã miêu tả một cách thật chính xác, thì ở nước Anh, trong đảng To-ri phản động, già cỗi, nhờ nội các Ca-ninh, một nội các rất tư sản đã xảy ra sự chia rẽ lớn đầu tiên và bắt đầu việc đào bới từng bước. Hiến pháp của nước Anh, lúc đầu là do Ca-ninh, rồi sau đó là do Pin tiến hành; từ đó cuộc đào bới này kéo dài liên tục và chỉ nay mai thôi ắt sẽ dẫn tới chỗ làm cho toàn bộ tòa nhà mục nát sụp đổ hoàn toàn. Sự đào bới đó đối với các cơ quan cũ kỹ của nước Anh và cơ sở của nó là việc nền đại công nghiệp thường xuyên cách mạng hóa xã hội Anh - những cái đó cứ tiếp diễn ra một cách êm thấm, không kể là lúc đó cách mạng hay phản cách mạng thắng trên lục địa, và sự phát triển đó diễn ra tuy chậm, nhưng vững chắc và không hề có chút vận động thụt lùi nào. Thất bại của những người theo phái Hiến chương vào ngày 10 tháng Tư 1848 [98] hoàn toàn là một thất bại và là sự xóa bỏ một cách kiên quyết ảnh hưởng chính trị của nước ngoài; những động cơ vĩ đại của sự phát triển của nước Anh không phải là những chấn động về chính trị trên lục địa mà là các cuộc tổng khủng hoảng về thương mại, những đòn đánh trực tiếp bằng vật chất đe dọa sự tồn tại của từng cá nhân. Và lúc này, khi mà giai cấp tư sản công nghiệp loại trừ vĩnh viễn mọi giai cấp truyền thống ra khỏi chính quyền và khi do việc làm đó đã hiện lên rõ nét những triệu chứng không thể chối cãi được chứng tỏ rằng đang gần tới ngày diễn ra cuộc chiến đấu có tính chất quyết định giữa giai cấp tư sản công nghiệp và giai cấp vô sản công nghiệp, thì lúc này việc kìm hãm sự phát triển đó, việc chinh phục nước Anh dù chỉ là tạm thời, bằng những đội quân đánh thuê hám lợi vào ngày 2 tháng Chạp có lẽ sẽ mang lại những hậu quả đáng buồn nhất cho toàn bộ sự vận động của châu Âu. Chỉ có ở nước Anh là nền công nghiệp đã đạt tới qui mô là ở đó tập trung lợi ích của cả dân tộc, tập trung mọi điều kiện sống của tất cả các giai cấp. Nhưng nền công nghiệp thì, một bên, là giai cấp tư sản

công nghiệp, bên kia là giai cấp vô sản công nghiệp, còn các bộ phận hợp thành khác của dân tộc ngày càng tập hợp lại xung quanh hai giai cấp đối lập với nhau đó. Vì vậy, ở đây nơi mà vấn đề đặt ra chỉ là sự thống trị hoặc là của *các nhà tư bản* công nghiệp, hoặc là của *những công nhân* công nghiệp, chính ở đây có cơ sở - nếu như cái cơ sở đó đã tồn tại ở đâu đó - để cuộc đấu tranh giai cấp dưới hình thức hiện đại của nó có thể được tiến hành tới cùng và ở đây giai cấp vô sản công nghiệp, một mặt, có sức mạnh để giành lấy chính quyền nhưng, mặt khác, tìm được các phương tiện vật chất, các lực lượng sản xuất tạo cho họ khả năng tiến hành cuộc cách mạng xã hội trọn vẹn và xóa bỏ vĩnh viễn các mâu thuẫn giai cấp. Và đương nhiên, đảng vô sản trên toàn bộ châu Âu quan tâm tột độ đến việc làm sao cho phương hướng đó của sự phát triển ở nước Anh, - phương hướng dẫn tới chỗ làm cho mâu thuẫn giữa cả hai giai cấp của nền công nghiệp trở nên cực kỳ gay gắt và giai cấp bị áp bức chiến thắng hoàn toàn giai cấp thống trị, - sẽ không bị thay đổi bằng việc thiết lập ách áp bức của nước ngoài, sao cho nhiệt tình của sự phát triển đó không bị giảm đi và cuộc chiến đấu có tính chất quyết định không bị gác lại một thời gian không hạn định.

Nhưng các khả năng xâm lược thì thế nào?

Trước tiên, đối với một nước như nước Anh, - nếu không kể Ai-rơ-len, gồm 22 triệu người, còn kể cả Ai-rơ-len có 29 triệu dân, - người ta không thể chiếm đóng được bằng một cuộc tấn công bất ngờ. Bọn phao tin nhảm nêu lên tấm gương của Các-ta-giơ, một xứ mà lực lượng hải quân và quân đội của nó rải khắp ở các miền thuộc địa rất xa xôi và đã hai lần bị thất bại vì cuộc tấn công bất ngờ của người La Mã [99]. Nhưng, chưa cần nói tới những điều kiện tiến hành chiến tranh đã hoàn toàn thay đổi, cuộc đổ bộ lên châu Phi của quân La mã trong thời kỳ nổ ra cuộc chiến tranh Pu-ni lần thứ hai chỉ có thể thực hiện được sau khi bộ phận tinh nhuệ của quân đội Các-ta-giơ ở Tây Ban Nha và ở I-ta-li-a bị tiêu diệt, còn hạm đội của Các-ta-giơ bị đuổi ra khỏi Địa Trung Hải; cuộc tấn công bất ngờ đã tuyệt nhiên không phải bất ngờ, mà là một chiến dịch quân sự rất lớn, chiến dịch này là sự kết thúc hoàn toàn tự nhiên của cuộc chiến tranh kéo dài và cuối cùng, thắng lợi cho La Mã sau một thời gian dài. Vị tất có thể gọi cuộc chiến tranh Pu-ni lần thứ ba là chiến tranh được; đây đơn thuần là sự chinh phục một đối phương yếu hơn 10 lần, là cái gì đó tương tự việc Na-pô-lê-ông tịch thu nước Cộng hòa Vơ-ni-dơ [100]. Nhưng hiện nay Pháp không còn ở vào cái địa vị Pháp năm 1797, mà nước Anh cũng không giống nước Vơ-ni-dơ già yếu.



Na-pô-lê-ông cho rằng muốn chiếm được nước Anh cần phải có ít ra 150000 người. Mặc dầu lúc bấy giờ nước Anh có số quân hữu ích đông hơn rất nhiều so với hiện nay, thế nhưng dân số và các nguồn dự trữ công nghiệp của nó lại ít hơn rất nhiều. Vì vậy, lực lượng của người Anh lúc này đây có nhỏ bé thế nào chăng nữa thì hiện nay muốn chiếm được nước Anh cũng cần phải có ít ra chừng ấy người. Chỉ cần nhìn lên bản đồ cũng đủ thấy được rằng bất kỳ đội quân xâm lược nào đổ bộ vào nước Anh ít ra cũng phải tới được sông Tì-xơ, Tin hoặc thậm chí tới sông Tơ-vít. Nếu đội quân ấy dừng lại ở giới hạn gần hơn thì mọi nguồn dự trữ của các khu công nghiệp sẽ vẫn nằm trong tay những người phòng thủ và, để chống lại lực lượng của những người phòng thủ tăng lên không ngừng, đạo quân ấy buộc phải chiếm lấy những vị trí có quá ít ưu thế về mặt quân sự và bị căng ra quá nhiều so với các phương tiện mà nó có trong tay. Vùng đất nằm về phía nam các con sông nói trên, tức là nước Anh chính cống, có 16 triệu dân và muốn bảo đảm giao thông, muốn bao vây cũng như muốn chiếm đóng các pháo đài trên bờ, muốn ngăn chặn cuộc khởi nghĩa dân tộc không tránh khỏi cần phải có một số lượng quân lính như vậy, thành thử số này vẫn còn quá ít để tiến hành các chiến dịch chủ động ở biên giới Xcốt- len. Cũng không thể giả định rằng, muốn chiếm nước Anh, muốn đàn áp cuộc khởi nghĩa trong nước và tiến hành cuộc chiến tranh thường xuyên ở Xcốt-len và Ai-rơ-len, với điều kiện chỉ huy ở trình độ thật giỏi, thì cần phải có một đội quân dưới 150000 người.

Giả định rằng, bằng cách tuyển mộ binh lính mới và tập trung một cách khôn khéo, có thể tập kết được 150000 quân ở một điểm nào đó trên bờ biển phía bắc nước Pháp, nhưng muốn làm được như vậy ít ra cũng phải cần tới một vài tháng. Trong thời gian đó nước Anh, một phần bằng cách di chuyển hạm đội Ta-khô [101] và các tàu ra khỏi các bến khác ở gần, một phần bằng cách đưa các tàu thuyền đã hạ giàn buồm đang đậu ở các bến cảng vào tình trạng sẵn sàng chiến đấu, có thể tập trung trên biển Măng-sơ những lực lượng hải quân khá hùng hậu, còn sau một tháng, tất cả các tàu và một bộ phận các thuyền buồm từ các bến trên Đại Tây Dương cũng như từ Man-tơ và Gi-bran-ta đều có thể tới địa điểm tập kết. Do đó, các đạo quân đổ bộ phải đổ bộ lên được nếu không phải ngay một lúc thì ít ra cũng một số toán lớn vì sớm hay muộn các đường giao thông liên lạc của họ với nước Pháp sẽ bị cắt đứt. Có lẽ cần phải cho vượt biển một lúc ít ra là 50000 người và như vậy toàn bộ đạo quân đó phải vượt làm ba đợt. Hơn nữa, để vận chuyển quân lính, người ta chỉ có thể sử dụng tàu thuyền quân sự với số lượng hạn chế hoặc hoàn toàn không thể sử dụng các tàu thuyền quân sự vì chúng sẽ phải chống trả sự tấn công của hạm đội Anh. Trong vòng 6 tuần nước Pháp cũng sẽ không thể tập trung được ở các bến cảng của mình ở biển Măng-sơ các phương tiện vận tải đủ để vận chuyển 50000 người cùng với số pháo binh cần thiết và đạn dược, dù rằng nếu nó có bắt giữ cả những tàu trung lập. Nhưng mỗi một ngày trì hoãn cuộc viễn chinh là một lợi thế mới cho nước Anh, nước này chỉ cần có thời gian để tập trung hạm đội của họ và huấn luyện tân binh.

Nhưng nếu như một khi lưu ý tới hạm đội Anh mà không thể cho một đạo quân gồm 150000 lính đổ bộ quá ba lần, thì một khi chú ý tới các lực lượng bộ binh của Anh, không một nhà hoạt động quân sự nghiêm túc nào lại cả gan đổ bộ vào nước Anh với số quân lính không vượt quá 50000 người. Chúng ta đều thấy, ngay trong những điều kiện thuận lợi cho việc xâm lược, người Anh vẫn còn một vài tháng để chuẩn bị. Có hiểu biết người Anh một cách lơ mơ thì mới giả định rằng trong thời gian đó họ không tổ chức lục quân để dễ dàng tung ra biển một đội tiên phong gồm 50000 người trước khi quân tiếp viện kịp tới. Nên lưu ý rằng chỉ có thể chuyển quân lên tàu ở vùng nằm giữa Séc-bua và Bu- lông, còn việc đổ bộ thì chỉ có thể thực hiện được ở giữa hai đảo Oai-tơ và Đu - vrơ, tức là ở dải bờ biển, mà không một điểm nào cách xa Luân Đôn tới mức không thể vượt qua trong vòng bốn ngày hành quân thuận lợi. Nên lưu ý rằng việc cho quân lên tàu và đổ bộ lên bờ tùy thuộc vào gió và thủy triều, rằng hạm đội của Anh ở biển Măng-sơ sẽ kháng cự lại, và giữa lần đổ bộ thứ nhất và lần đổ bộ thứ hai chắc là phải cách nhau 8 - 10 ngày, và trong bất cứ trường hợp nào cũng không dưới 4 ngày vì rằng đại bộ phận quân lính phải chuyển vận bằng thuyền buồm và phải tập hợp những đạo quân này trên suốt vùng bờ biển từ Séc-bua tới Bu-lông; thế mà người ta lại không thể đột nhiên tạo ra "Trại Bu-lông" được! [102] Trong những điều kiện như vậy chắc gì người Pháp dám liều mạng tiến hành một điều gì đó trong lúc chưa có thể di chuyển ngay một lúc ít ra là 70000 - 80000 người, mà muốn làm được việc đó còn phải kiếm cho ra những phương tiện vận tải điều này cũng lại đòi hỏi phải có thời gian. Nhưng do các phương tiện phòng thủ của Anh, cứ mỗi tuần trì hoãn cuộc viễn chinh lại, sẽ tăng nhanh hơn so với các phương tiện vận chuyển và các phương tiện tác chiến trên biển của kẻ thù, cho nên tình hình của phía tấn công sẽ ngày càng không thuận lợi; sự việc có thể rất nhanh chóng dẫn tới chỗ họ sẽ không thể tiến hành được một điều gì hết trước khi có thể di chuyển được ngay một lúc 150000 người, nhưng lúc đó thì những người này sẽ vấp phải sức chống cự mạnh tới mức nếu không tiếp viện ngay cho họ một đội quân dự trữ khoảng 100000 người thì rút cuộc nhất định họ chỉ có chờ bị tiêu diệt mà thôi.



Nói tóm lại, việc chiếm nước Anh không thể thực hiện được bằng một cuộc tấn công bất ngờ. Nếu như toàn bộ lục địa liên hợp lại để làm việc đó thì phải cần tới một năm ròng chỉ là để chế tạo và cung ứng các phương tiện vận tải - như vậy cần phải

có nhiều thời gian hơn so với thời gian mà nước Anh cần có để làm cho bờ biển của họ có đủ khả năng phòng thủ, để họ tập trung được các lực lượng hải quân, lực lượng này có lẽ trội hơn tất cả các hạm đội của các nước trên lục địa cộng lại, và khiến cho các nước trên lục địa không thể liên hợp được với nhau nữa, và cuối cùng để họ tập hợp được một đạo quân không cho phép bất cứ kẻ thù nào có thể ở lại trên đất Anh.

Chính lúc này tinh thần dân tộc của người Anh mạnh hơn bất kỳ lúc nào kể từ sau năm 1815, và nguy cơ nghiêm trọng của sự xâm lược có lẽ đã thúc đẩy tinh thần đó đặc biệt dâng cao thêm nữa. Hơn nữa dân chúng Anh hoàn toàn không xa lạ với những phẩm chất của người lính như người ta miêu tả họ; giai cấp tư sản, tiểu tư sản và giai cấp vô sản của các thành phố lớn dĩ nhiên ít biết sử dụng súng ống hơn nhiều so với các giai cấp tương ứng trên lục địa và, vì vậy, kém thích ứng với nội chiến. Nhưng dân chúng nói chung đã thấm sâu tinh thần chiến đấu tới mức độ khá lớn và trong thành phần của họ có những người biết quân sự rất thích hợp. Không ở đâu có được số lượng người săn bắn như vậy, nghĩa là những bộ binh nhẹ và xạ thủ được huấn luyện chưa hoàn chỉnh; 40000 - 50000 thợ cơ khí và công nhân làm việc trong ngành sản xuất cơ khí được đào tạo kỹ lương hơn so với cùng số lượng như vậy những người được tuyển lựa ở bất kỳ nước nào trên lục địa, để làm việc trong các xưởng chế tạo vũ khí, để phục vụ trong ngành pháo binh và các đội công binh. Ngay địa thế kéo dài gần như tới tận biên giới của Xcốt-len cũng hầu như hoàn toàn không thích hợp đối với các chiến dịch qui mô lớn; địa thế ấy quá ư lồi lõm và đúng là được tạo ra cho cuộc chiến tranh quy mô nhỏ. Và nếu như cho đến nay chiến tranh du kích giành được thắng lợi chỉ ở những nước tương đối ít dân cư thì chính nước Anh, trong trường hợp bị tấn công nghiêm trọng, có thể sẽ chứng minh rằng, trên những địa thế có dân cư rất dày đặc, chẳng hạn trong vùng nhà ở hỗn độn hầu như dày đặc ở Lan-kê-sia và Tây I-oóc-sia, cuộc chiến tranh đó có thể mang lại kết quả còn lớn hơn nhiều.



Còn về cuộc tấn công bất ngờ nhằm mục đích cướp phá các thành phố cảng giàu có, phá hủy kho tàng v.v... thì lúc này nước Anh đương nhiên hoàn toàn có thể phải chịu. Về các công sự thì thậm chí vị tất đã đáng phải nói tới. Hiện nay ở Xpít-hết không có tàu thuyền, người ta có thể thâm nhập hoàn toàn yên ổn vào tới tận cửa khẩu hải cảng Xa-hêm-ptơn và cho đổ bộ lên đó một lượng quân đây đủ để bắt Xao-hêm-ptơn phải nộp một khoản bồi thường chiến phí nào cũng được. Có lẽ Vu-li-giơ vào lúc này cũng có thể bị chiếm đóng và phá hủy, mặc dầu muốn làm được việc đó phải có những lực lượng lớn hơn. Li-vớc-pun chỉ được bảo vệ bằng một khẩu đội nhỏ gồm 18 cỗ pháo bờ biển bằng sắt không có thiết bị ngắm; các cỗ pháo này do tám hoặc mười pháo thủ và nửa đại đội bộ binh điều khiển. Tuy nhiên, trừ Brai-tơn ra, tất cả các thành phố lớn trên bờ biển nước Anh đều nằm sâu trong các vịnh hoặc ở khá cao theo triền sông và có những công sự tự nhiên dưới dạng những bãi cát và những vách đá mà chỉ có những hoa tiêu người địa phương mới biết. Kẻ nào mưu toan mở đường theo các dòng kênh chật hẹp đó - những dòng kênh mà các tàu thuyền lớn thường chỉ có thể đi được vào những lúc thủy triều lên - mà không cần đến hoa tiêu thì kẻ đó sẽ phải có cơ bị mất ở đó nhiều hơn những gì mà họ có thể tính chuyện mang ra khỏi nơi đó, và các cuộc viễn chinh tương tự, - trong trường hợp gặp phải sự chống cự nào đó và trở ngại không lường trước được hết sức không đáng kể, - thì những cuộc viễn chinh này có thể kết thúc một cách thảm hại như cuộc viễn chinh của Đan Mạch năm 1849[103] vào Ếc-két-phuê-đơ. Ngược lại, việc cho đổ bộ nhanh chóng 10000 - 20000 người từ tàu thủy lên một vùng nông thôn nào đó và cuộc viễn chinh đi ăn cướp các thị trấn nhỏ không kéo dài nhưng rõ ràng hứa hẹn ít mang lại kết quả tốt đẹp thì chắc chắn dễ thực hiện; hiện nay người ta hoàn toàn không thể nào ngăn cản được cuộc viễn chinh này.

Nhưng tất cả những nỗi lo ngại đó sẽ tự tiêu tan ngay khi hạm đội Ta-khô, hải đoàn của Bắc Mỹ và một bộ phận các tàu làm nhiệm vụ bắt các tàu thuyền của những người nô lệ ở vùng

giữa Bra-xin và châu Phi, được gọi trở về nước Anh và đồng thời các tàu đã hạ giàn buồm đang nằm ở các quân cảng sẽ được đặt vào tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Điều đó có lẽ cũng đủ làm cho cuộc tấn công bất ngờ trở nên không thể xảy ra được và buộc phải gác lại một thời gian bất kỳ mưu toan xâm nhập chín chắn hơn nào khiến cho nước Anh có thời gian thi hành các biện pháp cần thiết tiếp theo.

Dẫu sao sự lo lắng cũng sẽ mang lại những kết quả tốt là sẽ chấm dứt cái chính sách nực cười, theo đó mà nước Anh duy trì ở Địa Trung Hải 800 khẩu pháo tàu biển, ở Đại Tây Dương 1000, Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương mỗi nơi 300 khẩu, trong lúc đó thì ở trong nước không có một chiếc tàu nào bảo vệ bờ biển, - cái chính sách tiến hành các cuộc chiến tranh liên miên và ô nhục với người da đen và người ca-phơ-rơ trong lúc ở trong nước rất cần tới quân đội. Trang bị cho quân đội không gọn, nặng nề và lỗi thời về mọi phương diện; vũ khí của quân đội thì cũ kỹ; thái độ nhởn nhơ, vô trách nhiệm vô hạn độ trong việc quản lý quân đội và hải quân; thái độ bao che cho họ hàng đã có quy mô nguy hiểm, nạn hối lộ và lừa bịp trong các ngành này, ít nhiều sẽ được loại trừ. Cuối cùng, giai cấp tư sản công nghiệp sẽ tránh khỏi được sự ham mê đại hội hòa bình và các hội hòa bình, một sự ham mê đã tạo lý do cho những sự chế giễu đích đáng đối với giai cấp tư sản và gây nên biết bao tổn thất cho tiến bộ chính trị của nó và đồng thời gây thiệt hại cho toàn bộ sự phát triển của nước Anh. Và nếu như tình hình vẫn dẫn tới chiến tranh thì do sự trở trêu của lịch sử toàn thế giới mà người ta đã biết và lúc này lại càng rõ, rất dễ xảy ra tình trạng là các ngài Cốp-đen và Brai-tơ với vai trò hai mặt của họ là thành viên Hội hòa bình[104] và trong tương lai gần nhất - là bộ trưởng, các ngài ấy sẽ phải tiến hành một cuộc chiến tranh tàn khốc, có thể là chống lại toàn bộ lục địa.

Man-se-xtơ, ngày 23 tháng Giêng 1852



## II

Thứ ba tới, ngày 3 tháng Hai, nghị viện sẽ họp. Trong ba vấn đề chính là đề tài những cuộc tranh luận đầu tiên của nghị viện, chúng tôi đã nói vắn tắt hai vấn đề[105]: vấn đề Pan-mốc-xtơn từ chức và những biện pháp phòng thủ trong trường hợp có chiến tranh với Pháp. Còn lại vấn đề thứ ba, một vấn đề quan trọng hơn cả đối với sự phát triển của nước Anh - vấn đề *cải cách bầu cử*.

Dự luật cải cách mới mà ngay từ đầu Rớt-xen phải đưa ra, sẽ còn cho chúng ta đủ cơ hội để nghiên cứu tỉ mỉ vấn đề ý nghĩa chung của việc cải cách bầu cử ở Anh. Trong lúc này, khi một số tin đồn về dự luật này chỉ vừa mới lan ra và được người ta bình luận thì chỉ có thể nhận xét như sau mà thôi: trong toàn bộ vấn đề ấy trước hết người ta chỉ nói đến việc các giai cấp phản động hoặc các giai cấp bảo vệ tính chất bất di bất dịch của chế độ, tức bọn quý tộc ruộng đất, bọn thực lợi, bọn dầu cơ ở sở giao dịch, bọn chiếm hữu ruộng đất ở các thuộc địa, bọn chủ tàu và một bộ phận thương nhân và chủ ngân hàng sẽ duy trì quyền lực của chúng đến mức nào và sẽ phải nhường một phần như thế nào của quyền lực ấy cho giai cấp tư sản công nghiệp đang đứng đầu tất cả các giai cấp tiến bộ và cách mạng. Ở đây tạm thời không nói gì đến giai cấp vô sản.

Tờ "Dai-ly News"[106], cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản công nghiệp ở Luân Đôn và là nguồn tư liệu tốt trong những vấn đề tương tự đưa ra một vài tin tức về dự luật cải cách mới do nội các của đảng Vích chuẩn bị. Theo tin tức ấy, các cuộc cải cách dự định tiến hành sẽ đụng chạm đến ba khía cạnh của chế độ bầu cử hiện hành ở Anh từ trước tới nay.

Trước nay, để đủ tư cách vào nghị viện mỗi nghị sĩ phải có một tài sản ruộng đất đem lại ít nhất là 300 p.xt. thu nhập. Trong nhiều trường hợp, điều kiện gò ép đó hầu như bao giờ cũng bị người ta lẩn tránh bằng những vụ mua giả ruộng đất và những khế ước giả. Đối với giai cấp tư sản công nghiệp, điều kiện ấy đã mất hiệu lực từ lâu; giờ đây nó phải hoàn toàn biến mất. Yêu cầu xóa bỏ điều kiện ấy là một trong "sáu điểm" của Hiến chương nhân dân [107] của giai cấp vô sản và điều thú vị là quan sát xem ngay một trong sáu điểm ấy (tất cả sáu điểm đều mang tính chất hoàn toàn tư sản và đã được thực hiện ở Mỹ) được chính thức thừa nhận như thế nào.

Cho tới nay, chế độ bầu cử được tổ chức như sau. Theo tập quán cũ của Anh, các tỉnh cử một phần đại biểu, còn các thành phố cử một phần khác. Ai muốn bầu cử ở tỉnh thì hoặc giả phải có một tài sản ruộng đất tự do, (freehold property), không hạn chế, mang lại 2 p.xt. thu nhập hằng năm, hoặc giả là lĩnh canh một số ruộng đất đem lại 50 p. xt. thu nhập hằng năm. Trái lại, ở các thành thị, bất cứ ai thuê nhà, nộp 10 p. xt. tiền thuê nhà và đóng thuế tế bần theo tỷ lệ tương ứng với số tiền trên thì đều là cử tri. Trong khi nhờ chế độ đó, mà ở các thành phố cử đại biểu, khối đông tiểu thương và chủ các xưởng thủ công, nghĩa là toàn bộ giai cấp tiểu tư sản, đều được hưởng quyền bầu cử, thì trong cuộc bầu cử ở các tỉnh đại đa số cử tri đều là tenants at will phụ thuộc vào giới quý tộc, nghĩa là những người tá điền hằng năm có thể bị từ chối không cho lĩnh canh và do đó hoàn toàn phụ thuộc vào các ngài chủ ruộng của họ. Năm ngoái, ông Lốc King đưa ra để nghị đem yêu cầu đang có hiệu lực ở các thành phố đối với người thuê nhà trả tiền thuê nhà 10 p. xt. ra áp dụng cho cả các tỉnh và ông ta đã được đại đa số trong nghị viện - bấy giờ còn ít người - tán thành để nghị này chống lại các bộ trưởng. Người ta nói rằng hiện nay Rớt-xen đề nghị giảm mức tiền thuê ruộng đòi hỏi ở các tỉnh xuống 10 p. xt., còn ở các thành phố thì xuống 5 p. xt.. Một biện pháp như thế có thể có những hậu quả hết sức nghiêm trọng. Lúc đó, ở các thành phố, bộ phận



được trả công khá nhất trong giai cấp vô sản sẽ lập tức được hưởng quyền bầu cử, và điều đó làm cho ở một số thành phố lớn, rất chắc chắn là các đại biểu của phái Hiến chương sẽ được bầu, còn ở các thành phố vừa và nhỏ thì giai cấp tư sản công nghiệp có thể sẽ giành được thêm nhiều phiếu và ghế mới trong nghị viện. Còn ở các tỉnh thì tất cả những người tư sản nhỏ và trung bình ở các thị trấn nhỏ trong tỉnh, hiện nay không được cử đại biểu của mình vào nghị viện, cũng sẽ lập tức được hưởng quyền bầu cử; thường thường họ cấu thành tuyệt đại đa số và nhờ khối lượng và địa vị tương đối độc lập của họ đối với một số gia đình quý tộc hiện đang thống trị ở các tỉnh, họ sẽ có thể chấm dứt sự khủng bố của bọn dầu sỏ đó trong bầu cử, một sự khủng bố vẫn tồn tại từ trước đến nay. Bằng cách như vậy, những người tiểu tư sản hàng tỉnh ấy vốn dĩ ngày một chịu ảnh hưởng của giai cấp tư sản công nghiệp sẽ giao cho giai cấp này điều khiển phần lớn các tỉnh.

Cho tới nay, các khu vực bầu cử vẫn rất chênh lệch nhau về qui mô và ý nghĩa; số lượng đại biểu hoàn toàn không cân xứng với số dân cũng như số cử tri. Một hoặc hai trăm cử tri ở một địa phương này cử ra một số đại biểu ngang với 6000 - 11000 cử tri ở một địa phương khác. Sự khác nhau ấy đặc biệt lớn ở các thành phố. Và chính những thành phố nhỏ có ít cử tri lại là điểm tập trung những vụ mua chuộc bỉ ổi nhất (ví dụ như Xanh Ôn-băng-xơ) hoặc sự chuyên chế tuyệt đối trong bầu cử của một đại địa chủ nào đó. Theo số liệu của "Daily News" thì tám khu vực bầu cử nhỏ nhất ở thành phố từ nay bị mất quyền cử đại biểu của mình, còn các thành phố nhỏ khác được bầu đại biểu vào nghị viện thì sẽ kết hợp với các thị trấn nhỏ khác ở bên cạnh mà cho tới nay chỉ cử đại biểu trong khuôn khổ của tỉnh, kết quả là số lượng cử tri tăng lên khá nhiều. Đấy là sự mô phỏng chế độ nhóm thành phố, chế độ này tồn tại ở Xcốt-len ngay từ khi hợp nhất với Anh (năm 1707). Biện pháp này dẫu có dè dặt đến thế nào đi nữa, thì giai cấp tư sản công nghiệp vẫn có thể hy vọng nhờ nó mà tăng cường được sức mạnh chính trị của họ, bằng

chứng là từ lâu họ đã đặc biệt coi trọng việc làm cho các khu vực bầu cử trở nên bình đẳng với nhau so với tất cả các vấn đề khác của việc cải cách nghị viện. Ngoài ra, như tin tức cho biết Luân Đôn và Lan-kê-sia nghĩa là 2 trung tâm chủ yếu của giai cấp tư sản công nghiệp, đã được thêm đại biểu ở nghị viện.

Nếu Rốt-xen thực sự định đưa ra dự luật giống như thế thì, theo kinh nghiệm trước đây mà xét, điều đó quả thực là hết sức quan trọng đối với con người nhỏ bé ấy. Rõ ràng là cành nguyệt quế của Pin không cho ông ta yên ổn và ông ta định tỏ ra "dũng cảm" dù chỉ một lần. Sự dũng cảm ấy thực ra kèm theo tất cả những biểu hiện của sự hèn nhát, do dự, lo ngại vốn có ở bọn theo đảng Vích ở Anh và trong tình hình dư luận xã hội Anh hiện nay, nó không phải là sự dũng cảm đối với ai cả, ngoài bản thân Rốt-xen và đồng sự của ông ta - những người thuộc đảng Vích. Nhưng sau tất cả mọi sự do dự, dao động, nghi ngờ, sau những mưu toan nhiều lần và trước sau đều vô hiệu để thăm dò tình hình, những mưu toan ấy chiếm toàn bộ thời gian của vị huân tước bé nhỏ kể từ khi kỳ họp trước bế mạc, chắc rằng người ta chỉ có thể trông chờ ở ông ta ít hơn là cái đề nghị nêu ra ở trên, dĩ nhiên là nếu cho rằng trước thứ ba, ông ta không thay đổi ý định một lần nữa.

Khỏi phải nói, giai cấp tư sản công nghiệp đòi hỏi hơn thế nhiều. Nó đòi hỏi household suffrage, nghĩa là quyền bầu cử cho bất cứ ai chiếm giữ một ngôi nhà hoặc một phần ngôi nhà và do đó mà phải nộp thuế thị chính; nó cũng đòi hỏi việc bỏ phiếu kín và việc hoàn toàn chia lại các khu vực bầu cử để có thể bảo đảm số đại biểu ngang nhau cho một số lượng cử tri như nhau và một tài sản như nhau. Nó sẽ mặc cả dai dẳng và lâu dài với nội các và kỳ kèo để nội các có sự nhượng bộ nhỏ nhất có thể có được trước khi bán cho nội các sự ủng hộ của mình. Các nhà công nghiệp Anh của chúng ta là những nhà buôn giỏi và chắc chắn sẽ bán lá phiếu của mình theo giá cao nhất hiện có.



Nhưng hiện nay người ta đã thấy rõ rằng ngay cả cái mức tối thiểu do nội các đề xuất kể trên của cuộc cải cách bầu cử cũng không thể có kết quả nào khác ngoài sự tăng cường quyền lực của giai cấp tư sản công nghiệp là giai cấp hiện nay thực tế đang thống trị ở Anh và để đạt được sự thừa nhận địa vị tối cao của mình cả trong lĩnh vực chính trị, nó đang tiến lên theo phương hướng ấy với những bước đi bảy dặm. Giai cấp vô sản mà cuộc đấu tranh độc lập của họ cho lợi ích của bản thân chống lại giai cấp tư sản công nghiệp sẽ chỉ bắt đầu từ ngày địa vị chính trị tối cao của giai cấp ấy được xác lập, - giai cấp vô sản dù sao cũng được cái lợi nào đó trong cuộc cải cách bầu cử này. Nhưng cái lợi này lớn đến chừng nào thì hoàn toàn tùy thuộc vào chỗ cuộc tranh luận và sự chuẩn y cuối cùng về cải cách bầu cử có diễn ra *trước* khi nổ ra khủng hoảng thương nghiệp hay là cứ dây dưa mãi cho đến khi cuộc khủng hoảng ấy bắt đầu; vì rằng tạm thời giai cấp vô sản chỉ có thể xuất hiện ở phía trước với tư cách một lực lượng tích cực vào giờ phút vĩ đại có tính chất quyết định giống như thần số mệnh trong bi kịch cổ đại.

Man-se-xtơ, 30 tháng Giêng 1852

*Do Ph. Ăng-ghen viết ngày 23 và 30 tháng Giêng 1852*
*Đã đăng trên tạp chí "Niên giám chủ nghĩa Mác", quyển IV, năm 1927*
*Ký tên: Ph. Ăng-ghen*

*In theo bản thảo*
*Nguyên văn là tiếng Đức*

# C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

## THƯ GỬI TỔNG BIÊN TẬP TỜ "TIMES" [108]

Kính thưa Ngài!

Việc thủ tiêu trên lục địa những tàn dư cuối cùng của báo chí độc lập đã trao cho báo chí Anh một nghĩa vụ vinh quang là vạch ra mọi hành động phi pháp và áp chế xảy ra ở phần đất ấy của châu Âu. Vì vậy xin cho phép tôi qua tờ báo của Ngài thông báo cho công chúng biết một sự việc, cho thấy bọn quan tòa ở Phổ đã đứng hoàn toàn ngang với bọn đầy tớ chính trị của Lu-i-Na-pô-lê-ông.

Ngài biết đấy, nếu như đưa ra vào thời cơ thích hợp thì một âm mưu được dàn dựng chu đáo có thể là một moyen de gouvernement[1*] qúi giá như thế nào. Chính phủ Phổ đã cần có một âm mưu như thế vào dầu năm ngoái để làm cho nghị viện trở thành dễ bảo. Vì mục đích ấy, người ta đã bắt giữ hàng loạt người và cảnh sát đã được báo động trong khắp nước Đức. Nhưng chẳng khám phá được gì hết, sau tất cả mọi cuộc truy tìm, cuối cùng cảnh sát chỉ bắt giam được vào nhà tù ở Khuên vẻn vẹn có mấy người viện cớ tuồng như họ là lãnh tụ của một tổ chức cách mạng có nhiều chi nhánh rộng khắp. Trước hết, đó là bác sĩ Bếch-cơ và bác sĩ Buyếc-ghéc-xơ, hai người có quan hệ với giới báo chí, là bác sĩ Đa-ni-en-xơ, bác sĩ Gia-cô-bi và bác sĩ Clai-nơ - những

1* - thủ đoạn cai trị



người làm nghề y, trong đó hai người đã hoàn thành vẻ vang chức trách nặng nề của thầy thuốc sở tế bần, và ông Ốt-tô, người lãnh đạo một xí nghiệp hóa chất lớn, một người nổi tiếng toàn quốc do các thành tựu khoa học của ông trong lĩnh vực hóa học. Vì không có tang chứng gì để buộc tội họ nên từng ngày người ta chờ đợi họ được thả. Nhưng trong thời gian họ ở trong ngục, thì "luật kỷ luật" đã được ban hành, luật này đem lại cho chính phủ cái quyền gạt bỏ bất kỳ quan tòa nào không vừa lòng mình nhờ một thủ tục hết sức ngắn gọn và đơn giản. Việc thi hành đạo luật đó hầu như lập tức có ảnh hưởng đến tiến trình của vụ án đối với những vị nói trên, vụ án này trước đó kéo dài hết sức chậm chạp và uể oải. Không những họ bị chuyển sang xà lim cá nhân, không những họ bị cấm mọi sự giao dịch, kể cả bằng thư từ, giữa họ với nhau và với bạn bè của họ, cũng như bị cấm sử dụng sách và giấy bút (ở Phổ, ngay những người mắc trọng tội trước khi bị tuyên án cũng được phép làm những việc đó) mà nói chung toàn bộ thủ tục xét xử cũng đi theo một chiều hướng khác hẳn. Chambre du Conseil[1*] (như Ngài đã rõ, ở Khuên chúng tôi, người ta xét xử theo Code Napoléon[2*]) lập tức tỏ ý sẵn sàng xác nhận cấu thành tội phạm của họ và tài liệu được chuyển cho Viện công tố tức là một hội đồng thẩm phán làm chức năng của đại hội đồng bồi thẩm ở Anh [109]. Tôi đề nghị Ngài đặc biệt chú ý đến quyết định chưa từng thấy của hội đồng ấy. Trong quyết định này có một đoạn lạ lùng sau đây mà chúng tôi xin dịch từng câu từng chữ:

"Lưu ý rằng vì không đưa ra được tài liệu đáng tin cậy và do đó không xác định được cấu thành tội phạm, *cho nên không có căn cứ để khởi tố* (Hẳn là Ngài dự đoán rằng kết luận tất nhiên rút ra từ đó là sẽ có lệnh thả những người bị giam ư? Hoàn toàn không phải như vậy!), và do đó người ta đã ra lệnh trả lại toàn bộ biên bản và tài liệu cho dự thẩm bắt đầu điều tra lại".

Như thế có nghĩa là sau mười tháng giam giữ, trong thời gian đó sự cẩn mẫn của cảnh sát cũng như mưu trí của ủy viên công

1* - Pháp viện
2* - Bộ luật Na-pô-lê-ông

tố hoàng gia đều không thể tạo ra được một tí nào cấu thành tội phạm, - mọi thủ tục đều phải làm lại từ đầu để có lẽ sau một năm điều tra nữa, vụ án sẽ trao lại lần thứ ba cho viên dự thẩm.

Sự vi phạm pháp luật không thể tha thứ được ấy có thể cắt nghĩa như sau. Đúng lúc này chính phủ đang chuẩn bị thành lập một cấp xét xử cao nhất gồm những phần tử bợ đỡ nhất. Vì chính phủ không tránh khỏi thất bại trong tòa án bồi thẩm cho nên nó cần kéo dài việc xét xử cuối cùng đối với vụ án ấy cho đến khi có thể chuyển vụ án ấy sang tòa án mới, một cái tòa án đương nhiên là sẽ đem lại cho quốc vương mọi sự bảo đảm mà không đem lại cho các bị cáo bất cứ sự bảo đảm nào.

Nếu như chính phủ Phổ bắt chước Lu-i Bô-na-pác-tơ lập tức tuyên án những người bị giam bằng một sắc lệnh của quốc vương thì có phải thành thực hơn nhiều không?

Trân trọng;
*Người Phổ*[1*]

Luân Đôn, 29 tháng Giêng 1852

*Do Ăng-ghen viết*
*Công bố lần đầu tiên bằng tiếng Đức trong cuốn "Der Briefwechsel zwischen Friedrich Engels und Karl Marx" Erster Band, Stuttgart, 1913*

*In theo bản thảo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

1* Chữ ký là của Mác, toàn bộ bản thảo do Ăng-ghen viết



# PH.ĂNG-GHEN

## NHỮNG NGUYÊN NHÂN THỰC GÂY RA TÍNH THỤ ĐỘNG TƯƠNG ĐỐI CỦA NHỮNG NGƯỜI VÔ SẢN PHÁP VÀO THÁNG CHẠP NĂM NGOÁI

### I

Từ ngày 2 tháng Chạp năm ngoái, con bạc gặp vận đỏ và mặt dạn mày dày Lu-i- Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ đã thu hút được toàn bộ sự quan tâm mà chỉ có nền chính trị nước ngoài hoặc chí ít nền chính trị châu Âu mới có thể gây được. "Hắn có chủ ý gì? Phải chăng hắn định đánh nhau và đánh nhau với ai? Phải chăng hắn định xâm nhập nước Anh?" Những vấn đề ấy tất nhiên được nêu lên ở bất cứ nơi nào mà người ta bàn bạc về tình hình châu Âu.

Và quả thực trong sự việc đã xảy ra có một cái gì đó đáng ngạc nhiên: một tên phiêu lưu chưa có mấy tên tuổi gặp may leo lên đến chức người cầm đầu quyền hành pháp của một nước cộng hòa vĩ đại, từ lúc mặt trời lặn cho đến lúc mặt trời mọc đã chiếm được những điểm quan trọng nhất ở thủ đô, quét sạch nghị viện dúng như quét một đống rác, sau hai ngày đã đàn áp được cuộc khởi nghĩa ở thủ đô, trong vòng hai tuần dẹp yên làn sóng bất bình ở các tỉnh, bằng cuộc bầu cử giả dối, cưỡng bức toàn thể

nhân dân khuất phục và lập tức đặt ra bản hiến pháp trao cho hắn toàn bộ quyền lực trong nước. Kể từ khi những quân đoàn ngự lâm của La Mã đã diệt vong đem đế quốc này ra đấu giá, bán cho ai trả giá cao nhất đến nay, chưa một dân tộc nào biết tới tình cảnh như thế và cái nhục như thế. Cho nên báo chí tư sản Anh, từ tờ "Times" đến tờ "Weekly Dispatch"[110] bắt đầu từ những ngày tháng Chạp, không bỏ lỡ dịp nào để biểu lộ sự phẫn nộ chính đáng của họ đối với tên bạo chúa quân sự, tên phản bội đã tiêu diệt tự do trong nước nó, tên đao phủ đối với báo chí v.v..

Tuy nhiên, trong khi có thái độ hết sức khinh bỉ đối với Lu-i Na-pô-le-ông, một sự khinh bỉ xứng đáng với ông ta, chúng tôi vẫn không cho rằng cơ quan ngôn luận của giai cấp công nhân [111] nên hòa nhập vào dàn hợp xướng của bọn phỉ báng om sòm mà những kẻ tham gia - những tờ báo của bọn con buôn ở sở giao dịch, của bọn vua vải sợi và quý tộc ruộng đất - đang ra sức vượt nhau trong những lời chửi rủa khiếm nhã. Đối với các bậc hào hoa ấy, ta nên nhắc nhở tình hình hiện tại. *Họ* có mọi lý do để gào thét vì rằng tất cả mọi cái mà Lu-i - Na-pô-lê-ông cướp của người khác, hắn không chiếm được của giai cấp công nhân mà chính là của những giai cấp mà bộ phận báo chí nói trên đại biểu cho quyền lợi của họ ở Anh. Điều đó không có nghĩa là Lu-i - Na-pô-lê-ông cũng vui lòng không cướp đoạt cả của giai cấp công nhân nếu như hắn tước đoạt của giai cấp này tất cả những cái mà hắn muốn có. Vấn đề là ở chỗ tháng Chạp năm ngoái, giai cấp công nhân Pháp chẳng còn gì để cướp đoạt cả, vì rằng tất cả những cái có thể cướp được của họ đã bị cướp sạch trong vòng ba năm rưỡi dưới nền thống trị nghị viện của giai cấp tư sản sau thất bại lớn vào tháng Sáu 1848. Thật thế, đêm trước của ngày 2 tháng Chạp còn có thể cướp đoạt được gì nữa ở những người công nhân! Quyền bầu cử ư? - Họ đã bị luật bầu cử tháng Năm 1850 tước mất rồi. Quyền hội họp ư? -Nó từ lâu đã bị các giai cấp "đáng tin cậy" và "chính trực" của xã hội chiếm độc quyền rồi. Tự do báo chí ư? - Báo chí vô sản chân chính đã bị dìm trong máu của những người khởi nghĩa - những người tham gia trận đánh vì



đại vào tháng Sáu, còn bóng của báo chí ấy sống dai dẳng hơn nó một thời gian, đã tiêu tan từ lâu dưới ách bức của dạo luật bịt mồm mà mỗi kỳ họp tiếp sau của Quốc hội đều sửa lại và hoàn thiện thêm [112]. Vũ khí của họ ư? - Người ta đã dùng đủ mọi cớ để gạt tất cả công nhân ra khỏi vệ binh quốc gia và chỉ để vũ khí ở trong tay các giai cấp khá giả hơn của xã hội.

Như thế là cho đến lúc có coup d'état[1*] vừa rồi, về quyền lợi chính trị, giai cấp công nhân có hết sức ít, - nói chung chưa chắc đã có gì, - để mất. Thế nhưng, mặt khác, bấy giờ giai cấp trung và đại tư sản có toàn bộ quyền lực chính trị. Báo chí, quyền hội họp, quyền mang vũ khí, quyền bầu cử, nghị viện đều thuộc về họ. Phái chính thống và pháp Oóc-lê-ăng, bọn chiếm hữu ruộng đất và bọn nắm chứng khoán quốc gia sau ba chục năm đấu tranh cuối cùng đã tìm được miếng đất trung lập trong chính thể cộng hòa. Và đối với giai cấp ấy; quả thực hết sức đau lòng khi họ bị tước đoạt tất cả những cái đó trong vòng mấy tiếng đồng hồ và về mặt chính trị họ cũng lập tức bị hạ thấp xuống đến địa vị thấp kém mà chính họ đã đẩy giai cấp công nhân vào. Đấy là nguyên nhân khiến cho báo chí "đáng kính" của Anh đi tới sự cả giận như vậy đối với hành động phi pháp và bỉ ổi của Lu-i - Na-pô-lê-ông. Cho tới khi những hành động bỉ ổi như thế, hoặc là của chính quyền hành pháp, hoặc là của nghị viện chống lại giai cấp công nhân thì dương nhiên chúng được coi là hoàn toàn hợp pháp, nhưng ngay khi một chính sách tương tự được mở rộng đến "những người thượng đẳng", đến "tinh hoa trí tuệ của dân tộc" thì lại là chuyện hoàn toàn khác và mỗi người bảo vệ tự do đều phải cất cao giọng bảo vệ "nguyên tắc".

Thế là, ngày 2 tháng Chạp cuộc đấu tranh diễn ra chủ yếu là giữa giai cấp tư sản và Lu-i - Na-pô-lê-ông, kẻ đại biểu cho quân đội. Lu-i - Na-pô-lê-ông hiểu rõ điều đó, điều này có thể thấy qua việc trong trận chiến đấu ngày 4 tháng Chạp hắn ra lệnh cho quân đội chủ yếu bắn vào "các vị ăn mặc sang trọng". Mọi người

1* - cuộc đảo chính

đều biết rõ trận đánh lừng lẫy ở các đại lộ và chỉ mấy loạt súng bắn vào các cửa sổ đóng kín và vào các nhà tư sản không có vũ khí là hoàn toàn đủ để ngăn chặn mọi ý đồ kháng cự của giai cấp tư sản Pa-ri.

Mặt khác, tuy người ta không còn có thể tước đoạt bất kỳ quyền lợi chính trị trực tiếp nào của giai cấp công nhân nữa nhưng giai cấp công nhân tuyệt nhiên không phải là một bên không quan tâm gì đến sự việc này. Trước hết họ đã đành phải bỏ lỡ một cơ hội rất tốt mà lẽ ra họ đã có vào tháng Năm 1852, khi mà tất cả các cơ quan chính quyền nhà nước đều đồng thời hết nhiệm kỳ, và khi mà lần đầu tiên sau tháng Sáu 1848, họ có thể hy vọng giành được một vũ đài lớn để đấu tranh. Hơn nữa vì họ ra sức giành quyền thống trị về chính trị nên họ không thể cho phép bất cứ hành vi nào dùng bạo lực cải biến chính thể mà không có sự can thiệp bắt buộc của họ với tư cách trọng tài tối cao vào cuộc tranh chấp giữa các bên tham chiến, buộc các bên tham chiến phải coi ý chí của mình như pháp luật của đất nước. Vì vậy, họ không thể bỏ qua khả năng chứng tỏ cho hai lực lượng thù địch biết rằng trên trường đấu tranh còn có lực lượng thứ ba, lực lượng này cho dù tạm thời bị gạt ra ngoài vũ đài đua tranh của chính phủ và nghị viện đi chăng nữa, nhưng ít ra bao giờ cũng sẵn sàng xuất hiện ngay khi trường hoạt động chuyển vào địa hạt riêng của họ, tức là *đường phố*. Nhưng chớ nên quên rằng, ngay trong trường hợp đó, đảng của giai cấp vô sản có thể phải chiến đấu trong điều kiện hết sức bất lợi. Nếu như đảng ấy đứng lên chống kẻ thoán đoạt, há chẳng phải về thực chất là bảo vệ và chuẩn bị khôi phục nền chuyên chính của chính cái nghị viện đã tỏ ra là kẻ thù tàn ác nhất của mình hay sao? Còn nếu như đảng của giai cấp vô sản lập tức tuyên bố đứng về phía chính phủ cách mạng thì há chẳng phải sẽ làm cho giai cấp tư sản hoảng sợ - như thực tế đã xảy ra ở các tỉnh - đến mức thúc đẩy nó liên minh với Lu-i - Na-pô-lê-ông và quân đội hay sao? Ngoài ra nên nhớ rằng bộ phận giai cấp công nhân cách mạng tạo thành lực lượng chân chính của họ, tinh hoa của họ thì hoặc đã bị tàn sát trong cuộc khởi nghĩa tháng



Sáu hoặc đã bị đi đày hoặc bỏ cấm tù sau sự kiện tháng Sáu với vô số lý do *đủ loại*. Và sau hết còn một nhân tố bản thân nó bảo đảm cho Na-pô-lê-ông sự trung lập của tuyệt đại đa số giai cấp công nhân: *công nghiệp và thương nghiệp ở trong tình hình rất tốt,* mà người Anh biết khá rõ ràng là khi công nhân được bảo đảm đầy đủ việc làm và được trả công cao thì không thể gây ra lộn xộn, huống chi là cách mạng.

Ở Anh, hiện nay mọi người đều nói rằng người Pháp đã biến thành các bà già bởi vì nếu không thì họ không chịu đựng được sự đối xử như thế. Tôi sẵn lòng cho rằng người Pháp với tư cách một dân tộc, giờ đây thật xứng đáng với những hình dung từ đẹp đẽ ấy. Nhưng tất cả chúng ta đều biết rằng, trong quan niệm và hành động của mình, người Pháp dễ bị ảnh hưởng của thắng lợi hơn là bất cứ dân tộc văn minh nào khác. Ngay sau khi tiến trình của sự kiện ở nước ấy có một phương hướng nhất định thì họ theo phương hướng ấy không hề chống cự cho đến khi đạt tới giới hạn tột cùng trên con đường ấy. Thất bại tháng Sáu 1848 đã đem lại phương hướng phản cách mạng ấy cho Pháp và thông qua Pháp cho toàn bộ lục địa. Sự thành lập Đế chế Na-pô-lê-ông trong lúc này chỉ là đỉnh cao của một chuỗi dài những thắng lợi của thế lực phản cách mạng đầy rẫy trong ba năm vừa qua. Cần thấy trước rằng một khi đã ở trên mặt dốc, nước Pháp sẽ còn trượt xuống cho đến tận đáy mới thôi. Nó còn cách đáy bao xa thì thật khó nói, nhưng mọi người đều thấy rõ là nó đang lao nhanh xuống đáy. Nếu như lịch sử quá khứ của Pháp không bị hành động tương lai của nhân dân Pháp lật lại thì chúng ta có thể yên trí là nó rơi xuống càng sâu thì hậu quả của nó càng bất ngờ và càng đáng kinh ngạc. Trong thời đại chúng ta, sự kiện nối tiếp nhau diễn ra với một tốc độ phi thường và một sự việc mà trước đây một dân tộc cần cả một thế kỷ mới làm được thì ngày nay có thể hoàn thành dễ dàng trong một vài năm. Đế chế cũ đứng vững được 14 năm; nếu như tác phẩm nghệ thuật được khôi phục dưới hình thức thảm hại nhất này mà đứng vững được ngần ấy tháng thôi thì cũng là may mắn lắm cho con đại bàng đế quốc rồi. Rồi sau đó thì sao ?

## II

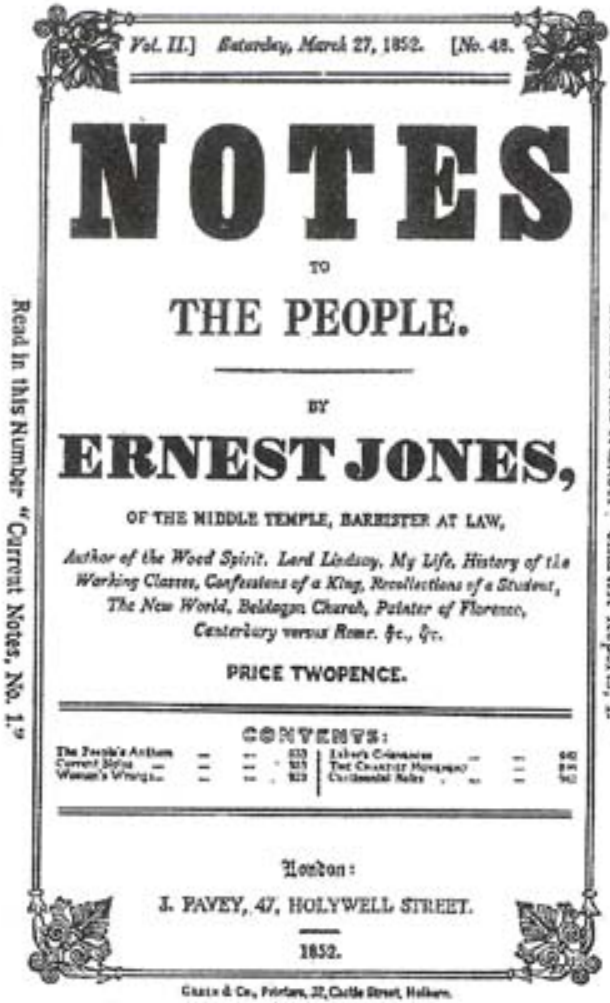
Thoạt nhìn thì người ta có thể thấy hình như hiện nay Lu-i - Na-pô-lê-ông ngự trị ở Pháp như một vị chúa tể tuyệt đối, hình như quyền lực duy nhất tồn tại ngoài quyền lực của bản thân hắn là quyền lực của bọn âm mưu ở cung đình đang vây quanh hắn khắp bốn phía và đang âm mưu chống lại nhau để độc chiếm lòng sủng ái của tên chuyên chế Pháp và độc quyền ảnh hưởng đối với hắn. Nhưng thực tế thì tình hình khác hẳn. Toàn bộ bí quyết thắng lợi của Lu-i - Na-pô-lê-ông là ở chỗ nhờ truyền thống gắn liền với tên tuổi hắn, hắn đã có thể duy trì được trong một thời gian ngắn *thế cân bằng của các giai cấp đang đấu tranh với nhau trong xã hội Pháp*. Vì trên thực tế, dưới tấm màn giới nghiêm dược nền chuyên chế quân sự ủng hộ, - tấm màn hiện đang bao trùm nước Pháp - cuộc đấu tranh giữa các giai cấp khác nhau trong xã hội vẫn tiếp diễn một cách gay gắt hơn bao giờ hết. Cuộc đấu tranh ấy bốn năm vừa qua được tiến hành bằng thuốc súng và đạn pháo thì hiện nay chỉ mang hình thức khác thôi. Giống như cuộc chiến tranh liên miên làm cạn sức và kiệt quệ ngay cả nước giầu mạnh nhất, cuộc đấu tranh đổ máu công khai những năm vừa qua đã làm kiệt sức các giai cấp khác nhau và tạm thời làm kiệt quệ các lực lượng *quân sự* của họ. Nhưng cuộc chiến tranh giữa các giai cấp diễn ra không tùy thuộc vào chỗ hoạt động quân sự thực sự có được tiến hành hay không và không phải bao giờ nó cũng cần tiến hành bằng chiến lũy và lưỡi lê; chiến tranh giữa các giai cấp không mất đi chừng nào còn tồn tại các giai cấp khác nhau với những lợi ích đối lập nhau, xung đột nhau và địa vị xã hội khác nhau, vậy mà chúng tôi chưa bao giờ nghe thấy nói ở Pháp từ cuộc giáng lâm thần thánh của Na-pô-lê-ông giả, trong dân cư nước này đã biến mất bọn đại địa chủ và công nhân



nông nghiệp, hoặc métayers[1*], bọn cho vay nặng lãi và tiểu nông chống chất nợ cầm cố, nhà tư bản và công nhân.

Tình hình các giai cấp ở Pháp như sau: cách mạng tháng Hai đã vĩnh viễn lật đổ chính quyền của bọn chủ ngân hàng lớn và của bọn con buôn ở sở giao dịch; sau sự sụp đổ của chúng, mỗi giai cấp còn lại trong dân cư thành thị đều có thời của mình: trước hết là giai cấp công nhân trong những ngày cao trào cách mạng thứ nhất, rồi đến phái cộng hòa tiểu tư sản trong thời kỳ Lơ-druy-Rô-lanh, kế đến phái cộng hòa tư sản trong thời kỳ Ca-ve-nhắc, cuối cùng là giai cấp tư sản bảo hoàng liên hợp trong thời kỳ Quốc hội đã quá cố. Không một giai cấp nào trong số đó có khả năng nắm chắc được chính quyền đã nhất thời nằm trong tay họ. Còn sau đó khi lại bắt đầu xảy ra sự chia rẽ giữa phái bảo hoàng chính thống hoặc giới quý tộc ruộng đất và phái bảo hoàng Oóc-lê-ăng hoặc giới quý tộc tài chính thì một điều không thể tránh khỏi là chính quyền lại tuột khỏi tay chúng một lần nữa và lại chuyển vào tay giai cấp công nhân, giai cấp mà người ta có thể mong đợi rằng lần này nó có thể sử dụng thích đáng chính quyền ấy. Nhưng ở Pháp còn có một giai cấp lớn mạnh khác, lớn mạnh tuyệt nhiên không phải nhờ ở tài sản tư nhân đồ sộ của các thành viên của nó mà là nhờ ở số lượng của nó và nhờ ở chính nhu cầu của nó. Giai cấp ấy - tức là những người tiểu nông nợ nần chồng chất, - chiếm ít ra là ba phần năm quốc dân Pháp, giống như bất cứ cư dân nông thôn nào đều chần chừ trong khi tự hành động hoặc chịu tác động của bên ngoài; họ ôm khư khư lấy truyền thống cũ của mình, không tin vào sự sáng suốt của các sứ đồ của mọi đảng phái từ thành thị đến; vì nhớ lại là họ đã từng sống thoải mái, rằng họ đã không mắc nợ và tương đối khá giả trong thời kỳ hoàng đế trị vì, giai cấp ấy đã dùng quyền phổ thông đầu phiếu để chuyển quyền hành pháp vào tay cháu hoàng đế. Công tác cổ động tích cực của đảng dân chủ - xã hội và quan trọng hơn nhiều là sự thất vọng mà các biện pháp của Lu-i-

1* - người cấy rẽ



Vol. II.] Saturday, March 27, 1852. [No. 48.

# NOTES

TO

## THE PEOPLE.

BY

## ERNEST JONES,

OF THE MIDDLE TEMPLE, BARRISTER AT LAW,

*Author of the Wood Spirit. Lord Lindsay, My Life, History of the Working Classes, Confessions of a King, Recollections of a Student, The New World, Beldegon Church, Painter of Florence, Canterbury versus Rome. &c., &c.*

PRICE TWOPENCE.

CONTENTS:


The People's Anthem ... 833 | Labor's Grievances ... 841
Current Notes ... 835 | The Chartist Movement ... 845
Woman's Wrongs ... 839 | Continental Notes ... 847



London:

J. PAVEY, 47, HOLYWELL STREET.

1852.

Cleave & Co., Printers, 22, Castle Street, Holborn.


Read in this Number "Continental Notes."

Read in this Number "Current Notes, No. 1."

Read in this Number "Chartist Reports, 1."

Bìa phụ của tạp chí "Notes to the People" trong đó có công bố bài của Ph.Ăng-ghen "Những nguyên nhân thực gây ra tính thụ động tương đối của những người vô sản Pháp vào tháng Chạp năm ngoái."

Na-pô-lê-ông gây ra trong nông dân đã đẩy một bộ phận của giai cấp này chuyển sang hàng ngũ của đảng đó; nhưng đại bộ phận của giai cấp ấy ôm khư khư lấy truyền thống của họ và quả quyết rằng nếu như Lu-i - Na-pô-lê-ông còn chưa tự biểu hiện là đấng cứu thế như người ta trông chờ tìm thấy ở ông ta thì đó là lỗi của Quốc hội đã trói buộc ông ta. Ngoài quần chúng nông dân, Lu-i - Na-pô-lê-ông, bản thân vốn là một tên đại bịp điển hình cấp cao có vẻ tao nhã lại có một đám người đại bịp có vẻ tao nhã của xã hội thượng lưu vây quanh, đã được sự ủng hộ của bộ phận sa đọa nhất và hủ bại nhất trong dân cư thành thị. Hắn tổ chức những phần tử đồng đảo ấy thành một tổ chức ăn lương mang tên Hội ngày 10 tháng Chạp. Thế là, trong khi dựa vào nông dân trong thời kỳ bầu cử, dựa vào bất kể bọn dê tiện nào được sử dụng vào những cuộc biểu tình ồn ào, dựa vào quân đội luôn luôn sẵn sàng lật đổ chính phủ của bọn bàn suông ở nghị viện, trong khi làm ra vẻ thể hiện ý chí của giai cấp công nhân, hắn có thể yên tâm chờ đợi giờ phút mà các cuộc cãi lộn trong nghị viện tư sản cho phép hắn hành động và chiếm được quyền lực ít nhiều tuyệt đối đối với những giai cấp mà sau 4 năm đấu tranh đổ máu không còn giai cấp nào trong số đó đủ mạnh để thiết lập sự thống trị vững chắc của mình. Hắn đã hành động như vậy ngày 2 tháng Chạp năm ngoái.

Như thế, sự thống trị của Lu-i - Na-pô-lê-ông không chấm dứt cuộc chiến tranh giữa các giai cấp. Nó chỉ tạm thời đình chỉ các cuộc xung đột đẫm máu thỉnh thoảng lại bộc lộ ý đồ của giai cấp này hoặc giai cấp kia định chiếm đoạt hoặc giữ vững chính quyền. Không một giai cấp nào trong số các giai cấp đó đủ mạnh để dám cả gan phát động một cuộc chiến đấu mới có khả năng giành thắng lợi. Chính sự chia rẽ giữa các giai cấp đã tạm thời giúp cho các kế hoạch của Na-pô-lê-ông. Hắn đã xóa bỏ nghị viện tư sản và phá hủy thế lực chính trị của giai cấp tư sản; chẳng lẽ giai cấp vô sản lại không được hài lòng về điều đó hay sao? Và trên thực tế, liệu người ta có thể hy vọng ở những người vô sản là họ sẽ chiến đấu cho cái Quốc hội đã từng là kẻ tử thù của họ, hay



không? Nhưng hành động thoán đoạt của Lu-i - Na-pô-lê-ông đồng thời uy hiếp trận địa chung của tất cả các giai cấp và vị trí có lợi cuối cùng của giai cấp công nhân - nền cộng hòa; mà một khi công nhân đứng lên bảo vệ nền cộng hòa thì giai cấp tư sản, lại liên hợp với chính con người vừa mới gạt bỏ họ để giáng một đòn vào kẻ thù của toàn xã hội là giai cấp công nhân. Việc đó đã xảy ra ở Pa-ri cũng như ở các tỉnh, - và quân đội đã giành được thắng lợi dễ dàng đối với những giai cấp đấu tranh với nhau và thù địch nhau; sau thắng lợi ấy, người ta đã sử dụng phiếu bầu của hàng triệu nông dân có cảm tình với đế chế, và dựa vào cuộc bầu cử giả hiệu của chính quyền, nền cai trị của Lu-i - Na-pô-lê-ông đã được thiết lập như một nền cai trị đáp ứng được nguyện vọng hầu như nhất trí của nước Pháp.

Nhưng ngay cả hiện nay, đấu tranh giai cấp và lợi ích giai cấp vẫn là nguyên nhân sâu xa của mỗi biện pháp quan trọng của Lu-i Na-pô-lê-ông như chúng ta có thể thấy được trong bài dưới đây của chúng tôi.

## III

Chúng tôi nhắc lại: Lu-i- Na-pô-lê-ông giành được chính quyền vì cuộc chiến tranh công khai được tiến hành trong 4 năm vừa qua giữa các giai cấp khác nhau của xã hội Pháp đã làm họ kiệt sức, đã làm yếu sức chiến đấu của mỗi giai cấp trong các giai cấp đó; hắn giành được chính quyền còn vì trong tình hình như thế, cuộc đấu tranh giữa các giai cấp ấy, ít ra là tạm thời, chỉ có thể tiến hành bằng con đường hòa bình và hợp pháp -bằng cạnh tranh, tổ chức công đoàn và mọi thủ đoạn đấu tranh hòa bình khác mà từ một trăm năm nay ở Anh mỗi giai cấp đều dùng để chống lại giai cấp khác. Trong tình hình đó, tất cả các giai cấp đang đấu tranh tựa hồ như đều quan tâm, nếu có thể nói như vậy, đến việc có được cái gọi là *chính phủ mạnh* đủ sức đàn áp và ngăn chặn tất cả những cơn bột phát nhỏ có tính chất địa phương và tản mạn của cuộc chiến tranh công khai, những cơn bột phát đó không đưa lại kết quả gì mà lại phá hoại sự phát triển của cuộc đấu tranh dưới hình thức mới của nó, kìm hãm tiến trình tích lũy lực lượng cho một trận quyết chiến mới. Tình hình ấy có thể cắt nghĩa trên chừng mực nào đó một sự thật không thể tranh cãi được là sự phục tùng của mọi người Pháp đối với chính phủ hiện tại. Phải bao nhiêu thời gian nữa thì giai cấp công nhân và giai cấp các nhà tư bản lại tập hợp được đủ lực lượng và đủ lòng tự tin để đấu tranh và công khai đòi cho chính mình sự chuyên chính đối với nước Pháp, điều đó dĩ nhiên không ai nói được; nhưng trước sự phát triển nhanh chóng của các sự kiện hiện tại, mỗi một giai cấp ấy rất có thể xuất hiện bất ngờ trên chiến trường, và như thế là cuộc đấu tranh của giai cấp nọ chống giai cấp kia trên

đường phố có thể lại nổ ra sớm hơn nhiều so với điều người ta có thể dự kiến, căn cứ vào lực lượng tương đối hoặc tuyệt đối của hai bên. Vì rằng nếu như chính đảng cách mạng ở Pháp, nghĩa là đảng của giai cấp công nhân phải chờ đợi so sánh lực lượng được lập lại cho mình giống như so sánh lực lượng hồi tháng Hai 1848 thì nó tất sẽ phải cam chịu mười năm trời ngoan ngoãn phục tùng và nằm yên không hoạt động, điều mà đương nhiên nó không làm. Đồng thời, cái chính phủ như chính phủ Lu-i - Na-pô-lê-ông, tất nhiên, như chúng ta sẽ còn thấy nhiều lần nữa, sẽ đẩy bản thân mình và nước Pháp vào những khó khăn mà rút cục phải giải quyết bằng một cuộc bùng nổ cách mạng lớn. Chúng tôi sẽ không nói về khả năng xảy ra chiến tranh hoặc về những sự kiện khác có thể xảy ra hoặc không xảy ra; chúng tôi chỉ nhắc đến một sự kiện tất nhiên sẽ đến giống như mặt trời tất nhiên mọc vào buổi sớm, đấy là sự chấn động phổ biến của thương nghiệp và công nghiệp. Tình trạng trầm trọng của công nghiệp và thương nghiệp và mùa màng thất bát trong những năm 1846 và 1847 đã dẫn tới cuộc cách mạng năm 1848. Rất có thể là trong năm 1853, công nghiệp và thương nghiệp toàn thế giới sẽ trải qua một cuộc chấn động sâu sắc hơn nhiều và sẽ ở vào tình trạng hỗn loạn lâu hơn nhiều so với bất cứ thời kỳ nào trước đây [113]. Liệu có ai có thể dự kiến rằng con thuyền do Lu-i - Na-pô-lê-ông lái đủ vững chắc để chống chọi được cơn bão tấp không tránh khỏi sẽ nổi lên lúc bấy giờ?

Nhưng hãy trở lại tình hình của con đại bàng súc sinh đó vào ngày thắng lợi của nó. Quân đội, tăng lữ và nông dân đã ủng hộ nó. Giai cấp tư sản (bao gồm cả chủ ruộng đất lớn) và những người xã hội chủ nghĩa tức công nhân cách mạng đã chống lại mưu toan của nó. Một khi đã dứng đầu chính phủ, nó lập tức không những phải nâng đỡ những tập đoàn đã đưa nó lên nắm chính quyền mà còn phải lôi kéo về phía nó những ai cho tới nay vẫn chống đối nó hoặc chí ít là, trong chừng mực có thể, làm cho



họ dàn hòa với trật tự mới. Còn quân đội, tăng lữ, quan chức của chính phủ và thành viên của bè lũ mưu cầu danh vọng chuyên âm mưu mà hắn đã tập hợp xung quanh hắn từ lâu thì chỉ cần có hối lộ trực tiếp, tiền mặt và sự công khai cướp bóc tiền bạc của nhà nước. Và chúng ta đã thấy Lu-i - Na-pô-lê-ông nhanh nhẩu như thế nào hoặc trong việc trả tiền mặt, hoặc trong việc tìm kiếm cho bạn bè của hắn những chức vụ tạo khả năng tuyệt vời cho chúng làm giàu trong khoảnh khắc. Hãy xem dờ Moóc-ni: khi được bổ nhiệm, y là một tên nghèo xác, chồng chất nợ nần mà sau bốn tuần đã thoải mái, trả sạch nợ nần và ngoài ra, còn với được một món tiền mà ngay ở vùng ngoại ô Ben-grây-vơ-xeơ-ve [114] người ta cũng cho là khá giả! Nhưng đối với nông dân, với chủ ruộng đất lớn, với người nắm chứng khoán quốc gia, với chủ ngân hàng, với nhà công nghiệp, chủ tàu, nhà buôn, tiểu tư sản và sau hết đối với vấn đề nghiêm trọng nhất của thời đại chúng ta, vấn đề công nhân thì lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Bất chấp tất cả những biện pháp mà chính phủ thi hành để buộc tất cả mọi người phải im lặng, lợi ích của các giai cấp khác nhau vẫn còn đối lập như xưa tuy rằng báo chí, nghị viện, diễn đàn hội nghị là những nơi có thể tuyên bố sự kiện không vui ấy không còn tồn tại nữa; như vậy, tất cả những gì mà chính phủ định làm cho giai cấp này tất nhiên dụng chạm đến quyền lợi của giai cấp khác. Dù cho Lu-i - Na-pô-lê-ông có làm việc gì đi nữa, đâu đâu hắn cũng vấp phải vấn đề: "Ai trả tiền", - một vấn đề đã lật đổ nhiều chính phủ hơn là tất cả các vấn đề khác như cảnh sát, cải cách v.v. gộp lại .Và tuy Lu-i - Na-pô-lê-ông đã buộc người đi trước hắn, Lu-i - Phi-líp, thanh toán một phần rất lớn những khoản tiền ấy [115] nhưng vẫn còn lại rất nhiều món cần thanh toán.

Sau này, chúng ta sẽ nghiên cứu tình hình các giai cấp khác nhau trong xã hội Pháp và tìm hiểu xem chính phủ hiện nay liệu có biện pháp để cải thiện tình hình đó hay không. Đồng thời, chúng ta sẽ nghiên cứu xem chính phủ ấy đã thực hiện những ý định gì và có thể sẽ được thực hiện sau đó những ý định gì nhằm mục

đích ấy và như vậy chúng ta sẽ tập hợp được những tài liệu để từ đó có thể rút ra kết luận chính xác về tình hình và triển vọng tương lai của con người hiện nay đang làm hết sức mình để bôi nhọ tên tuổi Na-pô-lê-ông.

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào tháng Hai - đầu tháng Tư 1852*
*Đã đăng trên báo "Notes to the People" các số 43, 48 và 50; ngày 21 tháng Hai, 27 tháng Ba và 10 tháng Tư 1852*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC

## TUYÊN BỐ GỬI BAN BIÊN TẬP TỜ "KÖLNISCHE ZEITUNG"

Tác giả bài báo có ghi: Pa-ri, ngày 25 tháng Hai đăng trên tờ "Kölnische Zeitung" [116] số 51 đã viết về cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức [117] như sau:

"Một số bị cáo đã bỏ trốn trong đó có một người tên gọi A. May-ơ được người ta mô tả là *một phái viên của Mác và đồng bọn...*"

Tính chất lừa bịp của câu nói đó, cái câu nói không những tặng cho tôi những "đồng bọn" mà cả "phái viên" nữa, có thể thấy rõ qua sự thực sau đây. A. May-ơ, một trong những bạn thân nhất của ông C. Sáp-pơ và cựu trung úy Phổ Vi-lích, là kế toán của Ủy ban những người lưu vong [118] do họ lãnh đạo. Về việc con người hoàn toàn không dính líu gì đến tôi ấy rời Luân Đôn, tôi chỉ được biết qua thư của một người bạn tôi ở Giơ-ne-vơ báo cho tôi biết rằng một người tên là A. May-ơ đã đả kích tôi bằng những lời buộc tội hết sức vô lý nhất. Sau hết, qua báo chí Pháp, tôi được biết rằng tên A. May-ơ ấy là một "nhân vật trong chính giới".

Luân Đôn, ngày 3 tháng Ba 1852

*Các Mác*

*Đã đăng trên báo "Kölnische Zeitung" số 57 ngày 6 tháng Ba 1852*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Đức*

# C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

## NHỮNG VĨ NHÂN CỦA GIỚI LƯU VONG [119]

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Năm - tháng Sáu 1852*
*Do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô công bố lần đầu tiên trong "Di cảo của C.Mác và Ph.Ăng-ghen", quyển V, năm 1930*

*In theo bản thảo*
*Nguyên văn là tiếng Đức*

# I

"Hãy ngợi ca, linh hồn bất tử, sự chuộc tội của những người tội lỗi"[120]... gửi qua Gốt-phrít Kin-ken.

Gốt-phrít Kin-ken sinh ra cách đây 40 năm. Thân thế của ông được trình bày trong bản tự thuật: "Gốt-phrít Kin-ken. Sự thật không hề bịa đặt. Tóm tắt tiểu sử". Bản tự thuật do A-dôn-phơ Stơ -rốt- man phát hành (Hăm-buốc, Hốp-phơ-man và Cam-pe, 1850, in $8^0$)[121].

Gốt-phrít là nhân vật của thời kỳ dân chủ Dích-vát-tơ [122], thời kỳ đã gây ra ở nước Đức một nỗi đau buồn yêu nước vô hạn và một niềm đau thương đẫy nước mắt. Ông ta bước đầu đóng vai anh chàng Dích-vát-tơ trữ tình tầm thường.

Lời lẽ dài dòng và rời rạc đặc trưng cho cuốn nhật ký dùng để trình bày cho độc giả thấy cuộc sống trần gian của ông ta, cũng như những điều bộc lộ sỗ sàng đến khó chịu này đều phải quy về cho môn đồ Stơ-rốt-man, cho "bản trình bày góp nhặt" của ông mà chúng ta đang theo dõi.

### Bon. Tháng Hai - tháng Chín 1834

"Chàng trai Gốt-phrít cùng với người bạn của mình là Pa-un Xê-le-rơ nghiên cứu môn thần học kinh Phúc âm và do tính cần mẫn và lòng ngoan đạo nên được các bậc thầy nổi tiếng của mình tôn trọng" (Dắc-cơ, Nít- sơ và Blếch) (tr.5).

Ngay từ đầu ông ta hiện ra trước mắt chúng ta "rõ ràng là đắm mình trong những suy nghĩ sâu xa" (tr.4), "đau buồn và ảm đảm" (tr.5), hoàn toàn giống như grand homme en herbe [1*]. "Đôi

1* - con người vĩ đại của tương lai.

mất của Gốt-phrít nâu sẫm long lanh ánh lửa u sầu nhìn theo" mấy chàng sinh viên "mặc những chiếc áo đuôi tôm màu nâu và những chiếc áo khoác màu xanh lơ". Gốt-phrít cảm thấy ngay rằng mấy sinh viên kia "bằng cái vẻ hào hoa bề ngoài cố ý che dậy sự trống rỗng bên trong" (tr.6). Sở dĩ ông công phẫn về mặt đạo đức là vì Gốt-phrít "bảo vệ Hê-ghen và Mác-hai-nê-ke", trong khi đó thì các sinh viên này lại gọi Mác-hai-nê-ke là "kẻ dẫn độn". Về sau này khi nhà thần học dự bị tới Béc-lin để tiếp tục công việc nghiên cứu và bản thân phải học được điều gì đó ở Mác-hai-nê-ke, ông ta đã ghi vào nhật ký của mình mấy danh ngôn văn học dưới đây nhằm vào Mác-hai-nê-ke (tr.61):

"Ai triết lý viển vông, ắt trọn phải con đường tối tệ,

Như một con vật bị đói, loay hoay trên thảo nguyên khô cằn, bị hung thần vây quanh,

Vậy mà chung quanh đều là đồng cỏ xanh rờn đẹp đẽ" [123].

Thực ra, ở đây Gốt-phrít quên mất một danh ngôn khác, trong đó Mê-phi-xtô-phen chế giễu người học trò khát khao hiểu biết:

"Ngươi chỉ coi khinh lý trí và khoa học!"[124].

Tuy nhiên, toàn bộ màn kịch nhỏ có tính chất giáo huấn sinh viên ấy cũng chỉ là buổi biểu diễn nhằm tạo cái cớ cho người giải phóng thế giới tương lai biểu lộ như sau (tr.6).

Và Gốt-phrít nói:

"Và nếu không có chiến tranh thì thế hệ này vẫn không bị tiêu diệt... Chỉ bằng các phương tiện có hiệu quả lớn mới có thể giúp đỡ thời đại đã suy sụp của chúng ta!".

Và người bạn đáp lại lời ông ta:

"Trận hồng thủy mới và trong đó anh khác nào chàng Nôi, nhưng đây là trong tác phẩm xuất bản lần thứ hai, đã sửa lại".

Như vậy là những chiếc áo khoác màu xanh lơ đã làm cho Gốt-phrít thêm nở nang để ông có thể tự xưng là *"Nôi* của trận hồng thủy mới". Bạn ông ta nhân đó đưa ra lời nhận xét dưới đây, có thể lấy đó làm đề từ cho bản tiểu sử:



"Chúng tôi với cha thường hay cười *thầm sự say mê của anh đối với những khái niệm không rõ ràng !*"

Trong tất cả những điều bộc lộ đó của một tâm hồn tuyệt đẹp chỉ nhắc lại "một khái niệm rõ ràng" - ngay từ lúc còn là thai nhi Kin-ken đã là con người vĩ đại. Những sự việc bình thường nhất xảy ra với tất cả những con người bình thường, đối với ông ta lại trở thành những sự kiện có nhiều ý nghĩa. Những đau buồn và vui sướng nhỏ nhặt mà mỗi nhà thần học dự bị đã trải qua dưới hình thức thú vị hơn, những xung đột với hoàn cảnh tiểu thị dân mà hàng chục người nhìn thấy ở bất kỳ ký túc xá và bất kỳ tòa án giáo hội nào của nước Đức, đối với ông ta trở thành những sự kiện ghê gớm có ý nghĩa thế giới, ông Gốt-phrít lòng tràn đầy đau khổ trên đời, nhân đó biểu diễn mãi vở hài kịch.

Gia đình của ông bạn Pa-un rời Bon và quay về Vuyếc-tem-béc. Gốt-phrít lấy sự kiện đó dựng thành kịch như sau. Gốt-phrít yêu người chị gái của Pa-un và qua việc đó tuyên bố rằng mình "yêu đã hai lần". Nhưng tình yêu lúc này của ông không phải là "tình yêu bình thường nào đó" mà là "sự tôn thờ Thượng đế một cách chân thực và nhiệt thành" (tr.13). Đi theo ông bạn Pa-un, Gốt-phrít leo lên Đra-khen-phen-xơ và trong bối cảnh có màu sắc lãng mạn đó thốt lên lời ca tụng như sau:

"Vĩnh biệt, tình bạn, - tôi sẽ coi Chúa cứu thế là người anh em! Vĩnh biệt, tình yêu, lòng tin sẽ là người yêu của tôi! Vĩnh biệt, tình gắn bó của người chị, - tôi sẽ gia nhập một cộng đồng gồm hàng nghìn người chính trực! Cút ngay đi, ôi trái tim non trẻ của ta, và hãy học cách một mình đối mặt với Thượng đế của anh và hãy đấu tranh chống lại Thượng đế chừng nào chưa thắng được Thượng đế và Thượng đế chưa ban cho anh cái tên mới, cái tên Thánh I-xra-en. Không ai biết tới, ngoài con người có tên đó. Kính chào, ông mặt trời đang mọc uy nghiêm, hình ảnh của tâm hồn đang thức tỉnh của tôi!" (tr.17).

Thế là, đối với Gốt- phrít sự chia tay với bạn là cái cớ để hát khúc ca cuồng nhiệt ca ngợi tâm hồn riêng của mình. Thế nhưng làm như vậy chưa đủ - ông bạn cũng phải hát hòa nhịp. Trong lúc bộc lộ niềm hân hoan đó Gốt-phrít nói với "giọng cất cao, vầng trán ông sáng bừng", ông "quên mất sự có mặt của ông bạn", cái

nhìn của ông ánh lên niềm sung sướng", "những tiếng reo của ông tràn ngập niềm hân hoan" v.v.(tr.17) - nói tóm lại, làm y như có sự xuất hiện của nhà tiên tri E-li trong kinh Cựu ước.

"Với nụ cười buồn bã Pa-un nhìn ông ta bằng cặp mắt trung thành và thốt lên: "Trong lồng ngực anh có một trái tim dũng cảm hơn trái tim tôi đang đập, - *tất nhiên* là anh *vượt tôi*, - nhưng xin anh hãy cho phép tôi vẫn là người bạn của anh cả những lúc cách xa anh". Gốt-phrít vui sướng chìa tay ra bắt tay người bạn và nối lại liên minh cũ" (tr.18)

Trong màn kịch cải biến kiểu cao thượng này Gốt-phrít đã đạt được điều mà ông muốn. Ông bạn Pa-un gần đây còn chế giễu "sự say mê của Gốt-phrít đối với những khái niệm mơ hồ", nghiêng mình trước cái tên "Thánh I-xra-en" và thừa nhận ưu thế và sự vĩ đại sắp tới của Gốt-phrít. Gốt-phrít hoan hỉ và với thái độ khoan dung thân ái nối lại liên minh cũ.

* * *

Tình hình thay đổi. Ngày sinh của mẹ Kin-ken, của vợ mục sư Kin-ken xứ Ô-be-ca-xen. Lễ mừng của gia đình tạo cơ hội để loan báo rằng "giống như mẹ của Chúa cứu thế, người mẹ tôn kính của gia đình cũng được mang tên là Ma-ri-a" (tr.20), đó là điềm báo trước chắc chắn rằng Gốt-phrít cũng có sứ mệnh làm đấng cứu tinh và người chuộc tội của thế giới. Như vậy là anh sinh viên thần học trong suốt cả 20 trang đầu qua một số sự kiện nhỏ nhặt mà được miêu tả thành *Nói, Thánh I-xra-en, E-li* và cuối cùng, *Chúa Ky-tô*.

* * *

Gốt-phrít, con người về thực chất không hề nếm trải điều gì, tất nhiên trong tiến trình thể nghiệm luôn luôn bị dày vò bởi những cảm xúc nội tâm. Lòng mộ đạo vốn có ở ông ta với tư cách là con một nhà truyền giáo, là nhà thần học tương lai, hoàn toàn thích hợp với sự yếu đuối bẩm sinh của tinh thần ông ta cũng như cái dáng bộ bận rộn của riêng ông ta. Chúng tôi biết bà



mẹ và người chị có đặc điểm là sùng đạo ghê gớm và Gốt-phrít cũng ý thức rất đầy đủ về tội lỗi của mình. Trong Gốt-phrít sự xung đột giữa quan điểm lo chuộc tội với "việc giải trí vui tươi, yêu đời" của những sinh viên bình thường theo thiên chức lịch sử toàn thế giới của ông ta, đang trở thành cuộc đấu tranh giữa tôn giáo và thơ, còn cốc bia mà người con trai của mục sư xứ Ô-be-ca-xen đã uống cùng hội với các sinh viên khác cũng biến thành cái chén bất hạnh, trong đó cả hai linh hồn của Phau-xtơ đang vật lộn với nhau. Từ sự mô tả cảnh sống gia đình ngoan đạo chúng tôi biết được, "mẹ Ma-ri-a" chống lại ra sao đối với "sự ham thích đầy tội lỗi của Gốt-phrít đối với nhà hát" (tr.28) , - cái tính chất hai mặt nhiều ý nghĩa đó ắt phải báo hiệu nhà thi sĩ tương lai, nhưng trên thực tế chỉ biểu hiện sự say mê của Gốt-phrít đối với các điệu bộ õng ẹo của diễn viên. Về sau này, có ý kiến bình phẩm về người chị I-ô-han-na của ông - là một ác phụ ngoan đạo, có ý kiến nói rằng có lần bà ta đã tát em gái năm tuổi về tội ở nhà thờ không chăm chú nghe - đây là câu chuyện dơ bẩn trong gia đình mà tiết lộ ra có lẽ sẽ không hiểu nổi, nếu như cuối cuốn sách không nói rằng chính người chị gái I-ô-han-na này đã phản đối kịch liệt hơn ai hết cuộc hôn nhân của Gốt-phrít với cô Mốc-ken.

Nhắc đến chuyện Gốt-phrít ở Den-sai-đơ đã đọc "bài thuyết giáo hoa mỹ với đề tài hạt lúa mạch tàn lụi", việc đó cũng được coi là một sự kiện quan trọng.

* * *

Cuối cùng thì gia đình Xê-le-rơ và "Ê-li-da yêu dấu" ra đi. Chúng tôi biết được rằng Gốt-phrít "nồng nhiệt xiết chặt tay cô gái và trìu mến nói thầm với cô: "Chia tay, Ê-li-đa! Tôi không dám nói gì nhiều". Tiếp theo câu chuyện lý thú này là sự rên la đầu tiên theo kiểu Dích-vát-tơ:

"Đố chết tiệt!" "Đố cám!" "Nỗi đau lòng vô hạn!" "Cái trán bừng nóng!" "Những hơi thở quá sâu!" "Cơn đau dữ dội xuyên thấu não ông ta" v.v. và v.v.(tr.37).

Như vậy, toàn bộ màn kịch phỏng theo trường hợp của nhà tiên tri E-li là một hài kịch thuần túy diễn cho "ông bạn Pa-un" và bản thân ông ta xem. Pa-un cũng lại xuất hiện trên sân khấu để thầm thì vào tai chàng Dích-vát-tơ đang đau đớn một mình: "Cái hôn này tặng Gốt-phrít của tôi"(tr.38).

Gốt-phrít lại vui sướng.

"Chỉ khi nào tôi xứng đáng với người yêu của tôi và *làm nên danh vọng*, thì quyết định của tôi gặp lại nàng mới kiên quyết hơn bất cứ lúc nào hết" (tr.38).

Và trong nỗi buồn về tình yêu ông ta không thiếu những suy nghĩ về danh vọng tương lai và sự khoa trương trước về sự vinh quang. Gốt-phrít lợi dụng đoạn nói trêm vào này, để với tính khoác lác cao độ, miêu tả trên giấy câu chuyện về tình yêu của mình, để thế giới khỏi mất đi những rung cảm của ông đang tồn tại chỉ trên những trang nhật ký. Song vẫn chưa đạt được kết quả chủ yếu của màn kịch. Ông Pa-un trung thành buộc lòng phải lưu ý người đỡ đầu của mình đang rắp tâm chinh phục thế giới tới một tình hình là, nếu sau này Ê-li-da ngừng phát triển, còn bản thân ông ta vẫn tiếp tục phát triển, thì nàng có lẽ sẽ không còn thỏa mãn ông ra nữa.

"Ô không!"- Gốt-phrít thốt lên. - "Bông hoa thiên thần này mới chớm nở những cánh đầu tiên, giờ đây đã tỏa hương thơm thật ngọt ngào. Cái gì sẽ đến khi... mà *tia nắng* hè rực rỡ của sức *mạnh* nam nhi làm nở tung *những cánh hoa bên trong*!" (tr.40).

Pa-un buộc lòng phải phản đối sự so sánh bất nhã đó, phản đối rằng không thể dùng những lý lẽ của lý tính để thuyết phục nhà thơ.

"Và tất cả sự anh minh của bạn cũng như sự điên rồ *đáng thương* của chúng tôi, chẳng che chở được bao nhiêu cho bạn tránh khỏi những ngang trái của số phận", - Gốt-phrít *mỉm cười* trả lời" (tr.40).

Một bức tranh xúc động biết bao - Nát-xít-xơ [125] mỉm cười một mình! Nhà thần học dự bị vụng về bỗng nhiên đóng vai một người mất trí đáng thương, Pa-un trở thành Vắc-gơ-nơ [126], một con người vĩ đại khoái chí, còn con người vĩ đại thì "mỉm cười", "thậm chí ông ta khẽ mỉm cười một cách thân ái". Đã đạt được kết quả.



* * *

Cuối cùng thì Gốt-phrít đã rời khỏi được Bon. Sau khi đạt tới đỉnh cao trong học vấn, ông ta tự tổng kết như sau:

"Đáng tiếc là tôi ngày càng xa rời học thuyết Hê-ghen, trở thành người theo chủ nghĩa duy lý - đó ra ý muốn thầm kín nhất của tôi, song đồng thời tôi lại là người theo thuyết siêu tự nhiên và thuyết thần bí, và *trong trường hợp cần thiết* thậm chí còn là người sùng đạo"(tr.45).

Không còn gì để bổ sung cho bức chân dung tự họa này.

**Béc-lin. Tháng Mười 1834 - tháng Tám 1835**

Từ cảnh sinh viên và cảnh gia đình nghèo nàn Gốt-phrít đã rơi vào Béc-lin. Tuy nhiên, chúng tôi không tìm thấy bất cứ dấu vết gì về ảnh hưởng của điều kiện sống tại một thành phố lớn - ít ra là so với Bon, - bất cứ dấu hiệu gì về sự tham gia vào phong trào học thuật lúc bấy giờ. Những ghi chép trong nhật ký của Gốt-phrít chỉ ghi nhận những xúc động trong tâm hồn mà ông đã trải qua cùng với compagnon d'aventure[1*] mới, Hu-gô Đi-un-véc từ Bác-men tới, và cả những điều không thoải mái nhỏ nhặt của nhà thần học nghèo nàn, những khó khăn về tiền, những chiếc áo đuôi tôm sờn rách, cái thân phận làm người bình luận, v.v.. Cuộc sống của ông ta trôi qua không một chút dính líu với sinh hoạt xã hội của thành phố; cuộc sống ấy chỉ giới hạn đặc biệt trong gia đình Sli-ô-xing, ở đây Đi-un-véc rất bình thản làm ra vẻ *ngài Vôn-phram*[2*]; còn Gốt-phrít làm ra vẻ *ngài Gốt-phrít Xtơ-ra-xbua* (tr.67). Hình ảnh Ê-li-da trong trái tim của ông ngày càng nhạt dần; Gốt-phrít lại có một sự say mê mới thật quyến rũ đối với tiểu thư Ma-ri-a Sli-ô-xing; ông không may biết được Ê-li-da đính hôn với một người

1* - người bạn đường phiêu lưu
2* - Vôn-phram Phôn Ê-sen-bắc

khác và, cuối cùng ông đã tóm được những tâm trạng và khao khát của mình ở Béc-lin trong "một nỗi buồn nhớ *mơ hồ* về một người đàn bà lẽ ra phải *hoàn toàn* thuộc về ông".

Thế nhưng không thể rời bỏ ngay Béc-lin khi chưa đạt được cái kết quả đầy kịch tính không thể thiếu.

"Trước khi ông rời khỏi Béc-lin, ông già Vây-xơ" (đạo diễn) *"lại một lần nữa* dẫn ông ta vào trong nhà hát. Một cảm giác kỳ lạ đã xâm chiếm chàng thanh niên khi ông già niềm nở chỉ vào mấy cái hộc rỗng trong căn phòng rộng bầy các tượng nửa thân của những nhà viết kịch người Đức, nói đầy ý nghĩa:

*"Vẫn còn những chỗ bỏ không!"*

Cái chỗ dành cho kẻ hậu sinh của Pla-ten, anh chàng Gốt-phrít, một con người thản nhiên tiếp nhận ở người ca sĩ già lời tán dương "sự bất tử trong tương lai", - cái chỗ đó thực sự chưa ai chiếm cả.

### Bon . Mùa thu 1835- mùa thu 1837

"Luôn luôn bị dao động giữa nghệ thuật, cuộc sống và khoa học, làm việc trong tất cả ba lĩnh vực nhưng không có ý hướng rõ rệt, ông hy vọng trong từng lĩnh vực đó nhận thức được, đạt được và thậm chí sáng tạo tới chừng mực có thể làm được khi ông không quyết định hoạt động trong lĩnh vực nào" (tr.89).

Với ý thức rằng mình là một tài tử không kiên định, Gốt-phrít trở về Bon. Đương nhiên, việc nhận ra lối làm ăn tài tử của bản thân không cản trở ông ta thi cử để đạt trình độ đại học và trở thành phó giáo sư của trường đại học tổng hợp Bon.

"Cả Sa-mít-xô và Cơ-náp đều không nhận được những bài thơ của ông gửi tới để đưa vào hợp tuyển thơ do hai ông xuất bản [127], và điều đó làm ông rất buồn" (tr.99).

Những ý định đầu tiên của con người vĩ đại muốn biểu diễn lần đầu trong môi trường hoạt động xã hội là như vậy, trong phạm vi riêng con người ấy lúc nào cũng sống vay mượn để bảo đảm về tinh thần cho sự cao cả trong tương lai của mình. Phát súng ở Ba-den làm cho ông ta bị thương nhẹ nhưng không bất thần biến ông thành nhân vật tiểu thị dân Đức, từ lúc đó ông ta hoàn



toàn trở thành con người lỗi lạc không đáng tin ở địa phương của các nhóm sinh viên văn khoa.

"Trong lòng Kin-ken xuất hiện nỗi buồn ngày càng lớn về mối tình nguyện vọng và thủy chung - một nỗi buồn không thể lấy công việc để nén xuống" (tr.103).

Cô Min-na nào đó là vật hy sinh đầu tiên của nỗi buồn đó. Gốt-phrít đã ve vãn cô Min-na và để cho khỏi đơn điệu có lúc ông ta hành động như thần Ma-kha-đe-va giàu lòng trắc ẩn [128] cho phép người thiếu nữ tôn sùng mình và đồng thời ngẫm nghĩ về sự lành mạnh của người thiếu nữ đó.

"Nếu Kin-ken bị đánh lừa về địa vị của cô ta thì ông có thể sẽ yêu cô; nhưng *tình yêu* của ông chỉ có thể đẩy nhanh *sự tàn tạ* của bông hồng đang héo. Min-na là cô gái đầu tiên có thể hiểu được ông ta; nhưng đối với ông nàng là Hê-cu-ba thứ hai, con người sinh ra không phải những đứa trẻ, mà là những bó đuốc, và qua những đứa con đó ngọn lửa của cha mẹ sẽ thiêu cháy ngôi nhà của mình, khác nào đốt cháy thành Tơ-roa. Thế nhưng ông không thể nào rời bỏ cô ta, trái tim ông đẫm máu vì nàng, *ông đau khổ không phải vì tình yêu mà vì lòng trắc ẩn.*

Một nhân vật thiên thần mà tình yêu tàn khốc, chẳng khác gì tận mắt nhìn thấy sao Mộc, thực tế chỉ là một chàng công tử tầm thường, lúc nào cũng bận bịu vì mình, con người ấy khi lựa chọn người yêu, trước tiên thử đóng vai một chàng trai có số đào hoa. Hơn thế nữa, những lập luận đến buồn nôn về tình hình bệnh tật và những hậu quả của nó đối với những đứa trẻ có thể ra đời, đang biến thành sự tính toán hèn nhát vì anh ta không cắt đứt mối quan hệ đó, tìm kiếm trong đó sự tự thỏa mãn đầy đủ về nội tâm, và khi mối quan hệ đó tạo cho anh ta cái cớ cho màn kịch mới lâm ly quá đáng, lúc đó anh mới đoạn tuyệt với nó.

Gốt-phrít lên đường tới nhà một trong những ông chú của mình có đứa con trai vừa mới chết. Đứng bên cạnh quan tài, vào giờ phút khủng khiếp lúc nửa đêm, cùng với cô em gái họ, cô Ê-li-da II, anh trình diễn một cảnh theo kiểu nhạc kịch của Ben-li-ni: kết hôn với nàng "trước mặt người quá cố" và sáng hôm sau anh được ông chú vui mừng tiếp đón như cháu rể tương lai.

"Ông thường cũng hay nghĩ tới cô Min-na và tới giây phút ông sẽ lại phải gặp cô ta, mà đối với cô thì ông là người đã hoàn toàn bỏ đi rồi; tuy nhiên ông không khiếp sợ giây phút đó vì cô không thể có một tham vọng nào đối với một trái tim đã trao cho một người con gái khác" (tr.117).

Cuộc hôn ước mới chỉ theo đuổi một mục đích là dẫn các quan hệ với cô Min-na tới sự va chạm mang kịch tính, trong đó "nghĩa vụ và dục vọng" xung đột nhau. Sự va chạm đó diễn ra một cách đê tiện thực sự phi-li-xtanh: chính bản thân anh chàng tiểu tư sản đứng đắn thậm chí cũng tự phủ nhận tính hợp pháp của tham vọng của Min-na đối với trái tim mình, trái tim "đã trao cho một người con gái khác". Chỉ trong lần thay đổi cuối cùng về các thời hạn "trao trái tim" mới có sự tự lừa dối hèn nhát đó, tình huống đó tất nhiên không làm cho anh chàng có phẩm hạnh tốt kia mảy may xao xuyến.

Và Gốt-phrít đang đứng trước một tất yếu lý thú là làm tan vỡ "trái tim lớn lao đáng thương".

"Sau khi ngừng một lát Gốt-phrít nói tiếp: "Cô Min-na yêu dấu, đồng thời tôi cũng cảm thấy rằng phải xin lỗi cô - có thể là tôi có lỗi đối với Cô ... Cô Min-na, bàn tay mà hôm qua tôi thân ái trao cho Cô, - bàn tay ấy không còn được tự do nữa, vì tôi đã đính hôn!'" (tr.123).

Thế nhưng nhà thần học dự bị đóng kịch ấy còn dè dặt nói với nàng rằng, mấy giờ sau khi đã "thật thân ái" trao tay cho nàng, ông mới đính hôn.

"Ôi lạy chúa!.. Cô Min-na, liệu Cô có thể thứ lỗi cho tôi không?" (ngay tại đó).

" Tôi là một người đàn ông và vẫn phải trung thành với *nghĩa vụ* của mình, - và không *được* yêu Cô! Nhưng tôi đã không lừa dối Cô(t.124).

Sau khi đã làm xong cái nghĩa vụ đạo đức đãi bôi đó, thì chỉ còn nhờ đến một điều không thể tin được, xoay chuyển có kết quả toàn bộ tình thế bằng cách làm như là không phải Min-na vĩnh biệt ông ta, mà là một tên giả nhân, giả nghĩa có đạo đức cao thượng đoạn tuyệt một kẻ bị lừa dối. Với mục đích đó, ông ta đã nghĩ ra rằng có khả năng cô Min-na "sẽ cảm thù ông từ xa" và, để kết luận ông gắn vào cái giả thuyết đó những lời đạo đức dưới đây:



""Đó là tôi vui lòng chia tay Cô và nếu như điều đó sẽ xảy ra thì Cô có thể sớm tin vào sự chia tay của tôi. Và giờ đây hãy chia tay! Nghĩa vụ của tôi đang kêu gọi tôi, tôi buộc phải từ giã Cô". Và ông ta chậm chạp bước ra khỏi buổi chuyện trò... Từ giờ phút ấy Gốt-phrít cảm thấy mình là kẻ bất hạnh"(tr.124).

Anh chàng vờ vĩnh và người tình giả dối đang biến thành tên đạo đức giả với cái dáng ngọt ngào chia tay của kẻ đang thoát khỏi cảnh ngộ. Bằng những sự rắc rối bịa đặt ra về tình yêu Đích-vát-tơ bình yên đi tới chỗ có thể tưởng tượng mình là người bất hạnh.

Rút cuộc người ta thấy rằng tất cả những bước thăng trầm về tình yêu bịa ra đó không phải cái gì khác ngoài sự phô trương điệu bộ của Gốt-phrít trước chính mình. Toàn bộ câu chuyện rút cuộc là anh chàng đạo đức giả đang mơ mộng về sự bất tử trong tương lai của mình làm xáo trộn các truyền thuyết trong kinh Cựu ước với những mơ ước hão huyền hợp thời theo tinh thần Spi-xơ, Clau-ren và Cra-mơ từ cái "Tủ sách để đọc" và khoan khoái, cảm thấy mình là một nhân vật lãng mạn.

"Khi mở những cuốn sách của mình, anh ta bỗng nhiên thấy "Ốp-tê-đin-ghen"[129] của Nô-va-lít-xơ, con người trước đây một năm thường động viên anh sáng tác thi ca. Lúc còn là học sinh trường trung học, anh này đã cùng một số bạn bè thành lập một tiểu tổ mang tên "Tép-tô-nhi-a", các hội viên của tiểu tổ này đặt ra mục tiêu cho mình là phải cùng nhau tìm hiểu lịch sử và nền văn học của Đức, anh ta lấy bí danh *Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen*... Lúc này anh ta đã hiểu rõ ý nghĩa của cái tên đó. Anh ta *tự cho mình là chàng Hen-rích đó* trong cái thị trấn nhỏ xinh xắn dưới chân núi Vác-tơ-buốc, và nỗi buồn về *"bông hoa màu xanh da trời"* xâm chiếm tâm hồn anh với một sức mạnh không thể cưỡng nổi. Nhưng không phải Min-na được coi là bông hoa rực rỡ trong câu chuyện cổ tích và cũng không phải là người yêu của anh ta, dù anh ta có tra hỏi trái tim mình như thế nào. Đắm mình trong những mơ ước, anh say sưa đọc tiếp, thế giới thần tiên kỳ lạ thu hút anh, và cuối cùng anh nức nở gieo mình xuống chiếc ghế bành, buồn chán về *"bông hoa màu xanh da trời"*.

Ở đây, Gốt-phrít để lộ toàn bộ sự đồi trá lãng mạn mà ông bị cuốn hút vào; khuynh hướng chạy theo trang phục kỳ dị, sự mong muốn được mặc các quần áo của người khác - có lẽ đó là "bản chất nội tâm" thực sự của ông. Cũng giống như trước đây ông gọi mình là Gốt-phrít Xtơ-ra-xbua, lúc này ông đóng vai *Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen* và ông tìm kiếm tuyệt nhiên không phải "bông hoa

màu xanh da trời" mà là một nhân vật thuộc phái đẹp sẽ công nhận ông trong vai đó. Cuối cùng ông đã tìm thấy "bông hoa màu xanh da trời" như vậy, mặc dầu đã phần nào tàn héo, ở một nhân vật nào đó đã cùng ông biểu diễn vở hài kịch thích thú phù hợp với lợi ích của ông và của hai người.

Tính chất lãng mạn đối trá đó, sự bắt chước lố bịch và sự biếm họa những truyền thuyết và những chuyện bất ngờ cũ mà Gốt-phrít do thiếu tài năng riêng, đã *sao chép* của những người khác tất cả những va chạm không có cơ sở, bị cảm tính lừa dối với các nàng Ma-ri-a, Min-na, Ê-li-đa I và II đã dẫn ông ta đi khá xa đến nỗi ông cảm thấy dường như ông đã đạt tới đỉnh cao những xúc cảm của Gơ-tơ. Giống như Gơ-tơ sau những bão táp về tình yêu của mình, thình lình lên đường đi I-ta-li-a, và ở đấy ông viết "Khúc bi thương" của mình, Gốt-phrít sau sự say đắm tình yêu tưởng tượng, hiện nay cũng tự coi mình là người có quyền thực hiện cuộc hành trình tới La Mã. Gơ-tơ linh cảm thấy sự xuất hiện của Gốt-phrít:

"Ngay như cả voi cũng có rận, -

Thì liệu tôi có thoát khỏi chúng không?"[130]

### I-ta-li-a. Tháng Mười 1837 - tháng Ba 1838

Trong cuốn nhật ký của Gốt-phrít, cuộc hành trình tới La Mã được mở đầu bằng đoạn miêu tả dài dòng việc chuyển từ Bon tới Cô-blen-txơ.

Thời kỳ mới được bắt đầu hoàn toàn như khi kết thúc thời kỳ trước đó là áp dụng một cách toàn diện những cảm xúc của người khác vào cá nhân mình. Trên tàu thủy, Gốt-phrít nhớ lại "nét tuyệt diệu của Hốp-phơ-man", ông này "bắt buộc bác thợ I-ô-han-nét Vác-tơ của mình, xây dựng một tác phẩm có tính nghệ thuật cao ngay sau khi ông trải qua một nỗi đau khổ quá lớn"[131]. Để xác nhận "nét tuyệt diệu" đó, Gốt-phrít sau "nỗi đau khổ quá lớn" về nàng Min-na lại đắm mình vào *"những suy nghĩ về* tấn bi kịch *mưu tính từ lâu"* (tr. 140).



Trong cuộc hành trình của Kin-ken từ Cô-blen-txơ tới La Mã đã xảy ra những sự kiện như sau:

"Những bức thư âu yếm của người yêu ông ta mà ông thường nhận được và ông thường trả lời ngay, đã xua đuổi những ý nghĩ mờ ám" (tr. 144).

"Tình yêu đối với nàng Ê-li-đa tuyệt đẹp đã bắt rễ sâu vào trái tim buồn khổ của chàng trai" (146).

* * *

Ở La Mã xảy ra sự kiện như sau:

"Sau khi tới La Mã Kin-ken bắt gặp ở đây lá thư của người yêu gửi tới, lá thư càng tăng thêm tình cảm yêu thương đối với nàng, và hình ảnh Min-na ngày càng bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Trái tim thầm nhủ ông ta rằng Ê-li-đa có thể làm cho ông hạnh phúc, và với sự phấn khởi thật sự ông đắm mình trong tình cảm đó... Chỉ lúc này ông mới học yêu đương" (tr. 151).

Như vậy, Min-na mà trước kia ông đã yêu chỉ vì "thương hại", lại hiện ra trong những cảm xúc của ông. Về quan hệ đối với Ê-li-đa ông ước mơ Ê-li-đa có thể làm cho ông hạnh phúc, chứ không phải đem lại hạnh phúc cho nàng. Và chính là trong những ước mơ về "bông hoa màu xanh da trời" ông đã đoán trước được rằng cả Ê-li-đa, cả Min-na đều không thế nào thể hiện ở bông hoa huyền thoại đó mà ông có thi hứng quá mạnh mẽ về nó. Những tình cảm mới được thức tỉnh trong con người ông đối với cả hai cô gái đó là để tạo ra tình thế cho một cuộc xung đột mới:

"Ô I-ta-li-a nàng thơ của Kin-ken có lẽ đã thiu thiu ngủ" (tr. 151).

Tại sao vậy?

"Bởi lẽ ông ta chưa đủ *trang phục* " (tr. 152).

Về sau này chúng tôi biết được rằng sau 6 tháng sống ở nước I-ta-li-a, ông đã mang "trang phục" về nước Đức một cách bình an. Và cũng vì ở La Mã Gơ-tơ đã viết "Khúc bi thương" của mình nên Gốt-phrít cũng sáng tác khúc bi thương "Sự thức tỉnh của La Mã" (tr. 153).

* * *

Trong căn phòng của Kin-ken cô hầu phòng trao cho ông bức thư người yêu của ông gửi tới. Ông vui mừng bóc thư -

"và, sau khi kêu lên, ông gieo mình xuống chiếc ghế của mình". "Ê-li-da báo cho ông biết rằng bác sĩ Đ. nào đó, một con người khá giả, có một thực tiễn rộng lớn và thậm chí... cả con ngựa cưỡi(!), ướm hỏi nàng, và vì sẽ còn nhiều thời gian nên lúc này ông Kin-ken, một nhà thần học nghèo, sẽ tạo cho mình một địa vị vững vàng, nàng yêu cầu ông hãy giải thoát cho nàng khỏi những quan hệ đang ràng buộc hai người".

Một sự tái hiện hoàn chỉnh "Giận dỗi và hối hận"[132].

Gốt-phrít "đã tiêu ma", "một sự sửng sốt khủng khiếp", "những đòi mắt khô khan", "lòng hận thù", "con dao găm", "lồng ngực của người tình địch", "dòng máu của trái tim đối thủ", "sự lạnh lùng băng giá", "nỗi đau đớn kinh hoàng" v.v. (tr. 156 và 157).

Trong những "đau thương và niềm vui của nhà thần học nghèo nàn" đó, điều giày vò ông thạc sĩ bất hạnh trước tiên là ý nghĩ cho rằng Ê-li-da "coi thường" ông vì "những hạnh phúc nhất thời trên trái đất" (tr. 157). Sau khi Gốt-phrít theo mọi qui tắc của nghệ thuật sân khấu, trong một thời gian nào đó, đắm mình trong những tình cảm mô tả ở trên, cuối cùng ông tìm thấy sự an ủi cao quí sau đây:

"Nàng không xứng đáng với anh, - và chính là anh còn đội cánh thiên tài đưa anh bay cao vượt lên nỗi khổ đau u sầu đó! *Và khi mà vinh quang của anh cùng với thời gian lan truyền trên trái đất*, lúc ấy người con gái phản bội sẽ thấy trái tim của mình bị trả thù!... Ai biết được, có thể là năm tháng sẽ trôi qua, - và *những đứa con của nàng* sẽ đến cầu xin tôi giúp đỡ, và *có lẽ tôi sẽ không muốn né tránh điều đó quá sớm*" (tr. 157).

Ở đây, sau khi đương nhiên thấy trước có sự khoái trá cao quí "về niềm vinh quang sắp tới sẽ lan truyền trên trái đất", bộ mặt dê tiện của tên phi-li-xtanh - dạo đức giả lộ rõ. Nó tính rằng, có thể là, về sau những đứa trẻ bị đói khổ của Ê-li-da sẽ đến cầu xin sự bố thí của nhà thơ vĩ đại, - "có lẽ ông không muốn né tránh điều đó quá sớm. Tại sao vậy? Bởi vì "niềm vinh quang sắp tới" mà Gốt-phrít thường xuyên mơ ước thì Ê-li-da "không coi trọng bằng con ngựa cưỡi", bởi lẽ do "những hạnh phúc trên trái đất" nàng đã cự tuyệt cái tấn kịch buồn cười mà ông muốn đóng với cái tên Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen. Ngay ông già Hê-ghen đã



nhận xét đúng đắn rằng ý thức cao thượng bao giờ cũng chuyển thành ý thức thấp kém[133].

## Bon. Mùa hè 1838 - Mùa hè 1843
*(Sự quỷ quyệt và tình yêu)*

Sau khi Gốt-phrít ở I-ta-li-a dưới hình thức biếm họa bắt chước Gơ-tơ, khi trở về ông quyết định biểu diễn vở "Sự quỷ quyệt và tình yêu" của Si-lơ.

Mặc dầu tâm hồn bị day dứt, dày vò bởi nỗi khổ đau về thế giới, Gốt-phrít cảm thấy thể xác "tốt hơn lúc nào hết" (tr. 167). Ông dự định "bằng các tác phẩm tạo ra cho mình tên tuổi trong văn học" (tr. 169), tuy vậy về sau "các tác phẩm" dù không mang lại cho ông tên tuổi trong văn học thì điều đó cũng không ngăn cản ông đạt cho mình một tên tuổi với giá rẻ hơn, không phải dùng tới lao động.

"Sự day dứt mơ hồ" mà Gốt-phrít cảm thấy khi thường xuyên theo đuổi "một người dàn bà" thể hiện ở việc thay đổi quá nhanh những lời hứa hẹn kết hôn và đính ước. Lễ đính hôn là hình thức cổ điển mà nhờ đó một con người mạnh và một trí tuệ "tương lai" cao thượng cố gắng chiếm lấy những người yêu và cột họ vào mình. Vào đúng lúc ông nhìn thấy bông hoa màu xanh da trời, nhờ nó mà ông có thể đóng vai Hen-rích Phôn Ôp-tê-đin-ghen thì những mơ mộng đầy tình cảm, mơ hồ, trìu mến của thi sĩ đọng lại thành những dự tính hết sức rõ ràng của ông thạc sĩ muốn lấy các quan hệ "nghĩa vụ" để bổ sung cho ái lực tư tưởng của tâm hồn. Sự theo đuổi kiểu tiểu tư sản đó, mà trong đó các cuộc đính ước suýt nữa được tiến hành sau lần quen biết đầu tiên, đang được tiến hành đối với mọi hoa cúc và hoa huệ à tort. Et à travers[1*] làm cho sự phô trương đỏm dáng đó càng bỉ ổi hơn, với sự phô trương này Gốt-phrít không ngừng giãi bày tâm sự để chứng minh cho "nỗi đau khổ lớn của thi sĩ".

1*- không lựa chọn

Vì vậy sau khi từ I-ta-li-a trở về, dĩ nhiên Gốt-phrít lại phải "đính hôn". Lần này người chị của ông, chính là I-ô-han-na, người mà lòng cuồng tín sùng đạo đã được lưu danh mãi mãi do những lời cảm thán trước đây trong cuốn nhật ký của Gốt-phrít, đã chỉ thẳng cho thấy đối tượng làm cho ông mệt mỏi.

"Đúng trong những ngày này Buê-ghe-hôn tuyên bố lễ đính hôn của mình với cô Kin-ken, và I-ô-han-na can thiệp quấy rầy hơn lúc nào hết vào những công việc tâm tình của em trai, do một số lý do và tính toán về gia đình mà tốt hơn là im lặng không nói về những điều đó, bà mong muốn Gốt-phrít *về phía mình* nên kết hôn với cô em gái người chồng chưa cưới của bà, cô Xô-phi-a Buê-ghe-hôn" (tr. 172). "Kin-ken" - lẽ đương nhiên *"nhất định* phải cảm thấy say mê cô gái thùy mị... Đó là một cô gái dễ thương, trong trắng" (tr. 173). "Với sự trìu mến khác thường" - đây cũng ra điều đương nhiên - "Kin-ken đã nắm được tay nàng, và các vị phụ mẫu sung sướng vui mừng hứa sẽ gả nàng cho ông, đúng lúc đó" - và điều này là đương nhiên - "ông sẽ đạt được một địa vị vững chắc trong cuộc đời và có thể đem lại cho người yêu của mình" - điều này cũng là đương nhiên - "tổ ấm yên lành của một giáo sư hoặc mục sư".

Sự khát khao được kết hôn biểu hiện ở mọi sự mạo hiểm của ông thạc sĩ nồng nhiệt, trong trường hợp này, tràn ra trên trang giấy dưới hình thức những dòng thơ trang nhã dưới đây:

"Trong cuộc đời tôi chẳng cần gì,
Chỉ cần bàn tay trắng mà thôi".

Tất cả những cái còn lại - đôi mắt, cái miệng, mái tóc - ông cho đấy là "hư ảo".

"Tất cả những cái đó tôi chẳng cần
Chỉ cần bàn tay trắng mà thôi!" (tr. 174).

Sự dan díu của ông với cô Xô-phi-a Buê-ghe-hôn theo lệnh của "I-ô-han-na, người chị gái hay quấy rầy hơn lúc nào hết" và cũng do sự ham mê lúc nào cũng lâng lâng đối với "bàn tay nhỏ nhắn", lúc đó ông thường gọi là tình yêu "sâu sắc, bền vững và thầm lặng" (tr. 175), và đặc biệt "yếu tố *tôn giáo* giữ vai trò to lớn trong cuộc tình duyên mới này" (tr. 176).

Vấn đề là ở chỗ, trong những cuộc phiêu lưu về tình yêu của Gốt-phrít yếu tố tôn giáo luôn luôn xen kẽ với những yếu tố lãng mạn và yếu tố kịch. Trong những trường hợp Gốt-phrít qua những hiệu quả của kịch không đặt được mình vào tình thế mới của



Dích-vát-tơ, thì ông lại chạy theo những tình cảm tôn giáo để làm cho những câu chuyện tầm thường có ý nghĩa cao đẹp hơn. Dích-vát-tơ trở thành I-ung - Sti-linh[134] ngoan đạo được chúa trời phú cho sức mạnh kỳ lạ tới mức khiến cho ba người vợ đều chết trong vòng tay nam giới của ông, nhưng ông vẫn có thể lại "kết hôn" với người yêu mới.

* * *

Cuối cùng chúng ta đang tiến gần tới một tai họa vô cùng nguy hại trong cuộc sống quá nhiều sự kiện này, tới việc làm quen của Sti-linh với *I-ô-han-na Mốc-ken* đã ly hôn với Ma-chi-ô. Trong đó Gốt-phrít đã chiếm được Kin-ken nữ giới, alter ego [1*] lãng mạn, chỉ có điều là cứng rắn hơn, thông minh hơn một chút, ít mơ hồ hơn và thoát khỏi những ảo tưởng ban đầu vì đã trưởng thành.

Mốc-ken có nét chung với Kin-ken là cả hai người đều không được thế giới thừa nhận. Ở Mốc-ken có cái vẻ bề ngoài tầm thường và làm cho mọi người chán ghét; trong cuộc kết hôn lần đầu bà đã "không hạnh phúc". Bà có tài về âm nhạc nhưng chưa đủ để nổi danh nhờ các tác phẩm hoặc tài biểu diễn của mình. Ở Béc-lin bà đã thất bại hoàn toàn khi bà muốn bắt chước những hành vi trẻ con lỗi thời của Bét-ti-na[2*]. Những thử thách đã làm cho tính cách của bà trở nên tàn nhẫn. Nếu như bà cũng như Kin-ken, thích làm bộ làm tịch và bằng những sự cường điệu quá mức định làm cho những chuyện hàng ngày trong cuộc đời mình có tính chất "cao thượng" thì ở bà *"nhu cầu"* (theo lời lẽ của Stơ-rốt-man) về tình yêu có căn cứ hơn so với lời ba hoa thơ mộng về tình yêu, vẫn ngày càng phát triển. Điều mà về phương diện này ở Kin-ken mang tính chất nữ giới thì ở bà lại mang tính chất nam giới. Vì vậy điều hoàn toàn tự nhiên là con người như vậy vui sướng đi tới chỗ cùng Kin-ken biểu diễn vở hài kịch của một tâm hồn tuyệt

1*- "tôi" thứ hai - ND
2* - Ác-nim. - ND

đẹp không được thừa nhận cho đến đoạn kết thúc làm thỏa mãn lẫn nhau - thừa nhận Dích-vát-tơ là vai do Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen đóng và cho phép anh ta có tư cách là "bông hoa màu xanh da trời".

Ngay sau khi Kin-ken nhờ có chị mình đã đính hôn một cách thuận lợi lần thứ ba, hoặc là lần thứ tư, Mốc-ken đưa ông ta vào một mớ bòng bong mới của tình yêu.

Gốt-phrít đang ở trong "những làn sóng của xã hội" (tr. 190), tức là đang ở trong một tiểu tổ các giáo sư, hay nói một cách khác "tiểu tổ có nhiều đặc quyền", của một thị trấn có trường đại học Đức, những tiểu tổ có thể tạo nên các mốc trong đời sống của ông thạc sĩ người Đức theo đạo Cơ Đốc. Mốc-ken hát và khoái trá về những tràng vỗ tay. Người ta sắp xếp Gốt-phrít ngồi cạnh bà và tại đây biểu diễn màn kịch sau đây.

"Đáng lẽ, chị nên có những tình cảm tuyệt đẹp, - Gốt-phrít nói, khi mọi người hân hoan thì chị bay bằng đôi cánh thiên tài trên cái thế giới vui vẻ". - "Ông *thấy* vậy ư, Mốc-ken xúc động cãi lại. - Tôi đã từng nghe rằng Ông có tài thơ ca tuyệt vời, có lẽ, người ta cũng sẽ tán dương Ông... và lúc đó tôi sẽ hỏi Ông, Ông có hạnh phúc không nếu như Ông không..." - "Nếu như tôi không?.. - Gốt-phrít hỏi lại khi bà ấp úng" (tr. 188).

Ông thạc sĩ vụng về có khuynh hướng đa cảm được ướm hỏi.

Sau đó thì Mốc-ken báo cho ông biết rằng gần đây

"bà đã nghe lời thuyết giáo của ông về nỗi đau khổ của đức Chúa Trời và nghĩ rằng chàng trai tuyệt đẹp biết bao kia đã từ bỏ thế giới nếu như chàng đã làm cho bà phải chịu một sự dày vò thầm lặng về đứa con trai vô tội của lòng mình, đứa con trước kia đã gợi cho bà những âm thanh đã mất đi của lòng tin" (tr. 189).

Gốt-phrít "buồn rầu" (tr. 189) về sự tán tụng đó. Ông thấy dễ chịu một cách khác thường "khi tin rằng Mốc-ken không hạnh phúc" (như trên). Và cũng tại đây ông quyết định "bằng lòng tin hào hứng, nồng nhiệt của mình vào việc cứu thoát qua Giê-xu Ky-tô" "lại giành được... cũng cái linh hồn con người đang đau khổ đó" (như trên). Vì bà Mốc-ken là người theo đạo Thiên chúa nên



các quan hệ bị ràng buộc bởi một lý do tưởng tượng cho rằng để "phục vụ cho quyền lực vô thượng", phải giành cho được linh hồn con người, - đó là tấn hài kịch mà Mốc-ken cũng tham gia.

* * *

"Trong năm 1840 Kin-ken cũng được cử giữ chức phó mục sư ở một công xã dòng Phúc âm ở Khuên, sáng chủ nhật nào ông cũng tới đó để đọc lời thuyết giáo" (tr. 193).

Điều ghi nhận tiểu sử đó khêu gợi chúng ta nói vài lời về địa vị của Kin-ken trong thần học. "Trong năm 1840" sự phê bình đã kịp thời phân tích một cách không thương xót nội dung của đạo Cơ Đốc, nội dung khoa học...[1*] mà Bru-nô Bau-ơ là người đại diện đã công khai chống lại nhà nước. Trong thời kỳ đó Kin-ken là nhà truyền giáo. Nhưng, vì một mặt không có được sức mạnh của người thuộc phái chính thống, và mặt khác không có khả năng giải thích thần học một cách khách quan, ông ta gắn bó với đạo Cơ Đốc bằng lối nói hoa mỹ - đa cảm - trữ tình à la Crum-ma-khơ, miêu tả Chúa Trời là "người bạn và người thầy", mưu toan vứt bỏ tất cả những cái "không tốt đẹp" dưới cái vẻ ngoài của đạo Cơ Đốc và thay thế nội dung của đạo đó bằng những lời lẽ rỗng tuếch. Cách làm lấy hình thức thay cho nội dung, lấy lời lẽ thay cho tư tưởng đó, đã sản sinh ra ở nước Đức một loạt cha cố hay nói hoa mỹ, những cha cố này, tất nhiên, phải tìm nơi ẩn náu cuối cùng của mình trong *nền dân chủ*. Nếu như trong thần học đôi lúc vẫn đòi hỏi những kiến thức dù là nông cạn thì trong nền dân chủ, ngược lại, những lời lẽ trống rỗng đã được áp dụng một cách đầy đủ - ở đây lối nói hoa mỹ có vẻ kêu nhưng không có nội dung, nullité sonore [2*] hoàn toàn thay thế ý nghĩa và sự nhận thức vấn đề. Những hoạt động thần học của Kin-ken không đưa ông đi xa

1*- Tiếp đó trong bản thảo viết tay gạch dưới các từ: "sự vận động", "sự phê phán"

2*- kêu nhưng trống rỗng

hơn những đoạn trích có tính chất tình cảm từ lý thuyết Cơ Đốc giáo được trình bày với tinh thần Clau-ren, trong các bài diễn văn và bài viết của mình, ông là mẫu mực của sự ba hoa sáo rỗng kiểu thày tu đó mà đôi lúc cũng được mệnh danh là "văn thơ" và ông ta mưu toan một cách tức cười là dùng cái đó để chứng minh cho "năng khiếu thơ" của mình. Tuy nhiên, sáng tác thơ ca của ông [không][1*] phải là nhằm trồng những cây nguyệt quế chân chính, mà để những cây sao hoa mà được ông dùng để trang điểm cho con đường mòn của mình. Ông muốn giải quyết các cuộc xung đột không phải về thực chất mà bằng một hình thức thuận tiện, cái tính cách yếu đuối cũng biểu hiện ở lập trường của ông với tư cách là một phó giáo sư trường đại học tổng hợp. Ông né tránh cuộc đấu tranh với sự thông thái rởm cũ rích về nghề nghiệp bằng cách cư xử "như một sinh viên" nhờ đó mà vị phó giáo sư biến thành sinh viên còn sinh viên được nâng lên tới chức phó giáo sư. Cả một thế hệ Stơ-rốt-man, Suốc-xơ và những nhân vật tương tự như họ cũng từ trường phái này mà ra, cuối cùng chỉ trong lòng chế độ dân chủ mới có thể áp dụng những lời lẽ văn hoa, những nhận thức và "năng khiếu cao" hời hợt của mình.

* * *

Những quan hệ yêu đương mới lúc này mang tính chất chuyện cổ tích về con gà trống, con gà mái [2*] và quả trứng con.

Năm 1840 là một bước ngoặt trong lịch sử nước Đức. Một mặt, việc tận dụng có phê phán triết học Hê-ghen vào thần học và chính trị đã cách mạng hóa khoa học; mặt khác khi Phi-đrích - Vin-hem IV lên ngôi thì mở đầu phong trào của giai cấp tư sản mà các khuynh hướng lập hiến của nó vào lúc bấy giờ vẫn còn là hoàn toàn cấp tiến. Từ "thơ ca chính trị" mơ hồ thời đó đã chuyển

1* - Ở đây bản thảo bị mất chữ

2* - Trong nguyên bản đây là lối chơi chữ: từ "Hinkel" là "con gà trống", "Gockel" là "con gà mái" đồng âm với những họ Kinkel, Mockel.



sang một hiện tượng mới - sức mạnh cách mạng của báo chí định kỳ.

Gốt-phrít lúc đó làm gì vậy? Mốc-ken đã cùng với ông thành lập "Maikäfer, eine Zeitschrift für Nicht - Philister" [1*] và "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm". Tờ báo nhỏ đó

"có mục đích mỗi tuần một lần mang lại riêng cho một số bạn bè thân thiết một buổi dạ hội thoải mái và vui vẻ và cũng tạo điều kiện cho những người tham gia dạ hội có thể giới thiệu các tác phẩm của mình để những nhà phê bình yêu thích và có thiện cảm phán xét" (tr. 219).

Mục đích thực tế của "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" là giải quyết những điều bí ẩn về bông hoa màu xanh da trời. Các phiên họp diễn ra trong ngôi nhà của Mốc-ken và phải tán dương Mốc-ken đóng vai "hoàng hậu" (tr. 210) và Kin-ken đóng vai "bộ trưởng (tr. 255) trước một số sinh viên bình thường nghiên cứu văn chương. Cả hai tâm hồn tuyệt đẹp không được thừa nhận đều có thể ban thưởng hậu hĩnh cho mình trong "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" về "sự bất công mà thế giới tàn nhẫn đã gây ra cho họ" (tr. 296). Họ có thể đền bù thích đáng cho nhau qua các vai Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen và bông hoa màu xanh da trời mà họ đã lựa chọn, còn Gốt-phrít mà việc biểu diễn trong các vai khác là bản tính thứ hai, cũng cảm thấy mình hạnh phúc, vì cuối cùng ông ta đã xây dựng được *"một nhà hát nghiệp dư"* thực sự (tr. 254). Chính vở kịch hài hước đó đồng thời cũng là bước mở đầu cho những hành động thực tế:

"Những buổi dạ hội này làm cho ông có thể thâm viếng Mốc-ken ngay tại ngôi nhà các vị thần sinh ra bà" (tr. 212).

Chúng tôi nói thêm rằng "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" là sự bắt chước "Liên minh cánh rừng nhỏ"[135] ở Gơ-tinh-gen, chỉ có một điểm khác nhau là "Liên minh cánh rừng nhỏ" tan thành cả một giai đoạn trong sự phát triển của văn học Đức, trong khi đó thì "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" vẫn là sự

1* - "Con bọ dừa tháng Năm, tạp chí dành cho những người hủ lậu"

biếm họa một tinh nhỏ không có ý nghĩa gì cả. Theo sự thừa nhận của chính nhà chép tiểu sử - người biện hộ, "những con bọ dừa tháng Năm trung thành" (tr. 254) mà đại biểu là Xê-ba-xchi-an Lông-ga, Lê-ô Hát-xơ, C.A. Sluên-bắc và những người khác là những sinh viên không có bản sắc, tầm thường, chậm chạp và trống rỗng (tr.211 và 298) .

* * *

Đương nhiên, chẳng bao lâu sau Gốt-phrít bắt đầu "so sánh trong tư tưởng" (tr. 221) người yêu của mình với Mốc-ken nhưng "lúc này không có thời gian để" - nói chung là đã quá quen đối với ông ta - "suy nghĩ một cách tầm thường về đính hôn và kết hôn" (tr. 219). Nói tóm lại, giống như con lừa Bu-ri-dan, ông sống trong trạng thái do dự giữa hai ôm cỏ khô. Thế nhưng Mốc-ken giàu kinh nghiệm và có những xu hướng thực tế hơn, "thấy rõ những mối liên hệ kín đáo" (tr. 225), bà quyết định cầu cứu "cơ hội hoặc sự định trước của Chúa Trời" (tr. 229).

"Một lần, vào lúc công việc giảng dạy khoa học thường không cho phép Gốt-phrít gặp mặt Mốc-ken, ông lại đi tới nhà bà và lặng lẽ bước lại phòng của bà, lắng nghe âm thanh của bài hát oán trách. Ông thả mình theo bài hát:

"Anh đến gần và em thì cảm thấy dường như
Bình minh đã bao phủ vầng trăn" v.v. và v.v.
"Những khổ đau cùng cực, –
Hỡi ơi, nào anh có biết tới đâu!"

Hài âm kéo dài và buồn bã đã kết thúc bài hát của bà và lắng dần vào không trung" (tr. 230 và 231).

Gốt-phrít quay về nhà và cảm thấy không ai nhận ra mình; khi đi về nhà, ông thấy đã tạo ra được một tình thế rất lý thú, và bắt đầu viết những bài xon-nê tuyệt vọng, trong đó ông so sánh Mốc-ken với Lô-rê-lây [136] (tr. 233). Để lẩn tránh Lô-rê-lây và chung thủy với cô Xô-phi-a Buê-ghe-hôn, ông đi tìm nơi giảng dạy ở Vi-xba-đen nhưng bị từ chối. Thêm vào trường hợp kể ra ở trên còn có một sự định trước khác nữa, mà lần này có tính chất quyết định. Không chỉ "mặt trời từ chòm sao Thất nữ vụt lên" (tr. 236) mà cả Gốt-phrít cùng Mốc-ken đi dạo chơi "trên chiếc thuyền độc mộc trên sông Ranh", hơn nữa sau khi đi ngang qua chiếc tàu



biển Gốt-phrít làm lật chiếc thuyền độc mộc và bơi vào bờ, ôm Mốc-ken trong vòng tay mình.

"Khi ông áp sát vào ngực người được cứu, bơi lại gần bờ thì lần đầu tiên ông thoáng nghĩ rằng chỉ người đàn bà này mới có thể đem lại cho ông niềm hạnh phúc" (tr. 238).

Lần này thì Gốt-phrít cuối cùng đã trải qua cảnh không phải là tưởng tượng mà là thực tế trong cuốn tiểu thuyết "Ái lực của sự lựa chọn"[137].

Điều đó cũng đã giải quyết vấn đề. Ông chia tay Xô-phi-a Buê-ghe-hôn.

* * *

Sau tình yêu là sự quỷ quyệt. Nhân danh thánh đường mục sư Ăng-ghen tuyên bố với Gốt-phrít rằng Gốt-phrít là một mục sư đạo Tin lành không được phép kết hôn với người đàn bà góa, hơn nữa lại là người theo đạo Thiên chúa. Gốt-phrít thì vin vào quyền không thể tước đoạt của con người, nêu ra một cách không kém phần ngọt ngào những điểm sau đây:

1. "Không có gì là tội lỗi khi ông với người đàn bà đó uống cà phê ở tiệm ăn "Khiếc-txo-ki-um-pơ-khe" (tr. 249).

2. "Vấn đề chưa được giải quyết vì lẽ cho tới nay ông vẫn chưa hề công bố trước công chúng rằng ông có ý định kết hôn với bà đó, và cũng chưa hề công bố rằng ông không có ý định như vậy" (tr. 251).

3. "Nói tới vấn đề tín ngưỡng thì không biết tương lai sẽ ra sao" (tr. 250).

"Còn lúc này mời Ông tới tôi chơi và uống tách cà phê" (tr.251).

Đối đáp như vậy, Gốt-phrít rời khỏi sân khấu, đi theo mục sư Ăng-ghen, một con người không đủ sức cưỡng lại sự chào mời. Gốt-phrít đã biết giải quyết một cách quyết đoán và mềm dẻo những xung đột với những điều kiện hiện tại.

* * *

Chúng tôi dẫn ra một đoạn sau đây để chứng tỏ "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" đã phải tác động như thế nào đối với Gốt-phrít:

"Ngày 29 tháng Sáu 1841. Vào ngày đó, ngày kỷ niệm đầu tiên của "Liên minh những con bọ dừa tháng Nam" phải được tiến hành một cách trọng thể (tr.253). "Khi chuyển sang vấn đề trao giải thưởng cho ai thì nghị quyết được nhất trí thông qua. Gốt-phrít khiêm tốn quỳ gối trước hoàng hậu, người đã đặt lên chiếc trán bừng sáng của ông vòng nguyệt quế tất nhiên, trong lúc đó một tròi xế chiều hắt những tia nóng bỏng vào khuôn mặt sáng bẩn lên của thi sĩ" (tr. 285).

Bông hoa màu xanh da trời vội vàng gắn cả những tình cảm riêng và những lời cầu chúc của mình vào sự giao tiếp sang trọng đó của Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen, vào vinh quang tưởng tượng về thi ca. Chiều hôm đó Mốc-ken đã biểu diễn bài ca chính thức của "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" do chính bà phổ nhạc; bài ca ấy kết thúc bằng một đoạn sau đây, trong đó tóm lược toàn bộ mục đích của "Liên minh",

"Bài học gì đây được rút ra?
Hỡi con bọ dừa nhỏ, hãy bay đi!
Kẻ nào đã già, sẽ không tìm được lứa đôi, -
Vậy hãy vứt bỏ những nghi ngờ và tính toán!
Hỡi con bọ dừa nhỏ, hãy bay đi!"

Người chép tiểu sử chất phác vin vào lý do này nhận xét rằng "lời mời kết hôn chứa đựng trong đoạn thơ đó là hoàn toàn không định trước" (tr.255). Song Gốt-phrít hiểu rõ ý định đó, "nhưng không muốn lẩn tránh quá sớm" tình hình là trong vòng hai năm trong "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" người ta đem lại vinh quang cho ông và ve vãn ông với tình yêu đằm thắm. Ông kết hôn với Mốc-ken ngày 22 tháng Năm 1843 sau khi bà ta, mặc dầu không phải là người có tín ngưỡng, nhưng đã theo đạo Tin lành với cái lý do kỳ quặc cho rằng đường như "nhà thờ Tin lành được xây dựng dựa trên những khái niệm *luân lý* nhiều hơn là trên những biểu tượng nhất định của tín ngưỡng" (tr.315).

"Và còn đây một bài học nữa:
Bông hoa màu xanh da trời xa lạ với tín ngưỡng."

* * *

Gốt-phrít quan hệ với Mốc-ken với cái cớ là hướng bà ta từ chỗ không tín ngưỡng sang chỗ đi theo nhà thờ Tin lành. Nhưng lúc



này Mốc-ken muốn có cuốn "Cuộc đời của Giê-xu" [138] của Stơ-rau-xơ và lại rơi vào tình trạng không tín ngưỡng,

"và với trái tim đau nhói ông đi theo nàng theo con đường ngờ vực dẫn tới vực thẳm của phủ định. Ông đã cùng nàng tự khai phá cho mình con đường đi trong mớ bòng bong rắc rối của một triết lý mới" (tr.308).

Thế là, không phải sự phát triển của triết học lúc đó đã có ảnh hưởng tới quần chúng, mà các tâm trạng ngẫu nhiên dẫn ông tới sự phủ định.

Vậy điều gì ông đã rút ra được từ mớ bòng bong đó của triết lý, điều này thấy rõ qua cuốn nhật ký riêng của ông:

"Tuy nhiên thử xem trào lưu hùng mạnh từ Can-tơ đến Phoi-ơ-bắc tới *thuyết phiếm thần* có vứt bỏ tôi không !!" (tr.308).

Dường như trào lưu đó đúng là không vượt ra ngoài giới hạn của thuyết phiếm thần, dường như Phoi-ơ-bắc là tiếng nói cuối cùng của triết học Đức!

"Hòn đá tảng của đời tôi", - trong nhật ký ghi tiếp, - "không phải là nhận thức lịch sử mà là một hệ thống bất di bất dịch, và không phải lịch sử nhà thờ mà giáo lý mới là hạt nhân của thần học" (như trên).

Dường như triết học Đức đúng là không hòa tan các hệ thống bất di bất dịch vào nhận thức lịch sử, còn các hạt nhân giáo lý thì không hòa tan vào lịch sử nhà thờ! Trong những điều thừa nhận đó hiện lên rất rõ toàn bộ tính chất phản cách mạng của nhà dân chủ, đối với ông ta bản thân sự vận động chỉ là phương thức để đạt tới một số chân lý vĩnh cửu không bác bỏ được - những điểm tĩnh thối nát.

Dựa vào những tính toán có tính chất biện hộ nêu ở trên của Gốt-phrít, độc giả có thể tự phán xét được toàn bộ sự phát triển về tinh thần của ông và yếu tố cách mạng nào ẩn giấu trong nhà thần học đã từng là diễn viên không tự nhiên.

## II

Thế là kết thúc màn đầu cuộc đời của Kin-ken, và cho tới khi bắt đầu cuộc cách mạng tháng Hai trong cuộc đời ông ta không có gì hơn đáng lưu ý tới. Nhà xuất bản Cốt-ta đã cho xuất bản các bài thơ của ông mà không trả tiền nhuận bút, phần lớn các ấn phẩm vẫn còn nằm lại trong kho, trong khi đó thì vết thương khét tiếng ở Ba-den không đem lại cho tác giả sự vinh quang về thi ca và không tạo ra thị trường tiêu thụ các tác phẩm của ông.

Tuy nhiên, có một sự thật tiêu biểu thì người viết tiểu sử làm thinh. Theo sự tự thú nhận của Kin-ken, ham muốn tột bậc của ông là trước khi chết được làm ông giám đốc già của một nhà hát. Về lý tưởng ông tiêu biểu cho Ai-den-hút nào đó, một nghệ sĩ lang thang cùng với gánh hát của mình ngược xuôi theo dòng sông Ranh, và cuối cùng bị mất trí.

Ngoài những buổi giảng ở Bon tràn đầy lời lẽ hùng biện của một vị linh mục, Gốt-phrít còn thỉnh thoảng tổ chức ở Khuên những buổi biểu diễn nghệ thuật về mỹ học và thần học. Khi cuộc cách mạng tháng Hai bùng nổ, ông kết thúc các buổi biểu diễn bằng lời tiên đoán sau đây:

"Sấm sét của cuộc chiến đấu mà tiếng rền vang của nó từ Pa-ri vọng tới chúng ta, đối với nước Đức cũng như đối với toàn bộ lục địa châu Âu, là mở đầu của một thời kỳ mới huy hoàng. Sau tiếng gào thét của bão táp là làn gió thoảng khoan khoái của tự do: từ nay bắt đầu một kỷ nguyên hạnh phúc, vĩ đại - kỷ nguyên của *nền quân chủ lập hiến*".

Nền quân chủ lập hiến cảm ơn Kin-ken về lời tán tụng đó bằng cách phong ông ta là một giáo sư khác thường. Thế nhưng sự thừa nhận đó không thể làm thỏa mãn grand homme en herbe[1*]. Rõ

1* - con người vĩ đại của tương lai.



ràng là nền quân chủ lập hiến tuyệt nhiên không vội vã để "cho vinh quang của ông lừng lẫy khắp trái đất". Cũng như vậy, những vinh quang mà những bài thơ chính trị mới đã mang lại cho Phrai-li-grát, không để cho chàng thi sĩ nổi danh vì "những con bọ dừa tháng Năm" được ngủ yên. Và Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen đã rẽ ngoặt sang trái và lúc đầu trở thành nhà dân chủ lập hiến; và sau đó cũng là nhà dân chủ cộng hòa (honnête ét modéré[1*]). Ông ngấp nghé muốn trở thành nghị sĩ nhưng trong cuộc bầu cử tháng Năm không đến Béc-lin mà cũng chẳng tới Phran-phuốc. Mặc dầu vấp phải những thất bại ban đầu đó, song ông vẫn tiếp tục cố đạt cho được mục tiêu của mình và, có thể nói, ông phải làm việc khá nhiều. Với sự dè dặt khôn ngoan ông hoạt động lúc đầu chỉ trong một địa hạt nhỏ trong tỉnh của mình. Ông sáng lập tờ báo "Bonner Zeitung", một loại cây nhỏ bé của địa phương chỉ nổi bật ở chỗ những lời nói dân chủ hoa mỹ không mang màu sắc đặc biệt và ở tính chất phác của sự dốt nát định cứu nguy cho tổ quốc. Ông ta nâng "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" lên tới mức một câu lạc bộ dân chủ của sinh viên, chẳng bao lâu sau một đám đông học sinh đã từ câu lạc bộ này tỏa ra, họ đã truyền rộng ra khắp mọi xóm làng ở vùng Bon cái vinh quang của người thầy và ép buộc từng cuộc họp phải công nhận ngài giáo sư Kin-ken. Chính ông ta đã ba hoa về chính trị trong sòng bạc với bọn chủ các cửa hiệu thực phẩm phụ, bắt tay thân thiện với những người thợ thủ công chân thực và truyền bá lòng yêu thích tự do một cách nồng nhiệt của mình thậm chí trong cả những nông dân ở Kin-đe-ních và Đen-sây-đơ. Nhưng đối với tầng lớp khá đông những người thợ thủ công thì ông có cảm tình rất đặc biệt. Ông đã cùng với họ khóc than sự suy vong của nghề thủ công, những hậu quả khắc nghiệt của sự cạnh tranh tự do, sự thống trị hiện tại của tư bản và máy móc. Cùng với họ ông đã xây dựng các kế hoạch phục hưng chế độ phường hội và xóa bỏ nạn dầu cơ của các sở giao dịch, và để thực hiện được tất cả

1* - hướng thiện và ôn hòa.

những điều dự định, ông đã trình bày trong cuốn sách nhỏ "Hãy cứu thoát nghề thủ công!"[139] những kết quả các buổi chuyện trò của ông với các tiểu chủ đã từng diễn ra trong các sòng bạc.

Nhằm làm cho bất kỳ ai cũng có thể thấy rõ ngay lập tức, đâu là vị trí riêng của ngài Kin-ken, và tác phẩm nhỏ của ông có ý nghĩa thế nào về mặt quốc gia theo kiểu Phran-phuốc, ông đã đề tặng tác phẩm nhỏ đó cho "30 thành viên trong tiểu ban kinh tế của Quốc hội Phran-phuốc".

Các công trình nghiên cứu của Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen về "vẻ đẹp" trong tầng lớp những người thợ thủ công cũng tại đây đã dẫn ông tới kết luận rằng "tầng lớp những người thợ thủ công vào lúc này đã hoàn toàn bị phân liệt" (tr.5). Sự phân liệt đó chính là ở chỗ, một số thợ thủ công "đến sòng bạc của bọn chủ hiệu thực phẩm phụ và bọn quan lại" (thành tựu lớn biết bao!) còn những người khác thì không lui tới, và cũng ở chỗ, một số người thợ thủ công có học vấn, còn số khác thì không có học vấn. Mặc dầu có sự phân liệt đó, tác giả vẫn thấy một dấu hiệu thuận lợi là ở chỗ, trong tổ quốc đáng mến đâu đâu cũng tổ chức những liên đoàn và những cuộc hội họp của những người thợ thủ công, và cũng ở chỗ, đang tiến hành một cuộc tuyên truyền nhằm cải thiện đời sống của tầng lớp thợ thủ công (hãy nhớ lại các đại hội thợ thủ công mang tên Vin-ken-blếch-khi-át vào năm 1848[140]). Để đóng góp dưới hình thức là lời khuyên thiện ý vào phong trào từ thiện đó, ông trình bày chương trình cứu nguy của mình.

Trước hết tác giả xem xét vấn đề là làm thế nào để bằng những hạn chế có thể thoát khỏi những mặt tồi tệ của *sự cạnh tranh tự do*, tuy nhiên tuyệt đối không hoàn toàn xóa bỏ sự cạnh tranh đó. Trong vấn đề này ông đi tới những kết luận như sau:

"Luật pháp phải ngăn cấn không để cho các thanh niên không có một nghệ thuật đầy đủ và một sự trưởng thành cần thiết được trở thành thợ cả" (tr.20).

"Mỗi người thợ cả chỉ có thể nhận một học trò" (tr.29).

"Muốn học một nghề thủ công cũng cần phải qua kỳ thi" (tr.30).

"Trong kỳ thi nhất thiết phải có mặt người thợ cả mà người dự thi sẽ học người đó" (tr.31).



"Để bảo đảm có sự trưởng thành cần thiết chúng tôi đòi hỏi pháp luật làm thế nào để từ nay ai chưa tròn 25 tuổi thì chưa thể trở thành thợ cả" (tr.42).

"Để bảo đảm có một nghệ thuật đầy đủ chúng tôi yêu cầu làm thế nào để từ nay mỗi người bắt đầu làm thợ cả đều phải thi và hơn nữa qua kỳ thi công khai" (tr.43). "Về mặt này điều cực kỳ quan trọng là kỳ thi này không phải trả tiền" (tr.44). "Tất cả các thợ cả thuộc ngành nghề đó đang sinh sống ở nông thôn cũng đều phải qua các kỳ thi như vậy" (tr.55).

Ông bạn Gốt-phrít bản thân đi bán rao chính trị, lại mong muốn xóa bỏ "việc bán rong hoặc bán rao" các hàng hóa khác của thế giới, xem đó là sự buôn bán không thật thà (tr.60).

"Người sản xuất ra hàng thủ công mong muốn bằng công việc làm của mình thu được của cải có lợi cho bản thân mình và gây tổn thất cho những chủ nợ bị lừa dối của họ. Những hành động như vậy cũng như tất cả những chuyện lập lờ, đều được biểu thị bằng cái tên nước ngoài: người ta gọi chúng là *sự phá sản*. Muốn làm được điều đó anh ta nhanh chóng tung các thành phẩm của mình sang các vùng lân cận và đem bán ngay lập tức các thành phẩm đó cho những ai chấp nhận giá cao nhất" (tr. 64). Cần phải xóa bỏ những cách bán hàng như vậy - "thực ra là một thứ rác rưởi mà ông láng giềng đáng yêu của chúng ta, tầng lớp thương nhân, đổ vào mảnh vườn của những người thợ thủ công". (Nhổ tận gốc điều ác và xóa bỏ ngay lập tức chính sự phá sản, ông bạn Gốt-phrít, phải chăng đó không phải là việc làm quá ư đơn giản?).

"Đối với các hội chợ, dĩ nhiên, lại là việc khác" (tr.65). "Trong những hoàn cảnh đó luật pháp phải trao cho từng địa phương được quyền quyết định bằng đa số phiếu (!) trong cuộc họp của toàn thể công dân được triệu tập để làm việc đó, và được duy trì hay bãi bỏ các hội chợ thường kỳ" (tr.68).

Sau đó, Gốt-phrít chuyển sang "vấn đề tranh cãi" phức tạp về mối quan hệ giữa nghề thủ công và lao động cơ khí, và trong vấn đề này ông đưa ra những luận điểm sau đây:

"Hãy để cho mỗi người đem bán các thành phẩm, giữ lại *chỉ những hàng hóa nào mà người đó có thể sản xuất được bằng bàn tay của mình*" (tr.80). "Vì rằng máy móc và nghề thủ công tách rời nhau, nên cả hai đều suy tàn và lạc lối" (tr. 84).

Ông muốn máy móc và nghề thủ công hợp nhất lại bằng cách làm cho những người thợ thủ công - chẳng hạn thợ đóng sách của thành phố đó - thành lập hiệp hội và cùng nắm giữ máy móc.

"Và cũng vì họ sẽ sử dụng máy móc chỉ cho bản thân và chỉ để thực hiện các đơn đặt hàng nên họ có thể sản xuất ra với giá rẻ hơn thương nhân là chủ nhà máy" (tr.85). "Có thể dùng hiệp hội để đánh đổ tư bản" (tr. 84) (nhưng cũng có thể dùng tư bản để phá vỡ hiệp hội).

Những người thợ đóng sách có bằng tốt nghiệp được hợp nhất lại của thành phố Bon "mua máy móc để kẻ dòng, phân đều quãng cách và cắt xén bìa cứng" (tr.85), tư tưởng ấy sau này ông khái quát thành tư tưởng "phòng cơ khí".

"Liên minh những người thợ cả của các phường hội hợp nhất lại thuộc một nghề tương ứng phải tổ chức ở khắp mọi nơi các xí nghiệp như kiểu công xưởng của các thương nhân nhỏ nhằm làm cho các xí nghiệp đó thực hiện được một cách đặc biệt các đơn đặt hàng của những người thợ cả của địa phương đó và không nhận một đơn đặt hàng nào của những người giao việc khác" (tr.86). Phòng cơ khí đó có nét nổi bật là "kinh doanh theo kiểu thương mại là cần thiết" chỉ "vào lúc đầu" (cùng trang này). Gốt-phrít "say sưa" với tư tưởng đó, thốt lên: "Bất kỳ tư tưởng nào, dù mới đến mấy cũng như giả thiết, trước khi được thực hiện đều phải được nghiền ngẫm một cách thực tế và hết sức bình tĩnh, tới tận những chi tiết nhỏ nhất". Ông kêu gọi "từng nghề thủ công phải suy nghĩ như vậy đối với riêng bản thân mình" (tr. 87, 88).

Cũng ở đây đã gây ra cuộc bút chiến chống lại sự cạnh tranh của nhà nước - nhà nước này sử dụng lao động của tù nhân, chống lại hồi ức mơ hồ về một xứ sở những kẻ tội phạm ("xây dựng Xi-bia của con người", tr.102), và cả những lời công kích chống lại "cái gọi là những đội quân thợ thủ công và cả tiểu ban thợ thủ công" trong ngành quân sự. Đương nhiên, nên làm nhẹ gánh nặng chiến tranh đang đè lên tầng lớp thợ thủ công, muốn như vậy điều cần thiết là nhà nước đặt hàng cho thợ thủ công với giá cao hơn so với giá thành các sản phẩm mà bản thân nhà nước có thể tự sản xuất được.

"Như vậy, vấn đề cạnh tranh không còn có ý nghĩa nữa" (tr. 109).

Luận điểm cơ bản thứ hai mà Gốt-phrít sau đó nói tới, đó là sự giúp đỡ về vật chất mà nhà nước phải dành cho tầng lớp thợ thủ công. Gốt-phrít, khi xem xét nhà nước đặc biệt dưới góc độ của một quan chức, đã giữ ý kiến cho rằng dễ dàng nhất là giúp thợ thủ công bằng cách lấy tiền trong ngân khố quốc gia để cho họ vay nhằm tổ chức các phòng thợ thủ công, các quỹ tương trợ v.v.. Ngân khố quốc gia phải lấy ở đâu ra những khoản tiền đó, dĩ nhiên ở đây không xem xét tới vấn đề này, vì đây chính là mặt *"không tốt đẹp"* của vấn đề.



Rút cuộc nhà thần học của chúng ta tất nhiên không thể không một lần nữa rơi vào vai trò nhà truyền bá đạo đức và đọc cho tầng lớp thợ thủ công nghe bài giảng mang tính giáo huấn nói rõ, họ có thể tự cứu mình bằng cách nào. Lúc đầu nói về "những đơn khiếu nại về các công trái dài hạn và các khoản khấu trừ" (tr.136), hơn nữa còn yêu cầu người thợ thủ công phải trả lời thành thật câu hỏi như sau: "Anh bạn ơi, liệu anh có thể giữ được mức tiền công giống nhau và không thay đổi cho từng việc mà bạn đã làm không?" (tr.132). Về trường hợp này người thợ thủ công đã được cảnh cáo đặc biệt để không qui định giá cả quá cao đối với "những người Anh giàu có". "Cội rễ của toàn bộ tai họa",- Gốt-phrít giải quyết tài tình vấn đề nan giải đó, - "là ở các tính toán hàng năm" (tr.139). Tiếp sau đó là những lời than phiền về việc vợ những người thợ thủ công thích có quần áo và bản thân thợ thủ công luôn lui tới các quán bia (tr. 140 và tiếp theo).

Ngay các phương tiện mà tầng lớp thợ thủ công sử dụng để có thể tự cải thiện hoàn cảnh của mình, như: "các phường hội, các quỹ chữa bệnh, tòa án trọng tài của thợ thủ công" (tr.146), và cuối cùng là những hội giáo dục công nhân (tr.153). Về từ ngữ các hội giáo dục công nhân có đoạn viết như sau :

"Cuối cùng, tiếng hát kết hợp với lời nói hoa mỹ sẽ bắc chiếc cầu dẫn tới *biểu diễn kịch* và tới *nhà hát của những thợ thủ công*, cần phải thường xuyên nghĩ tới chiếc cầu đó, coi đó là mục tiêu cuối cùng của những khát vọng thẩm mỹ đó. Chỉ khi nào các giai cấp lao động lại được học tập biểu diễn trên *sân khấu*, lúc đó mới thực hiện được việc giáo dục nghệ thuật cho họ" (tr.174, 175).

Như vậy, Gốt-phrít đã biến một cách thuận lợi người thợ thủ công thành người diễn viên hài kịch và do đó lại qui vấn đề vào chính bản thân nó.

Tuy vậy, tất cả sự ve vãn các thợ thủ công ở Bon về những khát vọng phường hội đã có kết quả thực tế của nó. Sau khi thề thốt hứa hẹn giúp đỡ phục hồi các phường hội, ông bạn Gốt-phrít đã đạt tới chỗ được thành phố Bon bầu làm đại biểu nghị viện thứ hai mới được phép thành lập[141]. "Từ giây phút đó Gốt-phrít cảm thấy mình" có hạnh phúc.

Ông vội vàng lên đường đi Béc-lin và vì ông cho rằng chính phủ có ý định thành lập "phường hội" thường trực của các nhà lập pháp có văn bằng mà nghị viện thứ hai là người đại diện, nên ông thường trú tại đấy sau khi quyết định viết thư báo cho vợ và con đến chỗ mình. Song người ta giải thể nghị viện thứ hai và, sau những khoái cảm ngắn ngủi về nghị viện đó, Gốt-phrít lại quay về Mốc-ken với tâm trạng buồn chán.

Sau đó chẳng bao lâu thì giữa các chính phủ và Quốc hội Phran-phuốc bùng nổ cuộc xung đột và tiếp đó bắt đầu phong trào ở miền Nam nước Đức và vùng sông Ranh. Tổ quốc kêu gọi - và Gốt-phrít đi theo tiếng gọi đó. Ở Đích-buốc có kho quân khí của quân dự bị - và Đích-buốc cũng là nơi giống như ở Bon, Gốt-phrít đã thường gieo những hạt giống tự do. Vì vậy, ông liên kết với một người bạn, trung úy An-nê-ke đã về hưu, kêu gọi tất cả các môn đệ của mình hành quân tới Đích-buốc. Địa điểm tập trung là chiếc cầu bắc qua đó. Trên một trăm người phải có mặt. Nhưng sau một thời gian dài chờ đợi, Gốt-phrít kiểm điểm lại các bạn trẻ của mình, cả thảy có khoảng 30 người, và trong số đó - thật là nhục nhã không bao giờ rửa sạch đối với "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" - vẻn vẹn chỉ có ba sinh viên! Tuy vậy, Gốt-phrít vẫn cùng nhóm người ít ỏi của mình dũng cảm vượt qua sông Ranh và tiến thẳng về Đích-buốc. Đêm tối trời và có mưa. Bỗng nhiên, phía sau những người dũng cảm vang lên tiếng vó ngựa. Những người dũng cảm nấp vào bên đường, một đội kỵ binh tuần tra vượt qua trước mắt họ. Bọn vô lại đáng thương đã làm lộ bí mật: chính quyền được báo trước, cuộc hành quân không đạt kết quả, - buộc phải quay trở lại. Nỗi khổ khiến cho Gốt-phrít phải nghẹt thở đêm hôm đó. Chỉ có thể so sánh với sự đau đớn mà ông cảm thấy khi Cơ-náp và cả Sa-mít-xô đã từ chối không cho ông được bày tỏ lần đầu tâm tình bằng thi ca trong các hợp tuyển thơ của mình.

Sau khi mọi việc xảy ra, đối với ông việc ở lại Bon không còn ý nghĩa gì nữa. Nhưng phải chăng - Pphan-xơ đối với ông không còn là địa bàn hoạt động rộng rãi nữa ? Ông lên đường đi



Khai-dơ-xlao-tơn, và bởi vì phải phong ngay cho ông ta một chức tước nào đó nên người ta đã trao cho ông chức vụ nhân hạ nhưng được trả lương hậu tại một quân khu (nghe nói, người ta giao cho ông việc quản lý công việc hải quân [142]). Ông đã kiếm được miếng ăn bằng cách theo thói quen bán rong tự do và tài sản của nhân dân trong các nông dân thuộc quân khu, hơn nữa theo tin đồn, ở một số vùng phản động thì việc làm đó kết thúc không phải hoàn toàn thuận lợi đối với ông. Mặc dầu gặp phải những nghịch cảnh nhỏ, vẫn có thể thấy Kin-ken đang bước hùng dũng trên những con đường lớn với chiếc ba lô đi đường đeo sau vai, và từ giờ phút đó tất cả các tờ báo đều miêu tả ông ta với vật mang theo người không thay đổi đó.

Thế nhưng phong trào ở Pphan-xơ kết thúc nhanh chóng và chúng tôi lại gặp Kin-ken ở Các-lơ-xru-ê, thêm vào đó trên vai ông ta đeo khẩu súng trường thay cho chiếc ba lô đi đường, khẩu súng ấy từ lúc này trở thành dấu hiệu nổi bật thường xuyên của ông. Như người ta kể lại, khẩu súng trường của ông có mặt đặc biệt *đẹp*, đó là báng súng làm bằng gỗ sắc đỏ. Trong bất kỳ trường hợp nào, đó là khẩu súng có tính thẩm mỹ và nghệ thuật. Tuy nhiên, nó có mặt *không đẹp* là ông bạn Gốt-phrít không biết nạp dạn, cũng không biết ngắm, không biết bắn, không biết vác súng đi đều. Vì vậy, một trong những người bạn hỏi ông: vậy thì tại sao *ông* lại khao khát xông vào chiến đấu - Gốt-phrít phản đối câu hỏi đó như sau: "Còn biết làm thế nào bây giờ, tôi không thể trở về Bon, - tôi vẫn cần phải sống!".

Vậy là Gốt-phrít gia nhập đội ngũ các chiến binh, vào đội quân của Vi-lích hiệp sĩ. Từ đó, như nhiều người bạn chiến đấu của Gốt-phrít cố gắng làm cho chúng tôi tin, ông chia sẻ mọi sự ngang trái của số phận mà đội quân đó phải chịu, xử sự khiêm tốn như một người lính tình nguyện bình thường, vui tươi và ân cần trong những lúc thuận lợi cũng như những khi gặp khó khăn, tuy nhiên phần lớn thời gian thường giải trí trên chiếc xe ngựa dành cho người về hưu. Trong pháo đài Ra-stát [143] con người chiến đấu thực

sự cho sự thật và chính nghĩa đó đã phải trải qua sự thử thách mà sau đó ông vượt qua - trước sự ngạc nhiên của toàn thể nhân dân Đức - như một con người xả thân vì nghĩa lớn và không hề bị hoen ố. Tới lúc này không xác định được chính xác các chi tiết của sự kiện này - người ta chỉ tin rằng nhóm quân tình nguyện trong lúc bắn trả lẫn nhau đã lạc đường, có một số phát dạn bắn tạt sườn vào nhóm đó, trong lúc đó một viên đạn lạc chạm nhẹ vào đầu Gốt-phrít, ông ta ngã xuống và kêu to: "Tôi chết mất!". Mặc dầu ông không bị sát hại nhưng không thể rút lui cùng những người sống sót, người ta đưa ông vào một túp nhà của nông dân, tại đây ông nói với những người dân chất phác của Svác-xvan-đơ: "Hãy cứu tôi với - tôi là Kin-ken nổi tiếng!". Câu chuyện kết thúc bằng việc những người Phổ đã bắt được ông ở đây và đưa ông tới trại tù binh của Ba-bi-lon.



## III

Từ thời gian bị cầm tù, trong cuộc sống của Kin-ken bắt đầu một thời kỳ mới, thời kỳ này đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển của giai cấp tiểu tư sản Đức. Đúng lúc trong "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" biết được Kin-ken bị bắt làm tù binh, "Liên minh" liền gửi thư tới tất cả các báo của nước Đức nói rằng nhà thơ vĩ đại Kin-ken đang có nguy cơ bị tòa án đã chiến xử bắn; rằng nhân dân Đức, đặc biệt là những tầng lớp nhân dân có học thức, nhất là những đàn bà và con gái, phải dốc hết sức mình để cứu tính mạng cho nhà thơ bị cầm tù . Mọi người đều tin, trong thời gian đó chính ông đã sáng tác một bài thơ, trong đó ông so sánh mình với "người bạn và người thầy của mình là đức Chúa Ky-tô" và nói về bản thân mình: máu của tôi đã chảy vì các bạn. Từ lúc đó *cây đàn lia* trở thành vật tượng trưng cho ông. Như vậy là nước Đức bỗng nhiên biết được rằng Kin-ken là nhà thơ, một nhà thơ vĩ đại, và cũng từ giây phút đó tất cả quần chúng thuộc giai cấp tiểu tư sản Đức và những kẻ bạc nhược theo chủ nghĩa duy mỹ một thời gian đã tham dự tấn hài kịch về bông hoa màu xanh da trời do Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen của chúng ta biểu diễn.

Một thời gian bọn Phổ chuyển ông cho tòa án binh. Như vậy là ông được dịp, lần đầu sau một thời gian gián đoạn kéo dài, ông lại hướng về các tuyến nước mắt của các thính giả của mình kêu gọi một cách xúc động như ông đã từng làm, khá kết quả theo sự chứng thực của Mốc-ken, khi ông còn là người giúp việc mục sư ở Khuên, thêm vào đó Khuên một lần nữa được coi là nơi lại được thưởng thức những thành tựu xuất sắc nhất của ông trong

lĩnh vực này. Ông đã đọc trước tòa án bình một bài để bào chữa, sau này, do sự thiếu khiêm tốn của một trong những người bạn của ông, bài phát biểu đó, than ôi, lại được tờ "Abend-post" ở Béc-lin công bố trước đông đảo công chúng. Trong bài phát biểu đó Kin-ken "phản đối"

"Việc đồng nhất những hành động của tôi với sự bần thỉu và cặn bã mà theo tôi biết, đáng tiếc là cuối cùng đã gần với cách mạng" [1*].

Sau bài phát biểu cách mạng tột độ đó, Kin-ken bị kết án 20 năm tù giam trong pháo đài, tuy nhiên pháo đài đó được thay thế một cách độ lượng bằng trại cải tạo. Ông được chuyển sang Nao-gác[1*], tại đây như người ta nói, ông bị bắt buộc phải xe sợi len - chính vì thế mà từ nay cái tượng trưng cho ông là *cái xa kéo sợi* thay thế cho cái ba lô đi đường, sau đó là khẩu súng trường, cây đàn lia. Sau này chúng ta sẽ thấy, ông ta với cái tượng trưng mới - cái túi tiền, vượt đại dương như thế nào.

Trong khi đó thì ở Đức xảy ra một sự biến khác thường. Một người tiểu thị dân Đức mà, ai cũng biết, về thực chất là con người có tâm hồn đẹp, bị thất vọng nặng nề vì những ảo tưởng hết sức ngọt ngào của ông phải phịu những đòn nặng nề của năm 1849. Trong những hy vọng của ông, không một hy vọng nào được thực hiện, mà thậm chí trong trái tim sôi nổi của chàng thanh niên phát sinh những ngờ vực đối với vận mệnh của Tổ quốc. Nỗi buồn chán dã xâm chiếm mọi trái tim và đâu đâu người ta cũng thèm khát một đức Chúa Ky-tô dân chủ, một người biết xả thân có thực hay tưởng tượng, con người đó với vẻ dịu hiền của kẻ hy sinh, cảm thấy đau buồn về các tội lỗi của thế giới tiểu tư sản, và những khổ đau của họ thể hiện sâu sắc nỗi buồn chán mềm yếu kinh niên của tất cả những kẻ phi-li-xtanh. "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" do Mốc-ken cầm đầu, bắt tay vào việc thỏa mãn nhu cầu dã chín muồi ở khắp mọi nơi đó. Và quả thật, ai có thể là người xứng đáng hơn để biểu diễn vở hài kịch vĩ đại đầy

1* Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Nô-vơ-gác



xúc động đó ngoài anh chàng Kin-ken đa cảm đa sầu đấm đuối với chiếc xa kéo sợi của ông, ngoài cái nguồn nước mắt và những xúc động mãnh liệt không bao giờ cạn đó đã kết hợp lại trong một con người nhà truyền giáo, vị giáo sư mỹ học, vị nghị sĩ, kẻ bán rong chính trị, kẻ vác súng trường, nhà thơ mới xuất hiện và người giám đốc già của nhà hát? Kin-ken là anh hùng của thời đại và vì vậy ông được thế giới của bọn phi-li-xtanh Đức thu nhận ngay. Tất cả các tờ báo đều đầy rẫy những chuyện cười, những lời nhận xét, những bài thơ, những hồi ký mơ hồ của nhà thơ bị cầm tù. Những khổ đau của ông trong nhà tù được miêu tả dưới dạng thần kỳ, cường điệu quá mức; các tờ báo ít ra mỗi tháng một lần thông báo rằng đầu của ông đã nhuốm bạc; ở tất cả các câu lạc bộ của thành phố và trong tất cả các buổi dạ hội mọi người đều buồn rầu nhắc tới ông. Các cô gái thuộc các tầng lớp có học thức thì say mê thơ của ông, còn những cô gái quá thì trong các thành phố của đất nước sau khi nhận ra sự giày vò của dục vọng đã khóc than sức mạnh nam nhi đang tàn lụi của ông. Tất cả những nạn nhân bình thường khác của phong trào bị bắn, bị hy sinh, bị cầm tù, đã biến đi trước con người duy nhất đã hy sinh, trước một bậc nam nhi đã chinh phục được trái tim của những kẻ phi-li-xtanh nam và nữ, mà những dòng nước mắt đã chảy chỉ vì ông ta, và lại một mình ông ta có thể đáp lại thích đáng những dòng nước mắt đó. Nói tóm lại, đó là *thời kỳ Dích-vát-tơ dân chủ* thực sự, không thua kém chút nào thời kỳ Dích-vát-tơ trong văn học của thế kỷ qua, và Dích-vát-tơ - Kin-ken chưa bao giờ cảm thấy dễ chịu như khi sắm vai này, trong đó dường như ông vĩ đại không phải ở những gì ông đã làm, mà ở những gì ông không làm, vĩ đại không phải bằng sức mạnh và sự kháng cự, mà bằng sự yếu đuối và sự khuất phục nhu nhược, và trong vai đó nhiệm vụ duy nhất của ông là chịu đựng mà vẫn giữ được phẩm giá và tình cảm. Còn bà Mốc-ken từng trải đã biết rút ra từ sự mềm yếu đó của công chúng cái lợi thực tế và nhanh chóng triển khai tới mức cao nhất hoạt động kinh doanh mạnh mẽ. Bà gợi ý

cho xuất bản lại tất cả những tác phẩm đã in và chưa in của Gốt-phrít, những tác phẩm này bỗng chốc có giá trị và hợp thời, và bà đã quảng cáo rộng rãi những tác phẩm đó trong công chúng. Bà đã lợi dụng cơ hội để thu xếp cả những cuộc thí nghiệm riêng của mình trong thế giới côn trùng như "Lịch sử con đom đóm" chẳng hạn. Để có khoản tiền lớn bà cho phép "con bọ dừa tháng Năm" Stơ-rốt-man đưa những điều tiết lộ tâm tình nhất rút ra từ cuốn nhật ký của Gốt-phrít để phục vụ cho nhu cầu của công chúng. Bà tổ chức mọi loại quyên góp và tỏ ra có sự khéo léo rõ rệt trong kinh doanh và rất kiên nhẫn, bà đã biết biến những tình cảm dịu dàng của giới có học thức thành những đồng ta-le cứng. Vả lại trong việc làm này bà còn thấy thỏa mãn vì có thể

"hàng ngày được gặp trong căn phòng nhỏ của mình những con người vĩ đại nhất của nước Đức như A-đôn-phơ Sta-rơ chẳng hạn".

Thế nhưng trong các phiên tòa bồi thẩm ở Khuên mà mùa xuân năm 1850 Gốt-phrít đã biểu diễn ở đó chứng điên rồ kiểu Dích-vát-tơ đó đã lên tột đỉnh. Ở đây đã tổ chức việc tố tụng về mưu toan tấn công Dích-buốc, và người ta chuyển Kin-ken tới Khuên. Vì trong tiểu phẩm này các đoạn trích từ các nhật ký của Gốt-phrít có vai trò thật khá lớn, nên nếu như chúng tôi dẫn ra ở đây đoạn trích từ nhật ký của một trong những người đã chứng kiến thì cũng hoàn toàn đúng chỗ.

"Bà vợ Kin-ken tới thăm ông ta trong nhà tù. Bà chào ông bằng những câu thơ lọt qua song sắt: nếu như tôi không lầm thì ông đã đáp lại bằng bài thơ sáu âm tiết. Sau đó cả hai đều quỳ xuống trước mặt nhau và tên cai ngục, một tên chánh quản giá, đứng ngay tại đấy, không thể hiểu nổi là hắn đang đương đầu với những kẻ mất trí hay những diễn viên hài kịch. Về sau, trả lời câu hỏi của viên chánh công tố; khi gặp nhau họ nói những gì, tên cai ngục nói rõ rằng mặc dầu họ cũng nói tiếng Đức nhưng hắn không hiểu được một tiếng nào. Về việc đó bà Kin-ken dường như nhận xét rằng, một con người hoàn toàn không có tri thức về văn học và nghệ thuật thì không nên bổ nhiệm làm cai ngục".

Trước các bồi thẩm Kin-ken đặc biệt đóng vai nguồn nước mắt hoặc là nhà văn học thời kỳ Dích-vát-tơ của thời đại "Sự đau khổ của chàng Véc-te trẻ tuổi"[145].



"Các ngài quan tòa, các ngài bồi thẩm... những con mắt - hoa lưu ly của những con trẻ của tôi... những dòng nước xanh của sông Ranh..., không có gì nhục nhã khi bắt tay giai cấp vô sản... những câu nói nhạt nhẽo của người bị tù... hầu không khí tươi vui ở những nơi thân thuộc" và những câu nhảm nhí khác - đó là toàn bộ bãi nói lừng danh mà cả công chúng, cả bồi thẩm, cả công tố, thậm chí cả bọn cảnh sát đều phải nhỏ những giọt nước mắt đắng cay, còn phiên tòa thì kết thúc bằng việc nhất trí tha bổng với những tiếng thở phào và rên rỉ của mọi người. Kin-ken đi nhiên là con người tốt, đáng yêu, nhưng ngài ông còn là một sự pha trộn nhuần nhuyễn những hồi ức mơ hồ về tôn giáo, chính trị và văn học".

Có lẽ, tác giả của những dòng chữ này không chịu được nữa.

May mắn thay, thời kỳ đau thương đó đã kết thúc rất nhanh bằng việc giải thoát có tính chất lãng mạn Kin-ken khỏi nhà tù Span-đâu. Việc giải thoát này đã nhắc lại câu chuyện của Ri-sốt Tim sư tử và Blông-đen [146], riêng trong trường hợp này thì Blông-đen ngồi trong nhà tù, còn Tim sư tử thì chơi đàn hộp trong cung điện, và hơn nữa Blông-đen là một thi sĩ quèn quá tầm thường, còn Tim sư tử thực chất cũng nhát như thỏ. Anh chàng sinh viên Suốc-xơ trong "Liên minh những con bọ dừa tháng Năm" là Tim sư tử một con người quỷ quyệt được phú cho cái tính rất hiếu danh và kém tài năng, tuy vậy cũng đủ để tạo cho mình một quan niệm rõ ràng về "La-mác-tin của Đức". Chẳng bao lâu sau khi có câu chuyện giải thoát đó, anh sinh viên Suốc-xơ tuyên bố tại Pa-ri rằng Kin-ken mà anh ta sử dụng, như anh ta biết khá rõ, dĩ nhiên không phải là lumen mundi [1*], trong khi đó thì chính anh ta, Suốc-xơ chứ không phải ai khác, được giao sứ mệnh làm tổng thống tương lai của nước Cộng hòa Đức. Con người nhỏ bé đó, một trong những sinh viên "mặc những thiếc áo đuôi tôm màu nâu và áo khoác màu xanh da trời" mà trước kia "cặp mắt ánh lên những tia lửa u buồn của Gốt-phrít" cũng đã từng theo dõi, đã giải thoát được Kin-ken, thật ra, là đem tên cai ngục đáng thương làm vật hy sinh, lúc này tên cai ngục đó hết hạn tù và có ý thức cao cả rằng y là kẻ đã xả thân vì tự do... của Gốt-phrít Kin-ken!

1* - ánh sáng của thế giới

## IV

Ở *Luân Đôn* chúng ta gặp lại Kin-ken, và nay dựa vào cái vinh quang của ông trong nhà tù và cái thối mau nước mắt của anh chàng tiểu tư sản Đức nên ông có tư cách là con người vĩ đại nhất của nước Đức. Vì nhận thức được sứ mệnh cao cả của mình nên ông bạn Gốt-phrít biết sử dụng mọi cái lợi của thời cơ. Sự giải thoát có tính chất lãng mạn tạo ra cái đà mới để Kin-ken phấn khởi sống ở quê hương - một sự phấn khởi được hướng một cách thật khéo léo theo con đường cần thiết, không bỏ qua việc mang lại những kết quả vật chất. Đồng thời, thành phố tuyệt vời đã mở ra cho vị anh hùng vinh quang môi trường mới rộng lớn để lại giành được chiến thắng. Ông thấy rõ là ông phải trở thành người anh hùng của từng thời kỳ. Vì theo đuổi mục đích đó có lúc ông từ bỏ bất kỳ hoạt động chính trị nào và khóa cửa nhà lại, trước hết ông lo sao cho lại nuôi được bộ râu vì không có nó thì không một nhà tiên tri nào có thể hài lòng được. Sau đó, ông thường lui tới nhà Đích-ken-xơ, các tòa soạn các tờ báo tự do của Anh, tới các nhà buôn người Đức của Xi-ti, chủ yếu là những người Do Thái bản xứ theo thuyết duy mỹ. Ông là lý tưởng đối với mọi người: đối với người này - là nhà thơ, đối với người thứ hai - là nhà yêu nước nói chung, đối với người thứ ba - là giáo sư mỹ học, đối với người thứ tư - là đức Chúa Ky-tô, đối với người thứ năm- là Ô-đi-xê uy nghiêm, chịu nhiều đau khổ, nhưng đối với mọi người ông đều là Gốt-phrít dễ tính, mang tính chất nghệ sĩ, có thiện ý và nhân đạo. Khi Đích-ken-xơ chưa ca ngợi ông trên tờ "Household Words" và khi trên báo "Illustrated News"[147] chưa đăng chân dung của ông, thì ông chưa an tâm. Ông thức tỉnh một số ít người Đức ở Luân Đôn, những người này làm cho Kin-ken cảm



thấy khó chịu tại nơi đất khách quê người, dường như để được mời đọc bài giảng về kịch hiện đại, hơn nữa giấy mời đi nghe các bài giảng đó được phân phát từng tập nguyên vẹn tới tận nhà cho các nhà buôn người Đức. Ông không hề coi thường những kẻ chạy loăng quăng, những lời quảng cáo rùm beng, thói bịp bợm, những sự ám ảnh quấy rầy, thói luồn cúi trước công chúng đó. Tuy nhiên, kết quả đạt được trọn vẹn. Gốt-phrít tự dấc tận hưởng vinh quang riêng, ngắm hình mình trong tấm gương lớn ở Lâu đài pha lê[148] và cảm thấy, có thể nói, dễ chịu khác thường.

Các bài giảng của ông được thừa nhận (xem "Vũ trụ"[149]).

*"Vũ trụ". Các bài giảng của Kin-ken".*

"Có một lần tôi xem những bức tranh mờ ảo của Đô-ble, trong đầu tôi nảy ra ý nghĩ kỳ lạ- dựa vào "từ ngữ" lẽ nào có thể tạo ra những tác phẩm lộn xộn như vậy, liệu có thể nói về những bức tranh mờ ảo không? Thực ra, không thoải mái gì khi mà ngay từ những lời đầu tiên nhà phê bình đã phải thừa nhận rằng, trong trường hợp như vậy sự tự do phê phán rung động trên những dây thần kinh dẫn điện gây nên phản ứng xúc động, giống như âm thanh đang lặng dần của một nốt nhạc lắng đi trên những cây đàn rung nhẹ. Vì vậy, tôi thấy từ bỏ sự phân tích cẩu kỳ, buồn tẻ về sự thờ ơ đối với khoa học còn tốt hơn là từ bỏ ấn tượng mà thi tứ đầm đuối của người lưu vong Đức đã sản sinh ra trong cái trò chơi tư tưởng về *tính dư cảm* của tôi. "Từ ngữ" ngân vang, sáng tạo, có tính chất xây dựng, được hình thành từng bước - *"tư tưởng hiện đại"*, tạo nên cái âm điệu cơ bản này của các bức ảnh Kin-ken, cái phản ứng này về các hợp âm của nó. Sức mạnh của con người *"phản xét"* tư tưởng đó đã rút ra chân lý từ sự hỗn loạn của các truyền thống đối trá và coi nó là tài sản chung bất khả xâm phạm nhờ sự bảo vệ của số ít người phát triển về mặt trí tuệ và suy nghĩ một cách lô-gích, những người này đưa chân lý đó từ tình trạng đổi nát tín ngưỡng lên trình độ khoa học không tín ngưỡng. Xuyên tạc chủ nghĩa thần bí lừa dối người ngoan đạo, làm sụp đổ sức mạnh vạn năng của truyền thống đã trở thành định kiến, dựa vào chủ nghĩa hoài nghi- cái máy chém triết học đang làm việc không mệt mỏi- để thủ tiêu đầu não của những quyền uy, và bằng con đường cách mạng lôi kéo nhân dân ra khỏi sương mù của thần quyền để bước lên cánh đồng dân chủ đang nở hoa, - đó là sự không tín ngưỡng có khoa học" (những điều vô lý). "Việc nghiên cứu nhiệt tình và bền bỉ hơn nữa sử của loài người cũng như của chính bản thân con người là nhiệm vụ vĩ đại nhất của tất cả những người tham gia cuộc chính biến và nhà thơ bạo động bị trục xuất đã trong suốt ba ngày thứ hai vừa qua, chiếu nào cũng phát triển "dissolving views" [1*] của mình trước công chúng tư sản đồng thời vẽ nên lịch sử của nhà hát hiện đại, đã nhận thức rõ điều đó".

"Công nhân"

1* - "các quan điểm phá hoại"

## IV

Ở *Luân Đôn* chúng ta gặp lại Kin-ken, và nay dựa vào cái vinh quang của ông trong nhà tù và cái thói mau nước mắt của anh chàng tiểu tư sản Đức nên ông có tư cách là con người vĩ đại nhất của nước Đức. Vì nhận thức được sứ mệnh cao cả của mình nên ông bạn Gốt-phrít biết sử dụng mọi cái lợi của thời cơ. Sự giải thoát có tính chất lãng mạn tạo ra cái đà mới để Kin-ken phấn khởi sống ở quê hương - một sự phấn khởi được hướng một cách thật khéo léo theo con đường cần thiết, không bỏ qua việc mang lại những kết quả vật chất. Đồng thời, thành phố tuyệt vời đã mở ra cho vị anh hùng vinh quang môi trường mới rộng lớn để lại giành được chiến thắng. Ông thấy rõ là ông phải trở thành người anh hùng của từng thời kỳ. Vì theo đuổi mục đích đó có lúc ông từ bỏ bất kỳ hoạt động chính trị nào và khóa cửa nhà lại, trước hết ông lo sao cho lại nuôi được bộ râu vì không có nó thì không một nhà tiên tri nào có thể hài lòng được. Sau đó, ông thường lui tới nhà Đích-ken-xơ, các tòa soạn các tờ báo tự do của Anh, tới các nhà buôn người Đức của Xi-ti, chủ yếu là những người Do Thái bản xứ theo thuyết duy mỹ. Ông là lý tưởng đối với mọi người: đối với người này - là nhà thơ, đối với người thứ hai - là nhà yêu nước nói chung, đối với người thứ ba - là giáo sư mỹ học, đối với người thứ tư - là đức Chúa Ky-tô, đối với người thứ năm- là Ô-đi-xê uy nghiêm, chịu nhiều đau khổ, nhưng đối với mọi người ông đều là Gốt-phrít dễ tính, mang tính chất nghệ sĩ, có thiện ý và nhân đạo. Khi Đích-ken-xơ chưa ca ngợi ông trên tờ "Household Words" và khi trên báo "Illustrated News"[147] chưa đăng chân dung của ông, thì ông chưa an tâm. Ông thức tỉnh một số ít người Đức ở Luân Đôn, những người này làm cho Kin-ken cảm



thấy khó chịu tại nơi đất khách quê người, dường như để được mời đọc bài giảng về kịch hiện đại, hơn nữa giấy mời đi nghe các bài giảng đó được phân phát từng tập nguyên vẹn tới tận nhà cho các nhà buôn người Đức. Ông không hề coi thường những kẻ chạy loăng quăng, những lời quảng cáo rùm beng, thói bịp bợm, những sự ám ảnh quấy rầy, thói luồn cúi trước công chúng đó. Tuy nhiên, kết quả đạt được trọn vẹn. Gốt-phrít tự đắc tận hưởng vinh quang riêng, ngắm hình mình trong tấm gương lớn ở Lâu đài pha lê[148] và cảm thấy, có thể nói, dễ chịu khác thường.

Các bài giảng của ông được thừa nhận (xem "Vũ trụ"[149]).

*"Vũ trụ". Các bài giảng của Kin-ken".*

"Có một lần tôi xem những bức tranh mờ ảo của Đô-ble, trong đầu tôi nảy ra ý nghĩ kỳ lạ- dựa vào "từ ngữ" lẽ nào có thể tạo ra những tác phẩm lộn xộn như vậy, liệu có thể nói về những bức tranh mờ ảo không? Thực ra, không thoải mái gì khi mà ngay từ những lời đầu tiên nhà phê bình đã phải thừa nhận rằng, trong trường hợp như vậy sự tự do phê phán rung động trên những dây thần kinh dẫn điện gây nên phản ứng xúc động, giống như âm thanh dang lặng dần của một nốt nhạc lắng đi trên những cây đàn rung nhẹ. Vì vậy, tôi thấy từ bỏ sự phân tích cầu kỳ, buồn tẻ về sự thờ ơ đối với khoa học còn tốt hơn là từ bỏ ấn tượng mà thủ tư dồn dưới của người lưu vong Đức đã sản sinh ra trong cái trò chơi tư tưởng về tính *đa cảm* của tôi. "Từ ngữ" ngân vang, sáng tạo, có tính chất xây dựng, được hình thành từng bước - *"tư tưởng hiện đại"*, tạo nên cái âm điệu cơ bản này của các hình ảnh Kin-ken, cái phần ứng này về các hợp âm của nó. Sức mạnh của con người *"phản xét"* tư tưởng đó đã rút ra chân lý từ sự hỗn loạn của các truyền thống đối trá và coi nó là tài sản chung bất khả xâm phạm nhờ sự bảo vệ của số ít người phát triển về mặt trí tuệ và suy nghĩ một cách lô-gích, những người này đưa chân lý đó từ tình trạng đốt nát tín ngưỡng lên trình độ khoa học không tín ngưỡng. Xuyên tạc chủ nghĩa thần bí lừa dối người ngoan đạo, làm sụp đổ sức mạnh vạn năng của truyền thống đã trở thành định kiến, dựa vào chủ nghĩa hoài nghi- cái máy chém triết học đang làm việc không mệt mỏi- để thủ tiêu đầu não của những quyền uy, và bằng con đường cách mạng lôi kéo nhân dân ra khỏi sương mù của thần quyền để bước lên cánh đồng dân chủ đang nở hoa, - đó là sự không tín ngưỡng có khoa học" (những điều vô lý). "Việc nghiên cứu nhật tình và bền bỉ hiện nên sử của loài người cũng như của chính bản thân con người là nhiệm vụ vĩ đại nhất của tất cả những người tham gia cuộc chính biến và nhà thơ bạo động bị trục xuất đó trong suốt ba ngày thứ hai vừa qua, chẳng nào cũng phát triển "dissolving views" [1*] của mình trước công chúng tư sản đồng thời vẽ nên lịch sử của nhà hát hiện đại, đã nhận thức rõ điều đó".

"Công nhân"

1* - "các quan điểm phá hoại"

# V

Từ mùa xuân năm 1850 đã có ý định đầu tiên thành lập một "tổ chức" tương tự. Vào lúc đó, khắp Luân Đôn đã phổ biến "Dự thảo thông cáo gửi những người dân chủ Đức". Bản thảo "viết bằng bút pháp cẩu kỳ", cùng với "Bức thư kèm theo gửi các lãnh tụ". Thông cáo và bức thư kèm theo này kêu gọi thành lập giáo hội dân chủ thống nhất. Mục tiêu trước mắt để ra là thành lập Trung ương cục về các vấn đề kiều dân Đức [152] để quản lý chung các công việc của kiều dân, tổ chức nhà in ở Luân Đôn, thống nhất mọi phái lại để chống kẻ thù chung. Sau khi làm xong việc này giới kiều dân lại phải trở thành trung tâm chỉ đạo phong trào trong nước, việc tổ chức kiều dân phải đặt cơ sở cho việc tổ chức rộng rãi nền dân chủ. Những người trong số các nhân vật kiệt xuất không có phương tiện để sống thì được trả lương với tư cách là thành viên của Trung ương cục bằng tiền thuế của nhân dân Đức. Việc đánh thuế như vậy lại càng đúng lúc khi mà "kiều dân Đức tới nước ngoài không những chẳng có một nhân vật nào quan trọng đôi chút, mà còn, - điều này càng tồi tệ hơn nhiều, - không có *tư bản* chung". Về mặt này không giấu giếm một điều là các ủy ban của Hung-ga-ri, Ba Lan và Pháp đã từng tồn tại là những mẫu mực cho "tổ chức" này, và qua toàn bộ văn kiện này người ta thấy một sự đố kỵ nào đó đối với những bạn đồng minh lỗi lạc này, những người đang có lợi thế hơn.

Bản thông cáo này là tác phẩm chung của các ngài Ru-đôn-phơ *Sram* và *Gu-xtáp Stơ-ru-vơ*, sau lưng các vị là hình ảnh tươi sáng của ngài Ác-nôn *Ru-gơ* với tư cách là một phái viên lúc bấy giờ sinh sống tại Ô-xten-đơ.



Ngài *Ru-đôn-phơ Sram* là một hình mẫu hay gây gổ, ba hoa và quá tự lộn xộn, coi phương châm sống của mình là câu trích trong tác phẩm "Người châu trai Ra-mô": "Tôi thà đồng ý là tên ba hoa xấc láo còn hơn không phải là gì cả"[153]. Ngài Cam-pơ-hau-den trong thời kỳ quyền lực của mình được tăng cường đã vui lòng trao cho anh chàng trẻ tuổi xấc láo ở Crê-phen một chức vụ quan trọng nếu như việc để bạt một phát ngôn bình thường như vậy không trái với phép lịch sự. Do nghi thức quan liêu nên đối với ngài Sram con đường công danh theo chế độ dân chủ vẫn rộng mở. Trong môi trường hoạt động đó, một lần ông thực sự làm chủ tịch Câu lạc bộ dân chủ tại Béc-lin, và về sau nhờ sự ủng hộ của một số đại biểu cánh tả ông được Stơ-ri-gau[1*] bầu làm đại biểu của Quốc hội Béc-lin. Ở đây, ông Sram thường là hết sức thích nói, lại làm thinh một cách kiên nhẫn, nhưng lại luôn luôn cau có. Sau khi giải tán Quốc hội lập hiến, nhà hoạt động dân chủ của nhân dân đó đã viết cuốn sách nhỏ nói về chế độ quân chủ lập hiến, song không được bầu lại. Sau này, dưới thời Chính phủ Bren-ta-nô, ông bỗng xuất hiện một thời gian ngắn ở Ba-đen, và tại đó, trong "Câu lạc bộ của sự tiến bộ quyết định"[154], ông đã làm quen với Stơ-ru-vơ. Khi tới Luân Đôn, ông tuyên bố rằng ông muốn từ bỏ mọi hoạt đang chính trị, và vì vậy công bố ngay bản thông cáo nói trên. Về thực chất con người quan liêu không thành đạt đó, ngài Sram, khi lưu ý tới các quan hệ gia đình, mường tượng rằng trong giới kiều dân ông là phần tử tư sản cấp tiến, và thực ra ông đã bộc lộ một cách thành công là hình ảnh biếm họa của một tên tư sản cấp tiến.

*Gu- xtáp Stơ-ru-vơ* thuộc số nhân vật lưu vong có tầm cỡ hơn. Bộ mặt của ông hao hao giống như da dê thuộc, cặp mắt trố của ông lấu lỉnh trông có vẻ hơi ngộ nghĩnh, cái trán hói hơi bóng nhoáng của ông, những nét của người can-mức-xla-vơ ở ông chứng tỏ ông là một con người khắc thường, hơn nữa cái giọng nói hơi ồ ồ trong họng, lời lẽ đường mật dễ cảm và phong thái khệnh

1* - Tên gọi bằng tiếng Ba lan là Xtơ-sê-gôm

khạng ra vẻ quan trọng, càng làm tăng thêm ấn tượng đó. Vả lại, để bảo đảm sự thật cần phải nói rõ rằng, vì trong thời đại chúng ta càng khó phân biệt được từng người nên ông Gu-xtáp của chúng ta cố gắng làm cho mình nổi lên trong số những đồng bào của mình mặc dầu bằng cách lúc thì đóng vai nhà tiên tri, lúc là tên gian lận, lúc là nhà phẫu thuật cục chai sần, biến những công việc lố lăng nhất thành nghề nghiệp chủ yếu của mình và tuyên truyền những điều nhảm nhí dủ loại. Chẳng hạn, với tính cách là người sinh ra trên nước Nga, bất thần ông nẩy ra ý nghĩ kích động tư tưởng đấu tranh giành tự do cho nước Đức, và điều này xảy ra sau khi ông giữ một chức vụ gì đó ngoài biên chế, trực thuộc tòa đại sứ của Nga tại Quốc hội hiệp bang [155] và đã viết một cuốn sách nhỏ để bảo vệ Quốc hội đó. Vì ông cho rằng xương sọ của bản thân mình cũng là mẫu xương sọ của con người bình thường nên ông say mê khoa nghiên cứu xương sọ và từ đó ông chỉ tin người nào mà xương sọ của họ đã được ông bước đầu sờ mó và nghiên cứu. Ngoài ra, ông không ăn thịt nữa và truyền bá sách Phúc âm chỉ nói về thức ăn thực vật. Ông cũng là người tiên đoán thời tiết, kịch liệt phản đối việc hút thuốc lá và tích cực cổ động ủng hộ các nguyên tắc đạo đức của đạo Thiên chúa Đức [156] và cũng ủng hộ việc chữa bệnh bằng nước. Vì ghét sâu cay bất cứ sự hiểu biết thiết thực nào nên, dĩ nhiên ông say mê tư tưởng của các trường đại học tự do trong đó đáng lẽ giảng các môn học của bốn khoa thông thường [157] thì người ta lại phải dạy môn nghiên cứu xương sọ, môn xem diện mạo, xem tướng tay và đoán tướng số. Sở dĩ ông hết sức kiên trì muốn trở thành một nhà văn vĩ đại lẽ đương nhiên chính là vì cách viết của ông trái ngược với tất cả những gì có thể gọi là phong cách.

Ngay từ đầu thập kỷ 40 Gu-xtáp đã sáng lập "Deutscher Zuschauer"[158] - một tờ báo khổ nhỏ do ông xuất bản ở Man-hem và ông đã được cấp giấy chứng nhận về tờ báo đó và nó theo ông đi khắp nơi như một tư tưởng luôn luôn ám ảnh trong tâm trí. Ngoài ra, ngay lúc bấy giờ ông đã có phát minh là cả hai cuốn



sách mà ông coi là kinh Cựu ước và kinh Tân ước, tức là cuốn "Lịch sử phổ thông" của Rốt-tếch và "Từ điển các môn khoa học chính trị" của Rốt-tếch và Ven-cơ [159] không còn phù hợp với tinh thần thời đại và cần có xuất bản phẩm mới, có tính chất *dân chủ*. Việc chỉnh lý đó mà Gu-xtáp đã nhanh chóng bắt tay vào sau khi lần đầu cho in một đoạn trích với tiêu đề "Những nguyên lý của các môn khoa học chính trị"[160], "từ năm 1848 là một việc cần thiết cấp bách vì ông Rốt-tếch quá cố đã không vận dụng kinh nghiệm của những năm gần đây".

Đúng vào lúc đó đã liên tiếp nổ ra ba cuộc "khởi nghĩa nhân dân" ở Ba-den mà chính Gu-xtáp đã miêu tả lịch sử của các cuộc khởi nghĩa đó như là điểm trung tâm của toàn bộ phong trào của thế giới hiện tại [161]. Ngay sau cuộc khởi nghĩa của Hếch-cơ ông bị trục xuất và vất vả lắm mới có thể tục bản được tờ "Deutscher Zuschauer" của mình, ông bị giáng một đòn nặng - hình như người xuất bản tờ báo địa phương "Deutscher Zuschauer" ở Man-hem tiếp tục xuất bản tờ báo đó nhưng do một người khác chủ biên. Cuộc đấu tranh giữa tờ "Deutscher Zuschauer" thật và tờ "Deutscher Zuschauer" giả gay gắt tới mức khiến cả hai tờ báo đều chết trong cuộc đấu tranh đó. Sau đó Gu-xtáp xây dựng bản hiến pháp của nước Cộng hoà liên bang Đức, theo hiến pháp đó thì nước Đức phải chia thành 24 nước cộng hoà, mỗi nước cộng hoà có tổng thống riêng và hai viện. Bản hiến pháp có kèm theo tấm bản đồ được vẽ cẩn thận, phân chia các lãnh địa một cách chính xác.

Vào tháng Chín năm 1848 bắt đầu cuộc khởi nghĩa thứ hai, trong đó ông Gu-xtáp của chúng ta đã kết hợp Xê-da và Xô-crát vào một nhân vật. Ông lợi dụng thời gian mà ông đã có dịp lại được sống trên đất Đức để dẫn ra cho những nông dân ở Svác-xvan-đơ thấy những chứng cứ có sức thuyết phục về cái hại của thuốc lá. Ở Lê-rắc ông cho xuất bản một bản tin với tên gọi: "Cơ quan của chính phủ Nhà nước Đức tự do. Tự do, phúc lợi, giáo dục" [162]. Tuy vậy, trên các cột của tờ báo này đã đăng sắc luật sau đây:

"Điều 1. Bãi bỏ khoản thuế bổ sung 10% đánh vào những hàng hoá nhập từ Thụy Sĩ. Điều 2. *Ông chủ sự sở hải quan, Khri-xti-an muy-lơ có nhiệm vụ thi hành quyết định này*".

A-ma-li-a chung thủy của ông đã chia sẻ với ông mọi nỗi đau khổ và sau này đã miêu tả chúng bằng những màu sắc lãng mạn. Ngoài ra, bà còn tham gia vào việc bắt những tên cảnh sát bị tù phải thề thốt, và đã gắn cho chính mỗi tên đã thề thốt trung thành với nhà nước Đức tự do chiếc băng đỏ đeo ở tay áo và sau đó ôm choàng họ. Đáng tiếc là Gu-xtáp và A-ma-li-a đều bị bắt giam và bị đày đọa trong ngục tối, ở đây ông Gu-xtáp không hề chần nản lại tiếp tục ngay việc cải biên theo tinh thần cộng hòa tập "Lịch sử phổ thông" của Rốt-tếch, cho đến lúc cuối cùng cuộc khởi nghĩa thứ ba trả lại tự do cho ông. Lúc này Gu-xtap là thành viên của chính phủ lâm thời thực sự và từ đó ngoài những ý nghĩ khác ám ảnh tâm trí của ông còn thêm sự say mê các chính phủ lâm thời. Với chức vụ là chủ tịch hội đồng quân sự, ông hết sức vội vã làm rắc rối thêm những công việc của ngành đã trao cho ông và kiến nghị các bộ trưởng chiến tranh xét xử "tên phản bội" May-éc-bô-phơ (xem Guê-gơ "Nhìn lại...". Pa-ri, 1850[163]). Về sau ông khao khát trở thành Bộ trưởng ngoại giao và được nhận 60 nghìn Phlo-rin để sử dụng nhưng không đạt được. Chẳng bao lâu sau nhài Bren-ta-nô lại giải thoát Gu-xtáp của chúng ta khỏi cái gánh nặng chính quyền, và Gu-xtáp cầm đầu nhóm đối lập trong "Câu lạc bộ của sự tiến bộ quyết định". Ông đặc biệt thích thú hướng nhóm đối lập này chống lại những biện pháp của Bren-ta-nô mà trước đây chính ông đã ủng hộ. Mặc dầu câu lạc bộ đó cũng bị giải tán và Gu-xtáp buộc phải sống lưu vong ở Pphan-xơ; tai họa đó có mặt tốt là tờ "Deutscher Zuschauer" không thoát khỏi số phận lại có thể ra số duy nhất ở Noi-stát ở vùng Hác-tơ, việc đó là phần thưởng cho Gu-xtáp vì ông đã trải qua nhiều đau khổ không đáng phải chịu. Một điều an ủi nữa là, trong cuộc bầu cử bổ sung tại một địa phương nhỏ, hẻo lánh nào đó thuộc vùng Thượng Ba-đen ông đã được bầu là thành viên của Quốc hội lập hiến Ba-đen, do đó ông có thể quay trở lại Ba-đen với tư cách là một nhân vật chính thức. Trong Quốc hội này Gu-xtáp nổi bật chỉ



vì ba đề nghị được nêu lên ở Phrây-buốc: 1) đề nghị ngày 28 tháng Sáu: tuyên bố bất cứ kẻ nào muốn thương lượng với kẻ thù đều bị coi là phản bội; 2) đề nghị ngày 30 tháng Sáu: chỉ định chính phủ lâm thời mới, trong đó Stơ-ru-vơ là thành viên có đầy đủ quyền hạn; 3) sau khi bác bỏ đề nghị cuối, vào chính ngày hôm đó: sau khi cuộc chiến đấu không thành công ở Ra-stát khiến cho việc tiếp tục chống cự trở thành vô ích, cần cứu dân chúng ở vùng Thượng Ba-đen tránh khỏi những cảnh tàn khốc của chiến tranh, và để làm được như vậy cần phải cấp tiền lương trước 10 ngày cho tất cả quan chức và binh lính, còn đối với các thành viên của Quốc hội lập hiến thì trả tiền ăn 10 ngày và các chi phí đi đường, và sau đó theo tiếng kèn và trống trận vượt sang Thụy Sĩ. Khi cả đề nghị đó cũng bị bác bỏ thì Gu-xtáp tự ý tiến vào Thụy Sĩ, và vì bị Giêm-xơ Pha-di dùng gậy đánh đuổi đi, ông ta lưu trú ở Luân Đôn, tại đây ông tuyên bố về một phát minh mới, cụ thể là phát minh về *sáu tai họa của loài người*. Các hoàng đế, giới quí tộc, các cha cố, bọn quan liêu, quân đội thường trực, túi tiền và những con rệp là sáu tai họa đó. Gu-xtáp đã cải biên ông Rốt-tếch quá cố theo tinh thần nào, điều đó có thể thấy được qua một phát minh khác của ông, cho rằng dường như túi tiền là một sáng chế của Lu-i - Phi-líp. Lúc này Gu-xtáp bắt đầu viết lời truyền giáo về sáu tai họa đó trên tờ "Deutsche Londoner Zeitung"[164] – tờ báo của cựu công tước Brao-nơ-svai-gơ, do đó ông được nhận khoản tiền nhuận bút khá hậu và vì vậy, với lòng biết ơn, ông phục tùng sự kiểm duyệt của ngài công tước. Quan hệ của Gu-xtáp với tai họa đầu tiên - các hoàng đế là như vậy. Còn quan hệ của ông với tai họa thứ hai - giới quí tộc thì nhà cộng hòa theo tôn giáo - đạo đức của chúng ta đã đặt mua cho mình các danh thiếp thăm viếng, trong đó ông lấy tên "nam tước Phôn Stơ-ru-vơ". Nếu như ông không có những quan hệ hết sức thân thiết cả với những tai họa khác thì đó không phải do lỗi của ông. Sau đó Gu-xtáp dùng những lúc nhàn rỗi của mình ở Luân Đôn để soạn lịch của nước cộng hòa, trong đó ông nêu tên những người có niềm tin sắt đá đặc biệt phường là những tên lỗi lạc "Gu-xtáp" và - "A-ma-li-a", thay

cho tên những vị thần thánh; các tháng thì được ghi bằng tên tháng trên lịch của nước Cộng hòa Pháp đã được chuyển theo kiểu của Đức, và trong đó còn có nhiều chỗ bổ ích đối với mọi người và những chỗ chung chung. Tuy vậy, ở Luân Đôn lại xuất hiện cũng những tư tưởng ưa thích, luôn ám ảnh tâm trí đó - tư tưởng về sự phục hồi tờ "Deutscher Zuschauer" và "Câu lạc bộ của sự tiến bộ quyết định" và việc thành lập chính phủ lâm thời. Về tất cả các điểm này ông đều được ông Sram hoàn toàn đồng ý, và như vậy tờ thông cáo ra đời.

Hội viên thứ ba của liên minh này, *Ác-nôn Ru-gơ* vĩ đại nổi lên trong tất cả những người lưu vong khác như ở diện mạo có vẻ như một sĩ quan kỵ binh đang chờ được cử giữ chức vụ dân sự. Không nên nói rằng vị kỵ sĩ này khác biệt ở cái dáng bên ngoài đặc biệt dễ mến. Những người quen biết ở Pa-ri thường gọi những nét pô-mê-ra-ni-xla-vơ của ông là mõm con chồn (figure de fouine). Ác-nôn Ru-gơ, con trai của một nông dân từ đảo Ri-u-ghen, một người hy sinh vì đạo, đã ngồi trong các nhà tù của Phổ trong 7 năm vì tham gia các mưu kế của những kẻ mị dân[165], liều mạng lao vào vòng tay của triết học Hê-ghen, đúng lúc đó ông ta nhận ra rằng đọc lướt qua "Bách khoa toàn thư"[166] của Hê-ghen cũng đủ để khỏi phải nghiên cứu tất cả các môn khoa học khác. Ngoài ra, ông giữ vững quy tắc mà ông đã trình bày trong một truyện ngắn và cố gắng đem phổ biến nó cho bạn bè của mình, - con người đáng thương Héc-vếch có thể kể một điều đó về điều này, - đó là qui tắc nói rằng cả trong hôn nhân cũng cần *thực hiện* bản thân mình, vì vậy trong những năm còn trẻ ông đã tạo cho mình "một cơ sở thực thể " bằng cách kết hôn.

Do những lời lẽ kiểu Hê-ghen và "cơ sở thực thể" của mình ông đã biến thành tên gác cổng của triết học Đức và, với tư cách như vậy ông có nhiệm vụ thông báo cả trên tờ "Hallische Jahrbücher" lẫn trên tờ "Deutsche Jahrbücher"[167] những thiên tài mới xuất hiện và ca ngợi họ; lợi dụng điều này ông đã khai thác họ một cách khá khéo léo về phương diện văn học. Đáng tiếc là, chẳng bao lâu



sau bắt đầu thời kỳ hỗn loạn trong triết học, một thời kỳ mà trong khoa học không còn có một hoàng đế nào được mọi người thừa nhận, lúc mà Stơ-rau-xơ, B.Bau-ơ, Phoi-ơ-bắc bút chiến với nhau, và lúc mà các phần tử hết sức đa dạng, xa lạ với nhau làm cho tính chất giản đơn rõ ràng của học thuyết cổ điển trở nên khó hiểu. Ở đây Ru-gơ của chúng ta lúng túng, ông không biết thoát đi đâu; những phạm trù Hê-ghen không có liên hệ với nhau như vậy của ông hoàn toàn bị lẫn lộn, và bỗng nhiên ông cảm thấy quá buồn chán về cái phong trào mạnh mẽ mà việc tư duy và viết như thế nào không còn quan trọng nữa.

Trên tờ "Hallische Jahrbücher" Ru-gơ cũng đóng vai trò như người xuất bản sách đã quá cố Ni-cô-lai trong tạp chí cũ "Berlinische Monatsschrift"[168]. Giống như ông ta, Ru-gơ thấy sứ mệnh chủ yếu của mình là làm sao in được các tác phẩm của người khác và thu được ở đó cả món lợi vật chất cũng như những chất liệu về văn học để bộc lộ tâm hồn của riêng mình. Tuy nhiên, Ru-gơ của chúng ta đã biết xem việc *sao chép* những bài báo của các cộng tác viên của ông, quá trình tiêu hóa các sản phẩm văn hóa đó cho đến lúc đạt được kết quả cuối cùng tất yếu của nó, có ý nghĩa to lớn hơn rất nhiều so với bậc tiền bối của ông. Về phương diện này Ru-gơ không phải là tên gác cổng của nền giáo dục Đức, còn Ni-cô-lai không phải là tên gác cổng của nền triết học hiện đại Đức, và ông ta biết lấy những lời nói rắc rối mang tính chất dầu cơ để che giấu sự thấp kém bẩm sinh của trí tuệ mình. Giống như Ni-cô-lai, ông dũng cảm đấu tranh chống *chủ nghĩa lãng mạn* chính là vì, Hê-ghen trong cuốn "Mỹ học" của mình và Hai-nơ trong cuốn "Trường phái lãng mạn"[169] trên sách báo từ lâu đã phê phán và đoạn tuyệt chủ nghĩa lãng mạn đó. Song, khác với Hê-ghen, ông giống Ni-cô-lai ở chỗ, với tư cách là người chống lại chủ nghĩa lãng mạn, ông tưởng tượng rằng mình có quyền đề ra thuyết phi-li-xtanh tầm thường và trước hết cái hình dáng phi-li-xtanh riêng của mình, coi nó như một lý tưởng hoàn chỉnh. Với mục đích đó và cũng để đánh thắng kẻ thù trong lĩnh vực riêng của

ông ta, Ru-gơ đã làm cả thơ mà nỗi buồn chán nhạt nhẽo của các bài thơ đó vượt lên cả những gì mà bất kỳ người Hà Lan nào đã đạt được, đã kiêu căng thách thức những người theo chủ nghĩa lãng mạn.

Vả lại, nhà tư tưởng vùng Pô-mê-ra-ni của chúng ta, về thực chất, cảm thấy mình không thật là vững vàng trong triết học của Hê-ghen. Nếu như ông cũng vững vàng khi xem xét các mâu thuẫn, thì dẫu sao ông cũng có khả năng giải quyết các mâu thuẫn đó, và cảm thấy kinh tởm một cách có căn cứ đối với phép biện chứng. Vì vậy có tình trạng là, trong đầu óc giáo điều của ông những mâu thuẫn nghiêm trọng nhất đã chung sống hòa bình bên nhau, và cái tư duy cực kỳ vụng về của ông cũng cảm thấy tốt hơn là không nên sống trong một xã hội hỗn hợp như vậy. Đôi lúc ông lại làm những việc như cùng một lúc cải biên theo cách của mình hai bài báo của các tác giả khác nhau và nhào nặn lại thành một tác phẩm mới mà không nhận ra rằng các bài báo đó được viết theo các quan điểm hoàn toàn đối lập nhau. Tuy luôn luôn sa lầy trong các mâu thuẫn nhưng ông vẫn thoát ra được nhờ vào chỗ trước các nhà lý luận ông cho rằng sự yếu ớt của tư duy của mình là một mẫu mực thực tế của tư duy, còn trước các nhà thực tiễn thì ngược lại, ông cho rằng sự bất lực thực tế và tính không nhất quán của mình là thành tựu cao nhất của tư duy lý luận, - và rốt cuộc ông tuyên bố rằng chính sự sa lầy đó trong các mâu thuẫn không giải quyết được, chính niềm tin lộn xộn và không có tính chất phê phán đó vào nội dung của mọi lời lẽ hợp thời cũng là *"chính kiến"*.

Để xét xem trước khi đi theo ông Mô-rít-xơ Đờ Sắc-xơ của chúng ta, ông Ru-gơ thích xứng danh như thế nào trước các bạn bè thân thích, qua những bước thăng trầm tiếp theo trong cuộc sống của ông, chúng tôi xin nêu lên hai nét đặc trưng của ông thể hiện ngay từ thời kỳ "Jahrbücher". Nét đặc trưng thứ nhất là *sự say mê các tuyên ngôn*. Đúng vào lúc kẻ nào đó nghĩ ra được một quan điểm mới nào đó mà Ru-gơ thấy có một tương lai nào đó thì



ông cho ra một tuyên ngôn. Vì không một ai trách cứ ông rằng có lúc ông đã phạm lỗi vì có một suy nghĩ độc đáo nào đó thì tuyên ngôn như vậy luôn tạo cho ông cái cớ thích hợp để bảo vệ - dưới hình thức ít nhiều có tính chất khoa trương - một cái mới gì đó như là của riêng mình và, trên cơ sở đó, cùng một lúc có ý đồ thành lập cái đảng, phái, *"khối"* đi theo ông và trong đó ông có thể thực hiện nhiệm vụ của một sĩ quan kỵ binh. Về sau chúng ta sẽ thấy Ru-gơ đã hoàn chỉnh tới mức độ không thể tưởng tượng được như thế nào các tuyên ngôn, các truyền đơn, những lời kêu gọi đảo chính.

Đặc điểm thứ hai của ông là *tính cần mẫn* độc đáo, mà về điều đó Ác-nôn là một kiện tướng không ai vượt nổi. Vì ông không thích nghiên cứu nhiều về khoa học, hoặc như ông diễn đạt, ông không thích "sao chép từ thư viện này sang thư viện khác", ông thấy tốt hơn là "phải khai thác từ cuộc sống sinh động", tức là phải hết lòng hết sức vạch ra qua từng buổi dạ hội tất cả những gì diễn ra trong đầu óc, tất cả "những điều kỳ lạ", những tư tưởng mới và những tin tức khác mà ngày hôm đó ông đã nghe được, đã đọc được hoặc nắm được. Sau đó, vì cần thiết, tất cả những cái đó được sử dụng làm tài liệu cho bài học đã đưa ra mà Ru-gơ hàng ngày nghiên cứu với thái độ cũng tận tâm như đối với những chức năng tự nhiên khác. Vì vậy những người tôn sùng ông thường nói rằng ông đau khổ vì không ngăn được dòng mực. Điều hoàn toàn không quan trọng được nói tới là trong sản phẩm hàng ngày này của lao động của nhà văn, cái chủ yếu là ở chỗ, bất cứ đề tài nào cũng được Ru-gơ tưới lên cùng một thứ nước xốt khác thường của văn phong mà thứ nước xốt này thích hợp với mọi người một cách hoàn toàn và chính xác cũng như những người Anh đều hài lòng như nhau khi cho thêm "nước xốt Xoay-ê" hoặc nước xốt oa-rích của mình vào món cá, món chim, thịt viên hay bất cứ món ăn nào khác. Ru-gơ ưa gọi *chứng thảo dạ* hàng ngày về văn phong này là "hình thức *thâm nhập* tuyệt diệu" và coi đó là cơ sở đầy đủ để mạo nhận là "họa sĩ".

ông ta, Ru-gơ đã làm cả thơ mà nỗi buồn chán nhạt nhẽo của các bài thơ đó vượt lên cả những gì mà bất kỳ người Hà Lan nào đã đạt được, đã kiêu căng thách thức những người theo chủ nghĩa lãng mạn.

Vả lại, nhà tư tưởng vùng Pô-mê-ra-ni của chúng ta, về thực chất, cảm thấy mình không thật là vững vàng trong triết học của Hê-ghen. Nếu như ông cũng vững vàng khi xem xét các mâu thuẫn, thì dẫu sao ông cũng có khả năng giải quyết các mâu thuẫn đó, và cảm thấy kinh tởm một cách có căn cứ đối với phép biện chứng. Vì vậy có tình trạng là, trong đầu óc giáo điều của ông những mâu thuẫn nghiêm trọng nhất đã chung sống hòa bình bên nhau, và cái tư duy cực kỳ vụng về của ông cũng cảm thấy tốt hơn là không nên sống trong một xã hội hỗn hợp như vậy. Đôi lúc ông lại làm những việc như cùng một lúc cải biên theo cách của mình hai bài báo của các tác giả khác nhau và nhào nặn lại thành một tác phẩm mới mà không nhận ra rằng các bài báo đó được viết theo các quan điểm hoàn toàn đối lập nhau. Tuy luôn luôn sa lầy trong các mâu thuẫn nhưng ông vẫn thoát ra được nhờ vào chỗ trước các nhà lý luận ông cho rằng sự yếu ớt của tư duy của mình là một mẫu mực thực tế của tư duy, còn trước các nhà thực tiễn thì ngược lại, ông cho rằng sự bất lực thực tế và tính không nhất quán của mình là thành tựu cao nhất của tư duy lý luận, - và rốt cuộc ông tuyên bố rằng chính sự sa lầy đó trong các mâu thuẫn không giải quyết được, chính niềm tin lộn xộn và không có tính chất phê phán đó vào nội dung của mọi lời lẽ hợp thời cũng là *"chính kiến"*.

Để xét xem trước khi đi theo ông Mô-rít-xơ Đờ Sắc-xơ của chúng ta, ông Ru-gơ thích xứng danh như thế nào trước các bạn bè thân thích, qua những bước thăng trầm tiếp theo trong cuộc sống của ông, chúng tôi xin nêu lên hai nét đặc trưng của ông thể hiện ngay từ thời kỳ "Jahrbücher". Nét đặc trưng thứ nhất là *sự say mê các tuyên ngôn*. Đúng vào lúc kẻ nào đó nghĩ ra được một quan điểm mới nào đó mà Ru-gơ thấy có một tương lai nào đó thì



ông cho ra một tuyên ngôn. Vì không một ai trách cứ ông rằng có lúc ông đã phạm lỗi vì có một suy nghĩ độc đáo nào đó thì tuyên ngôn như vậy luôn tạo cho ông cái cớ thích hợp để bảo vệ - dưới hình thức ít nhiều có tính chất khoa trương - một cái mới gì đó như là của riêng mình và, trên cơ sở đó, cùng một lúc có ý đồ thành lập cái đảng, phái, *"khối"* đi theo ông và trong đó ông có thể thực hiện nhiệm vụ của một sĩ quan kỵ binh. Về sau chúng ta sẽ thấy Ru-gơ đã hoàn chỉnh tới mức độ không thể tưởng tượng được như thế nào các tuyên ngôn, các truyền đơn, những lời kêu gọi đảo chính.

Đặc điểm thứ hai của ông là *tính cẩn mẫn* độc đáo, mà về điều đó Ác-nôn là một kiện tướng không ai vượt nổi. Vì ông không thích nghiên cứu nhiều về khoa học, hoặc như ông diễn đạt, ông không thích "sao chép từ thư viện này sang thư viện khác", ông thấy tốt hơn là "phải khai thác từ cuộc sống sinh động", tức là phải hết lòng hết sức vạch ra qua từng buổi dạ hội tất cả những gì diễn ra trong đầu óc, tất cả "những điều kỳ lạ", những tư tưởng mới và những tin tức khác mà ngày hôm đó ông đã nghe được, đã đọc được hoặc nắm được. Sau đó, vì cần thiết, tất cả những cái đó được sử dụng làm tài liệu cho bài học đã đưa ra mà Ru-gơ hàng ngày nghiên cứu với thái độ cũng tận tâm như đối với những chức năng tự nhiên khác. Vì vậy những người tôn sùng ông thường nói rằng ông đau khổ vì không ngăn được dòng mực. Điều hoàn toàn không quan trọng được nói tới là trong sản phẩm hàng ngày này của lao động của nhà văn, cái chủ yếu là ở chỗ, bất cứ để tài nào cũng được Ru-gơ tưới lên cùng một thứ nước xốt khác thường của văn phong mà thứ nước xốt này thích hợp với mọi người một cách hoàn toàn và chính xác cũng như những người Anh đều hài lòng như nhau khi cho thêm "nước xốt Xoay-ê" hoặc nước xốt oa-rếc của mình vào món cá, món chim, thịt viên hay bất cứ món ăn nào khác. Ru-gơ ưa gọi *chứng thảo dạ* hàng ngày về văn phong này là "hình thức *thâm nhập* tuyệt diệu" và coi đó là cơ sở đầy đủ để mạo nhận là "họa sĩ".

Nhưng cũng có những tình cảm tốt đẹp trong lồng ngực đầy lông.
Theo ý nghĩa xấu xa, không phải là vô tội, không phải là tài năng, mà là tính cách".

Ở Pa-ri, Ác-nôn của chúng ta đã giao du với những người cộng sản và cho đăng trên tờ "Deutsch - Französische Jahrbücher" các bài viết của *Mác* và *Ăng-ghen*[172], trong đó đã nói thẳng ra điều đối lập với những gì mà chính ông đã thông báo trong lời nói đầu. Tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc đã lưu ý ông tới sự rủi ro đó, nhưng ông đã chịu đựng điều đó bằng sự quy phục về mặt triết học.

Ông Ru-gơ của chúng ta đã học thuộc một số ít giai thoại buồn cười mà ông thường gọi là *"chuyện cười"* để kể lại theo ý của mình nhằm bù lại sự vụng về tự nhiên trong cách xử sự trong xã hội. Cái thói quen lâu năm lợi dụng các "chuyện cười" đó đã dẫn tới chỗ, đối với ông ít nhiều tất cả các sự kiện, hoàn cảnh và quan hệ đã bắt đầu biến thành những câu chuyện cười thoải mái hoặc không thoải mái, tốt hoặc xấu, quan trọng hoặc không quan trọng, thú vị hoặc buồn tẻ. Cảnh chạy ngược chạy xuôi ở Pa-ri, vô số những ấn tượng mới, chủ nghĩa xã hội, chính trị, Pa-le - Roay-an[173], những con số rẻ tiền - tất cả những cái đó hợp lại đã tác động khá mạnh tới con người hẩm hiu đó, khiến cho trong đầu óc ông diễn ra một trạng thái lộn xộn buồn cười không chừa nổi và thường xuyên, và đối với ông Pa-ri là cái kho tàng vô tận các chuyện cười. Tuy vậy, chính ông cũng đã đi tới một câu chuyện cười là ông đề nghị may cho những người vô sản một bộ quần áo bằng mạt cưa; và lại nói chung ông ta chưa sành những chuyện cười về công nghiệp; ông đã tìm kiếm các cổ đông cho chúng nhưng mà lúc nào cũng không đạt được kết quả.

Trong lúc người ta trục xuất khỏi Pháp những người Đức giữ vai trò ít nhiều nổi tiếng về chính trị thì Ru-gơ sau khi trình diện trước bộ trưởng Duy-sa-ten, với tư cách là savant sérieux[1*] đã thoát

1* - nhà bác học có tên tuổi



khỏi số phận đó. Đáng lẽ, lúc này ông nói tới nhà bác học trong cuốn "Kẻ ái mộ ánh trăng" của Pôn đơ Cốc, con người tự cho mình là bác học dựa trên cơ sở là ông ta biết bắn theo kiểu đặc biệt các nút chai vào không khí [174].

Sau đó, chẳng bao lâu Ác-nôn lên đường đi Thụy Sĩ, tại đây ông được gặp viên cựu hạ sĩ quan Hà Lan, một nhà văn của tỉnh Khuên và một quan chức nhỏ về thuế vụ người Phổ là *C. Hai-nơ-txen*. Chẳng mấy chốc cả hai gắn bó với nhau bằng tình bạn gắn gũi. Hai-nơ-txen học ở Ru-gơ môn triết học, Ru-gơ học Hai-nơ-txen về chính trị. Từ lúc đó Ru-gơ có nhu cầu cấp thiết là phát biểu, với tư cách là nhà triết học par excellence[1*] chỉ trước những phần tử dốt nát hơn của phong trào Đức. Trong lúc rút cuộc chỉ các vị linh mục thuộc hội "Những người bạn của ánh sáng"[175] (Đu-lông), các vị mục sư đạo Thiên chúa người Đức (Rôn-ngơ) và Phan-ni Lê-van-đơ không coi ông ta là nhà triết học, thì số phận đã buộc ông ta phải hạ mình xuống hơn nữa về phương diện này. Cùng thời gian đó trong triết học Đức tình trạng lộn xộn mỗi ngày một tăng lên. Cuốn "Kẻ duy nhất"[176] của Stiếc-nơ, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản v.v. – tất cả những cái mới lạ mạo danh đó - đã làm tăng một cách quá đáng sự lộn xộn trong đầu óc của Ru-gơ. Cần phải quyết định tiến lên một bước quan trọng nào đó. Chính ở đây Ru-gơ cũng đã tìm thấy sự thoát thân dưới cái bóng *chủ nghĩa nhân đạo*, tức là những lời lẽ mà tất cả những kẻ gây rối ở Đức, từ Roi-slin tới Héc-đơ, đã lợi dụng để che đậy sự bối rối của mình. Lời lẽ đó càng tỏ ra hợp thời hơn khi Phoi- ơ-bắc vừa mới "lại khám phá ra con người", và Ác-nôn đã níu lấy nó với hy vọng rằng tới giờ phút này ông không thể nào rời bỏ nó. Thế nhưng ở Thụy Sĩ Ác-nôn đã có thêm một phát minh quan trọng không có gì sánh nổi, đó "là "cái tội" "tự khẳng định mình là *tính cách* nhờ sự *tái hiện* trước công chúng". Từ thời điểm đó, một môi trường hoạt động mới đang mở ra cho Ác-nôn. Ông đã đưa sự càn rỡ trắng trợn nhất và sự quấy nhiễu lên thành nguyên tắc.

1* - tự tù

Ru-gơ phải tham gia vào mọi việc, ở đâu cũng phải chõ mũi vào. Không một con gà mái nào có thể ấp nổi trứng khi Ru-gơ không "diễn đạt được lý trí" của "sự kiện" đó [177]. Dù thế nào chăng nữa cũng phải giữ được liên lạc với tờ báo khổ nhỏ nào đó của tỉnh, trong đó có lẽ có thể có "sự tái hiện". Nếu không ghi được tên mình dưới bài báo và trong đó, theo mức độ cho phép, không nói được về bản thân mình thì ông không viết một bài nào cho báo. Nguyên tắc "tái hiện" đó phải được áp dụng cho từng bài báo; bài viết đó lúc đầu được in dưới hình thức bức thư trên các báo châu Âu và (kể từ khi Hai-nơ-txen chuyển sang Niu Óóc) trên các báo Mỹ, sau đó dưới hình thức tập sách nhỏ và, cuối cùng, lại được in lại trong toàn tập.

Với trang bị như vậy Ru-gơ của chúng ta có thể quay về Lai-pxích để buộc phải dứt khoát thừa nhận mình như là *"tính cách"*. Nhưng cũng ở đây ông tìm thấy không chỉ hoa hồng. Người bạn cũ của ông, người xuất bản sách Vi-găng đã thành công lớn trong việc thay thế ông giữ vai trò của Ni-cô-lai, và do không có một chức vụ nào còn trống nên Ru-gơ lại nặng trĩu những suy nghĩ u buồn về tính chất hư ảo của mọi thứ và mọi "chuyện cười". Và bỗng nhiên cách mạng Đức bùng nổ.

Trong cuộc cách mạng đó Ác-nôn của chúng ta tìm thấy một lối thoát bất ngờ. Cuối cùng đã bắt đầu một sự chuyển động mạnh mẽ, trong đó con người vụng về nhất cũng có thể dễ dàng bơi theo dòng, và Ru-gơ nhanh chóng chuyển về Béc-lin, hy vọng ở đấy sẽ câu được cá trong làn nước đục. Vì ở đó *cách mạng* vừa mới bùng nổ nên ông cho rằng nêu lên để nghị *cải cách* là hợp thời nhất. Ông sáng lập tờ báo khổ nhỏ cũng với cái tên gọi như vậy [178]. Tờ "Réforme"[179] của Pa-ri được xuất bản trước cách mạng là tờ báo kém nhất, dốt nát nhất và buồn tẻ nhất ở nước Pháp. Tờ "Réform" của Béc-lin đã chứng minh rằng có thể vượt thậm chí cả tờ tiền thân của nó ở Pa-ri và rằng ngay cả trong "cái mẫu quốc của lý trí" cũng có thể dễ dàng mang tới cho công chúng Đức một tờ báo không thể tưởng tượng được như vậy. Dựa trên



cơ sở cái tính chất nặng nề khoa trương vốn có ở Ru-gơ dường như là bảo đảm tốt nhất cho sự sâu sắc của những tư tưởng ẩn nấp đằng sau lối văn đó, Ác-nôn được bầu là đại biểu của Brê-xláp[1*] trong nghị viện Phran-phuốc. Ở đó ông tìm ra ngay khả năng, với tư cách là một biên tập viên của cánh tả dân chủ, đọc *bản tuyên ngôn* vô nghĩa. Trong phần còn lại để tỏ rõ bản lĩnh chỉ bằng những lời lẽ nhằm nhí nói về *các bản tuyên ngôn*, nhân danh các *quốc hội* của các *dân tộc* châu Âu, ông tán thành một cách cuồng nhiệt ý muốn chung là sáp nhập nước Phổ vào nước Đức. Về sau khi trở về Béc-lin, ông ta yêu cầu sáp nhập nước Đức vào nước Phổ, còn Phran-phuốc thì sáp nhập vào Béc-lin, và khi sắp kết thúc ông ta nảy ra ý nghĩ trở thành một thành viên Viện nguyên lão Dắc-den thì ông lại yêu cầu Đức và Phổ đều sáp nhập vào Đre-xden.

Hoạt động nghị trường của ông không mang lại vinh quang gì cho ông, ngược lại, đảng phái riêng của ông thấy ông vụng về và không có năng lực nên cũng thất vọng ngao ngán về ông. Đồng thời hoạt động của tờ "Reform" của ông ngày càng tồi tệ hơn và ông cho rằng chỉ còn cách ông ở lại Béc-lin thì mới có thể chỉnh đốn được các hoạt động đó. Với tư cách là "ý thức trung thực", lẽ đương nhiên, ông đã tìm được lý do cao kiến về chính trị để ông ra đi và đề nghị toàn bộ cánh tả cùng với ông rút ra khỏi nghị viện. Dĩ nhiên, không có chuyện đó và Ru-gơ lên đường một mình đi Béc-lin. Tại Béc-lin ông đã phát hiện ra rằng các cuộc xung đột hiện tại được giải quyết dễ dàng nhất theo *"kiểu Đê-sau"*, như vậy là ông đã đỡ đầu cho nhà nước dân chủ lập hiến kiểu mẫu, nhỏ bé. Sau đó, trong thời kỳ thành *Viên* bị vây hãm, ông đã viết *bản tuyên ngôn* mới kêu gọi tướng *Vran-ghen* bảo vệ thành Viên chống lại Vin-đi-sơ-grét-xơ. Đối với văn kiện có một không hai này ông được đại hội dân chủ [180] phê chuẩn với lý do bản tuyên ngôn kèm theo chữ ký dường như đã được xếp chữ và in xong. Cuối

1* - Tên gọi bằng tiếng Balan là Vrốt-xláp

cùng, khi chính Béc-lin bị bao vây, thì ngài Ru-gơ đã lên đường đến chỗ Man-toi-phen và đưa ra một loạt kiến nghị với Béc-lin về tờ "Reform", song các kiến nghị đều bị bác bỏ. Man-toi-phen thú nhận với ông rằng không thể mong muốn có những tờ báo đối lập nào tốt hơn tờ "Reform", - "Neue Preußische Zeitung"[181] còn nguy hiểm hơn nhiều, v.v., - đó là lời phát biểu mà ngài Ru-gơ ngây thơ với vẻ mặt đắc thắng đã vội vàng tung ra khắp nước Đức. Đồng thời Ác-nôn cũng say sưa *sự kháng cự thụ động* [182] và thể hiện sự chống cự thụ động đó trong thực tế bằng cách phó mặc cho số phận định đoạt tờ báo, các cộng tác viên và tất cả những cái khác và vội vàng bỏ chạy. Rõ ràng là sự bỏ chạy tích cực là hình thức chống cự thụ động kiên quyết nhất. Bọn phản cách mạng đã tấn công và Ru-gơ chạy thẳng một mạch từ Béc-lin tới tận Luân Đôn để thoát khỏi bọn chúng.

Trong thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa tháng Năm ở Đrơ-xđen, Ác-nôn cùng với bạn của mình là Ốt-tô Vi-găng và hội đồng thành phố cầm đầu phong trào ở Lai-pxích. Ông đã cùng với các bạn đồng nghiệp cho ra *bản tuyên ngôn* mạnh mẽ gửi những người dân của Đrơ-xđen, kêu gọi họ chiến đấu dũng cảm, vì Ru-gơ, Vi-găng và những người cha của thành phố đều nằm ở Lai-pxích - họ đang bảo vệ, còn thượng đế thì bảo vệ người bảo vệ. Nhưng lúc bản tuyên ngôn đó vừa xuất hiện thì ông Ác-nôn dũng cảm của chúng ta đã nhanh chóng chuồn về Các-lơ-xru-ê.

Ở Các-lơ-xru-ê ông không cảm thấy được an toàn mặc dầu những người Ba-đen vẫn đứng vững ở Nếch-ca và tình hình còn lâu mới dẫn tới chiến sự. Ông yêu cầu Bren-ta-nô cử ông về Pa-ri làm đại sứ. Bren-ta-nô đã trêu đùa ông khi giao cho ông chức vụ này trong 12 tiếng đồng hồ, nhưng sáng hôm sau lại thu lại lệnh để cử ông đúng vào lúc Ru-gơ chuẩn bị ra đi. Tuy vậy Ru-gơ vẫn lên đường đi Pa-ri cùng với những vị đại diện được để cử thực sự của chính phủ Bren-ta-nô, ông Suýt-xơ và Blin-đơ - và tự chủ được thật là độc đáo khiến cho ông Ốp-pen-hai-mơ, biên tập viên cũ riêng của ông, thấy phải công bố trên tờ "Karlsruher Zeitung"[183] rằng ngài



Ru-gơ lên đường đi Pa-ri tuyệt nhiên không phải với tư cách là nhân vật chính thức, mà *"tự chịu mọi trách nhiệm"*. Có một lần, khi Suýt-xơ và Blin-đơ đưa ông đi theo tới chỗ Lơ-đruy - Rô-lanh, Ru-gơ bỗng nhiên làm gián đoạn các cuộc hội đàm ngoại giao, vì ông bắt đầu chửi mắng kịch liệt người Đức trước mặt người Pháp đến nỗi những người cùng đi với ông chẳng còn cách nào khác là lẩn trốn một cách bối rối và ngượng ngùng. Ngày 13 tháng Sáu đã tới, một ngày làm cho Ác-nôn của chúng ta phải xúc động đến nỗi ông đã trốn tránh một cách vô căn cứ và chỉ khi ông ở Luân Đôn, trên đất nước Anh tự do ông mới hoàn hồn. Về sau, đối với cuộc chạy trốn đó ông đã tự so sánh mình với Đê-mô-xten.

Ở Luân Đôn Ru-gơ bắt đầu có ý định tự xưng là đại sứ của chính phủ lâm thời của Ba-đen. Sau đó ông mưu toan thâm nhập vào giới báo chí Anh với tư cách là một nhà văn - nhà tư tưởng vĩ đại của Đức, nhưng ở khắp mọi nơi ông đều bị từ chối với cái cớ là người Anh quá là duy vật nên không hiểu được triết học của Đức. Ngoài ra, người ta còn hỏi ông về các tác phẩm của ông, về điều này Ru-gơ chỉ có thể đáp lại bằng tiếng thở dài, trong khi đó trong đầu óc ông lại hiện lên một cách sinh động hình ảnh của Bru-nô Bau-ơ. Vì lẽ ngay toàn tập của ông cũng chỉ là các tập sách nhỏ được in lại nhiều lần. Mà thậm chí cũng chẳng phải là những tập sách nhỏ mà là những bài tạp chí được in thành sách nhỏ, và thực chất thậm chí chẳng phải là những bài tạp chí, mà là những đoạn trích lộn xộn của nhưng cuốn sách đã đọc. Lại phải làm một việc gì đó, và Ru-gơ đã viết cho tờ "Leader" [184] hai bài báo, trong đó với lý do miêu tả nền dân chủ Đức ông tuyên bố rằng, vấn đề cấp bách hiện nay ở Đức là *"chủ nghĩa nhân đạo"* mà đại diện cho nó là Lút-vích Phoi-ơ-bắc và Ác-nôn Ru-gơ; ông là tác giả của các tác phẩm sau đây: 1) "Tôn giáo của thời đại chúng ta", 2) "Chế độ dân chủ và chủ nghĩa xã hội", 3) "Triết học và cách mạng". Ba tác phẩm xuất sắc đó mà tới lúc này không thể tìm thấy trong một hiệu sách nào, dương nhiên không phải cái gì khác, ngoài những tiêu đề mới của một số bài báo cũ của

Ru-gơ lúc bấy giờ chưa được công bố. Đồng thời Ác-nôn đã bắt tay vào nghiên cứu những bài học hàng ngày của mình, tiến hành dịch ngược sang tiếng Đức các bài báo rút từ tờ "Kölnische Zeitung" chuyển sang tờ "Morning Advertiser"[185], việc đó có tác dụng giáo dục bản thân ông, có lợi cho công chúng Đức và làm cho ngài Bruy-ghê-man hết sức khủng khiếp.

Vì không được hưởng một chút vinh quang nào, ông lánh về Ô-xten-đơ, tại đây ông tìm thấy sự nhàn tản cần thiết để chuẩn bị đóng vai trò của *người hay lầm lẫn* [1*] *khó hiểu trong giới lưu vong Đức.*

Giống như Gu-xta-vơ giới thiệu món ăn thực vật còn Gốt-phrít trình bày những tình cảm của người phi-li-xtanh *tiểu tư sản* Đức, Ác-nôn giới thiệu *lý trí* của ông, hoặc nói đúng hơn, trình bày *sự phi lý*. Giống như Ác-nôn-đơ Vin-ken-rít [186], ông không khám phá ra *con đường* tự do, - bản thân ông là *cái máng dẫn nước* "tự do"[2*]. Trong cuộc cách mạng Đức Ru-gơ nổi lên như là tấm biển treo ở góc một số phố: ở đây được phép đi tiểu tiện.

Tuy nhiên, cuối cùng, chúng ta quay lại bản thông cáo của chúng ta và bức thư kèm theo. Bản thông cáo không gây được ấn tượng mong muốn và ý định lúc đầu thành lập một giáo hội dân chủ thống nhất đã không đem lại kết quả gì. Về sau, Sram và Gu-xta-vơ đều giải thích rằng dường như nguyên nhân của tình hình này chỉ là do Ru-gơ không biết nói tiếng Pháp, cũng không biết viết tiếng Đức. Nhưng những con người vĩ đại ấy chẳng bao lâu sau lại trở lại hoạt động.

Che ciascun oltra moda era possente.
Come udirete nel canto seguente[3*].

1* - Chơi chữ: "Konfusius" - "lầm lẫn" đồng âm với cái tên Konfuzius là Khổng tử.
2* - Chơi chữ: "Gasse der Freiheit" – "con đường tự do", "Gosse der Freiheit" – "cái máng dẫn nước tự do".
3* - Người này là sức mạnh kỳ diệu của người khác.
Điều này được nói ti mỉ hơn – trong bài hát sau.
(Bôi-ác-đô. "Rô-lăng yêu đương")



# VI

Rô-đô-môn-tơ - *Hai-nơ-txen* [187] đi từ Thụy Sĩ tới Luân Đôn cùng một lúc với Gu-xtáp. Các Hai-nơ-txen đã nhiều năm sống trong sự đe dọa phải tiêu diệt "bọn bạo ngược" ở nước Đức, sau cách mạng tháng Hai đã thấm sâu tinh thần dũng cảm chưa từng thấy, khiến ông quyết định lại đặt chân lên đất Đức, tới hòn đảo nhỏ Su-xtéc, và sau đó vượt sang Thụy Sĩ. Từ đất nước đó, từ Giơ-nevơ an toàn, ông lại bắt tay vào việc dập tan "bọn bạo ngược và bọn áp bức" và lợi dụng cơ hội tuyên bố rằng "Cô-sút là con người vĩ đại, nhưng Cô-sút quên mất thủy ngân fuminát". Từ chỗ ghê tởm đối với sự đổ máu Hai-nơ-txen trở thành nhà luyện kim đan của cách mạng. Ông mơ tưởng tới một chất nổ mà trong nháy mắt có thể quét sạch khỏi mặt đất toàn bộ bọn phản động châu Âu, mà không làm bỏng ngay cả những ngón tay của kẻ sử dụng nó. Ông ghê tởm đặc biệt đối với "các cuộc dạo chơi" dưới làn mưa đạn và phương pháp thông thường trong việc tiến hành chiến tranh, trong đó các niềm tin cũng không tránh khỏi những viên đạn đó. Trong thời kỳ ngài Bren-ta-nô cai trị, ông thậm chí đã mạo hiểm tiến hành cuộc hành trình cách mạng tới Các-lơ-xroa. Vì tại đó ông không được tặng thưởng về những chiến công vĩ đại của mình nên trong thời gian đầu ông quyết định biên tập bản tin chính thức[1*] của "tên phản bội" Bren-ta-nô. Thế nhưng, khi những người Phổ bắt đầu tấn công thì ông tuyên bố rằng ông, Hai-nơ-txen, tuyệt nhiên "không có ý định để bị chết" vì tên phản bội Bren-ta-nô, và với cái lý do lập ra một đạo quân tinh nhuệ mà trong đó các chính kiến và tổ chức quân sự có thể bổ sung lẫn cho nhau, - nói

1* - "Karlsruher Zeitung"

một cách khác, sự nhút nhát về quân sự có vẻ như là sự dũng cảm về chính trị, - và trong khi luôn luôn đuổi theo một đạo quân tình nguyện kiểu mẫu như vậy ông đã bị tụt hậu cho tới khi lại được sống trên mảnh đất Thụy Sĩ quen thuộc. "Cuộc hành trình của Xô-phi-a từ Mê-men đến Dắc-den" [188]phải đổ máu nhiều hơn so với cuộc hành quân cách mạng của Rô-đô-môn-tơ. Sau khi tới Thụy Sĩ, ông tuyên bố rằng ở nước Đức không có người nào nữa, rằng thủy ngân fuminat thực sự vẫn chưa được khám phá ra, rằng chiến tranh được tiến hành không phải do có các quan điểm cách mạng mà bằng con đường thông thường, bằng thuốc súng và đạn chì, rằng hiện nay ông sẽ bắt đầu cách mạng hóa Thụy Sĩ, vì ông xem như nước Đức đã mất. Ở nước Thụy Sĩ bị tách biệt và có tính chất điền viên, nếu chú ý tới tiếng nói trọ trẹ mà ở đây người ta thường nói, Rô-đô-môn-tơ có thể có vẻ như một nhà văn người Đức và thậm chí là một con người nguy hiểm. Ông đã đạt được điều mà ông muốn. Ông bị trục xuất và dựa vào Liên minh Thụy Sĩ ông được chuyển tới Luân Đôn. Rô-đô-môn-tơ - Hai-nơ-txen không trực tiếp tham gia cuộc cách mạng châu Âu, nhưng rõ ràng ông đã bận rộn không ít vì cuộc cách mạng đó. Khi cuộc cách mạng tháng Hai bùng nổ, ở Niu Oóc ông tiến hành "quyên góp tiền cho cách mạng" để gấp rút giúp đỡ Tổ quốc, và ông đã tới tận biên giới Thụy Sĩ. Khi cuộc cách mạng tháng Ba thất bại trên các quốc gia Đức thì dựa vào Hội đồng Liên bang Thụy Sĩ ông đã từ Thụy Sĩ chuyển về phía La Măng-sơ. Ông thỏa mãn vì đã quyên góp được nhiều của cách mạng để phục vụ cho cuộc tấn công của mình, cũng như của phản cách mạng để thực hiện cuộc rút lui của mình.

Trong những thiên sử thi viết về các hiệp sĩ I-ta-li-a người ta luôn luôn nói tới những con người phi thường có đôi vai rộng, dũng mãnh, được trang bị bằng các gậy lớn, mặc dầu hay đánh nhau một cách dã man và luôn gào thét hăm dọa, thế nhưng trong các cuộc đọ sức sống mái họ không bao giờ đánh trúng kẻ thù, mà lúc nào cũng chỉ đánh trúng những cây vây quanh. Ngài Hai-nơ-txen cũng là một con người phi thường như A-ri-ô-xtô trong



các sách báo chính trị. Được thiên nhiên phú cho cái dáng vóc thô và một thân hình vững chãi, ông đã coi đó là bằng chứng nói rằng ông được giao sứ mệnh trở thành một con người vĩ đại. Cái thân hình nặng nề đó phù hợp với toàn bộ hoạt động văn học của ông, hoạt động này hoàn toàn mang tính chất vật chất. Những kẻ thù của ông lúc nào cũng bé tí, những người chim chích đứng không đến mắt cá của ông, thậm chí khi gặp người xuống tận đầu gối ông cũng phải nhìn họ từ trên xuống. Và ngược lại, khi cần phải đưa thân hình đó vào hoạt động, thì "uomo membruto"[1*] tìm sự cứu giúp trong văn học hoặc ở toà án. Thế là ông vừa mới được cư trú an toàn trên đất Anh thì đã viết ngay bài nói về lòng dũng cảm có đạo đức. Ngay ở Niu Oóc ngài Rích-te nào đó thường hay đánh đập con người phi thường của chúng ta trong suốt thời gian dài khiến cho quan tòa cảnh sát lúc đầu chỉ bắt nộp những khoản tiền phạt không đáng kể, cuối cùng đã kết án người chim chích Rich-te, lưu ý tới hành vi có mục đích của ông ta, bắt phải bồi thường với mức 200 đô-la về các lần đánh đập.

Cái bổ sung tự nhiên cho thân hình to lớn đó, trong đó bộc lộ rõ sự trắng kiện, là *tư tưởng lành mạnh của con người* mà, như ngài Hai-nơ-txen đã quả quyết, nó là cái vốn có với mức độ cao nhất ở ông ta. Theo các yêu cầu của tư tưởng lành mạnh của con người đó, ngài Hai-nơ-txen là một thiên tài bẩm sinh, không hề học gì, và hoàn toàn dốt nát cả về văn học lẫn khoa học. Do có tư tưởng lành mạnh của con người mà ông cũng gọi là "sự sáng suốt vốn có của ông", và dựa trên cơ sở tư tưởng đó, ông làm cho Cô-sút tin rằng "ông đạt tới đỉnh cao nhất của tư tưởng", nên ông chỉ học bằng cách nghe người ta nói hoặc qua báo chí, và vì vậy nên thường xuyên đi sau thời cuộc và lúc nào cũng ăn mặc bảnh bao trong bộ quần áo đã bị giới văn học vứt bỏ mấy năm trước đó, trong khi đó những bộ quần áo mới hiện đại mà ông chưa có cách nào để có thể có được thì ông tuyên bố là trái với đạo đức và không thích dụng. Nhưng ông lại tin tưởng một cách hoàn toàn

1* - "chàng trai khoẻ mạnh"

chắc chắn vào điều mà có lần ông đã thấu hiểu, và điều đó đối với ông thành một cái gì đó có từ lâu, đương nhiên, mỗi người đều phải tán thành và chỉ có kẻ tàn bạo, ngu ngốc hoặc ngụy biện mới không muốn hiểu. Dĩ nhiên, một thân thể thật tráng kiện và một tư tưởng con người thật lành mạnh cũng phải có những *chính kiến* kiên định và dứng đắn, và chúng hoàn toàn phải dựa sự tin tưởng ngu ngốc đối với những chính kiến đó tới giới hạn cao nhất. Về mặt này Hai-nơ-txen không thua kém ai. Với bất cứ lý do nào cũng phải dựa vào chính kiến, chính kiến trái ngược với từng luận cứ, và với bất kỳ ai không hiểu ông hoặc ông không hiểu họ, thì ông đều trả thù bằng cách tuyên bố đơn giản rằng người đó là con người không có một niềm tin nào và đặc biệt là do ác ý, có ý định xấu xa, phủ định điều đã rõ như ban ngày. Ông kêu gọi nữ thần thi ca hãy phẫn nộ chống lại những đố độ đáng khinh đó của A-ri-măng[189]: ông chửi rủa, ông làm ầm lên, ông khoe khoang, ông răn dạy, ông đọc đến sùi bọt mép những lời truyền giáo rỗng tuếch dầy tính chất bi hài kịch. Ông cho thấy lời chửi rủa khi được con người sử dụng có thể đi tới giới hạn nào, sự hóm hỉnh cũng như trình độ văn hóa Bốc-nơ đều xa lạ như nhau đối với con người. Thi tứ của con người thế nào thì phong cách của nó cũng như thế. Muôn đời cũng vẫn là cái "cái roi, hãy ra khỏi bọc!" [190] trong truyện cổ tích, thế nhưng ở đây lại là cái roi thông thường nhất mà những nhánh của nó không còn như xưa, và không nhọn nữa. Chỉ trong những trường hợp ông vấp phải một điều gì đó thuộc về khoa học, ông mới ấp úng trong chốc lát. Những chuyện xảy ra với ông cũng là những gì đã diễn ra với mụ hàng cá ở chợ Bin-linh-xghết [191], mà có lần Ô Cô-nen đã chửi nhau với mụ và buộc mụ phải im lặng sau khi đáp lại mụ một tràng dài lời chửi rủa: "Mày là thế đấy, mày còn tệ hơn nhiều, mày là tam giác cân, là hình hộp!".

Từ quá khứ của ngài Hai-nơ-txen cần nhận ra một điều là, trên các thuộc địa của Hà Lan ông đã phục vụ nếu như không tới cấp tướng thì cũng đã làm viên hạ sĩ quan - tức là ông đã hạ mình, vì thế mà sau này lúc nào ông cũng nhận xét về người Hà Lan



như một dân tộc không có chính kiến. Sau đó chúng ta lại gặp ông là một viên chức thuế vụ cấp thấp ở Khuên, với cương vị đó ông đã viết vở hài kịch, trong đó tư tưởng con người lành mạnh của ông cố gắng - nhưng uổng công - chế giễu triết học của Hê-ghen [192]. Ông cảm thấy dễ chịu hơn nhiều ở mục những chuyện thêu dệt ở địa phương trên tờ "Kölnische Zeitung", ở trang cuối, ông đã bàn luận với vẻ quan trọng về những điều hiểu nhầm trong hội Các-na-van ở Khuên là cơ quan mà từ đó đã xuất hiện tất cả những con người vĩ đại ở Khuên. Những ưu phiền riêng của ông cũng như những ưu phiền của cha ông - ông Hai-nơ-txen kiểm lâm khi xung đột với tên chủ, đối với ông đều mang tính chất của cái sự biến thế giới - như điều thường xảy ra trong mọi loại xung đột nhỏ giữa các cá nhân với tư tưởng lành mạnh của con người. Ông đã mô tả những điều ưu phiền đó trong cuốn sách của ông nhan đề "Tầng lớp quan liêu Phổ" - một cuốn sách còn tồi hơn cuốn sách của Vê-nê-đây [193] khá nhiều, và trong cuốn sách đó không nói gì ngoài những lời than phiền của một viên chức nhỏ đối với cấp trên. Cuốn sách đó lôi cuốn ông ta vào quá trình in ấn. Mặc dầu trong trường hợp xấu nhất ông có nguy cơ chỉ bị kết án từ 6 tháng nhưng hình như ông vẫn liều mạng và ông đã thoát thân bằng cách bỏ chạy tới Bruy-xen. Từ đây ông yêu cầu Chính phủ Phổ chẳng những phải bảo đảm cho ông được tự do đi lại, mà còn phải vì lợi ích của ông hủy bỏ toàn bộ việc xét xử của Pháp và có lẽ chỉ truy tố ông trước tòa bồi thẩm về tội giản đơn thôi [194]. Chính phủ Phổ đã ra lệnh bắt giữ ông; ông đáp lại bằng bài "Lệnh bắt giữ" của Chính phủ Phổ [195], tuy thế trong bài viết đó ông đã thuyết giáo về sự phản kháng về tinh thần và nền quân chủ lập hiến, còn những người cách mạng thì bị ông tuyên bố là những con người không có đạo đức và quỷ quyệt. Từ Bruy-xen ông sang Thụy Sĩ. Ở đây, như đã nói ở trên ông gặp người bạn là Ác-nôn và, ngoài triết học của Ác-nôn, - ông còn học được ở ông này cách làm giàu có lợi nhất. Giống như Ác-nôn trong quá trình bút chiến cố gắng nắm được những tư tưởng của đối phương, ông Hai-nơ-txen cũng vậy, trong quá trình *chửi rủa* đã hiểu thấu những tư tưởng mới mà ông chống

lại. Ông chưa kịp trở thành người vô thần thì lập tức với tất cả sự sốt sắng và nồng nhiệt của một môn đệ mới, ông gây ra cuộc bút chiến kịch liệt với ông già nghèo khổ Phô-len, vì ông này không thấy những căn cứ để lúc tuổi già cũng trở thành một người vô thần mà không cần có lý do nào thôi thúc. Nước Cộng hòa liên bang Thụy Sĩ mà lúc này đang hoàn toàn xung đột với ông, lại phát triển tư tưởng con người lành mạnh của ông tới mức khiến ông lúc đó muốn đem áp dụng cũng cái chế độ cộng hòa liên bang ấy ở cả nước Đức. Thế nhưng cũng cái tư tưởng con người lành mạnh đó đã dẫn ông tới kết luận rằng không có cách mạng thì không thể làm được điều đó, và do đó Hai-nơ-txen trở thành người cách mạng. Ông phát minh ra việc buôn bán các bài văn đả kích, trong đó với cái giọng điệu thô bạo nhất của tên mu-gích Thụy Sĩ ông thuyết giáo là phải nhảy ngay vào "cuộc chiến" và đe dọa giết chết tất cả những tên vua chúa – những kẻ gây nên mọi tai họa trên trái đất. Ông có ý đồ thành lập trên đất Đức các ủy ban quyên góp tiền để in ấn và phân phát các bài văn đả kích đó, hơn nữa việc làm này lại kèm theo một cách thiếu lịch sự việc vay nài trên quy mô lớn – một cái nghề mà trong đó những con người thuộc đảng phái của ông lúc đầu bị bóc lột, và sau đó lại bị chửi mắng thô bạo. Ông già I-txơ-stanh có thể kể chi tiết hơn về điều này. Những bài văn đả kích này đã tạo cho Hai-nơ-txen một vinh quang lớn trong giới buôn bán rượu nho người Đức, những người này tỏa đi khắp nước, đâu đâu họ cũng loan truyền về ông như một "chiến binh" dũng cảm.

Từ Thụy Sĩ ông chuyển sang nước Mỹ; ở đây, mặc dầu nhờ có văn phong kiểu mu-gích Thụy Sĩ của mình, ông có vẻ như một thi sĩ chân chính, biết bóp chết trong một thời gian ngắn tờ "Schnellpost"[196] của Niu Oóc.

Sau cách mạng tháng Hai, ông trở về châu Âu, viết trên tờ "Mannheimer Abendzeitung"[197] một số bài thông báo về việc ngài Hai-nơ-txen vĩ đại đã đến đây và cho xuất bản cuốn sách nhỏ chống lại La-mác-tin[198] để trả thù việc ông này và hơn nữa toàn bộ chính phủ đã xem thường ông, không dếm xỉa tới giấy ủy nhiệm



ông là đại biểu người Đức trên đất Mỹ. Ông không muốn quay về nước Phổ, vì lẽ, mặc dầu có cuộc cách mạng tháng Ba và có sự ân xá, ông cho rằng ở đấy ông vẫn còn phải liều mạng. Nhân dân sẽ phải kêu gọi ông. Vì không có chuyện như vậy nên ông chợt nghĩ ra là phải ứng cử vắng mặt ở Hăm-buốc vào Quốc hội Phran-phuốc, với lý do nếu ông là một diễn giả tồi thì ông sẽ bỏ phiếu tích cực hơn. Thế nhưng ông đã thất bại.

Tới Luân Đôn sau khi cuộc khởi nghĩa Ba-den kết thúc, ông cam phẫn tột bậc nhận xét về những con người trẻ tuổi, vì họ mà người ta đã quên và bản thân họ cũng quên mất con người vĩ đại của thời kỳ *trước* và *sau* cách mạng. Ông ta lúc nào cũng chỉ là l'homme de la veille hoặc là l'homme du lendemain[1*], nhưng không bao giờ là l'homme du jour[2*], huống chi - de la journée[3*]. Vì vẫn chưa phát minh được chất thủy ngân fuminat thực sự nên phải tìm kiếm các phương tiện mới để đấu tranh với phái phản động. Vì vậy ông đòi hỏi phải hy sinh hai triệu người để ông với tư cách là tên độc tài, có thể ngập máu tới mắt cá chân, dương nhiên, máu của những người khác. Về thực chất sự việc chỉ là nhằm gây ra sự bê bối. Bọn phản động đã chi tiền để giải ông tới Luân Đôn, lúc này chúng phải dùng biện pháp trục xuất khỏi nước Anh, để lại giải ông tới Niu Oóc mà không phải trả tiền. Song dự định đó không thành đạt và chỉ dẫn tới chỗ các tờ báo cấp tiến của Pháp gọi ông là thằng ngốc, kẻ đòi hy sinh hai triệu người chỉ vì bản thân hắn không bao giờ dám liều cái mạng của mình. Nhưng để hoàn thành công việc một cách xứng đáng, ông cho in bài báo khát máu, nhuốm đầy máu của mình... trên tờ "Deutsche Londoner Zeitung" của cựu hiệp sĩ Brao-nơ - svai-gơ - dĩ nhiên, để lấy tiền mặt.

Gu-xtáp và Hai-nơ-txen từ lâu vẫn tôn trọng lẫn nhau. Hai-nơ-txen gọi Gu-xtáp là nhà thông thái, còn Gu-xtáp gọi Hai-nơ-txen là chiến

1* - con người ngày hôm qua hoặc con người của ngày mai
2* - con người của ngày hôm nay
3* - ngày hành động quyết định.

binh Hai-nơ-txen chật vật mới có thể chờ tới lúc kết thúc cuộc cách mạng châu Âu để chấm dứt "những sự chia rẽ tai hại trong những *người lưu vong* dân chủ của Đức" và lại bắt tay vào công việc của mình hồi trước cách mạng tháng Ba. Ông "giới thiệu để thảo luận cương lĩnh của đảng cách mạng Đức với tính cách là kiến nghị, là dự thảo của mình". Cương lĩnh này nổi bật ở chỗ dự định lập ra một bộ đặc biệt "mà về tầm quan trọng không thua kém một bộ nào khác, - bộ này có nhiệm vụ tổ chức các cuộc hội hè của công chúng, các sân bãi để đấu" (không có mưa đạn) "và những công viên", cương lĩnh này còn nổi bật ở sắc luật "bãi bỏ quyền ưu tiên của nam giới, nhất là trong hôn nhân" (đặc biệt là trong sách lược công kích thời chiến. Xem Clau-dơ-vít-xơ). Cương lĩnh đó, về thực chất, chỉ là bức thông điệp ngoại giao của Hai-nơ-txen gửi cho Gu-xtáp, - thực ra không một ai khác chú ý tới nó, - dáng lẽ thống nhất lại thì lại gây nên sự tuyệt giao nhanh chóng giữa hai con gà trống thiến. Hai-nơ-txen đòi hỏi để cử một kẻ độc tài duy nhất cho "thời kỳ chuyển tiếp cách mạng", nhất thiết phải là gốc người Phổ, tuy vậy để tránh những điều ngộ nhận, ông nói thêm: "Binh sĩ không thể làm kẻ độc tài". Còn Gu-xtáp thì ngược lại, đòi hỏi phải có sự chuyên chế của ba người, trong số đó, ngoài ông ta ra, ít ra cũng phải bao gồm hai người Ba-đen nữa. Thêm vào đó Gu-xtáp còn thấy rõ, ông đã phát hiện ra rằng dường như trong cái cương lĩnh được công bố một cách vội vã đó Hai-nơ-txen đã ăn cắp "ý tứ" nào đó của ông ta. Thế là sụp đổ cái mưu toan thứ hai muốn đoàn kết và, Hai-nơ-txen hoàn toàn không được thế giới thừa nhận, đã trở về với tấm màn bí mật, sống ở đấy cho tới lúc nhận ra rằng, đối với ông đất nước Anh không thể chịu đựng nổi và rời đi Niu Oóc hồi mùa thu năm 1850.



# VII
# GU-XTÁP VÀ HỘI ĂN CHAY

Sau khi ông Gu-xtáp kiên trì thực hiện thêm một ý đồ nữa không đạt kết quả là cùng Phri-đrích, Háp-bếch, Ô-xvan, Rô-den-blum, Côn-hai-mơ, Gru-ních và các bậc "lỗi lạc" khác thành lập *Ủy ban trung ương lưu vong*, ông liền tới I-óoc-sia. Ở đây phải chăm sóc cho vườn cây thần tiên được nở rộ, trong đó có lẽ không phải tệ nạn ngự trị như trong vườn cây của An-xi-nơ[199], mà là phẩm hạnh. Một người Anh già có nét nổi bật là hay hài hước, bị Gu-xtáp của chúng ta làm cho phát chán vì những học thuyết của mình, chộp lấy câu nói hớ của Gu-xtáp, và dành cho ông mấy moóc-ghen đất sinh lấy ở I-oóc-sia với điều kiện dứt khoát phải có là tại đó phải thành lập "hội ăn chay", trong hội này cấm ngặt không được ăn bất kỳ loại thịt nào, không hút thuốc và không uống các loại rượu, mà chỉ cho phép dùng thức ăn thực vật, và mỗi một hội viên sáng nào cũng phải đọc một chương trong tác phẩm của Stơ-ru-vơ nói về luật pháp của nhà nước, thay cho việc cầu nguyện. Ngoài ra, hội phải tự nuôi dưỡng bằng lao động của mình. Cùng đi theo có nàng A-ma-li-a của ông, có người dân Sva-ben ngây thơ là Snau-phơ và một số chiến hữu nữa, Gu-xtáp điềm tĩnh lên đường và thành lập "hội ăn chay". Có thể nói về hội đó rằng, trong hội này "phúc lợi" thì ít mà giáo huấn thì nhiều và được tha hồ "tự do" buồn chán và gẩy mòn. Và đây, - vào một buổi sáng tươi đẹp Gu-xtáp của chúng ta khám phá ra một âm mưu lớn. Các bạn đồng hành của ông không có thói quen nhai lại như ông và thấy ghê sợ các thức ăn thực vật, đã quyết định giết giấu ông con bò cái già duy nhất mà sữa của nó là nguồn thu nhập chính của "hội ăn chay". Gu-xtáp vung tay ngạc nhiên, chảy những giọt nước mắt nóng bỏng

về sự phản bội với một đồng loại của chúng ta, ngán ngẩm tuyên bố rằng hội bị giải tán và quyết định biến nó thành giáo phái Quây-cơ ướt át [200], nếu như lần này ở Luân Đôn ông không làm sống lại được tờ "Deutscher Zuschauer" hoặc thành lập một "chính phủ lâm thời" nào đó.



## VIII

Ác nôn, con người mà cuộc sống ẩn dật ở Ô-xten-đơ không làm vừa ý và lôi kéo ông ta "xuất hiện trở lại" trước công chúng, đã nghe nói về tai họa của Gu-xtáp. Ông liền quyết định vội vã trở về nước Anh và cùng với Gu-xtáp vươn lên địa vị của một trong những người Pen-tác-khơ của phái dân chủ châu Âu. Tình hình là như sau: lúc đó đã thành lập Ủy ban trung ương châu Âu [201] gồm có Mát-di-ni, Lơ-đruy - Rô-lanh và Đa-ra-sơ. Ru-gơ cảm thấy ở đây còn một chỗ trống. Thực ra, Mát-di-ni đã phong Éc-nơ-xtơ *Hâu-gơ* làm tướng nhưng vẫn có thể chỉ định ông ta làm cộng tác viên người Đức của tạp chí "Le Proscrit"[202] của mình, tuy thế Mát-di-ni không thể biến con người hoàn toàn không quen biết đó thành ủy viên trong Ủy ban trung ương của ông dù là vì lý do lịch sự. Ru-gơ của chúng ta cũng biết rằng ông Gu-xtáp quen Mát-di-ni từ lúc còn ở Thụy Sĩ. Về phía mình, mặc dù ông biết Lơ-đruy - Rô-lanh, nhưng rủi thay chính ông lại không quen ông ta. Và thế là ông Ác nôn đã đến ở tại Brai-tơn, chiều chuộng và vuốt ve ông Gu-xtáp chất phác, hứa hẹn với ông rằng sẽ cùng ông sáng lập ở Luân Đôn tờ "Deutscher Zuschauer", thậm chí còn quyết định tự bỏ tiền ra xuất bản trên cơ sở hợp tác dân chủ cuốn từ điển các khoa học chính trị của Rốt-tếch - Ven-cơ. Đồng thời, ông giới thiệu Gu-xtáp của chúng ta với tư cách là một con người vĩ đại và cộng tác viên của một trong những tờ báo tỉnh của Đức mà lúc nào ông cũng nắm được, phù hợp với các nguyên tắc của ông (tối lần này số phận rơi vào tờ "Bremer Tages-Chronik"[203] của cha Đu-lông thuộc hội "Những người bạn của ánh sáng"). Kẻ tung người hứng - Gu-xtáp lại giới thiệu Ác-nôn với Mát-di-ni. Vì Ác-nôn nói bằng một thứ tiếng Pháp hoàn toàn không hiểu được nên không một ai có thể cản trở ông tự giới thiệu với Mát-di-ni với tư cách

nhà thơ kiêm ca sĩ, giọng ba-ri-tông, những đống lửa trên các ngọn núi và nền tự do Đức được đưa vào bản tuyên ngôn như khoản thù lao cho dân tộc Đức[207]. Ác-nôn Ru-gơ thấy ngạc nhiên khi trải qua cơn thử thách và lần đầu ông hiểu ra rằng không cần phải thông minh gì lắm cũng điều khiển được thế giới. Từ lúc đó, hơn bao giờ hết ông bắt đầu coi thường Bru-nô Bau-ơ, người từ lúc còn trẻ đã viết xong 18 tập sách nặng trịch.

Như vậy khi Ác-nôn đứng ở hàng cuối của Ủy ban trung ương châu Âu, ký tên vào các bản tuyên ngôn *có tính chiến đấu* đối với Mát-di-ni nhằm bảo vệ thần thánh chống lại bọn vua chúa, thì *phong trào vì hòa bình* dưới sự chỉ đạo của Cốp-đen không chỉ lan rộng ở nước Anh, mà thậm chí vượt sang bên kia bờ biển nước Đức, do đó mà tên Mỹ bịp bợm Ê-li-hiu Buê-rit cùng Cốp-đen, Gia-u-pơ và Gi-rác-đanh và người Anh điêng tên là Ca-ghi-ga-ghi-va-va-bê-ta có thể tổ chức đại hội hòa bình ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ[208]. Bàn tay của Ác-nôn của chúng ta cũng ngứa ngáy muốn sử dụng cả cơ hội này để thực hiện "sự tái hiện" của mình và nhân danh mình ra tuyên ngôn. Vì vậy ông tự chỉ định là ủy viên thông tấn của Quốc hội Phran-phuốc này và đã gửi tôi đó bản tuyên ngôn quá ư rối rắm về hòa bình do ông chuyển lời lẽ của Cốp-đen sang ngôn ngữ vùng Pô-mê-ra-ni có tính chất đầu cơ của mình. Một số người Đức chỉ ra cho Ác-nôn thấy mâu thuẫn giữa cái lập trường hiếu chiến của ông trong Ủy ban trung ương và bản tuyên ngôn mang tính chất Quây-cơ của ông về hòa bình. Đối với điều đó ông thường phản đối: "Đối với điều đó cũng có mâu thuẫn. Phép biện chứng là thế. Lúc còn trẻ tôi đã nghiên cứu Hê-ghen". Và "cái ý thức trung thực" đã làm ông yên lòng ở chỗ, Mát-di-ni không hiểu qua tiếng Đức và vì vậy dễ đánh lừa ông ta.

Sự che chở của *Ha-rô Ha-rinh*, người vừa mới đặt chân lên Hun, cũng hứa hẹn có hy vọng củng cố các quan hệ giữa Ác-nôn với Mát-di-ni. Một nhân vật mới rất đáng chú ý mà Ha-rô Ha-rinh là người đại diện đã bước lên vũ đài.



# IX

Cuộc lưu vong có tính chất mị dân vào những năm 1830 – 1831 đã diễn ra trước tấn kịch vĩ đại của cuộc lưu vong có tính chất dân chủ các năm 1849 - 1852 cách đó 18 năm. Mặc dầu có đủ thời gian để quét sạch khỏi vũ đài bộ phận lưu vong lớn nhất trong lần đầu này, song một số phần tử đáng kính của nó vẫn còn tồn tại. Với sự bình tâm kiên trì nhìn nhận tiến trình lịch sử thế giới và các kết quả hoạt động của bản thân, họ tiếp tục làm nghề cổ động, đề ra các kế hoạch tổng quát, thành lập các chính phủ lâm thời và tung ra đủ loại tuyên ngôn. Rõ ràng là những tên bịp bợm nhiều kinh nghiệm đó phải vượt lên hẳn thế hệ mới về mặt hiểu biết công việc. Một sự hiểu biết nào đó về cách tiến hành công việc - sự hiểu biết này có được nhờ 18 năm thực hiện các âm mưu, các phương kế, những mưu mô, những tuyên ngôn, sự lừa đảo và làm nổi bật con người mình - cũng tạo ra cho ngài Mát-di-ni đũng cảm và tin tưởng mà nhờ đó ông ta tuy chỉ có ba người giả mạo kém thông thạo công việc như vậy đi theo, cũng có thể tuyên bố mình là Ủy ban trung ương của đảng dân chủ châu Âu.

Không một ai được các tình huống đặt vào một địa vị thuận lợi hơn để trở thành một nhà cổ động lưu vong điển hình như ông bạn *Ha-rô Ha-rinh* của chúng ta. Và thực tế ông trở thành một mẫu mực mà tất cả những nhà lưu vong vĩ đại của chúng ta - tất cả những người kiểu Ác-nôn, Gu-xtáp và Gốt-phrít đều cố gắng bắt chước ít nhiều có ý thức và ít nhiều có kết quả con người mẫu mực đó; có thể họ cũng sẽ đạt được kết quả - nếu như không một hoàn cảnh không thuận lợi nào cản trở việc làm đó - sánh ngang hàng với ông nhưng vị tất họ đã vượt nổi ông.

Giống như Xê-da, Ha-rô tự miêu tả những công tích của mình (Luân Đôn, năm 1852)[209]. Ông sinh ra "trên bán đảo Kim-vri"[1*]. Ông thuộc bộ tộc các nhà tiên tri ở miền bắc Phri-đơ; thông qua tiến sĩ Clê-men-tơ bộ tộc này đã chứng minh rằng mọi dân tộc vĩ đại trên thế giới đều từ bộ tộc đó mà ra. "Ngay từ thời còn trai trẻ" ông khao khát "bằng việc làm chứng minh lòng trung thành của mình đối với sự nghiệp của các dân tộc", sau khi lên đường đi Hy Lạp vào năm 1821. Rõ ràng là, từ lúc còn trẻ, ông bạn Ha-rô đã cảm thấy mình có sứ mệnh phải có mặt ở khắp những nơi có cuộc chạy ngược chạy xuôi nào đó. Về sau ông

"do số phận kỳ lạ, đã đứng ở ngọn nguồn của chế độ chuyên chế, gần gũi trực tiếp với vua chúa, và khi ở *Ba Lan*, đã nhận rõ tính chất tráo trở của chế độ quân chủ lập hiến".

Như vậy, cũng ở Ba Lan Ha-rô đã chiến đấu cho tự do. Song "cuộc khủng hoảng trong lịch sử châu Âu sau sự sụp đổ của Vác sa-va đã buộc ông phải trầm ngâm suy nghĩ" và sự trầm tư đó đã dẫn ông tới ý nghĩ phải có "nền dân chủ dân tộc", - ý nghĩ mà ông lập tức "miêu tả trong tác phẩm *"Các dân tộc"*, Xtơ-ra-xbua, tháng Ba 1832".

Nói về tác phẩm này cần phải chú ý rằng suýt nữa thì người ta trích dẫn nó để đọc trong cuộc tiết lễ ở Hăm-bắc[210]. Cũng vào lúc đó ông cho xuất bản "tập thơ cộng hoà của mình: *"Những giọt máu"*, "Lịch sử của hoàng đế *Xa-un*, hoặc chế độ quân chủ", *"Tiếng nói của những đấng nam nhi*. Về vấn đề thống nhất nước Đức"" và biên tập tạp chí "Deutschland"[211] xuất bản ở Xtơ-ra-xbua. Tất cả các tác phẩm đó và thậm chí tất cả các tác phẩm sau này của ông đã có cái diễm phúc bất ngờ là ngày 4 tháng Mười một 1831 đều bị Quốc hội hiệp bang cấm. Chính người chiến sĩ quang vinh đã thiếu điều đó, - lúc này ông đã có một thế lực xứng đáng, đồng thời có một sự đau đớn cao độ. Vì vậy, ông có thể reo lên rằng:

"Các tác phẩm của tôi đã được phổ biến rộng rãi và có tiếng vang sâu sắc trong trái tim nhân dân. Đại bộ phận các tác phẩm đó được phân phát *không lấy tiền*. Thậm chí một số trong những tác phẩm đó không bù lại cho tôi những chi phí về in.

1* - tên gọi cổ xưa của bán đảo Giút-lan.



Nhưng những vinh dự mới đã chờ đón ông. Ngay từ tháng Mười một 1831 ngài Ven-cơ trong bức thông điệp phổ biến rộng rãi đã uống công định "hướng ông đi *thẳng lên* chủ nghĩa lập hiến". Sau đó, vào tháng Giêng 1832, ngài Man-ten, một phái viên có tiếng tăm của Phổ ở nước ngoài, đã tới gặp ông và đề nghị ông cùng phục vụ nước Phổ. Một sự thừa nhận của cả hai bên, thậm chí cả của kẻ thù ! Chỉ cần nói rằng đề nghị của Man-ten đã làm thức tỉnh "một cách không có ý thức" trong con người ông

"sự mong muốn làm sống lại tư tưởng dân tộc Xcăng-đi-na-vơ đối lập với sự phản bội của triều đại đó", và "từ thời kỳ đó đã phục hưng ít ra cái *tiếng* "Xcăng-đi-na-vơ" hình như đã bị quên từ mấy thế kỷ".

Như vậy là anh chàng miền bắc Phri-đơ của chúng ta, nguồn gốc ở miền Nam Giút-lan tuy không biết rõ bản thân mình là người Đức hay người Đan Mạch nhưng có tính dân tộc dù là kỳ lạ và cái mà ông có được đó mang lại kết quả đầu tiên là những người ở Hăm-bắc không muốn quan hệ với ông.

Sau những sự biến đó địa vị của Ha-rô được bảo đảm. Người chiến sĩ lão thành đấu tranh cho nền tự do của Hy Lạp và Ba Lan, người phát minh ra "nền dân chủ dân tộc", một con người lại mới phát hiện ra "cái từ "Xcăng-đi-na-vơ"" do việc cấm của Quốc hội hiệp bang nên được thừa nhận là thi sĩ, là nhà tư tưởng và nhà báo, một người tuẫn tiết, một con người vĩ đại thậm chí cả quân thù cũng kính phục, mà những kẻ theo chủ nghĩa lập hiến, những tên theo chế độ chuyên chế, những người thuộc phái cộng hòa muốn thủ tiêu hết người này đến người khác, hơn nữa một con người thật là trống rỗng và lẩn thẩn, muốn tin vào cái vĩ đại của riêng mình, - tất thảy những cái đó chưa đủ cho hạnh phúc của ông hay sao ? Nhưng cùng với vinh quang của ông cũng nổi lên những yêu cầu mà Ha-rô, một con người nghiêm nghị đã đề ra cho bản thân mình. Chưa có một tác phẩm lớn nào có thể tổng hợp bằng nghệ thuật, dưới hình thức hấp dẫn và đại chúng, những học thuyết vĩ đại về tự do, tư tưởng dân chủ dân tộc, tất cả những khao khát cao cả yêu tự do của một châu Âu trẻ trung đang thức

tỉnh dưới con mắt của ông. Chỉ có thi sĩ và nhà tư tưởng bậc nhất mới có thể sáng tạo ra một tác phẩm như vậy, và chỉ có Ha-rô mới có thể là thi sĩ và nhà tư tưởng như vậy. Như vậy là đã xuất hiện ba phần đầu của "tập kịch *"Dân tộc"* gồm cả thảy 12 phần, trong đó có một phần bằng tiếng Đan Mạch", - một tác phẩm mà tác giả đã phải dành cho nó 10 năm trong cuộc đời mình. Điều đáng tiếc, trong số 12 phần đó thì 11 phần "cho đến lúc này vẫn còn ở dạng bản thảo".

Nhưng quan hệ êm dịu với các nàng thơ kéo dài không bao lâu.

"Vào mùa đông những năm 1832 - 1833 ở Đức, một phong trào đã được chuẩn bị nhưng bị thất bại qua các vụ lộn xộn mang tính bi kịch ở Phran-phuốc. Tôi được giao nhiệm vụ đêm mồng 6 rạng ngày 7 tháng Tư phải chiếm pháo đài (?) Ken. Cả người lẫn vũ khí đều đã sẵn sàng".

Rất tiếc, trong toàn bộ việc làm đó không đạt được gì và Ha-rô phải lánh sâu vào nước Pháp, tại đây ông viết xong cuốn *"Tiếng nói của con người"*. Những người Ba Lan đã chuẩn bị xong cuộc hành quân tới Xa-voa đã kêu gọi ông rời nước Pháp tới Thụy Sĩ. Ở đấy ông đã trở thành "bạn đồng minh trong bộ tham mưu của họ", đã viết thêm hai phần trong tập kịch "Dân tộc" và ở Giơ-ne-vơ đã làm quen với Mát-di-ni. Sau này toàn bộ Hội lưu hoàng[212] đó gồm những người phiêu lưu Ba Lan, Pháp, Đức, I-ta-li-a và Thụy Sĩ, dưới sự chỉ huy của Ra-mô-ri-nô cao thượng, đã tiến hành cuộc đột nhập lừng danh vào Xa-voa[213]. Trong thời gian cuộc hành quân đó Ha-rô của chúng ta cảm thấy "giá trị cuộc sống và năng lực của mình". Nhưng cũng do các chiến sĩ khác đấu tranh cho tự do đều cảm thấy "giá trị cuộc sống của mình" giống như Ha-rô, nhưng không có ảo tưởng gì về "năng lực" của mình nên công việc kết thúc không hay và toàn bộ nhóm đó khi quay về Thụy Sĩ đã bị tan vỡ, chia tách và phân tán.

Chỉ có cuộc hành quân này thì không đủ để nhóm các hiệp sĩ lưu vong có được một quan niệm đầy đủ là những tên bạo chúa khiếp sợ họ tới mức nào. Trong lúc những tiếng vang của cuộc cách mạng tháng Bảy đã làm cho người ta biết tới nó ở Pháp, Đức hoặc I-ta-li-a dưới hình thức những cuộc khởi nghĩa riêng biệt, khi còn có một người nào đó đứng sau các anh hùng lưu vong của chúng ta thì họ cảm thấy mình chỉ là những nguyên tử trong cái khối chung đã chuyển động, - thực ra là những nguyên tử ít nhiều có đặc quyền, những nguyên tử chỉ đạo, nhưng nói cho cùng vẫn chỉ là những nguyên tử. Tính tự phụ của họ cũng bắt đầu tăng lên theo mức độ các cuộc khởi nghĩa đó mất đi lực lượng của nó, theo mức độ cái khối lớn những người "nhút nhát", "lãnh đạm", "ít tin tưởng" ngày càng từ bỏ trò chơi khởi nghĩa nhẹ dạ [Putschschwindelei] và các hiệp sĩ của chúng ta cảm thấy ngày càng cô đơn. Nếu như toàn bộ châu Âu trở thành hèn nhát, ngu ngốc và ích kỷ thì những con người trung thành với sự nghiệp giống như những con chiên giữ vững trong trái tim mình ngọn lửa thiêng liêng của lòng căm thù bọn bạo chúa và duy trì các truyền thống của thời kỳ vĩ đại của phẩm hạnh và lòng yêu tự do cho thế hệ tương lai dũng cảm hơn, những con người ấy, dưới con mắt của họ, là cần thiết biết bao! Nếu như những con người ấy phản bội sự nghiệp thì những tên bạo chúa sẽ được xác định vĩnh viễn. Như vậy là cũng giống như những người dân chủ năm 1848, qua mỗi thất bại họ đã tìm thấy niềm tin mới vào thắng lợi và ngày càng biến thành những Đông Ki-sốt lang thang với những phương tiện sinh sống bấp bênh. Vì giữ lập trường như vậy nên họ có thể dự kiến một chiến công vĩ đại nhất trong những chiến công của họ, đó là việc thành lập tổ chức *"Châu Âu trẻ"*[214], mà bản tuyên bố của nó do Mát-di-ni soạn thảo, nói về tình hữu ái, đã được ký ở Béc-nơ ngày 15 tháng Tư 1834. Ha-rô đã gia nhập liên minh đó với tư cách là

"người có sáng kiến thành lập Ban chấp hành trung ương, một thành viên tự nhiên của "Nước Đức trẻ" và "Nước I-ta-li-a trẻ" và đồng thời với tư cách là đại biểu cho chi nhánh Xcăng-đi-na-vơ mà "từ nay ông là đại diện".

Ngày tháng ký tên vào bản tuyên bố nói tình hữu ái đó đối với Ha-rô của chúng ta là bước mở đầu của một kỷ nguyên vĩ đại: việc tính niên đại được bắt đầu từ đây để tính về trước và về sau như

người ta đã từng làm từ ngày chúa Ky-tô ra đời. Ngày này là điểm cao nhất trong thân thế ông. Ông là tên đồng độc tài của châu Âu in partibus, mặc dù thế giới không biết tới ông, nhưng dẫu sao ông vẫn là một trong những con người nguy hiểm nhất trên thế giới. Trên đôi vai ông chẳng mang gì ngoài những tác phẩm của ông tuy nhiều nhưng chưa được in, theo gót ông chỉ vẻn vẹn có mấy người Đức làm nghề thủ công sống ở Thụy Sĩ và một tá tên áp phe chính trị bị sa đoạ. Nhưng cũng chính vì vậy mà ông có thể khẳng định rằng mọi người đi theo ông. Đó cũng là đặc điểm của tất cả những con người vĩ đại mà thời đại không thừa nhận họ và chính vì lý do đó mà tương lai thuộc về họ. Và ông Ha-rô của chúng ta đã mang cái tương lai đó trong chiếc túi dết của mình được mô tả hết sức rõ ràng, - dưới hình thức bản tuyên bố về tình hữu ái.

Nhưng cũng từ ngày đó Ha-rô bắt đầu đi xuống. Điều bất hạnh đầu tiên đến với ông là năm 1836 ""Nước Đức trẻ" tách ra khỏi "Châu Âu trẻ"". Tuy vậy, nước Đức bị trừng phạt về việc làm đó. Và chính là do việc tách ra đó mà "mùa xuân năm 1848 người ta thấy nước Đức *không chuẩn bị được gì*" cho phong trào dân tộc, và vì vậy toàn bộ công việc được kết thúc thật là đáng thương.

Nhưng sự xuất hiện chủ nghĩa cộng sản vào thời kỳ đó đã gây cho Ha-rô của chúng ta nỗi buồn chán vô hạn. Trong sự việc này chúng ta biết người phát minh ra chủ nghĩa cộng sản không phải ai khác ngoài

"tên vô liêm sỉ I-ô-han-nét Muy-lơ từ Béc-lin, tác giả cuốn sách nhỏ hết sức hấp dẫn viết về chính sách của Phổ, xuất bản năm 1831 ở An-ten-buốc", ông ta lên đường sang nước Anh, tại đây ông ta "không còn việc gì khác để làm ngoài việc sáng sáng thả lợn ở chợ Xmít-phin-đơ".

Bệnh dịch chủ nghĩa cộng sản chẳng mấy chốc đã hoành hành trong những người thợ thủ công Đức ở Pháp và Thụy Sĩ, và nó đã biến thành kẻ thù vô cùng nguy hiểm đối với Ha-rô của chúng ta, vì lẽ, như vậy là cái thị trường duy nhất để tiêu thụ các bài viết của ông bị đóng cửa. "Sự kiểm duyệt gián tiếp những người cộng sản" là như vậy, sự kiểm duyệt đó khiến cho Ha-rô khốn khổ



phải đau khổ từ trước đến nay, và hiện tại thậm chí còn đau khổ hơn bất cứ lúc nào trước đó, như ông đau buồn thừa nhận điều đó và như "số phận vở kịch "Triều đại" của ông đã chứng minh".

"Sự kiểm duyệt gián tiếp những người cộng sản" đó còn đạt được kết quả là đuổi được Ha-rô của chúng ta ra khỏi châu Âu, và ông ta lên đường đi Ri-ô-đơ-gia-nê-rô (1840), tại đây ông đã sống một thời gian nào đó với tư cách là một hoạ sĩ. "Hết lòng hết sức theo dõi tinh thần của thời đại", tại đó ông đã cho in tác phẩm

""Thơ ca Xcăng-đi-na-vơ" (2000 cuốn), do được phổ biến rộng trong các thủy thủ nên từ ngày đó nó trở thành sách của đại dương".

Song, "vì nặng nợ đối với "Châu Âu trẻ"" nên rất tiếc, chẳng bao lâu ông trở về châu Âu

"vội vàng tới Luân Đôn gặp Mát-đi-ni và ở đó nhanh chóng đoán trước nguy cơ do chủ nghĩa cộng sản đe dọa sự nghiệp của các dân tộc châu Âu".

Những chiến công mới đón chờ ông. Những người anh em của Ban-đê-ê-ra chuẩn bị xong cuộc hành trình tới nước I-ta-li-a[213]. Để ủng hộ họ trong sự nghiệp đó và lôi cuốn chế độ độc tài vào hoạt động phá hoại, Ha-rô

"lại lên đường đi Nam Mỹ để cùng với Ga-ri-ban-đi, theo khả năng của mình, giúp vào việc thành lập Hợp chúng quốc Nam Mỹ vì tương lai của các dân tộc".

Thế nhưng những tên độc tài đoán biết được những ý định của ông, và Ha-rô vội vàng lẩn trốn. Ông đáp tàu biển đi Niu Óóc.

"Trong thời gian cuộc hành trình trên đại dương tôi đã triển khai hoạt động lớn lao về trí tuệ, và ngoài những việc làm khác đã viết xong vở kịch "Quyền lực của tư tưởng" nằm trong tập kịch "Dân tộc" và đến lúc này vẫn còn là bản thảo".

Từ Nam Mỹ ông mang theo tới Niu Óóc giấy ủy nhiệm của một tổ chức không có thật ở địa phương "Humanidad"[1*]

Những tin tức về cuộc cách mạng tháng Hai đã động viên ông - và ông đã viết bằng tiếng Pháp tác phẩm "Nước Pháp thức tỉnh", và trong thời gian vượt biển về châu Âu

1* - "Nhân loại".

"tôi lại mô tả tình yêu của mình đối với Tổ quốc qua một số bài thơ trong tập "Xcăng-đi-na vơ".

Ông tôi Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ. Ở đây ông gặp

"sau 27 năm vắng mặt, một sự lẫn lộn chưa từng có các khái niệm về pháp luật quốc tế, chế độ dân chủ, chế độ cộng hòa, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, những khái niệm ấy trộn vào nhau thật chẳng khác gì cỏ mục và rơm khô, thành những chiếc chuồng ngựa ô-gi-át chứa đầy sự thịnh nộ của đảng và sự căm thù của dân tộc".

Và không có gì đáng ngạc nhiên vì

"các tác phẩm chính trị của tôi cũng như tất cả những khát vọng và hoạt động của tôi, kể từ năm 1831, vẫn xa lạ và không được những địa phương thuộc vùng biên giới đó của Tổ quốc tôi biết tới".

Trong suốt 18 năm đảng Au-gu-xten-boóc-ghi[216] vẫn giữ conspiration du silence[1*] để chống lại ông ta. Để giúp đỡ thoát cho tai hoạ đó ông giắt vào người gươm, súng, bốn khẩu súng ngắn, sáu dao găm, và kêu gọi thành lập các đội quân tình nguyện cũng trang bị như vậy, song mọi việc đều uổng công. Sau những lần mạo hiểm, cuối cùng ông đổ bộ vào Hun. Tại đây ông vội vàng cho công bố hai bức thư - gửi những người dân Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ và cả những người Xcăng-đi-na-vơ và người Đức - và gửi cho, như người ta đồn, hai người cộng sản ở Luân Đôn bức thư ngắn với nội dung như sau:

"15 nghìn công nhân Na Uy mà tôi là người đại diện thân ái bắt tay các ông!"

Mặc dầu có lời kêu gọi khác thường đó, do hiệu lực của bản tuyên bố cũ về tình hữu ái, một lần nữa ông lại trở thành đồng minh khiêm tốn của Ủy ban trung ương châu Âu và đồng thời là

"người gác đêm và tên làm thuê ở Grây-vxen-đơ trên sông Tem-đơ, nơi mà tôi phải dùng chín thứ tiếng khác nhau để tìm các thuyền trưởng tàu buôn cho công ty Ma-cle mới thành lập gần đây lúc tôi chưa bị nghi là lừa dối- điều mà ít ra đã không xảy ra với nhà triết học I-ô-han-nét Muy-lơ khi ông là người chăn lợn".

Ha-rô đã tổng kết cuộc đời đầy những chiến công của mình như sau:

1* - âm mưu im lặng



"Có thể tính được một cách dễ dàng rằng, ngoài những bài thơ, tôi đã tặng phong trào dân chủ trên 18000 bản tác phẩm của tôi bằng Tiếng Đức (với cái giá là từ 10 si-linh tới 3 mác theo thị giá Hăm-bước, tổng giá trị vào khoảng 25000 mác), không hề bù lại các chi phí về việc xuất bản các tác phẩm đó, ấy là chưa nói tới tình hình là tôi không nhận được từ các tác phẩm đó một khoản thu nào để sử dụng cho cuộc sống của mình".

Chúng tôi kết thúc ở đây câu chuyện về những việc làm mạo hiểm của nhà quý tộc hay mị dân của chúng ta ở Măng-sơ thuộc miền nam Giút-lan. Ở Hy Lạp cũng như ở Bra-xin, ở Vi-xla cũng như ở La-pla-tơ, ở Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ cũng như ở Niu Oóc, ở Luân Đôn cũng như ở Thụy Sĩ, ông là đại biểu lúc thì của "Châu Âu trẻ", lúc của "Humanidad" của Nam Mỹ, lúc là họa sĩ, lúc là người gác đêm và làm thuê, lúc là kẻ đi phân phát các tác phẩm của mình - hôm nay trong những người Ba Lan Xi-lê-đi, ngày mai trong những người chăn gia súc, ngày kia trong số những thuyền trưởng tàu buôn, không được thừa nhận, bị từ bỏ, cô đơn, không một ai để ý tới, nhưng ở đâu ông cũng là người hiệp sĩ lang thang của tự do, con người rất coi thường những việc làm bình thường của dân chúng, - nhân vật của chúng ta ở khắp các nước và trong mọi hoàn cảnh, luôn luôn là con người lấm lẫn cố hữu nổi bật ở sự gây rối đầy tham vọng và tính tự phụ. Bất chấp toàn thế giới, ông luôn luôn nói, phát biểu trên báo chí và viết về bản thân như là một con người, mà từ năm 1831 đã là chiếc bánh xe chính làm chuyển động lịch sử thế giới.

trong những tháng đầu năm 1851 là tài liệu vô giá. Khó mà hình dung nổi lời lẽ ba hoa tầm thường hết chỗ nói, sự ngu ngốc, sự trơ tráo, sự cẩn mẫn như con kiến và tầm quan trọng mà nhờ đó Ác-nôn có được những dự trữ cho việc ghi chú sách báo của ông. Trong lúc Hai-nơ-txen mô tả Ác-nôn như một cường quốc vĩ đại ở châu Âu thì Ác-nôn xử sự với Hai-nơ-txen của mình như nhà tiên tri của giới báo chí Mỹ! Ông này thông báo cho Hai-nơ-txen biết diễu bí mật của nền ngoại giao châu Âu, đặc biệt là những biến đổi hàng ngày trong lịch sử lưu vong trên thế giới; cũng có lúc ông được nhắc tới với tính cách là một phóng viên vô danh của Pa-ri và Luân Đôn nhằm làm cho công chúng Mỹ biết một số "fashionable movements"[1*] của ông Ác-nôn vĩ đại.

"Ác-nôn Ru-gơ lại dỗn những người cộng sản vào chân tường". - A. Ru-gơ *ngày hôm qua*" (tin đưa từ Pa- ri, nhưng cách ghi ngày tháng để lộ một tên thôn già tinh quái) "đã du ngoạn từ Brai-tơn tới Luân Đôn". Và còn một điều này nữa: "Ác-nôn Ru-gơ - gửi Các Hai-nơ-xten: "Ông bạn và nhà biên tập thân mến... Mát-đi-ni chuyển lời chào ông... Lơ-đruy-Rô-lanh *cho phép* ông dịch tác phẩm nói về ngày 13 tháng Sáu" v.v..

Về chuyện này, trong một bức thư gửi từ Mỹ tới, có nói:

"Như tôi thấy qua những bức thư của Ru-gơ" (trên tờ "Schnellpost"), Hai- nơ- xten viết cho Ru gơ" (tâm sự riêng) "mọi loại chuyện không có thật về ý nghĩa tờ báo của ông ở Mỹ, trong khi đó thì Ru-gơ vẫn đối xử với ông như là chính phủ của một cường quốc vĩ đại ở châu Âu. Đúng vào lúc Ru-gơ thông báo cho Hai-nơ-txen biết một tin mới quan trọng nào đó, ông ta không bỏ lỡ cơ hội nói thêm: anh có thể đề nghị các tờ báo khác ở Mỹ đăng lại tin này. Dường như các loại báo đó vẫn chờ Ru-gơ cho phép, nếu họ cho rằng tin đó có giá trị. Cần nói thêm rằng, chưa bao giờ tôi được thấy những tin mới quan trọng đó được đăng lại ở một nơi nào đó mặc dầu ông Ru-gơ đã khuyên bảo và cho phép".

Cha Ru-gơ lợi dụng tờ báo khổ nhỏ này cũng như tờ "Bremer Tages-Chronik" là để chiêu mộ những người lưu vong vừa mới tới bằng những lời lẽ dối trá đại loại như: hiện nay Kin-ken, nhà thơ thiên tài và nhà yêu nước, Stơ-rốt-man, nhà văn vĩ đại, Suốc-xơ, con người trẻ tuổi vừa dũng cảm vừa nhã nhặn, và ngoài ra còn nhiều vị chỉ huy xuất sắc của cách mạng v.v., đang sống tại đây.

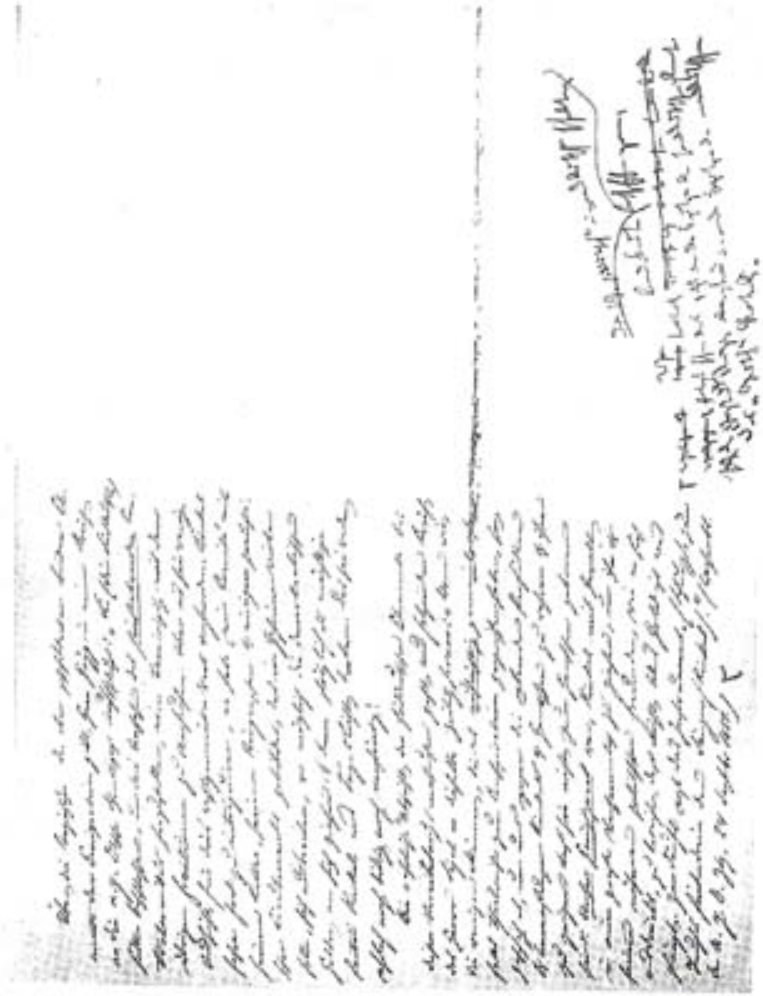
1* - "những hành động lịch sự"

# X

Mặc dầu đã đạt được những kết quả bất ngờ, lúc này Ác-nôn vẫn chưa đạt được mục tiêu của các tác phẩm của ông. Nhờ ân huệ của Mát-di-ni mà trở thành người đại diện cho nước Đức, một mặt, ít ra ông phải được giới lưu vong người Đức xác nhận cái danh hiệu đó, nhưng mặt khác, phải giới thiệu với Ủy ban trung ương những con người thừa nhận sự lãnh đạo của ông. Thực ra, ông đã khẳng định rằng, ở nước Đức ông có "một bộ phận nhân dân có hình thù rõ nét đứng sau ông", nhưng bộ phận đó tuyệt nhiên không thể nào gây được tín nhiệm đối với Mát-di-ni, và Lơ-đruy, trong lúc các ông này chỉ thấy bộ phận đứng trước do Ru-gơ đại diện. Nói tóm lại, Ác-nôn buộc phải lo tạo ra cho mình một cái đuôi "rõ nét" trong giới lưu vong.

Vào lúc đó Gốt-phrít Kin-ken tới Luân Đôn và cùng đi với ông hoặc nói đúng hơn, đi theo ông còn có một số người bị trục xuất gồm một bộ phận từ Pháp, một bộ phận từ Thụy Sĩ và Bỉ, đó là: Suốc-xơ, Stơ-rốt-man, Ốp-pen-hai-mơ, Sim-men-phen-ních, Te-khốp, v.v.. Những người mới tới đó, ngay từ lúc còn ở Thụy Sĩ một phần nào đã luyện tập nhằm thành lập các chính phủ lâm thời, đã mang vào đời sống của giới lưu vong ở Luân Đôn một dòng người mới, và đối với Ác-nôn của chúng ta thời điểm đó quả là thuận lợi hơn bao giờ hết. Cũng vào lúc đó, ở Niu Óóc Hai-nơ-txen lại trở thành người biên tập của "Schnellpost" và như vậy là lúc này Ác-nôn có khả năng, ngoài tờ báo khổ nhỏ Brê-men[1*], còn "tái hiện" cả ở bên kia đại dương. Nếu như vào lúc nào đó Ác-nôn có được Stơ-rốt-man của mình thì ông này có lẽ sẽ thừa nhận "Schnellpost"

1* - "Bremer Tages - Chronik"



Một trang trong bản thảo tác phẩm "Những vị nhân của giới lưu vong"

Trong khi đó, để đối lập với ủy ban trung ương của Mát-di-ni, người ta đã lập ra Ủy ban châu Âu của *dân nghèo thành thị*, đứng sau ủy ban này là, "những người lưu vong hạ đẳng" và toàn bộ những người lưu vong mạt hạng thuộc các dân tộc khác nhau ở châu Âu. Tới lúc có cuộc chiến đấu ở vùng Brôn-xen-lơ họ đã ra bản tuyên ngôn, dưới ký tên những người Đức lỗi lạc sau đây: Ghê-béc, May-ơ, Đít-xơ, Sốc-tơ-nơ, Sáp- pơ, Vi-lích. Văn kiện đó viết ra bằng tiếng Pháp thật là độc đáo, thông báo với tính cách là tin mới nhất nói rằng, tới lúc này (ngày 10 tháng Mười một 1850) Liên minh thần thánh của các tên bạo chúa đã tập hợp được 1 triệu 330 nghìn binh lính có vũ trang, phía sau họ còn có lực lượng dự trữ gồm 700 nghìn tên tay sai có vũ trang của chế độ quân chủ, rằng "các báo Đức và các quan hệ riêng của uỷ ban" đã tạo điều kiện cho Liên minh đó biết được các kế hoạch bí mật của Hội nghị đại biểu Vác-sa-va[217], các kế hoạch này nhằm tổ chức việc tàn sát tất cả những người cộng hòa ở châu Âu. Vì vậy bản tuyên ngôn kết thúc bằng lời kêu gọi tất nhiên phải cầm vũ khí. Bản tuyên ngôn đó - bản tuyên ngôn Pha-nông - Ca-pơ-rông - Gu-tê - như tờ báo "Patrie"[218], nơi đã nhận được bản tuyên ngôn đó, đặt tên lóng cho nó, bị báo chí phản cách mạng chế giễu thậm tệ. "Patrie" gọi bản tuyên ngôn đó

"là tuyên ngôn dii minorum gentium"[1*], được viết ra một cách nhạt nhẽo, không có phong cách, với những màu sắc hùng biện thấp kém tựa như những từ ngữ: "serpents", "sicaires" và "égorgements"[2*].

"Indépendance belge"[219] đưa tin rằng những người soạn bản tuyên ngôn đó là "soldats les plus obscurs de la démagogie"[3*] và rằng những người nghèo đã gửi bản tuyên ngôn cho phóng viên tờ báo đó ở Luân Đôn mặc dầu báo đó theo xu hướng bảo thủ. Họ khao khát được thấy tên mình trên báo chí, nhưng tờ báo này cũng không muốn cho in chính tên đó để trừng phạt. Mặc dầu

1* - nghĩa đen: của những vị thần trẻ; nghĩa bóng: cỏ tầm cỡ thứ hai
2* - "những con rắn", "những tên giết thuê", "những cuộc tàn sát đẫm máu".
3* - "những tên mị dân vô danh tiểu tốt"



xun xoe nịnh hót ban biên tập, các hiệp sĩ này quả là không buộc được người ta thừa nhận mình là kẻ âm mưu và con người nguy hiểm.

Cái cơ quan mới đang cạnh tranh đó đã kích thích Ác-nôn tăng cường hoạt động. Thí dụ, ông có ý định cùng với Stơ-ru-vơ, Kin-ken, Sram, Buy-xơ và những người khác lập ra tờ báo mang tên "Volksfreund"[1*] , hoặc tờ "Deutscher Zuschauer" nếu như Gu-xtáp cứ nằng nặc đòi. Nhưng dự định đó đã thất bại một phần là do nhóm kia đã phản đối chế độ bảo hộ của Ác-nôn, một phần vì ông Gốt-phrít "giàu tình cảm" lại đòi trả nhuận bút bằng tiền mặt, trong khi đó Ác-nôn đi theo quan điểm của Han-đơ-man cho rằng trong vấn đề tiền nong không có chỗ đứng cho tình cảm [220]. Khi thực hiện chủ trương đó, Ác-nôn còn theo đuổi mục đích riêng: bắt Hội bạn đọc - câu lạc bộ những người chữa đồng hồ Đức bao gồm những công nhân được trả lương hậu và tầng lớp tiểu tư sản, phải chịu thuế đảm phụ. Song cả việc đó cũng không đạt kết quả.

Tuy nhiên chẳng bao lâu sau đã xuất hiện một cơ hội mới để Ác nôn "tái hiện". Lơ-đruy và những đồ đệ của ông trong số những người Pháp lưu vong vì không tổ chức được "ngày lễ ái hữu" của các dân tộc châu Âu, tuy rằng trong đó chỉ có những người Pháp và người Đức dự, nên đã không thể bỏ lỡ ngày 24 tháng Hai (năm 1851). Mát-di-ni không tới và gửi thư xin lỗi. Có mặt trong buổi lễ trọng thể, Gốt-phrít ra về lòng phẫn uất vì sự xuất hiện thầm lặng của ông không mang lại hiệu quả mầu nhiệm dự tính. Ác-nôn phải chịu đựng một sự thử thách nặng nề: ông bạn Lơ-đruy của ông làm ra vẻ không biết ông; và khi bước lên diễn đàn, ông bối rối tới mức không rút ra được bài diễn văn viết bằng tiếng Pháp đã được các giới thượng lưu nhất trí, và chỉ ấp úng mấy lời bằng tiếng Đức, sau đó thốt lên: "À la restauration de la révolution!"[2*], vội vàng rút lui trong lúc mọi người không hưởng ứng.

1* - " Người bạn dân"
2* - "Vì sự phục hưng của cách mạng!"

Cũng vào ngày đó đã tổ chức bữa tiệc nhỏ đáp lễ diễn ra dưới lá cờ của ủy ban cạnh tranh đã nói ở trên. Từ chỗ bực tức về việc ủy ban của Mát-di-ni - Lơ-đruy ngay từ đầu đã không lôi cuốn ông tham gia vào ủy ban, Lu-i Blăng đã liên kết với những người dân đen lưu vong, tuyên bố rằng "cần phải giải thể cả bọn quỷ tộc tài tử!". Những người lưu vong hạ đẳng đã tập hợp đông đủ. Ông Vi-lích hào hiệp chủ trì cuộc họp. Phòng họp được trang hoàng cờ và trên tường nổi lên tên các nhà hoạt động nhân dân vĩ đại: giữa Ga-ri-ban-đi và Cô-sút là Van-đếch-cơ, giữa Blăng-ki và Ca-bê là Gia-cô-bi, giữa Bác-be và Rô-be-xpi-e là Rô-bớc Bli-um. Lu-i blăng bảnh bao dỏm dáng, bằng cái giọng the thé đọc thư chúc mừng của những kẻ phụ hoạ cũ của ông ta, những người cha tương lai của chế độ cộng hòa xã hội, của những đại biểu đã dự họp trong lâu đài Lúc-xăm-buốc năm 1848[221]. Vi-lích đọc thư chúc mừng nhận được từ Thụy Sĩ, mà những chữ ký dưới bức thư đó một phần được tập hợp bằng cách lừa đảo với những lý do dối trá, hơn nữa việc công bố trắng trợn các bức thư đó về sau này đã kéo theo việc trục xuất hàng loạt những người đã ký tên vào bức thư chúc mừng đó. Không có thư chúc mừng từ Đức gửi tới. Sau đó thì đọc diễn văn. Mặc dầu tình cảm anh em thật là tràn trề nhưng trên mọi khuôn mặt vẫn lộ ra những nét buồn.

Bữa tiệc đó là cái cớ để gây ra câu chuyện om sòm có tính chất giáo huấn cao độ, rộ lên trên các cột của báo chí phản cách mạng như tất cả các chiến công anh hùng của Ủy ban trung ương châu Âu của tầng lớp dân đen lưu vong. Điều thật lạ lùng là trong bữa tiệc này, với sự có mặt của Lu-i Blăng, ông Bác-tê-lê-mi nào đó đã đọc một bài diễn văn trịnh trọng có tính chất phô trương của *Blăng-ki*. Nhưng chẳng mấy chốc sự việc được làm sáng tỏ. Báo "Patrie" cho in toàn văn lời chúc mà, theo yêu cầu đặc biệt, Blăng-ki từ trong nhà tù Be-lơ - I-lơ[222] gửi tới. Trong lời chúc đó Blăng-ki đã tấn công gay gắt và chính đáng tất cả các thành viên của chính phủ lâm thời năm 1848 và nhất là ngài Lu-i Blăng. Báo "Patrie" giả vờ ngạc nhiên đặt câu hỏi, tại sao lời chúc đó lại không được đọc trong bữa tiệc. Lu-i Blăng công bố này lập tức trên tờ



"*Times*" rằng Blăng-ki là một tên gian hùng hèn mạt, và rằng ông không bao giờ gửi cho tiểu ban tổ chức buổi lễ lời chúc như vậy. Về phía mình, tiểu ban này mà đại biểu là các ngài Blăng, Vi-lích, Lăng-đôn-phơ, Sáp-pơ, Bác-tê-lê-mi và Vi-đin đã cùng lúc gửi tới tờ "Patrie" bản tuyên bố nói rằng tiểu ban này không hề nhận được lời chúc đó. Thế nhưng tờ "Patrie" chưa đăng bản tuyên bố đó khi chưa lý giải được tình hình tại nhà ngài Ăng-toan, em rể của Blăng-ki, người đã chuyển cho tờ báo này toàn văn lời chúc. Tờ báo này cho đăng dưới toàn văn bản tuyên bố của tiểu ban tổ chức ngày lễ bài trả lời của ông Ăng-toan, trong đó nói rằng ông đã gửi lời chúc đó cho người đã ký tên cùng với những người khác vào bản tuyên bố, chính là ông Bác-tê-lê-mi, và đã nhận được giấy báo của ông ta cho biết đã nhận được lời chúc đó. Sau việc làm đó ông Bác-tê-lê-mi buộc phải tuyên bố rằng ông đã nói dối, thực ra ông đã nhận được lời chúc nhưng cho rằng nó không còn thích dụng nữa, ông đã vứt bỏ nó mà không thông báo cho tiểu ban biết. Song, rủi ro thay, trước lúc xảy ra việc này có một người trong số đã ký tên vào bản tuyên bố, cựu đại úy phục vụ trong quân đội Pháp - là Vi-đin đã viết một bức thư gửi tới tờ "Patrie", mà không báo cho Bác-tê-mê-li biết, trong đó ông tuyên bố rằng danh dự nhà binh và lòng khao khát chân lý buộc ông phải thú nhận rằng ông cũng như Lu-i Blăng, Vi-lích và tất cả những người khác đều nói dối khi ký tên vào bản tuyên bố đầu tiên của tiểu ban. Tiểu ban không phải gồm 6 người mà là 13 người. Tất cả họ đều nhìn thấy bài chúc của Blăng-ki, tất cả đã bàn luận về bài đó và sau những cuộc tranh luận dài dòng đã quyết nghị bằng đa số 7 phiếu trên 6 là không đọc lời chúc đó. Vi-đin là một trong số 6 thành viên bỏ phiếu *tán thành* việc đọc lời chúc.

Dễ dàng hình dung được thắng lợi của tờ "Patrie" khi tờ báo này, sau khi có bức thư của Vi-đin, nhận được bản tuyên bố của ngài Bác-tê-lê-mi. Tờ báo đó cho đăng bản tuyên bố với "lời nói đầu" như sau:

"Chúng ta thường đặt cho mình câu hỏi và trả lời câu hỏi - đó không phải là dễ - đối với những người mị dân cái gì phát triển mạnh hơn: sự khoe khoang hay sự ngu ngốc?

Bức thư thứ tư mà chúng tôi nhận được từ Luân Đôn gửi tới làm cho việc trả lời càng thêm khó khăn đối với chúng tôi. Ở đấy có biết bao con người bất hạnh, say sưa với khát vọng được viết và thấy tên mình được in trên các báo *phản động*, đến nỗi thậm chí họ chấp nhận cả sự nhục nhã cực độ và tự hạ mình xuống! Chuyện xảy ra với họ khiến công chúng phải buồn cười và chán ngán, chính là các báo "Journal des Débats", "Assemblée nationale", "Patrie" đã đăng các bài luyện văn phong của họ. Để đạt được niềm hạnh phúc đó không có giá nào do phái dân chủ theo chủ nghĩa thế giới đó đưa ra, là quá cao cả... Vì lòng trắc ẩn đối với văn học, chúng tôi xin đăng bức thư sau đây của "công dân" Bác-tê-lê-mi, - và chúng tôi hy vọng bức thư đó là một chứng cớ mới, cuối cùng về sự chân chính của lời chúc nổi tiếng từ đây của ông Blăng-ki mà lúc đầu họ phủ nhận, còn lúc này thì họ sẵn sàng tùm tóc nhau do có người xác nhận bức thư đó".



# XI

"Sức mạnh của sự phát triển thực sự" - sử dụng một trong những cách nói "thấm thiết - tuyệt đẹp" của Ác-nôn - thể hiện những điều sau đây. Ngày 24 tháng Hai, trước những người nước ngoài, Ru-gơ đã làm tổn hại thanh danh của ông ta cũng như giới lưu vong Đức. Một số ít người lưu vong phần nào vẫn muốn cùng hoạt động với ông, đều đã cảm thấy họ đang mất sự tin tưởng và không được ủng hộ. Ác-nôn trút mọi chuyện vào những bất hòa trong giới lưu vong và hơn lúc nào hết ông khăng khăng đòi phải hợp nhất lại. Vì đã mất thanh danh nên ông khát khao có một cớ *mới* để làm mất thanh danh mình một lần nữa.

Vì vậy, ông đã quyết định lợi dụng *lễ kỷ niệm cuộc cách mạng tháng Ba* ở *Viên* để tổ chức bữa tiệc của những người Đức. Ông Vi-lích hào hiệp từ chối không đến dự bữa tiệc đó, vì lẽ nếu phụ thuộc vào "công dân" Lu-i Blăng thì ông không thể cùng hoạt động với "công dân" Ru-gơ là người cùng cánh với "công dân" Lơ-đruy. Các cựu đại biểu Rai-sen-bác, Sram, Buy-xơ, v.v. cũng đều tránh không gần gũi Ác-nôn. Tuy nhiên, số người có mặt - không kể những vị khách không phát biểu - gồm Mát-di-ni, Ru-gơ, Stơ-ru-vơ, Tau-đơ-nau, Hâu-gơ, Rôn-ngơ, Kin-ken và tất cả họ đã đọc diễn văn.

Bài phát biểu của Ru-gơ "cực kỳ ngu xuẩn", thậm chí bạn bè ông ta cũng thừa nhận như vậy. Thế nhưng công chúng người Đức có mặt phải chịu đựng một điều còn lớn hơn. Trò khôi hài của Tau-đơ-nau, những lời rên rỉ của Stơ-ru-vơ, những lời ba hoa của Hâu-gơ, những lời than vãn của Rôn-ngơ đã khiến cho phần lớn cử tọa phải lẩn tránh trước khi I-ê-rê-mi - Kin-ken[223] hùng biện đọc bài phát biểu dành cho lúc ăn tráng miệng. Gốt-phrít với tư

cách là người tuẫn tiết, "thay mặt những người tuẫn tiết" và vì những người tuẫn tiết đã đọc lời hòa giải ai oán gửi tới tất cả mọi người - "từ người chiến sĩ bình thường đấu tranh cho hiến pháp đến những người theo chế độ cộng hòa đỏ". Tất cả bọn họ đều rên la về hành động của phái cộng hòa, và trong trường hợp riêng biệt như Kin-ken chẳng hạn, thậm chí còn rên la về hành động của những người cộng hòa đỏ, đồng thời tất cả bọn họ với niềm hân hoan của kẻ bợ đỡ đã quỵ lụy trước hiến pháp Anh, - một mâu thuẫn mà buổi sáng hôm sau báo "Morning Chronicle"[224] muốn họ phải lưu ý tới.

Tuy nhiên, cũng vào buổi chiều đó Ru-gơ đã đạt được mục đích mong muốn của ông, điều đó bộc lộ qua lời kêu gọi mà chúng tôi dẫn ra những đoạn xuất sắc nhất:

## GỬI NHỮNG NGƯỜI ĐỨC!

"Hỡi các công dân và các bạn bè của Tổ quốc! Chúng tôi những người ký tên dưới đây, đã thành lập từ ngày hôm nay - cho đến khi có lệnh của các bạn-uỷ ban phụ trách các công việc của Đức" (không phân biệt là việc gì).

"Ủy ban trung ương của phong trào dân chủ ở Châu Âu đã cử đại biểu Ác-nôn *Ru-gơ* đến với chúng tôi, cách mạng Ba-đen cử Gu-xtáp *Stơ-ru-vơ*, cách mạng Viên cử Ếc-nơ-xtơ *Hau-gơ*, phong trào tôn giáo cử I-ô-han-nét *Rôn-ngơ*, nhà tù cử Gốt-phrit *Kin-ken*. Chúng tôi đề nghị các công nhân xã hội - dân chủ cử đại biểu của mình tới chúng tôi.

Hỡi những người anh em Đức! Những sự biến đã tước quyền tự do của anh em....

Chúng tôi biết rằng anh em không thể nào từ bỏ vĩnh viễn quyền tự do của mình: còn đối với chúng tôi, chúng tôi không xem thường một điều gì cả" (cả các ủy ban, cả các bản tuyên ngôn như "Ác nôn" có thể chứng minh điều đó) "nhằm đẩy nhanh việc khôi phục quyền tự do đó.

Khi chúng tôi... khi chúng tôi ủng hộ và bảo đảm cho khoản nợ của Mát-di-ni, khi chúng tôi... khi chúng tôi... thiết lập sự liên minh thần thánh của các dân tộc chống lại cái liên minh tội lỗi của những kẻ áp bức họ, chúng tôi đã lầm- chúng tôi biết như vậy - điều mà anh em hết lòng mong muốn thực hiện... Tự do tiến hành vụ xét xử vĩ đại chống bọn bạo chúa trước toà án toàn thế giới của loài người" (lúc này Ác-nôn là công tố viên, "những tên bạo chúa" có thể ngủ yên).... "Những đám cháy, những vụ tàn sát, sự tàn phá, nạn đói và các vụ phá sản chẳng bao lâu sẽ trở thành số mệnh chung của nước Đức.

Hãy đưa tầm mắt từ Đức sang Pháp - cả nước này sục sôi phẫn nộ, hơn bao giờ hết đồng lòng hướng tới tự do" (quỷ thật, ai có thể tiên đoán được ngày 2 tháng Chạp! [225]). "Các bạn hãy nhìn sang Hung-ga-ri, thậm chí cả những người Crô-a-xi cũng đứng về phía tự do" (nhờ có báo "Deutscher Zuschauer" và bộ quần áo bằng mạt cưa do Ru-gơ sáng chế). "Và hãy tin vào chúng tôi, - vì chúng tôi biết điều đó, - Ba Lan bất tử" (ngài Đa-ra-sơ đã bí mật cho họ biết chuyện đó).

"Bạo lực chống lại bạo lực"- đó ra chính nghĩa và giờ phút của chính nghĩa sẽ tới gần. Và chúng ta sẽ làm tất cả để thành lập *cho được* một chính phủ *lâm thời* có *hiệu lực* hơn" (a ha!) so với một nghị viện, và chính quyền nhân dân hùng mạnh hơn so với Quốc hội" (về những gì mà các ngài đó cho rằng có thể đạt được, bằng cách lừa dối nhau, xin xem phần dưới đây).

"Các dự án của chúng tôi thuộc lĩnh vực tài chính và báo chí" (các sắc luật số 1 và 2 của chính phủ lâm thời hùng mạnh - ông chủ sự thuế vụ Khri-xti-an Muy-lơ được giao nhiệm vụ thi hành quyết định này) "chúng tôi xin đặc biệt giới thiệu với các bạn. Các dự án đó chủ yếu chỉ quan tâm tới mặt công việc. Các giới xã hội rộng rãi thừa biết rằng mỗi lần mua công trái của I-ta-li-a đều trực tiếp giúp cho uỷ ban chúng ta và sự nghiệp của chúng ta, và hiện nay các bạn có thể giúp đỡ chúng tôi một cách thực tế chủ yếu bằng cách *tăng thêm lưỡng tiền vốn*. Ngay cả đồng tiền chúng tôi cũng *biết biến thành dư luận xã hội* và *lực lượng xã hội*" (Ác-nôn đảm nhận việc đó!). "... Chúng tôi xin nói với các bạn: *các bạn hãy đăng ký mua 10 triệu phrăng và chúng tôi sẽ giải phóng được lục địa!*

Các bạn Đức, hãy nhớ..." (rằng các bạn đang hát bằng giọng ba-ri-tông và nhen lên những đống lửa trên các ngọn núi) "hãy nói cho chúng tôi biết những suy nghĩ của các bạn" (vào lúc này đang có nhu cầu lớn về điều này gần như nhu cầu về tiền), hãy trao cho chúng tôi "cái ví tiền của các bạn" (coi chừng, đừng quên điều này!) "và bàn tay của các bạn! Chúng tôi mong rằng sự sốt sắng của các bạn sẽ tăng lên theo mức độ tăng cường sự nổ địch của các bạn, và trong giờ phút quyết định sự giúp đỡ kịp thời của các bạn sẽ hoàn toàn củng cố được lực lượng của ủy ban" (trong trường hợp ngược lại uỷ ban buộc phải chạy theo các loại rượu, làm như vậy là mâu thuẫn với lương lâm của Gu-xtáp).

"Tất cả những người dân chủ *có nhiệm vụ* phổ biến lời kêu gọi của chúng tôi". (Ông chủ sự thuế vụ Khri-xti-an Muy-lơ sẽ lo phần còn lại).

"Luân Đôn, ngày 13 tháng Ba 1851

Ủy ban phụ trách các công việc của Đức: *Ác-nôn, Ru-gơ, Gu-xtap Stơ-ru-vơ, Ếc-nơ-xtơ Hau-gơ, I-ô-han-nét Rôn-ngơ, Gốt-phrit Kinken*"

Các độc giả của chúng ta đều biết Gốt-phrít, biết Gu-xtáp; "sự tái hiện" của Ác-nôn cũng được lặp lại khá thường xuyên. Như vậy, chỉ còn việc nhận xét về hai thành viên trong "chính phủ lâm thời có hiệu lực".

I-ô- han-nét *Rôn-ngơ*, - hoặc giản đơn là I-ô-an như ông thích xưng danh trong nhóm thân cận, - đương nhiên không viết cuốn A. Pô-ca-líp-xít[226]. Ông không có gì bí ẩn - đó là một con người dung tục, tầm thường, nhạt nhẽo như nước lã, hay nói đúng hơn,

như nước ấm để rửa. Ai cũng rõ, I-ô-han-nét trở thành người nổi tiếng vì ông không muốn chiếc áo thánh ở nhà thờ Tơ-ria[227] là vật bảo hộ ông, mặc dầu quả thật nó đúng là vật đã bảo hộ I-ô-han-nét. Khi I-ô-han-nét xuất hiện thì ông già Pau-lút lấy làm tiếc là Hê-ghen đã mất vì *lúc này*, dĩ nhiên Hê-ghen không còn có thể gọi ông là con người hời hợt, còn Cru-gơ quá cố thì vui mừng vì đã qua đời và như vậy là đã tránh được nguy cơ nổi tiếng là con người thâm thúy. I-ô-han-nét thuộc vào số những nhân vật thường hay gặp trong lịch sử, những con người mà mấy trăm năm sau khi một phong trào nào đó phát sinh và lớn mạnh mới giới thiệu với một loại phi-li-xtanh nào đó và những em bé tám tuổi về nội dung của phong trào đó dưới một hình thức buồn tẻ và vô vị nhất, mạo nhận là tin mới nhất. Đương nhiên không sống được lâu với cái nghề như vậy, và I-ô-han-nét của chúng ta rất nhanh chóng có mặt ở Đức trong tình cảnh ngày càng vất vả. Giọt nước không màu sắc của ông được chắt lọc từ nền giáo dục lừa dối của Đức không còn là nhu cầu nữa, và I-ô-han-nét lại dời sang Anh, tại đó chúng ta gặp ông ta, một con người đóng vai trò đối thủ của Cha Ga-vát-xi nhưng không đạt kết quả đặc biệt. Ông mục sư nông thôn không được ai giúp đỡ, đơn điệu, buồn chán, dĩ nhiên ngượng ngùng trước một tu sĩ người I-ta-li-a nhiệt tâm, diễn xuất giỏi và những người Anh đã đánh cuộc với những số tiền lớn, tranh cãi về vấn đề ông I-ô-han-nét chán ngấy ấy thực tế có phải là con người đã làm cho dân tộc Đức rất thâm thúy đó hoạt động hay không. Thế nhưng Ác-nôn Rugơ, - người đã khám phá ra sự giống nhau kỳ lạ về dòng họ giữa đạo Thiên chúa ở Đức của I-ô-han-nét của chúng ta và chủ nghĩa vô thần của riêng ông ta, - đã an ủi I-ô-han-nét.

Lút-vích Phôn Hâu-cơ là cựu đại úy trong binh chủng công binh của đế quốc Áo, sau này, vào năm 1848 là một trong những người soạn ra bản hiến pháp được thảo ra ở Viên, và sau đó là chỉ huy tiểu đoàn cận vệ quốc gia Viên, ngày 30 tháng Mười đã bảo vệ một cách dũng cảm tuyệt vời cổng thành thoát khỏi các đạo quân của đế quốc và chỉ sau khi bị mất tất cả mới bỏ vị trí đó. Sau



đó ông chạy sang Hung-ga-ri, tham gia quân đội của Bem ở Tơ-ran-xin-va-ni, ở đây nhờ có lòng dũng cảm ông đã làm tới đại tá của bộ tổng tham mưu. Sau khi Guếc-gây đầu hàng ở Vi-la-gốt[228], Lút-vích Hâu-cơ bị bắt làm tù binh và hy sinh anh dũng trên một trong nhiều giá treo cổ mà bọn Áo rải khắp nước Hung-ga-ri vì muốn trả thù những thất bại liên tiếp của họ và do bực tức điên dại về sự bảo trợ của người Nga mà họ không chịu nổi. Ông Hâu-gơ của chúng ta ở Luân Đôn trong thời gian dài làm ra vẻ như Hâu-gơ bị treo cổ, một sĩ quan đã nổi danh trong chiến dịch Hung-ga-ri. Lúc này dường như người ta xác định rằng ông ta không phải là ông Hâu-cơ quá cố. Cũng giống như khi La Mã bị thất thủ ông phải rộng lượng đồng ý để Mát-di-ni phong ông lên một tướng lĩnh không được chuẩn bị trước, lúc này ông không thể từ chối việc Ác-nôn biến ông thành người đại diện cho cách mạng Hung-ga-ri và thành viên của chính phủ lâm thời hùng mạnh. Về sau ông thường đọc - có nhạc kèm theo - các bài giảng mỹ học nói về cơ sở kinh tế của môn tinh nguyên học trong lịch sử thế giới theo quan điểm địa chất học. Trong giới lưu vong người ta biết con người đa sầu đa cảm ấy với cái tên lóng là con vật khờ dại, hay như người Pháp thường nói, la bonne bête.

Những mong muốn của Ác-nôn là quá đáng. Tuyên ngôn, chính phủ lâm thời hùng mạnh, vay 10 triệu phrăng và thêm vào đó là một thứ tương tự như tờ tuần san với cái tên gọi khiêm tốn "*Kosmos*" do tướng Hâu-gơ biên tập.

Tuyên ngôn không mang lại một kết quả nào - không một ai đọc nó; "Kosmos" do kiệt sức nên đã tắt thở ở ngay số thứ ba; tiền thì không vay được; chính phủ lâm thời hùng mạnh bị phân rã thành các bộ phận hợp thành của nó.

Trên tờ "Kosmos" đăng trước hết các thông báo về các bài giảng của Kin-ken, về việc ngài Vi-lích đáng kính quyên góp tiền giúp những người lưu vong ở Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và về quán bia của Guê-rịnh-gơ. Ngoài ra, trên tờ tuần san đó, bên cạnh các bài khác còn đăng bài nhục mạ của Ác-nôn. Anh hề già gán cho mình

một người bạn nồng hậu bịa đặt ra, một ông Muy-lơ nào đó ở Đức tự giới thiệu mình là thủ lĩnh nước Đức. Muy-lơ ngạc nhiên trước mọi điều mà ông đọc được trên các báo nói về lòng mến khách của người Anh và tỏ vẻ lo sợ "cái lối sống xa hoa hưởng thụ" đó cản trở thủ lĩnh tham gia "công việc quốc gia". Tuy nhiên, cứ theo ý mình khi trở về Đức, vì bận công việc quốc gia nên thủ lĩnh buộc phải khước từ sự mến khách của Muy-lơ. Để kết luận Muy-lơ thốt lên: "Như thế là, không phải tên phản bội Ra-đô-vít-xơ, mà là Mát-di-ni, Lơ-druy – Rô-lanh, công dân Vi-lích, Kin-ken và *chính ông*" (Ác-nôn Ru-gơ) "được mời tới Uyn-đơ". Tuy nhiên nếu tờ "Kosmos" đã chết ngay từ số thứ ba, thì dù thế nào điều đó cũng không phải là do không biết tiêu thụ nó - trong tất cả các cuộc mít tinh của người Anh người ta ngấm ngầm giúi nó cho các diễn giả kèm theo lời đề nghị khuyên nhủ nó, vì nó đang bảo vệ chính cái nguyên tắc của họ.

Lời kêu gọi vay 10 triệu phrăng chưa được đưa ra thì bất thình lình có tiếng đồn đại, dường như ở Xi-ti người ta đang thu tiền lạc quyên theo danh sách đã đăng ký để ông Stơ-ru-vơ (có A-ma-li-a đi theo) lên đường đi Mỹ.

"Khi ủy ban quyết định cho phát hành tờ tuần san bằng tiếng Đức và giao cho Hâu-gơ biên tập tuần san đó, thì chính Stơ -ru-vơ, người cũng thích làm biên tập viên và đặt tên cho tờ báo là "Deutscher Zuschaug", đã phản đối và quyết định chuyển sang Mỹ".

Đó là những tin tức mà tờ "Deutsche Schnellpost" ở Niu Oóc thông báo. Tờ báo phớt lờ, - và về điều đó, Hai-nơ-txen có những căn cứ của mình, - việc Mát-di-ni xóa hoàn toàn tên của Gu-xtáp trong danh sách ủy ban của Đức, với tư cách là cộng tác viên tờ "Deutsche Londoner Zeitung" của công tước Brao-nơ-svai-gơ. Gu-xtáp lập tức chuyển tờ "Deutscher Zuschauer của ông sang Niu Oóc. Song, chẳng bao lâu lại có công văn khẩn từ đại dương chuyển tới: Tờ "Zuschauer" của "Gu-xtáp đã chết". Theo xác nhận của Gu-xtáp, việc này xảy ra nói chung không phải do thiếu người đặt mua báo và cũng không phải do ông không có thời giờ rỗi để viết,



mà nguyên nhân duy nhất là thiếu người đặt mua *có khả năng trả tiền*. Nhưng vì hiện nay không thể hoãn lại lâu hơn nữa việc soạn thảo một cách dân chủ cuốn "Lịch sử phổ thông" của Rốt-tếch, mà tác phẩm này đã được bắt đầu viết từ 15 năm trước, - cho nên ông ta, Gu-xtáp muốn cung cấp cho những người đặt mua một số báo đã hứa không phải dưới hình thức là tờ "Deutseher Zuschauer", mà dưới hình thức lịch sử phổ thông; song ông buộc phải để nghị trả tiền đặt mua báo trước, và trong những hoàn cảnh như vậy đề nghị đó không được quy lỗi cho ông ta. Trong lúc Gu-xtáp đang ở bên này đại dương thì Hai-nơ-txen tuyên bố ông cùng với Ru-gơ là con người vĩ đại nhất của châu Âu. Nhưng ông chưa kịp có mặt ở bên đó thì giữa họ đã xảy ra cuộc ẩu đả dữ dội. Gu-xtáp viết:

"Khi Hai-nơ-txen vào ngày 6 tháng Sáu ở Các-lơ-xru-ê nhìn thấy người ta đẩy những khẩu đại bác ra thì ông từ hội phụ nữ chạy về Xtơ-ra- xbua".

Về phía mình Hai-nơ-txen gọi Gu-xtáp là "thầy bói".

Tờ "Kosmos" đã chết đúng vào lúc Ác-nôn không tiếc lời khoa trương khen ngợi nó trên tờ báo của ông Hai-nơ-txen chính giáo một cách nghiêm chỉnh, còn chính phủ lâm thời hùng mạnh thì không còn tồn tại nữa đúng vào lúc Rô-đô-môn-tơ - Hai-nơ-txen tuyên bố thi hành *"nghĩa vụ quân sự"* đối với nó. Người ta biết rất rõ sự say mê của Hai-nơ-txen đối với công tác quân sự trong thời bình.

"Chẳng bao lâu sau khi Stơ-ru-vơ ra đi *Kin-ken* cũng rời khỏi ủy ban và như vậy ủy ban không còn hoạt động nữa" (báo "Deutsche Schnellpost" của Niu Oóc số 23).

Do đó, "chính phủ lâm thời hùng mạnh" rút bớt chỉ còn các ngài Ru-gơ, Rôn-ngơ và Hâu-gơ. Thậm chí Ác-nôn cũng hiểu rằng với nhóm ba người như vậy chẳng những không xây dựng được thế giới mới mà nói chung còn không thể xây dựng được cái gì; tuy vậy trong tất cả những lần sắp đặt lại, các phương án và các mưu kế, chính nhóm ba người đó vẫn là hạt nhân của các cơ cấu ủy ban kế tiếp. Nhưng con người hiếu động đó vẫn không muốn

thừa nhận rằng con bài của ông đã bị lật; đối với ông mọi việc làm chỉ nhằm, nói chung, làm được một cái gì đó; việc làm đó tạo cho ông cái dáng của một con người đang bận tâm vào các mưu kế chính trị thâm thúy nhưng trước hết có lẽ tạo được căn cứ để phán xét - với vẻ quan trọng - về mọi việc, thực hiện "sự tái hiện" và say mê với việc ba hoa tự dắc.

Còn đối với Gốt-phrít thì các bài giảng về kịch của ông, đối với respectable City-mérchants[1*], không tạo cho ông một chút khả năng nào để làm tổn hại thanh danh của mình. Mặt khác, cũng rất rõ là bản tuyên ngôn ngày 13 tháng Ba chỉ theo đuổi một mục đích: củng cố địa vị mà ngài Ác-nôn đã chiếm được trong Ủy ban trung ương châu Âu. Chính Gốt-phrít về sau này cũng tin vào điều đó, nhưng thừa nhận điều đó không phải vì lợi ích của ông. Điều này cũng tạo ra một tình huống là chẳng bao lâu sau khi công bố bản tuyên ngôn trên tờ "Kölnische Zeitung" dama acerba[2*] Mốc-ken cho đăng lời tuyên bố sau đây: chồng bà không hề ký tên vào lời kêu gọi, ông tuyệt nhiên không nghĩ tới các khoản vay của công chúng và đã kịp thời rút ra khỏi ủy ban vừa mới được thành lập. Để đáp lại việc làm đó Ác-nôn phao tin trên tờ "Schnellpost" của Niu Oóc rằng thực ra vì bị ốm Kin-ken không ký tên vào bản tuyên ngôn, nhưng tán thành bản tuyên ngôn đó; đề cương bản tuyên ngôn này được viết ở trong phòng của ông, ông bắt tay chuyển ngay một bộ phận các cuốn đó về Đức, nhưng ông rút ra khỏi ủy ban vì không phải ông được bầu làm chủ tịch mà là tướng Hau-gơ. Ác-nôn còn kèm vào bản tuyên bố những lời lẽ công kích gay gắt chống lại thói hiếu danh của Kin-ken - "một con người tuẫn tiết tuyệt đối" "một Bếch-cơ-rát dân chủ", - và cũng tỏ ra nghi ngờ với bà I-ô-han-na Kin-ken mà những tờ báo bị cấm như "Kölnische Zeitung" đều sẵn sàng giúp bà.

Trong khi đó thì những hạt giống mà Ác-nôn gieo xuống không phải hoàn toàn gặp phải sỏi đá. Ông Gốt-phrít "có tâm hồn đẹp"

1* - các nhà buôn đáng kính ở Xi-ti
2* - mụ đàn bà nghiệt ngã



quyết định tỏ ra ranh mãnh hơn những đối thủ và xoay xở lấy kho tàng cách mạng cho riêng mình. I-ô-han-na không kịp phủ nhận trên tờ "Kölnische Zeitung" cái dự định lố lăng đó thì Gốt-phrít của chúng ta tự chịu hết trách nhiệm lên tiếng trên các tờ báo bên kia đại dương xin vay nợ, ở đây ông còn nói thêm là số tiền này cần chuyển cho người "được tin cậy nhất". Ai có thể là con người như vậy ngoài Gốt-phrít Kin-ken? Để bắt đầu ông yêu cầu đóng góp 500 pao xtéc-linh để làm ra tiền giấy của cách mạng. Ru-gơ không một phút chần chừ đã tuyên bố trên tờ "Schnellpost" rằng ông, Ru-gơ là thủ quỹ của Ủy ban trung ương dân chủ, rằng có thể mua ở ông các loại giấy bạc của Mát-di-ni đã in sẵn. Như vậy là đối với người nào muốn mất 500 pao xtéc-linh thì nhận những giấy bạc đã in sẵn trong bất kỳ trường hợp nào cũng sẽ khôn ngoan hơn là đầu cơ những thứ chưa có. Còn Rô-đô-môn-tơ Hai-nơ-txen thì gào to lên rằng nếu như ông Kin-ken không vứt bỏ các mánh khóe của mình thì người ta sẽ công khai tuyên bố ông ta là "kẻ thù của cách mạng". Lúc bấy giờ Gốt-phrít cho đăng các bài đáp lại trên tờ "New - Yorker Staatszeitung[229], tờ báo đang cạnh tranh trực tiếp với "Schnellpost". Như vậy là về phía bên kia Đại Tây Dương cuộc chiến tranh đã được tiến hành theo mọi quy tắc của nghệ thuật, trong khi đó về phía này người ta còn trao cho nhau những chiếc hôn của Giu-da.

Tuy nhiên, như Gốt-phrít chẳng bao lâu sau tự nhận xét, dẫu sao ông cũng đã phần nào làm phật ý những người phi-li-xtanh dân chủ có phẩm hạnh, do công bố một cách thiếu lịch sự khoản nợ quốc gia đứng tên mình. Để sửa chữa sai lầm đó, bây giờ ông nghĩ ngay ra lời giải thích:

"Lời hiệu triệu đó kêu gọi đóng góp tiền nhằm mở rộng khoản nợ quốc gia của Đức, tuyệt nhiên không phải là do ông,- rất có thể là những người bạn quá ư nhiệt tình ở Mỹ đã lợi dụng tên ông làm việc đó".

Lời giải thích đó khiến bác sĩ Vít-xơ phải đáp lại như sau trên tờ "Schnellpost" của Niu Oóc:

"Lời hiệu triệu kêu gọi cổ động cho khoản nợ của Đức, như nhiều người biết, *được Gốt- phrít Kin-ken gửi cho tôi kèm theo lời yêu cầu khẩn khoản* cho công bố nó trên tất cả các tờ báo Đức. Và tôi sẵn sàng giới thiệu bức thư đó với những người còn nghi ngại về việc này. Nếu lời tuyên bố đó thực tế xuất phát từ Kin-ken thì việc làm đanh dự của ông ta là công khai từ chối việc làm đó và công bố bức thư của tôi trao đổi với ông để cho dẫng thấy rằng, đối với ông ta tôi đã giữ được thái độ tự chủ tôi mức nào và không thể nào "quá ư nhiệt tình" được. Trong trường hợp ngược lại, nhiệm vụ của Kin-ken là công khai gọi tác giả đáng kính của bản tuyên bố đó là tên vu khống có ác ý hoặc, nếu như ở đây có sự ngộ nhận, thì gọi là tên ba hoa nông nổi và không có lương tâm. Về phía mình, tôi không thể tin vào sự bội tín thật chưa từng thấy của Kin-ken. Bác sĩ C. Vít-xơ" (Wochenblatt der Deutschen Schnellpost" của Niu Óóc).

Gốt-phrít phải làm gì? Ông ta lại phải đưa aspra donzella[1*] ra phía trước, ông tuyên bố rằng bà Mốc-ken là "tên ba hoa nông nổi và không có lương tâm"; ông xác nhận rằng bà vợ của ông Mốc-ken đã tiến hành sau lưng ông ta mọi việc dính líu tới khoản nợ đó. Không phải bàn cãi, cái sách lược đó thật là "hoa mỹ".

Vì Gốt-phrít của chúng ta mềm dẻo tựa như cây lau; lúc thì ông tiến lên phía trước, lúc thì giấu mặt ở phía sau, lúc thì bắt tay làm, lúc lại từ bỏ việc làm đó, - tùy thuộc vào chỗ - theo ý ông, tình cảm của nhân dân hướng theo chiều nào. Trong khi cho phép tầng lớp tư sản hoa mỹ ở Luân Đôn tổ chức các buổi lễ mừng, các ngày hội để chúc mừng ông - một con người sẵn sàng chết vì cách mạng - ông lại có những quan hệ sau lưng bọn tư sản đó - đã bị cấm với những người lưu vong hạ đẳng mà đại biểu là Vi-lích. Sống trong những điều kiện mà nếu so sánh với cảnh sống giản dị của ông ở Bơn, thì có thể xem là huy hoàng, nhưng ở Xanh Lu-i-xơ ông lại viết rằng ông sống chẳng khác nào "một đại biểu của người nghèo". Thế là, ông tuân theo nghi thức đã được xác lập đối với giai cấp tư sản và đồng thời lại cung kính phủ phục trước giai cấp vô sản. Nhưng là một con người mà sức mạnh tưởng tượng đã vượt khá xa tiếng nói của lý trí, ông không thể nào tránh khỏi sự thô bạo và tính kiêu căng của kẻ chơi trội, việc làm đó khiến mọi người lưu vong cẩu kỳ, có phẩm hạnh, lánh

1* - người đàn bà nghiêm nghị



xa ông. Bài viết của ông trên tờ "Kosmos" nói về cuộc triển lãm công nghiệp hết sức tiêu biểu đối với ông. Tấm gương lớn đặt tại lâu đài pha lê làm ông sửng sốt nhiều nhất. Thế giới khách quan của ông được thu lại ở tấm gương, thế giới chủ quan được thu lại ở lời lẽ. Dường như để khám phá ra mặt đẹp của mọi sự vật nên ông thường làm đỏm dáng[1*] với những vật đó và, tùy theo sự cần thiết, ông gọi việc làm đỏm dáng đó lúc là thơ ca, lúc là lễ hiến sinh, lúc là tôn giáo. Về thực chất, tất cả những cái đó cần thiết đối với ông chỉ là để làm đỏm dáng với chính bản thân ông. Ở đây ông không đủ sức để tránh khỏi tình trạng là, trên thực tế cái mặt xấu lộ ra ngoài khi mà sự tưởng tượng trực tiếp biến thành sự dối trá, còn sự lố lăng thì biến thành điều hèn hạ. Tuy nhiên, có thể nói trước với Gốt-phrít của chúng ta rằng vì ông sắp sa vào tay những tên hề nhiều kinh nghiệm như Gu-xtáp và Ác-nôn nên ông phải lột bỏ bộ lông sư tử ra khỏi thân mình.

1* - Chơi chữ "schöne Seite"- "mặt đẹp", "schöntun"- "làm đỏm dáng".

# XII

Cuộc triển lãm công nghiệp đã mở ra một kỷ nguyên mới trong cuộc sống của những người lưu vong. Làn sóng rất lớn những kẻ phi-li-xtanh Đức tràn ngập Luân Đôn trong suốt mùa hè; người phi-li-xtanh Đức cảm thấy khó chịu trong Lâu đài pha lê rộng lớn, ồn ào và trên đất Luân Đôn rộng lớn, ồn ào, ầm ĩ, inh ỏi hơn gấp nhiều lần; sau khi làm xong một cách vất vả những công việc lao động nặng nhọc hàng ngày là buộc phải đi xem triển lãm và các danh lam thắng cảnh khác, ông nghỉ ngơi tại hiệu ăn "Ha-nao" của Sốc-tơ-nơ hoặc hiệu ăn "Ngôi sao" của Guê-rinh-gơ, tại đây tất cả tỏa lên mùi dễ chịu của rượu, khói thuốc và cách tiếp đón của một quán ăn. Ở đây "hiện thân toàn bộ Tổ quốc" và nói thêm ở đây có thể nhìn tận mặt không mất tiền những con người vĩ đại của nước Đức. Họ ngồi tại đây - đó là các nghị sĩ, các vị dân biểu, các tướng tá, các diễn giải câu lạc bộ của cái thời huy hoàng vào các năm 1848 và 1849, tỏa khói ra qua các tẩu thuốc, như tất cả những người quá cố khác, ngày này qua ngày khác thảo luận với sự đàng hoàng kiên định coram publico[1*] về những lợi ích tối cao của Tổ quốc. Đây là nơi mà người tiểu tư sản Đức, nếu anh ta không tiếc chi ra mấy chai rượu vang loại rẻ tiền nhất, có thể biết tường tận tất cả mọi việc đã xảy ra trong các cuộc họp bí mật nhất của các nội các châu Âu. Ở đây cũng có thể biết được chính xác tới từng phút, khi nào "mở đầu cuộc tấn công". Ở đây người ta tấn công hết chai này tới chai khác và những người thuộc các chính kiến khác nhau giải tán về nhà mặc dầu chân đứng không vững nhưng có ý thức vững vàng rằng họ đã góp

1* - trước tất cả mọi người



phần vào sự nghiệp cứu quốc. Trong suốt thời kỳ những người phi-li-xtanh có khả năng thanh toán có mặt đông đảo ở Luân Đôn thì chưa có lúc nào giới lưu vong lại uống nhiều hơn nhưng chi phí ít hơn như vậy.

*Tổ chức tửu quán* dưới sự bảo trợ của Xi-len - Sốc-tơ-nơ[220] trên đường phố Lông A-crơ là một tổ chức thực sự của giới lưu vong; tổ chức này đã trở nên phồn vinh nhất nhờ có cuộc triển lãm. Ủy ban trung ương thực tế thường xuyên họp tại đây. Tất cả các ủy ban, các tổ chức, các tổ đảng khác đều là lừa đảo hoàn toàn, là những sự trang trí cho chủ nghĩa yêu nước của những khách hàng thường xuyên, du thủ du thực của các tửu quán thực sự Đức.

Tới lúc này giới lưu vong còn được bổ sung những người mới đến mà đại diện là các ngài May-en, Phau-sơ, Di-ghen, Guê-gơ, Phi-clơ, v.v...

*May-en*, một con nhím, vì sai lầm mà sinh ra không có lông nhọn, trước đây đã được Gơ- tơ miêu tả như sau dưới cái tên *Poăng- xi-nê:*

"Trong văn học cũng như trong xã hội thường gặp những con người trên trình, ngộ nghĩnh, nhỏ bé, được phú cho một cái tài nào đó, hay quấy nhiễu và hay làm phiền, và vì mỗi người đều có thể dễ dàng đứng trên cao để nhìn họ nên họ tạo ra cơ hội cho mọi loại giải trí. Tuy nhiên, những con người đó trong vấn đề này lại biết cách giành được nhiều lợi: họ sống, hoạt động, tên tuổi của họ được nhắc tới, và họ được người ta tiếp đón tốt đẹp. Nếu họ không thành công, họ cũng không bối rối, tiếp nhận sự thất bại như một trường hợp đặc biệt và chờ đợi những thành tựu lớn nhất trong tương lai. Trong thế giới văn học Pháp Poăng-xi-nê là con người như vậy. Quả là khó tin rằng họ đã làm gì đối với ông, đã lôi kéo ông vào việc gì, lừa phỉnh ông như thế nào, và thậm chí cái chết bi thảm của ông, - ông bị chết đuối ở Tây Ban Nha - cũng không thể làm giảm cái ấn tượng hài hước mà cuộc sống của ông đã gây ra, cũng giống như pháo hiệu của cây pháo bông hoàn toàn không có ý nghĩa gì, vì sau đó khi nổ lép bép một lúc, nó nổ bùng ra với tiếng đì đùng còn mạnh hơn" [221].

Ngược lại, các nhà văn hiện đại lại nói về ông ta như sau: *Ê-đu-a May-en* thuộc số người "kiên quyết" đại diện cho lý trí của Béc-lin chống lại tình trạng ngu ngốc hàng loạt của phần còn lại của nước Đức. Cùng với những người bạn của mình là Muy-gơ, Clai-nơ, Xa-ben, Bun và những người khác, ông cũng đã lập ra

"liên minh những con bọ dừa May-en" ở Béc-lin. Mỗi người trong số những con bọ dừa May-en đó đều có vị trí trên tờ báo nhỏ riêng của mình. Ê-đu-a May-en chiếm vị trí ở tờ báo buổi chiều ở Man-hem[1*], trong đó với những nỗ lực hết sức lớn lao hàng tuần ông đã để lại một bó tin tức non kém. Con bọ dừa May-en còn đạt được một điều là, vào năm 1845 ông ta *phải biên tập* một tạp chí ra hàng tháng; bài vở từ khắp nơi gửi tới ông, nhà xuất bản chờ đợi, nhưng mọi dự định bị phá vỡ là do Ê-đu-a sau tám tháng đẩm đìa mồ hôi vì sợ hãi, tuyên bố rằng ông không thể nào thực hiện được kế hoạch xuất bản. Vì Ê-đu-a của chúng ta chấp nhận một cách nghiêm chỉnh tất cả sự ấu trĩ của mình, nên sau cách mạng tháng Ba, ở Béc-lin ông nổi tiếng là một người có thái độ đứng đắn đối với phong trào. Ở Luân Đôn ông đã cùng với Phau-sơ tham gia xuất bản tờ tạp chí Đức "Illustratel London News", tạp chí này đã được xuất bản 20 năm trước đây do một cụ già biết đôi chút tiếng Đức biên tập và kiểm duyệt, nhưng phải đình bản do không có ích gì, bởi lẽ ông rất kiên trì đeo đuổi ý định đưa vào tạp chí đó bài báo thâm thúy của mình nói về điều khắc đã được đăng trước đó 10 năm ở Béc-lin. Khi giới lưu vong của Kin-ken sau đó chỉ định ông làm thư ký cho họ thì ông thấy rõ homme d'état[2*] là thực tế, và ông thông báo trên tờ thông cáo in li-tô rằng ông đã có được "quan điểm kiên định". Sau khi ông chết, trong di sản của con bọ dừa May-en sẽ tìm thấy nhiều tiêu đề cho các tác phẩm đã dự định.

Bạn đồng nghiệp của ông trong ban biên tập và thư ký là *Ốp-pen-hai-mơ* có quan hệ mật thiết với May-en. Về Ốp-pen-hai-mơ người ta nói rằng dường như ông ta hoàn toàn không phải là con người thật, mà là một nhân vật tưởng tượng; dường như chính nữ thần buồn chán đã được sinh ra ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ

1* - "Mannheimer Abendzeitung"
2* - nhà hoạt động nhà nước



mang hình ảnh con trai của một người Do Thái làm đồ trang sức. Khi Vôn-te. viết: "Tous les genres sont bons excépté le genre ennuyeux"[1*], ông đã cảm thấy trước sự xuất hiện của Hen-rích Béc-hác Ốp-pen-hai-mơ của chúng ta. Bản thân chúng ta thích Ốp-pen-hai-mơ là nhà văn hơn là diễn giả. Có thể cứu vớt ông ta khỏi những lời đã viết, khỏi những bài phát biểu miệng - c'est impossible[2*]. Học thuyết Pi-ta-go về sự di chuyển của những con người cũng có thể là đúng nhưng cái tên mà mấy trăm năm trước đây Hen-rích Béc-hác Ốp-pen-hai-mơ đã mang nó, không thể nào xác định được vì trong thế kỷ nào con người cũng không bao giờ đặt cho mình cái tên của một kẻ ba hoa khó chịu. Cuộc đời của ông ta thể hiện ra ở ba nhân tố nổi bật: nhà biên tập Ác-nôn Ru-gơ, nhà biên tập Bren-ta-nô, nhà biên tập Kin-ken.

Ngài I-u-li-út *Phau-sơ* là người thứ ba trong nhóm người này. Ông ta thuộc số người đại diện cho khu hội các tín đồ Tân giáo ở Béc-lin là những người rất tháo vát, biết sử dụng tài năng nhỏ mọn của mình. Lần đầu tiên ông đã phát biểu trên vũ đài hoạt động xã hội với tư cách là hạ sĩ quan Pi-xtôn[212] thuộc phái tán thành tự do mậu dịch, với tư cách như vậy ông đã được các thương nhân Hăm-buốc thuê làm việc tuyên truyền. Trong thời kỳ sục sôi cách mạng họ cho phép ông ta truyền bá sự tự do mậu dịch dưới chiêu bài vô chính phủ có vẻ dữ tợn. Khi việc làm đó không còn phù hợp với tình thế nữa, người ta loại bỏ ông và ông đã cùng với May-en biên tập tờ "Abend-Post" của Béc-lin. Lấy cớ là nói chung nhà nước phải bị thủ tiêu và phải thực hiện tình trạng vô chính phủ nên ở đây ông né tránh sự chống đối nguy hiểm đối với chính phủ hiện hành, và sau này khi tờ báo phải chết vì thiếu tiền để bảo đảm thì tờ "Neue Preussische Zeitung" tỏ ý thương tiếc cho số phận của Phau-sơ, nhà văn duy nhất đáng kính trong số những người dân chủ. Các quan hệ chân thành với tờ "Neue

1* - "Mọi kiểu sống đều tốt, trừ sự buồn chán" (Vôn-te. Lời nói đầu của vở hài kịch "Đứa con đi hoang").
2* - không thể được.

Preußische Zeitung" chẳng mấy chốc trở thành thân thiết đến mức ở Luân Đôn Phau-sơ của chúng ta lại bắt đầu viết tin cho tờ báo nhỏ đó. Sự tham gia của Phau-sơ vào chính sách lưu vong không được lâu dài. Việc ông say sưa cái thuyết tự do mậu dịch đã chỉ cho ông thấy rằng sứ mệnh của ông là hoạt động kinh doanh mà ông sốt sắng quay trở lại, và trong lĩnh vực này cho tới lúc này ông đã hoàn thành một công trình không một ai vượt nổi là lập ra *bảng giá* cho các bài viết của ông theo một bậc thang linh hoạt hết sức hoàn chỉnh. Do có sự thiếu khiêm tốn của tờ "Breslauer Zeitung" mà văn bản đó được công chúng rộng rãi biết tới.

Chòm sao ba ngôi của các chính kiến kiên định của miền Nam nước Đức mà người đại diện là Di-ghen, Phi-clơ, Guê-gơ đối lập lại với chòm sao ba ngôi này của trí tuệ Béc-lin.

Theo sự miêu tả của người bạn của ông là Guê-gơ thì Phran-txơ *Di-ghen*

"là một con người không to lớn, không có râu, toàn bộ thân hình ông trông giống như Na-pô-lê-ông"; cũng theo lời ông Guê-gơ đó, ông là "anh hùng", là "con người của tương lai", "trước hết là con người thiên tài, được phú cho tinh thần sáng tạo, không ngừng làm theo các kế hoạch mới".

Nếu nói trong nội bộ chúng ta, thì tướng Di-ghen là một trung úy trẻ ở Ba-đen có tư chất và kiêu ngạo. Đọc lịch sử các chiến dịch của cách mạng Pháp ông đã thấy rằng bước nhảy vọt từ một thiếu uý lên chức tổng chỉ huy là điều hoàn toàn không quan trọng và từ đó con người không có râu đã quyết định một cách chắc chắn rằng Phran-txơ *Di-ghen* lúc nào đó phải trở thành tổng chỉ huy của một đạo quân cách mạng nào đó. Sự nổi tiếng trong quần đội[1*] dựa trên cơ sở có tên giống nhau và cuộc khởi nghĩa Ba-đen năm 1849 đã giúp ông thực hiện sự mong muốn của mình. Người ta biết có những trận chiến đấu ông đã tiến hành ở Nếch-ca và những trận chiến đấu mà ông không tham gia ở Svác-xvan-đơ, còn sự rút lui của ông về Thụy Sĩ thì ngay cả kẻ thù của ông cũng

1* - Xem tập này, tr. 447-448.



thừa nhận là hành động kịp thời và đúng đắn. Các kế hoạch quân sự của ông chứng tỏ ông có sự hiểu biết về lịch sử của các cuộc chiến tranh cách mạng. Để vẫn là một người trung thành với các truyền thống cách mạng, người anh hùng Di-ghen vì coi thường kẻ thù, không quan tâm tới đường lối tác chiến và các phương sách rút lui và những điều nhỏ nhặt khác tương tự, đã toàn tâm toàn ý chuyển từ lập trường mà Mô-rô đã lựa chọn trước kia sang một lập trường khác và mặc dầu như vậy nếu như ông ta không bắt chước được một cách chi tiết cách hành quân của Mô-rô, nếu như ông đáng lẽ phải vượt qua sông Ranh ở vùng Pa-ra-đi-sơ thì đã vượt qua sông đó ở vùng Ê-gli-đao, thì điều đó nên quy vào tính hạn chế của kẻ thù không biết đánh giá hành động quá ư thông minh. Trong các mệnh lệnh và chỉ thị của mình Di-ghen phát biểu với tư cách là nhà truyền giáo, và trong đó, thực ra, ông bộc lộ rõ văn phong ít lỗi lạc hơn, nhưng chính kiến lại nhiều hơn so với Na-pô-lê-ông. Về sau ông phụ trách nghiên cứu sự chỉ đạo các sĩ quan cách mạng thuộc mọi binh chủng; chúng ta có thể dẫn ra từ sự chỉ đạo đó một đoạn quan trọng sau đây:

"Theo điều lệnh, một sĩ quan cách mạng phải có theo mình: 1 mũ đội đầu không kể mũ lưỡi trai, 1 thanh kiếm kèm theo dao găm, 1 khăn quàng cổ màu đen-đỏ- vàng dệt bằng len lạc đà, 2 đôi găng tay bằng da màu đen, 2 áo khoác, 1 áo mưa, 1 đôi quần dạ, 1 cà vạt, 1 đôi ủng hoặc giầy, 1 va-li bằng da màu đen dài 12 in-sơ, cao 10 in-sơ và rộng 4 in-sơ, 6 áo sơ mi, 3 cặp quần đài, 8 đôi tất, 6 khăn mùi soa, 2 khăn mặt, 1 bộ dụng cụ cạo râu và rửa mặt, 1 bút, một thạch bản theo mẫu qui định, 1 bàn chải quần áo, 1 điều lệnh phục vụ dã chiến".

I-ô-đép *Phi-clơ* (theo nhận xét của bạn ông là Guê-gơ) -

"một mẫu mực của nhà hoạt động nhân dân trung thực, kiên quyết, cứng rắn không thể lay chuyển được, một con người đã lôi cuốn được toàn bộ dân chúng vùng Thượng Ba-đen và miền Pri-ô-đéc về phía mình, và qua nhiều năm đau khổ và đấu tranh của mình đã nổi tiếng gần như Bren-ta-nô".

Giống như một nhà hoạt động nhân dân trung thực, kiên quyết và không chịu khuất phục, I-ô-đép Phi-clơ có khuôn mặt béo tròn giống như mặt trăng, cái cổ mập và cái bụng to tương ứng. Về cuộc sống trước đây của ông người ta chỉ biết rằng, ông kiếm được kế sinh sống là nhờ có một sản phẩm nghệ thuật khắc gỗ của thế

kỷ XV và các vật kỷ niệm có quan hệ nào đó với Hội nghị tôn giáo ở Công-xtăng-xơ[233], bằng cách trưng bày các vật đáng chú ý đó cho khách du lịch và những người nước ngoài yêu thích nghệ thuật xem để lấy tiền và, ở đây cũng bán cho họ những vật lưu niệm "cổ xưa" mà như chính Phi-clơ rất tự đắc kể lại, ông ta thường xuyên đặt làm mới những vật lưu niệm đó theo "những mẫu cổ xưa".

Những chiến công duy nhất của ông trong thời kỳ cách mạng là thứ nhất, việc bắt giữ ông theo lệnh của Ma-ti sau khi kết thúc phiên họp của Tiền nghị viện[234] và, hai là, việc bắt giữ ông ở Stút-gát theo lệnh của Rê-mơ vào tháng Sáu 1849. Nhờ có các cuộc bắt giữ đó, ông may mắn tránh khỏi nguy cơ phải tự hạ thanh danh của mình. Sau đó những người dân chủ Vuyếc-tem-bóc nộp 1000 gun-đen để bảo đảm cho ông, còn Phi-clơ thì giấu tên lánh xa về vùng Tuốc-gau và, thật hết sức đáng buồn cho những người bảo lãnh, như vậy là ông không để ai biết tới mình nữa. Không thể phủ nhận rằng trên tờ báo "Seeblatter" ông thể hiện có kết quả bằng mực in những tư tưởng và tình cảm của những người nông dân sống ven hồ. Tuy vậy khi được ông bạn Ru-gơ chú ý, ông vẫn giữ ý kiến cho rằng người ta ngu ngốc vì cái học thuyết dài dòng, vì vậy ông cũng đã ngăn ngừa ông bạn của mình là Guê-gơ không đến thư viện của Viện bảo tàng Anh nữa.

*A-man-đu-xơ Guê-gơ*, như đã thấy rõ qua cái tên của ông, là con người dễ mến[1*],

"thực ra ra một diễn giả không xuất sắc, nhưng là một công dân trung thực mà hành vi khiêm tốn và cao thượng của ông ở đâu cũng tranh thủ được bạn bè Weslamerikänische Blatter").

Do có tính cao thượng nên Guê-gơ biến thành một thành viên của chính phủ lâm thời ở Ba-đen, trong chính phủ này, theo sự thừa nhận của chính ông, ông không thể làm được gì để chống lại

1* Chơi chữ: Amandus - tên, "amandus" – "dễ chịu", "dễ mến".



Bren-ta-nô, và do sự khiêm tốn nên đã có được danh hiệu: ngài độc tài. Không ai phủ nhận được một điều là những thành tựu của ông với tư cách Bộ trưởng tài chính là bình thường thôi. Cũng do sự khiêm tốn đó nên vào ngày cuối cùng trước cuộc rút lui chung về Thuỵ Sĩ đã được công bố, tại Đô-nao-ê-sinh-ghen ông tuyên bố thành lập "nước cộng hoà xã hội-dân chủ". Về sau này, cũng do sự khiêm tốn như vậy ông đã tuyên bố (với I-a-nút-xơ Gia-nu-xơ Hai-nơ-txen [235] vào năm 1852) rằng ngày 2 tháng Chạp giai cấp vô sản Pa-ri đã bị thất bại vì họ không có ông, Guê-gơ, không có sự sáng suốt dân chủ theo kiểu Pháp - Ba-đen cũng như vốn có đối với miền Nam Đức thuộc Pháp. Người nào muốn có những chứng cớ tiếp về sự khiêm tốn của Guê-gơ và sự tồn tại của "đảng Guê-gơ", thì có thể tìm thấy những cái đó trong trước tác do chính ông viết ra "Nhìn lại cuộc cách mạng Ba-đen" v.v., Pa-ri, 1850. Đỉnh cao ở sự khiêm tốn của ông là những điều mà ông đã tuyên bố trong cuộc họp công khai ở Xin-xin-na-ti:

"Sau khi cuộc cách mạng ở Ba-đen phá sản có những người đáng kính tới gặp ông tại Xuy-rích và tuyên bố rằng, đại diện của tất cả các bộ tộc Đức đã tham gia cuộc cách mạng Ban-đen, - vì vậy cần coi cuộc cách mạng đó như một sự nghiệp của cả nước Đức, chẳng khác gì cuộc cách mạng ở La Mã là cuộc cách mạng của cả nước I-ta-li-a. Ông, Guê-gơ, là nhà hoạt động đã đứng vững đến phút cuối cùng, - vì vậy ông ta phải *trở thành Mát-di-ni của Đức*. Ông đã từ bỏ sự khiêm tốn".

Tại sao vậy? Người nào đã có lần là "ngài độc tài", thì cũng sẽ là người bạn chí thân của Di-ghen-"Na-pô-lê-ông" và có thể cũng "*trở thành*" "*Mát-di-ni của Đức*".

Khi những nhân vật này và cả những nhà hoạt động không xuất sắc bằng nhưng cũng giống như họ tới đó thì giới lưu vong đã au grand complet[1*], họ có thể bước vào các cuộc chiến đấu vĩ đại mà độc giả được biết qua bài hát sau đây.

1* - tập hợp đông đủ

# XIII

Chi mi darà la voce e le parole
E un proferir magnanimo e profondo?
Che mai cosa più fiera sotto il sole
Non fu veduta in tutto quanto il mondo;
L'altre battaglie fur rose e viole,
Ai raccontar di questa mi confondo;
Perchè il valor, e'l pregio della terra
A fronte son condoti in questa guerra.
(Bojardo. Orlando innam. Canto 27[1*].)

Ai làm ngân vang chiếc Thiên cầm nhỏ nhắn này,
Nơi tôi nhận được những tiếng nói hào hứng,
Để tôi có thể miêu tả bằng màu sắc rực rỡ
Cuộc đấu tranh chưa từng thấy trên thế gian?
Mọi cuộc chiến đấu ngày xưa - những bông hoa trong đạ yến,
Nếu so với cuộc chiến đấu mà số phận buộc tôi phải ca ngợi:
Chính vì tất cả những người có tinh thần dũng cảm phi thường
Đã dấu kiếm trong cuộc chiến đấu vinh quang này.

Khi giới lưu vong được bổ sung fashionable arrivals[2*] cuối cùng này thì cũng là lúc họ phải cố gắng *"tổ chức nhau lại"* với quy mô lớn, tạo cho mình một hình thức dứt khoát. Cần dự tính là những mưu toan đó sẽ dẫn tới những hành động thù địch mới và tàn khốc. Trên các cột của những tờ báo bên kia đại dương cuộc bút chiến lúc này đã lên tới đỉnh cao. Những chuyện xích mích cá nhân, những âm mưu quỷ kế, tính khoe khoang không kìm nổi - đó là những cái xấu xa mà mọi sức lực của những người

1* - Bôi-ác-đô. Rô-lăng yêu đương. Bài hát 27.
2* - những người nổi tiếng mới tới



vĩ đại đã vươn tới. Nhưng cũng nhờ cái đó mà giới lưu vong đã có được chút ít, cụ thể là có cái lịch sử của riêng họ, một lịch sử đang diễn ra ngoài lịch sử toàn thế giới, cái chính sách phường hội của họ bên cạnh chính sách chính thống. Trong những sự bất hòa nội bộ đó giới lưu vong thậm chí còn khai thác được cả tình cảm có ý nghĩa quan trọng đối với nội bộ. Vì rằng tất cả những điều cố đạt được và những sự xung đột đó che giấu những tính toán để lấy được tiền của đảng dân chủ, để giành lấy linh vật Gran[235] nên cuộc tranh tài tưởng tượng ra, cuộc tranh cãi về chòm râu của hoàng đế Bác-ba-rốt-xa nhanh chóng biến thành cuộc thi tài tầm thường của những tên hề. Kẻ nào muốn nghiên cứu cuộc chiến tranh đó giữa loài chuột và loài ếch nhái [237] dựa theo các nguồn gốc ban đầu, kẻ đó sẽ tìm thấy tất cả các văn bản cần thiết trên các tờ "Schnellpost" của Niu Oóc, "New - Yorker Deutsche Zeitung", "Allgemeine Deutsche Zeitung", "Staatszeitung", trên tờ "Correspondent" của vùng biển Ban-ti-mo, tờ "Weeker" và các tờ báo khác của Đức - Mỹ. Trong lúc đó việc làm dáng bằng những liên minh bịa đặt và những âm mưu tưởng tượng, tất cả mọi chuyện rùm beng trong giới lưu vong không còn nữa mà cũng không để lại một vài hậu quả nghiêm trọng nào. Việc làm rùm beng đó đã tạo cho các chính phủ cái cớ mong muốn để bắt giữ nhiều người ở Đức, kìm kẹp mọi phong trào ở mọi nơi trong nước và lợi dụng những con thú nhồi rơm đáng thương của Luân Đôn như những bù nhìn trong các vườn rau để làm cho người tiểu tư sản Đức sợ hãi. Hoàn toàn không nguy hiểm chút nào đối với tình hình hiện tại, những nhân vật đó trong giới lưu vong chỉ mong muốn tha thiết có một điều làm thế nào để sự im lặng chết chóc bao phủ nước Đức, mà trong đó tiếng nói của họ sẽ vang lên to hơn, và làm sao trình độ giác ngộ của xã hội sẽ xuống thấp tới mức khiến cho thậm chí những người cùng cỡ với họ sẽ là những con người khá lỗi lạc.

Những người có phẩm hạnh ở miền nam nước Đức mới tới không có quan hệ với một bên nào, họ sống ở Luân Đôn trong tình thế có lợi nhất: họ có thể đóng vai trò người hòa giải ở các

nhóm khác nhau và đồng thời tập hợp được tất cả những người lưu vong như một đội đồng ca vây quanh các nhân vật lỗi lạc. Ý thức về nghĩa vụ được phát triển tới mức cao của họ đã khiến họ không được lờ đi trường hợp đã xảy ra. Nhưng lúc đó họ được gặp Lơ-druy - Rô-lanh, một con người mà về phương diện này hoàn toàn đồng tình với họ, đã từng ngồi chễm chệ trên chiếc ghế tổng thống của nước Cộng hòa Pháp. Là những người lãng giềng gần gũi nhất của nước Pháp, điều quan trọng đối với họ là được chính phủ lâm thời của Pháp thừa nhận là những người cầm đầu lâm thời của nước Đức. Đặc biệt điều quan trọng đối với Di-ghen là làm cho Lơ-druy bảo đảm cho ông được giữ cương vị tổng chỉ huy. Song con đường đến với Lơ-druy chỉ có cách là phải bước qua cái thây ma Ác-nôn. Hơn nữa lúc đó cái mặt nạ mang tính chất kiên cường của Ác-nôn còn làm cho họ vừa lòng, và ông ta như ánh hào quang triết học Bắc cực phải làm bừng sáng những buổi hoàng hôn trên miền nam nước Đức của họ. Vì vậy mà trước hết họ hướng về *Ru-gơ*.

Ở phía bên kia thì có, một là, *Kin-ken* với những người thân cận nhất với ông ta, như Suốc-xơ, Stơ-rốt-man, Sim-men-phen-nich, Te-khốp v.v., sau đó là những cựu nghị sĩ thượng nghị viện và hạ nghị viện đứng đầu là *Rai-sen-bắc*, May-en và Ốp-pen-hai-mơ với tư cách là đại biểu của giới văn học, cuối cùng là Vi-lích với đội thân binh của ông song vẫn nằm trong bóng tối. Ở đây các vai được phân bố như sau: Kin-ken với tư cách là đại diện cho những tên phi-li-xtanh Đức nói chung; Rai-sen-bắc là hầu tước, đại diện cho giai cấp tư sản; còn Vi-lích đại diện cho giai cấp vô sản.

Về Au-gu-xtơ *Vi-Lích* trước hết phải nói rằng lúc nào Gu-xtáp cũng ngấm ngầm không tin cậy ông ta vì ông này có cái xương sọ nhọn, trong hộp xương sọ đó cái mô tự cao tự đại phát triển quá mức chèn ép mọi năng lực khác của trí tuệ. Một tên phi-li-xtanh Đức nào đó sau khi gặp ông cựu trung úy Vi-lích ở một trong những quán rượu của Luân Đôn, sợ hãi chộp lấy chiếc mũ của mình và bỏ chạy, kêu to lên : "Lạy chúa! con người đó giống Đức Giê-xu Ky-tô của chúng ta biết chừng nào!". Để làm tăng sự giống nhau đó, trong một thời gian ngắn trước khi bùng nổ cách mạng ông đã làm thợ mộc ít lâu. Sau đó, trong thời gian có chiến dịch Ba-den - Pphan-xơ ông làm chỉ huy quân du kích.



Người chỉ huy quân du kích, con cháu của những người chỉ huy thân binh của nước I-ta-li-a cổ đại, là một hiện tượng độc đáo trong các cuộc chiến tranh hiện đại, đặc biệt là ở Đức. Người chỉ huy du kích đã từng quen hoạt động độc lập chống lại mọi bộ tổng chỉ huy tối cao. Những người du kích của ông chỉ phục tùng ông, nhưng ông thì hoàn toàn phụ thuộc vào họ. Vì vậy kỷ luật trong đội quân tình nguyện mang tính chất thật là độc đáo: nếu xem xét theo các tình huống, kỷ luật đó lúc thì chặt chẽ một cách dã man, lúc thì - và điều này thường hay xảy ra nhất - lại lỏng lẻo tột bực. Người chỉ huy du kích không thể thường xuyên đối xử một cách có quyền lực và có tính chất bắt buộc - thường là phải chiều ý những người du kích của ông ta, phải lấy lòng từng người một bằng cách thể hiện sự hảo tâm của mình về mặt vật chất. Những phẩm chất thông thường của người chiến binh ở đây không đem lại nhiều kết quả tốt và để những người thuộc quyền làm theo ý của mình thì ngoài lòng dũng cảm còn phải có thêm những đặc tính khác. Nếu như thậm chí người chỉ huy không thuộc giới quý tộc thì nó phải có ít nhất là ý thức quý tộc, mà ý thức đó cần được bổ sung bằng sự giảo quyệt, tính hay dò xét, thói gian hùng và tính bần tiện đã được ngụy trang trong thực tiễn. Làm như vậy, người ta không chỉ được binh lính của mình đồng tình, mà còn mua chuộc được cả những người dân, đánh lừa được quân thù và được thừa nhận, nhất là từ phía kẻ thù, như một nhân vật xuất chúng. Tuy nhiên, tất cả những cái đó cũng chưa đủ để nắm được đội quân tình nguyện mà phần đông, hoặc là lúc mới bắt đầu bao gồm những tên vô sản lưu manh, hoặc là chẳng mấy chốc cũng biến thành vô sản lưu manh. Muốn làm được như vậy cần phải có tư tưởng cao cả. Vì vậy người chỉ huy đội quân tình nguyện cần phải có sự tinh túy của những quan niệm cố định,

ông ta phải là con người nguyên tắc, luôn có ý thức về sứ mệnh là người giải phóng thế giới. Bằng những lời thuyết giáo trước đội ngũ và bằng việc tuyên truyền khuyên bảo thường xuyên trong các cuộc mạn đàm cá nhân với từng người lính, người chỉ huy phải làm cho binh lính của mình hiểu được tư tưởng cao cả đó và, nhờ vậy, biến cả đội quân thành những đứa con cùng chí hướng của mình. Nếu như tư tưởng cao cả đó có tính chất cương nghị, tư biện và vượt quá mức lý trí bình thường, nếu như nó mang những nét nhất định của Hê-ghen - giống điều mà tướng Vi-li-den mưu toan tập cho quân đội của Phổ thành thói quen[238], - thì càng tốt. Như vậy là ý thức quý tộc được gợi lên cho từng người du kích và nhờ vậy mà các chiến công của toàn đội mang tính chất một hành vi thiêng liêng tư biện, nâng họ lên cao hơn nhiều so với sự can đảm thông thường không suy nghĩ, còn vinh quang của đội quân như vậy chủ yếu không phải dựa vào những hành vi của họ, mà chủ yếu là trên cơ sở sứ mệnh giải phóng của họ. Có thể làm cho đội quân này có tinh thần kiên định hơn nữa nếu buộc tất cả các chiến sĩ phải thề rằng họ sẽ không chịu để cho sự nghiệp mà vì nó họ đang chiến đấu, phải sụp đổ, và thà giết đến người cuối cùng trên điểm cuối của biên giới còn tốt hơn là hát những bài ca thiêng liêng. Điều hoàn toàn tất nhiên là đội quân như vậy và người chỉ huy như vậy phải cảm thấy mình bị xúc phạm vì phải giao tiếp với những chiến binh quý tộc bình thường và, trong mỗi trường hợp thuận tiện họ phải cố gắng hoặc là tách ra khỏi quân đội, hoặc là nhanh chóng thoát ra khỏi cái hội những người phản bội, đối với họ không gì đáng căm ghét hơn những quân đoàn lớn và cuộc chiến tranh lớn mà trong đó sự nhạm hiểm được sự nhiệt tình cao độ hỗ trợ có thể sẽ đem lại quá ít kết quả nếu như nó xem thường những quy tắc thông thường của nghệ thuật quân sự. Như vậy, người chỉ huy du kích phải là người mang thánh giá, với ý nghĩa đầy đủ của từ ngữ này: người đó phải hợp nhất trong một con người cả Pi-e Pu-xtưn-ních và Van-tê Hô-li-ác. Người đó phải đối lập phẩm hạnh cá nhân của mình với lối sống bừa bãi của đội



quân hỗn tạp của mình. Không ai dám chuốc rượu cho người đó đến say mềm và bản thân người đó phải thấy tốt hơn là kề sát miệng vào chai của mình một cách bí mật không cho ai biết, mặc dầu là đang đêm ở trên giường. Nếu vì sự yếu đuối của con người, có lúc người đó quay về trại lính vào ban đêm, không đúng lúc, sau khi đã nếm quá nhiều của ngon vật lạ trên đời thì người đó cũng không bao giờ đi vào cổng chính, mà thấy tốt hơn là đi vòng quanh và trèo qua tường để không phải cám dỗ một ai. Người đó vẫn phải tỏ ra thờ ơ trước những vẻ đẹp của dàn bà, nhưng rồi cũng sẽ gây được một ấn tượng tốt nếu thỉnh thoảng để cho một thợ may phụ nào đó ẩn náu trên giường của mình như Crôm-oen đã từng đối xử với các hạ sĩ quan của mình; nói chung trong cách sống của mình người đó không phải khổ hạnh quá đáng. Vì cavalieri del dente[1*] của đội quân của người đó kiếm sống chủ yếu bằng các cuộc trưng thu và đóng quân ở nhà dân không phải trả tiền, đứng phía sau cavaliere della ventura[2*], còn Van-tê Hô-li-ác thường phải nhắm mắt làm ngơ trước việc làm đó, cho nên chỉ vì một điều đó thôi cũng cần sự có mặt thường xuyên của Pi-e Pu-xtưn-ních với niềm an ủi có sẵn rằng những biện pháp chướng mắt tương tự được thông qua một cách đặc biệt là nhằm cứu nguy Tổ quốc, và, do đó vì lợi ích của bản thân những người bị nạn.

Tất cả những phẩm chất đó của người chỉ huy du kích trong thời chiến cũng biểu hiện cả trong thời bình, tuy có một số thay đổi không hoàn toàn dễ chịu. Trước hết người đó phải duy trì được hạt nhân cho đội quân mới và thường xuyên phái các hạ sĩ quan - những người đi tuyển mộ binh lính mới. Hạt nhân này bao gồm chủ yếu những người còn lại trong đội quân tình nguyện và đám dân đen lưu vong, nằm trong các trại lính lúc thì sống dựa vào chính phủ (như ở Bơ-dăng-xông[239] chẳng hạn) lúc thì sống bằng cách khác nào đó. Cuộc sống trong các trại lính phải

1* - các hiệp sĩ sử dụng các hàm răng, những kẻ ăn bám
2* - hiệp sĩ đi tìm các cuộc phiêu lưu

được thần thánh hóa bằng tư tưởng; điều này làm được là nhờ chủ nghĩa cộng sản trại lính, nhờ có chủ nghĩa cộng sản đó mà việc xem thường hoạt động dân sự thông thường có ý nghĩa cao nhất. Nhưng cũng vì trại lính cộng sản như vậy không còn phải phục tùng điều lệnh quân sự, mà chỉ phục tùng uy lực đạo đức và giáo huấn về sự xả thân cho nên trong trại lính đó công việc không được tiến hành nếu không có những cuộc ẩu đả vì cái quỹ chung, hơn nữa có lúc xảy ra chuyện bọn ngu ngốc cũng thuộc vào bộ phận có uy lực đạo đức. Nếu ở nơi nào đó gần liên đoàn những thợ thủ công thì có thể lợi dụng nó làm điểm tuyển mộ để bổ sung tân binh cho đội quân đã hoàn toàn say sưa, hơn nữa người ta vẽ ra cho những người thợ thủ công những triển vọng về một cuộc sống ngang tàng và những cuộc phiêu lưu của người du kích trong tương lai, coi như là sự trả công cho lao động nặng nhọc hiện nay của họ. Ngoài ra, cũng có lúc đã dàn xếp được tới mức liên đoàn những người thợ thủ công bỏ tiền ra để nuôi đội quân đó cũng vì trại lính đó có ý nghĩa cao về mặt nguyên tắc đối với tiền đồ của giai cấp vô sản. Trong trại lính cũng như trong liên đoàn sự truyền giáo và các hành vi gia trưởng - gia đình chủ nghĩa phải có ảnh hưởng trong sự giao tiếp cá nhân. Cả trong thời bình người du kích không mất đi lòng tin sắt đá tuyệt đối cần thiết đối với họ, và giống như trong chiến tranh, sau mỗi lần thất bại lúc nào họ cũng đoán trước được thắng lợi của ngày mai, lúc này anh ta cũng thường xuyên tuyên bố tính chất hiển nhiên về mặt tinh thần và tính tất yếu về mặt thể chất của ý kiến cho rằng việc đó không thể nào "khởi sự" chậm quá hai tuần - và *việc đó* đúng là lừng danh. Vì lúc nào anh ta cũng cần có kẻ thù ở trước mắt và cũng vì những người không trung thực, luôn đối lập với những người cao thượng nên sống trong những người không trung thực anh ta sẽ phát hiện ra sự căm thù mãnh liệt đối với mình và tin tưởng rằng vì căm ghét sự nổi tiếng đích đáng của anh ta mà những người không trung thực rắp tâm đầu độc hoặc đâm chết anh; vì vậy anh ta sẽ phải luôn giữ trong mình con dao dài ở dưới gối. Trong chiến tranh người chỉ huy du kích không



thể đạt được một thành tích nào cả nếu anh ta không tưởng tượng rằng nhân dân tôn sùng anh, cũng như vậy trong thời bình, thậm chí cả những khi anh không có những mối liên hệ chính trị thực tế, anh ta vẫn không ngừng giả định hoặc tưởng tượng ra những mối liên hệ đó, điều đó có lúc sẽ dẫn tới những sự lừa phỉnh đáng ngạc nhiên. Tài năng về mặt trưng dụng và sống dựa vào dân lại được biểu hiện dưới hình thức một cuộc sống ăn bám thoải mái. Ngược lại, chủ nghĩa khổ hạnh nghiêm khắc về mặt đạo đức của ông Rô-lăng của chúng ta cũng như mọi sự cao thượng và vĩ đại, trong thời bình, phải chịu những thử thách nặng nề. Bôi-ác-đô đã từng nói trong bài hát thứ 24:

> Bàn về bá tước Bra-va Tuốc-pin đã nói,
> Ông đã sống qua thời đại của mình với tấm lòng trong trắng, -
> Thưa các ngài, ai muốn tin, hãy để cho họ tin!

Nhưng ai cũng biết, về sau bá tước Bra-va do đôi mắt của nàng An-giê-li-ca tuyệt đẹp, đã mất lý trí và A-xtôn-phơ buộc phải đi tìm lý trí đó trên cung trăng như ngài Lô-đô-vi-cô A-ri - ô-xtô đã miêu tả một cách tuyệt vời việc làm đó[240]. Thế nhưng ông Rô-lăng hiện tại của chúng ta lầm lẫn mình với chính nhà thơ, nhà thơ này nói về bản thân mình rằng cũng vì tình yêu mà ông đã mất lý trí và nhờ có đôi môi và hai bàn tay ông đã tìm thấy lý trí trên ngực nàng An-giê-li-ca của ông, hơn nữa sự việc xảy ra tới mức người ta đã tống cổ ông khỏi nhà để tỏ lòng cảm ơn.

Trong chính trị người chỉ huy du kích phát hiện ra sự lão luyện tuyệt đỉnh của mình trong mọi phương pháp tiến hành cuộc chiến tranh nhỏ. Ông ta từ một đảng này chuyển sang đảng khác theo chính cái nghĩa của từ ngữ "du kích"[1*]. Những mưu kế nhỏ nhặt, những thủ đoạn đánh trống lảng thảm hại, và đôi khi cả sự nói dối, sự quỷ quyệt thể hiện dưới cái dạng công phẫn về đạo đức đều biểu hiện ra ở ông ta như những dấu hiệu tự nhiên của ý thức cao thượng, và vì tràn ngập lòng tin vào sứ mệnh của mình

1* Chơi chữ: "Parteiganger" - "du kích", và cũng là "môn đồ của đảng này hay đảng khác".

và ý nghĩa cao cả của những lời nói và hành động của mình nên ông kiên quyết tuyên bố: "tôi không bao giờ lừa dối!". Những quan niệm cố định tạo nên cái vỏ bọc tuyệt vời cho sự phản trắc đã được ngụy trang và kích động những người lưu vong ngu ngốc *bị mất hết* mọi suy nghĩ, phải nghĩ rằng ông, một con người có quan điểm cố định, chỉ là một thằng ngốc, - nhưng đối với một chàng trai từng trải như vậy thì chỉ cần có điều đó.

Hai nhân vật giống hệt nhau : Đông Ki-sốt và Xăng-sô Păng-xa quá lưu luyến cả với cái túi lương thực lẫn với những quan điểm cố định, được khích lệ bởi cách sống nhờ của các hiệp sĩ giang hồ không kém gì bởi niềm vinh quang của họ, người anh hùng của các cuộc chiến tranh của những người chim chích và những mưu kế quỷ quyệt nhỏ bé, che giấu trò bịp bợm của mình ở sau cái mặt nạ một tính cách mạnh mẽ, - đó là Vi-lích mà tiền đồ thực sự của ông là ở các đồng cỏ Ri-ô Gran-de-đen - Nô-rte.

Trong bức thư gửi ban biên tập tờ "Deutsche Schnellpost" của Niu Oóc ngài Guê-gơ đã giải thích như sau về mối quan hệ qua lại giữa hai phần tử lưu vong được miêu tả ở trên:

"Họ" (những người miền Nam nước Đức) "quyết định cố gắng hợp nhất với những phe phái khác nhằm phục hồi uy tín của Ủy ban trung ương *đang hấp hối*. Song cũng ít có hy vọng để thực hiện cái thiên ý đó. Kin-ken tiếp tục bày mưu đặt kế, ông đã cùng với người giải thoát mình, người viết tiểu sử của ông và một số trung úy người Phổ thành lập một ủy ban; ủy ban này phải hoạt động bí mật, từng bước được mở rộng tuỳ theo khả năng huy động cho họ những khoản tiền của phái dân chủ và sau đó bất thần lên tiếng công khai với tư cách là một đảng hùng mạnh của Kin-ken. Điều này là không trung thực, cũng không đúng và không hợp lý".

Trong bức thư dưới dây của ngài Di-ghen gửi tới cùng tờ báo đó, người ta phát hiện ra những ý định "trung thực" của những người miền Nam nước Đức trong những mưu toan hợp nhất đó:

"Nếu như chúng ta, một số ít, có những ý định *thật chân thành*, cũng có bộ phận chạy theo những phương pháp bí mật, thì chúng ta làm như vậy chỉ là nhằm tránh cho mình những mánh khóe thấp hèn và những diều mà Kin-ken và những người thuộc phe cánh ông cố tình đạt cho được, và chứng minh cho họ thấy rằng họ sinh ra không phải là để thống trị. *Mục đích chính của chúng ta* là dùng bạo lực buộc Kin-ken phải tới dự cuộc họp đông người, tại đó chúng ta sẽ chứng minh cho ông ta và các bạn bè chính trị gần gũi nhất của ông ta - theo cách nói của ông - thấy rằng không phải tất cả cái gì lóng lánh đều là vàng. Quỷ thật lúc đầu là nhạc cụ" (Suốc-xơ), "Quỷ thật sau đó lại là nhạc công" (Kin-ken) ("Wochenblatt der New-Yorker Deutschen Zeitung", ngày 24 tháng Chín 1851).



Thành phần của cả hai tập đoàn này độc đáo tới mức nào mà khi chửi rủa họ gọi nhau là "người Đức phía nam" và "người Đức phía bắc", ta có thể phán xét điều đó căn cứ vào chỗ, cầm đầu những người Đức phía nam là "lý trí" Ru-gơ, còn đứng đầu những người Đức phía bắc là "tình cảm" Kin-ken.

Để hiểu được cuộc đấu tranh kế tiếp vĩ đại sau này, buộc phải nói vài lời về lối ngoại giao của cả hai đảng đang làm chấn động thế giới này.

Ác-nôn (và tiếp theo là cả những tay sai của ông ta) quan tâm trước tiên tới việc thành lập một "câu lạc bộ bí mật" mà mục đích chính thức, *để phô trương* của nó là "hoạt động cách mạng". Từ câu lạc bộ này phải đề cử ra "ủy ban *phụ trách* các vấn đề Đức"mà ông thích nhất, còn bản thân Ru-gơ lại phải từ ủy ban này đề cử vào Ủy ban trung ương châu Âu. Ác-nôn không ngừng theo đuổi mục tiêu đó ngay từ mùa hè năm 1850. Ông hy vọng "tìm thấy" trong những người Đức phía nam "phần tử trung gian tốt mà hoạt động với họ ông có thể ngự trị như một lãnh chúa mà không hề ngần ngại". Như vậy là việc thành lập một tổ chức chính thức của những người lưu vong, việc thành lập các ủy ban là một nhân tố cần thiết trong chính sách của Ác-nôn và các đồng minh của ông ta.

Về phía mình, Kin-ken và vây cánh của ông đều phải cố không cho phép làm một điều gì để có thể hợp pháp hóa cái địa vị mà ông Ru-gơ đã tiếm đoạt được trong Ủy ban trung ương châu Âu. Kin-ken nhận được từ miền Tân Oóc-lê-ăng thông báo - để đáp lại lời kêu gọi của ông về việc đặt trước 500 pao xtéc-linh - rằng họ đã gửi tiền cho ông, và trên cơ sở đó ông đã cùng với Vi-lích, Sim-men-phen-ních, Rai-sen-bác, Te-khốp, Suốc-xơ, và những người khác thành lập một *tiểu ban tài chính bí mật*. Họ lập luận như

sau: nếu chúng ta có tiến thì những người lưu vong sẽ ủng hộ chúng ta; nếu những người lưu vong ủng hộ chúng ta thì chúng ta sẽ là những người cầm quyền ở nước Đức. Vì vậy, trước hết họ phải dựa vào các cuộc họp bàn tới những vấn đề mang tính chất hình thức thuần túy để nắm lấy khối quần chúng lưu vong, nhưng phải bằng mọi cách ngăn cản việc thành lập một tổ chức chính thức vượt ra ngoài khuôn khổ một "hội chưa chính thức" một cách thuần túy, đặc biệt là không để thành lập một ủy ban nào đó để chọc gậy vào bánh xe của phái thù địch, cản trở nó hoạt động và đứng sau lưng nó để tự hành động.

Cả hai phái đó, tức là "những nhà hoạt động có tên tuổi" có một nét chung là muốn dắt mũi khối quần chúng lưu vong, không nói cho họ biết những mục tiêu cuối cùng của mình, lợi dụng họ chỉ để làm cái cớ, rồi sau đó khi đã đạt được mục tiêu thì vứt bỏ họ luôn.

Bây giờ chúng ta hãy xem các ông Ma-ki-a-ve-li, Ta-lây-răng và Mét-téc-ních của phái dân chủ tấn công nhau như thế nào.

*Hiện tượng thứ nhất.* Ngày 14 tháng Bảy 1851. - Sau khi "không đạt được thỏa thuận riêng với Kin-ken về việc cùng hành động", Ru-gơ, Guê-gơ, Di-ghen, Phi-clơ, Rôn-ngơ mời các nhà hoạt động có tên tuổi thuộc tất cả các phái tới dự cuộc họp ở nhà Phi-clơ vào ngày 14 tháng Bảy. Có 26 người tới họp. Phi-clơ đề nghị thành lập "tiểu tổ bí mật" những người lưu vong Đức và từ tiểu tổ đó tách ra một "ủy ban công nhân ủng hộ các mục tiêu cách mạng". Đề nghị đó chủ yếu được Kin-ken và khoảng sáu môn đệ của ông ta bàn cãi. Sau các cuộc thảo luận sôi nổi kéo dài nhiều giờ đề nghị của Phi-clơ được thông qua (16 phiếu thuận, 10 phiếu chống). Kin-ken và thiểu số tuyên bố rằng họ không thể tham dự tiếp cái trò này nữa và bỏ cuộc họp ra về.

*Hiện tượng thứ hai.* Ngày 20 tháng Bảy. - Đa số nói trên lập thành một liên minh đặc biệt. Trong số những người mới được thu nhận - có *Tau-đơ-nau* do Phi-clơ giới thiệu.



Giống như Rôn-ngơ là Lu-the của phái dân chủ Đức, còn Kin-ken là Me-lan-tôn của phái dân chủ đó, ngài Tau-đơ-nau là *A-bra-ham, a Xan-ta Cla-ra* của phái dân chủ. Tại nhà Xi-xê-rôn cả hai vị thày tướng số nhìn nhau không thể nào nhịn cười[241]. - Ngài Tau-đơ-nau nhìn bộ mặt nghiêm trang của mình trong gương không thể không cười to. Nếu như Ru-gơ gặp được ở những người Ba-đen những con người mà *ông* đã phải lấy lòng, thì số phận đã trả thù ông, đã cử tới cho ông người Ảo Tau-đơ-nau, một con người đã phải lấy lòng ông.

Theo đề nghị của Guê-gơ và Tau-đơ-nau phiên họp hoãn lại với ý định một lần nữa thỏa thuận được với phái Kin-ken.

*Hiện tượng thứ ba.* Ngày 27 tháng Bảy. - Phiên họp ở khách sạn Gran-boóc-nơ. Giới lưu vong "có tiếng tăm" au grand complet. Phái Kin-ken cũng tới đó song không phải để tham gia cái liên minh đã từng tồn tại. Ngược lại, phái này đòi "thành lập" câu lạc bộ tranh luận công khai "mà *không có* ủy ban công nhân và *không có những mục đích nhất định nào*". Suốc-xơ phát biểu với tư cách là người bảo trợ cho ông Kin-ken trẻ tuổi theo đúng toàn bộ thủ tục của nghị viện đó, đã đưa ra đề nghị sau đây:

"Hội này tuyên bố mình là một liên minh chính trị bí mật mang tên *Câu lạc bộ lưu vong Đức*. Người ta kết nạp các hội viên mới trong giới lưu vong Đức theo sự giới thiệu của một hội viên bằng đa số phiếu".

Đề nghị được nhất trí thông qua. Câu lạc bộ quyết định họp vào những ngày thứ sáu.

"Đề nghị này được thông qua với những tràng vỗ tay của mọi người và những tiếng hô chúc mừng: "Nước Cộng hòa Đức muôn năm!!!". Do mọi người đều có nguyện vọng thỏa thuận nên mỗi người đều cảm thấy rằng họ đã hoàn thành nghĩa vụ của mình và đã làm được một điều gì có lợi cho cách mạng" (Guê-gơ, Wochenblatt der Schnellpost", ngày 20 tháng Tám 1851).

Ê-đu-a May-en khoái chí về thắng lợi đó tới mức ông đã thốt lên trên các bản tin in li-tô của mình:

"Lúc này toàn thể giới lưu vong đã thành lập được một đội ngũ đoàn kết thống nhất - gồm cả Buy-xơ, chỉ trừ một nhóm bất trị theo Mác".

Có thể bắt gặp những lời lẽ này của May-en cả trên những bản tin của chính phủ in bằng li-tô ở Béc-lin[1*].

Thế là trong khi mọi người biểu lộ sự nhân nhượng lẫn nhau và kèm theo những tiếng "hoan hô" chúc mừng nước Cộng hòa Đức, *Câu lạc bộ lưu vong* vĩ đại xuất hiện, nó sẽ tiến hành các phiên họp thật là khích lệ và, tuần sau khi Kin-ken lên đường đi Mỹ nó phải làm cho mọi người vừa lòng. Tuy thế, việc đó không ngăn cản nó cho tới tận ngày nay vẫn đóng vai trò của mình ở Mỹ với tính cách là một cơ quan còn vững mạnh.

*Hiện tượng thứ tư.* Ngày 1 tháng Tám. - Phiên họp thứ hai ở khách sạn Cran-boóc-nơ.

"Đáng tiếc là ngay từ lúc này chúng tôi phải báo cáo rằng chúng tôi sai lầm vì đặt hy vọng vào thắng lợi của câu lạc bộ đó" (Guê-gơ, cũng trên bản tin đó, ngày 27 tháng Tám).

Kin-ken đưa vào câu lạc bộ sáu người Phổ lưu vong và sáu người Phổ tham quan cuộc triển lãm công nghiệp mà không có quyết định trước được đa số thông qua. *Đam*[1)] (cựu chủ tịch của Quốc hội lập hiến Ba-đen, chủ trì phiên họp) tỏ vẻ ngạc nhiên về sự vi phạm điều lệ được coi là sự phản bội Tổ quốc này. *Kin-ken* tuyên bố:

" Câu lạc bộ chỉ là hội *không chính thức công khai*, không theo đuổi mục đích nào khác ngoài việc tạo khả năng để từng người làm quen nhau và mạn đàm mà bất kỳ người nào đều có thể nghe được. Vì vậy điều mong muốn là có thật nhiều người ngoài tham gia hội này".

Khi đưa ra điểm sửa đổi về việc cho phép người đến dự câu lạc bộ, anh sinh viên *Suốc-xơ* vội vàng làm dịu bớt sự bất nhã của vị giáo sư của anh ta. Điểm sửa đổi được thông qua. A-bra-ham,

1) - Đam ở đây!
- Ai đấy?
- Đam đây!
- Ai đó?
- Đam, Đam, lẽ nào ông không biết Đam ư?

1* - "Preussische Lithografische Corespondenz".



a Xan-ta Cla-ra tức là *Tau-đơ-nau* đứng dậy và nghiêm trang đưa ra hai đề nghị quan trọng sau đây:

1) "việc bầu tiểu ban" (ủy ban lừng danh), "tiểu ban này hàng tuần trình bày các báo cáo chính xác về chính sách hiện hành, đặc biệt là chính sách của nước Đức; các báo cáo đó phải nộp vào lưu trữ của liên đoàn và cho công bố vào thời điểm cần thiết; 2) "bầu tiểu ban" (ủy ban lừng danh) "để ghi ở lưu trữ của liên đoàn đủ mọi thứ chi tiết về những vụ vi phạm luật pháp và những điều tàn nhẫn đã xảy ra trong vòng ba năm qua và những việc mà những tên tay sai của bọn phản động vẫn tiếp tục làm đối với những người thuộc phái dân chủ".

Người ta kiên quyết chống lại việc làm đó -

*Rai-sen-bác:* "Trong những đề nghị trông bề ngoài là vô hại tôi phát hiện ra những ẩn ý khá nghi và ý muốn dựa vào việc bầu các tiểu ban này để làm cho hội đó mang tính chất *chính thức*, điều mà ông ta và bạn bè ông ta không thích thú".

*Sim-men-phen-ních* và *Suốc-xơ:* "Những tiểu ban như vậy có thể đặt cho mình những chức năng mang tính chất bí mật, và dần dà dẫn tới việc thành lập *một ủy ban chính thức*".

*May-en:* "*Có lẽ tôi thích nói mà không thích hành động*".

Như Guê-gơ xác nhận, đa số dường như có chiều hướng thông qua quyết định. Trong lúc đó thì Ma-ki-a-ve-li – *Suốc-xơ* đưa ra đề nghị hoãn việc giải quyết vấn đề. A-bra-ham a Xan-ta Cla-ra, tức là *Tau-đơ-nau* do tính chất phác, tán thành đề nghị đó. *Kin-ken* cho rằng

"nên hoãn cuộc bỏ phiếu tới phiên họp sau chủ yếu là vì chiều hôm nay phái của ông ta rõ ràng là bị thiểu số, và ông ta và các bạn bè của ông không thể xem cuộc bỏ phiếu được tiến hành trong những điều kiện như vậy, "*gắn bó được lương tâm* họ".

Vấn đề được chuyển sang phiên họp sau.

*Hiện tượng thứ năm.* Ngày 8 tháng Tám. - Phiên họp thứ ba ở khách sạn Cran-boóc-nơ. Các cuộc thảo luận về những đề nghị của Tau-đơ-nau. Kin-ken và Vi-lích bất chấp sự thỏa thuận, dẫn theo "những người lưu vong hạ đẳng, le menu peuple nhằm lần này gắn bó lương tâm của mình". *Suốc-xơ* đưa ra điểm sửa đổi về các báo cáo tự nguyện nói về các vấn đề của chính sách hiện hành, và những báo cáo như vậy đã được thỏa thuận trước với nhau, ngay lúc đó đã được người ta tự nguyện đọc: May-en nói về nước Phổ, Suốt-xơ về nước Pháp, Ốp-pen-hai-mơ về nước Anh, Kin-ken - về

nước Mỹ và tương lai (vì tương lai gần nhất của ông là ở Mỹ). Các đề nghị của *Tau-đơ-nau* bị bác bỏ. Ông tuyên bố một cách cảm động rằng ông muốn hy sinh cả sự phẫn nộ chính đáng của mình, hiến dâng sự phẫn nộ đó cho Tổ quốc và ở lại với nhóm đồng minh của mình. Song, phái Ru-gơ - Phi-clơ ngay lập tức tỏ vẻ bực tức làm bộ ta đây là một tâm hồn dẹp bị lừa dối.

*In-tếc-méc-xô*[1*]. - Cuối cùng, Kin-ken nhận được từ Tân Oóc-lê-ăng 160 pao xtéc-linh, với sự tham gia của những người nổi tiếng khác, ông phải biến số tiền này thành tư bản mang lại lợi nhuận để phục vụ lợi ích của cách mạng. Phái Ru-gơ - Phi-clơ vốn đã bị xúc phạm do kết quả cuộc bỏ phiếu cuối cùng, hiểu thấu điều này. Không nên để mất đi một phút nào nữa - phải hành động. Như vậy là đã tạo thành vũng lầy mới của giới lưu vong, nó tô điểm cho cuộc sống trì trệ và thối nát của họ bằng cái tên *"Liên minh cổ động"*. Các thành viên của liên minh này là Tau-đơ-nau, Phran-cơ, Guê-gơ, Di-ghen, Héc-tlơ, Rôn-ngơ, Hâu-gơ, Phi-clơ, Ru-gơ. Liên minh tuyên bố ngay lập tức trên các báo của Anh rằng

"liên minh được thành lập không phải để tranh cãi, mà trước tiên là để hành động, nó sẽ tham gia không phải bằng works[2*] mà bằng works[3*] và trước hết đề nghị những người cùng chí hướng đóng góp tiền. Liên minh cổ động giao quyền hành pháp cho *Tau-đơ-nau*, và cũng chỉ định ông là người đại diện toàn quyền và là phóng viên về các vấn đề đối ngoại, đồng thời ông cũng thừa nhận cương vị mà *Ru-gơ* đã giữ trong Ủy ban trung ương châu Âu" (với tư cách là một phụ chính của đế chế), "cũng thừa nhận cả hoạt động trước đây của ông và một điều nữa là ông đại diện cho nhân dân Đức với tinh thần Đức chân chính".

Trong sự phối hợp mới này hiện ra rõ ràng tập đoàn ban đầu: Ru-gơ - Rôn-ngơ - Hâu-gơ. Như vậy là Ác-nôn, sau cuộc đấu tranh kéo dài nhiều năm và những nỗ lực, cuối cùng đã đạt được điều mà ông ta muốn: ông được thừa nhận là tép riu trong ủy ban trung ương của phái dân chủ và có được "một bộ phận nhân dân rõ rệt", đáng tiếc là quá rõ rệt, bao gồm cả thảy tám người. Nhưng sự hài lòng đó đối với ông ta cũng bị tiêu tan, vì việc thừa nhận

1* - Màn kịch phụ giữa hai màn kịch.
2* - lời nói
3* - việc làm



ông ta đồng thời lại liên quan với việc cách chức gián tiếp ông ta và ông ta được thừa nhận chỉ với điều kiện mà Phi-clơ thô bạo đưa ra, theo điều kiện đó thì từ nay Ru-gơ phải thôi không "viết và phổ biến khắp thế gian câu chuyện nhảm nhí của mình". Ông Phi-clơ thô bạo cho rằng chỉ những lời lẽ nào của Ác-nôn mà chính ông không đọc và chẳng đọc để làm gì cả thì mới "đáng chú ý".

*Hiện tượng thứ sáu.* Ngày 22 tháng Tám. - Khách sạn Cran-boóc-nơ. Từ đâu "tuyệt tác ngoại giao" (xem Guê-gơ) của *Suốc-xơ:* đề nghị thành lập ủy ban chung của giới lưu vong gồm sáu người thuộc các phe phái khác nhau, thu nhận vào đó năm ủy viên của Ủy ban lưu vong đã tồn tại của liên đoàn thợ thủ công thuộc Vi-lích (với điều kiện này phái Kin-ken - Vi-lích lúc nào cũng chiếm đa số). Đề nghị được thông qua. Cuộc bầu cử được tiến hành nhưng các thành viên thuộc bộ phận "nhà nước" dưới quyền của Ru-gơ, đã từ chối không tham gia cuộc bầu cử đó, do đó tuyệt tác ngoại giao sụp đổ. Sự việc xảy ra đối với Ủy ban lưu vong này được suy tính hết sức nghiêm túc, tuy nhiên rõ ràng là xuất phát từ chỗ trước đó bốn ngày Vi-lích đã rút ra khỏi Ủy ban lưu vong của những thợ thủ công tồn tại từ lâu trên danh nghĩa, sau khi nhiều cuộc bạo động của "những người dân đen lưu vong" - những người biểu thị thái độ hết sức bất kính - khiến cho ủy ban đó không tránh khỏi bị giải thể. - Người ta *chất vấn* về những bài phát biểu trước công chúng của Liên minh cổ động. Người ta đưa ra đề nghị là làm thế nào để Câu lạc bộ lưu vong không có một chút nào giống như Liên minh cổ động và phủ nhận trước công chúng tất cả những hành động của ông. Những lời công kích kịch liệt đối với "những nhà cổ động" có mặt - Guê-gơ và Di-ghen nhỏ (tức là Di-ghen lớn, xem phần sau[1*]). Ru-đôn-phơ *Sram* tuyên bố ông bạn già Ru-gơ của mình là tay sai của Mát-di-ni và là "kẻ đơm đặt chuyện già nua bỉ ổi". Và anh bạn, Bru-tút ! Guê-gơ phản đối không phải giống như một diễn giả vĩ đại, mà

1* Xem tập này, tr. 447 - 448.

như một công dân trung thực, và tấn công mãnh liệt ông Kin-ken hai mặt, quỷ quyệt và nhu nhược, nói năng ngọt xớt theo kiểu cha cố:

"Không cho phép tước khả năng làm việc của những người muốn làm việc! Nhưng rõ ràng những con người đó muốn hợp nhất nhưng gì không có thật, không hoạt động, để bằng sự che đậy như vậy nhóm này có thể đạt được những mục tiêu nhất định".

Lúc Guê-gơ đề cập tới lời tuyên bố trước công chúng của Liên minh cổ động đăng trên các tờ báo Anh thì *Kin-ken* trịnh trọng đứng lên và thốt ra rằng ông

"đã thống trị trên toàn báo chí của Mỹ và đã áp dụng những biện pháp nhằm làm cho báo chí cũng chịu ảnh hưởng của ông".

Đề nghị của phái Đức chân chính đã được thông qua và đưa tới bản tuyên bố của "những người cổ động" nêu rõ rằng các thành viên thuộc Liên minh cổ động không thể ở lại thêm trong Câu lạc bộ lưu vong.

Vậy là đã phát sinh sự phân liệt ghê gớm giữa Câu lạc bộ lưu vong và Liên minh cổ động; sự phân liệt đó tạo ra một lỗ hổng lớn trong toàn bộ lịch sử thế giới hiện đại. Điều thú vị hơn cả là cả hai con đẻ của giới lưu vong đó thực tế chỉ tồn tại cho tới lúc có sự phân liệt giữa họ, còn lúc này đây chúng chỉ tồn tại dường như trong cuộc chiến đấu giữa các linh hồn dị giáo trong bức tranh của Cau-lơ-bắc[242], và cuộc chiến đấu đó tới ngày hôm nay vẫn tiếp diễn trên các tờ báo của Mỹ và Đức và trong các cuộc họp, và có lẽ sẽ còn tiếp tục cho đến hết thế kỷ.

Ông Sram, một con người không thừa nhận một thứ kỷ luật nào cả, tấn công cả Vi-lích, đồng thời khẳng định rằng câu lạc bộ lưu vong đã tự làm nhục khi gắn bó với người hiệp sĩ đó, điều đó làm cho toàn thể phiên họp càng thêm sôi động. Người chủ tọa phiên họp - tới lúc này là ông May-en rụt rè, - vì thất vọng nên đã mấy lần buông lơi quyền điều khiển phiên họp. Song trong lúc bàn luận về Liên minh cổ động do có việc các hội viên của nó rút ra khỏi liên minh, thì tình trạng lộn xộn lại lên tới tột độ.



Phiên họp có tính chất giáo huấn này kèm theo những tiếng kêu la, những lời lẽ đao to búa lớn, sự huyên náo, những lời đọa dầm, những tiếng ồn ào điên cuồng, đã kéo dài tới hai giờ khuya, cuối cùng lúc đó chủ nhân do tất được các vòi khí đốt đã khiến cho những người chống đối bị kích động phải chìm đắm trong bóng tối mịt mù và do làm cho họ sợ hãi, đã chấm dứt được sự nghiệp cứu nước.

Vào cuối tháng Tám Vi-lích hiệp sĩ và Kin-ken đa cảm mưu toan phá vỡ Liên minh cổ động từ bên trong, đã gửi cho ông Phi-clơ chân thực lời đề nghị như sau:

"Ông Phi-clơ, người phải cùng với họ và những người bạn chính trị gần gũi của họ thành lập *tiểu ban tài chính*, tiểu ban này sẽ nắm lấy việc quản lý những khoản tiền từ Tân Oóc-lê-ăng gửi tới. Tiểu ban này sẽ tồn tại cho tới khi tiểu ban tài chính chính thức của chính cách mạng có thể nhóm họp; tuy nhiên, trong đó việc thông qua đề nghị đó cũng có nghĩa là tán thành giải tán cả các hội cổ động và các hội cách mạng của Đức đã từng tồn tại cho tới lúc đó".

Ông Phi-clơ có phẩm hạnh đã bị "cái tiểu ban được ban ơn, bí mật, vô trách nhiệm" này căm phẫn.

"Cái tiểu ban tài chính đơn thuần", ông thốt lên, - "làm sao có thể đoàn kết xung quanh mình tất cả các đảng phái cách mạng? Không một đồng tiền nào đang gửi đến, không một đồng tiền nào đã gửi đến tự nó lại có thể làm cơ sở cho các khuynh hướng phân lập trong đảng dân chủ hy sinh tính độc lập của nó".

Như vậy là, đáng lẽ dẫn tới giải thể theo ý muốn thì các mưu toan đào ngũ đã gây ra tác động ngược lại, và Tau-đơ-nau có thể tuyên bố rằng không còn cứu vãn nổi sự đoạn tuyệt giữa cả hai đảng phái hùng mạnh là "Lưu vong" và "Cổ động".

# XIV

Để chứng minh cuộc chiến tranh giữa "Lưu vong" và "Cổ động" được tiến hành bằng phương pháp độ lượng như thế nào, chúng tôi xin nêu lên một số đoạn trích dẫn từ các tờ báo của Đức và Mỹ.

## "CỔ ĐỘNG"

Ru-gơ tuyên bố Kin-ken là "phái viên của hoàng tử nước Phổ".

"Một người cổ động" khác khám phá ra rằng, dường như các hội viên xuất sắc của Câu lạc bộ lưu vong,

"ngoài mục sư Kin-ken, còn có ba trung úy Phổ, hai nhà văn học không có tài ba gì từ Béc-lin tới và một sinh viên".

Di-ghen viết:

"Không thể phủ nhận rằng Vi-lích có một số môn đệ. Dĩ nhiên, trong vòng ba năm trời chỉ thuyết giáo và nói với mọi người điều mà họ thích thú thì sẽ là rất ngu ngốc khi không biến những người đó thành những môn đệ của mình. Bè lũ Kin-ken cố gắng lôi kéo về phía họ những môn đệ đó của Vi-lích. Các môn đệ của Vi-lích dùng thủ đoạn xảo trá với các môn đệ của Kin-ken".

"Người cổ động" thứ tư tuyên bố các đồ đệ của Kin-ken là "những người thờ thần tượng".

Tau-đơ-nau nêu những đặc trưng của Câu lạc bộ lưu vong như sau:

"Sự bảo vệ những lợi ích riêng rẽ dưới cái chiêu bài yêu hòa bình, lừa dối một cách có hệ thống để chiếm lấy đa số, những lời phát biểu của những kẻ không có tiếng tăm nhưng lại mang tư cách là lãnh tụ và người tổ chức của đảng, những mưu toan ban ơn tiểu ban tài chính bí mật và mọi thủ đoạn xảo trá lén lút dù được mệnh danh như thế nào, mà nhờ đó những *nhà chính trị chưa trưởng thành* lúc nào cũng nghĩ cách chi phối vận mệnh của Tổ quốc ở nơi lưu vong, trong lúc đó thì ngay từ những giờ phút bùng nổ đầu tiên của cách mạng các kế hoạch hư danh như vậy đều tan thành mây khói".



Cuối cùng, Rô-đô-môn-tơ - Hai-nơ-txen tuyên bố rằng Ru-gơ, Guê-gơ, Phi-clơ và Di-ghen là những tên lưu vong đứng đắn duy nhất ở Anh mà chính ông đã quen biết. Các hội viên của Câu lạc bộ lưu vong là "những con người ích kỷ, những tên bảo hoàng và những người cộng sản"; Kin-ken là "tên ngu ngốc thích hư danh không thể cứu chữa nổi và tên quý tộc hay triết lý"; May-en, Ốp-pen-hai-mơ, Vi-lích, v.v. là những con người nhỏ bé, mà ông Hai-nơ-txen "chỉ cái gậy xuống tận đầu gối mới có thể nhìn rõ họ, và họ không lớn nổi dù là đến mắt cá của Ru-gơ" ("Schnellpost" của Niu Oóc, "New-Yorker Deutsche Zeitung", "Wecker", v.v., 1851).

## "LƯU VONG"

"Cần làm gì một ủy ban được ban ơn treo lơ lửng trong không khí, tự ủy quyền cho mình ngay trước khi bắt tay vào việc, không được ai bầu ra cả, không chất vấn những người mà họ dự định giới thiệu, phải chăng họ mong muốn những con người đó đại diện cho họ?" - "Những người biết Ru-gơ đều thấy rõ rằng sự say mê cho ra những tờ truyền đơn là chứng bệnh khó chữa của ông". – "Trong nghị viện Ru-gơ không thể đạt được dù là cái ảnh hưởng mà ông Ra-vô hoặc Xi-môn nào đó ở Tơ-ria đã từng có". - "Nơi nào đòi hỏi phải có nghị lực cách mạng trong hành động, công tác tổ chức, sự kiên trì hoặc thầm lặng, thì ở đó Ru-gơ lo sợ vì ông phải khốn khổ vì không giữ được lời lẽ cũng như không giữ được dòng mực chảy và không ngừng thèm khát được đại diện cho toàn thế giới. Ru-gơ gần bó với Mát-di-ni và Lơ-đruy-Rô-lanh, điều này được thông báo tới tất cả các tờ báo, được dịch ra tiếng nói của ông, của Ru-gơ: "Đức, Pháp và I-ta-li-a đã ký kết thành lập liên minh cách mạng anh em"". - "Sự phê chuẩn có dụng ý của ủy ban đó, tình trạng thiếu tích cực nhưng khoác lác đó đã kích động những người bạn gần gũi nhất và khôn ngoan nhất của Ru-gơ như Ốp-pen-hai-mơ, May-en, Sram đặt quan hệ với những người khác để cùng hoạt động". - "Đứng phía sau Ru-gơ không phải là một bộ phận dân chúng rõ nét, mà là tên thông thái rởm ôn hòa rõ nét".

"Hàng ngày có mấy trăm con người hỏi ông Tau-đơ-nau này là ai vậy? Và không ai, không một ai có thể trả lời câu hỏi đó. Thỉnh thoảng mới có một người nào đó trong số những người ở Viên đoán chắc rằng ông ta là một trong những nhà dân chủ của Viên, những người đó thường xuyên chê trách phái dân chủ ở Viên về tính chất phản động để đặt nó ở cái thế bất lợi. Song lời khẳng định đó vẫn còn trong lương tri của những người ở Viên. Trong bất kỳ trường hợp nào ông ta cũng là một bậc lỗi lạc không ai biết đến, và càng ít người biết rõ, ông ta nói chung có phải là bậc lỗi lạc hay không".

"Chúng ta hãy xem một lần nữa, ai là những con người xứng đáng mà đối với họ những người khác được giới thiệu là những nhà chính trị chưa trưởng thành. Đó là ông Di-ghen tổng chỉ huy. Nếu chất vấn nàng thơ của lịch sử xem bằng cách nào kẻ tiểu nhân không

có hăn sắc đó leo lên tới cấp chỉ huy tối cao, thì nàng thơ sẽ vô cùng lúng lúng. Di-ghen chỉ là người em của anh mình. Anh của ông ta là một sĩ quan nổi tiếng nhờ những lời phát biểu chống đối chính phủ một cách kịch liệt và những cuộc bắt bớ thường xuyên mà ông phải chịu đựng do sự đối trụy tầm thường nhất. Ông Di-ghen trẻ trung cho rằng điều đó là cơ sở đầy đủ để tuyên bố mình là tổng chỉ huy và bộ trưởng bộ chiến tranh trong thời kỳ bị bối rối đầu tiên xảy ra cùng lúc với cao trào cách mạng. Đội pháo binh của Ba-den đã nhiều lần chứng minh những phẩm chất ưu việt của mình, có đầy đủ các sĩ quan xứng đáng và giá dặn hơn, mà trước mặt họ ông trung úy Di-ghen trẻ tuổi, chưa từng chiến đấu phải luống cuống; những sĩ quan đó đã tức giận vì nhiều khi họ phải phục tùng một sĩ quan trẻ không tiếng tăm, quá ư thiếu kinh nghiệm và cũng thật là bất tài. Nhưng chính ở đây Bren-ta-nô tỏ ra là một con người khá yếu về mặt lý trí và mang tâm trạng phản bội, do đó có thể làm bất cứ việc gì để bóp chết cách mạng... Một sự bất lực hoàn toàn mà Di-ghen đã bộc lộ trong suốt thời gian chiến dịch Ba-den. Trong bất kỳ trường hợp nào, có điều đáng chú ý là gần Ra-stát và ở vùng Svác-xvan-đơ Di-ghen đã bỏ mặc số phận của những người lính dũng cảm nhất của quân đội cộng hòa, không hề tiếp viện cho họ *theo lời hứa*, trong lúc đó thì bản thân ông ta đi khắp Xuy-rích, trên cầu vai mang phù hiệu hạ tước Phuyếc-xten-bec và ngồi trên cỗ xe ca-bri-ô-lét, ăn mặc bảnh bao như một vị tướng hại trận khiến người ta phải chú ý tới. Đó là cái vĩ đại của nhà chính trị giả dặn này mà mọi người đều biết, ông ta với nhận thức hợp lý về các chiến công anh hùng trước đây của mình, lần thứ hai lại tự phong mình là tổng chỉ huy trong Liên minh cổ động. Ông bạn quen biết vĩ đại của chúng ta, người em của anh mình, là như thế đó".

"Quả thật là đáng buồn cười khi những con người như vậy" (các hội viên của Liên minh cổ động) "trách móc về cái tính nửa vời của những người khác, trong khi đó chính họ lại là những *con số không về chính trị*, nói chung họ chẳng phải là cái gì, chẳng phải hoàn toàn, chẳng phải là nửa vời". – "Tính hiếu danh cá nhân - đó là cái ẩn giấu đằng sau cái cơ sở nguyên tắc của họ". - "Liên minh cổ động với tính cách là một liên minh, chỉ có ý nghĩa riêng biệt như là một tiểu tổ văn hóa hẹp nào đó hoặc như một câu lạc bộ chơi bi-a, và vì vậy nó không có một căn cứ nào để đòi hỏi người ta phải thừa nhận nó mà không có chính quyền nào cấp giấy ủy nhiệm". - "Các ông tự rút thăm đi! Những người không được thông báo phải được thông báo để bản thân họ có thể phán xét xem các ông là người như thế nào!" ("Correspondent" của Ban-ti-mo).

Nên thừa nhận rằng các ngài đó một khi hiểu được nhau thì hầu như đã đi tới chỗ hiểu rõ mình.



# XV

Chính vào lúc đó tiểu ban tài chính bí mật "Lưu vong" bầu xong ban quản trị gồm có Kin-ken, Vi-lích và Rai-sen-bác, và quyết định tiến hành nghiêm chỉnh việc vay tiền của người Đức. Anh sinh viên Suốc-xơ - như tờ "Schnellpost" của Niu Oóc, "New - Yorker Deutsche Zeitung" và "Correspondent" của Ban-ti-mo đã thông báo vào cuối năm 1851 - được cử sang Pháp, Bỉ và Thụy Sĩ và đi tìm ở đó tất cả các nghị sĩ già, đã bị quên và đã hy sinh không hề có tin tức, những tên nhiếp chính của đế chế, những vị dân biểu và những con người nổi tiếng khác, kể cả ông Ra-vô quá cố, để họ bảo đảm khoản tiền nợ. Những con người thất bại đã bị quên đi đó vội vã bảo đảm việc làm đó. Chính là việc bảo đảm khoản tiền nợ, nếu như nói chung nó có giá trị nào đó, dường như là một sự bảo đảm lẫn nhau cho các chức vụ trong chính phủ in partibus, và các ngài Kin-ken, Vi-lích và Rai-sen-bác như vậy đã được bảo đảm các dự định *của mình* trong tương lai. Và những con người đức hạnh đáng kính sống vất vưởng, không ai an ủi trên đất Thụy Sĩ, lại được người ta bố trí vào "các tổ chức" và bảo đảm các chức vụ tới mức khiến người ta đã thiết lập được trước một trật tự sau này trong việc thay thế các chức vụ của chính phủ theo phẩm hàm, phân bổ cho nhau các ghế; hơn nữa khi giải quyết các ghế số 1, số 2 và số 3 sẽ cho ai, không thể tránh được những cuộc tranh cãi gay gắt. Nói tóm lại, anh sinh viên Suốc-xơ trở về mang theo giấy bảo đảm ở trong túi và cả nhóm bắt tay vào việc. Thực ra, mấy ngày trước khi Kin-ken hứa hẹn trong một cuộc họp mới với "Cổ động" là không đứng tên "Lưu vong" để nhận các khoản vay của một bên; nhưng chính vì vậy mà ông đã ra đi mang theo những chữ ký bảo đảm và giấy ủy quyền của Rai-sen-bác - Vi-lích dường như là để giảng bài về mỹ học

ở miền Bắc nước Anh, còn trên thực tế thì từ Li-vớc-pun tới Niu Oóc và, giống như *Pát-xi-phan*[242], đi tìm ở nước Mỹ một *linh vật Gran*, tức là những kho vàng của đảng dân chủ .

Ở đây bắt đầu câu chuyện với những âm thanh ngọt ngào, kỳ diệu, hùng hồn, chưa từng nghe bao giờ, có thực và đầy chuyện phiêu lưu về các cuộc chiến đấu vĩ đại mà "Câu lạc bộ lưu vong" và "Liên minh cổ động" đã tiến hành với một quy mô tàn khốc mới và với tính chất thường xuyên không lay chuyển ở cả hai bờ đại dương, câu chuyện về cuộc thập tự chinh của Gốt-phrít, ở đó ông đã đọ tài với Cô-sút, câu chuyện kể lại rằng, sau những lần lao động vất vả và những cám dỗ không diễn tả nổi, rút cuộc ông lại quay về mái nhà thân yêu với linh vật Gran, vai đeo chiếc túi hành trình.

Or, bei signori, io vi lascio al presente,
E se voi tornerete in questo loco,
Dirò questa battaglia dov'io lasso
Ch'un' altra non fu mai di tal fracasso.
(Bojardo, canto 26[1*]).

Giờ đây, thưa các ngài, tôi xin từ giã các ngài;
Và nếu các ngài lại tới nơi này,
Tôi lại kể về tiếng ầm vang và tiếng đi đứng của cuộc chiến,
Mà không một cuộc chiến đấu nào có thể so sánh được.

1* - Bôi-ác-đô, bài hát 26.

NEW-YORK DAILY TRIBUNE.
VOL. XII.—NO. 3546 NEW-YORK, SATURDAY, AUGUST 21, 1852 PRICE TWO CENTS

# C. MÁC

## CUỘC BẦU CỬ Ở ANH - ĐẢNG TO-RI VÀ ĐẢNG VÍCH [244]

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 6 tháng Tám 1852

Mọi người đã biết các kết quả cuộc tổng tuyển cử vào nghị viện Anh. Trong báo cáo dưới đây tôi sẽ nói một cách chi tiết hơn về những kết quả đó [1*].

Vậy những đảng nào đã đấu tranh chống lại nhau hoặc ủng hộ nhau trong thời gian có cuộc vận động bầu cử này?

Đó là đảng To-ri, đảng Vích, những người thuộc phái bảo thủ - tự do (phái Pin), par excellence [2*] những người theo phái mậu dịch tự do (những môn đồ của trường phái Man-se-xtơ[245], những người tán thành cải cách nghị viện và tài chính) và cuối cùng, phái Hiến chương.

Đảng Vích, phái mậu dịch tự do và phái Pin hợp nhất lại thành phái đối lập với đảng To-ri. Cuộc đấu tranh trong bầu cử thực ra đã bùng nổ giữa một bên là khối liên minh đó và bên kia là đảng To-ri. Còn đối với những người thuộc phái Hiến chương thì họ đối

1* Xem tập này, tr. 481 – 488.
2* - chủ yếu là

ở miền Bắc nước Anh, còn trên thực tế thì từ Li-vớc-pun tới Niu Oóc và, giống như *Pát-xi-phan*[243], đi tìm ở nước Mỹ một *linh vật Gran*, tức là những kho vàng của đảng dân chủ .

Ở đây bắt đầu câu chuyện với những âm thanh ngọt ngào, kỳ diệu, hùng hồn, chưa từng nghe bao giờ, có thực và đầy chuyện phiêu lưu về các cuộc chiến đấu vĩ đại mà "Câu lạc bộ lưu vong" và "Liên minh cổ động" đã tiến hành với một quy mô tàn khốc mới và với tính chất thường xuyên không lay chuyển ở cả hai bờ đại dương, câu chuyện về cuộc thập tự chinh của Gốt-phrít, ở đó ông đã đọ tài với Cô-sút, câu chuyện kể lại rằng, sau những lần lao động vất vả và những cám dỗ không diễn tả nổi, rút cuộc ông lại quay về mái nhà thân yêu với linh vật Gran, vai đeo chiếc túi hành trình.

Or, bei signori, io vi lascio al presente,
E se voi tornerete in questo loco,
Dirò questa battaglia dov'io lasso
Ch'un' altra non fu mai di tal fracasso.
(Bojardo, canto 26[1*]).

Giờ đây, thưa các ngài, tôi xin từ giã các ngài;
Và nếu các ngài lại tới nơi này,
Tôi lại kể về tiếng ầm vang và tiếng đi đùng của cuộc chiến,
Mà không một cuộc chiến đấu nào có thể so sánh được.

1* - Bôi-ác-đô, bài hát 26.

NEW-YORK DAILY TRIBUNE.
VOL. XII.—NO. 2340 NEW-YORK, SATURDAY, AUGUST 21, 1852. PRICE TWO CENTS.

# C. MÁC

## CUỘC BẦU CỬ Ở ANH - ĐẢNG TO-RI VÀ ĐẢNG VÍCH [244]

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 6 tháng Tám 1852

Mọi người đã biết các kết quả cuộc tổng tuyển cử vào nghị viện Anh. Trong báo cáo dưới đây tôi sẽ nói một cách chi tiết hơn về những kết quả đó [1*].

Vậy những đảng nào đã đấu tranh chống lại nhau hoặc ủng hộ nhau trong thời gian có cuộc vận động bầu cử này?

Đó là đảng To-ri, đảng Vích, những người thuộc phái bảo thủ - tự do (phái Pin), par excellence [2*] những người theo phái mậu dịch tự do (những môn đồ của trường phái Man-se-xtơ[245], những người tán thành cải cách nghị viện và tài chính) và cuối cùng, phái Hiến chương.

Đảng Vích, phái mậu dịch tự do và phái Pin hợp nhất lại thành phái đối lập với đảng To-ri. Cuộc đấu tranh trong bầu cử thực ra đã bùng nổ giữa một bên là khối liên minh đó và bên kia là đảng To-ri. Còn đối với những người thuộc phái Hiến chương thì họ đối

1* Xem tập này, tr. 481 – 488.
2* - chủ yếu là

hội. Họ đấu tranh để duy trì bằng bạo lực những cơ quan và cái chính quyền đã bị diệt vong kể từ lúc số dân cư thành thị vượt số dân cư nông thôn gấp ba lần. Mưu toan như vậy nhất định phải kết thúc bằng sự thất bại của đảng To-ri; nó sẽ đẩy nhanh và làm gay gắt thêm sự phát triển xã hội của nước Anh, và sẽ kéo theo khủng hoảng.

Đảng To-ri tuyển mộ những người đi theo họ trong bộ phận những trại chủ tá điền, những người này hoặc là vẫn thừa nhận những tên đại địa chủ là kẻ chỉ huy tự nhiên của họ, hoặc họ phụ thuộc về mặt kinh tế vào chúng, hoặc là họ chưa hiểu được rằng, lợi ích của người đi vay và lợi ích của tên cho vay nặng lãi giống nhau như thế nào thì lợi ích của chủ trại và lợi ích của đại địa chủ cũng giống nhau như thế. Đảng To-ri đi tìm những người đồng tình và sự ủng hộ ở cả những giới quan tâm tới những lợi ích ở các thuộc địa, ở các khoản lợi nhuận thu được từ ngành hàng hải, và trong số những kẻ trung thành với quốc giáo, - nói tóm lại, trong tất cả những phần tử nào cho rằng cần phải bảo vệ lợi ích của mình, chống lại những hậu quả không tránh khỏi của sự phát triển nền công nghiệp công xưởng hiện đại và chống lại cuộc cách mạng xã hội mà nền công nghiệp đó đã chuẩn bị.

*Đảng Vích* - một đảng, ngoài cái tên gọi, không có một chút gì chung với đảng Vích của Mỹ[248], là kẻ thù truyền kiếp của đảng To-ri.

Trong lịch sử chính trị tự nhiên, đảng Vích của Anh làm ra vẻ giống như tất cả những đại biểu của giai cấp dân lưỡng cư, đang tồn tại một cách quá bình thản, nhưng khó mà miêu tả hết được. Theo gương của những kẻ đối địch với họ, chúng ta có nên gọi họ là đảng To-ri về vườn chăng? Hoặc là chúng ta coi họ là những người bênh vực các nguyên tắc nhân dân nào đó như các nhà văn của lục địa này đã thích làm như vậy? Trong trường hợp thứ hai, chúng ta có thể lâm vào tình trạng cũng khó xử như nhà sử học của đảng Vích, ngài Cúc đã từng vấp phải, ông ta với



naiveté [1*] hết sức dã từng tuyên bố trong cuốn "Lịch sử các đảng phái"[249] của ông rằng, mặc dầu đảng Vích, cũng dựa vào một số "các nguyên tắc tự do, đạo đức và khai sáng" nhưng hết sức đáng tiếc là trong suốt thời kỳ tồn tại của đảng này kéo dài quá một thế kỷ rưỡi, cứ mỗi lần họ nắm chính quyền, thì một cái gì đó đã cản trở họ thực hiện các nguyên tắc đó. Như vậy, theo sự thừa nhận của nhà sử học của đảng họ, đảng Vích trên thực tế là một cái gì đó khác hẳn với "những nguyên tắc tự do và khai sáng" mà họ đã tuyên bố. Như vậy, đảng đó đang ở trong tình trạng giống hệt một tên say rượu, tên này đứng trước ông thị trưởng – quý tộc xác nhận rằng, trên nguyên tắc hắn là kẻ không say, nhưng thật là ngẫu nhiên, cứ đến chủ nhật hắn lại uống đến say nhè.

Nhưng chúng ta hãy gác một bên các nguyên tắc của đảng Vích, chúng ta có thể giải thích rõ hơn, họ là ai, đưa vào những sự thực lịch sử, vào những gì mà họ đang làm, chứ không dựa theo những gì mà trước kia họ đã tin tưởng và những gì mà họ muốn gợi ra cho những người khác biết về vai trò của mình.

Cũng giống như đảng To-ri, đảng Vích thuộc về số những đại địa chủ của nước Anh. Hơn nữa, chính những đại địa chủ ngạo mạn, giàu có và cổ xưa nhất của nước Anh đã tạo thành hạt nhân của đảng Vích.

Vậy họ khác với đảng To-ri ở chỗ nào? Đảng Vích là *những đại biểu quý tộc* của giai cấp tư sản, của giai cấp trung lưu trong công nghiệp và thương nghiệp. Họ thực hiện mọi sự nhượng bộ giai cấp tư sản mà tính *tất yếu* và *cấp bách* của những nhượng bộ đó đã được phát hiện trong tiến trình bản thân sự phát triển về chính trị và xã hội, và họ giúp đỡ giai cấp tư sản thực hiện những sự nhượng bộ đó; vì việc làm đó nên giai cấp tư sản đã trao cho họ, bọn đầu sỏ của các loại quý tộc đó, độc quyền về quản lý và đặc quyền được thay thế các chức vụ nhà nước. Không

1* - tính chất phác, ngây thơ

hội. Họ đấu tranh để duy trì bằng bạo lực những cơ quan và cái chính quyền đã bị diệt vong kể từ lúc số dân cư thành thị vượt số dân cư nông thôn gấp ba lần. Mưu toan như vậy nhất định phải kết thúc bằng sự thất bại của đảng To-ri; nó sẽ đẩy nhanh và làm gay gắt thêm sự phát triển xã hội của nước Anh, và sẽ kéo theo khủng hoảng.

Đảng To-ri tuyển mộ những người đi theo họ trong bộ phận những trại chủ tá điền, những người này hoặc là vẫn thừa nhận những tên đại địa chủ là kẻ chỉ huy tự nhiên của họ, hoặc họ phụ thuộc về mặt kinh tế vào chúng, hoặc là họ chưa hiểu được rằng, lợi ích của người đi vay và lợi ích của tên cho vay nặng lãi giống nhau như thế nào thì lợi ích của chủ trại và lợi ích của đại địa chủ cũng giống nhau như thế. Đảng To-ri đi tìm những người đồng tình và sự ủng hộ ở cả những giới quan tâm tới những lợi ích ở các thuộc địa, ở các khoản lợi nhuận thu được từ ngành hàng hải, và trong số những kẻ trung thành với quốc giáo, - nói tóm lại, trong tất cả những phần tử nào cho rằng cần phải bảo vệ lợi ích của mình, chống lại những hậu quả không tránh khỏi của sự phát triển nền công nghiệp công xưởng hiện đại và chống lại cuộc cách mạng xã hội mà nền công nghiệp đó đã chuẩn bị.

*Đảng Vích* - một đảng, ngoài cái tên gọi, không có một chút gì chung với đảng Vích của Mỹ[248], là kẻ thù truyền kiếp của đảng To-ri.

Trong lịch sử chính trị tự nhiên, đảng Vích của Anh làm ra vẻ giống như tất cả những đại biểu của giai cấp dân lưỡng cư, đang tồn tại một cách quá bình thản, nhưng khó mà miêu tả hết được. Theo gương của những kẻ đối địch với họ, chúng ta có nên gọi họ là đảng To-ri về vườn chăng? Hoặc là chúng ta coi họ là những người bênh vực các nguyên tắc nhân dân nào đó như các nhà văn của lục địa này đã thích làm như vậy? Trong trường hợp thứ hai, chúng ta có thể lâm vào tình trạng cũng khó xử như nhà sử học của đảng Vích, ngài Cúc đã từng vấp phải, ông ta với



naiveté [1*] hết sức dã từng tuyên bố trong cuốn "Lịch sử các đảng phái"[249] của ông rằng, mặc dầu đảng Vích, cũng dựa vào một số "các nguyên tắc tự do, đạo đức và khai sáng" nhưng hết sức đáng tiếc là trong suốt thời kỳ tồn tại của đảng này kéo dài quá một thế kỷ rưỡi, cứ mỗi lần họ nắm chính quyền, thì một cái gì đó đã cản trở họ thực hiện các nguyên tắc đó. Như vậy, theo sự thừa nhận của nhà sử học của đảng họ, đảng Vích trên thực tế là một cái gì đó khác hẳn với "những nguyên tắc tự do và khai sáng" mà họ đã tuyên bố. Như vậy, đảng đó đang ở trong tình trạng giống hệt một tên say rượu, tên này đứng trước ông thị trưởng – quý tộc xác nhận rằng, trên nguyên tắc hắn là kẻ không say, nhưng thật là ngẫu nhiên, cứ đến chủ nhật hắn lại uống đến say nhè.

Nhưng chúng ta hãy gác một bên các nguyên tắc của đảng Vích, chúng ta có thể giải thích rõ hơn, họ là ai, dựa vào những sự thực lịch sử, vào những gì mà họ đang làm, chứ không dựa theo những gì mà trước kia họ đã tin tưởng và những gì mà họ muốn gợi ra cho những người khác biết về vai trò của mình.

Cũng giống như đảng To-ri, đảng Vích thuộc về số những đại địa chủ của nước Anh. Hơn nữa, chính những đại địa chủ ngạo mạn, giàu có và cổ xưa nhất của nước Anh đã tạo thành hạt nhân của đảng Vích.

Vậy họ khác với đảng To-ri ở chỗ nào? Đảng Vích là *những đại biểu quý tộc* của giai cấp tư sản, của giai cấp trung lưu trong công nghiệp và thương nghiệp. Họ thực hiện mọi sự nhượng bộ giai cấp tư sản mà tính *tất yếu* và *cấp bách* của những nhượng bộ đó đã được phát hiện trong tiến trình bản thân sự phát triển về chính trị và xã hội, và họ giúp đỡ giai cấp tư sản thực hiện những sự nhượng bộ đó; vì việc làm đó nên giai cấp tư sản đã trao cho họ, bọn đầu sỏ của các loại quý tộc đó, độc quyền về quản lý và đặc quyền được thay thế các chức vụ nhà nước. Không

1* - tính chất phác, ngây thơ

thành với chế độ phong kiến và đồng thời là những người theo thuyết Man-tút; những túi tiền với những thiên kiến phong kiến; bọn quý tộc không có lương tâm; bọn tư sản không có năng lực công nghiệp; những tên thoái hóa với những lời lẽ tiến bộ trên đầu lưỡi; những người đấu tranh cho sự tiến bộ, trung thành tới mức cuồng tín đối với chủ nghĩa bảo thủ; bọn mưu lợi tính chuyện cải cách với liều lượng rất nhỏ; những kẻ bao che cho đủ loại bà con thân thuộc; những tên chuyên nghề đút lót cỡ bự; bọn đạo đức giả trong tôn giáo, bọn giả nhân giả nghĩa kiểu Tác-tuýp trong chính trị. Quần chúng nhân dân Anh có nét nổi bật là sự nhạy cảm thẩm mỹ lành mạnh. Vì vậy, theo bản năng, họ cảm thấy kinh tởm mọi sự lòe loẹt và mập mờ nước đôi, những con đợi và đảng của Rớt-xen. Quần chúng nhân dân Anh, giai cấp vô sản thành thị và nông thôn cùng với đảng To-ri cảm thấy căm ghét "những túi tiền", và cùng giai cấp tư sản họ căm thù bọn quý tộc. Ngay trong đảng Vích nhân dân căm thù tất cả bọn đó - bọn quý tộc và giai cấp tư sản, bọn địa chủ, kẻ đang áp bức họ, và bọn trùm tiền bạc - kẻ đang bóc lột họ. Nhân dân mà đảng Vích là người đại diện căm thù bọn đầu sỏ đang cai trị nước Anh suốt trên một trăm năm, kẻ đã loại trừ nhân dân ra khỏi việc quản lý những công việc của bản thân họ.

Bọn Pin (những tên tự do - bảo thủ) không phải là một đảng, mà đúng hơn là sự gợi lại một nhân vật của đảng, ngài Rô-bớc Pin quá cố. Nhưng người Anh là một dân tộc hết sức thực tế nên ngoài những bài văn bi thương, họ cho rằng những hồi tưởng chỉ thích hợp với cái gì khác. Ngay lúc này, khi khắp nơi trên đất nước nhân dân Anh đã dựng lên những tượng đài bằng đồng đen và đá hoa cương để tưởng niệm ngài Rô-bớc Pin quá cố, họ càng cho rằng không cần phải có những tượng đài thịnh hành về Pin mà đại diện là Grê-hêm, Glát-xtôn, Các-đu-en, v.v. cũng có thể thành công. Những người được mệnh danh là phái Pin không phải cái gì khác, mà là bộ tham mưu các quan chức do Rô-bớc Pin rèn luyện cho mình. Và vì bộ tham mưu này khá đông đảo nên những quan chức này trong chốc lát đã quên mất rằng phía sau họ chẳng



có đạo quân nào đi theo cả. Như vậy, bọn Pin là những tín đồ cũ của Pin, những kẻ chưa quyết định được là họ sẽ tham gia đảng nào. Nhưng cũng rõ ràng là những dao động như vậy không phải là cơ sở đầy đủ cho việc thành lập một chính đảng độc lập.

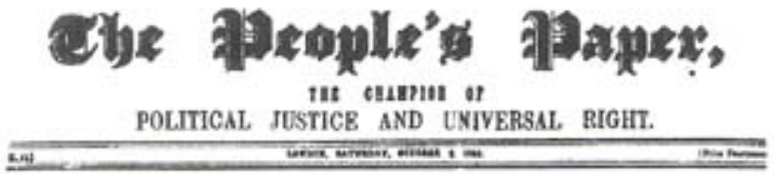
Vẫn còn phải tự do mậu dịch và phái Hiến chương. Trong bài báo tiếp theo tôi sẽ trình bày vắn tắt những nét đặc trưng của họ.

*Do C.Mác viết ngày 2 tháng Tám 1852*
*Đã đăng trên các báo "New - York Daily Tribune" số 3540, ngày 21 tháng Tám 1852 và "The People's Paper" số 22, ngày 2 tháng Mười 1852*

*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo "New - York Daily Tribune", có đối chiếu với bản đăng trên báo "The People's Paper"*

*Nguyên văn là tiếng Anh*


The People's Paper,
THE CHAMPION OF
POLITICAL JUSTICE AND UNIVERSAL RIGHT.

# C. MÁC

## PHÁI HIẾN CHƯƠNG

Luân Đôn, thứ ba, ngày 10 tháng Tám 1852

Trong lúc đảng To-ri, đảng Vích, phái Pin - nói tóm lại tất cả các đảng phái mà chúng ta đã xem xét tới từ trước tới nay, - ở mức độ nhiều hoặc ít đều là tài sản của quá khứ thì những người theo phái mậu dịch tự do (những môn đệ của trường phái Man-se-xtơ, những người tán thành cải cách nghị viện và tài chính) là *những đại diện chính thức của xã hội nước Anh hiện đại*, đại diện của nước Anh đang thống trị trên thị trường thế giới. Họ tiêu biểu cho một đảng của giai cấp tư sản nhận thức được sức mạnh của mình, đảng của tư bản công nghiệp, kẻ đang khao khát biến sự hùng mạnh về xã hội của mình cũng thành sự hùng mạnh về chính trị và trừ bỏ hết những tên phục vụ kiêu ngạo cuối cùng của xã hội phong kiến. Một bộ phận kiên nghị và tích cực nhất của giai cấp tư sản Anh - *các chủ xưởng* đứng đầu đảng này. Họ cố nắm được quyền thống trị không hạn chế, không có gì ngụy trang, của giai cấp tư sản, cố bắt toàn xã hội phải phục tùng một cách công khai, được thừa nhận chính thức, các quy luật của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại, và có quyền



lực đối với những người điều khiển nền sản xuất đó. Họ hiểu sự tự do mậu dịch là sự vận động thông suốt của tư bản được giải phóng khỏi mọi sự trói buộc về chính trị, dân tộc và tôn giáo. Ruộng đất phải trở thành hàng hóa trên thị trường và được khai thác theo các quy luật chung của thương nghiệp. Các chủ xưởng chế biến thực phẩm cũng như các chủ xưởng ngành sợi và vải sợi bông phải tồn tại nhưng không được nhiều hơn số địa chủ – quý tộc. Nói vắn tắt, không được cho phép có một sự hạn chế nào về chính trị hoặc xã hội, những qui định hoặc những độc quyền, trừ những điều xuất phát từ "các quy luật vĩnh cửu của chính trị kinh tế học", tức là từ những điều kiện tiến hành sản xuất và phân phối tư bản. Thực chất cuộc đấu tranh của đảng này chống lại các cơ quan cũ của nước Anh - cái thành quả đó của một giai đoạn phát triển xã hội đã lỗi thời, nhanh chóng tiến gần tới sự diệt vong, - được thể hiện ở khẩu hiệu: *Sản xuất với giá thành thấp nhất và loại trừ tất cả faux frais của sản xuất* (tức là mọi chi phí sản xuất thừa, không cần thiết). Người ta đưa ra khẩu hiệu đó không chỉ cho từng cá nhân mà chủ yếu là cho *cả quốc gia*.

Phải chăng quyền lực của nhà vua với "sự lộng lẫy một cách man rợ" của nó, với triều đình của nó, với số tiền chi dùng của nó và một đoàn tay sai hầu cận, không thuộc vào số những faux frais của sản xuất? Một quốc gia có thể sản xuất và trao đổi các sản phẩm mà không cần phải có quyền lực của nhà vua, vì vậy đả đảo ngai vàng! Còn bọn giữ những chức vụ béo bở của giới quý tộc, viện quý tộc là cái gì? Faux frais của sản xuất. Còn đội quân thường trực đông đảo là gì? Faux frais của sản xuất. Còn các thuộc địa? Faux frais của sản xuất. Còn giáo hội của nhà nước với những của cải do cướp bóc, van xin mà có là cái gì? Faux frais của sản xuất. Hãy để cho các vị mục sư được tự do cạnh tranh với nhau, và để cho mỗi người muốn nộp cho họ bao nhiêu thì nộp. Còn toàn bộ hệ thống tư pháp đồ sộ của nước Anh với tòa đại pháp quan[253] là cái gì? Faux frais của sản xuất. Các cuộc

chiến tranh giữa các quốc gia là gì? Faux frais của sản xuất. Nước Anh có thể bóc lột các quốc gia khác với số chi phí ít hơn nếu nó sẽ sống hòa bình với các quốc gia đó.

Có thể thấy rằng, đối với các chiến sĩ tiên tiến này của giai cấp tư sản Anh, những đồ đệ của trường phái Man-se-xtơ, dưới góc độ của một nền sản xuất cơ khí, mỗi một cơ quan của nước Anh cũ đều vừa tốn kém vừa vô ích, không có mục đích nào khác ngoài mục đích duy nhất: ngăn cản không cho quốc gia này sản xuất nhiều nhất với chi phí ít nhất, cũng như không cho tự do trao đổi sản phẩm của mình. Tiếng nói cuối cùng của họ nhất định là *nước cộng hòa tư sản*, ở đây sự tự do cạnh tranh ngự trị không giới hạn trên mọi lĩnh vực cuộc sống và nói chung chỉ còn lại một quyền lực chính phủ tối thiểu, cần thiết cho toàn bộ giai cấp tư sản nhằm bảo đảm cho những lợi ích chung của nó trong chính sách đối nội cũng như đối ngoại và điều khiển được các công việc chung của nó; nhưng cái quyền lực chính phủ tối thiểu đó phải được tổ chức một cách hợp lý và tiết kiệm nhất. Ở các nước khác, người ta gọi đảng như vậy là đảng *dân chủ*. Nhưng đảng đó phải là cách mạng và việc xóa bỏ hoàn toàn nước Anh già cỗi với tính cách là một nhà nước của bọn quý tộc, là mục tiêu cuối cùng mà đảng đó đang hướng tới một cách ít nhiều tự giác. Tuy nhiên mục tiêu gần nhất của nó là tiến hành cuộc cải cách nghị viện, cuộc cải cách này sẽ chuyển vào tay nó quyền lập pháp cần thiết cho cuộc cách mạng như vậy.

Song những người tư sản Anh không phải là những người Pháp dễ dàng bị khích động. Nếu họ có ý định tiến hành cuộc cải cách nghị viện thì để thực hiện điều đó họ sẽ không làm cuộc cách mạng tháng Hai. Ngược lại, sau khi giành được thắng lợi to lớn đối với giai cấp quý tộc địa chủ vào năm 1846 do có việc bác bỏ các đạo luật béo bở, họ đã thỏa mãn về việc thu được những món lợi vật chất từ thắng lợi đó, trong lúc đó lại không quan tâm tới



việc rút ra từ thắng lợi đó những kết luận cần thiết về chính trị và kinh tế, và do đó tạo cho đảng Vích khả năng phục hồi độc quyền thừa kế của họ đối với quyền lực của chính phủ. Trong suốt cả thời kỳ từ năm 1846 tới năm 1852 họ tự giới thiệu dưới một hình thức đáng buồn cười bằng lời hiệu triệu chiến đấu của mình: các nguyên tắc vĩ đại và những việc làm thực tế (xin đọc là *nhỏ nhặt*)! Những nguyên nhân của việc làm này là thế nào? Đúng là ở chỗ trong mỗi phong trào mạnh mẽ, họ đều buộc phải kêu gọi *giai cấp công nhân*. Nhưng đối với họ nếu giới quý tộc là kẻ thù đang hấp hối thì giai cấp công nhân đối với họ là kẻ thù đang lớn lên. Và họ muốn thông đồng với kẻ địch đang rấy chết hơn là làm cho kẻ thù đang lớn lên, mạnh thêm lên bằng những sự nhượng bộ thực tế chứ không phải bằng những sự nhượng bộ bề ngoài, một kẻ thù đang nắm tương lai. Vì vậy họ cố gắng tránh những đụng độ nào đó bằng bạo lực với giới quý tộc. Nhưng tất yếu lịch sử và đảng To-ri đang đẩy họ tiến lên. Họ nhất định sẽ phải thực hiện sứ mệnh của mình và phá vỡ đến tận gốc nước Anh già nua, nước Anh của quá khứ; và cũng từ lúc họ sẽ là những người duy nhất nắm được chính quyền, khi sự thống trị về chính trị và sức mạnh kinh tế được tập trung vào cùng những bàn tay đó và vì vậy cuộc đấu tranh chống lại tư bản sẽ không còn tách khỏi cuộc đấu tranh chống lại chính phủ hiện hành, - từ lúc đó sẽ bắt đầu *cuộc cách mạng xã hội ở nước Anh*.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang *phái Hiến chương*, bộ phận tích cực về chính trị này của *giai cấp công nhân* Anh. Sáu điểm trong Hiến chương mà họ đấu tranh, không bao hàm một điều gì ngoài những yêu sách về *quyền phổ thông đầu phiếu* và những điều kiện mà thiếu chúng thì quyền phổ thông đầu phiếu sẽ là ảo tưởng đối với giai cấp công nhân, đó là: bỏ phiếu kín, tiền lương cho các nghị sĩ, các cuộc tổng tuyển cử hàng năm. Nhưng quyền phổ thông đầu phiếu cũng tương đương với sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân Anh, ở nước này giai cấp vô sản chiếm

đại đa số trong dân cư, ở đây trong tiến trình nội chiến kéo dài, mặc dầu là kín đáo, giai cấp vô sản đó đã có ý thức rõ rệt về địa vị của mình với tư cách là một giai cấp và, ở đây thậm chí cả ở các vùng nông thôn không còn có nông dân nữa, mà chỉ còn có bọn địa chủ quý tộc, bọn kinh doanh tư bản (các trại chủ) và công nhân làm thuê. Vì vậy việc thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu ở Anh có lẽ là một biện pháp xã hội chủ nghĩa ở mức độ lớn hơn rất nhiều so với bất cứ biện pháp nào khác mà ở trên lục địa được gắn cái tên quang vinh đó.

Ở đây *sự thống trị về chính trị của giai cấp công nhân* là kết quả tất yếu của việc thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu.

Tôi sẽ thông báo về sự hồi sinh và cải tổ của phái Hiến chương vào một lần khác. Lúc này tôi chỉ dừng lại ở cuộc bầu cử gần đây thôi.

Muốn có quyền được bầu cử vào nghị viện nước Anh, người thuộc nam giới trong khu bầu cử của thành phố phải có nhà, mức thu nhập từ căn nhà đó trong điều kiện đánh thuế có lợi cho người nghèo, được xác định không dưới 10 p.xt.; ở các thôn làng phải là những người phri-hôn-đơ[254] có số thu nhập hàng năm không dưới mức 40 xi-linh, hoặc là người tá điền hàng năm nộp tô không dưới 50 pao xtéc-linh. Từ một điều đó thôi cũng thấy được rằng phái Hiến chương chỉ có thể chính thức tham gia một phần không đáng kể vào cuộc vận động bầu cử vừa mới kết thúc. Nhưng để giải thích trên thực tế họ đã tham gia như thế nào vào cuộc vận động đó, tôi phải nhắc tới một đặc điểm của chế độ bầu cử ở Anh như sau:

Ngày đề cử các ứng cử viên (Nomination day) và ngày công bố kết quả bầu cử (Declaration day)! Bầu cử bằng cách giơ tay và bỏ phiếu !

Khi các ứng cử viên phát biểu vào ngày bầu cử mình và công khai kêu gọi nhân dân, thì ở bước thứ nhất họ được bầu bằng cách giơ tay. Mọi người đều có quyền giơ tay, dù cánh tay đó là



của cử tri hay không phải cử tri. Người nào được đa số giơ tay tán thành thì người phụ trách cuộc bầu cử đó tuyên bố người đó đã trúng cử (tạm thời) bằng cách giơ tay. Nhưng lúc này chiếc huy chương quay sang mặt trái của nó. Việc bầu cử bằng cách giơ tay chỉ là nghi thức giản đơn, là một hành vi lịch sự bề ngoài đối với "người dân có chủ quyền", nhưng sự lịch sự chấm dứt ngay khi các đặc quyền bắt đầu bị đe dọa. Thí dụ, nếu bằng cách giơ tay các ứng cử viên của những người được hưởng đặc quyền bầu cử lại không trúng cử thì các ứng cử viên đó yêu cầu phải bỏ phiếu; trong cuộc bỏ phiếu này chỉ có số cử tri có đặc quyền mới được tham gia, chỉ người nào được đa số phiếu trong cuộc bỏ phiếu mới được công bố là trúng cử một cách hợp pháp. Việc bầu cử bước thứ nhất, bằng việc giơ tay, chỉ là cái vẻ bên ngoài của sự điều hòa mà người ta tạm thời tạo ra cho dư luận xã hội để sau đó chứng minh một cách mạnh mẽ hơn cho dư luận thấy sự bất lực của việc bầu cử như vậy.

Có lẽ, có người cho rằng cuộc bầu cử bằng cách giơ tay đó, cách làm có tính chất hình thức nguy hiểm đó chỉ có mục đích là biến quyền phổ thông đầu phiếu thành chuyện cười và cho phép mình lấy "đám dân đen" làm trò đùa vô hại cho bọn quý tộc (như thiếu tá Be-re-xphớt, thư ký phụ trách công tác quân sự, đã thể hiện). Nhưng đó có lẽ là sự nhầm lẫn. Một tập quán cổ xưa, lúc đầu là tập quán chung cho toàn bộ dân tộc Đức, theo truyền thống có thể được giữ lại cho tới thế kỷ XIX chỉ là do chỗ nó tạo cho nghị viện mang tính giai cấp của nước Anh cái vẻ bên ngoài là có tính nhân dân mà không phải chi phí gì đặc biệt và không hề nguy hiểm. Món lợi mà các giai cấp thống trị đã thu được từ tập quán đó, là ở chỗ quần chúng nhân dân ít nhiều đã nhiệt tâm bảo vệ những lợi ích đặc biệt của các giai cấp thống trị đó với tư cách là những lợi ích dân tộc của họ. Và chỉ khi giai cấp tư sản bắt đầu chiếm được địa vị độc lập đối với cả hai đảng chính thức - đảng Vích và đảng To-ri - thì quần chúng công nhân bắt đầu độc lập bước vào thời kỳ đề cử các ứng cử viên. Song, trước đây sự

đối lập giữa việc bầu cử bằng cách giơ tay và bằng bỏ phiếu, giữa ngày để cử các ứng cử viên và ngày công bố kết quả bầu cử, chưa bao giờ mang tính chất nghiêm trọng đến như vậy, chưa bao giờ nó biểu hiện ra rõ rệt như vậy bằng sự xung đột giữa các nguyên tắc thù địch, chưa bao giờ nó lại đe dọa đến thế, có tính chất bao quát đến thế, bao trùm khắp mọi nơi trên đất nước như trong cuộc cầu cử năm 1852 gần đây.

Hãy xem sự đối lập đó như thế nào ! Kẻ nào được đề cử là ứng cử viên bằng cách giơ tay thì sẽ phải thất cử trong cuộc bỏ phiếu. Kẻ nào thu được đa số phiếu trong cuộc bỏ phiếu thì sẽ được đón tiếp bằng những quả táo thối và những viên gạch. Các thành viên của nghị viện được bầu theo đúng tất cả các quy tắc pháp luật, trước hết phải quan tâm đến nơi đến chốn tới sự an toàn của "cái tôi" về thể xác riêng của mình trong nghị viện. Bên này là đa số nhân dân, còn bên kia là 1/12 của toàn thể dân cư và 1/5 của toàn bộ nam giới đã trưởng thành của đất nước. Bên này là nhiệt tình, bên kia là đút lót, hối lộ. Bên này là các đảng từ bỏ các tính chất riêng biệt của mình: đảng tự do bảo vệ các quan điểm bảo thủ và đảng bảo thủ thì công bố các tư tưởng tự do; bên kia là nhân dân tuyên bố sự tồn tại của mình và bảo vệ sự nghiệp của bản thân mình. Bên này là cỗ máy đã hư mòn đang quay liên tục trong cái vòng luẩn quẩn, hoàn toàn không có khả năng tiến lên trước một bước nào, và quá trình cọ xát không có kết quả, mà trong đó tất cả các đảng chính thức được xay nhỏ, dần dần biến lẫn nhau thành bụi; bên kia là khối của dân tộc vươn lên phía trước, đe dọa tiêu diệt cái vòng luẩn quẩn đó và phá hủy cỗ máy chính thức.

Tôi không định theo dõi xem trên khắp đất nước sự đối lập đó giữa việc đề cử các ứng cử viên và cuộc bỏ phiếu, giữa cuộc biểu dương mạnh mẽ của giai cấp công nhân trong thời gian cuộc vận động bầu cử và những thủ đoạn tranh cử hèn nhát của các giai cấp thống trị, đã biểu hiện như thế nào. Tôi chỉ rút ra từ rất nhiều khu vực bầu cử ấy một khu vực bầu cử thuộc thành phố



mà ở đó tập trung như là một tiêu điểm sự đối lập như vậy: đó là cuộc bầu cử ở Ha-li-phắc. Ở đây các ứng cử viên tranh cử với nhau gồm có Ét-uốt (đảng To-ri), ngài Sác-lơ Vút (cựu Bộ trưởng tài chính thuộc đảng Vích và con rể của bá tước Grây), Phren-cơ Crô-xli (thuộc trường phái Man-se-xtơ) và cuối cùng Ếc-ne-xtơ Giôn-xơ, đại biểu kiên nghị, triệt để và tài ba nhất của phong trào Hiến chương. Ha-li-phắc là thành phố công nghiệp, và vì vậy tại đó đảng To-ri ít gặp may. Ông Crô-xli thuộc trường phái Man-se-xtơ liên minh với ứng cử viên đảng Vích. Như vậy, cuộc đấu tranh quan trọng đã bùng nổ giữa Vút và Giôn-xơ, giữa đảng Vích và phái Hiến chương.

"Ngài Sác-lơ Vút đã đọc diễn văn kéo dài khoảng nửa tiếng đồng hồ; phần đầu và nửa cuối bài diễn văn của ông hoàn toàn không thể nào hiểu rõ vì có những tiếng la ó không tán thưởng của quần chúng dự họp. Theo báo cáo của người tường thuật ngồi gần ông ta thì bài phát biểu của ông chỉ chứa đựng vẻn vẹn bằng kể những biện pháp về mậu dịch tự do đã được tiến hành, những đòn tấn công vào chính phủ của huân tước Đốc-bi và những lời lân tụng *"sự phồn thịnh vô song của đất nước và nhân dân!"* (Những tiếng la ó: "Hãy lắng nghe, lắng nghe!". Ông ta không đưa ra được một biện pháp mới nào về cải cách và cũng chỉ nói được vài lời ám chỉ tới dự án của huân tước Giôn Rớt-xen về cải cách luật bầu cử"[250].

Vì các bạn sẽ không tìm thấy trên một tờ báo lớn nào của giai cấp cầm quyền ở Luân Đôn bài diễn văn của Ếc-ne-xtơ Giôn-xơ, nên tôi xin dẫn ra những đoạn trích dài hơn từ bài diễn văn đó.

"Được đón tiếp rất nhiệt tình, Ếc-ne-xtơ Giôn-xơ nói:

"Thưa các vị cử tri và các vị không phải cử tri! Các vị tập hợp tại đây nhân ngày lễ long trọng và vĩ đại. Hiến pháp hôm nay thừa nhận trên lý thuyết quyền phổ thông đầu phiếu là để, có thể là, ngày mai gạt nó đi trong thực tiễn... Trước mặt các vị hôm nay có đại biểu của hai chế độ, và các vị phải quyết định những ai trong số họ phải điều khiển các vị trong vòng bảy năm. Bảy năm - đó chỉ là một mảnh nhỏ của cuộc sống!.. Tôi kêu gọi các vị hãy dừng lại trước ngưỡng cửa của bảy năm này: hôm nay hãy để cho bảy năm đó trôi qua một cách chậm rãi và êm ả trước mắt các vị. Hôm nay các vị, hai chục ngàn con người, hãy thông qua quyết định, có thể là để ngày mai 500 con người sẽ làm trái ý chí của các vị" (Những tiếng la ó: "Hãy lắng nghe, lắng nghe!" Tôi đã nói, trước mắt các vị là những đại biểu của hai chế độ. Thực ra, bên trái tôi là những người của đảng Vích, đảng To-ri và các nhà kinh doanh giàu có, nhưng về thực chất giữa họ không có một sự khác biệt nào. Nhà kinh doanh giàu có nói: Hãy mua rẻ nhưng bán đắt. Người của đảng To-ri nói: hãy mua đắt và bán đắt hơn. Đối với công nhân họ giống nhau. Nhưng cái chế

độ thứ nhất, mà cội rễ của nó bị suy yếu bởi ung nhọt của sự bần cùng hóa đang thắng thế. Chế độ đó dựa vào sự cạnh tranh với nước ngoài. Và tôi xác nhận rằng, trong cái chế độ mua rẻ và bán đắt, cái chế độ dựa vào sự cạnh tranh với nước ngoài, thì sự phá sản của giai cấp công nhân và giai cấp tiểu chủ phải tiếp diễn. Thế thì tại sao? Lao động là người sáng tạo ra mọi của cải. Để mọc được dù chỉ một hạt cốc hoặc dệt được dù chỉ một i-ắc-đơ vải, con người phải lao động. Nhưng ở đất nước này, đối với công nhân không có những công việc độc lập. Lao động là hàng hóa được đem cho thuê, lao động là đối tượng mua - bán trên thị trường; vì lao động tạo ra mọi của cải nên trước hết cần mua nó. "Hãy mua rẻ, mua rẻ!" Lao động được mua trên trị trường rẻ mạt nhất. Nhưng sau đó thì: "Hãy bán đắt lên, bán đắt lên!". Bán cái gì? *Các sản phẩm lao động*. Bán cho ai? Đương nhiên, bán ra nước ngoài! - và *cho chính công nhân*, vì một khi không phải là chủ nhân của lao động của bản thân mình, người công nhân *không* được hưởng những thành quả đầu tiên của lao động đó. "Hãy mua rẻ, nhưng bán đắt!" Điều đó làm các vị vừa lòng sao được? "Hãy mua rẻ, nhưng bán đắt!" Hãy mua rẻ lao động của công nhân và bán đắt sản phẩm lao động của bản thân anh ta cho chính anh công nhân đó! Trong chính việc mua bán đó thể hiện nguyên tắc thế nào cũng phải chịu thua thiệt. Nhà kinh doanh mua rẻ lao động, ông ta đem bán và trong việc này ông ta phải thu được lợi nhuận. Ông ta bán cho chính anh công nhân - và do đó mỗi việc mua bán giữa nhà kinh doanh và người làm thuê, về phía nhà kinh doanh, đó là sự lừa bịp có dụng ý trước. Thế là lao động do thua thiệt liên tục càng bị hạ giá, còn tư bản và lừa đảo thường xuyên nên ngày càng lên giá. Nhưng chế độ được miêu tả không phải chỉ giới hạn có thế. *Chế đội này dựa vào sự cạnh tranh với nước ngoài, và điều đó có nghĩa là chúng ta phải làm phá sản việc buôn bán của các nước khác như họ đã hủy hoại lao động trên đất nước mình*. Việc này được tiến hành như thế nào? Đất nước với mức thuế cao phải bán rẻ hơn so với nước có mức thuế thấp. Nhưng sự cạnh tranh của nước ngoài thường xuyên tăng lên và, do đó, giá bán ngày càng rẻ hơn. Vì vậy tiền lương ở nước Anh phải không ngừng giảm xuống. Bằng cách nào tiền lương lại giảm sút như vậy? Bằng cách *sử dụng lao động thừa*. Nhưng bằng cách nào mà tạo ra được số lao động thừa đó? Bằng con đường độc quyền về ruộng đất, ruộng đất đó đã xua vào các công xưởng những bàn tay lao động nhiều hơn số đang đòi hỏi ở đấy; bằng con đường độc quyền về máy móc, máy móc đó xua đuổi những công nhân đó ra ngoài đường phố; bằng cách sử dụng lao động phụ nữ, lao động này đẩy nam giới ra khỏi chiếc thoi dệt; bằng cách sử dụng lao động trẻ em, lao động này đẩy phụ nữ ra khỏi chiếc máy dệt. Và dựa hẳn vào cơ sở sinh động đó của lao động thừa, giẫm đạp lên những trái tim khô héo bị giày vò, các nhà kinh doanh kêu lên: "Chết đói! Ai muốn làm việc? Kiếm được ít còn hơn là hoàn toàn không kiếm được gì!". Và quần chúng bị giày vò thèm thuồng vồ lấy cái đó, thỏa thuận theo những điều kiện của họ. (Những tiếng la to: "Hãy lắng nghe, lắng nghe!") Các kết quả của chế độ đó đối với công nhân là như vậy. Nhưng thưa các vị cử tri, điều đó đã ảnh hưởng tới các vị như thế nào? Việc làm đó ảnh hưởng như thế nào tới sự buôn bán ở trong nước, tới các nhà buôn nhỏ, tới tiền thuế về phía người nghèo và tiền thuế nói chung? Việc giá cả ở trong nước ngày càng rẻ phải phù hợp với mọi sự tăng cường cạnh tranh của nước ngoài. Bất kỳ sự giảm giá lao động nào cũng phải dựa trên cơ sở tăng lao động dư thừa, mà việc này có được là do mở rộng nền sản xuất cơ khí. Tôi lại đặt câu hỏi: điều đó ảnh hưởng thế nào tới các vị? Một người



thuộc phái Man-se-xtơ - tự do chủ nghĩa ngồi bên trái tôi áp dụng một phát minh mới và ném ra đường phố 300 người, đối với ông ta đó là những người thừa. Những nhà tiểu thương! Các vị đã mất đi 300 người mua. Những người nộp thuế cho những người nghèo! Đó là 300 con người cùng khổ mới mẻ. (Những tiếng la to tán thành diễn giả). Nhưng các vị hãy ghi nhận, tai họa không phải chỉ giới hạn có thế! 300 con người đó trước hết sẽ làm giảm tiền lương của những người vẫn còn làm việc trong ngành sản xuất đó. Nhà kinh doanh nói: "Từ lúc này tôi hạ tiền lương của các anh xuống". Công nhân phản đối. Lúc đó ông ta nói thêm: "Các anh có thấy 300 con người đó mà tôi vừa mới quẳng họ ra đường phố không? *Có thể là các anh sẽ thay đổi vị trí đối với họ*, họ mơ ước quay trở lại với bất cứ điều kiện nào, vì họ đang chết đói". Công nhân cảm thấy sự việc là như vậy và sự chống đối của họ bị phá vỡ. Ôi ngài, người của phái Man-se-xtơ - tự do chủ nghĩa, ngài là kẻ đạo đức giả về chính trị! Trước mặt những người đang lắng nghe chúng ta đó, bây giờ ngài có trả lời tôi không? Nhưng tai họa không chỉ giới hạn có thế. Những con người đã bị mất nghề nghiệp riêng của mình, muốn tìm việc làm ở các ngành khác, do vậy làm tăng thêm rất nhiều lao động dư thừa và hạ tiền lương xuống. Những nghề hôm nay được trả mức lương thấp, trước đây đã từng được trả mức lương khá, còn những nghề hôm nay được trả mức lương khá thì trong tương lai trước mắt sẽ phải chịu mức lương thấp. Thế là sức mua của giai cấp công nhân ngày càng giảm xuống và cùng với nó cả việc buôn bán ở trong nước cũng sẽ tàn lụi. Xin nhớ lấy điều đó, thưa các vị thương nhân! Những người mua của các vị sẽ nghèo khổ hơn, lợi nhuận của các vị giảm sút, thế nhưng những người cùng khổ của các vị sẽ ngày càng đông hơn, còn thuế của các vị nộp cho những người nghèo khổ và các thứ thuế khác vẫn tăng lên. Các thu nhập của các vị giảm sút, các khoản chi phí của các vị tăng lên. Các vị thu vào sẽ ít hơn mà phải trả ra nhiều hơn. Làm sao các vị lại thích thú cái chế độ đó được? Ông chủ xưởng giàu có và nhà đại địa chủ trút cho các vị toàn bộ gánh nặng thuế khóa nộp cho những người nghèo khổ và các thứ thuế khác. Các vị, những đại biểu của giai cấp trung gian, lại là công cụ cho những người giàu để trang trải thuế khóa. Họ sản sinh ra trên thế giới này nạn nghèo khổ để tạo ra sự giàu có của họ và buộc các vị gánh chịu các chi phí liên quan với sự nghèo khổ đó do chính họ tạo ra. Nhà đại địa chủ tránh được điều đó là nhờ có những đặc quyền của mình, còn ông chủ xưởng - là nhờ chỗ, ông ta tự bù lấy bằng tiền lương của những công nhân của mình, và điều này lại ảnh hưởng đến các vị. Làm sao các vị lại thích thú chế độ đó được? Đó là cái chế độ mà các ngài ngồi ở phía bên trái tôi ủng hộ. Về phía mình tôi để nghị với các vị điều gì đây? Tôi đã chỉ cho các vị thấy tai họa. Việc làm đó có ý nghĩa chút ít. Nhưng tôi muốn làm nhiều hơn thế. Tôi đang ngồi ở đây để chỉ ra sự thật và dẫn ra những chứng cứ về điều đó". (Những tiếng vỗ tay vang dội)".

Sau đó Ec-ne-xtơ Giôn-xơ bắt đầu phát triển các quan điểm riêng của mình đối với các cải cách kinh tế và cải cách chính trị và sau đó nói tiếp:

"Thưa các vị cử tri và các vị không phải cử tri! Bây giờ tôi xin trình bày với các vị một số trong những biện pháp chính trị và xã hội mà hiện nay tôi đang bắt tay tiến hành ngay như tôi đã từng làm trong năm 1847. Nhưng do chỗ tôi muốn mở rộng tự do của

các vị, nên người ta đã tước mất tự do của *tôi*. (Những tiếng la ó: "Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe!") Do chỗ tôi khao khát xây dựng cho tất cả các vị lâu dài tự do, nên người ta đã ném tôi vào nhà tù của bọn tội phạm hình sự. Và ở đây, phía bên trái tôi, có một trong những tên cai ngục chính của tôi đang ngồi. (Có tiếng rì rào lôn kéo dài, tỏ ý phẫn đối những người đang ngồi bên trái). Do chỗ tôi muốn lên tiếng bảo vệ chân lý nên tôi bị kết án về sự im lặng. Người ta giam giữ tôi trong nhà tù hai năm và một tuần lễ, bị giam cầm một mình, chịu đựng chế độ cách ly hết sức nghiêm ngặt, bỏ tôi ở đó không có mực, ngòi bút, giấy viết, - thế nhưng thay vào đó lại buộc tôi phải hút xơ đay... Vậy (diễn giả hướng về ngài Sác-lơ Vút), trong suốt hai năm một tuần đó các vị đã hân hoan, bây giờ thì đến ngày của tôi! Tôi thức tỉnh trong trái tim của những người Anh có mặt tại đây thiên thần của sự phục thù. (Những tràng vỗ tay nổ ran.) Hãy lắng nghe! Các vị có cảm thấy không tiếng vỗ cánh bay của thiên thần trong từng cử động của khối người đông đảo này! (Lại những tràng vỗ tay nổ ran kéo dài.)... Người ta có thể nói rằng đây không phải công việc xã hội. Nhưng đây lại chính là công việc như vậy! (Những tiếng la: "Đúng, đúng!")... Đây là công việc xã hội, bởi vì một người không thông cảm với vợ của người bị bắt, thì sẽ không không cảm cả với vợ của công nhân. Kẻ nào không muốn thông cảm với con cái của người bị cầm tù thì sẽ không thông cảm với con cái của người nô lệ làm thuê. (Tiếng vỗ tay và la tọc "Đúng, đúng!") Cái quá khứ của nó chứng minh điều đó, điều hứa hẹn của nó hôm nay không bác bỏ điều đó. Ai đã bỏ phiếu tán thành đạo luật đặc biệt đối với Ai-rơ-len, tán thành đạo luật về việc bịt miệng, tán thành việc đàn áp báo chí Ai-rơ-len? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai bỏ phiếu 15 lần chống lại đề nghị của Hi-um đòi mở rộng quyền bầu cử, chống lại đề nghị của Lốc Kinh về lãnh địa của bá tước, chống lại đề nghị của I-u-ác-tơ về nghị viện được bầu trong thời hạn ngắn, chống lại đề nghị của Bác-clì về việc bỏ phiếu kín? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai đã bỏ phiếu chống lại việc giải phóng Phrô-xtơ, Uy-li-am và Giôn-xơ? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai đã bỏ phiếu chống lại việc điều tra những sự lạm dụng ở các thuộc địa và bênh vực Uốc-đơ và Tô-rinh-tơn, những tên bạo chúa của quần đảo I-ô-niêng và Xây-lan? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai đã bỏ phiếu chống lại việc giảm khoản chu cấp cho hầu tước Cam-brít-giơ được nhận 12000 p.xt., chống mọi khoản cắt giảm chi phí cho quân đội và hải quân, chống việc bãi bỏ thuế cửa sổ? Ai đã bỏ phiếu 48 lần chống việc cắt giảm mọi thứ thuế khác, bao gồm cả việc cắt giảm tiền lương của bản thân họ. Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai đã bỏ phiếu chống lại việc bãi bỏ thuế đánh vào giấy viết và quảng cáo và thuế đánh vào kiến thức? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai đã bỏ phiếu ủng hộ rất nhiều giáo đường và giáo khu mới, ủng hộ các khoản trợ cấp cho trường trung học ở Mây-nút, chống việc cắt giảm các khoản trợ cấp đó và phản đối việc miễn thuế nhà thờ cho những tín đồ phi quốc giáo[356]? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai đã bỏ phiếu chống mọi sự điều tra việc làm giả các thực phẩm? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai đã bỏ phiếu chống giảm thuế đường ăn và bãi bỏ thuế đánh vào mạch nha? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Ai đã bỏ phiếu chống việc giảm bớt công việc làm ban đêm của những công nhân làm bánh mì, chống việc điều tra đời sống của những người thợ dệt kim đang làm việc trong các công xưởng, chống việc thanh tra y tế đối với những nhà ở của công nhân, chống việc cấm không cho trẻ em còn ít tuổi bắt đầu làm việc trước 6 giờ sáng, chống lại sự giúp đỡ của các giáo khu cho những phụ nữ có mang thuộc tầng lớp nghèo khổ, phản đối đạo luật về ngày làm việc 10 giờ? Đó là đảng viên đảng Vích! Chính hắn! Đã đảo hắn! Nhân danh Chúa và loài người đả đảo hắn! Thưa các vị công dân của Ha-li-phắc! Thưa các vị công dân nước Anh! Cả hai chế độ đều đang tồn tại trước mắt các vị. Lúc này các vị hãy phán xét và lựa chọn!" (Không thể nào miêu tả được nhiệt tình mà bài diễn văn này, đặc biệt là phần kết luật của nó, đã tạo ra. Trong khối người đông đảo nín thở lắng nghe từng câu, trong từng lúc ngắt lời, tiếng rì rào phẫn nộ phản đối các đại biểu của đảng Vích và sự thống trị giai cấp lại nổi lên giống như tiếng sóng vỗ rì rầm. Nói chung đây là màn kịch mà trong một thời gian dài không thể nào quên được. Trong khi bỏ phiếu bằng cách giơ tay ủng hộ ngài Sác-lơ Vút chỉ có một số ít, chủ yếu là những người sợ sệt hoặc bị mua chuộc, bỏ phiếu mà thôi. Hầu như tất cả những người có mặt - với nhiệt tình khôn tả và những tràng vỗ tay - đều giơ cả hai tay tán thành Éc-ne-xtơ Giôn-xơ).



Ông thị trưởng tuyên bố ngài Éc-ne-xtơ Giôn-xơ và ngài Hen-ri Ét-uốt đã được bầu bằng cách giơ tay. Lúc đó thì ngài Sác-lơ Vút và ngài Crô-xli yêu cầu bầu bằng cách bỏ phiếu.

Sự việc đã xảy ra như Giôn-xơ tiên đoán: ông được 20000 phiếu đề cử nhưng ngài Sác-lơ Vút, đảng viên đảng Vích và ngài Crô-xli thuộc phái Man-se-xtơ được bầu vào nghị viện với 500 phiếu.

*Do C. Mác viết ngày 2 tháng Tám 1852*
*Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 3543, ngày 25 tháng Tám 1852 và trích đăng trên tờ "The People's Paper" số 23, ngày 9 tháng Mười 1852*

*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo "New-York Daily Tribune", có đối chiếu với bản đăng trên báo "The People's Paper". Nguyên văn là tiếng Anh*

# C. MÁC

## TỆ HỐI LỘ TRONG BẦU CỬ

Luân Đôn, thứ sáu, 20 tháng Tám 1852

Trước khi giải thể, các nghị sĩ của hạ nghị viện khóa cuối cùng đã quyết định phải gây trở ngại càng nhiều càng tốt cho những người kế tục họ trên con đường tiến vào nghị viện. Họ đã bỏ phiếu cho một đạo luật hà khắc chống lại những sự mua chuộc, tệ hối lộ, dọa dẫm và nói chung, chống lại mọi mưu kế gian lận trong bầu cử.

Đã lập xong một bảng kê dài những vấn đề còn vương vấn và chi tiết nhất, những vấn đề chỉ mới có thể hình dung ra, - những vấn đề mà dựa trên cơ sở đạo luật này có thể được đưa ra cho những người đã ký vào bản điều trần chống lại đạo luật đó và cả những nghị sĩ được bầu của nghị viện. Trong lúc tuyên thệ, họ có thể bị hỏi rằng ai là phái viên của họ, và họ có những liên hệ như thế nào với những người đó. Có thể đặt cho họ những câu hỏi và đòi hỏi họ phải cho biết không phải chỉ những điều họ biết, mà thậm chí cả những điều họ "suy nghĩ, dự định và nghi ngờ" về số tiền mà chính họ hoặc những người khác đã chi cho cuộc bầu cử của họ, được họ đồng ý hoặc không đồng ý. Nói tóm lại, không một nghị sĩ nào có thể chịu đựng được sự thử thách khắc thường đó mà không có nguy cơ mắc tội bội ước nếu như chỉ người đó có sự ngờ vực - dù là rất nhỏ - rằng có thể hoặc có lẽ vì anh ta mà một kẻ nào đó đã vi phạm đạo luật đó.

Thế là, dù giả định rằng các nhà lập pháp mới được tự do đối với đạo luật đó giống như sự tự do của các tu sĩ ký tên dưới *tất cả* ba mươi chín điều[257] mặc dù họ chỉ tin tưởng *một số* trong những điều khoản đó, - thì trong điều kiện đó, ở đạo luật này vẫn còn đủ những điều khoản để biến cái nghị viện mới đó thành nghị viện trong sạch nhất trong tất cả các nghị viện mà trước kia tại đó ba đời vua đã đọc các bài diễn văn và phê chuẩn các đạo luật. Nhưng chỉ cần đem đạo luật đó đối chiếu với các cuộc tổng tuyển cử kế tiếp nhau sau khi đạo luật được thông qua cũng có thể thấy rõ sự vinh quang hiển nhiên của đảng To-ri: trong khi họ nắm chính quyền về lý thuyết đã tuyên bố thực hiện thật chặt chẽ các thủ tục bầu cử, nhưng trong thực tiễn thì có sự hối lộ rất lớn trong bầu cử.



"Các cuộc bầu cử mới tiếp diễn, và trong tiến trình bầu cử diễn ra những cảnh *mua chuộc, hối lộ, cưỡng bức, nạn rượu chè, chém giết nhau chưa từng thấy* kể từ khi đảng To-ri giữ độc quyền hoàn toàn trước đây. Người ta thông báo cho chúng ta biết về những người lính mang súng dã nạp đạn và lắp lưỡi lê đã bắt các cử tri thuộc đảng tự do và cưỡng bức họ, trước mắt những đại địa chủ phải bỏ phiếu chống lại các chính kiến của mình; và những người lính đó lạnh lùng nhằm những mục tiêu, bắn vào nhân dân, nếu nhân dân cả gan biểu lộ sự thông cảm với những cử tri bị bắt và bọn chúng đã tiến hành vô số vụ bắn giết những người không có gì bảo vệ" (ám chỉ tới các sự biến ở Xích - Mai-lơ - Brít-gio, tỉnh Clê và ở Lê-mơ-rích). "Có thể là người ta sẽ nói với chúng ta: chính điều đó đã xảy ra ở Ai-rơ-len! Đúng, còn ở nước Anh thì đảng To-ri đã sử dụng cảnh sát để phá hủy các diễn đàn của những người chống đối họ; họ đã phái bọn cướp có tổ chức và bọn ám sát ban đêm tới các đường phố để bắt bớ và hăm dọa các cử tri thuộc đảng tự do, mở cửa các quán rượu ghê tởm thực sự, không hề tiếc vàng để mua chuộc như ở Đớc-bi chẳng hạn và hầu như ở tất cả các địa phương có cuộc đấu đá về bầu cử, họ luôn luôn đe dọa các cử tri".

Tờ báo "People's Paper"[258] của Éc-ne-xtơ Giôn-xơ viết như vậy. Sau khi nghe tờ tuần báo đó của phái Hiến chương chúng tôi xin nhường lời cho tờ tuần báo của đảng đối lập với họ, tờ "Economist" ở Luân Đôn, một cơ quan ngôn luận tỉnh táo, khôn ngoan và ôn hòa nhất của giai cấp tư sản công nghiệp.

"Chúng tôi tin chắc và có thể khẳng định rằng trong thời gian tổng tuyển cử này, những hành vi *hối lộ, dọa dẫm* và *sự quỵ lụy, lòng cuồng tín* và *sự phóng đãng* đều nhiều hơn bất cứ lúc nào trước kia trong những trường hợp tương tự. Người ta thông báo rằng trong cuộc bầu cử đó, việc mua chuộc đạt tới quy mô rộng lớn hơn rất nhiều so với những năm trước đây... Những phương pháp đa dạng được áp dụng trong các cuộc bầu cử gần đây nhằm dọa dẫm và tác động không hợp pháp đến cử tri vượt quá tất cả những gì mà

trí tưởng tượng mãnh liệt nhất có thể hình dung được... Nếu chúng ta tập hợp tất cả những điều đó lại: nạn rượu chè bi đi, những mưu kế thấp hèn, nạn hối lộ hàng loạt, những mưu toan đã man hòng dọa dẫm cử tri, bôi nhọ những ứng cử viên có tiếng tốt, cướp phá những người trung thực, mua chuộc và làm mất thể diện các cử tri tính tình yếu ớt, dối trá, dùng quỷ kế, vu khống một cách công nhiên không hề giấu giếm và không hề xấu hổ giữa thanh thiên bạch nhật, xúc phạm tới những lời lẽ thiêng liêng, vu cáo những tên tuổi cao thượng, - thì chúng ta chỉ có thể chết ngất vì khiếp sợ trước cái đống khổng lồ các thể xác bị đẩy dọa làm vật hi sinh và những linh hồn bị hủy hoại, mà trên đỉnh cái đống đó, giống như trên đồi nghĩa địa, lập nên một nghị viện mới".

Các phương pháp dọa dẫm và hối lộ đều là thông thường. Trước hết - đó là việc gây áp lực trực tiếp của chính phủ. Thí dụ, ở Đốc-bi, đã tìm thấy một bức thư của viên thư ký về quân vụ của thiếu tá Bê-re-xphớt ở một nhân viên phụ trách bầu cử bị bắt quả tang khi y có ý định mua chuộc, theo bức thư đó thì tên thiếu tá cấp cho y khoản kinh phí để chi cho bầu cử thông qua một hãng buôn. Tờ báo "Poole Herald" công bố bản thông cáo của bộ tư lệnh hải quân do chỉ huy trưởng một căn cứ hải quân ký tên và gửi cho các sĩ quan dự bị. Trong thông cáo đó ra lệnh phải bỏ phiếu cho các ứng cử viên của chính phủ. - Người ta cũng định sử dụng trực tiếp cả lực lượng vũ trang như đã từng làm ở Coóc, Ben-phát và Li-mơ-rích (ở địa điểm cuối này có tám người bị giết). - Những tên đại địa chủ dọa đuổi các tá điền của chúng ra khỏi vùng đất nếu như họ không nhất trí bỏ phiếu như họ; các tên quản lý trang trại của huân tước Đốc-bi đã làm gương về mặt này cho các đồng sự của chúng. - Người ta đe dọa các chủ hiệu buôn bằng việc là sẽ làm mất khách hàng, đe dọa công nhân bằng việc sa thải; việc chuốc rượu được áp dụng rộng rãi, v.v. và v.v.. - Đảng To-ri còn bổ sung cho những biện pháp hối lộ *êm dịu*, đó những cách hối lộ về *tinh thần* . Nhà vua ra tuyên cáo chống lại các cuộc diễu hành của những người theo đạo Thiên chúa nhằm khêu gợi sự giả dối và lòng hận thù tôn giáo; khắp mọi nơi vang lên tiếng hô: "Đả đảo bọn cha cố!". Một trong những kết quả của bản tuyên cáo là sự lộn xộn ở Xtốc-poóc[259]. Đương nhiên các mục sư Ai-rơ-len đã tấn công lại cũng bằng vũ khí tương tự.

Khi các cuộc bầu cử chưa kết thúc thì một trong những cố vấn pháp luật của nhà vua đã nhận được từ 25 địa phương các bản



thỉnh nguyện đòi hủy bỏ các cuộc bầu cử vào nghị viện do có những trường hợp mua chuộc và dọa dẫm. Những thư kháng nghị tương tự chống lại các đại biểu trúng cử, kèm theo việc nộp các khoản tiền tương ứng để kiện tụng, đã liên tiếp được gửi đến từ Đốc-bi, Cô-kếc-mút, Bắc-nơ-xte-plơ, Ha-rít-gơ, Kên-tốc-bê-ri, I-ác-mút, Uếch-cơ-phin, Bô-xtơn, Hát-đơ-xphin, Uyn-dơ và nhiều địa phương khác. Có thể khẳng định rằng ít nhất tám hoặc mười người ủng hộ chính phủ Đốc-bi trong nghị viện sẽ bị tước quyền đại biểu do có những đơn thỉnh nguyện đó ngay trong điều kiện thuận lợi nhất đối với họ.

Địa bàn chủ yếu của sự mua chuộc, hối lộ và dọa dẫm đương nhiên là những vùng nông thôn và các địa phương thuộc quyền kiểm soát của bọn cha cố quý tộc; muốn duy trì được càng nhiều càng hay những địa bàn như vậy, đảng Vích đã thi thố toàn bộ sự nhanh trí của họ trong thời gian thi hành đạo luật cải cách năm 1831. Các khu bầu cử của các thành phố lớn và các khu công nghiệp đông dân vì những điều kiện đặc biệt mà họ đang sống trong đó, là mảnh đất rất không thuận lợi cho các thủ đoạn bầu cử như vậy.

Từ lâu ở nước Anh những ngày tổng tuyển cử là những ngày say sưa chè chén tới cực độ, là những thời hạn do sở giao dịch quy định để xem xét các chính kiến, là thời gian cho bọn chủ các tửu quán hái ra nhiều tiền nhất. *"Những ngày lễ thần nông* thường xuyên tái diễn đó", - một cơ quan báo chí của Anh [1*] nhận xét "luôn để lại những dấu vết lâu dài về tác dụng hủy diệt của nó". Đó là điều hoàn toàn tự nhiên. Đó là những ngày lễ thần nông thật sự với nghĩa của từ ngữ đó vào thời cổ La Mã. Trong thời gian đó thì ông chủ trở thành nô lệ, còn nô lệ thì trở thành ông chủ. Nhưng khi người nô lệ trở thành ông chủ trong một ngày thì trong ngày đó các bản năng thô bạo thống trị toàn bộ. Các viên chức cao cấp của các giai cấp cầm quyền hoặc của từng phe

1* - "Economist"

phải của họ là những ông chủ, còn vai trò nô lệ thì thuộc về tất thảy quần chúng của cũng các giai cấp đó, quần chúng này được hưởng đặc quyền về bầu cử và được hàng nghìn con người không có quyền bầu cử vây quanh, mà mục đích duy nhất của những người này là để trở thành những tên chạy hiệu bình thường; sự ủng hộ của họ, dưới hình thức tán thành hoặc bỏ phiếu bằng cách giơ tay, lúc nào cũng cố đạt được dù chỉ là vì một hiệu quả có tính chất kịch. Nếu theo dõi lịch sử bầu cử của nước Anh trong vòng 100 năm hoặc dài hơn, thì vấn đề nảy ra không phải là tại sao các nghị viện Anh lại tồi tệ đến thế, mà ngược lại, nảy ra vấn đề: bằng cách nào họ vẫn như xưa và phản ánh được, dù là bằng những đường nét mờ ảo, sự phát triển thực tế của xã hội nước Anh. Đúng là ngay những người chống đối chế độ đại biểu lẽ ra phải ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng các cơ quan lập pháp, mà ở đó mọi việc được quyết định bằng đa số trừu tượng, bằng một tỷ lệ ngẫu nhiên của số phiếu bầu, nhưng lại thông qua các nghị quyết và giải quyết các vấn đề phù hợp với các yêu cầu của thời điểm đó - ít ra là vào thời kỳ sức sống của họ tăng lên. Chưa bao giờ từ một tỷ lệ đơn giản giữa các con số - dù có dựa vào những suy lý lô-gích căng nhất - lại rút ra được sự cần thiết phải biểu quyết tín nhiệm thích hợp với tình hình thực tế của sự vật; ngược lại, từ tình hình đó hình như lúc nào cũng tự rút ra tính tất yếu của một tỷ lệ nhất định của các đại biểu. Sự mua chuộc cổ truyền trong các cuộc bầu cử ở Anh là gì, nếu như nó không phải là một hình thức đặc biệt, vừa thô bạo, vừa rõ rệt, trong đó biểu hiện so sánh lực lượng giữa các đảng đang đấu tranh với nhau? Các phương tiện để gây ảnh hưởng và thống trị mà mỗi một đảng áp dụng bằng biện pháp *thông thường* trong những trường hợp khác, ở đây trong suốt mấy ngày lại được họ áp dụng bằng biện pháp không bình thường, dưới hình thức ít nhiều mang tính chất lố bịch. Nhưng trong cả hai trường hợp cũng vẫn là tiền để đó, cụ thể là các ứng cử viên của các đảng tranh cử đều đại diện cho lợi ích cho cả khối cử tri, còn cái khối cử tri có đặc quyền đó lại đại diện cho



lợi ích của khối người không bỏ phiếu, hoặc nói đúng hơn, khối người mất quyền cử tri đó chưa có những lợi ích riêng của mình. Cần phải dùng hơi để làm cho những vị tư tế Đen-phư phải say sưa để cho họ có được tài ba của nhà tiên tri. Nhân dân Anh phải làm cho mình say sưa bằng rượu gin và bia poóc-te để có thể có được những nhà tiên tri lập pháp. Còn nên tìm kiếm ở đâu những nhà tiên tri như vậy, điều đó hiển nhiên đã rõ.

Kể từ khi giai cấp trung gian công nghiệp và thương nghiệp, tức là giai cấp tư sản, phát biểu với tư cách là một đảng chính thức ngang hàng với đảng Vích và đảng To-ri, và nhất là từ khi thực hiện đạo luật về cải cách vào năm 1831 đã có những thay đổi cơ bản trong địa vị tương hỗ giữa các giai cấp và các đảng. Các nhà tư sản không mảy may say mê các thủ đoạn bầu cử tốn tiền, những faux frais[1*] đó của tổng tuyển cử. Họ cho rằng, dựa vào các biện pháp đạo đức chung để cạnh tranh với giới quý tộc địa chủ thì ít tốn kém hơn là dựa vào tiền tài của cá nhân. Mặt khác họ tự coi mình là những người đại biểu cho các lợi ích chung, chiếm ưu thế trong xã hội hiện nay. Vì vậy họ có thể đưa ra yêu sách là các cử tri phải phục tùng những lợi ích chung của quốc gia chứ không phải những động cơ cá nhân và địa phương, và khi phương thức tác động trước đây tới cử tri - chính là do bản thân thành phần các cử tri - chủ yếu biến thành công cụ của giới quý tộc địa chủ mà giai cấp tư sản không sử dụng được, thì họ lại càng nằng nặc đòi thực hiện yêu sách đó. Như vậy, giai cấp tư sản đã đấu tranh cho việc bầu cử dựa trên nguyên tắc đạo đức, và buộc phải thông qua các đạo luật được soạn ra theo tinh thần đó, - mỗi đạo luật đó phải là đạo luật chống lại ảnh hưởng ở địa phương của giới quý tộc địa chủ. Và trên thực tế, từ năm 1831 việc mua chuộc có những hình thức kín đáo hơn, văn minh hơn, và cuộc tổng tuyển cử được tiến hành trong hoàn cảnh yên tĩnh hơn trước kia. Cuối cùng, hiện nay quần chúng nhân dân không còn là dân đồng ca giản đơn đã từng tham gia ít nhiều nhiệt thành

1* - chi phí không sinh lợi

vào cuộc đấu tranh của những nhân vật chính thức rút thăm với nhau - và tựa như những chàng tư tế trên đảo Cre-tơ khi sinh thần Giu-pi-te - họ tham gia nhiệt tình cuộc tiệc rượu của Tử thần Vác nhân dịp sáng tạo ra các thần tượng nghị viện[269], do có tham gia vào việc ca ngợi các thần tượng nên được nhận một số tiền thích đáng và được thết đãi. Phái Hiến chương trở thành đám đông nguy hiểm vây quanh lấy toàn bộ vũ đài, trên đó nổ ra cuộc tranh cử chính thức, và với thái độ hoàn toàn không tin cậy, theo dõi từng hành động trên vũ đài. Trong những điều kiện như vậy, cuộc bầu cử cũng giống như cuộc bầu cử đã diễn ra năm 1852, không thể không gây nên sự phẫn nộ của mọi người. Thậm chí trên tờ "Times", một cơ quan ngôn luận bảo thủ, lần đầu tiên đưa ra một số lời lẽ bảo vệ quyền phổ thông đầu phiếu, còn quảng đại quần chúng vô sản nước Anh thì đều đồng thanh hô lớn: những kẻ thù của cải cách đã cung cấp những chứng cớ tốt nhất cho những người tán thành cải cách; trong chế độ có giai cấp hiện nay cuộc bầu cử là như vậy đấy, theo chế độ bầu cử đó hạ nghị viện là như thế đấy!

Để nắm được tính chất thực sự của hệ thống mua chuộc, hối lộ, dọa dẫm dưới hình thức đã từng được áp dụng trong thời gian tiến hành các cuộc bầu cử gần đây, cần lưu ý tới một tình huống đã tác động theo cùng hướng đó.

Nếu lưu ý tới cuộc tổng tuyển cử đã diễn ra từ năm 1831 thì có thể nhận xét rằng sức ép của đa số dân cư trong nước bị tước quyền bầu cử đối với giới cử tri được hưởng đặc quyền càng được tăng cường và giai cấp tư sản càng lớn tiếng đòi mở rộng thêm giới cử tri đó, còn giai cấp công nhân thì đòi xóa bỏ hết mọi dấu vết của sự tồn tại của giới này, thì số cử tri thực tế tham gia bỏ phiếu lại càng giảm bớt, và như vậy là giới cử tri ngày càng bị thu hẹp lại. Điều này chưa lần nào được phát hiện rõ ràng như trong những cuộc bầu cử gần đây.

Chúng ta hãy lấy Luân Đôn làm thí dụ. Ở Xi-ti số lượng cử tri là 26728 người, chỉ có 10 nghìn người trong số đó đã bỏ phiếu.



Ở khu Tao-ơ - Ham-lét-xơ đăng ký 23534 cử tri, chỉ có 12 nghìn người đi bỏ phiếu. Ở Phin-xbe-ri trong tổng số 20025 cử tri chỉ có gần một nửa đi bỏ phiếu. Ở Li-vớc-pun, ở đây cuộc tranh cử sôi động nhất thì trong số 17433 cử tri đăng ký bầu cử, chỉ có 13 nghìn người tham gia.

Những thí dụ như vậy là đủ. Các thí dụ đó chứng minh cái gì? Sự lãnh đạm của những người được hưởng đặc quyền bầu cử. Còn sự lãnh đạm đó chứng minh cái gì? Chứng minh một điều là giới cử tri đó đã lỗi thời, nó đã không còn quan tâm tới sự tồn tại về chính trị của bản thân nó. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là các cử tri thờ ơ với chính trị nói chung; họ chỉ thờ ơ với loại chính trị mà kết quả của nó trong đa số trường hợp chỉ là giúp cho đảng To-ri tống cổ được đảng Vích hoặc giúp đảng Vích đánh thắng đảng To-ri. Các cử tri theo bản năng cảm thấy rằng việc giải quyết vấn đề này hoặc khác không còn phụ thuộc vào nghị viện, cũng như vào cuộc bầu cử nghị viện. Ai đã xóa bỏ các đạo luật béo bở ? Dĩ nhiên, không phải là những cử tri đã bầu ra cái nghị viện chủ trương bảo hộ thuế quan và hơn nữa càng không phải bản thân cái nghị viện chủ trương bảo hộ thuế quan đó; các đạo luật bị bãi bỏ chỉ là vì đặc biệt do sức ép từ bên ngoài. Hiện nay, thậm chí là đại bộ phận các cử tri đó lại tin chắc vào sức ép từ bên ngoài đó, vào sự tác động đến nghị viện bằng các biện pháp khác, ngoài việc bỏ phiếu. Họ xem cách thức bỏ phiếu hợp pháp tồn tại cho tới nay là cách thức đã lỗi thời, và, nếu như nghị viện bắt đầu chống lại sức ép từ bên ngoài và gán ép cho quốc gia những đạo luật được soạn ra theo tinh thần của giới cử tri có hạn này, thì có lẽ họ tham gia cuộc tổng tấn công vào toàn bộ chế độ đã lỗi thời này.

Vì vậy việc mua chuộc và dọa dẫm mà đảng To-ri đưa ra thi thố chỉ là ý đồ dùng bạo lực để làm sống lại giới cử tri đang tàn lụi, không còn phù hợp với một hoạt động tích cực và không còn có thể mang lại những kết quả có tính chất quyết định trong các cuộc bầu cử, cũng không thể mang lại một nghị viện thực sự của

quốc gia. Việc làm đó dẫn tới điều gì? Nghị viện cũ đã bị giải tán, vì vào lúc sắp giải tán nó đã bị phân liệt thành các phe phái trách cứ lẫn nhau về việc hoàn toàn không hoạt động. Nghị viện mới bắt đầu từ cái kết thúc nghị viện cũ. Nó bị tê liệt ngay từ lúc mới sinh ra.

*Do C.Mác viết vào khoảng 16 tháng Tám 1852*
*Đã đăng trên các báo "New-York Daily Tribune" số 3552, ngày 4 tháng Chín 1852 và "The People's Paper" số 24, ngày 16 tháng Mười 1852*

*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo "New-York Daily Tribune", có đối chiếu với bản in trên báo "The People's Paper"*

*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C.MÁC

## KẾT QUẢ BẦU CỬ

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 27 tháng Tám 1852

Bây giờ chúng ta hãy xem xét kết quả cuộc tổng tuyển cử gần đây.

Nếu chúng ta hợp nhất đảng Vích, phái mậu dịch tự do và phái Pin dưới cái tên chung là "phái đối lập" và đặt họ đối lập với đảng To-ri thì chúng ta sẽ thấy rằng các số liệu thống kê về nghị viện mới thể hiện rõ sự đối lập lớn mà chúng tôi đã nêu lên ở một trong những bài báo trước đây[1*],- sự đối lập giữa *thành thị* và *nông thôn*.

Ở *Anh* đã bầu được: tại các thành phố 104 người thuộc phái ủng hộ chính phủ và 215 người thuộc phái đối lập, còn ở các tỉnh - 109 người ủng hộ chính phủ và chỉ có 32 đại biểu thuộc phái đối lập. Phải loại trừ ra khỏi các tỉnh - pháo đài đó của đảng To-ri, những vùng có ảnh hưởng và giàu có nhất như Tây Rai-đinh ở I-oóc-sia, Nam Lan-kê-sia, Mít-đơn-xếch, Đông Xua-rây và các vùng khác, là những khu vực, nếu không kể tới những thành phố đã cử đại biểu vào nghị viện, thì chiếm bốn triệu dân trong số 10 triệu dân đang sống trong các tỉnh.

Ở *Oen-xơ*, nếu đối chiếu cuộc bầu cử ở thành thị với cuộc bầu cử ở nông thôn thì đúng là những cuộc bầu cử đó đem lại những kết quả trái ngược: các thành phố ở đây đã bầu 10 người thuộc

1* Xem tập này, tr.474-475.

phái đối lập và 3 người thuộc phái ủng hộ chính phủ, các tỉnh đã bầu 11 người thuộc phái ủng hộ chính phủ và 3 đại biểu thuộc phái đối lập.

Ở *Xcốt-len* sự đối lập biểu hiện rõ rệt nhất. Ở các thành phố đã bầu 25 đại biểu thuộc phái đối lập và không có một người nào thuộc phái ủng hộ chính phủ được lọt vào. Các tỉnh đã cử 14 người thuộc phái ủng hộ chính phủ và 13 đại biểu thuộc phái đối lập.

Ở *Ai-rơ-len* tương quan lại khác so với tình hình đã phát hiện ở Anh. Đảng dân tộc ở Ai- rơ-len có lực lượng lớn nhất ở các vùng nông thôn, tại đây dân cư chịu ảnh hưởng trực tiếp hơn của giới tu sĩ đạo Thiên chúa, trong khi đó thì ở các thành phố miền Bắc những người Anh và những người theo đạo Tin lành chiếm đa số. Vì vậy ở đây nông thôn là trung tâm thực sự của phái đối lập, mặc dù theo chế độ bầu cử hiện nay điều đó không thể biểu hiện rõ như vậy. Ở Ai-rơ-len các thành phố đã cử được 14 người thuộc phái ủng hộ chính phủ và 25 đại biểu thuộc phái đối lập, còn các tỉnh đã cử được 24 người thuộc phái ủng hộ chính phủ và 35 người thuộc phái đối lập.

Nếu các ngài hỏi tôi, vậy đảng nào đã thắng cử thì phải nói rằng, tất cả các đảng tính gộp lại đã thắng đảng To-ri, vì đảng To-ri rõ ràng đã bị thiểu số mặc dầu họ đã tiến hành mua chuộc, dọa dẫm và gây sức ép của chính phủ. Theo các số liệu chính xác nhất thì đã bầu được 290 người thuộc phái ủng họ chính phủ, 337 người thuộc phái tự do, hoặc là đại biểu của phái đối lập hợp nhất và 27 người thuộc nhóm lưng chừng. Nếu thậm chí gộp 27 vị thuộc nhóm lưng chừng đó vào số đại biểu ủng hộ chính phủ thì phái tự do vẫn trội hơn 20 phiếu. Thế nhưng, đảng To-ri lại mưu toan chiếm đa số ít ra cũng là 336 phiếu. Nhưng dù cho có gác sang một bên vấn đề tương quan không có lợi về số lượng thì đảng To-ri cũng đã thất bại trong cuộc tranh cử do các thủ lĩnh của họ buộc phải từ bỏ các nguyên tắc bảo hộ thuế quan của họ. Trong số 290 người trung thành với Đốc-bi có 20 người nói chung



đã phản đối mọi thứ thuế bảo hộ, còn số nhiều còn lại, trong đó có bản thân Đi-xra-e-li, lại chống các đạo luật về ngũ cốc.

Huân tước Đốc-bi trong các tuyên bố tại nghị viện đã cam kết rằng ông ta sẽ thay đổi chính sách mậu dịch của nước Anh chỉ trong trường hợp nếu như ông ta được đa số đáng kể ủng hộ. Ông vẫn không nghĩ rằng bản thân ông có thể nằm trong nhóm thiểu số. Nhưng nếu như kết quả bầu cử hoàn toàn không phù hợp với những mong đợi lạc quan của đảng To-ri thì các kết quả đó vẫn thuận lợi đối với họ nhiều hơn điều mà phái đối lập mong đợi.

Không một đảng nào bị thất bại nặng nề hơn đảng Vích, và chính là ở ngay điểm tập trung sức mạnh của đảng này: đây là nói về các bộ trưởng trước kia của đảng đó. Khối đảng Vích pha trộn, một mặt, với phái mậu dịch tự do, và mặt khác với phái Pin. Nguyên tắc thực sự sống còn của đảng Vích của nước Anh được tập trung vào nhóm chóp bu chính thức của đảng Vích. Thực ra, người cầm đầu cái nội các cuối cùng của đảng Vích, huân tước Giôn Rớt-xen đã được bầu lại ở khu Xi-ti thuộc Luân Đôn; nhưng trong cuộc bầu cử ở Xi-ti năm 1847, ông Mai-xtơ-man (đảng To-ri) thu kém hơn hầu tước Gi.Rớt-xen 415 phiếu. Năm 1852 ông thu được nhiều hơn hầu tước Rớt-xen 819 phiếu và đứng đầu trong số những người trúng cử. Có 11 thành viên của chính phủ cuối cùng của đảng Vích bị mất ghế trong nghị viện, đó là: ngài U.G. Crây-gơ, Bộ trưởng tài chính; R.M. Be-liu, Bộ trưởng tài chính; ngài Đ.Đan-đát-xơ, tổng biện lý; ngài Gi.Grây, Bộ trưởng nội vụ Gi.Hát-sen, tổng trưởng lý tại Ai-rơ-len; Gi.Coốc-nu-ô-lơ Lu-ít, tổng trưởng quốc khố; huân tước C.E. Pê-giớt, tư lệnh trưởng pháo binh; Gi.Pác-cơ, quốc vụ khanh bộ hải quân; ngài U.Xô-mơ-vin, Bộ trưởng phụ trách vấn đề Ai-rơ-len; đô đốc Xtiu-át, Bộ trưởng hải quân; còn phải tính thêm vào số này Bộ trưởng Béc-nan, chủ tịch các ủy ban hạ nghị viện [261]. Nói tóm lại, từ khi có đạo luật về cải cách đảng Vích chưa bao giờ bị thất bại như vậy.

Phái Pin chiếm số rất ít trong nghị viện trước đây, do số lượng của họ giảm xuống nên chỉ là một nhóm nhỏ hơn nhiều; một số

thủ lĩnh có uy tín nhất của họ bị mất ghế, chẳng hạn Các-đu-en và I-u-ác-tơ (cả hai đều thuộc Li-vớc-pun), Grin (Lan-kê-xtơ), huân tước Ma-hôn (Hác-phoóc), Rau-đen Pan-mơ (Pli-mút), v.v.. Thất bại của Các-đu-en gây chấn động lớn nhất không phải chỉ vì ý nghĩa quan trọng của thành phố này mà ông ta là đại biểu, mà còn do những quan hệ cá nhân của ông với ngài R.Pin quá cố. Ngoài huân tước Ma-hôn, chính ông là người thực hiện di chúc về văn phẩm của ông R.Pin. Các-đu-en bị thất bại vì ông ta bênh vực việc bãi bỏ những văn kiện về hàng hải [262] và không tán thành khẩu hiệu: "Đả đảo các cha cố!". Ở Li-vớc-pun chính những kẻ trung thành với quốc giáo có ảnh hưởng khá lớn tới cuộc bầu cử.

"Cái công xã quá ư say mê kinh doanh và quá ư tham lam này", - một cơ quan ngôn luận của phái mậu dịch tự do[1*] nhận xét về vấn đề này, - "có quá ít thời gian để bồi dưỡng những tình cảm tôn giáo; vì vậy công xã đó phải dựa vào giới thầy tu, biến thành công cụ trong tay của họ".

Ngoài ra, các cử tri của Li-vớc-pun, khác với các cử tri của Man-se-xtơ, họ không phải là những "con người" bình thường mà là những "quân tử", và bênh vực quan niệm chính thống cũ về tôn giáo - đó là điều đòi hỏi trước tiên ở người quân tử.

Cuối cùng, phái mậu dịch tự do trong cuộc tranh cử này cũng mất đi một số tên tuổi nổi tiếng nhất của họ. Thí dụ, ở Brát-phoóc đại tá Tôm-xơn bị thất bại (chính ông là "Con ngỗng mái già"), một trong những nhà tuyên truyền và nhà chính luận già dặn nhất của phái tự do mậu dịch; ở Ôn-đêm, U.Gi. Phốc-xơ, một trong những nhà tuyên truyền có tiếng tăm nhất và một diễn giả sắc sảo nhất của phái tự do mậu dịch, bị thất bại; thậm chí chính Brai-tơ và Ghíp-xơn thắng các đối thủ của họ là đảng Vích ở thành trì của đảng, ở Man-se-xtơ, chỉ bằng một đa số tương đối không đáng kể. Dương nhiên, với chế độ bầu cử hiện hành, phái Man-se-xtơ không hy vọng và không thể hy vọng đạt được đa số trong nghị viện. Nhưng trong nhiều năm họ đã từng khoe khoang rằng, chỉ cần đảng Vích bị lật đổ và đảng To-ri trở lại nắm chính quyền

1* - "Economist"



thì họ sẽ triển khai việc cổ động quy mô lớn và làm những công việc anh hùng; tình hình không phải như vậy, hiện nay chúng ta lại thấy họ trong cuộc tranh cử gần đây, tay nắm tay đảng Vích tiến bước một cách khiêm tốn, chỉ một việc làm đó cũng là một thất bại về đạo đức.

Nhưng nếu như không một đảng chính thức nào giành được thắng lợi mà, ngược lại, mỗi đảng trong số đó lại bị thất bại, thì dân tộc Anh có thể tự an ủi rằng lần này đáng lẽ có một đảng nào đó trong nghị viện thì lại có mặt một cách đường bệ hơn bao giờ hết một nghề nghiệp nhất định, đó là - *các luật sư*. Hạ nghị viện có trên 100 luật sư trong thành phần của nó, một con số có lẽ không phải là một điềm lành đối với một đảng muốn giành thắng lợi cho sự nghiệp của mình trong nghị viện, đối với một nghị viện muốn đưa ra các quyết định được quốc dân đồng ý.

Những tương quan về số lượng dẫn ra đó không gây ra sự nghi ngờ nào rằng phái đối lập, nhìn chung, chiếm một đa số tiêu cực so với đảng To-ri. Nếu hợp nhất mọi cố gắng của mình lại thì ngay những ngày đầu tiên sau khi khai mạc nghị viện, phái đối lập đã có thể lật đổ chính phủ. Nhưng họ không đủ khả năng thành lập một chính phủ khác của riêng mình. Để làm được việc đó lại phải giải tán nghị viện một lần nữa và tiến hành cuộc tổng tuyển cử mới; nhưng cuộc tổng tuyển cử mới, đến lượt nó, chỉ làm cho việc giải tán lần sau là cần thiết. Để thoát ra khỏi cái vòng luẩn quẩn đó cần thiết phải cải cách nghị viện. Nhưng các đảng đã lỗi thời và nghị viện mới đều muốn đảng To-ri lên nắm quyền, chứ không muốn tiến một bước dũng cảm như vậy.

Nếu xem xét riêng từng đảng một thì đảng To-ri, mặc dầu chỉ là số ít so với phái đối lập hợp nhất, nhưng vẫn là một đảng mạnh nhất trong nghị viện. Hơn nữa họ đã giành được các địa vị chỉ huy trong nhà nước, dựa được vào một quân đội khá thuần nhất, chắc chắn và có kỷ luật tốt; cuối cùng họ nhận thức rõ rằng, nếu như lần này họ bị thất bại thì cuộc đấu của họ cũng sẽ vĩnh viễn

kết thúc. Đối lập với họ là khối liên minh của bốn đạo quân, mỗi đạo quân đó có một thủ lĩnh đặc biệt, - khối liên minh này là một hỗn hợp không vững chắc các phe phái khác nhau bị phân liệt bởi các lợi ích, các nguyên tắc, các hồi tưởng và những say mê, nổi dậy chống lại lời tuyên bố xem kỷ luật nghị viện là nguyên tắc tối cao và theo dõi một cách đố kỵ những tham vọng của mỗi phái trong đó.

Đương nhiên rằng mối tương quan giữa từng nhóm đối lập trong *nghị viện* ở mức độ nào cũng đều không phù hợp với tương quan lực lượng của họ ở trong *nước*. Thí dụ, đảng Vích vẫn tạo ra trong nghị viện một bộ phận đông đảo nhất của phái đối lập, hạt nhân mà các phái khác tập hợp xung quanh nó. Điều đó càng nguy hiểm hơn ở chỗ đảng này trong trí tưởng tượng của họ thường xuyên xem mình là người đứng đầu việc quản lý nhà nước, quan tâm quá nhiều tới việc thoát ra khỏi những đòi hỏi của các đồng minh của mình, hơn là quan tâm tới việc đập tan kẻ thù chung. Nhóm đối lập thứ hai, phái Pin, có 38 thành viên; đứng đầu nhóm này có: ngài Gi.Grê-hêm, X.Héc-bớc và Glát-xtôn. Ngài Gi.Grê-hêm đầu cơ trong việc liên minh với các đại biểu của trường phái Man-se-xtơ. Bản thân ông ta thèm khát chiếc ghế thủ tướng đến mức không muốn - dù chỉ chút ít - giúp đỡ đảng Vích giành lại sự độc quyền cũ của nó trong việc quản lý nhà nước. Mặt khác, nhiều người trong phái Pin lại tán thành các quan điểm bảo thủ của đảng To-ri, và đảng tự do có thể hy vọng vào sự ủng hộ họ một cách thường xuyên chỉ trong các vấn đề chính sách mậu dịch.

"Trong nhiều vấn đề khác", - một tờ báo của đảng tự do viết, - "các bộ trưởng dễ dàng tạo cho các thủ đoạn của mình có cái vẻ là bảo đảm cho mình nhận được sự ủng hộ của đa số đáng kể".

Phái mậu dịch tự do par excellence [1*] có nhiều đại biểu hơn so với trong nghị viện trước đây; họ có 113 đại biểu. Cuộc đấu tranh

1* - theo nghĩa đúng của từ: phần lớn



chống lại đảng To-ri dẫn họ đi xa hơn cái điều mà đảng Vích có thể cho là hợp lý trong điều kiện chính sách thận trọng của họ.

Cuối cùng, có "đội Ai-rơ-len" gồm khoảng 63 đại biểu, thực ra đội này không giành được thắng lợi kể từ khi "Vua Dan"[1*] quá cố, nhưng dựa vào số người của mình nên hoàn toàn có khả năng làm thay đổi tương quan lực lượng; ngoài sự căm thù đối với Đốc-bi, họ không có nét gì chung với phái đối lập của Anh. Trong nghị viện của Anh, họ đại diện cho Ai-rơ-len chống lại Anh. Trong chiến dịch kéo dài tới chừng mực nào đó không một đảng nào trong nghị viện có thể vững tin vào sự ủng hộ của họ.

Chúng tôi tóm tắt ngắn gọn kết quả sự phân tích mà chúng tôi đã tiến hành ở phần trên: mặc dầu có một đa số tiêu cực đối lập với đảng To-ri nhưng không một đảng nào có thể thay họ để nắm chính quyền; sự thất bại của đảng To-ri nhất định dẫn tới cuộc cải cách nghị viện; họ có một đội quân vững chắc, thuần nhất, có kỷ luật và chiếm giữ những vị trí chỉ huy trong nhà nước; phái đối lập là một sự kết hợp của bốn nhóm khác nhau, còn các đội quân liên hiệp thì lúc nào cũng chiến đấu tồi và hành động một cách vụng về; hơn nữa đa số tiêu cực chỉ tạo ra được 20 - 30 phiếu, một phần tư nghị viện - 173 nghị sĩ - gồm những người mới, họ sẽ sợ hãi chạy trốn tất cả những gì đe dọa tước đi của họ những chiếc ghế nghị sĩ mua được bằng cái giá khá đắt. Tóm tắt tất cả những điều đó, chúng ta nhất định đi tới kết luận rằng đảng To-ri sẽ khá mạnh nếu như không phải để giành thắng lợi thì cũng để đưa tình hình đến chỗ khủng hoảng. Và dường như họ quyết định làm việc đó. Nỗi lo sợ cuộc khủng hoảng đó - cuộc khủng hoảng đã cách mạng hóa toàn bộ bộ mặt chính thống của nước Anh, lướt nhanh qua các trang của từng cơ quan báo chí ra hàng ngày và hàng tuần ở Luân Đôn. "Times", "Morning Chronicle", "Daily News", "Spectator", "Examiner" - tất cả đều làm om sòm vì

1* - Đa-ni-en Ô' Cô-nen

tất cả đều lo sợ họ thích nhất là dùng những lời phát biểu gay gắt để gợi ý cho đảng To-ri từ chức và nhờ đó chấm dứt được khủng hoảng. Nhưng họ không tránh khỏi xung đột, bất chấp mọi lời phát biểu gay gắt và mọi sự phẫn nộ có phẩm hạnh.

*Do C. Mác viết vào khoảng 16 tháng Tám 1852*
*Đã đăng trên các báo "New - York Daily Tribune" số 3558, ngày 11 tháng Chín 1852 và "The People's Paper" số 25, ngày 23 tháng Mười 1852*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo "New-York Daily Tribune", có đối chiếu với bản in trên báo "The Poeple's Paper"*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC

## HOẠT ĐỘNG CỦA MÁT-DI-NI VÀ CÔ-SÚT. - LIÊN MINH VỚI LU-I - NA-PÔ-LÊ-ÔNG. - PAN-MỚC-XTƠN

Luân Đôn, thứ ba, ngày 28 tháng Chín 1852

Tôi xin thông báo những sự việc xác thực sau đây về hoạt động của những người lưu vong I-ta-li-a và Hung-ga-ri.

Cách đây không lâu, tướng Hung-ga-ri Phét-tơ được sự ủy thác của Cô-sút và Mát-di-ni đã tiến hành một chuyến đi khắp nước I-ta-li-a với hộ chiếu mang tên một họa sĩ là công dân Hợp chúng quốc. Cùng đi với Phét-tơ có nữ ca sĩ Hung-ga-ri, bà Phê-ren-xi biểu diễn trong các buổi hòa nhạc. Nhờ đó ông ta đã thâm nhập được giới quan phương cao cấp trong khi những bức thư Mát-di-ni giao cho ông ta chuyển lại mở cho ông ta cánh cửa vào các hội bí mật. Ông ta đi khắp nước từ Tu-rin và Giê-nơ qua Mi-la-nô đến La Mã và Na-plơ. Mới đây, ông ta đã trở về Anh và báo cáo về chuyến đi của mình khiến cho ông Mát-di-ni, vị thiên thần thượng đẳng ấy của phái dân chủ, rất đỗi ngạc nhiên. Điểm cốt lõi trong báo cáo của Phét-tơ chung quy lại là I-ta-li-a đã hoàn toàn rơi vào *chủ nghĩa duy vật:* việc buôn bán tơ lụa, dầu thực vật và các sản phẩm khác của địa phương đã phát triển mạnh, đã trở thành vấn đề thời sự thu hút tất cả, còn giai cấp tư sản (mà Mát-di-ni gửi gắm niềm hy vọng lớn nhất) thì bận tâm tính toán chi li những tổn thất và thiệt hại mà cách mạng gây ra và ra sức cố gắng đền

bù những thiệt hại ấy bằng hoạt động kinh doanh sốt sắng nhất đến mức *không thể nào tưởng tượng được rằng phong trào cách mạng đã bắt đầu ở I-ta-li-a*. Văn kiện của Phét-tơ nói rằng ở I-ta-li-a không thể có bất cứ cuộc nổi dậy nào khi mà ngọn lửa chưa phụt ra một lần nữa từ núi lửa Pháp, hơn nữa bộ phận cách mạng par excellence[1*] trong dân cư lại mất tinh thần vì bị hãm hại lâu dài và vì các kế hoạch của họ thường xuyên bị phá vỡ, nhưng điều chủ yếu là không có chỗ dựa trong quần chúng.

Dựa vào bản báo cáo đó của Phét-tơ, sau khi lôn tiếng chửi bậy nước Pháp, Mát-di-ni volens nolens[2*] một lần nữa lại đành phải nhường quyền *chủ động* cho Ba-bi-lon cổ kính.

Nhưng sau khi quyết định quay lại liên minh với nước Pháp, các ngài ấy bắt đầu đàm phán - các bạn đoán xem với ai nào? *Với ngài Lu-i Bô-na-pác-tơ.*

Được sự đồng ý của Mát-di-ni, Cô-sút đã cử một Kít-sơ nào đó đến Pa-ri để đặt quan hệ với phái Bô-na-pác-tơ. Kít-sơ trước kia có quen biết bọn con trai của Giê-rôm Bô-na-pác-tơ. Bây giờ y chơi bời thoải mái ở các quán cà phê và những nơi tương tự khác ở Pa-ri, quanh quẩn bên cạnh Pi-e Bô-na-pác-tơ, hết lời phỉnh nịnh hắn và gửi cho Cô-sút những bản báo cáo rất tuyệt. Như thế là công cuộc giải phóng Hung-ga-ri từ nay không nghi ngờ gì là phải dựa vào công ty Lu-i - Na-pô-lê-ông và Cô-sút. Thủ lĩnh của những người cách mạng đã liên minh cho đến chết với "tên bạo chúa".

Ngay trước khi xảy ra tất cả những sự việc trên, lão Lê-lê-ven, người Ba Lan, đã cùng với linh mục dạo chính thống Ta-đê-u-sơ Gô-giốp-xki đến Luân Đôn đại diện cho cái gọi là Tổng bộ Ba Lan[203] và đưa cho Cô-sút và Mát-di-ni xem kế hoạch khởi nghĩa mà điều kiện quyết định của nó phải là sự giúp sức của Bô-na-pác-tơ. Một người bạn thân của họ ở Luân Đôn là bá tước Lâng-xơ-cô-rôn-xki đồng thời lại là mật thám của hoàng đế Nga, còn kế hoạch mà

1* - bậc nhất, theo nghĩa chân chính của từ
2* - dù muốn hay không



họ đưa ra đã được cái vinh dự cao cả là được duyệt và sửa chữa trước ở X. - Pê-téc-bua. Hiện giờ bá tước Lâng-xơ-cô-rôn-xki đang ở Pa-ri là nơi ông ta theo dõi Kít-sơ và từ đó ông ta đi Ô-xten-đơ để nhận chỉ thị mới của X. - Pê-téc-bua.

Từ Pa-ri, Kít-sơ đưa ra cho Cô-sút đủ mọi điều cam đoan rất thích hợp để đưa vào tập truyện hoang đường; nhưng do tình hình có tính chất hoang đường ở Pháp nên có thể là những điều cam đoan ấy phù hợp với thực tế. Nghe nói Cô-sút đã nhận được bức thư chính tay Lu-i - Na-pô-lê-ông viết mời ông ta *sang Pa-ri*. Hình như Cô-sút đã phân phát bản sao bức thư ấy ở khắp nước Hung-ga-ri. Dường như ông ta đã chuẩn bị xong mọi thứ cho cuộc tổng khởi nghĩa ở nước này. Tham gia âm mưu này thậm chí có cả các quan chức của hoàng gia. Cô-sút hy vọng khởi sự vào tháng Mười.

Trên đây tôi chỉ chuyển đạt hầu như nguyên văn những điều mà tôi biết được từ người khác. Nếu như bây giờ các bạn hỏi ý kiến của tôi đối với những điều ấy ra sao thì tôi cho rằng Lu-i Bô-na-pác-tơ muốn bắn một phát trúng hai đích. Hắn ra sức chiếm lấy lòng tin của Cô-sút và Mát-di-ni để sau đó bán họ cho người Áo, đổi lấy sự đồng ý của người Áo cho hắn chiếm lấy ngôi hoàng đế Pháp. Thêm vào đó, hắn đã tính toán rằng Cô-sút và Mát-di-ni sẽ mất hết ảnh hưởng trong đảng phái cách mạng khi mọi người biết rằng họ đã đàm phán hoặc đặt quan hệ gì đó với hắn. Ngoài ra, vì sự lên ngôi của hắn vấp phải sự phản đối kịch liệt của các cường quốc chuyên chế, một tên phiêu lưu như hắn hoàn toàn có thể, tuy rằng điều đó ít có khả năng, muốn cùng với bọn âm mưu làm thử cầu may.

Còn về I-ta-li-a nói riêng thì Lu-i Bô-na-pác-tơ mơ tưởng sáp nhập Lôm-bác-đi và Vơ-ni-đơ vào lãnh thổ của mình và chuyển giao Na-plơ cho anh họ hắn là Muy-ra. Tiền đồ của ngài Mát-di-ni quả là không tối!

Một khi lại bàn về I-ta-li-a, cho phép tôi báo với các bạn một tin nữa. Bá tước phu nhân Vi-xcôn-ti, một trong những nữ anh hùng của những cuộc đấu tranh giành tự do vừa qua ở I-ta-li-a,

vừa rồi đã có một cuộc nói chuyện dài với huân tước Pan-mớc-xtơn tại Luân Đôn. Ngài huân tước nói với bà tước phu nhân rằng ngài hy vọng ngay trước cuối năm nay sẽ đứng đầu chính phủ Anh, và bấy giờ châu Âu sẽ được cải tạo nhanh chóng. Đặc biệt là I-ta-li-a không thể tiếp tục nằm trong nanh vuốt của Áo được nữa vì không thể thống trị lâu dài bất cứ nước nào bằng đạn chì và thuốc súng. Pan-mớc-xtơn nói rằng trên tất cả các vấn đề ấy, ông ta hy vọng tìm được đồng minh ở nước Pháp. Dù sao ông ta cũng muốn rằng nếu như nổ ra tổng khởi nghĩa thì Lôm-bác-đi sẽ lập tức sáp nhập vào Pi-ê-mông, còn vấn đề Lôm-bác-đi có tuyên bố là một nước cộng hòa hay không thì hoàn toàn phó mặc cho tương lai.

Về phần mình, tôi tin rằng Pan-mớc-xtơn già đời đã bị những ảo tưởng hết sức mãnh liệt chi phối và nhất là ông ta không hiểu rằng nếu như ông ta còn có ảnh hưởng nào đó trong các bè cánh nghị viện, thì ông ta cũng đã mất hết ảnh hưởng ở trong nước mình rồi.

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Chín 1852*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3590, ngày 19 tháng Mười 1852*

*In theo bản trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C.MÁC

## SỰ BẦN CÙNG VÀ MẬU DỊCH TỰ DO. - CUỘC KHỦNG HOẢNG THƯƠNG NGHIỆP ĐANG ĐẾN GẦN

Luân Đôn, thứ sáu, ngày 15 tháng Mười 1852

Ông Hen-li, Bộ trưởng thương nghiệp tuyên bố cách đây không lâu với bạn bè của ông, các chủ ruộng hội họp tại xưởng chế biến mạch nha ở Ban-be, rằng sự bần cùng đã giảm đi do những nguyên nhân hoàn toàn không dính dáng gì với mậu dịch tự do, mà trước hết là do *nạn đói ở Ai-rơ-len*, việc phát hiện vàng ở hải ngoại, sự di cư hàng loạt khỏi Ai-rơ-len và nhu cầu càng lớn về tàu thuyền Anh do sự di cư đó gây nên v.v. và v.v.. Thế là chúng ta phải thừa nhận rằng "nạn đói" là phương thuốc đặc hiệu để chống lại sự bần cùng chẳng khác gì thạch tín dùng để chống lại chuột.

Tờ "Economist" ở Luân Đôn nhận xét rằng:

"Đảng To-ri ít ra phải thừa nhận sự tồn tại của phồn vinh và hậu quả tự nhiên của nó là sự hoang vắng của các trại học nghề".

Tờ "Economist" tiếp đó tìm cách chứng minh với vị bộ trưởng thương mại còn hoài nghi rằng các trại học nghề hoang vắng là hoàn toàn do tác dụng của mậu dịch tự do, rằng chỉ cần mậu dịch tự do được phát triển đầy đủ thì có lẽ các trại học nghề sẽ hoàn toàn biến khỏi đất Anh. Nhưng đáng tiếc là bản thống kê của tờ "Economist" tuyệt nhiên không chứng minh được điều mà người ta có dụng ý dùng nó để chứng minh.

Như mọi người đều rõ, trong sự phát triển của nó, công thương nghiệp hiện đại hoạt động theo những chu kỳ kéo dài từ 5 đến 7 năm, liên tục đều đặn trải qua các giai đoạn khác nhau - yên ắng rồi chuyển biến tốt phần nào, niềm tin tăng lên, sôi nổi, phồn vinh, phát triển cuồng nhiệt, mở rộng quá mức hoạt động công thương nghiệp, chấn động, co hẹp, đình đốn, kiệt quệ và sau hết lại yên ắng.

Sau khi nhắc lại điều đó, chúng ta lại bàn đến bản thống kê của tờ "Economist".

Từ năm 1834, số tiền dùng để cứu giúp người nghèo lên tới 6317255 pao xtéc-linh, đến năm 1837 số tiền này sụt xuống mức tối thiểu, bằng 4044741 p.xt.. Sau đó nó lại tăng lên hằng năm, đến năm 1843 thì lên tới 5208027 p.xt.. Năm 1844, 1845 và 1846 nó lại tụt xuống 4954204 p.xt., nhưng năm 1847 và 1848 lại tăng lên và năm 1848 đạt 6180764 p.xt. gần bằng mức năm 1834 trước khi thi hành luật tế bần mới [264]. Năm 1849, 1850, 1851 và 1852, nó lại tụt xuống 4724619 p.xt.. Nhưng thời gian giữa năm 1834 và năm 1837 là thời kỳ phồn vinh, 1838 - 1842 là thời kỳ khủng hoảng và đình đốn, 1843 - 1846 là thời kỳ phồn vinh, 1847 - 1848 là thời kỳ khủng hoảng và đình đốn, 1849 - 1852 lại là thời kỳ phồn vinh. Vậy thì bản thống kê ấy chứng minh cái gì? Nhiều lắm nó chỉ chứng minh một sự trùng lặp tầm thường là sự bần cùng ở Anh tăng lên và giảm đi cùng với những thời kỳ đình đốn và phồn vinh kế tiếp nhau, không tùy thuộc vào mậu dịch tự do hoặc chính sách thuế quan bảo hộ. Hơn nữa, chúng tôi thậm chí còn phát hiện rằng trong năm 1852 thuộc thời đại mậu dịch tự do, số tiền dùng để cứu giúp người nghèo nhiều hơn năm 1837 thuộc thời đại thuế quan bảo hộ là 679878 pao-xtéc-linh, mặc dù có nạn đói ở Ai-rơ-len, những "thỏi vàng tự nhiên" ở Ô-xtơ-rây-li-a và dòng người di cư liên tục.

Một tờ báo khác của phái mậu dịch tự do Anh tìm cách chứng minh rằng trong điều kiện mậu dịch tự do, xuất khẩu tăng lên, mà sự tăng lên của xuất khẩu lại đẩy mạnh sự phồn vinh; kết



quả của sự phồn vinh là sự bần cùng phải giảm đi và cuối cùng sẽ biến mất. Những con số sau đây được đưa ra làm bằng chứng. Số lượng những người có sức lao động buộc phải dựa vào sự cứu tế của giáo khu để sống như sau:

Ngày 1 tháng Giêng 1849 ở 590 khu tế bần có 201644 người
Ngày 1 tháng Giêng 1850 ở 606 khu tế bần có 181159 người
Ngày 1 tháng Giêng 1851 ở 606 khu tế bần có 154525 người

So sánh bảng này với con số thống kê xuất khẩu, chúng ta sẽ thấy những con số sau đây đối với hàng xuất khẩu của Anh và Ai-rơ-len:

| | |
|---|---|
| Năm 1848 | 48946395 pao xtéc-linh |
| Năm 1849 | 58910883 " " |
| Năm 1850 | 65756032 " " |

Bảng này nói lên cái gì? Xuất khẩu tăng thêm 9964488 p.xt. đã giải thoát trong năm 1849 cho trên 20000 người khỏi sự bần cùng, mức tăng thêm nữa của xuất khẩu là 6845149 p.xt. trong năm 1850 lại cứu sống thêm 26634 người. Do đó ngay cả khi chúng ta giả định rằng mậu dịch tự do có thể hoàn toàn loại trừ được các chu kỳ công nghiệp và những sự thăng trầm gắn liền với những chu kỳ đó, thì trong chế độ hiện nay, muốn làm cho tất cả những người nghèo có khả năng lao động thoát khỏi sự bần cùng, vẫn cần phải làm cho ngoại thương tăng thêm 50000000 p.xt. hàng năm, nghĩa là tăng xấp xỉ 100%. Các nhà thống kê học tư sản có đầu óc tỉnh táo ấy đã dám tán hươu tán vượn về "các nhà không tưởng". - Thực ra không có nhà không tưởng nào lớn hơn bản thân những nhà lạc quan tư sản ấy.

Trước mặt tôi là những văn kiện do Ủy ban tế bần công bố. Những văn kiện ấy quả thực cho thấy rằng từ năm 1848 đến hết năm 1851, số lượng người nghèo có giảm xuống. Nhưng đồng thời qua các văn kiện ấy có thể thấy rằng trong thời kỳ 1841 - 1844 số trung bình người nghèo là 1431571, còn thời kỳ 1845 - 1848 là 1600257. Năm 1850, 1809308 người nghèo ở trong và ngoài các

trại học nghề đã hưởng cứu tế, năm 1851 con số ấy là 1600329 nghĩa là hơi cao hơn con số trung bình những năm 1845 - 1848. Bây giờ so sánh những con số ấy với số dân do cuộc điều tra dân số xác định thì chúng ta thấy rằng thời kỳ 1841 - 1848 cứ 1000 dân có 89 người nghèo, còn năm 1851 là 90 người. Do đó, trên thực tế sự bần cùng tăng lên so với con số trung bình những năm 1841-1848, mặc dù có mậu dịch tự do, có nạn đói, sự phồn vinh, mặc dù có những thời vàng tự nhiên ở Ô-xtơ-rây-lia và dòng người di cư.

Nhân đây cũng xin lưu ý rằng cả số người phạm tội cũng tăng lên. Chỉ cần đọc qua tạp chí y học "Lancet" cũng đủ thấy rõ rằng việc làm giả và nhiễm độc thực phẩm từ trước tới nay vẫn đi đôi với mậu dịch tự do. Tờ "Lancet" tuần nào cũng gây ra ở Luân Đôn sự hoảng sợ mới do tiết lộ những bí mật luôn luôn mới mẻ. Tạp chí này đã thành lập một ủy ban điều tra hoàn chỉnh gồm các thầy thuốc, nhà hóa học v.v. để kiểm nghiệm thực phẩm bán ra ở Luân Đôn. Báo cáo của Ủy ban này thường xuyên công bố cà phê, chè, dấm, hồ tiêu, dưa v.v. bị nhiễm độc - quả là tất cả đều bị nhiễm độc.

Hai xu hướng của chính sách mậu dịch tư sản, mậu dịch tự do và thuế quan bảo hộ dương nhiên đều bất lực như nhau trong việc xóa bỏ những hiện tượng hoàn toàn chỉ là kết quả tất yếu và tự nhiên của cơ sở kinh tế của xã hội tư sản. Tình trạng một triệu người nghèo sống qua ngày đoạn tháng trong các trại học nghề ở Anh cũng gắn liền với sự phồn vinh của Anh, như sự tồn tại của 18 đến 20 triệu pao-xtéc-linh vàng ở ngân hàng Anh.

Cần phải dứt khoát nhận định điều đó trái với các nhà ảo tưởng tư sản, tức là những người một mặt thì coi cái chỉ là bạn đường tất yếu của mỗi thời kỳ phồn vinh trong các chu kỳ công thương nghiệp là kết quả của mậu dịch tự do, hoặc mặt khác lại trông đợi ở sự phồn vinh tư sản những cái mà sự phồn vinh ấy không thể đem lại được. Khi dứt khoát nhận định điều đó thì cũng phải thừa nhận rằng rõ ràng năm 1852 là một trong những năm đặc



biệt phồn vinh mà nước Anh đã từng trải qua. Quy mô thu nhập của nhà nước - tuy có bỏ thuế cửa sổ - các quyết toán về hàng hải, danh mục hàng xuất khẩu, thị giá ở thị trường tiền tệ và trước hết là sự nhộn nhịp chưa từng thấy ở các khu công nghiệp là những bằng chứng xác thực về tình hình đó.

Nhưng ngay cả sự hiểu biết nông cạn nhất về lịch sử thương nghiệp từ đầu thế kỷ XIX cũng đủ làm cho mỗi người đều tin rằng sắp đến lúc chu kỳ công thương nghiệp bước vào giai đoạn *phát triển cuồng nhiệt* và tiếp đó là giai đoạn mở rộng quá mức hoạt động của sở giao dịch và sự chấn động. Các nhà lạc quan tư sản kêu lên rằng: "không hề có chuyện như thế, không có thời kỳ phồn vinh nào trước đây mà sự dấu cơ ở sở giao dịch lại ít ỏi như hiện nay. Sự phồn vinh hiện giờ của chúng tôi là dựa trên sản xuất hàng hoá có ích lợi trực tiếp, hàng hóa được tiêu thụ hết ngay sau khi vừa xuất hiện trên thị trường, bảo đảm cho người sản xuất một lợi nhuận tương xứng và là sự kích thích cho tái sản xuất mở rộng hơn nữa".

Nói cách khác, sự phồn vinh hiện nay có đặc điểm là tư bản dư thừa hiện có đã và đang tiếp tục tập trung trực tiếp vào sản xuất công nghiệp. Theo báo cáo gần đây của tổng thanh tra công xưởng, ông Lê-ô-nác Hoóc-nơ, thì năm 1851 chỉ riêng công suất thiết bị của các xưởng bông vải sợi đã tăng thêm 3717 mã lực. Ông ta đưa ra danh sách dài dằng dặc các công xưởng đang được xây dựng. Ở nơi này đang xây dựng một xưởng kéo sợi với công suất 150 mã lực, ở nơi khác một xưởng dệt có 600 máy dệt vải hoa, ở một nơi thứ ba - lại một xưởng kéo sợi với 60000 cọc sợi và công suất 620 mã lực, tiếp nữa là xưởng kéo sợi với công suất 200 mã lực và một xưởng dệt công suất 300 mã lực v.v.. Nhưng xưởng lớn nhất đang được xây dựng ở gần Brát-phoóc (I-oóc-sia) để sản xuất an-pa-ga và các loại vải khác nhau.

"Về quy mô của công xưởng xây dựng cho ông Tai-to-xơ Xôn-tơ có thể phán đoán qua sự tính toán rằng nó sẽ chiếm một diện tích là 6 a-cơ-rơ Anh. Tòa nhà chính sẽ là một tòa nhà đồ sộ bằng đá kiến trúc rất cầu kỳ, với một phòng dài 540 phút; thiết bị máy móc sẽ bao gồm những kết cấu tối tân có giá trị được mọi người thừa nhận. Những động

cơ hơi nước dùng để cho chạy số lượng máy móc lớn đó sẽ do anh em Phéc-béc-nơ chế tạo ở Man-se-xtơ và tính ra mạnh tới 1200 mã lực. Chỉ riêng phân xưởng hơi đốt đã ngang quy mô một xưởng hơi đốt ở một thành phố nhỏ; nó sẽ được xây dựng theo hệ thống hy-đrô- các-bua của Gai-tơ và tốn kém 4000 p.xt.. Người ta tính cần 5000 vòi để mỗi ngày sẽ tiêu hao 100000 phút khối hơi đốt. Ngoài công xưởng đồ sộ ấy, ông Xôn-tơ còn xây dựng ở ngay gần công xưởng 700 lô nhà cho công nhân"[204].

Nhưng điều gì sẽ xảy ra do việc người ta đầu tư cơ bản khổng lồ trực tiếp vào sản xuất công nghiệp? Khủng hoảng không xảy ra chăng? Quyết không phải thế. Trái lại, khủng hoảng sẽ mang tính chất nguy hiểm hơn nhiều so với năm 1847, khi nó mang tính chất khủng hoảng thương nghiệp và tiền tệ nhiều hơn là khủng hoảng công nghiệp. Lần này thì nó giáng mạnh nhất vào chính các khu vực *công nghiệp*. Chúng ta hãy nhớ lại thời kỳ đình đốn chưa từng thấy trong những năm 1838 - 1842, nó cũng là kết quả trực tiếp của sản xuất thừa - trong công nghiệp. Tư bản thừa càng tập trung vào sản xuất công nghiệp chứ không phân tán theo các tuyến khác nhau trong lĩnh vực thương nghiệp - tài chính thì tác động của khủng hoảng đối với quần chúng công nhân và đối với bản thân bộ phận tinh hoa của giai cấp tư sản càng rộng, càng kéo dài và càng trực tiếp. Nếu khi xảy ra khủng hoảng, toàn bộ khối lượng hàng hóa tràn ngập thị trường lập tức biến thành gánh nặng thì điều đó còn nặng nề hơn gấp bội đối với nhiều công xưởng được mở rộng hoặc được xây dựng lại, những công xưởng đó một khi đã được trang bị đến mức có thể bắt đầu sản xuất thì việc lập tức đi vào sản xuất đối với chúng là vấn đề sống còn. Bao giờ cũng vậy, khi tư bản rời bỏ các luồng lưu thông thương nghiệp thông thường của nó thì đều xảy ra sự hoảng loạn, sự hoảng loạn này thậm chí thâm nhập qua cả cửa ngân hàng Anh. Vì vậy vào thời điểm mà những món tiền kếch sù biến thành tư bản cố định dưới hình thức công xưởng, máy móc v.v., hoặc được đưa vào hoạt động đúng lúc bắt đầu khủng hoảng hoặc phần nào cần những khoản chi phí thêm của tư bản lưu động trước lúc chúng có thể được sử dụng có ích cho công việc thì tiếng hô sauve qui peut [1*] sẽ vang lên càng mạnh mẽ.

1* - ai có thể, hãy tự cứu lấy mình



Tôi dẫn ra một sự thực khác trên tờ "Friend of India" nói lên tính chất của cuộc khủng hoảng đang tới gần. Dựa vào tài liệu về thương nghiệp ở Can-cút-ta năm 1852 công bố trên tờ báo này, người ta thấy rõ rằng giá trị hàng bông vải sợi và các loại sợi khác nhau nhập khẩu vào Can-cút-ta năm 1851 là 4074000 ru-pi, hoặc xấp xỉ hai phần ba giá trị tổng kim ngạch mậu dịch. Năm nay, tổng số tiền nhập khẩu này sẽ còn cao hơn. Hơn nữa, đây là chưa tính đến các số liệu về nhập khẩu ở Bom-bay, Ma-đrát và Xin-ga-po. Nhưng ngay cuộc khủng hoảng năm 1847 đã để lộ ra những khía cạnh buôn bán với Ấn Độ khiến cho hiện nay không ai có thể hoài nghi tí gì về kết cục cuối cùng của sự phồn vinh công nghiệp trong đó số nhập khẩu vào "đế quốc Ấn Độ của chúng ta" chiếm hai phần ba tổng số.

Đây là những điều có thể nói về tính chất của sự chấn động sẽ nối tiếp ngay sau thời kỳ phồn vinh hiện nay. Nhiều triệu chứng, - đặc biệt là sự dư dật vàng ở ngân hàng Anh và tình hình đặc biệt trong đó diễn ra hiện tượng vàng thoi cuồn cuộn chảy vào, - báo trước rằng sự chấn động ấy sẽ xảy ra vào năm 1853.

Hiện nay, trong hầm của ngân hàng Anh đang cất giữ 21353000 p.xt. vàng thoi. Người ta tìm cách cắt nghĩa tình hình vàng chảy vào ấy là do khai thác được rất nhiều vàng ở Ô-xtơ-rây-li-a và Ca-li-phoóc-ni-a. Nhưng chỉ cần tìm hiểu qua sự thật chúng ta cũng đủ thấy rằng ý kiến ấy không đúng.

Sự tăng dự trữ vàng thoi ở ngân hàng Anh thực ra chỉ có nghĩa là giảm nhập khẩu hàng hóa khác, nói cách khác nghĩa là xuất khẩu vượt xa nhập khẩu. Thật vậy, những báo cáo thương nghiệp gần đây đều cho thấy có sự giảm sút lớn về nhập khẩu đay, đường, chè, thuốc lá, rượu vang, lông thú, ngũ cốc, dầu thực vật, ca-cao, bột mì, chàm, da, khoai tây, mỡ lợn muối, thịt lợn, bơ, pho-mát, giăm bông, mỡ lợn nước, gạo và hầu hết sản phẩm của lục địa châu Âu và Ấn Độ thuộc Anh . Năm 1850 và 1851, nhập khẩu rõ ràng là quá lớn và tình hình đó cũng như sự tăng giá ngũ cốc trên lục địa do mùa màng xấu đã gây ra xu hướng giảm nhập khẩu. Chỉ riêng nhập khẩu bông và lanh là tăng.

Sự xuất siêu ấy cắt nghĩa tại sao thị giá ngoại hối có lợi cho Anh. Mặt khác, do sự xuất siêu ấy được bù đắp bằng nhập khẩu vàng nên một phần lớn tư bản Anh trở thành nhàn rỗi, làm tăng thêm dự trữ của ngân hàng. Ngân hàng và tư nhân kiếm đủ mọi cách để tìm lối thoát cho số tư bản nhàn rỗi vô ích ấy. Điều đó giải thích tại sao hiện nay tư bản cho vay lại dồi dào và lãi suất thấp. Lãi suất chiết khấu đối với kỳ phiếu hạng nhất là 1,75 hoặc 2%. Song, trong bất cứ tác phẩm nào về lịch sử thương nghiệp, chẳng hạn như trong cuốn "Lịch sử giá cả" của Tu-cơ [286], các bạn đều có thể thấy rằng sự trùng hợp của những triệu chứng như sự tích tụ không bình thường vàng thoi trong hầm của ngân hàng Anh, xuất siêu, thị giá ngoại hối có lợi, dư dật tư bản cho vay và lãi suất thấp, bao giờ cũng có nghĩa là đã đến cái giai đoạn của chu kỳ công thương nghiệp mà sự phồn vinh chuyển thành phát triển cuồng nhiệt, khi ấy rõ ràng bắt đầu một mặt là nhập khẩu quá mức, còn mặt khác là đầu cơ bừa bãi xung quanh đủ mọi thứ bọt xà phòng cám dỗ. Nhưng giai đoạn phát triển cuồng nhiệt ấy, đến lượt nó, chỉ báo hiệu sự chấn động mà thôi. Sự phát triển cuồng nhiệt là đỉnh cao nhất của sự phồn vinh; dĩ nhiên nó không gây ra khủng hoảng nhưng thúc dẩy khủng hoảng xuất hiện.

Tôi biết rất rõ rằng các *nhà tiên tri* kinh tế chính thức của Anh sẽ coi quan điểm trên hoàn toàn là một tà thuyết. Nhưng kể từ khi "Rô-bin-xơn Prô-xpe-ri-ti"[1*], vị bộ trưởng tài chính nổi tiếng dự báo sự phồn vinh vĩ đại và vững chắc tại buổi khai mạc kỳ họp của nghị viện năm 1825 vào đúng đêm trước của khủng hoảng, thì có bao giờ, dù chỉ là một lần thôi, các nhà lạc quan tư sản ấy lường trước hoặc báo trước được cuộc khủng hoảng không? Trái lại, chưa hề có một thời kỳ phồn vinh nào mà họ không lợi dụng để quả quyết rằng *lần này* thì tấm huy chương không có mặt trái, rằng lần này thì chiến thắng được *số phận* nghiệt ngã. Còn khi

1* -Ph.G Rô-bin-xơn, từ trước Gô-đrích



khủng hoảng xảy ra, họ làm ra vẻ vô tội, dùng những lời thuyết giáo tầm thường và dạy đời để công kích các nhà thương nghiệp và các nhà công nghiệp thiếu nhìn xa thấy rộng và không thận trọng.

Những tình hình chính trị đặc biệt do sự phồn vinh tạm thời của công thương nghiệp tạo ra sẽ là đề tài của bài báo sau của tôi.

*Do C.Mác viết 12 tháng Mười 1852*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3601, ngày 1 tháng Mười một 1852*
*Ký tên: Các Mác*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

## C.MÁC

# HẬU QUẢ CHÍNH TRỊ CỦA SỰ HƯNG THỊNH VỀ THƯƠNG MẠI

Luân Đôn, thứ ba, 19 tháng Mười 1852

Trong bài trước, tôi đã trình bày tình hình công thương nghiệp hiện nay ở Anh, bây giờ chúng ta hãy xem xét những hậu quả chính trị do tình hình ấy gây ra.

Cuộc khủng hoảng công thương nghiệp dự kiến mà nổ ra thì cuộc đấu tranh không tránh khỏi chống đảng To-ri sẽ mang tính chất quyết liệt hơn và cách mạng hơn. Ngược lại, sự phồn vinh hiện tại giờ đây là đồng minh tốt nhất của đảng này. Thật vậy, đồng minh ấy không cho phép đảng To-ri khôi phục các đạo luật về ngũ cốc mà bản thân đảng này đã từ bỏ, nhưng người đồng minh này trên thực tế lại củng cố chính quyền của đảng này và giúp nó thực hiện sự phản động về mặt xã hội, sự phản động này nếu như không có gì cản trở thì nó nhất định sẽ được hoàn tất bằng việc giành những lợi ích giai cấp căn bản cho đảng này vì rằng ngay từ đầu sự phản động đó đã được thực hiện vì những lợi ích giai cấp vật chất. Đi-xra-e-li không tuyên bố một đạo luật về ngũ cốc nào cả mà tuyên bố phân bổ lại thuế khóa có lợi cho các chủ trại lĩnh canh là những người phải gánh thuế quá nặng. Nhưng tại sao các chủ trại phải gánh thuế quá nặng? Vì rằng, trong phần lớn trường hợp, họ vẫn phải nộp tô theo mức trước kia, như trong thời kỳ thi hành chính sách thuế quan bảo hộ, trong khi giá ngũ cốc trước kia, vào thời kỳ thi hành chính sách thuế quan bảo hộ, đã vĩnh viễn biến đi không trở lại nữa. Thực ra, quý tộc không muốn giảm tô trên ruộng đất của mình, nhưng lại muốn thi hành một hình thức thu thuế mới để đền bù cho các chủ trại lĩnh canh phần mà họ nộp quá cho quý tộc.



Tôi xin nhắc lại: sự phồn vinh thương nghiệp hiện nay có lợi cho sự phản động của đảng To-ri. Tại sao vậy?

"Chủ nghĩa yêu nước" - tờ "Lloyd's Weekly Newspaper"[267] than phiền - "thậm chí có thể nướng thân trong chạn nếu nó tìm được thức ăn và đồ uống ở đấy. Vì vậy mậu dịch tự do hiện nay là chỗ dựa cho bà tước Đác-bi; ông ta nằm trên chiếc đệm làm bằng hoa hồng đo Cốp-đen và Pin hái về".

Quần chúng nhân dân có đầy đủ việc làm và đời sống tương đối bảo đảm - dĩ nhiên là trừ người nghèo mà sự tồn tại của họ không tách rời sự phồn vinh của nước Anh; do đó hiện nay nhân dân không dễ nghe theo cổ động chính trị. Nhưng trong các mưu kế của mình, huân tước Đác-bi trước hết được sự giúp sức của lòng cuồng nhiệt mà *giai cấp tư sản* đã từng dành cho quá trình mạnh mẽ của nền sản xuất công nghiệp: xây dựng công xưởng, thiết kế máy móc, đóng tàu, chế tạo sợi bông và vải len, chất kho, sản xuất hàng hóa, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu và những việc khác ít nhiều có lợi, nhưng mục đích của tất cả những cái đó đối với giai cấp tư sản bao giờ cũng là làm giàu. Khi hoạt động kinh doanh nhộn nhịp như vậy, giai cấp tư sản là kẻ biết rất rõ những giờ phút may mắn như thế này càng hiếm và ngày càng lâu gặp, chỉ khao khát một điều - nó muốn và phải kiếm được tiền, nhiều tới mức tối đa, nó không cần gì khác ngoài tiền. Việc giám sát đảng To-ri, nó nhường cho các nhà chính trị ex professo [1*] của nó. Nhưng bọn này (hãy xem, chẳng hạn, thư của Giô-dép Hi-um gửi cho tờ "Hull Advertiser"[268]) than phiền hoàn toàn chính đáng rằng không có áp lực từ bên ngoài thì họ không có khả năng hoạt động, giống như cơ thể con người khi không có áp lực của khí quyển vậy.

1* - chuyên nghiệp

Nhưng trong tình hình ấy, giai cấp tư sản không thể gạt bỏ một thứ linh cảm không hay là trong giới cầm quyền cấp cao đang xảy ra một cái gì khả nghi và chính phủ đang *lợi dụng* một cách khá trơ trẽn sự thờ ơ chính trị do sự phồn vinh hiện nay gây ra. Cho nên đôi khi qua các cơ quan báo chí của nó, nó cảnh cáo chính phủ đại loại như sau :

"Người ta không thể đoán trước được là phái dân chủ" (xin đọc: giai cấp tư sản) "sẽ duy trì bao lâu sự *nhẫn nại* sáng suốt hiện nay của nó, sự tôn trọng của nó đối với sức mạnh của bản thân và đối với các quyền của người khác mà không tìm cách củng cố địa vị của bản thân bằng những thủ đoạn mà giới quý tộc đã sử dụng trước đây. Qua thái độ chung của phái dân chủ, giới quý tộc không nên rút ra kết luận rằng phái dân chủ sẽ không bao giờ từ bỏ thái độ ôn hòa của nó" ("Economist" ở Luân Đôn).

Về điểm này, Đốc-bi trả lời rằng: chẳng lẽ các anh cho tôi là một thằng ngốc tới mức để cho các anh dọa nạt giữa ban ngày ban mặt và khoanh tay chờ đợi cho tới khi cơn bão táp kinh tế và tình trạng đình đốn kinh doanh xảy đến, các anh có thì giờ để chăm chú nhòm ngó hơn đến chính trị hay sao?

Kế hoạch hành động của đảng To-ri ngày càng lộ rõ hơn.

Chúng bắt đầu bằng việc cản trở họp mít-tinh ngoài trời; ở Ai-rơ-len, chúng truy bức những tờ báo đăng các bài bất lợi cho chúng, lúc này chúng buộc tội những nhà hoạt động của Hội hòa bình [269] là đã có những hành động vu khống gieo rắc sự nổi loạn khi phát hành các sách nhỏ phản đối việc sử dụng nhục hình trong đội dân binh. Ở bất cứ nơi nào có thể làm được, chúng đều lẳng lặng đàn áp hoạt động chống đối lẻ tẻ trên đường phố và báo chí.

Nhưng đồng thời chúng cũng tránh mọi cuộc đụng độ công khai lớn với các đối thủ của mình, hoãn triệu tập nghị viện và chuẩn bị mọi thứ cần thiết để sau khi khai mạc kỳ họp thì nghị viện bận làm lễ tang "công tước đã chết[1*] chứ không để tâm tới những lợi ích của nhân dân đang sống", như một tờ báo cấp tiến đã nói[2*]. Nghị viện sẽ họp vào tuần đầu tháng Mười một nhưng không nghi

1* - Oen-linh-tơn
2* - "People's paper"



ngờ gì là những cuộc tranh luận nghiêm chỉnh không thể bắt đầu trước tháng Giêng được.

Đảng To-ri làm gì để lấp kín khoảng thời gian trống ấy? Vận động đăng ký cử tri và thành lập đội dân binh.

Cuộc vận động đăng ký cử tri nhằm mục đích loại trừ những đối thủ của đảng To-ri ra khỏi danh sách cử tri mới lập ra cho cuộc bầu cử nghị viện năm tới hoặc cản trở việc ghi tên họ vào danh sách ấy; để đạt được điều đó, người ta đưa ra ý kiến phản đối này khác, tạo cơ sở pháp lý cho việc cản trở đăng ký người nào đó vào danh sách cử tri. Mỗi chính đảng đều có luật sư của mình và tự thanh toán các khoản chi phí về thủ tục kiện tụng. Các luật sư thanh tra do chánh án tòa án hoàng gia [270] chỉ định ra quyết định về sự xác đáng của những đơn kiện đòi được ghi vào danh sách cử tri hoặc phản đối việc ghi vào danh sách cử tri. Vũ đài chủ yếu của cuộc vận động này cho tới nay vẫn là Lan-kê-sia và Mít-đơn-xếch. Để có kinh phí triển khai cuộc vận động ở Bắc Lan-kê-sia, đảng To-ri đã cho lưu hành giấy lạc quyên trong đó có tên của chính huân tước Đốc-bi hào phóng quyên 500 pao xtéc-linh. Ở Lan-kê-sia, những ý kiến phản đối việc đăng ký cử tri đã đạt tới con số hết sức lớn là 6749 trong đó Nam Lan-kê-sia có 4650 và Bắc Lan-kê-sia, 2099 ý kiến. Ở miền Nam, 3557 ý kiến phản đối việc đăng ký là do đảng To-ri đưa ra và 1093 do phái tự do đưa ra, ở miền Bắc có 1334 của đảng To-ri và 765 của phái tự do (đương nhiên, đây chỉ nói về cử tri nông thôn chứ không phải cử tri của các thành phố thuộc tỉnh này). Đảng To-ri là kẻ thắng thế ở Lan-kê-sia. Ở tỉnh Mít-đơn-xếch, 353 người thuộc phái cấp tiến và 140 phần tử bảo thủ bị xóa tên trong danh sách cử tri; như thế là phái bảo thủ thắng trên 200 phiếu.

Trong cuộc đấu tranh này, một bên là đảng To-ri, còn một bên là đảng Vích và các đại biểu của trường phái Man-se-xtơ. Như mọi người đều biết, các đại biểu của trường phái Man-se-xtơ đã thành lập một số hội những người được toàn quyền sử dụng ruộng đất, nghĩa là một bộ máy tạo ra những cử tri mới. Đảng To-ri không

đụng chạm đến bộ máy ấy nhưng lại thủ tiêu sản phẩm của nó. Theo quyết định của luật sư thanh tra tỉnh Mít-đơn-xếch, ông Sa-đu-en, nhiều cử tri thuộc hội những người được toàn quyền sử dụng ruộng đất nói trên đã bị tước quyền bầu cử; ông ta tuyên bố rằng nếu là chủ ruộng đất trị giá dưới 50 pao xtéc-linh thì không được hưởng quyền bầu cử. Vì vấn đề này liên quan đến thực tế chứ không phải đến quyền cho nên đối với quyết định ấy, người ta không thể khiếu nại lên tòa án luật phổ thông [271]. Mọi người đều rõ rằng việc phân biệt như vậy giữa vấn đề thực tế và vấn đề quyền đem lại quyền lực to lớn trong việc lập danh sách cử tri mới cho những luật sư thanh tra mà nội các hiện thời luôn luôn có thể tác động đến họ.

Những cố gắng to lớn của đảng To-ri trong cuộc vận động đăng ký cử tri và sự can thiệp trực tiếp của lãnh tụ đảng này vào cuộc vận động ấy nói lên cái gì ?

Những điều đó chứng tỏ rằng bá tước Đớc-bi không đặt hy vọng đặc biệt gì vào sự tồn tại lâu dài của nghị viện mới, rằng ông ta có xu hướng giải tán nghị viện nếu nó tỏ ý chống đối, rằng hiện nay ông ta định dựa vào các luật sư thanh tra để bảo đảm cho đảng bảo thủ được đa số trong cuộc tổng tuyển cử mới.

Như vậy, một mặt đảng To-ri nắm chặt bộ máy bầu cử mà chúng thao túng nhờ cuộc vận động đăng ký cử tri để làm lực lượng dự bị, còn mặt khác chúng thi hành luật dân binh trao cho chúng quyền sử dụng lưỡi lê là thứ cần thiết để buộc người ta phải chấp nhận các văn bản phản động nhất của nghị viện và bình tĩnh đối phó với sự uy hiếp của hội hòa bình.

"Chẳng có cái gì mà bọn phản động không làm được ở nước Anh một khi nó đã nắm được nghị viện, đem lại cho nó cái vẻ hợp pháp và đội dân binh vũ trang coi như một lực lượng quân sự thường trực"*, cơ quan ngôn luận của phái Hiến chương[1*] đã thốt lên như vậy.

Trong giờ phút đặc biệt hiểm nghèo này, cái chết của "công tước sắt" vị anh hùng khôn ngoan của trận Oa-téc-lô, đã giải thoát

1* - "People's paper"



giới quý tộc khỏi vị thần hộ mệnh rầy rà ấy, một người có đủ kinh nghiệm chiến trận để thường hy sinh cái vẻ thắng lợi bề ngoài cho cuộc rút lui được yểm hộ tốt, và hy sinh cuộc tấn công xuất sắc cho sự thỏa hiệp kịp thời. Oen-linh-tơn là người trấn an thượng nghị viện; vào những giờ phút quyết định, ông ta có thể toàn quyền đại biểu cho 60 người hoặc hơn nữa để phát biểu ý kiến; ông ta ngăn cản đảng To-ri công khai tuyên chiến với giai cấp tư sản và dư luận xã hội. Nhưng hiện nay, do có một nội các To-ri ham thích xung đột đứng đầu là một người thích thể thao [1*], thượng nghị viện

"không còn là vật giữ thăng bằng đem lại sự vững vàng cho con thuyền quốc gia, như thời công tước lãnh đạo, mà có thể trở thành thứ dây dợ thừa đe dọa sự an toàn của con thuyền đó".

Ý kiến trên đây cho rằng vật giữ thăng bằng dưới hình thức thượng nghị viện là cần thiết cho sự an ninh của quốc gia, ý kiến đó đương nhiên không phải là của chúng tôi mà là của tờ nhật báo Luân Đôn "Daily News" của phái tự do. Công tước mới, Oen-linh-tơn trước đây mang danh hiệu hầu tước ở Đu-ê-rô, lập tức chạy từ phe Pin sang phe To-ri. Cho nên có tất cả những dấu hiệu chứng tỏ rằng giới quý tộc đang chuẩn bị tiến hành những mưu toan liều lĩnh nhất để chiếm lại vị trí đã mất và trở lại thời đại hoàng kim những năm 1815-1830. Còn giai cấp tư sản hiện nay không có thời gian để cổ động cũng như để làm loạn, thậm chí không có thời gian để bày tỏ một cách thích đáng sự bất mãn của mình.

*Do C. Mác viết ngày 12 tháng Mười 1852*
*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune"*
*số 3602, ngày 2 tháng Mười một 1852*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - Đớc-bi

## C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

# TUYÊN BỐ GỬI BAN BIÊN TẬP CÁC TỜ BÁO ANH

Thưa Ngài!

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, mong Ngài lưu ý đến lập trường của báo chí Phổ, kể cả những tờ báo phản động nhất như tờ "Neue Preußische Zeitung", đối với vụ án những người cộng sản ở Khuên hiện đang tiếp diễn và về cái thái độ thận trọng đáng ca ngợi mà những tờ báo ấy thể hiện trong lúc này, khi mà tòa án còn chưa thẩm tra xong một phần ba lời khai của các nhân chứng, khi mà người ta còn chưa chứng minh được tính chất xác thực của bất cứ tài liệu nào đưa ra, và bên bào chữa chưa phát biểu một lời nào. Trong khi những tờ báo ấy tệ nhất thì cũng chỉ đồng tình với công tố viên mô tả những bị cáo ở Khuên và bạn hữu của họ có ký tên dưới đây ở Luân Đôn như là "những kẻ âm mưu nguy hiểm chịu trách nhiệm hoàn toàn về toàn bộ lịch sử châu Âu 4 năm qua và về tất cả những cuộc rung chuyển cách mạng năm 1848 và 1849" thì ở Luân Đôn có hai cơ quan ngôn luận công khai là tờ "Times" và "Daily News" đã không ngần ngại mô tả những bị cáo ở Khuên và các tác giả của bức thư này là "bọn vô lại du đãng", quân bịp bợm v.v.. Giống như những người bào chữa cho các bị cáo đã yêu cầu công chúng Đức, những người ký tên dưới đây cũng yêu cầu công chúng Anh chớ vội đưa ra ý kiến của mình trước khi vụ án kết thúc. Nếu như lúc này họ đưa



ra những sự giải thích thêm nữa thì điều đó sẽ tạo điều kiện cho Chính phủ Phổ cản trở việc vạch trần mọi thủ đoạn gian lận, phản bội lời thề, làm giả tài liệu, sửa chữa ngày tháng, đánh cắp v.v. mà bọn cảnh sát đã làm, những thủ đoạn chưa từng có ngay cả trong bộ sử biên niên của nền tư pháp chính trị nước Phổ. Khi mà tất cả những cái đó bị phơi bày trong quá trình xét xử hiện nay thì dư luận xã hội Anh sẽ biết cách đánh giá xứng đáng các tác giả nặc danh trên tờ "Times" và "Daily News" đã đóng vai trò thầy cãi và cái loa cho bọn mật thám bỉ ổi nhất, hạ đẳng nhất của chính phủ.

Xin kính chào Ngài

***Ph.ăng-ghen, Ph. Phrai-li-grát,***
***C. Mác, V. Vôn-pha***

Luân Đôn, 28 tháng Mười 1852

*Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết*

*Đã đăng trên tờ "The Spectator" số 1270, ngày 28 tháng Mười 1852; tờ "The Peopele's Paper" số 26, ngày 30 tháng Mười 1852; "The Morning Advertiser" ngày 30 tháng Mười 1852, "The Leader" ngày 30 tháng Mười 1852 và "The Examiner" số 2335, ngày 30 tháng Mười 1852*

*In theo bản đăng trên báo "The People's Paper", có đối chiếu với bản in các tờ báo khác*

*Nguyên văn là tiếng Anh*

# C.MÁC

## TUYÊN BỐ GỬI TỔNG BIÊN TẬP BÁO "MORNING ADVERTISER"

Thưa Ngài!

Mong Ngài nhận lấy sự cảm ơn chân thành của tôi về sự giúp đỡ khẳng khái của Ngài đối với vụ án của bạn bè tôi, những bị cáo ở Khuên[1*]. Để những người bào chữa cho các bị cáo có thể bóc trần cả một loạt hành động bỉ ổi mà nhân viên cảnh sát Phổ tiến hành ngay trong quá trình vụ án, tôi muốn báo cho Ngài biết sự gian lận gần đây của chúng hòng chứng minh rằng giữa tôi và các bị cáo ở Khuên có mối liên quan phạm tội. Theo tin của tờ "Kölnische Zeitung" ngày 29 tháng Mười thì ông Sti-bơ, cố vấn cảnh sát, đã công bố một kiểu tài liệu mới của mình - một bức thư nực cười cơ hồ như do chính tay tôi viết, trong đó dường như tôi đã giao nhiệm vụ cho một tên tay sai giả tưởng của tôi "nhét qua khe cửa nhà một số người dân chủ ở Crê-phen 50 bản cuốn "Sách vấn đáp đỏ", thời gian lựa chọn để thi hành nhiệm vụ đó là nửa đêm ngày 5 tháng Sáu 1852".

Vì lợi ích của bạn bè của tôi - những bị cáo, tôi tuyên bố như sau:

1) tôi không hề viết một bức thư như thế;

1* Ý nói tới việc tờ "Morning Advertiser" đăng bản tuyên bố bào chữa cho những bị cáo ở Khuên (Xem tập này, tr.508-509).



2) tôi chỉ biết có thư ấy qua tờ "Kölnische Zeitung" ngày 29 tháng này;

3) tôi chưa hề trông thấy cái gọi là "Sách vấn đáp đỏ";

4) tôi chưa hề giúp đỡ bằng bất cứ hình thức nào việc phân phát các cuốn "Sách đỏ".

Bản tuyên bố này tôi cũng đã trình bày trước thẩm phán cảnh sát ở phố Mác-bo-rô, do đó nó có giá trị như một lời cung chứng có tuyên thệ và tôi đã gửi nó tới Khuên qua bưu điện. Nếu Ngài cho đăng bản tuyên bố này trên quý báo thì tôi hết sức cảm kích vì rằng đấy là phương pháp hữu hiệu nhất để ngăn chặn cảnh sát Phổ thu giữ văn kiện này.

Xin kính chào Ngài

***Tiến sĩ Các Mác***

Luân Đôn, ngày 30 tháng Mười 1852
28, phố Din, Xô-hô

*Đã đăng trên báo "The Morning Advertiser" ngày 2 tháng Mười một 1852 và "The People's Paper" số 27, ngày 6 tháng Mười một 1852*

*In theo bản đăng trên báo "The Morning Advertiser", có đối chiếu với bản in trên báo "The People's paper"*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

# C.MÁC

## CÁC ĐẢNG PHÁI VÀ TRIỂN VỌNG CHÍNH TRỊ

Luân Đôn, thứ ba, ngày 2 tháng Mười một 1852

Chúng ta hãy tiếp tục nghiên cứu những hậu quả chính trị nảy sinh không thể tránh khỏi do sự phồn vinh công thương nghiệp hiện nay.

Giữa bầu không khí này của sự nhộn nhịp phổ biến trong công nghiệp, của sự chu chuyển nhanh chóng trong thương mại, của sự thở ơ chính trị, các chính đảng trong nghị viện đã thoát khỏi mọi sức ép bên ngoài đang hoàn thành một cách hoàn toàn yên tĩnh quá trình giải thể của chúng.

"Phái Pin và phái Rốt-xen hiện nay đang có sức hút mạnh nhất đối với nhau. Phái Pin, những "nhà hoạt động nhà nước" không thể thiếu được ấy chỉ dựa vào lực lượng bản thân thì chẳng làm nên chuyện gì hết, giờ đây đang cố sức làm thân với giới cầm quyền. Chỉ cần nhìn qua, chẳng hạn, cơ quan ngôn luận của họ, tờ "Morning Chronicle", đã ca tụng như thế nào bài diễn văn hết sức tầm thường của huân tước Giôn Rốt-xen ở Pếc-tơ thì sẽ rõ!"

Tờ "Morning Herald"[272], cơ quan bán chính thức của chính phủ đã nói như vậy.

Trái lại, tờ "Guardian" [273] bác lại rằng chỉ cần nghe Bộ trưởng thương nghiệp, ông Hen-li, nói gì về phái Pin với đám bạn bè chủ trại của ông ta tại xưởng lúa mạch ở Ban-be, là đủ.

"Đảng này" - ông Hen-li nói - "có những nguyên tắc riêng của nó và trung thành với những nguyên tắc ấy. Vấn đề mậu dịch tự do hay là thuế quan bảo hộ là vấn đề chưa được giải quyết và chỉ có nghị Rô-bớc Pin quá cố mới biến nó thành vấn đề đảng phái".



Ông Hen-li - tờ "Guardian" viết - bàn về phái Pin với lòng tôn trọng và khẳng định rằng "hiện nay không còn có trở ngại nghiêm trọng cho việc thống nhất *đảng bảo thủ vĩ đại*". Chính vì vậy - tờ "Guardian" thốt lên - chúng ta hãy gạt chính sách thuế quan bảo hộ sang một bên và hãy khôi phục đảng bảo thủ! Nói cách khác, tờ "Guardian" cho rằng phái Pin sẵn sàng - trong chừng mực vấn đề luật ngũ cốc không còn là đối tượng tranh luận nữa - tham gia liên minh phản động với đảng To-ri. Còn tờ "Daily News" thì đưa tin một bộ phận của phái Pin đã chuyển sang phe Đốc-bi như là một chuyện đã rồi. Song người ta cũng hoài nghi một số phần tử đảng Vích cũng làm cái chuyện mất thể diện đó và điều này chẳng có gì là lạ khi ta chú ý rằng hạt nhân quý tộc của nó là một bọn mưu cầu danh lợi. Hãy lấy huân tước Đan-hu-đi làm ví dụ. Ngài này là bộ trưởng của Pin trong thời kỳ chấp chính tự do chủ nghĩa của ông ta. Sau khi Pin đổ, Rốt-xen lại xếp cho huân tước ấy một ghế trong nội các mới. Cùng với công tước Niu-ca-lơ, huân tước Xanh Giéc-man-xơ và những thành viên khác của chính phủ cũ, ông ta đã ủng hộ mọi thủ đoạn của đảng Vích tại thượng viện và do đó được bổ làm toàn quyền Ấn Độ khi ghế này trống, đó là cái giải độc đắc trong cuộc xổ số của bọn đầu sỏ cầm quyền. Với chức vị đó, ông ta đã biết cách vớ được những món lợi vật chất hết sức khổng lồ. Đảng Vích khoác lác về sự hy sinh "chưa từng có" của họ khi họ từ chối không trao cho những người tâm phúc nhất của mình cái chức vụ mà mọi người rất mực mong muốn ấy. Giờ đây, miếng mồi đặt trước huân tước Đan-hu-đi là chức tổng đốc năm cảng,[274] một chức nhàn hạ hàng năm đem lại thu nhập hàng ngàn đồng. Nghe nói con người đáng kính ấy không vì tài sản để lại mà quá bận lòng, và cho rằng nghĩa vụ yêu nước của mình là bảo đảm cho chức vị ấy không xảy ra chuyện gì bất ngờ ngay cả trong thời kỳ nội các Đốc-bi.

Trên báo chí thuộc khuynh hướng tự do tuần này, chúng ta có thể thấy hàng chục chuyện như thế đăng trong mục chronique scandaleuse[1*], những tin đáng ngờ về việc một đảng viên nào đó

1* - tin vắn bê bối

của đảng Vích thương lượng cái giá tối thiểu để họ sẵn sàng chạy sang đảng To-ri. Những chuyện đó chứng minh sự cực kỳ thối nát của đảng Vích; nhưng xét về tầm quan trọng thì chúng đã lùi xuống hàng thứ yếu so với sự chia rẽ giữa hai lãnh tụ chính của đảng này là Rốt-xen và Pan-mớc-xtơn. Trước đây ít lâu, chúng ta đã biết một số sự kiện có liên quan đến cuộc tranh cử vừa qua; sự ủng hộ của Pan-mớc-xtơn đối với các ứng cử viên của phe chính phủ trong cuộc tranh cử ấy theo cách nói của chính báo chí của phái tự do xem ra rất kỳ quặc. Nhưng giờ đây, có một hôm, tờ "Morning Post " [275], cơ quan ngôn luận của chính Pan-mớc-xtơn, đăng một bài xã luận đưa tin đồn rằng hình như Pan-đớc-xtơn, dự định hoặc tham gia nội các với tư cách bộ trưởng và lãnh tụ hạ viện hoặc trong trường hợp nội các Đớc-bi sụp đổ nhanh chóng thì thành lập một nội các mới gồm những người còn sót lại của nội các cũ mà không quá ư "khó tiếp nhận". Cho rằng những tin đồn ấy nhìn chung là rất đáng mừng, tờ "Morning Post" đồng thời tuyên bố rằng nó phát biểu không phải nhân danh huân tước Pan-mớc-xtơn mà là nhân danh chính bản thân nó. Nhưng bất chấp tất cả những yêu cầu khẩn khoản và thậm chí có tính chất quấy rầy của báo chí đảng Vích và phái tự do, Pan-mớc-xtơn vẫn cho rằng không cần bác bỏ cái tin tức dụng chạm đến danh dự ông ta ấy. Tờ "Morning Chronicle" của phái Pin nói về những tin đồn ấy bằng cái giọng chứng tỏ rõ ràng rằng tư tưởng hòa nhập như thế không gây ra horror vacui[1*] nào cho Glát-xtôn và đồng bọn. Tờ "Daily News", tờ báo của trường phái Man-se-xtơ, công bố sự việc ấy và công phẫn yêu cầu những kẻ thay lòng đổi dạ trong đảng Vích và phái Pin hãy công khai chuyển sang phe Đớc-bi. Như thế là chúng ta thấy rằng mỗi một *phe nhóm* trong nghị viện cho tới nay vẫn thay nhau cầm lái quốc gia đều không tín nhiệm mọi phe nhóm khác cũng như các thành viên của chính nó, tất cả các phe nhóm ấy đều buộc tội nhau là dào ngũ, tham nhũng, thỏa hiệp, song tất cả, không trừ một phe nhóm nào, đều thừa nhận

1* - sự sợ hãi trước cái chết (nguyên văn: sự sợ hãi cái trống rỗng)



rằng nếu gạt vấn đề các đạo luật về ngũ cốc ra ngoài thì không có cái gì cản trở họ liên hợp với phe Đớc-bi ngoài tư thù và tính hiếu danh cá nhân. Lập trường của họ đối với Đớc-bi na ná lập trường của các phái khác nhau trong đảng trật tự đối với Bô-na-pác-tơ trước ngày 2 tháng Chạp năm ngoái.

Điều dễ hiểu là đảng đối lập tỏ ra nhát gan khi chờ đợi cuộc vận động bầu cử vào nghị viện sắp tới.

Giôn Rốt-xen bé nhỏ được tặng tấm bằng công dân danh dự thành phố Péc-tơ để trong một chiếc hộp con, và sau bữa tiệc trưa thịnh soạn, ông ta đã đọc một bài diễn văn ngắn để cảm tạ mà phần quan trọng nhất là tuyên bố như sau:

"Chính nghĩa buộc chúng ta - tôi cho rằng ở mức độ mà *lý trí* nhắc nhủ chúng ta - phải *chờ đợi có những biện pháp mà nhờ đó lợi ích của nông nghiệp*, của hoạt động thuộc địa và của hàng hải có được sự thỏa mãn mà cho tới nay nó vẫn bị cự tuyệt một cách vô lý (tiếng cười); những biện pháp tuyệt vời ấy có sứ mệnh chấm dứt cuộc đấu tranh lâu dài".

Tờ nhật báo duy nhất mà Rốt-xen còn chi phối được, tờ "Globe" (báo ra buổi chiều) [276] đã bình luận lời phát biểu trên như sau: "Bất cứ đảng đối lập nào giống như đảng đã đứng ra phản đối ngài R.Pin năm 1835 đều không tránh khỏi thất bại do cuộc cạnh tranh giữa các lãnh tụ phái tự do". Vì vậy ngay sau khi khai mạc kỳ họp nghị viện, người ta đã hoàn toàn từ bỏ ý đồ lật đổ nội các Đớc-bi bằng cuộc bỏ phiếu nhất trí của phái đối lập liên hợp, còn huân tước Giôn Rốt-xen vẫn đóng vai người đầu tiên ra hiệu rút lui. Về triển vọng chung của đảng đối lập ở nghị viện, lãnh tụ của nó, ông G.Hi-um đã thừa nhận như sau trong bức thư gửi tờ "Hull Advertiser":

"Kinh nghiệm của tôi về các nghị sĩ Ai-rơ-len cho tới nay vẫn hợp ở hạ viện nói lên rằng họ tuyệt nhiên không phải là hạng người dễ đi theo và giữ vững một lập trường nhất định do ảnh hưởng của lãnh tụ này hay lãnh tụ khác. Các nghị sĩ Ai-rơ-len quá ư gần dỗ, quá ư nóng nảy và quá chú ý đến sự sỉ nhục và tai họa của Ai-rơ-len. Theo tôi biết, cho đến nay, họ chưa có một cố gắng nào để liên hợp với phái tự do có thái độ không tín nhiệm đối với hành động của chính phủ Đớc-bi. Khi tôi nghe thấy những lời tuyên bố rỗng tuếch của những người đi trước huân tước Đớc-bi" (đảng Vích) "và thấy rằng họ có ý định rút lui [vì] muốn bảo vệ sự nghiệp của nhân dân bằng cách kêu gọi những người

ủng hộ cải cách liên hợp với họ thì tôi không thể giữ gắm sự tín nhiệm đặc biệt đối với tất cả những điều mà họ có thể tiến hành để liên hợp các đảng phái. Tôi lo rằng có lẽ người ta phải để mặc cho những người ấy lập đi lập lại điệu nhạc cũ rích của họ trong khi phái Đốc-bi vẫn bằng mọi cách lạm dụng quyền lực như trước kia để bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp của mình và đem lại lợi ích cho những người ủng hộ mình. Tình hình như vậy sẽ còn tiếp tục *một thời gian dài trước khi* xuất hiện một khả năng nào đó để thành lập một đảng nhân dân".

Trong diễn văn đọc trước các chủ xưởng ở Ben-phát tại một bữa tiệc đặc biệt, Giôn - Brai-tơ, người cầm đầu hiện nay của trường phái Man-se-xtơ, quả thực đã cố nịnh nọt các nghị sĩ Ai-rơ-len để làm dịu ác cảm mà sự công kích của Giô-dép Hi-um đối với họ đã gây ra. Nhưng về tất cả những vấn đề liên quan đến kỷ luật của nghị viện, ý kiến của "lão Giô" vẫn là ý kiến có quyền uy.

Thế là, đảng đối lập ở nghị viện đã hoàn toàn mất lòng tin đối với bản thân.

Thật vậy, đảng đối lập cũ trong nghị viện đã tàn tạ đến mức Nexto-rơ[274] của nó, Hi-um hiện nay vào cuối bước đường công danh kéo dài của mình đã công khai tuyên bố rằng ở hạ viện không có "đảng nhân dân", còn cái vẫn mang tên ấy chỉ là "ảo giác" mà thôi.

Vậy là sự tan rã, yếu đuối và bất lực phổ biến đang bao trùm phe đối lập.

*Do C.Mác viết ngày 16 tháng Mười 1852*
*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 3625, 29 tháng Mười một 1852*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

*Ký tên: C á c M á c*



C. MÁC

# NHỮNG MƯU ĐỒ THÀNH LẬP MỘT ĐẢNG ĐỐI LẬP MỚI [278]

Luân Đôn, thứ ba, ngày 9 tháng Mười một 1852

Cùng với sự giải thể của các chính đảng đã chiếm địa vị thống trị cho đến nay và sự tiêu tan những đặc trưng của chúng thì tự nhiên là người ta ngày càng cảm thấy cần có một đảng đối lập mới. Nhu cầu này được thể hiện theo nhiều cách khác nhau.

Trong bài diễn văn nói trên của mình, huân tước Giôn Rớt-xen là người khởi xướng ra vấn đề ấy [1*]. Ông ta tuyên bố rằng hiệu còi báo động mà huân tước Đốc-bi kéo lên, một phần nảy sinh từ những tin đồn gán cho ông ta, huân tước Giôn Rớt-xen, là có "quan điểm dân chủ cực đoan". "Dương nhiên, về điểm ấy tôi không cần phải chỉ rõ rằng những tin đồn ấy là hoàn toàn vô căn cứ và chẳng có cơ sở gì cả". Nhưng dẫu sao ông ta cũng tự tuyên bố mình là nhà dân chủ và ngay sau đó giải thích ý nghĩa vô thưởng vô phạt của từ này.

"Dân chủ của đất nước nói cách khác có nghĩa là nhân dân của nước ấy. Không nghi ngờ gì, dân chủ cũng có quyền hưởng những quyền lợi của mình như quân chủ và quý tộc. Dân chủ không có ý định xâm phạm bất cứ đặc quyền nào của hoàng gia. Dân chủ không mưu đồ thủ tiêu bất cứ đặc quyền hợp pháp nào của thượng viện. Vậy dân chủ ấy là gì? Đó là sự tăng thêm của cải, tăng thêm trí lực, là sự hình thành các quan điểm có học vấn hơn và thích hợp hơn với việc cai trị thế giới bằng phương pháp khai sáng. Nhưng tôi còn muốn nói thêm nữa. Tôi muốn nói rằng trong tình hình vị trí của dân chủ được

1* - Xem tập này, tr.514-515.

ủng hộ cải cách liên hợp với họ thì tôi không thể gửi gắm sự tín nhiệm đặc biệt đối với tất cả những điều mà họ có thể tiến hành để liên hợp các đảng phái. Tôi lo rằng có lẽ người ta phải để mặc cho những người ấy lập đi lập lại điệu nhạc cũ rích của họ trong khi phái Đốc bi vẫn bằng mọi cách lạm dụng quyền lực như trước kia để bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp của mình và đem lại lợi ích cho những người ủng hộ mình. Tình hình như vậy sẽ còn tiếp tục *một thời gian dài trước khi* xuất hiện một khả năng nào đó để thành lập một đảng nhân dân".

Trong diễn văn đọc trước các chủ xưởng ở Ben-phát tại một bữa tiệc đặc biệt, Giôn - Brai-tơ, người cầm đầu hiện nay của trường phái Man-se-xtơ, quả thực đã cố nịnh nọt các nghị sĩ Ai-rơ-len để làm dịu ác cảm mà sự công kích của Giô-dép Hi-um đối với họ đã gây ra. Nhưng về tất cả những vấn đề liên quan đến kỷ luật của nghị viện, ý kiến của "lão Giô" vẫn là ý kiến có quyền uy.

Thế là, đảng đối lập ở nghị viện đã hoàn toàn mất lòng tin đối với bản thân.

Thật vậy, đảng đối lập cũ trong nghị viện đã tàn tạ đến mức Nexto-rơ[277] của nó, Hi-um hiện nay vào cuối bước đường công danh kéo dài của mình đã công khai tuyên bố rằng ở hạ viện không có "đảng nhân dân", còn cái vẫn mang tên ấy chỉ là "ảo giác" mà thôi.

Vậy là sự tan rã, yếu đuối và bất lực phổ biến đang bao trùm phe đối lập.

*Do C.Mác viết ngày 16 tháng Mười 1852*
*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 3625, 29 tháng Mười một 1852*

*Ký tên: C á c M ă c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC

## NHỮNG MƯU ĐỒ THÀNH LẬP MỘT ĐẢNG ĐỐI LẬP MỚI [278]

Luân Đôn, thứ ba, ngày 9 tháng Mười một 1852

Cùng với sự giải thể của các chính đảng đã chiếm địa vị thống trị cho đến nay và sự tiêu tan những đặc trưng của chúng thì tự nhiên là người ta ngày càng cảm thấy cần có một đảng đối lập mới. Nhu cầu này được thể hiện theo nhiều cách khác nhau.

Trong bài diễn văn nói trên của mình, huân tước Giôn Rớt-xen là người khởi xướng ra vấn đề ấy [1*]. Ông ta tuyên bố rằng hiệu còi báo động mà huân tước Đốc-bi kéo lên, một phần nảy sinh từ những tin đồn gán cho ông ta, huân tước Giôn Rớt-xen, là có "quan điểm dân chủ cực đoan". "Đương nhiên, về điểm ấy tôi không cần phải chỉ rõ rằng những tin đồn ấy là hoàn toàn vô căn cứ và chẳng có cơ sở gì cả". Nhưng dẫu sao ông ta cũng tự tuyên bố mình là nhà dân chủ và ngay sau đó giải thích ý nghĩa vô thưởng vô phạt của từ này.

"Dân chủ của đất nước nói cách khác có nghĩa là nhân dân của nước ấy. Không nghi ngờ gì, dân chủ cũng có quyền hưởng những quyền lợi của mình như quân chủ và quý tộc. Dân chủ không có ý định xâm phạm bất cứ đặc quyền nào của hoàng gia. Dân chủ không mưu đồ thủ tiêu bất cứ đặc quyền hợp pháp nào của thượng viện. Vậy dân chủ ấy là gì? Đó là sự tăng thêm của cải, tăng thêm trí lực, là sự hình thành các quan điểm có học vấn hơn và thích hợp hơn với việc cai trị thế giới bằng phương pháp khai sáng. Nhưng tôi còn muốn nói thêm nữa. Tôi muốn nói rằng trong tình hình vị trí của dân chủ được

1* - Xem tập này, tr.514-515.

*tộc*. Đảng này muốn biến quyền phổ thông đầu phiếu thành khẩu hiệu *duy nhất* của mình thay cho Hiến chương nhân dân, do đó nó đã vứt bỏ chính những điều kiện mà chỉ có chúng mới có thể biến phong trào đòi quyền phổ thông đầu phiếu thành phong trào dân tộc và bảo đảm cho phong trào này sự ủng hộ của nhân dân. Dưới đây tôi sẽ còn có dịp trở lại vấn đề đảng dân tộc này. Nó gồm những thành viên cũ của phái Hiến chương muốn ghép mình vào *giới đạo cao đức trọng*, cũng như gồm những phần tử cấp tiến, những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản muốn chi phối phong trào Hiến chương. Đứng phía sau họ - dù "các nhà dân tộc chủ nghĩa" có nhận thức được điều này hay không - là những kẻ ủng hộ cải cách tài chính và cải cách nghị viện, là các môn đồ của trường phái Man-se-xtơ, những kẻ đang xô đẩy và lợi dụng họ làm đội tiền vệ của mình.

Vì vậy, mọi người đều thấy rõ rằng tất cả những sự thỏa hiệp và phản bội bỉ ổi ấy, tất cả những sự theo đuổi lợi ích nhỏ mọn ấy tất cả những sự dao động và thủ đoạn bịp bợm ấy chỉ chứng minh rằng Ca-ti-li-na đã đứng trước cửa, rằng cuộc đấu tranh có tính chất quyết định đang đến gần, rằng đảng đối lập đã nhận thức được là mình không được hoan nghênh và không có sức chống cự, rằng mọi mưu đồ thành lập những trung tâm phòng ngự mới chỉ gặp nhau ở một điểm gọi là "chính sách thụt lùi". "Đảng dân tộc" thụt lùi từ Hiến chương đến quyền phổ thông đầu phiếu; Giô Hi-um - từ quyền phổ thông đầu phiếu đến bỏ phiếu kín, những người khác - từ bỏ phiếu kín đến chia đều các khu vực bầu cử và cứ thế cho đến khi cuối cùng chúng ta gặp được Giôn-ni Rốt-xen, ông ta không tìm được cái gì làm khẩu hiệu ngoài một danh từ trần trụi: dân chủ. Cái dân chủ của huân tước Giôn Rốt-xen trên thực tế là lời nói cuối cùng của cả đảng dân tộc, cả "đảng nhân dân" của Hi-um lẫn tất cả những đảng hữu danh vô thực khác, miễn là chúng còn có đôi chút dấu hiệu của sự sống.

Sự uể oải và thờ ơ về chính trị do thời kỳ phồn vinh vật chất sinh ra đi đôi với sự lo ngại rằng đảng To-ri vẫn mưu tính một



cái gì xấu xa, việc các lãnh tụ của giai cấp tư sản nhận thấy họ sắp sửa cần đến sự ủng hộ của nhân dân đi đôi với việc một số lãnh tụ có tiếng tăm nhận thức được rằng nhân dân quá ư lạnh nhạt nên không thể phát động ngay lúc này một phong trào độc lập, tất cả tình hình đó đưa tới chỗ các đảng đều mưu toan nhích lại gần nhau, các phái khác nhau của đảng đối lập bên ngoài nghị viện, từ cấp tiến nhất cho đến ít cấp tiến nhất, đều cố gắng đạt tới sự liên minh bằng cách nhượng bộ lẫn nhau cho đến cuối cùng họ trở về cái mà huân tước Rốt-xen ưa gọi là dân chủ.

Về những mưu toan thành lập cái gọi là "đảng dân tộc", Éc-nextơ Giôn-xơ đã nhận xét đúng đắn như sau:

"Hiến chương nhân dân là biện pháp toàn diện nhất có thể tiến hành trong lĩnh vực cải cách chính trị, và phái Hiến chương là đảng dân tộc chân chính duy nhất ở Anh mong muốn có những cải cách chính trị và xã hội".

Còn R.G. Gam-mét-đơ, một trong những ủy viên Ban chấp hành phong trào "Hiến chương" [280] đã kêu gọi nhân dân như sau:

"Các bạn sự tuyệt hợp tác với giai cấp tư sản chăng? Đương nhiên là không, nếu như sự hợp tác đó được đưa ra trên cơ sở những điều kiện công bằng và danh dự. Những điều kiện đó là gì? Chúng rất đơn giản và có thể tiếp nhận được. Hãy thừa nhận Hiến chương và khi đã thừa nhận rồi thì hãy liên hợp với những người bạn của Hiến chương là những người đã được tổ chức lại để thực hiện Hiến chương. Nếu các bạn từ chối điều đó thì các bạn hoặc giả là kẻ phản đối bản thân Hiến chương, hoặc giả kiêu ngạo về ưu thế giai cấp của mình, tưởng rằng cái ưu thế đó sẽ đem lại cho các bạn quyền nắm vai trò lãnh đạo. Trong trường hợp thứ nhất, không một thành viên trung thực nào của phái Hiến chương có thể liên minh với các bạn, trong trường hợp thứ hai, sẽ không có một công nhân nào chịu hạ thấp phẩm giá của mình tới mức phủ phục trước những thiên kiến giai cấp của các bạn. Mong rằng công nhân chỉ tin vào lực lượng của chính mình tuy có tiếp nhận sự giúp đỡ thành thực của bất cứ ai, nhưng trong hành động của mình, họ cần luôn luôn theo phương châm là sự cứu vớt họ tùy thuộc vào những cố gắng của bản thân họ".

Quần chúng phái Hiến chương hiện giờ cũng bị nền sản xuất vật chất lôi cuốn. Nhưng hạt nhân của đảng được tổ chức lại ở khắp nơi và các mối liên hệ được khôi phục lại ở Anh cũng như ở Xcốt-len. Nếu xảy ra khủng hoảng thương nghiệp và chính trị, thì hoạt động hiện nay của bộ tổng tham mưu phái Hiến chương

đang được tiến hành một cách lặng lẽ, sẽ biểu lộ ý nghĩa của nó trên khắp nước Anh.

*Do C.Mác viết ngày 16 tháng Mười 1852*

*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3622, ngày 25 tháng Mười một 1852*

*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC

## CÔ-SÚT, MÁT-DI-NI VÀ LU-I -NA-PÔ-LÊ-ÔNG

*GỬI TỔNG BIÊN TẬP BÁO "NEW - YORK TRIBUNE"*

Thưa ngài!

Bài viết của tôi ngày 28 tháng Chín đã đưa ra những sự thực phơi bày trước ánh sáng hoạt động của Cô-sút và Mát-di-ni [1*] nên đã gây ra, theo tôi biết, nhiều sự trách cứ và tạo cho báo chí phái dân chủ cái cớ để tuôn ra hàng lô những lời khoa trương rỗng tuếch, những lời nguyền rủa và đe dọa rùm beng.

Tôi biết chắc rằng Cô-sút không tham gia tí nào vào cái chiến dịch om sòm ấy. Nếu như ông ta đích thân đứng ra bác bẻ các tin tức của tôi thì tôi sẽ trở lại những tin tức ấy và đưa ra những chứng cớ để chứng minh một cách không bác bẻ được tính chất xác thực của những sự việc đã nêu lên.

Song tôi viết bài ấy để *cảnh cáo* Cô-sút hơn là để phản đối ông ta. Trong chính trị, vì một mục đích nhất định, người ta có thể liên minh cả với quỷ dữ - có điều cần phải biết chắc rằng anh dẫn dắt quỷ, chứ không phải quỷ dẫn dắt anh.

Còn như cái vị bác bẻ tôi *căn cứ vào nguồn tài liệu đáng tin cậy*, thì tôi muốn nhắc ông ta câu ngạn ngữ cũ: Amicus incommodus ab inimico non differt [2*].

1* Xem tập này, tr.489-492.

2* - Một người bạn vụng về không khác gì kẻ thù (tương tự như ngạn ngữ Nga: tên ngốc ăn cắn còn nguy hiểm hơn kẻ thù).

Đối với các ngài thuộc báo chí phái dân chủ, đặc biệt là báo chí phái dân chủ Đức, thường vẫn hét to hơn ai hết, thì tôi xin nói rằng bụng dạ tất cả bọn họ đều là những kẻ bảo hoàng cuồng tín. Những ngài ấy không thể sống không có quốc vương, thượng đế và giáo hoàng. Vừa mới thoát khỏi sự giám hộ của bọn thống trị cũ của mình, họ đã tự tạo ra những bọn thống trị mới và nổi cơn lôi đình đối với "những tín đồ đa thần giáo và bọn phiến loạn" là những người tự bôi nhọ mình vì công bố những sự thật đáng buồn và phơi bày những sự việc làm tổn thương danh dự, do đó đã xúc phạm đến sự cao cả - và thiêng liêng của các đức vua và các vị thần vừa mới xuất hiện của nền dân chủ.

Luân Đôn, ngày 16 tháng Mười một 1852

***Phóng viên đặc biệt của Ngài***

*Do C. Mác viết*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune"*
*số 3627, ngày 1 tháng Chạp 1852*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

## TUYÊN BỐ CUỐI CÙNG VỀ VỤ ÁN MỚI ĐÂY Ở KHUÊN

*GỬI TỔNG BIÊN TẬP TỜ "MORNING ADVERTISER"*

Thưa ngài!

Để làm tròn trách nhiệm đối với bản thân và đối với bạn hữu của mình hiện đang bị kết án ở Khuên, chúng tôi, những người ký tên dưới đây, thấy cần phải đưa ra trước công chúng Anh những sự thực sau đây có liên quan đến vụ án quái gở mới đây diễn ra ở thành phố trên và không được giải thích đầy đủ trên báo chí Luân Đôn.

Người ta đã mất mười tám tháng trời chỉ để tìm cho được những chứng cớ cho vụ án ấy. Trong suốt thời gian đó, bạn hữu của chúng tôi bị giam riêng từng người và họ không được làm bất cứ việc gì, ngay cả đọc sách; ốm đau không được sự điều trị cần thiết, trong trường hợp được chạy chữa thì họ đã ở vào tình trạng thuốc men không ăn thua gì nữa rồi. Thậm chí sau khi đã đưa "bản cáo trạng" người ta vẫn cấm họ không được liên hệ với người bào chữa cho mình, đấy là sự vi phạm pháp luật một cách trắng trợn. Còn những cái cớ người ta vin vào để giam cầm họ lâu dài và khắc nghiệt như vậy là gì? Hết 9 tháng đầu, "Viện công tố" tuyên bố rằng không có căn cứ để khởi tố, do đó phải thẩm cứu lại từ đầu. Thế là bắt đầu thẩm cứu lại. Qua ba tháng nữa, khi bồi thẩm mở phiên tòa, ủy viên công tố thoái thác rằng số lượng

chứng cớ nhiều đến mức cho đến nay ông ta chưa thể nắm vững hết được. Hết ba tháng tiếp theo, phiên tòa lại phải hoãn vì rằng một nhân chứng chính của bên nguyên bị ốm.

Nguyên nhân thực sự của mọi sự dây dưa ấy là chính phủ Phổ sợ rằng "những sự khám phá chưa từng thấy" mà nó đã từng công bố long trọng như thế không chịu đựng nổi thử thách trước những sự thực nghèo nàn đến như vậy. Cuối cùng chính phủ đã lựa chọn được thành phần của tòa bồi thẩm cho tới nay chưa từng thấy ở tỉnh Ranh: gồm có 6 quý tộc phản động, 4 đại biểu của haute finance[1*] và hai nhân vật đang giữ chức vụ cao.

Những chứng cớ đưa ra trước tòa bồi thẩm ấy là gì ? Chỉ là lèo tèo mấy bản kêu gọi và thư từ lăng nhăng do một nhúm các nhà ảo tưởng dốt nát bịa đặt ra, những kẻ âm mưu muốn lên mặt, đồng thời là kẻ đồng mưu và là công cụ của một tên Séc-van nào đó, một nhân viên rõ ràng của cảnh sát. Trước đó, phần lớn những tài liệu này đã nằm trong tay một người nào đó tên là Ô-xvan-đơ Đít-xơ ở Luân Đôn. Trong thời gian triển lãm quốc tế,[281] khi Đít-xơ vắng nhà, cảnh sát Phổ đã phá ngăn kéo bàn viết của anh ta, do đó vớ được những tài liệu cần thiết bằng con đường đánh cắp thông thường. Những tài liệu ấy trước hết được dùng để phát giác cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức ở Pa-ri[282] . Những cuộc tranh luận trước tòa án ở Khuên hiện nay chứng minh rằng những kẻ âm mưu ấy và Séc-van, tay sai của họ ở Pa-ri, chính là dịch thủ chính trị của các bị cáo và bạn hữu của họ ở Luân Đôn có ký tên dưới đây. Nhưng ủy viên công tố lại quả quyết rằng chỉ có sự xích mích thuần túy cá nhân đã cản trở các bị cáo và bạn hữu của họ ở Luân Đôn tham gia vụ âm mưu của Séc-van và bọn đồng mưu của hắn. Người ta hy vọng dùng luận cứ như thế để chứng minh sự tòng phạm về tinh thần của các bị cáo ở Khuên trong vụ âm mưu ở Pa-ri. Trong khi người ta bắt các bị cáo ở Khuên phải chịu trách nhiệm về hoạt động của kẻ thù công khai của họ thì các bạn hữu hiển nhiên và bọn đồng mưu của Séc-van lại được chính phủ đưa ra tòa không phải với tư cách bị cáo, mà là với tư cách nhân chứng để đưa ra những chứng cớ chống lại

1* - quý tộc tài chính



bị cáo. Tất cả những cái đó xem ra rất bỉ ổi. Công luận đã buộc chính phủ phải tìm kiếm những chứng cớ rõ ràng hơn. Tất cả bộ máy cảnh sát đã được huy động dưới sự chỉ huy của một người tên gọi Sti-bơ, nhân chứng chính cho việc buộc tội ở Khuên, cố vấn cảnh sát hoàng gia và cục trưởng cảnh sát hình sự Béc-lin. Tại phiên tòa ngày 23 tháng Mười, Sti-bơ tuyên bố rằng một liên lạc viên đặc biệt từ Luân Đôn đến trao cho hắn những tài liệu đặc biệt quan trọng chứng minh không thể bác bỏ được sự tham gia của các bị cáo cùng với những người ký tên dưới đây vào vụ âm mưu mà hắn tố cáo. "Trong số những văn kiện khác, người liên lạc này đã trao cho hắn cuốn sổ thực ghi biên bản các cuộc họp của hội bí mật dưới quyền chủ tọa của tiến sĩ Mác, người mà các bị cáo có trao đổi thư từ". Nhưng trong những lời cung chứng đầy rẫy mâu thuẫn của mình, Sti-bơ đã lẩm lẫn về ngày tháng mà người liên lạc của hắn đến chỗ hắn. Khi tiến sĩ Snai-đơ, người bào chữa chính của các bị cáo, trực tiếp buộc tội Sti-bơ là làm chứng giả thì hắn không dám đưa ra câu trả lời nào khác hơn là trưng ra cái chức hiệu của mình là người đại diện của quốc vương được các nhà đương cục tối cao của quốc gia trao cho một sứ mệnh cực kỳ quan trọng. Còn về cuốn sổ ghi biên bản thì Sti-bơ đã hai lần tuyên thệ rằng nó là "cuốn sổ thực ghi biên bản của hội cộng sản ở Luân Đôn", nhưng sau đó, khi bị bên bào chữa dồn đến chỗ bí, hắn phải thừa nhận rằng cuốn sổ ấy có thể chỉ là cuốn sổ ghi chép mà một tên mật vụ của hắn bắt được. Sau hết, qua những lời cung chứng của chính hắn, người ta thấy rằng cuốn sổ ghi biên bản ấy là một sự giả mạo có tính toán trước và gốc tích là do ba tên tay sai của Sti-bơ ở Luân Đôn là Grây-phơ, Phlơ-ry và Hiếc-sơ tạo ra. Sau đó, chính Hiếc-sơ thừa nhận rằng y đã lập ra cuốn sổ đó dưới sự chỉ đạo của Phlơ-ry và Grây-phơ. Điều đó đã được chứng minh ở Khuên rõ ràng đến mức ngay cả ủy viên công tố cũng tuyên bố rằng tài liệu hết sức quan trọng ấy của Sti-bơ là "một cuốn sổ hết sức tai hại", một sự giả mạo thuần túy. Chính nhân vật đó đã không chịu thừa nhận rằng đáng phải lưu ý đến cái bức thư vốn là một trong những chứng cớ do phía buộc tội đưa ra, trong bức thư này người ta đã bắt chước nét bút của tiến sĩ Mác; tài liệu này cũng là một chứng cớ giả mạo lộ liễu và vụng về. Cũng vậy, mọi tài liệu khác được đưa ra để chứng minh không

phải những ý định cách mạng mà là sự tham gia thực sự của các bị cáo vào một cái gì đó dù là hơi giống một vụ âm mưu, đều biến thành những bằng chứng về sự giả mạo của cảnh sát. Chính phủ sợ bị vạch mặt đến mức không những bắt bưu cục phải giữ lại tất cả những tài liệu gửi cho những người bào chữa, mà còn sai Sti-bơ dọa dẫm họ, đe rằng sẽ truy tố về việc "trao đổi thư từ phạm tội" với những người ký tên dưới đây.

Mặc dù hoàn toàn thiếu những chứng cớ xác đáng, song nếu như người ta vẫn tuyên án kết tội được - thậm chí với một thành phần bồi thẩm như vậy - thì chỉ là do bộ luật hình mới được áp dụng như là một đạo luật dường như có hiệu lực hồi tố; nếu vận dụng pháp luật như thế thì ngay cả tờ "Times" và Hội hòa bình cũng có thể bị đưa ra tòa bất cứ lúc nào vì bị buộc cho cái tội đáng sợ là phản quốc. Ngoài ra, vụ án ở Khuên do kéo dài như vậy và do những thủ đoạn không bình thường mà bên khởi tố sử dụng nên đã mang tính chất một vụ án lớn tới mức nếu tuyên bố trắng án cho bị cáo thì coi như kết án chính phủ và ở tỉnh Ranh đã lan tràn rộng rãi ý kiến cho rằng hậu quả của việc tuyên bố trắng án là sự thủ tiêu tức khắc chính cái thiết chế tòa án bồi thẩm.

Xin kính chào Ngài
***Ph.Ăng-ghen,***
***Ph.Phrai-li Grát,***
***C. Mác,***
***V.Vôn-phơ***

Luân Đôn, ngày 20 tháng Mười một 1852

*Do C.Mác và Ph. Ăng-ghen viết*

*Đã đăng trên báo "Morning Advertiser", số 19168, ngày 29 tháng Mười một 1852*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# PH. ĂNG-GHEN

## VỤ ÁN MỚI ĐÂY Ở KHUÊN [283]

Luân Đôn, thứ tư, ngày 1 tháng Chạp 1852

Chắc là qua báo chí châu Âu, các bạn đã nhận được nhiều bản tin về vụ án quái dản ở Khuên thuộc Phổ chống những người cộng sản và về kết cục của nó. Nhưng vì không một bản tin nào trong số đó trình bày những sự kiện dù chỉ là đúng một chút thôi, và vì những sự kiện ấy phơi bày ra ánh sáng những thủ đoạn chính trị mà người ta dùng để giam hãm lục địa châu Âu trong vòng nô lệ, nên tôi thấy cần phải trình bày lại vụ án đó.

Vì quyền lập hội và hội họp bị thủ tiêu, đảng cộng sản hoặc vô sản, cũng như các chính đảng khác, đã mất khả năng thành lập tổ chức *hợp pháp* của mình ở lục địa. Hơn nữa, các lãnh tụ của nó đã bị trục xuất khỏi đất nước họ. Nhưng không một chính đảng nào có thể tồn tại mà lại không có tổ chức, và nếu như giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa cũng như giai cấp tiểu tư sản dân chủ, nhờ địa vị xã hội của họ, nhờ hoàn cảnh kinh tế thuận lợi của họ và những quan hệ thường ngày được xây dựng từ lâu giữa các thành viên của họ, cho nên trên một mức độ nhất định, có thể bù vào chỗ không có tổ chức hợp pháp ấy thì giai cấp vô sản, là giai cấp không có được địa vị xã hội giống như thế và không có những phương tiện tài chính giống như thế, sẽ chẳng còn cách nào hơn là phải có những tổ chức của mình dưới hình thức những tổ chức bí mật. Chính vì vậy mà ở Pháp, cũng như ở Đức, đã xuất hiện nhiều đoàn thể bí mật, và bắt đầu từ năm 1849, những đoàn

thể này đã bị cảnh sát lần lượt khám phá ra và bị truy nã như là những tổ chức âm mưu. Nhiều đoàn thể ấy, quả thực, là những tổ chức âm mưu, thực sự được thành lập nhằm mục đích lật đổ chính phủ đương thời - trong những hoàn cảnh nhất định, chỉ có những kẻ nhát gan mới không dám dùng những phương pháp âm mưu, cũng như trong những hoàn cảnh khác mà cứ bám lấy những phương pháp âm mưu thì lại là ngu xuẩn. Ngoài ra cũng có một số đoàn thể khác tự đặt ra cho mình những mục tiêu rộng hơn và cao hơn, - những đoàn thể này biết rõ rằng việc lật đổ chính phủ đương thời chỉ là một giai đoạn quá độ trong cuộc đấu tranh vĩ đại sắp tới, mong muốn đoàn kết xung quanh mình một đảng mà họ là hạt nhân của nó và chuẩn bị cho đảng đó bước vào trận quyết chiến cuối cùng, một trận quyết chiến nhất định sẽ thủ tiêu vĩnh viễn không những sự thống trị của bọn "bạo chúa", bọn "vua chúa chuyên chế" và "những kẻ tiếm ngôi" ở châu Âu, mà còn thủ tiêu cả một quyền lực lớn mạnh và đáng sợ không gì so sánh được: quyền lực của tư bản đối với lao động.

Tổ chức của đảng cộng sản tiên tiến ở Đức[284] là như vậy. Hành động theo những nguyên tắc của "Tuyên ngôn" của nó (công bố năm 1848) và theo những luận điểm đã trình bày trong loạt bài nhan đề *"Cách mạng và phản cách mạng* ở Đức" [1*] đăng trên tờ "New - York Daily Tribune", đảng ấy không bao giờ ôm ảo tưởng cho rằng nó có thể tùy tiện tiến hành, vào bất cứ lúc nào, cuộc cách mạng sẽ thực hiện những tư tưởng của mình. Đảng ấy nghiên cứu những nguyên nhân làm nổ ra những phong trào cách mạng năm 1848 và những nguyên nhân dưa đến thất bại của những phong trào ấy. Nhận định rằng những đối kháng giai cấp trong xã hội là cơ sở của mọi cuộc đấu tranh chính trị, đảng đi vào nghiên cứu những điều kiện trong đó một giai cấp xã hội có thể và phải nhận lấy sứ mệnh đại biểu cho toàn bộ lợi ích của một dân tộc và do đó lãnh đạo dân tộc ấy về mặt chính trị. Lịch sử đã chỉ rõ cho đảng cộng sản rằng: sau giới quý tộc ruộng đất thời trung cổ thì

1* Xem tập này, tr.11- 138.



thực lực tiền bạc của những nhà tư bản đầu tiên đã lớn lên và đoạt lấy chính quyền như thế nào, rằng ảnh hưởng xã hội và sự thống trị chính trị của bộ phận các nhà tư bản *tài chính* ấy, đã bị thế lực ngày một lớn mạnh, kể từ khi sử dụng hơi nước, của các nhà tư bản *công nghiệp* gạt bỏ như thế nào, rằng hiện nay, hai giai cấp khác - giai cấp tiểu tư sản và giai cấp công nhân công nghiệp - đang đòi hỏi quyền lực chính trị như thế nào. Kinh nghiệm cách mạng thực tế của những năm 1848 - 1849 đã chứng thực những quan điểm lý luận dẫn tới kết luận là trước hết, đến lượt phái dân chủ của giai cấp tiểu tư sản phải nắm chính quyền rồi thì giai cấp công nhân cộng sản chủ nghĩa mới có thể hy vọng nắm chính quyền của mình một cách liên tục và thủ tiêu chế độ nô lệ làm thuê đang duy trì họ dưới ách áp bức của giai cấp tư sản. Do đó tổ chức bí mật của những người cộng sản không thể có mục đích trực tiếp là lật đổ những chính phủ *hiện đang tồn tại* ở Đức. Tổ chức này được thành lập để lật đổ không phải những chính phủ ấy, mà là lật đổ cái chính phủ nổi loạn sớm muộn cũng phải thay thế mạng chính phủ ấy. Những thành viên của tổ chức này, về mặt cá nhân, có thể và nhất định sẽ tích cực ủng hộ một phong trào cách mạng chống status quo[1*]. Những *việc chuẩn bị* một phong trào như vậy bằng một phương pháp khác hơn là phương pháp bí mật truyền bá tư tưởng cộng sản trong quần chúng, thì không thể là nhiệm vụ của Liên đoàn những người cộng sản. Đại đa số thành viên của đoàn thể ấy hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản đó của đoàn thể đến mức khi mà tính hiếu danh và đầu óc trục lợi thúc đẩy một số thành viên mưu toan biến nó thành một đoàn thể âm mưu để tiến hành cách mạng ex tempore[2*], thì những thành viên ấy nhanh chóng bị khai trừ khỏi liên đoàn.

Không luật pháp nào trên thế giới có thể có căn cứ để gọi liên đoàn ấy là một tổ chức âm mưu, một đoàn thể bí mật được thành lập nhằm mục đích phản quốc. Nếu như đấy là tổ chức bí mật thì

1* - trật tự hiện tồn, tình hình hiện tại
2* - bất ngờ, không chuẩn bị trước

nó không phải nhằm chống chính phủ hiện hành, mà là chống lại kẻ kế thừa có thể có của chính phủ ấy. Và chính phủ Phổ biết rõ điều đó. Đấy chính là nguyên nhân khiến cho người ta giam riêng mười một bị cáo tại xà lim trong 18 tháng trời để cho các nhà chức trách dùng thời gian ấy thực hiện những mánh khóe pháp lý lạ lùng nhất. Bạn thử tưởng tượng rằng những can phạm sau khi đã bị giam giữ tám tháng rồi, lại còn bị giam giữ thêm nhiều tháng nữa để tiếp tục điều tra "vì không có chứng cớ để kết án họ về một trọng tội nào đó"! Cuối cùng, khi các bị cáo bị giải ra trước tòa án bồi thẩm thì cũng không thể làm thế nào mà gán được cho họ một tội danh nào rõ ràng là mang tính chất phản quốc. Tuy thế, họ vẫn bị kết án và bây giờ hãy xem họ bị kết án như thế nào.

Tháng Năm 1851, một đặc phái viên của Liên đoàn [1*] bị bắt và dựa vào những tài liệu khám thấy ở chỗ người đó, các nhà chức trách đã tiến hành mấy vụ bắt bớ nữa. Một viên chức cảnh sát Phổ, tên là *Sti-bơ*, lập tức được lệnh sang Luân Đôn để truy tìm những chi nhánh của hội âm mưu tưởng tượng ấy. Hắn ta đã thu được một số tài liệu về những thành viên phản liệt nói trên của liên đoàn; những người này, sau khi bị khai trừ, đã thành lập một tổ chức bí mật thực sự ở Pa-ri và Luân Đôn. Những giấy tờ ấy đã giành được bằng hai tội ác. Người ta đã mua chuộc được một người tên là Roi-tơ để phá bàn giấy của bí thư hiệp hội ấy [2*] và đánh cắp những giấy tờ trong đó. Nhưng đấy mới chỉ là bước đầu. Hành động ăn cắp đó dẫn đến việc khám phá ra cái gọi là vụ âm mưu Đức - Pháp ở Pa-ri và việc kết án những người tham gia, nhưng vẫn chưa đem lại chiếc chìa khóa để tìm được cái liên đoàn lớn của những người cộng sản. Tiện đây cũng nói thêm rằng lãnh đạo cái tổ chức âm mưu ở Pa-ri là mấy tên ngu ngốc hiếu danh và là những chevaliers d'industrie[3*] chính trị ở Luân Đôn và một người trước

1* - Nốt-i-ung
2* - Ô Đit-xơ
3* - kẻ gian xảo



kia bị kết án về tội giả mạo giấy tờ nhưng hiện đang làm chỉ điểm[1*] cho cảnh sát ở Pa-ri. Những tên khờ khạo bị chúng lừa bịp đã dùng những lời lẽ gây gổ và những tiếng la lối hung hăng khát máu để bù lại cho sự trống rỗng chính trị của chúng.

Thế là cảnh sát Phổ lại buộc phải kiếm ra những phát hiện mới. Nó thành lập ở đại sứ quán Phổ tại Luân Đôn một phân cục mật vụ thực sự. Một nhân viên cảnh sát tên là Grây-phơ đã thi hành cái nghề bỉ ổi của hắn dưới danh nghĩa là tùy viên đại sứ quán, - thực thà mà nói, thì phương thức đó đủ để đặt tất cả các đại sứ quán Phổ ra ngoài vòng luật pháp quốc tế, phương thức mà ngay cả người Áo cũng chưa bao giờ dám làm. Làm việc dưới quyền của Grây-phơ có một gã tên là Phlơ-ry, một nhà buôn ở khu Xi-ti của Luân Đôn, một con người có chút tài sản và có quan hệ với giới tai to mặt lớn, một kẻ trong phường hạ lưu quen làm những chuyện bỉ ổi nhất do khuynh hướng hèn hạ bẩm sinh. Một tên tay sai nữa là Hiếc-sơ, nhân viên thương nghiệp, nhưng ngay khi đến Luân Đôn đã bị nghi ngờ là mật thám. Hắn trà trộn trong những người cộng sản Đức lưu vong ở Luân Đôn, những người này đã dung nạp hắn một thời gian ngắn để xác minh xem về thực chất hắn là hạng người nào. Chẳng bao lâu đã có những chứng cớ về quan hệ của hắn với cảnh sát và từ đó ngài Hiếc-sơ biến mất tăm. Như thế là hắn mất mọi khả năng thu được những tin tức để được trả công, nhưng hắn vẫn không ngồi yên đâu. Trong khi lủi về sống ở Ken-sinh-tơn, nơi mà hắn chẳng bao giờ gặp một ai trong số những người cộng sản nói trên, thì hàng tuần, hắn bịa đặt ra những báo cáo tưởng tượng về những hội nghị tưởng tượng của một ủy ban trung ương tưởng tượng của chính cái tổ chức âm mưu mà cảnh sát Phổ không thể nào tóm được. Nội dung của những báo cáo ấy là phi lý đến cực độ. Không một họ nào viết đúng, không một tên người nào viết đúng, không một lời nào gán ghép cho một nhân vật nào đó lại giống một chút với điều mà người ấy có nói ra. Trong cái việc làm những thứ hàng

1* - Sóc-van.

nó không phải nhằm chống chính phủ hiện hành, mà là chống lại kẻ kế thừa có thể có của chính phủ ấy. Và chính phủ Phổ biết rõ điều đó. Đấy chính là nguyên nhân khiến cho người ta giam riêng mười một bị cáo tại xà lim trong 18 tháng trời để cho các nhà chức trách dùng thời gian ấy thực hiện những mánh khóe pháp lý lạ lùng nhất. Bạn thử tưởng tượng rằng những can phạm sau khi đã bị giam giữ tám tháng rồi, lại còn bị giam giữ thêm nhiều tháng nữa để tiếp tục điều tra "vì không có chứng cớ để kết án họ về một trọng tội nào đó"! Cuối cùng, khi các bị cáo bị giải ra trước tòa án bồi thẩm thì cũng không thể làm thế nào mà gán được cho họ một tội danh nào rõ ràng là mang tính chất phản quốc. Tuy thế, họ vẫn bị kết án và bây giờ hãy xem họ bị kết án như thế nào.

Tháng Năm 1851, một đặc phái viên của Liên đoàn [1*] bị bắt và dựa vào những tài liệu khám thấy ở chỗ người đó, các nhà chức trách đã tiến hành mấy vụ bắt bớ nữa. Một viên chức cảnh sát Phổ, tên là *Sti-bơ*, lập tức được lệnh sang Luân Đôn để truy tìm những chi nhánh của hội âm mưu tưởng tượng ấy. Hắn ta đã thu được một số tài liệu về những thành viên phản liệt nói trên của liên đoàn; những người này, sau khi bị khai trừ, đã thành lập một tổ chức bí mật thực sự ở Pa-ri và Luân Đôn. Những giấy tờ ấy đã giành được bằng hai tội ác. Người ta đã mua chuộc được một người tên là Roi-tơ để phá bàn giấy của bí thư hiệp hội ấy [2*] và đánh cắp những giấy tờ trong đó. Nhưng đấy mới chỉ là bước đầu. Hành động ăn cắp đó dẫn đến việc khám phá ra cái gọi là vụ âm mưu Đức - Pháp ở Pa-ri và việc kết án những người tham gia, nhưng vẫn chưa đem lại chiếc chìa khóa để tìm được cái liên đoàn lớn của những người cộng sản. Tiện đây cũng nói thêm rằng lãnh đạo cái tổ chức âm mưu ở Pa-ri là mấy tên ngu ngốc hiếu danh và là những chevaliers d'industrie[3*] chính trị ở Luân Đôn và một người trước

1* - Nốt-i-ung
2* - Ô Đít-xơ
3* - kẻ gian xảo



kia bị kết án về tội giả mạo giấy tờ nhưng hiện đang làm chỉ điểm[1*] cho cảnh sát ở Pa-ri. Những tên khờ khạo bị chúng lừa bịp đã dùng những lời lẽ gây gổ và những tiếng la lối hung hăng khát máu để bù lại cho sự trống rỗng chính trị của chúng.

Thế là cảnh sát Phổ lại buộc phải kiếm ra những phát hiện mới. Nó thành lập ở đại sứ quán Phổ tại Luân Đôn một phân cục mật vụ thực sự. Một nhân viên cảnh sát tên là Grây-phơ đã thi hành cái nghề bỉ ổi của hắn dưới danh nghĩa là tùy viên đại sứ quán, - thực thà mà nói, thì phương thức đó đủ để đặt tất cả các đại sứ quán Phổ ra ngoài vòng luật pháp quốc tế, phương thức mà ngay cả người Áo cũng chưa bao giờ dám làm. Làm việc dưới quyền của Grây-phơ có một gã tên là Phlơ-ry, một nhà buôn ở khu Xi-ti của Luân Đôn, một con người có chút tài sản và có quan hệ với giới tai to mặt lớn, một kẻ trong phường hạ lưu quen làm những chuyện bỉ ổi nhất do khuynh hướng hèn hạ bẩm sinh. Một tên tay sai nữa là Hiếc-sơ, nhân viên thương nghiệp, nhưng ngay khi đến Luân Đôn đã bị nghi ngờ là mật thám. Hắn trà trộn trong những người cộng sản Đức lưu vong ở Luân Đôn, những người này đã dung nạp hắn một thời gian ngắn để xác minh xem về thực chất hắn là hạng người nào. Chẳng bao lâu đã có những chứng cớ về quan hệ của hắn với cảnh sát và từ đó ngài Hiếc-sơ biến mất tăm. Như thế là hắn mất mọi khả năng thu được những tin tức để được trả công, nhưng hắn vẫn không ngồi yên dãu. Trong khi lủi về sống ở Ken-sinh-tơn, nơi mà hắn chẳng bao giờ gặp một ai trong số những người cộng sản nói trên, thì hàng tuần, hắn bịa đặt ra những báo cáo tưởng tượng về những hội nghị tưởng tượng của một ủy ban trung ương tưởng tượng của chính cái tổ chức âm mưu mà cảnh sát Phổ không thể nào tóm được. Nội dung của những báo cáo ấy là phi lý đến cực độ. Không một họ nào viết đúng, không một tên người nào viết đúng, không một lời nào gán ghép cho một nhân vật nào đó lại giống một chút với điều mà người ấy có nói ra. Trong cái việc làm những thứ hàng

1* - Sác-van.

không thể nào vạch trần ngay tức khắc được, vì người ta cố làm cho những người bào chữa bị bất ngờ, chứng cớ thì phải lấy từ Luân Đôn, mà bất cứ cuộc trao đổi thư từ nào giữa những người bào chữa với những người cộng sản lưu vong ở Luân Đôn đều bị xử lý trước tòa án như là sự tham dự vào cái hội âm mưu tưởng tượng đó!

Về bộ mặt thật của Grây-phơ và Phlơ-ry như đã mô tả trên kia thì chính ngài Sti-bơ cũng đã xác nhận khi làm nhân chứng. Còn về Hiếc-sơ thì hắn đã thú nhận trước tòa án cảnh sát ở Luân Đôn rằng hắn đã làm giả "cuốn sổ ghi biên bản" theo lệnh và với sự giúp đỡ của Phlơ-ry và sau đó hắn chuồn khỏi Anh để tránh bị truy tố về hình sự.

Những sự vạch trần hết sức nhục nhã được tiến hành trong thời gian diễn ra vụ án đã đặt chính phủ vào một tình cảnh hết sức khó khăn. Thành phần bồi thẩm viên của chính phủ trong vụ án này đến nay người ta chưa từng thấy ở tỉnh Ranh: sáu người thuộc tầng lớp quý tộc, phần đông trăm phần trăm, bốn người thuộc giới trùm tư bản tài chính và hai quan chức nhà nước. Những con người ấy không ưa nghiên cứu một cách nghiêm túc và kỹ lưỡng cả một mớ hỗn độn những chứng cớ chồng chất trước mắt họ trong sáu tuần lễ, trong khi đó thì người ta không ngừng hét vào tai họ rằng: các bị cáo là những người cầm đầu một tổ chức âm mưu cộng sản ghê gớm nhằm mục đích lật đổ tất cả những cái gì là thiêng liêng: sở hữu, gia đình, tôn giáo, trật tự, chính phủ và luật pháp. Song nếu như lúc bấy giờ chính phủ không làm cho các giai cấp có đặc quyền hiểu ngầm rằng việc tuyên bố trắng án trong vụ án này sẽ là tín hiệu dẫn tới việc bãi bỏ tòa án bồi thẩm và sẽ được coi là một sự biểu dương chính trị trực tiếp, là một bằng chứng chứng tỏ rằng phái đối lập tự do chủ nghĩa tư sản sẵn sàng liên minh ngay cả với phái cách mạng cực đoan thì người ta đã tuyên bố trắng án rồi. Dù sao thì việc áp dụng bộ luật hình mới của Phổ, xem như một đạo luật có hiệu lực hồi tố, chính phủ đã kết tội được bảy người bị bắt, chỉ có bốn



người là được trắng án; những người bị kết án đã bị phạt tù với thời hạn khác nhau từ 3 đến 6 năm[255], về điểm này thì chắc chắn là các bạn đã loan tin kịp thời từ khi tin ấy đến tay các bạn.

*Do Ph. Ăng ghen viết ngày 29 tháng Mười một 1852*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3645, ngày 22 tháng Chạp 1852*
*Ký tên: C á c - M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên bản là tiếng Anh*

# C. MÁC

## VẠCH TRẦN VỤ ÁN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN Ở KHUÊN [286]

*Do C.mác viết vào cuối tháng Mười - đầu tháng Chạp 1852*
*Đã in thành sách riêng:*
*"Enthüllungen über den Kommunisten-Prozess zu Köln",*
*Basel, 1853*

*In theo bản in xuất bản năm 1885,*
*có đối chiếu với lần xuất bản năm 1853 và 1875*
*Nguyên văn là tiếng Đức*

# Enthüllungen

über den

# Kommunisten-Prozeß

# zu Köln.

---

Basel,
Buchdruckerei von Chr. Krüsi.
1853.

Bìa phụ của lần xuất bản đầu tiên tác phẩm của C. Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" xuất bản ở Ba-den.

# I
# NHỮNG NHẬN XÉT SƠ BỘ

Nốt-i-ung bị bắt ngày 10 tháng Năm 1851 ở Lai-pxích; chẳng bao lâu sau thì Buyếc-ghéc-xơ, Ruê-dơ, Đa-ni-en-xơ, Bếch-cơ và những người khác bị bắt. Ngày 4 tháng Mười 1852 những người bị bắt ra trước tòa án bồi thẩm ở Khuên vì bị buộc tội là "có âm mưu mang tính chất phản bội "Tổ quốc" chống nhà nước Phổ. Việc tạm giam - biệt giam như vậy là đã kéo dài gần 1 năm rưỡi.

Khi bắt giữ Nốt-i-ung và Buyếc-ghéc-xơ, người ta đã tìm thấy "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", "Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản" (hội tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản), hai lời kêu gọi của Ủy ban trung ương của Liên đoàn này[287] cuối cùng là một số địa chỉ và các tác phẩm in. Người ta biết tin Nốt-i-ung bị bắt, đã tám ngày, thì ở Khuên mới bắt đầu các cuộc khám xét và bắt bớ. Nếu như lúc đó làm như vậy có thể tìm thấy một vài điều gì đó thì lúc này mọi thứ chắc chắn là đã tiêu tan. Và trên thực tế, người ta chỉ tìm thấy một số bức thư không quan trọng. Một năm rưỡi sau khi những người bị bắt, cuối cùng, đã phải ra trước tòa án bồi thẩm, tài liệu bona fide [1*] mà phía buộc tội có được không tăng thêm được một chứng cứ nào. Tuy vậy, các nhà đương cục của nhà nước Phổ, dựa vào những lời cam đoan của công tố viên (mà Phôn Dếch-ken-đoóc -phơ và Dết-tơ là người đại diện) đã mở rộng hoạt động rất nhiều mặt và khẩn trương. Thật ra họ đã làm những gì? Nous verron! [2*].

Thời hạn tạm giam kéo dài khác thường được người ta giải thích rất rắc rối. Từ đầu người ta đã nêu lên rằng Chính phủ

1* - đáng tin cậy
2* - Chúng ta hãy xem!

thể dành cho kẻ thù của họ một môi trường hoạt động tự do, chừng nào những kẻ thù địch đó còn tự duy trì trong khuôn khổ tranh luận và tuyên truyền.

Trong lúc đó thì Chính phủ Phổ lại tự mình đóng kín con đường thênh thang của việc xét xử các vụ án chính trị. Sự kéo dài khác thường của vụ án, sự can thiệp trực tiếp của nội các vào tiến trình điều tra, những lời ám chỉ mập mờ về những sự khủng khiếp chưa từng có, những lời tuyên bố huênh hoang về việc khám phá ra âm mưu bao trùm lên toàn bộ châu Âu, sự đối xử tàn bạo một cách bỉ ổi đối với những người bị bắt, đã làm cho vụ án bị thổi phồng lên thành procès monstre [1*], thu hút sự chú ý của giới báo chí châu Âu, còn sự tò mò ngờ vực của công chúng thì bị kích động đến cực độ. Chính phủ Phổ đã tự đặt mình vào tình thế là vì lịch sự mà bên buộc tội phải đưa ra những chứng cớ, còn tòa án thì cũng vì lịch sự mà phải đòi hỏi các chứng cứ. Bản thân tòa án đứng trước một tòa án khác - trước tòa án dư luận xã hội.

Để sửa chữa sai lầm thứ nhất, chính phủ lại phải mắc sai lầm thứ hai. Cảnh sát, mà trong thời gian điều tra đã làm nhiệm vụ dự thẩm viên, trong lúc xét xử phải tham gia với tư cách là người làm chứng. Bên cạnh người buộc tội thông thường chính phủ còn phải đưa ra một người buộc tội không thông thường, bên cạnh viện kiểm sát còn phải bố trí cảnh sát, bên cạnh Dết-tơ và Dếch-ken-đoóc-phơ còn phải có Sti-bơ và Véc-mút của ông ta, với con chim của ông là Grây-phơ và con của ông là Gôn-hai-mơ[2*]. Sự can thiệp của quyền lực thứ ba của nhà nước vào việc xét xử là điều không tránh khỏi nhằm dùng các phương thức có hiệu lực kỳ lạ của cảnh sát để thường xuyên cung cấp cho việc buộc tội về mặt pháp lý những sự thực mà họ đã từng uổng công đuổi theo sau cái bóng của chúng. Tòa án cũng hiểu khá rõ tình trạng

1* - vụ án kỳ quái, theo nghĩa đen: vụ án kỳ quái tức là vụ án quá lớn

2* - Chơi chữ: Wermuth, Greif và Goldheim (tên gọi âu yếm: Goldheimchen) là họ các quan chức cảnh sát, cùng như: "Wermut" là "đắng cay", "ngải cứu", "rượu thuốc cứu", " Greif" - "chim kền kền", " Goldheimchen" - "dế mèn vàng".



đó, cho nên chánh án, các thẩm phán và công tố viên, với sự ngoan ngoãn đáng khen đã thay nhau nhường vai trò của mình cho ông cố vấn cảnh sát và người làm chứng Sti-bơ và thường xuyên nấp sau lưng ông ta. Trước khi chuyển sang việc làm sáng tỏ những điều phát hiện được của cục cảnh sát làm cơ sở cho "cấu thành tội phạm về mặt khách quan" và cũng là điều mà viện công tố chưa tìm thấy được, chúng tôi lại phải đưa ra thêm một nhận xét sơ bộ nữa.

Từ những giấy tờ bắt được trong tay bị cáo cũng như từ những lời cung khai của bản thân họ, người ta đã phát hiện ra rằng có một hội của những người cộng sản Đức, mà Ủy ban trung ương của nó lúc đầu nằm ở Luân Đôn. Ngày 15 tháng Chín 1850 Ủy ban trung ương này bị phân liệt. Phái đa số mà bản cáo trạng gọi họ là *"đảng của Mác"* đã chuyển trụ sở của Ủy ban trung ương tới Khuên. Phái thiểu số - về sau bị những người cộng sản ở Khuên khai trừ ra khỏi Liên đoàn - được tổ chức thành Ủy ban trung ương độc lập ở Luân Đôn và thành lập ở đây và trên lục địa này một Đồng minh đặc biệt[289]. Bản cáo trạng gọi phái thiểu số đó và những người ủng hộ họ là *"đảng của Vi-lích - Sáp-pơ"*.

Dết-tơ - Dếch-ken-đoóc-phơ xác nhận rằng sự phân liệt của Ủy ban trung ương Luân Đôn là do những mối bất hòa mang tính chất thuần túy cá nhân gây nên. Trước khi Dết-tơ - Dếch-ken-đoóc-phơ xác nhận như vậy một thời gian dài, "ông Vi-lích hiệp sĩ đã phao đồn trong giới lưu vong ở Luân Đôn những điều dơm đặt thật bỉ ổi về những nguyên nhân của sự phân liệt. Vi-lích đã tìm thấy những luồng sẵn sàng phục dịch cho việc phổ biến rộng rãi những điều dơm đặt đó trên báo chí của Đức và Mỹ mà đại diện là ngài Ác-nôn Ru-gơ, con người tép dìu của phái dân chủ trung tâm châu Âu [290] và những người khác tương tự như ông ta. Phái dân chủ suy tính rằng họ sẽ tạo ra cho mình thắng lợi một cách dễ dàng như thế nào đối với những người cộng sản nếu họ nhanh nhẩu miêu tả "ông Vi-lích hiệp sĩ" như là đại biểu của những người cộng sản. Về phía mình, "ông Vi-lích hiệp sĩ" lại hiểu rằng "đảng của

thể dành cho kẻ thù của họ một môi trường hoạt động tự do, chừng nào những kẻ thù địch đó còn tự duy trì trong khuôn khổ tranh luận và tuyên truyền.

Trong lúc đó thì Chính phủ Phổ lại tự mình đóng kín con đường thênh thang của việc xét xử các vụ án chính trị. Sự kéo dài khác thường của vụ án, sự can thiệp trực tiếp của nội các vào tiến trình điều tra, những lời ám chỉ mập mờ về những sự khủng khiếp chưa từng có, những lời tuyên bố huênh hoang về việc khám phá ra âm mưu bao trùm lên toàn bộ châu Âu, sự đối xử tàn bạo một cách bí ẩn đối với những người bị bắt, đã làm cho vụ án bị thổi phồng lên thành procès monstre [1*], thu hút sự chú ý của giới báo chí châu Âu, còn sự tò mò ngờ vực của công chúng thì bị kích động đến cực độ. Chính phủ Phổ đã tự đặt mình vào tình thế là vì lịch sự mà bên buộc tội phải đưa ra những chứng cớ, còn tòa án thì cũng vì lịch sự mà phải đòi hỏi các chứng cứ. Bản thân tòa án đứng trước một tòa án khác - trước tòa án dư luận xã hội.

Để sửa chữa sai lầm thứ nhất, chính phủ lại phải mắc sai lầm thứ hai. Cảnh sát, mà trong thời gian điều tra đã làm nhiệm vụ dự thẩm viên, trong lúc xét xử phải tham gia với tư cách là người làm chứng. Bên cạnh người buộc tội thông thường chính phủ còn phải đưa ra một người buộc tội không thông thường, bên cạnh viện kiểm sát còn phải bố trí cảnh sát, bên cạnh Dết-tơ và Dếch-ken-đoóc-phơ còn phải có Sti-bơ và Véc-mút của ông ta, với con chim của ông là Grây-phơ và con của ông là Gôn-hai-mơ[2*]. Sự can thiệp của quyền lực thứ ba của nhà nước vào việc xét xử là điều không tránh khỏi nhằm dùng các phương thức có hiệu lực kỳ lạ của cảnh sát để thường xuyên cung cấp cho việc buộc tội về mặt pháp lý những sự thực mà họ đã từng uổng công đuổi theo sau cái bóng của chúng. Tòa án cũng hiểu khá rõ tình trạng

1* - vụ án kỳ quái, theo nghĩa đen: vụ án kỳ quái tức là vụ án quá lớn

2* - Chơi chữ: Wermuth, Greif và Goldheim (tên gọi âu yếm: Goldheimchen) là họ các quan chức cảnh sát, cũng như: "Wermut" là "đắng cay", "ngải cứu", "rượu thuốc cứu", " Greif" - "chim kền kền", " Goldheimchen" - "dế mèn vàng".



đó, cho nên chánh án, các thẩm phán và công tố viên, với sự ngoan ngoãn đáng khen đã thay nhau nhường vai trò của mình cho ông cố vấn cảnh sát và người làm chứng Sti-bơ và thường xuyên nấp sau lưng ông ta. Trước khi chuyển sang việc làm sáng tỏ những điều phát hiện được của cục cảnh sát làm cơ sở cho "cấu thành tội phạm về mặt khách quan" và cũng là điều mà viện công tố chưa tìm thấy được, chúng tôi lại phải đưa ra thêm một nhận xét sơ bộ nữa.

Từ những giấy tờ bắt được trong tay bị cáo cũng như từ những lời cung khai của bản thân họ, người ta đã phát hiện ra rằng có một hội của những người cộng sản Đức, mà Ủy ban trung ương của nó lúc đầu nằm ở Luân Đôn. Ngày 15 tháng Chín 1850 Ủy ban trung ương này bị phân liệt. Phái đa số mà bản cáo trạng gọi họ là *"đảng của Mác"* đã chuyển trụ sở của Ủy ban trung ương tới Khuên. Phái thiểu số - về sau bị những người cộng sản ở Khuên khai trừ ra khỏi Liên đoàn - được tổ chức thành Ủy ban trung ương độc lập ở Luân Đôn và thành lập ở đây và trên lục địa này một Đồng minh đặc biệt[289]. Bản cáo trạng gọi phái thiểu số đó và những người ủng hộ họ là *"đảng của Vi-lích - Sáp-pơ"*.

Dết-tơ - Dếch-ken-đoóc-phơ xác nhận rằng sự phân liệt của Ủy ban trung ương Luân Đôn là do những mối bất hòa mang tính chất thuần túy cá nhân gây nên. Trước khi Dết-tơ - Dếch-ken-đoóc-phơ xác nhận như vậy một thời gian dài, "ông Vi-lích hiệp sĩ đã phao đồn trong giới lưu vong ở Luân Đôn những điều dơm đặt thật bỉ ổi về những nguyên nhân của sự phân liệt. Vi-lích đã tìm thấy những luồng sẵn sàng phục dịch cho việc phổ biến rộng rãi những điều dơm dặt đó trên báo chí của Đức và Mỹ mà đại diện là ngài Ác-nôn Ru-gơ, con người tép dìu của phái dân chủ trung tâm châu Âu [290] và những người khác tương tự như ông ta. Phái dân chủ suy tính rằng họ sẽ tạo ra cho mình thắng lợi một cách dễ dàng như thế nào đối với những người cộng sản nếu họ nhanh nhẩu miêu tả "ông Vi-lích hiệp sĩ" như là đại biểu của những người cộng sản. Về phía mình, "ông Vi-lích hiệp sĩ" lại hiểu rằng "đảng của

## II
## TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA ĐÍT-XƠ

"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" mà người ta tìm thấy được ở những bị cáo, được in ra trước cuộc cách mạng tháng Hai và được đem bán trong suốt mấy năm trời, về hình thức cũng như về mục đích, không thể nào là cương lĩnh của "âm mưu". Trong những *lời kêu gọi* đã tóm được của Ủy ban trung ương thì lời lẽ hoàn toàn chỉ nói về thái độ của những người cộng sản đối với chính phủ tương lai của nền dân chủ, do đó không hề nói tới chính phủ của Phri-đrích - Vin-hem IV. Cuối cùng, điều lệ là điều lệ của một hội tuyên truyền kín, nhưng trong Code pénal không quy định những sự trừng phạt đối với các hội kín. Việc phá vỡ cái xã hội đương thời được đưa ra với tính cách là mục tiêu cuối cùng của việc tuyên truyền đó, nhưng nhà nước Phổ đã một lần tiêu vong, còn có thể tiêu vong mười lần nữa và có thể tiêu vong hoàn toàn, còn xã hội đương thời thì không hề chút nào bị suy chuyển vì việc đó. Những người cộng sản có thể trợ lực cho việc đẩy nhanh quá trình tan rã của xã hội tư sản, nhưng cũng có thể để cho xã hội tư sản làm tan rã nhà nước Phổ. Nếu như một người nào đó đặt cho mình mục đích trực tiếp là lật nhào nhà nước Phổ và tuyên truyền rằng việc hủy hoại xã hội là phương thức để đạt mục tiêu đó, thì kẻ đó cũng sẽ giống như một kỹ sư ngông cuồng muốn phá sập trái đất để dọn sạch đống phân trên đường.

Nhưng nếu như mục tiêu cuối cùng của Liên đoàn là *lật đổ xã hội* thì phương sách của họ nhất định phải là *cuộc cách mạng chính trị*, mà lật đổ xã hội thì đòi hỏi phải lật đổ nhà nước Phổ, cũng giống như động đất thì ắt phải phá hủy cái chuồng gà. - Song những người bị cáo lại xuất phát từ quan điểm tội lỗi cho



rằng không có họ chính phủ hiện thời của nước Phổ cũng bị sụp đổ. Vì vậy mà họ không tổ chức liên minh để lật đổ Chính phủ Phổ hiện tại và họ không có tội trong "một âm mưu nào mang tính chất phản bội Tổ quốc".

Phải chăng đã có lúc nào đó người ta đã buộc tội những người đầu tiên theo đạo Cơ Đốc vì họ đặt cho mình mục tiêu phải lật đổ tên quận trưởng quê mùa nào đó của La Mã mà họ bắt gặp? Những nhà triết học của quốc gia Phổ từ Lai-bơ-nít-xơ đến Hê-ghen, đã dày công nghiên cứu việc lật đổ đức chúa, nhưng nếu như tôi lật đổ Chúa trời thì tôi cũng lật đổ cả vua chúa được Chúa trời phù hộ. Phải chăng người ta truy cứu họ về tội xâm phạm đến triều đại của Hô-hen-txô-léc?

Như vậy là có thể xoay chuyển và làm đảo lộn vụ án tùy theo ý muốn, corpus delicti [1*] đã thấy rõ như ban ngày, lại biến mất như một bóng ma. Vụ án dừng lại ở sự thừa nhận rầu rĩ của viện công tố [2*] rằng *"không có cấu thành tội phạm về mặt khách quan"*, còn "đảng của *Mác*" quả là khá ác ý khiến cho việc điều tra đã tiến hành một năm rưỡi rồi, mà *tuyệt nhiên* vẫn không thêm thắt *được điều gì* vào cái *"cấu thành tội phạm còn thiếu"*.

Cần phải cứu giúp cho nỗi đau khổ đó. Và đảng của Vi-lích-Sáp-pơ đã phối hợp với cảnh sát làm việc đó. Chúng ta hãy xem ông Sti-bơ, người dỡ đẻ đảng này, đã lôi cuốn như thế nào đảng đó vào vụ án ở Khuên. (Xin xem những lời cung chứng của Sti-bơ trong phiên tòa ngày 18 tháng Mười 1852).

Vào mùa xuân 1851, lúc bấy giờ Sti-bơ sống ở Luân Đôn dường như là để bảo vệ những người tham quan cuộc triển lãm công nghiệp khỏi tay bọn lưu manh và trộm cắp [3*], tổng nha cảnh sát ở Béc-lin gửi cho ông ta bản sao lại những giấy tờ tìm thấy ở *Nốt-i-ung* và

---

1* - cấu thành tội phạm

2* - Trong nguyên bản đây là lối chơi chữ: "Klage des Anklagesenats".

3* - Chơi chữ: theo nguyên gốc thành ngữ "Stiebern und Diebern" được cấu tạo từ tiếng "Stieber" đồng âm với họ Sti-bơ (con chó săn, theo nghĩa bóng: bọn lưu manh, kẻ chuyên lùng sục khắp nơi, bọn chỉ điểm) và tiếng "Diebe" (tên trộm cắp).

# II
# TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA ĐÍT-XƠ

"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" mà người ta tìm thấy được ở những bị cáo, được in ra trước cuộc cách mạng tháng Hai và được đem bán trong suốt mấy năm trời, về hình thức cũng như về mục đích, không thể nào là cương lĩnh của "âm mưu". Trong những *lời kêu gọi* đã tóm được của Ủy ban trung ương thì lời lẽ hoàn toàn chỉ nói về thái độ của những người cộng sản đối với chính phủ tương lai của nền dân chủ, do đó không hề nói tới chính phủ của Phri-đrích - Vin-hem IV. Cuối cùng, điều lệ là điều lệ của một hội tuyên truyền kín, nhưng trong Code pénal không quy định những sự trừng phạt đối với các hội kín. Việc phá vỡ cái xã hội đương thời được đưa ra với tính cách là mục tiêu cuối cùng của việc tuyên truyền đó, nhưng nhà nước Phổ đã một lần tiêu vong, còn có thể tiêu vong mười lần nữa và có thể tiêu vong hoàn toàn, còn xã hội đương thời thì không hề chút nào bị suy chuyển vì việc đó. Những người cộng sản có thể trợ lực cho việc đẩy nhanh quá trình tan rã của xã hội tư sản, nhưng cũng có thể dễ cho xã hội tư sản làm tan rã nhà nước Phổ. Nếu như một người nào đó đặt cho mình mục đích trực tiếp là lật nhào nhà nước Phổ và tuyên truyền rằng việc hủy hoại xã hội là phương thức để đạt mục tiêu đó, thì kẻ đó cũng sẽ giống như một kỹ sư ngông cuồng muốn phá sập trái đất để dọn sạch đống phân trên đường.

Nhưng nếu như mục tiêu cuối cùng của Liên đoàn là *lật đổ xã hội* thì phương sách của họ nhất định phải là *cuộc cách mạng chính trị*, mà lật đổ xã hội thì đòi hỏi phải lật đổ nhà nước Phổ, cũng giống như động đất thì ắt phải phá hủy cái chuồng gà. - Song những người bị cáo lại xuất phát từ quan điểm tội lỗi cho



rằng không có họ chính phủ hiện thời của nước Phổ cũng bị sụp đổ. Vì vậy mà họ không tổ chức liên minh để lật đổ Chính phủ Phổ hiện tại và họ không có tội trong "một âm mưu nào mang tính chất phản bội Tổ quốc".

Phải chăng đã có lúc nào đó người ta đã buộc tội những người đầu tiên theo đạo Cơ Đốc vì họ đặt cho mình mục tiêu phải lật đổ tên quận trưởng quê mùa nào đó của La Mã mà họ bắt gặp? Những nhà triết học của quốc gia Phổ từ Lai-bơ-nít-xơ đến Hê-ghen, đã dày công nghiên cứu việc lật đổ đức chúa, nhưng nếu như tội lật đổ Chúa trời thì tội cũng lật đổ cả vua chúa được Chúa trời phù hộ. Phải chăng người ta truy cứu họ về tội xâm phạm đến triều đại của Hô-hen-txô-léc?

Như vậy là có thể xoay chuyển và làm đảo lộn vụ án tùy theo ý muốn, corpus delicti [1*] đã thấy rõ như ban ngày, lại biến mất như một bóng ma. Vụ án dừng lại ở sự thừa nhận rõ rệt của viện công tố [2*] rằng *"không có cấu thành tội phạm về mặt khách quan"*, còn "đảng của *Mác*" quả là khá ác ý khiến cho việc điều tra đã tiến hành một năm rưỡi rồi, mà *tuyệt nhiên* vẫn không thêm thắt *được điều gì* vào cái *"cấu thành tội phạm còn thiếu"*.

Cần phải cứu giúp cho nỗi đau khổ đó. Và đảng của Vi-lích-Sáp-pơ đã phối hợp với cảnh sát làm việc đó. Chúng ta hãy xem ông Sti-bơ, người đỡ đẻ đảng này, đã lôi cuốn như thế nào đảng đó vào vụ án ở Khuên. (Xin xem những lời cung chứng của Sti-bơ trong phiên tòa ngày 18 tháng Mười 1852).

Vào mùa xuân 1851, lúc bấy giờ Sti-bơ sống ở Luân Đôn dường như là để bảo vệ những người tham quan cuộc triển lãm công nghiệp khỏi tay bọn lưu manh và trộm cắp [3*], tổng nha cảnh sát ở Béc-lin gửi cho ông ta bản sao lại những giấy tờ tìm thấy ở *Nốt-i-ung* và

1* - cấu thành tội phạm

2* - Trong nguyên bản đây là lối chơi chữ: "Klage des Anklagesenats".

3* - Chơi chữ: theo nguyên gốc thành ngữ "Stiebern und Diebern" được cấu tạo từ tiếng "Stieber" đồng âm với họ Sti-bơ (con chó săn, theo nghĩa bóng: bọn lưu manh, kẻ chuyên lùng sục khắp nơi, bọn chỉ điểm) và tiếng "Diebe" (tên trộm cắp).

Chính bản thân Sti-bơ nói như vậy, nhưng thậm chí khi đưa ra bằng chứng vô thường vô phạt đó ông ta cũng không thể chỉ giới hạn ở việc thông báo đơn thuần sự thật. Ông ta buộc phải đưa sự việc đó lên đỉnh cao để gán cho nó cái uy thế của sở cảnh sát. Bản tuyên bố gốc nói trên, đặc biệt là không bao hàm một điều gì khác ngoài ba dòng thông báo rằng các đại biểu của phái đa số của Ủy ban trung ương trước đây và bạn bè của họ rút ra khỏi *Hội công nhân công khai* ở phố Grai-tơ- Oan-đơ-min-lơ [292] nhưng tuyệt nhiên không phải rút ra khỏi "*hội cộng sản*".

Sti-bơ có thể dành dụm vải sơn bao gói cho những người thường giao dịch thư từ với ông và tránh cho cấp phụ trách của ông các khoản chi phí về trao đổi thư từ. Sti-bơ chỉ cần lục lọi [1*] trên một số tờ báo của Đức ra tháng Chín 1850 và ông ta sẽ tìm thấy bản tuyên bố in trên giấy trắng mực đen của "hạt nhân đảng của Mác", trong đó đảng này thông báo cả việc mình rút ra khỏi Hội công nhân ở phố Grai-tơ- Oan-đơ-min-lơ cùng với việc rút ra khỏi Ủy ban những người lưu vong [293].

Do đó, việc khám phá chưa từng thấy về việc "hạt nhân đảng của Mác" rút ra khỏi Hội công nhân công khai ở phố Grai-tơ - Oan-đơ-min-lơ vào ngày 17 tháng Chín 1850 là kết quả mới nhất của những việc lục soát của Sti-bơ. "Mọi manh mối trong âm mưu ở Khuên đã được phanh phui trước mắt ông ta". Nhưng công chúng đã không tin vào mắt ông ta.

1* - Chơi chữ: Stieber là họ, "durchstiebern" là "lục lọi", "tìm kiếm", "theo dõi".



## III
## ÂM MƯU CỦA SÉC-VAN

Tuy thế Sti-bơ cũng biết kiếm lợi từ cái kho báu ăn cắp được. Những giấy tờ mà ông ta thu thập được vào ngày 5 tháng Tám 1851 đã chỉ ra con đường khám phá ra cái gọi là "vụ âm mưu Đức - Pháp ở Pa-ri". Trong số giấy tờ đó có sáu bản báo cáo của phái viên đảng Vi-lích- Sáp-pơ là *A-đôn-phơ May-ơ*, với ghi chú: Pa-ri, và năm bản báo cáo của khu ủy Pa-ri gửi cho Ủy ban trung ương Vi-lích - Sáp-pơ. (Lời khai chứng của Sti-bơ trong phiên tòa ngày 18 tháng Mười). Sti-bơ quyết định tiến hành một chuyến đi ngoại giao để giải trí ở Pa-ri và ở đó sẽ đích thân làm quen với ngài Các-li-ê vĩ đại, là người vừa mới chứng minh cho thấy trong vụ áp-phe xổ số bằng vàng thoi [294] làm xôn xao dư luận rằng mặc dầu ông cũng là kẻ thù lớn của những người cộng sản nhưng lại là bạn với mức độ còn lớn hơn của quyền tư hữu của người khác.

"Vì việc đó mà tháng Chín 1851 tôi đã đi Pa-ri. Về phía quận trưởng cảnh sát Pa-ri lúc bấy giờ, ông Các-li-ê đã giúp đỡ tôi thật là chu đáo... Nhờ có sự giúp đỡ của các nhân viên cảnh sát Pháp, người ta đã tìm ra nhanh chóng và chính xác những manh mối phát hiện thấy qua các bức thư từ Luân Đôn. Người ta đã tìm thấy được phòng ở của những người cầm đầu vụ âm mưu và theo dõi được mọi bước đi của họ, đặc biệt là tất cả các cuộc hội họp của họ và mọi thư từ trao đổi của họ. Tại đó đã phát hiện ra những cái rất nguy hiểm... Tôi phải nhượng bộ trước các yêu sách của quận trưởng Các-li-ê và đêm mùng 4 rạng ngày 5 tháng Chín những hành động kiên quyết đã được thực hiện". (Lời cung khai của Sti-bơ ngày 18 tháng Mười).

Tháng Chín Sti-bơ rời khỏi Béc-lin. Giả sử là ông ta rời Béc-lin vào ngày 1 tháng Chín thì sớm lắm ông ta cũng đến Pa-ri vào tối ngày 2 tháng Chín. Vào đêm ngày 4 thì các hành động kiên quyết đã được thực hiện. Như vậy là chỉ còn 36 tiếng đồng hồ để thương lượng với Các-li-ê và thông qua các biện pháp cần thiết. Trong

suốt 36 tiếng đồng hồ đó chẳng những đã "tìm thấy" được phòng ở của từng người cầm đầu, mà còn "theo dõi" được *mọi* bước đi của họ, *tất cả* các cuộc hội họp của họ, *mọi* thư từ trao đổi của họ, dương nhiên điều này chỉ làm được sau khi "đã tìm thấy được phòng ở của họ". Việc Sti-bơ tới Pa-ri chẳng những khiến cho "các nhân viên cảnh sát phải hành động nhanh chóng và chính xác" một cách phi thường, mà còn buộc những người cầm đầu hoạt động bí mật phải "đề phòng" và trong suốt 24 tiếng đồng hồ phải tiến hành biết bao nhiêu bước, tổ chức biết bao cuộc họp, viết biết bao bức thư để vào buổi chiều tối hôm sau đã có thể thực hiện được những hành động có tính chất quyết định để chống lại họ.

Song, ngày mùng ba đã tìm thấy được phòng ở của từng người cầm đầu và tổ chức được việc theo dõi mọi bước đi của họ, mọi cuộc họp và tất cả các bức thư của họ, nhưng chưa phải chỉ có thế mà thôi.

"Các nhân viên cảnh sát Pháp", - Sti-bơ khai, có tuyên thệ, - "đã dự được các phiên họp của những kẻ âm mưu và biết được các quyết định của họ về cách thức hoạt động trong cuộc cách mạng sắp tới".

Như thế là, khi các nhân viên cảnh sát vừa mới tổ chức được việc theo dõi các cuộc họp thì qua việc theo dõi họ đã tham dự được các cuộc họp đó, khi họ vừa mới lọt vào được một cuộc họp nào đó thì cuộc họp đó lại biến ngay thành một loạt các cuộc họp, khi vừa mới tiến hành một số cuộc họp thì sự việc đã dẫn ngay tới việc thông qua các quyết định về cách thức hoạt động trong cuộc cách mạng sắp tới - và tất cả những cái đó xảy ra trong cùng một ngày! Vào đúng ngày mà Sti-bơ làm quen với Các-li-ê thì nhân viên cảnh sát Các-li-ê này biết được phòng ở của từng người cầm đầu, những người này làm quen với nhân viên cảnh sát Các-li-ê, mời nhân viên này tới dự các phiên họp của họ vào cùng ngày hôm đó, tổ chức một loạt các cuộc họp cũng vào ngày hôm đó để chiều ý ông ta và cho đến khi vội vã thông qua các quyết định về cách thức hành động trong cuộc cách mạng sắp tới thì mới chìa tay ông ta được.



Các-li-ê dù có chu đáo đến đâu đi nữa - và không một ai có thể nghi ngờ về tính sẵn sàng chu đáo của ông ta để khám phá ra âm mưu của những người cộng sản trong vòng ba tháng trước cuộc chính biến, - thì Sti-bơ cũng đã tô vẽ cho ông ta nhiều hơn là ông ta có thể làm được. Sti-bơ dòi hỏi những điều thần kỳ của cảnh sát, ông ta không chỉ đòi hỏi những điều đó, mà còn tin tưởng vào nó; ông không chỉ tin vào những điều thần kỳ đó, mà còn thể xác nhận những điều đó.

"Khi đã bắt tay vào việc", tức là đi vào những hành động có tính chất quyết định "tôi đã đích thân cùng với một viên cảm cảnh sát người Pháp trước tiên bắt giữ ông Sếc- van nguy hiểm, người lãnh đạo chính của những người cộng sản Pháp. Ông ta đã chống cự lại mãnh liệt, và cuộc vật lộn kiên trì với ông ta đã bắt đầu".

Lời cung khai của Sti-bơ ngày 18 tháng Mười là như vậy.

"Ở Pa-ri Séc-van đã xâm phạm tới tôi, và hơn nữa lại là trong phòng riêng của tôi mà ông ta đã lọt vào lúc ban đêm; trong lúc diễn ra cuộc vật lộn giữa chúng tôi thì vợ tôi vội vàng chạy vào giúp tôi, đã bị thương".

Đây là một lời cung khai khác của Sti-bơ ngày 27 tháng Mười.

Vào đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5 Sti-bơ thực hiện những hành động kiên quyết chống lại Séc-van, giữa họ xảy ra một cuộc vật lộn, trong đó Séc-van là người chống trả. Vào đêm ngày 3 rạng ngày mùng 4 Séc-van tiến hành những hành động kiên quyết chống lại Sti-bơ, giữa họ xảy ra một cuộc vật lộn trong đó Sti-bơ là người chống trả. Nhưng chính là ngày 3 giữa những kẻ âm mưu và nhân viên cảnh sát vẫn còn giữ được entente cordiale [1*], nhờ vậy trong vòng một ngày đã có thể làm được nhiều việc như thế. Bây giờ hóa ra là, không chỉ Sti-bơ vào ngày mùng 3 đã khám phá ra mưu mô của những người âm mưu mà những người âm mưu vào ngày mùng 3 cũng khám phá ra mưu mô của Sti-bơ. Trong lúc các nhân viên cảnh sát của Các-li-ê phát hiện ra phòng riêng của những người âm mưu thì những người âm mưu lại phát hiện ra phòng riêng của Sti-bơ. Trong lúc Sti-bơ đóng vai trò "người

1* - sự thỏa thuận chân thành

theo dõi" đối với những người âm mưu, thì những người âm mưu lại đóng vai trò chủ động đối với ông ta. Trong lúc ông Sti-bơ nằm mơ thấy âm mưu của họ chống lại chính phủ thì họ lại tổ chức việc xâm phạm đến cá nhân con người ông ta.

Trong lời cung khai ngày 18 tháng Mười Sti-bơ nói tiếp:

"Trong lúc vật lộn đó" (khi Sti-bơ là bên tấn công) "tôi đã nhận thấy Séc-van định bỏ mảnh giấy vào miệng và nuốt chửng. Vật vả lắm tôi mới giật lại được nửa mảnh giấy, còn nửa kia thì ông ta đã kịp nuốt mất".

Do đó, mảnh giấy nằm giữa hai hàm răng trong miệng Séc-van, vì chỉ một nửa mảnh được giật ra, còn nửa kia ông ta đã kịp nuốt mất. Sti-bơ và kẻ cộng tác với ông ta - viên cẩm cảnh sát hoặc một người nào đó khác - có thể cứu được nửa mảnh giấy kia chỉ khi thò tay được vào mõm của "Séc-van nguy hiểm". Cách tốt nhất mà Séc-van có thể tự vệ tránh khỏi sự tấn công như vậy là *cắn* và thực tế là, như những tờ báo Pa-ri đã loan tin, Séc-van đã cắn phu nhân Sti-bơ. Nhưng trong cảnh này cùng với Sti-bơ không phải là vợ ông ta, mà là viên cẩm cảnh sát. Chính Sti-bơ tuyên bố rằng phu nhân Sti-bơ đã bị thương trong lúc Séc-van xâm phạm tới ông ta trong phòng riêng của Sti-bơ khi bà ta vội vã đến giúp ông ta. Nếu đem những lời cung khai của Sti-bơ đối chiếu với lời loan tin của các báo ở Pa-ri thì sẽ có cảm tưởng rằng vào đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 Séc-van đã cắn phu nhân Sti-bơ để cứu mảnh giấy mà ông Sti-bơ giật ra từ miệng của Séc-van đêm mùng 4 rạng ngày mùng 5, Sti-bơ sẽ trả lời chúng ta: Pa-ri là thành phố của những điều thần kỳ và ngay La-rô-sơ-phu-côn-đơ cũng đã từng nói, ở nước Pháp mọi cái đều là có thể.

Nếu như trong một khoảnh khắc chúng ta từ bỏ lòng tin vào những điều thần kỳ thì sẽ thấy rõ rằng những điều thần kỳ thứ nhất đã xảy ra bởi vì Sti-bơ đã tập hợp và nhồi nhét vào trong *một* ngày, ngày 3 tháng Chín, một loạt những hành động tách biệt nhau bằng những khoảng thời gian dài, còn những điều thần kỳ sau đã có được là vì những biến cố khác nhau xảy ra vào một buổi tối và tại một địa điểm đã được ông ta phân bố vào hai đêm



khác nhau và tại hai địa điểm khác nhau. Chúng ta hãy đặt những sự việc thực tế đối lập lại với những điều dơm đặt của ông ta lấy từ truyện "Một ngàn lẻ một đêm". Nhưng trước hết chúng tôi xin nêu thêm một tình huống thần kỳ nữa, mặc dầu nó không phải là điều thần kỳ. Sti-bơ đã giật ra được nửa mảnh giấy mà Séc-van đang nuốt. Những gì nằm trong nửa mảnh giấy giật được đó? Đó là tất cả những gì mà Sti-bơ đã tìm kiếm.

"Mảnh giấy đó", - ông ta khai có tuyên thệ, - "bao hàm chỉ thị tối quan trọng cho phái viên Ghi-pe-rích ở Xtơ-ra-xbua và *địa chỉ chi tiết* của ông ta".

Bây giờ chúng tôi chuyển sang các sự kiện.

Qua Sti-bơ chúng tôi biết được rằng ngày 5 tháng Tám 1851 ông ta nhận được tài liệu lưu trữ của Đít-xơ được bọc kỹ bằng vải sơn chắc chắn. Ngày 8 hoặc 9 tháng Tám 1851 ở Pa-ri đã xuất hiện một Smít nào đó. Rõ ràng Smít là họ không thay thế được dùng cho những người ẩn danh du lịch của nhân viên cảnh sát Phổ. Vào những năm 1845 - 1846, dưới cái tên Smít, Sti-bơ tiến hành cuộc hành trình qua các ngọn núi Xi-lê-di, với cái tên Smít, nhân viên của ông ta tại Luân Đôn là *Phlơ-ry* vào năm 1851 tiến hành cuộc hành trình tới Pa-ri. Ở đây hắn ta tìm ra từng người cầm đầu âm mưu của đảng Vi-lích - Sáp-pơ và, trước hết, phát hiện ra Séc-van. Hắn ta kể lại, tỏ vẻ như là đã bỏ chạy khỏi Khuên và đã cứu được quỹ tiền mặt của Liên đoàn ở địa phương gồm 500 ta-le. Hắn xác nhận tư cách của mình bằng những giấy ủy nhiệm từ Đre-xden và những nơi khác gửi tới, dấy lên câu chuyện về việc cải tổ Liên đoàn, về việc hợp nhất các đảng khác nhau, bởi vì những sự phân liệt là do những bất đồng có tính chất thuần túy cá nhân gây ra, - ngay từ lúc bấy giờ cảnh sát đã hô hào thống nhất và dàn hòa, - và hứa hẹn dùng 500 ta-le nói trên để làm cho Liên đoàn hưng thịnh trở lại. Smít dần dà làm quen với từng người cầm đầu các hội của Vi-lích - Sáp-pơ thuộc Liên đoàn ở Pa-ri. Hắn ta không chỉ biết được địa chỉ của họ, mà còn dến thăm hỏi, do thám những thư từ trao đổi giữa họ, theo dõi từng bước đi của họ, thâm nhập vào các cuộc họp của họ, kích động

họ như agent provocateur[1*]. Smít càng không tiếc lời khen ngợi Séc-van bao nhiêu như là một bậc trượng phu chưa từng biết tới của Liên đoàn, một "thủ lĩnh chính" mà đến lúc này tự bản thân cũng không ý thức được giá trị của mình, vốn là điều thường thấy ở nhiều con người vĩ đại, thì Séc-van lại càng tự phụ bấy nhiêu. Có một lần vào chiều tối, Smít cùng Séc-van tới dự cuộc họp của Liên đoàn, trước khi gửi bức thư cho Ghi-pe-rích, Séc-van đã đọc cho hắn ta nghe bức thư nổi tiếng của mình, thế là Smít mới biết có một con người là Ghi-pe-rích. "Nếu như Ghi-pe-rích trở về Xtơ-ra-xbua", - Smít ghi nhớ, - "thì chúng ta hãy gửi ngay cho ông ta giấy ủy nhiệm để nhận khoản 500 ta-le đó hiện đang nằm ở Xtơ-ra-xbua. Đấy, xin gửi ông địa chỉ của người hiện đang giữ khoản tiền đó. Còn ông hãy cho tôi địa chỉ của Ghi-pe-rích để chuyển cho người mà Ghi-pe-rích sẽ tới gặp, coi đó là giấy xác nhận". Thế là Smít nhận được địa chỉ của Ghi-pe-rích. Vào chính chiều tối mà Séc-van gửi bức thư đi cho Ghi-pe-rích thì 15 phút sau Ghi-pe-rích bị bắt theo chỉ thị được chuyển bằng điện tín; phòng riêng của ông ta đã bị lục soát và bức thư nổi tiếng kia bị chiếm đoạt. *Người ta đã bắt* Ghi-pe-rích *trước khi bắt Séc-van.*

Sau đó ít lâu Smít báo cho Séc-van biết, có một tên mật vụ của cảnh sát Phổ mang tên Sti-bơ tới Pa-ri. Ông ta, Smít, không chỉ biết phòng riêng của hắn, mà qua một chú bồi bàn ở quán cà phê đối diện, Smít còn nghe được rằng Sti-bơ đã thỏa thuận việc bắt giữ ông, ông Smít. Theo lời ông ta, Séc-van chính là con người có thể cho tên cảnh sát Phổ đáng khinh bỉ kia một bài học. "Tôi sẽ quẳng hắn ta xuống sông Xen", - Séc-van đáp lại. Họ quy ước với nhau, ngày hôm sau thâm nhập vào phòng riêng của Sti-bơ, lấy cớ nào đó để thấy rõ hắn có mặt ở nhà và ghi nhớ những dấu hiệu của hắn. Đến chiều tối hôm sau cả hai nhân vật của chúng ta tiến hành hoạt động đó. Trên đường đi Smít nhận định rằng, tốt hơn, nếu như Séc-van sẽ vào nhà còn ông ta sẽ đi đi lại lại trước nhà để canh phòng. "Anh hỏi người gác cổng xem Sti-bơ có

1* - kẻ khiêu khích



nhà không", - ông ta nói tiếp, - "và nếu như ông ta để anh vào, thì hãy nói với Sti-bơ rằng anh muốn nói chuyện với ông Spéc-linh-gơ và hỏi ông ta xem ông ta đã mang tấm kỳ phiếu đang mong đợi từ Khuên tới chưa. Mà này, còn một điều nữa: chiếc mũ trắng của anh làm người ta dễ để ý, nó có vẻ dân chủ quá! Thế này nhé, hãy đội chiếc mũ đen của tôi!". Họ đổi mũ cho nhau. Smít ở lại gác còn Séc-van thì bấm chuông và đi vào nhà ở của Sti-bơ. Người gác cổng nói, hình như là Sti-bơ không có ở nhà và Séc-van đã định quay đi thì từ cầu thang gác vang lên giọng nói của một phụ nữ: "Có đấy, Sti-bơ ở nhà". Séc-van đi về phía có tiếng nói và đứng trước một con người đeo kính xanh lá cây, tự xưng là Sti-bơ. Séc-van nói lời đã quy ước về kỳ phiếu và Spéc-linh-gơ. "Không nên thế" - Sti-bơ nhanh nhẩu ngắt lời ông ta, - "Ngài tới đây vào nhà, hỏi thăm tôi, người ta chỉ cho Ngài phòng riêng của tôi, sau đó Ngài định bỏ đi v.v.. Điều đó đối với tôi thật là khả nghi". Séc-van đáp lại một cách thô lỗ. Sti-bơ bấm chuông, lập tức có một số tên côn đồ xuất hiện và vây quanh Séc-van; Sti-bơ tủm lấy túi áo khoác ngoài của ông ta, một bức thư từ trong túi thò ra. Thực ra, đấy không phải là chỉ thị của Séc-van gửi cho Ghi-pe-rích nhưng vẫn là bức thư của Ghi-pe-rích gửi cho Séc-van. Séc-van định nuốt bức thư đó nhưng Sti-bơ thò tay vào miệng ông ta. Séc-van cắn, xô đẩy, đấm đá. Trong lúc Sti-bơ phụ quân cố sức để giật lấy một nửa bức thư đó thì vợ ông ta ra sức cứu lấy nửa kia và bị thương vì nhiệt tình phục vụ của mình. Tiếng ồn ào do cảnh tượng đó gây nên đã lôi cuốn những người đang sống ở đấy kéo cả ra khỏi nhà. Trong lúc đó một trong số những côn đồ của Sti-bơ đã ném chiếc đồng hồ vàng qua tay vịn cầu thang và đáp lại lời kêu của Séc-van "Mouchard!" 1* - Sti-bơ và đồng bọn la lên: "Au voleur!"[2*]. Người gác cổng mang chiếc đồng hồ vàng tới và mọi người cùng kêu lên: "Au voleur!". Séc-van bị bắt giữ; ông ta không thấy ông bạn Smít của mình đứng gần cửa nữa, nhưng lại có 4 - 5 tên lính đứng đấy để bắt giữ ông ta.

1* - "Mật vụ!"
2* - "Bắt lấy kẻ trộm".

Trước những sự kiện thì mọi điều thần kỳ mà Sti-bơ đã thể xác nhận, đều biến đi hết. Nhân viên của ông ta là Phlơ-ry đã hoạt động trên ba tuần lễ; hắn ta không chỉ khám phá ra các manh mối của âm mưu, mà còn giúp dơm đặt thêm những tình tiết; Sti-bơ chỉ còn có việc rời khỏi Béc-lin và reo lên: Veni, vidi, vici[1*]. Hắn ta có thể mang tới làm quà cho Các-li-ê một âm mưu đã được chuẩn bị xong xuôi. Chỉ còn cần Các-li-ê "phải sẵn sàng chuẩn bị chu đáo" để thực hiện những hành động kiên quyết. Bà Sti-bơ cũng không cần thiết phải bị Séc-van cắn vào ngày mùng 3 nữa, vì ông Sti-bơ đã thò tay vào miệng Séc-van ngày mùng 4. Giống như I-ô-na từ trong bụng cá voi chui ra, chẳng cần gì phải lấy ra nguyên vẹn từ cái mồm của "Séc-van nguy hiểm" địa chỉ của Ghi-pe-rích và bản chỉ thị quan trọng sau khi chúng bị nhai mất một nửa. Cái duy nhất vẫn còn xứng đáng với những điều thần kỳ - đó là lòng tin của các vị bồi thẩm vào những sự thần kỳ mà Sti-bơ với cái vẻ nghiêm trang đã cả gan khai với họ những điều bịa đặt giả dối. Thực chất đó là những người đại biểu thực thụ cho "trí tuệ hạn chế của những thần dân trung thành!"[2*].

"Trong nhà tù", - Sti-bơ cung khai có tuyên thệ (phiên tòa ngày 18 tháng Mười), "sau khi tôi cho Séc-van biết tất cả những thông báo nguyên bản mà ông ta đã chuyển tới Luân Đôn khiến cho ông ta quá ư sửng sốt và sau khi ông ta tin chắc là tôi biết hết mọi chuyện, thì ông ta thành khẩn thú nhận với tôi tất cả".

Những gì mà lúc đầu Sti-bơ đưa cho Séc-van, tuyệt nhiên không phải là những thông báo nguyên bản mà Séc-van đã gửi tới Luân Đôn. Mà chỉ là sau này Sti-bơ ở Béc-lin đã sao lục những thông báo ấy cùng với những tài liệu khác trong hồ sơ lưu trữ của Đít-xơ. Lúc đầu ông ta chỉ đưa cho Séc-van xem bức thư thông báo mà Séc-van vừa mới nhận được do Ô-xvan-đơ Đít-xơ ký tên và một số bức thư viết gần đây của Vi-lích. Bằng cách nào Sti-bơ đã có được những bức thư đó? Trong lúc Séc-van cắn và ẩu đả với Sti-bơ và vợ ông ta thì ông Smít-Phlơ-ry đã can đảm lao tới nhà

1* - Đã đến, đã thấy, đã thắng!
2* - Câu nói của Bộ trưởng Phổ Phôn Rô-khốp



bà Séc-van, một người đàn bà Anh; ông này nói với bà - ông Phlơ-ry, một thương nhân người Đức ở Luân Đôn, dĩ nhiên nói bằng tiếng Anh, - rằng chồng của bà bị bắt, rằng nguy cơ thật là lớn và bà có thể trao cho y giấy tờ của Séc-van để họ khỏi bôi nhọ ông Séc-van nữa, và rằng Séc-van ủy nhiệm cho y chuyển những giấy tờ đó cho một người thứ ba. Để chứng minh rằng ông là người thực tế được cử tới, ông đưa cho thấy chiếc mũ trắng mà ông ta đã lấy của Séc-van vì chiếc mũ này có vẻ dân chủ quá. Phlơ-ry nhận các bức thư từ tay bà Séc-van, còn Sti-bơ thì nhận chúng từ tay Phlơ-ry chuyển tới.

Dẫu sao đi nữa thì Sti-bơ lúc này đã có cơ sở hoạt động thuận lợi hơn so với trước đây ở Luân Đôn. Ông ta có thể lấy cắp các giấy tờ của Đít-xơ, và cũng có thể bịa ra cả những lời cung khai của Séc-van. Và thế là hắn buộc Séc-van của hắn (phiên tòa ngày 18 tháng Mười) kể lại những điều sau đây "về mối liên hệ của Séc-van với nước Đức" như sau:

"Ông ta nói một thời gian dài ông ta đã sống ở tỉnh Ranh, và đặc biệt là năm 1848, đã sống ở Khuên. Ở đấy ông ta làm quen với Mác và được Mác kết nạp vào Liên đoàn, sau đó ông ta sốt sắng giúp vào việc mở rộng Liên đoàn ở Pa-ri dựa vào cơ sở những phần tử đã nằm sẵn tại đó".

Năm 1846, Séc-van được Sáp-pơ kết nạp vào Liên đoàn tại Luân Đôn và theo đề nghị của Sáp-pơ, trong khi mà Mác lúc bấy giờ đang sống ở Bruy-xen và, thậm chí hoàn toàn chưa phải là thành viên của Liên đoàn[295]. Như vậy, Séc-van không thể nào được Mác kết nạp vào chính Liên đoàn đó trong năm 1848 tại Khuên.

Khi cuộc cách mạng tháng Ba bùng nổ thì Séc-van tới đất Phổ vùng Ranh mấy tuần lễ nhưng từ đó lại quay trở về Luân Đôn, và nằm lỳ ở đấy từ cuối mùa xuân năm 1848 tới mùa hè năm 1850. Do vậy trong thời kỳ đó ông ta không thể "sốt sắng giúp vào việc mở rộng Liên đoàn tại Pa-ri", hoặc có thể là Sti-bơ, người đã làm những điều thần kỳ về thời gian cũng lại có thể thực hiện cả những điều thần kỳ *về không gian* và thậm chí ban cho người khác cái tính năng có mặt ở khắp mọi nơi.

Chỉ sau khi bị trục xuất khỏi Pa-ri vào tháng Chín 1849, khi ở Luân Đôn, Mác đã gia nhập vào Hội công nhân ở phố Grai-tơ Oan-đơ-mi-lơ, trong số hàng trăm công nhân khác Mác cũng có làm quen với Séc-van nhưng rất hời hợt. Do đó, Mác không thể làm quen với ông ta vào năm 1848 tại Khuên.

Lúc ban đầu, về tất cả các điểm đó Séc-van đã nói sự thật với Sti-bơ. Sti-bơ định buộc ông ta phải khai man. Sti-bơ có đạt được mục đích của y không? Chỉ có những lời khai của chính Sti-bơ mới trả lời được cho điều đó, do đó việc làm đó là chổ yếu của ông ta. Đối với Sti-bơ toàn bộ sự việc, dĩ nhiên, là ở chỗ làm thế nào đặt Séc-van vào mối liên hệ bịa đặt với Mác và do đó mà tạo ra được mối liên hệ giả tạo giữa những bị cáo trong vụ án ở Khuên và vụ âm mưu Pa-ri.

Đúng vào lúc Sti-bơ cần phải đi sâu en détail[1*] vào vấn đề về các mối liên hệ và thư từ trao đổi của Séc-van và các đồng chí của ông ta với nước Đức, thì y lại tránh né thậm chí cả việc nhắc tới Khuên, nhưng lại dương dương tự đắc kể con cà con kê về Hếch-cơ ở Brao-svai-gơ, về Lau-bơ ở Béc-lin, về Rai-ninh-gơ ở Ma-in-xơ, về Tít-xơ ở Hăm-buốc v.v. và v.v. - nói tóm lại, về đảng của Vi-lích-sáp-pơ. Đảng này, Sti-bơ nói, có "trong tay mình tài liệu lưu trữ của Liên đoàn". - Vì sơ suất, những tài liệu lưu trữ này từ tay của đảng đó đã chuyển sang tay của Sti-bơ. Trong số tài liệu lưu trữ đó Sti-bơ không tìm thấy *một dòng* nào, mà có lẽ, của Séc-van chuyển tới Luân Đôn hoặc, nói chung, gửi cho cá nhân Mác, *trước khi có sự phân liệt* của Ủy ban trung ương ở Luân Đôn trước ngày 15 tháng Chín 1850.

Thông qua Smít - Phlơ-ry, bằng cách lừa đảo, ông ta đã đoạt giấy tờ của Séc-van từ tay bà vợ của ông. Nhưng, ông ta vẫn không tìm thấy một dòng nào mà Séc-van có thể đã nhận được từ Mác. Để giải thoát sự đau khổ đó, Sti-bơ buộc Séc-van phải viết theo lời y đọc,

1* - vào chi tiết



"rằng ông ta có quan hệ căng thẳng với Mác bởi vì mặc dầu Ủy ban trung ương nằm ở Khuên, mà Mác vẫn yêu cầu phải trao đổi thư từ cơ với ông ta".

Nếu như Sti-bơ không thể phát hiện ra những thư từ trao đổi giữa Mác và Séc-van *trước* ngày 15 tháng Chín 1850, thì cái đó chỉ đơn giản là do *sau* ngày 15 tháng Chín 1850 Séc-van đã cắt đứt mọi sự trao đổi thư từ với Mác. Pends - toi, Figaro, tu n'aurais pas inventé cela![1*]"

Các tài liệu mà Chính phủ Phổ đã thu thập để buộc tội các bị cáo trong thời gian thẩm cứu kéo dài một năm rưỡi, một phần dựa vào sự giúp đỡ của chính Sti-bơ, đã bác bỏ sự tồn tại của bất cứ mối liên hệ nào đó giữa các bị cáo với chi bộ Pa-ri và với âm mưu Đức - Pháp.

Lời kêu gọi của Ủy ban trung ương Luân Đôn phát đi vào tháng Sáu 1850 đã từng chứng minh rằng chi hội Pa-ri đã bị giải tán trước khi xảy ra sự phân liệt Ủy ban trung ương. Sáu bức thư trong số tài liệu lưu trữ của Đít-xơ chứng minh rằng, sau khi Ủy ban trung ương chuyển tới Khuên, các chi bộ ở Pa-ri đã được phái viên của đảng Vi-lích-sáp-pơ là ông A. May-ơ tổ chức lại. Các bức thư của khu ủy Pa-ri cũng thuộc tài liệu lưu trữ đó chứng minh rằng khu ủy đó đã có những quan hệ thù địch gay gắt với Ủy ban trung ương ở Khuên. Cuối cùng, bản buộc tội của Pháp đã chứng minh rằng tất cả những gì quy tội cho Séc-van và các đồng chí của ông chỉ xảy ra vào năm 1851. Vì vậy, Dết-tơ (phiên tòa ngày 8 tháng Mười một) mặc dầu có những điều phanh phui của Sti-bơ, vẫn thấy điều tốt hơn đối với ông ta là chỉ nên ám chỉ một cách tế nhị rằng đảng của Mác, có thể là, vào lúc nào đó, bằng cách nào đó, đã nhúng tay vào một âm mưu nào đó ở Pa-ri, tuy nhiên ông ta cũng tuyên bố không biết gì hơn về thời gian của âm mưu đó, về chính cái âm mưu đó, duy chỉ có một điều là, theo

1* - Hãy treo cổ mình lên, Phi-ga-rô, mày không nghĩ ra được điều đó đâu! (Bô-mác-se. "Một ngày khủng khiếp hoặc cuộc kết hôn của Phi-ga-rô").

chỉ thị của cấp trên, Dết-tơ cho rằng có thể có âm mưu như vậy. Có thể suy ra sự dần độn của báo chí Đức khi họ kể những chuyện thần thoại về sự sáng suốt của Dết tơ!

Cảnh sát Phổ de longue main[1*] đã định miêu tả cho công chúng biết Mác, và thông qua Mác biết cả những bị cáo ở Khuên đã nhúng tay vào vụ âm mưu Đức - Pháp. Trong thời gian xét xử vụ án Séc-van, tên mật vụ cảnh sát Bếch-cơ-man đã gửi tới báo "Kölnische Zeitung" một bản tin ngắn sau đây đề: Pa-ri, ngày 25 tháng Hai 1852:

"Một số bị cáo đã lẩn trốn, trong số đó có A.May-ơ nào đó mà người ta miêu tả như là phái viên của *Mác và đồng bọn*".

Sau đó tờ "Kölnische Zeitung" cho đăng bản tuyên bố của Mác, trong đó nói rằng "A. May-ơ là một trong những người bạn thân thiết của ông Sáp-pơ và của Vi-lích, cựu trung úy Phổ và người này hoàn toàn xa lạ đối với Mác"[2*]. Bây giờ thì trong lời khai của mình ngày 18 tháng Mười 1852, chính Sti-bơ tuyên bố rằng "các ủy viên Ủy ban trung ương bị đảng của Mác khai trừ ngày 15 tháng Chín 1850 ở Luân Đôn đã cử A. May-ơ tới Pháp" v.v. và thậm chí còn trích dẫn thư trao đổi giữa A. May-ơ với Sáp-pơ - Vi-lích.

Một trong những đảng viên "đảng của Mác" *Côn-rát Sram*, do các cuộc truy nã người nước ngoài, nên tháng Chín 1851 đã bị bắt giữ ở Pa-ri tại quán cà phê cùng với 50 - 60 khách hàng có mặt tại đấy; người ta đã giam giữ ông ta gần hai tháng vì buộc tội là đã tham gia âm mưu do một tên người Ai-rơ-len là Séc-van chỉ đạo. Ngày 16 tháng Mười, tại một nhà tù của cảnh sát quận, một người Đức đến thăm và đã nói với ông ta những lời sau đây:

"Tôi là một quan chức Phổ. Ông cũng biết rằng, trên tất cả các miền của nước Đức, đặc biệt là ở Khuên, đã tiến hành nhiều cuộc bắt bớ vì phát hiện ra một hội cộng sản. Một cái tên nào đó được nhắc tới trong thư cũng đủ để gây nên chuyện bắt giữ người

1* - tử tế
2* - Xem tập này, tr. 313.



đó. Chính phủ lâm vào tình thế khó khăn nhất định, vì số người bị bắt khá đông, chính phủ lại không biết họ có quan hệ gì hay không với vụ này. *Chúng tôi đều biết rằng ông không tham gia complot franco – allemand*[1*] và, ngược lại *ông rất quen biết Mác và Ăng-ghen và rõ ràng là ông được thông báo mọi chi tiết về các liên minh cộng sản Đức*. Ông có lẽ sẽ làm ơn quá nhiều đối với chúng tôi nếu như ông có thể cung cấp cho chúng tôi những tin tức cần thiết về vấn đề này và có ý muốn chỉ ra một cách chính xác hơn những người có tội hoặc không có tội. Bằng việc làm đó, ông có thể giúp vào việc giải thoát nhiều người. Nếu ông muốn, chúng tôi có thể làm biên bản về những lời tuyên bố của ông. Ông không có điều gì phải lo ngại về những lời tuyên bố đó" v.v..

Dĩ nhiên, Sram đã chỉ tay đuổi viên quan chức đường mật đó của nhà nước Phổ ra khỏi cửa, biểu thị sự phản đối nội các nước Pháp đối với các cuộc thăm viếng tương tự và vào cuối tháng Mười thì bị trục xuất khỏi nước Pháp.

Qua bản tuyên bố tìm thấy ở Đít-xơ về việc rút ra khỏi Hội công nhân, cảnh sát Phổ biết được rằng Sram là người thuộc "đảng của Mác". Cảnh sát Phổ cũng tự thừa nhận với Sram rằng "đảng của Mác" không hề dính líu tới vụ âm mưu của Séc-van. Nếu như có thể chứng minh được mối liên hệ giữa "đảng của Mác" và vụ âm mưu của Séc-van thì điều đó không thể nào xảy ra ở Khuên, mà chỉ có thể ở Pa-ri, tại đó có một đảng viên của đảng này cũng bị bắt giữ cùng một lúc với Séc-van. Nhưng Chính phủ Phổ lo sợ nhất sự đối chất giữa Séc-van và Sram, vì sự đối chất đó có thể sẽ sớm làm tiêu ma mọi kết quả mà họ hy vọng rút ra được từ vụ án Pa-ri để chống lại những bị cáo ở Khuên. Khi thả Sram ra, viên dự thẩm tòa án nước Pháp đưa ra lời thẩm định thừa nhận rằng vụ án ở Khuên không đính dáng gì với âm mưu ở Pa-ri.

Sti-bơ cố thử lần cuối cùng:

"Còn về người cầm đầu nói trên của những người cộng sản Pháp - ông Séc-van, thì một thời gian dài người ta đã cố công tìm hiểu cận kẽ xem ông Séc-van đó đích thực là ai, nhưng không có kết quả. Cuối cùng, từ một bản tuyên bố mật do chính tay Mác viết gửi cho một nhân viên cảnh sát, mới biết rõ, đó là một người đã trốn khỏi nhà tù A-khen vào năm 1845, nơi ông ta bị giam giữ do làm giả kỳ phiếu, năm 1848, vào thời gian xảy ra những vụ lộn xộn lúc bấy giờ, ông ta được Mác kết nạp vào Liên đoàn và được cử tới Pa-ri với tư cách là phái viên của Liên đoàn".

1* - vụ âm mưu Đức - Pháp

Mác không thể thông báo cho tên mật vụ cảnh sát Sti-bơ spiritus familiaris[1*] đó biết rằng, năm 1848 ở Khuên, ông đã kết nạp Séc van vào chính Liên đoàn mà Sáp-pơ đã kết nạp ông ta vào năm 1846 ở Luân Đôn, hoặc là rằng ông đã buộc Séc-van phải sống ở Luân Đôn và cũng trong thời gian đó, phải dích thân tiến hành việc tuyên truyền ở Pa-ri, cũng như trước khi có lời cung khai của Sti-bơ, ông không thể thông báo cho alter ego[2*] của ông cho chính một mật vụ cảnh sát, rằng năm 1845 Séc-van đã ngồi trong nhà tù ở A-khen và đã làm kỳ phiếu giả, vì ông biết được điều này chính là qua lời cung khai của Sti-bơ. Phải chăng Sti-bơ nào đó được phép làm điều tương tự theo kiểu hysteron proteron[3*]. Thế giới cổ đại đã để lại sau nó *đấu sĩ đang hấp hối*, nhà nước Phổ đang để lại phía sau nó *tên Sti-bơ đang tuyên thệ*[4*].

Thế là, một thời gian dài, rất dài, người ta đã cố công tìm hiểu tỉ mỉ mà chưa có kết quả xem Séc-van thực sự là người thế nào. Chiều ngày 2 tháng Chín Sti-bơ tới Pa-ri. Chiều ngày 4 Séc-van bị bắt giữ, chiều ngày 5 người ta đã dẫn ông ta từ xà-lim tới một căn phòng ánh sáng lờ mờ. Sti-bơ đã ở đấy, và bên cạnh Sti-bơ còn có một quan chức cảnh sát người Pháp, một tên - người An-da-xơ mặc dầu nói trọ trẹ tiếng Đức nhưng rất hiểu ngôn ngữ Đức và có trí nhớ của một tên cảnh sát; một tên cố vấn cảnh sát Béc-lin vờ vĩnh khúm núm đối với ông ta là người không phải là dễ chịu. Thế là, với sự có mặt của viên quan chức Pháp này đã diễn ra cuộc trò chuyện sau đây:

*Sti- bơ* nói bằng tiếng Đức: "ông Séc-van. Ông hãy lắng nghe, chúng tôi biết rất rõ hộ Pháp của ông và tấm hộ chiếu Ai-rơ-len của Ông là thế nào rồi. Chúng tôi biết ông, ông là người dân Phổ thuộc vùng Ranh. Ông tên là C. để tránh cho mình mọi hậu quả - đó là điều chỉ tùy thuộc vào bản thân Ông thôi, có thể đạt được điều đó bằng cách Ông hãy tự thú nhận với chúng tôi tất cả một cách thật cởi mở" v.v.. v.v.

1* - thần linh, thổ công

2* - "cái tôi" thứ hai

3* - Sai lầm trong việc thừa nhận cái kế tiếp và cái có sau (hysteron) là cái ban đầu và cái có trước (proteron); sự xuyên tạc tính nhất quán thực tế.

4* Chơi chữ: "Stieber" cũng có nghĩa là "tên chó săn", "tên chỉ điểm".



Séc-van đáp lại bằng sự từ chối.

*Sti-bơ*: "Những người này, người nọ đã làm giả kỳ phiếu, chạy trốn khỏi nhà tù của Phổ đã bị các nhà cầm quyền Pháp giao nộp cho Phổ, và vì vậy tôi xin nhắc lại với Ông một lần nữa rằng, hãy suy nghĩ đi, ở đây vấn đề là về 12 năm tù biệt giam cơ đấy".

*Viên quan chức cảnh sát người Pháp*: "Chúng ta để cho người này có thời gian, hãy để cho ông ta suy nghĩ kỹ trong xà lim của mình".

Séc-van được dẫn trở về xà lim của ông ta.

Dĩ nhiên, Sti-bơ không thể nói thẳng thừng, ông ta không thể thú nhận với công chúng rằng ông có ý định ép buộc Séc-van phải khai man, lấy cái bóng ma đem giao nộp và kết án 12 năm tù biệt giam để dọa dẫm Séc-van.

Song Sti-bơ vẫn chưa tìm hiểu kỹ Séc-van thực sự là ai. Trước mặt các bồi thẩm ông ta vẫn gọi người này là Séc-van, chứ không phải là C. Hơn thế nữa, ông ta cũng không biết, Séc-van thực sự đang ở đâu. Trong phiên tòa ngày 23 tháng Mười ông ta vẫn còn suy đoán rằng Séc-van đang ở Pa-ri. Tại phiên tòa ngày 27 tháng Mười, bị dồn tới chân tường bởi câu hỏi của luật sư Snai-đơ II: "Séc van từng được nhắc tới nhiều lần có phải hiện nay không nằm ở Luân Đôn phải không?", Sti-bơ trả lời rằng "về việc này ông ta không thể thông báo tin tức nào cả, mà chỉ có thể nhắc lại tin đồn rằng hình như Séc-van lẩn trốn ở Pa-ri".

Chính phủ Phổ đã gặp vận rủi, theo lẽ thường tình: nó đã bị đánh lừa. Chính phủ Pháp cho phép nó cộng tác làm việc cho vụ âm mưu Đức - Pháp nhưng không cho nó hưởng gì. Séc-van biết cách lấy lòng Chính phủ Pháp, và chính phủ đó đã tạo cho ông ta khả năng mấy ngày sau khi xét xử xong vụ án tại tòa án bồi thẩm ở Pa-ri cùng với Ghi-pe-rích chạy sang Luân Đôn. Chính phủ Phổ tính chuyện thông qua Séc-van có được một công cụ cho vụ án ở Khuên, nhưng họ cũng chỉ tuyển mộ thêm được một tên chỉ điểm cho Chính phủ Pháp[296].

Một ngày trước cuộc bỏ trốn không có thật của Séc-van, có một faquin[1*] nào đó người Phổ mặc áo đuôi tôm màu đen, tay áo

1* - tên gian hùng, tên vô liêm sỉ.

có mãng sét, có bộ ria mép đen để dài, tóc bạc lưa thưa cắt ngắn, nói tóm lại, một gã đàn ông không phải xoàng, đã đến gặp ông ta, sau này gã được giới thiệu với Séc-van là trung úy cảnh sát Grây-phơ và sau đó chính gã cũng tự giới thiệu là Grây-phơ. Grây-phơ được phép tới gặp Séc-van theo giấy phép mà gã nhận trực tiếp từ tay Bộ trưởng cảnh sát không qua tên quận trưởng cảnh sát. Bộ trưởng cảnh sát thích thú với ý nghĩ lừa phỉnh được những tên Phổ mà y yêu mến.

*Grây-phơ*: "Tôi là viên chức của Phổ được phái tới đây để thương lượng với Ông; Ông không bao giờ thoát khỏi được nơi này mà không có chúng tôi. Tôi có lời đề nghị với Ông. Trong bản tuyên bố gửi cho Chính phủ Pháp Ông hãy đòi người ta giao Ông cho Phổ; trước đây người ta đã hứa trước với chúng tôi đồng ý làm việc đó. Tại Phổ Ông cần cho chúng tôi với tư cách là một nhân chứng ở Khuên. Khi Ông làm xong nhiệm vụ và vụ án kết thúc, với lời hứa danh dự, chúng tôi sẽ để ông được tự do".

*Séc-van*: "Không có các ông tôi cũng sẽ ra được".

*Grây-phơ*, nói một cách tin tưởng: "Cái đó không thể có được!"

Grây-phơ cũng gọi Ghi-pe-rích tới và đề nghị ông ta trong vòng 5 ngày phải tới Han-nô-vơ với tư cách là một phái viên cộng sản. Và đề nghị đó cũng không đạt kết quả. Ngày hôm sau Séc-van và Ghi-pe-rích bỏ chạy. Các quan chức Pháp cười gằn, công văn hỏa tốc nói về tai họa này được chuyển ngay tới Béc-lin, còn Sti-bơ ngày 23 tháng Mười vẫn thề khai rằng Séc-van hiện đang ở Pa-ri; thậm chí ngày 27 tháng Mười y cũng không thể loan báo một tin nào và chỉ qua tin đồn mà biết rằng Séc-van lẩn trốn "ở Pa-ri". Trong khi đó thì trung úy cảnh sát Grây-phơ trong thời gian ở Khuên đang xét xử, đã ba lần tới gặp Séc-van ở Luân Đôn, nhân tiện cũng là để dò hỏi ông ta địa chỉ của Nê-thơ ở Pa-ri, vì người ta tính chuyện mua của tên này lời cung chứng chống lại những người bị cáo ở Khuên. Nhưng việc làm đó không đạt được gì cả.

Sti- bơ có đủ căn cứ để giấu giếm các quan hệ của y với Séc-van. Vì vậy C-r vẫn là Séc-van, tên Phổ vẫn là tên Ai-rơ-len, và cũng



đến lúc này Sti-bơ chưa biết được Séc-van đang ở đâu và "Séc-van, thực sự là ai"[1].

Qua thư từ trao đổi giữa Séc-van với Ghi-pe-rích, cuối cùng bộ ba Dếch-ken-đoóc-phơ - Dết-tơ - Sti-bơ nắm được điều mà họ cần biết:

"Đối với tôi Các Mo-rơ là mẫu mực

Và Gan-xơ theo bí danh là kẻ tàn bạo"[299].

Để nhằm làm cho bức thư của Séc-van gửi Ghi-pê-rích in sâu đến đầu đến đũa vào những bộ não ngoan cố của 300 nhà đóng thuế chính đang đại diện cho tòa án bồi thẩm, nó được vinh hạnh đọc ba lần. Do cái nhiệt tình chất phác kiểu Xư-gan của nó mà bất kỳ người nào có hiểu biết đều nhận ngay ra được các mánh khóe của tên hề cố gắng làm ra vẻ đáng sợ đối với chính hắn và những người khác.

Tiếp sau, Séc-van và các đồng chí của ông đều chia sẻ những hy vọng chung của phái dân chủ vào sức mạnh thần kỳ của ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm 1852[299]; vào ngày đó họ quyết định tham gia các sự kiện cách mạng. Smít-Phlơ-ry cố gắng gán cho ý nghĩ luôn ám ảnh đó một hình dạng ý đồ. Như vậy, Séc-van và K[0] rơi vào phạm trù pháp lý của âm mưu. Vậy là dựa vào họ

1) - Thậm chí trong "sổ đen" [297] Sti-bơ chưa biết được Séc-van đích thực là ai. Ở phần II, trang 38, dưới N° 111 ghi "Séc-van" và chỉ dẫn: "xem Crê-mơ", còn dưới N°116 ghi "Crê-mơ" có nói: "dưới cái tên Séc-van, như đã thấy rõ ở N° 111, Crê-mơ đã tiến hành sự hoạt động rất rộng rãi vì lợi ích của Liên đoàn những người cộng sản. Y cũng mang bí danh trong Liên đoàn là Phran-cơ. Dưới cái tên Séc-van y đã bị tòa án bồi thẩm Pa-ri kết án vào tháng Hai 1853" (đáng lẽ phải là năm 1852) 8 năm tù ngồi nhưng chẳng bao lâu y đã chạy trốn và đi Luân Đôn". Ở phần II của sổ này Sti-bơ lại càng không biết rõ, trong phần này có bảng chỉ dẫn các số liệu nhân sự về những người bị tình nghi xếp theo thứ tự vần chữ cái và được ghép thêm số thứ tự. Ông ta cũng quên rằng, ở phần I, ở trang 81, ông ta thốt lên lời thừa nhận như sau: "Séc-van, thực sự, là con của một quan chức ở vùng Ranh mang tên Giô-dép Crê-mơ, ông này (ai vậy? cha hay con?) "đã lợi dụng nghề in li-tô, làm giả ký phiếu vì vậy nên đã bị bắt giữ, nhưng năm 1844 trốn khỏi nhà giam ở Khuên" (không đúng, khỏi nhà giam A-khen!) "lúc đầu sang Anh, sau đó sang Pa-ri". - Hãy so sánh điều này với những lời cung khai dẫn ra ở trên của Sti-bơ trước các bồi thẩm. Cảnh sát bất cứ lúc nào cũng đều tuyệt đối không có khả năng nói lên sự thật. (Chữ thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1885).

mà có được những bằng cớ chứng tỏ rằng nếu những bị cáo ở Khuên đã không đặt ra âm mưu chống lại Chính phủ Phổ, thì trong mọi trường hợp rõ ràng là đảng của Séc-van đã lập ra âm mưu chống lại nước Pháp.

Chính phủ Phổ định thông qua Smít - Phlơ-ry bịa đặt ra mối liên hệ giả tạo giữa vụ âm mưu Pa-ri và những bị cáo ở Khuên mà Sti-bơ phải xác nhận có tuyên thệ. Sti-bơ - Grây-phơ - Phlơ-ry - bộ ba ấy giữ vai trò chính trong vụ âm mưu của Séc-van. Về sau này chúng ta lại sẽ thấy bộ ba đó hoạt động.

Chúng tôi xin tóm tắt:

A là đảng viên cộng hòa, B cũng tự xưng là đảng viên cộng hòa, A và B có quan hệ thù địch với nhau. Theo sự ủy nhiệm của cảnh sát, B chế tạo ra mìn. Vì việc làm đó A bị truy tố. Nếu như không phải A chế tạo mìn mà là B, thì tội lỗi của A là ở chỗ ông ta có quan hệ thù địch với B. Để vạch mặt A, B tự xưng là nhân chứng chống lại A. Mật hài hước của vụ âm mưu Séc-van là như vậy đấy.

Cũng dễ hiểu, cái lô-gích tương tự đã bị sụp đổ trước công chúng. Những lời vạch trần "thực tế" của Sti-bơ đã bốc hơi thành chưởng khí hôi thối; vụ án bị đình lại ở sự thừa nhận buồn bã của công tố viên là "không có cấu thành tội phạm về mặt khách quan". Cần phải có những điều thần kỳ mới của cảnh sát.



# IV
# SỔ BIÊN BẢN GỐC

Trong phiên tòa ngày 23 tháng Mười vị chánh án[1*] nhận xét rằng "như cố vấn cảnh sát Sti-bơ đã tuyên bố với ông, ông ta phải cung cấp thêm những lời cung khai mới quan trọng", và nhằm mục đích đó, ông lại gọi những nhân chứng nói trên ra. Sti-bơ nhảy xổ lên trước và mở đầu cho một dàn cảnh mới.

Cho tới lúc này Sti-bơ đã trình bày đặc điểm hoạt động của đảng Vi-lích-Sáp-pơ, hoặc nói ngắn hơn, đảng của Séc-van, - hoạt động của đảng này *trước* và *sau khi* bắt giữ các bị cáo ở Khuên. Sti-bơ không hề nói được một điều gì về chính những bị cáo cả *trước* cũng như *sau khi* bắt giữ họ. Âm mưu của Séc-van phát sinh *sau khi* bắt giữ những bị cáo đó, và bây giờ Sti-bơ tuyên bố:

"Cho tới nay trong những lời khai của mình, tôi chỉ trình bày đặc điểm tình hình công việc trong Liên đoàn những người cộng sản và hoạt động của các thành viên trong Liên đoàn *trước khi bắt giữ* các bị cáo đó".

Như vậy, ông ta thừa nhận rằng âm mưu của Séc-van không có quan hệ gì với "tình hình công việc trong Liên đoàn những người cộng sản và hoạt động của các thành viên trong Liên đoàn". Ông ta thừa nhận những lời mà ông ta đã khai cho tới lúc này là *hoàn toàn vô tích sự*. Ông ta tỏ vẻ bàng quan đối với những lời khai của mình vào ngày 18 tháng Mười đến nỗi xem việc tiếp tục đem Séc-van đồng nhất với "đảng của Mác" là thừa.

"Trước hết", - ông ta nói, - "vẫn còn bỏ ngỏ vấn đề Vi-lích: trong số đó cho tới nay mới chỉ tóm được Séc-van ở Pa-ri v.v.. "

1* - Guê-ben

A ha! Vậy là thủ lĩnh chính Séc-van lại là thủ lĩnh của phái Vi-lích.

Nhưng bây giờ Sti-bơ phải đưa ra những thông báo *quan trọng nhất*, không chỉ *mới nhất* mà còn *quan trọng nhất*. Mới nhất và quan trọng nhất! Những thông báo quan trọng nhất đó sẽ mất đi tầm quan trọng của nó nếu không nhấn mạnh tới tính chất không quan trọng của những lời đã khai từ trước đến giờ. Cho tới lúc này, thật ra, tôi chưa thông báo gì hết, Sti-bơ giải thích, và chỉ bây giờ tôi mới bắt đầu. Xin chú ý! Cho tới nay tôi đã thông báo về đảng của Séc-van, một đảng thù địch với các bị cáo, điều này thực ra không liên quan gì tới vụ án. Bây giờ tôi thông báo về "đảng của Mác", là chủ đề chính phải nói đến trong vụ án này. Song Sti-bơ không thể phát biểu một cách giản dơn như vậy được. Vì vậy, ông ta nói: "Cho tới lúc này tôi đã đưa ra những nhận xét về Liên đoàn những người cộng sản *trước khi* bắt giữ các bị cáo, còn bây giờ tôi xin nhận xét về Liên đoàn đó *sau khi* bắt giữ các bị cáo". Với sự điêu luyện vốn có riêng của mình, ông ta thậm chí có thể làm cho những câu nói thuần túy mỹ từ mang tính chất lời tuyên thệ đổi trả.

Sau khi các bị cáo ở Khuên bị bắt giữ, hình như Mác đã thành lập một Ủy ban trung ương mới.

"Điều này có thể thấy rõ qua lời khai của một nhân viên cảnh sát do cục trưởng cảnh sát quả cố là Sun-txơ ngấm ngầm gài vào Liên đoàn ở Luân Đôn và bố trí cho tiếp xúc gần gũi với Mác".

Ủy ban trung ương mới này có một cuốn sổ để ghi biên bản và *"cuốn sổ biên bản gốc"* đó hiện đang nằm trong tay Sti-bơ. Cuốn sổ biên bản gốc xác nhận những âm mưu thâm độc khủng khiếp ở tỉnh Ranh, ở Khuên, thậm chí ở tại chính phòng xử của tòa án. Trong cuốn sổ đó có những điều chứng tỏ thư từ trao đổi giữa các bị cáo với Mác vẫn tiếp diễn xuyên qua các bức tường của nhà giam. Nói tóm lại: tài liệu lưu trữ của Đít-xơ là Cựu ước, còn sổ biên bản gốc là Tân ước. Cựu ước được bao trong vải sơn chắc chắn. Còn Tân ước thì được đóng bằng da dê thuộc màu đỏ



đáng sợ. Da dê thuộc màu đỏ trong bất kỳ trường hợp nào cũng đều là demonstratio ad oculos[1*], nhưng thế giới hiện nay còn vô thần hơn cả thời đại thánh Tô-ma; thế giới đó thậm chí không tin cả những gì mà nó nhìn thấy. Kể từ khi giáo phái Moóc-môn ra đời[300], - lúc này còn ai tin vào Cựu ước hoặc Tân ước? Nhưng Sti-bơ, một con người không hoàn toàn xa lạ với giáo phái Moóc-môn, cũng thấy trước được điều đó.

"Dĩ nhiên- tín đồ giáo phái Moóc-môn Sti-bơ nói, - dĩ nhiên là người ta có thể phản đối tôi rằng tất cả những điều đó chỉ là những chuyện đặt điều của những nhân viên cảnh sát đáng khinh, nhưng", - Sti-bơ khai có tuyên thệ, - "nhưng tôi có những chứng cứ đầy đủ để thấy được các thông báo của họ là xác thực và đáng tin cậy".

Hãy thử nghĩ xem! Những chứng cứ xác thực và những chứng cứ đáng tin cậy! Mà lại còn là những chứng cứ đầy đủ nữa! Những chứng cứ *đầy đủ* ! Vậy, những chứng cứ đó là như thế nào ?

Sti-bơ đã biết từ lâu,

"rằng giữa Mác và những bị cáo bị tạm giam vẫn có sự trao đổi thư từ bí mật, song tôi không thể đò ra dấu vết của sự trao đổi thư từ đó. Nhưng vào *ngày chủ nhật trước, một giao thông viên hoả tốc từ Luân Đôn* đến chỗ tôi chuyển một thông báo nói rằng cuối cùng, đã phát hiện ra được địa chỉ bí mật dùng để trao đổi thư từ như vậy; đó là địa chỉ của một thương nhân tại đây tên là D. Cô-tét-xơ, đang cư trú ở khu Chợ cũ... Cũng người giao thông viên đó đã mang tới cho tôi cuốn sổ biên bản gốc của Ủy ban trung ương ở Luân Đôn; phải trả tiền cho một đảng viên của Liên đoàn mới lấy được cuốn sổ này".

Và thế là Sti-bơ bắt quan hệ với cục trưởng cảnh sát Gai-gơ và chủ sự bưu điện.

"Người ta áp dụng các biện pháp đề phòng cần thiết và ngay *hai ngày sau đó*" thì bưu điện buổi chiều mang tới một bức thư từ Luân Đôn gửi cho Cô-tét-xơ. *Theo lệnh của viện công tố*, bức thư bị tịch thu và bóc ra. Trong bức thư đó tìm thấy bản chỉ thị gồm 7 trang do chính tay Mác viết gửi cho luật sư Snai-đơ II. Nội dung bức thư chỉ dẫn phải tiến hành việc bào chữa như thế nào... Ở mặt sau bức thư ghi ký hiệu một chữ B la-tinh lớn.. Bức thư đã được sao lại, một phần bản chính được tách riêng ra một cách dễ dàng thì được bảo quản cùng với *chiếc phong bì* gốc của nó. Sau đó bức thư được niêm phong lại; một quan chức cảnh sát từ nơi khác đến nhận bức thư như vậy và được giao nhiệm vụ đến chỗ Cô-tét-xơ, tự giới thiệu với ông ta là phái viên của Mác" v.v..

1* - chứng cứ rõ ràng

Sti-bơ mô tả tiếp tấn hài kịch đê tiện của bọn cảnh sát và tay sai, viên quan chức cảnh sát đó đã bắt chước phái viên của Mác như thế nào v.v.. Ngày 18 tháng Mười Cô-tét-xơ bị bắt giữ và 24 giờ sau y tuyên bố rằng chữ B la-tinh ở địa chỉ ghi trong bức thư là ám chỉ Béc-mơ-bắc. Ngày 19 tháng Mười Béc-mơ-bắc bị bắt giữ và nhà của ông ta bị lục soát. Ngày 21 tháng Mười Cô-tét-xơ và Béc-mơ-bắc lại được trả tự do.

Sti-bơ đưa ra lời khai đó vào ngày thứ bảy 23 tháng Mười. "*Vào ngày chủ nhật trước*", tức là ngày chủ nhật 17 tháng Mười, giao thông viên hỏa tốc tới mang theo địa chỉ của Cô-tét-xơ và sổ biên bản gốc; hai ngày sau khi giao thông viên đó tới, tức là ngày 19 tháng Mười, người ta nhận được thư gửi cho Cô-tét-xơ. Nhưng mà Cô-tét-xơ đã bị bắt giữ từ ngày 18 tháng Mười vì bức thư mà một quan chức cảnh sát từ nơi khác tới chuyển cho ông ta vào ngày 17 tháng Mười. Như vậy, bức thư gửi cho Cô-tét-xơ đã tới sớm hơn hai ngày trước khi giao thông viên tới mang theo địa chỉ của Cô-tét-xơ, hoặc giả Cô-tét-xơ bị bắt giữ ngày 18 tháng Mười do bức thư mà mãi ngày 19 tháng Mười ông ta mới nhận được. Đấy chẳng phải là một điều thần kỳ về thời lịch sao ?

Sau này, bị luật sư dồn đến chân tường, Sti-bơ tuyên bố rằng giao thông viên mang địa chỉ của Cô-tét-xơ và cuốn sổ biên bản gốc đã đến vào ngày 10 tháng Mười . Tại sao lại 10 tháng Mười ? Vì lẽ ngày 10 tháng Mười cũng trùng với ngày chủ nhật và so với ngày 23 tháng Mười thì cũng đúng là ngày chủ nhật "trước", vì vậy lời tuyên bố ban đầu về ngày chủ nhật trước vẫn còn hiệu lực và về mặt này thì lời tuyên thệ man trá vẫn được che giấu sau mảnh vải thưa. Nhưng trong trường hợp như vậy thì người ta đã nhận được bức thư kia không phải hai ngày sau mà là cả một tuần lễ sau khi giao thông viên tới. Lúc này, thay cho giao thông viên, bức thư kia là đối tượng của lời tuyên thệ man trá. Cái xảy ra với những lời tuyên thệ của Sti-bơ cũng giống hệt như với người nông dân của Lu-the. Nếu như người ta giúp anh ta lên được mình ngựa ở bên này thì anh ta lại bị tuột khỏi mình ngựa ở bên kia[301].



Cuối cùng, trong phiên tòa ngày 3 tháng Mười một, trung úy cảnh sát từ Béc-lin tên là *Gôn-hai-mơ* tuyên bố rằng trung úy cảnh sát Grây-phơ từ Luân Đôn đã chuyển cho Sti-bơ cuốn sổ biên bản với sự có mặt của ông ta và cục trưởng cảnh sát Véc-mút vào ngày 11 tháng Mười, vậy là vào ngày thứ hai. Như vậy, Gôn-hai-mơ buộc tội Sti-bơ tuyên thệ man trá hai lần.

Mác gửi thư bưu điện cho Cô-tét-xơ, như chiếc phong bì gốc có dóng dấu bưu điện Luân Đôn đã chứng minh, vào ngày thứ năm, 14 tháng Mười. Như vậy, bức thư đó phải tới vào chiều ngày thứ sáu, 15 tháng Mười. Giao thông viên đã mang địa chỉ của Cô-tét-xơ và cuốn sổ biên bản gốc đến trước lúc nhận bức thư đó hai ngày, do đó anh ta phải tới đây vào ngày thứ tư, 13 tháng Mười. Và anh ta không thể tới ngày 17, cũng không thể tới ngày 10 và ngày 11 tháng Mười.

Trong mọi trường hợp, Grây-phơ với tư cách là giao thông viên đã từ Luân Đôn mang đến cho Sti-bơ cuốn sổ biên bản gốc của ông ta. Cuốn sổ đó là cái gì thì Sti-bơ cũng biết rõ như đồng nghiệp của ông ta là Grây-phơ. Vì vậy, ông ta không vội vàng trình tòa cuốn sổ đó, vì ở đây vấn đề không còn là những lời cung khai có được sau song sắt nhà tù Ma-đắc[302]. Vào lúc đó thì nhận được bức thư của Mác. Việc này thật thuận lợi cho Sti-bơ. Cô-tét-xơ chỉ đóng vai trò địa điểm nhận thư vì chính bức thư đó không phải gửi cho Cô-tét-xơ mà cho chữ cái La-tinh B ghi ở mặt trái bức thư bỏ trong phong bì dán kín. Như vậy, Cô-tét-xơ thực tế chỉ là địa chỉ. Nhưng hãy giả định rằng đó là địa chỉ *bí mật*. Hãy giả định tiếp rằng đó là địa chỉ bí mật mà Mác dùng để trao đổi thư từ với các bị cáo ở Khuên. Cuối cùng, giả định rằng các mật vụ Luân Đôn của chúng ta đã phái chính người giao thông viên ấy mang đến cuốn sổ biên bản gốc cùng lúc với địa chỉ bí mật đó, còn bức thư thì nhận được hai ngày sau khi giao thông viên đó tới mang theo địa chỉ và cuốn sổ biên bản. Như vậy, một phát súng cùng lúc chúng ta bắn chết hai con thỏ. Một là, chúng ta chứng minh là có việc trao đổi thư từ bí mật với Mác, hai là,

chúng ta chứng minh tính xác thực của cuốn sổ biên bản gốc. Tính xác thực của cuốn sổ biên bản gốc được chứng minh bằng tính đúng đắn của địa chỉ, tính đúng đắn của địa chỉ được chứng minh bằng bức thư kia. Sự đáng tin cậy và tính chân thực của các mật vụ của chúng ta được chứng minh bằng địa chỉ và bức thư, tính xác thực của cuốn sổ biên bản gốc được chứng minh bằng sự đáng tin cậy và tính chân thực của các mật vụ chúng ta. Quod erat demonstrandum[1*]. Sau đó tiếp đến tấn hài kịch vui nhộn của viên quan chức cảnh sát từ nơi khác tới; sau nữa là các cuộc bắt bớ bí ẩn công chúng, các vị bồi thẩm và bản thân các bị cáo sẽ bị sửng sốt như sét đánh ngang tai.

Nhưng tại sao Sti-bơ lại không bắt *giao thông viên hỏa tốc* của ông ta phải đến vào ngày 13 tháng Mười, đó chẳng phải là điều dễ thực hiện sao? Bởi lẽ không thế thì anh ta không còn là hỏa tốc nữa, bởi lẽ như chúng ta đã thấy, thời lịch là chỗ yếu của ông cố vấn cảnh sát Phổ, còn để mất đến tấm lịch thông thường thì ông ta cho là không đáng với phẩm giá của mình. Ngoài ra, chiếc phong bì gốc của bức thư đó ông ta vẫn giữ trong tay; vậy thì ai có thể gỡ rối được vụ án này?

Thế nhưng trong lời khai của mình, Sti-bơ đã sớm làm tổn hại tới thanh danh của ông ta do chỗ ông ta làm thinh về một sự thật. Nếu như các mật vụ của ông ta đều đã biết địa chỉ của Cô-tét-xơ thì có lẽ họ cũng biết cả con người núp sau chữ B bí ẩn ghi ở mặt sau bức thư nằm trong chiếc phong bì kia. Sti-bơ chẳng biết gì đến những bí mật của chữ B la-tinh, thành ra ngày 17 tháng Mười ông ta ra lệnh lục soát Bếch-cơ trong trại giam để tìm ở ông ta bức thư của Mác. Chỉ qua lời cung khai của Cô-tét-xơ ông ta mới biết được rằng chữ B là ký hiệu của Béc-mơ-bắc.

Nhưng bằng cách nào bức thư của Mác lại rơi vào tay Chính phủ Phổ? Rất đơn giản. Chính phủ Phổ thường xuyên mở các bức thư ủy quyền cho bưu điện của họ chuyển, và trong thời gian xét

1* - Đó chính là điều đòi hỏi phải chứng minh.



xử vụ án ở Khuên thì họ làm việc này với sự sốt sắng đặc biệt. A-khen và Phran-phuốc trên bờ sông Mai-nơ có thể kể nhiều về điều này. Một bức thư có thoát khỏi hay rơi vào tay họ - đó là việc hoàn toàn ngẫu nhiên.

Cuốn sổ biên bản thực cũng tiêu tan cùng với giao thông viên thực. Những dĩ nhiên, Sti-bơ vẫn chưa hoài nghi gì về việc đó trong phiên tòa ngày 23 tháng Mười, khi mà với dáng vẻ trịnh trọng, ông ta trình bày những điều phát hiện của mình về nội dung của Tân ước, của cuốn sách đỏ. Kết quả gần nhất của những lời khai của ông ta là việc bắt giữ Béc-mơ-bắc lần thứ hai, là người đã có mặt trong các phiên tòa với tư cách nhân chứng.

Tại sao Béc-mơ-bắc bị bắt giữ lần thứ hai?

Vì những giấy tờ tìm thấy được ở ông ta chăng? Không phải, vì sau khi bị lục soát nhà ở, ông ta lại được tha, 24 giờ sau khi bắt giữ Cô-tét-xơ thì ông ta bị bắt. Do đó, nếu như ở ông ta có giấy tờ có hại cho ông ta, thì nhất định những giấy tờ đó có lẽ cũng đã biến đi rồi. Vậy tại sao nhân chứng Béc-mơ-bắc lại bị bắt trong lúc các nhân chứng Hen-txơ, Hết-xen, Stai-ken-sơ, như đã xác nhận, hoặc là biết được về hoạt động của Liên đoàn, hoặc là tham gia Liên đoàn đó, lại vẫn ung dung ngồi trên ghế nhân chứng?

Béc-mơ-bắc đã nhận được một bức thư của Mác chỉ bao hàm việc phê phán lời buộc tội và không nói gì hơn. Sti-bơ thừa nhận sự thật đó vì bức thư đang nằm trước mắt các bồi thẩm. Ông ta chỉ trình bày sự thật đó theo lối phóng đại kiểu cảnh sát của mình như sau: "Chính Mác từ Luân Đôn gây ảnh hưởng thường xuyên tới vụ án này". Và các vị bồi thẩm tự đặt cho mình câu hỏi, cũng giống như câu hỏi mà Ghi-đô đã đặt ra cho các cử tri của ông: Est-ce que vous vous sentez corrompus?[1*] Vậy thì, tại sao Béc-mơ-bắc lại bị bắt? Ngay từ lúc mới bắt đầu cuộc điều tra, Chính phủ Phổ đã cố gắng *về nguyên tắc, thường xuyên* tước bỏ các phương tiện

1* - Các bạn có cảm thấy mình bị mua chuộc không?

doàn ở Đức v.v.. Sự mật báo đó được ghi lại từng lời ở trang đầu của cuốn sổ biên bản gốc. - Mác trả lời lại ngay tức khắc rằng, vì bà Đa-ni-en-xơ chưa bao giờ viết thư cho ông nên ông không thể đọc bức thư của bà đó gửi cho ông. Toàn bộ sự mật báo là điều bịa đặt của tên Hiếc-sơ nào đó, một tên trai trẻ không trung thực, là kẻ sẵn sàng nhận tiền để viết cho cảnh sát Phổ, bao nhiêu cũng được, những điều đơm đặt.

Bắt đầu từ ngày 15 tháng Giêng Hiếc-sơ biến mất, không xuất hiện trong các cuộc họp: hiện nay hắn ta đã bị khai trừ hẳn khỏi hội. Đồng thời người ta cũng quyết định chuyển địa điểm và ngày hội họp. Từ trước tới nay vẫn thường hội họp ở phố Pha-rinh-tơn, Xi-ti, tại nhà ông Gi. U. Mác-tếch-xơ, Mác-két-hau-xơ, vào *ngày thứ năm* hàng tuần. Bây giờ thì ngày họp chuyển sang *thứ tư*, còn địa điểm thì chuyển tới quán rượu "Hoa hồng và Vương miện", phố Cra-un, khu Xô-hô. Hiếc-sơ "được cục trưởng cảnh sát Sun-txơ ngấm ngầm bố trí cho tiếp xúc gần gũi với Mác", mặc dầu có sự "gần gũi" đó, thế mà tám tháng sau hắn vẫn không hề hay biết địa điểm cũng như ngày hội họp. Trước cũng như sau tháng Hai, khi bịa đặt ra *"cuốn sổ biên bản gốc"* của mình, hắn vẫn cứ cho ngày họp là thứ năm hàng tuần và để ngày họp vào thứ năm. Chỉ cần lưu ý tới tờ "Kölnische Zeitung" thì chúng ta sẽ thấy: biên bản ngày 15 tháng Giêng (thứ năm) cũng như biên bản ngày 29 tháng Giêng (thứ năm), ngày 4 tháng Ba (thứ năm), ngày 13 tháng Năm (thứ năm), ngày 20 tháng Năm (thứ năm), ngày 22 tháng Bảy (thứ năm), ngày 29 tháng Bảy (thứ năm), ngày 23 tháng Chín (thứ năm) và ngày 30 tháng Chín (thứ năm).

Chủ quán rượu "Hoa hồng và Vương miện" trước quan tòa cảnh sát ở phố Mác-bô-rô đã tuyên bố rằng "hội của tiến sĩ Mác" từ tháng Hai 1852 đã họp ở nhà ông ta vào thứ tư hàng tuần. Líp-nếch và Rinh-xơ mà Hiếc-sơ mạo xưng họ là thư ký viết ra cuốn sổ biên bản gốc của y, đã thị thực chữ ký của mình trước mặt cũng viên quan tòa hòa giải đó. Cuối cùng, đã thu được các biên bản do Hiếc-sơ viết trong hội công nhân của Stê-khan[203], do đó có thể



so sánh nét chữ của ông ta với nét chữ viết trong sổ biên bản gốc.

Như vậy, đã chứng minh được rằng cuốn sổ biên bản gốc chỉ là vật giả mạo, hơn nữa cũng không cần thiết phải đi sâu vào việc phê phán nội dung cuốn sổ biên bản, vốn đã tự hủy hoại do chính những mâu thuẫn của bản thân nó.

Khó khăn là ở việc chuyển giao những tài liệu đó tới các luật sư. Bưu điện Phổ cũng chỉ là đội canh phòng[1*] được bố trí từ biên giới nước Phổ tới Khuên nhằm ngăn chặn việc cung cấp vũ khí cho những người bào chữa.

Người ta buộc phải dùng đến những con đường vòng, và mãi đến ngày 30 tháng Mười mới có thể nhận được ở Khuên những tài liệu đầu tiên gửi đi ngày 25 tháng Mười.

Vì vậy lúc đầu các luật sư đành chỉ dựa vào một số tài liệu bào chữa nghèo nàn mà họ đã nắm được ở Khuên. Sti-bơ nhận đòn đầu tiên từ phía mà ông ta hoàn toàn không hề chờ đợi. Cố vấn tư pháp Muy-lơ, cha của bà vợ bác sĩ Đa-ni-en-xơ, một nhà luật học đáng kính và một thị dân nổi tiếng do cách suy nghĩ bảo thủ của mình, đã tuyên bố trên tờ "Kölnische Zeitung" ngày 26 tháng Mười rằng con gái của ông chưa bao giờ trao đổi thư từ với Mác, rằng cuốn sổ gốc của Sti-bơ chỉ là "sự lừa bịp". Bức thư gửi đi Khuên ngày 3 tháng Hai 1852, trong đó Mác gọi Hiếc-sơ là mật vụ của cảnh sát và là kẻ bịa đặt ra những lời báo cáo dối trá của cảnh sát, đã được tìm thấy một cách tình cờ và được chuyển cho những người bào chữa. Trong bản tuyên bố của "đảng của Mác", nằm trong số tài liệu lưu trữ của Đít-xơ, nói về việc đảng rút ra khỏi Hội ở phố Grai-tơ - Oan-đơ-mi-lơ, có bút tích thực của V. Líp-nếch. Cuối cùng luật sư Snai-đơ II nhận được ở Biếc-nơ-bâu, thư ký của sở tế bần Khuên những bức thư thật của Líp-nếch và ở viên thư ký riêng Smít-xơ những bức thư thật của Rinh-xơ. Ở ban thư ký của tòa án, các luật sư, một mặt, đã so sánh cuốn sổ

1* Chơi chữ: Post - "bưu điện"; "Vorposten" - "đội canh phòng", "pháo đài".

biên bản với nét chữ của Líp-nếch viết trong bản tuyên bố đảng rút ra khỏi hiệp hội, và mặt khác, với những bức thư của Rinh-xơ và Líp-nếch.

Sti-bơ đang lo lắng về lời tuyên bố của cố vấn tư pháp Muy-lơ, thì nhận được những tin tức về việc nghiên cứu các nét chữ báo trước có chuyện không may. Để ngăn chặn đòn đe dọa đó, tại phiên toà ngày 27 tháng Mười Sti-bơ lại tranh nói trước và tuyên bố:

"Có một điều khiến ông ta phải nghi ngờ nhiều là chữ ký của Líp-nếch trong cuốn sổ biên bản đó rất khác với chữ ký khác của Líp-nếch thường thấy trong các văn kiện. Vì vậy ông ta đã tìm hiểu chi tiết hơn và biết được rằng người ký tên vào các biên bản đó là G. Líp-nếch, thế nhưng trước cái họ Líp-nếch thường thấy trong các văn kiện lại là chữ V".

Sti-bơ từ chối không trả lời câu hỏi của luật sư Snai-đơ II "Ai đã nói với ông ta rằng còn có cả G. Líp-nếch nữa". Snai-đơ II chất vấn tiếp Sti-bơ về con người Rinh-xơ và Un-mơ, mà trong cuốn sổ biên bản họ của những người này được ghi với tư cách là thư ký, bên cạnh họ của Líp-nếch. Sti-bơ cảm thấy có một cái bẫy mới. Ba lần ông ta làm ra vẻ như là không nghe thấy câu chất vấn, cố giấu sự bối rối của mình và cố lấy lại bình tĩnh, ba lần ông ta nhắc lại chẳng dâu vào đâu rằng ông ta đã nhận được cuốn sổ biên bản như thế nào. Cuối cùng ấp úng mãi, ông ta mới lắp bắp rằng Rinh-xơ và Un-mơ chắc có lẽ không phải là những tên thực mà chỉ là *"bí danh trong Liên đoàn"*. Việc bà Đa-ni-en-xơ luôn luôn được nhắc tới trong sổ biên bản với tư cách là thông tín viên của Mác thì ông Sti-bơ giải thích rằng có lẽ cần phải *đọc:* bà vợ của bác sĩ Đa-ni-en-xơ, và cần phải *hiểu* đó là người giúp việc của viên công chứng Béc-mơ-bắc. Luật sư Phôn Hôn-tơ-hai-mơ chất vấn ông ta về Hiếc-sơ. Sti-bơ thề rằng:

"Ông ta cũng *không biết* ông Hiếc-sơ này. Nhưng người ấy không phải là một vụ Phổ như người ta đồn, căn cứ vào điều là về phía Phổ người ta cũng đã theo đõi chính ông Hiếc-sơ đó".

Theo tín hiệu của Sti-bơ, Gôn-hai-mơ liền tuôn ra một tràng rằng "vào tháng Mười 1851 ông ta được cử tới Hăm-buốc để tóm Hiếc-sơ". Chúng ta sẽ thấy, ngay vào ngày hôm sau chính ông Gôn-hai-mơ đó lại được cử tới Luân Đôn để tóm cũng ông Hiếc-sơ đó như thế nào. Như vậy là cũng chính ông Sti-bơ xác nhận rằng đã dùng tiền mặt để mua của những người lưu vong những tài liệu lưu trữ của Đít-xơ và cuốn sổ biên bản gốc, cũng chính ông Sti-bơ ấy lúc này lại xác nhận rằng Hiếc-sơ không thể là mật vụ của Phổ vì lẽ ông ta là người lưu vong! Hiếc-sơ chỉ cần là một người lưu vong thôi cũng đủ để ông Sti-bơ tùy theo hoàn cảnh cần thiết mà đảm bảo hoặc là tính chất hoàn toàn bị mua chuộc của ông ta, hoặc là tính chất hoàn toàn không bị mua chuộc của ông ta. Nhưng phải chăng Phlơ-ry mà chính Sti-bơ trong phiên tòa ngày 3 tháng Mười một tuyên bố y là mật vụ cảnh sát, phải chăng chính ông Phlơ-ry đó không phải là một kẻ lưu vong chính trị?



Sau khi cuốn sổ biên bản gốc của ông ta bị phá bung từ mọi phía thì Sti-bơ ngày 27 tháng Mười, với thái độ trơ tráo điển hình, tuyên bố rằng *"hơn lúc nào hết, ông ta tin tưởng chắc chắn vào tính xác thực của cuốn sổ biên bản này"*.

Trong phiên tòa ngày 29 tháng Mười giám định viên đem đối chiếu những bức thư của Líp-nếch và Rinh-xơ do Biếc-nơ-bâu Smít-xơ chuyển giao, với cuốn sổ biên bản, và tuyên bố rằng những chữ ký trong sổ biên bản đó là *giả mạo.*

Trong lời buộc tội, Viện trưởng công tố Dếch-ken-đoóc-phơ tuyên bố:

"Những tài liệu nêu trong cuốn biên bản là phù hợp với những tài liệu thu được bằng con đường khác. Song Viện công tố hoàn toàn không thể nào chứng minh được tính xác thực của cuốn này".

Cuốn sổ này là thực nhưng không có những chứng cớ về tính xác thực của nó. Một cuốn kinh Tân ước! Dếch-ken-đoóc-phơ nói tiếp:

"Tuy nhiên, việc bào chữa đó tự nó đã chứng minh rằng trong cuốn sổ ít ra cũng chứa đựng nhiều điều xác thực vì rằng trong đó có những tài liệu cho biết về hoạt động của

Rinh-xơ đã được nói tới trong cuốn sổ đó, điều mà cho tới lúc này chưa có ai hay biết một tí gì".

Nếu như tới lúc này không có ai hay biết tí gì về hoạt động của Rinh-xơ thì cuốn sổ biên bản này cũng không cung cấp được một tài liệu nào về điều đó. Như vậy những điều nói về hoạt động của Rinh-xơ trong cuốn sổ biên bản này không thể xác minh cho *nội dung* của cuốn sổ biên bản được, còn về phương diện hình thức của nó, thì chúng lại là chứng cứ cho thấy rằng chữ ký của một trong những đảng viên "đảng của Mác" trong cuốn sổ biên bản đó thực sự chỉ là giả mạo. Như vậy, điều nói về Rinh-xơ chứng tỏ, nếu nói theo cách nói của Dếch-ken-đoóc-phơ "rằng trong cuốn sổ ít ra cũng chứa đựng nhiều điều xác thực", - cụ thể là *một sự giả mạo thực sự*. Viên trưởng công tố (Dết-tơ - Dếch-ken-đoóc-phơ) và ban chủ sự bưu điện đã cùng với Sti-bơ bóc bức thư gửi cho Cô-tét-xơ. Do đó, họ biết được ngày bức thư chuyển tới, như vậy họ biết được rằng Sti-bơ đã làm trái lời thề, khi mà lúc đầu ông ta khai có tuyên thệ rằng giao thông viên đã tới vào ngày 17, sau đó lại khai rằng anh ta tới vào ngày 10 tháng Mười, lúc đầu khai là thư nhận được vào ngày 19, nhưng sau lại khai là vào ngày 12. Họ là những kẻ đồng lõa với ông ta.

Trong phiên tòa ngày 27 tháng Mười Sti-bơ đã cố giữ bình tĩnh một cách uổng công. Ông ta lo sợ rằng vào bất kỳ ngày nào người ta đều có thể nhận được giấy tờ tố cáo từ Luân Đôn gửi tới. Sti-bơ thấy mệt mỏi và nhà nước Phổ mà ông ta là hiện thân, cũng không khỏe khoắn gì. Việc bị vạch trần trước công chúng đã tới mức nguy hiểm. Vì vậy ngày 28 tháng Mười trung úy cảnh sát Gôn-hai-mơ được cử tới Luân Đôn để cứu nguy cho Tổ quốc. Gôn-hai-mơ đã làm gì ở Luân Đôn? Với sự giúp đỡ của Grây-phơ và Phlơ-ry, ông ta đã tìm cách thúc Hiếc-sơ tới Khuên để mệnh danh *G.Líp-nếch* mà xác nhận có tuyên thệ tính xác thực của cuốn sổ biên bản đó. Người ta tỏ ý sẵn sàng dành cho Hiếc-sơ một khoản trợ cấp chính thức của nhà nước. Thế nhưng cái bản năng cảnh sát của Hiếc-sơ cũng phát triển không kém gì so với Gôn-hai-mơ.



Hiếc-sơ biết rằng ông ta không phải là công tố viên, không phải là trung úy cảnh sát, không phải là cố vấn cảnh sát và, vì vậy, không có đặc quyền được vi phạm lời thề. Hiếc-sơ đã linh cảm thấy rằng người ta sẽ hoàn toàn bỏ rơi ông ta nếu như công việc xoay chuyển theo chiều hướng xấu . Hiếc-sơ không muốn biến thành con dê[1*], và hơn nữa thành con dê thế tội. Hiếc-sơ đã dứt khoát từ chối. Nhưng Chính phủ Phổ của đạo Cơ Đốc Đức vẫn còn niềm vinh quang là nó đã tìm cách thuê mượn nhân chứng giả trong một vụ án hình sự mà sự việc có liên quan đến cái đầu của những bị cáo là đồng bào của nó.

Vậy là Gôn-hai-mơ trở về Khuên mà không thu được một kết quả nào.

Trong phiên tòa ngày 3 tháng Mười một, sau khi kết thúc lời buộc tội và trước lúc bắt đầu lời bào chữa, Sti-bơ đang trong tình thế nguy cấp liền tranh nói trước:

"Ông ta", - Sti-bơ thề, - "phải tiến hành các cuộc điều tra tiếp tục có liên quan tới cuốn sổ biên bản. Ông ta đã cử trung uý cảnh sát Gôn-hai-mơ từ Khuên tới Luân Đôn với nhiệm vụ tiến hành cuộc điều tra này. Gôn-hai-mơ ra đi ngày 28 tháng Mười và đã trở về ngày 2 tháng Mười một. Gôn-hai-mơ hiện đang có mặt ở đây".

Gôn-hai-mơ liền thò ra theo tín hiệu của người điều khiển y và thề rằng

"sau khi tới Luân Đôn, trước hết ông ta tới gặp trung úy cảnh sát Grây-phơ, người này đã dẫn ông ta tới khu phố Ken-sinh-tơn gặp nhân viên cảnh sát Phlơ- ry, gặp chính người đã chuyển giao cuốn sổ biên bản cho Grây-phơ. Phlơ-ry thú nhận điều này với ông ta, nhân chứng Gôn-hai-mơ và xác nhận rằng ông ta quả thực đã nhận được cuốn sổ đó từ một đảng viên thuộc đảng của Mác có tên là G.Líp-nếch. Phlơ-ry không chút ngập ngừng thừa nhận giấy biên nhận của G.Líp-nếch về việc nhận tiền trả cho cuốn sổ đó. Nhân chứng này không thể tóm được chính tên Líp-nếch đó tại Luân Đôn vì, theo lời quả quyết của Phlơ-ry, tên này sợ xuất đầu lộ diện công khai. Ở Luân Đôn, ông ta, nhân chứng đó, đã tin chắc rằng nếu bỏ qua một vài sai sót thì nội dung cuốn sổ này là hoàn toàn đáng tin cậy. Đặc biệt là những chỉ điểm viên đáng tin cậy, từng dự các phiên họp với Mác, đã xác nhận với ông ta điều đó, nhưng cuốn sổ này không phải là sổ biên bản gốc, mà chỉ là *sổ ghi chép* với những ghi chú về những gì đã xảy ra trong các phiên họp của Mác. Chỉ có hai cách để giải thích nguồn gốc vẫn chưa hoàn toàn sáng tỏ của cuốn sổ.

1* - Chơi chữ: Hirsch - tên họ, "Hirsch" - "con hươu".

Hoặc giả, như nhân viên mật vụ đã kiên quyết cam đoan, cuốn sổ đó thực sự do Lây Líp-nếch làm ra, mà vì muốn giấu sự phản bội của mình, ông ta đã tránh viết bằng nét chữ của ông ta, hoặc giả chính nhân viên mật vụ Phlơ-ry đã nhận được các bản ghi chép cho cuốn sổ đó từ hai người bạn khác của Mác, hai người lưu vong là Đrơke và I-man, và làm cho các bản ghi chép đó có hình thức một cuốn biên bản gốc để nâng giá món hàng của mình. Bởi vì thông qua nhân viên cảnh sát Grây-phơ, đã chính thức xác minh được rằng Đrơn-ke và i-man thường gặp gỡ Phlơ-ry... Nhân chứng Gôn-hai-mơ cam đoan rằng ở Luân Đôn ông ta đã tin chắc rằng tất cả những gì được thông báo trước đây về các phiên họp bí mật của Mác, về các mối liên hệ giữa Luân Đôn và Khuên, về việc trao đổi thư từ bí mật v.v. là hoàn toàn phù hợp với sự thật. Để chứng minh rằng ngay cả hiện nay các mật vụ Phổ ở Luân Đôn cũng biết rõ tới mức nào, nhân chứng Gôn-hai-mơ thông báo rằng ngày 27 tháng Mười Mác đã có một phiên họp hoàn toàn bí mật; trong phiên họp này đã thảo luận các biện pháp cần được áp dụng để đối phó lại cuốn sổ biên bản và đặc biệt là chống lại cố vấn cảnh sát Sti-bơ, kẻ mà đang ở Luân Đôn rất khó chịu. Các quyết định và văn kiện thích ứng đã được chuyển hoàn toàn bí mật cho luật sư Snai-đơ II. Cụ thể là trong số những giấy tờ gửi tới cho Snai-đơ II có cả bức thư riêng do chính tay Sti-bơ viết gửi tới Khuên cho Mác vào năm 1848 và Mác đã giữ tuyệt mật vì ông hy vọng nhờ bức thư đó sẽ làm giảm sút được thanh danh của nhân chứng Sti-bơ".

*Nhân chứng Sti-bơ* chồm lên và tuyên bố rằng lúc bấy giờ ông ta viết cho Mác vì có lời vu khống trắng trợn, ông ta đã dọa đưa Mác ra tòa v.v..

"Ngoài tôi và Mác ra không một người nào có thể biết được điều này và dĩ nhiên đó là bằng chứng tốt nhất cho thấy những tin tức từ Luân Đôn chuyển tới là đáng tin cậy".

Vậy là, theo Gôn-hai-mơ, cuốn sổ biên bản gốc, trừ những phần không dùng ra, là *"hoàn toàn đáng tin cậy"*. Có một điều chủ yếu làm cho ông ta tin vào sự đáng tin cậy của cuốn sổ này là cuốn sổ biên bản gốc đó tuyệt nhiên không phải là cuốn sổ biên bản gốc, mà chỉ là *"sổ ghi chép"*. Còn Sti-bơ? Sti-bơ không hề cảm thấy mình như từ trên chín tầng mây rơi xuống, mà ngược lại, ông ta cảm thấy như lòng mình trút được gánh nặng. Vào giờ phút cuối cùng, khi lời buộc tội cuối cùng vừa chấm dứt, và lời bào chữa đầu tiên chưa kịp cất lên thì Sti-bơ thông qua Gôn-hai-mơ của y, đã buộc cuốn sổ biên bản gốc kia trong phút chốc biến thành cuốn sổ ghi chép. Nếu hai gã cảnh sát này vạch mặt lẫn nhau là nói dối, thì phải chăng điều đó không có nghĩa là cả



hai đều phục vụ chân lý? Sti-bơ đã dùng Gôn-hai-mơ để yểm hộ sự rút lui của mình.

Gôn-hai-mơ khai có tuyên thệ rằng "sau khi tôi Luân Đôn, trước tiên ông ta tới gặp trung úy cảnh sát Grây-phơ, người này đã dẫn ông ta tới khu phố Ken-sinh-tơn gặp nhân viên cảnh sát Phlơ-ry". Sau cái đó ai mà chẳng khai có tuyên thệ rằng, cho đến lúc Gôn-hai-mơ đáng thương cùng viên trung úy cảnh sát tới được nhà Phlơ-ry ở cái khu phố Ken-sinh-tơn xa tít này, thì họ quả là đã mệt lử ! Nhưng trung úy cảnh sát Grây-phơ lại sống trong ngôi nhà của nhân viên cảnh sát Phlơ-ry, mà cụ thể là ở tầng trên ngôi nhà của Phlơ-ry, thành thử thực ra không phải Grây-phơ dẫn Gôn-hai-mơ tới chỗ Phlơ-ry mà, ngược lại, Phlơ-ry dẫn Gôn-hai-mơ tới chỗ Grây-phơ.

"Nhân viên cảnh sát Phlơ-ry ở khu phố Ken-sinh-tơn" Quả là chính xác thật ! Các vị liệu có thể còn nghi ngờ gì về sự chân thật của Chính phủ Phổ, cái chính phủ không hề giấu giếm những tên chỉ điểm của chính mình, nói rõ họ tên và chỗ ở của chúng, khiến chúng bị lộ tẩy! Nếu cuốn sổ biên bản là vật giả mạo thì hãy cứ hỏi "nhân viên cảnh sát Phlơ-ry ở Ken-sinh-tơn". Thật là tuyệt vời! Cứ hỏi người thư ký riêng Pi-e ở quận số 13. Bởi vì nếu như muốn chỉ ra chính xác một cá nhân nào đó thì người ta không chỉ nêu họ mà cả tên của người đó nữa. Không phải *Phlơ-ry* mà là *Sác lơ* Phlơ-ry. Người ta chỉ ra loại hoạt động của cá nhân đó mà anh ta đang tiến hành công khai, chứ không phải nghề nghiệp mà anh ta đang làm bí mật. Do đó, là *tên lái buôn Sác-lơ Phlơ-ry*, chứ không phải nhân viên cảnh sát Phlơ-ry. Còn khi muốn cho biết nơi ở của anh ta thì người ta không chỉ nêu một khu phố của Luân Đôn, thực ra thì lại là cả thành phố, mà phải nói rõ khu phố, đường phố và số nhà. Như vậy, không phải là nhân viên cảnh sát Phlơ-ry ở Ken-sinh-tơn mà là *tên lái buôn Sác-lơ Phlơ-ry, ở số nhà 17, đường phố Vích-tô-ri-a, khu phố Ken-sinh-tơn.*

Nhưng còn *"trung úy cảnh sát Grây-phơ"* thì ít ra đó cũng là điều được nói thẳng. Song, nếu như trung úy cảnh sát Grây-phơ

ở Luân Đôn tự liệt mình vào số nhân viên sứ quán và biến từ trung úy thành một attaché[1*] thì đó là một attachement[2*] không dính dáng gì tới tòa án. Sự ham thích của trái tim là tiếng nói của số phận.

Thế là theo lời cam đoan của trung úy cảnh sát Gôn-hai-mơ, nhân viên cảnh sát Phlơ-ry cam đoan rằng ông ta đã nhận được cuốn sổ từ tay một người thực sự cam đoan rằng ông ấy là G.Líp-nếch, và thậm chí còn ghi cho Phlơ-ry cả giấy biên nhận. Chỉ có điều Gôn-hai-mơ đã không thể "tóm được" ông G. Líp-nếch đó tại Luân Đôn. Như vậy, Gôn-hai-mơ có thể yên tâm ở lại Khuên vì những lời cam đoan của cố vấn cảnh sát Sti-bơ không chắc chắn gì hơn do chỗ những lời cam đoan đó được đưa ra dưới dạng những lời cam đoan của trung úy cảnh sát Gôn-hai-mơ được trung úy cảnh sát Grây-phơ chứng thực, rồi đến lượt mình, ông ta lại được nhân viên cảnh sát Phlơ-ry phục vụ bằng cách xác nhận những lời cam đoan của ông ta.

Không bị luống cuống bởi kinh nghiệm đáng buồn ở Luân Đôn, với khả năng rất tự tin đặc thù của mình, mà đối với ông ta nó phải thay thế khả năng suy lý, Gôn-hai-mơ *"hoàn toàn"* tin chắc rằng *"tất cả"* những điều mà Sti-bơ đã khai có tuyên thệ về "đảng của Mác", về những mối liên hệ của đảng đó với Khuên v.v. *"tất cả đều hoàn toàn* phù hợp với sự thật". Còn bây giờ, khi tên Gôn-hai-mơ dưới quyền của ông ta cấp cho ông ta testimonium paupertatis[3*] phải chăng lúc này ông cố vấn cảnh sát Sti-bơ vẫn chưa được che chắn? Bằng lối khai có tuyên thệ của mình, Sti-bơ đã đạt được một kết quả: ông ta đã đảo ngược tôn ti trật tự của Phổ. Các anh không tin ông cố vấn cảnh sát ư? Được. Ông ta đã tự làm giảm thanh danh của mình. Nhưng nếu vậy các anh sẽ tin ông trung úy cảnh sát. Các anh không tin ông trung úy cảnh sát ư ? Càng tốt. Nếu vậy các anh sẽ không còn cách nào khác là ít

1* - tùy viên
2* - sự quyến luyến, gắn bó
3* - giấy chứng thực nghèo khổ



ra cũng phải tin vào nhân viên cảnh sát, alias mouchardus vulgaris[1*]. Cái mớ bòng bong những khái niệm mang tính chất tà đạo đó đang được ông *Sti-bơ thế thốt* tạo ra.

Sau khi cho tới lúc này, Gôn-hai-mơ đã chứng minh như ông ta đã tin chắc ở Luân Đôn, rằng không có cuốn sổ biên bản gốc, còn đối với việc G.Líp-nếch có tồn tại hay không thì ông ta cũng chỉ xác nhận được rằng không thể "tóm được" người đó tại Luân Đôn; sau khi chính vì vậy mà ông ta tin chắc rằng *"mọi"* lời cung khai của Sti-bơ về "đảng của Mác" là *"hoàn toàn"* phù hợp với *"sự thật"*, thì rốt cuộc, ngoài những chứng cứ phủ định mà theo Déch-ken-đoóc-phơ lại chứa đựng "nhiều điều xác thực", ông ta vẫn phải trình bày một chứng cứ khẳng định nữa cho thấy "ngay cả hiện nay các mật vụ Phổ ở Luân Đôn cũng biết rõ tới mức nào". Ông ta dẫn ra một tin báo làm thí dụ điển hình là: ngày 27 tháng Mười "Mác đã có một phiên họp hoàn toàn bí mật". Trong phiên họp hoàn toàn bí mật này đã thảo luận những biện pháp để đối phó lại cuốn sổ biên bản và tên cố vấn cảnh sát Sti-bơ "rất khó chịu". Những lệnh và quyết định thích ứng đã được "chuyển hoàn toàn bí mật cho luật sư Snai-đơ II".

Mặc dầu các mật vụ Phổ đều có mặt trong phiên họp này, nhưng con đường dùng để chuyển các bức thư đó đối với họ vẫn là "hoàn toàn bí mật", đến nỗi bưu điện cũng không thể giữ lại những bức thư đó dù là đã hết sức cố gắng. Cũng nên lắng nghe xem con dế mèn[2*] rỉ rả một cách buồn bã dưới bức tường vòm đổ nát như thế nào: "Các bức thư và tài liệu thích ứng đã được chuyển hoàn toàn bí mật cho luật sư Snai-đơ II". Hoàn toàn bí mật đối với những tên mật vụ của Gôn-hai-mơ.

Những quyết định tưởng tượng về cuốn sổ biên bản đó không thể nào lại được thông qua vào ngày 27 tháng Mười trong một phiên họp hoàn toàn bí mật tại nơi ở của Mác, vì từ ngày 25

1* - nói cách khác là tên chỉ điểm thông thường.
2* chơi chữ, dựa vào tính đồng âm của từ "Heimchen" là "con dế mèn" với họ Goldheim.

tháng Mười Mác đã gửi những tài liệu cơ bản nói về tính chất giả mạo của cuốn sổ biên bản, thực ra, không phải cho Snai-đơ II mà là cho ngài Phôn Hôn-tơ-hai-mơ.

Về việc các tài liệu nói chung đã được chuyển tới Khuên thì đó không phải chỉ là do lương tâm không trong sạch của cảnh sát đã gà cho họ. Ngày 29 tháng Mười Gôn-hai-mơ tới Luân Đôn. Ngày 30 tháng Mười, trên các tờ "Morning Advertiser", "Spectator", "Examiner", "Leader", "People's Paper", ông ta phát hiện thấy bản tuyên bố có chữ ký của Ăng-ghen, Phrai-li-grát, Mác và Vôn-phơ[1*]; trong bản tuyên bố đó những người này lưu ý công chúng Anh tới những điều vạch trần mà bên bào chữa sẽ đưa ra về forgery, perjury, falsification of documents[2*] - nói tóm lại là về những điều đê tiện mà cảnh sát Phổ đã làm. Việc chuyển các tài liệu được giữ "hoàn toàn bí mật" tới mức "đảng của Mác" đã công khai thông báo điều đó cho công chúng Anh biết, thực vậy, đó là vào ngày 30 tháng Mười, sau khi Gôn-hai-mơ tới Luân Đôn và sau khi ở Khuên nhận được các tài liệu đó.

Thế nhưng cũng vào ngày 27 tháng Mười các tài liệu được chuyển tới Khuên. Do đâu mà cảnh sát Phổ am hiểu mọi sự lại biết được điều đó?

Cảnh sát Phổ hoạt động không được hoàn toàn bí mật như "đảng của Mác". Ngược lại, mấy tuần lễ trước khi việc này xảy ra, cảnh sát đã bố trí hết sức lộ liễu hai tên chỉ điểm trước nhà của Mác, từ ngoài phố chúng đã theo dõi Mác du soir jusqu'au matin, du matin jusqu'au soir[3*] và theo đuổi ông từng bước. Thế là ngày 27 tháng Mười, tại tòa án cảnh sát hoàn toàn công khai ở phố Mác-bơ-rô có phóng viên các tờ báo của Anh tham dự, Mác đã chính thức xác nhận những tài liệu tuyệt mật gồm các mẫu nét chữ thực của Líp-nếch và Rinh-xơ và những lời cung khai của chủ quán rượu "Chiếc vương miện" về ngày họp. Các thần hộ mệnh

1* - Xem tập này, tr. 508 - 509.
2* - những sự bịa đặt, vi phạm lời thề, giả mạo giấy tờ
3* - từ chiều tối tới sáng và từ sáng tới chiều tối



Phổ đã theo sát Mác từ nhà ở của ông tới và từ phố Mác-bơ-rô trở về nhà ở của ông và lại từ nhà ở đó tới bưu điện. Họ chỉ biến đi khi Mác hoàn toàn bí mật tới quan tòa cảnh sát của khu vực để yêu cầu ông ta ra lệnh bắt giữ hai "tên theo dõi" mình.

Thế nhưng Chính phủ Phổ còn có một con đường khác. Số là Mác đã gửi thẳng bằng bưu điện tới Khuên các tài liệu được thị thực ngày 27 tháng Mười và đề ngày 27 tháng Mười nhằm giữ cho *bản sao hoàn toàn bí mật* của các văn kiện đó, đã được gửi đi, tránh khỏi móng vuốt của con chim ưng Phổ. Như vậy bưu điện và cảnh sát ở Khuên đều biết rằng các tài liệu đề ngày 27 tháng Mười đã được Mác gửi đi rồi và Gôn-hai-mơ chẳng việc gì phải tới Luân Đôn để khám phá bí mật đó.

Gôn-hai-mơ cảm thấy rằng cuối cùng, ông ta cũng phải nêu lên *"cụ thể"* một cái gì đó trong số những cái *"cụ thể"* đã được quyết định gửi cho Snai-đơ II trong "phiên họp hoàn toàn bí mật vào ngày 27 tháng Mười", thế là ông ta *nêu ra* bức thư của Sti-bơ gửi cho Mác. Nhưng đáng tiếc là Mác lại gửi bức thư đó không phải vào ngày 27, mà là ngày 25 tháng Mười, và không phải gửi cho Snai-đơ II mà là cho ngài Phôn Hôn-tơ-hai-mơ. Nhưng do đâu mà cảnh sát biết được rằng nói chung Mác còn giữ lại bức thư của Sti-bơ và ông sẽ gửi bức thư đó cho phía bào chữa của ông? Hãy lại để cho Sti-bơ phát biểu.

Sti-bơ hy vọng ngăn chặn được Snai-đơ II công bố "bức thư khá là khó chịu" đối với ông ta bằng praevenire[1*]. Nếu Gôn-hai-mơ nói rằng Sti-bơ dự tính bức thư của tôi nằm trong tay Snai-đơ II, hơn nữa sở dĩ nhận được là do có "mối liên hệ tội lỗi với Mác" thì Snai-đơ II sẽ giấu bức thư đó để chứng minh rằng các tên mật vụ của Gôn-hai-mơ nắm tin tức không đúng và bản thân ông ta không có mối liên hệ tội lỗi với Mác. Vì vậy Sti-bơ liền tranh nói trước, xuyên tạc nội dung bức thư và kết thúc bằng những lời sửng sốt: "Ngoài tôi và Mác ra, không một người nào có thể biết được điều này và dĩ nhiên đó là *bằng chứng tốt nhất* cho thấy những tin tức từ Luân Đôn chuyển tới là *đáng tin cậy*".

1* - hành động chặn trước.

Sti-bơ có cách riêng để giấu kín những điều bí mật khó chịu đối với ông ta. Khi ông ta không nói thì mọi người cũng đều phải im. Vì vậy, ngoài ông ta và một bà đứng tuổi ra, "không một người nào có thể biết được" rằng xưa kia ông ta sống ở gần Vai-ma với tư cách là homme entretenu[1*] của bà ta. Nhưng nếu như Sti-bơ có mọi cơ sở để cố làm cho ngoài Mác ra, không một người nào biết bức thư đó, thì Mác có mọi cơ sở để cố làm cho ngoài Sti-bơ ra, mọi người đều biết bức thư đó. Bây giờ chúng ta đã biết *bằng chứng tốt nhất* về mức độ đáng tin cậy của những tin tức từ Luân Đôn chuyển tới. Còn bằng chứng tồi tệ nhất của Sti-bơ thì không biết sẽ ra sao ?

Thế nhưng Sti-bơ vẫn lại vi phạm lời thề một cách có ý thức, khi ông ta khai có tuyên thệ rằng: "Ngoài tôi và Mác ra; không một người nào có thể biết được điều này". Ông ta biết rằng không phải Mác mà một biên tập viên khác của tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã trả lời bức thư của ông ta[304]. Dù sao thì "ngoài ông ta và Mác ra, còn có một người" nữa. Chúng tôi xin dẫn ra ở đây bức thư đó để có thêm nhiều người biết được nó.

Trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" số 77 có đăng bản tin của phóng viên đề ngày 21 tháng Chạp từ Phran-phuốc trên sông Mai-nơ gửi về, trong đó chứa đựng sự đối trá đê hèn rằng dường như tôi lên đường đi Phran-phuốc với tư cách là một vụ cảnh sát để dưới cái lốt một con người có tư tưởng kiểu dân chủ, phát hiện những kẻ giết bá tước Li-snốp-xki và tướng Au-ơ-xvan. Trên thực tế ngày 21 tôi có mặt ở Phran-phuốc và lưu lại ở đó vẻn vẹn có một ngày với mục đích duy nhất là dàn xếp công việc riêng của một cư dân tại đó là bà Phôn Svc-xlc-rơ, mà Ngài có thể thấy qua giấy tờ đính kèm theo đây; tôi quay về Béc-lin đã lâu, tại đây cách đây khá lâu tôi đã phục hồi hoạt động luật sư của mình. Tuy vậy, tôi vẫn mời Ngài xem lời cải chính chính thức về chính vấn đề này, đăng trên số báo 338 tờ "Frankfurter Oberpostamts- Zeitung" ra ngày 21 tháng Chạp và số 248 tờ "National Zeitung" ở đây. Tôi cho rằng, với lòng yêu chân lý của Ngài, tôi có thể mong đợi rằng Ngài có thể cho đăng ngay lời cải chính kèm theo trên tờ báo của Ngài và cho tôi biết tác giả của bản tin giả dối đó, như Ngài có nghĩa vụ phải làm việc đó theo luật pháp, vì lẽ tôi kfhông thể để cho sự vu khống như vậy không bị trừng phạt và rất tiếc là tôi buộc phải tự tiến hành các biện pháp chống lại ban biên tập thật đáng tôn kính đó.

Tôi thiết nghĩ, trong thời gian gần đây dàng dân chủ không chịu ơn ai hơn là chịu ơn tôi. Chính tôi chứ không phải ai khác đã lôi hàng trăm người dân chủ bị cáo ra khỏi mạng

1* - người được bà ta bao



lưới của ngành hình pháp. Thậm chí cả trong tình trạng ở đây đang giới nghiêm, khi mà những con người hèn nhát và đáng thương (cái gọi là những người dân chủ) đã bỏ chạy từ lâu khỏi trận địa, thì chính tôi chứ không phải ai khác đã gan dạ và không hề mệt mỏi chống lại các nhà đương cục và cả lúc này vẫn đang tiếp tục làm điều đó. Nếu các cơ quan báo dân chủ đối xử với tôi theo cách như vậy thì điều đó khó mà khích lệ những cố gắng tiếp tục.

Nhưng trong việc này, điều thực sự tuyệt diệu hơn cả là sự dấn độn của các cơ quan báo dân chủ. *Sự dốn đại* rằng tôi tới Phran-phuốc với tư cách là một mật vụ cảnh sát, lúc đầu do tờ "Neue Preußische Zeitung", một cơ quan nổi tiếng xấu xa của bọn phản động, tung ra, nhằm mục đích bôi nhọ hoạt động luật sư của tôi đã từng cản trở tờ báo đó. Các tờ báo khác ở Béc-lin từ lâu đã cải chính điều đó. Nhưng các tờ báo dân chủ lại vụng về tới mức cứ lặp lại điều dối trá ngu ngốc như vậy. Nếu giả như tôi muốn tới Phran-phuốc với tư cách là một vụ thì, đĩ nhiên, người ta không viết trước về điều đó trên tất cả các báo; và hơn nữa, nước Phổ cử một quan chức cảnh sát tới Phran-phuốc để làm gì, khi ở đó đã có đủ các quan chức thạo việc? Sự dấn độn bao giờ cũng là thói xấu của phái dân chủ, còn sự khôn khéo thì đã mang lại thắng lợi cho những kẻ đối địch của họ.

Lời khẳng định rằng dường như nhiều năm trước đây tôi đã từng làm mật vụ cảnh sát ở Xi-lê-di, cũng lại là một sự đối trá đê tiện. Lúc bấy giờ tôi là một quan chức cảnh sát được bổ nhiệm chính thức và đã thực hiện chức trách của mình với tư cách như vậy. Người ta đã lan truyền điều đối trá đê tiện về tôi. Thử xem ai có thể đứng ra chứng minh được rằng tôi đã cố ý chiếm cho được lòng tin của người đó. Bất kỳ ai cũng đều có thể lừa dối và khẳng định. Vậy tôi mong đợi ở Ngài, - mà Ngài thì tôi coi là một con người trung thực và đứng đắn -, câu trả lời sớm và thỏa đáng. Ở đất nước chúng ta các tờ báo dân chủ tự làm mất uy tín của mình bằng vô khối sự lừa dối. Ngài cũng đừng nên theo đuổi mục đích như vậy.

Một người trung thành với Ngài
***Sti-bơ***, tiến sĩ luật v.v.
Béc-lin, phố Rít-tơ, 65

Béc-lin, ngày 26 tháng Chạp 1848

Do đâu mà Sti-bơ biết được rằng ông bức thư của ông ta được Mác gửi cho Snai-đơ II ngày 27 tháng Mười? Nhưng bức thư đó được gửi đi không phải ngày 27 mà là ngày 25 tháng Mười, và không phải cho Snai-đơ II mà cho Phôn Hôn-tơ-hai-mơ. Do đó, Sti-bơ chỉ biết rằng vẫn còn bức thư đó và ông ta phỏng đoán Mác sẽ thông báo bức thư ấy cho người nào đó trong số những người bào chữa. Nhưng cái gì là cơ sở cho những điều phỏng đoán đó? Khi nhận được tờ "Kölnische Zeitung" có lời cung khai của Sti-bơ về Sếc-van ngày 18 tháng Mười ở Luân Đôn Mác đã viết cho tờ "Kölnische

Zeitung", tờ "National-Zeitung" ở Béc-lin và tờ "Frankfurter Journal một bản tuyên bố để ngày 21 tháng Mười, ở cuối bản tuyên bố này Mác đe dọa Sti-bơ bằng bức thư vẫn còn được giữ lại của ông ta. Để giữ bức thư "tuyệt mật", chính Mác định tuyên bố về bức thư đó trên các báo. Ông ta chịu thất bại do sự nhút nhát của báo chí Đức, nhưng bưu điện Phổ thì từ lúc đó đã biết tin và cùng với bưu điện Phổ Sti-bơ của nó cũng biết tin.

Vậy thì ông Gôn-hai-mơ vẫn nói ra rả đã mang theo những gì từ Luân Đôn tới?

Đó là việc Hiếc-sơ thể không khai man, là việc tồn tại của G.Líp-nếch không phải là "có thể sờ thấy được", là việc sổ biên bản gốc tuyệt nhiên không phải là sổ biên bản thực, là việc các tên mật vụ am hiểu mọi sự ở Luân Đôn biết tất cả những gì mà "đảng của Mác" công bố trên báo chí Luân Đôn. Để cứu vãn danh dự của các mật vụ Phổ, Gôn-hai-mơ tống vào miệng họ những tin tức quá ít ỏi moi móc được[1*] bằng cách bóc và ăn cắp thư từ.

Trong phiên tòa ngày 4 tháng Mười một, sau khi Snai-đơ II đã đánh bại Sti-bơ cùng với cuốn sổ biên bản của ông ta, đã vạch mặt ông ta là giả mạo và vi phạm lời thề, thì lần cuối cùng Sti-bơ nhảy xổ lên và thả phanh cho sự phẫn nộ có vẻ đạo đức của mình. Thậm chí cả ngài Véc-mút, - ông ta căm phẫn kêu lên, - thậm chí cả ngài Véc-mút, cục trưởng cảnh sát Véc-mút, người ta cũng dám buộc tội là vi phạm lời thề. Như vậy Sti-bơ lại quay về với cái thang cấp bậc chính thống, với con đường hướng lên. Trước đây ông ta đi theo con đường phi chính thống, con đường đi xuống. Nếu mọi người không muốn tin ông ta, ông cố vấn cảnh sát, thì phải tin trung úy cảnh sát của ông ta; nếu không tin ông trung úy cảnh sát thì phải tin tên mật vụ cảnh sát của viên trung úy này; nếu không tin tên mật vụ Phlơ-ry thì lại phải tin tên mật vụ phụ Hiếc-sơ. Còn lúc này thì ngược lại. Ông ta, *một cố vấn cảnh sát*, có lẽ, có thể thề man; nhưng Véc-mút, *cục trưởng cảnh*

1* Chơi chữ, dựa vào tính đồng âm của từ "aufgestieberte" "moi móc được" và họ Stieber.



*sát* thì sao? Không có lẽ nào! Với sự căm phẫn của mình, ông ta càng đắng cay ca ngợi Véc-mút[1*], ông ta khoản đãi công chúng bằng một Véc-mút trong sạch nhất, một Véc-mút như một con người, một Véc-mút như là luật sư, một Véc-mút như người cha của gia đình, một Véc-mút như là cục trưởng cảnh sát, một Véc-mút for ever[2*].

Thậm chí lúc này, trong phiên tòa công khai Sti-bơ vẫn cố gắng giữ các bị cáo au secret[3*] và dựng lên một vật chướng ngại giữa phía bào chữa và tư liệu để bào chữa. Ông ta buộc tội Snai-đơ II "có liên quan tội phạm" với Mác. Snai-đơ dường như mưu hại các nhà đương cục tối cao của Phổ mà ông ta là đại diện. Thậm chí cả ông chánh án tòa án bồi thẩm Guê-ben, chính ông Guê-ben cũng chịu sức ép nặng nề của Sti-bơ. Và ông ta không thể nào thoát khỏi một tất yếu: dù là dưới hình thức quỵ lụy một cách hèn nhát, ông ta đã đôi lần quất roi vào lưng Sti-bơ. Nhưng Sti-bơ tự cho mình là đúng. Bởi vì không phải chỉ riêng một mình ông ta bị bêu nhục, mà bị bêu nhục cùng với ông ta còn có cả viện công tố, tòa án, bưu điện, chính phủ, cục cảnh sát ở Béc-lin, các bộ, đại sứ Phổ ở Luân Đôn - nói tóm lại, toàn bộ nhà nước Phổ với cuốn sổ biên bản gốc trong tay.

Ông Sti-bơ lúc này được phép đăng bài trả lời của tờ "Neue Rheinische Zeitung" về bức thư của ông ta.

Nhưng chúng ta hãy cùng Gôn-hai-mơ trở lại Luân Đôn một lần nữa.

Cũng giống như Sti-bơ vẫn chưa biết được Séc-van đang ở đâu và thực ra ông Séc-van đó là ai, theo lời cung khai của Gôn-hai-mơ (phiên tòa ngày 3 tháng Mười một) người ta vẫn chưa làm rõ được *nguồn gốc*, cuốn sổ biên bản. Gôn-hai-mơ nêu lên hai giả thuyết để giải thích nguồn gốc đó.

1* - Chơi chữ: "Wermut" cũng có nghĩa là "sự đắng cay", "ngải cứu", "rượu thuốc cao"
2* - mãi mãi, bất hủ.
3* - hoàn toàn cách biệt, nghĩa đen: giam riêng biệt

"Chỉ có hai cách để giải thích nguồn gốc vẫn chưa hoàn toàn sáng tỏ của cuốn sổ", - ông ta nói. - "Hoặc là, như nhân viên mật vụ đã kiên quyết cam đoan cuốn sổ đó thực sự do tay Líp-nếch làm ra, mà vì muốn giấu sự phản bội của mình, Ông ta đã tránh viết bằng nét chữ của ông ta".

Như đã biết, V. Líp-nếch là người thuộc "đảng của Mác". Nhưng cũng lại biết rằng chữ ký của Líp-nếch có trong cuốn sổ biên bản, không phải là của V. Líp-nếch. Vì vậy, trong phiên tòa ngày 27 tháng Mười Sti-bơ khai có tuyên thệ rằng chữ ký đó không phải của V. Líp-nếch này, mà là của Líp-nếch khác, của G. Líp-nếch nào đó. Ông ta biết có người trùng tên này nhưng không thể nào chỉ rõ nguồn gốc các tin tức của mình. Gôn-hai-mơ khai có tuyên thệ: "Phlơ-ry xác nhận rằng ông ta quả thực đã nhận được cuốn sổ đó từ một đảng viên thuộc đảng của Mác có tên là G. Líp-nếch". Gôn-hai-mơ khai tiếp có tuyên thệ rằng: "ông ta không thể tóm được tên G. Líp-nếch đó tại Luân Đôn". Cho tới lúc này G. Líp-nếch mà Sti-bơ khám phá ra đã cho thế giới nói chung và cho trung úy cảnh sát Gôn-hai-mơ nói riêng, biết *những dấu hiệu gì về sự tồn tại* của ông ta? Không có dấu hiệu gì hết ngoài *nét chữ* của ông ta trong cuốn sổ biên bản gốc; nhưng lúc này Gôn-hai-mơ lại tuyên bố: "Líp-nếch tránh viết bằng nét chữ của mình".

Cho tới lúc này G. Líp-nếch chỉ tồn tại như một nét chữ viết. Nhưng bây giờ thì không còn gì là của G. Líp-nếch, không còn gì cho dù một nét chữ viết, cho dù một dấu chấm trên đầu chữ "i". Nhưng do đâu mà Gôn-hai-mơ biết rằng G. Líp-nếch, mà sự tồn tại của ông ta hắn chỉ biết được qua nét chữ viết trong cuốn sổ biên bản, viết bằng nét chữ khác với nét chữ trong cuốn sổ biên bản; cho tới lúc này đó vẫn là một bí mật của Gôn-hai-mơ. Nếu như Sti-bơ có những điều thần kỳ của mình, thì tại sao Gôn-hai-mơ lại không thể có những điều thần kỳ của ông ta?

Gôn-hai-mơ quên mất rằng cấp trên của ông ta là Sti-bơ đã xác nhận có tuyên thệ sự tồn tại của G. Líp-nếch và rằng chính ông ta cũng vừa mới tuyên thệ như vậy. Nhưng vào chính thời điểm mà ông ta khai có tuyên thệ rằng G. Líp-nếch đang tồn tại, thì ông ta



bỗng nhớ lại rằng G.Líp-nếch là một thủ đoạn nói quanh co cực chẳng đã mà Sti-bơ dùng tới, là sự lừa dối bất đắc dĩ, mà sự tùng bí thì không hề biết tới pháp luật. Ông ta nhớ lại rằng chỉ có một Líp-nếch thật, một V. Líp-nếch, nhưng nếu như V. Líp-nếch là có thực thì chữ ký trong cuốn sổ biên bản là giả mạo. Ông ta không dám thừa nhận rằng Hiếc-sơ, tên mật vụ phụ của Phlơ-ry, cùng với cuốn sổ biên bản giả mạo, đã tạo ra cả chữ ký giả mạo. Vì vậy, ông ta đưa ra giả thuyết: "Líp-nếch tránh viết bằng nét chữ của mình". Còn đến lượt chúng ta, chúng ta sẽ phát biểu giả thuyết của mình: Trước đây Gôn-hai-mơ đã có lần làm giả giấy bạc ngân hàng. Ông ta bị truy tố trước tòa án, qua chứng minh thì chữ ký ghi trên tờ giấy bạc không phải là chữ ký của chủ ngân hàng. Gôn-hai-mơ sẽ nói: thưa các ngài, xin đừng giải thích xấu việc đó, xin đừng giải thích xấu việc đó. Giấy bạc ngân hàng là thật. Giấy bạc đó là do tay ông chủ ngân hàng làm ra. Nếu như bản thân ông ta không ký họ của ông ta mà do một người khác giả mạo, thế thì điều đó có liên quan gì tới sự việc? "Chính ông ta đã tránh viết bằng nét chữ của ông ta".

*Hoặc giả*, Gôn-hai-mơ nói tiếp, trong trường hợp nếu giả thiết về Líp-nếch không đúng:

"Hoặc giả hình nhân viên mật vụ Phlơ-ry đã nhận được các bản ghi chép cho cuốn sổ đó từ hai người bạn khác của Mác, hai người lưu vong là Đron-ke và I-man, và làm cho các bản ghi chép đó có hình thức một cuốn sổ biên bản gốc để nâng giá mặt hàng của mình. Bởi vì thông qua trung úy cảnh sát Grây-phơ, đã chính thức xác minh được rằng Đron-ke và I-man thường gặp gỡ Phlơ-ry".

Hoặc giả? Từ đâu mà ra "hoặc giả" đó? Nếu một cuốn sổ như cuốn sổ biên bản gốc có ba người ký tên: Líp-nếch, Rinh-xơ và Un-mơ, thì từ đó không một ai kết luận được rằng "nó là do tay Líp-nếch làm ra", hoặc do tay Đron-ke và I-man làm ra, mà bất kỳ ai cũng đều sẽ nói rằng cuốn sổ đó là do tay Líp-nếch, hoặc do tay Rinh-xơ và Un-mơ làm ra. Chẳng lẽ cái ông Gôn-hai-mơ bất hạnh chỉ vẻn vẹn một lần leo tới sự suy đoán phân tích – hoặc giả, hoặc giả, - chẳng lẽ ông ta lại sẽ nói: "Rinh-xơ và Un-mơ tránh viết bằng nét chữ của mình"? Thậm chí Gôn-hai-mơ cũng thấy cần thiết phải làm cho sự việc xoay theo chiều hướng khác.

Nếu như cuốn sổ biên bản gốc, không phải là do tay Líp-nếch làm ra, như một vụ Phlơ-ry xác nhận, thì như vậy là chính Phlơ-ry đã làm ra cuốn sổ đó, nhưng ông này lại nhận các bản ghi chép cho cuốn sổ đó từ tay Đron-ke và I-man, mà về những người này thì trung úy cảnh sát Grây-phơ đã chính thức xác minh rằng họ thường gặp gỡ Phlơ-ry.

"Để nâng giá món hàng của mình", Gôn-hai-mơ nói, Phlơ-ry đã làm cho các bản ghi chép đó có hình thức một cuốn sổ biên bản gốc. Ông này không chỉ làm đồ giả mà còn làm giả cả chữ ký. Ông ta làm tất cả những việc đó là "để nâng giá món hàng của mình". Một con người đứng đắn như nhân viên mật vụ Phổ này, do lòng tham lam vụ lợi mà làm ra những biên bản giả và giả mạo các chữ ký, dù sao cũng không thể bịa ra những *ghi chép giả* được. Đó là kết luận của Gôn-hai-mơ.

Đron-ke và I-man mãi đến tháng Tư 1852, tức là sau khi bị nhà cầm quyền Thụy Sĩ trục xuất, mới tới Luân Đôn. Nhưng một phần ba cuốn sổ biên bản gốc này lại gồm những biên bản ghi trong tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba 1852. Do đó, trong bất kỳ trường hợp nào, Phlơ-ry đã lập nên một phần ba cuốn sổ biên bản gốc này *không có* Đron-ke và I-man, mặc dầu Gôn-hai-mơ đã tuyên thệ rằng hoặc giả Líp-nếch đã lập ra cuốn sổ biên bản đó, hoặc giả Phlơ-ry đã làm việc này nhưng dựa vào các bản ghi chép của Đron-ke và I-man. Gôn-hai-mơ đã tuyên thệ về việc này, và Gôn-hai-mơ dù không phải là Bru-tút nhưng vẫn là Gôn-hai-mơ.

Nhưng vẫn còn phải giả định rằng Đron-ke và I-man đã mang tới cho Phlơ-ry các bản ghi chép từ tháng Tư, vì lẽ Gôn-hai-mơ đã tuyên thệ rằng "thông qua trung úy cảnh sát Grây-phơ đã chính thức xác minh được rằng Đron-ke và I-man thường gặp gỡ Phlơ-ry".

Chúng ta hãy xem xét các cuộc gặp gỡ này.

Như đã nói tới ở trên, ở Luân Đôn Phlơ-ry được biết tới không phải với tư cách là một nhân viên của cảnh sát Phổ, mà là một thương gia từ Xi-ti tới, hơn nữa còn là một thương gia - nhà dân chủ. Ông ta sinh ở An-ten-buốc và tới Luân Đôn với tư cách là một người lưu vong chính trị, sau này kết hôn với một phụ nữ Anh thuộc một gia đình rất danh giá và khá giả, và bề ngoài ông ta có lối sống đơn giản cùng với vợ và bố vợ, một nhà kinh doanh giả, *một tín đồ đạo Quây-cơ*. Ngày 8 hoặc 9 tháng Mười bắt đầu các cuộc "gặp gỡ thường xuyên" giữa Phlơ-ry với I-man, I-man gặp Phlơ-ry với tư cách là một giảng viên. Nhưng, theo lời cung khai đã sửa lại cho chính xác của Sti-bơ thì cuốn sổ biên bản gốc này nhận được ở Khuên vào ngày 10, còn theo lời cung khai cuối cùng của Gôn-hai-mơ thì vào ngày 11 tháng Mười. Do đó, khi mà I-man, một người cho tới lúc này không hề quen biết đối với Phlơ-ry, dạy cho ông ta tại nhà bài học tiếng Pháp đầu tiên, thì Phlơ-ry không chỉ đã đóng xong cuốn sổ biên bản gốc vào tấm da dê thuộc màu đỏ, mà còn đã chuyển nó cho giao thông viên hỏa tốc, tên này mang cuốn sổ đó tới Khuên. Phlơ-ry đã tạo ra cuốn sổ biên bản của ông ta dựa vào các bản ghi chép của I-man như thế đấy. Còn Đron-ke thì Phlơ-ry gặp tình cờ *chỉ một lần* tại nhà I-man, và hơn nữa chỉ vào ngày 30 tháng Mười, lúc mà cuốn sổ biên bản gốc từ lâu đã quay về trạng thái không tồn tại ban đầu của nó.



Như vậy, Chính phủ Đức Cơ Đốc giáo chưa thỏa mãn với việc phá ngăn kéo những chiếc bàn giấy, ăn cắp những giấy tờ của người khác, ép lấy những lời cung khai giả dối, tạo ra những vụ âm mưu hư ảo, bịa đặt ra những giấy tờ giả mạo, những lời tuyên thệ dối trá, những mưu toan mua chuộc để có được những nhân chứng giả, - tóm lại là tất cả những gì có thể lợi dụng được để kết án những người bị cáo ở Khuên. Chính phủ đó còn cố gieo rắc sự ngờ vực bẩn thỉu đối với những người bạn của các bị cáo ở Luân Đôn nhằm bao che cho tên Hiếc-sơ của họ, về tên này thì Sti-bơ đã khai có tuyên thệ rằng ông ta không biết hắn, còn về Gôn-hai-mơ thì theo lời khai của ông ta, y không phải là mật vụ.

Vào thứ sáu, ngày 5 tháng Mười một, tại Luân Đôn, đã nhận được tờ "Kölnische Zeitung" có bài tường thuật về phiên tòa bồi thẩm ngày 3 tháng Mười một với lời khai của Gôn-hai-mơ. Người ta lập tức tìm hiểu về Grây-phơ và cũng ngày hôm đó đã xác nhận

được rằng ông này đang ở chỗ Phlơ-ry. Cùng lúc đó Đron-ke và I-man lên đường tới nhà Phlơ-ry mang theo tờ "Kölnische Zeitung". Họ buộc Phlơ-ry phải đọc kỹ những lời khai của Gôn-hai-mơ. Ông ta tái mặt, cố tự chủ, làm ra vẻ ngạc nhiên và tuyên bố rằng ông ta luôn sẵn sàng phản cung lại Gôn-hai-mơ trước quan tòa hòa giải Anh. Nhưng trước hết ông ta còn phải trao đổi với luật sư của mình. Cuộc gặp gỡ được ấn định vào ngày hôm sau, sau bữa ăn trưa, ngày thứ bảy mùng 6 tháng Mười một. Phlơ-ry hứa mang tới cuộc gặp gỡ đó lời cung khai có sẵn của mình, đã được xác nhận chính thức. Dĩ nhiên ông ta đã không đến. Vì vậy, vào chiều ngày thứ bảy I-man và Đron-ke đã tới nhà ông ta và tìm thấy ở đó mảnh giấy sau đây gửi cho I-man:

"Nhờ sự giúp đỡ của luật sư mọi việc đã được thu xếp, một khi con người được làm rõ, thì việc tiếp theo sẽ được thực hiện tức khắc. Ngay hôm nay luật sư đã tiến hành việc này. Công việc đòi hỏi tôi phải có mặt ở Xi-ti. Ngày mai ghé vào nhà tôi, tôi sẽ có mặt ở nhà trong suốt thời gian từ sau bữa ăn trưa tới 5 giờ chiều. Phl."

Ở phía sau mảnh giấy có ghi thêm:

"Tôi vừa mới về tới nhà, nhưng phải đi ngay với ông Véc-ne và vợ tôi, về điều này thì ngày mai các anh có thể *thấy rõ*. Xin viết cho tôi biết các anh định đến vào lúc nào".

I-man để lại mảnh giấy trả lời như sau:

"Tôi hết sức ngạc nhiên không gặp được Ngài vào lúc này tại nhà vì Ngài cũng không đến rơi bẹn gặp vào thời gian đã định là sau bữa ăn trưa. Tôi phải thú nhận với Ngài rằng do hoàn cảnh tạo nên tôi đã có suy nghĩ về Ngài. Nếu như Ngài thấy cần làm cho tôi nghĩ khác về Ngài thì Ngài hãy đến nhà tôi chậm nhất là sáng sớm ngày mai, vì lẽ tôi không thể nào dám bảo với Ngài rằng hoạt động của Ngài với tư cách là một vụ cảnh sát Phổ sẽ không phải là đối tượng bàn luận trên các trang báo chí nước Anh. I-man".

Sáng chủ nhật Phlơ-ry cũng không tới. Vì vậy Đron-ke và I-man lại đến nhà ông ta vào chiều tối chủ nhật, rồi làm ra vẻ như sự tin cậy của họ đối với ông ta chỉ bị lung lay vào lúc đầu, để nhận của ông ta bản tuyên bố. Mặc dù có những sự trì hoãn và do dự đủ loại, bản tuyên bố vẫn được viết xong. Phlơ-ry đặc biệt do dự khi người ta chỉ cho ông ta rằng, khi ký tên vào văn bản đó, ông ta cần ghi không chỉ họ mà cả tên của mình. Bản tuyên bố nguyên văn viết như sau:



Kính gửi ban biên tập "Kölnische Zeitung"

Người ký tên dưới đây tuyên bố ông ta mới quen biết ngài I-man chừng một tháng, trong thời gian đó ngài I-man dạy tiếng Pháp cho ông ta, còn ngài Đron-ke thì ông ta mới gặp lần đầu vào thứ bảy, ngày 30 tháng Mười năm nay;

rằng trong số hai người này không một ai thông báo cho ông ta một điều gì có liên quan tới cuốn sổ biên bản được nói tới trong vụ án ở Khuên;

rằng ông ta không biết một người nào mang cái họ là Lếp-nếch, và cũng không có liên hệ gì với người đó.

Luân Đôn, ngày 8 tháng Mười một 1852, Ken-sinh-tơn.

*Sác-lơ Phlơ-ry.*

Dĩ nhiên Đron-ke và I-man đều tin rằng Phlơ-ry sẽ gửi chỉ thị cho tờ "Kölnische Zeitung" là không nhận một tuyên bố nào có chữ ký của ông ta. Vì vậy họ đã gửi bản tuyên bố của ông ta không phải cho tờ "Kölnische Zeitung", mà cho luật sư Snai-đơ II, song ông này nhận được bản tuyên bố đó vào lúc vụ án đã ở giai đoạn quá muộn và không còn có thể sử dụng nó được nữa.

Phlơ-ry dù không phải là Phluê-đơ Ma-ri [Fleur de Marie][355] của những con đĩ cảnh sát, nhưng vẫn là bông hoa[1*] sẽ nở, dù chỉ là bông hoa fleurs-de-lys[1)].

Câu chuyện về cuốn sổ biên bản vẫn chưa kết thúc ở đây.

Vào thứ bảy, ngày 6 tháng Mười một, V. Hiếc-sơ từ Hăm-buốc tới, trước quan tòa cảnh sát ở phố Boi tại Luận Đôn đã ra tuyên bố coi như khai có tuyên thệ rằng dưới sự chỉ đạo của Grây-phơ và Phlơ-ry, ông ta đã bịa ra cuốn sổ biên bản gốc được nói tới trong vụ án những người cộng sản ở Khuên.

Như vậy, lúc đầu là cuốn sổ biên bản gốc của "đảng của Mác", sau đó là cuốn sổ ghi chép của mật vụ Phlơ-ry, cuối cùng là sản

1) Fleurs-de-lys (hoa súng) trong tiếng dân gian của Pháp mệnh danh cho các chữ cái T.F. đóng dấu nung lên các tội phạm (travaux forcés, lao động khổ sai). Phần bổ sung sẽ cho thấy rõ Mác đã nhận xét chủ thể này đúng tới mức nào (xin xem phần sau, phần VIII, số 1)[356]. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1885).*

1* Chơi chữ: "fleur" là bông hoa, Fleury là họ.

phẩm của cảnh sát Phổ, sản phẩm thuần túy của cảnh sát, sản phẩm sans phrase[1*] của cảnh sát.

Vào đúng cái ngày Hiếc-sơ tiết lộ bí mật về cuốn sổ biên bản gốc cho quan tòa cảnh sát Anh ở phố Boi thì ở Ken-sinh-tơn, tại nhà của Phlơ-ry, một đại diện nhà nước Phổ làm cái việc gói bọc bằng vải sơn, nhưng lần này không phải là những văn kiện ăn cắp được, không phải là những giấy tờ bịa đặt ra và không phải là những tài liệu nói chung, mà là những đồ đạc vật vãnh của riêng ông ta. Con chim đó không phải ai khác là Grây-phơ[2*], một con người quen biết đối với chúng ta ở khắp Pa-ri, là giao thông viên hỏa tốc ở Khuên, là tên cầm đầu mật vụ cảnh sát Phổ ở Luân Đôn, là kẻ đạo diễn chính thức cái trò lừa bịp, là tên trung úy cảnh sát được đặc phái tới đại sứ quán Phổ với tư cách là tùy viên. Grây-phơ nhận lệnh của chính phủ Phổ là phải rời khỏi Luân Đôn ngay không được để mất một phút.

Giống như vào cuối buổi diễn vở nhạc kịch, phông cảnh ở phía sau, cho tới lúc này vẫn được che giấu dằng sau các cánh gà và được bố trí thành bậc dốc, bỗng bừng sáng lên bởi những ngọn lửa pháo bông và hình dáng lóa mắt của nó hiện rõ trước mắt mọi người, vào cuối tấn bi hài kịch này của cảnh sát Phổ, cái xưởng nhỏ làm giả cuốn sổ biên bản gốc, được che giấu và được bố trí thành bậc dốc, cũng đang hiện ra trước mắt mọi người. Ở bậc cuối cùng người ta thấy Hiếc-sơ, tên chỉ điểm bất hạnh của cảnh sát, làm khoán, ở bậc thứ hai là Phlơ-ry, tên mật vụ - tư sản và agent provocateur, một thương nhân ở Xi-tì; ở bậc thứ ba là Grây-phơ, trung úy cảnh sát ngoại giao và ở bậc cao nhất chính là đại sứ quán Phổ mà Grây-phơ được đặc phái tới với tư cách là tùy viên. Trong suốt 6 - 8 tháng Hiếc-sơ thực hiện đều đặn, - hết tuần này sang tuần khác, việc bịa đặt ra cuốn sổ biên bản gốc của mình trong phòng làm việc dưới sự giám sát của Phlơ-ry. Nhưng ở *cao hơn* Phlơ-ry một tầng lại là trung úy cảnh sát Phổ

1* - không thêu dệt

2* - Chơi chữ: "Greif" cũng có nghĩa là "chim kền kền".



Grây-phơ, người theo dõi và chỉ đạo Phlơ-ry. Bản thân Grây-phơ thường xuyên làm việc một phần thời gian trong ngày tại tòa đại sứ Phổ, ở đó người ta lại theo dõi và chỉ đạo ông ta. Như vậy, tòa đại sứ Phổ là cái nhà ấm thực sự, trong đó đã vun trồng nên cuốn sổ biên bản gốc[1*]. Thế là Grây-phơ phải biến đi. Ông ta biến mất ngày 6 tháng Mười một 1852.

Thế là không thể tiếp tục bám lấy cuốn sổ biên bản gốc được nữa, cho dù nó chỉ là cuốn sổ ghi chép. Trong bài trả lời của mình đối với những lời bào chữa của các luật sư, công tố viên Dết-tơ đã làm lễ mai táng cuốn sổ đó.

Như vậy, người ta lại quay về cái điểm xuất phát đã khiến viện công tố của tòa thượng thẩm phải ra lệnh thẩm cứu lại từ đầu vì lẽ *"không có cấu thành khách quan của tội phạm"*.

1* Trong lần xuất bản năm 1853 ở Ba-den, sau những chữ này có in hai câu không thấy có ở các lần xuất bản khác: "Vì vậy Grây-phơ phải biến mất. Nỗi nhục nhã chờ đợi ông ta ở Luân Đôn lại đổ lên đầu đại sứ quán Phổ".

# V
# BỨC THƯ KÈM THEO "KINH BỔN ĐỎ"

Trong phiên tòa ngày 27 tháng Mười thanh tra cảnh sát *Giun-kéc-man* ở Crê-phen đã cung khai như sau:

"Ông ta tịch thu một gói gồm các cuốn "Kinh bổn đỏ" gửi cho người hầu phòng của một trong những khách sạn ở Crê-phen và có đóng dấu bưu điện Duýt-xen-đoóc-phơ. Trong gói đó có bức thư kèm theo không ghi tên người gửi". Theo nhận định của công tố viên, có lẽ bức thư kèm theo *do tay Mác viết*".

Trong phiên tòa ngày 28 tháng Mười chuyên viên (? ? ?) Rơ-na nhận thấy bức thư kèm theo được viết bằng nét chữ của Mác. Bức thư kèm theo đó viết:

Anh!

Vì Anh được chúng tôi hoàn toàn tin cậy, nên trong gói này chúng tôi chuyển cho Anh 50 cuốn "Sách đỏ", tối thứ bảy ngày 5 tháng Sáu, lúc 11 giờ tối, Anh có nhiệm vụ đút qua khe cửa nhà những công dân mà ta biết là có chính kiến cách mạng, tốt nhất là công nhân. Chúng tôi tin tưởng có thể trông cậy vào lòng dũng cảm công dân của Anh và vì vậy, chúng tôi chờ đợi việc chấp hành mệnh lệnh này. Cách mạng đang tới gần hơn là một số người nghĩ.

Cách mạng muôn năm!

Gửi lời chào anh em

***Ủy ban cách mạng***

Béc-lin, tháng Năm 1852

Nhân chứng Giun-kéc-man còn tuyên bố rằng, "các gói đang được nói tới này đã được gửi cho nhân chứng *Ki-a-ne-la*".

Trong lúc các bị cáo ở Khuên bị tạm giam thì cục trưởng cảnh sát Béc-lin *Hin-ken-đây* chỉ đạo các hoạt động như một tổng chỉ huy. Những vòng nguyệt quế của Mô-pa không để ông ta yên.

Trong các cuộc tranh luận trước tòa có mặt hai cảnh sát trưởng, một còn sống và một đã chết; một cố vấn cảnh sát - Sti-bơ là một người như vậy; hai trung úy cảnh sát, trong đó một người



thường xuyên từ Luân Đôn lui tới Khuên, còn người kia thì từ Khuên tới Luân Đôn, rất đông mặt vụ cảnh sát và mật vụ phụ lúc thì mang tên của mình, lúc thì vô danh, lúc thì mang những tên khác nhau, lúc thì mang bí danh, có người bám theo đuôi và không có người bám theo đuôi, rốt cuộc còn có cả một viên thanh tra cảnh sát.

Ngay sau khi ở Luân Đôn nhận được từ "Kölnische Zeitung" với những lời khai của các nhân chứng vào ngày 27 và 28 tháng Mười, thì Mác đã đến quan tòa cảnh sát ở phố Mác-bơ-rô, ghi lại toàn văn bức thư kèm theo nêu trên từ "Kölnische Zeitung", cho thị thực bản sao này và đồng thời ra tuyên bố như sau, coi như là lời khai có tuyên thệ:

1) Ông không viết bức thư kèm theo nó trên;

2) Chỉ qua tờ "Kölnische Zeitung" ông mới biết được là có bức thư đó;

3) Ông *chưa từng nhìn thấy* cái gọi là "Kinh bổn đỏ";

4) Ông không hề góp phần truyền bá cuốn sách đó dù là dưới bất cứ hình thức nào.

Nhân tiện cần nhận xét rằng một tuyên bố (declaration) như vậy được đưa ra trước quan tòa cảnh sát, nếu là giả dối thì sẽ kéo theo mọi hậu quả của sự làm trái lời thề ở nước Anh.

Văn kiện nói trên được gửi cho Snai-đơ II và cùng lúc đó được đăng trên tờ "Morning Advertiser" ở Luân Đôn[1*], bởi vì trong thời gian xét xử có thể tin chắc rằng ngành bưu điện Phổ gắn việc tuân thủ bí mật thư tín với cái quan niệm lạ lùng cho rằng dường như bưu điện có nhiệm vụ phải giữ bí mật đối với người nhận những bức thư đã được ủy thác cho họ. Viện công tố cấp cao đã phản đối việc xem xét văn kiện đó, dù chỉ là để *đối chiếu* . Viện công tố cấp cao biết rằng chỉ một cái nhìn liếc qua bản chính bức thư kèm theo, rồi sau đó liếc qua bản sao bức thư đó đã được thị thực chính thức do Mác viết, cũng đủ để cho sự lừa dối và việc

1* Xem tập này, tr.510 - 511.

giả mạo có dụng ý nét chữ viết của Mác thậm chí cũng không thoát khỏi con mắt tinh tường của các vị bồi thẩm của chúng ta. Và vì vậy, nhằm bảo vệ thanh danh đạo đức của nhà nước Phổ, Viện công tố cấp cao đã phản đối mọi sự đối chiếu.

Snai-đơ II chỉ rõ

"rằng người nhận thư Ki-a-ne-la, người sẵn sàng cung cấp cho cảnh sát những tin tức về những người được giả định là kẻ gửi thư và *đề nghị thẳng với họ sẽ phục vụ với tư cách là mật vụ*, hoàn toàn không có ý nói tới Mác".

Người nào đã từng đọc dù là một dòng do Mác viết, đều không cho là có thể khẳng định rằng Mác là tác giả của bức thư kèm theo đầy kịch tính đó. Vào giờ ngủ giữa đêm hè ngày 5 tháng Sáu, cái công việc đút cuốn "Sách đỏ" qua khe cửa nhà những người cách mạng phi-li-xtanh, được chỉ thị làm một cách rõ ràng phiến toái,- điều đó nói đúng ra chỉ có thể chỉ ra cái tư cách của Kin-ken, cũng như "lòng dũng cảm công dân" và sự "tin tưởng" mà người ta trông cậy" vào việc "chấp hành" theo kiểu quân sự "mệnh lệnh" đó; chỉ có thể chỉ ra sức tưởng tượng của Vi-lích. Nhưng làm sao mà Kin-ken - Vi-lích có thể đi tới chỗ viết ra được những đơn thuốc cách mạng của họ bằng nét chữ của Mác?

Nếu như có thể đưa ra giả thiết về "nguồn gốc vẫn chưa hoàn toàn sáng tỏ" của bản thảo bức thư kèm theo đó được viết bằng nét chữ giả mạo, thì giả thiết ấy có lẽ sẽ như sau: cảnh sát đã tìm thấy ở Crê-phen 50 cuốn "Sách đỏ" với bức thư kèm theo có vẻ cẩu kỳ, hoàn toàn đáp ứng yêu cầu. Cảnh sát đã ra lệnh - ở Béc-lin hoặc ở Khuên, qu'importe?[1*] - chuyển toàn văn sang giọng điệu của Mác. Với mục đích gì? "Để nâng giá món hàng của mình".

Thế nhưng, thậm chí cả Viện công tố cấp cao, trong lời phát biểu của mình xứng với những lời phản đối Ca-ti-li-na[2*] cũng không dám viện dẫn bức thư kèm theo đó. Viện công tố cấp cao đã bác bỏ bức thư ấy. Như vậy, bức thư không cung cấp một điều gì để xác minh *"cấu thành khách quan" còn thiếu của tội phạm*.

1* - ở đâu cũng thế?
2* - Ý nói bài phát biểu của Xi-xê-rôn chống lại Ca-ti-li-na.



# VI
# PHÁI VI-LÍCH-SÁP-PƠ

Từ khi cuộc cách mạng 1848 - 1849 bị thất bại, đảng vô sản mất đi trên lục địa này cái mà họ có được một cách ngoại lệ trong suốt thời kỳ ngắn ngủi này: báo chí, tự do ngôn luận và quyền lập hội, nói một cách khác, các phương tiện hợp pháp của tổ chức đảng. Đảng tự do - tư sản cũng như đảng dân chủ - tiểu tư sản, bất chấp thế lực phản động, đã tìm thấy trong địa vị xã hội của các giai cấp mà họ đại diện những điều kiện cần thiết để thống nhất lại dưới hình thức này hoặc hình thức khác và ít nhiều bảo vệ những lợi ích chung của mình. Đối với đảng vô sản sau năm 1849 cũng như trước năm 1848, vẫn chỉ mở ra *một con đường* - đó là con đường *thống nhất bí mật*. Vì vậy, bắt đầu từ năm 1849, trên lục địa đó xuất hiện một loạt các tổ chức liên kết bí mật của giai cấp vô sản; cảnh sát khám phá ra các tổ chức đó, các tòa án truy tố họ, các nhà tù làm vẩng bớt hàng ngũ của họ; nhưng hoàn cảnh lại thường xuyên phục sinh họ.

Một bộ phận các hội bí mật này đặt mục tiêu trực tiếp của mình là lật đổ chính quyền nhà nước hiện tồn. Việc làm đó là hợp pháp ở Pháp, nơi giai cấp vô sản bị giai cấp tư sản đánh bại và ở đó việc tấn công vào chính phủ đương thời lại trùng hợp trực tiếp với việc tấn công vào giai cấp tư sản. Một bộ phận khác của các hội bí mật đặt mục tiêu cho mình là thành lập đảng của giai cấp vô sản mà không quan tâm tới số phận của các chính phủ đương thời. Điều này là tất yếu ở những nước như Đức, nơi cả giai cấp tư sản lẫn giai cấp vô sản đều sống dưới ách của chính phủ nửa phong kiến của họ, và do vậy, ở đó việc tấn công thắng lợi vào các chính phủ đương thời đáng lẽ ra phải đánh đổ chính

quyền của giai cấp tư sản, hoặc của cái gọi là các đẳng cấp trung gian, thì ngược lại, trước tiên lại phải tạo điều kiện thiết lập sự thống trị của họ. Rõ ràng là cả ở đây các đảng viên của đảng vô sản cũng sẽ lại tham gia cuộc cách mạng chống status quo[1*], nhưng việc chuẩn bị cho cuộc cách mạng đó, việc cổ động cho cách mạng, việc hoạt động bí mật và tổ chức các âm mưu tiến hành cách mạng đều không nằm trong nhiệm vụ của họ. Họ có thể nhường sự chuẩn bị đó cho những điều kiện chung và cho các giai cấp có liên quan trực tiếp. Họ cần phải nhường sự chuẩn bị đó cho các giai cấp có liên quan trực tiếp, nếu như họ không muốn từ bỏ lập trường của bản thân đảng mình và những nhiệm vụ lịch sử mà tự bản thân nó bắt nguồn từ các điều kiện tồn tại chung của giai cấp vô sản. Đối với họ, các chính phủ hiện thời chỉ là những hiện tượng phù du, còn status quo thì chỉ là một yếu tố quá độ ngắn ngủi, hơn nữa, bận bịu với nó cho đến kiệt sức thì lại là việc dành cho một nền dân chủ hạn chế nhỏ nhặt.

Vì vậy *"Liên đoàn những người cộng sản"* không phải là một hội âm mưu mà là một hội tiến hành bí mật việc tổ chức đảng vô sản, bởi vì giai cấp vô sản Đức bị công khai tước mất igni et aqua[2*], bị tước quyền tự do báo chí, ngôn luận và lập hội. Nếu một hội như vậy mà hoạt động bí mật thì điều đó xảy ra chỉ với ý nghĩa giống như hơi nước và điện lực hoạt động bí mật chống lại status quo.

Lẽ đương nhiên, một hội bí mật đã đặt mục tiêu của mình không phải là thành lập một *đảng chấp chính của tương lai, mà thành lập một đảng đối lập của tương lai* thì có thể sẽ ít hấp dẫn đối với những người mà, một mặt, dưới chiếc áo khoác hoạt động bí mật oai nghiêm đầy vẻ dóng kịch, cố che giấu cái nhỏ nhen của bản thân mình, mặt khác, họ lại muốn thỏa mãn tính hiếu danh nhỏ mọn của mình khi xảy ra cuộc cách mạng sắp tới, nhưng trước hết ngay lúc này họ cố gắng tỏ ra mình là quan

1* - chế độ hiện hành, tình trạng hiện tồn
2* - nghĩa đen: lửa và nước, tức là những điều kiện sống cần thiết

Enthüllungen

über den

# Kommunisten-Prozeß

zu

Köln.

1853.

Bìa phụ cuốn sách của C. Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" xuất bản ở Bô-xtơn năm 1853

trọng, nhận được phần của mình trong những thành quả của chính sách mị dân và chiếm được sự đồng tình của những tên dân chủ khoác lác đầu lưỡi.

Vì vậy một phái đã tách ra, hoặc là cũng có thể nói, đã bị tách ra khỏi Liên đoàn; phái này đòi hỏi nếu không phải là những âm mưu thực sự, thì ít ra cũng là *cái vẻ* âm mưu, và vì vậy đã nắng nặc đòi liên minh trực tiếp với các nhân vật dân chủ của thời đại - đó là phái Vi-lích - Sáp-pơ. Điều đặc trưng cho phái này là Vi-lích đi đôi và cùng với *Kin-ken* hiện diện với tư cách là entrepreneur [1*] trong vụ công trái cách mạng Đức - Mỹ.

Người ta vừa mới nói tới thái độ của đảng này đối với đa số trong Liên đoàn những người cộng sản mà những người ở Khuên nằm trong đa số đó; Buyếc-ghéc-sơ và Ruê-dơ đã trình bày rõ nét và đầy đủ vấn đề này trong các phiên tòa của tòa án bồi thẩm ở Khuên.

Trước khi kết thúc phần trình bày của chúng tôi; chúng ta hãy nhìn lại phía sau và xem xét những hành vi của phái Vi - lích - Sáp-pơ trong thời gian xét xử vụ án ở Khuên.

Như đã nêu ở trên, những ngày tháng trên các giấy tờ của phái này mà Sti-bơ ăn cắp được cho thấy rằng cả *sau khi* xảy ra vụ lấy cắp do Roi-tơ tiến hành, các giấy tờ của phái này bằng cách nào đó vẫn tiếp tục rơi vào tay cảnh sát. Cho tới lúc này phái đó vẫn chưa giải thích được sự việc bí ẩn đó.

Sáp - pơ biết rõ hơn ai hết về quá khứ của Séc-van. Ông ta biết rằng Séc-van được ông ta kết nạp vào Liên đoàn năm 1846, chứ không phải được Mác kết nạp vào năm 1848 v.v. Bằng sự im lặng của mình, ông ta xác nhận sự đối trá của Sti-bơ.

Phái này biết rằng Hắc- kê, là người của phái, đã viết bức thư đe dọa nhân chứng Hau-pơ-tơ, thế nhưng phái này vẫn cứ để cho sự ngờ vực tiếp tục đè nặng lên đảng của các bị cáo.

*Mô-dét - Hét-xơ,* một thành viên trong phái đó, tác giả cuốn *"Kinh bổn đỏ"* [307], một kiểu bắt chước lố bịch và bất hạnh bản

1* - thầu khoán

"Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", Mô-dét Hét-xơ, kẻ không chỉ tự viết ra các tác phẩm của mình mà còn tự tay phổ biến chúng, nên biết chính xác rằng ông ta đã gửi những chuyến "Sách đỏ" đó của mình cho ai. Ông ta biết rằng Mác không hề làm giảm đi một cuốn nào trong những dự trữ phong phú "Sách đỏ" của ông ta. Mô-dét lẳng lặng để cho người ta ngờ vực các bị cáo rằng dường như đảng của họ đã làm cái việc phát hành lẻ từng cuốn "Sách đỏ" của ông ta ở tỉnh Ranh cùng với bức thư kèm theo đầy kịch tính đó.

Cũng như bằng sự im lặng của mình, phái này làm ăn chung với cảnh sát Phổ bằng cả những bài diễn thuyết của mình. Ở nơi mà họ phát biểu trong thời gian tòa án xét xử, họ cũng xuất hiện không phải trên ghế bị cáo mà với tư cách là *"nhân chứng của vương miện"*.

*Hen-txơ*, người bạn và ân nhân của Vi-lích, đã thừa nhận có cùng tham gia vào hoạt động của Liên đoàn, mấy tuần lễ đã nằm ở nhà Vi-lích tại Luân Đôn, rồi sau đó lại đến Khuên để cung khai giả dối chống lại Bếch-cơ; song những chứng cứ đưa ra để chống ông này lại quá ít ỏi so với những chứng cứ chống lại bản thân ông ta; ông ta cung khai rằng dường như năm 1848 Bếch-cơ đã là thành viên của Liên đoàn.

*Hét-xen*, như đã thấy rõ qua tài liệu lưu trữ của Đít-xơ, là người của phái này, được sự giúp đỡ bằng tiền của phái này, đã có lần do tham gia Liên đoàn nên bị truy tố trước tòa án bồi thẩm ở Béc-lin, đã làm nhân chứng để chống lại các bị cáo. Y đã đưa ra những lời cung khai giả dối bằng cách gắn việc vũ trang cho giai cấp vô sản Béc-lin đã xảy ra như một ngoại lệ trong thời kỳ cách mạng, vào mối liên quan tưởng tượng với điều lệ của Liên đoàn.

*Stai-ken-sơ*, đã bị vạch mặt bởi những bức thư của chính mình (xem phiên tòa ngày 18 tháng Mười) rằng ông ta là phái viên chính của phái này ở Bruy-xen, nay lại xuất hiện ở Khuên không phải với tư cách là bị cáo, mà với tư cách là một nhân chứng.



Không lâu trước khi tòa án bồi thẩm ở Khuên mở các phiên tòa, Vi-lích và Kin-ken đã cử một thợ may phụ[1*] tới Đức với tư cách là phái viên. Thực ra, Kin-ken không thuộc phái này, nhưng Vi-lích là một trong những kẻ cầm dầu công trái cách mạng Đức - Mỹ.

Ngay lúc bấy giờ, một nguy cơ về sau này tới bất ngờ đã đe dọa Kin-ken rằng những người bảo lĩnh ở Luân Đôn sẽ gạt ông ta và Vi-lích ra khỏi việc quản lý những khoản tiền công trái, còn tiền thì, mặc dầu họ cầm phẩn phẩn đối, vẫn bị chuyển trở lại nước Mỹ. Vì vậy, chính vào lúc đó Kin-ken cần có những chuyến công cán có tính chất phô trương *sang* Đức và sự trao đổi thư từ phô trương *với* Đức, phần thì để chứng minh rằng nói chung, ở đấy còn có môi trường cho hoạt động cách mạng, trong đó ông ta và đô-la Mỹ còn có thể được sử dụng, phần thì để tìm cái cớ cho việc trao đổi một khối lượng lớn thư từ, cho những khoản chi phí cho việc gửi thư từ qua lại v.v. mà Kin-ken và bạn ông ta là Vi- lích đã ghi trong các bản quyết toán tài chính (xem thông cáo in bằng li-tô của bá tước Ô. Rai-sen-bác). Như Kin-ken tự nhận thấy, ông ta không hề có một mối liên hệ nào với các phần tử tự do tư sản cũng như với những người dân chủ tiểu tư sản ở Đức. Vì vậy ông ta cũng nhầm khi coi phái viên của phái này là phái viên của liên minh cách mạng Đức - Mỹ. Trước mắt phái viên đó không có nhiệm vụ nào khác ngoài việc hoạt động trong công nhân nhằm chống lại đảng của những bị cáo ở Khuên. Phải thừa nhận rằng người ta đã chọn đúng thời cơ để trong khoảnh khắc cuối cùng tạo ra được cái cớ mới để thẩm cứu lại. Cảnh sát Phổ được báo tin đầy đủ về nhân thân, ngày ra đi và hành trình của phái viên. Từ đâu? Chúng ta sẽ thấy rõ điều này. Các mật vụ của cảnh sát Phổ đã có mặt trong các cuộc họp bí mật mà ông ta bố trí ở Mác-đơ-buốc và thông báo về các cuộc tranh luận đã diễn ra. Bạn bè của những người Khuên ở Đức và ở Luân Đôn đều xáo động.

Như chúng tôi đã nói tới ở trên, ngày 6 tháng Mười một, Hiếc-sơ đã thú nhận trước quan tòa cảnh sát ở phố Boi rằng ông ta đã

1* - A. Gai-béc

bịa ra cuốn sổ biên bản gốc dưới sự chỉ đạo của Grây-phơ và Phlơ-ry. Vi-lích đã thúc đẩy ông ta đến bước đó. Vi-lích và chủ khách sạn Sốc-tơ-nơ đã hộ tống ông ta tới quan tòa cảnh sát. Lời thú nhận của Hiếc-sơ đã được sao ra ba bản khác nhau gửi tới Khuên bằng đường bưu điện theo những địa chỉ khác nhau.

Điều tối quan trọng là phải bắt giữ Hiếc-sơ ngay lập tức, sau khi ông ta rời ngưỡng cửa của tòa án. Trên cơ sở lời khai ở ông ta đã được chính thức xác nhận, vụ án đã bị thất bại ở Khuên có thể thắng lợi ở Luân Đôn, nếu không có lợi cho những bị cáo thì vẫn là thắng lợi đối với chính phủ. Nhưng ngược lại, Vi-lích đã làm tất cả để không thể nào thực hiện được bước đi đó. Ông ta giữ sự im lặng sâu kín nhất, giấu giếm điều đó không chỉ đối với "đảng của Mác" là đảng có liên quan trực tiếp, mà cả với đồng bọn của chính mình, thậm chí cả với Sáp-pơ. Chỉ một mình Sốc-tơ-nơ được ông ta thổ lộ điều bí mật đó. Sốc-tơ-nơ tuyên bố rằng ông ta và Vi-lích đã hộ tống Hiếc-sơ tới tàu thủy. Chính là theo ý định của Vi-lích, Hiếc-sơ ở Khuên phải cung khai chống lại chính bản thân mình.

Vi-lích báo cho Hiếc-sơ biết các tài liệu sẽ được chuyển đi bằng đường nào, Hiếc-sơ thông báo cho đại sứ quán Phổ biết về việc này, đại sứ quán Phổ thì báo cho bưu điện. Các tài liệu đó không đến được nơi nhận, chúng biến mất. Một thời gian sau, Hiếc-sơ đã biến mất đó lại xuất hiện ở Luân Đôn và tuyên bố trong cuộc họp công khai của những người dân chủ rằng Vi-lích là kẻ đồng mưu với ông ta.

Đáp lại lời thẩm vấn ông ta về việc này, Vi-lích thú nhận rằng từ đầu tháng Tám 1852 ông ta lại liên lạc với Hiếc-sơ, kẻ mà ngay từ năm 1851, theo đề nghị của ông ta, đã bị đuổi ra khỏi Hội ở phố Grai-tơ - Oan-đơ-mi-lơ vì là mật vụ. Chính Hiếc-sơ đã tiết lộ với ông ta rằng Phlơ-ry là mật vụ của Phổ và sau đó thông báo cho ông ta biết tất cả những thư từ gửi cho Phlơ-ry và những thư từ do y gửi đi. Chính ông ta, Vi-lích, đã lợi dụng phương tiện đó để theo dõi cảnh sát Phổ.



Như mọi người đều rõ, đã gần một năm Vi-lích là người bạn thân cận của Phlơ-ry và được tên này giúp đỡ. Nhưng nếu như từ tháng Tám 1852 Vi-lích đã biết rằng tên đó là mật vụ của Phổ và hơn nữa lại được biết âm mưu của y thì làm sao mà ông ta lại không biết cuốn sổ biên bản gốc?

Làm sao ông ta lại chỉ can thiệp sau khi Chính phủ Phổ đã tự *tiết lộ* Phlơ-ry là mật vụ của họ?

Làm sao ông ta lại dùng cách can thiệp sao cho giỏi lắm thì cũng chỉ dẫn tới chỗ là người bạn đồng minh Hiếc-sơ của ông ta sẽ chuồn khỏi nước Anh, còn chứng cớ đã được xác nhận chính thức về tội lỗi của Phlơ-ry sẽ tuột khỏi tay "đảng của Mác" ?

Làm sao ông ta lại tiếp tục có được sự ủng hộ của Phlơ-ry, kẻ đã huênh hoang bởi cái giấy biên nhận 15 pao xtéc-linh nhận được từ ông ta.

Làm sao Phlơ-ry lại tiếp tục hoành hành trong việc làm ăn với khoản công trái cách mạng Đức - Mỹ?

Làm sao ông ta lại cho Phlơ-ry biết trụ sở và địa điểm họp của hội bí mật của chính ông ta, thành thử các tên mật vụ Phổ ở phòng bên ghi biên bản được các cuộc thảo luận?

Làm sao ông ta lại thông báo cho Phlơ-ry biết hành trình của phái viên nói trên, của người thợ may phụ, và thậm chí nhận của Phlơ-ry tiền để tổ chức chuyến đi đó với nhiệm vụ đặc biệt?

Làm sao, cuối cùng ông ta lại kể cho Phlơ-ry biết ông ta đã hướng dẫn cho Hen - txơ sống ở nhà ông ta cách cung khai tại tòa án bồi thẩm ở Khuên để *chống lại* Bếch-cơ? [1] phải thừa nhận, que tout cela n'est pas bien clair[1*].

1) Về quan hệ giữa Vi-lích và Bếch- cơ: "Vi- lích viết cho tôi những bức thư thật là buồn cười; tôi không trả lời; nhưng ông ta không tài nào kiềm chế nổi để không trình bày cho tôi biết các kế hoạch cách mạng mới của ông ta. Ông ta định dùng tôi để cách mạng hóa cái đội quân đồn trú ở Khuên!!! Gần đây chúng tôi đã phải cười đứt ruột. Bằng những điều nhảm nhí của mình, ông ta sẽ còn lôi cuốn nhiều người vào tai họa, bởi vì chỉ một bức thư như vậy cũng đủ bảo đảm tiền lương trong ba năm cho một trăm quan tòa để xử những tên mị dân [***] . Nếu như tôi thu xếp được một cuộc cách mạng ở Khuên thì có lẽ ông ấy sẽ *không từ chối* đảm nhận việc lãnh đạo các công việc tiếp theo. Thật hết sức hữu nghị! (Trích thư của Bếch - cơ gửi cho Mác ngày 27 tháng Giêng 1851)

1* - rằng tất cả những cái đó chưa thật sáng tỏ.

# VII
# BẢN ÁN

Cùng với việc phát hiện những bí mật của cảnh sát, dư luận xã hội bắt đầu tỏ ý nghiêng về những người bị cáo. Khi sự lừa đảo về cuốn sổ biên bản gốc bị vạch trần thì mọi người bắt đầu chờ đợi một bản quyết định trắng án. Tờ "Kölnische Zeitung" tự thấy là buộc phải quỳ gối trước dư luận và quay sang chống chính phủ. Trên các cột báo của nó cho tới lúc này vốn chỉ dành cho những lời vu khống độc ác của cảnh sát, bỗng nhiên lại xuất hiện, tựa như tình cờ, những mẩu tin ngắn, có lợi cho các bị cáo và gieo rắc sự ngờ vực Sti-bơ. Bản thân Chính phủ Phổ đã coi vụ án này là thất bại. Các phóng viên của họ ở tờ "Times" và "Morning Chronicle" bỗng nhiên đã bắt đầu chuẩn bị dư luận xã hội ở ngoài nước cho lối thoát không thuận lợi đó. Dù cho các học thuyết của các bị cáo có nguy hại và kỳ quái đến đâu đi nữa và những văn kiện tìm được ở họ có ghê tởm mấy chăng nữa thì cũng không có chứng cứ thực tế về sự tồn tại một âm mưu, và vì vậy khó có thể kết án được. Phóng viên Béc-lin của tờ "Times" đã viết với thái độ giả nhân giả nghĩa phục tùng số phận như vậy, đó là ảm hưởng của sự bợ đỡ quỵ lụy phản ánh những nỗi lo sợ luẩn quẩn trong các giới thượng lưu của thành phố trên sông Sprê. Nỗi hân hoan của triều đình Bi-dăng-xơ và các hoạn quan của nó càng mãnh liệt khi tin điện nhanh từ Khuên chuyển tới Béc-lin lời phán quyết của các bồi thẩm: "có tội".

Với việc vạch trần cuốn sổ biên bản, vụ án đã bước vào giai đoạn mới. Lúc này các bồi thẩm đã không còn có thể thừa nhận các bị cáo là có tội hoặc không có tội; lúc này họ phải thừa nhận các bị cáo có tội hay là chính phủ có tội. Tha bổng các bị cáo có nghĩa là lên án chính phủ.



Trong lời đáp lại những lời bào chữa của các luật sư, công tố viên Dết-tơ đã phủ nhận cuốn sổ biên bản. Ông ta bảo rằng ông ta không muốn sử dụng một tài liệu trong đó có vết nhơ như vậy, chính ông ta cho rằng cuốn sổ đó là "không xác thực", đó là cuốn sổ "rủi ro" làm mất nhiều thời gian vô ích, nó không mang lại cho vụ án một điều gì hơn; do nhiệt tình phục vụ đáng khen, Sti bơ đã bị sa vào chuyện lừa bịp, v.v...

Nhưng trong lời buộc tội của mình, chính viện công tố đã khẳng định rằng cuốn sổ đó chứa đựng "nhiều điều xác thực". Không hề tuyên bố cuốn sổ đó là không xác thực, họ chỉ tiếc rằng không thể chứng minh được tính chất có thực của cuốn sổ đó. Cùng với tính chất xác thực của cuốn sổ biên bản mà Sti-bơ đã xác nhận có tuyên thệ, cũng tiêu tan luôn cả tính chất xác thực của những lời cung khai của Séc-van ở Pa-ri được Sti-bơ xác nhận có tuyên thệ và được Dết-tơ lại một lần nữa vin vào trong câu trả lời của ông ta, cũng tiêu tan cả mọi sự việc mà tất cả các nhà đương cục của nhà nước Phổ đã thu nhận được qua kết quả hoạt động hết sức căng thẳng kéo dài một năm rưỡi. Việc xét xử vụ án tại tòa bồi thẩm được ấn định vào ngày 28 tháng Bảy, đã bị hoãn lại ba tháng. Tại sao vậy ? Do cục trưởng cảnh sát Sun-txơ bị ốm. Vậy Sun-txơ là ai? Là kẻ đầu tiên khám phá ra cuốn sổ biên bản gốc. Nhưng chúng ta hãy quay trở lại thời gian trước đây một chút. Vào tháng Giêng và tháng Hai 1852 người ta đã tiến hành các cuộc lục soát trong nhà bà vợ bác sĩ Đa-ni-en-xơ. Dựa trên cơ sở nào? Trên cơ sở *những trang đầu tiên* của cuốn sổ biên bản gốc mà Phlơ-ry chuyển cho Sun-txơ, Sun-txơ chuyển cho cục cảnh sát ở Khuên, còn cục cảnh sát ở Khuên lại gửi cho dự thẩm viên; và chính những trang đầu tiên ấy đã đưa dự thẩm viên tới nhà của vợ bác sĩ Đa-ni- en-xơ.

Mặc dầu có âm mưu của Séc-van, tháng Mười 1851, viện công tố vẫn chưa có được cấu thành tội phạm đang còn thiếu và vì vậy, theo lệnh của bộ, họ ra lệnh mở cuộc thẩm cứu lại. Ai tiến hành cuộc thẩm cứu đó? Cục trưởng cảnh sát Sun-txơ. Như vậy là

Sun-txơ phải tìm cho ra cấu thành tội phạm. Sun-txơ đã tìm thấy cái gì ? Cuốn sổ biên bản gốc. Toàn bộ các tài liệu mới mà ông ta cung cấp chỉ vẻn vẹn có vài tờ của cuốn sổ biên bản mà Sti- bơ về sau đã ra lệnh bổ sung và đóng vào. Các bị cáo phải chịu 12 tháng tù cấm cố để có thời gian cần thiết cho cuốn sổ biên bản gốc ra đời và lớn lên. Chuyện vớ vẩn! Dết-tơ thốt lên và tìm ra chứng cớ của tội lỗi là ở chỗ, những người bào chữa và các bị cáo cần có tám ngày để dọn sạch cái chuồng ngựa của tên vua Ô-gi-át mà để bậy dẩy cái chuồng ngựa đó, tất cả các nhà đương cục của nhà nước Phổ phải làm việc không mệt mỏi trong suốt một năm rưỡi và vì thế mà các bị cáo phải ngồi trong tù một năm rưỡi. Cuốn sổ biên bản gốc không là một sự kiện lẻ loi; nó là điểm nút của mọi dường dây hoạt động của chính phủ: tòa đại sứ và cảnh sát, bộ và chính quyền địa phương, viện công tố và sở bưu điện, Luân Đôn, Béc-lin và Khuên. Cuốn sổ biên bản gốc rất có giá trị đối với vụ án nên nó được phát minh ra để tạo nên vụ án nói chung. Các giao thông viên, các công văn hỏa tốc, việc chiếm đoạt thư từ, các cuộc bắt bớ, các vụ làm trái lời thề là để làm cho cuốn sổ biên bản gốc có hiệu lực, falsa [1*] - là để tạo nên cuốn sổ đó, những mưu toan mua chuộc - là để biện bạch cho nó. Điều bí mật bị vạch trần của cuốn sổ biên bản gốc là bí mật bị vạch trần của vụ án kỳ quái.

Lúc đầu cần phải có sự can thiệp mẫu nhiệm của cảnh sát để che giấu tính chất hoàn toàn có dụng ý của vụ án. "Thưa các ngài bồi thẩm, những điều vạch trần sắp tới sẽ chứng minh cho các ngài thấy rằng vụ án này không phải là một vụ án có dụng ý", - Dết-tơ đã mở đầu cuộc tranh luận trước tòa bằng những lời lẽ như vậy. Bây giờ thì ông ta lại nhấn mạnh tính chất có dụng ý để làm cho người ta quên bẵng đi những điều vạch trần của cảnh sát. Sau một năm rưỡi sơ cứu, các vị bồi thẩm lại cần có những tài liệu khách quan chứng minh tội phạm để biện bạch cho mình trước con mắt của dư luận xã hội. Sau cái tấn hài kịch cảnh sát

1* - dối trá, giả mạo



kéo dài 5 tuần lễ họ cần có sự "*hoàn toàn* có dụng ý" để thoát ra khỏi vũng bùn những tài liệu thực tế. Vì vậy Dết-tơ không chỉ giới hạn ở cái tài liệu buộc viện công tố phải đi đến kết luận là "không có cấu thành khách quan của tội phạm". Ông ta đi xa hơn. Ông ta tìm cách chứng minh rằng đạo luật về các âm mưu nói chung không đòi hỏi phải có cấu thành tội phạm, mà là một đạo luật mang tính chất hoàn toàn có dụng ý, do đó phạm trù âm mưu chỉ là cái cớ để đốt cháy những tên tà đạo chính trị một cách hợp pháp. Mưu toan của ông ta đã hứa hẹn mang lại kết quả lớn hơn nhờ việc áp dụng đối với các bị cáo bộ luật hình sự mới của Phổ đã được ban hành sau khi họ bị bắt. Với cái cớ là bộ luật này dường như bao hàm những điều khoản giảm nhẹ sự trừng phạt, tòa án bợ đỡ kia có thể cho phép vận dụng đạo luật này như là một đạo luật dường như có hiệu lực hồi tố.

Nhưng nếu như vụ án này là một vụ án hoàn toàn có dụng ý thì cần phải sơ cứu kéo dài một năm rưỡi để làm gì? Vì dụng ý.

Nhưng như vậy, một khi vấn đề chỉ là dụng ý thì phải chăng chúng ta cần tiến hành các cuộc tranh luận có tính nguyên tắc về dụng ý với những Dết-tơ - Sti-bơ - Dếch-ken-đoóc-phơ, với những Guê-ben, với Chính phủ Phổ, với ba trăm tên chịu thuế chính ở khu hành chính Khuên, với tên cận thần của nhà vua Phôn Muyn-sơ - Be-linh-hau-den và nam tước Phôn Phuyếc-xten-béc? Pas si bêta[1*].

Dết-tơ thú nhận (phiên tòa ngày 8 tháng Mười một)

"rằng mấy tháng trước đây, khi ông ta được giao nhiệm vụ, mà cụ thể là do ông viện trưởng công tố giao nhiệm vụ phải cùng với ông ta đại diện cho viện công tố trong vụ án này, và khi mà do vậy ông ta bắt đầu xem qua các tài liệu, thì lần đầu tiên ông ta nảy ra ý nghĩ tìm hiểu sâu hơn một chút chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Ông ta cảm thấy càng có nhiệm vụ phải chia sẻ với các vị bồi thẩm về kết quả của các cuộc khảo cứu đó, vì theo ý ông ta, cần phải xuất phát từ giả thuyết cho rằng, cũng giống như ông ta, nhiều người trong số họ có lẽ là còn ít nghiên cứu những vấn đề này".

Và vì vậy, Dết-tơ mua cho mình cuốn sách chỉ nam lừng tiếng của Stai-nơ [309].

"Điều hôm nay ông ta nghiên cứu được,

1* - Chúng ta không đến nỗi ngu ngốc như vậy.

Thì ông ta muốn đem ra dạy người khác ngày mai".[310]

Nhưng viện công tố gặp phải điều đặc biệt bất hạnh. Họ đi tìm những tư liệu khách quan để chống lại Mác, nhưng lại tìm thấy những tư liệu khách quan chống lại Séc-van. Họ đi tìm chủ nghĩa cộng sản mà các bị cáo đã từng tuyên truyền, nhưng lại tìm thấy chủ nghĩa cộng sản mà các bị cáo đó đã đấu tranh chống lại nó. Thực ra, có nhiều loại chủ nghĩa cộng sản khác nhau trong cuốn sách chỉ nam của Stai-nơ, nhưng chỉ không có loại chủ nghĩa cộng sản mà Dết- tơ đang tìm kiếm. Stai-nơ chưa ghi sổ được chủ nghĩa cộng sản phê phán của Đức. Quả là trong tấy Dết-tơ có "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" mà các bị cáo thừa nhận là tuyên ngôn của đảng họ. Và trong "Tuyên ngôn" này có chương phê phán toàn bộ các sách báo trước đó nói về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, như vậy là phê phán tất cả những điều thông minh tài trí mà Stai-nơ đã ghi sổ. Qua chương đó ắt phải thấy rõ sự khác biệt giữa khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa mà người ta đang buộc tội nó, với tất cả các trào lưu trước kia của chủ nghĩa cộng sản, do vậy ắt phải thấy rõ nội dung đặc thù và *khuynh hướng đặc thù* của học thuyết mà Dết-tơ chống lại. Ở đây không có Stai-nơ nào giúp khắc phục hòn đá trở ngại [1*] cả. Dù chỉ là để buộc tội thì ở đây cũng vẫn cần phải hiểu. Lúc này Dết-tơ bị Stai-nơ bỏ mặc cho số phận làm thế nào thoát được khỏi khó khăn? Ông ta khẳng định rằng

"Tuyên ngôn" gồm *ba phần*. Phần I nói về *sự phát triển lịch sử* của địa vị xã hội của các công dân khác nhau (!) theo quan điểm cộng sản chủ nghĩa" (Very fine. [2*])"... Phần II phân tích quan điểm của những người cộng sản đối với những người vô sản... Cuối cùng, phần cuối xem xét quan điểm của những người cộng sản ở các nước khác nhau..."(!) (Phiên tòa ngày 6 tháng Mười một.)

Thực ra "Tuyên ngôn" gồm bốn phần, chứ không phải ba phần, nhưng tôi không biết cái gì thì cũng không lấy làm buồn cái đó. Vì vậy, Dết-tơ khẳng định rằng tuyên ngôn đó gồm ba phần chứ

1* - Chơi chữ: Stein là họ. "Stein" là "đá".
2* - Thật là tinh tế.



không phải bốn phần. Phần không tồn tại đối với ông ta chính là phần bất hạnh nhất, bao hàm việc phê phán cái chủ nghĩa cộng sản mà Stai-nơ đã ghi biên bản, do đó nó chứa đựng *khuynh hướng đặc thù* của cái chủ nghĩa cộng sản đã bị buộc tội. Dết-tơ đáng thương! Lúc đầu ông ta còn thiếu cấu thành tội phạm, bây giờ thì ông ta lại thiếu *khuynh hướng*.

Nhưng, ông bạn tôi ơi, đâu đâu lý luận cũng là màu xám [311]. "Cái gọi là vấn đề xã hội", - Dết-tơ nhận xét, - "và việc giải quyết nó trong thời hiện đại đã làm cho những người có sứ mệnh cũng như những người không có sứ mệnh phải bận tâm". Dù sao thì Dết-tơ cũng thuộc số người có sứ mệnh vì ba tháng trước đây ngài viện trưởng công tố Dếch-ken-doóc-phơ đã chính thức "giao" cho ông ta "sứ mệnh" nghiên cứu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Những Dết-tơ trong mọi thời đại và ở tất cả các nước từ lâu đều đồng tâm nhất trí với nhau rằng Ga-li-lê "không có sứ mệnh" nghiên cứu sự chuyển động của các thiên thể, mà chỉ có các quan tòa giáo hội đã từng tuyên bố Ga-li-lê là tên tà đạo, mới "có sứ mệnh" làm việc đó! E pur si muove! [Nhưng dẫu sao quả đất vẫn quay!] [1]

Giai cấp vô sản cách mạng không có vũ khí, mà các bị cáo là người đại diện, đã đứng trước mặt các giai cấp thống trị mà tòa án bồi thẩm là đại biểu; do vậy các bị cáo đã bị kết án từ trước vì họ đã phải ra trước tòa án bồi thẩm đó. Nếu như có cái gì có thể trong khoảnh khắc làm rung động cái lương tâm tư sản của các vị bồi thẩm, như đã làm rung động dư luận xã hội, thì đó là mưu kế lộ liễu tột cùng của phính phủ, là sự hủ bại của Chính phủ Phổ đã bị bóc trần trước mắt các bồi thẩm. Nhưng nếu như Chính phủ Phổ áp dụng các biện pháp thật dễ tiện và đồng thời cũng thật mạo hiểm đối với các bị cáo, - các bồi thẩm tự nhủ, -

1) Dết-tơ không chỉ một lần "có sứ mệnh". Sau này ông vẫn tiếp tục được "có sứ mệnh" để thưởng công cho ông ta trong vụ án này, - cụ thể là "có sứ mệnh" giữ cương vị tổng biện lý của tỉnh Ranh; với chức vị đó ông ta về hưu và sau đó chịu lễ thánh trước khi chết, rồi yên giấc ngàn thu. *(Chú thích của Ăng-ghen cho lần xuất bản năm 1885)*

nếu như, có thể nói, chính phủ đó đánh liều thanh danh của mình ở châu Âu để cầu may, thì trong trường hợp đó các bị cáo, dù cho đảng của họ có ít thế nào chăng nữa, chắc sẽ trở nên hết sức nguy hiểm, trong bất kỳ trường hợp nào học thuyết của họ chắc sẽ là sức mạnh to lớn. Chính phủ đã vi phạm tất cả các đạo luật của bộ luật hình sự để bảo vệ chúng ta trước con quái vật tội phạm đó. Còn về phía mình, chúng ta vi phạm point d'honneur [1*] nhỏ xíu của chúng ta để cứu vãn danh dự của chính phủ. Chúng ta hãy biết ơn, chúng ta hãy lên án họ.

Giới quí tộc tỉnh Ranh và giai cấp tư sản tỉnh Ranh, bằng lời thẩm quyết của mình: "có tội", đã hòa tiếng nói của họ với tiếng gào thét của giai cấp tư sản Pháp sau ngày 2 tháng Chạp: "Chỉ có sự trộm cắp mới còn có thể cứu vớt được sở hữu, chỉ có sự bội thề mới còn có thể cứu vớt được tôn giáo, chỉ có sự đẻ hoang mới còn có thể cứu vớt được gia đình, chỉ có sự lộn xộn mới còn có thể cứu vớt được trật tự !"

Toàn bộ bộ máy nhà nước Pháp đã biến thành con đĩ. Nhưng không một cơ quan nào *đĩ bợm* quá đáng như các tòa án Pháp và các vị bồi thẩm Pháp. Chúng ta hơn hẳn các vị bồi thẩm và các quan tòa Pháp - các vị bồi thẩm và tòa án ở Khuên thốt lên như vậy. Trong vụ án Séc-van, chẳng bao lâu sau cuộc đảo chính, các vị bồi thẩm của Pa-ri đã tha bổng Nê-thơ, mà những bằng chứng buộc tội hắn lại lắm hơn nhiều so với *bất kỳ* người nào trong số các bị cáo. Chúng ta hơn hẳn các vị bồi thẩm của cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp. Chúng ta kết án Nê-thơ về sau mà đại diện là Ruê-đơ, Buyếc-ghéc-xơ, và những kẻ khác.

Thế là lòng tin giả dối vào tòa án bồi thẩm, vẫn còn tồn tại trên nước Phổ ở vùng Ranh, đã bị vĩnh viễn phá vỡ. Người ta thấy rõ ràng tòa án bồi thẩm là tòa án đẳng cấp của các giai cấp đặc quyền, được thành lập để lấp những lỗ hổng trong luật pháp bằng cái lương tri rộng rãi của giai cấp tư sản.

1* - danh dự



*I-ê-na!*[312]. Đó là lời cuối cùng dành cho cái chính phủ đang cần những phương tiện như vậy để tồn tại, và dành cho cái xã hội đang cần một chính phủ như vậy để bảo vệ. Đó là lời cuối cùng của vụ án những người cộng sản ở Khuên.... **I-ê-na"**

## C. MÁC

# NGHỊ VIỆN. - CUỘC BIỂU QUYẾT NGÀY 26 THÁNG MƯỜI MỘT. NGÂN SÁCH CỦA ĐI -XRA-E-LI

Luân Đôn, thứ sáu, 10 tháng Chạp năm 1852

Dự đoán của tôi về những kết quả quan trọng của cuộc đấu tranh lại tiếp diễn giữa các đảng phái trong nghị viện đã trở thành sự thật [1*]. Khi khai mạc kỳ họp, phái đối lập đã giành được đa số phủ định đối với chính phủ; nhưng kể từ đó, các phái cạnh tranh lẫn nhau hình thành đa số ấy đã đi đến chỗ làm tê liệt lẫn nhau. Ngày 26 tháng Mười một, khi hạ viện không thông qua nghị quyết "cấp tiến" của ông Vi-li-ớc-xơ về mậu dịch tự do mà là: thông qua điểm bổ sung lập lờ nước đôi của huân tước Pan-mớc-xtơn thì nó đã tự vẽ nên bức tranh về sự lường gạt lẫn nhau một cách phổ biến, về sự hỗn loạn và tan rã phổ biến của tất cả các đảng phái cũ trong nghị viện.

Nghị quyết của ông Vi-li-ớc-xơ coi đạo luật năm 1846 [313] là "sáng suốt và công bằng", đã được thảo ra mà không có sự đồng ý của Cốp-đen và Brai-tơ, những nhà mậu dịch tự do par excellence [2*] ấy Đảng Vích quyết định hành động vì lợi ích của phái mậu dịch tự do nhưng không để cho phái này nắm quyền chủ động cũng

1* - Xem tập này, tr.512-522.
2* - bậc nhất, theo ý nghĩa thực sự của từ này.



như tham gia chính phủ sau khi giành được thắng lợi mong muốn. Rớt-xen, người đầu tiên đề nghị dùng những từ hết sức xúc phạm đối với nội các: "sáng suốt và công bằng", đã tỏ ý tán thành điểm bổ sung của Grê-hêm; phái Pin được sự tán thành của những người ủng hộ nội các, đã đưa ra đề nghị thừa nhận mậu dịch tự do là thích hợp với tương lai nhưng lại phủ nhận tính chất thích hợp của nó trong quá khứ; đề nghị này tạo cho đảng To-ri khả năng bù đắp lại những thiệt hại mà đạo luật của ngài Rô-bớc Pin đã gây ra cho nó. Nhưng chính phái Pin ấy lại bác bỏ điểm bổ sung của Đi-xra-e-li và bằng việc xin rút đề nghị của mình, nó sẵn sàng ủng hộ nghị quyết ban đầu có lợi cho mậu dịch tự do. Đảng Vích sắp sửa giành được thắng lợi thì lại bị thất bại do sự xuất hiện của Pan-mớc-xtơn trên vũ đài, ông ta bảo vệ điểm bổ sung của Grê-hêm và do đó, với sự giúp đỡ của phái Pin, đã bảo đảm những thắng lợi cho những người ủng hộ nội các. Cuối cùng, bản thân thắng lợi ấy mà nội các của phái thuế quan bảo hộ đã đạt được, lại chính là việc thừa nhận mậu dịch tự do nên đã gây ra sự phản đối của ít ra là 53 người ủng hộ kiên quyết nhất bản thân đảng cầm quyền. Một mớ lộn xộn những luận điểm giả, những mưu mô của các đảng phái, những mánh lới nghị viện, những sự phản bội lẫn nhau v.v. - đó là kết quả của cuộc tranh luận ngày 26 tháng Mười một, trong đó chính sách mậu dịch tự do được chính thức thừa nhận nhưng lại do phái thuế quan bảo hộ đứng ra làm người giải thích, làm đại biểu và làm người thi hành sau này.

Ở một trong những bài báo trước đây của mình viết trước kỳ họp, tôi đã nêu lên rằng sau khi cự tuyệt việc phục hồi những đạo luật về ngũ cốc, trong các bài diễn văn tranh cử của mình, Đi-xra-e-li dự định đền bù cho bọn địa chủ bằng một cuộc cải cách thuế khóa, cuộc cải cách này sẽ tạo khả năng cho các chủ trại - người lĩnh canh thanh toán được khoản địa tô cũ tồn tại trong thời kỳ thuế quan bảo hộ [1*]. Giảm nhẹ một phần gánh nặng thuế khóa hiện nay cho các chủ trại và chất phần đó lên vai quần

1* Xem tập này, tr.502-503.

chúng nhân dân, Đi-xra-e-li tự an ủi rằng ông ta đã tìm được cho bọn địa chủ đang khốn khó một phương thuốc hữu hiệu hơn nhiều so với chế độ thuế quan bảo hộ cũ không chắc chắn, chế độ này có nghĩa là đầu cơ ngay trên cái *dạ dày* của quần chúng. Cái kế hoạch láu cá của ông, Đi-xra-e-li là đầu cơ trên cái *túi tiền* của họ; kế hoạch này hiện nay thể hiện trong dự toán ngân sách mà ông ta đã đưa ra hạ viện ngày 3 tháng này và số phận của nó chắc sẽ được quyết định trong cuộc tranh luận tối nay.

Các chính phủ ở Đức và các nhà từ thiện Đức có thói quen ba hoa về "những biện pháp cải thiện tình cảnh của các giai cấp lao động" (Massregeln zur Hebung der arbeitenden Klassen). Người ta có thể gọi không hề phóng đại ngân sách của ông Đi-xra-e-li là một loạt "biện pháp cải thiện tình cảnh của các giai cấp ăn không ngồi rồi". Cũng như ở chính phủ và các nhà từ thiện Đức loại biện pháp này luôn luôn là một trò lừa bịp thuần túy, cái kế hoạch mà Bộ trưởng tài chính Anh hiện nay nghĩ ra vì lợi ích của các giai cấp ăn không ngồi rồi, là một trò bịp hết sức thuần túy, bày đặt ra để thúc đẩy các chủ trại sẵn sàng hơn trong việc nộp khoản địa tô cao hiện hành, hứa hẹn với họ sự giảm nhẹ gánh nặng thuế khóa một cách giả tạo; chỉ có dựa vào một biện pháp nào đó rõ ràng mang tính chất tước đoạt thực sự đối với dân cư thành thị thì Đi-xra-e-li mới có thể mê hoặc các chủ trại bằng cái ảo tưởng ấy.

Từ lâu Đi-xra-e-li đã công bố với vẻ đầy bí ẩn ngân sách của mình, hứa hẹn với thế giới một cái kỳ quan thứ tám không hơn không kém. Ngân sách của ông ta sẽ "chấm dứt cuộc đấu tranh giữa các lợi ích và chấm dứt cuộc chiến tranh hủy diệt giữa các giai cấp", "thỏa mãn tất cả, không làm ai bị thiệt thòi", "hòa hợp mọi lợi ích khác nhau thành một thể thống nhất phồn vinh", "lần đầu tiên tạo ra sự hài hòa giữa hệ thống thương nghiệp và hệ thống tài chính của chúng ta bằng việc xác lập những nguyên tắc mới", *xuất hiện trong tương lai*.



Bây giờ chúng ta hãy xem xét những điều khải thị sẽ không xuất hiện trong tương lai nữa; mà đã được thông báo một tuần trước đây cho nghị viện Anh và toàn thế giới. Thật hợp cách với những khải thị thần bí như vậy, Đi-xra-e-li đã đưa chúng ra xem xét với vẻ quan trọng và với mọi nghi thức thích hợp. Năm 1842, Pin đã trình bày dự án tài chính của mình trong hai giờ. Đi-xra-e-li đã nói ít ra 5 giờ. Trong suốt một giờ, ông ta chứng minh tường tận rằng "nhưng người bị thiệt hại" hoàn toàn không bị thiệt hại; một giờ nữa ông ta dành để thông báo điều mà ông ta *không có ý định* làm cho họ, ở chỗ này ông ta đã mâu thuẫn với những tuyên bố của Uôn-pôn, Pa-kinh-tơn và Man-mơ-xê-ri và với những tuyên bố trước đây của bản thân ông ta; ba giờ còn lại ông ta dùng để trình bày ngân sách, những sự kiện khác nhau mô tả tình hình Ai-rơ-len, những vấn đề quốc phòng, những cuộc cải cách hành chính đã dự định và những đề mục lý thú khác.

Những điểm chính của ngân sách như sau:

1) *Hàng hải*. Giảm một phần thuế đèn biển với số tiền khoảng 100000 pao xtéc-linh mỗi năm. Điều đó có nghĩa là giảm thuế chưa đầy 6 pen-ni cho mỗi tấn trong 1 năm, hơn nữa điều này chỉ có thể có ảnh hưởng nào đó đối với hàng hải sớm nhất là vào giữa năm sau. Thuế vận tải quá cảnh hoàn toàn bị đình chỉ một số quyền hạn của Bộ hải quân đụng chạm đến lợi ích của tàu buôn bị thủ tiêu; chẳng hạn, khi một thủy thủ ở các cảng nước ngoài, sĩ quan hải quân không được yêu cầu trả lương ngay cho những người ấy, họ phải giúp không các tàu bị nạn và, ở các cảng, họ không được đuổi các tàu phi quân sự khỏi nơi đỗ thích hợp nhất. Sau hết, cần phải cử một ủy ban của hạ viện phụ trách việc hướng dẫn tàu vào cảng và xếp đỗ dần giữ thăng bằng cho tàu. Những biện pháp có lợi cho hàng hải chỉ là như vậy. Nhưng để cho phái mậu dịch tự do không thể khoác lác rằng những qui định ấy đã có sự nhượng bộ thực tế nào đó đối với họ, tàn dư của thuế quan đối với gỗ nhập khẩu để đóng tàu vẫn giữ nguyên không thay đổi.

2) *Thuộc địa*. Cho phép tinh chế đường trước khi nộp thuế hải quan, như vậy thuế hải quan từ nay sẽ thu theo số lượng đường

tinh chế sản xuất để bán ra chứ không theo đường ở dạng nguyên liệu. Ngoài ra, người ta dự kiến khuyến khích người Trung Quốc di cư sang Tây - Ấn để bảo đảm đầy đủ số lượng sức lao động rẻ cho các chủ đồn điền. Thuế quan sai biệt đánh vào đường không bị bãi bỏ.

3) *Thuế mạch nha và thuế hốt bố.* Thuế mạch nha sẽ giảm một nửa, theo Đi-xra-e-li khẳng định thì điều đó sẽ làm giảm thu nhập đi 2500000 p.xt.. Cũng để nghị giảm một nửa thuế hốt bố tức là lại giảm thu nhập đi gần 300000 p.xt.. Sự giảm thuế này sẽ thi hành từ ngày 10 tháng Mười 1853. Thay cho qui định hiện hành về cấm nhập khẩu mạch nha của nước ngoài và thuế nhập khẩu hiện hành đối với hốt bố của nước ngoài, đối với hốt bố và mạch nha của nước ngoài sẽ định một biểu thuế tương ứng với thuế tiêu dùng mà những thứ hàng hóa ấy phải nộp.

4) *Chè.* Thuế hiện nay đối với tất cả các loại chè đều giảm từ 2 si-linh 2,5 pen-ni mỗi pao xuống 1 si-linh mỗi pao; nhưng sự giảm ấy sẽ được tiến hành dần dần trong 6 năm: năm 1853 giảm 4,5 pen-ni và mỗi năm tiếp theo giảm 2 pen-ni cho đến hết năm 1858. Đối với năm 1853, điều đó sẽ có nghĩa là giảm thu nhập đi 400000 pao xtéc-linh.

5) *Thuế tài sản và thuế thu nhập.* Thuế này vốn chỉ định thu đến ngày 5 tháng Tám 1853, nay dự định kéo dài thêm ba năm nữa; mức thuế vẫn như trước nhưng sự phân bổ sẽ thay đổi. Sẽ có sự phân biệt giữa thuế đánh vào tài sản đem lại thu nhập với thuế đánh vào thu nhập của các ngành nghề khác nhau. Bất động sản và chứng khoán phải nộp thuế như trước đây theo mức mỗi pao 7 pen-ni, trong khi đó đối với thu nhập của các ngành nghề khác nhau (nông nghiệp, thương nghiệp, nghề tự do, làm công ăn lương) dự kiến sẽ giảm thuế từ 3% xuống 2%. Những thu nhập ấy từ nay sẽ chỉ nộp thuế theo mức mỗi pao là 5,25 pen-ni. Mặt, khác, mức thu nhập cao nhất được miễn thuế giảm từ 150 xuống 100 pao xtéc-linh mỗi năm và đối với bất động sản và chứng khoán thì giảm xuống 50 p.xt. mỗi năm. Để cho các chủ trại không bị thiệt hại gì do những điều sửa đổi được dự định ấy, họ sẽ nộp thuế không phải một nửa địa tô như hiện nay mà chỉ một phần ba thôi, như vậy là sau khi sửa đổi, tất cả các chủ trại nộp tô mỗi năm dưới 300 p.xt. đều được miễn thuế. Để chiếu cố đến giáo hội, tất cả các linh mục có thu nhập hàng năm 100 p.xt. được tiếp tục miễn thuế. Sau hết, thuế thu nhập lần đầu tiên được áp dụng đối với Ai-rơ-len nhưng nó không hề động chạm đến đại địa chủ mà chỉ liên quan đến thu nhập do chứng khoán và đến tiền lương thôi.



6) *Thuế nhà cửa.* Thuế này được áp dụng đối với tất cả những người thuê nhà hàng năm trả tiền nhà ít nhất là 10 p.xt., còn như trước đây thì chỉ đánh vào những người thuê nhà hàng năm trả tiền nhà ít nhất là 20 p.xt.. Ngoài ra bản thân mức thuế cũng sẽ tăng gấp đôi: ví dụ mức thuế trước đây đối với cửa hàng cứ mỗi pao xtéc-linh nộp 6 pen-ni và đối với nhà ở cứ mỗi pao xtéc linh nộp 9 pen-ni, nay qui định thuế đối với cửa hàng là 1 si-linh mỗi pao xtéc-linh, đối với nhà ở là 1 si-linh 6 pen-ni mỗi pao xtéc-linh.

Tổng kết lại, ngân sách ấy có nghĩa là:

*Một mặt,* mở rộng thuế thu nhập ở Anh đến những tầng lớp dân cư thành thị cho tới nay vẫn được miễn thuế và thi hành thuế ấy ở Ai-rơ-len đối với những người có chứng khoán và viên chức nhà nước; mở rộng thuế nhà cửa đến những tầng lớp dân cư thành thị cho tới nay không phải nộp thuế này và tăng mức thuế ấy lên gấp đôi. *Mặt khác,* giảm 2800000 pao xtéc-linh thuế mạch nha và thuế hốt bố đánh vào nông nghiệp; giảm 100000 pao xtéc-linh thuế đánh vào hàng hải và giảm 400000 pao xtéc-linh thuế hải quan đối với chè.

Dân cư thành thị phải gánh thuế nặng hơn do thuế thu nhập bổ sung, do mở rộng phạm vi số người đóng thuế nhà cửa, do tăng gấp đôi mức thuế này; điều đó được tiến hành để giảm nhẹ thuế khóa cho dân cư nông thôn với số tiền là 2800000 pao xtéc-linh. Như thế là chủ hiệu nhỏ, công nhân cơ khí lương khá và nhân

viên thương nghiệp đều trở thành người đóng thuế nhà cửa và lần đầu tiên thành ra đối tượng bị đánh thuế thu nhập. Thích ứng với điều đó đất thì cứ mỗi pao xtéc-linh nộp 7 pen-ni, còn nhà ở thì cứ mỗi pao xtéc-linh nộp 2 si-linh 1 pen-ni. Việc giảm thuế chè không thay đổi được tỷ lệ đó vì rằng số tiền này rất nhỏ so với số thuế trực thu tăng thêm và nhờ sự giảm thuế ấy, nông thôn cũng như thành thị đều có lợi như nhau.

Miễn mọi thuế thu nhập cho đại địa chủ Ai-rơ-len và miễn thuế thu nhập mở rộng cho chủ trại và giới tăng lữ ở Anh hiển nhiên là một sự ban ơn đối với nông thôn, làm thiệt cho thành thị. Nhưng ai được lợi trong việc giảm thuế mạch nha: đại địa chủ, chủ trại hay là người tiêu dùng? Giảm thuế có nghĩa là giảm bớt nguy hiểm cho sản xuất. Theo quy luật kinh tế chính trị thì giảm chi phí sản xuất sẽ đưa đến giảm giá cả, do đó không phải đại địa chủ, cũng không phải chủ trại, mà chỉ có người tiêu dùng được lợi.

Nhưng trong trường hợp này, cần chú ý hai điểm. Một là ruộng đất có thể sản xuất đại mạch hảo hạng ở Anh là các lãnh địa độc quyền và thổ nhưỡng thích hợp với nó chỉ có ở Nốt-tinh-hêm-sia, ở Noóc-phôn v.v., còn đối với việc cung cấp mạch nha của nước ngoài thì có giới hạn tự nhiên của nó vì rằng đại mạch cũng như mạch nha đều không chịu đựng được vận tải đường dài trên biển. Hai là các nhà sản xuất bia lớn ở Anh trên thực tế nắm độc quyền chủ yếu dựa trên chế độ cấp môn bài hiện hành. Do đó, ngay cả việc bãi bỏ các đạo luật về ngũ cốc cũng không gây ra được sự giảm giá đối với bia đen và bia trắng.

Như thế là món lợi của việc giảm thuế mạch nha không phải được dành cho chủ trại, cũng không phải được dành cho người tiêu dùng, mà sẽ được phân chia giữa đại địa chủ và chủ nhà máy bia lớn. Do vẫn duy trì sự can thiệp đáng ghét của cục thu thuế tiêu dùng vào nông nghiệp nên việc thu một nửa số tiền các loại thuế trước đây vẫn sẽ cần đến những chi phí hành chính ngang với mức cần thiết từ trước đến nay cho việc thu toàn bộ số tiền



thuế đó. Hiện nay chi phí để thu 14400000 pao xtéc-linh thuế tiêu dùng đạt tới mức là cứ 100 pao xtéc-linh thuế thì mất 5 pao xtéc-linh 6 si-linh. Sau khi giảm 3 triệu thuế thì chi phí đó là cứ 100 pao xtéc-linh thì mất từ 6 pao xtéc-linh đến 6 pao xtéc-linh 4 si-linh. Tóm lại, thu nhập giảm đi chừng nào thì chi phí phi sản xuất tăng lên chừng ấy.

Vì vậy, ngân sách của Đi-xra-e-li chung quy lại là sự bồi thường thiệt hại cho đại địa chủ - "bồi thường hết sức hậu hĩnh".

Nhưng ngân sách ấy cũng có một đặc điểm khác không kém phần thú vị.

Nếu như anh muốn thi hành chế độ buôn bán của phái mậu dịch tự do thì trước hết anh phải thay đổi chế độ tài chính. "Anh phải từ thuế gián thu trở về thuế trực thu", - Đi-xra-e-li nói thế và Đi-xra-e-li đã nói đúng.

Thuế trực thu, với tính cách là hình thức thu thuế giản đơn nhất, đồng thời là hình thức thu thuế nguyên thủy và cổ nhất, cùng thời với cái chế độ xã hội dựa trên chế độ sở hữu ruộng đất. Về sau, các thành thị thực hiện chế độ thuế gián thu; nhưng với thời gian, do phân công lao động hiện đại, do sản xuất công nghiệp lớn và do nội thương trực tiếp lệ thuộc vào ngoại thương và vào thị trường thế giới nên chế độ thuế gián thu đã lâm vào tình trạng xung đột hai mặt với các nhu cầu xã hội. Ở biên giới quốc gia, chế độ đó thể hiện ở chính sách thuế quan bảo hộ, nó phá hoại hoặc cản trở sự trao đổi tự do với các nước khác. Ở trong nước, nó hệt như sự can thiệp của thuế khóa vào sản xuất, nó phá hoại tương quan giá trị giữa các hàng hóa, phá hoại tự do cạnh tranh và trao đổi. Do hai nguyên nhân ấy, việc bãi bỏ thuế gián thu trở nên cần thiết. Chế độ thuế trực thu phải được khôi phục. Song thuế trực thu không dung túng một sự lừa gạt nào và mỗi giai cấp đều biết chính xác mình phải gánh vác phần nào trong chi phí của nhà nước. Do đó, ở Anh, không có cái gì ít được hoan nghênh hơn các thứ thuế trực thu: thuế thu nhập, thuế tài sản, thuế nhà cửa v.v.. Bây giờ thử hỏi: giai cấp công nghiệp Anh, do

mậu dịch tự do mà buộc phải quay về chế độ thuế trực thu, làm thế nào có thể thực hiện được chế độ này mà không gây ra sự bất bình của xã hội và đồng thời không tăng thêm gánh nặng của bản thân?

Chỉ có thể làm được việc đó theo ba cách:

*Tấn công vào quốc trái.* Nhưng như thế là phá hoại tín dụng quốc gia, là tịch thu tài sản, là biện pháp cách mạng.

*Biến địa tô thành đối tượng chính để thu thuế.* Nhưng đấy cũng là xâm phạm vào tài sản, là tịch thu tài sản, là biện pháp cách mạng.

*Thu hồi tài sản nắm trong tay giáo hội.* Nhưng đấy cũng vẫn lại là xâm phạm vào tài sản, là tịch thu tài sản, là biện pháp cách mạng.

"Không đời nào". – Cốp-đen thốt lên. - "chúng ta chỉ cần giảm chi phí của nhà nước và khi ấy chúng ta cũng có thể giảm gánh nặng thuế khóa hiện nay của chúng ta".

Đấy là không tưởng. Thứ nhất là quan hệ giữa Anh và lục địa đòi hỏi phải thường xuyên tăng chi phí quốc gia; thứ hai là thắng lợi của giai cấp công nghiệp do Cốp-đen làm đại biểu cũng sẽ đòi hỏi như thế vì rằng do thắng lợi ấy mà cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động sẽ trở nên khốc liệt hơn và nhu cầu về kinh phí đàn áp cũng sẽ tăng lên nhiều hơn. Nói cách khác, ngân sách không thể nào giảm bớt.

Tôi xin tóm tắt: mậu dịch tự do thúc đẩy chuyển sang chế độ thuế trực thu. Chế độ thuế trực thu lại chứa chất những biện pháp cách mạng chống lại giáo hội, đại địa chủ và những người nắm chứng khoán quốc gia. Những biện pháp cách mạng ấy đòi hỏi cấp bách phải liên minh với giai cấp công nhân mà sự liên minh này sẽ tước mất của giai cấp tư sản Anh những lợi ích chủ yếu mà nó trông đợi ở mậu dịch tự do, tức là sự thống trị không hạn chế của tư bản đối với lao động.

*Do C.Mác viết vào khoảng 10 tháng Chạp 1852*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3650, ngày 28 tháng Chạp 1852*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC

## TRẢ LỜI "THƯ KÝ" CỦA CÔ-SÚT

*GỬI TỔNG BIÊN TẬP TỜ "NEW- YORK TRIBUNE"*

Luân Đôn, thứ ba, 14 tháng Chạp 1852

Thưa Ngài!

Cách đây ít lâu tôi đã gửi cho Ngài bài giải thích[1*] bài báo vừa qua của tôi nói về hoạt động của Cô-sút và Mát-di-ni[2*], bài báo đã gây ra sự phản ứng hết sức mãnh liệt trên báo chí Mỹ. Trong bài giải thích ấy - trong đó tôi đã tiện thể vạch rõ rằng bản thân Cô-sút hoàn toàn không có liên quan gì đến nhiều bài viết do bài báo của tôi gây ra, rằng ý định của tôi là cảnh cáo các nhân vật nói trên hơn là công kích họ v.v. - có đủ tất cả những cái mà bấy giờ tôi cho là cần thiết để nói về vấn đề đó. Nhưng tôi đã nhận được mấy tờ báo Mỹ gần đây và nhận thấy trong đó có một cái gì kiểu như sự chính thức cải chính những tin tức của tôi và hình như là do thư ký của ông Cô-sút viết. Về "văn kiện" này, tôi cần báo cho Ngài biết rằng, khi được tôi hỏi, Cô-sút đã khẳng định với tôi như sau:

1 ) hiện nay ông ta hoàn toàn không có thư ký;

1* - Xem tập này, tr. 523-524
2* - Xem tập này, tr. 489-492

2) "lời cải chính" nói trên được viết ra không có sự phê chuẩn của ông ta;

3) ông ta thậm chí không biết gì về việc đó trước khi được tôi cho biết tin.

Sau lời tuyên tố "đã được tác giả đồng ý" này, tôi sẽ không trở lại vấn đề ấy nữa. Hãy để cho các vị luật sư không mời mà đến, tỏ ra sốt sắng một cách rất không đúng chỗ đó tự tìm lấy sự an ủi.

*Phóng viên đặc biệt của Ngài*

Do C.Mác viết
Đã đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" số 3656, ngày 4 tháng Giêng 1853

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC

## THẤT BẠI CỦA NỘI CÁC

Luân Đôn, thứ sáu, 17 tháng Chạp 1852

Tôi báo gấp cho các bạn kết quả của cuộc tranh luận tối qua đưa đến thất bại của nội các.

Xảy ra trước cái thất bại chung ấy của các bộ trưởng là kết cục nhục nhã của trận chiến đấu đơn độc mà chiến sĩ dũng cảm nhất của họ, A-si-lơ Bê-re-xphớt [314], Bộ trưởng chiến tranh, tiến hành. Ủy ban kiểm tra bầu cử ở Dốc-bi đã trình bày báo cáo của mình. Bản báo cáo này xác nhận tất cả các sự việc đủ loại mà phái tự do đã nêu lên trong đơn thỉnh nguyện về bầu cử, và đi tới kết luận là những lời khai của nhân chứng đã chứng minh rõ ràng trong thời gian bầu cử ở Dốc-bi, người ta đã sử dụng phương thức hối lộ trên qui mô rộng lớn. Nhưng ủy ban lại không thẩm tra thêm nữa tội chứng và đáng lẽ phải trực tiếp tố cáo Bê-re-xphớt về tội tìm cách hối lộ thì lại thỏa mãn với việc chỉ trích gay gắt "sự khinh suất và thiển cận" của ông ta. Chúng ta hãy xem nghị viện có đồng ý với ý kiến của cái ủy ban đáng kính đó không và có cho phép ông Bê-re-xphớt tiếp tục giữ ghế tại nghị viện không. Nếu vậy thì bản thân nghị viện sẽ ký tên dưới câu cách ngôn đáng ghi nhớ của ngài bộ trưởng Bê-re-xphớt là "dân Anh là bọn tiện dân ghê tởm nhất trên thế giới". Dù sao đi nữa, ông Bê-re-xphớt cũng chẳng thể giữ được cái chức bộ trưởng của mình.

Sau đoạn lạc đề ngắn ngủi ấy, chúng ta hãy quay lại chủ đề.

Trong bốn đêm liền và phần lớn đêm thứ năm, các hạ nghị sĩ đã tranh luận về vấn đề nên xem xét toàn bộ ngân sách, hoặc toàn bộ nghị quyết, những nguyên tắc chung hay là những tài liệu cụ thể về một điểm nào đó. Cuối cùng họ đi đến kết luận là lúc này hạ viện chỉ nên nghiên cứu vấn đề tăng thuế nhà cửa và mở rộng phạm vi *đánh thuế trực thu*.

Để nghị chính ấy trong ngân sách của ông Đi-xra-e-li đã bị nghị viện bác bỏ, kết quả của cuộc bỏ phiếu như sau:

286 phiếu tán thành, 305 phiếu chống.

Những người phản đối nội các hơn được 19 phiếu. Sau đó, nghị viện hoãn các phiên họp đến thứ hai tới. Do thiếu thời gian nên tôi không thể phân tích cuộc tranh luận một cách thật tỉ mỉ như tôi muốn. Cho nên tôi chỉ giới hạn ở sự trình bày những chỗ quan trọng nhất trong bài phát biểu cuối cùng của Đi-xra-e-li, chắc chắn đó là bài phát biểu đáng chú ý nhất.

Ngài Sác-lơ Vút, nguyên Bộ trưởng tài chính, và ngài Grê-hêm tập trung hỏa lực chủ yếu công kích việc Đi-xra-e-li đề nghị dùng quỹ đi vay dành cho các công việc xã hội (mỗi năm 400000 pao xtéc-linh) để lấp lỗ hổng do sự giảm thuế hàng hải gây ra. Ngài Giêm-xơ Grê-hêm hết sức hăng hái chứng minh tác dụng tốt đẹp của quỹ ấy. Về điểm này, ông Đi-xra-e-li trả lời ra sao?

"Tôi có ý định chỉ ra cho uỷ ban thấy rằng người ta đã từng lạm dụng ghê gớm như thế nào tiền của của đất nước này, trên thực tế người ta đã lãng phí những món tiền kếch sù như thế nào mà không có sự đồng ý và giám sát của nghị viện, hơn nữa lại chỉ thông qua bộ máy quản lý quỹ đi vay dành cho các công việc xã hội".

Sau đó, Đi-xra-e-li mô tả tỉ mỉ những mánh lới tài chính xấu xa mà chính phủ của đảng Vích đã vận dụng đối với quỹ này. Rồi Đi-xra-e-li chuyển sang trình bày những nguyên tắc làm cơ sở cho ngân sách của ông ta:

"Trước khi xác định bước đầu tiên mà chúng ta cần thực hiện là như thế nào, thì cần phải giải quyết một vấn đề hết sức quan trọng là vấn đề chúng ta có thể đi xa đến đâu trong những yêu cầu của chúng ta đối với đất nước về việc quy định số lượng tiền thuế trực thu cần thiết cho bất cứ nội các nào định tiến hành cải cách tài chính. (Có tiếng hét:



"Đúng!") Đại biểu của Ha-li-phắc (ngài Sác-lơ Vút) buộc tội tôi là đã đưa ra để án tăng bừa bãi thuế trực thu của đất nước. (Có tiếng hét: Hãy nghe! Hãy nghe!") Đại biểu của Các-lây-lơ (ngài Giêm-xơ Grê-hêm) buộc tôi tôi tùy tiện nâng thuế trực thu lên đến giới hạn cùng cực. Trước hết, để án mà tôi thay mặt chính phủ đưa ra không những không có nghĩa là tăng bừa bãi mức thuế trực thu, mà nếu được thông qua thậm chí nó cũng không đưa thuế trực thu lên tới mức mà loại thuế này đã đạt trong thời kỳ người quân tử đáng kính, đại biểu của Ha-li-phắc, quản lý tài chính. Lúc đó không những ông ta đã thu thuế tài sản và thuế thu nhập mà còn thu cả thuế cửa sổ nữa: thuế này trong năm tồn tại cuối cùng của nó đã đem lại cho ông ta gần hai triệu pao xtéc-linh. (Vỗ tay.) Vị quân tử đáng kính, kẻ cảnh cáo chúng tôi tăng bừa bãi mức thuế trực thu, đã giảm số tiền thu thuế cửa sổ trong năm quản lý cuối cùng của ông ta, và thỏa mãn với số tiền nho nhỏ 700000 pao xtéc-linh duy trì được nhờ thay thuế cửa sổ bằng thứ thuế khác. Nhưng tôi không thể quên rằng vị quân tử đáng kính, kẻ đã buộc tội tôi một cách thiếu chính chắn về việc tăng thuế trực thu, ban đầu đã đề nghị một sự thay đổi hoàn toàn khiến cho số thuế nhà cửa của ông ta cao hơn mức mà tôi nêu ra bất kể bức nào. (Vỗ tay vang dội.) Nhưng phải chăng tất cả chỉ có thế? Phải chăng đấy là tất cả những cái mà vị quân tử đáng kính buộc tội tôi tăng bừa bãi thuế trực thu của đất nước đã làm? Chưa hết, chính cái vị bộ trưởng thu thuế tài sản mà số lượng chính xác bây giờ chúng ta mới biết, chính cái vị bộ trưởng thu thuế cửa sổ đạt gần 2 triệu pao xtéc-linh ấy, chính vị ấy đã có lần đến hạ viện và đề nghị cái hạ viện bị sửng sốt ấy tăng gần gấp đôi thuế tài sản và thuế thu nhập. (Vỗ tay nhiệt liệt). Tôi coi hành động ấy là dấu hiệu của một thái độ thiếu suy nghĩ đến hậu quả... Người ta nhắc đi nhắc lại với chúng tôi về việc tăng gấp đôi thuế nhà của. Một số tiền không có gì là ghê gớm! Nhưng nếu như vị quân tử đáng kính tăng gấp đôi thuế tài sản và thuế thu nhập thì theo ý tôi, buộc tội ông ta tăng bừa bãi thuế trực thu của đất nước là đúng. (Vỗ tay vang dội.) Người ta la lối lên về sự khinh suất! Nhưng trong lịch sử tài chính, cái gì có thể so sánh được với sự khinh suất của vị quân tử đáng kính? (Vỗ tay vang dội.) Ông ta có căn cứ gì để đưa ra để án kỳ quặc, không thể tưởng tượng được ấy, một để án mà người ta chỉ có thể đưa ra trong trường hợp nó quyết định sự an ninh của quốc gia? Khi ông ta bị giáng trả, bị thất bại và bị chế giễu thì ông ta tuyên bố rằng thu nhập vẫn đủ dùng và không có để án của ông ta cũng vẫn ổn. (Vỗ tay nhiệt liệt kéo dài.) Khi một nhà sử học tương lai kể chuyện rằng một vị bộ trưởng đưa ra để án tăng hầu như gấp đôi thuế thu nhập rồi ngày hôm sau lại tuyên bố rằng phần thu trong ngân sách đã hoàn toàn đủ dùng thì người ta sẽ không tin và nghi ngờ anh ta nói bậy. (Lại nổi lên tràng vỗ tay.)"

Sau khi trả đũa Sác-lơ Vút như vậy, Đi-xra-e-li nói tiếp:

"Chúng ta cần chỉ rõ có sự khác nhau giữa tài sản và thu nhập, giữa thu nhập không cố định và thu nhập cố định. Rồi chúng ta phải bảo vệ cái nguyên tắc mà tôi đã và tiếp tục cho là duy nhất đúng và nếu như thậm chí hiện nay chưa được thì sau này nhất định sẽ được thừa nhận và thông qua, đó là cơ *sở của thuế trực thu phải được mở rộng*. (Có tiếng bò reo tán thành ở hàng ghế đảng cầm quyền.)... Nếu như người ta có ý định làm cho cái tình hình những giai cấp nắm chính quyền phải tồn tại nhờ vào thuế trực thu quá nặng đối với bộ phận giàu có hơn của xã hội và thuế gián thu quá nặng đối với công

nhân, trở thành nguyên tắc vĩnh cửu của chế độ xã hội chúng ta thì tôi không thể tưởng tượng được điều gì nguy hại hơn đối với đất nước này và dẫy hậu quả tai hại hơn thế. (Vỗ tay.) Song, tôi tin tưởng sâu sắc rằng các giai cấp có đặc quyền sẽ là những kẻ đầu tiên cảm thấy những hậu quả tai hại ấy".

Quay sang phái mậu dịch tự do, Đi-xra-e-li nói:

"Chúng tôi thấy rằng tất cả những người phản đối vĩ đại đối với thuế thuộc địa đều nhất trí bảo vệ việc đánh thuế cao đối với người sản xuất; ở đây chúng tôi thấy rằng hình như để chế giễu chúng tôi, họ lợi dụng tất cả những quan điểm sai lầm mà rút cục tôi đã có can đảm để từ bỏ một cách thích đáng. (Hoan hô vang dội.) Các ngài nói với chúng tôi rằng chính sách thuế quan bảo hộ đã chết, và các ngài nói với chúng tôi rằng phái thuế quan bảo hộ không còn tồn tại nữa! Không, nó hoàn toàn sung sức và nó hiện ở đây. (Chỉ vào hàng ghế phái đối lập.) Họ đã chiếm lấy những nguyên tắc của chúng tôi cùng với các hàng ghế của chúng tôi, nhưng tôi tin rằng họ cũng sẽ đạt được ít thành tích như vậy. (Vỗ tay.)"

Sau hết, để đáp lại lời khuyên thành thực của ngài Sác-lơ Vút là nên rút ngắn sách của mình lại, Đi-xra-e-li đã nói như sau:

"Người ta khuyên tôi rút ngắn sách của mình lại. Người ta nói với tôi rằng ông Pít đã rút lui ngắn sách của mình và cách đây không lâu, một số nhân vật khác" (những người của đảng Vích và đặc biệt là ngài Sác-lơ Vút) "cũng hành động như vậy. (Có tiếng cười.) Tôi không ước ao có cái vinh quang của ông Pít mà cũng không muốn hạ mình xuống bằng những nhân vật khác. (Vỗ tay vang dội.) Không, thưa quý vị, tôi đã thấy rõ cái chính phủ không có khả năng thi hành những biện pháp của mình sẽ đạt được những kết quả gì, những kết quả không đem lại vinh dự cho chính phủ, cũng không đem lại lợi ích cho đất nước và, theo ý kiến tôi, cũng không hợp với cái quí nhất đối với tôi, với sự tôn nghiêm của nghị viện. (Vỗ tay vang dội.) Tôi còn nhớ năm 1848 có một ngân sách được rút lại, rồi lại được đưa ra, rồi lại rút lại (có tiếng cười). Vậy kết quả hoạt động của cái chính phủ này, cái chính phủ chỉ tồn tại trong chừng mực người ta còn chịu đựng được nó, là thế nào? Kết quả về mặt tài chính của đất nước này là ra sao? Đó chẳng phải là cái hành động nhục nhã đem thuế nhà cửa thay cho thuế cửa sổ mà hiện nay tôi đang phải cố sửa chữa hay sao? (Vỗ tay.) Nguyên nhân của sự bất bình hoàn toàn không nằm trong phạm vi lợi ích của những chính đảng nào đó... Thật thế, tôi biết rất rõ ai sẽ phản đối tôi. Tôi sẽ vấp phải một liên minh. (Vỗ tay.) Và có thể là sự cấu kết sẽ thành công. Trước đây đã có liên minh thành công. Nhưng ngay cả những liên minh đã thành công cũng đều luôn luôn thấy rõ sự thắng lợi ngắn ngủi của mình. Tôi cũng biết rằng ở Anh người ta không thích liên minh. (Vỗ tay.) Từ chối liên minh, tôi kêu gọi sự ủng hộ của dư luận xã hội chi phối quốc gia, của dư luận xã hội mà ảnh hưởng sáng suốt và mãnh liệt của nó có thể buộc ngay cả những nghị quyết của nghị viện phải phục tùng sự giám sát của nó, và nếu không có sự ủng hộ của nó thì những cơ quan oai nghiêm nhất và lâu đời nhất cũng chỉ là sản phẩm không có cơ sở của ảo tưởng. (Vị quân tử đáng kính trở về chỗ ngồi giữa những tràng vỗ tay đinh tai không dứt.)"



Vậy các báo hôm nay có ý kiến gì về hậu quả thất bại ấy của nội các?

Tờ "Morning Chronicle" (cơ quan ngôn luận của phái Pin) và tờ "Morning Advertiser" (cơ quan của phái cấp tiến) cho rằng nội các nhất định từ chức. Tờ "Times" cũng giữ ý kiến như vậy khi cho rằng các bộ trưởng sẽ đệ đơn từ chức, mặc dù nó còn hoài nghi khả năng đảng đối lập có thể thành lập chính phủ mới dễ dàng như lật đổ chính phủ cũ. Tờ "Daily News" (cơ quan của phái Man-se-xtơ) nêu lên khả năng cải tổ nội các bị đổ bằng sự liên minh với huân tước Pan-mớc-xtơn. Tờ "Morning Post" (cơ quan của Pan-mớc-xtơn) cho rằng việc cải tổ ấy là việc đương nhiên. Sau hết, tờ "Morning Herald" (Đớc-bi - Đi-xra-e-li) tuyên bố rằng nếu như hôm nay các bộ trưởng từ chức thì ngày mai nữ hoàng[1*] sẽ buộc phải vời họ trở lại.

Có một điểm không thể nghi ngờ là các bộ trưởng đã thất bại vì nghị quyết của phái mậu dịch tự do dự kiến mở rộng thuế trực thu. Dù sao họ cũng có thể tự an ủi rằng nếu như họ đã đẩy lùi một cách thắng lợi cuộc công kích đầu tiên của nghị viện với cái giá phải trả là từ bỏ những nguyên tắc của bản thân mình thì đảng đối lập đã thắng họ trong trận thứ hai chính là do đảng đối lập đã từ bỏ những nguyên tắc của nó.

Thế là cuộc tranh luận ấy đã hoàn toàn chứng thực điều tôi nói trước đây về tình hình các chính đảng trong nghị viện [2*]. Đảng đối lập liên hợp chỉ nhiều hơn có 19 phiếu so với 286 đảng viên bảo thủ cố kết thành một khối. Nếu nó thành lập được chính phủ mới thì chính phủ này sẽ bị lật đổ ngay trong cơ hội thuận lợi đầu tiên. Nếu như chính phủ do đảng đối lập thành lập giải tán hạ viện thì cuộc bầu cử mới tiến hành trong những điều kiện như trước sẽ đem lại kết quả giống thế, nghĩa là trong hạ viện mới,

1* - Vích-tô-ri-a

2* - Xem tập này, tr.512-522.

khi trò chơi cũ lại bắt đầu, các đảng lại làm tê liệt lẫn nhau như trước và chính sách của Anh lại rơi vào cercle vicieux[1*].

Cho nên tôi khẳng định rằng hiện nay vẫn còn tình trạng lưỡng nan cũ: hoặc *chính phủ đảng To-ri tiếp tục tồn tại*, hoặc *cải cách nghị viện*.

*Do C.Mác viết ngày 17 tháng Chạp 1852*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3659, ngày 7 tháng Giêng 1853*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - vòng luẩn quẩn



# C. MÁC

## NỘI CÁC LỖI THỜI. - TIỀN ĐỒ CỦA NỘI CÁC LIÊN HIỆP VÀ V.V.

Luân Đôn, thứ ba, 11 tháng Giêng 1853

"Hiện nay chúng ta đã đạt tới bước mở đầu của *cương quốc chính trị ngàn năm* [218] mà trong *thời gian tồn tại* của nó, cái không khí đảng phái phân tranh hoàn toàn biến mất và chỉ có tài năng, kinh nghiệm, sự cần cù và lòng yêu nước mới là những phẩm chất duy nhất đem lại quyền nắm các chức vụ. Hiện nay chúng ta có một nội các mà theo chúng ta thì đang được sự tán thành và ủng hộ của mọi người thuộc tất cả các khuynh hướng. Những nguyên tắc của nó đang được sự đồng tình và ủng hộ phổ biến".

Tờ "Times" đã dùng những lời lẽ ấy để ca ngợi chính phủ A-bớc-đin trong cơn phấn khích đầu tiên của nó. Căn cứ vào giọng điệu của tờ báo ấy, người ta có thể nghĩ rằng hình như nước Anh từ nay sẽ được hưởng phúc lành nhờ cái nội các gồm toàn những nhân vật mới, trẻ, nhiều hứa hẹn. Cho nên chắc chắn thế giới sẽ khá ngạc nhiên khi nó biết rằng những ông già lụ khụ tuổi cỡ tám chục và hầu như hoàn toàn không còn sức lực lại lãnh sứ mệnh mở kỷ nguyên mới trong lịch sự nước Anh. A-bớc-đin đã gần tám mươi; Lan-xdao-nơ thì sắp kể miệng lỗ; Pan-mớc-xtơn và Rớt-xen cơ hồ cũng gần như thế; Grê-hêm là một ông quan đã phục vụ hầu hết các chính phủ từ cuối thế kỷ trước; các thành viên khác của nội các đều đã chết đi hai lần vì già nua và kiệt sức lại được người ta làm sống lại một cách nhân tạo. Tóm lại,

mười ông già một trăm tuổi - đấy là vật liệu mà nhà chính luận của tờ "Times" dùng để xây dựng nên - hình như bằng phép cộng giản đơn - cái "vương quốc ngàn năm" mới.

Người ta hứa hẹn với chúng ta rằng trong "vương quốc ngàn năm" ấy, mọi cuộc phân tranh đảng phái, hơn nữa, ngay cả bản thân các đảng phái, đều biến mất. Tờ "Times" muốn nói gì ở đây? Phải chăng từ giờ phút này tất cả các đảng phái đều phải ngừng tồn tại chỉ vì một số tập đoàn quí tộc trước đây vẫn hưởng đặc quyền tự cho mình cái vỏ đảng dân tộc hoặc đảng nghị viện, hiện nay đã thấy rằng không thể tiếp tục chơi cái trò hề ấy nữa mà cũng vì rằng các tập đoàn quí tộc ấy, do nhận thức trên và do những bài học đau xót tiếp thụ được trong thời gian gần đây, đã quyết định ngừng các cuộc tranh chấp nội bộ nhỏ nhặt của chúng và liên hợp thành một khối cố kết để bảo vệ các đặc quyền của chúng? Chẳng lẽ bản thân việc thành lập "liên minh" đó không phải là triệu chứng xác thực nhất báo hiệu đã đến lúc những giai cấp cơ bản của xã hội hiện đại đã thực sự trưởng thành nhưng vẫn bị tước mất một phần tư cách đại biểu - giai cấp tư sản công nghiệp và giai cấp công nhân - đang chuẩn bị bảo vệ quyền của mình được là những chính đảng duy nhất của dân tộc hay sao?

Khi huân tước Đớc-bi cầm quyền, đảng To-ri đã vĩnh viễn từ bỏ các học thuyết thuế quan bảo hộ cũ của mình và tuyên bố mình là người thuộc phe tán thành mậu dịch tự do. Khi bá tước Đớc-bi tuyên bố nội các của mình từ chức, ông ta nói:

"Thưa quí vị, tôi còn nhớ - và chắc quí vị cũng còn nhớ - bá tước cao quí" (A bớc-đin) "đã nhiều lần tuyên bố tại nghị viện này rằng ngoài vấn đề mậu dịch tự do, bá tước thấy *không* có vấn đề nào mà bá tước có sự bất đồng *nào đó* với chính phủ hiện nay".

Xác nhận ý kiến đó, huân tước A-bớc-đin còn đi xa hơn, ông ta chỉ rõ rằng "ông ta sẵn sàng liên hợp với bá tước cao quí" (Đớc-bi) "để chống lại sự xâm phạm của phái dân chủ, nhưng ông ta không thể chỉ rõ được phái dân chủ ấy có ở chỗ nào". Theo sự thừa nhận của hai bên, giữa phái Pin và đảng To-ri không còn sự bất đồng nào. Nhưng đấy chưa phải là tất cả. Về chính sách đối ngoại, bá tước A-bớc-đin nêu rõ:



"Trong suốt ba mươi năm nay, những nguyên tắc của chính sách đối ngoại của nước ta không thay đổi, tuy rằng có những sự bất đồng nhất định trong việc áp dụng chúng".

Vì vậy mà toàn bộ cuộc đấu tranh giữa A-bớc-đin và Pan-mớc-xtơn kéo dài từ năm 1830 đến năm 1850, cuộc đấu tranh trong đó A-bớc-đin ra sức tranh thủ sự liên minh với các cường quốc phương Bắc, còn Pan-mớc-xtơn thì kiên trì "entente cordiale"[1*] với Pháp, một đằng thì ủng hộ Lu-i - Phi-líp, còn một đằng thì phản đối, một bên thì phản đối sự can thiệp, còn bên kia thì ủng hộ, tóm lại tất cả những sự tranh chấp và bất đồng giữa họ, thậm chí cả sự căm phẫn chung cách đây không lâu của họ do hành động "nhục nhã" về ngoại giao của huân tước Man-mơ-xbê-ri gây ra, - tất cả những cái đó đều được thừa nhận là một sự lừa bịp thuần túy. Song le, liệu trong đời sống chính trị của Anh còn có cái gì thay đổi triệt để hơn chính sách đối ngoại của nó nữa không? Trước năm 1830 liên minh với các cường quốc phương Bắc, từ năm 1830 liên minh với Pháp (liên minh tay tư)[316]; từ năm 1848 là sự biệt lập hoàn toàn của Anh đối với toàn bộ lục địa.

Sau khi huân tước Đớc-bi trước tiên bảo đảm với chúng ta rằng không có sự bất đồng nào giữa đảng To-ri và phái Pin thì bá tước A-bớc-đin bảo đảm tiếp với chúng ta rằng cũng không có sự bất đồng nào giữa phái Pin và đảng Vích, giữa phái bảo thủ và phái tự do. Theo ý kiến ông ta thì:

"Đất nước đã mệt mỏi vì những sự khác biệt vô nghĩa không có ảnh hưởng thực tế gì đối với hành động hoặc những nguyên tắc của các nhà hoạt động nhà nước. Không thể có được một một chính phủ nào khác ngoài chính phủ của đảng bảo thủ, cũng đúng y như là không thể có được một chính phủ nào khác ngoài chính phủ của đảng tự do".

"Những từ ngữ ấy không có một ý nghĩa thật rõ ràng. Đất nước đã chán ngán những sự khác biệt vô nghĩa đó".

Thế là ba đảng phái quí tộc - đảng To-ri, phái Pin và đảng Vích - đồng ý rằng trên thực tế họ không khác nhau gì cả. Ngoài ra còn có một điểm mà họ nhất trí. Đi-xra-e-li tuyên bố rằng ông

1* "sự hòa hợp thân thiện"

ta có ý định thực hiện nguyên tắc mậu dịch tự do. Huân tước A-bớc-đin nói:

"Mục đích vĩ đại của các vị bộ trưởng hiện nay của nữ hoàng và đặc điểm chủ yếu của việc cầm quyền của họ phải là duy trì và mở rộng hợp lý thậu dịch tự do. Đấy là sứ mệnh được đặc biệt giao phó cho họ".

Tóm lại, toàn bộ giai cấp quí tộc đều nhất trí rằng việc trị nước phải tiến hành vì lợi ích của giai cấp tư sản, nhưng đồng thời nó cũng quyết định không để cho bản thân giai cấp tư sản lãnh đạo sự nghiệp ấy. Nhằm mục đích đó, tập đoàn thống trị cũ dốc hết sức lực, tập hợp tất cả những người có tài năng, ảnh hưởng và uy tín có trong hàng ngũ họ và thống nhất vào một chính phủ mà nhiệm vụ của chính phủ đó là cản trở hết sức lâu dài giai cấp tư sản trực tiếp cai trị đất nước. Giai cấp quí tộc liên hợp của nước Anh định đối xử với giai cấp tư sản theo quy tắc mà Na-pô-lê-ông khuyên nên đối xử với nhân dân: "Tout pour le people, rien par le peuple"[1*].

Éc-ne-xtơ Giôn-xơ nhận xét trên tờ "People's Paper":

"Dĩ nhiên cái ý đồ rõ ràng định loại trừ giai cấp tư sản phải được ngụy trang như thế nào đó và họ" (các bộ trưởng) "hy vọng đạt được điều đó một cách dễ dàng nhất bằng cách trao một số ghế thứ yếu, ít có ảnh hưởng cho một số quí tộc thuộc phái tự do loại như ngài Uy-li-am Môn-xơ-uốt, Bớc-nan Ô-xboóc-nơ v.v.. Nhưng họ không tưởng tượng được rằng phái tự do sang trọng đó ở Mây-phơ [317] sẽ thỏa mãn được các ngài nghiêm nghị trong trường phái Man-se-xtơ. Các ngài này chỉ quan tâm đến việc buôn bán chứ không quan tâm đến cái gì khác. Họ nghĩ đến pao, si-linh và pen-ni, đến địa vị và chức vụ đến những khoản thu nhập kếch xù của đế chế rộng lớn nhất thế giới mà toàn bộ các nguồn của cải của nó phải hoàn toàn phục vụ riêng cho lợi ích giai cấp của họ".

Thực ra, chỉ cần lướt qua các tờ "Daily News", "Advertiser" và đặc biệt là tờ "Manchester Times"[318], cơ quan ngôn luận trực thuộc ông Brai-tơ là đủ tin chắc rằng những môn đồ của trường phái Man-se-xtơ hứa hẹn ủng hộ tạm thời chính phủ liên hiệp chỉ là nhằm thực hiện cái chính sách mà phái Pin và đảng Vích thi

1* - "Tất cả vì dân, không có cái gì thông qua dân".



hành đối với nội các Đớc-bi vừa rồi: họ muốn tạo khả năng cho các vị bộ trưởng tự thử thách. Ý nghĩa của sự "thử thách" ấy, Đi-xra-e-li gần đây đã có dịp lĩnh hội.

Vì thất bại của nội các đảng To-ri do toán Ai-rơ-len quyết định nên dĩ nhiên là chính phủ liên hiệp mới cho rằng cần phải tiến hành những biện pháp để bảo đảm cho mình sự ủng hộ phái này trong nghị viện. Người ta đã nhanh chóng cám dỗ được ông Xát-lơ, người môi lái của toán Ai-rơ-len, bằng cái chức bộ trưởng tài chính. Ông Kê-u được giao chức tổng kiểm sát trưởng Ai-rơ-len, còn ông Môn-xen làm thư ký cục pháo binh.

"Họ hy vọng tranh thủ được toán Ai-rơ-len"- tờ "Moning Herald" viết- "bằng ba vụ mua chuộc ấy".

Song có đủ căn cứ để hoài nghi liệu ba vụ mua chuộc ấy có thể bảo đảm được sự ủng hộ của toàn thể toán Ai-rơ-len không. Chúng tôi đã đọc thấy trên tờ báo Ai-rơ-len "Freeman's Journal" [319]:

"Hiện nay đã đến giờ phút quyết định đối với vấn đề quyền lợi của tá điền và vấn đề tự do tôn giáo. Thành hại trong việc giải quyết những vấn đề ấy hiện nay tùy thuộc không phải vào các bộ trưởng mà là vào các nghị sĩ Ai-rơ-len. Nội các Đớc-bi bị lật đổ bằng 19 phiếu. Nếu như 10 người chuyển sang phía khác thì điều đó sẽ thay đổi tiến trình các sự kiện. Trong tình hình các đảng phái như thế, các nghị sĩ Ai-rơ-len là vạn năng".

Ở cuối bài viết vừa rồi của tôi, tôi đã đưa ra ý kiến là chỉ có thể có một trong hai khả năng: chính phủ To-ri hoặc cải cách nghị viện[1*]. Bạn đọc sẽ thấy lý thú khi biết quan điểm của huân tước A-bớc-đin về vấn đề ấy. Ông ta nói:

"Việc cải thiện tình cảnh của nhân dân không loại trừ" (sic! [2*]) "việc khắc phục những khuyết điểm của chế độ đại nghị vì rằng những sự kiện xảy ra trong cuộc bầu cử vừa qua không nghi ngờ gì vị tất đã thức tỉnh được ở ai đó sự ưa thích chế độ ấy".

Trong cuộc bầu cử tiến hành sau khi họ được bổ nhiệm vào các chức vụ nhà nước, những đồng sự của A-bớc-đin đều nhất trí tuyên bố rằng cần phải cải cách chế độ đại nghị. Nhưng đồng thời

1* - Xem tập này, tr.641-642.
2* - nguyên văn!

lần nào họ cũng đều làm cho thính giả của mình hiểu rằng những cuộc cải cách như thế phải là "những cuộc cải cách ôn hòa và hợp lý và phải được tiến hành không hấp tấp, có suy nghĩ chín chắn và thận trọng". Như vậy, khuyết tật của chế độ đại nghị hiện nay càng nhiều và điều đó càng thường xuyên được công khai thừa nhận thì người ta càng tỏ ra không muốn thay đổi nó một cách nhanh chóng và triệt để.

Cuộc bầu lại các bộ trưởng vừa rồi tạo lý do để tiến hành cuộc thử nghiệm đầu tiên đối với một phát minh mới cho phép các nhà hoạt động chính trị giữ được uy tín của mình trong mọi tình hình dù họ có tham gia *nội các* hay *không*. Phát minh đó là sử dụng khái niệm *"vấn đề chưa giải quyết"* cho tới nay còn chưa được vận dụng trong thực tiễn. Ô-xboóc-nơ và Vi-li-ớc-xơ trước đây đã công khai hứa hẹn tán thành bỏ phiếu kín. Bây giờ họ lại tuyên bố đó là vấn đề chưa giải quyết. Môn-xơ-uốt đã cam kết đấu tranh cho cải cách thuộc địa, bây giờ thì đây lại là vấn đề chưa giải quyết. Kê-u, Xát-lơ và những người khác đã cam kết bảo vệ quyền lợi của tá điền, bây giờ thì đây cũng lại là vấn đề chưa giải quyết. Tóm lại, tất cả những cái mà khi là nghị sĩ, họ vẫn thường xuyên nói là vấn đề đã giải quyết đối với họ thì nay lại thành những vấn đề chưa giải quyết đối với họ khi thành bộ trưởng.

Cuối cùng, tôi phải nêu lên một điều lạ lùng nữa do sự liên hợp của phái Pin, đảng Vích, phái cấp tiến và phái Ai-rơ-len tạo ra. Bất cứ nhà hoạt động nổi tiếng nào của các đảng phái ấy đều bị điều khỏi những ngành mà người ta cho rằng chỉ họ mới có tài năng hoặc tri thức nào đó và được bổ nhiệm vào những cương vị rất không thích hợp đối với họ. Pan-mớc-xtơn, vị bộ trưởng nổi tiếng ấy của Bộ ngoại giao được cử về Bộ nội vụ, còn Rớt-xen đã già đời ở cương vị này lại bị điều đi để nhận việc điều khiển Bộ ngoại giao. Glát-xtôn, E-xcô-ba-i của giáo phái Pi-u-di ấy[320] được cử làm Bộ trưởng tài chính. Môn-xơ-uốt, người đã đạt được tiếng tăm nhất định với tư cách người bắt chước và người ủng hộ chế độ thuộc địa phi lý của ngài Uây-cơ-phin [321], được ủy nhiệm phụ



trách các công việc xã hội. Ngài Sác-lơ Vút, người mà khi làm Bộ trưởng tài chính đã hưởng đặc quyền sa lầy khi thì vì thiếu hụt, khi thì vì dư thừa trong ngân khố, được ủy nhiệm giữ chức chủ tịch Hội đồng kiểm tra các công việc ở Ấn Độ. Môn-xen, người chẳng biết phân biệt giữa súng nòng có rãnh xoắn với súng hỏa mai, thì được cử làm thư ký cục pháo binh. Người duy nhất giữ đúng vị trí của mình là ngài Giêm-xơ Grê-hêm, với chức vụ Bộ trưởng hải quân, ngay trước đây ông ta đã kịp giành được cho mình sự vinh quang lừng lẫy do là người đầu tiên đem áp dụng trong hải quân Anh cái chân vịt mục nát.

*Do C.Mác viết ngày 11 tháng Giêng 1853*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3677, ngày 28 tháng Giêng 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

## C.MÁC

# TRIỂN VỌNG CHÍNH TRỊ. - SỰ PHỒN VINH CỦA THƯƠNG NGHIỆP. - TRƯỜNG HỢP CHẾT ĐÓI

Luân Đôn, thứ sáu, 14 tháng Giêng 1853

Khi huân tước Giôn Rớt-xen, nhận chứng chỉ quan hàm ngoại giao ở bộ ngoại giao thì ông ta tuyên bố rằng ông ta chỉ có ý định tạm thời giữ chức vụ trong ngành này và trong tương lai không xa việc cai quản các công việc đối ngoại sẽ chuyển cho bá tước Cla-ren-đôn. Thật thế, ở bộ ngoại giao, huân tước Rớt-xen bao giờ cũng là người nước ngoài thực sự; ở đây, ông ta chẳng có gì để tỏ rõ mình, nếu như không kể việc xuất bản một tác phẩm cóp nhặt nhạt nhẽo hình như về lịch sử các hiệp ước đã ký từ thời hòa ước Nim-ve-ghen - một cuốn sách thực thà mà nói thì nhiều lắm cũng chỉ lý thú như vở "bi kịch" mà cũng chính ông Rớt-xen ấy đã có lần làm cho thế giới kinh ngạc [322]. Sau khi vẫn giữ ghế trong nội các, nơi toàn bộ tinh lực của ông ta hình như được tập trung vào việc soạn thảo một dự luật mới về cải cách, huân tước Giôn rất có thể sẽ trở thành thủ lĩnh hạ viện. Chính việc cải cách nghị viện là lĩnh vực hoạt động truyền thống của Rớt-xen kể từ khi ông ta biết cách dùng những biện pháp của mình năm 1831, để phân chia hết sức tài tình "các thị trấn mục nát"[323] giữa đảng To-ri và đảng Vích.



Lời dự đoán của tôi, nói rằng việc mua chuộc ba nghị sĩ Ai-rơ-len[1*] mà nội các tiến hành để tranh thủ toàn bộ "toán Ai-rơ-len" về phía chính phủ liên hiệp sẽ không có kết quả, hiện nay đã được hoàn toàn chứng thực. Lập trường của tờ "Freeman's Jounal" và "Tablet", giọng điệu các bài viết và lời tuyên bố của các ông Lu-cát-xơ, Mu-rơ và Đáp-phi, sau hết là nghị quyết được thông qua tại hội nghị gần đây nhất của Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền [324] chống lại các ông Xát-lơ và Kê-u hoàn toàn đủ chứng minh rằng chính phủ A-bớc-đin sẽ chỉ khống chế được một bộ phận hết sức nhỏ của lực lượng Ai-rơ-len.

Như mọi người đều biết, huân tước A-bớc-đin, người đứng đầu nội các, sẽ tham gia thượng viện. Trong bài diễn văn dọc gần đây tại Man-se-xtơ, tại bữa tiệc chiêu đãi ông In-ghéc-xôn, đại sứ mới của Mỹ, ông Brai-tơ đã lợi dụng cơ hội để tuyên bố rằng sự phế bỏ hoàn toàn thượng viện là conditio sine qua non [2*] cho "tiến bộ" của giai cấp tư sản công nghiệp. Lời tuyên bố chính thức đầu tiên ấy của trường phái Man-se-xtơ kể từ khi thành lập nội các liên hiệp chắc sẽ giúp đỡ trên chừng mực nào đó huân tước A-bớc-đin phát hiện tung tích của cái phái dân chủ mà huân tước Đớc-bi sợ đến mất mật.

Như vậy, cuộc đấu tranh giữa các đảng phái mà nhà chính luận đầy lạc quan của tờ "Times" đã tuyên bố là vĩnh viễn biến đi rồi, thì nay lại trở nên gay gắt mặc dù kỷ nguyên của "vương quốc ngàn năm" đã bắt đầu bằng việc hoãn kỳ họp của nghị viện đến ngày 10 tháng Hai.

Sự phát triển kéo dài của phồn vinh công thương nghiệp đã được nhất trí tuyên bố ầm ĩ vào đầu năm mới và được xác nhận qua việc công bố các bản báo cáo về thu nhập của quốc gia với các số liệu tính đến ngày 5 tháng này, qua các báo cáo chính thức của bộ thương nghiệp trong một tháng và trong mười một tháng, tính đến ngày 5 tháng Chạp 1852, qua các báo cáo của các viên

1* - Xem tập này, tr 646-647.
2* - điều kiện tất yếu

thanh tra công xưởng và sau hết là qua các bản tin thương mại hàng năm phát hành vào đầu mỗi năm mới và tổng hợp mọi hoạt động thương nghiệp năm qua.

Các báo cáo về thu nhập của quốc gia cho thấy tổng số tăng cả năm là 978926 pao xtéc-linh và riêng một quý là 702776 pao xtéc-linh. Tất cả các khoản trong năm nay đều tăng, trừ *thuế hải quan*. Tổng số tiền thu vào kho bạc đạt tới 50468193 pao xtéc-linh.

*Thuế tiêu dùng* được xem như bằng chứng nói lên phúc lợi của nhân dân là như sau:

một năm, tính đến ngày 5 tháng Giêng 1852.... 13093170 p.xt.
một năm, tính đến ngày 5 tháng Giêng 1853.... 13356981 p.xt.

*Thuế tem* - bằng chứng nói lên mức tăng trong hoạt động thương mại - là như sau:

năm 1851 - 1852 ... 5933549 p.xt.
năm 1852 - 1853 ... 6287261 p.xt.

*Thuế tài sản* cho thấy mức tăng thêm của cải của giai cấp thượng lưu, là như sau:

năm 1851 - 1852... 5304923 p.xt.
năm 1852 - 1853 ... 5509637p.xt.

Các báo cáo của bộ thương nghiệp trong một tháng và trong 11 tháng cuối, tính đến ngày 5 tháng Chạp 1852, cho thấy:

| | năm 1852 | năm 1851 | năm 1850 |
|---|---|---|---|
| Giá trị xuất khẩu (pao xtéc-linh) trong một tháng, tính đến ngày 5 tháng Chạp... | 6102694 | 5138216 | 5362319 |
| Trong 11 tháng tính đến 5 tháng Chạp | 65349798 | 63314272 | 60400525 |

Như vậy, trong một tháng mức tăng giá trị xuất khẩu là gần 1 triệu, còn trong 11 tháng tăng hơn 2 triệu pao xtéc-linh. Nhưng còn như giá trị nhập khẩu tăng bằng hay tăng nhiều hơn giá trị



xuất khẩu thì chúng ta không rõ vì không có một tài liệu nào về giá trị nhập khẩu.

Bây giờ chúng ta chuyển sang các báo cáo của các viên thanh tra công xưởng: trong báo cáo nửa năm vừa mới công bố bao gồm những tài liệu tính đến hết ngày 31 tháng Mười 1852, ông Hoóc-nơ thanh tra công xưởng khu Lan-kê-sia đã viết như sau:

"Về các xưởng dệt len, len chải và tơ lụa thì trong suốt năm vừa qua ở khu tôi ít có sự thay đổi: các xưởng kéo sợi lanh vẫn ở trong tình trạng như trước ngày 1 tháng Mười một 1851. Nhưng các xưởng dệt vải bông thì tăng rất nhiều. Ngay trừ đi những xưởng hiện nay ngừng hoạt động (mà nhiều xưởng trong đó có nhiều khả năng nhanh chóng trở lại hoạt động, nhất là những xưởng vẫn giữ được thiết bị máy móc) thì trong hai năm qua vẫn có đến 129 xưởng mới đi vào sản suất với tổng công suất thiết bị là 4023 mã lực. Riêng ở 53 xưởng hiện có, công suất đã tăng thêm cả thảy 2090 mã lực, cho nên tổng số tăng về công suất là 6113 mã lực, một mức tăng xem ra cho phép nhận thêm vào ngành công nghiệp bông vải sợi có lẽ ít ra là 24000 công nhân. Nhưng không phải chỉ có vậy vì rằng hiện nay người ta đang còn xây dựng nhiều xưởng mới. Trong một khu vực không lớn lắm bao gồm các thành phố A-stơn, Xtê-li-brít-giơ, Ôn-đêm và Lát-xơ, người ta đang xây dựng 11 công xưởng với tổng công suất tính ra lên tới 620 mã lực. Nghe nói các nhà chế tạo máy móc bận túi bụi về đơn đặt hàng: một chủ xưởng rất thông minh và giỏi quan sát mới nói với tôi rằng nhiều công xưởng hiện đang xây dựng chắc chỉ có thể bước vào sản xuất sớm nhất là năm 1854 do không thể cung cấp cho họ thiết bị máy móc. Nhưng, mặc dầu những tài liệu nêu trên cũng như những tài liệu mà các đồng nghiệp của tôi đưa ra trong các báo cáo thường ngày của họ, có thể giúp cho người ta hình dung được sự phát triển hết sức mạnh mẽ của sản xuất, nhưng những tài liệu đó vẫn không thể phản ánh được bức tranh toàn cảnh của sự phát triển ấy. Vì hiện đang có một nguồn rộng rãi và rất phong phú cho sự phát triển sản xuất mà người ta rất khó kiếm được bất cứ tài liệu nào nói về vấn đề này. Tôi muốn nói đến sự cải tiến hiện nay trong lĩnh vực máy hơi nước, nhờ đó mà những động cơ cũ và thậm chí cả những động cơ mới nữa có thể tăng thêm công suất, công suất này vượt xa công xuất danh nghĩa của chúng và là công suất mà trước kia người ta cho rằng không thể đạt tới được".

Tiếp đó, ông Hoóc-nơ trích dẫn bức thư của ông Nê-xmít, kỹ sư chế tạo nổi tiếng, gửi từ Bớc-minh-hêm nêu rõ rằng nếu như tăng tốc độ vận hành máy móc và lắp thêm một xy-lanh kép cao áp Un-phơ thì năng suất sẽ nâng cao biết chừng nào; nhờ việc cải tiến này, chính những máy móc hiện đang được sử dụng ấy sẽ tăng năng suất thêm ít nhất là 50% so với trước khi cải tiến.

Qua những tài liệu tổng kết trong các báo cáo của tất cả các thanh tra công xưởng, người ta có thể thấy rằng trong một năm,

tính đến 31 tháng Mười 1852, tổng số các công xưởng mới đi vào sản xuất là 229 với tổng công suất động cơ hơi nước 4771 mã lực và tổng công suất động cơ thủy lực 586 mã lực; 69 công xưởng hiện có đã được mở rộng với tổng công suất động cơ hơi nước 1532 mã lực và tổng công suất động cơ thủy lực 28 mã lực; cộng tất cả 6917 mã lực.

Tiếp đó, chuyển sang các bản tin thương mại hàng năm, chúng tôi thấy rằng tất cả những bản tin ấy đều tràn ngập cái nhiệt tình mà tờ "Times" biểu lộ khi ca ngợi "vương quốc ngàn năm" chính trị, nhưng dù sao thì chúng vẫn có cái ưu thế hơn tờ báo trên ở chỗ chúng dựa vào - ít ra là khi nói về năm qua - những thực tế chứ không chỉ toàn dựa vào những sự chờ mong.

Nông nghiệp cũng không có lý do gì để than phiền. Đầu năm, giá cả bình quân hàng tuần của tiểu mạch là 37 si-linh 2 pen-ni, đến cuối năm, nó lên tới 45 si-linh 11 pen-ni. Ngũ cốc tăng giá làm cho gia súc, thịt, bơ và pho-mát tăng giá theo.

Tháng Tám 1851, giá cả một số thực phẩm, chủ yếu là đường và cà phê, bắt đầu hạ xuống chưa từng thấy và tiếp tục hạ đến cuối năm 1851 vì mãi tới tháng Giêng 1852, cơn hoảng hốt ở Min-xinh-lê-in [325] mới đạt tới tột đỉnh của nó. Hiện nay các bản tin hằng năm đều ghi nhận sự tăng giá đáng kể của phần lớn sản phẩm nước ngoài, đặc biệt là sản phẩm nhập khẩu từ các thuộc địa: đường, cà phê v.v..

Về tình hình nguyên liệu thì chúng ta có thể phán đoán dựa vào những tài liệu dưới đây.

Trong bản tin của các ông Hi-u-dơ và Rô-nan, "tình hình buôn bán len" được coi là

"rất đáng hài lòng trong suốt cả năm qua... Nhu cầu về len ở thị trường trong nước lớn khác thường... Việc xuất khẩu hàng len và hàng len chải đã đạt mức cao nhất, thậm chí vượt mức xuất khẩu năm 1851 vốn là mức cao nhất trong tất cả những năm đó... Giá cả tăng lên không ngừng nhưng chỉ tăng mạnh vào tháng cuối cùng, cho nên hiện giờ có thể cho rằng giá cả bình quân vượt giá cả cùng thời kỳ năm ngoái là 15 -20%".

Ông Sốc-sin và Xim đưa tin:



"Việc buôn bán gỗ chiếm vị trí quan trọng trong sự phồn vinh thương nghiệp của đất nước năm 1852... Mức nhập khẩu vào Luân Đôn là 1200 thuyền hàng, ngang con số năm 1851. Hai năm này đã vượt 50 % so với những năm trước mà chỉ số bình quân là khoảng 800 thuyền hàng. Nếu như số lượng gỗ xây dựng vẫn ở mức bình quân của những năm trước thì nhu cầu về gỗ thông tấm, ván mỏng v.v. hoặc gỗ xẻ đã tăng lên khác thường năm 1852, con số bình quân 6800000 tấm trong năm nay đã thay cho con số 4900000 tấm của năm trước".

Về ngành thuộc da, hãng Pô-oen và công ty đưa tin như sau:

"Không nghi ngờ gì nữa, năm qua rất thuận lợi cho các chủ xưởng của hầu hết tất cả các ngành thuộc công nghiệp da. Đầu năm, nguyên liệu rẻ, nhưng về sau lại diễn ra tình hình là giá trị da thuộc cao lên rất nhiều so với năm trước".

Công nghiệp luyện kim đặc biệt phồn vinh. Giá sắt từ 5 pao xtéc-linh mỗi tấn tăng lên tới 10 pao xtéc-linh 10 si-linh mỗi tấn, và mới gần đây lên tới 12 pao xtéc-linh mỗi tấn; rất có thể là sẽ còn lên tới 15 pao xtéc-linh; ngày càng có nhiều lò cao đi vào sản xuất.

Về ngành hàng hải, các ông Ốp-pho và Gam-men đưa tin như sau:

"Đặc điểm của năm qua là sự nhộn nhịp khác thường của ngành hàng hải Anh. Nguyên nhân chính là sự kích thích mà việc phát hiện ra vàng ở Ô-xtơ-rây-li-a đã đem lại cho hoạt động kinh doanh... Người ta thấy cước phí vận tải tăng lên phổ biến".

Trong ngành đóng tàu cũng có sự nhộn nhịp như thế. Trong bản tin, các ông Tôn-gia, Ca-ri và công ty ở Li-vớc-pun đã nói về ngành sản xuất này như sau :

"Trước đây, chưa bao giờ chúng tôi có dịp ghi vào những báo cáo hằng năm của mình những số liệu hết sức thuận lợi như thế về việc bán tàu ở cảng này, xét cả trên phương diện mức trọng tải bán ra lẫn trên phương diện giá bán được. Tàu đóng ở các thuộc địa tăng giá lên hẳn 17% và còn có chiều hướng tăng lên nữa. Số tàu đã đóng xong còn nằm lại ở xưởng giảm xuống còn 48 chiếc trong khi năm 1852 là 76 và năm 1851 là 82; người ta không dự tính là số tàu này sẽ tăng lên trong thời gian tới. Số tàu cập bến Li-vớc-pun và bán ra trong năm là 120 chiếc với tổng trọng tải là 50000 tấn. Số tàu hạ thủy và đang đóng ở cảng chúng tôi năm 1852 là 39 chiếc, với tổng trọng tải là 15000 tấn, còn năm 1851 là 23 chiếc với tổng trọng tải 9200 tấn. Số tàu chạy bằng hơi nước đã đóng xong và đang đóng ở đây là 13 chiếc, với tổng trọng tải 4050 tấn... Còn về những tàu sắt chạy buồm thì đặc điểm đáng chú ý nhất của ngành chúng ta là những tàu ấy ngày càng được

ưa thích; ở đây cũng như ở Clai-đơ, ở Niu-cát-xơ và ở khắp mọi nơi, hiện nay các nhà đóng tàu đang đóng những tàu này với những quy mô chưa từng thấy".

*Về đường sắt*, các ông Út-xơ và Xtáp-xơ viết:

"Các báo cáo cho phép có những hy vọng tốt đẹp nhất và vượt xa mọi tính toán trước đây. Những báo cáo tuần qua cho thấy chiều dài của các tuyến đường sắt tăng 348 dặm hoặc 5,5% so với năm 1851 và thu nhập về vận chuyển hàng hóa tăng thêm 41426 pao xtéc-linh hoặc 14%".

Sau hết, các bản tin của hãng Điu-phi và công ty (Man-se-xtơ) nhận định rằng trong tháng Chạp 1852, chu chuyển thương mại với Ấn Độ và Trung Quốc là hết sức rộng lớn. Sự dư dật tiền được coi là điều có lợi cho hoạt động của chủ kinh doanh trên thị trường nước ngoài và cho phép họ bù đắp được những thiệt hại về hàng hóa và sản phẩm mà đầu năm họ phải chịu.

"Giờ đây, các dự án khác nhau về khai khẩn những vùng đất mới, khai mỏ v.v. đang hấp dẫn những kẻ đầu cơ và các nhà tư bản".

Về sự phồn thịnh của các khu công nghiệp nói chung và của các khu công nghiệp bông vải sợi nói riêng thì người ta có thể phán đoán qua các báo cáo của các viên thanh tra công xưởng. Hãng Giôn Ri-gli và con trai (Li-vớc-pun) đưa tin về sự sản xuất bông vải sợi như sau:

"Là bằng chứng về sự phồn vinh phổ biến của đất nước, sự phát triển của thương nghiệp bông năm qua đã đưa đến những kết quả hết sức tốt đẹp... Đồng thời cũng hiện rõ cả một loạt những đặc điểm đáng chú ý, nhưng điều kinh ngạc nhất và đáng nhắc đến nhất là sự tiêu thụ hết sức dễ dàng trên 3 triệu kiện bông mà Hợp chúng quốc Mỹ thu hoạch được trong một vụ được mùa chưa từng thấy... Ở nhiều khu người ta đã tiến hành việc chuẩn bị tiếp tục tăng thêm công suất của các xí nghiệp công nghiệp và chúng ta có thể hy vọng rằng năm tới sẽ chế biến được một số lượng bông nhiều hơn bất cứ thời gian nào trước đây".

Nhiều ngành công nghiệp khác cũng ở vào tình hình như vậy.

"Chúng tôi xin nêu ra thành phố Gla-xgô" - các ông Mắc-Nê, Grin-hau và Iếc-vinh (Man-se-xtơ) viết: "với nền công nghiệp bông vải sợi và luyện kim của nó, các thành phố Hát-đơ-xphin, Lít-xđ, Ha-li-phắc, Brát-phoóc, Nốt-tinh-hêm, Lê-xtơ, Sép-phin, Bớc-minh-hêm, Uôn-vơ-hem-tơn với nhiều ngành công nghiệp khác nhau của chúng - tất cả những nơi đó xem ra đều ở trong tình trạng hết sức phồn vinh".



Ngoại lệ duy nhất trong sự phồn vinh phổ biến ấy là công nghiệp tơ lụa và công nghiệp chải len ở I-oóc-sia. Triển vọng chung của công nghiệp và thương nghiệp có thể tóm tắt bằng những lời trong một bản tin ở Man-se-xtơ:

*"Chúng tôi đặc cảm thấy một sự đầu cơ quá mức hơn là sự đình đốn và thiếu tiền".*

Giữa lúc cực thịnh của sự phồn vinh phổ biến ấy, biện pháp mới đây của Ngân hàng Anh đã gây ra sự bối rối phổ biến trong giới thương nghiệp. Ngày 22 tháng Tư 1852, Ngân hàng Anh đã hạ lãi suất chiết khấu xuống còn 2%. Sáng ngày 6 tháng Giêng 1853, người ta công bố nâng lãi suất chiết khấu từ 2% lên 2,5% nghĩa là tăng thêm 25%. Người ta tìm cách giải thích sở dĩ có sự nâng lãi suất này là vì một số nhà thầu đường sắt lớn gần đây đã vay được những khoản tiền lớn; như mọi người đều biết, kỳ phiếu của họ với giá trị rất lớn đang nằm trong lưu thông. Trong những giới khác - xem chẳng hạn tờ "Sun" ở Luân Đôn - người ta cho rằng Ngân hàng Anh sở dĩ nâng giá chiết khấu là do muốn được phần lợi của mình trong sự phồn thịnh chung. Nhìn chung, hành động này bị chỉ trích là "không thỏa đáng". Để có thể đánh giá chính xác hành động đó, tôi dẫn ra đây những số liệu sau của tờ "Economist":

| *Ngân hàng Anh* | | | |
|---|---|---|---|
| | *Vàng* | *Chứng khoán* | *Lãi suất chiết khấu thấp nhất* |
| Năm 1852 | | | |
| 22 tháng Tư ... | 19587670 p.x.t. | 23782000 p.x.t | hạ xuống còn 2% |
| 24 tháng Bảy ... | 22065349 " | 24013728 " | 2% |
| 18 tháng Chạp ... | 21165224 " | 26765724 " | 2% |
| 24 tháng Chạp ... | 20794190 " | 27545640 " | 2% |
| Năm 1853 ... | | | |
| 1 tháng Giêng ... | 20527662 " | 29284447 " | 2% nhưng từ 6 tháng Giêng nâng lên 2,5% |

Do đó, so với tháng Tư 1852 là khi mà lãi suất chiết khấu hạ xuống 2% thì vàng trong ngân hàng có nhiều hơn một triệu, nhưng giữa hai thời kỳ ấy có sự khác nhau rõ rệt vì sự vận động của vàng chuyển từ giai đoạn chạy vào sang giai đoạn chạy ra. Sự chạy ra ấy đặc biệt mãnh liệt: nó vượt cả số vàng nhập từ Mỹ và Ô-xtơ-rây-li-a trong tháng trước. Ngoài ra tháng Tư 1852, các chứng khoán ít hơn hiện nay 5 triệu rưỡi. Do đó tháng Tư 1852 số cung về tư bản cho vay vượt số cầu, còn hiện nay thì ngược lại.

Sự xuất khẩu vàng thường kèm theo việc hạ thấp rõ rệt thị giá ngoại hối - một hiện tượng được giải thích một phần bằng sự nâng cao đáng kể giá cả của phần lớn hàng nhập khẩu, một phần bằng sự dấu cơ rộng rãi trong nhập khẩu. Thêm vào đó còn phải kể đến ảnh hưởng của hai mùa thu và đông không thuận lợi cho các chủ trại, gây ra sự nghi ngờ và lo lắng đối với vụ thu hoạch sắp tới và kết quả là có những hoạt động buôn bán lớn về ngũ cốc và bột mì của nước ngoài. Sau hết, các nhà tư bản Anh đã tham gia rộng rãi vào việc thành lập các công ty đường sắt và những công ty khác ở Pháp, I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Đức, Bỉ và họ tham dự một phần không nhỏ vào cái trò bịp bợm phổ biến mà sân khấu của nó hiện nay là sở giao dịch Pa-ri. Do đó kỳ phiếu Luân Đôn hiện nay tràn ngập tất cả các thị trường châu Âu, nhiều hơn hẳn bất cứ thời kỳ nào trước đây, cho nên gây ra tình trạng thị giá ngoại hối tiếp tục sụt xuống. Ngày 24 tháng Bảy, ở Pa-ri một pao xtéc-linh đổi được 25 phrăng 30 xăng-tim, nhưng đến ngày 1 tháng Giêng chỉ được 25 phrăng; một số hợp đồng thậm chí được ký kết theo thị giá thấp hơn 25 phrăng.

Do mức cầu về tư bản tăng lên theo tỷ lệ thuận với mức cung nên biện pháp gần đây của Ngân hàng Anh là hoàn toàn có căn cứ. Nhưng nếu hy vọng dựa vào đó để chấm dứt đầu cơ và ngăn chặn tư bản chạy ra nước ngoài thì tôi dám đoán trước rằng sẽ hoàn toàn vô hiệu.

Sau khi các bạn đọc đã cùng tôi lướt qua một bảng danh mục dài tất cả những bằng chứng nói lên sự phồn vinh không ngừng



của Anh, tôi xin các bạn hãy lưu ý một chút đến điều đã xảy ra với anh thợ làm kim khâu bất hạnh Hen-ri Moóc-gan trên đường từ Luân Đôn đến Bớc-minh-hêm, nơi anh đến để kiếm việc làm. Để tránh bị chỉ trích thổi phồng, tôi xin chép lại nguyên văn bản tin trong tờ báo ở Noóc-tâm-ptơn [1*].

*Một cái chết vì khốn cùng*

*Cô-xgơt-rốp*. "Khoảng 9 giờ sáng thứ hai, có hai công nhân trú mưa ở một kho chứa bỏ không của ông T. Xlai-đơ thuộc giáo khu Cô-xgơt-rốp nghe thấy tiếng rên mà họ phát hiện ra là của một người bất hạnh nằm trong chỗ chứa thức ăn gia súc, anh ta ở vào tình trạng hoàn toàn kiệt sức. Hai công nhân bắt chuyện với anh ta và thân mật mời anh ta cùng ăn sáng nhưng không thấy trả lời gì cả. Khi họ sờ vào anh ta thì thấy người anh ta đã lạnh ngắt. Họ gọi ông Xlai-đơ ở gần đấy. Một lát sau vị này sai một chú bé đưa người bất hạnh, trên một chiếc xe nhỏ, có lót rơm và phủ rơm, đến nhà tế bần ở I-át-li Gô-bi-ôn cách đấy chừng một dặm. Anh ta đến đấy lúc gần đúng một giờ chiều, nhưng 15 phút sau thì chết. Cái thân hình gầy còm, bẩn thỉu, ăn mặc rách rưới của người nghèo ấy hẳn ra một cảnh tượng khủng khiếp. Về sau điều tra rõ là tối thứ năm mồng 2, con người bất hạnh nhận được của giám đốc sở tế bần ở Xtô-ni-Xtơ-rát-pho một giấy nghỉ đêm - cấp cho những kẻ lang thang - ở nhà tế bần I-át-li; sau đó anh ta đi bộ hơn ba dặm đến I-át-li và được nhận vào nhà tế bần ấy. Anh ta ăn ngấu nghiến hết khẩu phần được phát và xin được ở lại một ngày đêm nữa và được người ta đồng ý. Sáng sớm thứ bảy sau bữa sáng (có thể đây là bữa ăn cuối cùng của anh ta trên thế giới này) anh ta rời nhà tế bần và trở về Xtơ-rát-pho. Vốn đã rất yếu, hai bàn chân lại bị sưng tấy - gót chân anh ta bị mưng mủ, nên xem chừng anh ta sẽ vui sướng lưu lại nơi nương thân đầu tiên anh gặp được. Nơi nương thân này là một chiếc lều trống trải thuộc những công trình ngoài đồng của một trang trại nào đó cách đường cái một phần tư dặm. Người ta gặp anh ta ở đó vào trưa thứ hai, ngày mồng 6, đang nằm trên đống rơm; vì chủ nhân không muốn để người lạ ở lại đây nên đã đuổi anh ta đi. Anh ta xin phép lưu lại một lát nữa và ra đi vào khoảng 4 giờ chiều để một lần nữa, trước khi trời tối có thể kiếm được nơi nào gần nhất nghỉ ngơi và ngủ đêm. Nơi đó chính là cái kho chứa bỏ không lợp mái rơm mất tới nửa và không có cửa già đã nói trên kia. Chính trong cái kho chứa lạnh lẽo khó bề tưởng tượng này, anh ta đã chui vào chỗ chứa thức ăn gia súc nằm hơn bảy ngày không ăn uống gì cho đến khi, như đã tả trên kia, người ta phát hiện anh ta vào sáng ngày 13. Con người bất hạnh ấy cho biết anh ta tên là Hen-ri Moóc-gan, là thợ làm kim khâu; anh ta trạc 30- 40 tuổi và xem ra là một con người có sức vóc".

Khó bề tưởng tượng được một sự việc rùng rợn hơn. Một con người khỏe mạnh, thân hình rắn chắc, sinh lực dồi dào, tiến hành một cuộc hành trình dài và đau khổ từ Luân Đôn đến

1* - "Northampton Mercury".

Xtô-ni-Xtơ-rát-pho, lời cầu xin cứu giúp tuyệt vọng của anh ta đối với "nền *văn minh*" xung quanh, việc anh ta nhịn đói bảy ngày, sự tàn nhẫn của những người đã bỏ mặc anh ta cho số phận, việc anh ta tìm kiếm nơi nương thân, việc anh ta bị đuổi từ chỗ nương náu này đến chỗ nương náu khác, cuối cùng là thái độ cực kỳ vô nhân đạo của một người tên là Xlai-đơ và cái chết nhẫn nhục bi thảm của một con người hoàn toàn kiệt sức - đấy là bức tranh đủ gây xúc động để cho người ta ngẫm nghĩ.

Không nghi ngờ gì, anh ta đã xâm phạm quyền sở hữu khi anh ta tìm nơi nương thân trong chiếc lều trống trải và trong cái kho chứa bỏ không !!!

Nếu bạn kể cho kẻ doanh lợi béo phị ở Xi-ti Luân Đôn biết về trường hợp chết đói này trong thời kỳ phồn vinh rực rỡ thì bạn sẽ được hắn trả lời bằng những câu nói của tờ "Economist" ở Luân Đôn ngày 8 tháng Giêng:

"Người ta phấn khởi thấy rằng trong thời kỳ mậu dịch tự do, tất cả các giai cấp đều phồn vinh như thế nào: những hy vọng được trả công đang tăng cường nhiệt tình của họ; tất cả đều đang cải tiến sản xuất của mình và tất cả cũng như *mỗi cá nhân* đều có lợi".

*Do C.Mác viết ngày 14 tháng Giêng 1853*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune"*
*số 3681, ngày 2 tháng Hai 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC

## BẦU CỬ. - NHỮNG KHÓ KHĂN VỀ TÀI CHÍNH.- CÔNG TƯỚC PHU NHÂN XA-THƠ-LEN VÀ CHẾ ĐỘ NÔ LỆ [326]

Luân Đôn, thứ sáu, 21 tháng Giêng 1853

Cuộc bầu cử lại là kết quả những biện pháp mới của nội các và đã kết thúc. Nội các đã thất bại. Ông Xát-lơ, một trong những quan chức Bộ tài chính cho tới nay vẫn được coi là thủ lĩnh "nhóm Ai-rơ-len", đã bị ông A-lếch-xan-đơ được nhiều hơn 6 phiếu đánh bại. Ông A-lếch-xan-đơ trúng cử là nhờ sự liên hợp của phái Ô-ran-giơ[327] với phái Thiên chúa giáo. Mặt khác, nội các đã thắng ở trường Đại học tổng hợp Ốc-xphớt, nơi đây cuộc bỏ phiếu đã kéo dài 15 ngày và cuộc đấu tranh đã đạt tới mức gay gắt nhất. Với đa số 124 phiếu, Glát-xtôn đã thắng Đết-li Péc-xi-van, ứng cử viên của những người ủng hộ giáo hội thượng đẳng [328]. Chúng tôi đề nghị những người sùng bái lô-gích kiểu Gu-đíp-rát [329] hãy đọc xã luận của hai tờ báo kình địch nhau trong cuộc đấu tranh này - tờ "Morning Chronicle" và tờ "Morning Herald".

Hôm qua, sau cuộc tranh luận dài, giám đốc Ngân hàng Anh lại nâng lãi suất chiết khấu tối thiểu từ 2,5 lên 3%. Điều này lập tức ảnh hưởng đến sở giao dịch Pa-ri, nơi tất cả các loại chứng khoán lại sụt giá. - Nhưng nếu ngay như Ngân hàng Anh ngăn chặn được sự đầu cơ ở Pa-ri thì vẫn còn một con đường khác cho

vàng hiện có chạy ra ngoài - đó là việc nhập khẩu ngũ cốc. Người ta đánh giá vụ mùa vừa qua rằng ở Anh cũng như ở lục địa thấp hơn một phần ba so với mức trung bình. Ngoài ra, người ta còn phần nào hoài nghi về số lượng lương thực có thể có được trước vụ thu hoạch tới, vì phải gieo trồng muộn do đất ướt. Cho nên hiện người ta đang ký những hợp đồng nhập một lượng lớn ngũ cốc và kết quả là thị giá ngoại hối vẫn bất lợi cho Anh. Vàng chở bằng tàu biển từ Ô-xtơ-rây-li-a về không đủ để bù đắp cho sự tăng đột ngột về nhập khẩu ngũ cốc.

Trong một bài trước đây, tôi đã nói tới việc đầu cơ sắt [1*]. Việc nâng lãi suất chiết khấu lần đầu tiên của Ngân hàng Anh từ 2 lên 2,5% đã ảnh hưởng đến ngành thương nghiệp này. Gang Xcốt-len hai tuần trước giá 78 si-linh, đến 19 tháng này hạ xuống còn 61 si-linh. Hoàn toàn có khả năng là, trong việc buôn bán cổ phiếu đường sắt, kể từ khi nâng lãi suất, người ta cũng nhìn thấy trước tình trạng đình đốn do việc bán cưỡng bức những cổ phiếu cho tới nay vẫn được coi là để đảm bảo cho số tiền cho vay; những hoạt động như vậy đã bắt đầu được tiến hành. Nhưng theo ý tôi thì tình trạng vàng chạy ra ngoài không chỉ do việc xuất khẩu vàng gây ra, mà còn do tình hình nội thương náo nhiệt, đặc biệt là ở các khu công nghiệp, thúc đẩy mạnh mẽ.

Trong tình hình linh hoạt chính trị tạm thời im ắng hiện nay, lời kêu gọi của hội nghị phụ nữ ở tòa thị chính Xtáp-phớt gửi chị em ở Mỹ về chế độ nô lệ da đen và "bức thư đầy những nỗi niềm yêu thương và tình cảm Cơ Đốc giáo của hàng ngàn phụ nữ Hợp chúng quốc Mỹ gửi chị em phụ nữ Anh" và chế độ nô lệ da trắng là của hiếm thực sự đối với báo chí. Nhưng không một tờ báo Anh nào lưu ý đến tình hình là cuộc hội nghị ở tòa thị chính Xtáp-phớt đã tiến hành trong tư duy và dưới quyền chủ tọa của công tước phu nhân Xa-thơ-len. Trong khi đó những cái tên Xtáp-phớt và Xa-thơ-len ấy cũng đủ đánh giá xứng đáng lòng nhân ái của quý tộc Anh - một thứ nhân ái đi tìm cho mình những đối tượng càng

1* - Xem tập này, tr.654-655



Một phần trang báo "People's Paper" có đăng bài của C. Mác "Công tước phu nhân Xa-thơ-len và chế độ nô lệ" (trên tờ "People's Paper" bài báo có nhan đề "Xa-thơ-len và chế độ nô lệ hay công tước phu nhân ở đất nước mình")...

chính thị tộc. Dưới chế độ ấy, không thể nói đến tài sản tư hữu theo nghĩa hiện đại của danh từ cũng như không thể so sánh địa vị xã hội của thành viên trong bộ tộc với địa vị của cá nhân sống trong điều kiện xã hội hiện đại chúng ta. Sự phân chia và phân phối ruộng đất là ứng với chức năng quân sự của mỗi thành viên trong bộ tộc. Thủ lĩnh trao cho họ phần ruộng đất nhất định tùy theo năng lực quân sự của họ, theo sự suy xét của mình có thể tăng hoặc giảm lãnh địa của các tộc trưởng, và đến lượt mình các tộc trưởng lại phân phối các phần đất cho các chư hầu lớn nhỏ của mình. Song toàn bộ khu vực vẫn luôn luôn là tài sản của bộ tộc, và dù cho tham vọng của các cá nhân có hay thay đổi thế nào đi nữa thì điều kiện lãnh địa vẫn giữ nguyên; cũng vậy, sự đóng góp cho chiến tranh hoặc sự cống nạp cho léc-đơ không bao giờ tăng, léc-đơ là nhà chỉ huy thời chiến đồng thời là người thống trị tối cao thời bình. Nói chung, mỗi mảnh đất đều do một gia đình canh tác hết đời nọ đến đời kia và nộp một khoản cống thuế cố định. Khoản thuế ấy không bao nhiêu, nó là một thứ cống vật đem nộp để biểu thị sự thừa nhận quyền lực tối cao của *"ông lớn"* và của các tộc trưởng thuộc quyền ông ta hơn là thứ địa tô theo nghĩa hiện đại của danh từ này hoặc quyền thu nhập nói chung. Các tộc trưởng trực thuộc *"ông lớn"* gọi là *"tắc-xmen"* ["taksmen"], còn ruộng đất trao cho các tộc trưởng quản lý gọi là *"tắc"* ["tak"]. Đến lượt mình, tộc trưởng lại cai quản những nô bộc cấp dưới đứng đầu các thôn và những nô bộc này lại cai quản nông dân.

Như các bạn thấy, *bộ tộc* chẳng qua chỉ là thị tộc được tổ chức theo phương thức quân sự, và giống như bất cứ thị tộc nào, nó rất ít được chế định bằng pháp luật nhưng bị truyền thống ràng buộc mạnh mẽ. Dù sao, ruộng đất vẫn là *tài sản của thị tộc*, tuy cùng huyết thống nhưng trong nội bộ thị tộc cũng có những sự khác nhau về địa vị như ở tất cả các công xã thị tộc cổ đại ở châu Á.

Cuộc tiếm đoạt đầu tiên xảy ra sau khi đuổi dòng họ Xtiu-át bằng cách thành lập các đơn vị quân đội thị tộc. Từ lúc đó, *cống thuế* trở thành nguồn thu nhập chính đối với *"ông lớn"*, Mor - Fear Chattaibh. Tiêm nhiễm thói hoang phí của triều đình Luân Đôn, ông ta tìm mọi cách nặn bóp thật nhiều tiền của nô bộc của mình, bọn này đến lượt chúng lại áp dụng chế độ đó đối với những người ở dưới quyền chúng. Cống vật cổ xưa biến thành sự đóng góp cố định bằng tiền. Một mặt, việc thi hành sự đóng góp đó là một tiến bộ vì nó làm cho cống thuế cổ truyền được cố định rõ ràng. Nhưng mặt khác, nó có nghĩa là sự tiếm đoạt vì rằng "ông lớn" hiện nay chiếm địa vị "đại địa chủ" đối với các "tắc-xmen", còn đến lượt mình, các "tắc-xmen" lại đóng vai trò chủ trại đối với nông dân. Vì hiện nay "ông lớn" cũng như "tắc-xmen" đều cần tiền cho nên nảy sinh ra sự cần thiết phải sản xuất không những cho tiêu dùng trực tiếp mà còn cho xuất khẩu và trao đổi. Cho nên hệ thống sản xuất trong toàn quốc tất phải thay đổi, còn số lao động thừa do sự biến đổi đó đem lại thì phải loại bỏ. Dân số do đó giảm đi. Nhưng vào thế kỷ XVIII dân cư vẫn nguyên vẹn trên chừng mực nào đó và con người vẫn còn chưa bị công khai biến thành vật hy sinh cho những món lãi trắng trợn, điều này có thể thấy rõ qua một đoạn viết của Xtiu-át, nhà kinh tế học Xcốt-len mà tác phẩm của ông ta đã được công bố trước tác phẩm của A-đam Xmít 10 năm. Xtiu-át (tập I, chương 16) nói:

"Địa tô mà những mảnh đất ấy phải nộp ra hoàn toàn không đáng kể so với diện tích của chúng: nhưng nếu so nó với số nhân khẩu, mà đơn vị kinh tế ấy phải nuôi thì thấy rằng một mảnh ở miền núi Xcốt-len nuôi một số người đông gấp mười so với đơn vị kinh tế cùng diện tích ở những vùng phì nhiêu nhất" [331].

Ngay đầu thế kỷ XIX, cống thuế ruộng đất vẫn còn rất thấp, điều này được chứng minh trong tác phẩm của ông Lốc (1820)[332], quản gia của bá tước phu nhân Xa-thơ-len, người chỉ đạo công việc cải tạo các điền trang của bá tước phu nhân. Chẳng hạn, ông ta đưa ra bảng kê các cống thuế ruộng đất năm 1811 ở điền trang Kin-tơ-ra-đô-en, qua đó thấy rằng trước thời gian ấy, mỗi gia đình hàng năm phải nộp nhiều nhất là mấy si-linh tiền mặt, cung cấp một số gia cầm và phục vụ mấy ngày lao dịch.

Chỉ sau năm 1811 sự tiếm đoạt mới được thực hiện thực sự và triệt để, sự biến đổi cưỡng bách *tài sản của bộ tộc* thành *tài sản riêng* - hiểu theo nghĩa hiện đại của danh từ này - *của thủ lĩnh*. Nhân vật đứng đầu cuộc cách mạng kinh tế ấy là một thứ Mô-ha-mét - A-li đàn bà, tinh thông học thuyết Man-tút: đấy là *bà tước phu nhân Xa-thơ-len* hoặc *hầu tước phu nhân Xtáp-phớt*.

Trước hết cần chỉ rõ tổ tiên của hầu tước phu nhân Xtáp-phớt là những "ông lớn" ở vùng cực bắc Xcốt-len, chiếm gần ba phần tư Xa-thơ-len-sia. Lãnh địa bá tước ấy rộng hơn nhiều tỉnh ở Pháp hoặc công quốc nhỏ ở Đức. Khi hầu tước phu nhân Xa-thơ-len kế thừa lãnh địa ấy rồi bà ta đem về làm của hồi môn cho chồng là hầu tước Xtáp-phớt, rồi đến công tước Xa-thơ-len thì dân cư sống ở đấy đã giảm xuống còn 15000 người. Bá tước phu nhân cao quí quyết định tiến hành một cuộc cải cách kinh tế triệt để và biến toàn bộ đất đai thành bãi chăn nuôi. Từ năm 1814 đến năm 1820, 15000 người dân ấy - khoảng 3000 hộ - đã bị xua đuổi và hủy diệt một cách có hệ thống. Tất cả làng mạc của họ đều bị phá hủy và đốt trụi, tất cả đồng ruộng của họ đều biến thành bãi chăn nuôi. Binh lính Anh được phái đến thực hiện hành động bạo ngược đó và sự việc đã dẫn tới những cuộc ẩu đả thực sự giữa họ với dân cư địa phương. Một bà già đã bị thiêu chết trong túp lều của mình vì bà không chịu rời bỏ nó. Bằng cách ấy, bá tước phu nhân cao quí đã chiếm đoạt *bảy mươi chín vạn bốn ngàn a-cơ-rơ ruộng đất* từ ngàn xưa vẫn là của bộ tộc. Vào lúc hào phóng nhất, bà ta trả lại cho cư dân bị đuổi khoảng 6000 a-cơ-rơ, mỗi hộ 2 a-cơ-rơ. 6000 a-cơ-rơ ấy từ trước tới nay vốn là đất hoang và không đem lại thu nhập gì cho người sở hữu. Bá tước phu nhân đã rộng lượng đến mức đem phát canh ruộng đất với mức tô bình quân 2 si-linh 6 pen-ni một a-cơ-rơ cho chính những thành viên bộ tộc trong mấy trăm năm nay đã đổ máu cho gia đình bà ta. Toàn bộ đất đai chiếm đoạt của bộ tộc một cách phi pháp ấy bà ta chia thành 29 trang trại lớn để nuôi cừu, hơn nữa mỗi trang trại này chỉ có một hộ duy nhất, phần lớn là cố nông - tá điền người Anh. Năm 1821, 15000 người xứ Gan đã bị 131000 con cừu thay thế.



Một bộ phận dân bản địa bị đuổi đến bờ biển thì mưu sống bằng nghề chài lưới. Họ biến thành động vật lưỡng thê và theo cách nói của một nhà văn Anh thì họ sống nửa trên cạn, nửa dưới nước; nhưng đất cùng với nước chỉ bảo đảm cho họ sống nửa đói nửa no.

Về sự tước đoạt ấy đối với người xứ Gan ở Xa-thơ-len-sia, một sự tước đoạt được lấy làm tấm gương cho các "ông lớn" khác ở Xcốt-len noi theo, Xi-xmôn-đi đã bình luận trong tác phẩm "Khái luận về xã hội" như sau:

"Lãnh địa phong kiến quy mô rộng lớn không phải là đặc trưng của riêng nước Anh. Trên toàn bộ đế chế của Sác-lơ-ma-nhơ Đại đế trên toàn bộ phần đất ở phía Tây, các thủ lĩnh quân sự đã tiếm đoạt hàng tỉnh và lợi dụng lao động của cư dân bị chinh phục và có khi thậm chí cả của bạn chiến đấu của mình để canh tác cho họ. Vào thế kỷ IX và X, đối với các bá tước của tỉnh Men, An-giơ và Pu-át, các tỉnh này được gọi là ba lãnh địa rộng lớn hơn là các công quốc. Thụy Sĩ giống với Xcốt-len về nhiều mặt, bấy giờ bị một vài lãnh chúa chia sẻ. Nếu như các bá tước Ki-buốc, Len-xbuốc, Háp- xbuốc và Gru-e được sự bảo hộ của pháp luật Anh thì họ cũng sẽ đạt được địa vị như bà tước Xa-thơ-len. Có thể là nhiều người trong họ cũng sẽ có xu hướng cải cách như thế" (như hầu tước phu nhân Xtáp-phớt) "và không chỉ một nước cộng hòa ở núi An-pơ sẽ bị diệt vong để nhường chỗ cho đàn cừu. Thậm chí vị vua chuyên chế nhất ở Đức cũng sẽ không cho phép mình làm cái gì giống thế" [351].

Trong lời bào chữa cho bá tước phu nhân Xa-thơ-len (1820), ông Lốc đã trả lời điểm đó như sau:

"Tại sao chính trong trường hợp cá biệt này lại phải có sự ngoại lệ đối với cái quy tắc được áp dụng trong tất cả các trường hợp khác? Tại sao quyền lực tuyệt đối của người chiếm hữu đối với ruộng đất của mình lại phải đem hy sinh cho lợi ích của xã hội và vì những lý do chỉ liên quan đến bản thân xã hội?"

Nhưng trong trường hợp này, tại sao các chủ nô các bang miền nam Bắc Mỹ lại phải hy sinh lợi ích riêng của mình cho hành vi từ thiện giả dối của vị công tước phu nhân Xa-thơ-len?

Giới quí tộc Anh đã đem bò và cừu thay thế cho người ở khắp nơi thì trong tương lai không xa đến lượt họ cũng sẽ bị những động vật có ích ấy thay thế như vậy.

Quá trình *"quét sạch các điền trang"* ở Xcốt-len mà chúng tôi vừa mô tả, đã diễn ra ở Anh vào các thế kỷ XVI, XVII và XVIII.

Ngay từ thế kỷ XVI, Tô-mát Mo-rơ đã đau đớn than phiền về điều đó. Ở Xcốt-len, quá trình ấy diễn ra vào đầu thế kỷ XIX, còn ở Ai-rơ-len hiện nay nó đang ở vào cao trào. Bản thân tử tước Pan-mớc-xtơn cao quý vừa mới "quét sạch" người khỏi lãnh địa của mình ở Ai-rơ-len mấy năm trước đây chính cũng bằng phương pháp mô tả trên kia.

Nếu như nói chung gọi một sở hữu nào đó là một *sự ăn cắp* sẽ đúng hơn thì sở hữu của bọn quý tộc Anh quả là một sự ăn cắp theo đúng nghĩa của từ đó. Việc cướp bóc những tài sản của giáo hội, cướp bóc ruộng đất của công xã, việc gian lận biến sở hữu phong kiến và gia trưởng thành sở hữu tư nhân kèm theo việc tàn sát, đó là những căn cứ pháp lý của giới quý tộc Anh để nó thực hiện sự chiếm hữu. Trong quá trình xảy ra cách đây không lâu ấy, một lớp các nhà luật học xun xoe kiểu nô lệ đã phục vụ như thế nào cho giai cấp quý tộc, điều đó có thể thấy rõ qua một nhà luật học Anh thế kỷ trước tên là Đan-rim-plơ; trong cuốn sách "Thông sử của chế độ sở hữu phong kiến" [334] của mình, ông ta đã chứng minh hết sức thẳng thắn rằng trong các vụ kiện về quyền sở hữu, mỗi đạo luật và mỗi văn kiện có liên quan đến sở hữu đều được các nhà luật học giải thích sao cho ở Anh, trong thời kỳ giai cấp tư sản làm giầu, thì có lợi cho *giai cấp tư sản*, còn ở Xcốt-len là nơi mà giai cấp quý tộc đang làm giàu thì có lợi cho *giai cấp quý tộc*, cả trong hai trường hợp đều theo tinh thần thù địch với *nhân dân*.

Cuộc cải cách kiểu Thổ Nhĩ Kỳ mô tả trên kia của bá tước phu nhân Xa-thơ-len ít ra còn có thể được chứng minh là đúng theo quan điểm của học thuyết Man-tút. Nhưng các nhà quý tộc khác ở Xcốt-len còn đi xa hơn. Sau khi đem cừu thay cho người, họ liền đem thú rừng thay cho cừu, còn bãi chăn nuôi thì thay bằng khu săn bắn. Vai trò chủ đạo về việc này thuộc về công tước A-tôn.

"Sau khi chinh phục nước Anh, các vua Noóc-măng biến những vùng đất đai rộng lớn của Anh thành rừng; hiện nay các lãnh chúa ở đây cũng xử lý như thế đối với miền núi Xcốt-len" (R. Xô-mớc-xơ, "Thư gửi từ miền núi Xcốt-len",1848).[335]



Còn tình cảnh của đám người bị xua đuổi khỏi ruộng đất để nhường chỗ cho thú rừng của công tước A-tôn và cừu của bá tước phu nhân Xa-thơ-len thì ra sao? Họ buộc phải chạy đi đâu? Họ tìm chốn nương thân ở nơi nào?

*Ở Hợp chủng quốc Bắc Mỹ.*

Kẻ thù của chế độ nô lệ làm thuê nước Anh có quyền lên án chế độ nô lệ da đen, nhưng công tước phu nhân Xa-thơ-len, công tước A-tôn, các vua bông vải sợi Man-se-xtơ thì không bao giờ!

*Do C.Mác viết ngày 21 tháng Giêng 1853*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3687, ngày 9 tháng Hai 1853 và trích đăng trên tờ "The People's Paper" số 45, ngày 12 tháng Ba 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo "New-York Daily Tribune" có đối chiếu với bản in trên báo "The People's Paper".*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

## C.MÁC

# TỘI TỬ HÌNH. - TIỂU PHẨM CỦA ÔNG CỐP-ĐEN. - NHỮNG BIỆN PHÁP CỦA NGÂN HÀNG ANH [336]

Luân Đôn, thứ sáu, 28 tháng Giêng 1853

Bài báo nhan đề "Bệnh tự sát" đăng trên tờ "Times" ngày 25 tháng Giêng đã đưa ra ý kiến sau đây:

"Người ta thường nhận thấy rằng ở nước ta, sau mỗi vụ xử tử công khai thường lập tức xảy ra một loạt trường hợp chết bằng treo cổ, hoặc do tự sát, hoặc do bất hạnh; đấy là hậu quả của sự tác động mạnh mẽ mà việc tử hình một tội phạm nổi tiếng gây ra đối với người thần kinh quá nhạy cảm hoặc thần kinh yếu".

Để minh họa cho lời khẳng định ấy, tờ "Times" nêu lên một số trường hợp, trong số này có một vụ xảy ra với một người điên ở Sép-phin. Sau khi nói chuyện với những người điên khác về việc xử tử Bác-bua, ông ta đã thắt cổ chết. Một vụ khác là một em trai 14 tuổi cũng thắt cổ tự tử.

Chắc là không một người nào có lý trí lại nghĩ được rằng những sự việc kể trên là nhằm chứng thực cho học thuyết nào. Đấy chính là trực tiếp ca tụng bọn đao phủ vì rằng xử tử được tán dương như ultima ratio [1*] của xã hội. Và tất cả cái đó được đăng trong một bài có tính chất chủ đạo của một "tờ báo có tính chất chủ đạo".

1* - biện pháp cuối cùng, thủ đoạn cực đoan



Tờ "Morning Advertiser" phê phán rất gay gắt nhưng thích đáng sự ham mê giá treo cổ của tờ "Times" và thứ lô-gích đẫm máu của tờ báo này, có kèm theo bản ghi chép lý thú những việc xảy ra trong 43 ngày của năm 1849 như sau:

| *Tử hình* | | *Giết người và tự sát* | |
|---|---|---|---|
| Min-lan | 20 tháng Ba | Han-na Xan-đét... | 22 tháng Ba |
| | | M. Gi. Niu-tơn... | 22 tháng Ba |
| Pun-li... | 26 tháng Ba | Gi. Gi. Gli-xơn – 4 vụ giết người ở Li-vớc-pun... | 27 tháng Ba |
| Xmít... | 27 tháng Ba | | |
| Hao... | 31 tháng Ba | Giết người và tự sát ở Lê-xtơ... | 2 tháng Tư |
| | | Đầu độc ở Bắt... | 7 tháng Tư |
| | | U. Bây-li... | 8 tháng Tư |
| Lan-đích... | 9 tháng Tư | Gi. Uốt giết mẹ... | 13 tháng Tư |
| Xa-ra Tô-mát... | 13 tháng Tư | I-át-li | 14 tháng Tư |
| | | Đốc-xi giết bố... | 14 tháng Tư |
| | | Gi. Bây-li giết hai con rồi tự sát... | 17 tháng Tư |
| Gi. Grip-phít... | 18 tháng Tư | Sác Ô-vớc-tơn... | 18 tháng Tư |
| Gi. Rát... | 21 tháng Tư | Đa-ni-en Hôn-xđen... | 2 tháng Năm |

Bảng trên đây chứng minh - điều mà tờ "Times" buộc phải thừa nhận - rằng không chỉ những vụ tự sát mà cả những vụ giết người tàn bạo nhất đều xảy ra ngay sau khi xử tử tội phạm. Điều lạ lùng là trong bài báo nói trên thậm chí người ta không đưa ra

được một lý lẽ nào, một tiền đề nào cho cái học thuyết đã man được trình bày ở đó. Thực ra rất khó và có lẽ là nhìn chung không thể tìm ra được một nguyên tắc mà nhờ đó người ta có thể chứng minh cho tính chất đúng đắn hoặc hợp lý của án tử hình trong cái xã hội vẫn tự phụ là văn minh. Hình phạt thường được coi như thủ đoạn hoặc để cải tạo hoặc để dọa nạt. Nhưng anh có quyền gì trừng phạt tôi để cải tạo hoặc dọa nạt người khác? Hơn nữa còn có lịch sử và môn khoa học như ngành thống kê chứng minh hết sức rõ ràng rằng từ thời Ca-in, người ta chưa bao giờ thành công trong việc dùng hình phạt để cải tạo cũng như dọa nạt thế giới. Trái hẳn lại! Theo quan điểm pháp quyền trừu tượng thì chỉ có một thứ lý luận về trừng phạt, lý luận đó thừa nhận phẩm giá con người dưới hình thức trừu tượng: đó là lý luận của Can-tơ, mà đặc biệt với cách trình bày chặt chẽ hơn của Hê-ghen. Ông này nói:

"Hình phạt là *quyền* của kẻ tội phạm. Nó là hành động của ý chí bản thân anh ta. Kẻ tội phạm tuyên bố rằng việc phạm pháp là quyền của anh ta. Sự phạm tội của anh ta là sự phủ định đối với pháp quyền. Hình phạt là sự phủ định đối với sự phủ định ấy, do đó là sự khẳng định cái quyền mà bản thân tội phạm cố đạt được và anh ta tự ràng buộc mình vào một cách cưỡng bức" [337].

Trong những luận điểm đó, chắc chắn có cái gì hình như chính xác vì rằng Hê-ghen không coi tội phạm chỉ là một khách thể giản đơn, một nô lệ của tư pháp mà nâng anh ta lên hàng một thực thể tự do, tự quyết định bản thân mình. Nhưng đi sâu chút ít vào thực chất của vấn đề thì chúng ta sẽ phát hiện ra rằng ở đây cũng giống như ở trong nhiều trường hợp khác, chủ nghĩa duy tâm Đức chỉ phê chuẩn, dưới một hình thức thần bí, những đạo luật của xã hội hiện tồn. Đó không phải là sự nhầm lẫn hay sao khi người ta đem khái niệm trừu tượng "ý chí tự do" thay thế cho một cá nhân nhất định, với những động cơ hành động thực sự của anh ta, với những điều kiện xã hội muôn hình muôn vẻ ảnh hưởng tới anh ta, khi người ta chỉ đem một trong nhiều đặc tính của anh ta thay thế cho bản thân con người anh ta? Cái thứ lý luận coi hình phạt là kết quả của ý chí bản thân kẻ tội phạm chỉ là



biểu hiện tư biện của "jus talionis" [1*] thời cổ - lấy mắt trả mắt, lấy răng trả răng, lấy máu trả máu. Nói trắng ra không cần lập lại dài dòng: hình phạt chẳng qua chỉ là thủ đoạn tự vệ của xã hội chống lại sự vi phạm những điều kiện tồn tại của nó, dù cho những điều kiện ấy có thế nào đi nữa. Nhưng cái xã hội không có thủ đoạn tự vệ nào tốt hơn là đao phủ, cái xã hội thông qua "tờ báo có tính chất chủ đạo của thế giới" để tuyên bố sự tàn bạo của mình là luật vĩnh cửu, - một xã hội như thế thật tốt đẹp thay!

Trong tác phẩm khoa học tuyệt vời của mình "Con người và năng lực của nó" [338], ông Kê-tơ-lê nói:

"Có một ngân sách mà chúng ta chi tiêu một cách đều đặn ghê gớm: đó là kinh phí về nhà tù, trại giam, đoạn đầu đài... Chúng ta thậm chí có thể tiên đoán sẽ có bao nhiêu người nhuốm tay mình bằng máu người thân, có bao nhiêu người lừa gạt, có bao nhiêu người bỏ thuốc độc, hầu như bằng cái phương pháp mà chúng ta dùng để dự tính số sinh tử hàng năm".

Trong dự đoán của mình về những vụ phạm tội có thể xảy ra, công bố năm 1829, ông Kê-tơ-lê quả đã tiên đoán với sự chính xác lạ thường không những tổng số mà cả mọi loại tội trạng khác nhau mà sau đó đã xảy ra ở Pháp năm 1830. Bảng thống kê dưới đây về những năm 1822 - 1824 mà Kê-tơ-lê dẫn ra cho thấy rằng con số bình quân các vụ phạm tội trong một bộ phận nào đó của xã hội ít phụ thuộc vào những thiết chế chính trị riêng của nước đó mà chủ yếu phụ thuộc vào những điều kiện cơ bản vốn có của xã hội tư sản hiện đại nói chung. Trong 100 tội phạm bị kết án ở Mỹ và Pháp thì có:

| Tuổi | Phi-la-đen-phi-a | Pháp |
|---|---|---|
| dưới 21 tuổi... | 19 | 19 |
| từ 21 - đến 30 tuổi... | 44 | 35 |
| từ 30 - đến 40 tuổi... | 23 | 23 |
| trên 40 tuổi... | 14 | 23 |
| Cộng | 100 | 100 |

1* - "luật trừng phạt y hệt như tội trạng"

Như thế là, nếu như các vụ phạm tội, xét trên quy mô lớn, về mặt số lượng cũng như về mặt phân loại, bộc lộ tính quy luật như các hiện tượng tự nhiên, nếu như, theo cách nói của Kê-tơ-lê, người ta "khó xác định trong lĩnh vực nào thuộc hai lĩnh vực ấy" (thế giới vật lý và đời sống xã hội) - "những nguyên nhân thúc đẩy dẫn một cách hết sức hợp quy luật đến những kết quả nhất định" thì phải chăng cần suy nghĩ một cách nghiêm chỉnh đến việc thay đổi cái chế độ sản sinh ra những vụ phạm tội ấy, chứ không ca tụng tên đao phủ giết đi một số lượng tội phạm nhất định chỉ là để có chỗ cho những tội phạm mới?

Một trong những sự kiện nóng hổi là việc xuất bản tiểu phẩm của ông Ri-sớt Cốp-đen với nhan đề "Năm 1793 và 1853, ba bức thư" (140 trang) [339]. Phần đầu tiểu phẩm ấy, phần nghiên cứu thời kỳ cách mạng 1793 và thời kỳ trước đó, đáng được ca ngợi ở chỗ tác giả đã công khai đả kích mạnh mẽ những thiên kiến cũ của người Anh về thời kỳ ấy. Ông Cốp-đen chứng minh rằng trong cuộc chiến tranh cách mạng, Anh là bên xâm lược. Nhưng trong vấn đề này, ông ta không thể mong có được sự độc đáo vì rằng thực ra, ông ta chỉ lặp lại, và hơn nữa lại dưới một hình thức kém xuất sắc hơn nhiều, những kết luận của Uy-li-am Cốp-bét đã quá cố, nhà văn đả kích vĩ đại nhất của nước Anh. Một phần khác của tiểu phẩm tuy được viết theo quan điểm kinh tế học nhưng lại mang ít nhiều màu sắc lãng mạn. Ông Cốp-đen ra sức chứng minh rằng điều phỏng đoán dường như Lu-i - Na-pô-lê-ông có ý định xâm lược Anh là hoàn toàn phi lý, rằng những tin đồn về nước Anh chưa được phòng thủ là thiếu căn cứ thực tế và chỉ do những người định tăng thêm kinh phí quốc gia tung ra. Ông ta lấy gì để chứng minh rằng Lu-i - Na-pô-lê-ông không có ý đồ thù địch gì đối với Anh? Lấy lời khẳng định rằng Na-pô-lê-ông không có *cơ sở hợp lý* nào để bất hòa với Anh. Ông ta lấy gì để chứng minh không có khả năng xảy ra cuộc xâm nhập thù địch vào nước Anh? Ông Cốp-đen nói rằng trong suốt 800 năm nay nước Anh



chưa bị xâm lược. Sau hết, ông ta đưa ra những lý do gì để chứng minh rằng những lời kêu la về tình hình quốc phòng kém chỉ là sự lừa gạt ích kỷ? Lời tuyên bố của các nhà đương cục quân sự cao cấp nói rằng họ cảm thấy hoàn toàn an toàn!

Ngay cả ở Quốc hội lập pháp, Lu-i - Na-pô-lê-ông cũng chưa bao giờ có được một người sùng bái cả tin vào ý đồ hòa bình thành thực của mình như hiện nay ông ta hoàn toàn bất ngờ tìm thấy ở ông Ri-sớt Cốp-đen. Tờ "Morning Herald", người bảo vệ thường ngày của Na-pô-lê-ông, đã đăng (trong số ra hôm qua) một bức thư gửi cho Cốp-đen, và như người ta khẳng định thì bức thư này là do chính Bô-na-pác-tơ trực tiếp gợi ý; trong thư này, vị anh hùng tối cao Xa-tô-ri [340] quả quyết với chúng ta rằng ông ta chỉ xuất hiện ở Anh trong trường hợp nữ hoàng [1*] bị phái dân chủ bạo động đe dọa sẽ cần đến 200000 décembraillards hoặc bọn hỏ hết [2*] của ông ta. Nhưng theo ý kiến tờ "Hérald", phái dân chủ ấy không phải ai khác hơn là Cốp-đen và đồng bọn!

Chúng ta phải thừa nhận rằng sau khi đọc kỹ tiểu phẩm nói trên, bản thân chúng ta cũng bắt đầu cảm thấy lo lắng, phải chăng sẽ xảy ra một cái gì như cuộc xâm lược đối với Anh. Ông Cốp-đen không thuộc trong số những nhà tiên tri gặp may. Sau khi hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc, ông ta đã làm một cuộc hành trình khắp lục địa, thậm chí thăm cả nước Nga, và khi trở về đã tuyên bố rằng mọi sự đều hết sức tốt đẹp, rằng thời kỳ bạo lực đã lùi vào dĩ vãng, rằng nhân dân các nước toàn tâm toàn ý dốc sức vào hoạt động công thương nghiệp và từ nay đã lựa chọn cho mình con đường phát triển thanh bình, kinh doanh thuần túy, không có bão táp, bùng nổ và chấn động về chính trị. Lời tiên tri của ông ta chưa kịp truyền đến lục địa thì khắp châu Âu đã nổ ra cuộc cách mạng năm 1848, trên chừng mực nào đó đóng vai trò tiếng

1* - Vích-tô-ri-a

2* - décembraillards (décembre+braillards)- nguyên văn: "bọn hỏ hết thuộc hội tháng Chạp"; chỉ thành viên của Hội 10 tháng Chạp của Na-pô-lê-ông

dội châm biếm đối với những lời tiên đoán dịu dàng của ông Cốp-den. Ông ta nói về hòa bình ở nơi không hề có hòa bình.

Nếu cho rằng học thuyết hòa bình của trường phái Man-se-xtơ có ý nghĩa triết học sâu sắc thì lầm to. Nó chung quy chỉ có nghĩa là phương pháp tiến hành chiến tranh theo lối phong kiến phải được thay thế bằng phương pháp thương nghiệp, tư bản phải chiếm lấy vị trí của đại bác. Hôm qua, Hội hòa bình đã họp ở Man-se-xtơ, hội nghị hầu như nhất trí tuyên bố rằng *nếu như báo chí ngừng sự công kích xấu xa của nó đối với sự thống trị của Lu-i - Na-pô-lê-ông và nín lặng* thì sẽ không có lý do gì để nghi ngờ Lu-i - Na-pô-lê-ông có ý đồ xâm phạm nền an ninh của Anh! Xét đến lời tuyên bố ấy, người ta cảm thấy hết sức lạ lùng rằng hạ viện đã thông qua đề án tăng kinh phí cho lục quân và hải quân mà không vấp phải sự phản đối nào, rằng không một nghị sĩ nào đã tham gia đại hội hòa bình [341] lại phát biểu lấy một lời phản đối đề án tăng cường lực lượng vũ trang.

Trong thời kỳ yên ắng về chính trị do việc hoãn triệu tập nghị viện gây ra, báo chí bận tâm với hai vấn đề quan trọng nhất: *dự luật cải cách* sắp tới và *những qui định* gần đây của Ngân hàng Anh *về lãi suất chiết khấu*.

Tờ "Times" ra ngày 24 tháng này báo cho công chúng biết rằng dự luật mới về cải cách đang được chuẩn bị. Người ta có thể phán đoán tính chất của dự luật cải cách ấy qua bài diễn văn tranh cử của ngài Sác-lơ Vút ở Ha-li-phắc, trong đó ông ta phản đối nguyên tắc *khu vực bầu cử bình đẳng*, tiếp theo là qua bài diễn văn của Giêm-xơ Grê-hêm ở Các-lây-lơ, trong đó ông ta phản đối *bỏ phiếu kín*, và sau hết là căn cứ vào ý kiến lan truyền bí mật cho rằng ngay cả những viên thuốc cải cách còn con mà Giôn Rớt-xen đưa ra tháng Hai 1852 [342] cũng bị coi là quá mạnh và quá nguy hiểm. Nhưng có những dấu hiệu gây cho người ta sự nghi ngờ lớn hơn. Chiếc loa của nội các liên hiệp, tờ "Economist", số ra ngày 22 tháng Giêng không những khẳng định rằng



"cuộc cải cách chế độ đại nghị của chúng ta mãi gần đây mới được liệt vào danh sách những vấn đề cốt yếu và bức thiết", mà còn khẳng định rằng *"chúng ta còn chưa có tài liệu sơ bộ cho hoạt động lập pháp*. Việc mở rộng, bình đẳng hóa, điều chỉnh, xét lại, duy trì và phân phối lại quyền bầu cử là các mặt riêng biệt của vấn đề, mỗi mặt ấy đều phải được suy nghĩ sâu sắc và nghiên cứu nghiêm chỉnh... Không thể nói rằng một bộ phận nhất định các nhà hoạt động nhà nước của chúng ta thiếu những tri thức có ích ở mức độ cần thiết về tất cả những vấn đề ấy hoặc một số vấn đề ấy, nhưng tri thức của họ là do *thu nhặt* vội vã chứ không phải *do dày công nghiên cứu mà có*; những tri thức rất lộn xộn, phiến diện và không đầy đủ... Rõ ràng ra ở đây chỉ có thể dựa vào việc bầu ra một *ủy ban nghiên cứu vấn đề* có trách nhiệm nghiên cứu tất cả những gì liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với đề tài này".

Thế là nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chính trị coram publico [1*] lại đặt ra trước nội các Ma-phu-xa-in [343]. Các đồng sự của Pin, các đồng sự của Men-buốc, các trợ lý của Ca-nin, các phụ tá của ông già Grây, những người làm việc dưới quyền huân tước Li-vớc-pun hoặc văn phòng của Gren-vin, tất cả những người mới vào nghề đó, những người bắt đầu hoạt động của mình từ nửa thế kỷ trước đây, đều hóa ra bất lực do thiếu kinh nghiệm trong việc đưa ra trước nghị viện một đề nghị căn bản nào đó về cải cách bầu cử. Thế là câu ngạn ngữ cũ nói rằng kinh nghiệm đến với tuổi tác dường như đã bị lật nhào. "Sự khiêm tốn đó trong liên minh giữa các tay kỳ cựu của các đảng phái khác nhau thật quá nực cười đến mức khó bề tả nổi!", tờ "Daily News" thốt lên như vậy rồi đặt câu hỏi: "Dự luật cải cách của các ngài ở đâu nhỉ?". Về điểm này, tờ "Morning Advertiser" trả lời:

"Chúng tôi thiên về ý kiến cho rằng kỳ họp hiện nay sẽ hoàn toàn không thảo luận một dự luật cải cách nào cả. Có thể người ta sẽ tìm cách đưa ra những biện pháp lập pháp nào đó để ngăn ngừa và trừng phạt việc hối lộ trong bầu cử, cũng như trong một số vấn đề thứ yếu khác; có thể sẽ có những cố gắng để loại trừ những khuyết điểm liên quan đến việc phân phối các ghế nghị sĩ trong nước nhưng loại biện pháp luật pháp này không đáng gọi là dự luật cải cách mới".

Còn những quy định gần đây của Ngân hàng Anh về lãi suất chiết khấu thì sự hoảng hốt mà chúng gây ra lúc đầu giờ đây đã dịu xuống và các nhà doanh lợi cũng như các nhà lý luận đều tin

1* - trước toàn thể nhân dân, trước công chúng

rằng sự phồn vinh hiện nay sẽ không bị gián đoạn hoặc tạm ngừng một cách nghiêm trọng. Nhưng các bạn hãy đọc đoạn trích sau đây trong tờ "Economist":

"Năm nay, trên những khoảng đất rộng lớn của chúng ta vẫn dành để trồng tiểu mạch thì chẳng có gì mọc cả. Trên các dải đất hết sức rộng lớn của đồng ruộng mầu mỡ của chúng ta, nhiều khoảnh dành để trồng tiểu mạch hiện vẫn không gieo trồng, còn một số khoảnh đất đã gieo trồng thì tình hình cũng không khá hơn vì rằng hoặc giống bị chết, hoặc mọc hết sức yếu, hoặc bị sâu bệnh nghiêm trọng đến mức những người sở hữu những khoảnh ruộng ấy vị tất đã có tiền để sắng sửa lưỡi những người có ruộng đất không gieo trồng. Hiện nay hầu như không thể canh tác được toàn bộ diện tích dành để trồng tiểu mạch".

Cuộc khủng hoảng tạm thời bị đẩy lùi nhờ việc mở ra các thị trường và hầm mỏ ở Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-xtơ-rây-li-a rõ ràng là sẽ xuất hiện khi mùa màng thất bát. Những quy định của ngân hàng về lãi suất chiết khấu chỉ là điểm dữ đầu tiên. Năm 1847, Ngân hàng Anh đã 13 lần thay đổi lãi suất chiết khấu. Năm 1853, những biện pháp như thế sẽ được tiến hành hàng chục lần. Cuối cùng, tôi muốn nêu lên với các nhà kinh tế học Anh một câu hỏi: làm sao khoa kinh tế chính trị hiện đại, kẻ bắt đầu chiến dịch của mình chống thuyết trọng thương, từ việc chứng minh rằng tình trạng vàng chạy vào hoặc chạy ra không có ý nghĩa gì đối với đất nước, rằng sản phẩm chỉ được trao đổi lấy sản phẩm mà vàng thì cũng là sản phẩm giống như tất cả các sản phẩm khác, làm sao chính cái khoa kinh tế chính trị ấy giờ đây, ở cuối đường đời của mình, lại theo dõi với sự hoảng sợ cực độ như vậy tình trạng vàng chạy ra và chạy vào? "Mục đích thực sự mà ngân hàng phải đạt được bằng các hoạt động nghiệp vụ của mình"- tờ "Economist" viết- "đó là *ngăn cản xuất khẩu tư bản*". Nhưng liệu tờ "Economist" có định ngăn cản xuất khẩu tư bản dưới hình thức vải bông, sắt, sợi len và vải vóc hay không? Chẳng lẽ vàng không phải là *sản phẩm giống như tất cả các sản phẩm khác hay sao?* Phải chăng tờ "Economist" đến tuổi già cũng đã biến thành người theo thuyết trọng thương? Phải chăng sau khi đã mở lối tự do cho tư bản nước ngoài vào, nó định cấm xuất khẩu tư bản Anh?



Phải chăng sau khi đã vứt bỏ được chính sách thuế quan bảo hộ văn minh, nó muốn quay trở lại chính sách thuế quan bảo hộ kiểu Thổ Nhĩ Kỳ?

Khi tôi kết thúc bài này thì được tin rằng trong chính giới đang lan truyền rộng rãi ý kiến cho là hình như đã xảy ra những sự bất đồng giữa ông Glát-xtôn với nhiều nhà lãnh đạo của nội các A-bớc-đin trên vấn đề *thuế thu nhập*, rằng kết quả của những sự bất đồng này, có thể sẽ là sự từ chức của vị quân tử đáng kính ấy. Trong trường hợp này, người kế chân ông ta chắc sẽ là ngài Phren-xít Bê-rinh, cựu Bộ trưởng tài chính trong chính phủ của huân tước Men-buốc.

*Do C.Mác viết ngày 28 tháng Giêng 1853*
*Đã đăng trên báo "New- York Daily Tribune" số 3695, ngày 18 tháng Hai 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

## C MÁC

# QUỐC PHÒNG. -TÀI CHÍNH.- SỰ CHẾT DẦN CHẾT MÒN CỦA GIỚI QUÝ TỘC. - TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ

Luân Đôn, thứ ba, 8 tháng hai 1853

Tờ "Daily News" quả quyết rằng chính phủ đang nghiêm chỉnh thảo luận vấn đề thành lập một đội dân binh để phòng thủ bờ biển.

Các báo cáo của ngân hàng cho thấy số lượng vàng tiếp tục giảm đi 362084 pao xtéc-linh. Trong hai tuần qua, người ta đã chuyển đi khoảng 1000000 pao xtéc-linh vàng, một phần sang lục địa, một phần - đã đúc thành tiền - sang Ô-xtơ-rây-li-a. Do số dự trữ vàng của Ngân hàng Pháp cũng tiếp tục giảm, - tuy có một số lượng lớn vàng từ Anh chạy sang, - nên rõ ràng là quá trình tích trữ vàng trong tay tư nhân đã bắt đầu, và đấy là dấu hiệu rõ rệt về sự không tin tưởng phổ biến vào sự vững vàng của chế độ Na-pô-lê-ông.

Hiện nay trong công nhân, đặc biệt là công nhân đóng tàu, công nhân mỏ than, công nhân công xưởng và công nhân cơ khí, có một yêu cầu phổ biến là đòi tăng lương. Yêu cầu đó do sự phồn vinh đang ngự trị gây ra và người ta không nên coi nó là một hiện tượng hoàn toàn không bình thường. Sự kiện đáng chú ý hơn là cuộc bãi công có tổ chức đầu ra đấy của công nhân nông nghiệp,



một sự kiện chưa từng có từ trước tới nay. Công nhân nông nghiệp ở Nam Uy-len-sia đã bãi công đòi tăng lương thêm 2 si-linh, hiện nay lương của họ mỗi tuần chỉ được 7 si-linh.

Theo báo cáo hàng quý của cục trưởng cục đăng ký tình hình dân sự thì trong năm qua, việc di cư khỏi nước Anh đã đạt tới con số 1000 người mỗi ngày; mức tăng dân số đã giảm đi đôi chút. Đồng thời con số kết hôn tăng nhanh.

Với cái chết của tử tước Men-buốc và bá tước Ti-rơ-côn-nen cũng như bá tước Ốc-xpho, trong hai tuần lễ vừa qua, cả ba dòng họ quý tộc đã tuyệt tự. Nếu như có giai cấp nào đó đứng ngoài qui luật của Man-tút về sự tăng nhân khẩu theo cấp số nhân thì đó là giai cấp quý tộc thế tập. Hãy lấy giới quý tộc và tòng nam tước Anh làm ví dụ. Ngày nay, giới quý tộc Noóc-măng nếu như có còn thì cũng chẳng có bao nhiêu, các dòng họ tòng nam tước ban đầu của thời quốc vương Gia-cốp I còn sót lại rất ít. Tuyệt đại bộ phận thượng nghị sĩ mới được ban tước hiệu ấy năm 1760. Tước hiệu tòng nam tước ra đời năm 1611, vào thời Gia-cốp I trị vì. Tất cả các dòng họ tòng nam tước nhận tước hiệu này hồi đó, nay chỉ còn lại 13; trong số các dòng họ được phong tước hiệu ấy vào năm 1625 nay chỉ còn lại có 39. Một thí dụ khác về tác động của quy luật này là sự chết dần chết mòn nhanh chóng khác thường của tầng lớp quý tộc Vơ-ni-dơ mặc dầu ngay từ khi ra đời, *tất cả* con cháu của quý tộc Vơ-ni-dơ đều được xếp vào hàng quý tộc. A-mơ-lô tính rằng thời ông ở Vơ-ni-dơ có 2500 quý tộc được hưởng quyền biểu quyết tại Hội đồng[344]. Đến đầu thế kỷ XVIII số này chỉ còn lại 1500 tuy rằng bấy giờ đã có thêm một loạt dòng họ quý tộc mới. Hội đồng hành pháp ở Béc-lơ trong thời gian từ năm 1583 đến năm 1654 đã xếp 487 gia đình vào hàng ngũ quý tộc thế tập; trong số này 399 gia đình đã tuyệt tự trong vòng 200 năm, đến năm 1783 chỉ còn lại 108. Nếu như đi ngược lên những thời kỳ xa xưa hơn của lịch sử thì Ta-xít cho chúng ta biết rằng hoàng đế Clô-đơ đã tạo ra một thế hệ quý tộc mới, "exhaustis

etiam quas dictator Caesar lege Cassia et princeps Augustus lege Saenia sublegere" [1*]. Qua những sự thực đó người ta thấy rõ rằng tự nhiên không quý trọng gì giai cấp quý tộc thế tập, và có thể mạnh dạn khẳng định rằng thượng viện Anh đã chết từ lâu bằng một cái chết tự nhiên nếu như không thường xuyên tiếp thêm máu tươi và không có hệ thống duy trì nhân tạo. Sinh lý học hiện đại xác định rằng trong động vật cao cấp, mức sinh sản tỷ lệ nghịch với sự phát triển của hệ thần kinh và đặc biệt là tỷ lệ nghịch với mức tăng số lượng não tủy. Nhưng đương nhiên không ai dám quả quyết rằng sự chết dần chết mòn của giới quý tộc Anh có quan hệ gì đó với sự dư thừa não tủy.

Chính những chính đảng đã dự đoán sự xuất hiện của "vương quốc ngàn năm" và đã đặt cơ sở cho nó thì hình như hiện nay, ngay trước khi hạ viện họp, đã cho rằng vương quốc ấy không còn tồn tại nữa. Tờ "Times" số ra ngày 4 tháng Hai nói rằng:

"Trong khi phái Man-se-xtơ nổi cơn thịnh nộ chống chính phủ của huân tước A-bớc-đin... thì chủ nghĩa giáo hoàng Ai-rơ-len và *chủ nghĩa xã hội* (?) Ai-rơ-len lại không tiếc lời tán dương đảng ngờ đối với huân tước Đớc-bi và ông Đi-xra-e-li".

Cái từ "*chủ nghĩa xã hội Ai-rơ-len*" mà tờ "Times" dùng, rõ ràng là chỉ hoạt động tuyên truyền nhằm bảo vệ quyền lợi của tá điền. Tôi dự định sau này khi có dịp sẽ chứng minh rằng lý luận của tất cả các nhà kinh tế học tư sản Anh hiện đại đều hoàn toàn nhất trí với những nguyên tắc của Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền[345]. Việc các tờ báo khác ít tán thành khuynh hướng của bài báo vừa trích dẫn trên tờ "Times" như thế nào, điều đó có thể thấy được qua những dòng sau đây trên tờ "Morning Advertiser":

"Chúng tôi sẽ khinh thường người Ai-rơ-len nếu như người ta cho rằng họ có thể phản bội những nguyên tắc của Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền".

1* - "vì rằng ngay cả những người mà nhà độc tài Xê-da dựa vào luật Cát-xi-a và công tước Ô-guy-xtơ dựa vào luật Xê-ni-a-sắc phong bổ sung, cũng chết dần chết mòn" (Ta-xít. "Sử biên niên").



Sở dĩ tờ báo của A-bớc-đin bực tức tột độ là vì những hy vọng về nội các "ngàn năm" đã bị tan vỡ hoàn toàn. Các ông Xát-lơ và Kê-u là những lãnh tụ được thừa nhận của nhóm Ai-rơ-len - một ông ở trong nội các, còn một ông ở trên chiến trường. Ông Xát-lơ chỉ đạo và điều hành, ông Kê-u thì đọc diễn văn. Mua chuộc hai ông này, người ta hy vọng thu phục được cả bọn. Nhưng những thành viên của nhóm Ai-rơ-len được cử vào nghị viện với nghĩa vụ làm phe đối lập và giữ địa vị độc lập đối với bất cứ chính phủ nào không xác lập sự bình đẳng hoàn toàn về tôn giáo và không thi hành những nguyên tắc của dự luật Séc-men Crâu-phốt về quyền lợi của tá điền Ai-rơ-len [346]. Thế là tờ "Times" nổi giận với những người ấy vì họ không muốn nuốt lời mình. Cuộc mít tinh và bữa tiệc ở Ken-xơ, tỉnh Mít, là lý do trực tiếp của sự nổi giận ấy. Thông tri được phân phát kêu gọi tất cả những người nhận được thông tri này hãy bày tỏ sự bất bình của mình đối với "cuộc đào ngũ gần đây trong hàng ngũ đảng đoàn Ai-rơ-len tại nghị viện"; một nghị quyết cũng được thảo ra theo tinh thần ấy.

Có thể người ta đã nhìn thấy trước sự thất bại trong những tính toán của nội các về nhóm Ai-rơ-len; song hiện nay trong tính chất và lập trường của các đảng phái Ai-rơ-len đang xảy ra những biến đổi mà hình như cho tới nay bản thân những đảng ấy cũng như báo chí Anh vẫn chưa nhận thức được ý nghĩa sâu sắc của chúng. Các giáo chủ và tuyệt đại đa số giới tăng lữ đều tán thành hành động của các nghị sĩ Thiên chúa giáo tham gia chính phủ. Giới tăng lữ ở Các-lôi hoàn toàn ủng hộ ông Xát-lơ và ông ta sẽ không thất bại nếu như không có sự cố gắng của các thành viên trong Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền. Chính đảng Thiên chúa giáo chân chính nhìn nhận sự phân liệt ấy như thế nào, điều đó có thể thấy được qua một bài của tờ báo Pháp "Univers", cơ quan ngôn luận châu Âu của phái dòng Tên. Bài báo ấy viết:

"Lời trách cứ duy nhất mà người ta có đầy đủ căn cứ để đưa ra đối với các ông Kê-u và Xát-lơ là hai ông đã để cho bản thân bị lôi cuốn vào quan hệ với hai hiệp hội (Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền và Hội những người ủng hộ sự bình đẳng về tôn giáo),

"mà mục đích của họ chỉ là một - hợp pháp hóa tình trạng vô chính phủ đang hủy diệt Ai-rơ-len".

Trong cơn thịnh nộ, tờ "Univers" đã để lộ bí mật của mình:

"Chúng tôi rất lấy làm buồn phiền rằng cả hai hiệp hội ấy đã đối lập công khai với các giáo chủ và giới tăng lữ, và điều đó lại xảy ra ở một nước mà cho tới nay giáo chủ và tăng lữ cao cấp vẫn là những người lãnh đạo được tin tưởng nhất của tổ chức nhân dân và dân tộc".

Từ đó chúng ta có thể kết luận rằng nếu như những người ủng hộ Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền ngẫu nhiên xuất hiện ở Pháp thì tờ "Univers" sẽ tìm đủ cách để người ta đưa họ đi Cây-en-na. Công tác cổ động của phái xóa bỏ sự hợp nhất [347] chỉ là một cuộc vận động chính trị đơn thuần, do đó giới tăng lữ Thiên chúa giáo có thể lợi dụng cuộc cổ động ấy để giành lấy một số nhượng bộ của Chính phủ Anh, hơn nữa, nhân dân Ai-rơ-len chỉ là công cụ trong tay các linh mục. Cuộc cổ động bảo vệ quyền lợi của tá điền là một phong trào xã hội có nguồn gốc sâu xa, trong sự phát triển tiếp theo của mình, phong trào này sẽ gây ra sự chia rẽ triệt để giữa giáo hội và chính đảng cách mạng Ai-rơ-len, do đó sẽ giải phóng nhân dân khỏi ách nô dịch của giáo hội mà hàng trăm năm nay đã làm cho tất cả những cố gắng và hy sinh của họ, toàn bộ cuộc đấu tranh của họ trở thành vô ích.

Bây giờ chúng ta chuyển sang cuộc "họp mặt" ngày 3 tháng này ở Man-se-xtơ giữa các nhà lãnh đạo phong trào cải cách ở Lan-kê-sia với các đại biểu của tỉnh này. Chủ tịch hội nghị là ông *Gióoc-giơ Uyn-xơn*. Ông ta chỉ nói tới sự bất bình đẳng về số đại biểu của các khu vực công nghiệp và thương nghiệp so với các khu nông nghiệp; ông ta nói như sau:

"Ở năm tỉnh - Bắc-kinh-hêm-sia, Đoóc-xét-sia, Uy-len-sia, Nooc-hem-pton-sia và Xô-lốp - có 52921 cử tri bầu 63 nghị sĩ trong khi đó các tỉnh Lan-kê-sia và I-oóc-sia có 89669 cử tri nông thôn và 84612 cử tri thành thị, nghĩa là cả thảy 174281 cử tri, cũng bầu một số nghị sĩ như thế. Nếu số nghị sĩ được bầu theo tỷ lệ thuận với số cử tri thì năm tỉnh trên kia chỉ được có 19 ghế, trong khi đó Lan-kê-sia - cũng theo tiêu chuẩn đại biểu ấy - sẽ được quyền có 207 ghế. Mười hai thành phố lớn hoặc khu vực bầu cử thành thị (coi Luân Đôn ra hai khu vực bầu cử), với 192000 cử tri, 3268218 nhân khẩu và 383000 nhà ở, được bầu 24 nghị sĩ. Trong khi đó An-đô-vơ, Bắc-kinh-hêm, Sip-pê-nêm, Cô-kéc-mút, Tốt-nê-xơ, Ha-rít-giơ, Hô-nê-tơn, Tét-pho, Lê-minh-tơn, Mác-bơ-rô, Grai-tơ - Mác-bơ-rô và Rích-mơn có 3569 cử tri, 67434 nhân khẩu và 1373 nhà ở cũng được bầu 24 nghị sĩ... Nhà cải cách nhát gan nhất và người ôn hòa nhất vị tất có thể phản đối việc tước bỏ quyền đại biểu của các địa phương nhỏ có dưới 5000 nhân khẩu và trao cho các khu vực bầu cử lớn trên 20 ghế".

Ông Min-nơ Ghíp-xơn, nghị sĩ, đã nói về vấn đề giáo dục quốc dân và các thứ thuế tri thức. Về dự luật cải cách thì trong diễn văn của ông ta chỉ có một chỗ đáng chú ý là tuyên bố của ông ta về điều khoản nói về các khu vực bầu cử bình đẳng:

"Điều khoản này, nếu các bạn muốn, có thể là *vấn đề giai cấp* quan trọng".

Ông Brô-téc-tôn, một nghị sĩ khác nói:

"Hiện nay bất cứ dự luật cải cách nào không quy định phân phối bình đẳng số ghế đại biểu đều không thể được coi là thỏa đáng".

Nhưng ông Brai-tơ, nghị sĩ, một bậc nam nhi chân chính trong số "những bậc nam nhi Man-se-xtơ", đã đọc một bài diễn văn hết sức đáng chú ý. Ông ta nói:

"Chính phủ là chính phủ liên hiệp gồm đảng Vích và phái Pin... Chúng ta không có lý do nghiêm chỉnh nào để vui mừng như thể là trong chính phủ của chúng ta có những con người đi theo những nguyên tắc mới và thực hiện một chính sách mới, những con người bắt tay vào sự nghiệp lớn mà không cần đến sự thôi thúc của tất cả những người ủng hộ cải cách ở các nơi trong nước. (Có tiếng hét: "Đúng!")"

Về cải cách nghị viện, Brai-tơ nói như sau:

"Nếu như Lu-i - Na-pô-lê-ông thi hành ở Pháp chế độ đại nghị như ở nước ta, nếu như ông ta đem tất cả các ghế đại biểu trao cho các khu vực nông thôn, nơi mà vương triều Bô-na-pác-tơ rất được lòng dân và không cho Pa-ri, Ly-ông, Mác-xây bầu đại biểu thì tất cả báo chí Anh sẽ lên án chế độ đại nghị giả dối mà ông ta thi hành ở Pháp. (Có tiếng hét: "Đúng! đúng!")... Ở đây, ở Lan-kê-sia, tập trung một phần tám dân số nước Anh, một phần mười tài sản phải nộp thuế của Anh, một phần mười tổng số nhà ở... Chúng ta bắt đầu hiểu được chúng ta ở vào địa vị như thế nào. (Vỗ tay rầm rộ)... Còn có một trở ngại nhỏ - đấy là trở ngại mà việc bỏ phiếu kín vấp phải. (Có tiếng hét: "Hãy nghe, hãy nghe nào!") Tôi đã đọc bài diễn văn mà huân tước Giôn Rớt-xen phát biểu khi tranh cử, có lẽ cử tri Luân Đôn đang ở vào lúc tỉnh thần phấn khởi nhất vì rằng nếu không thì họ không thể bỏ qua mà không phản đối lời tuyên bố của ông ta rằng ông ta là "người phản đối bỏ phiếu kín bất kể ở đâu". Xem xong bài diễn văn ấy, tôi tự nhủ rằng: "Được, nếu

tôi là một trong những người ủng hộ anh thì tôi sẽ khuyên anh mang theo một phóng viên của ban biên tập tờ "Times" tới dự phiên họp sắp tới của nội các". (Có tiếng hết: "Đúng!", có tiếng cười).

Bây giờ chúng ta chuyển sang luận cứ của ngài Giêm-xơ Grê-hêm là người đã tuyên bố rằng "ông ta không cho là có thể làm cho việc bỏ phiếu kín trở thành điều bắt buộc". Nhưng tại sao lại không thể làm cho nó thành điều bắt buộc được? Người ta đã có thể làm cho việc bỏ phiếu công khai thành điều bắt buộc thì người ta cũng có thể làm cho việc bỏ phiếu kín thành điều bắt buộc. Dù sao nó cũng là điều bắt buộc ở Ma-xa-tru-xét và có lệ ở cả những bang khác thuộc Bắc Mỹ; và ngài Giêm-xơ Grê-hêm biết rất rõ rằng điều mà ông ta nói trước hai hoặc ba nghìn dân Các-lây-lơ vào hôm trời mưa là thiếu sức thuyết phục biết chừng nào, khi mà thính giả, theo tôi đoán, dưới những chiếc ô cho mưa của mình không thể cân nhắc được thật kỹ càng những luận cứ mà ông ta đưa ra."

Ông Brai-tơ kết luận: "Chúng ta chớ nên quên rằng tất cả những cái mà đất nước này đạt được từ cuộc cách mạng 1688 và đặc biệt là những năm gần đây, đều phải *trải qua cuộc đấu tranh can trường của giai cấp công nghiệp và giai cấp thương nghiệp chống lại giai cấp quý tộc và các giai cấp có đặc quyền đặc lợi của nước này*. Chúng ta phải tiếp tục tiến hành chính cuộc xung đột ấy; còn phải hoàn thành những sự nghiệp vĩ đại. (Vỗ tay, có tiếng hết: "Đúng! đúng!" )"

Nghị quyết được nhất trí thông qua viết:

"Hội nghị này kêu gọi các nghị sĩ phái tự do có liên quan với Lan-kê-sia hãy tự coi mình như một ủy ban có mục đích thúc đẩy bất cứ biện pháp nào có lợi cho việc cải cách nghị viện để bảo đảm cho tỉnh này sự mở rộng quyền đại biểu tương xứng với dân số, công nghiệp, của cải và văn hóa của nó".

Tại hội nghị này, trưởng phái Man-se-xtơ nhắc lại khẩu hiệu chiến đấu của họ: "Giai cấp tư sản công nghiệp chống lại giai cấp quý tộc". Nhưng mặt khác họ cũng tiết lộ cái bí mật trong chính sách của họ, cụ thể là ý muốn gạt nhân dân ra khỏi cơ quan đại diện quốc dân và tuân thủ một cách nghiêm ngặt những lợi ích giai cấp đặc thù của mình. Tất cả những lời nói về bỏ phiếu kín, giáo dục quốc dân, thuế trị thức v.v. chẳng qua chỉ là những lời hoa mỹ khoa trương rỗng tuếch; mục đích duy nhất được đưa ra một cách nghiêm chỉnh là *sự bình đẳng hóa các khu vực bầu cử;* ít ra đấy là điểm duy nhất để căn cứ vào đó người ta thông qua nghị quyết và các đại biểu đảm nhận một nhiệm vụ tương ứng. Tại sao vậy? Trong điều kiện bình đẳng giữa các khu vực bầu cử,



lợi ích của thành thị sẽ thắng lợi ích của nông thôn: giai cấp tư sản sẽ khống chế được hạ viện. Nếu như phái Man-se-xtơ có khả năng đạt được sự bình đẳng giữa các khu vực bầu cử mà đồng thời không cần phải có những nhượng bộ quan trọng đối với phái Hiến chương thì phái Hiến chương sẽ chỉ có một đội quân thù địch cố kết chống lại mình, thống nhất toàn bộ lực lượng để chống lại các yêu cầu của nhân dân, chứ không phải là có hai kẻ thù đang giành giật nhau, cạnh tranh nhau, ra sức lôi kéo họ về phía mình. Bấy giờ, trong một thời kỳ nhất định, sẽ xác lập quyền thống trị vô hạn của tư bản không những trong công nghiệp mà cả trong chính trị nữa.

Có thể coi những lời ca tụng quá đáng ở Ken-xơ và Man-se-xtơ đối với chính phủ trước là một điềm không lành cho nội các liên hiệp. Ông *Lu-cát-xơ*, nghệ sĩ, tuyên bố ở Ken-xơ:

"Không có ai kiên quyết phản đối quyền lợi của tà điển hơn là hầu tước Lan-xđao-nơ, huân tước Pan-mơ-xtơn, Xít-ni Hốc-bớc v.v.. Chẳng phải là nội các của đảng Vích và những người ủng hộ Grê-hêm đã thường xuyên hằn học về vấn đề tà điển hay sao? Mặt khác, chúng ta hãy xem các đại biểu chính thức của đảng To-ri; hãy để cho tất cả những ai đã đọc các đề án do các đảng phái đưa ra, nói theo lương tâm mình xem trong vấn đề này, nội các Đớc-bi chẳng đã xử sự thành thực hơn đảng Vích ngàn lần hay sao".

*Min-nơ Ghíp-xơn* tuyên bố tại hội nghị ở Man-se-xtơ:

"Cho dù ngân sách của nội các trước nhìn chung là tồi tệ thì vẫn có một số dấu hiệu tốt về chính sách tương lai. (Có tiếng kêu: "Đúng! đúng!") Bộ trưởng tài chính trước ít ra cũng phá vỡ được sự bế tắc. Tôi muốn nói tới thuế chè. Tôi được nghe qua những nguồn tin đáng tin cậy rằng chính phủ trước đã dự định bỏ thuế quảng cáo".

Trong lời ca tụng của mình, ông *Brai-tơ* còn đi xa hơn:

"Trong vấn đề thuế thu nhập, chính phủ trước đã hành động mạnh dạn. Để ấn qui định sự khác nhau trong thuế suất của bất động sản và của thu nhập từ thương nghiệp cũng như từ các nguồn thu nhập không cố định khác, đo quý tộc nông thôn Anh ra người chiếm hữu đại bộ phận bất động sản và đất đai đưa ra và ủng hộ, là một bước đi mà chúng ta không thể bỏ qua và khu vực chúng ta phải hoan nghênh. Nhưng ông Di-xra-e-li còn đề cập đến một điểm nữa và cần phải nói rằng tôi phải cảm ơn ông ta về điều đó. Trong lời nói đầu cho ngân sách của mình và trong bài diễn văn suốt ba giờ liền khẩu chiến với tất cả những lực lượng cố kết chống lại ông ta vào cái đêm mà ông ta bị thất

bại hoàn toàn, ông ta đã đề cập đến thuế thừa hưởng gia tài mà chúng tôi hiểu ra thuế động sản kế thừa và lệ phí thu chi xác nhận di chúc và thừa nhận rằng những thứ thuế ấy cần phải được điều chỉnh. (Vỗ tay rầm rộ.)"

*Do C.Mác viết ngày 8 tháng Hai 1853*
*Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 3699, ngày 23 tháng Hai 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C.MÁC

## KHỞI NGHĨA Ở I-TA-LI-A. - CHÍNH SÁCH CỦA NƯỚC ANH

Luân Đôn, thứ sáu, 11 tháng Hai 1853

Bầu không khí chính trị lạnh nhạt bao trùm lâu dài ở đây dưới làn sương mù tự nhiên dày đặc đột nhiên bị những tin tức cách mạng từ I-ta-li-a truyền đến phá tan. Qua điện báo, người ta được tin rằng ngày 6 tháng này ở Mi-la-nô đã nổ ra khởi nghĩa, rằng người ta đã phân phát hai bản truyền đơn, một nhân danh Mát-di-ni, một nhân danh Cô-sút, kêu gọi những người Hung-ga-ri ở trong hàng ngũ quân đội Áo đứng về phía những người cách mạng, rằng cuộc khởi nghĩa thoạt đầu đã bị đàn áp nhưng sau đó lại nổ ra, rằng quân Áo canh giữ kho vũ khí đã bị tiêu diệt v.v. rằng cổng thành Mi-la-nô đã đóng. Quả thực, báo chí của Chính phủ Pháp đã đăng hai tin bổ sung gửi từ Béc-nơ ngày 8 và từ Tu-rin ngày 9 tháng này nói rằng cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp hoàn toàn ngày 7. Nhưng bạn bè của I-ta-li-a lại nhìn thấy điềm lành trong việc Bộ ngoại giao Anh suốt trong hai ngày liền không nhận được tin tức trực tiếp nào cả.

Ở Pa-ri đang lan tràn tin đồn nói rằng sự kích động lớn đang bao trùm Pi-da, Lúc-ca và những thành phố khác.

Ở Tu-rin thống trị của lãnh sự Áo đã kéo theo một cuộc hội nghị khẩn cấp của nội các để thảo luận về tình hình ở Lôm-bác-đi. Những tin tức đầu tiên đến Luân Đôn vào ngày 9 tháng Hai; điều

thú vị là ngày đó lại trùng với ngày kỷ niệm tuyên bố thành lập nước Cộng hòa La Mã năm 1849 [348], ngày xử tử Sác-lơ I năm 1649 và ngày lật đổ Gia-cốp II năm 1689.

Còn về triển vọng của cuộc khởi nghĩa hiện nay ở Mi-la-nô thì hy vọng thắng lợi hết sức mỏng manh nếu như không có mấy trung đoàn quân Áo chạy sang phía cách mạng. Những thứ riêng mà tôi dự tính nhận được từ Tu-rin trong thời gian sắp tới có lẽ sẽ giúp tôi khả năng báo cáo tỉ mỉ tất cả những việc đã xảy ra.

Về tính chất của việc ân xá mà Lu-i - Na-pô-lê-ông ban ra gần đây thì báo chí đã đăng nhiều ý kiến của những người Pháp lưu vong. Vích-to Phrông-đơ (cựu sĩ quan) tuyên bố trên tờ báo "Nation"[349] ở Bruy-xen rằng ông ta lấy làm ngạc nhiên khi đọc thấy tên mình trong danh sách những người được ân xá; thực ra, ông ta đã tự ân xá 5 tháng trước đây khi trốn thoát khỏi An-giê-ri.

Ban đầu tờ "Moniteur" đưa tin 3000 người bị đày được ân xá và chỉ có khoảng 1200 công nhân không được pháp luật bảo hộ. Nhưng sau mấy ngày, cũng tờ báo có quyền uy ấy đưa tin 4312 người được ân xá; nghĩa là Lu-i - Na-pô-lê-ông đã thực tế ân xá một số người đông hơn số bị ông ta kết án là 100 người! Riêng Pa-ri và tỉnh Xen đã có 4000 người bị đi đày; trong số này chỉ có 226 người được ân xá. Ở tỉnh Ê-rô có 2611 người bị đi đày; trong số này 229 người được ân xá. Ở Ni-e-vrơ có 1478 nạn nhân, trong đó 1100 người là chủ gia đình trung bình có ba con; số người được ân xá trong số này là 180. Ở tỉnh Vác, trong số 2181 người bị đày có 687 người được tha. Trong số 1200 người cộng hòa bị đi đày ở Cây-en-na chỉ có một số ít được ân xá mà chủ yếu lại chính là những người đã trốn khỏi cái trại khổ sai này. Số người bị đày đi An-giê-ri và hiện nay được thả về rất lớn nhưng không tài nào so sánh được với con số khổng lồ những người bị giải đi châu Phi; con số này ước tính lên tới 12000. Những người lưu vong hiện sống ở Anh, Bỉ, Thụy Sĩ và Tây Ban Nha hầu như hoàn toàn không được hưởng ân xá, trừ một số rất ít ngoại lệ.



Mặt khác, danh sách những người được ân xá bao gồm một số lớn những người hoặc chưa hề rời nước Pháp hoặc đã được phép trở về nước từ lâu; hơn nữa, thậm chí có những tên được ghi trong danh sách nhiều lần. Nhưng điều quái gở nhất là danh sách còn ghi tên rất nhiều người mà ai cũng biết rõ là đã bị giết hại trong các battues [1*] đẫm máu tháng Chạp.

Hôm qua kỳ họp mới của nghị viện đã khai mạc. Ở thượng viện đã diễn màn kịch dưới đây coi như sự mào đầu cần thiết cho hoạt động tương lai của nội các "ngàn năm" Bá tước Đớc-bi chất vấn bá tước A-bớc-đin xem chính phủ định đưa ra nghị viện xét duyệt những biện pháp gì thì bá tước A-bớc-đin trả lời rằng ông ta đã có dịp trình bày từ lâu những nguyên tắc của mình và không cần phải nhắc lại những nguyên tắc ấy; giải thích thêm ở đây trước khi công bố ở hạ viện là quá sớm. Tiếp đó là một cuộc đối thoại hết sức lý thú trong đó bá tước Đớc-bi cứ nói, còn bá tước A-bớc-đin thì chỉ gật đầu đầy ý vị.

*Bá tước Đớc-bi:* "Tôi muốn hỏi huân tước cao quý, ngài định đưa ra thượng viện những biện pháp gì trong kỳ họp này?"

Yên lặng trong mấy giây; huân tước cao quý vẫn ngồi yên.

*Bá tước Đớc-bi:* "Có lẽ im lặng có nghĩa là không có biện pháp gì?" (Có tiếng cười.)

*Bá tước A-bớc-đin* lầu bầu câu gì không rõ.

*Bá tước Đớc-bi* "Liệu tôi có được phép hỏi rằng sẽ có những biện pháp gì được đưa ra nghị viện này, hay không?"

Không có tiếng trả lời.

Khi chủ tịch thượng viện nêu vấn đề hoãn họp, thượng viện liền thông qua quyết định hoãn họp.

Nếu như chúng ta chuyển từ thượng viện sang "hạ viện trung thành với nữ hoàng" thì có lẽ chúng ta sẽ phải đồng ý rằng bằng sự im lặng của mình, bá tước A-bớc-đin đã trình bày cương lĩnh của nội các rõ ràng hơn nhiều so với huân tước Giôn Rớt-xen trong bài diễn văn dài dòng và khó hiểu tối hôm qua của ông ta. Tóm tắt bài diễn văn ấy như sau: "Cái quan trọng không phải là

1* - cuộc vây ráp, tàn sát

biện pháp mà là con người"; hoãn lại một năm việc giải quyết tất cả những vấn đề phải đưa ra nghị viện xét duyệt và trong thời gian đó cấp phát đúng thời hạn lương bổng của các bộ trưởng của nữ hoàng. Ý đồ đó của chính phủ được huân tước Giôn Rớt-xen diễn đạt đại để bằng những lời như sau:

"Về quân số cần chuẩn y cho lục quân, hải quân và pháo binh thì sẽ không cao hơn con số đã chuẩn y trước kỳ nghỉ lễ giáng sinh. Về quy mô của các khoản chi trong ngân sách thì sẽ tăng lên nhiều so với ngân sách năm ngoái... Sẽ đưa ra một dự luật, theo đó các cơ quan lập pháp Ca-na-da được quyền sử dụng quỹ dự trữ của giáo hội ở Ca-na-da... Bộ trưởng thương nghiệp sẽ nêu vấn đề đưa ra dự luật về ngành hoa tiêu... Sự hạn chế các quyền của các thần dân theo đạo Do Thái của nữ hoàng sẽ bị bãi bỏ... Sẽ đưa ra những đề án về giáo dục. Tôi chưa thể nói rõ dự án mà tôi nhân danh chính phủ của nữ hoàng đưa ra trong lĩnh vực này sẽ rộng lớn tới chừng nào. Nó sẽ bao gồm những biện pháp về giáo dục các giai cấp nghèo khổ và những đề nghị về các trường đại học tổng hợp Ốc-xphớt và Cam-brít-giơ... Việc đày đi Ô-xtơ-rây-li-a sẽ đình chỉ... Sẽ đưa ra dự luật về chế độ xử phạt nhẹ hơn đối với những hành vi phạm tội... Ngay sau kỳ nghỉ lễ phục sinh hoặc vào địp đầu tiên sau lễ đó, bộ trưởng tài chính sẽ đưa ra dự án ngân sách năm nay... Trong những ngày tới, đại pháp quan sẽ trình bày những biện pháp mà ông định đưa ra để cải tiến pháp luật... Quốc vụ khanh phụ trách vấn đề Ai-rơ-len dự định mấy ngày nữa sẽ đưa ra đề án về việc thành lập một ủy ban chuyên môn có nhiệm vụ nghiên cứu dự luật về đại địa chủ và tá điền ở Ai-rơ-len... Các bộ trưởng sẽ dốc sức mình để phục hồi thuế thu thập cho năm nay mà không cần thảo luận và bàn cãi gì thêm".

Về cải cách nghị viện, huân tước Giôn Rớt-xen tuyên bố rằng có lẽ nó sẽ là đề tài thảo luận ở kỳ họp sau. Điều đó có nghĩa là hiện nay chẳng có dự luật cải cách gì cả. Hơn nữa, Giôn-ni còn ra sức phủ nhận giả thiết cho rằng ông ta đã từng hứa đưa ra một dự án cải cách chế độ đại nghị có tính chất tự do hơn dự luật mà ông ta đã đưa ra trong kỳ họp trước[350]. Thậm chí ông ta còn phẫn uất về việc người ta gán cho ông ta những lời hứa hẹn kiểu như thế. Ông ta chưa bao giờ nói và nghĩ một cái gì như vậy. Thậm chí ông ta không thể hứa rằng dự luật mà ông ta định đưa ra trong kỳ họp tới sẽ toàn diện như dự luật năm 1852 . Về sự hối lộ và tham nhũng, ông ta nói:

"Tôi cho rằng tốt hơn là hãy chờ đợi để phát biểu ý kiến của mình xem có cần đến những biện pháp tiếp theo để ngăn chặn sự hối lộ và tham nhũng hay không. Qua đó tôi chỉ muốn nói rằng đấy là một trong những vấn đề quan trọng nhất".



Không thể mô tả được hạ viện đã đón tiếp bài diễn văn ấy của Giôn Tột đình[351] với sự phẫn ứng lạnh nhạt và sự ngạc nhiên như thế nào. Khó mà nói được cái gì đã thắng thế: sự kinh ngạc của bạn bè ông ta hay sự vui sướng của kẻ thù ông ta. Nhưng xem ra thì tất cả mọi người đều coi bài diễn văn ấy là sự bác bỏ hoàn toàn học thuyết của Lu-cre-xơ cho rằng "nil de nihilo fit"[1*]. Ít ra huân tước Giôn đã tạo ra được một cái gì đó từ cái tịnh không, đó là bài diễn văn khô khan, dài dòng và hết sức vô vị.

Người ta vốn cho rằng nội các gắn liền sự tồn tại của mình với hai vấn đề: mức thuế thu nhập mới và dự luật cải cách mới. Thế là về thuế thu nhập thì người ta đề nghị duy trì thêm một năm nữa theo hình thức hiện nay. Còn về dự luật cải cách, thậm chí trong khuôn khổ mà đảng Vích vạch ra, thì người ta tuyên bố rằng các bộ trưởng chỉ có ý định làm cho nó được thông qua với điều kiện họ tiếp tục ở lại cương vị của mình thêm một năm nữa. Nói chung, người ta đã tái tạo lại cương lĩnh của nội các Rớt-xen trước đây, trừ dự luật cải cách. Ngay việc thảo luận dự án ngân sách cũng hoãn đến sau kỳ nghỉ lễ phục sinh, thành thử, trong bất kể tình hình nào, các vị bộ trưởng vẫn có thể lĩnh lương một quý.

Những đề án về cải cách bộ phận hầu như hoàn toàn vay mượn trong cương lĩnh của ông Đi-xra-e-li. Chẳng hạn như việc cải tiến pháp luật, bãi bỏ việc đày đi Ô-xtơ-rây-li-a, dự luật về ngành hoa tiêu, việc thành lập ủy ban về vấn đề quyền lợi của tá điền v.v.. Những điều khoản duy nhất của riêng nội các hiện nay là cuộc cải cách giáo dục đang được dự kiến, một cuộc cải cách như chính huân tước Giôn quả quyết với chúng ta, sẽ không lớn hơn bản thân ông ta, và việc thủ tiêu sự hạn chế về pháp luật đối với nam tước Lai-ô-nên Rốt-sin. Việc mở rộng quyền bầu cử cho tên cho vay nặng lãi người Do Thái mà mọi người đều biết là một trong những kẻ đồng mưu của cuộc đảo chính do Bô-na-pác-tơ tiến hành

1* - "từ cái không tịnh không sinh ra cái gì cả" (Lu-cre-xơ. "Về bản chất của sự vật").

có làm cho nhân dân Anh hài lòng nhiều hay không là điều đáng nghi ngờ.

Hành động trắng trợn này của nội các gồm đại biểu của hai chính đảng đã hoàn toàn thất bại trong cuộc tổng tuyển cử vừa qua, thật khó giải thích bằng cái gì khác hơn là bằng tình hình sau đây: bất cứ dự luật cải cách mới nào đều đòi hỏi giải tán hạ viện hiện nay mà đa số trong nghị viện này lại cố bám lấy cái ghế nghị viện mà họ mua được với giá rất đắt và chỉ đạt được với một đa số phiếu bầu không đáng kể.

Không có gì mê ly hơn cái phương thức mà tờ "Times" định dùng để an ủi bạn đọc của mình:

"Kỳ họp sau - thời hạn này ít vô định hơn nhiều so với *ngày mai* vì rằng ngày mai không những tùy thuộc vào ý chí mà còn tuỳ thuộc vào cuộc sống của con người mắc tội dây dưa. Mà kỳ họp sau nhất định sẽ tới, miễn là thế giới không bị huỷ diệt. Do đó, chúng ta hãy hoãn toàn bộ cuộc cải cách nghị viện đến kỳ họp sau và để cho nội các yên một năm."

Về phần mình, tôi cho rằng trong tình hình dư luận xã hội thờ ơ lạnh nhạt hiện nay và "dưới cái bóng lạnh lẽo của nội các liên hiệp quý tộc", các bộ trưởng không *ban ra* dự luật cải cách là điều hết sức may mắn cho nhân dân. Chớ nên quên rằng huân tước A-bớc-đin đã là thành viên của cái nội các dăng To-ri mà năm 1830 đã cự tuyệt bất cứ biện pháp nào có lợi cho cải cách. Những cuộc cải cách toàn quốc phải được giành lấy bằng phong trào cổ động toàn quốc chứ không dựa vào ân huệ của huân tước A-bớc-đin. Sau hết, tôi còn muốn nêu lên rằng trong hội nghị đặc biệt của ủy ban lãnh đạo *Hội liên hiệp toàn quốc bảo hộ công nghiệp và tư bản Anh*[325] họp thứ hai trước dưới quyền chủ tọa của công tước Rít-sơ-mơn tại ngôi nhà của Công ty Nam Hải, hội liên hiệp này đã ra quyết định sáng suốt là tự giải tán.

*Do C. Mác viết ngày 11 tháng Hai 1853*
*Đã đăng trên báo "New-York Daily Tribune" số 3701, ngày 25 tháng Hai 1853.*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo.*
*Nguyên văn là tiếng Anh*



# C. MÁC

## VỤ MƯU SÁT PHRAN-TXƠ- I-Ô-XÍP. - KHỞI NGHĨA Ở MI-LA-NÔ. - CHÍNH SÁCH CỦA NƯỚC ANH. - DIỄN VĂN CỦA ĐI-XRA-E-LI. - DI CHÚC CỦA NA-PÔ-LÊ-ÔNG

Luân Đôn, thứ ba, 22 tháng Hai 1853

Điện tín cho biết những tin tức sau đây từ Stun-vai-sen-buốc[1*]:

"Một giờ chiều ngày 18 tháng này, hoàng đế Áo Phran-txơ - I-ô-xíp đang dạo chơi dọc theo tường thành Viên thì bị một thợ may học việc người Hung-ga-ri tên là La-xlô Li-bê-nai, cựu phiêu kỵ binh ở Viên, lao vào đâm bằng dao găm. Bá tước Ớ Đôn-ne, thị vệ, đã đỡ được đòn này. Phran-txơ - I-ô-xíp bị thương ở phía dưới gáy. Người Hung-ga-ri 21 tuổi ấy đã bị thị vệ dùng gươm chém ngã và bị bắt ngay tức khắc".

Theo các tin đồn khác thì vũ khí tấn công là súng.

Ở Hung-ga-ri vừa mới khám phá ra một âm mưu rất lớn nhằm lật đổ nền thống trị của Áo.

Tờ "Wiener Zeitung" đã công bố mấy bản án của tòa án quân sự về vụ 39 người bị kết tội chủ yếu là đã cùng với Cô-sút và Ru-sắc ở Hâm-buốc tham gia vụ âm mưu ấy.

Ngay sau khi dẹp được cuộc khởi nghĩa cách mạng ở Mi-la-nô, Ra-đét-xki đã ra lệnh cắt đứt mọi bang giao với Pi-ê-mông và Thụy

1* - Tên gọi bằng tiếng Hung-ga-ri là Xê-ke-sphơ-khuê-va

Sĩ. Có lẽ trước khi nhận được thư này, các bạn đã biết được chút ít tin tức lan từ I-ta-li-a sang Anh. Tôi muốn lưu ý các bạn về một đặc điểm của những sự kiện ở Mi-la-nô.

Phụ tá của nguyên soái Ra-dét-xki là bá tước Xtơ-ra-xôn-đô trong mệnh lệnh đầu tiên của mình ra ngày 6 tháng này đã thừa nhận thẳng thắn rằng đa số dân cư hoàn toàn không tham gia cuộc khởi nghĩa vừa rồi, tuy nhiên điều đó không cản trở ông ta thi hành việc giới nghiêm cẩn mật ở Mi-la-nô. Trong thông báo chính thức tiếp theo đó, thảo ra ở Vê-rô-na ngày 9 tháng Hai, Ra-dét-xki đã tước bỏ mọi hiệu lực lời tuyên bố của cấp dưới ông ta, ra sức lợi dụng cuộc khởi nghĩa để kiếm chác ít tiền bằng những lý do giả tạo. Đối với tất cả mọi người, trừ những nhân vật rõ ràng là thuộc đảng Áo, ông ta đều phạt tiền vô tội vạ để sử dụng cho đơn vị đồn trú. Trong thông cáo của mình ngày 11 tháng này, ông ta tuyên bố rằng "đa số dân cư, trừ một số ít đáng khen, đều không muốn phục tùng chính phủ hoàng đế" và ra lệnh cho tất cả các cơ quan tư pháp, nghĩa là các toà án quân sự, tịch thu tài sản của tất cả các tòng phạm, mà tội tòng phạm được định nghĩa như sau:

"Che tale complicità consist à semplicimente nella omissione della denuncia a cui ognuno è tenuto"[1*].

Căn cứ vào đó thì ông ta có thể tịch thu ngay lập tức tài sản của toàn bộ Mi-la-nô với lý do là cuộc khởi nghĩa nổ ra ngày 6 mà ngày 5 dân cư không tố cáo. Ai không muốn trở thành mật thám và chỉ điểm của vương triều Háp-xbuốc thì người đó phải trở thành con mồi pháp luật của quân Crô-át[350]. Tóm lại, Ra-dét-xki đã tuyên bố một chế độ mới về cướp đoạt hàng loạt.

Cuộc khởi nghĩa Mi-la-nô đáng chú ý ở chỗ nó là dấu hiệu của cuộc khủng hoảng cách mạng đang đến gần trên toàn bộ lục địa châu Âu. Nó đáng được ca ngợi như là hành động anh dũng của một nhóm những người vô sản chỉ được trang bị bằng dao đã cả gan tấn công vào dinh lũy của đơn vị đồn trú và một đạo quân gồm 4 vạn lính tinh nhuệ nhất châu Âu đóng ở xung quanh, vào lúc mà các con em người I-ta-li-a của Ma-mông đang say sưa múa hát và tiệc tùng giữa máu và nước mắt của dân tộc mình đang bị lăng nhục và chà đạp. Nhưng với tính cách là kết cục của những âm mưu bất hủ, của những lời hiệu triệu khoa trương, của những lời hoa mỹ kiêu căng của Mát-di-ni chống lại nhân dân Pháp thì cuộc khởi nghĩa ấy, xét về kết quả của nó, thật là thảm hại. Song chúng ta sẽ hy vọng rằng những cuộc révolutions improvisées[1*] như người Pháp gọi ấy sẽ chấm dứt từ đây. Liệu có ai đã từng bao giờ nghe nói rằng những nhà ngẫu hứng vĩ đại cũng là những nhà thơ vĩ đại không? Trong chính trị, sự việc cũng giống như trong thơ ca. Cách mạng không bao giờ được thực hiện theo mệnh lệnh. Sau kinh nghiệm đáng sợ của những năm 1848 và 1849, để dấy lên một cuộc cách mạng dân tộc, cần phải có cái gì đó lớn hơn là những mệnh lệnh trên giấy tờ của các lãnh tụ ở xa. Cô-sút đã lợi dụng cơ hội để công khai phủ nhận cuộc khởi nghĩa nói chung và bản tuyên ngôn mà người ta thay mặt ông ta đưa ra nói riêng. Song điều có vẻ hết sức đáng ngờ là sau đó Cô-sút lại yêu cầu người ta thừa nhận mình là nhà chính trị xuất sắc hơn bạn ông ta là Mát-di-ni. Về vấn đề này, tờ "Leader" viết:

"Chúng tôi cho rằng cần phải báo trước với bạn đọc rằng việc ấy chỉ dính dáng đến quan hệ giữa các ông Cô-sút và Mát-di-ni, và ông Mát-di-ni hiện không ở Anh".

Trong thư gửi tờ "Daily News", *Đen-la Rốc-cô*, bạn của Mát-di-ni, đã nói về những điều phủ nhận của ông Cô-sút và ông A-gô-xti-ni như sau:

"Một số người nghi ngờ các ông ấy ở chỗ các ông ấy ngồi chờ những tin tức cuối cùng về thành công hoặc thất bại của khởi nghĩa, sẵn sàng chia sẻ niềm vinh dự thắng lợi cũng như rũ trách nhiệm thất bại".

1* - "Riêng việc lẩn tránh tố cáo, điều mà mỗi người có nghĩa vụ phải làm, đã là tội tòng phạm rồi".

1* - cách mạng ngẫu hứng

Trong thư gửi tổng biên tập tờ "Morning Chronicle", *B. Xê-me rơ*, nguyên Bộ trưởng Hung-ga-ri, đã phản kháng "Cô-sút lạm dụng một cách phi pháp danh nghĩa nước Hung-ga-ri". Ông ta nói:

"Ai muốn đánh giá Cô-sút coi như nhà hoạt động nhà nước thì hãy nghiên cứu kỹ lịch sử cuộc cách mạng Hung-ga-ri vừa rồi; còn ai muốn tìm hiểu tài năng của ông ta coi như nhà âm mưu thì hãy nhìn lại cuộc viễn chinh bất hạnh ở Hăm-buốc năm ngoái".

Cách mạng đã thắng ngay cả khi nó bị thất bại, điều đó có thể thấy rõ hơn hết qua sự hoảng hốt mà échauffourée[1*] ở Mi-la-nô gây ra trong giới cầm quyền ở lục địa, làm chấn động tâm can họ. Chỉ cần đọc bức thư sau đăng trên công báo "Frankfurter Oberpostamts-Zeitung" cũng đủ rõ:

"*Béc-lin*, 15 tháng Hai. Sự kiện Mi-la-nô đã gây ra ở đây một ấn tượng sâu sắc. Tin tức về sự kiện ấy đến tai quốc vương qua điện báo ngày 9 tháng này, đúng vào lúc mà cuộc khiêu vũ ở cung đình đang ở vào lúc nào nhiệt nhất. Quốc vương lập tức tuyên bố rằng phong trào này có quan hệ với một âm mưu có cội rễ sâu xa mà các chi nhánh của nó có mặt ở khắp nơi, và đứng trước phong trào cách mạng đó, giữa Phổ và Áo cần có sự liên minh chặt chẽ... Một trong những quan chức cao cấp thốt lên: "Có lẽ chúng ta buộc phải bảo vệ vương miện Phổ trên bờ sông Pô".

Ban đầu, sự hoảng hốt lớn đến mức ở Béc-lin có khoảng hai chục người dân bị bắt và lý do duy nhất của việc bắt bớ này là "ấn tượng sâu sắc" của sự kiện Mi-la-nô. Tờ "Neue Preussische Zeitung", tờ báo bảo hoàng cực đoan, đã bị tịch thu vì đã đăng một văn kiện mà người ta cho là của Cô-sút. Ngày 13, bộ trưởng Phôn Ve-xtơ-pha-len đưa ra thượng viện một dự luật soạn thảo vội vàng trao quyền cho chính phủ tịch thu mọi sách báo không phải xuất bản ở Phổ. Ở Viên, những vụ bắt bớ và khám nhà diễn ra như cơm bữa. Nga, Phổ và Áo lập tức bắt đầu đàm phán để gửi cho Chính phủ Anh bản kháng nghị chung về vấn đề người lưu vong chính trị. Yếu ớt biết bao, bất lực biết bao, cái gọi là "các cường quốc" châu Âu ! Chúng cảm thấy tất cả các ngai vàng châu Âu đều lung lay đến tận gốc khi mới có những dấu hiệu đầu tiên về cuộc chấn động cách mạng. Có quân đội, giá treo cổ và nhà

1* - hành động thiếu suy nghĩ, hành động táo bạo nhưng không thành công



tù bao quanh, chúng vẫn run sợ trước cái mà chính chúng gọi là "những mưu toan phá hoại của mấy tên côn đồ bị mua chuộc".

"Sự yên tĩnh đã được khôi phục". Đúng là như vậy. Song đó là sự yên tĩnh chẳng lành, đáng sợ, xuất hiện giữa cơn giật đầu tiên của bão táp và trận cuồng phong tiếp sau của nó.

Chúng ta hãy chuyển từ lục địa sóng gió sang nước Anh yên tĩnh. Hình như tinh thần của tiểu Giôn Tột đình đang bao trùm trên mọi lĩnh vực của thế giới quan phương và hình như toàn dân tộc đã mắc bệnh tê liệt như những người đang cai trị họ. Thậm chí tờ "Times" phải thốt lên một cách tuyệt vọng:

"Có lẽ đây là sự yên tĩnh trước cơn bão táp, có lẽ đây là làn khói mà không có nó thì không có lửa... Đặc điểm của lúc này là sự buồn chán".

Hoạt động của nghị viện đã được phục hồi nhưng cho tới nay hành động nhiều kịch tính nhất và duy nhất đáng chú ý của nội các liên hiệp là ba lần cúi chào của huân tước A-bớc-đin. Về ấn tượng mà cương lĩnh của huân tước Giôn gây ra cho kẻ thù của ông ta có thể phán đoán tốt nhất qua những lời bàn tán của bạn bè ông ta.

"Huân tước Giôn Rớt-xen - tờ "Times" viết - đã đọc một bài diễn văn kém hào hứng hơn thậm chí cả lời mào đầu của người bán đấu giá thông thường trước khi bán đấu giá món đồ gỗ cũ, những hàng hóa hư hỏng hoặc những đồ dùng lật vật... Huân tước Giôn Rớt-xen gây ra được hết sức ít nhiệt tình".

Mọi người đều rõ dự luật cải cách mới bị gác lại là vì có những cuộc cải cách thực tế cấp bách hơn đòi hỏi sự quan tâm gấp rút hơn của các nhà lập pháp. Hiện nay đã có ví dụ để chứng minh rằng những cuộc cải cách ấy nên mang tính chất gì khi mà công cụ để thực hiện cải cách tức là bản thân nghị viện còn chưa được cải cách.

Ngày 14 tháng Hai, tại thượng viện, huân tước Cran-uốc-thơ đã trình bày chương trình cải cách của mình trong lĩnh vực pháp luật. Phần lớn bài diễn văn dài dòng, nhạt nhẽo và mập mờ của ông ta là liệt kê nhiều sự việc mà người ta chờ đợi ông ta làm

nhưng ông ta còn chưa chuẩn bị tiến hành. Ông ta biện bạch rằng ông ta ngồi trên cái túi lông cừu[354] cả thẩy mới có 7 tuần. Nhưng, như tờ "Times" nhận xét, "huân tước Cran-uốc-thơ đã sống 63 năm trên thế giới này, trong đó có 37 năm ông ta làm luật sư". Theo tinh thần của đảng Vích chân chính, từ những thành công tương đối lớn của những cải cách nhỏ nhặt trước đây trong lĩnh vực pháp luật, ông ta đã rút ra kết luận và tiếp tục tiến hành cải cách với sự sốt sắng như trước đây sẽ là vi phạm mọi quy tắc của sự khiêm tốn. Theo tinh thần quý tộc chân chính, ông ta không muốn nghiên cứu luật giáo hội vì rằng "điều đó quá trái ngược với những lợi ích có cơ sở pháp lý". Những lợi ích ấy dựa trên cơ sở nào? Dựa vào sự thiệt hại cho xã hội. Chỉ có hai biện pháp sau đây do huân tước Cran-uốc-thơ chuẩn bị là có ít nhiều ý nghĩa. Một là "dự luật về việc tạo điều kiện dễ dàng để chuyển nhượng ruộng đất" mà đặc điểm chính của nó là nó gây khó khăn hơn cho việc chuyển nhượng ruộng đất, tăng thêm chi phí và những trở ngại kỹ thuật liên quan với việc này chứ không giảm bớt những việc phiền phức và không đơn giản bớt thủ tục phức tạp trong việc chuyển nhượng tài sản cho người khác. Hai là đề án thành lập một ủy ban có nhiệm vụ hệ thống hóa luật quy chế[355] và toàn bộ công lao của ủy ban này sẽ chỉ là lập bảng tra cho tất cả 40 bộ sách qui chế khổ lớn. Không nghi ngờ gì, huân tước Cran-uốc-thơ có thể bảo vệ được những biện pháp của mình trước những sự công kích của những phần tử ngoan cố nhất chống lại cải cách trong lĩnh vực pháp luật bằng chính cái lý do mà một cô thiếu nữ đáng thương viện ra để biện bạch với cha rửa tội rằng tuy cô có đẻ một đứa con thật, song đứa bé ấy rất nhỏ.

Cho tới nay, cuộc tranh luận thú vị duy nhất tại hạ viện là cuộc tranh luận do lời chất vấn nội các, ngày 18 tháng này của ông Đi-xra-e-li về quan hệ giữa Anh và Pháp gây ra. Di-xra-e-li bắt đầu từ Pu-a-chi-ê và A-den-cua[356] và kết thúc bằng cuộc vận động tranh cử ở Các-lây-lơ và bài diễn văn tại Clốt-hôn ở Ha-li-phắc. Mục đích của ông ta là kết tội ngài Giêm-xơ Grê-hêm và ngài



Sắc-lơ Vút là những người đã có ý kiến nhận xét Na-pô-lê-ông III một cách vô lễ. Đi-xra-e-li không thể nào chứng minh sự tan rã hoàn toàn của đảng To-ri cũ một cách rõ ràng hơn là đứng ra đóng vai kẻ biện hộ cho các phần tử Bô-na-pác-tơ, kẻ thù truyền kiếp của chính cái bè phái chính trị mà ông ta là lãnh tụ. Ông ta không thể bắt đầu hoạt động đối lập của mình bằng cách nào ít thích hợp hơn là bào chữa cho chế độ hiện tại ở Pháp. Chỉ cần phân tích qua phần ấy trong bài diễn văn của ông ta thì cũng đã thấy được chỗ yếu của nó.

Khi ông ta tìm cách giải thích những nguyên nhân lo lắng của công chúng về tình hình quan hệ Anh - Pháp hiện nay, ông ta đã buộc phải thừa nhận rằng nguồn gốc chủ yếu của nó chính là sự mở rộng quân bị đã bắt đầu từ khi ông ta cầm quyền. Tuy nhiên, ông ta cố chứng minh rằng căn cứ duy nhất của việc tăng cường và hoàn thiện những phương tiện quốc phòng của nước Anh chỉ là những biến đổi lớn lao do việc vận dụng khoa học hiện đại vào nghệ thuật quân sự tạo ra. Ông ta tuyên bố rằng các bậc quyền uy chủ chốt đã thừa nhận từ lâu rằng cần phải có những biện pháp ấy. Năm 1840, trong thời kỳ nội các của ông Chi-e, chính phủ của ngài Rô-bớc Pin đã có một số cố gắng để ít ra là đặt cơ sở cho chế độ mới trong lĩnh vực quốc phòng. Nhưng những cố gắng ấy đã uổng công. Năm 1848, khi cách mạng nổ ra ở lục địa, chính phủ đương thời lại có dịp lái dư luận xã hội theo hướng mong muốn trong chừng mực vấn đề có liên quan tới việc phòng thủ đất nước. Nhưng lần này cũng lại không có kết quả. Vấn đề quốc phòng chỉ chín muồi hẳn vào lúc ông ta và các đồng sự của ông ta được gọi ra lãnh đạo chính phủ. Những biện pháp mà họ tiến hành quy lại như sau:

1) Thành lập đội dân binh.

2) Pháo binh được chấn chỉnh thích đáng.

3) Thi hành những biện pháp để củng cố hoàn chỉnh các kho vũ khí của đất nước và một số cứ điểm quan trọng trên bờ biển.

4) Đưa ra đề án tuyển bổ sung cho hải quân 5000 thủy binh và 1500 lính thủy đánh bộ.

5) Thi hành những biện pháp nhằm khôi phục lực lượng cũ bằng cách thành lập hạm đội biển Măng-sơ gồm 15 - 20 tàu chủ lực, một số lượng thích đáng tàu tuần dương và những tàu nhỏ hơn.

Qua tất cả những điều xác nhận ấy chúng ta thấy rằng Đi-xra-e-li đã chứng minh chính điều trái ngược với cái mà ông ta muốn chứng minh. Chính phủ đã không thể tăng cường được quân bị vào lúc mà vấn đề Xi-ri và Ta-hi-ti đe dọa phá hoại entente cordiale[1*] với Lu-i – Phi-líp[357]; nó cũng đã không thể làm được việc đó khi cách mạng lan khắp lục địa và hình như đã đe dọa những lợi ích căn bản nhất của Anh. Tại sao mãi đến bây giờ mới có thể tiến hành được việc đó và tại sao nó lại do chính phủ của Đi-xra-e-li tiến hành? Chính là vì rằng hiện nay Na-pô-lê-ông III đang đem lại lý do để lo ngại cho nền an ninh của Anh hơn bất cứ lúc nào trước đây, kể từ năm 1815. Ngoài ra, ông Cốp-đen nhận xét rất đúng rằng:

"Sự tăng thêm lực lượng hải quân theo dự án không phải là tăng số động cơ hơi nước mà là tăng nhân lực, nhưng việc chuyển từ thuyền buồm sang tàu chạy bằng hơi nước không cần tăng số thủy thủ mà chính là ngược lại".

Đi-xra-e-li nói:

"Một nguyên nhân khác khiến người ta cho rằng có nguy cơ xảy ra sự đoạn tuyệt với Pháp là sự tồn tại ở Pháp một chính phủ quân sự. Nhưng nếu như quân đội khao khát chinh phục thì sở dĩ như thế là do địa vị của họ ở trong nước hắp hối. Nước Pháp hiện nay do quân đội cai quản không phải vì quân đội hám danh quân sự mà là vì các công dân đang lo ngại".

Hình như ông Đi-xra-e-li hoàn toàn không thấy rằng vấn đề chính là ở chỗ quân đội sẽ cảm thấy địa vị của mình ở trong nước vững vàng được bao lâu nữa và cả một dân tộc, một khi đã đánh giá thích đáng sự lo lắng ích kỷ của một tầng lớp công dân không đông đảo, sẽ chịu khuất phục bao lâu nữa chế độ khủng bố hiện đại của nền độc tài quân sự mà xét cho cùng chẳng qua chỉ là công cụ của những lợi ích giai cấp hẹp hòi.

Đi-xra-e-li nêu lên nguyên nhân thứ ba là

1* - sự nhất trí



"thành kiến nặng nề ở nước ta đối với người cầm quyền nước Pháp hiện nay... Người ta ôm khư khư lấy ý kiến cho rằng khi nắm được chính quyền, ông ta đã xóa bỏ hiến pháp dại nghị mà ở đấy rất được tôn trọng và thủ tiêu quyền tự do báo chí".

Nhưng Đi-xra-e-li không đưa ra được lý do gì để bác bỏ thành kiến đó. Chính ông ta nói rằng "đánh giá chính sách của Pháp thật hết sức khó khăn".

Nhưng thậm chí nếu nhân dân Anh không được biết một cách sâu sắc những bí mật trong chính sách của nước Pháp như ông Đi-xra-e-li thì lý trí lành mạnh giản đơn của họ cũng nói với họ rằng cái tên phiêu lưu vô lễ không bị nghị viện và báo chí kiểm soát ấy chính là kẻ có thể tiến hành một cuộc tập kích ăn cướp vào nước Anh khi mà quốc khố của nó bị kiệt quệ vì những khoản chi tiêu và phung phí điên cuồng.

Kế đó, ông Đi-xra-e-li đưa ra một số ví dụ để chứng minh rằng sự nhất trí giữa Bô-na-pác-tơ và chính phủ trước đã góp phần rất nhiều vào việc giữ gìn hòa bình, đó là sự nhất trí trong vấn đề xung đột có nguy cơ bùng nổ giữa Pháp và Thụy Sĩ, trong vấn đề cho tự do đi lại trên các sông ở Nam Mỹ, trong vấn đề Phổ - Nơ-sa-ten, thời kỳ Mỹ buộc phải tham gia hiệp định tay ta không xâm nhập Cu-ba, trong thời kỳ phối hợp hành động ở Cận Đông do có việc mở rộng chính sách Tan-gi-mát [1*] sang Ai Cập, trong thời kỳ xét lại hiệp ước về việc thừa kế ngôi vua Hy Lạp, trong thời kỳ hợp tác hữu nghị về vấn đề Tuy-ni-di v.v.[358]. Điều đó làm tôi nhớ lại bài diễn văn mà một đại biểu của đảng trật tự Pháp đọc vào cuối tháng Mười một 1851 về sự nhất trí giữa Na-pô-lê-ông và phe đa số trong nghị viện, một sự nhất trí dường như cho phép nghị viện giải quyết hết sức dễ dàng các vấn đề quyền bầu cử, lập hội và báo chí. Hai ngày sau đã xảy ra cuộc đảo chính.

Phần này của bài diễn văn của Đi-xra-e-li yếu ớt và mâu thuẫn bao nhiêu thì phần cuối dành để công kích nội các liên hiệp lại xuất sắc bấy nhiêu. Ông ta kết luận:

1* - thời kỳ cải cách tư sản ôn hoà ở Xi-ri

5) Thi hành những biện pháp nhằm khôi phục lực lượng cũ bằng cách thành lập hạm đội biển Măng-sơ gồm 15 - 20 tàu chủ lực, một số lượng thích đáng tàu tuần dương và những tàu nhỏ hơn.

Qua tất cả những điều xác nhận ấy chúng ta thấy rằng Đi-xra-e-li đã chứng minh chính điều trái ngược với cái mà ông ta muốn chứng minh. Chính phủ đã không thể tăng cường được quân bị vào lúc mà vấn đề Xi-ri và Ta-hi-ti đe dọa phá hoại entente cordiale[1*] với Lu-i – Phi-líp[357]; nó cũng đã không thể làm được việc đó khi cách mạng lan khắp lục địa và hình như đã đe dọa những lợi ích căn bản nhất của Anh. Tại sao mãi đến bây giờ mới có thể tiến hành được việc đó và tại sao nó lại do chính phủ của Đi-xra-e-li tiến hành? Chính là vì rằng hiện nay Na-pô-lê-ông III đang đem lại lý do để lo ngại cho nền an ninh của Anh hơn bất cứ lúc nào trước đây, kể từ năm 1815. Ngoài ra, ông Cốp-đen nhận xét rất đúng rằng:

"Sự tăng thêm lực lượng hải quân theo dự án không phải là tăng số động cơ hơi nước mà là tăng nhân lực, nhưng việc chuyển từ thuyền buồm sang tàu chạy bằng hơi nước không cần tăng số thủy thủ mà chính là ngược lại".

Đi-xra-e-li nói:

"Một nguyên nhân khác khiến người ta cho rằng có nguy cơ xảy ra sự đoạn tuyệt với Pháp là sự tồn tại ở Pháp một chính phủ quân sự. Nhưng nếu như quân đội khao khát chinh phục thì sở dĩ như thế là do địa vị của họ ở trong nước bấp bênh. Nước Pháp hiện nay do quân đội cai quản không phải vì quân đội hám danh quân sự mà là vì các công dân đang lo ngại".

Hình như ông Đi-xra-e-li hoàn toàn không thấy rằng vấn đề chính là ở chỗ quân đội sẽ cảm thấy địa vị của mình ở trong nước vững vàng được bao lâu nữa và cả một dân tộc, một khi đã đánh giá thích đáng sự lo lắng ích kỷ của một tầng lớp công dân không đông đảo, sẽ chịu khuất phục bao lâu nữa chế độ khủng bố hiện đại của nền độc tài quân sự mà xét cho cùng chẳng qua chỉ là công cụ của những lợi ích giai cấp hẹp hòi.

Đi-xra-e-li nêu lên nguyên nhân thứ ba là

1* - sự nhất trí



"thành kiến nặng nề ở nước ta đối với người cầm quyền nước Pháp hiện nay... Người ta ôm khư khư lấy ý kiến cho rằng khi nắm được chính quyền, ông ta đã xóa bỏ hiến pháp đại nghị mà ở đấy rất được tôn trọng và thủ tiêu quyền tự do báo chí".

Nhưng Đi-xra-e-li không đưa ra được lý do gì để bác bỏ thành kiến đó. Chính ông ta nói rằng "đánh giá chính sách của Pháp thật hết sức khó khăn".

Nhưng thậm chí nếu nhân dân Anh không được biết một cách sâu sắc những bí mật trong chính sách của nước Pháp như ông Đi-xra-e-li thì lý trí lành mạnh giản đơn của họ cũng nói với họ rằng cái tên phiêu lưu vô lễ không bị nghị viện và báo chí kiểm soát ấy chính là kẻ có thể tiến hành một cuộc tập kích ăn cướp vào nước Anh khi mà quốc khố của nó bị kiệt quệ vì những khoản chi tiêu và phung phí điên cuồng.

Kế đó, ông Đi-xra-e-li đưa ra một số ví dụ để chứng minh rằng sự nhất trí giữa Bô-na-pác-tơ và chính phủ trước đã góp phần rất nhiều vào việc giữ gìn hòa bình, đó là sự nhất trí trong vấn đề xung đột có nguy cơ bùng nổ giữa Pháp và Thụy Sĩ, trong vấn đề cho tự do đi lại trên các sông ở Nam Mỹ, trong vấn đề Phổ - Nơ-sa-ten, thời kỳ Mỹ buộc phải tham gia hiệp định tay ta không xâm nhập Cu-ba, trong thời kỳ phối hợp hành động ở Cận Đông do có việc mở rộng chính sách Tan-gi-mát [1*] sang Ai Cập, trong thời kỳ xét lại hiệp ước về việc thừa kế ngôi vua Hy Lạp, trong thời kỳ hợp tác hữu nghị về vấn đề Tuy-ni-di v.v.[358]. Điều đó làm tôi nhớ lại bài diễn văn mà một đại biểu của đảng trật tự Pháp đọc vào cuối tháng Mười một 1851 về sự nhất trí giữa Na-pô-lê-ông và phe đa số trong nghị viện, một sự nhất trí dường như cho phép nghị viện giải quyết hết sức dễ dàng các vấn đề quyền bầu cử, lập hội và báo chí. Hai ngày sau đã xảy ra cuộc đảo chính.

Phần này của bài diễn văn của Đi-xra-e-li yếu ớt và mâu thuẫn bao nhiêu thì phần cuối dành để công kích nội các liên hiệp lại xuất sắc bấy nhiêu. Ông ta kết luận:

1* - thời kỳ cải cách tư sản ôn hoà ở Xi-ri

## C. MÁC

# NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN Ở NGHỊ VIỆN. – GIỚI TĂNG LỮ VÀ CUỘC ĐẤU TRANH ĐÒI NGÀY LAO ĐỘNG 10 GIỜ. – NẠN CHẾT ĐÓI[360]

Luân Đôn, thứ sáu, 25 tháng Hai 1853

Cuộc tranh luận ở nghị viện trong tuần này không lý thú mấy. Ngày 22, tại hạ viện, ông Xpu-nơ đề nghị ngừng trợ cấp cho trường giòng ở Mây-nút[361], còn ông Xcôn-phin-đơ thì đưa ra, với tính cách là điểm bổ sung, đề án "thủ tiêu mọi quy định hiện hành bắt nhà nước chịu mọi chi phí về công việc của giáo hội hoặc tôn giáo bất kể thuộc loại nào". Đề án của Xpu-nơ bị bác bỏ với 192 phiếu so với 162 phiếu. Điểm bổ sung của Xcôn-phin-đơ sẽ được thảo luận vào thứ tư tuần sau; nhưng có khả năng là nói chung nó sẽ bị thu hồi. Trong toàn bộ cuộc thảo luận về Mây-nút chỉ có lời phát biểu của ông Đáp-phi ("nhóm Ai-rơ-len") là đáng chú ý, ông ta cho rằng:

"Không loại trừ khả năng tổng thống Mỹ hoặc tân hoàng đế Pháp sẽ vui lòng khôi phục quan hệ giữa nước họ với giới tăng lữ Ai-rơ-len".

Tại phiên họp tối qua, huân tước Giôn Rớt-xen đã đưa ra hạ viện đề án của mình về "xoá bỏ một số hạn chế về pháp luật đối với các thần dân theo đạo Do Thái của nữ hoàng". Đề án ấy được



thông qua với đa số 29 phiếu. Thế là vấn đề ấy lại được giải quyết ở hạ viện nhưng chắc chắn sẽ lại bị gác lại ở thượng viện.

Việc không cho người Do Thái vào hạ viện, trong khi tinh thần cho vay nặng lãi đã thống trị từ lâu trong nghị viện Anh, đương nhiên là một điều bất thường vô lý, càng vô lý khi người Do Thái đã hưởng quyền được bầu vào tất cả các chức vụ dân sự ở địa phương. Nhưng điều rất đặc trưng cho Giôn Tột đình và *thời đại của ông ta* lại là đáng lẽ đưa ra dự luật cải cách đã hứa để chấm dứt tình trạng vô quyền của quần chúng nhân dân Anh thì ông ta lại đưa ra một dự luật chỉ nhằm xoá bỏ sự hạn chế các quyền của nam tước Lai-ô-nên Rốt-sin. Công chúng dông đảo coi khinh vấn đề này như thế nào, điều đó có thể thấy rõ qua tình hình là không có địa phương nào ở Anh gửi một đơn thỉnh cầu nào cho nghị viện ủng hộ việc cho người Do Thái vào nghị viện. Toàn bộ cái bí mật của trò hề cải cách thảm hại ấy đã bị phơi trần trong bài diễn văn của ngài Rô-bớc Pin-Em:

"Thực ra mà nói, nghị viện chỉ quan tâm đến việc riêng của huân tước cao quý. (Có tiếng hoan hô rầm rộ.) Huân tước cao quí đã được để cử làm đại biểu Luân Đôn cùng với một người Do Thái. (Có tiếng hoan hô) và hứa hằng năm sẽ đưa ra một dự luật có lợi cho người Do Thái (Có tiếng kêu "Đúng!") Không nghi ngờ gì, nam tước Rốt-sin là một người rất giầu, nhưng điều đó tuyệt nhiên không cho ông ta cái quyền được đặc biệt tôn trọng, nhất là khi người ta nghĩ đến của cải của ông ta kiếm được bằng cách nào. (Có tiếng thét to: "Đúng! đúng!" và tiếng thốt lên "Ô-hô" ở hàng ghế của phe nội các.) Hôm qua tôi vừa được báo thấy rằng ngân hàng Rốt-sin đồng ý cho Hy Lạp vay tiền theo lợi tức 9% với điều kiện có sự bảo đảm chắc chắn. (Có tiếng hét: "Hãy nghe nào!") Không có gì là lạ khi gia đình Rốt-sin giầu lên với lợi tức như thế. (Có tiếng hét: "Hãy nghe nào!") Bộ trưởng thương nghiệp nói về vấn đề đàn áp báo chí. Nhưng thực ra, để đàn áp tự do ở châu Âu thì không ai có thể làm nhiều hơn ngân hàng Rốt-sin (Có tiếng thét: "Đúng! đúng!") thông qua những món tiền nó viện trợ cho các cường quốc chuyên chế. Nhưng, dù cho rằng phẩm chất của nam tước cân bằng với của cải của ông ta thì người ta vẫn có thể hy vọng rằng huân tước cao quí, thay mặt tại nghị viện này cho cái chính phủ gồm những lãnh tụ của tất cả các phe phái chính trị đối lập với chính phủ trước, sẽ đưa ra được một biện pháp quan trọng hơn biện pháp được xem xét hôm nay".

Cuộc thẩm tra các đơn khiếu nại về bầu cử đã bắt đầu. Cuộc bầu cử ở Kên-tốc-bê-ri và Lan-kê-xtơ đã bị coi là không có hiệu lực và bãi bỏ vì tình hình chứng tỏ rằng sự hối lộ đã trở thành

lề thói của một số loại cử tri. Nhưng có thể nói hầu như khẳng định rằng phần lớn các vụ khiếu nại đều bị dập đi bằng biện pháp thỏa hiệp.

"Hiển nhiên là" - tờ "Daily News" viết - "những giai cấp có đặc quyền - những giai cấp đã phá tan được những khuynh hướng của dự luật cải cách và lại chiếm được ưu thế trong nghị viện khóa này – hết sức sợ hãi nghĩ rằng có thể xảy ra một cuộc vạch mặt hoàn toàn và triệt để".

Ngày 21 tháng này, huân tước Giôn Rớt-xen đã từ chức Bộ trưởng ngoại giao và huân tước Cla-ren-đô đã tuyên thệ với tư cách là người kế nhiệm ông ta. Huân tước Giôn là hạ nghị sĩ đầu tiên tham gia nội các mà không có sự bổ nhiệm chính thức. Hiện nay, ông ta chỉ là cố vấn có đặc quyền, không có chức vụ gì và không có lương. Nhưng về tình hình không hay là không có lương bổng này, ông Ken-li đã tuyên bố rằng ông sẽ đưa ra một đề án nhằm mục đích làm cho số phận của Giôn-ni đáng thương được dễ chịu hơn. Chức Bộ trưởng ngoại giao hiện giờ có ý nghĩa quan trọng vì rằng Quốc hội hiệp bang Đức đột nhiên quyết định yêu cầu nước Anh trục xuất tất cả những người lưu vong chính trị, còn người Áo thì đề nghị đưa tất cả chúng tôi xuống tầu và chở đến một hòn đảo hoang nào đó ở phía nam Thái Bình Dương.

Trong một bài trước đây, tôi đã nêu lên khả năng là phong trào bảo vệ quyền lợi của tá điền Ai-rơ-len dần dần có thể biến thành phong trào chống giáo hội [1*], bất chấp những quan điểm và ý định của các nhà lãnh đạo hiện nay của nó. Tôi đã nêu lên việc giới tăng lữ chóp bu đã bắt đầu giữ lập trường thù địch với Đồng minh. Từ đó, trên vũ đài lại xuất hiện một lực lượng nữa thúc đẩy phong trào đi theo phương hướng ấy. Bọn lãnh chúa Bắc Ai-rơ-len dốc sức làm cho tá điền của chúng tin rằng Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền và Hội liên hiệp bảo vệ các tín đồ Thiên chúa giáo chỉ là một, và mượn cớ chống việc truyền bá chủ nghĩa giáo hoàng họ hăng hái tổ chức lực lượng đối lập với Đồng Minh.

1* - Xem tập này, tr.



Nếu như bọn lãnh chúa Ai-rơ-len kêu gọi tá điền của mình chống lại giới tăng lữ Thiên chúa giáo như vậy thì mặt khác giới tăng lữ đạo Tin lành Anh lại kêu gọi giai cấp công nhân chống lại các chủ xưởng. Với nghị lực gấp bội, giai cấp vô sản công nghiệp Anh khôi phục cuộc đấu tranh tiến hành từ lâu của mình đòi thi hành luật ngày lao động 10 giờ và đòi thủ tiêu *chế độ mua tại cửa hàng trong xưởng và trả tiền công bằng hiện vật (truck anh shoppage system)*. Vì những yêu sách như vậy sẽ được đưa ra trước hạ viện và hạ viện đã nhận được nhiều đơn thỉnh cầu về mặt này, nên trong một bài sắp tới, tôi sẽ có dịp trình bày tỉ mỉ hơn những thủ đoạn dã man và bỉ ổi mà bọn bạo chúa công xưởng thi hành, bọn này quen thói biến báo chí và diễn đàn nghị viện thành chiếc loa khoác lác tự do chủ nghĩa của chúng. Ở đây chỉ cần nhắc lại rằng bắt đầu từ năm 1802, giai cấp công nhân Anh đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng đòi hạn chế bằng pháp luật ngày làm việc ở công xưởng, cho đến năm 1847 rút cục mới thông qua luật Giôn Phin-đen nổi tiếng về ngày lao động 10 giờ, cấm bắt phụ nữ và trẻ em làm việc mỗi ngày quá 10 giờ trong công xưởng. Nhưng các chủ xưởng theo chủ nghĩa tự do nhanh chóng phát hiện rằng đạo luật ấy mở ra khả năng rộng rãi để thi hành ở công xưởng chế độ làm ca. Năm 1849 người ta đã kiện trước tòa án cao cấp và quan tòa tuyên án rằng chế độ thay ca (relay or shift-system) trong đó trẻ em làm việc hai ca thay đổi, còn công nhân thành niên làm việc liên tục suốt toàn bộ thời gian máy chạy là hoàn toàn hợp pháp. Thế là người ta lại phải đưa ra trước nghị viện và năm 1850 chế độ thay ca bị tuyên bố là phi pháp, nhưng đồng thời luật ngày làm việc 10 giờ lại bị biến thành luật ngày làm việc 10 giờ rưỡi. Hiện giờ giai cấp công nhân đang đòi khôi phục in integrum [1*] luật ngày lao động 10 giờ ban đầu và để cho luật ấy có hiệu lực hơn, công nhân đã bổ sung thêm một yêu cầu nữa: hạn chế giờ chạy máy.

1* - nguyên vẹn và hoàn toàn, không bớt xén tí gì

vong với tập đoàn địa chủ thống trị, mà ở đây còn có cái gì to lớn hơn. Các môn đồ của trường phái Man-se-xtơ là kẻ thù của giáo hội quốc giáo, họ là những tín đồ phi quốc giáo[362] và trước hết họ hết sức đau lòng về việc hàng năm phải bỏ ra 13 triệu pao xtéc-linh của mình cho riêng giáo hội quốc giáo ở Anh và Oen-xơ, cho nên họ có đầy đủ quyết tâm để tách những triệu bạc trần tục ấy ra khỏi tầng lớp tăng lữ để cho tầng lớp này trở thành những sứ đồ xứng đáng hơn. Như thế là các giáo sĩ thành kính của giáo hội chiến đấu pro aris et focis[1*]. Cuộc công kích này sẽ buộc các đại biểu của trường phái Man-se-xtơ phải rút ra kết luận rằng họ không thể nào đoạt được chính quyền trong tay giai cấp quí tộc nếu như họ không quyết định trao cho cả nhân dân toàn bộ phần quyền lực của nhân dân, dù điều đó là khó chịu đối với họ.

Ở lục địa, xử treo cổ, xử bắn và đưa đi đầy đã được đưa vào chương trình nghị sự. Song bản thân bọn đao phủ mà hành động của chúng in sâu vào ý thức của toàn bộ thế giới văn minh lại là những thực thể mà người ta có thể bắt và treo cổ. Ở Anh có một tên bạo chúa không nhìn thấy được, không sờ thấy được, không nghe thấy được, đang hoành hành; khi tình hình lên đến cực độ thì nó kết án tử hình người ta dưới hình thức tàn bạo nhất và khi thực hiện cái công việc lặng lẽ của mình hết ngày này sang ngày khác, nó đuổi cả một bộ tộc hoặc giai cấp ra khỏi ruộng đất của ông cha họ giống như vị thiên thần cầm kiếm lửa đuổi A-đam khỏi thiên đường. Trong trường hợp sau, hành động của tên bạo chúa xã hội vô hình mang tên gọi là *di dân cưỡng bách*, còn trong trường hợp thứ nhất thì gọi là nạn *chết đói*.

Ở Luân Đôn, trong tháng này lại xảy ra nhiều vụ chết đói nữa. Tôi chỉ nêu lên trường hợp của Mê-ri An Xan-dri, 43 tuổi, chết ở Côn-lê-in, Sa-đu-oen, Luân Đôn. Thầy thuốc Tô-mát Pin-nơ tham gia khám xét tử thi nói rằng cái chết này là do kiệt sức và rét gây ra. Người chết nằm trên đống rơm không có lấy một tấm

1* - cho bàn thờ và bếp lò, cho sự nghiệp thân thiết của họ.



chăn. Trong phòng hoàn toàn không có đồ đạc gì và không có dấu vết gì của chất đốt và thức ăn. Năm đứa con nhỏ ngồi trên nền nhà trơ trụi bên cạnh xác mẹ và gào khóc vì rét và đói.

Về việc "*di dân cưỡng bách*" tôi sẽ trình bày trong bài sau.

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Hai 1853*
*Đã đăng trên báo New – York Daily Tribune" số 3716, ngày 15 tháng Ba 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

Đấy là tóm tắt lịch sử công khai của luật ngày lao động 10 giờ. Còn điều uẩn khúc của lịch sử ấy thì như sau: Giới quí tộc ruộng đất bị giai cấp tư sản đánh bại bằng việc thông qua luật cải cách năm 1831, bị bọn chủ xưởng xâm phạm "lợi ích thiêng liêng nhất" bằng yêu sách về mậu dịch tự do và bằng việc hủy bỏ luật ngũ cốc, đã quyết định trả đũa giai cấp tư sản bằng cách đóng vai người bảo vệ lợi ích và yêu sách của công nhân trong cuộc đấu tranh của công nhân với chủ xưởng, và đặc biệt là bằng cách ủng hộ yêu sách của họ đòi hạn chế ngày làm việc ở công xưởng. Bấy giờ người ta có thể trông thấy cái gọi là các huân tước - nhà từ thiện đứng đầu tất cả các cuộc mít tinh đòi ngày làm việc 10 giờ. Huân tước Ê-sli thậm chí đã giành được một "tiếng tăm" nhất định trong cuộc vận động này nhờ những lời phát biểu của mình. Bị một đòn chí mạng do việc bãi bỏ luật ngũ cốc đã diễn ra thực sự vào năm 1846, giới quí tộc ruộng đất đã trả thù bằng cách buộc nghị viện thông qua luật ngày lao động 10 giờ vào năm 1847. Nhưng thông qua quyền tư pháp, giai cấp tư sản công nghiệp đã thu hồi được cái mà quyền lập pháp của nghị viện đã tước mất của nó. Đến năm 1850, cơn giận của các đại địa chủ nguôi dần và họ đi đến thoả hiệp với các ngài chủ xưởng, căn cứ vào sự thỏa hiệp đó thì một mặt chế độ thay ca bị tuyên bố là phi pháp, nhưng mặt khác giai cấp công nhân lại bị tăng thêm mỗi ngày nửa giờ lao động coi như là trừng phạt giai cấp công nhân về chỗ các chủ xưởng buộc phải thi hành đạo luật ấy. Song hiện nay, khi cảm thấy cuộc quyết chiến với trường phái Man-se-xtơ đã đến gần, bọn quí tộc lại định nắm lấy phong trao đòi rút ngắn thời gian làm việc; nhưng vì họ không dám xuất đầu lộ diện nên định làm tổn hại đến địa vị của bọn vua bông vải sợi bằng cách dùng *các giáo sĩ của giáo hội quốc giáo* đẩy quần chúng nhân dân chống lại bọn vua bông vải sợi. Mấy ví dụ dưới đây chứng tỏ rằng bọn cha cố ấy đã tiến hành cuộc thập tự chinh của họ chống lại các chủ xưởng với hình thức gay gắt như thế nào. Ở Cram-tơn có một cuộc mít tinh ủng hộ ngày làm việc 10 giờ do bác sĩ Bram-men khả kính (đại biểu giáo hội quốc giáo) chủ trì. Trong



cuộc mít tinh ấy, G.R. Xtê-phên khả kính, mục sư giáo phận Xtê li-brít-đơ tuyên bố rằng:

"Đã có những thời kỳ mà các dân tộc do chính thổ thần quyền thống trị... Những thời kỳ ấy đã qua rồi... Nhưng tinh thần của pháp luật vẫn như thế... Người lao động phải được nhận trước tiên pháp của mình trong những thành quả của ruộng đất vì rằng họ sản xuất ra chúng... luật công xưởng đã bị vi phạm trắng trợn đến mức tồng thanh tra khu công xưởng ở đây là ông Lê-ô-nác Hoóc-nơ buộc phải đích thân viết thư cho Bộ trưởng nội vụ báo tin rằng ông ta không dám mạo hiểm cử bất cứ viên thanh tra nào thuộc quyền ông ta đến một số khu chừng nào chưa có sự bảo vệ của cảnh sát... Họ cần để phòng ai? Các chủ xưởng! Những người giàu có nhất, có thế lực nhất trong khu, những quan chức trong khu, những người làm quan tòa trị an của nữ hoàng và tham gia các phiên tòa ở địa phương với tư cách đại biểu của hoàng gia... *Song các chủ mướn có bị trừng trị về tội vi phạm pháp luật không?*... Ở khu tôi, trong nam công nhân công xưởng cũng như trong phần lớn nữ công nhân đã hình thành thói quen là ngày chủ nhật ngủ đến 9, 10 hoặc thậm chí 11 giờ vì rằng họ đã hoàn toàn bị kiệt sức sau một tuần lao động. Ngày chủ nhật là ngày duy nhất mà thể xác mệt mỏi của họ được nghỉ ngơi... Trong khi đó, theo lệ thường, thời gian lao động càng dài thì tiền công càng ít... *Tôi thà làm nô lệ ở Nam Ca-rô-li còn hơn là làm công nhân công xưởng ở Anh*".

Trong một cuộc mít tinh lớn đòi ngày làm 10 giờ tại Bốc-nơ-xli, E.A. Ve-ri-ti khả kính, mục sư giáo phận Ha-béc-gơ - Íp-xơ đã phát biểu với thính giả của mình như sau:

"Ông Cốp-đen, ông Brai-tơ và các ngài khác thuộc phái Man se-xtơ làm gì trong khi nhân dân Lan-kê-sia bị áp bức như vậy?... Bọn nhà giàu suy tính cái gì? Họ chỉ tính toán làm thế nào dùng thủ đoạn lừa gạt để đánh cắp dễ dàng hơn của công nhân một hoặc hai giờ nữa. Đấy là mục đích của những đại biểu của cái gọi là trường phái Man-se-xtơ. Đấy là cái làm cho họ trở thành *bọn giả nhân giả nghĩa vô liêm sỉ và bọn lừa mạnh qui quyệt* đến thế. Với tư cách mục sư của giáo hội quốc giáo Anh, tôi phản đối hành động như thế".

Chúng tôi đã nêu lên nguyên nhân biến một cách hết sức đột ngột những cha cố đáng kính của giáo hội quốc giáo thành những hiệp sĩ giang hồ – những người bảo vệ quyền lợi của công nhân, và hơn nữa, thành những hiệp sĩ đầy tinh thần thượng võ như vậy. Họ không những muốn tích lũy một chút ít danh tiếng làm dự trữ để phòng những ngày đen tối và phòng trường hợp phong trào dân chủ thắng lợi, họ không những hiểu rằng giáo hội quốc giáo về thực chất chỉ là một cơ quan quí tộc cùng tồn tại và diệt

vong với tập đoàn địa chủ thống trị, mà ở đây còn có cái gì to lớn hơn. Các môn đồ của trường phái Man-se-xtơ là kẻ thù của giáo hội quốc giáo, họ là những tín đồ phi quốc giáo[302] và trước hết họ hết sức đau lòng về việc hàng năm phải bỏ ra 13 triệu pao xtéc-linh của mình cho riêng giáo hội quốc giáo ở Anh và Oen-xơ, cho nên họ có đầy đủ quyết tâm để tách những triệu bạc trần tục ấy ra khỏi tầng lớp tăng lữ để cho tầng lớp này trở thành những sứ đồ xứng đáng hơn. Như thế là các giáo sĩ thành kính của giáo hội chiến đấu pro aris et focis[1*]. Cuộc công kích này sẽ buộc các đại biểu của trường phái Man-se-xtơ phải rút ra kết luận rằng họ không thể nào đoạt được chính quyền trong tay giai cấp quí tộc nếu như họ không quyết định trao cho cả nhân dân toàn bộ phần quyền lực của nhân dân, dù điều đó là khó chịu đối với họ.

Ở lục địa, xử treo cổ, xử bắn và đưa đi đầy đã được đưa vào chương trình nghị sự. Song bản thân bọn đao phủ mà hành động của chúng in sâu vào ý thức của toàn bộ thế giới văn minh lại là những thực thể mà người ta có thể bắt và treo cổ. Ở Anh có một tên bạo chúa không nhìn thấy được, không sờ thấy được, không nghe thấy được, đang hoành hành; khi tình hình lên đến cực độ thì nó kết án tử hình người ta dưới hình thức tàn bạo nhất và khi thực hiện cái công việc lặng lẽ của mình hết ngày này sang ngày khác, nó đuổi cả một bộ tộc hoặc giai cấp ra khỏi ruộng đất của ông cha họ giống như vị thiên thần cầm kiếm lửa đuổi A-đam khỏi thiên đường. Trong trường hợp sau, hành động của tên bạo chúa xã hội vô hình mang tên gọi là *di dân cưỡng bách*, còn trong trường hợp thứ nhất thì gọi là nạn *chết đói*.

Ở Luân Đôn, trong tháng này lại xảy ra nhiều vụ chết đói nữa. Tôi chỉ nêu lên trường hợp của Mê-ri An Xan-dri, 43 tuổi, chết ở Côn-lê-in, Sa-đu-oen, Luân Đôn. Thầy thuốc Tô-mát Pin-nơ tham gia khám xét tử thi nói rằng cái chết này là do kiệt sức và rét gây ra. Người chết nằm trên đống rơm không có lấy một tấm

1* - cho bàn thờ và bếp lò, cho sự nghiệp thân thiết của họ.



chăn. Trong phòng hoàn toàn không có đồ đạc gì và không có dấu vết gì của chất đốt và thức ăn. Năm đứa con nhỏ ngồi trên nền nhà trơ trụi bên cạnh xác mẹ và gào khóc vì rét và đói.

Về việc "*di dân cưỡng bách*" tôi sẽ trình bày trong bài sau.

*Do C.Mác viết ngày 25 tháng Hai 1853*
*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" số 3716, ngày 15 tháng Ba 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

## C. MÁC

# DI DÂN CƯỠNG BÁCH. - CÔ-SÚT VÀ MÁT-DI-NI. - VẤN ĐỀ NHỮNG NGƯỜI LƯU VONG. - NHỮNG VỤ MUA CHUỘC TRONG BẦU CỬ TẠI ANH. - ÔNG CỐP-ĐEN[363]

Luân Đôn, thứ sáu, 4 tháng Ba 1853

Qua các báo cáo về thương nghiệp và hàng hải năm 1851 và 1852 công bố vào tháng Hai, chúng ta thấy rằng tổng giá trị *xuất khẩu* tuyên bố qua hải quan là 68531601 pao xtéc-linh năm 1851, còn năm 1852 là 71429548 pao xtéc-linh; trong tổng giá trị xuất khẩu năm 1852 thì có 47209000 pao xtéc-linh thuộc về các loại hàng bông, len, lanh và tơ. Khối lượng *nhập khẩu* năm 1852 nhỏ hơn năm 1851. Vì tỷ trọng nhập khẩu cho tiêu dùng trong nước không giảm đi mà thậm chí tăng lên, cho nên ở Anh đã có một số lượng nhất định vàng và bạc biến thành hàng tái xuất thay cho số lượng thông thường sản phẩm thuộc địa.

Cục quản lý việc di dân sang thuộc địa đã đưa ra bản báo cáo sau đây về việc di dân từ Anh, Xcốt-len và Ai-rơ-len sang tất cả các nơi trên thế giới trong thời gian từ 1 tháng Giêng 1847 đến 30 tháng Sáu 1852:



| | Từ Anh | Từ Xcốt-len | Từ Ai-rơ-len | Toàn bộ |
|---|---|---|---|---|
| Năm 1847..... | 34685 | 8616 | 214969 | 258270 |
| " 1848..... | 58865 | 11505 | 177719 | 248089 |
| " 1849..... | 73613 | 17127 | 208758 | 299498 |
| " 1850..... | 57843 | 15154 | 207852 | 280849 |
| " 1851..... | 69557 | 18646 | 247763 | 335966 |
| " 1852 (đến tháng Sáu) | 40767 | 11562 | 143375 | 195704 |
| Tổng cộng | 335330 | 82610 | 1200436 | 1618376 |

"Người ta cho rằng, - bản báo cáo viết - 9 phần 10 số người di cư từ Li-vớc-pun là người Ai-rơ-len. Ba phần tư số người di cư từ Xcốt-len hoặc là người Ken-tơ miền núi Xcốt-len hoặc là người Ken-tơ Ai-rơ-len đi cư qua Gla-xgô".

Do đó phải thừa nhận rằng khoảng 4 phần 5 tổng số người di cư là dân Ken-tơ ở Ai-rơ-len và miền núi Xcốt-len cũng như ở các đảo kế cận Xcốt-len. Tờ "Economist" ở Luân Đôn bình luận về vấn đề này như sau :

"Di cư là kết quả sự tan rã của chế độ xã hội dựa trên sự lĩnh canh nhỏ và việc trồng khoai tây". "Sự di cư của bộ phận nhân khẩu thừa ở Ai rơ-len và miền núi Xcốt-len" tờ "Economist" viết tiếp - "là tiền đề tất yếu cho bất cứ công cuộc cải thiện nào... thu nhập của Ai-rơ-len hoàn toàn không bị thiệt hại gì do nạn đói năm 1846 - 1847 cũng như do việc di dân xảy ra sau đó. Trái lại, *thu nhập ròng* của nó năm 1851 là 4281999 pao xtéc-linh, nghĩa là cao hơn năm 1843 - 184000 pao xtéc-linh".

Trước hết đẩy dân cư nước mình đến chỗ nghèo nàn, đến khi không thể nặn bóp được lợi nhuận nào ở những người nghèo ấy nữa, khi họ trở thành gánh nặng cần trở sự tăng thu nhập thì đuổi họ đi rồi kết toán thu nhập ròng của mình ? Đấy chính là học thuyết mà Ri-các-đô đã trình bày trong tác phẩm nổi tiếng của mình "Nguyên lý của khoa kinh tế chính trị"[364]. Ông ta nói: chúng ta giả sử nhà tư bản thu được lợi nhuận hằng năm là 2000 pao xtéc-linh. Đối với hắn ta, thuê 100 hoặc 1000 công nhân làm việc chẳng hoàn toàn như nhau hay sao? Ri-các-đô đặt câu hỏi: "Đối với thu nhập thực tế của một quốc gia cũng chẳng như vậy sao?" Nếu như thu nhập ròng thực tế của một quốc gia - địa tô và lợi nhuận - vẫn giữ nguyên ở một mức thì dù thu được của

10 triệu hay là của 12 triệu dân rút cục chẳng có gì khác cả. Trong tác phẩm "Nguyên lý mới về kinh tế chính trị"[365], để trả lời điểm đó, Xi-xmôn-di đã vạch rõ: theo quan điểm ấy thì nếu như toàn bộ dân cư biến đi, trên đảo Anh chỉ còn lại một mình quốc vương (bấy giờ quốc vương [1*] chứ không phải nữ hoàng trị vì, trong điều kiện máy móc tự động tạo khả năng cho quốc vương thu được cũng số *thu nhập ròng* mà mười hai triệu dân hiện nay đang tạo ra, thì đối với quốc gia Anh vẫn hoàn toàn không có gì khác trước. Thật vậy, trong trường hợp này, "tài sản quốc gia" - ở đây nó chỉ là một khái niệm ngữ pháp - không giảm đi tý gì.

Trong một bài trước, tôi đã đơn cử những ví dụ về việc "dọn sạch đất đai" ở miền núi Xcốt-len[2*]. Đoạn trích dưới đây lấy trong tờ "Galway Mercury" chứng tỏ với các bạn rằng cũng chính quá trình ấy cả ở Ai-rơ-len vẫn đang tiếp tục là nguyên nhân của cuộc di dân cưỡng bách:

"Ở miền Tây Ai-rơ-len, dân cư hầu như biến khỏi mặt đất. Các lãnh chúa ở Côn-nốt đã lặng lẽ thỏa thuận, đuổi tất cả các tá điền nhỏ, những người này đang bị người ta tiến hành một cuộc chiến tranh tiêu diệt có hệ thống chống lại họ... Ở tỉnh này, hàng ngày đang diễn ra những hành động cực kỳ tàn bạo mà công chúng không hay biết gì cả".

Song không chỉ những dân cư bị đẩy vào cảnh bần cùng ở E-rin[3*] xanh tươi và miền núi Xcốt-len đang bị xua đuổi do công cuộc "cải tạo" tiến hành trong nông nghiệp và do "sự sụp đổ của chế độ xã hội lỗi thời"; cũng không phải chỉ có những công nhân nông nghiệp khỏe mạnh ở Anh, Oen-xơ và đồng bằng Xcốt-len đang được nhân viên của cục di dân cấp phát kinh phí đi chuyển; quá trình "cải tạo" hiện nay còn lôi cuốn cả một giai cấp khác vốn là giai cấp ổn định nhất ở Anh. Phong trào di cư mạnh mẽ lạ thường đã xuất hiện trong các chủ trại nhỏ ở Anh, đặc biệt là trong những người đang lĩnh canh những khoảnh đất có tỷ lệ đất sét cao. Mùa màng ít triển vọng, thiếu vốn cần thiết để tiến hành trên những

1* - Giốc-giơ III
2* - Xem tập này, tr. 662 – 669.
3* - tên thời cổ của Ai-rơ-len.



ruộng đất ấy những hoạt động cải tạo lớn đem lại cho họ khả năng thanh toán mức tô cũ, - tất cả những cái đó không để cho họ một lối thoát nào khác ngoài việc vượt đại dương đi tìm kiếm Tổ quốc mới và đất đai mới. Ở đây, tôi không nói về cuộc di dân do cơn sốt vàng gây ra mà là về cuộc di dân cưỡng bách do chế độ chiếm hữu của đại địa chủ, do sự tập trung ruộng đất, do việc sử dụng máy móc trong canh tác ruộng đất và do việc thi hành trên quy mô lớn chế độ nông nghiệp hiện đại gây ra.

Ở các quốc gia cổ đại, ở Hy Lạp và La Mã, sự di dân cưỡng bách, mang hình thức thành lập các thuộc địa theo chu kỳ, là một khâu cố định của chế độ xã hội. Toàn bộ chế độ của các quốc gia ấy dựa trên sự hạn chế nhất định về số nhân khẩu mà nếu vượt qua giới hạn của số nhân khẩu ấy sẽ không tránh khỏi nguy hiểm cho chính điều kiện tồn tại của nền văn minh cổ đại. Nhưng tại sao lại như vậy? Vì rằng những quốc gia ấy hoàn toàn chưa biết áp dụng khoa học vào lĩnh vực sản xuất vật chất. Để duy trì nền văn minh của mình, công dân của những quốc gia ấy phải giữ ở con số không đông. Nếu không họ sẽ bị đe dọa mang lấy cái ách của lao động chân tay nặng nhọc và khi ấy nó sẽ biến công dân tự do thành nô lệ. Sự phát triển kém của lực lượng sản xuất đặt quyền công dân lệ thuộc vào quan hệ so sánh nhất định về số lượng mà người ta không được vi phạm. Lối thoát duy nhất là di dân cưỡng bách.

Cũng chính sức ép của nhân khẩu thừa đối với lực lượng sản xuất đã buộc những người dã man từ cao nguyên châu Á xâm nhập các quốc gia của thế giới cổ đại. Ở đây, vấn nguyên nhân ấy tác động tuy là dưới hình thức khác. Để tiếp tục làm người dã man, họ phải duy trì dân số không đông. Đấy là những bộ lạc làm nghề du mục, săn bắn và tiến hành chiến tranh, phương thức sản xuất của họ đòi hỏi một diện tích rộng rãi cho mỗi thành viên của bộ lạc như tình hình hiện nay trong các bộ lạc In-đi-an ở Bắc Mỹ. Sự tăng thêm nhân khẩu ở các bộ lạc ấy đưa tới chỗ họ thu hẹp lẫn của nhau lãnh thổ cần thiết cho sản xuất . Do đó nạn nhân

khẩu thừa buộc phải tiến hành những cuộc di cư lớn đầy nguy hiểm đặt cơ sở cho sự hình thành các dân tộc của châu Âu cổ đại và hiện đại.

Nhưng về cuộc di dân cưỡng bách hiện nay thì tình hình khác hẳn. Nhân khẩu thừa hiện nay tuyệt nhiên không phải do tình trạng yếu kém của lực lượng sản xuất gây ra; trái lại chính sự phát triển của các lực lượng sản xuất đòi hỏi phải giảm dân số và gạt bỏ bộ phận thừa ra trong dân số bằng nạn đói hay nạn di cư. Không phải nhân khẩu đè nén lực lượng sản xuất mà lực lượng sản xuất đè nén nhân khẩu.

Tôi không đồng ý với quan điểm của Ri-các-đô coi "thu nhập ròng" như là Mô-lô-sơ mà người ta phải đưa, - hơn nữa với thái độ hoàn toàn cam chịu, - cả từng dân tộc ra làm tế vật, cũng không đồng ý với quan điểm của Xi-xmôn-đi nhân danh lòng từ thiện bao la của mình tìm cách duy trì bằng bạo lực những phương thuốc kinh doanh nông nghiệp lỗi thời và loại trừ khoa học công nghiệp giống như Pla-tôn đã loại trừ các nhà thơ ra khỏi nước cộng hòa của mình[366]. Trong xã hội đang diễn ra một cuộc cách mạng lặng lẽ mà người ta buộc phải phục tùng và nó không để ý gì đến sinh mệnh của những con người trở thành vật hy sinh của nó giống như trận động đất không để ý gì đến những ngôi nhà bị nó phá hủy. Những giai cấp và dân tộc quá yếu đuối, không thể thích ứng với những điều kiện sống mới sẽ bị diệt vong. Nhưng có gì ấu trĩ và thiển cận hơn các quan điểm của những nhà kinh tế học nhận định một cách hoàn toàn nghiêm chỉnh rằng trạng thái quá độ bi thảm đó không có ý nghĩa nào khác hơn là làm cho xã hội thích ứng với lòng tham của các nhà tư bản, - kể cả bọn địa chủ lẫn bọn trùm tài chính? Ở Anh, quá trình ấy biểu hiện rõ ràng nhất. Sự áp dụng các phương pháp khoa học hiện đại trong sản xuất dẫn tới việc xua đuổi dân cư ra khỏi các vùng nông nghiệp, đồng thời dẫn tới sự tập trung dân cư ở các thành phố công nghiệp.



"Các nhân viên của cục di dân - tờ "Economist" viết - không trợ cấp gì cho công nhân công nghiệp, trừ một số ít thợ dệt thủ công ở Xpi-tan-phin và Pây-xli, mà tự bỏ tiền ra đi cư thì chỉ có rất ít người, thậm chí không có ai".

Tờ "Economist" biết rõ rằng công nhân không thể tự bỏ tiền ra đi cư, còn giai cấp tư sản công nghiệp thì sẽ không giúp đỡ họ trong việc đi cư. Điều đó sẽ dẫn tới đâu? Dân cư nông nghiệp, bộ phận ổn định nhất và bảo thủ nhất của xã hội hiện đại, biến đi, trong khi đó giai cấp vô sản công nghiệp, - chính do sự phát triển của phương thức sản xuất hiện đại, - lại tập trung ở những trung tâm lớn, xung quanh đó quy tụ những lực lượng sản xuất đồ sộ mà lịch sử hình thành chúng cho tới nay vẫn là lịch sử đầy đọa người lao động. Ai ngăn cản những người này tiến thêm một bước và chiếm lĩnh những lực lượng cho tới nay vẫn khống chế họ ? Lực lượng nào có thể chống nổi họ ? Không có lực lượng nào cả! Bấy giờ mà dựa vào "quyền sở hữu" thì sẽ chỉ vô ích. Bản thân các nhà kinh tế học tư sản thừa nhận rằng những biến đổi hiện tại trong phương thức sản xuất đã tiêu diệt chế độ xã hội lỗi thời và phương thức chiếm hữu của nó. Những biến đổi ấy đã dẫn tới sự *tước đoạt* các thành viên của thị tộc Xcốt-len, người làm công nhật và tá điền Ai-rơ-len, người nông dân tự canh Anh, thợ dệt thủ công, vô số thợ thủ công, cả những thế hệ công nhân trẻ em và phụ nữ ở các công xưởng; sẽ đến lúc họ tước đoạt bọn địa chủ và bọn vua bông vải sợi.

Ở lục địa, trên trời mới có chớp giật nhưng ở Anh đất đã rung chuyển. Nước Anh là nơi mở đầu cơn bão táp thực sự cải tạo xã hội hiện đại.

Trong bài viết ngày 1 tháng Ba tôi đã báo tin Mát-đi-ni định công khai chống lại Cô-sút[367]. Quả thực, ngày 2 tháng Ba, các tờ "Morning Advertiser", "Morning Post" và "Daiky News" đã đăng thư của Mát-đi-ni. Vì hiện nay chính Mát-đi-ni đã phá tan sự im lặng nên tôi có thể xác nhận rằng do sức ép của bạn bè ông ta ở Pa-ri, Cô-sút đã phủ nhận văn kiện của chính mình. Và trong hoạt động trước đây của Cô-sút, chúng ta thấy có nhiều biểu hiện như vậy

về tính hay thay lòng đổi dạ và nhu nhược, sự mâu thuẫn cực độ và sự lập lờ nước đôi. Ông ta có tất cả những phẩm chất gây được thiện cảm nhưng đồng thời lại có tất cả những nhược điểm điển hình của phụ nữ tức cái gọi là tính tình "nghệ sĩ". Ông ta quả là nghệ sĩ vĩ đại en paroles [1*]. Những ai không muốn để cho thiên kiến đang lưu truyền chi phối và muốn có nhận định riêng của mình dựa trên sự thực thì tôi khuyên nên đọc tiểu sử của Lút-vích Bát-ti-a-ni, Ác-tua Guếc-gây và Lút-vích Cô-sút[368] mới xuất bản gần đây do ông Xê-mê-rơ viết.

Nếu như ở Lôm-bác-đi, Mát-di-ni không lôi kéo được giai cấp tư sản I-ta-li-a vào phong trào thì có thể tin chắc rằng về mặt này, Ra-dét-xki đã hoàn toàn thành đạt. Hiện nay ông ta đang định tịch thu tài sản của tất cả những người lưu vong, thậm chí cả của những người được nhà đương cục Áo cho phép xuất cảnh và đã nhập quốc tịch nước khác, *nếu như họ không chứng minh được rằng họ không có quan hệ gì với cuộc khởi nghĩa vừa rồi*. Theo tính toán của các tờ báo Áo thì giá trị tài sản phải tịch thu gần bằng 12 triệu pao xtéc-linh.

Trong phiên họp ngày 1 tháng Ba của hạ viện, huân tước Pan-mớc-xtơn đã trả lời một câu hỏi của huân tước Đa-đli Xtiu-át như sau:

"Các cường quốc ở lục địa không đưa ra đề nghị nào về việc trục xuất những người lưu vong chính trị khỏi nước Anh, nhưng nếu như họ đề nghị như thế thì họ sẽ vấp phải sự từ chối dứt khoát và kiên quyết. *Chính phủ Anh không bao giờ bận tâm đến sự an ninh nội bộ của nước khác*".

Tuy nhiên, qua tờ báo "Moniteur" của giới đầu cơ chứng khoán và qua tờ "Journal des Débats" người ta có thể thấy đề nghị sẽ được đưa ra là đề nghị gì; trong một số báo gần đây, tờ "Journal des Débats" đoán rằng nước Anh đã đồng ý chấp nhận những yêu cầu chung của Áo, Nga, Phổ và Pháp. Tờ báo viết thêm:

"Nếu như Liên bang Thụy Sĩ từ chối không cho phép Áo giám sát các bang ở biên giới thì có khả năng là Áo sẽ vi phạm sự bất khả xâm phạm của lãnh thổ Thụy Sĩ và

1* - về mặt cấu cú, về mặt ngôn từ.



chiếm đóng bang Tét-xin; trong trường hợp này, để duy trì thế cân bằng về chính trị, Pháp sẽ đưa quân đội của mình vào các bang của Thụy Sĩ nằm sát biên giới nước Pháp".

Về thực chất, tờ "Journal des Débats" đề nghị rằng đối với Thụy Sĩ cũng sẽ dùng cách giải quyết vấn đề một cách giản đơn như năm 1770 hoàng tử Phổ Hen-rích đã đề nghị dưới hình thức đùa cợt với nữ hoàng Ê-ca-tê-ri-na trong việc giải quyết vấn đề Ba Lan[369]. Trong khi đó cái cơ quan đáng kính tự xưng là Quốc hội hiệp bang Đức[370] đang thảo luận nghiêm chỉnh vấn đề "đề nghị cần đưa ra với nước Anh", và về vấn đề trang trọng này, từ các lá phổi đang thở ra nhiều không khí đến mức có thể thổi căng buồm của toàn bộ hạm đội Đức.

Trong phiên họp ngày 1 tháng Ba của hạ viện đã xảy ra một chuyện hết sức điển hình. Người ta tuyên bố rằng các đại biểu của Brít-giơ-nóóc và Blếch-bớc đã trúng cử nhờ mua chuộc và do đó sự đắc cử của họ là bất hợp pháp. Bấy giờ ngài Gi. Se-li đề nghị rằng những chứng cớ đưa ra cho các ủy ban của hai khu ấy cần chuyển cho nghị viện thẩm tra và lệnh bầu lại cần được ban ra sớm nhất là ngày 4 tháng Tư. Về vấn đề này, tòng nam tước đáng kính ngài Gi. Tơ-rô-lốp, sau khi cho biết "đã cử ra 14 ủy ban để điều tra các vụ mua chuộc ở các khu vực bầu cử nhỏ và còn phải cử thêm 15 ủy ban mới", đã nói tới việc khó tìm đủ số lượng nghị sĩ để, một mặt, thành lập những ủy ban trọng tài quyết định vấn đề bầu cử, mà tính hợp pháp của nó còn đang tranh cãi và mặt khác thành lập những ủy ban xử lý các công việc thường ngày của nghị viện. Nếu như nghiên cứu sâu hơn một chút những cơ sở của bản thân nghị viện thì tất phải đi đến kết luận rằng sự tan rã đang chờ đợi nó và bộ máy nghị viện sẽ ngừng chạy hoàn toàn.

Trong tiểu phẩm gần đây của mình cũng như trong *những lời kêu gọi trịnh trọng* của mình tại đại hội hòa bình ở Man-se-txơ[371] và tại các cuộc mít tinh đòi cải cách giáo dục ông Cốp-đen không thể từ bỏ cái thú đả kích báo chí. Tất cả báo chí đều ăn miếng trả miếng đối với ông ta, những kẻ giảng cho ông ta đòn mạnh

nhất là "một người Anh"[1*] mà những bài viết của ông này về Lu-i-Na-pô-lê-ông trong thời kỳ coup d'état[2*] đã gây ấn tượng hết sức mạnh mẽ [372] và từ đó ông này vẫn chĩa vũ khí của mình vào các nam tước ngành tơ và các huân tước ngành bông vải sợi. Ông này kết thúc bức thư của mình gửi Cốp-đen bằng lời nhận xét sâu cay đối với đấng tiên tri ở Tây Rai-đinh ấy:

"Say sưa và *mê mẩn* chỉ vì một thành công duy nhất, hắn sẵn sàng làm kẻ độc tài nổi tiếng trong dân chúng. Là nhà tiên tri của một nhóm nhỏ, không ngơi trong công tác cổ động của mình, tham danh vọng, không tha thứ một sự đối lập nào, trái tính trái nết, bất chấp lô-gích và hay sa vào chủ nghĩa không tưởng, ngoan cố trong việc theo đuổi mục đích, giữ thái độ kiêu căng, là kẻ tuyên truyền cho hòa bình nhưng thích tranh cãi và là tín đồ mới của tình bác ái phổ biến nhưng hay cáu kỉnh, là kẻ tôn thờ những giáo điều chuyên chế với từ "tự do " ở cửa miệng, hắn phát điên lên khi báo chí không để cho hắn dọa nạt và lừa gạt; hắn muốn thiến báo chí, tước bỏ ảnh hưởng, trí lực và tính độc lập của nó; hắn muốn hạ thấp nghề nghiệp của những người hào hiệp có trình độ học thức cao xuống mức nghề thủ công của bọn bồi bút để bản thân hắn trở thành *thủ lĩnh* duy nhất của họ".

*Do C.mác viết 4 tháng Ba 1853*
*Đã đăng trên báo "New – York Daily Tribune" số 3722, ngày 22 tháng Ba 1853 và trích đăng trên tờ "The Peoplés Paper" số 50, ngày 16 tháng Tư 1853.*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản in trên báo "New–York Daily Tribune", có đối chiếu với bản in trên báo "The Peoples Paper"*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - Ri-sớt
2* - đảo chính



C. MÁC

# CÔ-SÚT VÀ MÁT-DI-NI. - ÂM MƯU CỦA CHÍNH PHỦ PHỔ. - HIỆP ƯỚC THƯƠNG MẠI ÁO - PHỔ. - TỜ "TIMES" VÀ NHỮNG NGƯỜI LƯU VONG [373]

Luân Đôn, thứ sáu, 18 tháng Ba 1853

Hôm nay nghị viện tạm ngừng họp cho đến ngày 4 tháng Tư nhân kỳ nghỉ lễ phục sinh.

Trong một bài báo trước đây, dựa theo một giả thuyết được mọi người thừa nhận, tôi đã đưa tin rằng vợ Li-bê-ni ở Pét bị người Áo đánh bằng roi[374]. Về sau tôi đã xác minh rằng ông ta chưa hề có vợ; một tin đồn khác lan truyền trên báo chí Luân Đôn, nói rằng ông ta định trả thù cho cha bị người Áo làm nhục, cũng là hoàn toàn vô căn cứ. Ông ta hành động hoàn toàn do động cơ chính trị chi phối, cho đến phút cuối cùng vẫn giữ vững được tinh thần kiên định và xử sự như một người anh hùng.

Trước khi nhận được bài này, qua báo chí Anh các bạn đã biết bài trả lời của Cô-sút đối với lời tuyên bố của Mát-di-ni. Về phần mình, tôi cho rằng Cô-sút đã làm cho tình cảnh của mình vốn đã xấu lại càng xấu hơn. Mâu thuẫn giữa lời tuyên bố ban đầu và lời tuyên bố gần đây của ông ta đã rõ ràng đến mức tôi không cần phải chứng minh tường tận nữa. Ngoài ra, người ta thấy ngôn ngữ của hai văn kiện ấy có sự khác nhau gây cảm giác khó chịu: bản

thứ nhất viết theo ngôn ngữ phóng đại của nhà tiên tri phương Đông – bản thứ hai viết theo lối ngụy biện trước tòa của trạng sư.

Bạn bè của Mát-di-ni hiện nay nhất trí khẳng định rằng cuộc khởi nghĩa Mi-la-nô là do tình thế thúc ép Mát-di-ni và các đồng chí của ông ta, tình thế mà họ không kiểm soát được. Nhưng một mặt, do chính bản chất của các vụ âm mưu nên việc nổ ra quá sớm là cái vốn có của chúng - hoặc do có sự phản bội, hoặc do ngẫu nhiên. Mặt khác, nếu như trong ba năm trời, các anh chỉ hò hét: *hành động, hành động, hành động* và toàn bộ cuốn từ điển cách mạng của các anh chỉ có một từ "khởi nghĩa" thì không thể nghĩ rằng bất cứ lúc nào các anh cũng có đủ uy tín để ra lệnh: *không được khởi nghĩa*. Dù sao đi nữa, sự tàn bạo của người Áo đã biến thất bại ở Mi-la-nô thành bước mở đầu thực sự cho cuộc cách mạng dân tộc. Các bạn hãy nghe, chẳng hạn, bản tin hôm nay của tờ "Morning Post", cơ quan ngôn luận thạo tin của huân tước Pan-mác-xtơn:

"Nhân dân Na-plơ đang chờ đợi một phong trào chắc chắn sẽ nổ ra ở đế quốc Áo. Bấy giờ cả I-ta-li-a từ biên giới Pi-ê-mông đến Xi-xin sẽ nổi dậy và sẽ diễn ra một tai họa ghê gớm. Quân đội I-ta-li-a sẽ tan rã, cái gọi là binh sĩ Thụy Sĩ tuyển mộ từ thời kỳ cách mạng 1848 sẽ không cứu vãn được các lãnh chúa I-ta-li-a. I-ta-li-a sẽ đi tới *một nền cộng hoà không thể tưởng tượng được*. Không nghi ngờ gì, đấy là màn sau của vở kịch được bắt đầu vào năm 1848. Ngoại giao đã kiệt lực trong cuộc đấu tranh cho bọn lãnh chúa I-ta-li-a".

Au-rê-li-ô Xa-phi, người đã ký tên vào tuyên ngôn của Mát-di-ni và đã tiến hành một chuyến đi khắp I-ta-li-a trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra công khai thừa nhận trong thư gửi tờ "Daily News" rằng *"các giai cấp bên trên* đang chìm đắm trong sự thờ ơ, lãnh đạm hoặc tuyệt vọng" và chỉ có "nhân dân Mi-la-nô", giai cấp vô sản,

"thiếu sự lãnh đạo và hoàn toàn dựa vào bản năng của mình, đứng trước chế độ chuyên chế của các viên tổng đốc Áo và những bản án xử tử của các tòa án quân sự, là vẫn giữ được lòng tin vào tương lai của Tổ quốc và nhất trí sẵn sàng trả thù".

Thế là bước tiến lớn đối với đảng của Mát-di-ni là rút cục nó đã tin rằng ngay trong các cuộc khởi nghĩa dân tộc chống lại sự



chuyên chế của nước ngoài cũng có những cái như là những sự khác nhau về giai cấp và trong thời đại chúng ta, có thể trông chờ không phải là từ các giai cấp bên trên phong trào cách mạng. Có thể là những người ủng hộ Mát-di-ni sẽ còn tiến thêm một bước nữa và nhận thức được rằng nếu như họ muốn khẩu hiệu "Dio e popolo"[1*] của họ được hưởng ứng thì họ phải nghiên cứu nghiêm chỉnh tình cảnh vật chất của dân cư nông thôn I-ta-li-a. Tôi dự định sau này sẽ mô tả tỉ mỉ những điều kiện vật chất của tuyệt đại đa số dân cư nông thôn nước này, những điều kiện cho đến bây giờ vẫn biến họ nếu không phải thành phản động thì ít ra cũng thành kẻ thờ ơ đối với cuộc đấu tranh dân tộc của I-ta-li-a.

Hai nghìn bản in tập sách nhỏ mà tôi xuất bản ở Ba-lơ cách đây không lâu với nhan đề: "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" ("Enthüllungen über den Kolner Kommunisten - Prozess")[2*] đã bị tịch thu ở biên giới Ba-đen và bị đốt theo yêu cầu của Chính phủ Phổ. Dựa vào luật báo chí mới mà các cường quốc ở lục địa áp đặt cho Liên bang Thụy Sĩ, Chính phủ Ba-lơ cũng đã tịch thu một số bản còn nằm ở nhà xuất bản và định truy tố người xuất bản là ông Sa-bê-lít-xơ, cùng con trai ông[3*] và chủ nhà in. Đây sẽ là vụ án đầu tiên thuộc loại này ở Thụy Sĩ và sự việc đã trở thành đề tài tranh cãi giữa phái cấp tiến và đảng bảo thủ. Chính phủ Phổ lo lắng biết chừng nào đến việc bưng bít trước dư luận xã hội những hành động bỉ ổi của nó trong thời gian diễn ra vụ án ở Khuên, điều đó các bạn có thể thấy được ngay trong việc Bộ trưởng ngoại giao đã ra lệnh tịch thu (Fahn-debriefe) cuốn sách nhỏ ấy bất kể thấy nó ở đâu, mà thậm chí không dám nêu rõ tên thật của nó. Để đánh lừa công chúng, hắn gọi tập sách nhỏ ấy là *"Học thuyết về chủ nghĩa cộng sản"* trong khi nội dung của nó không có gì ngoài việc vạch trần những bí mật của nhà nước Phổ.

1* - "Thượng đế và nhân dân"
2* - Xem tập này, tr.539 – 625.
3* - Gia-cốp Sa-bê-lít-xơ

"Tiến bộ" duy nhất mà nước Đức quan phương đạt được sau năm 1848 là việc ký kết hiệp ước thương mại Áo - Phổ – ét encore![1*] hiệp ước ấy kèm theo rất nhiều clausulae[2*], xen vào rất nhiều ngoại lệ và trì hoãn rất nhiều vấn đề quan trọng để sau này những ủy ban hiện chưa thành lập sẽ giải quyết, đồng thời dự định hạ thấp biểu thuế rất không đáng kể trên thực tế cho nên toàn bộ hiệp ước chỉ ngang như ảo tưởng về thống nhất thương mại thực sự của nước Đức và không có ý nghĩa thực tiễn gì. Điểm đặc trưng nhất của hiệp ước này là thắng lợi mới của Áo đối với Phổ. Lần này cái cường quốc giả, nham hiểm, đê tiện, khiếp nhược, dao động ấy lại khuất phục trước địch thủ tàn bạo hơn nhưng thẳng thắn hơn của nó. Áo không những ép nước Phổ nhận cái hiệp ước mà Phổ phải miễn cưỡng đồng ý, mà Phổ còn bị buộc phải khôi phục Liên minh thuế quan[375] cũ với biểu thuế cũ, nói cách khác là nó có nghĩa vụ trong vòng mười hai năm không được thay đổi gì trong chính sách thương nghiệp của mình nếu không có sự đồng ý nhất trí của các quốc gia nhỏ hơn tham gia Liên minh thuế quan, tức là nếu không được Áo cho phép (các quốc gia Nam Đức là chư hầu của Áo không những về chính trị mà cả về thương nghiệp, do đó họ là kẻ thù của Phổ). Từ khi "đội ơn Thượng đế" khôi phục được chính thể quân chủ, nước Phổ ngày càng xuống dốc. Có lẽ quốc vương Phổ, "đấng anh minh đương thời", cho rằng trong sự sỉ nhục mà chính phủ của ngài chịu đựng, ở nước ngoài, nhân dân của ngài có thể tìm thấy sự an ủi và sự khen thưởng vì sự phục tùng của họ đối với chế độ chuyên chế vô nhân đạo.

Vấn đề những người lưu vong vẫn chưa được giải quyết. Tờ "Oesterreichische Correspondenz", cơ quan bán chính thức, bác bỏ lời khẳng định rằng dường như lúc này nước Áo đã gửi cho Chính phủ Anh một công hàm mới vì rằng "do những biến cố gần đây chứng tỏ thế lực của huân tước Pan-mốc-xtơn đã được khôi phục,

1* - thêm vào đó!
2* - điều kiện đặt trước, điều kiện bảo lưu



nên chính phủ của hoàng đế không thể để cho sự tôn nghiêm của nó không tránh khỏi bị đe dọa". Tôi đã viết cho các bạn về lời tuyên bố của Pan-mốc-xtơn tại hạ viện[1*]. Qua báo chí Anh, các bạn đã biết bản tuyên bố thân Áo của A-bốc-đin tại thượng viện, căn cứ vào đó thì Chính phủ Anh sẵn sàng đảm đương vai trò mật thám và chánh án của Áo. Hiện nay tờ báo của Pan-mốc-xtơn[2*] bình luận về những ý kiến của người bạn đồng nghiệp của ông ta như sau:

"Ngay về những nhượng bộ ôn hòa hơn mà huân tước A-bốc-đin có lẽ muốn chấp nhận, chúng tôi cũng không thể nói rằng chúng tôi rất tin tưởng vào sự thành công của chúng... Không ai dám đề nghị với Chính phủ Anh hãy thử biến mình thành công cụ chính trị của ngoại bang và đóng vai trò cạm bẫy chính trị".

Các bạn thấy trong hội đồng nội các Ma-phu-xa-in bao trùm một sự hòa hợp tốt đẹp như thế nào giữa "sự bất lực già nua với nghị lực tự do chủ nghĩa". Trên tất cả các báo chí Luân Đôn đều nổi lên tiếng thét phẫn nộ phản đối A-bốc-đin và thượng viện. *Ngoại lệ nhục nhã duy nhất* là tờ "Times".

Các bạn còn nhớ rằng tờ "Times" bắt đầu bằng việc tố giác những người lưu vong và xúi giục các cường quốc khác yêu cầu trục xuất họ. Khi nó tin chắc rằng để án khôi phục luật ngoại kiều[376] sẽ bị bác bỏ - một cách nhục nhã đối với chính phủ - tại hạ viện thì nó đột nhiên trình bày một cách hùng hồn những sự hy sinh mà nó - dĩ nhiên thôi! - sẵn sàng chịu đựng để bảo vệ quyền tị nạn. Cuối cùng, sau cuộc trao đổi ý kiến thân mật giữa các nghị sĩ rạng rỡ hào quang ở thượng viện, nó đã tự khao thưởng mình về đạo đức công dân cao cả của nó bằng cách tự cho phép mình nổi giận như sau trong bài xã luận ngày 5 tháng Ba:

"Ở nhiều nước trên lục địa, người ta cho rằng chúng ta lấy làm thú vị về sự tồn tại ở nước ta một bầy người lưu vong, những kẻ hung tợn của tất cả các nước có thể gây ra bất cứ tội lỗi nào... Những nhà văn nước ngoài phản đối sự có mặt những đồng bào của họ ở Anh bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, liệu có cho rằng số phận của người lưu vong ở nước ta là đáng thèm muốn không? Chúng ta muốn xua tan sự hiểu lầm ấy của họ. *Cái lớp người đáng thương ấy* phần lớn sống trong cảnh nghèo nàn khốn khổ, ăn

1* - Xem tập này, tr. 720 – 721.
2* - "Morning Post"

nước ta là đáng thêm muốn không? Chúng ta muốn xua tan sự hiểu lầm ấy của họ. *Cái lớp người đáng thương ấy* phần lớn sống trong cảnh nghèo nàn khốn khổ, *ăn miếng bánh mì cay đắng của đất khách quê người* và đấy là khi họ, những người bị chìm ngập trong làn sóng vẩn dục của thành phố lớn đó, còn kiếm được thứ bánh mỳ ấy... *Sự trừng phạt đối với họ là sự trục xuất dưới hình thức tàn bạo nhất*".

Về điểm cuối này, tờ "Times" nói đúng: nước Anh là đất nước tuyệt vời, miễn là không phải sống ở đấy.

Trên "thiên đường sao Hỏa", Đan-tơ đã gặp tổ tiên của mình là Cát-sác-vi-da-đi Ê-li-đê, người báo trước cho Đan-tơ biết rằng ông sẽ bị đuổi khỏi Phlo-ren-xi-a bằng những lời sau đây:

"Tu proverai si come sa di sale
Lo pane altrui, e com e duro calle
Lo scendere, e'l salir per l'altrui scale".
"Con sẽ hiểu
Đắng cay thay khi bánh mì không phải của mình
Vất vả thay khi lên xuống gác nhà người ở nước ngoài"[377]

Đan-tơ thật may mắn! Ông cũng "là người thuộc lớp người thảm hại được gọi là những người lưu vong chính trị", nhưng những sự công kích của kẻ thù không đe dọa ông theo tinh thần của những bài xã luận tầm thường trên tờ " Times"! Tờ "Times" còn may mắn hơn! Nó đã trốn thoát khỏi "chỗ ngồi được dành sẵn" dưới "Địa ngục" của Đan-tơ.

Nếu, như tờ "Times" nói, những người lưu vong buộc phải ăn miếng bánh mì đắng cay của đất khách quê người mà, tờ "Times" quên thêm vào, họ phải trả bằng cái giá rất đắt thì chẳng lẽ bản thân tờ "Times" lại không nuôi béo mình bằng mồ hôi và máu của người nước ngoài hay sao? Các pi-ti[1*] nặc danh của tờ báo ấy đã khai thác được bao nhiêu bài xã luận và bao nhiêu pao từ những cuộc cách mạng ở Pháp, những cuộc khởi nghĩa ở Đức, từ những cuộc bạo động ở I-ta-li-a và các cuộc chiến tranh ở Hung-ga-ri, từ những vụ bắn giết ở Pháp và những vụ treo cổ ở Ao, từ số súc vật bị tịch thu và từ số tài sản không có chủ! Tờ "Times" sẽ bất hạnh biết bao nếu như trên lục địa không có "những kẻ hung tợn" ấy và nó sẽ buộc phải sống lần hồi qua ngày bằng thực phẩm kém phẩm chất ở chợ

1* - cổ đông, nhà tiên tri



Xmít-phin-đơ, bằng khói của các ống khói Luân Đôn, bùn lầy, phu xe *hung tợn*, sáu chiếc cầu trên sông Tem-đơ, dám ma trong thành phố, nghĩa địa truyền nhiễm bệnh dịch hạch, nước uống bẩn thỉu, tai nạn xe lửa, cân đo giả mạo và những đối tượng lý thú khác là mặt hàng thường xuyên của tờ báo ấy trong thời kỳ lục địa yên ắng. Tờ "Times" không thay đổi gì kể từ khi nó yêu cầu Chính phủ Anh *xử tử* Na-pô-lê-ông I.

"Không biết người ta có lưu ý hay không – tờ báo ấy viết trong số ra ngày 27 tháng Bảy 1815 - đến sự việc là tin tức về con người ấy còn sống tất sẽ gây tác động như thế nào đối với những người bất mãn ở khắp nơi thuộc châu Âu? Họ cho rằng - và họ hoàn toàn có quyền như vậy - vua chúa các nước đồng minh *sợ* xâm phạm đến tính mạng của con người có nhiều kẻ súng bái và ủng hộ như thế".

Cũng tờ báo này đã cổ súy cuộc thập tự chinh chống Hợp chúng quốc Mỹ:

"Không có hòa ước gì với Mỹ *chừng nào* còn chưa chấm dứt được *cái tấm gương xấu ấy về cuộc phiến loạn dân chủ thắng lợi*".

Trong ban biên tập tờ "Times" không có "kẻ hung tợn" nào từ lục địa đến. Trái hẳn lại. Chẳng hạn ở đấy có một con người thảm hại, một người Phổ tên là Ốt-tô Phôn Ven-cơ-stốc đã từng là người phát hành một tờ báo nhỏ ở Đức, nhưng về sau ở Thụy Sĩ, ông ta đã rơi vào cảnh nghèo nàn khốn khổ, tới mức buộc phải kêu gọi cái túi tiền của Phrai-li-grát và những người lưu vong khác cho đến khi cuối cùng làm chân phục vụ cho đại sứ Phổ ở Luân Đôn, là Bun-den nổi tiếng và đồng thời trở thành một bộ phận không thể thiếu được của nhà tiên tri ở Vườn hoa Prin-tinh-hao[378]. Trong ban biên tập tờ "Times" có không ít những nhân vật ngoan ngoãn như thế từ lục địa tới, họ tạo thành mắt nối giữa cảnh sát lục địa với tờ báo chủ chốt ở Anh.

Sự việc sau đây có thể coi là ví dụ về tự do báo chí ở Anh . Ông Ê. Tơ-ru -lôi sống ở phố Xtơ-ren bị đưa ra xử trước tòa án cảnh sát ở phố Boi Luân Đôn theo sự khởi tố của đại diện toàn quyền ngành thuế vụ trong nước, dựa vào chương 76 đạo luật năm thứ 6 và thứ 7 thời kỳ trị vì của Uy-li-am IV, ông bị buộc tội là đã bán tờ báo mang tên "Potteries Free Press" xuất bản mà không nộp thuế tem theo quy định. Tờ báo này đã ra bốn số ở thành phố Xtốc-ôn-Tơ-ren. Người sở hữu trên danh nghĩa tờ báo này là Cô-lét Đốp-xơn Cô-lét, thư ký *Hội liên hiệp đấu tranh đòi xóa bỏ thuế tri thức*,

người đã xuất bản tờ báo "theo cách làm thực tế của Cục quản lý thuế tem là cơ quan cho phép các tờ báo "Athenaeum", "Builder", "Punch", "Racing Times"[379] v.v. đăng những bản tin và bình luận về các sự kiện hàng ngày không phải nộp thuế tem"; ý định không cần che dậy của viên thư ký đó là gây ra sự truy tố của chính phủ nhằm mục đích xem tòa án quyết định những tin tức nào thì được miễn nộp một pen-ni thuế tem. Quan tòa là ông Hen-ri còn chưa đưa ra quyết định của mình. Song nó sẽ không có ý nghĩa gì lớn vì rằng việc xuất bản tờ báo nói trên không phải để thách thức đạo luật về thuế tem mà chỉ là để lợi dụng những chỗ chưa rõ ràng còn tồn tại trong lời văn của đạo luật.

Báo chí Anh hôm nay đều đăng bức điện gửi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ ngày 6 tháng Ba, theo đó thì Ri-pha-át-pa-sa đã thay thế Phu-át-ê-phen-di trong chức vụ Bộ trưởng ngoại giao. Đại sứ đặc mệnh Nga là công tước Men-si-cốp đã ép triều đình Thổ Nhĩ Kỳ phải chịu sự nhượng bộ này. Cuộc tranh chấp về vấn đề đất thánh[380] cho tới nay vẫn chưa được giải quyết giữa Nga, Pháp và triều đình Thổ Nhĩ Kỳ vì rằng Lu-i - Na-pô-lê-ông, người đặc biệt cảm tức những mưu mô của Nga và Áo nhằm cản trở việc giáo hoàng phong vương cho mình, định trả thù dựa vào sự thiệt hại của người Thổ Nhĩ Kỳ. Trong bài sau, tôi có ý định trình bày cái vấn đề phương Đông cứ trở đi trở lại mãi ấy, cái pons asini[1*] trên trường ngoại giao châu Âu ấy.

*Do C. Mác viết ngày 18 tháng Ba 1853*
*Đã đăng trên báo "New – York Daily Tribune", số 3733 ngày 4 tháng Tư 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - hòn đá vuông chân thẳng ngốc; dịch theo nghĩa đen là chiếc cầu cho lừa (như người ta gọi định lý thứ năm của Ô-clít như vậy, định lý rất khó hiểu đối với người mới học).

# PHỤ LỤC

người đã xuất bản tờ báo "theo cách làm thực tế của Cục quản lý thuế tem là cơ quan cho phép các tờ báo "Athenaeum", "Builder", "Punch", "Racing Times"[379] v.v. đăng những bản tin và bình luận về các sự kiện hàng ngày không phải nộp thuế tem"; ý định không cần che dậy của viên thư ký đó là gây ra sự truy tố của chính phủ nhằm mục đích xem tòa án quyết định những tin tức nào thì được miễn nộp một pen-ni thuế tem. Quan tòa là ông Hen-ri còn chưa đưa ra quyết định của mình. Song nó sẽ không có ý nghĩa gì lớn vì rằng việc xuất bản tờ báo nói trên không phải để thách thức đạo luật về thuế tem mà chỉ là để lợi dụng những chỗ chưa rõ ràng còn tồn tại trong lời văn của đạo luật.

Báo chí Anh hôm nay đều đăng bức điện gửi từ Công-xtăng-ti-nô-plơ ngày 6 tháng Ba, theo đó thì Ri-pha-át-pa-sa đã thay thế Phu-át-ê-phen-đi trong chức vụ Bộ trưởng ngoại giao. Đại sứ đặc mệnh Nga là công tước Men-si-cốp đã ép triều đình Thổ Nhĩ Kỳ phải chịu sự nhượng bộ này. Cuộc tranh chấp về vấn đề đất thánh[380] cho tới nay vẫn chưa được giải quyết giữa Nga, Pháp và triều đình Thổ Nhĩ Kỳ vì rằng Lu-i - Na-pô-lê-ông, người đặc biệt căm tức những mưu mô của Nga và Áo nhằm cản trở việc giáo hoàng phong vương cho mình, định trả thù dựa vào sự thiệt hại của người Thổ Nhĩ Kỳ. Trong bài sau, tôi có ý định trình bày cái vấn đề phương Đông cứ trở đi trở lại mãi ấy, cái pous asini[1*] trên trường ngoại giao châu Âu ấy.

*Do C. Mác viết ngày 18 tháng Ba 1853*
*Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune", số 3733 ngày 4 tháng Tư 1853*
*Ký tên: C á c M á c*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - hòn đá vướng chân thẳng ngốc; dịch theo nghĩa đen là chiếc cầu cho lừa (như người ta gọi định lý thứ năm của Ơ-clít như vậy, định lý rất khó hiểu đối với người mới học).

# PHỤ LỤC

công khai chống lại phái đa số - khi biểu quyết chỉ trích tại phiên họp cuối cùng cũng như lúc này, khi khu bộ triệu tập cuộc họp toàn thể, và cả trong Hội và trong Ủy ban những người lưu vong[383]. Vì vậy, ở đây không thể có chuyện Ban chấp hành trung ương tiếp tục tồn tại. Không thể duy trì tiếp được nữa sự thống nhất của Ban chấp hành trung ương, nó hẳn sẽ bị phân liệt và có lẽ sẽ hình thành hai liên đoàn. Nhưng vì lợi ích của đảng là trên hết nên tôi kiến nghị lối thoát này.

2. Bãi bỏ điều lệ của Liên đoàn còn tồn tại đến ngày hôm nay. Giao cho Ban chấp hành trung ương mới thảo ra điều lệ mới.

Lý do: Điều lệ được thông qua tại đại hội năm 1847, thì năm 1848 Ban chấp hành trung ương Luân Đôn đã sửa đổi lại. Hiện nay tình thế lại thay đổi. Bản điều lệ gần đây của Ban chấp hành Luân Đôn buông lỏng những điều có tính nguyên tắc. Ở một số nơi cả hai điều lệ đều có hiệu lực, ở những nơi khác lại không có điều lệ nào cả hoặc là có những điều lệ hoàn toàn tự ý, [1*] đặt ra. Như vậy là trong Liên đoàn có tình trạng hoàn toàn vô chính phủ. Thêm vào đó bản điều lệ gần đây đã công bố rồi nên do đó, nó không thể có tác dụng thêm được nữa. Vì thế, đề nghị của tôi thực chất là nhằm mục đích thay thế cho tình trạng không có điều lệ bằng một điều lệ thực sự.[384]

3. Ở Luân Đôn thành lập hai khu bộ tuyệt đối không hề có quan hệ gì với nhau, mà chỉ liên quan với nhau ở chỗ là cả hai khu bộ này đều nằm trong Liên đoàn và trao đổi thư từ với cùng một Ban chấp hành trung ương.

Lý do: Chính vì sự thống nhất của Liên đoàn nên phải thành lập ở đây hai khu bộ. Ngoài những mâu thuẫn có tính chất cá nhân, trong Liên đoàn thậm chí còn bộc lộ những mâu thuẫn có tính nguyên tắc. Chính trong cuộc tranh luận gần đây về vấn đề "lập trường của giai cấp vô sản Đức trong cuộc cách mạng sắp tới", các thành viên phái thiểu số trong Ban chấp hành trung ương

1* - tự đặt ra



đã phát biểu những quan điểm mâu thuẫn trực tiếp với bức thư thông tri gần cuối[1*] và thậm chí với cả Tuyên ngôn[385]. Người ta thay quan điểm tổng hợp của Tuyên ngôn bằng một quan điểm dân tộc Đức mơn trớn tình cảm dân tộc của những người thợ thủ công Đức. Người ta đưa ra quan điểm duy tâm để thay thế cho quan điểm duy vật của Tuyên ngôn. *Ý chí*, chứ không phải là các quan hệ thực tế, được miêu tả là cái chủ yếu trong cách mạng. Trong khi chúng ta nói với công nhân: Có thể là các bạn sẽ còn phải trải qua 15, 20, 50 năm nội chiến để làm thay đổi các điều kiện hiện tại và làm cho chính bản thân mình có đủ năng lực để thống trị, thì thay cho cái đó, người ta nói với họ: Chúng ta phải *tức khắc* giành cho được chính quyền, hoặc là chúng ta có thể nằm ngủ. Giống như những người dân chủ dùng từ ngữ "nhân dân", lúc này người ta dùng từ ngữ "vô sản" như một lời nói trống rỗng. Để thực hiện lời nói đó[2*] có lẽ người ta phải tuyên bố tất cả những người tiểu tư sản là vô sản, tức là de facto đại diện cho những người tiểu tư sản, chứ không phải những người vô sản. Có lẽ người ta phải đặt lời nói cách mạng vào vị trí của sự phát triển thực tế của cách mạng. Cuộc tranh luận đó cuối cùng[3*] đã cho thấy những sự bất đồng có tính nguyên tắc nào đã tạo nên điều uẩn khúc của những sự bất hòa cá nhân, và bây giờ đã đến lúc phải có biện pháp. Chính những điều khẳng định đối lập nhau đó đã trở thành khẩu hiệu chiến đấu của cả hai phái; một số thành viên của Liên đoàn đã gọi những người bảo vệ Tuyên ngôn là bọn phản động, hòng cố làm cho những người này không còn được mến phục, tuy nhiên điều này đối với họ chẳng có gì là quan trọng, vì họ cũng không hề mong muốn sự mến phục. Sau tất cả những cái đó, phái đa số có quyền giải tán khu bộ Luân Đôn và khai trừ những người trong phái thiểu số[4*] coi như là những kẻ không đồng tình với các nguyên tắc của Liên đoàn. Tôi không đưa

1* - của Ban chấp hành trung ương
2* - quan điểm đó
3* - cuối cùng thấy rõ
4* - phái thiểu số của Ban chấp hành trung ương

ra đề nghị như vậy, vì nó sẽ có thể gây ra cuộc tranh cãi vô ích về vì những người đó, theo nhận thức của họ, vẫn là những người cộng sản, mặc dầu các quan điểm mà họ phát biểu lúc này đều là các quan điểm chống cộng sản, và cùng lắm thì cũng chỉ có thể gọi các quan điểm đó là những quan điểm xã hội – dân chủ mà thôi. Tuy nhiên, cũng tự thấy rõ là, cùng ở lại với nhau chỉ làm mất thời gian vô ích. Sáp-pơ thường nói tới sự đoạn tuyệt, vậy thì tôi xin có thái độ nghiêm túc đối với việc đoạn tuyệt. Tôi cho rằng đã tìm thấy con đường để chúng ta chia tay nhau mà không gây ra sự phân liệt đảng.

Tôi tuyên bố, theo quan điểm của tôi, trong khu bộ của chúng ta nên có nhiều nhất là 12 người, cũng có thể ít hơn thế, và tôi vui lòng dành toàn bộ số người còn lại cho phái thiểu số. Nếu như đề nghị này được chấp nhận thì tất nhiên chúng tôi không thể lưu lại trong[1*] Hội; tôi và phái đa số sẽ ra khỏi Hội ở phố Grai-tơ - Oan-đơ-mi-lơ. Rốt cuộc, vấn đề không phải là các quan hệ thù địch giữa hai phái, mà ngược lại, là việc chấm dứt những sự bất hòa và muốn vậy - phải chấm dứt mọi quan hệ. Chúng ta sẽ cùng lưu lại trong Liên đoàn và trong đảng, nhưng cắt đứt những quan hệ vốn chỉ mang lại thiệt hại.

*Sáp-pơ:* Cũng như ở Pháp giai cấp vô sản đoạn tuyệt với phái Núi[385] và tờ "Presse", thì ở đây những con người đại diện cho đảng về phương diện các nguyên tắc của đảng, đoạn tuyệt với những người tổ chức giai cấp vô sản. Tôi tán thành việc chuyển Ban chấp hành trung ương [2*] và sửa đổi điều lệ. Những người ở Khuên hiểu tình hình ở Đức. Tôi cũng cho rằng cuộc cách mạng mới sẽ tạo ra những con người biết xử thế[3*] tốt hơn tất cả những người có tiếng tăm trong năm 1848. Về những bất đồng có tính nguyên tắc, Ếch-ca-ri-út đã đề xướng một vấn đề tạo ra nguyên do dẫn tới cuộc tranh luận hôm nay. Tôi phát biểu quan điểm bị công kích

1* - cùng Hội đó
2* - tới Khuên
3* - lãnh đạo cách mạng



tại đây, bởi vì nói chung tôi nhiệt tình đối với việc này. Vấn đề là phải chăng chính chúng ta sẽ bắt đầu cắt cổ hay là người ta sẽ cắt cổ chúng ta. Ở Pháp sẽ đến lượt công nhân và do vậy ở Đức cũng sẽ đến lượt chúng ta. Nếu không như thế thì dĩ nhiên tôi sẽ đến nơi sống yên tĩnh và lúc đó đời sống vật chất của tôi có lẽ sẽ khác. Nếu như chúng tôi đạt được điều đó thì chúng tôi sẽ có thể có những biện pháp bảo đảm được sự thống trị của giai cấp vô sản. Tôi là người tán thành một cách cuồng tín quan điểm đó. Nhưng Ban chấp hành trung ương lại muốn điều ngược lại. Tuy nhiên, nếu như các anh không muốn cộng tác với chúng tôi nữa thì cũng được thôi, chúng ta chia tay nhau vậy. Trong cuộc cách mạng sắp tới chắc là người ta sẽ đưa tôi lên máy chém, nhưng tôi sẽ sang Đức. Nếu như các anh muốn lập hai khu bộ thì cứ việc, nhưng nếu vậy thì Liên đoàn sẽ chấm dứt sự tồn tại của mình, và sau đó chúng ta sẽ lại gặp nhau trên nước Đức và có lẽ lúc đó chúng ta sẽ lại có thể cùng đi với nhau. Tôi là bạn quen riêng của Mác, nhưng nếu như các anh muốn cắt đứt quan hệ thì được - chúng tôi sẽ đi một mình và chúng ta sẽ đi một mình vậy[1*]. Nhưng trong trường hợp như vậy phải thành lập hai liên đoàn. Một liên đoàn là để cho những người hoạt động bằng cây bút, còn một nữa là để cho những ai hoạt động theo kiểu khác. Tôi không phải là người ủng hộ ý kiến cho rằng ở Đức các nhà tư sản sẽ lên nắm chính quyền, và về phương diện này tôi là kẻ nhiệt tình theo kiểu cuồng tín, nếu không thế thì tôi là người sẽ không chịu bỏ một trinh nhỏ cho toàn bộ câu chuyện này. Nhưng ở Luân Đôn đây lại có hai khu bộ, hai hội, hai ủy ban những người lưu vong - thế thì tốt nhất là lập thành hai liên đoàn và sẽ đoạn tuyệt hoàn toàn.

*Mác:* Sáp-pơ hiểu không đúng đề nghị của tôi. Ngay sau khi đề nghị được chấp nhận, chúng ta sẽ chia tay nhau, hai khu bộ sẽ tách hẳn nhau và mọi người sẽ chấm dứt mọi quan hệ với nhau.

1* - rằng các anh sẽ đi một mình.

ra để nghị như vậy, vì nó sẽ có thể gây ra cuộc tranh cãi vô ích về vì những người đó, theo nhận thức của họ, vẫn là những người cộng sản, mặc dầu các quan điểm mà họ phát biểu lúc này đều là các quan điểm chống cộng sản, và cùng lắm thì cũng chỉ có thể gọi các quan điểm đó là những quan điểm xã hội – dân chủ mà thôi. Tuy nhiên, cũng tự thấy rõ là, cùng ở lại với nhau chỉ làm mất thời gian vô ích. Sáp-pơ thường nói tới sự đoạn tuyệt, vậy thì tôi xin có thái độ nghiêm túc đối với việc đoạn tuyệt. Tôi cho rằng đã tìm thấy con đường để chúng ta chia tay nhau mà không gây ra sự phân liệt đảng.

Tôi tuyên bố, theo quan điểm của tôi, trong khu bộ của chúng ta nên có nhiều nhất là 12 người, cũng có thể ít hơn thế, và tôi vui lòng dành toàn bộ số người còn lại cho phái thiểu số. Nếu như đề nghị này được chấp nhận thì tất nhiên chúng tôi không thể lưu lại trong[1*] Hội; tôi và phái đa số sẽ ra khỏi Hội ở phố Grai-tơ - Oan-đơ-mi-lơ. Rốt cuộc, vấn đề không phải là các quan hệ thù địch giữa hai phái, mà ngược lại, là việc chấm dứt những sự bất hòa và muốn vậy - phải chấm dứt mọi quan hệ. Chúng ta sẽ cùng lưu lại trong Liên đoàn và trong đảng, nhưng cắt đứt những quan hệ vốn chỉ mang lại thiệt hại.

*Sáp-pơ:* Cũng như ở Pháp giai cấp vô sản đoạn tuyệt với phái Núi[386] và tờ "Presse", thì ở đây những con người đại diện cho đảng về phương diện các nguyên tắc của đảng, đoạn tuyệt với những người tổ chức giai cấp vô sản. Tôi tán thành việc chuyển Ban chấp hành trung ương [2*] và sửa đổi điều lệ. Những người ở Khuên hiểu tình hình ở Đức. Tôi cũng cho rằng cuộc cách mạng mới sẽ tạo ra những con người biết xử thế[3*] tốt hơn tất cả những người có tiếng tăm trong năm 1848. Về những bất đồng có tính nguyên tắc, Ếch-ca-ri-út đã đề xướng một vấn đề tạo ra nguyên do dẫn tới cuộc tranh luận hôm nay. Tôi phát biểu quan điểm bị công kích

1* - cùng Hội đó
2* - tới Khuên
3* - lãnh đạo cách mạng



tại đây, bởi vì nói chung tôi nhiệt tình đối với việc này. Vấn đề là phải chăng chính chúng ta sẽ bắt đầu cất cổ hay là người ta sẽ cắt cổ chúng ta. Ở Pháp sẽ đến lượt công nhân và do vậy ở Đức cũng sẽ đến lượt chúng ta. Nếu không như thế thì dĩ nhiên tôi sẽ đến nơi sống yên tĩnh và lúc đó đời sống vật chất của tôi có lẽ sẽ khác. Nếu như chúng tôi đạt được điều đó thì chúng tôi sẽ có thể có những biện pháp bảo đảm được sự thống trị của giai cấp vô sản. Tôi là người tán thành một cách cuồng tín quan điểm đó. Nhưng Ban chấp hành trung ương lại muốn điều ngược lại. Tuy nhiên, nếu như các anh không muốn cộng tác với chúng tôi nữa thì cũng được thôi, chúng ta chia tay nhau vậy. Trong cuộc cách mạng sắp tới chắc là người ta sẽ đưa tôi lên máy chém, nhưng tôi sẽ sang Đức. Nếu như các anh muốn lập hai khu bộ thì cứ việc, nhưng nếu vậy thì Liên đoàn sẽ chấm dứt sự tồn tại của mình, và sau đó chúng ta sẽ lại gặp nhau trên nước Đức và có lẽ lúc đó chúng ta sẽ lại có thể cùng đi với nhau. Tôi là bạn quen riêng của Mác, nhưng nếu như các anh muốn cắt đứt quan hệ thì được - chúng tôi sẽ đi một mình và chúng ta sẽ đi một mình vậy[1*]. Nhưng trong trường hợp như vậy phải thành lập hai liên đoàn. Một liên đoàn là để cho những người hoạt động bằng cây bút, còn một nữa là để cho những ai hoạt động theo kiểu khác. Tôi không phải là người ủng hộ ý kiến cho rằng ở Đức các nhà tư sản sẽ lên nắm chính quyền, và về phương diện này tôi là kẻ nhiệt tình theo kiểu cuồng tín, nếu không thế thì tôi là người sẽ không chịu bỏ một trinh nhỏ cho toàn bộ câu chuyện này. Nhưng ở Luân Đôn đây lại có hai khu bộ, hai hội, hai ủy ban những người lưu vong - thế thì tốt nhất là lập thành hai liên đoàn và sẽ đoạn tuyệt hoàn toàn.

*Mác:* Sáp-pơ hiểu không đúng đề nghị của tôi. Ngay sau khi đề nghị được chấp nhận, chúng ta sẽ chia tay nhau, hai khu bộ sẽ tách hẳn nhau và mọi người sẽ chấm dứt mọi quan hệ với nhau.

1* - các anh sẽ đi một mình

# LỜI KÊU GỌI CỨU TRỢ NHỮNG BỊ CÁO Ở KHUÊN [389]

Chúng tôi đã nhận được bức thư sau đây kèm theo lời kêu gọi trình bày ở dưới. Thể theo sự mong muốn của các tác giả, chúng tôi cho công bố bức thư mà chúng tôi đã nhận được.

Gửi tờ "California
Staats-Zeitung
Oa-sinh-tơn, 14 tháng Giêng 1853

## *GỬI CÔNG CHÚNG ĐỨC – MỸ!*

Với vụ án kỳ quái ở Khuên, phong trào công nhân ở Đức đã bước vào giai đoạn mới. Phong trào đó đã thoát khỏi những xiềng xích mà khuôn khổ chật hẹp của một phong trào bè phái theo kiểu cuống tín đã trói buộc nó và đã công khai bước lên vũ đài chính trị. Các nhà hoạt động chính trị của giai cấp vô sản đã đối lập với các công tố viên của nhà nước cảnh sát quan liêu; giai cấp quí tộc tỉnh Ranh và giai cấp tư sản tỉnh Ranh đã tạo ra dưới hình thức tòa án bồi thẩm một tòa án đẳng cấp của mình và phán quyết nhóm đối lập của lao động chống đối lại các đặc quyền của họ là "có tội". Trong hoàn cảnh như vậy chúng tôi thấy nghĩa vụ tốt đẹp của mình là lưu ý công chúng tới lời kêu gọi dưới đây, do những người đã ký tên bên dưới gửi cho các thành viên của liên đoàn chúng tôi để phổ biến rộng rãi ở Mỹ, và đồng thời tỏ ý sẵn sàng chuyển giúp tới Luân Đôn những số tiền nhỏ mà chắc là chúng tôi sẽ nhận được và báo cáo rõ việc sử dụng các khoản tiền đó.

Gửi các liên đoàn, dù là các bạn được gọi bằng tên gì !

Hiện nay các thành viên của các bạn đang tiến hành nhiều buổi dạ hội vui vẻ và náo nhiệt. Các bạn hãy khích lệ những người bạn đầy nghị lực của chúng ta ở Tổ quốc và hãy ra tay giúp đỡ họ, bằng cách chuyển cho họ số tiền thu được của một trong những buổi dạ hội như vậy. Xin chuyển tiền quyên góp theo địa chỉ: "Hội cứu trợ", A-đôn-phơ, Clút-xơ, Chi nhánh vận tải A-đam-xơ, Ai-en-bin-đinh, Oa-sinh-tơn.

Oa-sinh-tơn, 10 tháng Giêng 1853

**I. Ghéc-hác** — Chủ tịch
**A. Clút-xơ** — Thư ký

## *LỜI KÊU GỌI!*

Nghĩa vụ của đẳng công nhân là giảm nhẹ tình cảnh của các chiến sĩ tiên phong của mình bị kết án ở Khuên và đặc biệt là quan tâm tới gia đình họ đang không được cứu trợ. Chúng tôi hy vọng rằng các công nhân nước Mỹ cũng không tự cho mình là không bị ràng buộc vào nghĩa vụ đó của đẳng. Thủ quỹ để thu nhận những khoản tiền dành cho những người đang bị bắt giữ và gia đình họ là Phéc. Phrai-li-grát, 3, Xê tôn-plai-xơ, Hác-ni Luân Đôn.

Luân Đôn, 7 tháng Chạp 1852

***Giô- han Be-rơ***
***E. Đrơn-ke***
***I. G. Ếch-ca-ri-út***
***I.Ph. Ếch-ca-ri-út***
***Ph. Ăng-ghen***
***Ph. Phrai-li-grát***
***I-man***
***Éc-ne-xtơ Giôn- xơ***
***G. Lốc-nơ***
***C. Mác***
***V.Lip-nếch***
***Ph. Muyn-sơ***
***K. Phen-đơ***
***V. Pi-pơ***
***L.V. Rinh-xơ***
***E. Rum-phơ***
***I. Un-mơ***
***Phéc. Vôn-phơ***
***V. Vôn-phơ***
***Muyn-sơ II***

Đề nghị các báo Đức - Mỹ cho đăng lại lời kêu gọi này.

*Đã đăng trên tờ "California Staats – Zeitung", tháng giêng 1853*

*In theo bản in trên báo Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu*

# LỜI KÊU GỌI CỨU TRỢ NHỮNG ĐẠI BIỂU CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN BỊ KẾT ÁN Ở KHUÊN VÀ GIA ĐÌNH HỌ

Một trong những nhiệm vụ mà các chính đảng và đảng viên của họ đang thầm lặng đảm nhận trước hết là việc cứu trợ những người ở các vị trí tiền tiêu, đã anh dũng và kiên cường bảo vệ các vị trí đó tới khả năng cuối cùng, đang bị rơi vào tay kẻ thù. Đối với đảng vô sản, đảng công nhân, những người bị kết án ở Khuên trên đất Đức đã lâm vào tình thế như vậy. Họ bị kết án không phải vì cái hành vi phạm tội mà người ta quy cho họ – tổ chức cách mạng một cách buồn cười - mà là vì họ phấn đấu để tổ chức ra một đảng công nhân, và họ đã bị kết án bởi các quan tòa thuộc tầng lớp quí tộc tài chính và phong kiến, bản án của những quan tòa ấy cũng vì thế mà phải trở thành bất công, ấy là chưa nói tới việc Chính phủ Phổ dựa vào những sự giả mạo dễ tiện nhất đã biết cách buộc lương tâm có thể là còn có ở những quan tòa đó phải lặng thinh.

Là những công nhân và tác gia nghèo khổ, kiếm sống bằng lao động hàng ngày của đôi bàn tay hoặc ngòi bút của mình, do bị cầm tù nên những bị cáo đã bị tước đi mọi khả năng tiếp tục chăm sóc những người thân của mình. Bản thân họ do những đau khổ và thiếu thốn mà họ phải chịu đựng trong nhà tù nên có nguy cơ mất đi sự sáng suốt và linh hoạt của trí tuệ, là những cái giúp cho họ có được địa vị xuất sắc trong đảng cho tới ngày nay, nếu như chúng ta không tiến hành mọi biện pháp để làm cho tình cảnh họ được dễ chịu hơn và trút đi cho họ nỗi lo âu nặng nề về việc nuôi dưỡng gia đình họ.

Gần đây ở Luân Đôn đã thành lập một ủy ban, ủy ban này đã bầu nhà thơ vô sản Phéc. Phrai-li-grát làm thủ quỹ và trong số các thành viên của nó có lãnh tụ phái Hiến chương Anh Éc-ne-xtơ Giôn-xơ. Ủy ban này đã gửi cho công nhân Đức ở Mỹ lời kêu gọi mà chúng tôi đã hưởng ứng một cách nhanh chóng.



"Nghĩa vụ của đảng công nhân là giảm nhẹ tình cảnh của các chiến sĩ tiên phong của mình bị kết án ở Khuên và đặc biệt là quan tâm tới gia đình họ đang không được cứu trợ. Chúng tôi hy vọng rằng các công nhân nước Mỹ cũng không tự cho mình là không bị ràng buộc vào nghĩa vụ đó của đảng".

Thủ quỹ để thu nhận những khoản tiền dành cho những người đang bị bắt giữ và gia đình họ là *Phéc-đi-năng Phrai-li-grát*, số 3, Xê-tôn-plai-xơ, Hác-ni, Luân Đôn.

**Ký tên: Giô. Be-rơ, E. Dron-ke,**

***I-ô. Ghé-oóc Ếch-ca-ri-út, I-ô. Phri.***
***Ếch-ca-ri-út, Ph.Ăng-ghen, Ph. Phrai-li-grát,***
***I-man, Éc-ne- xtơ, Giôn-xơ, V. Lip-nếch,***
***G. Lốc-nơ, Ph. Muyn-sơ, Muyn-sơ II,***
***C. Mác, K. Pơ-phen-đơ, V. Pi-pơ, V. Rinh-xơ,***
***E. Rum-phơ, I. Un-mơ, Phéc. Vôn-phơ, V. Vôn-phơ***

Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa [290] đã giao cho ban quản trị của mình tổ chức việc cứu trợ những người bị kết án; những người ký tên ở dưới họp thành Ủy ban đặc biệt, được thành lập vì lý do này. Ủy ban kêu gọi tất cả những người Đức hiện sống ở Niu Oóc còn coi trọng sự nghiệp đấu tranh cho tự do và những người đang bảo vệ sự nghiệp đó trên Tổ quốc cũ, hãy gửi những khoản quyên góp cứu trợ về ủy ban. Liên đoàn thể dục sẽ kịp thời báo cáo về việc sử dụng các khoản đóng góp này. Chúng tôi cho rằng các hội có địa vị trong đảng như hội chúng tôi sẽ sẵn sàng tham gia nhiệt tình vào việc cứu trợ đó.

Về phía đoàn Chủ tịch, cũng đã gửi những đề nghị như vậy tới tất cả các hội thể dục của Mỹ.

Để kết luận, chúng tôi còn muốn lưu ý rằng các hội thể dục xã hội chủ nghĩa đã ấn định tiến hành vào ngày thứ hai đầu tiên

trong tháng Ba một cuộc xổ số chung mà chúng tôi tin rằng nó sẽ đem lại số doanh thu dư dật nhờ sự hào phóng đã từng được nhiều lần thử thách trong những hoàn cảnh tương tự của các bà, các cô gái Đức, biểu thị cảm tình của họ đối với tự do và các chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho tự do.

Những giấy lạc quyên có dóng dấu của Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa dùng để thu các khoản quyên góp dưới hình thức tiền cũng như hiện vật, hiện có ở trụ sở Liên đoàn theo địa chỉ: số 38, phố Ca-nan, cũng như ở nhà của Rai-séc-xơ và Hai-nơ theo địa chỉ: số 12, phố Noóc-tơ-Uy-li-am và ở chỗ B. Kếch hiện đang trú tại nhà Giô. Muy-lơ, số 21, phố An-len.

Niu Óóc, 16 tháng Giêng 1853

*Thay mặt ban quản trị Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa*

***Uỷ ban cứu trợ***
***G. Rai-séc-xơ, I.L. Su-lơ,***
***B. Bếch-cơ, B. Kếch,***
***E. Rai-slơ.***

*Đã đăng trên "New-Yorker Criminal – Zeitung", tháng Giêng 1853*

*In theo bản đăng trên báo*
*Nguyên văn là tiếng Đức*
*In bằng tiếng Nga lần đầu*

# CHÚ THÍCH

## THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

## CÁC BẢN CHỈ DẪN

# CHÚ THÍCH

1 Tác phẩm *"Cách mạng và phản cách mạng ở Đức"* trình bày các quan điểm của những người sáng lập chủ nghĩa Mác về các vấn đề quan trọng nhất của cuộc Cách mạng Đức những năm 1848 - 1849. Lý do trực tiếp để viết tác phẩm này là việc một trong những biên tập viên của tờ báo tư sản tiến bộ "New – York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Óóc hàng ngày") là Sác-lơ Dana đầu tháng Tám 1851 đã đề nghị Mác hợp tác. Vì đang bận với các công trình nghiên cứu kinh tế, Mác đã đề nghị Ăng-ghen viết một loạt bài về Cách mạng Đức. Khi viết các bài này, Ăng-ghen đã chủ yếu sử dụng trọn bộ các số báo "Neue Rheinische Zeitung" ("Báo mới vùng Ranh") làm nguồn tư liệu, đó là chưa kể một số tài liệu bổ sung mà Mác gửi đến cho ông. Hai ông vẫn thường xuyên trao đổi ý kiến với nhau. Mác cũng đã đọc các bài này trước khi gửi đến toà soạn báo. Loạt bài báo mang tên chung "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" đã được đăng trên "New - York Daily Tribune" từ 25 tháng Mười 1851 đến 23 tháng Mười 1852 với bút danh là Mác; mãi tới năm 1913 khi người ta công bố các thư từ trao đổi giữa Mác và Ăng-ghen thì mới rõ là tác phẩm này do Ăng-ghen viết. Lúc Mác và Ăng-ghen còn sống thì "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" không được tái bản. Năm 1896 con gái Mác là Ê-lê-ô-no-ra Mác-Ê-vê - linh cho in lần thứ nhất tác phẩm này bằng tiếng Anh thành một cuốn sách riêng; cùng trong năm đó, bản dịch ra tiếng Đức của cuốn sách này cũng được xuất bản. Năm 1900 tác phẩm được in bằng tiếng Pháp do con gái Mác là La-u-ra La-phác-gơ dịch. Năm 1899 ba chương đầu cuốn sách này đã được xuất bản bằng tiếng Nga ở Béc-lin, năm 1900 tại Luân Đôn bản dịch cuốn sách này từ tiếng Anh ra tiếng Nga lần đầu tiên đã được xuất bản trọn vẹn. Trong những năm Cách mạng Nga lần thứ nhất, cuốn sách này đã được tái bản lại nhiều lần ở Nga, sau này Viện Mác – Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô cũng nhiều lần cho tái bản cuốn sách này bằng tiếng Nga.

Tờ "New - York Daily Tribune" đã đăng các bài trong loạt bài này không có tiêu đề; năm 1896, khi xuất bản sách này bằng tiếng Anh, Ê-lê-ô-no-ra Mác - Ê-vê-linh đã bổ sung cho chúng các tiêu đề và các tiêu đề ấy vẫn được giữ nguyên cho đến lần xuất bản này. –10.

2 *"Tribune"* - tên gọi tắt tờ báo Mỹ "New - York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Óóc hàng ngày") xuất bản từ năm 1841 đến năm 1924. Được nhà báo Mỹ kiêm nhà hoạt động chính trị nổi tiếng Hô-ra-xơ Gri-li sáng lập, cho tới giữa những năm 50 thế kỷ XIX, tờ báo này là cơ quan ngôn luận của cánh tả đảng Vích Mỹ, sau đó là cơ quan của đảng cộng hòa. Trong các năm 40 - 50, báo này có

các quan điểm tiến bộ, đấu tranh chống chế độ chiếm hữu nô lệ. Hàng loạt nhà văn và nhà báo lớn của Mỹ đã tham gia viết báo, một trong những biên tập viên của tờ báo từ cuối những năm 40 là Sác-lơ Dan-na, người chịu ảnh hưởng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Mác bắt đầu cộng tác với báo này từ tháng Tám 1851 và kéo dài suốt hơn mười năm, tới hết tháng Ba 1862; một số lớn các bài gửi cho báo này là do Ăng-ghen viết theo đề nghị của Mác. Các bài của Mác và Ăng-ghen gửi cho báo này bao hàm những vấn đề quan trọng nhất của tình hình chính trị trong nước và trên thế giới, của phong trào công nhân, của sự phát triển kinh tế ở các nước châu Âu, của sự bành trướng thuộc địa, của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước bị áp bức và phụ thuộc v.v.. Trong thời kỳ phản động diễn ra ở châu Âu, hai ông đã dùng tờ báo Mỹ tiến bộ, được lưu hành rộng rãi này để vạch trần những thói xấu của xã hội tư bản chủ nghĩa bằng tài liệu cụ thể, vạch trần những mâu thuẫn vốn có không thể điều hoà được của xã hội này, cũng như để vạch ra tính chất hạn chế của nền dân chủ tư sản.

Toà soạn báo "New – York Daily Tribune" trong nhiều trường hợp đã có thái độ tuỳ tiện đối với các bài của Mác và Ăng-ghen như đăng một số bài không để tên tác giả dưới dạng các bài xã luận của ban biên tập, trong một số trường hợp toà soạn còn chữa bản văn của các bài. Những việc làm này của toà soạn đã nhiều lần bị Mác phản đối. Từ mùa thu năm 1857, do khủng hoảng kinh tế ở Mỹ có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của tờ báo, Mác đành phải hạn chế số bài viết cho "New – York Daily Tribune". Vào đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ thì Mác hoàn toàn chấm dứt việc hợp tác với tờ báo này; đóng vai trò quan trọng trong sự đoạn tuyệt giữa tờ báo này với Mác là việc trong toà soạn có thêm những kẻ tán thành thoả hiệp với các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ và tờ báo đã từ bỏ các quan điểm tiến bộ. -13.

3 *Chính sách phong toả của lục địa*, hay còn gọi là sự phong toả của lục địa, do Na-pô-lê-ông công bố năm 1806, nghiêm cấm các nước ở lục địa châu Âu tiến hành buôn bán với nước Anh. –15.

4 *Biểu thuế quan bảo hộ năm 1818* đã bãi bỏ các thuế quan nội địa trên đất Phổ và tạo tiền đề cho việc hình thành Liên minh thuế quan.

*Liên minh thuế quan* của các quốc gia Đức - liên minh này đã quy định ranh giới hải quan chung – là tổ chức được thành lập năm 1834 dưới sự lãnh đạo của Phổ. Dần dần liên minh này bao trùm tất cả các quốc gia Đức, trừ nước Áo và mấy quốc gia nhỏ. Ra đời do cần thiết đó phải thành lập thị trường chung của Đức, Liên minh thuế quan đã thúc đẩy việc thống nhất nước Đức về mặt chính trị sau này. -16.

5 Ở đây muốn nói đến cuộc nổi dậy của thợ dệt Xi-lê-di các ngày 4 - 6 tháng Sáu 1844 - cuộc đụng độ giai cấp lớn đầu tiên giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở Đức, cũng như cuộc nổi dậy của công nhân Séc hạ tuần tháng Sáu 1844. Phong trào của công nhân kèm theo việc phá các công xưởng và tiêu huỷ máy móc đã bị quân đội của chính phủ đàn áp rất dã man. – 19.



6 *Hiệp bang Đức* – một tổ chức hợp nhất các quốc gia Đức, ra đời ngày 8 tháng Sáu 1815 tại Đại hội Viên. Việc duy trì 36 quốc gia Đức với chế độ phong kiến chuyên chế của họ đã củng cố tình trạng phân tán về chính trị và kinh tế của Đức và cản trở sự phát triển tiến bộ của nước này.

*Quốc hội hiệp bang* – cơ quan trung ương của Hiệp bang Đức họp ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ và bao gồm đại diện của các quốc gia Đức. Quốc hội hiệp bang là công cụ của chính sách phản động của các chính phủ Đức. – 22.

7 Tháng Năm 1834 đã thành lập cái gọi là Đồng minh thuế quan (Steuerverein) với thành phần bao gồm các quốc gia Đức – Han-nô-vơ, Brao-svai-gơ, Ôn-den-buốc và Sa-um-buốc – Líp-pê - quan tâm tới việc buôn bán với nước Anh. Tới năm 1854 đồng minh riêng rẽ này bị tan vỡ, các thành viên của nó lại gia nhập Liên minh thuế quan. – 22.

8 Tại Đại hội Viên năm 1814 – 1815, Áo, Anh và nước Nga quân chủ, những nước cầm đầu thế lực phản động châu Âu, đã lập lại bản đồ châu Âu nhằm mục đích phục hồi các chế độ quân chủ chính thống, bất kể đến lợi ích của sự thống nhất quốc gia và độc lập của các dân tộc. – 23.

9 Ở đây nói đến cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830 ở Pháp và các cuộc khởi nghĩa diễn ra sau đó ở một loạt nước châu Âu: Bỉ, Ba Lan, Đức và I-ta-li-a. – 24.

10 *"Nước Đức trẻ"* là nhóm văn học xuất hiện trong những năm 30 thế kỷ XIX ở Đức và chịu ảnh hưởng của Hai-nơ và Bớc-nơ. Thể hiện trong các tác phẩm văn nghệ và chính luận của mình tâm trạng đối lập của giai cấp tiểu tư sản, các nhà văn của nhóm "Nước Đức trẻ" (Gút-xcốp, Vin-bác, Mun-tơ...) đã đứng ra bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và tự do báo chí. Các quan điểm của những thành viên nhóm "Nước Đức trẻ" có đặc điểm là non nớt về tư tưởng và mơ hồ về chính trị; ít lâu sau đa số các thành viên này đã thoái hóa thành những người theo chủ nghĩa tự do tư sản tầm thường. – 25.

11 G.W.F. Hegel "Grundlinien der Philosophie des Rechts". Berlin, 1821 (G.V.Ph.Hê-ghen. "Nguyên lý triết học pháp quyền". Béc-lin, 1821). – 25.

12 *"Berliner politisches Wochenblatt"* ("Tuần báo chính trị Béc-lin") - cơ quan ngôn luận tối phản động, được xuất bản từ năm 1831 cho đến hết năm 1841 với sự tham gia của nhiều đại biểu thuộc trường phái lịch sử pháp quyền. Nó được sự ủng hộ và bảo trợ của hoàng tử kế vị Phri-đrích - Vin-hem (từ năm 1840 là vua Phri-đrích - Vin-hem IV).

*Trường phái lịch sử pháp quyền* - là xu hướng phản động trong khoa học luật và sử, xuất hiện ở Đức vào cuối thế kỷ XVIII. Thông qua các đại biểu nổi tiếng của mình (Hu-gô, Xa-vi-nhi, v.v.), trường phái này chống lại các tư tưởng dân chủ - tư sản của cách mạng tư sản Pháp. Về đặc điểm của xu hướng này xin xem các bài của Mác: "Tuyên ngôn triết học của trường phái lịch sử pháp quyền" và "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói

đầu" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1978, t.1, tr. 116 - 126 và 545 - 546).

*Những người theo phái chính thống* - những người bảo vệ triều đại Buốc-bông đã bị lật đổ ở Pháp năm 1792, một triều đại đại biểu cho lợi ích của chế độ thừa kế chiếm hữu ruộng đất lớn. Năm 1830 sau khi triều đại này bị lật đổ lần thứ hai, những người theo phái chính thống đã hợp nhất lại thành một đảng chính trị. - 27

13 *"Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe"* ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") - nhật báo, xuất bản ở Khuên từ ngày 1 tháng Giêng 1842 đến ngày 31 tháng Ba 1843. Những người sáng lập ra tờ báo là những đại biểu của giai cấp tư sản vùng Ranh có tư tưởng chống đối chế độ chuyên chế Phổ. Hợp tác với báo này có cả một số người theo phái Hê-ghen trẻ. Từ tháng Tư 1842, C.Mác đã trở thành cộng tác viên của báo "Rheinishe Zeitung", và từ tháng Mười năm đó là một trong những biên tập viên của tờ báo này. Tờ "Rheinische Zeitung" cũng đăng một loạt bài của Ph. Ăng-ghen. Với sự tham gia biên tập của Mác, tờ báo này bắt đầu mang tính chất dân chủ cách mạng ngày càng rõ rệt. Chính phủ Đức đã thi hành chế độ kiểm duyệt đặc biệt gắt gao đối với tờ "Rheinische Zeitung", cuối cùng đóng cửa tờ báo. –29.

14 *Seehandlung* (Công ty thương mại đường biển) - một tổ chức mậu dịch – tín dụng, được thành lập năm 1772 ở Phổ, tổ chức này có nhiều đặc quyền quốc gia quan trọng, đã cho chính phủ vay những khoản tiền lớn, trên thực tế nó thực hiện vai trò chủ ngân hàng. Năm 1904 tổ chức này chính thức trở thành ngân hàng quốc gia Phổ. – 31.

15 Ở đây muốn nói đến chủ nghĩa xã hội Đức, hay là chủ nghĩa xã hội "chân chính" - một xu hướng phản động thịnh hành ở Đức trong những năm 40 thế kỷ XIX, chủ yếu trong hàng ngũ trí thức tiểu tư sản. Các đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính" - C.Grun, M.Hét-xơ, G.Cri-ghê, v.v. - thay các tư tưởng của chủ nghĩa xã hội bằng sự thuyết giáo đa cảm về tình yêu và tình huynh đệ và phủ nhận sự cần thiết của cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở Đức. C.Mác và Ph.Ăng-ghen đã phê phán xu hướng này trong các tác phẩm: "Hệ tư tưởng Đức", "Thông tri chống Cri-ghê", "Chủ nghĩa xã hội Đức dưới dạng thơ và văn xuôi", "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1986 t.3, tr. 623 – 740; 1987, t. 4, tr.21 - 45, 287 - 340, 602 - 606, – 33.

16 *"Đạo Thiên chúa Đức"* - một phong trào tôn giáo xuất hiện năm 1844 ở một loạt quốc gia Đức và thu hút những tầng lớp đông đảo trong giai cấp tư sản hạng trung và nhỏ. Phong trào này chống lại các biểu hiện cực đoan của chủ nghĩa thần bí và thói đạo đức giả trong nhà thờ Thiên chúa giáo. Bằng cách bác bỏ vai trò thống trị của giáo hoàng La Mã cũng như nhiều giáo lý và lễ nghi của nhà thờ Thiên chúa giáo, "những người theo đạo Thiên chúa Đức" muốn làm cho đạo Thiên chúa thích ứng với các nhu cầu của giai cấp tư sản Đức.

*"Giáo đoàn tự do"* - giáo đoàn tách khỏi nhà thờ Tin lành chính thức vào năm 1846 do ảnh hưởng của phong trào "Những người bạn của ánh sáng" – một trào lưu tôn giáo chống lại phái kiên thành thống trị trong nhà thờ Tin lành, đặc điểm của phái này là chủ nghĩa thần bí cực đoan và thói đạo đức giả. Sự đối lập về tôn giáo này là một trong các hình thức thể hiện sự bất mãn của giai cấp tư sản Đức những năm 40 thế kỷ XIX đối với các chế độ phản động ở Đức.

Năm 1859 "Giáo đoàn tự do" đã hợp nhất các giáo đoàn "những người theo đạo Thiên chúa Đức". – 37.

17 *Phái nhất thần* - hay là phái chống lại phái tam vị nhất thể - những đại biểu của một trào lưu tôn giáo bác bỏ giáo lý về "Chúa ba ngôi". Trào lưu nhất thần ra đời từ thế kỷ XVI trong thời kỳ cải cách tôn giáo, là sự phản ánh cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân và bộ phận cấp tiến của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến và nhà thờ phong kiến. Nhất thần luận du nhập vào Anh và Mỹ thế kỷ XVII. Thuyết nhất thần thế kỷ XIX đã đưa các yếu tố luân lý - đạo đức trong tôn giáo lên hàng đầu và lên tiếng chống lại mặt ngoài, một lễ nghi của tôn giáo. – 38.

18 Các chiến thắng của Na-pô-lê-ông ở Đức đã dẫn tới sự tan vỡ của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh của dân tộc Đức. Tháng Tám 1806, hoàng đế Áo Phran-txơ I từ chối việc nhận chức hoàng đế của Đế chế La Mã thần thánh. Được thành lập từ thế kỷ X, đế chế này chưa phải là một quốc gia tập trung và chỉ là sự hợp nhất các công quốc phong kiến và các thành phố tự do thừa nhận quyền lực tối cao của hoàng đế. – 38.

19 Khẩu hiệu đòi có một nước Cộng hòa Đức thống nhất và không thể chia cắt đã được Mác và Ăng-ghen đề xuất từ trước khi nổ ra cách mạng (xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t. 4, tr. 428 - 429). Khẩu hiệu này cũng được đưa ra thành điểm thứ nhất trong "Những yêu sách của Đảng cộng sản ở Đức" (xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.5, tr.11) - cương lĩnh chính trị của Liên đoàn những người cộng sản trong cuộc Cách mạng Đức do Mác và Ăng-ghen thảo ra tháng Ba 1848. - 39.

20 Ở đây muốn nói đến cái gọi là cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ nhất (1839 - 1842) - cuộc chiến tranh xâm lược của Anh chống Trung Quốc, mở đầu cho việc biến Trung Quốc thành một nước nửa thuộc địa. Một trong các điều khoản của Hoà ước Nam Kinh, - một hiệp ước áp đặt cho Trung Quốc do hậu quả của cuộc chiến tranh này, - đã quy định việc mở thông năm cảng của Trung Quốc để buôn bán với nước ngoài, điều này đã tạo điều kiện cho người nước ngoài thâm nhập vào Trung Quốc. - 41.

21 Tháng Hai - tháng Ba 1846, đồng thời với cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Cra-cốp, đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa rất lớn của nông dân ở Ga-li-xi. Lợi dụng các mâu thuẫn giai cấp, nhà cầm quyền Áo đã khéo tìm cách gây ra cuộc đụng độ giữa những người nông dân khởi nghĩa Ga-li-xi và giới quý tộc Ba Lan có ý đồ ủng hộ Cra-cốp. Cuộc khởi nghĩa nông dân bắt đầu bằng việc tước vũ khí các đơn vị quân quý tộc Ba Lan nổi dậy, đã mang tính chất một cuộc tàn phá hàng loạt các trang trại địa chủ. Sau khi tiêu diệt phong trào khởi nghĩa của giới quý tộc Ba Lan, Chính phủ Áo cũng đàn áp luôn cả cuộc khởi nghĩa của nông dân ở Ga-li-xi. - 42.

22 Ở đây nói đến cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân I-ta-li-a chống ách đô hộ của Áo trong các năm 1848 - 1849. Cuộc chiến tranh nổ ra vào tháng Ba 1848 sau cuộc nổi dậy toàn thắng của nhân dân miền Lôm-bác-đi thuộc quyền Áo và ở tỉnh Vơ-ni-đơ. Dưới áp lực của quần chúng nhân dân, các quốc gia quân chủ ở I-ta-li-a, đứng đầu là Pi- ê-mông cũng đã tham chiến chống lại Áo. Cuộc chiến tranh chống Áo đã thất bại do hành động phản bội của các giai cấp thống trị I-ta-li-a sợ nước I-ta-li-a sẽ thống nhất bằng con đường cách mạng. - 52.

23 Trích trường ca của Hai-nơ: "Nước Đức. Chuyện cổ tích mùa đông", chương VII. - 64.

24 Ở đây đề cập đến sự đình chiến trong cuộc chiến tranh Slê-đơ-vích -Hôn-stai-nơ, ký kết ngày 26 tháng Tám 1848 giữa Đan Mạch và Phổ. Cuộc chiến tranh chống Đan Mạch bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa ở Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ, là một bộ phận của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Đức nhằm thống nhất nước Đức. Các chính phủ của các quốc gia Đức, trong đó có cả Phổ, dưới áp lực của quần chúng nhân dân đã buộc lòng phải tham chiến. Tuy nhiên, các giới cầm quyền Phổ trên thực tế đã không tổ chức các hoạt động chiến đấu và tháng Tám 1848 đã ký kết hiệp định đình chiến nhục nhã ở Man-mi-ô. Việc Quốc hội Phran-phuốc phê chuẩn hiệp định này vào tháng Chín 1848 đã gây nên một làn sóng phản đối mạnh mẽ và dẫn tới cuộc khởi nghĩa của nhân dân ở Phran-phuốc. Mùa xuân 1849 chiến sự lại tái diễn ở Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ, nhưng tới tháng Bảy 1850 Phổ đã ký hòa ước với Đan Mạch, nhờ thế Đan Mạch đã đập tan cuộc khởi nghĩa. - 64.

25 Về các quan điểm của Ăng-ghen đối với số phận lịch sử của các dân tộc Xla-vơ nằm trong thành phần đế quốc Áo, xin xem lời tựa viết cho bản tiếng Nga của tập này, (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Nga, Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia, Mát- xơ-va, 1957, t. 8, tr. IX - X). – 65.

26 *Các cuộc chiến tranh Hu-xơ* - mang tên nhà yêu nước vĩ đại người Séc, lãnh tụ của phong trào cải cách tôn giáo ở Séc là I-an Hu-xơ (1369 - 1415) - là các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Séc trong các năm 1419 - 1434 chống bọn phong kiến Đức và nhà thờ Thiên chúa giáo. Trong thời gian diễn ra các cuộc chiến tranh này, quân đội của những người theo phong trào Hu-xơ mà lực lượng chủ yếu bao gồm các đội quân nông dân - bình dân đã đánh lui năm cuộc thập tự chinh do giáo hoàng và hoàng đế Đức tổ chức để đánh xứ Séc. Do sự thỏa hiệp phản bội của các phần tử quý tộc - thị dân Séc với các lực lượng phản động phong kiến nước ngoài mà cuộc khởi nghĩa của nhân dân bị thất bại. Phong trào Hu-xơ có ảnh hưởng lớn đến cuộc cải cách tôn giáo châu Âu thế kỷ XVI. - 69.



27 *Đại hội Xla-vơ* họp ngày 2 tháng Sáu 1848 ở Pra-ha, tại đại hội đã nổ ra cuộc đấu tranh giữa hai trào lưu trong phong trào dân tộc của các dân tộc Xla-vơ bị đế chế Háp-xbuốc áp bức. Phái hữu, tự do - ôn hoà, gồm những người lãnh đạo đại hội (Pa-lát-xki, Sa-pha-rích), mưu toan giải quyết vấn đề dân tộc bằng con đường duy trì và củng cố chế độ quân chủ. Phái tả, dân chủ (Xa-bi-na, Phri-chơ, Lê-ben-tơ, kiên quyết chống lại việc đó và mong muốn phối hợp hành động với các lực lượng dân chủ - cách mạng ở Đức và Hung-ga-ri. Một bộ phận các đại biểu đại hội thuộc phái cấp tiến từng tham gia tích cực vào cuộc khởi nghĩa Pra-ha tháng Sáu 1848 đã bị đàn áp rất dã man. Những đại biểu còn lại ở Pra-ha của phái tự do - ôn hòa, ngày 16 tháng Sáu, đã tuyên bố hoãn các phiên họp của đại hội đến một thời gian không xác định. – 71.

28 Hai - nơ. "Người gác đêm đến Pa-ri" (tập "Những bài thơ hiện đại"). – 74.

29 Ngày 10 tháng Tư 1848 ở Luân Đôn, phái Hiến chương đã dự định tổ chức một cuộc biểu tình của quần chúng để đi đến tòa nhà quốc hội đưa đơn thỉnh nguyện thông qua bản Hiến chương nhân dân. Chính phủ đã ra lệnh cấm biểu tình, quân đội và cảnh sát được đưa về Luân Đôn để ngăn chặn việc tiến hành biểu tình. Những người lãnh đạo phái Hiến chương, trong đó có nhiều người tỏ ra dao động, đã quyết định không tiến hành biểu tình nữa và kêu gọi quần chúng giải tán. Sự thất bại của cuộc biểu tình đã được các lực lượng phản động lợi dụng để tấn công công nhân và đàn áp phái Hiến chương. – 75.

30 Ngày 16 tháng Tư 1848 cuộc biểu tình hòa bình của công nhân ở Pa-ri mang theo đơn thỉnh nguyện gửi chính phủ lâm thời về việc "tổ chức lao động" và hủy bỏ chế độ người bóc lột người" đã bị đội vệ binh quốc gia tư sản ngăn chặn, bọn này được huy động để chuyên lo việc chống biểu tình. Ngày 15 tháng Năm 1848 trong lúc nổ ra cuộc biểu tình của nhân dân, công nhân và thợ thủ công Pa-ri đã đột nhập vào phòng họp của Quốc hội lập hiến, tuyên bố giải thể nó và thành lập chính phủ cách mạng. Nhưng những người biểu tình ngay sau đấy đã bị đội vệ binh quốc gia và quân đội kịp đến giải tán. Các lãnh tụ của công nhân (Blăng-ki, v.v.) đã bị bắt. -75.

31 Ngày 15 tháng Năm 1848, vua xứ Na-plơ là Phec-đi-năng II, kẻ được mệnh danh là vua - Bom vì vụ bắn phá Mét-xi-na tháng Giêng 1848, đã đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân, giải tán đội vệ binh quốc gia, giải tán nghị viện và hủy bỏ các cải cách đã được tiến hành vào tháng Hai 1848 do áp lực của quần chúng nhân dân. - 75.

32 *Các quy tắc tạm thời về báo chí xuất bản* do Chính phủ Áo công bố ngày 1 tháng Tư 1848 yêu cầu phải nộp một khoản tiền ký quỹ lớn để được quyền ra báo. Việc duy trì sự kiểm duyệt và thẩm quyền xét xử những người có "các tội trạng về xuất bản" được dành cho tòa án hành chính (chứ không phải tòa bồi thẩm) đã tạo khả năng cho các quan chức chính phủ ngăn giữ được việc xuất bản bất kỳ ấn phẩm nào.

*Hiến pháp ngày 25 tháng Tư 1848* đã quy định điều kiện cao về tài sản và điều kiện định cư khi bầu cử vào Quốc hội, đã thành lập hai viện: thượng và hạ nghị viện và duy trì các cơ quan đại diện của các đẳng cấp ở tỉnh. Hiến pháp đã chuyển quyền hành chính và chỉ huy các lực lượng vũ trang cho hoàng đế và trao cho ông ta quyền bãi bỏ các luật đã được các nghị viện thông qua.

*Luật bầu cử ngày 11 tháng Năm 1848* đã tước bỏ quyền bầu cử của công nhân, những người làm công nhật và người hầu. Một số thượng nghị sĩ do hoàng đế cử ra, một số khác thì được bầu ra trong số những người nộp số tiền thuế cao nhất trên cơ sở các cuộc bầu cử hai cấp. Các cuộc bầu cử vào hạ nghị viện cũng được tiến hành theo hai cấp như vậy. – 80.

33 Ngày 13 tháng Tám 1849 quân đội Hung-ga-ri do Guốc-gây, kẻ phản bội sự nghiệp cách mạng, chỉ huy, đã đầu hàng ở Vi-la-gốt, và nộp mình cho các đơn vị quân đội Nga hoàng được đưa đến để dàn áp cuộc khởi nghĩa ở Hung-ga-ri. - 92.

34 *"Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie"* ("Báo mới vùng Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") ra hàng ngày ở Khuên do Mác chủ biên từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến ngày 19 tháng Năm 1849. Ban biên tập gồm có cả Ăng-ghen, V. Vôn-phơ, G.Vec-thơ, Ph.Vôn-phơ, E.Dron-ke, Ph.Phrai-li-grát và G.Buyếc-ghec-xơ.

Là cơ quan chiến đấu của phái vô sản trong phong trào dân chủ, tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã đóng vai trò người giáo dục quần chúng nhân dân, đưa họ vào cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng. Các bài xã luận xác định lập trường của tờ báo về các vấn đề quan trọng nhất của cách mạng Đức và cách mạng châu Âu, thường do Mác và Ăng-ghen viết.

Lập trường kiên quyết, không khoan nhượng của tờ báo, chủ nghĩa quốc tế chiến đấu của nó, việc xuất hiện trên các trang báo những điều vạch trần về chính trị nhằm chống Chính phủ Phổ và chống chính quyền địa phương ở Khuên, – tất cả những cái đó, ngay từ những tháng đầu tồn tại của tờ báo, đã làm cho tờ báo bị báo chí quân chủ phong kiến và tư sản tự do hãm hại cũng như bị chính phủ truy bức, nhất là sau cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ.

Bất chấp tất cả những sự truy bức và ngăn cản của cảnh sát, tờ "Neue Rheinische Zeitung" vẫn dũng cảm đấu tranh bảo vệ các lợi ích của nền dân chủ cách mạng, lợi ích của giai cấp vô sản. Tháng Năm 1849, trong hoàn cảnh thế lực phản cách mạng tấn công toàn diện, Chính phủ Phổ lợi dụng việc Mác chưa được nhận quốc tịch Phổ đã ra lệnh trục xuất ông ra khỏi lãnh thổ Phổ. Việc trục xuất Mác và không bổ các biên tập viên khác của tờ "Neue Rheinische Zeitung" là nguyên nhân làm cho tờ báo phải đình bản. Số cuối cùng, số 301 của báo "Neue Rheinische Zeitung" được in màu đỏ ra ngày 19 tháng Năm 1849. Trong lời từ biệt công nhân, các biên tập viên của báo đã tuyên bố rằng "sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân ở bất cứ đâu và bất kỳ lúc nào vẫn sẽ là tiếng nói cuối cùng của họ". – 92.



35 *Các trường Lan-kê-xtơ* là các trường tiểu học mang tên nhà sư phạm Anh Giô-dép Lan-kê-xtơ (1778 – 1831) dành cho trẻ em con nhà nghèo, trong các trường này người ta áp dụng phương pháp dạy lẫn nhau. Những học sinh lớp lớn, học khá hơn, được sử dụng để dạy các học sinh khác, để bổ sung cho tình trạng thiếu giáo viên. Trường Lan-kê-xtơ là loại trường được phổ biến rộng rãi ở Anh và một số nước khác hồi nửa đầu thế kỷ XIX. – 95.

36 Năm 1636, Giôn Hem-pơ-đen, sau này là một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, đã không chịu nộp "thuế tàu bè" cho các nhân viên thu thuế của nhà vua, một loại thuế không được hạ nghị viện thông qua. Vụ án do Hem-pơ-đen không chịu nộp thuế đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lực lượng chống chế độ chuyên chế trong xã hội Anh.

Mở đầu cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ của Anh (1775 – 1783) là cuộc đấu tranh của những người Mỹ chống thuế và thuế quan do Chính phủ Anh áp dụng ở các thuộc địa. Năm 1766 do bị phản đối, nghị viện Anh buộc phải hủy bỏ chế độ thuế tem vừa áp dụng năm trước. Sau đó người Mỹ tuyên bố tẩy chay những hàng hóa của Anh bị đánh thuế gián tiếp. Năm 1773 mưu toan dùng bạo lực để đưa chè vào Mỹ - loại chè này bị đánh thuế phụ thu cao - đã kết thúc bằng sự tiêu hủy toàn bộ số chè này ở cảng Bô-xtơn. Tất cả những vụ dụng độ này đã làm cho sự xung đột căng thẳng thêm và làm cho cuộc khởi nghĩa của các thuộc địa ở Mỹ chống lại Anh, sớm nổ ra hơn. – 99.

37 Ngày 21 tháng Ba 1848, theo sáng kiến của các bộ trưởng tư sản Phổ mong muốn khôi phục uy tín của nhà vua, tại Béc-lin, người ta đã tổ chức một buổi xuất hành long trọng của nhà vua cùng với các cuộc diễu hành ủng hộ việc thống nhất nước Đức. Vua Phri-đrích – Vin-hem IV đã đi ngựa qua các đường phố Béc – lin, cánh tay áo đeo băng vàng - đen - đỏ tượng trưng cho nước Đức thống nhất, và nói những lời yêu nước giả tạo, giả nhân giả nghĩa tự xưng mình là một chiến sĩ tích cực đấu tranh cho "tự do và thống nhất của nước Đức". – 114.

38 Ngày 17 tháng Năm 1849 tại Béc – lin đã khai mạc hội nghị với sự tham gia của Phổ, Dắc-den, Han-nô-vơ, Ba-vi-e và Vuyếc-tem-bếc nhằm mục đích xét lại cái gọi là hiến pháp để chế do Quốc hội Phran-phuốc thảo ra. Do kết quả hội nghị, ngày 26 tháng Năm 1849 hiệp định giữa các vua Phổ, Dắc-den và Han-nô-vơ ("sự liên minh của ba vua") đã được ký kết, cho tới tháng Tám 1849 đã có thêm 29 quốc gia Đức nữa tham gia hiệp định này. Theo hiệp định, hiến pháp

để chế được làm cho thích ứng với những lợi ích của chế độ quân chủ, vua Phổ phải trở thành nhiếp chính của đế chế, đồng thời đề ra việc thành lập Quốc hội gồm hai viện. "Sự liên minh" này là mưu đồ của chế độ quân chủ Phổ muốn giành hà quyền ở Đức. Tuy nhiên, dưới áp lực của Áo và Nga, nước Phổ đã buộc phải lui và ngay tháng Mười một 1850 đã phải từ bỏ "liên minh" này. – 118.

39 *Tại nhà thờ thánh Pôn* ở Phran – phước trên sông Mai – nơ từ 18 tháng Năm 1848 đến 30 tháng Năm 1849 đã diễn ra các phiên họp của Quốc hội toàn Đức. – 134.

40 Bài cuối cùng của loạt bài "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" không được đăng trên báo "New – York Daily Tribune" . Trong bản in tiếng Anh năm 1896 cũng như trong một loạt lần tái bản sau này, bài của Ăng-ghen "Vụ án mới đây ở Khuên" (xem tập này, tr. 529 – 537) vốn không nằm trong loạt bài này, đã được lấy làm bài cuối cùng. – 138.

41 "Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông") - một tờ báo Đức phản động ra hàng ngày, được thành lập năm 1798, xuất bản ở Au-xbuốc từ năm 1810 đến năm 1882. – 139.

42 Ở đây nói đến những vụ bắt bớ các nhà hoạt động của Liên đoàn những người cộng sản ở Khuên (Buyếc-ghéc-xơ, Ruê-đơ, Đa-ni-en-xơ...) do cảnh sát Phổ tiến hành hồi tháng Năm 1851 sau khi chính quyền Dắc-den bắt phải viên của Liên đoàn là Nốt-i-ung ở Lai-pxích. Chính phủ Phổ định dùng vụ khiêu khích chống Liên đoàn những người cộng sản này để tiêu diệt phong trào độc lập của giai cấp vô sản. Ý nghĩa của vụ án ở Khuên đã được Mác vạch rõ trong tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" (xem tập này, tr. 539). – 139.

43 *"Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ"* là một trong các tác phẩm quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác. Trong tác phẩm này, trên cơ sở phân tích các sự kiện cách mạng 1848 – 1851 ở Pháp, những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, của học thuyết đấu tranh giai cấp và cách mạng vô sản, của học thuyết về chuyên chính vô sản đã được phát triển hơn nữa. Ở đây lần đầu tiên Mác đã đưa ra luận điểm nói rằng giai cấp vô sản chiến thắng cần phải đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản. Mác đã viết tác phẩm này dựa theo những dấu vết nóng bỏng của các sự kiện xảy ra trong thời kỳ từ tháng Chạp 1851 đến hết tháng Ba 1852. Trong quá trình viết cuốn "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" Mác đã thường xuyên trao đổi ý kiến với Ăng-ghen về các sự kiện xảy ra ở Pháp. Ngoài báo chí và các tài liệu chính thức, Mác còn sử dụng cả những tin tức riêng từ Pa-ri làm nguồn tư liệu để viết tác phẩm này. "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" lúc đầu được dự định công bố dưới dạng một loạt bài trong tạp chí hàng tuần "Die Revolution" ("Cách mạng"), do bạn của Mác và Ăng-ghen là Vây-đơ-mai-ơ, thành viên Liên đoàn những người cộng sản ở Mỹ, biên tập để xuất bản. Nhưng



Vây-đơ-mai-ơ mới ra được hai số (tháng Giêng 1852) thì buộc phải đóng cửa vì những khó khăn về tài chính. Các bài của Mác được gửi đến quá muộn nên không được đăng trong hai số tạp chí này. Theo đề nghị của Mác, Vây-đơ-mai-ơ đã cho xuất bản tác phẩm này vào tháng Năm 1852 thành một cuốn sách riêng dưới dạng số đầu (và là duy nhất) của "tạp chí không định kỳ" "Revolution" ("Cách mạng"). Vây-đơ-mai-ơ đặt tên cho cuốn sách này là "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i – Na-pô-lê-ông" (thay cho Lu-i Bô-na-pác-tơ). Vì túng bấn, Vây-đơ-mai-ơ không chuộc lại được phần lớn số lượng in của lần xuất bản này ở chủ nhà in, chỉ có một số ít bản được đưa sang châu Âu. Những dự định tái bản nó (bằng tiếng Anh) ở Đức và ở Anh đều không thu được kết quả. Mãi năm 1869 cuốn sách này mới được xuất bản lần thứ hai. Mác đã xem lại bản văn của tác phẩm cho lần xuất bản này. Trong lời tựa viết cho lần xuất bản năm 1869, Mác đã nhận xét việc biên tập bản văn do chính ông tiến hành như sau: "Nếu sửa chữa, tác phẩm này sẽ mất nét độc đáo của nó. Vì thế tôi chỉ sửa những chỗ in sai và bỏ những đoạn bông gió đã trở thành khó hiểu". Bản văn lần xuất bản thứ ba ra năm 1885 do Ăng- ghen biên tập thì tương tự như bản in năm 1869. Bản dịch ra tiếng Pháp lúc đầu được đăng trên báo "Le Socialiste" ("Người xã hội chủ nghĩa"), cơ quan của Đảng công nhân Pháp, vào tháng Giêng – tháng Mười một 1891. Cũng năm đó, nó được in thành một cuốn sách riêng ở La-tư. Bản tiếng Nga lần đầu tiên được xuất bản ở Giơ-ne-vơ năm 1894. Sau này sách được tái bản nhiều lần bằng tiếng Nga. Viện Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô đã tham gia chuẩn bị tái bản nhiều lần cuốn sách này. Lần xuất bản này, tác phẩm được in theo bản tiếng Đức xuất bản năm 1869. – 141.

44 *Ngày 18 tháng Sương mù* (9 tháng Mười một 1799) – cuộc đảo chính kết thúc quá trình phản cách mạng của giai cấp tư sản ở Pháp, kết quả là chế độ độc tài quân sự của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ đã được thiết lập. - 145.

45 *Bét-lam* - nhà thương điên ở Luân Đôn. - 148.

46 Ngày 10 tháng Chạp 1848 do kết quả của cuộc phổ thông đầu phiếu, Lu-i Bô-na-pác-tơ được bầu làm tổng thống nước Cộng hòa Pháp. - 148.

47 Theo truyền thuyết trong kinh thánh, trong lúc những người Do Thái chạy trốn khỏi cảnh cầm tù của Ai Cập, những kẻ hèn nhát trong số họ, do bị ảnh hưởng bởi những khó khăn và đói khổ trên đường đi nên bắt đầu thấy hối tiếc những ngày bị giam hãm, vì khi đó, ít nhất, họ được ăn no. Chính vì vậy có thành ngữ *"nuối tiếc những nồi thịt ở xứ Ai Cập"*. – 148.

48 *Hic Rhodus, hic salta!*(ở đây là Rô-đốc, ở đây hãy nhảy đi! - nghĩa bóng: Ở đây là cái chủ yếu, ở đây hãy chứng minh đi!) những từ dùng để đối đáp với kẻ khoác loác (lấy trong ngụ ngôn "Kẻ khoác loác" của Ê-đốp), vì gã này khẳng định rằng anh ta đã từng nhảy rất xa ở trên đảo Rô-đốc.

*Hoa hồng ở đây rồi, ở đây hãy nhảy đi!* - cách nói bóng bẩy của hai câu trên (Pódos – tiếng Hy Lạp là tên hòn đảo, còn có nghĩa là "hoa

hồng"), được Hê-ghen dùng trong lời nói đầu cuốn "Triết học pháp quyền". - 150.

49 Tháng Năm 1852 hết nhiệm kỳ tổng thống của Lu-i Bô-na-pác-tơ. Theo Hiến pháp Pháp năm 1848 việc bầu lại tổng thống phải được tiến hành bốn năm một lần vào ngày chủ nhật thứ hai của tháng Năm. – 151.

50 Gơ-tơ. "Phau-xtơ", phần I, màn ba ("Phòng làm việc của Phau-xtơ"). – 152.

51 Trong bản in bằng tiếng Đức năm 1869 cũng như trong các bản in năm 1852 và năm 1885, ngày khai mạc Quốc hội lập pháp được ghi không chính xác: 29 tháng Năm, 1849. – 152.

52 *Phe đối lập của vương triều* - là nhóm do Ô-đi-lông Ba-rô cầm đầu trong nghị viện Pháp thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy. Các đại diện của nhóm này thể hiện tâm trạng của các giới tự do trung giai cấp tư sản công nghiệp và thương nghiệp, đã chủ trương tiến hành việc cải cách bầu cử ôn hòa, coi đó là phương sách để ngăn chặn cách mạng và duy trì triều đại Oóc-lê-ăng. -153.

53 *Cra-pi-u-lin-xki* - nhân vật trong bài thơ của Hai-nơ "Hai chàng hiệp sĩ", một quý tộc nhỏ tiêu tiền như nước; tên họ Cra-pi-u-lin-xki được đặt theo từ tiếng Pháp crapule có nghĩa là ăn uống vô độ, thói tham ăn, tật rượu chè, và đồng thời cũng có nghĩa là kẻ vô công rồi nghề, kẻ đồi bại.

Mác đã gọi Lu-i Bô-na-pác-tơ bằng cái tên Cra-pi-u-lin-xki. -157.

54 *"Le National"* ("Báo Dân tộc") - tờ nhật báo Pháp xuất bản ở Pa-ri từ năm 1830 đến năm 1851, cơ quan ngôn luận của những người cộng hòa tư sản ôn hòa. -158.

55 "Journal des Débats" - tên rút gọn của tờ nhật báo tư sản Pháp "Journal des Débats politiques et littéraires" ("Báo tranh luận chính trị và văn học"), được thành lập ở Pa-ri năm 1789. Trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy là tờ báo của chính phủ, cơ quan của giai cấp tư sản phái Oóc-lê-ăng.Trong thời kỳ cách mạng 1848 báo này thể hiện các quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng, của cái gọi là đảng trật tự. -158.

56 *Hiến chương lập hiến* được thông qua sau cuộc cách mạng tư sản năm 1830 ở Pháp, là luật cơ bản của chế độ Quân chủ tháng Bảy. Bản hiến chương này công bố một cách hình thức các chủ quyền dân tộc và hạn chế phần nào quyền hành của nhà vua. Tuy nhiên, hiến chương vẫn không hề động đến bộ máy quan liêu cảnh sát và các luật lệ gắt gao chống phong trào công nhân và dân chủ. -160.

57 *"Frère, il faut mourir!"* ("Hỡi người anh em, hãy sẵn sàng hy sinh!") - câu chào nhau của những thành viên dòng đạo Thiên chúa Tơ-ra-pi. Dòng đạo Tơ-ra-pi xuất hiện năm 1664, có đặc điểm là điều lệ rất nghiêm khắc và lối sống của các thành viên rất khổ hạnh. -164.

58 *Clu-xê* - nhà tù các con nợ ở Pa-ri trong những năm 1826 - 1867. - 164.



59 Ở đây nói đến việc vương quốc Na-plơ tham gia can thiệp chống nước Cộng hòa La Mã tháng Năm - tháng Bảy 1849.

Ngày 9 tháng Hai 1849 Quốc hội lập hiến ở La Mã, được bầu theo phương thức đầu phiếu phổ thông, đã bãi bỏ quyền lực thế tục của giáo hoàng và tuyên bố thành lập nước cộng hòa. Quyền hành pháp ở Cộng hòa La Mã được tập trung trong tay liên minh tay ba do Mát-di-ni đứng đầu. Trong thời gian tồn tại nước cộng hòa, một loạt cải cách dân chủ tư sản đã được tiến hành. Tuy nhiên, bản chất giai cấp hạn chế của nước cộng hòa đã được thể hiện trong chính sách ruộng đất của nó: không giao ruộng đất của địa chủ cho nông dân sở hữu, việc này làm cho nước cộng hòa mất người bạn đồng minh trong cuộc đấu tranh chống phản cách mạng. Do có sự can thiệp của Pháp, Áo và Na-plơ, ngày 3 tháng Bảy 1849 nước Cộng hòa La Mã bị sụp đổ. -167.

60 Mác muốn nói đến các sự kiện sau trong tiểu sử Lu-i Bô-na-pác-tơ: năm 1832 Lu-i Bô-na-pác-tơ nhập quốc tịch Thụy Sĩ tại bang Tuốc-gau; năm 1848 trong thời gian ở Anh, Lu-i Bô-na-pác-tơ tình nguyện gia nhập đội cảnh sát đặc biệt (ở Anh lực lượng dự bị của cảnh sát lấy trong dân thường) hoạt động cùng với cảnh sát chống lại cuộc biểu tình của công nhân do phái Hiến chương tổ chức ngày 10 tháng Tư 1848. -168.

61 Ở đây muốn nói đến việc Mác phân tích cuộc tuyển cử ngày 10 tháng Chạp 1848 trong tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848 - 1850" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr.61-65). -168.

62 Hoàng đế La Mã Ca-li-gu-la (37-41) được lực lượng cận vệ hoàng gia đưa lên ngôi. -217.

63 Chính phủ Pháp đã dồi được Quốc hội lập hiến cấp tiền trang bị cho binh đoàn viễn chinh xâm lược I-ta-li-a tháng Tư 1849 với cớ là ủng hộ Pi-ô-mông trong cuộc đấu tranh chống Áo và bảo vệ nước Cộng hòa La Mã. Mục tiêu thực sự của cuộc viễn chinh là can thiệp chống nước Cộng hòa La Mã và khôi phục quyền lực thế tục của giáo hoàng. -172.

64 Ở đây đề cập đến dự luật do các phần tử bảo hoàng Lơ-phlô, Ba-đơ và Pa-na, những người phụ trách hành chính quản trị của Quốc hội lập pháp (phụ trách công tác kinh tế, tài chính và bảo vệ an ninh của Quốc hội) đưa ra ngày 6 tháng Mười một 1851 nhưng bị bác bỏ ngày 17 tháng Mười một sau những cuộc tranh cãi gay gắt. Khi bỏ phiếu, phái Núi đã ủng hộ phái Bô-na-pác-tơ vì nhìn thấy phái bảo hoàng là mối nguy chủ yếu. -173.

65 *Pê-tơ Slê-min-tơ* - nhân vật trong truyện của Sa-mít-xô "Câu chuyện kỳ lạ của Pê-tơ Slê-min-lơ", đổi bóng mình lấy cái ví thần kỳ. -176.

66 *Em-xơ* - nhà nghỉ mát ở Đức. Tại đây tháng Tám 1849 đã tổ chức hội nghị của những người theo phái chính thống với sự tham gia của hà tước Sâm-bo, người tranh ngôi vua Pháp với danh hiệu Hăng-ri V.

*Clê-môn-tơ* - một lâu đài gần Luân Đôn, dinh thự của Lu-i - Phi lip sau khi ông ta bỏ chạy khỏi Pháp. -180.

67 Điều V thuộc phần mở đầu hiến pháp 1848 của Pháp. Các điều thuộc phần chính của hiến pháp được đánh số bằng chữ số A-rập. - 184.

68 Ám chỉ các mưu đồ của Lu-i Bô-na-pác-tơ định nhận ngôi vua Pháp từ tay giáo hoàng La Mã Pi IX. Theo truyền thuyết kinh thánh, Đa-vít, vua Do Thái thời cổ, được nhà tiên tri Xa-mu-in đưa lên trị vì. - 191.

69 Ám chỉ cuốn sách của Lu-i Bô-na-pác-tơ "Những tư tưởng Na-pô-lê-ông" xuất bản ở Pa-ri năm 1839 (Napoléon - Louis Bonaparte. "Des idées napoléoniennes". Paris, 1839). - 198.

70 *Các tướng giữ thành* là tên gọi 17 người cầm đầu phái Oóc-lê-ăng và phái chính thống - thành viên của Tiểu ban soạn thảo dự án luật bầu cử mới của Quốc hội lập pháp, vì các tham vọng vô căn cứ về quyền lực và vì những kỳ vọng phản động của họ. Các tướng giữ thành là tên được lấy trong vở kịch lịch sử cùng tên của Vích-to Huy-gô về đời sống của nước Đức trung cổ. Ở Đức những người đứng đầu các thành phố và vùng do hoàng đế chỉ định được gọi là các tướng giữ thành. - 203.

71 Theo luật báo chí do Quốc hội lập pháp thông qua tháng Bảy 1850, tiền ký quỹ mà các chủ báo phải nộp tăng lên rất nhiều và thuế tem được áp dụng đối với cả những sách mỏng. Luật mới là sự tiếp tục các hiến pháp phản động đã dẫn tới chỗ thực sự thủ tiêu quyền tự do báo chí ở Pháp. - 205.

72 *"La Presse"* ("Báo chí") - tờ báo tư sản hàng ngày, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836; trong các năm 1848 - 1849 là cơ quan ngôn luận của những người cộng hoà tư sản, sau đó là cơ quan của phái Bô-na-pác-tơ. - 205.

73 *"Moniteur"* - tên gọi tắt tờ báo hàng ngày ở Pháp "Le Moniteur universel" ("Báo đại chúng"), cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ, tờ báo này xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789 đến năm 1869 với tên gọi trên. - 210.

74 Ở đây đề cập đến các mưu đồ của Lu-i Bô-na-pác-tơ trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy nhằm tiến hành đảo chính bằng con đường bạo động quân sự. Ngày 30 tháng Chín 1836 được sự giúp đỡ của một số sĩ quan cùng chí hướng với Bô-na-pác-tơ, ông ta đã vận động được hai trung đoàn pháo thuộc đội quân đồn trú Xtơ-ra-xbua nổi dậy, nhưng mấy giờ sau thì các đơn vị bạo loạn bị tước vũ khí. Bản thân Lu-i Bô-na-pác-tơ bị bắt và đẩy sang Mỹ. Ngày 6 tháng Tám 1840, lợi dụng không khí khá sôi động của phong trào Bô-na-pác-tơ ở Pháp, Lu-i cùng một nhóm mưu loạn đổ bộ lên Bu-lô-nhơ và định gây bạo loạn trong các đơn vị đồn trú địa phương. Và cả âm mưu này cũng bị tan vỡ hoàn toàn. Bô-na-pác-tơ bị kết án tù chung thân, nhưng bỏ trốn được sang Anh năm 1846. - 211.

75 *Ô-xnô-cơ* - nhân vật trong hài kịch "Giấc mộng đêm hè" của Sếch-xpia. Ở đây ý Mác nói đến cảnh hai, màn I. - 211.

76 *Su-phtơ-lơ* và *Spi-ghen-bec-gơ* - những nhân vật trong vở kịch của Si-lơ "Bọn cướp", những hình tượng bọn ăn cướp và giết người mất hết mọi nguyên tắc đạo đức. - 212.



77 Ở đây ý nói đến các báo có xu hướng Bô-na-pác-tơ, tên gọi theo cung điện Ê-li-dê, dinh thự của Lu-i Bô-na-pác-tơ ở Pa-ri thời kỳ ông ta làm tổng thống. - 215.

78 Ở đây Mác dùng lối chơi chữ lấy trong bài thơ "Niềm vui" của Si-lơ, trong đó nhà thơ ca ngợi niềm vui sướng - ca ngợi người con gũi ở Ê-li-đi-um hay ở những cánh đồng Ê-li-dê (đối với các tác giả cổ đại thì chúng đồng nghĩa với thiên đường). Những cánh đồng Ê-li-dê còn là tên gọi một đại lộ ở Pa-ri, nơi có dinh thự của Lu-i Bô-na-pác-tơ. - 220.

79 *Các pháp viện* - các cơ quan toà án tối cao ở Pháp trước cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII. Các pháp viện có ở nhiều thành phố nước Pháp. Quan trọng nhất là pháp viện thành phố Pa-ri, cơ quan tiến hành đăng bạ các chỉ dụ của nhà vua và có cái gọi là quyền bác bỏ, tức là quyền phản kháng các chỉ dụ không phù hợp với phong tục và luật pháp của đất nước. Tuy nhiên sự phản kháng của pháp viện vẫn không có sức mạnh hiện thực vì sự tham dự của cá nhân nhà vua trong các phiên họp làm cho việc đăng bạ các chỉ dụ trở thành bắt buộc. - 225.

80 *Be-lơ - I-lơ* - một hòn đảo ở vịnh Bi-xcay; trong thời kỳ từ 1849 đến 1857 là nơi giam tù chính trị; đặc biệt tại đây có giam cả những công nhân tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri. - 229.

81 Ở đây Mác sử dụng, nhưng ông diễn đạt lại không thật đúng nguyên xi, một tình tiết sau đây do nhà văn cổ đại A-tê-nây kể lại (thế kỷ II - III) trong cuốn sách của mình "Những câu chuyện bên bàn ăn của các nhà bác học" ("Deipnosophistae"). Khi âm chí tấm vóc bé nhỏ của A-giê-di-lát, vua xứ Xpác-tơ, người đem quân đến giúp mình, chúa Ai-cập Ta-bốt nói : "Quả núi đang kỳ thai nghén. Thần Dớt hoảng sợ. Nhưng quả núi lại sinh ra một con chuột". A-giê-di-lát đáp lại : "Người coi ta như một con chuột, nhưng rồi sẽ đến lúc người thấy ta là một con sư tử". - 231.

82 Vơ-ni-đơ trong những năm 50 thế kỷ XIX là nơi trú ngụ của bá tước Sâm-bo, người theo phái chính thống, có tham vọng cướp ngôi vua Pháp. - 236.

83 Ý muốn nói đến những mối bất đồng về sách lược trong phe chính thống thời kỳ Phục tích. Lu-i XVIII và Vi-len ủng hộ việc tiến hành các biện pháp phản động một cách thận trọng hơn, trong khi đó bá tước D'Ác-tua (từ năm 1824 là vua Sác-lơ X) và Pô-li-nhắc hoàn toàn coi thường tình thế nước Pháp và đòi phục hồi toàn bộ các thể chế trước cách mạng.

*Cung điện Tuyn-lơ-ri* ở Pa-ri - dinh thự của Lu-i XVIII ; *Lâu Mác-xanh* - một trong các toà nhà của cung điện, trong thời kỳ Phục tích là dinh thự của bá tước D'Ác-tua. - 238.

84 *"The Economist"* ("Nhà kinh tế học") - tạp chí hàng tuần của Anh về các vấn đề kinh tế và chính trị, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1843, cơ quan của giai cấp đại tư sản công nghiệp. - 241.

85 *Cuộc triển lãm công nghiệp ở Luân Đôn* - một triển lãm công thương nghiệp quốc tế đầu tiên tổ chức từ tháng Năm đến tháng Mười 1851. - 247.

86 *"Le Messager de l'Assemblée"* ("Tin tức nghị viện") - tờ báo hàng ngày của Pháp có xu hướng chống Bô-na-pác-tơ, xuất bản ở Pa-ri từ ngày 16 tháng Hai đến hết ngày 2 tháng Chạp 1851. - 250.

87 Sách xpia : "Hăm-lét", hồi I, cảnh V. - 262.

88 *Xê-ven-nơ* - vùng núi tỉnh Lăng-gơ-đốc ở nước Pháp, vào những năm 1702 - 1705 có cuộc khởi nghĩa của nông dân mang tên là cuộc khởi nghĩa "Ca-mi-dác" ("Dân áo mành"). Cuộc khởi nghĩa nổ ra do sự truy bức những người theo đạo Tin lành, đã mang tính chất chống phong kiến rõ rệt. Những cuộc bùng nổ lẻ tẻ của nó còn tiếp tục kéo dài đến năm 1715.

*Van-đây* - tỉnh phía tây nước Pháp, nơi có cuộc nổi dậy phản cách mạng của nông dân do tầng lớp quý tộc và giới thầy tu lãnh đạo trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 266.

89 Trong lần xuất bản năm 1852, thay cho hai câu cuối cùng của đoạn này là đoạn sau đây : "Việc phá huỷ bộ máy nhà nước không gây nguy hiểm gì cho chế độ tập trung. Chế độ quan liêu chỉ là hình thức thấp nhất và thô thiển của chế độ tập trung còn đang bị đè nặng bởi cái đối lập với nó, bởi chế độ phong kiến. Tuyệt vọng và sự phục hồi Đế chế Na-pô-lê-ông, người nông dân Pháp cũng mất luôn cả lòng tin vào mảnh đất con con của mình; toàn bộ lâu đài nhà nước xây dựng trên mảnh đất con con đó bị sụp đổ, và như *thế cách mạng vô sản mới có được bài đồng ca mà thiếu nó thì trong tất cả các quốc gia nông dân, bài đơn ca của cách mạng vô sản sẽ trở thành một bài ai điếu*". - 272.

90 *Hội nghị tôn giáo ở Công-xtăng-xơ* (1414 - 1418) được triệu tập nhằm mục đích củng cố địa vị đã bị lung lay của giáo hội Thiên chúa trong điều kiện bắt đầu có phong trào cải cách. Hội nghị này đã phê phán các học thuyết của những lãnh tụ phong trào cải cách là Giôn Uy-clíp và I-an Hu-xơ. Hội nghị này đã thủ tiêu sự chia rẽ trong giáo hội Thiên chúa bằng cách bầu một người đứng đầu mới của giáo hội thay cho ba người trước đó tranh nhau ngôi giáo hoàng. - 273.

91 Xem chú thích 15. - 274.

92 Ở đây muốn nói đến chế độ nhiếp chính của Phi-líp Óc-lê-ăng ở Pháp trong thời kỳ 1715 - 1723, khi vua Lu-i XV còn ít tuổi. - 277.

93 *Chiếc áo thánh ở nhà thờ Tơ-ria* là thánh vật của đạo Thiên chúa được lưu giữ trong nhà thờ Tơ-ria, dường như là chiếc áo lễ thiêng liêng còi ở người Chúa Ki-tô ra khi Chúa bị hành hình. Áo thánh ở nhà thờ Tơ-ria là vật thờ để những người hành hương về lễ bái. - 277.

94 Các bài của Ăng-ghen viết về nước Anh định dành cho tờ tạp chí hàng tuần "Revolution" do Vây-đơ-mai-ơ xuất bản ở Niu Óc. Trong số bốn bài mà Ăng-ghen viết hồi tháng Chạp 1851 - tháng Giêng 1852, chỉ có hai bài là Vây-đơ-mai-ơ nhận được, còn hai bài bị thất lạc ở dọc đường. Nhưng cả hai bài mà Vây-đơ-mai-ơ nhận được cũng không được in vì tờ tạp chí này bị đình bản. Bản thảo của cả hai bài này mang tên "Nước Anh" do chính tay Ăng-ghen viết ở đầu mỗi bài. Tên ở đầu bài thứ hai có lẽ do Vây-đơ-mai-ơ gạch đi và chắc là chính Vây-đơ-mai-ơ đã đánh số La Mã cho cả hai bài. - 278.

95 Trong những năm 1846 - 1853, Anh tiến hành "cuộc chiến tranh ca-phơ-rơ" (tên không chính xác gọi chung các bộ tộc ở đông nam Phi) thứ năm trên đất Cáp chống các bộ tộc Cô-xơ. Trong những năm đầu chiến tranh, dân địa phương đã nhiều lần đánh bại quân Anh. Song theo hoà ước ký năm 1853 các bộ tộc Cô-xơ vẫn phải nhượng một phần đất của mình cho Anh.

Năm 1851 bọn thực dân Anh mưu toan chiếm bờ biển Nô Lệ (ở Tây Phi) và nhằm mục đích đó, họ đã can thiệp vào cuộc đấu tranh tương tàn giữa các bộ tộc I-ô-ru-ba sinh sống ở đây. Mặc dù thành phố La-gốt bị pháo kích vào tháng Chạp 1851, bọn Anh vẫn không thể chinh phục nổi dân địa phương và buộc lòng phải lập chính quyền tay sai ở đây. Mãi năm 1861, sau khi "mua" được thành phố La-gốt, bọn Anh mới đứng vững được ở bờ biển Nô Lệ và đặt được cơ sở cho chế độ thuộc địa của mình ở Ni-giê-ri-a. - 279.

96 Ở đây nói đến các đơn vị quân đội thực dân Pháp tham gia xâm chiếm An-giê-ri. - 279.

97 Trong bài ca "Lũ lau nhau hay là lễ tang A-si-lơ" ("Les mirmidons ou les funérailles d'Achille") Bê-răng-giê đã mô tả một cách có hình ảnh bọn cầm quyền nhỏ nhen và bất tài ở Pháp thời kỳ Phục tích. Trong đầu đề bài hát có sự chơi chữ: les mirmidons - những người Miếc-mi-đông, là bộ tộc truyền thuyết sống ở Nam Phét-xa-li, các chiến binh của bộ tộc này đã từng chiến đấu trong chiến tranh Tơ-roa dưới quyền chỉ huy của A-si-lơ; mirmidon cũng có nghĩa là chú nhóc, chú lùn; còn nghĩa bóng là con người bất tài, nhỏ nhen. - 281.

98 Xem chú thích 29. - 281.

99 Ở đây và phần dưới đề cập đến *các cuộc chiến tranh Pu-ních* (264 - 241, 218 - 201 và 149 - 146 trước công nguyên) do hai quốc gia chiếm hữu nô lệ loại lớn nhất thời cổ đại - La Mã và Các-ta-giơ - tiến hành chống lại nhau để thiết lập sự thống trị của mình ở Tây Địa Trung Hải, để chiếm các lãnh địa mới và có thêm nô lệ. Kết quả là Các-ta-giơ đã bị đánh tan. - 282.

100 Trong thời gian chiến tranh chống liên minh chống Pháp lần thứ nhất (1792 - 1797), quân Pháp do Na-pô-lê-ông chỉ huy chống các lực lượng quân Áo đã chiếm đóng nước Cộng hoà trung lập Vơ-ni-dơ vào tháng Năm - tháng Sáu 1797. Theo hoà ước Pháp - Áo ký tháng Mười năm đó ở Cam-pô-phó-mi-ô, một phần lãnh thổ nước Cộng hoà cùng với thành phố Vơ-ni-dơ được trao cho Áo để đổi lấy những nhượng bộ của Áo trên ranh giới sông Rainh. Phần còn lại được sáp nhập vào nước Cộng hoà Xi-đan-pin do Na-pô-lê-ông thành lập bao gồm các vùng đất mà Na-pô-lê-ông chiếm được ở Bắc I-ta-li-a. Quần đảo

I-ô-niêng và vùng lãnh địa thuộc nước cộng hoà Vơ-ni-đơ trên bờ biển An-ba-ni được nhập vào Pháp. - 283.

101 Ở đây nói đến hạm đội Anh lúc đó ở Bồ Đào Nha, tại cửa sông Ta-khô. Thế kỷ XIX, cửa sông Ta-khô được hạm đội Địa Trung Hải của Anh sử dụng làm căn cứ trung chuyển. - 284.

102 Ám chỉ căn cứ quân sự do Na-pô-lê-ông I xây dựng trong những năm 1803 - 1805 ở vùng Bu-lô-nhơ để xâm lược Anh qua biển Măng-sơ. Ở đây đã tập trung gần hai nghìn rưỡi tàu vận tải nhỏ và 120 nghìn quân đổ bộ của Pháp. Thất bại của hạm đội Pháp trong chiến tranh với Anh và sự thành lập một liên minh mới chống Pháp ở châu Âu có Nga và Áo tham gia đã buộc Na-pô-lê-ông phải từ bỏ kế hoạch của mình. - 285.

103 Ở đây nói đến một trong các chiến dịch của cuộc chiến tranh Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ (xem chú thích 24). Ngày 5 tháng Tư 1849, một đội tàu của Đan Mạch gồm 10 tàu chiến - với mục đích cho quân đổ bộ - đã tấn công từ biển vào thành phố Ec-két-phuê-đơ của Slê-đơ-vích nằm ngay bên bờ vịnh. Đội tàu này đã bị pháo bờ biển bắn tan tành. - 287.

104 *Hội hoà bình* - một tổ chức tư sản hoà bình chủ nghĩa do giáo phái Quây-cơ thành lập ở Luân Đôn năm 1816. Hội này được sự ủng hộ tích cực của phái mậu dịch tự do, và phái này cho rằng nhờ tự do mậu dịch, trong điều kiện hoà bình, nước Anh có thể sử dụng được đầy đủ hơn ưu thế công nghiệp của mình và giành được quyền thống trị về kinh tế và chính trị. - 288.

105 Ở chỗ này, trong bản thảo có chú thích sau đây của toà soạn và có lẽ là của Vây-đơ-mai-ơ : "Chúng tôi không nhận được bài bình luận về việc Pan-mác-xtơn từ chức. Chắc là nó bị thất lạc trên đường từ Anh gửi sang". - 289.

106 *"The Daily News"* ("Tin tức hàng ngày") - tờ báo của phái tự do Anh, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản công nghiệp, xuất bản với tên gọi như vậy ở Luân Đôn từ năm 1846 đến hết năm 1930. - 289.

107 *Hiến chương nhân dân*, bao gồm các yêu cầu của phái Hiến chương, được công bố ngày 8 tháng Năm 1838 với tư cách là dự luật để đưa ra nghị viện : nó gồm sáu điểm : quyền phổ thông đầu phiếu (đối với đàn ông đủ 21 tuổi), bầu nghị viện hàng năm, bỏ phiếu kín, bình đẳng giữa các khu vực bầu cử, xoá bỏ điều kiện về tài sản đối với những người ứng cử vào nghị viện, cấp lương cho nghị sĩ. - 290.

108 Bức thư đăng ở đây là do Ăng-ghen viết theo sáng kiến của Mác và do Mác gửi cho ban biên tập tờ "The Times" ("Thời báo"). Ăng-ghen đã viết một bức thư tương tự để gửi cho ban biên tập tờ "Daily News". Nhưng do thái độ thù địch gay gắt của ban biên tập các tờ báo ấy đối với các nhà hoạt động của Liên đoàn những người cộng sản nên những bức thư này không được đăng. Nguyên văn bức thư gửi tờ "Times" là in theo bản nháp viết ở mặt sau bức thư của Ăng-ghen gửi Mác ngày 28 tháng Giêng 1852.



*"The Times"* ("Thời báo") là tờ báo hàng ngày lớn nhất ở Anh và phái bảo thủ xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1785. - 294.

109 *Đại hội đồng bồi thẩm* là hội đồng bồi thẩm tồn tại ở Anh trước năm 1933 gồm 12 - 23 người do quận trưởng lựa chọn trong số "những người lương thiện và đáng tin cậy" trong quận. Hội đồng này có chức năng xem xét sơ bộ và giải quyết vấn đề có đưa bị cáo ra toà án hình sự hay không. - 295.

110 *"The Weekly Dispatch"* ("Tin nhanh hàng tuần") là tờ báo Anh xuất bản dưới tên gọi đó ở Luân Đôn trong thời kỳ 1801 - 1928 ; trong những năm 50 nó có khuynh hướng cấp tiến. - 298.

111 Ở đây chỉ tờ tạp chí ra hàng tuần của phái Hiến chương *"Notes to the People"* ("Tin ngắn cho nhân dân") xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1851 - 1852 do E.Giôn-xơ chủ biên. Mác và Ăng-ghen đã ủng hộ tạp chí này, tham gia biên tập và xuất bản nó, từ tháng Sáu 1851 đến tháng Tư 1852 đã công bố một loạt bài trên tạp chí này. - 298.

112 Ý muốn nói đến một loạt đạo luật về báo chí do Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp thông qua (9 - 11 tháng Tám 1848, 27 tháng Bảy 1849, tháng Bảy 1850), qui định tiền ký quĩ cao đối với việc xuất bản báo chí, thuế tem đối với báo và sách mỏng, đồng thời xử phạt nghiêm khắc đối với việc công kích "nguyên tắc sở hữu và quyền lợi gia tộc", đối với việc "kích động nội chiến". Những đạo luật này trên thực tế đã thủ tiêu tự do báo chí và tự do ngôn luận ở Pháp.

Ăng-ghen gọi những đạo luật ấy là "luật bịt mồm", theo cách gọi 6 đạo luật phản động ở Anh, do nghị viện Anh thông qua năm 1819, thủ tiêu quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do báo chí và tự do hội họp. - 299.

113 Vào cuối năm 1853 và năm 1854 đã diễn ra những hiện tượng khủng hoảng gay gắt trong nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu. Sự thừa ế hàng hoá trên thị trường, trước hết là ở Mỹ và Ô-xtơ-rây-li-a, đã dẫn tới sự thu hẹp sản xuất trong công nghiệp dệt và sắt thép ở Anh. Những hiện tượng tương tự cũng diễn ra ở Pháp. Công nghiệp của Mỹ cũng gặp phải những khó khăn nghiêm trọng. - 310.

114 *Ben-grây-vơ-xơ-ve* là công viên ở U-ét En-đơ, một khu phố sang trọng ở Luân Đôn, nơi tập trung các biệt thự của giới quí tộc và đại tư sản. - 311.

115 Ở đây nói về việc tịch thu tài sản của hoàng tộc Óc-lê-äng theo lệnh của Lu-i Bô-na-pác-tơ ngày 22 tháng Giêng 1852. - 311.

116 *"Kölnische Zeitung"* ("Báo Khuên") - tờ báo hàng ngày của Đức, xuất bản dưới tên ấy ở Khuên từ năm 1802; trong thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 và thời kỳ phản động tiếp sau đó, phản ánh chính sách hèn nhát và phản bội của giai cấp tư sản tự do Phổ; đấu tranh quyết liệt chống tờ "Neue Rheinische Zeitung". - 313.

117 Tháng Chín 1851 ở Pháp người ta đã tiến hành những vụ bắt bớ các thành viên của các chi bộ địa phương thuộc phái Vi-lích - Sáp-pơ đã ly khai Liên

đoàn những người cộng sản từ tháng Chín 1850. Việc phái này theo sách lược có tính chất âm mưu tiểu tư sản, không đếm xỉa đến tình hình thực tế và trông mong vào việc tổ chức ngay các cuộc khởi nghĩa đã cho phép cảnh sát Pháp và Phổ, được sự giúp đỡ của tên khiêu khích Sốc-van đang lãnh đạo một chi bộ ở Pa-ri, dựng lên cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức. Tháng Hai 1852, những người bị bắt bị kết án về tội chuẩn bị đảo chính. Người ta đã bố trí cho tên khiêu khích Sốc-van vượt ngục. Những mưu toan của cảnh sát Phổ định vu cáo Liên đoàn những người cộng sản đó Mác và Ăng-ghen lãnh đạo là đã tham gia vào vụ âm mưu Pháp - Đức, đã bị phá sản hoàn toàn. Côn-rát Sram, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, bị bắt ở Pa-ri tháng Chín 1851, chẳng bao lâu đã được trả lại tự do vì thiếu chứng cớ. Những chứng cớ giả tạo của Sti-bơ trong vụ án ở Khuên nhằm chứng minh rằng các bị cáo có can dự vào vụ âm mưu Pháp - Đức, đều bị đã bị Mác vạch trần (xem tập này, tr. 555 - 572). - 313.

118 Tháng Chín 1849, Mác được bầu vào Uỷ ban trợ giúp những người Đức lưu vong ở Luân Đôn được thành lập trực thuộc Hội giáo dục công nhân Đức ở đấy. Để ngăn chặn mưu đồ của những người lưu vong dân chủ tiểu tư sản định bắt những phần tử vô sản trong giới lưu vong ở Luân Đôn phải chịu ảnh hưởng của họ, theo đề nghị của Mác và các nhà lãnh đạo khác của Liên đoàn những người cộng sản, Uỷ ban đã được cải tổ lại thành Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong có Mác và Ăng-ghen tham gia lãnh đạo. Giữa tháng Chín 1850, Mác và Ăng-ghen tuyên bố rút khỏi Uỷ ban những người lưu vong vì đa số thành viên của nó chịu ảnh hưởng của phái Vi-lích - Sáp-pơ. - 313.

119 Tác phẩm *"Những vĩ nhân của giới lưu vong"* là tiểu phẩm đả kích lại các nhà hoạt động tiểu tư sản trong cuộc cách mạng 1848-1849 những người này sau khi cuộc cách mạng bị thất bại đã công kích những nhà cách mạng vô sản. Mục đích của Mác và Ăng-ghen là giáng trả đích đáng sự công kích đó và vạch trần những hoạt động có hại của giới lưu vong tiểu tư sản chơi trò âm mưu cách mạng. Tác phẩm được viết vào tháng Năm - tháng Sáu 1852, một phần được viết ở Luân Đôn và một phần được viết tại nhà của Ăng-ghen ở Man-se-xtơ, nơi Mác đến thăm vào cuối tháng Năm. Trong tác phẩm, Mác và Ăng-ghen đã sử dụng những tài liệu thực tế phong phú do bạn bè sưu tập giúp từ trước : các xuất bản phẩm khác nhau của giới lưu vong (tài liệu, báo, hồi ký), báo chí Anh, Pháp và Đức, v. v. . Ngoài vợ của Mác ra, Ec-nơ-xtơ Dron-ke - thành viên Liên đoàn những người cộng sản-cũng tham gia vào việc tuyển chọn tư liệu và trình bày bản thảo. Ngay từ đầu tháng Bảy, bản thảo đã được giao cho Ban-đi-a, một người lưu vong Hung-ga-ri đã tỏ ý sẵn sàng giúp đỡ, để in ở Đức, sau này Mác mới biết đó là một nhân viên của cảnh sát. Tên này đã trao tác phẩm đó cho cảnh sát Phổ. Những hành động của Ban-đi-a, kẻ đã đánh lừa được Mác trong một thời gian, chẳng bao lâu đã bị Mác vạch mặt trước công chúng trong bài báo "Những lời thú nhận tự nguyện của Hiếc-sơ", viết vào tháng Tư 1853 và đăng trên tờ báo Mỹ "Belletristisches Journal und New - Yorker Criminal - Zeitung" ("Tạp chí văn học và báo hình sự Niu Óoc").

Tác phẩm không được in lúc các tác giả còn sống. Một bản của bản thảo được Mác và Ăng-ghen cất giữ (những trang đầu tiên của bản thảo do Dron-ke viết, phần còn lại do Ăng-ghen viết và Mác bổ sung) sau này nằm trong tay E. Béc-stanh, ông này không những không tìm cách công bố tác phẩm ấy mà còn cẩn thận xoá sạch tất cả những chỗ có liên quan đến cuộc trao đổi giữa Mác với Ban-đi-a về tiểu phẩm "Những vĩ nhân của giới lưu vong" khi ông ta xuất bản thư từ của Mác và Ăng-ghen vào năm 1913. Chỉ mãi đến năm 1924 cơ quan lưu trữ của Đảng dân chủ - xã hội Đức, nơi lưu trữ những đi cảo của Mác và Ăng-ghen, mới nhận được bản thảo từ tay Béc-stanh. Năm 1930, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô lần đầu tiên công bố tác phẩm bằng tiếng Nga trong bộ "Di cảo của C.Mác và Ph.Ăng-ghen". Khác với lần xuất bản trước, văn bản của tác phẩm được công bố có chú ý đến những chỉnh lý về mặt biên tập của Mác và Ăng-ghen, không in lại những chỗ bị gạch bỏ trong bản thảo. - 315.



120 Clốp-stốc. "Me-xi-át-đa", ca khúc thứ nhất. – 317.

121 "Gottfried Kinkel. Wahrheit ohne Dichtung". Biographisches Skizzenbuch von Adolf Strodtmann. Bd. I - II. Hamburg, Hoffmann und Campe, 1850 - 1851. - 317.

122 Có ý nói đến khuynh hướng tình cảm chủ nghĩa trong nền văn học Đức mà điển hình của nó là tiểu thuyết nổi tiếng cuối thế kỷ XVIII của Mi-lơ "Đích-vát-tơ. Câu chuyện nhà tu", xuất bản năm 1776. - 317.

123 Gơ-tơ. "Phau-xtơ", phần I, cảnh bốn ("Phòng làm việc của Phau-xtơ"). - 318.

124 Gơ-tơ. "Phau-xtơ", phần I, cảnh bốn ("Phòng làm việc của Phau-xtơ"). - 318.

125 *Nát-xít-xơ* - một chàng thanh niên đẹp trai trong thần thoại cổ Hy Lạp, say mê diện mạo của chính mình; nghĩa bóng là người tự say mê mình. - 322.

126 *Vác-gơ-nơ* - nhân vật trong tác phẩm "Phau-xtơ" của Gơ-tơ, học trò của Phau-xtơ, dạng người trí thức sách vở giả khoa học. - 322.

127 Có ý nói đến các tạp chí văn học : "Deutscher Musenalmanach" ("Lịch thư thi thần Đức") do A. Sa-mít-xô và Sva-bơ xuất bản ở Lai-pzích trong những năm 1832 - 1838, và "Der Christoterpe" ("Niềm an ủi của một tín đồ Cơ Đốc") do A. Cơ-náp xuất bản ở Tuy-bin-ghen trong những năm 1833 - 1853. - 324.

128 *Ma-kha-đe-vơ* - "Thần vĩ đại", - biệt danh của Si-va, một trong những vị thần chính ở Ấn Độ. Các cô gái Ấn Độ tự tạo ra hình tượng Si-va làm vật tôn thờ của họ. - 325.

129 *"Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen"* - tiểu thuyết viết dở dang của nhà văn Đức Nô-va-lít-xơ, một trong những tác phẩm điển hình của chủ nghĩa lãng mạn phản động ở Đức. Nhân vật chính Hen-rích Phôn Ốp-tê-đin-ghen trong tiểu thuyết

là một nhà thơ đã hiến trọn đời mình để đi tìm "bông hoa màu xanh da trời", biểu tượng của nền thơ ca lý tưởng. - 327.

130 Gơ-tơ. "Những sự chăm biếm ôn hoà". - 328.

131 Có ý nói đến một đoạn trong tiểu thuyết ngắn của Hốp-phơ-man "Bác thợ I-ô-han-nét Vác-tơ". Nhân vật chính trong tiểu thuyết là anh thợ mộc I-ô-han-nét Vác-tơ, đau buồn vì vợ và con trai mới chết, tìm thấy niềm an ủi trong hoạt động sáng tạo và đã xây dựng được đồ án thiết kế một công trình độc đáo. - 328.

132 *"Giận dữ và hối hận"* - tên gọi vở bi kịch của nhà văn phản động Đức A.Cô-txê-bu. - 330.

133 G.W.F. Hegel. "Phänomenologie des Geistes". Bamberg und Würzburg. 1807 (G.V.Ph. Hê-ghen "Hiện tượng học tinh thần". Băm-béc-gơ và Vuyếc-xbuốc. 1807). - 331.

134 Ý nói đến nhân vật chính trong tiểu thuyết tự thuật của nhà văn I-ung - Sti-linh "Tuổi thanh xuân của Hen-rích Sti-lin" (1778), một điển hình của dòng văn học giả nhân giả nghĩa của phái kiến thành. - 333.

135 *"Liên minh cành rừng nhỏ"* - nhóm các nhà thơ trẻ (L.Phốt-xơ, G. Buyếc-gơ, L.Gên-tì v.v.,) được thành lập tại Trường đại học tổng hợp Gơ-tinh-ghen năm 1772. Clốp-stốc là người cổ vũ tư tưởng của nhóm này. Nhóm đã đi theo khuynh hướng mà ít lâu sau có tên là "Bão táp và tấn công" ("Sturm und Drang") và bày tỏ thái độ bất bình của giới thị dân Đức đối với trật tự hiện tồn ở nước Đức. Đặc trưng cho các đại diện nhóm Gơ-tinh-ghen là thơ trữ tình, trong đó chủ đề phản kháng quyện chặt với sự ca ngợi đa cảm lối sống giản dơn của giới thị dân Đức và những đức hạnh tiểu tư sản của họ. - 337.

136 *Lô-rê-lây* - nhân vật nữ trong truyền thuyết dân gian, được các nhà thơ Đức sử dụng rộng rãi; biểu tượng của vẻ đẹp hủ hoá, tai hại. Hình tượng ấy được thể hiện thành đạt nhất về nghệ thuật trong bài thơ cùng tên của H.Hai-nơ. - 338.

137 Goethe. "Die Wahlverwandtschaften". - 339.

138 D.F.Strauß. "Das Leben Jesu". Bd. 1 - 2, Tubingen, 1835 - 1836 (D.Ph Stơ-rau-xơ. "Cuộc đời của Giê-xu". T.1 – 2, Tuy-bin-ghen, 1835 - 1836). - 341.

139 G.Kinkel. "Handwerk, errette Dich ! oder Was soll der deutsche Handwerker fordern und thun, um seinen Stand zu bessern? Bonn. 1848 (G. Kin-ken. "Hãy cứu thoát nghề thủ công! hay Những người thợ thủ công Đức cần đòi hỏi và làm những gì để cải thiện tình cảnh của tầng lớp mình ?" Bon, 1848). - 344.

140 *"Vin-ken-blếch-khi-at"* (gọi theo tên nhà kinh tế học người Đức K.G. Vin-ken-blếch, kẻ đã đưa ra học thuyết phản động phục hồi lại chế độ phường hội) - tên gọi mỉa mai những đại hội của những người thợ thủ công họp ở một số thành phố nước Đức năm 1848, tại đó người ta đã đưa ra những cương lĩnh không tưởng - phản động về việc phục hồi lại các phường hội. Ngày 15 tháng Bảy 1848, đại hội những người thợ thủ công Đức đã họp tại Phran-phuốc trên sông Mai-nơ để thảo ra một cương lĩnh chung. Vì những người thợ cả không đồng ý cho những người thợ bạn tham gia đại hội trên cơ sở bình đẳng nên thợ bạn đã tổ chức một đại hội riêng và lôi kéo cả công nhân những thành phố khác nhau ở Nam Đức cùng tham gia. Song cương lĩnh đại hội này cũng được soạn thảo theo tinh thần học thuyết phản động của Vin-ken-blếch, kẻ đã dích thân tham dự cả hai đại hội ấy. - 344.



141 *Nghị viện thứ hai* của Quốc hội Phổ được triệu tập ngày 5 tháng Hai 1849 trên cơ sở hiến pháp do Phri-đrích - Vin-hem IV ban hành (ban bố) ngày 5 tháng Chạp 1848 do kết quả cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ. Mặc dù các cuộc bầu cử vào nghị viện diễn ra trên cơ sở luật bầu cử bị cắt xén hết mức, trong nghị viện vẫn hình thành một phái tả đối lập mạnh. Ngay ngày 28 tháng Tư, nghị viện thứ hai đã bị chính phủ giải tán. - 347.

142 Pphan-xơ không có biên giới biển. - 349.

143 Gần Ra-stát ngày 29 và 30 tháng Sáu 1849 đã diễn ra trận chiến đấu cuối cùng của quân đội cách mạng Ba-đen với quân đội Phổ. Tàn quân của quân đội Ba-đen bị vây hãm trong pháo đài Ra-stát đã đầu hàng ngày 23 tháng Bảy. - 349.

144 Bài phát biểu của Kin-ken ngày 4 tháng Tư 1849 trước toà án bình ở Ra-stát đã được đăng trên tờ báo dân chủ tư sản Béc-lin "Abend - Post" ("Bưu điện buổi chiều") ngày 6 - 7 tháng Tư 1850. Mác và Ăng-ghen đã phê phán gay gắt bài phát biểu đó của Kin-ken trên tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch ökonomische Revue" ("Báo mới vùng Ranh. Tạp chí kinh tế - chính trị") (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 417 - 420). - 352.

145 Goethe. "Leiden des jungen Werthers". – 354.

146 Có ý nói đến việc phóng thích vua Anh Ri-sớt Tim sư tử, bị công tước Áo Lê-ô-ôn I bắt làm tù binh trên đường trở về sau cuộc thập tự chinh lần thứ ba (1190 - 1192). Truyền thuyết gắn liền việc phóng thích nhà vua với tên tuổi một người hát rong Pháp Blông-đen, theo truyền thuyết Blông-đen nguyên là nhà thơ trong cung đình của Ri-sớt Tim sư tử. - 355.

147 *"Household Words"* ("Lời quen thuộc") - tạp chí văn học Anh ra hàng tuần, do Sác-lơ Đích-ken-sơ xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1850 - 1859.

*"Illustrated News"* - tên gọi tắt tờ hoạ báo ra hàng tuần ở Anh "Illustrated London News" ("Hoạ báo Luân Đôn"); xuất bản từ năm 1842. - 356.

148 *"Lâu đài pha lê"* - toà nhà xây dựng bằng kim loại và thuỷ tinh dành cho cuộc triển lãm công thương nghiệp toàn thế giới lần thứ nhất ở Luân Đôn năm 1851. - 357.

149 *"Der Kosmos"* ("Vũ trụ") - cơ quan ngôn luận ra hàng tuần của những người lưu vong dân chủ tiểu tư sản Đức ở Anh; do Ec-nơ-xtơ Hau-gơ xuất bản ở

Luân Đôn năm 1851; tham gia cộng tác với tạp chí hàng tuần này có Kin-ken, Ru-gơ, Rôn-ngơ, Ốp-pen-hai-mơ, Tau-đơ-nau. Ra được tất cả 6 số. - 357.

150 Theo hiến pháp thì phải tổ chức một cuộc bầu cử lại tổng thống nước cộng hoà vào tháng Năm 1852 ở Pháp. Trong giới dân chủ tiểu tư sản, đặc biệt là trong giới lưu vong, người ta hy vọng ngày ấy các đảng dân chủ sẽ lên cầm quyền. - 358.

151 Có ý nói đến cuộc vận động bảo vệ hiến pháp để chế được Quốc hội Phran-phuốc thông qua ngày 28 tháng Ba 1849. Hiến pháp đã bị đa số các chính phủ Đức phủ quyết. Trong tháng Năm - tháng Sáu đã nổ ra các cuộc khởi nghĩa ở Ba-đen và Pphan-xơ nhằm bảo vệ hiến pháp. Song Quốc hội Phran-phuốc không hề có một sự ủng hộ nào đối với những người khởi nghĩa. Ăng-ghen đã nhận xét cuộc vận động bảo vệ hiến pháp đế chế trong các tác phẩm "Phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức" (Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 151-276) và "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" (xem tập này, tr. 110 - 125). - 358.

152 Mưu toan thành lập Trung ương cục của toàn thể những người Đức lưu vong nhằm chống lại Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong do Mác và Ăng-ghen lãnh đạo trong thời kỳ này (xem chú thích 118) và nhằm cản trở việc thành lập một tổ chức độc lập của giai cấp vô sản. - 360.

153 D. Diderot. "Le neveu de Rameau". In : "Oeuvres inédites de Diderot". Paris, 1821 (D.Đi-đơ-rô. "Người cháu trai Ra-mô". Trong quyển: "Những tác phẩm không được xuất bản của Đi-đơ-rô". Pa-ri, 1821). - 361.

154 "*Câu lạc bộ của sự tiến bộ quyết định*" thành lập ngày 5 tháng Sáu 1849 ở Các-lơ-xru-ê, tập hợp phái cấp tiến hơn trong những người cộng hoà - dân chủ tiểu tư sản (Stơ-ru-vơ, Siếc-nơ, Hai-nơ-txen và những người khác) - những người bất mãn với chính sách dấu hàng của chính phủ Bren-ta-nô và với việc tăng cường các phần tử cánh hữu trong chính phủ. Câu lạc bộ đề nghị Bren-ta-nô mở rộng cuộc cách mạng ra ngoài phạm vi Ba-đen và Pphan-xơ và bổ sung những phần tử cấp tiến vào thành phần chính phủ. Khi bị phủ quyết, ngày 6 tháng Sáu, các thành viên của câu lạc bộ đã mưu toan tác động tới chính phủ bằng cách đe doạ biểu tình có vũ trang. Song, chính phủ đã buộc họ phải dấu hàng bằng cách lợi dụng sự ủng hộ của đội dân binh và những đơn vị vũ trang khác. "Câu lạc bộ của sự tiến bộ quyết định" bị giải tán. - 361.

155 Xem chú thích 6. - 362.

156 Xem chú thích 16. - 362.

157 Bốn khoa phổ biến trong các trường đại học tổng hợp của Đức là thần học, luật học, y học và triết học. - 362.

158 "*Deutscher Zuschauer*" ("Khán giả Đức") - tuần báo Đức theo khuynh hướng cấp tiến do Stơ-ru-vơ, nhà dân chủ - tiểu tư sản, xuất bản từ tháng Chạp 1846 đến tháng Tư 1848 ở Man-hem và từ tháng Bảy đến tháng Chín 1848 ở Ba-lơ. Ở Man-hem từ tháng Bảy đến tháng Chạp 1848 báo được nhà dân chủ tiểu tư sản Ph.Muốc-đột tiếp tục xuất bản vẫn với nhan đề ấy, nhưng nó thêm phụ đề "Neue Folge" ("Tục bản") và đánh số mới. - 362.



159 Ý nói đến cuốn sách : K.Rotteck. "Allgemeine Weltgeschichte für alle Stände, von den frühesten Zeiten bis zum Jahre 1831". Bd. 1 - 4, Stuttgart, 1831 - 1833 (C. Rốt-tếch. "Lịch sử phổ thông dành cho mọi đẳng cấp từ thời kỳ cổ đại nhất đến năm 1831". Các tập 1 - 4, Stút-gát, 1831 - 1833) và K.Rottech und K. Welcker. "Das Staats-Lexikon. Encyclopadie der sämmtlichen Staatswissenschaften für alle Stände". Bd. 1 - 12, Antona, 1845 - 1848 (C.Rốt-tếch và C.Ven-cơ. "Từ điển chính trị. Bộ bách khoa toàn thư phổ thông các khoa học chính trị dành cho mọi đẳng cấp". Các tập 1 - 12, An-tô-na, 1845 - 1848). - 363.

160 G.Struve. "Grundzuge der Staatswissenschaft". Bd. 1 - 4. Hai tập đầu cuốn sách xuất bản năm 1847 ở Man-hem, tập 3 - 4 vào năm 1848 ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ. - 363.

161 Đây là nói về cuốn sách : G. Struve. "Geschichte der drei Volkserhebungen in Baden". Bern, 1849 (G.Stơ-ru-vơ. "Lịch sử ba cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Ba-đen". Béc-nơ, 1849). - 363.

162 Ý nói đến "*Republikanisches Regierungs - Blatt*" ("Báo chính phủ cộng hoà"), cơ quan ngôn luận của những người dân chủ tiểu tư sản, do G. Stơ-ru-vơ và C.Blin-đơ xuất bản ở Lê-rắc trong thời kỳ diễn ra cuộc khởi nghĩa Ba-đen lần thứ hai vào tháng Chín 1848. Dưới dạng phụ đề cho tờ báo người ta có in khẩu hiệu : "Deutsche Republik ! Wohlstand, Bildung, Freiheit für Alle !" ("Vì một nền cộng hoà Đức ! Phồn vinh, học vấn, tự do cho mọi người !"). - 363.

163 Đây là nói về cuốn sách xuất bản không đề tên tác giả của A.Guê-gơ "Rückblick auf die Badische Revolution unter Hinweisung auf die gegenwärtige Lage Teutschlands. Von einem Mitgliede der Badischen constituirenden Versammlung". Paris, 1850 ("Nhìn lại cuộc cách mạng Ba-đen trong mối liên hệ với tình hình hiện tại ở Đức. Do một thành viên của Quốc hội lập hiến ở Ba-đen viết". Pa-ri, 1850). - 364.

164 "*Deutsche Londoner Zeitung*" ("Báo Đức ở Luân Đôn") - tuần báo của những người lưu vong Đức ở Luân Đôn, xuất bản từ tháng Tư 1845 đến tháng Hai 1851 nhờ sự giúp đỡ về vật chất của công tước Các Brao-nơ-xvai-gơ là người hồ hững với ngôi vua. Lút-vích Băm-béc-gơ, nhà dân chủ tiểu tư sản là tổng biên tập. Trong những năm 1849 - 1850 tờ báo này chủ yếu đăng các bài của C. Hai-nơ-txen, G. Stơ-ru-vơ và những nhà dân chủ tiểu tư sản khác; ngoài ra tờ báo còn đăng lại "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" của C.Mác và Ph.Ăng-ghen (tháng Ba 1848), chương đầu tác phẩm "Đấu tranh giai cấp ở Pháp" của C.Mác (tháng Tư 1850), một phần tác phẩm "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế" của

C.Mác và ph.Ăng-ghen (tháng Hai 1551) và một loạt tuyên bố do Mác và Ăng-ghen ký tên. - 365.

165 Ý muốn nói đến phong trào đối lập của tầng lớp trí thức Đức sau khi nước Đức được giải phóng khỏi ách thống trị của Na-pô-lê-ông. Nhiều thành viên của các hội thể dục sinh viên ra đời từ thời kỳ chiến tranh giải phóng, sau Đại hội Viên (xem chú thích 8), đã nổi dậy chống chế độ phản động trong các quốc gia Đức, tổ chức những cuộc biểu tình chính trị đòi thống nhất nước Đức. Việc anh sinh viên Dan-đơ giết chết Cô-txê-bu, một phần tử ủng hộ Liên minh thần thánh, và là phái viên của Nga hoàng, đã trở thành cái cớ cho những cuộc đàn áp chống "những kẻ mị dân" như người ta đã gọi như vậy đối với những người tham gia phong trào đối lập này trong các nghị quyết Hội nghị bộ trưởng các quốc gia Đức ở Các-xbát vào tháng Tám 1819. - 366.

166 G.W.F. Hegel "Encyclopädie der philosophischen Wissenschaften im Grundrisse". Heidelberg, 1817 (G.V.Ph. Hê-ghen. "Bách khoa toàn thư các khoa học triết học. Lược khảo". Hai-đen-bớc, 1817). - 366.

167 *"Hallische Jahrbücher"* và *"Deutsche Jahrbücher"* - tên gọi tắt tờ tạp chí văn học - triết học của phái Hê-ghen trẻ được xuất bản dưới dạng nhật báo khổ nhỏ ở Lai-pxích từ tháng Giêng 1838 đến tháng Sáu 1841 với nhan đề "Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Ha-lơ về các vấn đề khoa học và nghệ thuật Đức") và từ tháng Bảy 1841 đến tháng Giêng 1843 với nhan đề "Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám nước Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật"). Trước tháng Sáu 1841 tạp chí do A.Ru-gơ và T.Ếch-tơ mai-ơ biên tập ở Ha-lơ, còn từ tháng Bảy 1841 do A.Ru-gơ biên tập ở Đrê-xđen. Tháng Giêng 1843 tạp chí bị Chính phủ Dắc-den đóng cửa và nghị quyết của Quốc hội hiệp hang cấm lưu hành trên toàn lãnh thổ nước Đức. - 366.

168 *"Berlinische Monatsschrift"* ("Nguyệt san Bớc-lin") - cơ quan ngôn luận của những nhà khai sáng Đức, xuất bản trong những năm 1783 - 1811. Tạp chí đổi tên một số lần, trong những năm 1799 - 1811 được xuất bản với sự tham gia của Ph. Ni-cô-lai. - 367.

169 Ý muốn nói tới các cuốn sách : G.W.F. Hegel. "Vorlesungen über die Aesthetik", Bd. I - III ; Werke, Bd. X,Abt. 1 - 3, Berlin, 1835, 1837 - 1838 (G.V.Ph. Hê-ghen. "Những bài giảng về thẩm mỹ học", các tập I - III ; Toàn tập, tập X, phần 1 - 3, Bớc-lin, 1835, 1837 - 1838) và H.Heine. "Die romantische Schule". Hamburg, 1836 (H.Hai-nơ. "Trường phái lãng mạn", Hăm-buốc, 1836). - 367.

170 G.W.F. Hegel. "Phänomenologie des Geistes". Bamberg und Würzburg, 1807 (G.V.Ph. Hê-ghen "Hiện tượng học tinh thần". Băm-bớc-gơ và Vuyếc-xbuốc, 1807). - 370.



171 Ý muốn nói đến trường ca trào phúng của H.Hai-nơ "Át-ta Tơ-rôn", trong đó kẻ phi-li-xtanh Đức bị nhạo báng qua hình tượng con gấu Át-ta Tơ-rôn đã được huấn luyện. - 371.

172 *"Deutsch - Französische Jahrbücher"* ("Niên giám Pháp - Đức") được xuất bản bằng tiếng Đức ở Pa-ri do C.Mác và A.Ru-gơ chủ biên. Chỉ phát hành số đầu tiên, số kép, vào tháng Hai 1844. Trong số này có đăng các tác phẩm của C.Mác : "Về vấn đề Do Thái" và "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói đầu", cùng với các tác phẩm của Ph.Ăng-ghen : "Lược khảo phê phán khoa kinh tế chính trị" và "Tình cảnh nước Anh. Tô-mát Các-lai-lơ. "Quá khứ và hiện tại"" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1978, t.1, tr. 302 - 342, 543 - 562, 711 - 747, 748 - 784). Các tác phẩm này đánh dấu bước chuyển hẳn của Mác và Ăng-ghen sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản. Nguyên nhân chủ yếu làm cho tạp chí bị đình bản là do những bất đồng có tính chất nguyên tắc giữa Mác với nhà cấp tiến tư sản Ru-gơ. - 372.

173 *"Pa-lơ - Roay-an"* - một cung điện ở Pa-ri thuộc dòng họ Óc-lê-ăng. Vào những năm 30 - 40 thế kỷ XIX trên địa phận của cung điện, người ta bố trí những trường du hí tiêu khiển; các khu vườn và các hành lang của Pa-lơ - Roay-an được dùng làm chỗ dạo chơi. - 372.

174 Ý muốn nói tới *Xô-xi-xu* - nhân vật trong cuốn tiểu thuyết tấm phào "Kẻ ăn mộ ánh trăng" của Pôn-đu Cốc; một kiểu người bịp bợm và nghiện ngập. - 373.

175 Về *"Những người bạn của ánh sáng"*, xem chú thích 16. - 373.

176 M.Stirner. "Der Einzige und sein Eigenthum". Leipzig, 1845 (M. Stiếc-nơ. "Kẻ duy nhất và sở hữu của nó". Lai-pxích, 1845). - 373.

177 Câu này mượn trong "Tuyên ngôn tuyển cử của đảng cấp tiến cải lương ở Đức" (tháng Tư 1848) do Ru-gơ soạn thảo, trong đó nhiệm vụ chủ yếu của Quốc hội toàn Đức là "diễn đạt tinh thần của các sự kiện". - 374.

178 *"Die Reform. Organ der demokratische Partei"* ("Cải cách. Cơ quan của đảng dân chủ") - tờ báo Đức, cơ quan ngôn luận của các nhà dân chủ tiểu tư sản; do A. Ru-gơ và H.B.Ốp-pen-hai-mơ xuất bản dưới sự chủ biên của E. May-en từ tháng Tư 1848 ở Lai-pxích và Bớc-lin; từ mùa hè năm 1848 đến đầu những năm 50, xuất bản ở Bớc-lin. - 374.

179 *"La Réforme"* ("Cải cách") - nhật báo Pháp, cơ quan ngôn luận của những người cộng hoà - dân chủ và xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1843 đến năm 1850. Từ tháng Mười 1847 đến tháng Giêng 1848, Ăng-ghen đã cho đăng trên tờ báo này một loạt bài. - 374.

180 Ý muốn nói đến đại hội dân chủ lần thứ hai diễn ra ở Bớc-lin từ 26 đến 30 tháng Mười 1848. Các đại biểu của 260 tổ chức công nhân và dân chủ của các thành phố khác nhau ở Đức đã có mặt tại đại hội. Nhưng thành phần đại biểu không đồng nhất đã gây ra những sự tranh cãi và bất đồng về những vấn đề

quan trọng nhất. Đáng lẽ phải thông qua những biện pháp có hiệu quả để động viên quần chúng đấu tranh chống lại lực lượng phản cách mạng thì đại hội lại chỉ có giới hạn ở việc thảo ra những quyết nghị đầy mâu thuẫn và vô hiệu. Chẳng hạn, trong lời kêu gọi bảo vệ Viên của mình được thông qua ngày 29 tháng Mười theo đề nghị của Ru-gơ, đại hội đã yêu cầu các chính phủ quân chủ Đức ủng hộ thành phố Viên cách mạng. Mác đã phê phán kịch liệt lời kêu gọi đó trên các trang báo của tờ "Neue Rheinische Zeitung" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.5, tr. 559 - 562). - 375.

181 *"Neue Preußische Zeitung"* ("Báo Phổ mới") - nhật báo Đức, bắt đầu xuất bản ở Béc-lin từ tháng Sáu 1848; là cơ quan ngôn luận của bọn gian thần phản cách mạng trong triều đình và bọn đại địa chủ - quý tộc Phổ. Tờ báo này còn được nhiều người biết đến dưới cái tên "Kreuz - Zeitung" ("Báo chữ thập"), vì ở tiêu đề của nó có vẽ dấu chữ thập. - 376.

182 Về chiến thuật kháng cự thụ động, xem tập này, tr. 97 - 102. - 376.

183 *"Karlsruher Zeitung"* ("Báo Các-lơ-xru-ê") - nhật báo Đức, xuất bản từ năm 1757, cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ Ba-đen, cụ thể là của chính phủ Bren-ta-nô năm 1849. - 376.

184 Ý muốn nói đến các bài báo của Ru-gơ với nhan đề "Đảng dân chủ Đức", được công bố không ký tên trên tuần báo của phái tự do "The Leader" ("Lãnh tụ"), các số 21 và 28 tháng Chạp 1850. - 377.

185 *"The Morning Advertiser"* ("Người đưa tin buổi sáng") - nhật báo Anh xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1794, trong những năm 50 thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của giới tư sản cấp tiến. - 378.

186 *Ác-nôn-đơ Vin-ken-rít* - một chiến binh nửa thần thoại của Thụy Sĩ, tham gia cuộc chiến tranh giải phóng chống lại ách áp bức của Áo, theo truyền thuyết, trong cuộc chiến đấu của những người Thụy Sĩ chống quân đội của công tước Áo Lê-ô-pôn III ở gần Dem-pa-kho (bang Luy-xéc) ngày 9 tháng Sáu 1386 đã quyết định kết cục của trận đánh bằng việc hy sinh thân mình để giành lấy thắng lợi cho quân Thụy Sĩ. - 378.

187 Mác và Ăng-ghen gọi Hai-nơ-txen bằng tên của một nhân vật trong trường ca "Rô-lăng giận dữ" của A-ri-ô-xtô là Rô-đô-môn-tơ - một nhân vật nổi tiếng vì những chuyện đơn dật khoác lác. - 379.

188 Ý muốn nói đến cuốn tiểu thuyết tình cảm và dạy đạo đức của nhà văn Đức Gi.T.Héc-mét "Cuộc hành trình của Xô-phi-a từ Mê-men đến Dắc-den" được lưu hành ở Đức vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX. - 380.

189 *A-ri-măng* tên gọi bằng tiếng Hy Lạp của vị thần Ila Tư thời cổ An-khơ-ra - Mai-nhi-u, tượng trưng cho nguồn gốc cái ác trên thế gian. An-khơ-ra - Mai-nhi-u có sự thù địch muôn đời và không khoan nhượng với A-khu-ra-mat-da (tiếng Hy Lạp là Oóc-mút-đơ), tượng trưng cho nguồn gốc cái thiện. - 382.



190 Lấy trong truyện cổ của anh em Grim "Chiếc bàn con được phủ kín, con lừa vàng và cái roi từ trong cái bọc". Theo lệnh của chủ nhân cái roi đã nhảy ra khỏi cái bọc và đánh kẻ thù của ông ta. - 382.

191 *Bin-linh-xghết* - chợ cá ở Luân Đôn, nổi tiếng xấu vì lối ăn nói thô tục của những thương nhân ở đó. - 382.

192 Đây là nói về vở hài kịch của Hai-nơ-txen "Doktor Nebel, oder: Gelehrsamkeit und Leben", Köln, 1841 ("Tiến sĩ Nê-ben, hay là sự thông thái và cuộc đời", Khuên, 1841). - 383.

193 Ý muốn nói đến các cuốn sách : K.Heinzen. "Die Preußische Bureaukratie". Darmstadt, 1845 (C.Hai-nơ-txen. "Tầng lớp quan liêu Phổ". Đác-mơ-stát, 1845) và J. Veneday. Preussen und Preussenthum", Mannheim, 1839) (J.. Vê-nê-đây. "Nước Phổ và chế độ Phổ", Man-hem, 1839). - 383.

194 Năm 1811 thủ tục tố tụng của Pháp được áp dụng trong các tỉnh của Đức bị quân Pháp chiếm đóng. Ở tỉnh Ranh, thủ tục này vẫn được duy trì cả sau khi nó được sáp nhập vào nước Phổ năm 1815. Thủ tục tố tụng của Phổ chỉ dần dần mới thay thế được thủ tục tố tụng của Pháp ở đây. - 383.

195 Ý muốn nói đến cuốn sách : K.Heinzen. "Ein Steckbrief". Schaerbeck, 1845 (C.Hai-nơ-txen. "Lệnh bắt giữ". Sa-ơ bếch, 1845). - 383.

196 *"Schnellpost"* - tên gọi tắt của báo "Deutsche Schnellpost für Europäische Zustände, öffentliches und soziales Leben Deutschlands" ("Tin nhanh Đức về tình hình châu Âu, về đời sống công cộng và xã hội ở Đức"), cơ quan ngôn luận của những người lưu vong dân chủ tiểu tư sản Đức ở Mỹ, xuất bản mỗi tuần hai lần ở Niu Óóc trong những năm 1843 - 1851. Trong những năm 1848 và 1851, chủ bút tờ báo là C. Hai-nơ-txen, năm 1851 A.Ru-gơ cũng tham gia ban biên tập. Tờ báo có phụ trương "Wochenblatt der Deutschen Schnellpost" ("Tuần báo tin nhanh Đức"). - 384.

197 *"Mannheimer Abendzeitung"* ("Báo buổi chiều Man-hem") - nhật báo Đức có khuynh hướng cấp tiến do C.Grun sáng lập năm 1842, người mà ít lâu sau trở thành đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính" (xem chú thích 15). Cuối năm 1848 báo bị đình bản. - 384.

198 Ý muốn nói đến cuốn sách mỏng xuất bản vào năm 1848 : K.Heizen, "Frankreichs "Bruderlicher Bund mit Deutschland". Rheinfelden (C. Hai-nơ-txen". "Liên minh anh em với Đức" của Pháp". Rai-nơ-phen-đen). - 384.

199 *An-xi-nơ* - một nhân vật trong trường ca "Rô-lăng giận dữ" của A-ri-ô-xtô, một mụ phù thuỷ độc ác. - 387.

200 *Quây-cơ* (tên gọi chính thức - "Hội những người bạn") - giáo phái Tin lành Cơ Đốc, hình thành ở Anh trong thời kỳ cách mạng tư sản thế kỷ XVII và được truyền bá rộng rãi cả ở Bắc Mỹ. Giáo phái Quây-cơ phủ nhận giáo hội quan phương cùng với nghi lễ của nó, tuyên truyền những tư tưởng hoà bình chủ nghĩa. Người ta gọi những người ủng hộ trào lưu, xuất hiện vào những năm 20 thế kỷ XIX, chủ trương đổi mới giáo điều của đạo Quây-cơ là phái Quây-cơ

"ướt át" (để phân biệt với các thành viên chính thống của giáo phái này là phái Quây-cơ "khô khan"). - 388.

201 *Ủy ban trung ương châu Âu* (tên gọi đầy đủ : Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu) được thành lập vào tháng Sáu 1850 ở Luân Đôn theo sáng kiến của Mát-di-ni. Ban chấp hành là một tổ chức tập hợp những người lưu vong tư sản và tiểu tư sản ở nhiều nước khác nhau. Hết sức không đồng nhất về thành phần cũng như về quan điểm tư tưởng, tổ chức này tồn tại không bao lâu. Do những mối quan hệ ngày càng gay gắt giữa những người lưu vong - dân chủ của I-ta-li-a và của Pháp mà trên thực tế Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu đã bị tan rã ngay vào đầu tháng Ba 1852. - 389.

202 *"Proscrit"* - tên gọi tắt cơ quan ngôn luận ra hàng tháng của Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu "Le Proscrit, journal de la Republique universelle" ("Người bị trục xuất, tạp chí của nền cộng hoà thế giới") ; được xuất bản ở Pa-ri năm 1850. Ra được hai số. Tham gia vào ban biên tập tạp chí có Lơ-druy - Rô-lanh, Mát-di-ni, Hâu-gơ, A-ra-gô, Đa-ra-st, Đê-lê-cluy-dơ, Voóc-xen. Từ cuối tháng Mười 1850 được đổi thành tạp chí ra hàng tuần "La Voix du Proscrit" ("Tiếng nói của người bị trục xuất"), xuất bản ở Xanh-A-măng (Pháp) cho đến tháng Chín 1851. - 389.

203 *"Bremer Tages - Chronik"* ("Tin tức Brê-men hàng ngày") - báo dân chủ Đức, xuất bản trong những năm 1849 - 1851 ; Đu-lông làm tổng biên tập báo từ tháng Ba 1850. - 389.

204 *"Paris vaut bien une messe"* ("Pa-ri đáng bằng một buổi lễ mi xa") - lời Hăng-ri IV nói vào năm 1593 nhân dịp những người dân Pa-ri hứa công nhận ông ta là vua với điều kiện ông ta phải chuyển từ đạo Tin lành sang đạo Thiên chúa. - 390.

205 *Trận giao chiến vĩ đại ở gần Brôn-xen-lơ*, ở đây là tên gọi một cách mỉa mai trận giao tranh nhỏ giữa các đội quân tiên phong của Phổ và Áo ngày 8 tháng Mười một 1850 trong thời kỳ diễn ra cuộc khởi nghĩa ở Cuốc-hét-xen ; Phổ và Áo đấu tranh với nhau để giành quyền thống trị ở Đức, tranh giành lẫn nhau quyền can thiệp vào công việc nội bộ của Cuốc-hét-xen nhằm mục đích dàn áp cuộc khởi nghĩa. Trong cuộc xung đột này với Áo là bên được sự ủng hộ về mặt ngoại giao của Nga, Phổ đã phải nhượng bộ. - 391.

206 *I-ốp-xơ* - nhân vật nổi tiếng vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX trong trường ca trào phúng của C.A. Coóc-tum "I-ốp-xi-át". - 391.

207 Những câu chữ mà Mác và Ăng-ghen dựa vào đó để chế nhạo là phỏng theo bản văn lời kêu gọi "Gửi những người Đức" của Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu, được đăng trên tạp chí "Voix du Proscrit" tháng Mười một 1850. - 392.

208 Đây là nói về đại hội quốc tế do những người theo chủ nghĩa hoà bình tư sản triệu tập ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ tháng Tám 1850. Nhà từ thiện tư sản Mỹ Ê Lu Bu-rít, lãnh tụ phái mậu dịch tự do Anh Cốp-đen, nhà hoạt động chính trị tư sản và nhà chính luận Pháp Gi-rác-đanh, người theo phái tự do Đức, nguyên là người đứng đầu chính phủ của phái tự do ở Hét-xen - Đác-mơ-stát là Gia-u-pơ, đã đóng một vai trò quan trọng tại đại hội này; tham gia đại hội có các đại biểu của giáo phái Quây-cơ, và cả lãnh tụ của một trong những bộ tộc người In-đi-an. Những bài diễn văn đọc tại đại hội mang tính chất đạo đức giả và giả nhân giả nghĩa. - 392.



209 Có ý muốn nói đến cuốn sách : H.Harring. "Historiaches Fragment über die Entstechung der Arbeiter - Vereine und ihren Verfall in Communistische Speculationen". London, 1852 (H. Ha-ring. "Trích đoạn lịch sử về sự xuất hiện các hội công nhân và việc họ bị rơi vào lý luận tự biện cộng sản chủ nghĩa Luân Đôn, 1852). - 394.

210 *Cuộc tiết lễ ở Hâm-bắc* - cuộc biểu tình chính trị ngày 27 tháng Năm 1832 gần lâu đài Hâm-bắc ở Pphan-xơ thuộc xứ Ba-vi-e do những đại diện của giai cấp tư sản tự do và cấp tiến Đức tổ chức. Những người tham gia tiết lễ đã biểu tình với lời kêu gọi thống nhất toàn thể những người Đức chống lại các lãnh chúa Đức vì cuộc đấu tranh đòi tự do tư sản và cải cách hiến pháp. - 394.

211 Có ý muốn nói tới tờ *"Deutschland"*, cơ quan ngôn luận của phái dân chủ, xuất bản ở Xtơ-ra-xbua từ tháng Chạp 1831 đến tháng Ba 1832, do Ha-rô Ha-rinh chủ biên, cũng như những cuốn sách sau đây của tác giả trên : "Die Völker. Ein dramatisches Gedicht. Ehre. Freiheit. Vaterland". Straßburg, 1832 ("Các dân tộc. Kịch thơ. Danh dự. Tự do. Tổ quốc". Xtơ-ra-xbua, 1832) ; "Blutstropfen. Deutsche Gedichte". Straßburg, 1832. ("Những giọt máu. Các bài thơ Đức". Xtơ-ra-xbua, 1832) ; "Die Monarchie, oder die Geschichte vom König Saul". Straßburg, 1832. ("Chế độ quân chủ, hay là lịch sử của hoàng đế Xa-un". Xtơ-ra-xbua, 1832); "Männer - Stimmen, zu Deutschland's Einheit, Deutsche Gedichte". Straßburg, 1832 ("Tiếng nói của những đấng nam nhi. Về vấn đề thống nhất nước Đức, các bài thơ Đức". Xtơ-ra-xbua, 1832). - 394.

212 *Hội lưu hoàng* - ban đầu là tên gọi của hội liên hiệp sinh viên ở trường Đại học tổng hợp I-ê-na trong những năm 70 thế kỷ XVIII, hội này nổi tiếng xấu do những cuộc loạn đả mà những thành viên của hội gây ra ; về sau từ "hội lưu hoàng" đã trở thành danh từ chung. - 396.

213 Đây là nói về cuộc hành quân của những người lưu vong cách mạng Mát-di-ni, nhà dân chủ tư sản, tổ chức vào năm 1834. Đội quân khởi nghĩa bao gồm những người lưu vong thuộc các dân tộc khác nhau, dưới sự chỉ huy của Ra-mô-ri-nô, đã từ Thuỵ Sĩ tràn vào Xa-voa, nhưng họ đã bị quân đội Pi-ê-mông đánh tan. - 396.

214 *"Châu Âu trẻ"* - Hội liên hiệp quốc tế các tổ chức cách mạng của những người lưu vong chính trị, được thành lập ở Thuỵ Sĩ năm 1834 theo sáng kiến của Mát-di-ni và tồn tại đến năm 1836. Thành phần của "Châu Âu trẻ" bao gồm các tổ chức dân tộc: "Nước I-ta-li-a trẻ", "Nước Ba Lan trẻ", "Nước Đức trẻ" và các tổ chức khác. Hội này đã đặt cho mình mục tiêu thiết lập chế độ cộng hoà ở các quốc gia châu Âu. - 397.

215 Tháng Sáu 1844 hai anh em Ban-đê-ê-ra, thành viên của một tổ chức âm mưu bí mật, đã lãnh đạo một nhóm nhỏ những người yêu nước I-ta-li-a tiến hành một cuộc đổ bộ lên vùng bờ biển Ca-la-bri. Mục đích của những người khởi nghĩa là phát động một cuộc khởi nghĩa ở I-ta-li-a chống lại triều đại Buốc-bông ở Na-plơ và ách thống trị của Áo. Do sự phản bội của một đội viên trong nhóm nên nhà cầm quyền đã bắt giữ những người tham gia cuộc đổ bộ này, hai anh em Ban-đê-ê-ra đã bị bắn chết. - 399.

216 Ý muốn nói đến những người ủng hộ vương triều Au-gu-xten-boóc-ghi ở Đức tranh giành với các vua Đan Mạch quyền sở hữu xứ Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ. - 400.

217 - Ý muốn nói đến hội nghị của Nga, Áo và Phổ, được triệu tập ở Vác-sa-va tháng Mười 1850 theo sáng kiến của Nga nhằm mục đích gây sức ép với Phổ và buộc Phổ phải từ bỏ kế hoạch thống nhất nước Đức dưới sự bảo trợ của mình. - 404.

218 *"La Patrie"* ("Tổ quốc") - nhật báo ở Pháp, được thành lập năm 1841, năm 1850 thể hiện lợi ích của phái quân chủ liên hiệp, của cái gọi là đảng trật tự, đồng thời là cơ quan ngôn luận của khối tuyển cử của họ, về sau là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ. - 404.

219 *"L'Indépendance belge"* ("Độc lập của Bỉ") - nhật báo tư sản, được thành lập ở Bruy-xen năm 1831 cơ quan ngôn luận của phái tự do. - 404.

220 Trích bài nói của Han-đơ-man tại phiên họp của Nghị viện liên hợp ở Béc-lin ngày 8 tháng Sáu 1847. - 405.

221 Ý muốn nói đến Uỷ ban chính phủ về vấn đề công nhân, được thành lập sau cuộc Cách mạng tháng Hai 1848 ở Pháp, họp trong cung điện Lúc-xăm-buốc ở Pa-ri. Cái gọi là Uỷ ban Lúc-xăm-buốc ấy do giai cấp tư sản lập ra nhằm làm cho quần chúng công nhân xa rời sự nghiệp đấu tranh cách mạng, nó không có phương tiện tài chính và chẳng có một quyền lực nào cả. Dưới sự chỉ đạo của Lu-i Blăng, hoạt động thực tiễn của Uỷ ban chung quy lại là làm môi giới hoà giải giữa công nhân với bọn chủ xí nghiệp. Sau cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân ngày 15 tháng Năm 1848 (xem chú thích 30), chính phủ đã giải tán Uỷ ban này. - 406.

222 Lời chúc rượu của Blăng-ki mà những người tổ chức cuộc mít-tinh ngày 24 tháng Hai 1851 (cái gọi là "bữa tiệc của những người hành dẳng") định giấu kín trước công luận, đã được đăng trên một loạt tờ báo ở Pháp. Mác và Ăng-ghen đã dịch lời chúc rượu này sang tiếng Đức và tiếng Anh, đồng thời viết thêm cho nó lời nói đầu (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 741 - 743). Bản dịch tiếng Đức được in với số lượng lớn, được lưu hành rộng rãi ở Đức và ở Anh. - 406.

223 Mác và Ăng-ghen đã gọi Kin-ken bằng cái tên của nhà tiên tri I-ê-rê-mi trong kinh thánh. "Tiếng khóc của I-ê-rê-mi" về việc Giê-ru-da-lem bị tàn phá đã đi vào văn học như biểu tượng của những lời kêu ca và than thở chua xót (từ đó mà có từ I-ê-rê-mi-đa). - 409.



224 *"The Morning Chronicle"* ("Tin buổi sáng") - nhật báo tư sản ở Anh, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1770 đến năm 1862; cơ quan ngôn luận của đảng Vích, đầu những năm 50 là cơ quan ngôn luận của phái Pin, sau đó là của phái bảo thủ. - 410.

225 Ý muốn nói đến cuộc đảo chính của Lu-i Bô-na-pác-tơ ở Pháp ngày 2 tháng Chạp 1851. - 410.

226 *A-pô-ca-líp-xít* - một trong những tác phẩm của nền văn học tiền Cơ Đốc giáo, nằm trong bộ Tân ước. Bản quyền của cuốn sách được ghi là của giáo đồ I-ô-an. Những lời tiên tri thần bí về "ngày tận thế" và "sự xuất hiện trở lại của Kí-tô" trong A-pô-ca-líp-xít thường được sử dụng trong các phong trào quần chúng là giáo thời trung cổ. Về sau những lời tiên tri trong A-pô-ca-líp-xít đã được những người bảo vệ giáo hội sử dụng để đe doạ quần chúng nhân dân. - 411.

227 Xem chú thích 93. - 412.

228 Xem chú thích 33. - 413.

229 *"Neu - Yorker Staatszeitung"* ("Báo nhà nước Niu Óóc") - nhật báo dân chủ ở Đức, xuất bản từ năm 1834; về sau là một trong những cơ quan ngôn luận của đảng dân chủ Mỹ. - 417.

230 Mác và Ăng-ghen gọi Sốc-tơ-nơ là *Xi-len* - theo thần thoại Hy Lạp, Xi-len là bạn đồng hành của Đi-ô-nít, thần rượu và thần nấu rượu vang. - 421.

231 Goethe. "Anmerkungen über Personen und Gegenstände, deren in dem Dialog: "Rameau's Neffe" erwähnt wird" (Gớt-tơ, "Những nhận xét về các nhân vật và các đề tài được đề cập đến trong cuộc đối thoại "Người cháu trai của Ra-mô"). - 421.

232 *Pi-xtôn* - nhân vật trong một số tác phẩm của Sếch-xpia ("Những người đàn bà vui tính ở Uyn-đơ", "Hoàng đế Hen-ri VI", "Cuộc đời hoàng đế Hen-ri V"); một kẻ khoe khoang và lừa đảo. - 423.

233 Xem chú thích 90. - 426.

234 *Tiến nghị viện* - hội nghị những nhà hoạt động xã hội của các quốc gia Đức diễn ra ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ từ ngày 31 tháng Ba đến ngày 4 tháng Tư 1848. Đại đa số các đại biểu của Tiến nghị viện thuộc khuynh hướng quân chủ - lập hiến. Tiến nghị viện đã đưa ra quyết nghị về việc triệu tập Quốc hội toàn Đức và thảo ra dự luật "Các quyền cơ bản và những yêu cầu của nhân dân Đức" - một văn kiện tuyên bố trên lời nói một số quyền tự do tư sản, nhưng lại không động đến những nền tảng của chế độ chuyên chế nửa phong kiến của nước Đức lúc bấy giờ. - 426.

235 Mác và Ăng-ghen gọi Hai-nơ txen là *"Gia-nu-xơ"* - một vị thần La Mã thời cổ, được mô tả bằng hai bộ mặt quay về hai phía ngược nhau; nghĩa bóng Gia-nu-xơ

là kẻ hai mặt. "Gia-nu-xơ" ("Janus") cũng là tên của một tờ báo do Hai-nơ-txen xuất bản trong những năm 1851 - 1852 ở Mỹ, trên đó ông ta đã công kích Mác. - 427.

236 *Linh vật Gran* - theo truyền thuyết thời trung cổ là cái chén quý có sức mạnh kỳ diệu. - 429.

237 Ám chỉ trường ca hài hước cổ Hy Lạp của tác giả vô danh "Cuộc chiến tranh của loài chuột và loài ếch nhái" ("Ba-tơ-ra-khô-mi-ô-ma-khi-a"), trường ca này là bài thơ nhại lại bản anh hùng ca của Hô-me. - 429.

238 Ý muốn nói đến những quan điểm của Vi-li-đen được ông ta trình bày trong cuốn sách : "Theorie des großen Krieges angewendet auf den russisch - polnischen Feldzug von 1831". In zwei Theilen. Berlin, 1840 ("Lý luận về chiến tranh lớn vận dụng vào chiến dịch Ba Lan - Nga năm 1831". Gồm 2 phần. Béc-lin, 1840). Trong việc xây dựng lý luận của mình, Vi-li-đen đã không xuất phát từ những tư liệu thực tiễn của lịch sử nghệ thuật quân sự, mà từ những luận điểm triết học trừu tượng. - 432.

239 Ý muốn nói đến đội quân công nhân và thợ thủ công trong giới lưu vong Đức ở Bơ-đăng-xông (Pháp) do Vi-lích tổ chức vào tháng Mười một 1848. Thành viên của đội quân này nhận trợ cấp của Chính phủ Pháp, nhưng đến đầu năm 1849 thì việc trả tiền trợ cấp bị đình chỉ. Về sau đội quân này nhập vào cái gọi là quân đoàn Vi-lích tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba-đen - Pphan-xơ tháng Năm - tháng Sáu 1849. - 433.

240 Ý muốn nói đến bài ca thứ 34 trong trường ca của A-ri-ô-xtô "Rô-lăng giận giữ". Trường ca của A-ri-ô-xtô được viết ra với tư cách là sự kế tục trường ca của Bôi-ác-đô "Rô-lăng yêu dương". - 435.

241 Câu nói của Ca-tô Anh được nêu lên trong cuốn sách của Xi-xê-rôn "De divinatione" ("Về sự tiên đoán") ; những Ga-ru-xpích ở La Mã cổ đại là những người tiên đoán dựa vào nội tạng của động vật hiến sinh. - 439.

242 Ý muốn nói đến "Trận đánh của những người Hung-nô" - bức tranh nổi tiếng của hoạ sĩ người Đức Cau-lơ-bắc. Bức tranh mô tả trận đánh của những linh hồn tử sĩ diễn ra trong không trung trên bãi chiến trường. - 444.

243 *Pát-xi-phan* - nhân vật trong một loạt trường ca thời trung cổ; hiệp sĩ lên đường đi tìm linh vật Gran (xem chú thích 236); sau khi lập nên một loạt chiến công, Pát-xi-phan trở thành người giữ linh vật Gran. - 450.

244 Sự cộng tác của bản thân Mác với tờ "New - York Daily Tribune" (xem chú thích 2), trên thực tế bắt đầu từ bài "Những cuộc bầu cử ở Anh. - Đảng To-ri và đảng Vích". Trước đó, ông chỉ gửi cho báo những bài trong loạt bài "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" do Ăng-ghen viết. Bài báo lúc đầu được Mác viết bằng tiếng Đức, coi như một chỉnh thể thống nhất với bài "Phái Hiến chương" và được ông gửi đi Man-se-xtơ ngày 2 tháng Tám 1852 cho Ăng-ghen



dịch sang tiếng Anh. Như lệ thường, Ăng-ghen dịch cả những bài tiếp theo của Mác cho tới cuối tháng Giêng 1853, khi Mác đã nắm vững được ngôn ngữ tiêu chuẩn Anh tới mức tự viết được những bài báo của mình bằng tiếng Anh. Trong khi dịch, đôi khi Ăng-ghen chia những bài báo lớn ra làm hai bài mà sau đó được Mác gửi đăng trên báo với tư cách là những bài riêng biệt. Chẳng hạn, trong trường hợp này, Ăng-ghen đã chia bài báo do Mác gửi tới thành hai : "Những cuộc bầu cử ở Anh. Đảng To-ri và đảng Vích" và "Phái Hiến chương".

Tháng Mười 1852, những bài nói trên và cả những bài "Tệ hối lộ trong bầu cử" và "Kết quả bầu cử" đã được đăng lại trên một loạt số báo "The People's Paper" ("Báo nhân dân") với nhan đề "Cuộc bầu cử phổ thông ở Anh". Trong một dị bản của bài "Phong trào Hiến chương", đăng trên "People's Paper", người ta đã bỏ đi một số tư liệu mà Mác đã rút ra từ chính tờ báo này.

*"The People's Paper"* ("Báo nhân dân") - tuần báo của phái Hiến chương, do một trong những lãnh tụ cánh tả phái Hiến chương là E.Giôn-xơ, bạn của Mác và Ăng-ghen, thành lập tháng Năm 1852 ở Luân Đôn. Từ tháng Mười 1852 đến tháng Năm 1856 Mác và Ăng-ghen đã cộng tác với báo này, đồng thời giúp đỡ cả việc biên tập tờ báo. Ngoài việc in lại những bài báo quan trọng nhất của Mác lấy từ tờ "New - York Daily Tribune", báo này còn đăng một loạt bài của Mác và Ăng-ghen viết riêng cho báo. Trong thời kỳ này, tờ báo đã triệt để bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội. Việc Giôn-xơ xích lại gần phái cấp tiến tư sản đã dẫn đến việc Mác và Ăng-ghen không cộng tác với báo nữa mà dẫn đến việc hai ông tạm thời cắt đứt quan hệ với Giôn-xơ. Tháng Sáu 1858 tờ báo đã rơi vào tay bọn kinh doanh tư sản. - 451.

245 *Trường phái Man-se-xtơ* - một khuynh hướng tư tưởng kinh tế phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp. Những người ủng hộ khuynh hướng này, phái mậu dịch tự do, đã bảo vệ tự do mậu dịch và đòi nhà nước không can thiệp vào đời sống kinh tế. Trung tâm cổ động của phái mậu dịch tự do là Man-se-xtơ, nơi Cốp-đen và Brai-tơ, hai chủ xưởng ngành dệt, lãnh đạo phong trào này đã tổ chức ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc vào năm 1838. Trong những năm 40 - 50 phái mậu dịch tự do là một tập đoàn chính trị đặc biệt và sau này cấu thành lực lượng cánh tả của đảng tự do. - 451.

246 *Giáo hội thượng đẳng* - một khuynh hướng trong giáo hội Anh, đa số môn đồ là người trong giới quý tộc; duy trì những lễ nghi sang trọng cổ xưa, đồng thời nhấn mạnh mối quan hệ có tính chất kế thừa với đạo Thiên chúa. Đối lập với giáo hội thượng đẳng là một khuynh hướng khác trong giáo hội Tin lành Anh - giáo hội hạ đẳng - được truyền bá chủ yếu trong giai cấp tư sản và giới tăng lữ cấp dưới, khuynh hướng này chú ý đặc biệt đến việc truyền bá đạo lý Cơ Đốc - tư sản. - 452.

247 Đạo luật huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc được thông qua vào tháng Sáu 1846. Cái gọi là các đạo luật về ngũ cốc nhằm hạn chế hoặc cấm nhập khẩu ngũ cốc

từ nước ngoài, được thi hành ở Anh nhằm phục vụ lợi ích của bọn đại địa chủ. Việc thông qua đạo luật năm 1846 là thắng lợi của giai cấp tư sản công nghiệp, giai cấp đã đấu tranh chống các đạo luật về ngũ cốc dưới khẩu hiệu tự do mậu dịch. - 452.

248 *Đảng Vích* - tên gọi một chính đảng ở Mỹ, đại biểu chủ yếu cho lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp và tài chính, một bộ phận những người chủ đồn điền cũng tham gia đảng này. Đảng Vích tồn tại từ năm 1834 đến năm 1852, khi cuộc đấu tranh về vấn đề chế độ nô lệ trở nên gay gắt đã gây nên sự chia rẽ và phân nhóm nhỏ trong các đảng phái chính trị của nước Mỹ. Năm 1854 phần lớn đảng Vích cùng với một bộ phận đảng dân chủ và đảng của những phéc-mi-ê (phri-xôi-lo-rơ) đã hợp thành đảng cộng hoà chống lại chế độ nô lệ. Phần còn lại của đảng Vích nhập vào đảng dân chủ, bảo vệ lợi ích của bọn chủ đồn điền - chủ nô. - 454.

249 G.W.Cooke. "The History of Party, from the Rise of the Whig and Tory Factions, in the Reign of Charles II, to the Passing of the Reform Bill", Vol. 1 – 3, London, 1836 - 1837 (G.U.Cúc. "Lịch sử các đảng phái từ khi xuất hiện đảng Vích và đảng To-ri trong thời kỳ Sác-lơ II cầm quyền đến khi thông qua đạo luật cải cách". Tập 1 - 3, Luân Đôn, 1836 - 1837). - 455.

250 Ám chỉ tên gọi mỉa mai "Giôn Tột đình" do những người cấp tiến đặt cho lãnh tụ đảng Vích Giôn Rớt-xen sau bài phát biểu của ông ta năm 1837, trong đó ông ta nhận định cuộc cải cách nghị viện năm 1832 là tột đỉnh của sự phát triển chế độ lập hiến ở Anh. - 456.

251 "Cuộc cách mạng quang vinh" trong lịch sử sử học tư sản Anh là tên gọi cuộc đảo chính năm 1688, mà sau đó ở Anh nền quân chủ lập hiến được củng cố dựa trên sự thoả hiệp giữa tầng lớp quý tộc ruộng đất và giai cấp tư sản tài chính. - 456.

252 Đây là nói về việc cải cách luật bầu cử do hạ nghị viện Anh thông qua năm 1831 và được thượng nghị viện hoàn toàn phê chuẩn vào tháng Sáu 1832. Việc cải cách nhằm chống lại sự độc quyền về chính trị của giới quý tộc ruộng đất và tài chính, cho phép các đại diện của giai cấp tư sản công nghiệp tham gia vào nghị viện. Giai cấp vô sản và tiểu tư sản là lực lượng chủ yếu trong cuộc đấu tranh đòi cải cách đã bị giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa lừa gạt và không được quyền bầu cử. - 456.

253 *Toà đại pháp quan* hay là toà công lý, - một trong những toà án cấp cao ở Anh, sau cuộc cải cách tư pháp năm 1873, là một chi nhánh của Toà án tối cao. Toà án này do đại pháp quan điều hành, thuộc thẩm quyền giải quyết của nó là những vụ việc liên quan đến quyền thừa hưởng gia tài, những giao kèo, những công ty cổ phần, v.v.. Thẩm quyền của toà án này trong một số trường hợp trùng chéo với thẩm quyền của các toà án cấp cao khác; đối lập với luật



phổ thông của Anh được áp dụng trong các toà án khác, thủ tục tố tụng ở toà thượng thẩm được tiến hành trên cơ sở cái gọi là "quyền công lý". - 461.

254 *Phri-hôn-đơ-rơ* - một trong những hạng địa chủ nhỏ ở Anh phát sinh từ "người sở hữu tự do" thời kỳ trung cổ. - 464.

255 Ý muốn nói đến dự luật cải cách bầu cử mà tháng Hai 1852 Rớt-xen đã tuyên bố trước là sẽ đưa ra dự luật này; song dự luật ấy lại không được đưa ra thảo luận ở nghị viện. Ăng-ghen đã phân tích nội dung dự luật này trong những bài viết về nước Anh (xem tập này, tr. 289 - 293). - 467.

256 Đây là nói về những món tiền trợ cấp mà năm 1846 nghị viện Anh chi để xây dựng một toà nhà mới dành cho trường dòng Thiên chúa giáo ở Mây-nút (Ai-rơ-len) và những khoản tiền đài thọ nhà trường. Những biện pháp này nhằm mục đích lôi kéo giới tăng lữ Thiên chúa giáo Ai-rơ-len về phía các giai cấp thống trị Anh và bằng cách đó làm suy yếu phong trào giải phóng dân tộc ở Ai-rơ-len.

*Những tín đồ phi quốc giáo* - đại diện của những giáo phái và những trào lưu tôn giáo ở mức độ này hay mức độ khác xa rời những giáo lý của quốc giáo Anh. - 470.

257 *Ba mươi chín điều* - biểu tượng lòng tin của quốc giáo Anh, được nghị viện Anh thông qua năm 1571. - 473.

258 Xem chú thích 244. - 473.

259 Ý muốn nói đến cuộc tàn sát ở Ai-rơ-len ngày 29 - 30 tháng Sáu 1852 tại thành phố Xtốc-poóc (quận Sê-sia, nước Anh), do một đám đông những kẻ cuồng tín đạo Tin lành Anh gây ra với sự dung túng của chính quyền địa phương và cảnh sát. Những ngôi nhà của người Ai-rơ-len theo đạo Thiên chúa chiếm gần một phần ba số dân thành phố bị phá huỷ. Trong những người Ai-rơ-len, có nhiều người bị giết và hàng chục người bị thương; trong lúc đó cảnh sát đã bắt giam hơn một trăm người Ai-rơ-len vô tội vì dường như họ đã tham gia vào việc gây rối. Sự kiện ở Xtốc-poóc đã làm sâu sắc thêm sự thù hằn dân tộc giữa người Anh và người Ai-rơ-len. - 474.

260 Theo thần thoại Hy Lạp, những người tư tế đã bảo vệ thần Dớt khi còn nhỏ trên đảo Cre-tơ. Thần Dớt (vị thần tối cao trên thượng giới tương ứng với thần Giu-pi-te trong thần thoại La Mã cổ đại) được mẹ của mình là nữ thần Rê-a giấu không cho người cha biết, vì cha là thần khổng lồ Crô-nô-xơ thường ăn thịt những đứa con của mình vì sợ chúng cướp quyền. Những người tư tế đã dùng kiếm đánh lên những chiếc mộc để làm át tiếng kêu của thần Dớt mới sinh. - 478.

261 Theo thể thức được thông qua ở nghị viện Anh, khi thảo luận một số vấn đề quan trọng nhất, hạ nghị viện tự tuyên bố họp đầy đủ thành phần với tư cách một uỷ ban (Committee of the whole House); tại những cuộc họp như vậy, một

trong những người thuộc danh sách các chủ tịch sẽ thi hành chức trách người chủ toạ (Chairman of the Committees), người này được chỉ định đặc biệt làm chủ tịch hạ nghị viện để điều hành cuộc họp đó. - 483.

262 *Những văn kiện về hàng hải* là tên gọi những đạo luật bảo hộ được nghị viện Anh thông qua trong nửa cuối thế kỷ XVII, bắt đầu từ năm 1651, nhằm giúp đỡ ngành vận tải đường thuỷ ở Anh, những văn kiện này bị huỷ bỏ vào năm 1849. - 484.

263 *Tổng bộ Ba Lan* - cơ quan chấp hành lãnh đạo của Hội dân chủ Ba Lan được thành lập năm 1836. Hội dân chủ xuất hiện năm 1832 ở Pháp, coi như là tổ chức của giai cấp tư sản - quý tộc cánh tả trong những người lưu vong Ba Lan. Cương lĩnh của Hội dự định thủ tiêu các đảm phụ phong kiến và sự bất bình đẳng về đẳng cấp, chuyển giao các phần đất cho nông dân không phải chuộc lại và một loạt biện pháp tiến bộ khác. Hội dân chủ tích cực tham gia chuẩn bị cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp năm 1846 nhằm mục đích giải phóng dân tộc Ba Lan. Từ mùa hè năm 1849 sau khi Hội dân chủ Ba Lan bị cấm ở Pháp, Tổng bộ Ba Lan chuyển trụ sở sang Luân Đôn nhưng phần lớn thành viên của Hội vẫn ở lại Pháp như trước. Những năm 50 là thời kỳ có những sự bất đồng về tư tưởng trong Hội dân chủ. Năm 1862 do việc thành lập Uỷ ban trung ương toàn quốc ở Ba Lan để chuẩn bị khởi nghĩa, Hội dân chủ đã quyết định tự giải tán. - 490.

264 *Luật tế bần*, thông qua năm 1834, chỉ cho phép dùng một hình thức cứu giúp người nghèo là đưa họ vào các trại học nghề với chế độ tù khổ sai mà nhân dân gọi là "Ba-xti dành cho người nghèo". - 494.

265 Mác trích dẫn ở tờ "Times" số ra ngày 22 tháng Chín 1852. - 498.

266 Ý muốn nói tới các cuốn sách của T.Tu-cơ : "A History of Prices, and of the State of the Circulation, from 1793 to 1837". Vol. I - II, London, 1838 ("Lịch sử giá cả và tình hình lưu thông từ năm 1793 đến năm 1837". Tập I - II, Luân Đôn, 1838), "A History of Prices, and of the State of the Circulation, in 1838 and 1839". London, 1840 ("Lịch sử giá cả và tình hình lưu thông trong những năm 1838 và 1839". Luân Đôn, 1840) và "A History of Prices, and of the State of the Circulation, from 1839 to 1847 inclusive". London, 1848 ("Lịch sử giá cả và tình hình lưu thông từ năm 1839 cho đến hết năm 1847". Luân Đôn, 1848). - 500.

267 *"Lloyd's Weekly London Newspaper"* ("Tuần báo Lô-đơ ở Luân Đôn") - tờ báo Anh có khuynh hướng tự do chủ nghĩa, xuất bản dưới tên ấy trong những năm 1843 - 1918. - 503.

268 *"The Hull Advertiser"* ("Người truyền tin Hun") - tờ báo Anh, cơ quan ngôn luận của phái cấp tiến tư sản; xuất bản từ năm 1799 đến năm 1867 . - 503.

269 Xem chú thích 104. - 504.



270 *Toà án hoàng gia* là một trong những toà án cấp cao ở Anh, sau cuộc cải cách năm 1873, là một chi nhánh của Toà án tối cao. Toà án hoàng gia xét xử các vụ án hình sự và dân sự và có quyền xét lại bản án của một số toà án cấp dưới. - 505.

271 Ý muốn nói tới *toà án dân sự*, một trong những toà án cấp cao của Anh, trong đó việc tố tụng được tiến hành trên cơ sở luật phổ thông của Anh (sau cuộc cải cách năm 1873 là một chi nhánh của Toà án tối cao). Ngoài những vấn đề khác ra, thẩm quyền của toà án dân sự còn bao gồm việc xét xử các vụ khiếu nại những quyết định của các luật sư - thanh tra về danh sách cử tri. Theo luật phổ thông của Anh thì đối tượng xét xử của toà thượng thẩm chỉ có thể là các vấn đề pháp luật, nghĩa là những vấn đề liên quan đến việc vi phạm qui tắc luật pháp và tố tụng; còn những vấn đề thực tế, nghĩa là những vấn đề liên quan đến tình hình thực tế của vụ án thì theo luật phổ thông là đối tượng xét xử của các viên bồi thẩm. - 506.

272 *"The Morning Herald"* ("Truyền tin buổi sáng") - tờ nhật báo Anh theo khuynh hướng bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1780 - 1869. - 512.

273 *"The Guardian"* ("Người bảo vệ") - tờ tuần báo Anh, cơ quan của giáo hội Tin lành Anh, được thành lập ở Luân Đôn năm 1846. - 512.

274 *Năm cảng* (Cinque ports) - tổ chức liên hiệp của một số thành phố ven biển ở Đông - Nam nước Anh, hình thành vào trung thế kỷ; tên gọi của nó bắt nguồn từ con số các cảng tham gia ban đầu vào tổ chức này. Nó được hưởng các đặc quyền trong lĩnh vực mậu dịch trên biển và đánh cá, đồng thời nó có nghĩa vụ cung cấp tàu chiến và thiết bị quân sự cho nhà vua. Chức tổng đốc năm cảng nắm quyền hành rộng rãi về hành chính và tư pháp thời trung thế kỷ, với sự thành lập hạm đội thường trực của hoàng gia, nó dần dần biến thành một trong những chức quan nhàn hạ được hưởng lương cao của chính thể quân chủ Anh. - 513.

275 *"The Morning Post"* ("Bưu điện buổi sáng") - tờ nhật báo Anh của phái bảo thủ; xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1772 - 1937. - 514.

276 *"The Globe"* - tên gọi tắt tờ nhật báo Anh "The Globe and Traveller ("Trái đất và nhà du hành"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1803; là cơ quan của đảng Vích, thời kỳ đảng này cầm quyền là tờ báo của chính phủ; từ năm 1866 là cơ quan của đảng bảo thủ. - 515.

277 *Nê-xtơ-rơ* - theo thần thoại Hy Lạp là người già nhất và sáng suốt nhất trong những vị anh hùng Hy Lạp tham gia cuộc chiến tranh Tơ-roa; trong truyền thống văn học, được coi là điển hình của bậc bô lão giàu kinh nghiệm sống. - 516.

278 Đầu đề là của Viện Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô. - 517.

279 Xem chú thích 107. - 519.

280 Ý muốn nói tới Ban chấp hành Hội liên hiệp toàn quốc phái Hiến chương được thành lập tháng Bảy 1840. Hội liên hiệp này là chính đảng công nhân có tính chất quần chúng đầu tiên trong lịch sử phong trào công nhân, vào những năm cao trào Hiến chương có tới 4 vạn thành viên. Hoạt động của Hội liên hiệp đã thể hiện sự thiếu nhất trí về tư tưởng và sách lược trong các thành viên của nó và tư tưởng tiểu tư sản của đa số lãnh tụ phong trào Hiến chương. Sau thất bại của phong trào Hiến chương năm 1848, Hội liên hiệp đã suy sụp và ngừng hoạt động vào những năm 50. - 521.

281 Xem chú thích 85. - 526.

282 Xem chú thích 117. - 526.

283 Bài *"Vụ án mới đây ở Khuên"* là do Ăng-ghen viết cho tờ "New - York Daily Tribune" theo yêu cầu của Mác. Về sau bài này được đưa vào loạt bài "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" do Ê-lê-ô-no Mác - Ê-vê-linh biên tập và xuất bản thành tập sách riêng năm 1896, thay cho bài cuối cùng của loạt bài này mà Ăng-ghen đã nhận viết nhưng không thấy đăng trên báo. - 529.

284 Ý muốn nói tới *Liên đoàn những người cộng sản* - tổ chức cộng sản quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản. Trước khi thành lập Liên đoàn những người cộng sản, Mác và Ăng-ghen đã tiến hành một khối lượng công việc lớn lao nhằm đoàn kết về mặt tư tưởng và tổ chức những người xã hội chủ nghĩa và công nhân tiên tiến các nước khác nhau. Nhằm mục đích ấy, đầu năm 1846, hai ông đã tổ chức Uỷ ban thông tin cộng sản ở Bruy-xen. Mác và Ăng-ghen đã bảo vệ tư tưởng chủ nghĩa cộng sản khoa học trong cuộc đấu tranh bền bỉ chống lại chủ nghĩa cộng sản bình quân thô sơ của Vai-tlinh, "chủ nghĩa xã hội chân chính" và những không tưởng tiểu tư sản của Pru-đông có ảnh hưởng đặc biệt đối với các thành viên của Liên đoàn những người chính nghĩa, một tổ chức âm mưu của công nhân và thợ thủ công có các chi bộ ở Đức, Pháp, Thuỵ Sĩ và Anh. Ban lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa ở Luân Đôn tin tưởng vào sự đúng đắn của các quan điểm của Mác và Ăng-ghen, đã đề nghị hai ông vào cuối tháng Giêng 1847 tham gia Liên đoàn, tham gia việc cải tổ Liên đoàn cũng như soạn thảo Cương lĩnh của Liên đoàn dựa trên các nguyên tắc mà hai ông đã tuyên bố. Mác và Ăng-ghen đã nhận lời.

Đầu tháng Sáu 1847 ở Luân Đôn đã tiến hành đại hội Liên đoàn những người chính nghĩa, đại hội này đã đi vào lịch sử coi như đại hội đầu tiên của Liên đoàn những người cộng sản. Ăng-ghen và V. Vôn-phơ đã tham gia công việc của đại hội. Tại đại hội, tổ chức này đã được đổi tên thành Liên đoàn những người cộng sản, khẩu hiệu mơ hồ trước đây "Tất cả mọi người đều là anh em" được thay thế bằng khẩu hiệu quốc tế chủ nghĩa mang tính chất chiến đấu của đảng vô sản "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!". Đại hội cũng xem xét "Điều lệ Liên đoàn những người cộng sản" mà Ăng-ghen đã tích cực tham gia soạn thảo. Điều lệ mới đã qui định rõ những mục tiêu cuối cùng của phong trào cộng sản, xoá bỏ những điểm làm cho tổ chức này có tính chất âm mưu; nguyên tắc dân chủ trở thành nền tảng tổ chức của Liên đoàn. Điều lệ đã được dứt khoát thông qua tại đại hội lần thứ hai Liên đoàn những người cộng sản (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr. 691 - 697). Mác và Ăng-ghen đã tham gia công việc của đại hội lần thứ hai họp ở Luân Đôn từ ngày 29 tháng Mười một đến ngày 8 tháng Chạp 1847. Trong nhiều ngày tranh luận, hai ông đã bảo vệ những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản khoa học được đại hội nhất trí thông qua. Đại hội đã giao cho Mác và Ăng-ghen viết một văn kiện có tính chất cương lĩnh - "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr. 563 - 613) công bố vào tháng Hai 1848.



Do cách mạng nổ ra ở Pháp nên cuối tháng Hai 1848, Ban chấp hành trung ương Liên đoàn ở Luân Đôn trao quyền lãnh đạo Liên đoàn này cho Ban chấp hành khu vực Bruy-xen do Mác đứng đầu. Sau khi Mác bị trục xuất khỏi Bruy-xen thì Pa-ri, nơi Mác chuyển đến, trở thành trụ sở của Ban chấp hành trung ương mới vào đầu tháng Ba. Ăng-ghen cũng được cử vào Ban chấp hành trung ương. Nửa sau tháng Ba đến đầu tháng Tư 1848, Ban chấp hành trung ương đã tổ chức cho mấy trăm công nhân Đức, phần lớn là thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, trở về nước tham gia cuộc cách mạng Đức đã bùng nổ. "Những yêu sách của Đảng cộng sản Đức" do Mác và Ăng-ghen viết vào cuối tháng Ba (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.5, tr. 11 - 13) là cương lĩnh chính trị của Liên đoàn những người cộng sản trong cuộc cách mạng này.

Về đến nước Đức đầu tháng Tư 1848, Mác, Ăng-ghen và những người ủng hộ hai ông thấy rõ rằng do tình trạng lạc hậu của Đức, sự phân tán và giác ngộ chính trị kém của công nhân Đức, hai-ba trăm thành viên của Liên đoàn những người cộng sản rải rác khắp nước không thể gây được ảnh hưởng rõ rệt đối với đông đảo quần chúng nhân dân. Vì thế, Mác và Ăng-ghen cho rằng cần phải tham gia cánh cực tả, trên thực tế là cánh vô sản, của phong trào dân chủ. Hai ông đã tham gia Hội dân chủ Khuên và khuyên những người ủng hộ mình tham gia các tổ chức dân chủ để bảo vệ lập trường của giai cấp vô sản cách mạng trong những tổ chức ấy, phê phán tính nửa vời và tính dao động của phái dân chủ tiểu tư sản, thúc đẩy họ đi tới những hành động kiên quyết. Đồng thời Mác và Ăng-ghen hướng sự chú ý của những người ủng hộ mình vào việc tổ chức các đoàn thể công nhân, giáo dục chính trị cho giai cấp vô sản, tạo tiền đề cho việc thành lập chính đảng vô sản có tính chất quần chúng. Tờ "Neue Rheinische Zeitung" (xem chú thích 34) bấy giờ do Mác chủ biên là trung tâm lãnh đạo và hướng dẫn đối với các thành viên của Liên đoàn những người cộng sản. Cuối năm 1848, Ban chấp hành trung ương Liên đoàn ở Luân Đôn tìm cách nối lại những mối liên hệ đã bị gián đoạn và cử I-ô-dép Môn làm đặc phái viên sang Đức để cải tổ Liên đoàn. Ban chấp hành trung ương ở Luân

Đơn đã sửa đổi điều lệ năm 1847, làm giảm ý nghĩa có tính nguyên tắc của văn kiện ấy. Chẳng hạn, thay cho việc lật đổ giai cấp tư sản, xác lập quyền thống trị của giai cấp vô sản và xây dựng xã hội cộng sản không có giai cấp, người ta đã tuyên bố rằng mục tiêu của Liên đoàn là thành lập nền cộng hoà xã hội. Sứ mệnh của Môn ở Đức từ mùa đông năm 1848 đến năm 1849 đã không hoàn thành.

Tháng Tư 1849, Mác, Ăng-ghen và những người ủng hộ hai ông đã rút khỏi Hội dân chủ. Kinh nghiệm chính trị mà quần chúng công nhân thu được, sự thất vọng của họ đối với phái dân chủ tiểu tư sản, tất cả những cái đó cho phép giờ đây trong thực tiễn có thể đặt ra vấn đề thành lập một chính đảng vô sản độc lập. Nhưng Mác và Ăng-ghen không thực hiện được kế hoạch ấy. Chẳng bao lâu đã nổ ra cuộc khởi nghĩa ở Tây - Nam nước Đức mà sự thất bại của nó đã kết thúc cuộc cách mạng ở Đức.

Quá trình cách mạng chứng tỏ rằng quan điểm của Liên đoàn những người cộng sản trình bày trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" là duy nhất đúng đắn, rằng Liên đoàn là trường học tuyệt vời cho hoạt động cách mạng: các thành viên của nó nhiệt tình tham gia phong trào ở khắp mọi nơi, bảo vệ trên báo chí, trên chiến luỹ và trên chiến trường lập trường của giai cấp cách mạng nhất - giai cấp vô sản.

Thất bại của cách mạng giáng một đòn nặng nề vào Liên đoàn những người cộng sản. Nhiều thành viên của Liên đoàn bị tù đầy hoặc phải sống lưu vong, địa chỉ bị thất lạc, liên hệ bị phá vỡ, chi bộ ở các nơi ngừng hoạt động. Những tổ chức của Liên đoàn ở ngoài nước Đức cũng bị tổn thất nặng.

Mùa thu năm 1849, phần lớn các nhà lãnh đạo của Liên đoàn đã tập hợp ở Luân Đôn. Nhờ sự cố gắng của Ban chấp hành trung ương mới đã được cải tổ lại, do Mác và Ăng-ghen lãnh đạo, nên đến mùa xuân năm 1850, tổ chức trước đây đã được khôi phục và hoạt động của Liên đoàn những người cộng sản trở lại sôi nổi. "Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản" do Mác và Ăng-ghen viết vào tháng Ba 1850 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 341 - 355) đã tổng kết cuộc cách mạng 1848 - 1849 và đề ra nhiệm vụ thành lập một chính đảng vô sản độc lập, không phụ thuộc vào giai cấp tiểu tư sản. Trong "Lời kêu gọi" lần đầu tiên, hai ông đã nêu lên tư tưởng cách mạng không ngừng. Từ tháng Ba 1850 đã xuất bản tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", một cơ quan mới tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản.

Mùa hè năm 1850, trong Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, những bất đồng có tính nguyên tắc về vấn đề sách lược ngày càng sâu sắc thêm. Đa số trong Ban chấp hành trung ương đứng đầu là Mác và Ăng-ghen kiên quyết phản đối sách lược phiêu lưu, bè phái của nhóm Vi-lích - Sáp-pơ chủ trương phát động cách mạng ngay tức khắc mà không đếm xỉa gì đến các quy luật khách quan và tình hình chính trị thực tế ở châu Âu.



Trái với sách lược đó, Mác và Ăng-ghen ra sức nhấn mạnh nhiệm vụ quan trọng nhất của Liên đoàn những người cộng sản trong tình hình thế lực phản động tấn công là tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản khoa học và đào tạo đội ngũ cán bộ cách mạng vô sản cho những trận chiến đấu cách mạng sau này. Hoạt động chia rẽ của nhóm Vi-lích - Sáp-pơ đã đưa tới sự đoạn tuyệt với nhóm ấy vào giữa tháng Chín 1850. Tại phiên họp ngày 15 tháng Chín 1850 (Xem tập này, tr. 733 - 739), theo đề nghị của Mác, toàn quyền của Ban chấp hành trung ương được chuyển giao cho Ban chấp hành khu vực Khuên. Các chi bộ của Liên đoàn những người cộng sản ở khắp nơi trên nước Đức đều ủng hộ quyết định của phái đa số trong Ban chấp hành trung ương ở Luân Đôn. Theo chỉ thị của Mác và Ăng-ghen, Ban chấp hành trung ương mới ở Khuên đã soạn thảo điều lệ mới của Liên đoàn vào tháng Chạp 1850 (nguyên văn điều lệ này cùng với những ghi chú của Mác, xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 737 - 740). Sự truy bức và hất bỏ của cảnh sát đối với các thành viên của Liên đoàn đã làm cho hoạt động của Liên đoàn những người cộng sản ở Đức trên thực tế bị đình chỉ từ tháng Năm 1851. Ngày 17 tháng Mười một 1852, ít lâu sau vụ án những người cộng sản ở Khuên, theo đề nghị của Mác, Liên đoàn đã tuyên bố tự giải tán.

Liên đoàn những người cộng sản đã đóng vai trò lịch sử to lớn là trường học của những nhà cách mạng vô sản, là mầm mống của chính đảng vô sản, là tiền thân của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (Quốc tế I). - 539.

285 Theo sự kết án của toà án bồi thẩm ở Khuên ngày 12 tháng Mười một 1852, những thành viên bị cáo của Liên đoàn những người cộng sản : H. Buyếc-ghéc-xơ, P.Nốt-i-ung và Ph.Rue-đơ bị xử tù 6 năm, H. Bếch-ơ, C. Ốt-tô, V.Rai-phơ bị xử tù 5 năm và Ph.Le-xnơ bị xử tù ba năm. Bốn người bị đưa ra toà : R.Đa-ni-en-xơ, G.Clai-nơ, I.Ếc-hác và A.I-a-cô-bi được tuyên bố trắng án. R.Da-ni-en-xơ chết sau mấy năm được thả vì bệnh lao mà ông mắc phải ở trong tù. Ph.Phrai-lí-grát, bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên, đã lưu vong sang Luân Đôn để tránh bị bắt và xét xử. - 537.

286 Tác phẩm *"Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên"* là một bài bút chiến, trong đó Mác đã nghiêm khắc lên án những thủ đoạn đê tiện mà nhà nước cảnh sát Phổ đã áp dụng để chống lại phong trào cộng sản. Mác bắt đầu viết tác phẩm này vào cuối tháng Mười 1852, khi ở Khuên vụ án chống lại Liên đoàn những người cộng sản còn đang tiếp diễn. Mặc dù trong điều kiện vô cùng khó khăn - Mác và gia đình Người đang trong cảnh gần như hoàn toàn khốn cùng - Mác đã hoàn thành được tác phẩm này vào đầu tháng Chạp. Ngày 6 tháng Chạp, bản thảo được gửi sang Thụy Sĩ cho người xuất bản là Sa-bô-lít-xơ - con. Ngày hôm sau một bản khác của bản thảo được gửi đi Mỹ cho A.Clút-xơ, một thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, để in. Tại Thụy Sĩ, bài tiểu luận này được in vào tháng Giêng 1853 ở Ba-lơ. Nhưng hầu

như toàn bộ số bản in (2000 bản) đã bị cảnh sát tịch thu vào tháng Ba tại làng Vên-lơ gần biên giới Ba-den. Tại Mỹ, tác phẩm lúc đầu được in từng phần trên tờ báo dân chủ ở Bô-xtơn "Neu - England - Zeitung" ("Báo nước Anh mới") và đến cuối tháng Tư 1853 được nhà xuất bản tờ báo này in thành sách riêng. Cả lần xuất bản tiểu luận này ở Bô-xtơn cũng không phát hành được ở Đức. Cuốn sách chỉ được lưu truyền ở Đức sau khi tái bản ở đây năm 1875. Khác với các lần xuất bản năm 1853 không đề tên tác giả, lần xuất bản này có đề tên tác giả. Mác đã viết cho lần xuất bản này một lời bạt riêng. Với tư cách là phần bổ sung cho cuốn sách, người ta còn tái bản một phụ lục thứ tư không ghi đầu đề ("Vụ án những người cộng sản ở Khuên") cho bài tiểu luận của Mác "Ngài Phô-gtơ" viết năm 1860. Năm 1885 quyển sách lại được tái bản lần thứ hai do Ăng-ghen chủ biên cùng với bài mở đầu của Người "Góp vào lịch sử của Liên đoàn những người cộng sản". So với lần xuất bản trước, lần này Ăng-ghen có bổ sung cho cuốn sách những lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản viết vào tháng Ba và tháng Sáu 1850 (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 341 - 355, 426 - 435). Bản dịch tiếng Nga đầu tiên của tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" được xuất bản năm 1906. - 539.

287 Mác muốn nói đến các lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản tháng Ba và tháng Sáu 1850 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 341 - 355, 426 - 435). Như mọi người đều rõ qua bản kết tội khi bắt Nốt-i-ung, những tài liệu sau đây, được nhắc tới trong vụ án, cũng đã rơi vào tay cảnh sát : điều lệ Liên đoàn những người cộng sản do Ban chấp hành trung ương Liên đoàn ở Khuên soạn thảo theo chỉ thị của Mác và Ăng-ghen sau khi có sự chia rẽ trong Liên đoàn vào tháng Chín 1850 (xem C. Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 737 - 740) và lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Liên đoàn ở Khuên ngày 1 tháng Chạp 1850. - 543.

288 *Code pénal* - bộ hình luật ban hành năm 1811 ở Pháp và các vùng phía Tây và Tây - Nam nước Đức bị Pháp chiếm đóng; cùng với Bộ dân luật, nó có hiệu lực trong tỉnh Ranh cả sau khi đã sáp nhập tỉnh này vào nước Phổ năm 1815. - 545.

289 *Đôn-đéc-bun-đơ* (Đồng minh đặc biệt) là tên gọi mà Mác và Ăng-ghen đã mỉa mai đặt cho nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích Sáp-pơ để so sánh với tổ chức phân lập của các bang Thiên chúa giáo phản động ở Thụy Sĩ vào những năm 40 thế kỷ XIX; nhóm này đã rời bỏ Liên đoàn những người cộng sản sau ngày 15 tháng Chín 1850 và tách ra thành một tổ chức độc lập với Ban chấp hành trung ương riêng của nó. Bằng hành động của mình, nhóm Vi-lích Sáp-pơ đã tạo điều kiện thuận lợi cho cảnh sát Phổ phát hiện ra những chi bộ bí mật của Liên đoàn những người cộng sản ở Đức và bịa đặt ra vụ án ở Khuên năm 1852 chống những nhà hoạt động nổi tiếng của Liên đoàn những người cộng sản. - 547.



290 Xem chú thích 201. - 547.

291 *Lãnh thổ Van-đi-men* - tên gọi lúc đầu do những người châu Âu đặt cho đảo Ta-xma-ni-a là nơi đày các tù khổ sai của nước Anh cho đến năm 1853. - 553.

292 Ý muốn nói đến *Hội giáo dục công nhân Đức* ở Luân Đôn, do C.Sáp-pơ, I. Môn và những nhà hoạt động khác của Liên đoàn những người cộng sản được thành lập tháng Hai 1840. Sau khi Liên đoàn những người cộng sản được thành lập, vai trò lãnh đạo trong Hội thuộc các chi bộ địa phương của Liên đoàn. Mác và Ăng-ghen đã tích cực tham gia hoạt động của Hội vào những năm 1847 và 1849 - 1850. Ngày 17 tháng Chín 1850, Mác, Ăng-ghen và một loạt những người ủng hộ hai ông đã ra khỏi Hội (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 576) với lý do là trong cuộc đấu tranh giữa đa số trong Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản do Mác và Ăng-ghen lãnh đạo và thiểu số phiêu lưu - bè phái (nhóm Vi-lích - Sáp-pơ). Hội đã đứng về phía thiểu số. Từ cuối những năm 50, Mác và Ăng-ghen lại tham gia vào các hoạt động của Hội giáo dục. Hội tiếp tục hoạt động cho đến năm 1918, khi bị Chính phủ Anh đóng cửa. Vào thế kỷ XX, Hội có nhiều nhà chính trị Nga lưu vong tham gia. - 554.

293 Về việc Mác và những người ủng hộ ông rút khỏi Ban chấp hành những người lưu vong, xem chú thích 118. - 554.

294 *Về cuộc xổ số bằng vàng thoi*, xem tập này, tr. 220 - 222. - 555.

295 Xem chú thích 284. - 563.

296 Trong tiểu luận "Ngài Phô-gtơ", trong những phụ lục của nó và trong cả lời bạt cho bản in năm 1875 tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên", Mác đã đưa ra những tài liệu xác thực bổ sung nhằm vạch mặt Sác-van là một tên gián điệp và khiêu khích. Theo những tài liệu này thì Sác-van là một tên điệp viên của công sứ Phổ tại Pa-ri, đồng thời còn là một tên gián điệp của Pháp. Cuộc chạy trốn của hắn khỏi nhà tù được tiến hành với sự thông đồng của cảnh sát Pháp và Phổ. Sau khi tới Luân Đôn, tháng Năm 1852, hắn gia nhập Hội giáo dục công nhân Đức do Sáp-pơ lãnh đạo, nhưng không bao lâu hắn bị tống cổ ra khỏi Hội vì bị mọi người phát hiện ra vai trò khiêu khích của hắn trong cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức (xem chú thích 117). - 569.

297 Ý muốn nói đến cuốn : "Die Communisten - Verschwörungen des neunzenten Jahrhunderts" Berlin, Erster Theil 1853, Zweiter Theil 1854 ("Những mưu đồ cộng sản chủ nghĩa thế kỷ mười chín". Béc-lin, phần một, 1853, phần hai, 1854) do các quan chức cảnh sát Phổ Vée-mút và Sti-bơ biên soạn. Trong các phụ lục của phần một là phần nói về "lịch sử" phong trào công nhân, coi như tài liệu chỉ dẫn đối với các cảnh sát viên, người ta có in lại một vài tài liệu của Liên đoàn những người cộng sản bị rơi vào tay cảnh sát. Phần hai là một cuốn "sổ đen" với những tài liệu về tiểu sử những nhân vật có liên quan tới phong trào công nhân và dân chủ. - 571.

298 Rút trong bài thơ của Hai-nơ "Tôi không nhúng tay vào điều ác". - 571.

299 Xem chú thích 150. - 571.

300 *Moóc-môn* - những thành viên của một giáo phái được thành lập vào năm 1830 ở Mỹ. Kẻ sáng lập ra giáo phái này là Giô-dép Xmít (1805 - 1844) đã viết "Cuốn Moóc-môn" dường như bởi thần khải. Trong cuốn sách chứa nhiều chuyện bịa đặt hoang đường này, người ta đã thay mặt nhà tiên tri Moóc-môn kể về việc di chuyển của những bộ lạc I-xra-en sang Mỹ mà hình như đã có từ thời cổ đại. - 575.

301 Một trong "Những diễn văn trên bàn tiệc" của Lu-thơ đã so sánh thế giới với một người nông dân say rượu không còn khả năng ngồi vững trên yên. - 576.

302 *Ma-dắc* - nhà tù ở Pa-ri. Mác muốn nói đến những lời khai của các tù nhân trong cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức (xem chú thích 117). - 577.

303 Ở đây đang nói về hội công nhân, thành lập tháng Giêng 1852 ở Luân Đôn với sự ủng hộ của Mác và dưới sự chủ toạ của Stê-khan, một người Han-nô-vơ lưu vong. Thành phần hội này gồm những công nhân đã rời bỏ Hội giáo dục công nhân Đức là tổ chức chịu ảnh hưởng của phái Vi-lích - Sáp-pơ, Lốc-nơ, người bạn gần gũi của Mác và Ăng-ghen, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, cũng đã tích cực tham gia tổ chức ra hội này. Sau này, nhiều hội viên của nó, trong đó có bản thân Lốc-nơ, đã rơi vào ảnh hưởng của phái Vi-lích - Sáp-pơ và lại trở về với tổ chức cũ của mình. - 582.

304 Trong các bản thảo của Mác, người ta còn giữ lại được bản sơ thảo thư trả lời Sti-bơ do ông viết nhưng không ký tên, trong đó Mác đã kịch liệt đập lại tên mật thám này. Có lẽ trước khi gửi đi cho Sti-bơ, bức thư đã được một người nào đó trong ban biên tập tờ "Neue Rheinische Zeitung" ký, chắc là V. Vôn-phơ, người có thể đã biết những hoạt động của Sti-bơ ở Xi-lê-đi. - 594.

305 Phlo Đơ Ma-ri - nữ nhân vật trong tiểu thuyết của Ô-gien Xuy "Những bí mật thành Pa-ri", một thiếu nữ lớn lên giữa đám người phạm tội song vẫn giữ được sự cao quý và một tâm hồn trong sạch, tác giả đã đặt cho cô ta tên một loài hoa, hoa bách hợp, mọc trong bùn lấy nhơ bẩn nhưng vẫn giữ được những cánh hoa trắng ngần. - 603.

306 Ăng-ghen muốn nói đến phần bổ sung đầu tiên cho bản in năm 1875 và năm 1885 của tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên". Trong phần bổ sung này có in lại phụ lục thứ tư mà không ghi tiêu đề ("Vụ án những người cộng sản ở Khuên") cho cuốn sách của Mác "Ngài Phô-gtơ". Ở đây có nói rõ là ngay sau vụ án ở Khuên, Phlo-ry bị kết án mấy năm tù khổ sai vì tội giả mạo. - 603.

307 Trong lời bạt viết cho bản tiếng Đức năm 1875 tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên", Mác đã nhận xét rằng tác giả bản "Kinh bốn đô" không phải là Hết-xơ - mà là một Lê-vi nào đó. Sau này mới thấy rõ là trong trường hợp trên, Mác đã bị nhầm. Những tài liệu mà lúc bấy giờ Mác không được biết, cụ thể là bức thư của chính Hết-xơ gửi cho Vây-đơ-mai-ơ ngày 21 tháng Bảy 1850 đã khẳng định Hết-xơ là tác giả. - 613.



308 Xem chú thích 165. - 617.

309 Ý muốn nói tới cuốn sách : L.Stein. "Der Socialismus und Communismus des heutigen Frankreichs". Leipzig, 1842 (L. Stai-nơ. "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nước Pháp hiện đại". Lai-pxích, 1842). - 621.

310 Phỏng theo câu nói trong bài thơ trào phúng của Si-lơ "Những đứa con hạnh phúc" ("Die Sonntagskinder"). - 622.

311 Gơ-tơ. "Phau-xtơ", phần I, cảnh bốn ("Phòng làm việc của Phau-xtơ"). - 623.

312 Ám chỉ cuộc hại trận ở I-ê-na của Phổ ngày 4 tháng Mười 1806 ; cuộc hại trận này đã đưa đến việc đầu hàng của Phổ trước nước Pháp của Na-pô-lê-ông, nó đã cho thấy toàn bộ tính chất mục nát của chế độ chính trị - xã hội dưới chính thể quân chủ phong kiến thuộc triều đại Hô-hen-txô-lốc. - 625.

313 Ý muốn nói đến việc bãi bỏ những đạo luật về ngũ cốc (xem chú thích 247). - 626.

314 Mác so sánh một cách châm biếm Bê-re-xphớt với A-sin-lơ, vị anh hùng dũng cảm nhất trong thần thoại Hy Lạp về cuộc chiến tranh Tơ-roa. - 637.

315 Theo học thuyết tôn giáo về "*vương quốc ngàn năm*" thì trước "ngày tận cùng của thế giới", chính nghĩa hoàn chỉnh sẽ được xác lập trên trái đất. - 643.

316 Quan hệ đồng minh được thiết lập giữa Anh và Pháp sau cách mạng tháng Bảy và nổi tiếng với tên gọi "sự giao hảo chân thành" ("entente cordiale") chỉ được hợp thức hoá bằng hiệp ước khi ký kết vào tháng Tư 1834 cái gọi là *liên minh tay tư* giữa Anh, Pháp, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Nhưng ngay khi ký kết hiệp ước này, người ta đã thấy rõ những mâu thuẫn giữa quyền lợi của Anh và Pháp, về sau những mâu thuẫn này đã dẫn tới quan hệ căng thẳng giữa hai nước. Hiệp ước này trên hình thức nhằm chống lại các "cường quốc phương Bắc" chuyên chế (Nga, Phổ và Áo), trên thực tế lại cho phép Anh mượn cớ viện trợ quân sự cho các chính phủ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trong cuộc chiến tranh chống lại những kẻ tranh ngôi vua là Đôn Mi ghen ở Bồ Đào Nha và Đôn Các-lốt ở Tây Ban Nha để củng cố vị trí của mình ở hai nước này. - 645.

317 *Mây-phe* - một khu phố ở Luân Đôn, nơi có những biệt thự của giới quý tộc Anh. - 646.

318 Mác muốn nói tới tờ báo của phái tự do Anh "Examiner and Times" ("Người quan sát và Thời đại") xuất bản ở Man-se-xtơ. Tờ báo được thành lập năm 1848 do sự hợp nhất tờ "Manchester Times" ("Thời báo Man-se-xtơ") và tờ "Manchester Examiner" ("Người quan sát Man-se-xtơ"). Trong những năm 40 - 50, tờ báo

ủng hộ phái mậu dịch tự do ; xuất bản cho đến năm 1894 dưới nhiều tên gọi khác nhau. - 646.

319 *"The Freeman's Journal"* ("Báo của người tự do") - nhật báo Ai-rơ-len, xuất bản ở Đu-blin từ năm 1763 đến năm 1924 ; trong những năm 40 - 50 thế kỷ XIX, ủng hộ yêu sách đòi thủ tiêu sự hợp nhất với Anh, bênh vực quyền lợi của tá điền Ai-rơ-len. - 647.

320 *Giáo phái Pi-u-đi* - một phái trong giáo Anh vào những năm 30 - 60 thế kỷ XIX. Nó mang tên một trong những người sáng lập ra nó - nhà thần học Pi-u-đi ở Trường đại học Ốc-xphớt, người kêu gọi khôi phục trong quốc giáo Anh những lễ nghi Thiên chúa giáo và một số giáo lý của đạo Thiên chúa. Giáo phái Pi-u-đi là biểu hiện về mặt tôn giáo của cuộc đấu tranh của giới quý tộc Anh ra sức duy trì ảnh hưởng của mình ở trong nước chống lại giai cấp tư sản công nghiệp mà phần đông thuộc các giáo phái Tin lành khác nhau. - 648.

321 Về sau Mác phê phán lý luận thuộc địa của Uây-cơ-phin trong chương XXV, tập I, Bộ Tư bản". - 648.

322 Ý muốn nói đến cuốn sách của Rốt-xen "Memoirs of the Affairs of Europe from the Peace of Utrecht". Vol. 1 - 2, London, 1824 - 1829 ("Ghi chép về những sự vụ ở châu Âu từ hoà ước U-tơ-rếch". T. 1 - 2, Luân Đôn, 1824 - 1829) và vở bi kịch của ông "Đôn Các-lốt", xuất bản năm 1822. - 650.

323 *"Các thị trấn mục nát"* - tên gọi ở Anh vào thế kỷ XVIII - XIX đối với những thị trấn và làng mạc dân cư thưa thớt hoặc không có người ở, được quyền cử đại biểu vào nghị viện từ thời trung cổ. Đại biểu của "các thị trấn mục nát" trên thực tế là do các quí tộc ruộng đất lớn mà dân cư địa phương sống phụ thuộc vào họ, cử ra. Đặc quyền của "các thị trấn mục nát" đã bị các cuộc cải cách năm 1832, 1867 và 1884 xoá bỏ. - 650.

324 *Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền* là do một nhóm các nhà hoạt động chính trị tư sản Ai-rơ-len thành lập vào tháng Tám 1850. Mục đích của đồng minh là thủ tiêu những phương thức bóc lột nửa phong kiến và thực dân đối với nông dân Ai-rơ-len, những phương thức cản trở sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Ai-rơ-len. Tuy sự lãnh đạo mang tính chất ôn hoà, Đồng minh vẫn phản ánh được lợi ích của tá điền Ai-rơ-len đấu tranh chống bọn đại địa chủ và bọn đầu cơ ruộng đất. Cương lĩnh của Đồng minh chung qui là những yêu sách cấm địa chủ tuỳ tiện huỷ bỏ khế ước lĩnh canh và đền bù cho tá điền về các công việc cải tạo chất đất trong trường hợp ngừng phát canh, qui định mức tô công bằng, thừa nhận tá điền có quyền chuyển nhượng ruộng đất lĩnh canh bằng tự do mua bán. Công tác tuyên truyền của Đồng minh đã có tác dụng lớn trong thời kỳ bầu cử phổ thông vào nghị viện năm 1852. Những yêu sách của Đồng minh đã được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng tá điền Ai-rơ-len theo đạo Thiên chúa cũng như theo đạo Tin lành. Trong cuộc bầu cử lại vào tháng Giêng 1853, Đồng minh tuyên truyền chống những nghị sĩ Ai-rơ-len nào thi hành chính sách thoả hiệp và tham gia chính phủ.



Bọn đại địa chủ và giới tăng lữ cao cấp Thiên chúa giáo cũng như đạo Tin lành ở Ai-rơ-len hoảng sợ trước sự phát triển của phong trào dân chủ và giải phóng dân tộc trong nước, đã cùng nhau chống lại Đồng minh. Ít lâu sau Đồng minh phải ngừng tồn tại. - 651.

325 *Min-xinh-lê-in* - một phố ở Luân Đôn, trung tâm thương nghiệp bán buôn hàng thuộc địa. - 654.

326 Những tài liệu về việc gia đình Xa-thơ-len tước đoạt ruộng đất của dân cư nông thôn dẫn ra trong bài này về sau đã được Mác sử dụng ở chương XXIV, tập I, Bộ "Tư bản". - 661.

327 Phái *Ô-ran-giơ* là một tổ chức khủng bố phản động do bọn đại địa chủ và giới tăng lữ đạo Tin lành thành lập năm 1795 để đấu tranh chống lại phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Ai-rơ-len. Tổ chức này xúi giục một cách có hệ thống các tín đồ đạo Tin lành hãm hại những tín đồ Thiên chúa giáo người Ai-rơ-len. Thế lực của nó đặc biệt lớn ở Bắc Ai-rơ-len, nơi các tín đồ đạo Tin lành cư trú. Trong thời kỳ Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền (xem chú thích 324) tiến hành công tác tuyên truyền, ở Ai-rơ-len đã xuất hiện khối liên minh giữa các tín đồ bình thường của đạo Tin lành - phái Ô-ran-giơ với các tín đồ Thiên chúa giáo, trái với ý muốn của bọn đại địa chủ và giới tăng lữ cao cấp của đạo Tin lành và Thiên chúa. - 661.

328 Xem chú thích 246. - 661.

329 *Gu-đip-rát* - nhân vật chính trong bài thơ châm biếm cùng tên của nhà thơ Anh Bát-lơ, nhân vật này có đặc điểm là thích bàn luận và tranh cãi về lý và giải đúng tam đoạn luận để chứng minh những luận điểm phi lý nhất. Bài thơ của Bát-lơ được viết vào những năm 1663 - 1678 nhằm chống lại thứ đạo đức giả và lòng nhân nghĩa giả dối mang tính chất tôn giáo của giai cấp tư sản Anh. - 661.

330 Đây là nói về cuộc đảo chính năm 1688 (xem chú thích 251) dẫn tới việc phế bỏ Gia-cốp II thuộc vương triều Xtiu-át và tuyên bố viên toàn quyền Hà Lan Ô-răng-giơ Uy-li-am III là vua nước Anh. - 663.

331 J.Steuard. "An Inquiry into the Principles of Political Oeconomy". In two volumes. Vol. I, London. 1767. p.104 (Gi. Xtiu-át. "Nghiên cứu những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị". Gồm 2 tập, T.I, Luân Đôn, 1767, tr. 104). - 665.

332 J.Loch. "An Account of the Improvements on the Estates of the Marquess of Stafford, in the Counties of Stafford and Salop and on the Estate of Sutherland", London, 1820 (Gi.Lốc : "Báo cáo về công cuộc cải thiện ở lãnh địa của hầu tước phu nhân Xtáp-phớt tại các tỉnh Xtáp-pho và Xê-lốp và ở lãnh địa Xa-thơ-len", Luân Đôn, 1820). - 665.

333 Mác trích dẫn cuốn : J. - C. - L. Simonde de Sismondi. "Etudes sur l'économie politique". T. I, Paris, 1837, pp. 230 - 231, 237, (G.S.L. Xi-môn-đơ Đờ Xi-xmôn-đi "Khái luận về khoa kinh tế chính trị". T.I, Pa-ri, 1837, tr. 230 – 231, 237). - 667.

334 J. Dalrymple. "An Essay towards a General History of Feudal Property in Great Britain", London, 1759 (Gi. Đan-rim-plơ : "Khái luận về thông sử của chế độ sở hữu phong kiến ở Anh". Luân Đôn, 1759). - 668.

335 R. Somers. "Letters from the Highlands; or, the Famine of 1847". London - Edinburgh - Glasgow, 1848, p. 27 (R. Xô-mớc-xơ. "Thư gửi từ miền núi Xốt-len; hoặc Nạn đói năm 1847". Luân Đôn - Ê-đin-bước - Gla-xgô, 1848, tr. 27). - 668.

336 Bài này là bài đầu tiên Mác viết bằng tiếng Anh (xem chú thích 244). - 670.

337 G.W.F. Hegel. "Grundlinien der Philosophie des Rechts". Berlin 1821 (G.V.Ph. Hê-ghen. "Nguyên lý của triết học pháp quyền". Béc-lin, 1821). - 672.

338 A. Quetelet. "Sur l'homme et le développement de ses facultés, ou Essai de physique sociale". Tomes I - II, Paris, 1835 (A. Kê-tơ-lê. "Về con người và sự phát triển năng lực của nó, hoặc Kinh nghiệm của vật lý học xã hội". T.I - II, Pa-ri, 1835). Mác đã sử dụng bản dịch tiếng Anh của cuốn sách này, xuất bản ở Ê-đin-bước năm 1842. - 673.

339 R. Cobden. "1793 and 1853. In three letters". Manchester, 1853. - 674.

340 Ám chỉ Lu-i Bô-na-pác-tơ duyệt binh ở Xa-lô-ri (xem tập này, tr. 213 - 214). - 675.

341 Ý muốn nói tới đại hội hoà bình quốc tế ở Man-se-xtơ do Hội hoà bình (xem chú thích 104) triệu tập vào cuối tháng Giêng 1853. Phái mậu dịch tự do đã tỏ ra đặc biệt tích cực trong đại hội này. Đại hội đã thông qua một loạt nghị quyết chống việc tuyên truyền chiến tranh chống Pháp ở Anh và chống việc tăng cường vũ trang : nhưng những nghị quyết ấy không có tác dụng thực tế. - 676.

342 Xem chú thích 225. - 676.

343 Ám chỉ tuổi tác già nua của các thành viên trong chính phủ liên hiệp A-bớc-đin. *Ma-phu-xn-ia* là một đại giáo chủ trong truyền thuyết của kinh thánh, dường như đã sống 969 tuổi ; thành ngữ "đời Ma-phu-xa-in" là đồng nghĩa với sống rất lâu. - 677.

344 Amelot de la Houssaie. "Histoire du Gouvernement de Venise". Paris, 1676, p. 48 (A-mơ-lô Đờ La U-xe. "Lịch sử chính phủ của Vơ-ni-đơ", Pa-ri, 1676, tr. 48). 681.

345 Mác đã thực hiện ý định của mình trong bài "Vấn đề Ấn Độ. - Quyền lĩnh canh ở Ai-rơ-len", được viết vào tháng Sáu 1853. - 682.

346 Đây là nói về dự luật do nhà cấp tiến Ai-rơ-len Sác-men Crâu-phớt đưa ra hạ viện lần đầu tiên vào năm 1835. Dự luật này qui định khi xoá bỏ hợp đồng lĩnh canh thì phải bồi thường cho tá điền tiến công cải tạo đất đai, song đã bị nghị viện bác bỏ năm 1836. Về sau dự luật lại được đưa ra thảo luận mấy lần nữa (vào năm 1847, 1852 và 1856) nhưng lần nào cũng bị nghị viện bác bỏ. - 683.



347 *Phải xoá bỏ sự hợp nhất* (từ chữ Repeal of Union - xoá bỏ sự hợp nhất) là những người ủng hộ việc xoá bỏ sự hợp nhất Anh - Ai-rơ-len năm 1801. Sự hợp nhất mà chính phủ Anh áp đặt cho Ai-rơ-len sau khi dân áp cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len năm 1798 đã xoá bỏ những dấu vết cuối cùng của nền tự trị Ai-rơ-len và đã thủ tiêu nghị viện Ai-rơ-len. Từ những năm 20 thế kỷ XIX, yêu sách đòi xoá bỏ sự hợp nhất đã trở thành khẩu hiệu phổ biến nhất ở Ai-rơ-len. Nhưng phái tự do tư sản (Ô'Cô-nen, v.v.) lãnh đạo phong trào dân tộc đã coi công tác cổ động cho việc xoá bỏ sự hợp nhất chỉ là một thủ đoạn để đạt được của Chính phủ Anh những nhượng bộ nhỏ nhặt cho giai cấp tư sản Ai-rơ-len. Năm 1835, ký kết thoả ước với đảng Vích Anh. Ở Cô-nen đã ngừng hoàn toàn công tác cổ động này. Nhưng do sự thúc đẩy của phong trào quần chúng, phái tự do Ai-rơ-len buộc phải thành lập vào năm 1840 Hội những người chủ trương xoá bỏ sự hợp nhất mà họ cố gắng hướng nó đi theo con đường thoả hiệp với các giai cấp cầm quyền Anh. - 684.

348 Xem chú thích 59. - 690.

349 *"La Nation, organe quotidien démocrate socialiste"* (Dân tộc, nhật báo dân chủ xã hội chủ nghĩa) - tờ báo của phái dân chủ tiểu tư sản Pl, xuất bản ở Bruy-xen trong những năm 1848 - 1856. - 690.

350 Xem chú thích 255. - 692.

351 Xem chú thích 250. - 693.

352 Ý muốn nói đến *Hội bảo hộ nông nghiệp và công nghiệp Anh*, lúc đầu mang tên Hội bảo hộ nông nghiệp. Nó được thành lập năm 1845 để đấu tranh chống phái mậu dịch tự do. Hội này đại biểu cho lợi ích của đại địa chủ, chống lại việc huỷ bỏ các đạo luật về ngũ cốc (xem chú thích 247). - 694.

353 *Quân Crô-át* là đội quân được trang bị nhẹ trong quân đội Áo, chủ yếu tuyển mộ trong những người Crô-át và trong một số các dân tộc Xla-vơ khác cũng như trong người Hung-ga-ri. - 696.

354 Theo truyền thống của nghị viện Anh, chỗ ngồi đặc biệt dành cho chủ tịch thượng viện là *chiếc túi lông cừu* đã từng tượng trưng cho nguồn của cải quốc dân chính của nước Anh. - 700.

355 *Luật quy chế* là tên gọi ở Anh chỉ các quy tắc pháp luật mà nguồn gốc của chúng là các văn kiện lập pháp của nghị viện - các quy chế. - 700.

356 Ý muốn nói đến những trận đánh lớn trong Cuộc chiến tranh trăm năm (1337 - 1453) giữa Anh và Pháp. Ở Pu-a-chi-ê năm 1358 và A-đen-cua năm 1415, bộ binh Anh đã đánh bại kỵ binh hiệp sĩ Pháp. - 700.

357 Năm 1839 lại nổ ra cuộc xung đột Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập về vấn đề Xi-ri bị quân đội Ai Cập chiếm năm 1833. Sự ủng hộ của Pháp đối với pa-sa Ai Cập Mô-ha-mét - A-li là nguyên nhân làm cho quan hệ Anh - Pháp ở Cận Đông trong thời kỳ này thêm căng thẳng. Ra sức ngăn cản sự tăng cường ảnh hưởng

của Pháp ở vùng quan trọng này nằm trên các con đường đi sang thuộc địa châu Á của nó. Anh đã viện trợ quân sự cho Thổ Nhĩ Kỳ chống lại Ai Cập và được sự ủng hộ của Nga, Áo và Thổ Nhĩ Kỳ, nước Anh đã gây áp lực ngoại giao đối với Pháp, buộc Pháp phải từ bỏ việc giúp đỡ Ai Cập.

Năm 1844 lại xảy ra sự căng thẳng mới trong quan hệ Anh - Pháp do việc trục xuất vào tháng Ba năm đó đại biện của Anh khỏi đảo Ta-hi-ti, nơi cách đó ít lâu bị tuyên bố là xứ bảo hộ của Pháp. Sự kiện trên đảo Ta-hi-ti là hậu quả của sự tăng cường cạnh tranh thuộc địa giữa Anh và Pháp ở vùng Thái Bình Dương. - 702.

358 Cuộc xung đột giữa Pháp và Thuỵ Sĩ xảy ra vào tháng Chạp 1851 - tháng Giêng 1852 do Lu-i Bô-na-pác-tơ yêu cầu trục xuất khỏi Thuỵ Sĩ những người Pháp lưu vong thuộc phái cộng hoà.

Trong những năm 1845 - 1849, Anh và Pháp gây sức ép đối với Ác-hen-ti-na đòi mở các sông Pa-ra-na và Pa-ra-goay cho tàu buôn của họ. Vì bờ biển bị hạm đội Anh và Pháp phong toả lâu, Ác-hen-ti-na buộc phải nhượng bộ và năm 1852 ký hiệp ước mở cửa những sông trên cho tàu nước ngoài.

Nơ-sa-ten (tên Đức là Noi-en-buốc) - một bang của Thuỵ Sĩ, đồng thời lại lệ thuộc vào Phổ như một nước chư hầu. Nhờ cuộc cách mạng tư sản tháng Hai 1848, Nơ-sa-ten được tuyên bố là một nước cộng hoà độc lập đối với Phổ. Sự can thiệp về ngoại giao của các cường quốc châu Âu, trong đó có Anh và Pháp, đã ngăn chặn được Phổ dùng vũ lực. Mãi đến năm 1857, Phổ mới từ bỏ hẳn những tham vọng của mình đối với Nơ-sa-ten.

Năm 1852, Chính phủ Anh và Pháp sợ Mỹ sẽ chiếm đảo Cu-ba đang lệ thuộc Tây Ban Nha, đã đề nghị với Chính phủ Mỹ ký hiệp định tay ba không xâm nhập Cu-ba. Hiệp định không được ký kết vì Chính phủ Mỹ từ chối.

Năm 1851, Thổ Nhĩ Kỳ muốn có mở rộng tan-đi-mát sang Ai Cập (tan-đi-mát là chính sách cải cách thi hành ở Thổ Nhĩ Kỳ từ năm 1839 nhằm mục đích củng cố chính thể quân chủ bằng cách thoả hiệp với giai cấp tư sản đang lên) đã đề nghị nhà cầm quyền Ai Cập tiến hành một loạt "cải cách" khiến cho nước này hầu sẽ lại phụ thuộc vào Thổ Nhĩ Kỳ. Dưới sức ép của Anh và Pháp, Ai Cập buộc phải chấp nhận một phần những yêu sách của Thổ Nhĩ Kỳ.

Tháng Mười một 1852, Anh, Pháp, Nga, Ba-vi-e và Hy Lạp đã ký tại Luân Đôn một nghị định thư theo đó A-đan-be Ba-vi-e, em của vua Hy Lạp Ốt-tôn không có con cái, được chỉ định là người kế thừa ngôi vua thay chân một hoàng thân khác của vương triều Ba-vi-e không chịu theo đạo Chính thống.

Trong những năm 40 - 50 thế kỷ XIX, Anh và Pháp vẫn cản trở việc xây dựng nền độc lập của Tuy-ni-di, đã can thiệp vào chính sách đối ngoại của nước này và ủng hộ những tham vọng của Thổ Nhĩ Kỳ muốn thống trị ở Tuy-ni-di. - 703.



359 *Chiếc hộp của Păng-đo-rơ* là chiếc hộp chứa đầy sự độc ác và hiểm khích ; một lối nói văn học dựa trên thần thoại Hy Lạp cổ về Păng-đo-rơ, người đã tò mò mở chiếc hộp trong đó chứa đầy mọi thứ tai hoạ và gieo rắc chúng ra bên ngoài. - 705.

360 Viện Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô đã sửa lại đầu đề bài này. Trên tờ "New-York Daily Tribune" bài này được đăng dưới một đầu đề không phù hợp với nội dung : "Tranh luận ở nghị viện. - Giới tăng lữ chống chủ nghĩa xã hội. - Chết đói". - 706.

361 Xem chú thích 256. - 706.

362 *Những tín đồ phi quốc giáo*, - xem chú thích 256. - 712.

363 Trên tờ "People's Paper", một phần của tác phẩm này với đầu đề "Di dân cưỡng bách" được đăng thành một bài riêng; bốn phần khác đăng dưới một đầu đề chung "Báo chí Mỹ và phong trào châu Âu". - 714.

364 Đ.Ricardo "On the Principles of Political Economy, and Taxation" (D.Ri-các-đô: "Về nguyên lý của khoa kinh tế chính trị và thuế khoá"). Xuất bản lần thứ nhất ở Luân Đôn năm 1817. - 715.

365 J. - C. - L. Simonde de Sismondi : "Nouveaux principes d'économie politique, ou De la richesse dans ses rapports avec la population". Tomes I - II, Paris, 1819 (G.S.L. Xi-môn-đơ Đờ Xi-xmôn-đi : "Nguyên lý mới về kinh tế chính trị, hay là về của cải trong mối quan hệ giữa của cải với dân số". Tập I - II, Pa-ri, 1819). - 716.

366 Ý muốn nói tới cuốn đối thoại "Nhà nước" của Pla-tôn, trong đó mô tả một nhà nước lý tưởng dựa trên sự phân công lao động : theo ý kiến của Pla-tôn thì phải đuổi các nhà thơ khỏi nhà nước này vì họ không có ích lợi gì. - 718.

367 Bài báo mà Mác nhắc đến không thấy đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" và chúng ta cũng không tìm thấy bản thảo. - 719.

368 Đây là nói về cuốn : B. Szemere. "Graf Ludwig Batthyány. Arthur Görgei, Ludwig Kossuth. Politische Charakterskizzen aus dem Ungarischen Freiheitskriege", Hamburg, 1853 (B.Xê-me-rơ. "Bá tước Lút-vích Bát-ti-a-ni, Ác-tua Guốc-gây, Lút-vích Cô-sút. Phác thảo đặc điểm chính trị của các nhà hoạt động trong chiến tranh giải phóng ở Hung-ga-ri", Hăm-buốc, 1853). - 720.

369 Ý muốn nói tới đề nghị chia cắt Ba Lan do Hen-rích Phổ đưa ra trong thời gian đi thăm Pê-téc-bua năm 1770. - 721.

370 Xem chú thích 6. - 721.

371 Xem chú thích 341. - 721.

372 Ý muốn nói đến những bài của nhà báo Anh Ri-sớt với bút danh "Một người Anh" đăng trên tờ "Times" trong thời gian từ tháng Chạp 1851 đến tháng Mười một 1852. - 722.

373 Đầu đề bài này là của Viện Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô. - 723.

374 Những sự việc mà Mác viện dẫn chắc đã được nêu trong bài báo viết ngày 1 tháng Ba năm 1853 mà Mác nhắc đến và chúng ta không tìm thấy (xem chú thích 367). - 723.

375 Xem chú thích 4. - 726.

376 *Luật ngoại kiều* được nghị viện Anh thông qua năm 1848 do những sự kiện cách mạng ở lục địa và cuộc biểu tình ngày 10 tháng Tư của phái Hiến chương. Theo luật này thì ngoại kiều có thể bị trục xuất khỏi Anh bất cứ lúc nào theo lệnh của chính phủ. Thời hạn có hiệu lực của luật này qui định là một năm. - 727.

377 Đan-tơ "Hài kịch thiên thần", chương "Thiên đường", ca khúc XVII. - 728.

378 *Vườn hoa Prin-tinh-hao* - một quảng trường ở Luân Đôn, nơi đặt trụ sở ban biên tập chính của tờ "Times". - 729.

379 *"Athenaeum"* - tên gọi tắt tờ tạp chí phê bình văn học Anh ra hàng tuần "The Athenaeum, Journal of Literature, Science and the Fine Arts" ("A-tê-nê-um, tạp chí văn học, khoa học và nghệ thuật") : xuất bản ở Luân Đôn trong những năm 1828 - 1921.

*"The Builder"* ("Người xây dựng") - tạp chí Anh ra hàng tuần về những vấn đề kiến trúc, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1842.

*"Punch"* - tên gọi tắt tờ tạp chí hài hước Anh ra hàng tuần của phái tư sản tự do "Punch, or the London Charivari" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1841.

*"Racing Times"* ("Cuộc đua ngựa") - tạp chí thể thao Anh ra hàng tuần, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1851. - 730.

380 Cuộc tranh chấp cổ xưa giữa giáo hội chính thống Hy Lạp và giáo hội La Mã về quyền sử dụng các vùng đất thánh Cơ Đốc giáo ở Pa-le-xtin lại bùng nổ năm 1850 do Lu-i Bô-na-pác-tơ khởi xướng nhằm mục đích tăng cường vị trí của Pháp ở Cận Đông. Cuộc tranh chấp về các vùng đất thánh phát triển thành xung đột lớn về ngoại giao và là một trong những nguyên cớ của chiến tranh Crưm. - 730.

381 Trong biên bản đã công bố của hội nghị Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản ngày 15 tháng Chín 1850 mà trước kia người ta chỉ biết những đoạn trích được Mác dẫn ra trong tác phẩm của ông: "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" (xem tập này, tr. 548). Ngoài ra, quyết định được thông qua trong hội nghị này được người ta biết đến là do có bức thư kêu gọi của Ban chấp hành trung ương ở Khuên gửi Liên đoàn những người cộng sản ngày 1 tháng Chạp 1850 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t.7, tr. 732).



Văn bản của biên bản được công bố đầy đủ lần đầu tiên trên tạp chí "International Review of Social History", Volume I, part 2, 1956 ("Tạp chí quốc tế về lịch sử xã hội", tập I, phần 2, 1956). Trong bài mở đầu cho lần công bố này có thông báo là văn bản của biên bản được in theo bản sao do một người nào đó thực hiện, còn ở cuối trang người ta cung cấp những chỗ khác với bản sơ thảo biên bản do chính tay Ăng-ghen viết.

Nhưng qua kết quả nghiên cứu bản chụp cả hai văn kiện nói trên do Viện quốc tế về lịch sử xã hội (Am-xtéc-đam) trao cho Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, những cán bộ khoa học của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã xác định rằng cả hai văn kiện chỉ là bản sao từ biên bản hội nghị Ban chấp hành trung ương Liên đoàn. Một trong hai bản sao đó do H.V. Hau-pa-tơ thực hiện, sau khi Liên đoàn những người cộng sản bị chia rẽ, ông này đã được Ban chấp hành trung ương cử đến Khuên để thông báo những quyết định được Ban chấp hành trung ương thông qua. Còn bản sao chép thứ hai cho đến nay vẫn chưa xác định được ai là người thực hiện.

Trong tập này văn bản của biên bản được đăng theo bản sao của Hau-pa-tơ, những chỗ khác nhau căn bản giữa hai bản sao viết tay của biên bản được chú thích ở cuối trang. - 733.

382 Ý muốn nói tới Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn (xem chú thích 292). - 733.

383 Đây là nói đến Uỷ ban những người dân chủ - xã hội lưu vong (xem chú thích 118). - 734.

384 "Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản" (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr. 691 - 700) được thông qua tháng Chạp 1847 tại đại hội lần thứ hai của Liên đoàn. Vào nửa cuối năm 1848, Ban chấp hành trung ương của Liên đoàn ở Luân Đôn đã sửa đổi điều lệ làm giảm ý nghĩa có tính nguyên tắc của văn kiện này. Trong điều thứ nhất của điều lệ mới, thay cho sự trình bày rành mạch những mục tiêu cuối cùng của phong trào cộng sản của giai cấp vô sản là lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập sự thống trị của giai cấp vô sản và xây dựng xã hội cộng sản không có giai cấp thì người ta lại đưa ra yêu sách mơ hồ về việc thành lập một nền cộng hoà xã hội. Điều lệ này được Môn phổ biến trong các chi bộ ở Đức trong thời gian ông ta trở về Đức vào mùa đông 1848 - 1849. Tháng Ba 1849, một văn bản của điều lệ rơi vào tay cảnh sát khi chúng bắt những đảng viên của một trong những chi bộ ở Béc-lin do Hết-sen lãnh đạo, và nó cũng đã được đưa ra làm bằng chứng trong thời gian diễn ra vụ án xử nhóm Hết-xen vào tháng Tám 1850. Tháng Chạp 1850 theo chỉ thị của Mác, Ban chấp hành trung ương ở Khuên đã thảo ra điều lệ mới (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 737 - 740). - 734.

385 Ý muốn nói đến : "Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương gửi Liên đoàn những người cộng sản" tháng Ba 1850 và "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (xem

C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 341 - 355 và t.4, tr. 563 - 611). - 735.

386 *Phái Núi* - một phái trong Quốc hội lập hiến và lập pháp ở Pháp trong những năm 1848 – 1851, đại biểu cho đảng của những người cộng hoà - dân chủ tiểu tư sản do Lơ-đruy Rô-lăng đứng đầu, những người này tập hợp xung quanh tờ báo "Reforme", những người xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản do Lu-i Blăng đứng đầu cũng tham gia phái này. - 736.

387 Đây là nói về việc Lu-i Blăng tham gia với tư cách "đại biểu công nhân" vào chính phủ tư sản lâm thời ở Pháp tháng Hai - tháng Năm 1848. Hoạt động của Uỷ ban chính phủ về vấn đề công nhân do Lu-i Blăng đứng đầu (xem chú thích 221) không hề đem lại một kết quả thực tiễn nào, trong khi đó sách lược thoả hiệp của Lu-i Blăng lại làm cho một bộ phận giai cấp công nhân xa rời cuộc đấu tranh cách mạng. - 738.

388 Ý muốn nói đến Công xã Pa-ri 1789 - 1794. Tuy về mặt hình thức chỉ là một cơ quan tự quản thành phố, nhưng từ năm 1792 trên thực tế Công xã đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của quần chúng Pa-ri nhằm thực hiện những biện pháp cách mạng kiên quyết. Công xã đã đóng vai trò tích cực trong việc lật đổ chế độ quân chủ, thiết lập nền chuyên chính của phái Gia-cô-banh, áp dụng mức tối đa về giá cả, thông qua đạo luật về những người khả nghi nhằm chống lại bọn phản cách mạng, v.v.. Sau cuộc đảo chính phản cách mạng ngày 9 tháng Nóng (27 tháng Bảy 1794) tổ chức của Công xã bị giải tán. - 738.

389 Văn kiện này và văn kiện tiếp sau bao gồm lời kêu gọi gửi công nhân Đức ở Mỹ do Mác viết thay mặt uỷ ban tổ chức cứu trợ cho những người cộng sản bị kết án ở Khuên. Mác đã gửi lời kêu gọi cho A-đôn-phơ Clút-xơ để đăng trên các báo Đức ở Mỹ. Trong thư gửi Clút-xơ ngày 7 tháng Chạp 1852, Mác chỉ rõ rằng tổ chức cứu trợ cần phải biểu dương tinh đoàn kết của đảng và khuyên nên thành lập ở Mỹ những uỷ ban cứu trợ cho những người cộng sản bị kết án ở Khuên và gia đình của họ. - 740.

390 *Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa* - một trong những tổ chức của giới lưu vong dân chủ Đức ở Mỹ. Liên đoàn được thành lập ngày 5 tháng Mười 1850 tại đại hội của các hội thể dục Đức ở Phi-la-đen-phi-a. Liên đoàn gồm có vài chục chi bộ trong các thành phố khác nhau ở Mỹ và thời gian đầu đã giữ vững mối liên hệ với phong trào công nhân Đức ở Mỹ. Vây-đơ-mai-ơ là thành viên của Liên đoàn những người cộng sản đã cộng tác với tờ báo của Liên đoàn "Turnzeitung" ("Báo thể dục" xuất bản từ năm 1851 đến năm 1861). Trong những năm Nội chiến ở Mỹ, Liên đoàn tham gia rất tích cực vào cuộc đấu tranh chống lại các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ. Năm 1865 tổ chức này đổi tên thành Liên đoàn thể dục Bắc Mỹ. - 743.



# THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

## (Tháng Tám 1851 - Tháng Ba 1853)

1851

*Tháng Tám - Tháng Mười một*

Trong tình hình ở châu Âu thế lực phản động tấn công và cảnh sát ra sức đàn áp, Mác ở Luân Đôn và Ăng-ghen ở Man-se-xtơ đã dốc toàn lực để duy trì hạt nhân của Liên đoàn những người cộng sản làm cơ sở cho một tổ chức vô sản sau này, rèn luyện tư tưởng và giáo dục đội ngũ cán bộ cách mạng vô sản.

Coi trọng việc soạn thảo học thuyết kinh tế để vũ trang cho giai cấp công nhân tri thức về những quy luật phát triển kinh tế, Mác vẫn tiếp tục công việc nghiên cứu của mình về khoa kinh tế chính trị. Ông ngồi suốt cả ngày trong thư viện Bảo tàng Anh, nghiên cứu lịch sử chế độ sở hữu ruộng đất, những vấn đề thuộc địa dân số, tín dụng, hệ thống ngân hàng và các vấn đề khác. Ông đã ghi chép nhiều đoạn trích, có kèm theo những nhận xét phê phán, trong những tác phẩm của Xô-mơ-đơ, Lao-đơn, Uây-cơ-phin, Prê-xcốt-tơ, Hốt-xkin, Kê-tơ-lê, Tao-xen-đơ, Man-tút, Hi-um, Grây, Đáp-lơ-đây, U.P.A-li-xôn, A.A-li-xơn, Khac-đơ-ca-xlơ, Prat-xơn, Phau-nơ, Mác Cu-lốc và những người khác. Đồng thời Mác còn nghiên cứu cả những vấn đề về nông học, nông hoá học, đọc những tác phẩm của Lê-bích và Giôn-xtơn có liên quan đến những vấn đề này.

Chú ý đến ý nghĩa to lớn của những tri thức quân sự đối với việc đảng vô sản lãnh đạo những cuộc chiến đấu cách mạng trong tương lai, Ăng-ghen tiếp tục công việc nghiên cứu của mình về lịch sử và lý luận quân sự.

*Nửa đầu tháng Tám*

Mác nghiên cứu cuốn sách mới của P.G. Pru-đông "Tư tưởng chung của cách mạng thế kỷ XIX". Coi cuốn sách này là một sự luận chiến trực diện chống chủ nghĩa cộng sản, Mác có ý định phê phán nó trên báo chí. Trong thư gửi Ăng-ghen, ông đã trình bày tỉ mỉ nội dung cuốn sách của Pru-đông và đề nghị Ăng-ghen cho biết ý kiến của mình về cuốn sách ấy.

*Khoảng 2 tháng Tám*

Trong thư gửi cho Mác, Ăng-ghen thông báo rằng ở Man-se-xtơ ông thường xuyên bị cảnh sát theo dõi và đề nghị Mác cất giữ những tài liệu của đảng vào nơi an toàn.

*Khoảng 8 tháng Tám*

Mác nhận được lời đề nghị của Sác-lơ Đan-na, tổng biên tập tờ báo tư sản tiến bộ "New - York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Óc hàng ngày"), cộng tác với tờ báo này. Mác vui lòng nhận lời Đan-na vì muốn lợi dụng sự cộng tác với tờ báo này để tác động tới dư luận xã hội và làm sáng tỏ những vấn đề quan trọng nhất theo quan điểm giai cấp công nhân. Việc cộng tác của Mác với tờ báo "New - York Daily Tribune" đã kéo dài hơn 10 năm. Mác là cộng tác viên chính thức của tờ báo, nhưng theo đề nghị của Mác, một số lượng lớn các bài báo là do Ăng-ghen viết vì Mác bận phải soạn thảo học thuyết kinh tế của mình.

*8 và 14 tháng Tám*

Mác đề nghị Ăng-ghen viết cho tờ "New - York Daily Tribune" một loạt bài về cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức.

*Nửa cuối tháng Tám tháng Mười*

Ăng-ghen nghiên cứu tác phẩm "Tư tưởng chung của cách mạng thế kỷ XIX" của P.G. Pru-đông và viết bài nhận xét phê phán cuốn sách này, trong đó ông vạch trần những quan điểm cải lương và vô chính phủ của tác giả cuốn sách. Ăng-ghen đã gửi bản thảo này cho Mác và Mác quyết định lấy nó làm cơ sở cho tác phẩm chống Pru-đông mà ông dự định viết.

*Sau 18 tháng Tám*

Mác được Bóc-nơ-bắc, một trong những thông tín viên của mình ở Khuên cho biết về tiến trình cuộc điều tra vụ án những nhà hoạt động nổi tiếng của Liên đoàn những người cộng sản bị bắt hồi tháng Năm 1851.

*21 tháng Tám 1851 - 24 tháng Chín 1852*

Ăng-ghen viết loạt bài "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức". Từ 25 tháng Mười 1851 đến 23 tháng Mười 1852, các bài này được đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" do Mác ký tên. Trong các bài đó, những tiền đề, tính chất và động lực của cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1848 - 1849 ở Đức đã được vạch ra theo quan điểm duy vật lịch sử.

*Cuối tháng Tám*

Mác nhận được thư của Giôn-xơ, chủ bút tờ tạp chí của phái Hiến chương "Notes to the People" ("Tin ngắn cho nhân dân"), báo tin rằng trong số 16 của tạp chí có đăng bài của Mác về cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri lấy từ tờ "Neue Rheinische Zeitung" ("Báo mới vùng Ranh"). Mác và Ăng-ghen tiếp tục cộng tác với "Notes to the People", giúp Giôn-xơ viết một số bài và cùng



biên tập tạp chí. Thông qua báo chí của phái Hiến chương, Mác và Ăng-ghen cố gắng gây ảnh hưởng tư tưởng tới giai cấp vô sản Anh và ủng hộ Giôn-xơ cùng những người đồng sự của ông ta trong việc khôi phục phong trào Hiến chương trên một cơ sở mới, xã hội chủ nghĩa. Hai ông ủng hộ cuộc đấu tranh của Giôn-xơ chống Hác-ni là người mà trong thời kỳ phong trào Hiến chương suy thoái đã bị rơi vào ảnh hưởng của những phần tử tiểu tư sản và đã xa rời lập trường vô sản.

*Tháng Chín*

Qua các báo, Mác và Ăng-ghen được biết về những vụ bắt bớ các thành viên của phái Vi-lích - Sáp-pơ theo chủ nghĩa phiêu lưu bè phái và về việc bắt đầu cuộc điều tra cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức.

*11 tháng Chín*

Trong thư gửi cho Vây-đơ-mai-ơ, Mác đã phê phán cương lĩnh và sách lược của nhà cách mạng tư sản I-ta-li-a Mát-đi-ni, nêu rõ việc ông ta không hiểu ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề ruộng đất vì lợi ích của giai cấp nông dân đối với cuộc đấu tranh thắng lợi vì sự nghiệp giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a.

*23 và 26 tháng Chín*

Mác và Ăng-ghen đã nghiên cứu tuyên ngôn của nhà dân chủ tiểu tư sản Te-khốp, - người đã tham gia cuộc Cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, - "Khái luận về cuộc chiến tranh tương lai" và trong các bức thư của mình, hai ông đã nêu ra một loạt những nhận xét phê phán về bản tuyên ngôn đó.

*Cuối tháng Chín - tháng Mười*

Khi nghiên cứu vấn đề ảnh hưởng của sản xuất bằng máy móc đối với lao động của công nhân, Mác nghiên cứu những cuốn sách về lịch sử kỹ thuật, ghi chép nhiều đoạn từ các tác phẩm của Pốp-pơ, Bếch-cơ-man và I-u-rơ.

Tháng Mười

Tiến hành đấu tranh chống những mưu toan của giới lưu vong tiểu tư sản định làm cho giai cấp vô sản xa rời những nhiệm vụ thực sự của phong trào cách mạng, Mác và Ăng-ghen chăm chú theo dõi những hoạt động của Kin-ken, kẻ mưu toan thực hiện một ý đồ phiêu lưu ở Mỹ với "công trái cách mạng Đức - Mỹ". Mác gửi cho A. Chít-xơ, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản ở On-sinh-tơn, một loạt chỉ thị nhằm đấu tranh chống Kin-ken.

Tháng Mười 1851 – 1852

Ăng-ghen tiếp tục học tiếng Nga và những tiếng Xla-vơ khác, đồng thời cũng nghiên cứu cả lịch sử và văn học các dân tộc Xla-vơ. Ông nghiên cứu cuốn "Văn tuyển Nga" của Bao-rinh và ghi chép trong đó những đoạn nói về I-ô-mô-nô-xốp, Đéc-đa-vin, Xu-ma-rô-cốp, Bô-gda-nô-vích, Khe-rác-cốp, Ca-ram-đin, Giu-xốp-xki, Cru-lốp và

| | |
|---|---|
| | những nhà văn nước Nga khác của thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. Ăng-ghen đọc nguyên bản tiếng Nga những tác phẩm văn học cổ điển Nga như: "Ép-ghê-nhi Ô-nhê-ghin" và "Kỵ sĩ bằng đồng" của Pu-skin. "Khổ vì hiểu biết" của Gri-bô-ê-đốp và dịch một số đoạn thơ ở chương một cuốn "Ép-ghê-nhi Ô-nhê-ghin" dưới dạng văn xuôi. |
| Sau 2 tháng Mười | Mác nhận được thư của Phrai-li-grát báo tin rằng Lê-ven-tan là người xuất bản ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, đã hoàn toàn từ chối không xuất bản tác phẩm kinh tế chính trị của Mác. Những cố gắng khác của Mác nhằm tìm người xuất bản tác phẩm của mình ở Đức cũng đều không có kết quả. |
| 4 tháng Mười | Mác viết bản tuyên bố nhân việc trên tờ "Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông") ở Au-xbuốc ngày 30 tháng Chín 1851 xuất hiện một tin mang nội dung công kích vu khống Mác liên quan tới những vụ bắt bớ các thành viên của Liên đoàn những người cộng sản ở Đức. Tuyên bố được đăng trên tờ "Kölnische Zeitung" ("Báo Khuên") ngày 9 tháng Mười và dưới dạng tóm tắt trên tờ "Allgemeine Zeitung", ngày 18 tháng Mười. |
| 16 tháng Mười | Mác đề nghị Vây-đơ-mai-ơ - lúc này đã sang Mỹ – tìm cách xuất bản ở Mỹ dưới dạng cuốn sách mỏng bản dịch bằng tiếng Anh "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" được in năm 1850 trên tờ tạp chí của phái Hiến chương "Red Republican" ("Người cộng hòa đỏ"). Việc xuất bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ở Mỹ không thành. |
| 31 tháng Mười | Mác đề nghị Vây-đơ-mai-ơ tổ chức xuất bản ở Mỹ một tủ sách bỏ túi bao gồm một loạt bài của Mác, Ăng-ghen, V.Vôn-phơ và Véc-thơ đã đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung", và cả những bài báo của Mác và Ăng-ghen chống Hai-nơ-txen đã đăng trên tờ "Deutsche Brüsseler Zeitung" ("Báo "Bruy-xen - Đức") và dự định sau này sẽ đưa vào tủ sách đó những bài đả kích bức thiết. Việc xuất bản này không thực hiện được. |
| Khoảng 5 - 15 tháng Mười một | Mác lưu lại nhà Ăng-ghen ở Man-se-xtơ. |
| Nửa cuối tháng Mười một | Mác nghiên cứu tác phẩm "Tín dụng cho không" của Pru-đông và đánh giá tác phẩm này hết sức tồi tệ. |
| 24 và 27 tháng Mười một | Trong các thư từ của mình, Mác và Ăng-ghen đã trao đổi ý kiến về những vấn đề liên quan đến kế hoạch công bố tác phẩm kinh tế chính trị của Mác. |



| | |
|---|---|
| 1 tháng Chạp | Mong muốn tổ chức một phong trào phản đối vụ án những nhà hoạt động nổi tiếng của Liên đoàn những người cộng sản do cảnh sát Phổ bịa đặt và buộc báo chí phải lên tiếng về vụ những người bị buộc tội ở Khuên, Mác viết thư phản đối chính quyền Phổ và gửi sang Pa-ri để đăng trên báo chí Pháp. Đồng thời ông cũng đề nghị V.Vôn-phơ viết những bức thư như thế cho Mỹ và Thụy Sĩ, và Ăng-ghen thì viết cho Anh. Song việc tổ chức phong trào phản đối trên báo chí đã không thành công.<br><br>Mác thiết lập quan hệ với những công nhân Đức Stê-khan, Ghi-um-pen và những người khác đối lập với nhóm Vi-lích - Sáp-pơ trong Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn. |
| Sau 1 tháng Chạp | Mác nhận được thông báo của Phrai-li-grat về ý đồ của Lát-xan định thành lập một công ty cổ phần ở Đức để xuất bản tác phẩm kinh tế chính trị của Mác. Mác đã từ chối đề nghị này. |
| 3 tháng Chạp | Trong bức thư gửi Mác, Ăng-ghen đã nhận xét sâu sắc về cuộc đảo chính phản cách mạng của Lu-i Bô-na-pác-tơ diễn ra ở Pháp ngày 2 tháng Chạp 1851. Một số tư tưởng trong bức thư đó đã được Mác phát triển trong tác phẩm của ông "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ". |
| Khoảng 9 tháng Chạp 1851 đầu tháng Giêng 1852 | Mác nhận được một loạt thông báo chi tiết của Rai-nơ-hát là thư ký của Hai-nơ ở Pa-ri, về tình hình chính trị và tâm trạng ở Pháp trước và sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp. Nhiều tư liệu trong những bức thư ấy đã được Mác sử dụng để viết tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ". |
| Nửa cuối tháng Chạp | Qua những bức thư của Vây-đơ-mai-ơ, Mác và Ăng-ghen được biết về việc ông ta chuẩn bị xuất bản ở Niu Óc tờ tạp chí hàng tuần "Die Revolution" ("Cách mạng") và về chương trình của tạp chí đó. Vây-đơ-mai-ơ đề nghị Mác và Ăng-ghen gửi đến cho tạp chí một số bài và ông thông báo dự định của mình sẽ in lại những bài trước đó của hai ông cũng như các bài của những chiến hữu của hai ông trên tờ "Revolution". |
| 16 tháng Chạp | Ăng-ghen khuyên Mác viết cho tạp chí "Revolution" một bài nói về cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp ở Pháp. |
| Khoảng 19 tháng Chạp | Mác và Ăng-ghen tiến hành những cuộc trao đổi ý kiến với V.Vôn-phơ, Ph. Vôn-phơ, Véc-thơ, Phrai-li-grát, Ếch-ca-ri-út về các bài viết cho tạp chí "Revolution" của Vây-đơ-mai-ơ. |

Khoảng 19 tháng Chạp 1851 - khoảng 25 vào tháng Ba 1852

Mác viết tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ". Trong tác phẩm này, Mác tổng kết sâu sắc kinh nghiệm lịch sử của các cuộc cách mạng những năm 1848 - 1849 và đóng góp thêm việc phát triển học thuyết cách mạng của ông. Phát triển lý luận về cách mạng vô sản và về chuyên chính vô sản, lần đầu tiên Mác trình bày một luận điểm hết sức quan trọng là giai cấp công nhân cần phải đập tan bộ máy nhà nước tư sản.

Khoảng 20 tháng Chạp 1851 - khoảng 3 tháng Giêng 1852

Ăng-ghen lưu lại nhà Mác ở Luân Đôn.

27 tháng Chạp

Mác đề nghị Phrai-li-grát viết cho tạp chí "Revolution" một bài thơ mừng năm mới.

**1852**

Tháng Giêng 1852 tháng Ba 1853

Khi nghiên cứu lịch sử nghệ thuật quân sự, Ăng-ghen đặc biệt chú ý đến những cuộc chiến tranh trong thời kỳ cách mạng 1848 - 1849, là những chiến dịch ở Hung-ga-ri và I-ta-li-a mà ông dự định sẽ viết về lịch sử của chúng. Ông đọc những tác phẩm của Clau-dơ-vít-xơ, Giô-mi-ni, Vi-li-den, Hốp-stét-te, Quyn-xen Guyốc-gây và nhiều tác giả khác.

1 tháng Giêng

Mác gửi cho Vây-đơ-mai-ơ để đăng chương một tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" của mình.

2 - 24 tháng Giêng

Mác ốm nặng. Người tiếp tục viết tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" một cách vất vả.

6 tháng Giêng

Số tạp chí "Revolution" thứ nhất được xuất bản ở Niu Óóc trong đó có đăng lại một phần "Bài thứ ba điểm tình hình quốc tế" đã được Mác và Ăng-ghen công bố trong tạp chí "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue" ("Báo mới vùng Ranh. Tạp chí kinh tế chính trị"), đồng thời cũng thông báo là sắp tới tạp chí sẽ công bố hai tác phẩm của Mác : "Ngày 18 và tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" và "Những phát hiện mới nhất của chủ nghĩa xã hội hay "Tư tưởng chung của cách mạng thế kỷ XIX" của P.Gi. Pru-đông". Tác phẩm thứ hai Mác không viết vì sau số thứ hai, tạp chí bị đình bản.



9 tháng Giêng

Trong thư gửi cho Vây-đơ-mai-ơ, Gien-ni Mác chuyển lời đề nghị của Mác đòi làm sáng tỏ tình hình vụ án những người bị buộc tội ở Khuên trên tạp chí "Revolution", bởi vì bị Kin-ken xúi giục, báo chí của giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Mỹ cố tình im lặng lảng tránh vấn đề này.

Giữa tháng Giêng

Ở Luân Đôn, với sự giúp đỡ của Mác, một hội công nhân Đức mới do Stê-khan làm chủ tịch được thành lập từ những người công nhân có tư tưởng đối lập với nhóm Vi-lích - Sáp-pơ.

15 tháng Giêng

Mác tham dự cuộc họp của khu bộ Luân Đôn Liên đoàn những người cộng sản. Tại đây người ta đã đọc kỹ bức thư gửi từ Khuên nói về việc kéo dài cuộc điều tra vụ án những người bị buộc tội ở Khuên.

23 tháng Giêng

Ăng-ghen viết cho tạp chí "Revolution" một bài về nước Anh, trong đó ông trình bày những kết quả nghiên cứu của mình về vấn đề khả năng xâm lược của quân đội các nước trên lục địa châu Âu đối với quần đảo Anh. Bài báo này không được đăng vì tạp chí bị đình bản.

28 tháng Giêng

Theo đề nghị của Mác, Ăng-ghen viết những bức thư gửi ban biên tập các báo "Times" và "The Daily News" ("Tin tức hàng ngày") vạch trần sự dộc đoán của chính phủ Phổ đối với những bị cáo ở Khuên, và gửi cho Mác một trong những bức thư đó. Ngày 29 tháng Giêng, Mác gửi bức thư này cho ban biên tập tờ "Times" với chữ ký là "Một người Phổ". Thế nhưng những ý định của Mác và Ăng-ghen muốn đăng trên báo chí Anh những tài liệu về tình hình những người bị buộc tội ở Khuên đã không thành công.

30 tháng Giêng

Mác bỏ Vây-đơ-mai-ơ về khả năng xuất bản tác phẩm kinh tế chính trị của mình ở Mỹ.

Tháng Hai

Mác gặp phải những khó khăn nặng nề về vật chất, ông buộc phải cầm cố quần áo của mình, vì thế ông không thể đến thư viện được. Ông bị đau mắt do làm việc vào ban đêm quá nhiều.

Tháng Hai - đầu tháng Tư

Ăng-ghen viết tác phẩm "Những nguyên nhân thực gây ra tính thụ động tương đối của những người vô sản Pháp vào tháng Chạp năm ngoái". Tác phẩm được đăng trên tạp chí "Notes to the People" ngày 21 tháng Hai, 27 tháng Ba và 10 tháng Tư 1852.

4 tháng Hai

Trong thư gửi cho Ăng-ghen, Mác thông báo ý định của mình là lôi cuốn những người tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849, ở Hung-ga-ri, Xê-mo-ru và Pép-xen cộng tác với tạp chí "Revolution".

Giữa tháng Hai — Do quá bận rộn vì công việc ở văn phòng hãng "Ec-men và Ăng-ghen", cho nên Ăng-ghen có rất ít thời gian để viết bài cho tờ "New - York Daily Tribune" và "Notes to the People".

18 tháng Hai — Mác gửi cho Ăng-ghen tài liệu bổ sung cho tác phẩm "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" của Ăng-ghen và khuyên ông tăng cường việc phê phán cánh tả trong Quốc hội Phran-phuốc.

Khoảng 19 tháng Hai — Theo đề nghị của Mác, cuộc họp thường kỳ của khu bộ Luân Đôn đã khai trừ V. Hiếc-sơ ra khỏi Liên đoàn những người cộng sản vì hắn là tay sai của cảnh sát Phổ. Cũng vì lý do này mà cuộc họp đã quyết định thay đổi địa điểm và ngày họp hàng tuần của các thành viên Liên đoàn những người cộng sản.

20 tháng Hai — Khi biết tin về việc tạp chí "Revolution" bị đình bản, Mác đề nghị Vây-đơ-mai-ơ tìm cách xuất bản tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" thành sách lẻ ở Mỹ.

24 tháng Hai — Mác nhận được giấy mời dự tiệc nhân kỷ niệm lần thứ tư cách mạng tháng Hai 1848 được tổ chức theo sáng kiến của những người lãnh đạo giới lưu vong tiểu tư sản Pháp ở Luân Đôn. Mác không đến dự.

27 tháng Hai — Thường xuyên theo dõi sự phát triển kinh tế nước Anh và các sự kiện chính trị ở Anh, trong thư gửi cho Vây-đơ-mai-ơ, Ăng-ghen phân tích tình hình kinh tế và chính trị của nước này và hứa sẽ gửi cho ông một bài báo về đề tài đó. Thế nhưng do không có cơ hội công bố bài báo này nên ý định của Ăng ghen không được thực hiện.

3 tháng Ba — Mác viết để đăng trên báo "Kölnische Zeitung" một tuyên bố, trong đó bác bỏ việc tờ báo này khẳng định là ông có quan hệ với May-ơ - thành viên của phái Vi lích - Sáp-pơ, bị cáo trong cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức. Tuyên bố này được công bố trên tờ "Kölnische Zeitung" ngày 6 tháng Ba.

Trong thư gửi cho Ăng-ghen, Mác đã lưu ý ông về việc cảnh sát kiểm duyệt thư của hai ông.

5 tháng Ba — Trong thư gửi cho Vây-đơ-mai-ơ, Mác trình bày một vấn đề mới về nguyên tắc đóng góp vào quan niệm về vai trò của các giai cấp và đấu tranh giai cấp trong lịch sử, và cụ thể là : *1) Sự tồn tại của các giai cấp* chỉ gắn liền *với những giai đoạn lịch sử nhất định của sự phát triển sản xuất ; 2)* đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến *chuyên chính vô sản* ; 3) bản thân nền chuyên chính này chỉ là sự quá độ tiến tới *xoá bỏ mọi giai cấp* và tới *xã hội không có giai cấp*".



Nửa cuối tháng Ba — Mác nhận được thông báo của Clút-xơ về hoạt động của các đại diện giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Mỹ.

18 tháng Ba — Trong thư gửi Mác, Ăng-ghen bày tỏ những hy vọng của mình về việc hãng "Ec-men và Ăng-ghen" bị đóng cửa và ông sẽ chuyển tới Li-vớc-pun, nơi ông ít bận hơn với những việc buôn bán của bố mình và ông có thể quan tâm nhiều hơn tới hoạt động khoa học và hoạt động đảng. Đồng thời ông cũng thông báo những kết quả của mình trong việc nghiên cứu ngữ pháp và vốn từ tiếng Nga.

24 tháng Ba — Tại cuộc họp thường kỳ của khu bộ Luân Đôn Liên đoàn những người cộng sản, Mác thông báo về hoạt động của Clút-xơ và Vây-đơ-mai-ơ ở Mỹ, đặc biệt là về những cuộc đấu tranh của họ chống Hai-nơ-txen và Kin-ken. Cuộc họp đã hoan nghênh những hoạt động của Clút-xơ và Vây-đơ-mai-ơ.

25 tháng Ba — Mác gửi cho Vây-đơ-mai-ơ phần kết luận tác phẩm của ông "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ".

Mác thông báo cho Vây-đơ-mai-ơ biết việc Giec-xơ định ra một tờ báo mới của phái Hiến chương và việc quyên tiền trong công nhân thuộc phái Hiến chương cho mục đích đó.

Khoảng 13 tháng Tư — Ăng-ghen rời Luân Đôn, nơi ông đã ở thăm Mác một số ngày để trở về Man-se-xtơ.

14 tháng Tư — Con gái thứ của Mác là Phran-xít-xka qua đời. Mác buộc phải mượn tiền của người hàng xóm là một người Pháp lưu vong để chôn cất đứa bé.

16 tháng Tư — Mác nhận được thông báo của Vây-đơ-mai-ơ về việc chậm xuất bản cuốn sách "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" ở Mỹ vì thiếu những phương tiện cần thiết.

Khoảng 24 tháng Tư — Qua thư của Vây-đơ-mai-ơ, Mác được biết rằng nhờ một người công nhân Đức lưu vong giúp đỡ số tiền 40 đô la mà anh ta tiết kiệm được, nên tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" sẽ được xuất bản ở Mỹ.

30 tháng Tư — Mác thông báo cho Ăng-ghen biết kế hoạch của mình muốn cùng Ăng-ghen vẽ lên một số "chân dung chính trị" các nhà hoạt động trong giới lưu vong tiểu tư sản Đức. Ông viết rằng một người lưu vong Hung-ga-ri tên là Ban-đi-a, người quen của Xê-me-rơ và Pếc-txen (sau này mới rõ Ban-đi-a là nhân viên mật vụ của cảnh sát), rất quan tâm tới việc xuất bản tiểu phẩm này. Mác đề nghị Ăng-ghen gửi cho ông một bản tóm tắt những tính cách của các

| | |
|---|---|
| | nhà hoạt động trong giới lưu vong dựa theo những bức thư mà ông đã gửi cho Ăng-ghen và dựa theo những tài liệu khác, đồng thời viết một số nhận xét về Vi-lích. |
| Tháng Năm | Mác và Ăng-ghen thu thập tư liệu để viết một tiểu phẩm về những nhà hoạt động trong giới lưu vong tiểu tư sản Đức. Hai ông đề nghị Drun-ke, V. Vôn-phơ, Chút-xơ, Phrai-li-grát, Vây-đơ-mai-ơ và những người khác gửi cho mình những tài liệu về tiểu sử một số nhà hoạt động ấy và bắt tay vào viết tiểu phẩm "Những vĩ nhân của giới lưu vong". |
| Khoảng 4 tháng Năm | Mác nhận được đề nghị của Dan-na viết loạt bài về tình hình nước Anh lúc bấy giờ cho tờ "New - York Daily Tribune". |
| Khoảng 19 tháng Năm | Tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" của Mác được phát hành ở Niu Óc dưới dạng số tạp chí "Revolution", tạp chí này được phục hồi với tính chất một xuất bản phẩm không định kỳ. |
| 21 tháng Năm | Trong hợp đồng ký kết với các hội viên của hãng "Éc-men và Ăng-ghen", có thoả thuận trước những điều kiện vật chất để Ăng-ghen làm ở văn phòng hãng này. Vì vậy Ăng-ghen có điều kiện tăng cường giúp đỡ gia đình Mác. |
| Cuối tháng Năm - nửa cuối tháng Sáu | Mác ở chỗ Ăng-ghen tại Man-se-xtơ. Hai ông cùng nhau viết tiểu phẩm "Những vĩ nhân của giới lưu vong". |
| 18 tháng Sáu | Mác uỷ quyền cho vợ mình chuyển cho Giôn-xơ một số tài liệu để đăng trên tờ báo mới của phái Hiến chương "The People's Paper" ("Báo nhân dân"), bắt đầu phát hành từ tháng Năm 1852. Mác giúp Giôn-xơ biên tập chung tờ báo, đặc biệt là phụ trách mục những tin tức nước ngoài, cũng như giúp việc giải quyết vấn đề tài chính cho tờ báo. Nhờ sự giúp đỡ của Mác, và cả sau này, Mác vẫn tiếp tục giúp đỡ cơ quan đó của phái Hiến chương, số người đặt mua báo tăng lên, vị trí của tờ báo đã được củng cố. |
| Khoảng 25 - 28 tháng Sáu | Sau khi từ Man-se-xtơ trở về, Mác đọc cho vợ mình và Drun-ke chép tiểu phẩm "Những vĩ nhân của giới lưu vong" rồi chuyển cho Ban-đi-a một bản và giữ lại cho mình một bản. |
| Cuối tháng Sáu | Mác và Ăng-ghen nhận được thông báo của Vây-đơ-mai-ơ về việc ông tổ chức chi bộ Liên đoàn những người cộng sản ở Niu Óc. |



| | |
|---|---|
| | Vây-đơ-mai-ơ đề nghị gửi thường xuyên những tài liệu của Liên đoàn đến để giới thiệu những tài liệu đó với các thành viên của chi bộ ở đây. |
| Tháng Bảy - tháng Tám | Mác lại tiếp tục công việc nghiên cứu ở thư viện Bảo tàng Anh, ông nghiên cứu nhiều tác phẩm về lịch sử phổ thông, lịch sử các thiết chế nhà nước, lịch sử văn hoá, về địa vị của phụ nữ trong những thời đại khác nhau. Mác ghi chép những đoạn rút từ các tác phẩm của Ma ki a-ve-li, Hum-mun, Vic-xmít, Xi-xmôn-đi, Ai-sơ-hoóc, Bu-tê-rơ-véc-tơ, I-ung, Xê-guya và các tác giả khác. |
| Đầu tháng Bảy - tháng Tám | Ăng-ghen nghiên cứu cuốn sách của nhà hoạt động quân sự Hung-ga-ri Guốc-gây "Cuộc đời và hoạt động của tôi trong những năm 1848 - 1849", có ghi chú bên lề sách và cả những tác phẩm khác về chiến dịch ở Hung-ga-ri những năm 1848 - 1849. |
| Tháng Tám - tháng Mười | Mác và Ăng-ghen chăm chú theo dõi cuộc đấu tranh trong giới lưu vong tiểu tư sản Đức xung quanh quỹ tiền mà Kin-ken thu được nhờ "Công trái cách mạng Đức - Mỹ". |
| Đầu tháng Tám | Mác và Ăng-ghen được biết vụ án những người cộng sản ở Khuên lại hoãn thêm 3 tháng nữa. |
| 2 tháng Tám | Mác viết cho tờ "New - York Daily Tribune" một bài về các chính đảng ở Anh. Bài này được Ăng-ghen dịch sang tiếng Anh và Mác gửi đi Niu Óc vào ngày 6 và 10 tháng Tám dưới dạng hai bài riêng biệt với tiêu đề là "Cuộc bầu cử ở Anh. - Đảng To-ri và đảng Vích" và "Phái Hiến chương". Những bài này được đăng trên báo ngày 21 và 25 tháng Tám. |
| 12 - 22 tháng Tám | Ăng-ghen viết bài XVII trong loạt bài "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức", trong đó trên cơ sở kinh nghiệm lịch sử các cuộc chiến tranh và cách mạng, ông đã trình bày những luận điểm rất căn bản của chủ nghĩa cộng sản khoa học về khởi nghĩa vũ trang. |
| Giữa tháng Tám - tháng Chín | Mác hỏi Lát-san, Ép-nơ, Stơ rây-tơ, Nau-tơ về khả năng xuất bản ở Đức tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ". Tất cả những cố gắng để xuất bản tác phẩm này ở Đức đều không đạt kết quả. |
| Khoảng 16 tháng Tám | Mác viết bài vạch trần bản chất chống nhân dân của chế độ bầu cử ở Anh. Bài này được Ăng-ghen dịch ra tiếng Anh và Mác |

gửi đi Niu Óc vào 20 và 27 tháng Tám dưới dạng 2 bài với nhan đề "Tệ hối lộ trong bầu cử" và "Kết quả bầu cử". Hai bài này được đăng trên tờ "New-York Daily Tribune" ngày 4 và 11 tháng Chín.

Khoảng 19 tháng Tám — Mong muốn giúp Ăng-ghen trên lĩnh vực nghiên cứu quân sự, Mác có xem qua những cuốn sách viết về các vấn đề quân sự trong thư viện Bảo tàng Anh và gửi danh mục những cuốn sách ấy cho Ăng-ghen.

19 tháng Tám — Mác nhận được thư của Béc-nơ-bác báo cho ông về tình hình những người bị buộc tội ở Khuên và về việc khám xét những người khác ở Khuên để tìm thư từ của Mác.

Mác gửi cho Brốc-hau-dơ, người xuất bản ở Lai-pxích, một đề nghị để ông viết cho tờ "Gegenwart" ("Thời đại") của Brốc-hau-dơ bài bình luận về "Sách báo kinh tế - chính trị hiện đại ở Anh từ 1830 đến 1852". Brốc-hau-dơ đã từ chối đề nghị của Mác.

Đầu tháng Chín — Mác chịu đựng những thiếu thốn nặng nề. Ông không còn tiền để mời bác sĩ và mua thuốc cho những người ốm trong gia đình: vợ, con gái Gien-ny, người giúp việc gia đình Hê-lê-na Đê-mút. Cả tuần lễ gia đình Mác phải ăn toàn bánh mì và khoai tây.

Sau ngày 2 - Khoảng 21 tháng Chín — Mác có ý định công bố tác phẩm "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" bằng tiếng Anh nên theo đề nghị của ông, Ăng-ghen hiệu đính chương thứ nhất do Pi-pơ là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, dịch.

28 tháng Chín — Mác viết cho tờ "New - York Daily Tribune" bài "Hoạt động của Mát-di-ni và Cô-sút. - Liên minh với Lu-i Na-pô-lê-ông. - Pan-mốc-xtơn" nhằm mục đích ngăn trước cho các lãnh tụ của giới lưu vong cách mạng I-ta-li-a và Hung-ga-ri khỏi mối nguy cơ là phong trào giải phóng dân tộc bị bọn Bô-na-pác-tơ lợi dụng. Bài này được đăng trên báo ngày 19 tháng Mười.

Tháng Mười - 12 tháng Mười một — Chăm chú theo dõi diễn biến vụ án những nhà hoạt động nổi tiếng của Liên đoàn những người cộng sản bắt đầu từ ngày 4 tháng Mười ở Khuên do Chính phủ Phổ bịa đặt ra, Mác, Ăng-ghen và các bạn của hai ông cố gắng hết sức giúp đỡ những luật sư bào chữa cho các bị cáo để chứng minh trước toà tính chất giả dối của những lời buộc tội. Bằng những con đường khác nhau, họ gửi đến Khuên những tài liệu và bằng chứng vạch trần những mưu đồ của cảnh sát Phổ.



2 - 23 tháng Mười — Các bài của Mác đã đăng trên tờ "New - York Daily Tribune": "Cuộc bầu cử ở Anh. - Đảng To-ri và đảng Vích", "Phái Hiến chương", "Tệ hối lộ trong bầu cử" và "Kết quả bầu cử" được đăng trên tờ "People's Paper" của phái Hiến chương dưới dạng loạt bài có tên chung là "Cuộc bầu cử phổ thông ở Anh".

Nửa đầu tháng Mười — Lo lắng trước việc trì hoãn công bố tiểu phẩm "Những vĩ nhân của giới lưu vong", Mác và Ăng-ghen yêu cầu Vê-tơ, Đrơn-ke và những đồng chí khác tìm hiểu nhân cách của Ban-đi-a và những người xuất bản mà Ban-đi-a nói là họ tỏ ra sẵn sàng công bố tiểu phẩm này.

12 tháng Mười — Mác viết bài về tình hình kinh tế và chính trị ở Anh. Bài này được Ăng-ghen dịch ra tiếng Anh và Mác gửi đi Niu Óc ngày 15 và 19 tháng Mười dưới dạng hai bài với đầu đề là "Sự bần cùng và mậu dịch tự do. - "Cuộc khủng hoảng thương nghiệp đang đến gần" và "Hậu quả chính trị của sự hưng thịnh về thương mại". Hai bài được đăng vào ngày 1 và 2 tháng Mười một trên tờ "New - York Daily Tribune".

16 tháng Mười — Mác viết bài về tình hình các chính đảng ở Anh. Bài này được Ăng-ghen dịch ra tiếng Anh và Mác gửi đi Niu Óc ngày 2 và 9 tháng Mười một dưới dạng hai bài. Bài thứ nhất được đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 29 tháng Mười một với nhan đề "Các đảng phái và triển vọng chính trị", bài thứ hai được đăng trên báo này ngày 25 tháng Mười một không có đầu đề.

Khoảng 20 tháng Mười — Mác nhận được của Cút-xơ 130 bản cuốn "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ" do Vây-đơ-mai-ơ xuất bản ở Niu Óc.

23 tháng Mười — Bài XIX của Ăng-ghen trong loạt bài "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" được công bố trên tờ "New - York Daily Tribune". Bài cuối cùng, bài XX mà Ăng-ghen hứa viết không thấy xuất hiện trên báo.

25 tháng Mười — Mác đề nghị Ăng-ghen là sau khi kết thúc vụ án những người cộng sản ở Khuên sẽ cùng với Mác viết bài "Những sự giải thích cho công chúng" nhằm vạch trần những hành động của Chính phủ Phổ.

Mác thông báo cho Ăng-ghen biết rằng ở Luân Đôn cảnh sát đang theo dõi ông.

Sau 26 tháng Mười — Qua Vê-tơ, Mác được người xuất bản tên là Đun-cơ ở Bec-lin cho biết rằng người xuất bản mà Ban-đi-a nói rằng đã đặt viết tiểu phẩm "Những vĩ nhân của giới lưu vong", là không có thực.

28 tháng Mười — Mác viết tuyên bố vạch trần những sự công kích có tính chất vu khống của các tờ "Times" và "Daily News" đối với những người bị buộc tội ở Khuên và bè bạn của họ ở Luân Đôn. Bản tuyên bố có chữ ký của Ph.Ăng-ghen, Ph. Phrai-li-grát, C.Mác và V.Vôn-phơ được đăng trên tờ "The Spectator" ("Khán giả") ngày 28 tháng Mười và trên các tờ "People's Paper", "The Moning Advertiser" ("Người đưa tin buổi sáng"), "The Examiner" ("Người quan sát") và "The Leader" ("Lãnh tụ") ngày 30 tháng Mười.

Cuối tháng Mười - đầu tháng Chạp — Mác viết tiểu phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên".

Sau 12 tháng Mười một — Qua báo chí, Mác và Ăng-ghen được biết về bản án của toà án bồi thẩm đối với những người cộng sản ở Khuên: bảy người trong số họ bị kết án từ 3 đến 6 năm tù giam và chỉ có 4 người được trắng án.

16 tháng Mười một — Mác viết tuyên bố gửi ban biên tập báo "New - York Daily Tribune" do có chiến dịch vu cáo mà giới báo chí dân chủ tiểu tư sản phát động nhân bài báo của ông "Hoạt động của Mát-di-ni và Cô-sút. - Liên minh với Lu-i - Na-pô-lê-ông. - Pan-mác-xtơn". Tuyên bố được đăng trên báo ngày 1 tháng Chạp.

17 tháng Mười một — Trong một cuộc họp của khu bộ Luân Đôn Liên đoàn những người cộng sản, Mác đề nghị giải thể Liên đoàn vì trên thực tế Liên đoàn đã không còn tồn tại do sự tiến công của thế lực phản động ở châu Âu và việc bắt giữ những lãnh tụ nổi tiếng của Liên đoàn. Đề nghị của Mác được chấp thuận.

20 tháng Mười một — Mác và Ăng-ghen gửi cho ban biên tập báo "Morning Advertiser" bài "Tuyên bố cuối cùng về vụ án mới đây ở Khuên". Tuyên bố có chữ ký của Ph.Ăng-ghen, Ph.Phrai-li-grát, C.Mác và V.Vôn-phơ được đăng trên báo ngày 29 tháng Mười một.

29 tháng Mười một — Theo đề nghị của Mác, Ăng-ghen viết cho báo "New - York Daily Tribune", bài "Vụ án mới đây ở Khuên". Bài báo ký tên Mác được công bố trên báo ngày 22 tháng Chạp.



Cuối tháng Mười một - tháng Chạp — Khi nhận được tin Mác có ý định xuất bản một cuốn sách mỏng vạch mặt những kẻ tổ chức vụ án những người cộng sản ở Khuên, bọn cầm đầu cảnh sát Phổ đã ra lệnh tịch thu cuốn sách đó nếu thấy xuất hiện, đồng thời chúng còn đề nghị cả cảnh sát các nước khác, đặc biệt là cảnh sát Bỉ, cũng làm như vậy.

3 tháng Chạp — Mác kiên quyết yêu cầu Ban-đi-a phải trả lời về những lý do kéo dài quá mức thời gian xuất bản cuốn sách mỏng "Những vĩ nhân của giới lưu vong" và đồng thời yêu cầu giải thích về những người xuất bản giả mà Ban-đi-a nêu ra.

6 và 7 tháng Chạp — Mác gửi bản thảo tiểu phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" cho Sa-bê-lit-xơ ở Thụy Sĩ và cho Clút-xơ ở Mỹ để xuất bản.

7 tháng Chạp — Mác gửi cho Clút-xơ ở Mỹ lời kêu gọi giúp đỡ những người bị kết án ở Khuên cùng gia đình họ và đề nghị tổ chức những uỷ ban cứu trợ. Lời kêu gọi có chữ ký của Mác, Ăng-ghen, Líp-nếch, Phrai-li-grát, Đrôn-ke, V. Vôn-phơ, Ph.Vôn-phơ, Gôn-xơ, I.G. Ếch-ca-ri-út, Lốc-nơ, Phen-đơ, Pi-pơ và những người khác, được đăng trên báo "California Staats - Zeitung" ("Công báo bang Ca-li-phoóc-ni-a") và trên "New - Yorker Criminal - Zeitung" ("Báo hình sự Niu Óc") tháng Giêng 1853.

Trong thư gửi cho Clút-xơ, Mác đánh giá phê phán tác phẩm của P.Gi. Pru-đông về cuộc đảo chính của Lu-i Bô-na-pác-tơ.

Khoảng 10 tháng Chạp — Mác viết bài "Nghị viện. - Cuộc biểu quyết ngày 26 tháng Mười một. - Ngân sách của Đi-xra-e-li" cho tờ "New - York Daily Tribune", trong đó vạch rõ bản chất giai cấp của hệ thống thuế khoá ở Anh. Bài này được Pi-pơ dịch ra tiếng Anh và được công bố trên báo ngày 28 tháng Chạp.

Khoảng 14 tháng Chạp — Mác được người xuất bản sách tên là Sa-bê-lit-xơ cho biết cuốn sách mỏng "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" bắt đầu được in ở Ba-lơ.

17 tháng Chạp 1852 và 11 tháng Giêng 1853 — Mác viết các bài "Thất bại của nội các" và "Nội các lỗi thời. - Tiền đồ của nội các liên hiệp và v.v." nói về chính sách phản động của nội các Đớc-bi - Đi-xra-e-li thuộc đảng bảo thủ và nội các liên hiệp A-bớc-đin thay thế nó. Các bài đó được đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 7 và 28 tháng Giêng.

Nửa cuối tháng Chạp 1852 - 10 tháng Giêng 1853 — Ăng-ghen lưu lại nhà Mác ở Luân Đôn.

Sau 27 tháng Chạp — Mác được tin là Ban-đi-a có quan hệ với cảnh sát Phổ và chắc là đã đưa bản thảo "Những vĩ nhân của giới lưu vong" cho chúng. Mác và Ăng-ghen quyết định khi có điều kiện sẽ vạch mặt ngay Ban-đi-a trên báo chí.

## 1853

Tháng Giêng - tháng Ba — Mác nghiên cứu học thuyết về tiền tệ và những vấn đề kinh tế chính trị khác, đồng thời nghiên cứu lịch sử văn hoá và lịch sử dân Xla-vơ. Ông ghi chép từ các tác phẩm của Ga-li-a-ni, Vác-xmút, Ca-un-phu-xơ và các tác giả khác.

Mác trao đổi thư từ với Clút-xơ về việc xuất bản ở Mỹ tiểu phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên".

Nửa cuối tháng Giêng — Tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" của Mác được phát hành ở Ba-lơ.

21 tháng Giêng — Mác viết bài "Bầu cử. - Những khó khăn về tài chính. - Công tước phu nhân Xa-thơ-len và chế độ nô lệ", nói về vấn đề bọn đại địa chủ tước đoạt nông dân vùng núi Xcốt-len. Bài báo do Ăng-ghen dịch ra tiếng Anh và được đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 9 tháng Hai và đăng tóm tắt trên tờ "People's Paper" ngày 12 tháng Ba.

28 tháng Giêng — Lần đầu tiên tự tay Mác viết bằng tiếng Anh một bài báo với nhan đề "Tội tử hình. - Tiểu phẩm của ông Cốp-den. - Những biện pháp của Ngân hàng Anh". Bài này phân tích những nguyên nhân xã hội của tình trạng phạm tội tăng lên trong xã hội tư bản, và được đăng trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 18 tháng Giêng.

11 và 22 tháng Hai — Mác viết hai bài "Khởi nghĩa ở I-ta-li-a. - Chính sách của nước Anh" và "Vụ mưu sát Phran-xơ - Iô-xíp I. Khởi nghĩa ở Mi-la-nô. - Chính sách của nước Anh. - Diễn văn của Đi-xra-e-li. - Di chúc của Na-pô-lê-ông". Hai bài trên được đăng trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 25 tháng Hai và ngày 8 tháng Ba.



12 tháng Hai — Qua Giôn-xơ, Mác nhận được lời mời của Ban chấp hành hội liên hiệp toàn quốc phái Hiến chương tham dự cuộc mít tinh công khai ngày 22 tháng Hai của phái Hiến chương.

4 tháng Ba — Mác viết bài "Di dân cưỡng bách. - Cô-sút và Mát-đi-ni. - Vấn đề những người lưu vong. - Những vụ mua chuộc trong bầu cử tại Anh. - Ông Cốp-den". Bài này được đăng trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 22 tháng tháng Ba và đăng tóm tắt trên tờ "People's Paper" ngày 16 tháng Tư.

Khoảng 7 - 10 tháng Ba — Mác ốm nặng vì bị viêm gan.

9 tháng Ba — Mác được Sa-bê-lít-xơ cho biết rằng 2000 bản của cuốn sách "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" định gửi sang Đức đã bị cảnh sát tịch thu ở một làng biên giới thuộc Ba-đen.

18 tháng Ba — Mác viết bài "Cô-sút và Mát-đi-ni. - Âm mưu của Chính phủ Phổ. - Hiệp ước thương mại Áo và Phổ. - Tờ "Times" và những người lưu vong". Trong bài này, Mác thông báo về việc cảnh sát đã tịch thu và tiêu huỷ toàn bộ số bản in cuốn "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" được xuất bản ở Thuỵ Sĩ. Bài báo được công bố trên tờ "New - York Daily Tribune" ngày 4 tháng Tư.

25 tháng Ba — Qua Clút-xơ, Mác được biết rằng tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" đang được đăng dần từng phần trên tờ "Neu - England - Zeitung" ("Báo nước Anh mới") xuất bản ở Bô-xtơn, Mác đề nghị Clút-xơ cố gắng in tác phẩm này thành cả sách lẻ. Tác phẩm của Mác được phát hành ở Nhà xuất bản "Neu - England - Zeitung" dưới dạng cuốn sách lẻ vào khoảng ngày 24 tháng Tư.

# BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

## A

*A-bớc-đin* (Aberdeen), Giooc-giơ *Goóc-đơn*, bá tước (1784-1860) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng To-ri, thủ lĩnh phái Pin từ năm 1850, bộ trưởng ngoại giao (1828 - 1830, 1841 - 1846) và thủ tướng nội các liên hiệp (1852-1855). - 643 - 648, 651, 679, 683, 691, 694, 699, 727.

*A-bra-ham a Xan-tu Cla-ra* (Abraham a Santa Clara) (bí danh của Un-rích *Mê-ghác-lê*) (1644 - 1709) - người truyền giáo dạo Thiên chúa Áo và là nhà văn hài hước nổi tiếng. - 438 - 442.

*A-giê-đi-lát* (khoảng 442 - khoảng 358 trước công nguyên) - hoàng đế xứ Xpác-tơ (khoảng 399 - khoảng 358 trước công nguyên). - 231.

*A-gô-xti-ni* (*Agostini*), Chê-da-rê (1803 - 1855) - nhà cách mạng I-ta-li-a, môn đồ của Mát-đi-ni, người tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a, sau khi cuộc cách mạng bị thất bại lưu vong sang Anh, về sau từ bỏ Mát-đi-ni. - 697.

*A-le* (Allais), Lu-i Pi-e Công-xtăng (sinh khoảng 1821) - nhân viên của cảnh sát Pháp. - 218.

*A-lếch-xan-đơ* (Alexander), Giôn - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, năm 1853 là nghị sĩ. - 661.

*A-lếch-xan-đrơ Ma-xê-đoan* (356 - 323 trước công nguyên) - vị thống lĩnh nổi tiếng, nhà hoạt động quốc gia của thế giới cổ đại. - 214.

*A-mơ-lô Đờ La U-xê* (Amelot de la Houssaye), Ni-cô-la (1634 - 1706) - nhà chính luận Pháp, tác giả của cuốn sách "Lịch sử của chính phủ ở Vơ-ni-đơ". - 681.

*A-ri-ô-xtô* (Ariosto), Lô-đô-vi-cô (1474 - 1533) nhà thơ lớn nhất ở I-ta-li-a trong thời kỳ phục hưng, tác giả trường ca "Rô-lăng giận dữ". - 380, 387, 415, 435, 447.

*A-tôn* (Atholl), Giôoc-giơ Ô-ga-xtét Phrê-đê-rích Giôn *Mơ-ri*, công tước (1814 - 1864) - đại địa chủ ở Xcốt-len. - 668, 669.

*Ác-cô-na-ti Vi-xcôn-ti* (Arconati Visconti), Côn-xtan-xa, hầu tước phu nhân (khoảng 1801 - khoảng 1870) - nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a. - 491.



*Ác-nim* (Arnim), Bét-ti-na (1785 - 1859) - nữ văn hào Đức theo khuynh hướng lãng mạn chủ nghĩa, trong những năm 40 say mê những tư tưởng tự do chủ nghĩa. - 333.

*Ai-den-man* (Eisenmann), Gốt-phrít (1795 - 1867) - nhà chính luận Đức, bác sĩ ; trong những năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa, sau đó ngả sang cánh tả. - 24.

*Ai-sơ-hoóc* (Eichhorn), I-ô-han An-brê-xtơ, Phri-đrích (1779 - 1856) - nhà hoạt động quốc gia Phổ, bộ trưởng tôn giáo, giáo dục và y tế (1840 - 1848). - 38.

*An-nê-ke* (Anneke), Phri-đrích (1818 - 1872) - sĩ quan pháo binh Phổ, năm 1846 bị đuổi ra khỏi quân đội vì những quan điểm chính trị ; thành viên chi bộ Khuên thuộc Liên đoàn những người cộng sản ; năm 1849 là trung tá quân đội cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ ; về sau tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía những người phương Bắc. - 348.

*An-gu-xiên-bốc-ghi* - triều đại các công tước Slê-đơ-vích - Hôn-stai-nơ (1627 - 1852). - 400.

*An-ơ-xoan* (Auerswald), Ru-đôn-phơ (1795 - 1866) - nhà hoạt động quốc gia Phổ, đại biểu của tầng lớp quý tộc tự do gần gũi với giai cấp tư sản, thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (tháng Sáu - tháng Chín 1848). - 98.

*Ay-i* (Ailly), Pi-e Đờ (1350 - chết năm 1420 hoặc 1425) - Hồng y giáo chủ Pháp, nhà thần học nổi tiếng, đóng vai trò nổi bật ở hội nghị Công-xtăng-xơ. - 273.

*Ăng-ghen* (Engels) - mục sư đạo Tin lành người Đức ở Khuên. - 339.

*Ăng-ghen* (Engels), Phri-đrích (1820 - 1895) (xem tiểu sử). - 17, 22, 34, 35, 59, 79, 92, 109, 126, 138, 289, 305, 311, 372, 508, 509, 525 - 528, 530, 543, 550, 592, 614, 622, 733, 739 - 741, 743.

*Ăng-glét* (Anglès), Phrăng-xoa Ec-ne-xtơ (1807 - 1861) - địa chủ Pháp, đại biểu Quốc hội lập pháp (1850 - 1851), đại biểu của đảng trật tự. - 243.

*Ăng-toan* (Antoine), Guy-xta-vơ - dầu những năm 50 thế kỷ XIX là người Pháp lưu vong ở Luân Đôn , con rể Ô-guy-xtơ Blăng-ki. - 407.

## B

*Ba-cu-nin*, Mi-kha-in A-lếch-xan-đrô-vích (1814 - 1876) - nhà dân chủ Nga, nhà chính luận, người tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, về sau là một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa vô chính phủ, tỏ ra là kẻ thù cuồng nhiệt của chủ nghĩa Mác trong Quốc tế I. Tại đại hội La Hay năm 1872 bị khai trừ khỏi Quốc tế I vì hoạt động chia rẽ. - 129.

*Ba-dơ* (Baze), Giăng Đi-đi-ê (1800 - 1881) - luật sư Pháp và nhà hoạt động chính trị, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, là phần tử Ốc-lê-ăng. - 237, 255.

*Ba-ra-ghê D'Il-li-ê* (Baraguay D'Hilliers) A-si-lơ (1795 - 1878) - tướng Pháp, từ 1854 là nguyên soái, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, năm 1851 chỉ huy quân đồn trú Pa-ri, phần tử thuộc phái Bô-na-pác-tơ. - 225, 240.

*Ba-rô* (Barrot), Ô-đi-lông (1791 - 1873) - nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, trước tháng Hai 1848, cầm đầu phái vương triều đối lập tự do chủ nghĩa ; tháng Chạp 1848 - tháng Mười 1849 đứng đầu nội các của liên minh phản cách mạng các phái quân chủ. - 168 - 173, 176, 194 - 197, 208, 227, 230, 238, 239, 250.

*Ba-rô-sơ* (Baroche), Pi-e Giuy-lơ (1802 - 1870) - nhà hoạt động chính trị Pháp, luật gia, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, đại diện của đảng trật tự ; năm 1849 là tổng biện lý toà thượng thẩm ; phần tử Bô-na-pác-tơ, tham gia một loạt nội các trước và sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 203, 217 - 221, 224, 226, 231.

*Bác-ba-rút-xa* - xem *Phri-đrích I. Bác-ba-rút-xa*.

*Bác-be* (Barbes), Ác-măng (1809 - 1870) - nhà cách mạng Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo các hội cách mạng bí mật thời kỳ Quân chủ tháng Bảy ; nhà hoạt động tích cực của cuộc Cách mạng 1848, đại biểu Quốc hội lập hiến, bị kết án tù chung thân vì tham gia vào sự kiện ngày 15 tháng Năm 1848, năm 1854 được ân xá. - 406.

*Bác-bua* (Barbour), Giêm (1831 - 1853) - phạm nhân, bị tử hình vì tội giết người ở Sép-phin. - 670.

*Bác-tê-lê-mi* (Barthélemy), Ê-ma-nu-en (khoảng 1820 - 1855) - công nhân Pháp, theo phái Blăng-ki, tham gia các hội cách mạng bí mật trong thời kỳ Quân chủ tháng Bảy và khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri, sau đó lưu vong sang Anh, một trong những người lãnh đạo hội những người lưu vong Pháp theo phái Blăng-ki ở Luân Đôn, tham gia nhóm phiêu lưu bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ, năm 1855 bị tử hình vì tội hình sự. - 406 - 407.

*Ban-dắc* (Balzac), Ô-nô-rê Đô (1799 - 1850) - nhà văn hiện thực vĩ đại Pháp. - 276.

*Ban-đi-ê-ra* (Bandiera), hai anh em Át-ti-li-ô (1810 - 1844) và Ê-mi-li-ô (1819 - 1844) - hai nhà hoạt động phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a, hai sĩ quan hải quân Áo, hai hội viên của "Nước I-ta-li-a trẻ", bị tử hình vì mưu toan phát động khởi nghĩa ở Ca-la-bri (1844). - 399.

*Bát-ti-a-ni* (Batthyany), Lai-ô-sơ (Lút-vích), bá tước (1809 - 1849) - nhà hoạt động quốc gia Hung-ga-ri, đại diện các nhóm theo chủ nghĩa tự do trong tầng lớp quý tộc Hung-ga-ri; đứng đầu chính phủ Hung-ga-ri (tháng Ba - tháng Chín 1848), thi hành đường lối thoả hiệp với chế độ quân chủ Áo ; bị bắn chết sau khi dàn áp cách mạng. - 720.



*Bát-xơ-man* (Bassermann), Phri-đrích Đa-ni-en (1811 - 1855) - nhà hoạt động chính trị tư sản Đức, theo phái tự do ôn hoà, nghị sĩ Quốc hội Ba-đen ; trong thời gian cuộc cách mạng 1848 - 1849 là đại diện chính phủ Ba-đen bên cạnh Quốc hội hiệp hang, đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa thiên hữu. - 101.

*Bay-ơ* (Bauer), Bru-nô (1809 - 1882) - nhà triết học duy tâm Đức, một trong những nhân vật nổi tiếng nhất của phái "Hê-ghen trẻ", đảng viên đảng cấp tiến tư sản ; sau năm 1866 theo phái tự do dân tộc chủ nghĩa. - 335, 367, 370, 377, 390, 392.

*Bau-ơ* (Bauer), Hen-rích - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức, một trong những người lãnh đạo Liên đoàn những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, làm nghề thợ giày : năm 1851 lưu vong sang Ô-xtơ-rây-li-a. - 733, 739.

*Bay-i* (Bailly), Giăng Xin-vanh (1736 - 1793) - nhà thiên văn học Pháp, nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những người lãnh đạo của giai cấp tư sản lập hiến tự do chủ nghĩa. - 148.

*Bắt-lơ* (Butler), Xa-mu-en (1612 - 1680) - nhà thơ trào phúng Anh, tác giả trường ca "Gu-đi-brác". - 661.

*Be-lin* (Bellew), Ri-sớt Mông-to-xăi-ơ - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, trong những năm 1846 - 1852 là nghị sĩ. - 483.

*Be-ri-ê* (Berryer), Pi-e Ăng-toan (1790 - 1868) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai, là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, thuộc phái Chính thống. - 182, 203, 227, 236, 238, 241, 246.

*Be-rơ* (Baer), Giô-han - vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là người Đức lưu vong ở Luân Đôn, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, người ủng hộ Mác và Ăng-ghen. - 729, 741, 743.

*Bec-mơ-bắc* (Bermbach), A-đôn-phơ (1821 - 1875) - luật sư ở Khuên, nhà dân chủ, đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, người làm chứng bênh vực tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852) ; thông tín viên của Mác, về sau theo chủ nghĩa tự do. - 576, 579, 580, 584.

*Béc-na* (Bernard) - đại tá Pháp, chỉ huy các uỷ ban quân sự tiến hành đàn áp những người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri; sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 là một trong những người tổ chức việc truy tố những người theo phái cộng hoà chống lại phái Bô-na-pác-tơ. - 167.

*Béc-nan* (Bernal), Ran-phơ (chết năm 1854) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo đảng Vích, nghị sĩ; vào những năm 30 - 50 là chủ tịch các uỷ ban của nghị viện. - 483.

*Béc-nan Ô-xboóc-nơ* (Bernal Osborne), Ran-phơ (1808 - 1882) - nhà hoạt động chính trị tự do chủ nghĩa Anh, nghị sĩ, bộ trưởng hải quân (1852 - 1858). - 647, 649.

*Bem* (Bem), Giô-dép (1795 - 1850) - viên tướng người Ba Lan, nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc, người tham gia cuộc khởi nghĩa những năm 1830 - 1831 ; năm 1848 tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng ở Viên ; một trong những nhà lãnh đạo quân đội cách mạng ở Hung-ga-ri ; sau đó phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. - 88, 413.

*Ben-li-ni* (Bellini), Vin-chen-xô (1801 - 1835) - nhà soạn nhạc nổi tiếng I-ta-li-a. - 325.

*Bê-đô* (Bedeau), Ma-ri An-phông-xơ (1804 - 1863) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái cộng hoà tư sản ôn hoà, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là phó chủ tịch Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp. - 177, 226.

*Bê-răng-giê* (Béranger), Pi-e Giăng (1780 - 1857) - nhà thơ dân chủ lớn nhất nước Pháp, tác giả của những tác phẩm trào phúng mang tính chất chính trị. - 281.

*Bê-re-xphót* (Beresford), Uy-li-am (sinh năm 1798) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, nghị sĩ, bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (tháng Ba - tháng Chạp 1852). - 465, 637.

*Bê-rinh* (Baring), Phren-xít (1796 - 1866) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Vích, nghị sĩ, những năm 1839 - 1841 là bộ trưởng tài chính, trong những năm 1849 - 1852 là bộ trưởng hải quân (bộ trưởng hàng hải). - 679.

*Bếch* (Beck), Vin-hem-mi-na (chết năm 1851) - người phụ nữ Áo theo chủ nghĩa phiêu lưu, mạo xưng là nam tước phu nhân chỉ điểm chính trị của Cô-sút ; nhân viên của cảnh sát Áo và Anh. - 139.

*Bếch-cơ* (Becker), B. - người Đức lưu vong ở Mỹ, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là hội viên của Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa. - 743, 744.

*Bếch-cơ* (Becker), Hếc-man Hen-rích (1820 - 1885) - luật gia Đức và nhà chính luận, từ năm 1850 là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong số những người bị buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), bị kết án 5 năm tù; về sau theo phái tự do dân tộc chủ nghĩa. - 294 - 296, 543, 578, 614, 617.

*Bếch-cơ-man* (Beckmann) - đầu những năm 50 thế kỷ XIX là gián điệp của cảnh sát Phổ ở Pa-ri, phóng viên tờ "Kölnische Zeitung" tại Pa-ri. - 566.

*Bếch-cơ-rát* (Beckerath), Hếc-man (1801 - 1870) - chủ ngân hàng Đức, một trong những người đứng đầu giai cấp tư sản vùng Ranh ; đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa thiên hữu ; tháng Tám - tháng Chín 1848 là bộ trưởng tài chính của chính phủ đế chế. - 416.



*Bi-an-ca* (Bianca) - đại diện của tầng lớp quý tộc thành thị, thẩm phán tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545.

*Bi-ô* (Billault), Ô-guy-xtơ A-đôn-phơ Ma-ri (1805 - 1863) - nhà hoạt động chính trị Pháp, luật sư, thuộc phái Ốc-lê-ăng, đại biểu Quốc hội lập hiến (1848 - 1849); sau năm 1849 theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng nội vụ (1854 - 1858). - 230.

*Biếc-nơ-bâu* (Birnbaum), Vin-hem - thư ký hội cứu trợ những người nghèo ở Khuên, người làm chứng bênh vực tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 583, 585.

*Blăng* (Blanc), Lu-i (1811 - 1882) - nhà xã hội chủ nghĩa và nhà sử học tiểu tư sản Pháp; năm 1848 là thành viên của chính phủ lâm thời, chủ tịch Uỷ ban Lúc-xăm-buốc ; đứng trên quan điểm thoả hiệp với giai cấp tư sản, tháng Tám 1848 lưu vong sang Anh, một trong những nhà lãnh đạo giới lưu vong tiểu tư sản ở Luân Đôn. - 13, 145, 405 - 410, 738 - 739.

*Blăng-ki* (Blanqui), Lu-i Ô-guy-xtơ (1805 - 1881) - nhà cách mạng Pháp; theo chủ nghĩa cộng sản không tưởng, người trung thành với sách lược âm mưu, người lãnh đạo Hội bí mật các mùa trong năm, người tổ chức cuộc khởi nghĩa ngày 12 tháng Năm 1839 ; trong thời kỳ cách mạng 1848 đứng ở phe cánh cực tả của phong trào dân chủ và vô sản ở Pháp, nhiều lần bị kết án tù giam. - 154, 406, 407.

*Blếch* (Bleek), Phri-đrích (1793 - 1859) - nhà thần học đạo Tin lành Đức, giáo sư thần học Trường đại học tổng hợp Bon. - 317.

*Blu-um* (Blum), Rô-bớc (1807 - 1848) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, làm nghề nhà báo, cầm đầu cánh tả tại Quốc hội Phran-phuốc ; tháng Mười 1848 tham gia bảo vệ Viên, bị bắn chết sau khi quân đội phản cách mạng chiếm được thành phố. - 95, 107, 406.

*Blin-đơ* (Blind), Các-lơ (1826 - 1907) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen trong những năm 1848 - 1849 ; trong những năm 50 là một trong các lãnh tụ của giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Luân Đôn ; về sau theo phái tự do dân tộc. - 376.

*Blông-đen Đờ Nen* - người hát rong Pháp cuối thế kỷ XII - đầu thế kỷ XIII ; tương truyền là nhà thơ cung đình của vua Anh Ri-sớt Tim sư tử, là người đã giải thoát ông ta khỏi cảnh tù đày của Áo. - 355.

*Bô-mác-se* (Beaumarchais), Pi-e Ô-guy-xtanh (1732 - 1799) - nhà soạn kịch xuất sắc Pháp. - 565.

*Bô-na-pác-tơ* (dòng họ) - triều đại các hoàng đế Pháp (1804 - 1814, 1815 và 1852 - 1870). - 263 - 267, 701.

*Bô-na-pác-tơ* (Bonaparte), Giê-rôm (1784 - 1860) - em trai Na-pô-lê-ông I, vua xứ Ve-xtơ-pha-li (1807 - 1813), từ năm 1850 là nguyên soái. - 490.

*Bô-na-pác-tơ*, Lu-i - xem Na-pô-lê-ông III.

*Bô-na-pác-tơ* (Bonaparte), Pi-e (1815 - 1881) - em họ Na-pô-lê-ông III, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, tham gia phái cộng hoà. - 490.

*Bô-nan* (Bonald), Lu-i Ga-bri-en Âm-broa-dơ, tử tước Đô (1754 - 1840) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ, một trong những nhà tư tưởng của bọn phản động quý tộc và tăng lữ trong thời kỳ phục tích. - 27.

*Bôi-ác-đô* (Boiardo), Ma-tê-ô Ma-ri-a (1434 - 1484) - nhà thơ I-ta-li-a thời phục hưng; tác giả trường ca "Rô-lăng yêu đương". - 378, 428, 435, 450.

*Bốp-xin* (Bobzin), Phri-đrích Hen-rích Các-lơ (sinh năm 1826) - thợ thủ công Đức, năm 1847 là hội viên Hội công nhân Đức ở Bruy-xen ; tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong ở Luân Đôn ; cùng với Stơ-ru-vơ lãnh đạo Hội dân chủ - tư sản những người Đức lưu vong ở Luân Đôn. - 387.

*Bơ-noa Đa-di* (Benoît d'Azy), Đê-ni (1796 - 1880) - nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà tài chính và nhà công nghiệp, phó chủ tịch Quốc hội lập pháp (1848 - 1851), theo phái chính thống. - 230, 236.

*Bớc-cli* (Berkeley), Phren-xít Hen-ri Phít-zơ-hác-đinh (1794 - 1870) - nhà hoạt động chính trị tự do chủ nghĩa Anh, nghị sĩ. - 470 - 471.

*Bớc-nơ* (Börne), Lút-vích (1786 - 1837) - nhà chính luận và nhà phê bình Đức; một trong những đại biểu nổi tiếng của phe đối lập cấp tiến tiểu tư sản, đến cuối đời là người ủng hộ chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo. - 382.

*Brai-tơ* (Bright), Giôn (1811 - 1889) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những lãnh tụ của phái mậu dịch tự do và một trong những người sáng lập ra Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc, từ cuối những năm 60 là một trong những lãnh tụ của đảng tự do, giữ một loạt chức vụ bộ trưởng trong nội các của đảng tự do. - 288, 484, 516, 626, 646, 651, 684 - 688.

*Bram-men* (Bramsen) - linh mục Anh. - 710.

*Brao-sơ-vai-gơ* (Braunschweig), Các - Phri-đrích - Au-gu-xtơ - Vin-hem (1804 - 1873) - công tước ở Brao-svai-gơ từ năm 1823, bị lật đổ vào đầu tháng Chín 1830, lưu vong ra nước ngoài ; định nhờ sự ủng hộ của một số quốc gia ở châu Âu giành lại chính quyền; trong những năm 40 - 50 duy trì mối liên hệ với các phần tử dân chủ trong giới lưu vong, xuất bản tờ "Deutsche Londoner Zeitung". - 365, 385, 414.

*Bren-ta-nô* (Brentano), Lô-ren-xơ (1813 - 1891) - nhà dân chủ tiểu tư sản ở Ba-đen, làm nghề luật sư; năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời ở Ba-đen, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ lưu vong sang Thuỵ Sĩ, sau đó sang Mỹ. - 130, 361, 364, 376, 379, 423, 426 - 428, 448.



*Brô-tác-tôn* (Brotherton), Giô-dép (1783 - 1857) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái mậu dịch tự do, người ủng hộ cuộc cải cách chế độ bầu cử; nghị sĩ. - 685.

*Brôi* (Broglie), A-sin Sắc-lơ Lê-ông Vích-to, công tước (1785 - 1870) - nhà hoạt động quốc gia Pháp, thủ tướng (1835 - 1836), đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), theo phái Óc-lê-ăng. - 203, 238.

*Bru-tút* (Mác-cút Giu-ni-út Bru-tút) (khoảng 85 - 42 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, một trong những người khởi xướng vụ âm mưu mang tính chất cộng hoà quý tộc chống I-u-li-út Xê-da. - 146, 443, 600.

*Bruy-ghê-man* (Brüggemann), Các Hen-rích (1810 - 1887) - nhà chính luận tư sản Đức, theo chủ nghĩa tự do ; trong những năm 1845 - 1855 là tổng biên tập báo "Kölnische Zeitung". - 378.

*Buê-rit* (Burritt), Ê-li-hiu (1810 - 1879) - nhà ngôn ngữ học Mỹ, nhà từ thiện và người theo chủ nghĩa hoà bình tư sản, người tổ chức một loạt hội nghị hoà bình quốc tế. - 392.

*Bun* (Buhl), Lút-vích (1814 - đầu những năm 80) - nhà chính luận Đức, theo phái "Hê-ghen trẻ". - 421.

*Bun-đen* (Bunsen), Cri-xchi-an Các-lơ I-ô-di-át, bá tước (1791 - 1860) - nhà ngoại giao Phổ, nhà chính luận và nhà thần học, người thân cận của giới cung đình Phổ ; đại sứ ở Luân Đôn (1842 - 1854). - 729.

*Bước-bông* - triều vua ở Pháp (1589 - 1792, 1814 - 1815 và 1815 - 1830). - 169, 179, 232, 234, 237, 241, 264.

*Buy-sơ* (Bucher), Lô-tác (1817 - 1892) - quan chức Phổ, nhà chính luận ; năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc phái giữa thiên tả; sau thất bại của cuộc cách mạng 1848 - 1849 lưu vong ở Luân Đôn; về sau theo phái tự do - dân tộc, người ủng hộ Bi-xmác. - 405, 409, 439.

*Buyếc-ghéc-xơ* (Bürgers), Hen-rích (1820 - 1878) - nhà chính luận cấp tiến Đức, cộng tác viên của tờ "Rheinische Zeitung" (1842 - 1843), năm 1848 là thành viên chi bộ Khuên thuộc Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người biên tập tờ "Neue Rheinische Zeitung" ; từ năm 1850 là uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, bị kết án tù 6 năm trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852) ; về sau theo đảng tiến bộ. - 294, 543, 544 - 545, 613, 624.

C

*Ca-bê* (Cabet), Ê-chiên (1788 - 1856) - nhà chính luận Pháp, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cộng sản hoà bình không tưởng, tác giả cuốn "Cuộc hành trình tới I-ca-ri". - 406.

*Ca-li-gu-la* (12 - 41) - hoàng đế La Mã (37 - 41). - 172.

*Ca-ninh* (Canning), Giốc-giơ (1770 - 1827) nhà hoạt động quốc gia và nhà ngoại giao Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng To-ri; bộ trưởng ngoại giao (1807 - 1809; 1822 - 1827), thủ tướng (1827). - 281. 677.

*Ca-pơ-rông* (Caperon) - người Pháp lưu vong, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là uỷ viên ban chấp hành hội những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki ở Luân Đôn. - 404.

*Ca-ti-li-na* (Lu-xi-út Xéc-gi-út Ca-ti-li-na) (khoảng 108, 62 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, thuộc giới quý tộc, người tổ chức vụ mưu phản chống lại nền cộng hoà cùng giới quý tộc. - 520, 608.

*Ca-ve-nhắc* (Cavaignac), Lu-i Ơ-gien (1802 - 1857) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị người Pháp, phần tử cộng hoà tư sản ôn hoà; tham gia cuộc xâm chiếm An-giê-ri ; sau Cách mạng tháng Hai 1848 là thống đốc An-giê-ri, có đặc điểm là dùng những biện pháp tàn bạo để tiến hành chiến tranh; từ tháng Năm 1848 là bộ tướng chiến tranh của Pháp, đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri hết sức tàn bạo; người nắm quyền hành pháp (tháng Sáu - tháng Chạp 1848). - 76, 160, 166, 167, 177, 228, 244, 255, 303.

*Các-đu-en* (Cardwell), Ét-uốt (1813 - 1886) - nhà hoạt động quốc gia người Anh, một trong những thủ lĩnh của phái Pin, sau này theo phái tự do ; bộ trưởng thương nghiệp (1852 - 1855), bộ trưởng phụ trách những vấn đề về Ai-rơ-len (1859 - 1861), bộ trưởng thuộc địa (1864 - 1866) và bộ trưởng chiến tranh (1868 - 1874). - 458, 484.

*Các-li-ê* (Carlier), Pi-e (1799 - 1858) - cục trưởng cảnh sát Pa-ri (1849 - 1851), theo phái Bô-na-pác-tơ. - 197, 213, 220, 251, 555 - 557, 562.

*Cam-pơ-hau-den* (Camphausen), Lu-đôn-phơ (1803 - 1890) - chủ ngân hàng người Đức, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; từ tháng Ba đến tháng Sáu 1848 là thủ tướng Phổ, thi hành chính sách phản lội thoả hiệp với bọn phản động. - 55, 59, 68, 98, 361.

*Can-tơ* (Kant), I-ma-nu-en (1724 - 1804) - nhà triết học nổi tiếng người Đức, người sáng lập ra chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX. - 341, 672.

*Cau-lơ-bắc* (Kaulbach), Vin-hem (1805 - 1874) - hoạ sĩ nổi tiếng người Đức. - 444.

*Cêm-brit-giơ* (Cambridge), Giốc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Sác-lơ, công tước (1819 - 1904) - tướng người Anh, tham gia cuộc chiến tranh Crưm, (1856 - 1895), tổng chỉ huy quân đội Anh. - 470.

*Chi-e* (Thiers), A-đôn-phơ (1797 - 1877) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động quốc gia Pháp, thủ tướng (1836, 1840) ; trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, theo phái Óc-lê-ăng ; tổng thống nền cộng hoà (1871 - 1873), tên đao phủ đối với Công xã Pa-ri. - 173, 182, 184, 189, 203, 227, 237, 239, 243, 246, 250, 253 - 255, 701.

*Cla-ren-đôn* (Clarendon), Giốc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích *Vi-li-ê-xơ*, bá tước (1800 - 1870) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Vích, sau này thuộc đảng tự do; toàn quyền xứ Ai-rơ-len (1847 - 1852), đàn áp tàn bạo cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len năm 1848 ; bộ trưởng ngoại giao (1853 - 1858, 1865 - 1866 và 1868 - 1870). - 650, 708.

*Clai-nơ* (Klein), Giô-han Gia-cốp (sinh khoảng 1818) - bác sĩ ở Khuên, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người bị buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852) ; được toà hội thẩm xử trắng án. - 294, 295.

*Clai-nơ* (Klein), I-u-li-út Lê-ô-pôn (1810 - 1876) - nhà soạn kịch Đức và nhà phê bình sân khấu, thuộc phái Hê-ghen trẻ. - 421.

*Clau-dơ-vit-xơ* (Clausewitz), Các (1780 - 1831) - tướng Phổ và nhà lý luận quân sự tư sản bậc nhất ; trong những năm 1812 - 1814 phục vụ trong quân đội Nga. - 386.

*Clau-ren* (Clauren), Hen-rích (bút danh của Các-lơ *Hôi-nơ*) (1771 - 1854) - nhà văn Đức, tác giả những tiểu thuyết tình cảm. - 327, 336.

*Clê-men-tơ* (Clement), Knút Giung-bôn (1803 - 1873) - nhà sử học Đức và nhà ngôn ngữ học, giáo sư Trường đại học tổng hợp Ki-li-a. - 394.

*Clô-đơ* (10 trước công nguyên - 54 sau công nguyên) - hoàng đế La Mã (41 - 54). - 681.

*Clốp-stốc* (Klopstock), Phri-đrích Gốt-líp (1724 - 1803) - nhà thơ Đức, một trong những đại biểu đầu tiên của phái Khai sáng tư sản ở Đức. - 317.

*Clút-xơ* (Cluß), A-đôn-phơ (chết sau năm 1889) - kỹ sư Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, năm 1848 là thư ký Hội giáo dục công nhân ở Mai-nơ-txơ, năm 1849 lưu vong sang Mỹ, trong những năm 50 thường xuyên trao đổi thư từ với Mác và Ăng-ghen, cộng tác với một số tờ báo dân chủ Đức, Anh và Mỹ. - 740, 741.

*Coóc-nu-ô-lơ Lu-ít*, Giốc-giơ - xem *Lu-ít*, Giốc-giơ Coóc-nu-ô-lơ

*Coóc-tum* (Kortum), Các-lơ Ác-nôn (1745 - 1824) - nhà thơ và nhà văn Đức ; nổi tiếng vì là tác giả cuốn "I-ốp-xi-át". - 391.

*Cô-lét* (Collet), Cô-lét Đốp-xơn - nhà báo cấp tiến và nhà hoạt động xã hội Anh. - 729.

*Cô-si-đi-e* (Caussidiere), Mác (1808 - 1861) - nhà dân chủ tiểu tư sản Pháp, tham gia cuộc khởi nghĩa Ly-ông năm 1834 ; một trong những người tổ chức các hội cách mạng bí mật trong thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy; sau cách mạng tháng Hai 1848 là cảnh sát trưởng ở Pa-ri, đại biểu Quốc hội lập hiến ; tháng Sáu 1848 lưu vong sang Anh. - 145.

*Cô-sút* (Kossuth). La-i-ốt (Lút-vích) (1802 - 1894) - lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc Hung-ga-ri, lãnh đạo những phần tử dân chủ tư sản trong cuộc cách mạng 1848 - 1849, đứng đầu chính phủ cách mạng Hung-ga-ri ; sau khi cách mạng thất bại lưu vong khỏi Hung-ga-ri ; đầu những năm 50 đi tìm sự ủng hộ trong các nhóm thuộc phái Bô-na-pác-tơ. - 379, 381, 406, 450, 489 - 491, 523, 635, 689, 695, 697, 698, 714, 719, 720, 723.

*Cô-tết-xơ* (Kothes), D. - thương nhân ở Khuên, nhà dân chủ; nhân chứng để bênh vực tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 575 - 579, 586.

*Cô-txê-bu* (Kotzebue), Au-gu-xtơ (1761 - 1819) - nhà văn phản động Đức và nhà chính luận. - 330.

*Cốc* (Kock), Pôn Đơ (khoảng 1794 - 1871) - nhà văn tư sản Pháp, tác giả những cuốn tiểu thuyết giải trí rẻ tiền. - 317.

*Côn-hai-mơ* (Cohnheim), Mác-xơ - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen những năm 1848 – 1849; sau khi cách mạng thất bại lưu vong khỏi Đức. - 387.

*Công-xtăng* (Constant), Ben-gia-manh (1767 - 1830) - nhà hoạt động chính trị tư sản tự do Pháp, nhà chính luận và nhà văn. - 147.

*Cốp-bét* (Cobbett), Uy-li-am (1762 - 1835) - nhà hoạt động chính trị Anh và nhà chính luận, đại biểu có tiếng của phái cấp tiến tiểu tư sản, đấu tranh vì sự dân chủ hoá chế độ chính trị Anh. - 674.

*Cốp-đen* (Cobden), Ri-sớt (1804 - 1865) - chủ xưởng Anh, nhà hoạt động chính trị tư sản, một trong những thủ lĩnh phái mậu dịch tự do và một trong những người sáng lập Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc; nghị sĩ. - 288, 392, 626, 634, 670, 673, 674, 702, 714, 721 - 722.

*Cơ-náp* (Knapp), An-be (1798 - 1864) - nhà thơ Đức, tác giả những bài thánh ca và những bài ca chính thức, thuộc phái kiến thành. - 324, 348.

*Cru-mơ* (Cramer), Các Gốt-lốp (1758 - 1817) - nhà văn Đức, tác giả những cuốn tiểu thuyết phiêu lưu. - 327.

*Crun-nốc-thơ* (Cranworth), Rô-bớc Môn-xi *Rôn-phơ*, nam tước (1790 - 1868) - nhà hoạt động quốc gia Anh và luật sư, thuộc đảng Vích, đại pháp quan (1852 - 1858 và 1865 - 1866). - 700.

*Crâu-phớt* (Crawford), Uy-li-am *Sếc-men* (1781 - 1861) - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, thuộc phái cấp tiến tư sản, ủng hộ phái Hiến chương; tham gia thành lập Đồng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền, nghị sĩ. - 683.

*Crây-gơ* (Craig), Uy-li-am *Ghíp-xơn* (1797 - 1878) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng tài chính (1846 - 1852). - 483.

*Crê-tông* (Creton), Ni-cô-la Giô-dép (1798 - 1864) - trạng sư Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, theo phái Ôóc-lê-ăng. - 234.

*Crơi-xlơ* (Kräusler) - giáo sư Phổ, bồi thẩm tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545.

*Crô-xli* (Crossley), Phren-xít (1817 - 1872) - chủ xưởng Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản, nghị viên. - 467, 471.

*Crôm-oen* (Cromwell), Ô-li-vơ (1599-1658) - lãnh tụ giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc đã tư sản hoá trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, từ năm 1653 là quan nhiếp chính ở Anh, Xcốt-len và Ai-rơ-len. - 147, 254, 255, 433.

*Cru-gơ* (Krug), Vin-hem Tơ-rau-gốt (1770 - 1842) - nhà triết học duy tâm Đức. - 412.

*Crum-ma-khơ* (Krummacher), Phri-đrích Vin-hem (1796 - 1868) - giáo sĩ Đức, mục sư theo thuyết Can-vanh, đứng đầu phái kiến thành ở Vúp-pơ-tan. - 335.

*Cu-danh* (Cousin), Vích-tơ (1792 - 1867) - nhà triết học duy tâm Pháp, theo chủ nghĩa chiết trung. - 147.

*Cúc* (Coocke), Giốc-giơ Uyn-grốp (1814 - 1865) - nhà sử học tự do và nhà báo Anh. - 455.

## D

*Dắc-cơ* (Sack), Các Hen-rích (1789 - 1875) - nhà thần học đạo Tin lành người Đức, giáo sư ở Bon. - 317.

*Đếch-ken-đoóc-phơ* (Seckendorf), Au-gu-xtơ Hen-rích Ê-đu-ác Phri-đrích, nam tước (1807 - 1885) - luật gia, quan chức toà án nổi tiếng người Phổ ; năm 1849 là nghị sĩ của nghị viện thứ hai, thuộc phái giữa, kẻ buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 543, 546, 547, 571, 585, 586, 591, 621, 623.

*Đết-tơ* (Saedt), Ốt-tô Giô-dép Ác-nôn (1816 - 1886) - quan chức toà án Phổ, từ năm 1848 là công tố viên ở Khuên, kẻ buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 543, 546, 547, 565, 571, 586, 605, 619 - 623.

*Đi-ghen* (Sigel), An-be (1827 - 1884) - sĩ quan ở Ba-đen, nhà báo, theo phái dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen năm 1848 - 1849 ; vào năm 1853 sang sống lưu vong ở Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến đứng về phía những người phương Bắc. - 443, 447 - 448.

*Đi-ghen* (Sigel), Phran-txơ (1824 - 1902) - sĩ quan ở Ba-đen, theo phái dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen những năm 1848 - 1849, tổng chỉ huy, sau đó là phó tổng chỉ huy quân đội cách mạng Ba-đen trong thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849 ; sau đó sống lưu vong ở Thuỵ Sĩ và Anh; năm 1852 rời sang Mỹ và tích cực tham gia cuộc Nội chiến đứng về phía những người phương Bắc; anh của Đi-ghen An-be. - 131, 421, 424 - 428, 430, 436, 438, 442, 443, 446 - 448.

## Đ

*Đa-ni-en-xơ* (Daniels), A-ma-li-a (1820 - 1895) - vợ của Rô-lan Đa-ni-en-xơ. - 581, 584, 619.

*Đa-ni-en-xơ* (Daniels), Rô-lan (1819 - 1855) - bác sĩ Đức, từ năm 1850 là uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản ở Khuên, một trong số các bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), được toà bồi thẩm xử trắng án. - 294, 295, 543, 581, 584, 619.

*Đa-ra-sơ* (Darasz), An-be (1808 - 1852) - nhà hoạt động trong phong trào giải phóng dân tộc Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830 - 1831, nhà hoạt động tích cực trong các tổ chức dân chủ của giới lưu vong Ba Lan, uỷ viên Ban chấp hành trung ương phong trào dân chủ châu Âu. - 389, 411.

*Đa-vít* (cuối thế kỷ XI - nửa đầu thế kỷ X trước công nguyên) - hoàng đế I-xra-en cổ, đã trở thành nhân vật truyền thống trong kinh thành. - 190.

*Đam* (Damm) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức; năm 1849 là chủ tịch Quốc hội lập hiến Ba-đen ; về sau sang Anh sống lưu vong. - 440.

*Đan-đát-xơ* (Dundas), Đa-vít (1799 - 1877) - nhà hoạt động chính trị Anh theo chủ nghĩa tự do, luật gia, thẩm phán, tổng trạng sư. - 483.

*Đan-hu-di* (Dalhousie), Giêm-xơ En-đơ-ri-u *Ram-đi*, hầu tước (1812 – 1860) nhà hoạt động quốc gia Anh, theo phái Pin, toàn quyền Ấn Độ (1848 - 1856), thi hành chính sách xâm chiếm thuộc địa. - 513.

*Đan-man* (Dahlmann), Phri-đrích Cri-xtốp (1785-1860) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động chính trị người Đức, theo chủ nghĩa tự do, vào những năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa thiên hữu. - 35.

*Đan-rim-plơ* (Dalrymple), Giôn (1726 - 1810) - luật gia và nhà sử học người Xcốt-len, tác giả cuốn "Khái luận về thông sử của chế độ sở hữu phong kiến ở Anh". - 668.

*Đan-tơ A-li-ghi-e-ri* (Dante Alighieri) (1265 - 1321) - nhà thơ vĩ đại I-ta-li-a. - 728.

*Đáp-phi* (Duffy), Sác-lơ Ha-van (1816 - 1903) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận người Ai-rơ-len, một trong những người lãnh đạo tổ chức "Nước Ai-rơ-len trẻ" và là một trong những người sáng lập ra Đảng minh bảo vệ quyền lợi của tá điền, nghị sĩ; năm 1855 lưu vong sang Ô-xtơ-rây-li-a, tại đây giữ một số chức vụ nhà nước. - 651, 706.

*Đăng-tông* (Danton); Giooc-giơ Giắc-ơt (1759 - 1794) - một trong những nhà hoạt động nổi tiếng trong cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ của cánh hữu phái Gia-cô-banh. - 123, 145, 146.

*Đen-la Rốc-cô* (Della Rocco) - người I-ta-li-a lưu vong, bạn chiến đấu của Mát-đi-ni. - 697.



*Đê-mô-xten* (384 - 322 trước công nguyên) - nhà hùng biện và nhà hoạt động chính trị nổi tiếng thời trung cổ; lãnh tụ của đảng chống Ma-xê-đôn ở A-ten, người theo phái dân chủ chủ nô; sau khi liên minh A-ten thất bại trong cuộc chiến tranh chống Ma-xê-đôn (338 trước công nguyên) thì bị trục xuất khỏi A-ten. - 377.

*Đê-mu-lanh* (Desmoulins), Ca-mi-lơ (1760 - 1794) - nhà chính luận Pháp, nhà hoạt động trong cuộc cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, phần tử Gia-cô-banh phái hữu. - 146.

*Đi-đơ-rô* (Diderot), Đê-ni (1713 - 1784) - nhà triết học lỗi lạc người Pháp, đại biểu của chủ nghĩa duy vật máy móc, một người vô thần, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp, nhà khai sáng, người đứng đầu nhóm làm bách khoa toàn thư. - 361.

*Đi-xra-e-li* (Disraeli), Ben-gia-min, bá tước *Bi-con-xphin* (1804 - 1881) - nhà hoạt động quốc gia và nhà văn người Anh, một trong những thủ lĩnh của đảng To-ri, về sau là thủ lĩnh của đảng bảo thủ, bộ trưởng tài chính (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868), thủ tướng (1868 và 1874 - 1880). - 483, 502, 626 - 630, 633, 638 - 641, 645, 693, 695, 700 - 704.

*Đích-ken-xơ* (Dickens), Sác-lơ (1812 - 1870) - nhà văn hiện thực kiệt xuất người Anh. - 356.

*Đít-xơ* (Dietz), Ô-xvan-đơ (khoảng 1824 - 1864) - kiến trúc sư người Đức ở thành phố Vi-xba-đen, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849, sống lưu vong ở Luân Đôn, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn có sự phân liệt thì theo nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích-Sáp-pơ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương phái này; về sau tham gia Nội chiến ở Mỹ. - 404, 526, 532, 550 - 553, 559, 562 - 563, 565, 567, 574, 580, 583, 585, 614.

*Đô-blo-hốp* (Dobl'hoff), An-tôn, nam tước (1800 - 1872) - nhà hoạt động quốc gia người Áo, theo phái tự do ôn hoà, năm 1848 là bộ trưởng thương mại (tháng Năm) và bộ trưởng nội vụ (tháng Bảy - tháng Mười). - 82.

*Đốt-xơn* (Dodson), Giôn (1780 - 1858) - thẩm phán người Anh. - 705.

*Đờ Me-xtơ-rơ* (De Maistre), Giô-dép (1753 - 1821) - nhà văn Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ, một trong những nhà tư tưởng của giới quý tộc và tăng lữ phản động, là kẻ tử thù của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 27.

*Đơ Phlốt* (De Flotte), Pôn (1817 - 1860) - sĩ quan hải quân Pháp, nhà dân chủ và xã hội chủ nghĩa, môn đồ của Blăng-ki, tích cực tham gia sự kiện ngày 15 tháng Năm và cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri, đại biểu Quốc hội lập pháp (1850 - 1851). - 203.

*Đớc-bi* (Derby). Ê-đu-ác, Giooc-giơ Giê phri Xmít *Xten-li*, bá tước (1799 - 1869) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thủ lĩnh đảng To-ri, về sau là một trong những thủ lĩnh của đảng bảo thủ; thủ tướng (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868). - 467, 474, 482 - 483, 487, 505 - 507, 513 - 518, 641, 644 - 647, 651, 691.

*Đrơn-ke* (Dronke), Éc-nơ-xtơ (1822 - 1891) - nhà chính luận Đức, lúc đầu theo "chủ nghĩa xã hội chân chính", về sau là thành viên Liên đoàn những người cộng sản và là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" ; sau cuộc cách mạng 1848 - 1849, lưu vong sang Anh; là người ủng hộ Mác và Ăng-ghen trong thời gian có sự phân liệt trong Liên đoàn những người cộng sản; về sau từ bỏ hoạt động chính trị. - 599 - 603, 741, 743.

*Đu-lông* (Dulon), Ru-đôn-phơ (1807 - 1870) - mục sư người Đức, theo nhóm giáo hội chính thống đối lập của phong trào "Những người bạn của ánh sáng" ; năm 1853 sang Mỹ sống lưu vong. - 373, 389, 390.

*Đuy-panh* (Dupin), Ăng-drê, Ma-ri Giăng Giắc-cơ (1783 - 1865) - luật gia và nhà hoạt động chính trị người Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, đại biểu Quốc hội lập hiến (1848 - 1849) và chủ tịch Quốc hội lập pháp, (1849-1851); sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ. – 213, 218.

*Duy-pơa* (Dupart), Pa-xcan (1815 - 1885) - nhà hoạt động chính trị, nhà báo Pháp theo phái cộng hòa tư sản; trong thời kỳ cộng hòa thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, đấu tranh chống Lu-i Bô-na-pác-tơ. - 220, 222.

*Duy-sa-ten* (Duchâtel), Sác-lơ (1803 - 1867) - nhà hoạt động quốc gia người Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, bộ trưởng nội vụ (1839 - 1840, 1840 - tháng Hai 1848). - 237, 372.

## E

*E-xcô-ba-i - Men-đô-xa* (Escobar y Mendoza), An-tô-ni-ô (1589 - 1669) - người truyền giáo Tây Ban Nha, theo phái dòng Tên. - 648.

*Ét-uốt* (Edwards), Hen-ri - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, nghị viên (1847 - 1852). - 467.

## Ê

*Ê-ca-tê-ri-na II* (1729 - 1796) - nữ hoàng Nga (1762 - 1796). - 721.

*Ê-đíp* (thế kỷ thứ VI trước công nguyên) - nhà văn ngụ ngôn cổ Hy Lạp gần như thần thoại. - 150.

*Ê-sli* (Ashley), An-tô-ni *Ca-pơ*, từ năm 1851 là bá tước *Sếp-xbe-ri* (1801 -1885) - nhà hoạt động chính trị Anh, trong những năm 40 lãnh đạo nhóm những nhà từ thiện đảng To-ri ở nghị viện, từ năm 1847 thuộc đảng Vích. - 710.



*Ếch-ca-ri-út* (Eccarius), I-ô-han Ghê-oóc (1818 - 1889) - công nhân may Đức, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế, thành viên Liên đoàn những người chính nghĩa, sau đó là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, uỷ viên Tổng hội đồng Quốc tế I, sau này tham gia phong trào công liên Anh. - 733, 735, 738 - 741, 743.

*Ếch-ca-ri-út* (Eccarius), I-ô-han Phri-đrích - công nhân may Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản ; từ năm 1851 sống lưu vong ở Luân Đôn, trong thời gian Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt là người đứng về phía Mác và Ăng-ghen; em trai người kể trên. - 740, 741, 743.

## G

*Ga-li-lê* (Galilei), Ga-li-lê-ô (1564 - 1642) - nhà vật lý học và thiên văn học vĩ đại I-ta-li-a, người sáng lập nên các nguyên lý cơ học, người chiến sĩ đấu tranh cho thế giới quan tiên tiến, - 623.

*Ga-ri-ban-đi* (Garibaldi), Giu-dép-pơ (1807 - 1882) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ, lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a ; vào năm 1848 cầm đầu đội quân tình nguyện, đứng về phía quân đội Pi-ê-mông, chiến đấu quên mình trong cuộc chiến tranh chống Áo ; là người tổ chức chính việc phòng thủ nước Cộng hoà La Mã vào tháng Tư - tháng Sáu 1849 ; trong những năm 50 - 60 lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân I-ta-li-a vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước. - 399, 406.

*Ga-vát-xi* (Gavazzi), A-lếch-xan-đrô (1809 - 1889) - linh mục I-ta-li-a, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a ; sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Anh, tuyên truyền chống giáo hội thiên chúa và quyền lực thế tục của giáo hoàng ; về sau là bạn chiến đấu của Ga-ri-ban-đi. - 412.

*Gai-gơ* (Geiger), Vin-hem Ác-nôn - quan chức cảnh sát Phổ, năm 1848 là dự thẩm viên, sau đó là giám đốc cảnh sát ở Khuên. - 575.

*Gam-mét-giơ* (Gammage), Rô-bớt Gióoc-giơ (1815 - 1888) - nhà hoạt động của phong trào Hiến chương, làm nghề đóng yên ngựa và đóng giầy, tác giả của tác phẩm "Lịch sử phong trào Hiến trương" (1854). - 521.

*Ghéc-hác* (Gerhardt), I. - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX sống lưu vong ở Mỹ, chủ tịch uỷ ban trợ giúp những người bị kết án ở Khuên và gia đình họ. - 740, 741.

*Ghéc-vi-nút* (Gervinus), Ghê-oóc Gốt-phrít (1805 - 1871) - nhà sử học tư sản Đức, theo chủ nghĩa tự do ; từ năm 1844 là giáo sư ở Hai-đen-bớc ; năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc. -36.

*Ghê-bác* (Gebert), Au-gu-xtơ - thợ mộc ở Mếch-clen-bua, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản ở Thuỵ Sĩ, sau đó chuyển đến Luân Đôn, sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của phái này. - 404, 615, 617.

*Ghi-dô* (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787 - 1874) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động quốc gia Pháp, từ năm 1840 đến cuộc cách mạng tháng Hai 1848 lãnh đạo trên thực tế chính sách đối nội và đối ngoại, đại biểu cho lợi ích của giai cấp tư sản tài chính. - 147, 163, 237, 238, 261, 276, 579.

*Ghi-đơ*, công tước - xem *Hen-rích II Lo-ren-nơ*.

*Ghi-pe-rích* (Gipperich), Giô-dép - thợ may Đức, thành viên của một trong những chi bộ ở Pa-ri thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ sau khi trong Liên đoàn những người cộng sản có sự phân liệt, một trong các bị cáo ở cái gọi là âm mưu Đức - Pháp ở Pa-ri vào tháng Hai 1852 ; về sau sang Anh sống lưu vong. - 560, 561, 569, 570 - 571.

*Ghíp-xơn* (Gibson), Tô-mát *Min-nơ* (1806 - 1884) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo phái mậu dịch tự do, về sau theo chủ nghĩa tự do ; bộ trưởng thương mại (1859 - 1865 và 1865 - 1866). - 484, 685, 687.

*Gi-rác-đanh* (Girardin), Ê-phin Đờ (1804 - 1855)- nữ nhà văn Pháp, vợ của Ê-min Đờ Gi-rác-đanh. - 277.

*Gi-rác-đanh* (Girardin), Ê-phin Đờ (1806 - 1881) - nhà chính luận tư sản và nhà hoạt động chính trị Pháp, vào những năm 30 - 60, có những thời kỳ gián đoạn, làm biên tập viên cho tờ báo "Presse", trong chính trị có đặc điểm là bất sức vô nguyên tắc ; trước cuộc cách mạng 1848 theo phái đối lập với chính phủ Gi-dô, trong thời kỳ cách mạng là phần tử cộng hoà tư sản ; đại biểu Quốc hội lập pháp (1850 - 1851) ; sau này theo phái Bô-na-pác-tơ. - 222, 392.

*Gi-rô* (Giraud), Sác-lơ Giô-dép Bác-tê-lê-mi (1802 -1881) - luật gia người Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ, bộ trưởng giáo dục (1851). - 252.

*Gia-cô-bi* (Jacobi), A-bra-ham (sinh năm 1832) - bác sĩ Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người bị buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), được toà bồi thẩm xử trắng án ; về sau lưu vong sang Mỹ. - 294, 295.

*Gia-cô-bi* (Jacoby), I-ô-han (1805 - 1877) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Đức, nhà dân chủ tư sản; năm 1848 là một trong những thủ lĩnh cánh tả ở Quốc hội Phổ ; năm 1849 là nghị sĩ nghị viện thứ hai; thuộc cánh tả cực đoan; trong những năm 70 gia nhập phái dân chủ - xã hội. - 406.

*Gia-cốp I* (1566 - 1625) - vua Anh (1603 - 1625). - 681.

*Gia-cốp II* (1633 - 1701) - vua Anh (1685 - 1688). - 690.



*Gia-u-pơ* (Jaup), Hen-rích Các-lơ (1781 - 1860) - luật sư Đức, theo phái tự do, cầm đầu chính phủ ở Hết-xen - Dác-mơ-stát (1848 - 1850), chủ tịch đại hội hoà bình chủ nghĩa ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ tháng Tám 1850. - 392.

*Gioăng-vin* (Joinville), Phrăng-xoa Phốc-đi-năng Phi-líp Lu-i Ma-ri, công tước *Óc-lê-ăng*, hoàng tử (1818 - 1900) - con trai của Lu-i - Phi-líp, sau khi cuộc cách mạng tháng Hai 1848 thắng lợi, đã sang sống lưu vong ở Anh. - 237 - 238, 250.

*Gióoc-giơ III* (1738 - 1820) - vua Anh (1760 - 1820). - 716.

*Giô-xtơ* (Joest), Các-lơ - chủ xưởng ở Khuên, thẩm phán tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545.

*Giôn-xơ* (Jones), Ét-ne-xtơ Sác-lơ (1819 - 1869) - nhà hoạt động xuất sắc trong phong trào công nhân Anh, nhà thơ và nhà chính luận vô sản, một trong những lãnh tụ của phái Hiến chương cánh tả, một trong những biên tập viên của báo "Northern Star", chủ bút tờ "Notes to the People" và "People's Paper"; bạn của Mác và Ăng-ghen. - 467 - 471, 473, 521, 646, 740, 741, 743.

*Giôn-xơ* (Jones), Uy-li-am (khoảng 1808 - 1873) - thợ chữa đồng hồ người Anh, theo phái Hiến chương, một trong những người tổ chức cuộc khởi nghĩa của công nhân mỏ ở Oen-xơ năm 1839 ; bị kết án tù chung thân ở Ô-xtơ-rây-li-a. - 470.

*Giun-kếc-man* (Jukermann) - thanh tra cảnh sát ở Crê-phen, nhân chứng tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 606, 607.

*Glát-xtôn* (Gladstone), Uy-li-am I-u-át (1809 - 1898) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo phái bảo thủ, sau theo phái Pin, vào nửa sau thế kỷ XIX là một trong các lãnh tụ đảng tự do ; bộ trưởng tài chính (1852 - 1855 và 1859 - 1866) và thủ tướng (1868 - 1874, 1880 - 1885, 1886, 1892 - 1894). - 358, 486, 514, 648, 661, 679.

*Gô-chi-ê Cùng khổ* (hay là Van-tê Hô-li-ác) (chết năm 1096) - hiệp sĩ Pháp, một trong những lãnh tụ đội quân nông dân Pháp trong cuộc thập tự chinh lần thứ nhất (1096 - 1099). - 432. 433.

*Gô-giốp-xki* (Gorzowski), Ta-đê-u-sơ - người Ba Lan lưu vong, thành viên Hội dân chủ Ba Lan. - 490.

*Gôn-hai-mơ* (Goldheim) - sĩ quan cảnh sát Phổ, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là nhân viên mật vụ của cảnh sát Phổ ở Luân Đôn. - 546, 577, 584 - 591, 596 – 602, 607.

*Gốt-phrít Xtơ-ra-xbua* (cuối thế kỷ XII - đầu thế kỷ XIII) - nhà thơ Đức thời trung cổ, tác giả của trường ca hiệp sĩ "Tri-xtan và I-dôn-đa". - 323, 327, 328.

*Gơ-tơ* (Goethe), I-hô-han Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức. - 152, 318, 321, 322, 328 - 329, 339, 354, 422, 623.

*Gra-ni-ê Đơ Cát-xa-nhắc* (Granier de Cassagnac), A-đôn-phơ (1806 - 1880) - nhà báo Pháp, một chính khách vô nguyên tắc, trước cách mạng 1848 theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ Đế chế thứ hai là nghị sĩ của Đoàn lập pháp. - 276.

*Grắc-khơ* (Gai Xem-prô-ni Grắc-khơ) (153 - 121 trước công nguyên) - bảo dân quan (123 - 122 trước công nguyên) ở La Mã cổ, đấu tranh đòi thực hiện các đạo luật ruộng đất vì lợi ích của giai cấp nông dân ; em của Ti-be-ri Grắc-khơ. - 146.

*Grắc-khơ* (Ti-be-ri Xem-prô-ni Grắc-khơ) (163 - 133 trước công nguyên) - bảo dân quan (133 trước công nguyên) ở La Mã cổ, đấu tranh đòi thực hiện các đạo luật ruộng đất vì lợi ích của giai cấp nông dân. - 146.

*Grây* (Grey), Gioóc-giơ (1799 - 1882) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng nội vụ (1846 - 1852, 1855 - 1858 và 1861 - 1866) và bộ trưởng thuộc địa (1854 - 1855). - 483.

*Grây* (Grey), Sác-lơ, bá tước (1764 - 1845) - nhà hoạt động quốc gia Anh, một trong các lãnh tụ của đảng Vích, thủ tướng (1830 - 1834). - 467, 677.

*Grây-phơ* (Greif) - sĩ quan cảnh sát Phổ, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là một trong những người lãnh đạo cơ quan tình báo Phổ ở Luân Đôn. - 527, 533 - 536, 546, 570 - 572, 577, 586, 589, 590, 600, 601, 603 - 606, 616.

*Gren-vin* (Grenville), Uy-li-am, nam tước (1759 - 1834) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Vích, thủ tướng (1806 - 1807). - 677.

*Grê-hêm* (Graham), Giêm-xơ Rô-bớc Gioóc-giơ (1792 - 1861) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo phái Pin, bộ trưởng nội vụ (1841 - 1846), bộ trưởng hải quân (bộ trưởng hàng hải) (1830 - 1834, 1852 - 1855). - 458, 486, 627, 638 - 639, 643, 649, 676, 700, 704.

*Grim* (Grimm), hai anh em, Vin-hem (1786 - 1859) và Gia-cốp (1785 - 1863) - hai nhà ngữ văn Đức, hai giáo sư Trường đại học tổng hợp Béc-lin, hai tác giả nổi tiếng đã chỉnh lý các truyện cổ dân gian Đức và anh hùng ca thời trung cổ. - 382.

*Grin* (Greene), Tô-mát - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái Pin, trong những năm 1846 - 1852 là nghị sĩ. - 484.

*Gru-ních* (Grunich) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức ; vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX sống lưu vong ở Luân Đôn. - 387.

*Gu-tê* (Goute) - người Pháp lưu vong, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là uỷ viên ban chấp hành hội những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki ở Luân Đôn. - 404.

*Guê-ben* (Göbel) - chánh án toà bồi thẩm đoàn trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 573, 597, 621.

*Guê-gơ* (Goegg), A-man-đu-xơ (1820 - 1897) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1849 là thành viên của chính phủ lâm thời Ba-đen, sau khi cách mạng bị thất bại đi cư khỏi nước Đức ; vào những năm 70 tham gia đảng dân chủ - xã hội Đức. - 364, 421, 424 - 427, 436 - 444, 447.

*Guê-rinh-gơ* (Göringer), Các (sinh khoảng năm 1808) - chủ quán ở Ba-đen, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen vào những năm 1848 - 1849, sau khi cách mạng thất bại sang Anh sống lưu vong, là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sau khi trong Liên đoàn có sự phân liệt thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ, chủ quán rượu ở Luân Đôn - nơi tụ tập của những người lưu vong tiểu tư sản Đức. - 413, 420.

*Guốc-gây* (Görgey), Ác-tua (1818 - 1916) - nhà hoạt động quân sự trong cuộc cách mạng Hung-ga-ri 1848 - 1849, tổng tư lệnh quân đội Hung-ga-ri (tháng Tư - tháng Sáu 1849) ; dựa vào giới sĩ quan phản động và một bộ phận giai cấp tư sản phản cách mạng để ngăm phá hoại cuộc chiến tranh cách mạng. - 92, 413, 720.

## H

*Ha-rinh* (Harring), Ha-rô (1798 - 1870) - nhà văn Đức, phần tử cấp tiến tiểu tư sản; từ năm 1828 (có gián đoạn) sống lưu vong ở nhiều nước. - 392 - 400.

*Hai-nơ* (Hein) - người Đức lưu vong ở Mỹ, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là thành viên của Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa. - 744.

*Hai-nơ* (Heine), Hen-rích (1797 - 1856) - nhà thơ cách mạng vĩ đại Đức. - 64, 74, 157, 367, 371, 372, 571.

*Hai-nơ-txen* (Heinzen), Các (1809 - 1880) - nhà chính luận Đức thuộc phái cấp tiến, nhà dân chủ tiểu tư sản, chống lại Mác và Ăng-ghen, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong sang Thuỵ Sĩ, rồi sang Anh; mùa thu năm 1850 chuyển hẳn sang Mỹ. - 373, 374, 379 - 386, 402, 403, 414 - 417, 427, 447.

*Han-đơ-man* (Hansemann), Đa-vít (1790 - 1864) - nhà đại tư bản, một trong các lãnh tụ của giai cấp tư sản tự do vùng Ranh; vào tháng Ba - tháng Chín 1848 là bộ trưởng tài chính Phổ, thi hành chính sách phản bội thoả hiệp với bọn phản động. - 55, 59, 68, 98, 405.

*Háp-bếch* (Habbegg) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, đầu những năm 50 thế kỷ XIX sống lưu vong ở Anh. - 387.

*Háp-xbuốc* (dòng họ) - triều đại các hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh từ năm 1273 đến năm 1806 (có bị gián đoạn), triều đại các hoàng đế Áo (từ năm 1804) và các hoàng đế Áo-Hung (1867 - 1918). - 696.

*Hát-sen* (Hatchell), Giôn (sinh năm 1788) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Vích, tổng chưởng lý xứ Ai-rơ-len (1851 - 1852). - 483.

*Hát-xơ* (Hasse), Lê-ô - bạn của Gốt-phrít Kin-ken, rất yêu thích thơ ca. - 338.

*Hau-pơ-tơ* (Haupt), Héc-man Vin-hem (sinh khoảng 1831) - nhân viên thương nghiệp Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người bị bắt trong vụ án những người cộng sản ở Khuên, trong thời gian điều tra đã phản bội, cung khai, được cảnh sát thả ra trước khi mở phiên toà, chạy sang Bra-xin. - 613.

*Hay-nau* (Haynau), I-u-li-ût I-a-cốp (1786 - 1853) - thống soái Áo, kẻ đàn áp dã man phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri trong những năm 1848 - 1849. - 68.

*Hắc-kê* (Haacke), Giô-han Các (sinh khoảng 1820) - thợ may Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ. - 613.

*Hăng-ri IV* (1553 - 1610) - vua Pháp (1589 - 1610). - 390.

*Hăng-ri V* - xem *Săm-bo*, Hăng-ri Sắc-lơ.

*Hâu-cơ* (Hauk), Lút-vích (1799 - 1850) - sĩ quan Áo, nhà dân chủ, tham gia cuộc khởi nghĩa ở Viên năm 1848 và cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri; bị bắn chết sau khi cách mạng bị thất bại. - 412 - 413.

*Hâu-gơ* (Haug), Ec-nơ-xtơ - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, sĩ quan của Áo, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a; sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Anh, một trong những biên tập viên của tờ báo hàng tuần "Kosmos". - 389, 409 - 416, 442.

*Héc-bớc* (Herbert), Xit-ni (1810 - 1861) - nhà hoạt động quốc gia Anh, vào đầu thời kỳ hoạt động, theo đảng To-ri, sau đó theo phái Pin, bộ trưởng hải quân (1841 - 1845), bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự (1845 - 1846 và 1852 - 1855) và bộ trưởng chiến tranh (1859 - 1860). - 486.

*Héc-đơ* (Harder), Giô-han Gốt-phrit (1744 - 1803) - nhà triết học Đức, nhà văn và nhà lý luận văn học, đại biểu của phái Khai sáng tư sản thế kỷ XVIII; một trong những người sáng lập ra trào lưu văn học tiến bộ "Bão táp và tấn công". - 373.

*Héc-mét* (Hermes), Giô-han Ti-mô-tê-ût (1738 - 1821) - nhà thần học và nhà văn Đức, tác giả của cuốn tiểu thuyết "Cuộc hành trình của Xô-phi-a từ Mê-men đến Dắc-den". - 380.

*Héc-stát* (Herstadt) - chủ ngân hàng ở Khuên, thẩm phán tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545.

*Héc-tlơ* (Hertle), Đa-ni-en (sinh năm 1824) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; năm 1850 lưu vong sang Mỹ. - 442.

*Héc-vếch* (Herwegh), Ghê-óoc (1817 - 1875) - nhà thơ Đức nổi tiếng, nhà dân chủ tiểu tư sản. - 366.



*Hem-pơ-đen* (Hampden), Giôn (1594 - 1643) - nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, đại biểu cho lợi ích của giai cấp tư sản và tầng lớp quí tộc đã bị tư sản hoá. - 99.

*Hen-li* (Henley), Giô-dép Uốc-xơ (1793 - 1884) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng thương mại (1852 và 1858 - 1859). - 493, 512.

*Hen-ri VI* (1421 - 1471) - vua Anh (1422 - 1461). - 234.

*Hen-ri* (Henry), Tô-mát (1807 - 1876) - thẩm phán người Anh. - 730.

*Hen-rích* (1726 - 1802) - hoàng tử Phổ, nhà hoạt động quân sự và ngoại giao, tham gia cuộc Chiến tranh bảy năm (1756 - 1763). - 721.

*Hen-rích II Lo-ren-nơ*, công tước *Ghi-dơ* (1614 - 1664) - một trong những nhà hoạt động của phong trào Phrôn-đơ (phong trào chống chế độ chuyên chế của giai cấp tư sản quý tộc Pháp). - 275.

*Hen-txơ* (Hentze), A. - sĩ quan Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản; sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ, nhân chứng buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 579, 614, 617.

*Hét-xen* (Haetzel), Các Giô-dép Au-gu-xtơ (sinh khoảng năm 1815) - thợ đóng giầy người Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người bị buộc tội tại vụ án tháng Tám 1850 ở Béc-lin chống lại một nhóm thành viên Liên đoàn những người cộng sản, được toà bồi thẩm xử trắng án, sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ, nhân chứng buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 579, 614.

*Hét-xơ* (Heß), Mô-dét (1812 - 1875) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, vào giữa những năm 40 là một trong các đại biểu chính của "chủ nghĩa xã hội chân chính", sau khi Liên đoàn những người cộng sản có sự phân liệt thì gia nhập nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ ; vào những năm 60 ủng hộ Lát-xan. - 613 - 614.

*Hê-ghen* (Hegel), Ghê-óoc Vin-hem Phri-đrích (1770 - 1831) - người đại diện lớn nhất của triết học cổ điển Đức, theo chủ nghĩa duy tâm khách quan, đề ra phép biện chứng duy tâm một cách hết sức toàn diện. - 25, 145, 150, 318, 331, 336, 366 - 371, 383, 392, 412, 551, 672.

*Hếch-cơ* (Heck), Lút-vích (sinh khoảng 1822) - thợ may ở Brao-svai-gơ, thành viên Liên đoàn những người cộng sản; sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ. - 564.

*Hếch-cơ* (Hecker), Phri-đrích Các (1811 - 1881) - người theo chế độ cộng hoà ở Ba-đen, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba-đen vào tháng Tư 1848, sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại lưu vong

sang Thuỵ Sĩ, sau đó sang Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến đứng về phía những người phương bắc. - 363.

*Hếp-linh Phôn Lan-xe-nau-ơ* (Habling von Lanzenauer) - địa chủ Đức, thẩm phán tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545.

*Hi-um* (Hume), Giô-dép (1777 - 1855) - nhà hoạt động chính trị Anh, một trong những lãnh tụ của phái cấp tiến tư sản, nghị sĩ. - 470, 503, 515 - 516, 519 - 520.

*Hiếc-sơ* (Hirsch), Vin-hem - người bán hàng ở Hăm-buốc, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là nhân viên của cảnh sát Phổ ở Luân Đôn. - 527, 533 - 536, 581 - 587, 596 - 599, 601, 603, 604, 615, 616.

*Hin-ken-đây* (Hinkeldey), Các-lơ Lút-vích Phri-đrích (1805 - 1856) - quan chức chính phủ Phổ, từ năm 1848 là cảnh sát trưởng Béc-lin. - 606.

*Hít-đơ* (Head), Phren-xít (1793 - 1875) - quan hành chính thực dân Anh, nhà du hành và nhà văn. - 278.

*Hoàng tử Phổ* - xem *Vin-hem I*.

*Hoóc-nơ* (Horner), Lê-ô-nác (1785 - 1864) - nhà địa chất và nhà hoạt động xã hội Anh, thanh tra công xưởng (1833 - 1856), đã đứng ra bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân. - 497, 653.

*Hô-hen-txô-lec*. - triều đại các tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1415 - 1701), triều đại các vua Phổ (1701 - 1918) và các hoàng đế Đức (1871 - 1918). - 551.

*Hô-me* - nhà sử thi nửa thần thoại của Hy Lạp thời cổ, tác giả cuốn "I-li-át" và "Ô-đi-xê". - 356.

*Hôn-tơ-hai-mơ* (Hountheim), Ri-hác (chết năm 1857) - luật sư ở Khuên, người bào chữa tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 584, 592, 593, 595.

*Hốp-phơ-man* (Hoffmann), Éc-xtơ Tê-ô-đo A-ma-đêi-xơ (1776 - 1822) - nhà văn Đức, theo chủ nghĩa lãng mạn phản động; trong sáng tác kết hợp những yếu tố hiện thực với sự hoang đường và thần bí, với việc tuyên truyền cho tính chất phi lý của nhận thức. - 328.

*Huy-gô* (Hugo), Vích-to (1802 - 1885) - nhà văn vĩ đại Pháp, vào thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp. - 195.

## I

*I-ê-la-xích* (Jeraruh), I-ô-xíp, bá tước (1801 - 1859) - tướng người Áo, cai quản các vùng Hoóc-va-ti, Đan-ma-xi và Xla-va-ni-a (1848 - 1859), tích cực tham gia dàn áp cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri và Áo. - 81, 83 - 84, 85, 87, 89, 90.



*I-man* (Imandt), Pê-tơ - nhà giáo người Đức, theo phái dân chủ, tham gia cuộc cách mạng 1848 – 1849; thành viên của Liên đoàn những người cộng sản; từ năm 1852 sống lưu vong ở Luân Đôn; người cùng chí hướng với Mác và Ăng-ghen. - 599 - 603, 740, 741, 743.

*I-oóc-đan* (Jordan), Xin-ve-xtơ (1792 - 1861) - luật sư và nhà hoạt động chính trị người Đức, một trong những lãnh tụ của phong trào dân chủ - lập hiến ở Cuốc-hét-xen vào những năm 30; trong những năm 1848 - 1849 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc. - 24.

*I-ô-dép II* (1741 - 1790) - hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1765 - 1790). - 45, 46.

*I-ô-han* (1782 - 1859) - đại công tước Áo, từ tháng Sáu 1848 đến tháng Chạp 1849 là quan nhiếp chính đế chế Đức. - 62, 79, 120, 123, 124, 134 - 135.

*I-ông* (Yon) - cảnh sát trưởng Pháp, phụ trách việc bảo vệ Quốc hội lập pháp năm 1850. - 213, 218, 219.

*I-txơ-stanh* (Itzstein), I-ô-han A-đam (1775 - 1855) - nhà hoạt động chính trị Đức, một trong những người lãnh đạo phái đối lập tự do chủ nghĩa trong nghị viện Ba-đen, vào những năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái cực tả, sau khi cuộc cách mạng thất bại sang sống lưu vong ở Thuỵ Sĩ. - 384.

*I-u-ác-tơ* (Ewart), U-li-am (1798 - 1869) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái Pin, theo phái mậu dịch tự do, nghị sĩ. - 470, 484.

*I-ung - Sti-linh* (Jung - Stiling), I-ô-han Hen-rích (1740 - 1817) - nhà văn Đức, theo phái kiến thành. - 333.

*In-ghéc-xôn* (Ingersoll), Giô-dép (1786 - 1868) - nhà hoạt động chính trị người Mỹ, đại biểu Quốc hội Mỹ, đại sứ Mỹ ở Anh (1852 - 1853). - 651.

## K

*Ken-li* (Kelly), Phrít-xrôi (1796 - 1880) - nhà hoạt động quốc gia Anh, đảng viên đảng To-ri, nghị viên. - 708.

*Kê-tơ-lê* (Quetelet), A-đôn-phơ (1796 - 1874) - nhà bác học tư sản lớn người Bỉ ; nhà thống kê học, nhà toán học và nhà thiên văn học. - 673, 674.

*Kê-u* (Keogh), Uy-li-am Ni-cô-la-xơ (1817 - 1878) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, theo phái Pin; một trong những thủ lĩnh của phái Ai-rơ-len trong nghị viện, nhiều lần giữ chức vụ cao về tư pháp ở Ai-rơ-len. - 647, 648, 651, 683.

*Kếch* (Keck), B. - người Đức lưu vong ở Mỹ, vào đầu những năm 50 thế kỷ XIX là thành viên trong Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa. - 743, 744.

*Ki-a-ne-la* (Chianella) - người tỉnh Khuên gốc Krê-phen, kẻ chỉ điểm của cảnh sát, nhân chứng tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 606, 608.

*Kin-ken* (Kinkel), Gốt-phrit (1815 - 1882) - nhà thơ và nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849 ; bị toà án Phổ kết án tù chung thân, trốn khỏi nhà tù và lưu vong sang Anh; một trong những thủ lĩnh của giới lưu vong tiểu tư sản ở Luân Đôn, đấu tranh chống lại Mác và Ăng-ghen. - 317 - 358, 377, 393, 402 - 405, 409 - 419, 423, 430, 436 - 447, 449, 450, 608, 613, 615.

*Kin-ken* (Kinkel), I-ô-han-na, nguyên họ là Mốc-ken (1810 - 1858) - nữ văn sĩ Đức, vợ của Gốt-phrit Kin-ken. - 321, 328, 333, 334, 337 - 341, 348, 351.

*King* (King), Pi-tơ Giôn *Lốc* (1811 - 1885) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái cấp tiến tư sản, nghị sĩ. - 290, 470.

*Kít-sơ* (Kiss), Mi-clô-sơ (sinh năm 1820) - sĩ quan Hung-ga-ri, nhà dân chủ, người lưu vong, một thám của Cô-sút ở Pháp và I-ta-li-a. - 490 - 491.

## L

*La Ít-tơ* (La Hitte), Giăng Ếc-ne-xtơ (1789 - 1878) - tướng Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Quốc hội lập pháp (1850 - 1851), bộ trưởng ngoại giao (1849 - 1851). - 203.

*La-mác-tin* (Lamartine), An-phông-xơ (1790 - 1869) - nhà thơ, nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong những năm 40 theo phái cộng hoà tư sản ; năm 1848 là bộ trưởng ngoại giao và trên thực tế là người đứng đầu chính phủ lâm thời. - 230, 355, 384.

*La-mô-ri-xi-e* (Lamoriciere), Cri-xtốp Lu-i Lê-ông (1806 - 1865) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái cộng hoà tư sản, ôn hoà; năm 1848 tích cực tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, sau đó là bộ trưởng chiến tranh trong chính phủ Ca-vê-nhắc (tháng Sáu - tháng Chạp), trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp. - 177, 255.

*La-rô-sơ-giắc-cơ-lanh* (La Rochejaquelein), Hăng-ri Ô-guy-xtơ Gioóc-giơ, hầu tước (1805 - 1867) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thành viên Viện nguyên lão, một trong những người lãnh đạo phái chính thống, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp ; sau này là thượng nghị sĩ Đế chế thứ hai. - 238.



*La-rô-sơ-phu-cô-đơ* (La Rochefoucauld), Phrăng-xoa, công tước, (1613 - 1680) - nhà văn - nhà luân lý Pháp, một trong những nhà hoạt động của Phong trào Phrôn-đơ. - 558.

*La-tua* (Latour), Tô-ô-đo, bá tước (1780 - 1848) - nhà hoạt động quốc gia Áo, ủng hộ chế độ quân chủ chuyên chế, năm 1848 là bộ trưởng chiến tranh, tháng Mười 1848 bị quân khởi nghĩa Viên giết. - 84.

*Lai-bơ-nít-xơ* (Leibniz), Gốt-phrit Vin-hem (1646 - 1716) - nhà toán học vĩ đại Đức; nhà triết học duy tâm. - 551.

*Lan-xđao-nơ* (Lansdowne), Hen-ri *Pét-ti - Phi-sơ-mô-rit*, hầu tước (1780 - 1863) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Vích; những năm 1806 - 1807 là bộ trưởng tài chính, chủ tịch Hội đồng cơ mật (1830 - 1841, 1846 - 1852), bộ trưởng không bộ (1852 - 1863). - 643.

*Lan-bơ* (Laube), Xa-mu-en - thợ may Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái Vi-lích - Sáp-pơ. - 564.

*Lăng-đôn-phơ* (Landolphe) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, lưu vong ở Luân Đôn ; sau khi Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt năm 1850 theo nhóm phiêu lưu - bè phái Vi-lích - Sáp-pơ. - 407.

*Lăng-xơ-cô-rôn-xki* (Lanckoronski), bá tước - người lưu vong Ba lan, phái viên của chính phủ Nga hoàng. - 490 - 491.

*Lây-đen* (Leiden), Cốt-xmốt Đa-mi-an - thương nhân ở Khuên, thẩm phán tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545.

*Lê-lê-ven* (Lelewel), I-ô-a-khim (1786 - 1861) - nhà sử học xuất sắc Ba Lan và nhà hoạt động cách mạng ; tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831, một trong những lãnh tụ của cánh dân chủ lưu vong Ba Lan, trong những năm 1847 - 1848 là uỷ viên Ban chấp hành Hội dân chủ Bruy-xen. - 490.

*Lê-man* (Lehmann), An-be - công nhân Đức ở Luân Đôn, nhà hoạt động tích cực của Liên đoàn những người chính nghĩa và Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn, sau đó là thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái Vi-lích - Sáp-pơ, là uỷ viên ban chấp hành trung ương của phái này. - 733, 739.

*Lê-ô* (Leo), Hen-rích (1799 - 1878) - nhà sử học và nhà chính luận Đức, bảo vệ những quan điểm chính trị và tôn giáo cực kỳ phản động, một trong những nhà tư tưởng của bọn giooong-ke Phổ. - 390.

*Lê-ô-pôn* (1790 - 1852) - đại công tước ở Ba-đen (1830 - 1852). - 122, 130.

*Lê-ven-đơ* (Lewald), Phan-ni (1811 - 1889) - nữ văn sĩ Đức, theo nhóm "Nước Đức trẻ". - 373.

*Li-bê-ni* (Libényi), Gia-nốt (khoảng 1832 - 1853) - thợ may, thợ hạn người Hung-ga-ri, năm 1853 mưu sát hoàng đế Áo Phran-txơ - I-ô-xíp. - 695, 723.

*Li-vơ-pun* (Liverpool), Rô-bớc Bên-xơ *Giên-kin-xơn*, bá tước (1770 - 1828) - nhà hoạt động quốc gia Anh, một trong những lãnh tụ đảng To-ri, giữ một số chức vụ bộ trưởng, thủ tướng (1812 - 1827). - 677.

*Líp-nếch* (Liebknecht), Vin-hem (1826 - 1900) - nhà hoạt động nổi tiếng trong phong trào công nhân Đức và quốc tế, tham gia cuộc Cách mạng 1848 - 1849, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người sáng lập và lãnh tụ phong trào dân chủ - xã hội Đức ; người bạn và chiến hữu của Mác và Ăng-ghen. - 582 - 585, 592, 598, 599 - 600, 740, 741, 743.

*Lốc* (Loch), Giôn-xơ (1780 - 1855) - nhà kinh tế và luật sư Xcốt-len, cai quản các điền trang của nữ công tước Xa-thơ-len. - 665, 667.

*Lốc Kinh* - xem *Kinh*, Pi-tơ Giên *Lốc*.

*Lốc-cơ* (Locke), Giôn (1632 - 1704) - nhà triết học nhị nguyên lỗi lạc người Anh, theo thuyết duy cảm; nhà kinh tế học tư sản. - 147.

*Lốc-nơ* (Lochner), Ghê-óc (sinh khoảng 1824) - nhà hoạt động trong phong trào công nhân Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản và Tổng hội đồng quốc tế I; là công nhân mộc, người bạn và người ủng hộ Mác và Ăng-ghen. - 740, 741, 743.

*Lông-ga* (Longard), Xô-ba-xchi-an - bạn của Gốt-phrít Kin-ken, ham thích thơ ca; sau này là luật sư ở Khuên. - 338.

*Lơ Phlô* (Le Flô), A-đôn-phơ Em-ma-nuy-en Sắc-lơ (1804 - 1887) - tướng Pháp, nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao ; đại biểu dáng trật tự ; trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng chiến tranh trong "chính phủ quốc phòng". - 173, 255.

*Lơ-đruy - Rô-lanh* (Ledru - Rollin), A-lếch-xăng-đrơ Ô-guy-xtơ (1807 - 1874) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ tiểu tư sản, biên tập viên báo "Réforme" ; năm 1848 là thành viên chính phủ lâm thời, đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, đứng đầu phái Núi trong Quốc hội ; sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849 lưu vong sang Anh. - 13, 68, 160, 178, 184, 187, 188, 303, 377, 389, 390, 402 - 406, 409, 414, 430, 447.

*Lu-cát-xơ* (Lucas), Phrê-đê-rích (1812 - 1855) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, một trong những thủ lĩnh của phong trào bảo vệ quyền lợi của tá điền, nghị sĩ. - 651, 687.

*Lu-cre-xơ* (Ti-tút Lu-cre-xơ Ca-rút) (khoảng 99 - khoảng 55 trước công nguyên) - nhà triết học và nhà thơ xuất sắc La Mã, theo chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa vô thần. - 693.

*Lu-i XIV* (1638 - 1715) - vua Pháp (1643 - 1715). - 264.

*Lu-i XV* (1710 - 1774) - vua Pháp (1715 - 1774). - 277.

*Lu-i XVI* (1754 - 1793) - vua Pháp (1774 - 1792), bị xử tử trong cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. - 26 - 27.

*Lu-i XVIII* (1755 - 1824) - vua Pháp (1814 - 1815 và 1815 - 1824). - 147.

*Lu-i Na-pô-lê-ông* - xem *Na-pô-lê-ông III*.

*Lu-i-Phi-líp* (1773 - 1850) - công tước *Óc-lê-ăng*, vua Pháp (1830 - 1848). - 49, 152, 154, 158 - 160, 167, 170, 177, 191, 194, 210, 236, 237, 240, 241, 263, 311, 365, 645, 702.

*Lu-i-Phi-líp - An-be*, công tước *Óc-lê-ăng*, bá tước Pa-ri (1838 - 1894) - cháu vua Lu-i Phi-líp, người tranh ngôi vua Pháp. - 235, 236.

*Lu-ít* (Lewis), Giooc-giơ *Cốc-nu-ô-lơ* (1806 - 1863) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Vích, quốc vụ khanh về tài chính (1850 - 1852), trong những năm 1855 - 1858 là bộ trưởng tài chính, bộ trưởng nội vụ (1859 - 1861) và bộ trưởng chiến tranh (1861 - 1863). - 483.

*Lu-thơ* (Luther), Mác-tin (1483 - 1546) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào cải cách tôn giáo, người sáng lập đạo Tin lành (giáo phái Lu-thơ) ở Đức ; nhà tư tưởng của tầng lớp thị dân Đức ; trong thời gian cuộc Chiến tranh nông dân năm 1525 đã chống lại nông dân khởi nghĩa và dân nghèo thành thị, đứng về phía bọn công tước. - 146, 439, 576.



## M

*Ma-da-ni-en-lô* (Masaniello) (biệt danh Tô-ma-dô A-ni-en-lô) (1620 - 1647) - người đánh cá, lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Na-pôli năm 1647 chống quyền há chú của Tây Ban Nha. - 254.

*Ma-hôn* (Mahon), Phi-líp Hen-ri *Xtan-hôp*, tử tước (1805 - 1875) - nhà hoạt động chính trị và nhà sử học Anh, theo phái Pin, nghị sĩ. - 484.

*Ma-ki-a-ve-li* (Machiavelli), Ni-cô-lô (1469 - 1527) - nhà tư tưởng chính trị, nhà sử học và nhà văn I-ta-li-a, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản I-ta-li-a thời kỳ phát sinh quan hệ tư bản chủ nghĩa. - 438, 441.

*Ma-lơ-vin* (Maleville), Lê-ông (1803 - 1879) - nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Óc-lê-ăng, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng nội vụ (nửa cuối tháng Chạp 1848). - 230.

*Ma-nhăng* (Magnan), Bác-na Pi-e (1791 - 1865) - tướng Pháp, từ tháng Chạp 1851 là nguyên soái, theo phái Bô-na-pác-tơ ; tham gia đàn áp các cuộc nổi dậy của công nhân ở Li-ông (1831 và 1849), ở Li-lơ và Ru-be (1845) và đàn áp cuộc

khởi nghĩa tháng Sáu 1848 ở Pa-ri ; đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 240, 251, 255.

*Ma-ra-xtơ* (Marrast), Ác-măng (1801 - 1852) - nhà chính luận, nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của phái cộng hoà tư sản ôn hoà, tổng biên tập báo "National" ; năm 1848 là thành viên chính phủ lâm thời và thị trưởng Pa-ri, chủ tịch Quốc hội lập hiến (1848 - 1849). - 13, 147, 160, 173.

*Ma-ti* (Mathy), Các (1807 - 1868) - nhà chính luận, quan chức ở Ba-đen và nhà hoạt động chính trị tư sản, theo phái tự do ôn hoà, những năm 1848 - 1859 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa thiên hữu. - 426.

*Ma-xtơ-man* (Masterman), Giôn (khoảng 1782 - 1862) - chủ ngân hàng Anh và nhà hoạt động chính trị, theo đảng To-ri, nghị sĩ. - 426.

*Mác* (Marx), Các (1818 - 1883) (Xem tiểu sử). - 92, 139, 168, 193, 241, 296, 313, 372, 451, 459, 464, 481, 500, 502, 508 - 511, 523 - 528, 530, 535, 543, 547 - 552, 553, 563 - 568, 573 - 586, 588, 590 - 598, 603, 606 - 608, 614, 616, 622, 623, 626, 627, 635, 642, 647, 651, 662, 708, 712, 717, 719, 723 - 727, 733 - 741, 743.

*Mác-hai-nê-ke* (Marheineke), Phi-líp Côn-rát (1780 - 1846) - nhà thần học Đức theo đạo Tin lành và nhà sử học đạo Thiên chúa, theo phái Hê-ghen cánh hữu. - 318.

*Man-mơ-xbê-ri* (Malmesbury), Giêm-xơ Hô-vác *Ha-rít*, bá tước (1807 - 1889) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo đảng To-ri, về sau là nhà hoạt động nổi tiếng của đảng bảo thủ; bộ trưởng ngoại giao (1852 và 1858 - 1859). - 774, 792, 629, 645.

*Man-ten* (Malten) - gián điệp Phổ ở nước Ngoài. - 395.

*Man-toi-phen* (Manteuffel), Ốt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805 - 1882) - nhà hoạt động quốc gia Phổ, đại biểu của bọn quan liêu quý tộc ; bộ trưởng nội vụ (1848 - 1850), thủ tướng (1850 - 1858). - 98, 376.

*Man-tút* (Malthus), Tô-mát Rô-bớc (1766 - 1834) - linh mục Anh, nhà kinh tế học, nhà tư tưởng của tầng lớp quý tộc chiếm hữu ruộng đất đã tư sản hoá, kẻ tán dương chủ nghĩa tư bản, kẻ truyền bá thuyết nhân khẩu mang tính chất thù ghét nhân loại. - 458, 666, 681.

*Mát-đi-ni* (Mazzini), Giu-dép (1805 - 1872) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời Cộng hoà La Mã; năm 1850 là một trong những người tổ chức Ban chấp hành trung ương của tổ chức dân chủ châu Âu ở Luân Đôn; đầu những năm 50 đã đi tìm sự ủng hộ trong phái Bô-na-pác-tơ. - 389 - 393, 392 - 398, 402 - 406, 409, 410, 413, 414, 417, 427, 443, 447, 489 - 491, 523, 635, 689, 697, 714, 719, 720, 723, 724 - 725.



*May-ác-hô-phơ* (Mayerhofer) - thứ trưởng bộ chiến tranh trong chính phủ lâm thời ở Ba-đen năm 1849, phản bội, phá hoại ngấm những biện pháp quân sự cần thiết. - 364.

*May-en* (Meyen), E-đu-a (1812 - 1870) - nhà chính luận Đức, theo phái Hê-ghen trẻ ; nhà dân chủ tiểu tư sản, sau thất bại của cuộc Cách mạng 1848 - 1849 lưu vong sang Anh, về sau theo phái tự do - dân tộc. - 421 - 424, 430, 439 - 441, 444, 447.

*May-ơ* (Major), A-đôn-phơ (sinh khoảng năm 1819) - thành viên Liên đoàn những người cộng sản, cuối năm 1850 - 1851 phái viên nhóm phiêu lưu bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ ở Pháp; một trong những bị cáo về cái gọi là vụ âm mưu Đức - Pháp ở Pa-ri tháng Hai 1852. - 313, 404, 555, 565 - 566.

*Mê-lan-tôn* (Melanchton), Phi-líp (1497 - 1560) - nhà thần học Đức, phụ tá thân cận của Lu-thơ, cùng với ông ta làm cho đạo Tin lành thích ứng với lợi ích của bọn vương công. - 439.

*Men-bước* (Melbourne), Phrê-đê-rích Giêm-xơ *Lam*, tử tước (1782 - 1853) - nhà ngoại giao Anh, theo đảng Vích. - 681.

*Men-bước* (Melbourne), Uy-li-am *Lam*, tử tước (1779 - 1848) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo đảng Vích, thủ tướng (1834 và 1835 - 1841). - 677, 679.

*Men-si-cốp*, A-lếch-xan-đrơ, Xéc-ghê-ê-vích, công tước (1787 - 1869) - nhà hoạt động quân sự và quốc gia Nga, năm 1853 là đại sứ đặc mệnh ở Thổ Nhĩ Kỳ, tổng chỉ huy lực lượng lục quân và hải quân Nga ở Crưm (1853 - 1855). - 730.

*Mét-téc-ních* (Metternich), Clê-men-xơ, công tước (1773 - 1859) - nhà hoạt động quốc gia và nhà ngoại giao Áo ; phần tử phản động; bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1821) và thủ tướng (1821 - 1848), một trong những người tổ chức Liên minh thần thánh. - 26, 41 - 50, 52, 54, 73, 84, 438.

*Mét-xen-hau-dơ* (Messenhauser), Xê-đa Ven-xen (1813 - 1848) - sĩ quan và nhà văn học Áo, chỉ huy đội cận vệ quốc gia và là tư lệnh thành phố Viên trong thời gian cuộc khởi nghĩa tháng Mười 1848 ; bị hành chết sau khi quân đội phản cách mạng chiếm được thành phố. - 88.

*Mi-e-rốt-xláp-xki* (Meiroslawskii), Lút-vích (1814 - 1878) - nhà hoạt động chính trị và quân sự Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan những năm 1830 - 1831; tham gia chuẩn bị cuộc khởi nghĩa ở Pô-dơ-nan năm 1846, được cuộc cách mạng tháng Ba 1848 giải phóng khỏi nhà tù ; lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Pô-dơ-nan năm 1848, sau đó lãnh đạo cuộc đấu tranh của nghĩa quân ở Xi-xin; chỉ huy quân đội cách mạng trong thời kỳ diễn ra cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; vào những năm 50 đi tìm sự ủng hộ của phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ khởi nghĩa Ba Lan năm 1863 được tuyên bố là người có quyền hành tuyệt đối, sau khi khởi nghĩa thất bại, lưu vong sang Pháp. - 131.

*Milơ* (Miller), Giô-han Mác-tin (1750 - 1814) - nhà thơ và nhà văn Đức, đại biểu của chủ nghĩa duy tình cảm trong nền văn học Đức. - 317.320 - 321,322,326. 332 - 333, 334, 354, 355.

*Min-nơ Ghíp-xơn* - Xem *Ghíp-xơn*, Tô-mát *Min-nơ*.

*Mo-rơ* (More), Tô-mát (1478 - 1535) - nhà hoạt động chính trị Anh, đại pháp quan, nhà văn - nhân đạo chủ nghĩa, một trong những đại biểu đầu tiên của chủ nghĩa cộng sản không tưởng, tác giả cuốn "Không tưởng". - 668.

*Moóc-gan* (Morgan), Hen-ri (chết năm 1853) - thợ làm kim người Anh. - 659.

*Moóc-ni* (Morny), Sác-lơ Ô-guy-xtơ Lu-i Giô-dép, bá tước Đô (1811 - 1865) - nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng nội vụ (tháng Chạp 1851 - tháng Giêng 1852). - 276, 311.

*Mô-gonh* (Mauguin), Phrăng-xoa (1785 - 1854) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, trước năm 1848 là một trong các lãnh tụ của phe đối lập vương triều tự do chủ nghĩa; trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, liên kết với các nghị sĩ cánh hữu. - 217, 218, 219.

*Mô-ha-mét - Ali* (1769 - 1849) - người cầm quyền ở Ai Cập (1805 - 1849), tiến hành một loạt cải cách vì lợi ích của bọn địa chủ và bọn thương nhân Ai Cập. - 666.

*Mô-lê* (Molé), Lu-i Ma-thi-ơ, bá tước (1781 - 1855) - nhà hoạt động quốc gia Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, thủ tướng (1836 - 1837, 1837 - 1839), trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp. - 203, 238.

*Mô-pa* (Maupas), Sác-lơ-ma-nhơ Ê-min (1818 - 1888)- luật sư Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, cảnh sát trưởng ở Pa-ri (1851), một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng cảnh sát (1852 - 1853). - 251, 606.

*Mô-rít-xơ Đờ Sắc-xơ* (1696 - 1750) - nguyên soái Pháp, gốc người Đức, tham gia cuộc chiến tranh vì quyền thừa kế của Áo (1741 - 1748), tác giả của nhiều tác phẩm lý luận quân sự. - 368.

*Mô-rô* (Moreau), Giăng Vích-tơ (1763 - 1813) - tướng Pháp, tham gia cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống liên minh các quốc gia Âu châu. - 425 - 426.

*Mô-xlê* (Mosle), Giô-han Lút-vích (1794 - 1877) - sĩ quan Đức, đại biểu của Ôn-den-buốc trong Quốc hội hiệp hang, năm 1848 được cử sang Viên với tư cách phái viên của dế chế. - 95.

*Mốc-hen* - xem *Kin-hen*, I-ô-han-na. -



*Môn-cơ* (Monk), Gioóc-giơ (1608 - 1670) - tướng Anh và nhà hoạt động của cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, góp phần tích cực vào việc phục hồi chế độ quân chủ ở Anh năm 1660. - 214.

*Môn-xen* (Monsell), Uy-li-am (1812 - 1894) - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, theo chủ nghĩa tự do, một trong những thủ lĩnh của phe Ai-rơ-len trong nghị viện; những năm 1852 - 1857 là nhân viên cục pháo binh. - 647, 649.

*Môn-xơ-uốt* (Molesworth), Uy-li-am (1810 - 1855) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo chủ nghĩa tự do, nghị sĩ, đứng đầu tổng nha phụ trách các công việc xã hội (1853) và bộ trưởng thuộc địa (1855). - 646 - 649.

*Mông-ta-lăm-be* (Montalembert), Sác-lơ (1810 - 1870) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, đứng đầu giới theo đạo Thiên chúa, ủng hộ Lu-i Bô-na-pác-tơ trong thời kỳ đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 227, 238, 271.

*Mu-rơ* (Moore), Gioóc-giơ Hen-ri (1811 - 1870) - nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, một trong những lãnh tụ của phong trào bảo vệ quyền lợi của tá điền; nghị sĩ. - 651.

*Mug-gơ* (Mugge), Tê-ô-đô (1806 - 1861) - nhà văn và nhà chính luận Đức, theo phái Hê-ghen trẻ. - 422.

*Muy-lơ* (Muller), Phran-xơ Giô-dép - cố vấn của bộ máy tư pháp ở Khuên, theo phái bảo thủ; bố vợ của Rô-lan Đa-ni-en-xơ. - 583.

*Muy-ra* (Murat), Na-pô-lê-ông Luy-xiêng Sác-lơ, hoàng thân (1803 - 1878) - nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp; anh họ Na-pô-lê-ông III. - 491.

*Muyn-xơ* (Münks), Ph. - đầu những năm 50 thế kỷ XIX là người Đức lưu vong ở Luân Đôn, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, ủng hộ Mác và Ăngghen. - 741, 743.

*Muyn-xơ II* (Münks) - đầu những năm 50 thế kỷ XIX là người Đức lưu vong ở Luân Đôn, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, ủng hộ Mác và Ăngghen. - 741, 743.

*Muyn-xơ - Be-linh-hau-den* (Munch - Bellinghausen), Phran-xơ Tê-ô-đô, bá tước (sinh năm 1787) - quan chức Phổ, thẩm phán tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545, 620 - 622.

## N

*Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ* (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815). - 15, 30, 38, 131, 145 - 148, 166, 210, 214, 255, 256, 259, 263, 264, 267 - 273, 274, 277, 280 - 284, 295, 304, 311, 424 - 427, 646, 695, 705, 729.

*Na-pô-lê-ông III* (Lu-i - Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808 - 1873) - cháu trai của Na-pô-lê-ông I, Tổng thống của Cộng hoà thứ hai (1848 - 1851), hoàng đế Pháp (1852 - 1870). - 138, 141, 145, 148, 149, 152, 157, 159, 165 - 173, 175 - 179, 182, 184, 188 - 199, 200 - 206, 208 - 217, 218 - 234, 250 - 262, 263 - 280, 294, 296 - 305, 498 - 492, 515, 523, 673 - 677, 680, 690, 693, 701, 702 - 705, 722, 730.

*Nây* (Ney), Ét-ga (1812 - 1882) - sĩ quan Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, sĩ quan tùy tùng của Tổng thống Lu-i Bô-na-pác-tơ, đại biểu Quốc hội lập pháp (1850 - 1851). - 195.

*Nê-thơ* (Notte), Lút-vích Hen-rích (sinh khoảng năm 1819) - thợ may ở Han-nô-vơ, thành viên của một trong những chi bộ Pa-ri thuộc nhóm phiêu lưu bè phái Vi-lích - Sáp-pơ sau khi liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt một trong những bị cáo của cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức ở Pa-ri tháng Hai 1852. - 570, 624.

*Nê-xmít* (Nasmyth), Giêm-xơ (1808 - 1890) - kỹ sư và nhà phát minh người Anh. - 653.

*Ni-cô-lai* (Nicolai), Phri-đrích (1733 - 1811) - nhà văn Đức, nhà xuất bản và phát hành sách, ủng hộ "chế độ chuyên chế có học vấn". - 367, 374.

*Nít-sơ* (Niszsch), Các Ê-ma-nu-en (1787 - 1868) - nhà thần học và nhà truyền giáo Đức theo đạo Tin lành, giáo sư ở Bon và ở Bec-lin. - 317.

*Niu-cu-lơ* (Newcastle), Hen-ri Pê-lem Phen-xơ Pê-lem *Klin-ton*, công tước (1811 - 1864) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo phái Pin, bộ trưởng phụ trách các vấn đề quân sự và thuộc địa (1852 - 1854), bộ trưởng chiến tranh (1854 - 1855) và bộ trưởng thuộc địa (1859 - 1864). - 513.

*Nô-va-lít-xơ* (Novalis), (Bút danh của Phri-đrích Phôn *Hác-đen-béc*) (1772 - 1801) - nhà văn Đức, đại biểu có tên tuổi của khuynh hướng phản động trong chủ nghĩa lãng mạn Đức. - 327, 330, 332, 334, 337, 340, 343, 351.

*Nốt-i-ung* (Nothjung), Pê-tơ (khoảng 1823 - 1866) - thợ may Đức, thành viên của Hội liên hiệp công nhân ở Khuên và Liên đoàn những người cộng sản, một trong những bị cáo của vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), bị kết án 6 năm tù giam. - 532, 543, 544, 552.

*Nơ-may-ơ* (Neumayer), Mắc-xi-mi-liêng Gioóc-giơ Giô-dép (1789 - 1866) - tướng Pháp, theo đảng trật tự, chỉ huy quân đội ở Pa-ri (1848 - 1850). - 214.

## O

*Oen-lin-tơn* (Wellington), Ác-tuya *Oen-xli*, công tước (1769 - 1852) - thống soái và nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng Tô-ri, Thủ tướng (1828 - 1830), bộ trưởng ngoại giao (tháng Chạp 1834 - tháng Tư 1835). - 279, 504, 507.



*Oen-lin-tơn* (Wellington), Ác-tuya Ri-sớt *Oen-xli*, hầu tước *Đu-e-tô*, công tước (1807 - 1884) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri; con trai Oen-linh-tơn Ác-tuya Oen-xli. - 507.

*Oóc-lê-ăng* (dòng họ) - triều đại vua ở Pháp (1830 - 1848). - 168, 179, 232, 234, 236, 237, 264, 275, 276.

*Oóc-lê-ăng* (Orléans), Ê-len, nguyên họ là công chúa *Mê-clen-buốc - Suê-rin*, nữ công tước (1814 - 1858) - vợ góa của Phéc-đi-năng, con trai cả của vua Pháp Lu-i - Phi-líp, mẹ của bá tước Pa-ri, người tranh ngôi hoàng đế Pháp. - 159, 195.

*Ô'Cô-nen* (O'Connell), Đa-ni-en (1775 - 1847) - luật sư Ai-rơ-len và nhà hoạt động chính trị tư sản, thủ lĩnh cánh hữu tự do chủ nghĩa trong phong trào giải phóng dân tộc. - 382, 383, 487.

*Ô-guy-xtơ* (63 trước công nguyên - 14 sau Công nguyên) - hoàng đế La Mã (27 trước công nguyên - 14 sau công nguyên). - 682.

*Ô-pu-lơ* (Hautpoul), An-phông-xơ Hăng-ri (1789 - 1865) - tướng Pháp, theo phái chính thống, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ; đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), bộ trưởng chiến tranh (1849 - 1850). - 197, 203, 213 - 217.

*Ô-xbuốc* - Xem *Béc-nan Ô-xbuốc*, Ran-phơ.

*Ô-xvan* (Oswald), Ây-ghen (1826 - 1912) - nhà báo, nhà dân chủ tiểu tư sản Đức; tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen những năm 1848 - 1849; sau khi cuộc cách mạng thất bại đã rời khỏi nước Đức sống lưu vong. - 387.

*Ốc-xphô* (Oxford), An-phrết *Hác-đi*, bá tước (1809 - 1953) - nhà quý tộc Anh. - 681.

*Ốp-pen-hai-mơ* (Oppenheim), Hen-rích Béc-hác (1819 - 1880) - nhà hoạt động chính trị, nhà kinh tế và nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848 là một trong những biên tập viên của tờ báo "Reform" ở Bec-lin; những năm 1849 - 1850 sống lưu vong; về sau theo chủ nghĩa tự do dân tộc. - 376, 402, 423, 425, 430, 441, 447.

*Ốt-tô* (Otto), Các Vu-ni-ban (sinh khoảng năm 1809) - nhà hoá học Đức, những năm 1848 - 1849 là thành viên của Hội liên hiệp công nhân ở Khuên, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, một trong những người bị buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), bị kết án 5 năm tù giam. - 295, 296.

*Ô-clít* (cuối thế kỷ IV - đầu thế kỷ III trước công nguyên) - nhà toán học lỗi lạc cổ Hy Lạp. - 730.

## P

*Pa-kinh-tơn* (Pakington), Giôn Xô-mđc-xết (1799 - 1880) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo đảng To-ri, về sau thuộc đảng bảo thủ; bộ trưởng phụ trách các vấn

để quản sự và thuộc địa (1852), bộ trưởng hải quân (bộ trưởng hàng hải) (1858 - 1859 và 1866 - 1867) và bộ trưởng chiến tranh (1867 - 1868). - 629.

*Pa-lát-xki* (Palacky), Phran-ti-sếch (1798 - 1876) - nhà sử học cỡ lớn xứ Séc, nhà hoạt động chính trị tư sản, theo chủ nghĩa tự do; chủ tọa Đại hội Xla-vơ ở Pra-ha vào năm 1848; tiến hành đường lối nhằm duy trì nền quân chủ Háp-xbuốc. - 69.

*Pa-ri*, bá tước - xem *Lu-i Phi-líp - An-be*, công tước *Óc-lê-áng*.

*Pác-cơ* (Parker), Giôn (1799 - 1881) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng hải quân (1841 và 1849 - 1852). - 483.

*Pan-mơ* (Palmer), Rau-đen (1812 - 1895) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo phái Pin, về sau theo phái tự do chủ nghĩa, đại pháp quan (1872 - 1874) và (1880 - 1885). - 484.

*Pan-mốc-xtơn* (Palmerston), Hen-ri Giôn *Tem-pơn*, tử tước (1784 - 1865) - nhà hoạt động quốc gia Anh, lúc mới bước vào hoạt động thì thuộc đảng To-ri, từ năm 1830 là một trong những thủ lĩnh của đảng Vích, dựa vào những phần tử cánh hữu của đảng này; bộ trưởng ngoại giao (1830 - 1834, 1835 - 1841 và 1846 - 1851), bộ trưởng nội vụ (1852 - 1855) và thủ tướng (1855 - 1858 và 1859 - 1865). - 278, 289, 489, 492, 514, 515, 626, 627, 640 - 645, 648, 668, 724, 727.

*Pau-lát* (Paulus), Hen-rích E-béc-hác Gốt-lốp (1761 - 1851) - nhà thần học đạo Tin lành Đức, theo chủ nghĩa duy lý. - 415 - 416.

*Pe-rô* (Perrot), Ben-gia-manh Pi-e (1791 - 1865) - tướng Pháp, năm 1848 tham gia dàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, năm 1849 chỉ huy đội cận vệ quốc gia ở Pa-ri. - 225.

*Péc-txen* (Perczel), Mô-rít-xơ (1811 - 1899) - tướng Hung-ga-ri, tham gia cuộc Cách mạng 1848 - 1849 ở Hunggari, sau khi cách mạng bị thất bại sang Thổ Nhĩ Kỳ sống lưu vong, năm 1851 sang Anh. - 84, 88, 90.

*Péc-xi-nhi* (Persigny), Giăng Gin-be Vích-to, bá tước (1808 - 1872) - nhà hoạt động quốc gia Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng nội vụ (1852 - 1854 và 1860 - 1863). - 231, 250.

*Péc-xi-van* (Perceval), Đết-li Mơn-tê-ghin (1801 - 1856) - nhà hoạt động xã hội Anh, thuộc Đảng To-ri. - 661.

*Pê-giớt* (Paget), Cla-ren-xơ Ét-uốt (1811 - 1895) - nhà hoạt động chính trị và quân sự Anh, thuộc đảng Vích, năm 1852 là thư ký của tổng tư lệnh pháo binh. - 483.

*Pha-di* (Fazy), Giăng Giắc-cơ Giêm-xơ) (1794 - 1878) - nhà hoạt động quốc gia và nhà chính luận Thụy Sĩ, đảng viên đảng cấp tiến, đứng đầu chính phủ bang Giơ-ne-vơ (1846 - 1853 và 1855 - 1861). - 365.



*Pha-nông* (Fanon) - người Pháp lưu vong, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là uỷ viên ban chấp hành hội những người lưu vong Pháp thuộc phái Blăng-ki ở Luân Đôn. - 404.

*Phan-lu* (Falloux), An-phrết (1811 - 1886) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Pháp, theo phái chính thống và theo thuyết giáo quyền, người khởi xướng việc giải tán các công xưởng quốc gia và kẻ cổ vũ cho việc đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu ở Pa-ri, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng giáo dục (1848 - 1849). - 176, 194, 196, 227, 241.

*Phau-sơ* (Faucher), Giuy-lơ (I-u-li-út) (1820 - 1878) - nhà chính luận Đức, theo phái Hê-ghen trẻ, ủng hộ chế độ mậu dịch tự do, đầu những năm 50 thế kỷ XIX tuyên truyền những quan điểm vô chính phủ tư sản cá nhân chủ nghĩa, trong những năm 1850 - 1861 sống lưu vong ở Anh, về sau theo phái tiến bộ. - 421 - 425.

*Phéc-đi-năng I* (1793 - 1875) - hoàng đế Áo (1835 - 1848). - 81 - 84.

*Phéc-đi-năng II* (1810 - 1859) - vua xứ Na-plơ (1830 - 1859), tục danh là vua-bom sau vụ bắn phá Mét-xi-na năm 1848. - 75.

*Pơ-phen-đơ* (Pfander), Các-lơ (khoảng 1818 - 1876) - công nhân Đức, hoạ sĩ tiểu phẩm, thành viên Liên đoàn những người chính nghĩa, nhà hoạt động tích cực của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, ủy viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản; uỷ viên Tổng hội đồng Quốc tế I; người ủng hộ và bạn của Mác và Ăng-ghen. - 733, 738, 741, 743.

*Phét-tơ phôn Đốt-ghen-phen-đơ* (Vetter von Doggenfeld), An-tôn (1803 - 1882) - tướng Hung-ga-ri, những năm 1848 - 1849 là bạn chiến đấu của Cô-sút, sau khi cách mạng thất bại rời khỏi Hung-ga-ri sống lưu vong. - 489, 490.

*Phê-ren-xi* (Ferenczi) - nữ ca sĩ Hung-ga-ri. - 489.

*Phi-clơ* (Fickler), I-ô-dép (1808 - 1865) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo phong trào dân chủ ở Ba-đen những năm 1848 - 1849; thành viên của chính phủ lâm thời Ba-đen năm 1849; sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thụy Sĩ, sau đó sang Anh. - 421, 422 - 427, 438, 439, 442, 443, 445, 447.

*Phin-đen* (Fielden), Giôn (1784 - 1849) - chủ xưởng Anh, nhà từ thiện tư sản, người ủng hộ luật công xưởng. - 709.

*Phlo-ry* (Fleury), Sác-lơ (tên thật là Các-lơ Phri-đrích Au-gu-xtơ *Clau-đơ*) (sinh năm 1824) - nhà buôn ở Luân Đôn, gián điệp Phổ và nhân viên của cảnh sát. - 527, 532 - 537, 558 - 565, 572, 585, 586, 589, 590, 596 - 605, 617, 619.

*Phoi-ơ-bắc* (Feuerbach), Lút-vích (1804 - 1872) - nhà triết học duy vật Đức lớn nhất trong thời kỳ trước Mác. - 341, 367, 373, 377.

*Phô-gtơ* (Vogt), Các (1817 - 1895) - nhà vạn vật học Đức, theo chủ nghĩa duy vật tầm thường, nhà dân chủ tiểu tư sản; những năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; tháng sáu 1849 là một trong năm viên quan nhiếp chính của đế chế; năm 1849 lưu vong khỏi nước Đức; bị Mác vạch mặt trong bài văn công kích "Ngài Phô-gtơ" (1860) là tay sai của Lu-i Bô-na-pác-tơ. - 124.

*Phô-len* (Follen), Au-gu-xtơ A-đôn-phơ Lút-vích (1794 - 1855) - nhà chính luận và nhà thơ Đức, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông; sau năm 1815 gia nhập phong trào sinh viên đối lập; năm 1821 lưu vong sang Thuỵ Sĩ. - 384, 390.

*Phô-sê* (Faucher), Lê-ông (1803 - 1854) - nhà chính luận tư sản và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Óc-lê-ăng, nhà kinh tế học theo phái Man-tút, bộ trưởng nội vụ (tháng Chạp 1848 - tháng Năm 1849 - 1851), sau này theo phái Bô-na-pác-tơ. - 384, 390.

*Phốc-xơ* (Fox), Uy-li-am *Giôn-xơn* (1786 - 1864) - nhà hoạt động chính trị Anh, người truyền giáo và nhà chính luận, theo phái mậu dịch tự do, về sau là đảng viên đảng tự do, nghị sĩ. - 484.

*Phrai-li-grat* (Freiligrath), Phéc-đi-năng (1810 - 1876) - nhà thơ Đức, vào đầu thời kỳ hoạt động là người theo chủ nghĩa lãng mạn, sau đó là nhà thơ cách mạng, những năm 1848 - 1849 là một trong những người biên tập tờ "Neue Rheinische Zeitung", thành viên Liên đoàn những người cộng sản; trong những năm 50 xa rời cuộc đấu tranh cách mạng. - 343, 509, 525 - 528, 592, 729, 741, 742.

*Phran-cơ* (Franck), Gu-xláp - nhà dân chủ tiểu tư sản Áo, đầu những năm 50 thế kỷ XIX sống lưu vong ở Luân Đôn. - 442.

*Phran-tơ I* (1768 - 1835) - hoàng đế Áo (1804 - 1835), hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1792 - 1806). - 45, 48.

*Phran-tơ - I-ô-xíp I* (1830 - 1916) - hoàng đế Áo (1848 - 1916). - 105, 695.

*Phren-ken-tơ* (Frankel) - công nhân người Đức ở Luân Đôn, nhà hoạt động tích cực của Liên đoàn những người cộng sản và Hội giáo dục của công nhân Đức ở Luân Đôn năm 1847, trong những năm 1849 - 1850 là uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của phái này. - 733.

*Phri-đrích I Bác-ba-rốt-xa* (khoảng 1123 - 1190) - vua Đức từ năm 1152, hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1155 - 1190). - 429.

*Phri-đrích - Au-gu-xtơ II* (1797 - 1854) - vua xứ Dắc-den (1836 - 1854). - 121.

*Phri-đrích - Vin-hem III* (1770 - 1840) - vua Phổ (1797 - 1840). - 26 - 31.

*Phri-đrích - Vin-hem IV* (1795 - 1861) - vua Phổ (1840 - 1861). - 26 - 32, 37 - 38, 49, 54, 55, 98, 100, 106, 111, 114, 115, 336, 550.



*Phrô-xtơ* (Frost), Giôn (1784 - 1877) - phần tử cấp tiến tiểu tư sản Anh, năm 1838 tham gia phong trào Hiến chương; bị kết án dẫy chung thân sang Ô-xtơ-rây-li-a vì đã tổ chức cuộc khởi nghĩa của công nhân mỏ ở Oen-xơ năm 1839; về sau được ân xá và năm 1856 trở về Anh. - 470, 518.

*Phrông-đơ* (Frond), Vích-to - sĩ quan Pháp, bị đẩy đi An-giê-ri sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, sau đó sống lưu vong ở Bỉ. - 690.

*Phruê-ben* (Frobel), I-u-li-út (1805 - 1893) - nhà chính luận Đức và nhà xuất bản sách báo tiến bộ, thuộc phái cấp tiến tiểu tư sản; tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức; đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả, về sau theo phái tự do. - 95 - 96.

*Phu-át-ê-phen-đi* (1814 - 1869) - nhà hoạt động quốc gia Thổ Nhĩ Kỳ, những năm 50 - 60 nhiều lần giữ chức bộ trưởng ngoại giao và thủ tướng. - 730.

*Phu-ri-ê* (Fourier), Sác-lơ (1772 - 1837) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp. - 33.

*Phun-đơ* (Fould), A-sin (1800 - 1867) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Óc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ, trong những năm 1849 - 1867 nhiều lần giữ chức bộ trưởng tài chính. - 197, 224, 230, 241.

*Phuyếc-xten-bec* (Furstenberg), nam tước - địa chủ Phổ, thẩm phán tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545, 621.

*Pi IX* (1792 - 1878) - giáo hoàng La Mã (1846 - 1878). - 190, 195, 730.

*Pi-e Pu-xtun-nách* (hay là Pi-e A-miêng) (khoảng 1050 - 1115) - tu sĩ và nhà truyền giáo Pháp, một trong những thủ lĩnh đội dân binh nông dân trong cuộc thập tự chinh lần thứ nhất (1096 - 1099). - 432, 433.

*Pi-pơ* (Pieper), Vin-hem (sinh khoảng 1826) - nhà triết học và nhà báo Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, lưu vong ở Luân Đôn, là người gần gũi với Mác và Ăng-ghen trong những năm 1850 - 1853. - 740 - 742.

*Pi-ta-go* (khoảng 571 - 497 trước công nguyên) - nhà toán học cổ Hy Lạp, nhà triết học duy tâm, nhà tư tưởng của tầng lớp quý tộc chủ nô. - 423.

*Pin* (Peel), Rô-bớc (1788 - 1850) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thủ lĩnh phái To-ri ôn hoà (những người theo phái Pin); bộ trưởng nội vụ (1822 - 1827 và 1828 - 1830), thủ tướng (1834 - 1835, 1841 - 1846), được sự ủng hộ của phái tự do đã tiến hành hủy bỏ những đạo luật về ngũ cốc. - 281, 292, 458, 484, 513, 627, 629, 677, 701.

*Pin* (Peel), Rô-bớc (1822 - 1895) - nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao Anh, theo phái Pin, nghị sĩ; con trai người kể trên. - 707.

*Pin-nơ* (Peene), Tô-mát - bác sĩ ở Luân Đôn. - 712.

*Pla-ten* (Platen), Au-gu-xtơ (1796 - 1835) - nhà thơ Đức, theo chủ nghĩa tự do. - 324.

*Pla-tôn* (khoảng 427 - khoảng 347 trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của tầng lớp quý tộc chủ nô. - 718.

*Pô-li-nhắc* (Polignac), Ô-guy-xtơ Guy-lơ Ác-măng Ma-ri, công tước (1780 - 1847) - nhà hoạt động quốc gia Pháp trong thời kỳ phục tích, theo phái chính thống và theo thuyết giáo quyền, bộ trưởng ngoại giao và đứng đầu nội các (1829 - 1830). - 238.

*Pru-đông* (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809 - 1868) - nhà chính luận, nhà kinh tế và nhà xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những người lập ra chủ nghĩa vô chính phủ, năm 1848 là đại biểu Quốc hội lập hiến. - 189.

*Prút-xơ* (Prutz), Rô-be (1816 - 1872) - nhà thơ, nhà chính luận và nhà lịch sử văn học Đức, theo chủ nghĩa tự do tư sản; có liên hệ với phái Hê-ghen trẻ. - 371.

*Pu-bli-cô-la* (Pu-bli-út Va-lê-ri-út Pu-bli-cô-la) (chết năm 503 trước công nguyên) - nhà hoạt động quốc gia nửa thần thoại của nền Cộng hoà La Mã. - 146.

## R

*Ra-đét-xki* (Radetzky), I-ô-dép, bá tước (1766 - 1858) - thống chế Áo, từ năm 1831 chỉ huy quân đội Áo ở Bắc I-ta-li-a, năm 1848 - 1849 đàn áp dã man phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; trong những năm 1850 - 1856 là toàn quyền vương quốc Lôm-bác-đi - Vơ-ni-đơ. - 74, 81.

*Ra-đô-vít-xơ* (Radowitz), Giô-dép (1797 - 1853) - viên tướng và nhà hoạt động quốc gia Phổ, đại biểu cho bọn gian thần trong cung đình, năm 1848 - 1849 là một trong những lãnh tụ cánh hữu ở Quốc hội Phran-phuốc - 414.

*Ra-mô-ri-nô* (Ramorino), Gi-rô-la-mô (1792 - 1849) - tướng I-ta-li-a, năm 1834 dẫn đầu cuộc hành quân của những người lưu vong cách mạng do Mát-đi-ni tổ chức đến Xa-voa; chỉ huy quân đội Pi-ê-mông trong thời gian cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a, bằng chiến thuật phản bội của mình, đã tạo điều kiện cho quân đội Áo phản cách mạng giành thắng lợi. - 396.

*Ra-tô* (Rateau), Giăng Pi-e (1800 - 1887) - luật sư Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp; theo phái Bô-na-pác-tơ. - 170.

*Ra-vô* (Raveaux), Phran-txơ (1810 - 1851) - nhà hoạt động chính trị Đức, nhà dân chủ tư sản; năm 1848-1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc của tỉnh Khuên, thuộc phái giữa thiên tả; phái viên đế chế ở Thuỵ Sĩ, tháng Sáu 1849 là một trong năm viên quan nhiếp chính của đế chế, thành viên của chính phủ lâm thời ở Ba-đen, sau khi cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Phan-xơ bị thất bại đã rời khỏi nước Đức sống lưu vong. - 447, 449.

*Rai-ninh-gơ* (Reininger), Giô-han Ghê-oóc - thợ may người Đức, thành viên của một trong những chi bộ Pa-ri thuộc nhóm phiêu lưu bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ sau khi Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt; một trong những bị cáo của cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức ở Pa-ri tháng Hai 1852. - 564.

*Rai-sếc-xơ* (Reicherzer), G. - người Đức lưu vong ở Mỹ, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là thành viên Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa. - 743, 744.

*Rai-sen-bắc* (Reichenbach), Ô-xca, bá tước (sinh năm 1815) - địa chủ vùng Xi-lê-di, nhà dân chủ tiểu tư sản, đại biểu Quốc hội Phran-phuốc trong những năm 1848 - 1849, từ năm 1850 lưu vong ở Anh, sau đó ở Mỹ. - 409, 430, 437, 441, 449, 615.

*Rai-xtơ* (Reistle), E. - người Đức lưu vong ở Mỹ, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là thành viên Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa. - 744.

*Rát-thơ* (Rath) - chủ xưởng ở Khuên, thẩm phán tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 545.

*Rê-may-da* (Rémusat), Sác-lơ, Phrăng-xoa Ma-ri, bá tước (1797 - 1875) - nhà hoạt động quốc gia và nhà văn Pháp, theo phái Oóclê-ăng, bộ trưởng nội vụ (1840), trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng ngoại giao (1871 - 1873). - 214, 215.

*Rê-nhô Đờ Xanh - Giăng đ'Ăng-giê-li* (Regnault de Saint - Jean d'Angély), Ô-guy-xtơ Mi-sen Ê-chiên, bá tước (1794 - 1870) - tướng Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng chiến tranh (tháng Giêng 1851), tham gia cuộc Chiến tranh Crưm. - 224.

*Ri-các-đô* (Ricardo), Đa-vít (1772 - 1823) - nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển. - 715, 718.

*Ri-pha-át-pa-sa* (1798 - 1855) - nhà hoạt động quốc gia và nhà ngoại giao Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1853 là bộ trưởng ngoại giao. - 730.

*Ri-sơ I* Tim sư tử (1157 - 1199) - vua Anh (1189 - 1199). - 355.

*Ri-sơ III* (1452 - 1485) - vua Anh (1483 - 1485). - 234.

*Ri-sớt* (Richards), An-phrết Bây-tơ (1820 - 1876) - nhà soạn kịch, nhà báo Anh, chống lại chủ nghĩa hoà bình của Cốp-đen và phái Man-se-xtơ. - 722.

*Rinh-xơ* (Rings), L.V. - thành viên Liên đoàn những người cộng sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX sống lưu vong ở Luân Đôn, người ủng hộ Mác và Ăng-ghen. - 582 - 587, 592, 599, 741, 743.

*Rít-sơ-mân* (Richmond), Sác *Len-nốc Goóc-đơn*, công tước (1791 - 1860) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, theo phái bảo hộ mậu dịch. - 694.

*Roay-ê - Cô-la* (Royer - Collard), Pi-e Pôn (1763 - 1845) - nhà triết học và nhà hoạt động chính trị Pháp, ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến. - 147.

*Roi-slin* (Reuchlin), Giô-han (1455 - 1522) - bác học, nhà triết học và nhà luật học Đức, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa nhân đạo. - 373.

*Roi-tơ* (Reuter), Mác-xơ - nhân viên của cảnh sát Phổ ở Luân Đôn đầu những năm 50 thế kỷ XIX. - 532, 535, 553, 613.

*Rô-be-xpi-e* (Robespierre), Mắc-xi-mi-liêng (1758 - 1794) - nhà hoạt động lỗi lạc của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ phái Gia-cô-banh, đứng đầu chính phủ cách mạng (1793 - 1794). - 145, 146, 406.

*Rô-bin-xơn* (Robinson), Phrê-đê-rích Giôn, tử tước *Gô-đrích* (1782 - 1859) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo đảng To-ri, trong những năm 1823 - 1827 là bộ trưởng tài chính và thủ tướng (1827 - 1828). - 500.

*Rô-den-blum* (Rosenblum), Ê-đu-a - sinh viên Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den- Pphan-xơ năm 1849; sau khi khởi nghĩa thất bại đã rời khỏi nước Đức sống lưu vong. - 387.

*Rô-khốp* (Rochow), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1792 - 1847) - đại biểu của bọn gioong-ke phản cách mạng Phổ; bộ trưởng nội vụ Phổ (1834 - 1842). - 562.

*Rôn-ngơ* (Ronge), I-ô-han-nét (1813 - 1887) - linh mục Đức, một trong những người khởi xướng phong trào "những người công giáo Đức" muốn làm cho đạo Thiên Chúa thích ứng với những nhu cầu của giai cấp tư sản Đức, tham gia cuộc Cách mạng 1848 - 1849, nhà dân chủ tiểu tư sản; sau khi cách mạng bị thất bại, sống lưu vong ở Anh. - 373, 409 - 413, 415, 438, 442.

*Rốt-sin* (Rothschild), An - xem (1773 - 1855) - người đứng đầu dòng họ chủ ngân hàng Rốt-sin ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ. - 31.

*Rốt-sin* (Rothschild), Lai-ô-nên, nam tước (1808 - 1879) - người đứng đầu dòng họ chủ ngân hàng Rốt-sin ở Luân Đôn; theo đảng Vích, từ năm 1858 là nghị sĩ. - 693, 707.

*Rốt-tếch* (Rotteck), Các (1775 - 1840) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị tư sản Đức, theo phái tự do chủ nghĩa. - 23 - 25, 35, 362 - 366, 389, 415.

*Rơ-na* (Renard) - thầy giáo dạy môn viết tập ở Khuên, người giám định tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 606.

*Rớt-xen* (Russell), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thủ lĩnh đảng Vích, thủ tướng (1846 - 1852 và 1865 - 1866), bộ trưởng ngoại giao (1852 - 1853 và 1859 - 1865). - 289 - 293, 458, 467, 483, 513 - 519, 520, 627, 643, 648, 650, 676, 691 - 693, 699, 704 - 709.

*Ru-ê* (Rouher), Ô-gien (1814 - 1884) - nhà hoạt động quốc gia Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng tư pháp (1849 - 1852 có gián đoạn); trong thời kỳ Đế chế thứ hai giữ một loạt chức vụ nhà nước. - 217 - 218, 230.

*Ru-gơ* (Ruge), Ác-nôn (1802 - 1880) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ; theo phái cấp tiến tư sản, năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; vào những năm 50 là một trong những thủ lĩnh của giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Anh; sau năm 1866 theo chủ nghĩa tự do - dân tộc. - 360, 366 - 378, 383, 389 - 394, 402 - 406, 409 - 417, 419, 423, 427, 430, 436 - 439, 441 - 445, 446, 447, 547.

*Ru-sắc* (Ruscaak) - thợ may Hung-ga-ri, nhà dân chủ, bạn chiến đấu của Cô-sút. - 695.

*Ruê-đơ* (Röser), Pê-tơ Ghéc-hác (1814 - 1865) - nhà hoạt động trong phong trào công nhân Đức; công nhân làm thuốc lá; năm 1840 - 1849 là phó chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Khuên; thành viên Liên đoàn những người cộng sản; một trong những người bị buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), bị kết án 6 năm tù giam, sau này gia nhập phái Lát-xan. - 543, 613, 624.

*Ruê-mơ* (Roemer), Phri-đrích (1794 - 1864) - nhà hoạt động quốc gia Vuyếc-tem-béc, trước năm 1848 là một trong những lãnh tụ của phe đối lập tự do chủ nghĩa ở nghị viện thứ hai, trong những năm 1848 - 1849 là bộ trưởng tư pháp và thủ tướng chính phủ Vuyếc-tem-béc, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc. - 23 - 26, 426.

*Ruê-xlơ* (Roesler), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1818 - 1855) - thầy giáo và nhà báo Đức, trong những năm 1848 - 1849 là đại biểu của cánh tả ở Quốc hội Phran-phuốc; từ năm 1850 sống lưu vong ở Mỹ. - 136.

*Rum-phơ* (Rumpf), Ê. - thợ may Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, từ năm 1851 lưu vong ở Luân Đôn, người ủng hộ Mác và Ăng-ghen. - 740, 741, 743.



## S

*Sa-bê-lít-xơ* (Schabelitz) - nhà xuất bản và phát hành sách người Thụy Sĩ. - 725.

*Sa-bê-lít-xơ* (Schabelitz), Gia-cốp (1827 - 1899) - nhà xuất bản và phát hành sách người Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến tư sản; cuối những năm 40 - đầu những năm 50 giữ vững mối quan hệ với Mác và Ăng-ghen; con trai người nêu ở trên. - 725.

*Sa-đu-en* (Shadwell) - đầu những năm 50 thế kỷ XIX là luật sư - thanh tra vùng Mít-đơn-xếch. - 506.

*Sa-mít-xô* (Chamisso), A-đan-béc phôn (1781 - 1838) - nhà thơ lãng mạn Đức, đấu tranh chống thế lực phản động phong kiến. - 175 - 177, 324, 348 - 349.

*Sa-rát* (Charras), Giăng Ba-ti-xtơ A-đôn-phơ (1810 - 1865) - nhà hoạt động chính trị và quân sự Pháp, phần tử cộng hòa tư sản ôn hoà; tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu 1848 của công nhân Pa-ri; trong thời kỳ Cộng hoà thứ

hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, chống lại Lu-i Bô-na-pác-tơ, sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 bị trục xuất khỏi nước Pháp. - 255.

*Sác-lơ I* (1600 - 1649) - vua Anh (1625 - 1649), bị xử tử trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII. - 690.

*Sác-lơ-ma-nhơ Đại đế* (khoảng 742 - 814) - vua xứ Phrăng-cơ (768 - 800) và hoàng đế (800 - 814). - 66.

*Sáp-pơ* (Schapper), Các (khoảng 1812 - 1870) nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những lãnh tụ của Liên đoàn những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849; thành viên khu uỷ vùng Ranh của những người dân chủ, tháng Hai - tháng Năm 1849 là chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Khuên; năm 1850 là một trong những thủ lĩnh nhóm phiêu lưu - bè phái trong thời kỳ Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt; năm 1856 trở lại gần gũi với Mác; ủy viên Tổng hội đồng quốc tế I. - 313, 404, 407, 547, 548, 552, 553, 559, 565, 568, 573, 609, 613, 616, 733, 735 - 739.

*Săm-bo* (Chambord), Hăng-ri Sác-lơ, bá tước (1820 - 1883) - đại biểu cuối cùng của dòng Buốc-bông trưởng, cháu trai của Sác-lơ X, người tranh ngôi vua Pháp dưới cái tên là Hăng-ri V. - 182, 209, 235, 237, 241.

*Săng-gác-ni-ê* (Changarnier), Ni-cô-la Ăng Tê-ô-đuyn (1793 - 1877) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị tư sản Pháp, theo chủ nghĩa quân chủ; trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp; sau tháng Sáu 1848 chỉ huy quân đồn trú và đội cận vệ quốc gia ở Pa-ri, tham gia giải tán cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu 1849 ở Pa-ri. - 68, 171, 173, 176, 185, 191, 212 - 215, 218, 222 - 228, 231, 239, 243, 250, 254, 255.

*Se-li* (Shelley), Giôn (1808 - 1867) - nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái mậu dịch tự do, nghị sĩ. - 721.

*Séc-men Crâu-phớt* - xem *Crâu-phớt*, Uy-li-am *Séc-men*.

*Séc-van* (Chervalˌ), Giu-liên (tên thật là Gô-đếp *Crê-mơ*) - kẻ khiêu khích của cảnh sát Pháp, chui vào hàng ngũ của Liên đoàn những người cộng sản; sau khi Liên đoàn bị phân liệt thì lãnh đạo một trong những chi bộ ở Pa-ri thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái Vi-lích - Sáp-pơ; một trong những bị cáo của cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức ở Pa-ri. Tháng Hai 1852, đã trốn khỏi nhà tù nhờ sự giúp đỡ của cảnh sát. - 531 - 532, 533, 555, 557 - 575, 595, 597, 612, 619, 622, 624.

*Sếch-xpia* (Shakespeare), Uy-li-am (1564 - 1616) - nhà văn Anh vĩ đại. - 211, 262, 423.

*Si-lơ* (Schiller), Phri-đrích (1759 - 1805) - nhà văn vĩ đại Đức. - 212, 220, 330, 622.



*Sim-men-phen-ních* (Schimmelpfennig), A-lếch-xan-đrơ (1824 - 1865) - sĩ quan Phổ, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó sống lưu vong, gia nhập nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ; tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ, đứng về phía những người phương Bắc. - 402, 430, 437, 441.

*Sluên-bắc* (Schlönbach), Các Ác-nôn (1807 - 1866) - nhà thơ Đức, bạn của Gốt-phrit Kin-ken. - 337.

*Smit-xơ* (Schmitz), T. - người đưa thư riêng ở Khuên, nhân chứng bênh vực tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 584, 585.

*Snai-đơ II* (Schneider), Các - luật sư Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 là chủ tịch Hội dân chủ ở Khuên và thành viên khu ủy vùng Ranh của những người dân chủ; người bảo vệ Mác và Ăng-ghen tại vụ án đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" ngày 7 tháng Hai 1849; một trong những bị cáo tại vụ án khu ủy vùng Ranh của những người dân chủ ngày 8 tháng Hai 1849; nghị sĩ nghị viện thứ hai, thuộc cánh tả cực đoan, người bào chữa tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 527, 569, 583, 591, 593, 595, 597, 603, 607.

*Snau-phơ* (Schanauffer), Các Hen-rích (1823 - 1854) - nhà thơ và nhà báo Đức, nhà dân chủ; tham gia phong trào cách mạng 1848 - 1849 ở Ba-đen; sau khi cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849 thất bại đã rời nước Đức sống lưu vong. - 387.

*Sớc-tơ-nơ* (Schärttner), Au-gu-xtơ - thợ đóng thùng ở Ha-nau, tham gia cuộc cách mạng 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó sống lưu vong ở Luân Đôn, chủ quán, nơi những người lưu vong tiểu tư sản Đức thường tụ tập, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ, ủy viên ban chấp hành trung ương của phái này. - 403 - 404, 420, 422, 616.

*Spi-xơ* (Spieß), Cri-xchi-an Hen-rích (1755 - 1799) - nhà văn Đức, tác giả của những tiểu thuyết giải trí. - 327.

*Sram* (Schramm), Côn-rát (khoảng 1822 - 1858) - người tham gia xuất sắc của phong trào công nhân Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sống lưu vong ở Luân Đôn từ năm 1849, chịu trách nhiệm xuất bản tờ "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", đứng về phía Mác trong thời kỳ Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt, bạn và chiến hữu của Mác và Ăng-ghen. - 565 - 567, 733, 739.

*Sram* (Schramm), Giăng Pôn A-đam (1789 - 1884) - viên tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng chiến tranh (1850-1851). - 215.

*Sram* (Schramm), Ru-đôn-phơ (1813 - 1882) - nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 là đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả, sau cuộc cách

mạng lưu vong sang Anh; chống lại Mác; trong những năm 60 là người ủng hộ Bit-xmác. - 360 - 362, 366, 378, 404 - 405, 409, 443, 447 - 448.

*Sta-rơ* (Stahr), A-đôn-phơ Vin-hem Tê-ô-đo (1805 - 1876) - nhà văn Đức, tác giả của những tiểu thuyết lịch sử và những nghiên cứu về lịch sử văn học và nghệ thuật. - 354.

*Stai-khen-xơ* (Steingens), Du-ít-bớc Hen-rích Héc-man (sinh khoảng năm 1817) - công nhân Đức, thợ sơn, tham gia phong trào công nhân Đức ở Bruy-xen, thành viên Liên đoàn những người cộng sản; sau khi Liên đoàn bị phân liệt thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ; nhân chứng buộc tội tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852). - 579, 610.

*Stai-nơ* (Stein), Lo-ren-txơ (1815 - 1890) - Luật sư Đức, nhà nghiên cứu về nhà nước, nhân viên mật vụ của Chính phủ Phổ, tác giả cuốn sách "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản của nước Pháp hiện đại". - 622, 623.

*Stê-khan* (Stechan), Gốt-líp Lút-vích (sinh khoảng năm 1814) - thợ mộc quê ở Han-nô-vơ, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ, từ tháng Chạp 1851 gia nhập nhóm những người ủng hộ Mác và Ăng-ghen, từ tháng Giêng 1852 lãnh đạo hội công nhân ở Luân Đôn. - 582.

*Sti-bơ* (Stieber), Vin-hem (1818 - 1882) - quan chức cảnh sát Phổ, một trong những kẻ tổ chức vụ án ở Khuên chống lại những thành viên của Liên đoàn những người cộng sản và là nhân chứng chính tại vụ án này (1852); cùng với Vếc-mút soạn cuốn sách "Những âm mưu của chủ nghĩa cộng sản thế kỷ XIX"; về sau chỉ huy lực lượng cảnh sát chính trị Phổ. - 510, 527, 528, 532, 534, 536, 544 - 548, 551 - 559, 601, 606, 613, 618 - 621.

*Stiếc-nơ* (Stirner), Ma-khơ (Bút danh của Ca-xpa *Smít*) (1806 - 1856) - nhà triết học Đức, theo phái Hê-ghen trẻ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa vô chính phủ tư sản. - 373.

*Stơ-rau-xơ* (Strauß), Đa-vít Phri-đrích (1808 - 1874) - nhà triết học và nhà chính luận Đức, một trong những người xuất sắc của phái Hê-ghen trẻ; sau năm 1866 theo chủ nghĩa tự do - dân tộc. - 341, 367.

*Stơ-rốt-man* (Strodtmann), A-đôn-phơ (1829 - 1879) - nhà văn Đức, nhà dân chủ tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ năm 1848, năm 1850 rời khỏi nước Đức sống lưu vong. - 317, 332 - 338, 339 - 340, 342, 354; 402, 403, 430.

*Stơ-ru-vơ* (Struve), A-ma-li-a (chết năm 1862) - người tham gia phong trào dân chủ ở Đức những năm 1848 - 1849; vợ của Gu-xtáp Stơ-ru-vơ. - 364, 365, 387, 414.

*Stơ-ru-vơ* (Struve), Gu-xtáp (1805 - 1870) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, làm nghề nhà báo, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Ba-đen tháng Tư và tháng Chín 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau khi cách mạng thất bại rồi khỏi Đức sống lưu vong; một trong những lãnh tụ của giới lưu vong tiểu tư sản Đức ở Anh, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía những người phương Bắc. - 360 - 366, 377 - 380, 385 - 390, 393, 405, 409 - 412, 414, 415, 419, 431.



*Stuy-vơ* (Stüve), Giô-han Các Béc-tơ-ram (1798 - 1872) - nhà hoạt động chính trị Đức, theo chủ nghĩa tự do, bộ trưởng nội vụ Han-nô-vơ (1848 - 1850). - 23 - 25.

*Su-lơ* (Schuler), I.L. - người Đức lưu vong ở Mỹ, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là thành viên của Liên đoàn thể dục xã hội chủ nghĩa. - 743, 744.

*Sun-txơ* (Schultz) (chết năm 1852) - cảnh sát trưởng ở Khuên, một trong những kẻ tổ chức vụ án ở Khuên chống những thành viên của Liên đoàn những người cộng sản (1852). - 544, 582, 606, 619.

*Suốc-xơ* (Schurz), Các-lơ (1829 - 1906) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; lưu vong sang Thụy Sĩ, sau này là nhà hoạt động quốc gia Mỹ. - 336, 355, 402, 403, 430, 436 - 443, 449.

*Suýt-xơ* (Schütz) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, đại diện của chính phủ lâm thời Ba-đen ở Pa-ri; về sau lưu vong sang Anh. - 377.

*Soác-txơ* (Schwarzer), Ec-nơ-txơ (1808 - 1860) - quan chức và nhà chính luận Áo, bộ trưởng phụ trách các công việc xã hội (tháng Bảy - tháng Chín 1848). - 83.

*Soác-xen-béc* (Schwarzenberg), Phê-lích, công tước (1800 - 1852) - nhà hoạt động quốc gia phản động và nhà ngoại giao Áo, sau khi đàn áp cuộc cách mạng Viên tháng Mười 1848 là thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao. - 52.

## T

*Ta-lây-răng - Pê-ri-go* (Talleyrand - Périgord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, công tước (1754 - 1838) - nhà ngoại giao Pháp nổi tiếng, bộ trưởng ngoại giao (1797 - 1799, 1799 - 1807, 1814 - 1815), đại diện của nước Pháp ở Hội nghị Viên (1814 - 1815), có đặc tính là cực kỳ vô nguyên tắc trong chính trị và rất hám lợi. - 438.

*Ta-xít* (Pu-bli-ût Coóc-nê-li-ût Ta-xít) (khoảng 55 - khoảng 120) - nhà sử học La Mã nổi tiếng. - 391, 681.

*Tau-đơ-nau* (Tausenau), Các (1808 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Áo, đại biểu có tiếng của cánh tả đảng dân chủ tiểu tư sản, đứng đầu ủy ban trung ương các hội dân chủ ở Viên trong thời kỳ cách mạng năm 1848; từ năm 1849 sống lưu vong ở Luân Đôn. - 409, 438 - 442, 445 - 448.

*Te-khốp* (Techow), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1813 - 1893) - sĩ quan Phổ, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia các sự kiện cách mạng năm 1848 ở Bec-lin, tổng tham mưu trưởng quân đội cách mạng Pphan-xơ, sau khi cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849 thất bại lưu vong sang Thụy Sĩ, một trong những người lãnh đạo liên minh "Tập trung cách mạng" của giới lưu vong ở Thụy Sĩ, năm 1852 sang Ô-xtơ-rây-li-a. - 402, 430, 437.

*Ti-rít-côn-nen* (Tyrconnel), Giôn Đê-la-van *Cúc-pen-tơ*, bá tước (khoảng 1790 - 1853) - quý tộc Anh. - 681.

*Tít-xơ* (Tietz), Phri-đrích Vin-hem (sinh khoảng 1823) - thợ may Đức, thành viên Liên đoàn những người cộng sản, sau khi Liên đoàn bị phân liệt năm 1850 thì thuộc nhóm phiêu lưu - bè phái Vi-lích - Sáp-pơ. - 564.

*Tô-ri-nhi* (Thoriguy), Pi-e Phrăng-xoa Ê-li-đa-bớt (1798 - 1869) - luật sư Pháp, năm 1834 điều tra vụ những người tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Tư ở Ly-ông, theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng nội vụ (1851). - 251.

*Tô-rinh-tơn* (Torrington), Giooc-giơ *Binh*, tử tước (1812 - 1884) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc Đảng Vích, nghị sĩ, toàn quyền đảo Xây-lan (1847 - 1850). - 470.

*Tốc-cơ-vin* (Tocqueville), A-lê-xi (1805 - 1859) - nhà sử học tư sản và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái chính thống và ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập pháp và Quốc hội lập hiến, bộ trưởng ngoại giao (tháng Sáu - tháng Mười 1849). - 239.

*Tôm-xơn* (Thompson), Tô-mát *Pê-rô-nét* (1783 - 1869) - nhà hoạt động chính trị tư sản Anh, nhà kinh tế học tầm thường, theo phái mậu dịch tự do. - 483 - 485.

*Trô-lốp* (Trollope), Giôn (sinh năm 1800) - nhà hoạt động chính trị Anh, nghị sĩ. - 721.

*Tu-cơ* (Tooke), Tô-mát (1774 - 1858) - nhà kinh tế học tư sản Anh, theo trường phái cổ điển, phê phán học thuyết về tiền tệ của Ri-các-đô. - 500.

## U

*U-đi-nô* (Oudinot), Ni-cô-lai Sác-lơ Vích-to (1791 - 1863) - tướng Pháp, theo phái Oóc-lê-ăng, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, năm 1849 chỉ huy quân viễn chinh chống nước Cộng hoà La Mã; ra sức tổ chức kháng cự chống lại cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 172, 189.

*Uây-cơ-phin* (Wakefield), Ét-uốt *Gi-bơn* (1796 - 1862) - nhà hoạt động quốc gia Anh, nhà kinh tế học, đề ra thuyết di dân tư sản. - 647, 649.



*Un-mơ* (Ulmer), Giô-han - thành viên Liên đoàn những người cộng sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX sống lưu vong ở Luân Đôn, trong thời kỳ Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt đứng về phía Mác và Ăng-ghen. - 584, 599, 741, 743.

*Un-phơ* (Woolf), Ác-tua (1766 - 1837) - kỹ sư và nhà phát minh Anh. - 653.

*Uốc-đơ* (Ward), Hen-ri Giooc-giơ (1797 - 1860) - quan chức thực dân Anh, theo đảng Vích, cao ủy quần đảo I-ô-niêng (1849 - 1855), toàn quyền đảo Xây-lan (1855 - 1860) và xứ Ma-đrát (1860). - 470.

*Uôn-pôn* (Walpole), Xpen-xơ Hô-ra-xơ (1806 - 1898) - nhà hoạt động quốc gia Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng nội vụ (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1867). - 629.

*Uy-li-am IV* (1765 - 1837) - vua Anh (1830 - 1837). - 729.

*Uy-li-am* (Williams), Dê-pha-nai-a (khoảng 1794 - 1874) - người theo phái Hiến chương, một trong những người tổ chức cuộc khởi nghĩa của công nhân mỏ ở Oen-xơ năm 1839; bị kết án đầy chung thân sang Ô-xtơ-rây-li-a. - 470, 518.

*Uyn-xơn* (Wilson), Giooc-giơ (1808 - 1870) - chủ xưởng và nhà hoạt động chính trị Anh, theo phái mậu dịch tự do, chủ tịch Đồng minh chống những đạo luật về ngũ cốc (1841 - 1846). - 684.

## V

*Va-it-xơ* (Vaisse), Clốt Ma-ri-uýt (1799 - 1864) - nhà hoạt động quốc gia Pháp, theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng nội vụ (tháng Giêng - tháng Tư 1851). - 229.

*Va-ti-mê-nin* (Vatimesnil), Ăng-toan Phrăng-xoa Hăng-ri (1789 - 1860) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái chính thống, bộ trưởng giáo dục (1828 - 1830), đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851). - 230.

*Van-đéch-cơ* (Waldeck), Bê-nê-đích-tơ Phrăng-xơ Lê-ô (1802 - 1870) - nhà hoạt động chính trị Đức, phần tử cấp tiến tư sản, làm nghề luật sư, năm 1848 là một trong những người lãnh đạo cánh tả, phó chủ tịch Quốc hội Phổ, về sau theo đảng tiến bộ. - 406.

*Vây-xơ* (Weiß), Giô-han Gốt-líp Cri-xti-en (1790 - 1853) - nghệ sĩ và nhà đạo diễn Đức. - 324.

*Ve-ri-ti* (Verity), E.A. - linh mục Anh. - 711.

*Ve-xtơ-pha-len* (Westphalen), Phê-đi-nan Phôn (1799 - 1876) - nhà hoạt động quốc gia Phổ, bộ trưởng nội vụ (1850 - 1858), một phần tử phản động, anh cùng cha khác mẹ của Gien-ni, vợ Mác. - 698.

*Vec-mút* (Wermuth) - cảnh sát trưởng ở Ha-nô-vơ, người làm chứng tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852); cùng với Stí-bơ biên soạn cuốn "Những âm mưu của chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ thứ mười chín". - 545 - 548, 577, 596, 606.

*Ven-cơ* (Welcker), Các Tê-ô-đo (1790 - 1869) - luật gia Đức, nhà chính luận theo chủ nghĩa tự do; trong những năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa thiên hữu. - 24, 35, 95, 363, 389, 395.

*Ven-cơ-stéc* (Wenckstern), Ốt-tô - nhà báo Đức, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là cộng tác viên của tờ "Times", gián điệp Phổ ở Luân Đôn. - 729.

*Vê-nê-đây* (Venedey), I-a-cốp (1805 - 1871) - nhà chính luận cấp tiến Đức, trong những năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; sau cuộc cách mạng 1848 - 1849 theo chủ nghĩa tự do. - 383.

*Vê-rông* (Véron), Lu-i Đê-di-rê (1798 – 1867) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị Pháp, trước năm 1848 theo phái Oóc-lê-ăng, sau đó theo phái Bô-na-pác-tơ, chủ báo "Constitutionnel". - 276.

*Vi-đy-ra* (Vieyra) - đại tá Pháp; năm 1851 là tổng tham mưu trưởng đội cận vệ quốc gia; theo phái Bô-na-pác-tơ; tham gia tích cực vào cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 190.

*Vi-đan* (Vidal), Phrăng-xoa (1814 - 1872) - nhà kinh tế, nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, năm 1848 là thư ký Ủy ban Lúc-xăm-bua, đại biểu Quốc hội lập pháp (1850 - 1851). - 204.

*Vi-đin* (Vidil), Giuy-lơ - sĩ quan Pháp, nhà xã hội chủ nghĩa, ủy viên ban chấp hành hội những người Pháp lưu vong theo phái Blăng-ki ở Luân Đôn; sau khi Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt vào năm 1850, đã có quan hệ với nhóm phiêu lưu - bè phái của Vi-lích - Sáp-pơ. - 407.

*Vi-găng* (Wigand), Ốt-tô (1795 - 1870) - người xuất bản và phát hành sách người Đức, chủ hãng sách ở Lai-pxích chuyên xuất bản những tác phẩm của các nhà văn cấp tiến; tham gia phong trào cách mạng ở Dắc-den trong những năm 1848 - 1849. - 373 - 375.

*Vi-len* (Villele), Giăng Ba-ti-xtơ Xê-ra-phanh Giô-dép, bá tước (1773 - 1854) - nhà hoạt động quốc gia Pháp thời kỳ phục tích theo phái chính thống, thủ tướng (1822 - 1828). - 238.

*Vi-li-đen* (Willisen), Vin-hem (1790 - 1879) - viên tướng và nhà lý luận quân sự Phổ, năm 1848 là phái viên của hoàng gia ở Pô-dơ-nan, tổng tư lệnh quân đội Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ trong cuộc chiến tranh chống Đan Mạch. - 432.

*Vi-li-đe-xơ* (Villiers), Sác-lơ (1802 - 1898) - nhà hoạt động chính trị và luật sư Anh, theo phái mậu dịch tự do, nghị sĩ. - 626, 648.

*Vi-lích* (Willich), Au-gu-xtơ (1810 - 1878) - sĩ quan Phổ bị sa thải khỏi quân đội vì quan điểm chính trị, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, tham gia cuộc khởi nghĩa ở Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; một trong những người cầm đầu nhóm phiêu lưu - bè phái, ly khai khỏi Liên đoàn những người cộng sản vào năm 1850; năm 1853 lưu vong sang Mỹ, tham gia cuộc nội chiến, đứng về phía những người phương Bắc. - 313, 349, 405 - 410, 413, 414, 418, 430 - 438, 441 - 448, 449, 547, 549, 551, 553, 555, 559, 562 - 566, 573, 608, 609, 610 - 617, 738.

*Vi-xcôn-ti*, hầu tước phu nhân - xem *Ác-cô-na-ti Vi-xcôn-ti*, Côn-xtan-xa.

*Vích-tô-ri-a* (1819 - 1901) - nữ hoàng Anh (1837 - 1901). - 641, 675.

*Vin-đi-sơ-grét-xơ* (Windischgrätz), An-phrết, công tước (1787 - 1862) - thống chế Áo; năm 1848 cầm đầu việc đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Pra-ha và Viên; những năm 1848 - 1849 chỉ huy quân đội Áo đàn áp cuộc cách mạng ở Hung-ga-ri. - 72, 81, 84, 87, 96, 375.

*Vin-hem I* (1797 - 1888) - hoàng tử Phổ, vua Phổ (1861 - 1888), hoàng đế Đức (1871 - 1888). - 446.

*Vin-hem I* (1781 - 1864) - vua xứ Vuyốc-tem-bớc (1816 - 1864). - 121.

*Vin-ken-blếch* (Winkelblech), Các Gê-oóc (1810 - 1865) - nhà kinh tế Đức, đưa ra học thuyết phản động về việc phục hồi lại các phường hội, cái gọi là "chủ nghĩa xã hội liên bang". - 344.

*Vít-xơ* (Wiß), C. - bác sĩ và nhà báo Đức, theo phái Hê-ghen trẻ, nhà dân chủ tiểu tư sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX lưu vong ở châu Mỹ. - 417.

*Vôn-phơ* (Wolf), Phrê-đi-năng (1812 - 1895) - nhà chính luận Đức, trong những năm 1846 - 1847 là thành viên của Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen, thành viên của Liên đoàn những người cộng sản, trong những năm 1848 - 1849 là một trong những biên tập viên tờ "Neue Rheinische Zeitung"; sau cuộc cách mạng 1848 - 1849 đi cư khỏi nước Đức trong thời gian Liên đoàn những người cộng sản bị phân liệt vào năm 1850, là người ủng hộ Mác; về sau không hoạt động chính trị nữa. - 740, 741, 743.

*Vôn-phơ* (Wolff), Vin-hem (1809 - 1864) - nhà cách mạng vô sản Đức, làm nghề dạy học, con trai một nông nô ở Xi-lê-di; tham gia phong trào sinh viên, trong những năm 1834 - 1839 bị cầm tù trong xà lim Phổ; trong những năm 1846 - 1847 là thành viên của Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen, từ tháng Ba 1848 là ủy viên Ban chấp hành trung ương Liên đoàn những người cộng sản, trong những năm 1848 - 1849 là một trong những biên tập viên tờ "Neue Rheinische Zeitung", đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen. - 123 - 125, 134, 509, 525 - 528, 529, 740, 741, 743.

*Vôn-phram Phôn Ê-sen-bắc* (khoảng 1170 - khoảng 1220) - nhà thơ Đức thời kỳ trung cổ, tác giả trường ca hiệp sĩ "Pác-xi-phan". - 323.

*Vôn-te* (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (tên thật là *A-ru-ê*) (1694 - 1778) - nhà triết học - thần luận, nhà văn trào phúng, nhà sử học Pháp, đại biểu nổi tiếng của phái khai sáng tư sản thế kỷ XVIII, đấu tranh chống chế độ chuyên chế và Thiên Chúa giáo. - 423.

*Vran-ghen* (Wrangel), Phri-đrích Hen-rích Ếc-nơ-xtơ (1784 - 1877) - viên tướng, đại biểu khét tiếng của giới quân phiệt phản động Phổ, một trong những kẻ tham gia chính cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ và giải tán Quốc hội Phổ tháng Mười một 1848. - 98, 100, 374 - 377.

Vút (Wood), Sác-lơ (1800 - 1885) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo đảng Vích, trong những năm 1846 - 1852 là bộ trưởng tài chính, chủ tịch Hội đồng kiểm tra về vấn đề Ấn Độ (1852 - 1855), trong những năm 1855 - 1858 là bộ trưởng hải quân (bộ trưởng hàng hải) và bộ trưởng phụ trách các vấn đề Ấn Độ (1859 - 1866). - 467, 470, 471, 638 - 641, 649, 676, 700.

## X

*Xu-ben* (Zabel), Phri-đrích (1802 - 1875) - nhà chính luận Đức theo chủ nghĩa tự do, biên tập viên tờ báo ở Béc-lin "National - Zeitung" (1848 - 1875). - 422.

*Xa-phi* (Saffi), Au-rê-li-ô (1819 - 1890) - nhà cách mạng và nhà văn I-ta-li-a, nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc, bạn chiến đấu của Mát-di-ni; tham gia cuộc Cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a; năm 1851 lưu vong sang Anh, từ năm 1872 lãnh đạo đảng cộng hoà ở I-ta-li-a. - 724.

*Xa-thơ-len* (Sutherland), Ê-li-da-bết *Lay-xơn Gô-e*, bá tước phu nhân *Xtáp-phớt*, nữ bá tước phu nhân từ năm 1833 là nữ công tước phu nhân (1765 - 1839) - đại địa chủ Xcốt-len; vợ của bá tước Xtáp-phớt, mẹ chồng của Xa-thơ-len Ha-ri-ét Ê-li-da-bết. - 661, 662, 667, 669.

*Xa-thơ-len* (Sutherland), Ha-ri-ét Ê-li-da-bết Giooc-gi-a-na *Lay-xơn Gô-e*, nữ công tước (1806 - 1868) - đại địa chủ Xcốt-len, nhà hoạt động của đảng Vích. - 665 - 669.

*Xan-đri* (Sandry), Mê-ri An (khoảng 1810 - 1853) - nữ nhân viên Anh. - 712.

*Xan-lăng-đru-đơ* (Sallandrouze), Sác-lơ Giăng (1808 - 1867) - nhà công nghiệp Pháp, đại biểu Quốc hội lập hiến (1848 - 1849); ủng hộ Lu-i Bô-na-pác-tơ trong cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851. - 254.

*Xan-văng-đi* (Salvandy), Nác-xít A-xin, bá tước (1795 - 1856) - nhà văn và nhà hoạt động quốc gia Pháp, theo phái Óc-lê-ăng, bộ trưởng giáo dục (1837 - 1839 và 1845 - 1848). - 236.

*Xanh - Ác-nô* (Saint - Arnaud), Ác-măng *Giắc Lơ-rơu đờ* (1801 - 1854) - tướng Pháp, từ năm 1852 là nguyên soái; theo phái Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng chiến tranh (1851 - 1854), một trong những người tổ chức cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, năm 1854 là tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Crưm. - 173.



*Xanh - Bơ-vơ* (Sainte - Beuve), Pi-e Hăng-ri (1819 - 1855) - chủ xưởng và địa chủ Pháp, tán thành tự do mậu dịch, đại biểu của đảng trật tự, trong thời kỳ Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp. - 243.

*Xanh - Giăng Đ'Ăng-giê-li* - xem *Bê-nhô Đờ Xanh - Giăng D'Ăng-giê-li*, Ô-guy-xtơ Mi-sen Ê-chiên.

*Xanh - Giéc-man-xơ* (Saint - Germans), Ét-uốt Gran-vin *Ê-li-ốt*, bá tước (1798 - 1877) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo phái Pin; bộ trưởng phụ trách các vấn đề về Ai-rơ-len (1841 - 1845) và toàn quyền Ai-rơ-len (1852 - 1855). - 513.

*Xanh - Giuy-xtơ* (Saint - Just), Lu-i Ăng-toan (1767 - 1794) - nhà hoạt động nổi tiếng của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ của phái Gia-cô-banh. - 146.

*Xanh - Pri-xtơ* (Saint - Priest), Em-ma-nuy-en Lu-i Ma-ri, tử tước (1789 - 1881) - viên tướng và nhà ngoại giao Pháp, theo phái chính thống, đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851). - 236.

*Xanh - Xi-mông* (Saint - Simon), Hăng-ri (1760 - 1825) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Pháp. - 33.

*Xát-lơ* (Sadleir), Giôn (1814 - 1856) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Ai-rơ-len, một trong những lãnh tụ của phái Ai-rơ-len ở nghị viện, năm 1853, là thứ trưởng tài chính. - 647, 648, 651, 661, 683.

*Xây* (Say), Giăng Ba-ti-xtơ (1767 - 1832) - nhà kinh tế học tư sản Pháp, đại biểu của khoa kinh tế chính trị tầm thường. - 147.

*Xcôn-phin-đơ* (Scholefild), Uy-li-am (1809 - 1867) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc phái cấp tiến tư sản, nghị sĩ. - 706.

*Xéc-van-tét Đờ Xa-vê-đra* (Cervantes De Saavedra), Mi-ghen (1547 - 1616) - nhà văn hiện thực chủ nghĩa vĩ đại I-ta-li-a. - 28, 95, 397, 401, 436.

*Xê-da* (Cai-út I-u-li-út Xê-da) (khoảng 100 - 44 trước công nguyên) - thống lĩnh nổi tiếng và nhà hoạt động quốc gia La Mã. - 146, 363, 394, 444, 561 - 562, 682.

*Xê-me-rơ* (Szemere), Béc-ta-lan (1812 - 1869) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Hung-ga-ri, bộ trưởng nội vụ (1848) và đứng đầu chính phủ cách mạng (1849); sau khi cách mạng thất bại rời khỏi Hung-ga-ri sống lưu vong. - 698, 720.

*Xi-môn* (Simon), Lút-vích (1810 - 1872) - luật sư vùng Tơ-ria, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; lưu vong sang Thụy Sĩ. - 447.

*Xi-xê-rôn* (Mác-cút I-li-út Xi-xê-rôn) (106 - 43 trước công nguyên) - nhà hùng biện xuất sắc và nhà hoạt động quốc gia La Mã, nhà triết học theo chủ nghĩa chiết trung. - 439, 608.

*Xi-xmôn-đi* (Sismondi), Giăng Sác-lơ Lê-ô-na *Xi-môn-đơ Đơ* (1773 - 1842) - nhà kinh tế học Thụy Sĩ, nhà phê bình chủ nghĩa tư bản thuộc giới tiểu tư sản. - 667, 716, 718.

*Xmít* (Smith), A-đam (1723 - 1790) - nhà kinh tế học người Anh, một trong những đại biểu lớn nhất của khoa kinh tế chính trị tư sản cổ điển. - 665.

*Xô-crát* (khoảng 469 - khoảng 399 trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của tầng lớp quý tộc chủ nô. - 364.

*Xô-mơ-dơ* (Somers), Rô-bớt (1822 - 1891) - nhà chính luận và nhà báo tư sản Anh. - 668.

*Xô-mơ-vin* (Somerville), Uy-li-am (1802 - 1873) - nhà hoạt động quốc gia Anh, theo đảng Vích, bộ trưởng phụ trách các vấn đề về Ai-rơ-len (1847 - 1852). - 483.

*Xpu-nơ* (Spooner), Ri-sớt (1783 - 1864) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Anh, theo đảng To-ri, nghị sĩ. - 706.

*Xta-đi-ôn* (Stadion), Phran-xơ, bá tước (1806 - 1853) - nhà hoạt động quốc gia Áo, một trong những kẻ tổ chức cuộc chiến đấu chống phong trào giải phóng dân tộc ở Ga-li-xi và Séc, bộ trưởng nội vụ (1848 - 1849). - 95.

*Xtáp-phớt* (Stafford), Giooc giơ Gran-vin *Lay-xơn Gô-e*, từ năm 1833 là công tước *Xa-thơ-len*, hầu tước (1758 - 1833) - đại địa chủ Xcốt-len. - 666.

*Xtê-phên* (Stephens), Giô-dép *Rây-nơ* (1805-1879) - linh mục Anh, trong những năm 1837-1839 tham gia tích cực vào phong trào Hiến chương ở Lan-kê-sia. - 711.

*Xtiu-ớt* (dòng họ) - triều vua thống trị ở Xcốt-len từ năm 1371 và ở Anh (1603 - 1649, 1660 - 1714). - 663, 664.

*Xtiu-ớt* (Stuart), huân tước Đa-đli (1803 - 1854) - nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng Vích, nghị sĩ; có liên hệ với các nhóm lưu vong quân chủ bảo thủ Ba Lan. - 720.

*Xtiu-ớt* (Steuart), Giêm-xơ (1712 - 1780) - nhà kinh tế học tư sản Anh, một trong những đại biểu cuối cùng của phái trọng thương. - 665, 666.

*Xtiu-ớt* (Stewart), Hu-xtơn (1791 - 1875) - thuỷ sư đô đốc Anh, thuộc đảng Vích, bộ trưởng hải quân (1850 - 1852). - 483.

*Xtơ-ra-xôn-đô* (Strassoldo), I-u-li-ớt Xô-đa, bá tước (1791 - 1855) - tướng Áo, tham gia đàn áp phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a những năm 1848 - 1849; năm 1853 trợ lý của nguyên soái Ra-đét-xki. - 696.

*Xu-lu-cơ* (Soulouque), Phau-xtin (khoảng 1782 - 1867) - tổng thống nước cộng hoà Ha-i-ti của người da đen, năm 1849 tự xưng là hoàng đế với tên gọi Phau-xtin I. - 276.

*Xuy* (Sue), Ô-gien (1804 - 1857) - nhà văn Pháp, tác giả của những tiểu thuyết tình cảm tiểu tư sản về các đề tài xã hội, nghị sĩ Quốc hội lập pháp (1850 - 1851). - 204, 603



# BẢN CHỈ DẪN TÊN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"*Abend-Post*" ("Bưu điện buổi chiều") (Béc-lin). - 352, 424.

"*Advertiser*" - xem "The Morning Advertiser".

"*Allgemeine Deutsche Zeitung*" ("Báo phổ thông Đức") (Niu Óóc). - 429.

"*Allgemeine Zeitung*" ("Báo phổ thông") (Au-xbuốc). - 139, 372.

"*L'Assemblée nationale*" ("Quốc hội") (Pa-ri). - 236.

"*The Athenaeum, Journal of Literature, Science and the Fine Arts*" ("A-tê-nê-um, tạp chí văn học, khoa học và nghệ thuật") (Luân Đôn). - 730.

"*Baltimore Wecker*" ("Người báo thức Ban-ti-mơ"). - 429, 447.

"*Berliner politisches Wochenblatt*" ("Tuần báo chính trị Béc-lin"). - 27.

"*Berlinische Monatsschrift*") ("Nguyệt san Béc-lin"). - 367

"*Bonner Zeitung*" ("Báo Bon"). - 343.

"*Bremer Tages - Chronik*" ("Tin tức hàng ngày Brê-men"). - 389, 402, 403.

"*Breslauer Zeitung*" (Báo Brê-xláp"). - 424.

"*The Builder*" ("Người xây dựng ") (Luân Đôn). - 730.

"*California Staats - Zeitung*" ("Công báo bang Ca-li-phoóc-ni-a") (Xan - Phran-xi-xcô). - 732, 741.

"*Le Constitutionnel*" ("Người lập hiến") (Pa-ri). - 276.

"*Correspondent*" - xem "Der Deutsche Correspondent".

"*The Daily News*" ("Tin tức hàng ngày") (Luân Đôn). - 289, 291, 487, 506 - 509, 513, 514, 646, 677, 680, 697, 708, 719, 724.

"*Der Deutsche Correspondent*" ("Phóng viên Đức") (Ban-ti-mo). - 429, 448, 449.

"*Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und kunst* " ("Niên giám nước Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật") (Lai-pzích). - 366, 368, 371.

"*Deutsche Londoner Zeitung*" ("Báo Đức ở Luân Đôn"). - 365, 385, 414.

"*Deutsche Schnellpost für Europäische Zustände, öffentliches und sociales Leben Deutschlands* " ("Tin nhanh nước Đức về tình hình châu Âu, về đời sống công

cộng và xã hội ở Đức") (Niu Óóc). - 384, 402, 403, 413 - 419, 429, 436, 447, 449.

*"Deutscher Zuschauer"* ("Khán giả Đức") (Man-hem, sau đó là Ba-lơ). - 362 - 366, 388, 389, 405, 411, 414.

*"Deutscher Zuschauer. Neue Folge"* ("Khán giả Đức. Tục bản") (Man-hem). - 363.

*"Deutsch - Französische Jahrbücher"* ("Niên giám Pháp - Đức") (Pa-ri). - 372.

*"Deutschland"* ("Nước Đức") (Xto-ra-xbua). - 394.

*"The Economist"* ("Nhà kinh tế học") (Luân Đôn). - 242, 246, 473, 475, 484, 493, 494, 504, 657, 660, 676 - 679, 718, 719.

*"The Examiner"* ("Người quan sát") (Luân Đôn). - 487, 509, 592.

*"Examiner and Times"* ("Người quan sát và thời đại") (Man-se-xtơ). - 647.

*"Frankfurter Journal"* ("Báo Phran-phuốc"). - 596.

*"Frankfurter Oberpostamts - Zeitung"* ("Báo bưu điện trung tâm ở Phran-phuốc"). - 698.

*"The Freeman's Journal"* ("Báo của người tự do") (Đu-blin). - 647, 651.

*"The Friend of India"* ("Người bạn của Ấn Độ") (Xê-ram-pu). - 499.

*"The Galway Mereury"* ("Sao thủy Gôn-uê"). - 716.

*"The Globe and Traveller"* ("Trái đất và nhà du hành") (Luân Đôn). - 515.

*"The Guardian"* ("Người bảo vệ") (Luân Đôn). - 512, 513.

*"Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst"* ("Niên giám Ha-lơ về các vấn đề khoa học và nghệ thuật Đức"). - 366, 368.

*"Herald"* - xem *"The Morning Herald"*.

*"Household Words"* ("Lời quen thuộc") (Luân Đôn). - 344.

*"The Hull Advertiser"* ("Người truyền tin Hun"). - 503, 515, 519.

*"The Illustrated London News"* ("Họa báo Luân Đôn"). - 356, 422.

*"L'Indépendance belge"* ("Độc lập của Bỉ" (Bruy-xen). - 404.

*"Jahrbücher"* - xem *"Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst"* và *"Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst"*.

*"Journal des Débats politiques et littéraires"* ("Báo tranh luận chính trị và văn học") (Pa-ri). - 158, 254, 721.

*"Karlsruher Zeitung"* ("Báo Các-lơ-xru-ê"). - 376, 379.

*"Kölnische Zeitung"* ("Báo Khuên"). - 140, 313, 378, 383, 416, 417, 510, 566, 580 - 584, 595, 600 - 604, 607, 618.

*"Der Kosmos"* ("Vũ trụ") (Luân Đôn). - 357, 412 - 416, 419.

*"The Lancet"* ("Đao chích") (Luân Đôn). - 496.



*"The Leader"* ("Lãnh tụ") (Luân Đôn). - 377, 509, 592, 697.

*"Lloyd's Weekly London Newspaper"* ("Tuần báo Lôi-đơ ở Luân Đôn). - 503.

*"Der Maikäfer, eine Zeitschrift für Nicht - Philister"* ("Con bọ dừa, tạp chí cho những người không hủ lậu") (Bon). - 337.

*"Manchester Times"* - xem "Examiner and Times".

*"Mannheimer Abendzeitung"* ("Báo buổi chiều Man-hem"). - 384, 422.

*"Le Messager de l'Assemblée"* ("Tin tức nghị viện") (Pa-ri). - 250.

*"Le Moniteur universel"* ("Báo thế giới") (Pa-ri). - 173, 210, 223, 224, 228, 255, 720.

*"The Morning Advertiser"* ("Người đưa tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 378, 509 - 511, 525, 528, 592, 607, 641, 646, 671, 677, 682, 719.

*"The Morning Chronicle"* ("Tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 410, 487, 514, 618, 641, 661, 698.

*"The Morning Herald"* ("Truyền tin buổi sáng") (Luân Đôn). - 512, 518, 641, 647, 661, 675.

*"The Morning Post"* ("Bưu điện buổi sáng") (Luân Đôn). - 514, 641, 719, 724, 727.

*"La Nation, organe quotidien démocrate socialiste"* ("Dân tộc, nhật báo dân chủ xã hội chủ nghĩa") (Bruy-xen). - 690.

*"Le National"* ("Báo dân tộc") (Pa-ri). - 158, 160, 168, 169, 205.

*"National - Zeitung"* ("Báo dân tộc") (Béc-lin). - 596.

*"Neue Preußische Zeitung"* ("Báo Phổ mới") (Béc-lin). - 376, 424, 508, 698.

*"Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie"* ("Báo mới vùng Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") (Khuên). - 92, 124, 134, 594, 597.

*"New - York Criminal - Zeitung"* ("Báo hình sự Niu Óóc"). - 744.

*"New - York Daily Tribune"* ("Diễn đàn Niu Óóc hàng ngày"). - 9, 13, 79, 459, 471, 480, 488, 492, 501, 507, 516, 522 - 524, 530, 537, 634, 636, 642, 649, 660, 669, 679, 688, 694, 705, 713, 722, 730.

*"New - Yorker Deutsche Zeitung, herausgegeben von Freunden des Fortschritts"* ("Báo Đức ở Niu Óóc, do những người bạn của sự tiến bộ xuất bản"). - 429, 447, 449.

*"New - Yorker Staatszeitung"* ("Báo nhà nước Niu Óóc). - 417, 429.

*"Northampton Mercuy"* ("Sao thuỷ Noc-tăm-ptơn"). - 650.

*"Notes to the People"* ("Tin ngắn cho nhân dân") (Luân Đôn). - 297 - 299, 312.

*"Oesterreichische Correspondenz"* ("Tin tức nước Áo") (Viên). - 726.

*"La Patrie"* ("Tổ quốc") (Pa-ri). - 404 - 408.

*"The People's Paper"* ("Báo Nhân dân") (Luân Đôn). - 459, 471, 473, 480, 488, 504 - 507, 509, 511, 592, 646, 669, 722.

*"Poole and Dorsetshire Herald"* ("Người truyền tin Pu-lơ và Đoóc-xét-si-a"). - 474.

*"Potteries Free Press"* ("Báo tự do của thợ gốm") (Xtốc-ôn-Trết). - 729.

*"La Presse"* ("Báo chí") (Pa-ri). - 205, 736.

*"Preussische Lithografische Correspondenz"* ("Tin tức in thạch của Phổ") (Béc-lin). - 440.

*"Le Proscrit journal de la République universelle"* ("Người bị trục xuất, tạp chí của nền Cộng hoà thế giới") (Pa-ri). - 389.

*"Punch, or the London Charivari"* ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"). - 730.

*"Racing Times"* ("Cuộc đua ngựa") (Luân Đôn). - 730.

*"Die Reform. Organ der demokratischen Partei"* ("Cải cách. Cơ quan của Đảng dân chủ") (Béc-lin). - 375, 376.

*"La Réforme"* ("Cải cách") (Pa-ri). - 374.

*"Die Revolution"* ("Cách mạng") (Niu Oóc). - 141.

*"Rheinische - Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe"* ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") (Khuên). - 29.

*"Schnellpost"* - xem *"Deutsche Schnellpost für Europäische Zustände, öffentliches und soziales Leben Deutschlands"*.

*"Seeblätter"* ("Tập san biển") (Công-xtăng-xơ). - 426.

*"The Spectator"* ("Khán giả") (Luân Đôn). - 487, 509, 592.

*Staatszeitung"* - xem "New Yorker Staatszeitung".

*"The Sun"* ("Mặt trời") (Luân Đôn). - 657.

*"The Tablet"* ("Ký sự") (Luân Đôn). - 651.

*"The Times"* ("Thời báo") (Luân Đôn). - 294, 298, 407, 478, 487, 508, 509, 528, 618, 641, 643, 651, 654, 670 - 673, 676, 682, 694, 699, 700, 726 - 730.

*"Tribune"* - xem *"New - York Daily Tribune"*.

*"L'Univers religieux, philosophique, politique, scientifique, et littéraire"* ("Thế giới tôn giáo, triết học, chính trị, khoa học và văn học") (Pa-ri). - 683.

*"Wecker"* - xem *"Baltimore Wecker"*.

*"The Weekly Dispatch"* ("Tin nhanh hàng tuần") (Luân Đôn). - 298.

*"Westamerikanische Blätter"* ("Tập san miền Tây Mỹ"). - 427.

*"Wiener Zeitung"* ("Báo Viên"). - 83, 695.

*"Wochenblatt der Deutschen Schnellpost"* ("Tuần báo tin nhanh Đức") (Niu Oóc). - 418, 439.

*"Wochenblatt der New – Yorker Deutschen Zeitung"* ("Tuần san của báo Đức ở Niu Oóc"). - 437.



# MỤC LỤC

*Lời Nhà xuất bản* 7 - 8

Ph. Ăng-ghen. Cách mạng và phản cách mạng ở Đức 9 - 138

I. Nước Đức vào đêm trước cách mạng 11 - 22

II. Quốc gia Phổ 23 - 34

III. Những quốc gia khác của Đức 35 - 40

IV. Nước Áo 41 - 48

V. Cuộc khởi nghĩa ở Viên 49 - 52

VI. Cuộc khởi nghĩa ở Béc-lin 53 - 58

VII. Quốc hội Phran-phuốc 59 - 64

VIII. Người Ba Lan, người Séc và người Đức 65 - 69

IX. Chủ nghĩa đại Xla-vơ. Cuộc chiến tranh Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ... 70 - 74

X. Cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri. Quốc hội Phran-phuốc... 75 - 79

XI. Cuộc khởi nghĩa ở Viên... 80 - 86

XII. Cuộc tấn công chiếm Viên. Sự phản bội Viên... 87 - 96

XIII. Hội nghị lập hiến Phổ. Quốc hội... 97 - 102

XIV. Việc khôi phục lại trật tự. Quốc hội Đức và các nghị viện... 103 - 109

XV. Thắng lợi của nước Phổ 110 - 114

XVI. Quốc hội và các chính phủ 115 - 119

XVII. Cuộc khởi nghĩa 120 - 125

XVIII. Những người tiểu tư sản 126 - 131

XIX. Kết cục của cuộc khởi nghĩa 132 – 138

C.Mác. Tuyên bố. *Ngày 4 tháng Mười 1851...* 139 - 140

C.Mác. Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ... 141 - 277

I. 145 - 157

II. 158 - 173

III. 174 - 193
IV. 194 - 207
V. 208 - 231
VI. 232 - 257
VII. 258 - 277
Ph. Ăng-ghen. Nước Anh 278 - 293
I... 278 - 288
II... 289 - 293
C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Thư gửi tổng biên tập tờ "Times" 294 - 296
Ph. Ăng-ghen. Những nguyên nhân thực gây ra tính thụ động tương đối của những người vô sản Pháp vào tháng Chạp năm ngoái... 297 - 312
I... 297 - 301
II... 302 - 305
III... 309 - 312
C. Mác. Tuyên bố gửi ban biên tập tờ "Kölnische Zeitung" 313
C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Những vĩ nhân của giới lưu vong 315 - 450
I. 317 - 341
II... 342 - 350
III... 351 - 355
IV... 356 - 359
V. 360 - 378
VI. 379 - 386
VII. Gu-xtáp và hội ăn chay 387 - 388
VIII... 389 - 392
IX... 393 - 401
X... 402 - 408
XI... 409 - 419
XII... 420 - 427
XIII... 428 - 445
XIV... 446 - 448
XV... 449 - 450
C.Mác. Cuộc bầu cử ở Anh. - Đảng To-ri và đảng Vích 451 - 459
C.Mác. Phái Hiến chương 460 - 471



C.Mác. Tệ hối lộ trong bầu cử 472 - 480
C.Mác. Kết quả bầu cử 481 - 488
C.Mác. Hoạt động của Mát-di-ni và Cô-sút. - Liên minh với Lu-i - Na-pô-lê-ông. - Pan-mác-xtơn. 489 - 492
C.Mác. Sự bần cùng và mậu dịch tự do. - Cuộc khủng hoảng thương nghiệp đang đến gần 493 - 501
C.Mác. Hậu quả chính trị của sự hưng thịnh về thương mại 502 - 507
C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Tuyên bố gửi ban biên tập các tờ báo Anh 508 - 509
C.Mác. Tuyên bố gửi tổng biên tập báo "Morning Advertiser" 510 - 511
C.Mác. Các đảng phái và triển vọng chính trị 512 - 516
C.Mác. Những mưu đồ thành lập một đảng đối lập mới 517 - 522
C.Mác. Cô-sút. Mát-di-ni và Lu-i - Na-pô-lê-ông 523 - 524
C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Tuyên bố cuối cùng về vụ án mới dây ở Khuên 525 - 528
C.Mác và Ph. Ăng-ghen. Vụ án mới dây ở Khuên 529 - 537
C.Mác. Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên 539 - 625
I. Những nhận xét sơ bộ... 543 - 549
II. Tài liệu lưu trữ của Đít-xơ 550 - 554
III. Âm mưu của Sê-van 555 - 572
IV. Sổ biên bản gốc 573 - 605
V. Bức thư kèm theo "Kính bốn đề" 606 - 608
VI. Phái Vi-lích - Sáp-pơ 609 - 617
VII. Bản án... 618 - 625
C.Mác. Nghị viện. - Cuộc biểu quyết ngày 26 tháng Mười một. - Ngân sách của Đi-xra-e-li 626 - 634
C.Mác. Trả lời "thư ký" của Cô-sút 635 - 636
C.Mác. Thất bại của nội các 637 - 642
C.Mác. Nội các lỗi thời - Tiến độ của nội các liên hiệp và v.v... 643 - 649.
C.Mác. Triển vọng chính trị. - Sự phồn vinh của thương nghiệp. - Trường hợp chết đói... 650 - 660
C.Mác. Bầu cử. - Những khó khăn về tài chính. - Công tước phu nhân Xa-thơ-len và chế độ nô lệ 661 - 669
C.Mác. Tội tử hình. - Tiểu phẩm của ông Cốp-đen. - Những hiện pháp của Ngân hàng Anh 670 - 679

C.Mác. Quốc phòng. - Tài chính. - Sự chết dần chết mòn của giới quý tộc. - Tình hình chính trị... 680 - 688
C.Mác. Khởi nghĩa ở I-ta-li-a. - Chính sách của nước Anh... 689 - 694
C.Mác. Vụ mưu sát Phran-txơ - I-ô-xíp. - Khởi nghĩa ở Mi-la-nô. - Chính sách của nước Anh. - Diễn văn của Đi-xra-e-li. - Di chúc của Na-pô-lê-ông... 695 - 705
C.Mác. Những cuộc tranh luận ở nghị viện. - Giới tăng lữ và cuộc đấu tranh đòi ngày lao động 10 giờ. - Nạn chết đói... 706 - 713
C.Mác. Di dân cưỡng bách. - Cô-sút và Mát-di-ni. - Vấn đề những người lưu vong. - Những vụ mua chuộc trong bầu cử tại Anh. - ông Cốp-đen... 714 - 722
C.Mác. Cô-sút và Mát-di-ni. - Âm mưu của chính phủ Phổ. - Hiệp ước thương mại Áo - Phổ. - Tờ "Times" và những người lưu vong... 723 - 730



## PHỤ LỤC

Phiên họp của Ban chấp hành trung ương ngày 15 tháng Chín 1850 733- 739
Lời kêu gọi cứu trợ những bị cáo ở Khuên 740 - 741
Lời kêu gọi cứu trợ những đại biểu của giai cấp vô sản bị kết án ở Khuên và gia đình họ... 742 - 744
*Chú thích...* 747 - 802
*Thân thế và sự nghiệp của C.Mác và Ph. Ăng-ghen* 803 - 819
*Bản chỉ dẫn tên người* 820 - 872
*Bản chỉ dẫn tên các xuất bản phẩm định kỳ* 873 - 876

## PHỤ BẢN

Một phần trang báo "New - York Daily Tribune" đăng một bài rút ra từ tập "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức"... 112 - 113
Bìa phụ của tạp chí "Die Revolution" đăng lần đầu tiên tác phẩm của C.Mác "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ"... 143 - 144
Bìa phụ của tạp chí "Notes to the People" trong đó có công bố bài của Ph. Ăng-ghen "Những nguyên nhân thực gây ra tính thụ động tương đối của những người vô sản Pháp vào tháng Chạp năm ngoái" 307 - 308
Một trang trong bản thảo tác phẩm "Những vĩ nhân của giới lưu vong" 402 - 403
Bìa phụ của lần xuất bản đầu tiên tác phẩm của C.Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" xuất bản ở Ba-đen 541 - 542
Bìa phụ cuốn sách của C.Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" xuất bản ở Bô-xtơn năm 1853 611 - 612
Một phần trang báo "People's Paper" có đăng bài của C.Mác "Công tước phu nhân Xa-thơ-len và chế độ nô lệ" (trên tờ "People's Paper" bài báo có nhan đề "Xa-thơ-len và chế độ nô lệ hay công tước phu nhân ở đất nước mình") 663 - 664

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TRỊNH THÚC HUỲNH

*Biên tập:* NGUYỄN PHÚC KHÁNH
LÊ XUÂN TIỀM
PHẠM DUY KIÊN
VŨ ĐÌNH THẮNG
KHUẤT MINH HOA

*Sửa bài:* Ban sách kinh điển

*Trình bày, bìa:* NGHIÊM THÀNH